

Hồi ký:

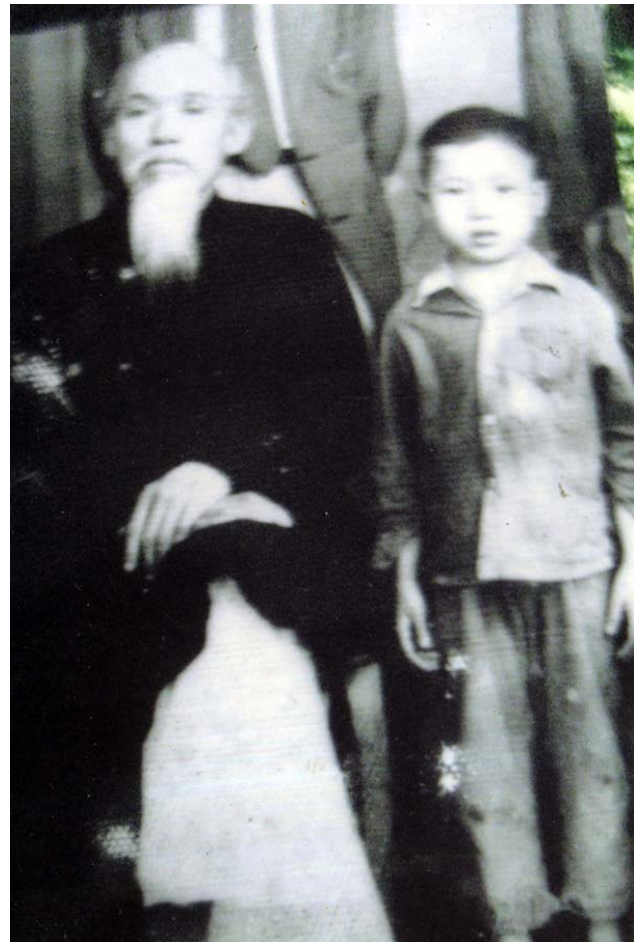
## Tôi Tìm Tự Do

Hữu Nguyên

Tôi là Nguyễn Hữu Chí, sinh ra và lớn lên ở Miền Bắc, từng có hơn một năm phải đội nón cối, đi dép râu, theo đội quân Việt Cộng xâm lăng Miền Nam. Trong những năm trước đây, khi cuộc đấu tranh bảo vệ chính nghĩa của cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản tại Úc còn minh bạch, lẫn ranh quốc cộng còn rõ ràng, tôi hoàn toàn tin tưởng và sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu, thế lực của cộng sản. Nhưng gần đây, có những dấu hiệu rõ ràng chứng tỏ, những thế lực chìm nổi của cộng sản tại Úc đang tìm cách xóa bỏ lẫn ranh quốc cộng, đồng thời thực hiện âm mưu làm suy yếu sức mạnh đấu tranh của người Việt hải ngoại. Trong hoàn cảnh đấu tranh ngày càng khó khăn đó, tôi thấy mình chỉ có thể đi tiếp con đường mình đã chọn khi được quý độc giả hiểu và tin tưởng. Vì vậy, tôi viết hồi ký này, kể lại một cách trung thực cuộc đời đầy đau khổ, uất ức và ân hận của tôi khi sống trong chế độ cộng sản, cũng như những nguy hiểm, may mắn khi tôi tìm tự do.... Trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn trên nhiều phương diện, lại phải vừa duy trì tờ báo, vừa tham gia các sinh hoạt cộng đồng, vừa tìm cách "mưu sinh, thoát hiểm" giữa hàng chục "lẩn tên đường đạn", nên hồi ký này có rất nhiều thiếu sót. Kính mong quý độc giả thông cảm bỏ qua, hoặc đóng góp nếu có thể.



Người Mẹ nhiều khổ đau của tôi... Mẹ qua đời năm 2008, hưởng thọ 96 tuổi. Lúc lâm chung Mẹ vẫn thều thào... "Chí ơi... con đi đâu mà mãi không về?..." Tôi chỉ được dự tang lễ Mẹ, bốc mộ, lễ giỗ hay thăm mộ Mẹ... qua phôn. Hình trên Mẹ chụp năm 1998.



Cha già năm 60 tuổi và tôi lên 9 tuổi. Tuy sống trong cảnh gà trống nuôi con, lại thiếu thốn, đói khát cùng cực, nhưng Cha tôi lúc nào cũng yêu thương, nhường nhịn cho tôi mọi thứ. Suốt mấy chục năm qua, mỗi khi nghĩ tới Cha già là tôi lại rung rung nước mắt, mỗi khi nhắc đến Cha già là tôi lại nghẹn ngào...



Hình tôi năm 1974

## KỶ 1

Tôi tên thật là Nguyễn Hữu Chí. Tên này do cha mẹ tôi đặt ngay từ khi sinh ra tôi. Sau này lớn lên, đi học, đi bộ đội ở ngoài Bắc; đi chiêu hồi, đi làm ở Nha Công Tác, Bộ Chiêu Hồi, dưới quyền của anh Võ Đại Tôn ở trong Nam, rồi đến khi bị cộng sản bắt đi tù cải tạo, vượt biên đến Hồng Kông, rồi đến Úc... lúc nào tôi cũng dùng tên thật do cha mẹ đặt. Chỉ có những ngày tháng tôi vượt ngục tù cải tạo, phải ngủ bờ ngủ bụi, trốn chui trốn nhủi từ Nam ra Bắc trong thời gian 2 năm từ 1977 đến 1979, tôi mới dùng nhiều tên giả với nhiều giấy tờ tùy thân khác nhau, mà không dám dùng tên thật. Đến khi sang Trung Cộng xin tỵ nạn chính trị, tôi cũng không dám dùng tên thật, vì tôi sợ cộng sản Trung quốc cũng nguy hiểm như cộng sản Việt Nam, nên tôi lấy tên là Phạm Thái Lai. Phạm là họ người anh rể tôi lúc đó đã định cư tại Úc; còn Thái Lai là tên của người cháu gọi tôi bằng cậu, sống ở Võ Di Nguy, Phú Nhuận. Đây cũng là

nơi tôi sống những ngày tháng hạnh phúc với gia đình người chị ruột, sau khi rời khỏi trung tâm chiêu hồi Thị Nghè.

Trong suốt thời gian khoảng 6 tháng ở Trung Cộng, tôi quen biết nhiều bạn bè người Việt, người Hoa, và ai ai cũng chỉ biết tôi là Phạm Thái Lai, gọi theo tiếng Quảng là Phàn Thai Lôi. Đến khi vượt biển đến Hồng Kông, xứ sở của tự do, tôi hết sợ hãi mọi sự rủi ro, nên tôi khai tên thật Nguyễn Hữu Chí. Lúc đó, mấy người bạn cùng vượt biên từ Trung Cộng rất ngạc nhiên khi thấy tôi thay đổi tên họ, và cho đến bây giờ, nhiều người vẫn gọi tôi là Thái Lai.

Sau này, khi tới Úc, tên họ đảo ngược, dấu mũ bỏ hết, nên từ cái tên Nguyễn Hữu Chí, tôi phải viết thành Huu Chi Nguyen, rồi dần dần chỉ còn Huu Nguyen, cho gọn. Khoảng giữa thập niên 1980, tôi được anh Nhất Giang nhận vô làm việc cho báo Chiêu Dương. Lúc đó, tôi thường viết mỗi tuần 5 bài thời sự và 5 bài khoa học. Một ngày nọ, anh Nhất Giang bảo tôi lấy một hai bút hiệu cho những thể loại khác nhau, nên tôi đổi tên Huu Nguyen thành bút hiệu Hữu Nguyên khi viết bài thời sự; và bút hiệu Phạm Thái Lai cho những bài khoa học.

Tôi hơi dài dòng về cái tên của tôi là vì tôi muốn những ân nhân, bạn hữu, người thân của tôi, ở khắp mọi nơi, nếu một ngày nào đó, có tình cờ đọc được những dòng chữ này, thì xin hãy hiểu, Phạm Thái Lai và Nguyễn Hữu Chí chỉ là tên của một người Việt Nam đã sống những ngày tháng bất hạnh trong chế độ cộng sản, nhưng nhờ tình thương yêu và sự giúp đỡ của cha mẹ, anh chị em trong gia đình; của thầy cô giáo, của ân nhân, bạn bè, mà rồi có được những may mắn, đặt chân tới Miền Nam tự do, và sau này tới được nước Úc tự do.

Tuy thời gian tôi được sống hạnh phúc trên mảnh đất Miền Nam tự do chỉ có mấy năm, nhưng đó là những năm tháng tuyệt vời. Tôi được ngập lặn trong trong sách vở, được trò chuyện với những người dân Miền Nam chân thật, đôn hậu, giàu lòng nhân ái đối với cả chim muông, cầm thú, cỏ cây, gỗ đá... Sau này, trong những ngày tháng trốn khỏi trại cải tạo, tìm đường vượt biên, tôi mới thấy thấm thía tấm lòng thương người bất chấp nguy hiểm của người Miền Nam. Hai chữ Miền Nam tôi nói đến ở đây có tính địa dư và chính trị. Nghĩa là tất cả những người dân lớn lên trong xã hội Miền Nam tự do, từ vĩ tuyến 17 trở vô, ai ai cũng có tình, có nghĩa, sẵn sàng cưu mang, giúp đỡ một người tù cải tạo vượt ngục, nghèo khổ, và nguy hiểm như tôi, cho dù tôi với họ không hề quen biết, thậm chí ngay cả tên họ, cũng không bao giờ nghe đến...

Đã mấy chục năm trôi qua, nhưng bây giờ, khi viết những dòng chữ này, tôi lại thấy những kỷ niệm cũ, những bóng hình xưa, sống lại một cách linh động, thương cảm, nhưng nhớ đến vô cùng....

Tôi sinh ra và lớn lên ở Miền Bắc suốt 20 năm trời. Ở đó, có không biết bao nhiêu người thân thương ruột thịt, bạn hữu của tôi. Nhưng kể từ khi trốn khỏi trại cải tạo, tìm đường vượt biên, tôi đi lại ngang dọc ở Miền Nam, lúc nào cũng thoải mái tự tin, như cá bơi trong nước. Gặp bất cứ người dân Miền Nam nào trên một chuyến xe lam, xe đò, hay trong quán nước, tôi đều tin tưởng thổ lộ mình là một người tù cải tạo trốn trại. Và lần nào cũng thế, khi nghe tôi nói vậy, họ đều giúp đỡ tôi một cách chí tình, cho dù họ, trong những năm tháng đảo điên dưới sự cai trị của cộng sản, cũng rất nghèo khổ, bấp bênh như tôi. Với Miền Nam thì như vậy, nhưng khi đặt chân đến Miền Bắc, quê hương của tôi, tôi đã sống những ngày tháng nơm nớp lo âu, không dám nói thật hoàn cảnh trốn tù cải tạo của mình, ngay cả với những người ruột thịt trong gia đình, hay bằng hữu thuở xưa. Trong suốt những ngày tháng lẩn trốn ở Miền Bắc, tôi chỉ dám nói thật hoàn

cảnh của mình với mẹ và em gái. Ngoài ra, lúc nào tôi cũng phải mang một mặt nạ, một lý lịch giả với những giấy tờ giả. Tôi sống trên quê hương của tôi mà giống như con cá mắc cạn, như chim phải cung... Cuộc đời của tôi phải xa mẹ ngay từ khi tôi còn rất bé. Sau này, qua những câu chuyện thầy tôi kể với cụ Đồ Tường hay ông Lang An, ông Tổng Tu (thông gia), tôi biết được, trong những ngày tháng chiến tranh đầy bom đạn của đầu thập niên 1950, thầy tôi phải thường xuyên bế tôi đi xin sữa của những người mẹ mới đẻ con trong làng Đồng Văn, hay những làng lân cận. Tuổi thơ ấu của tôi không được bú ẵm bằng sữa của mẹ mình, mà bằng sữa của những người mẹ, người dì, người cô, người bác trong làng... Phải chăng vì lớn lên nhờ sữa của thiên hạ, nên tôi là một người rất dễ xúc động, rất dễ khóc khi đọc chuyện hay nghe kể những chuyện thương tâm, dù trong lòng tôi lúc nào cũng muốn làm người can đảm, dũng cảm, sẵn sàng cứu khổ, phò nguy.

Tôi nhớ vào khoảng giữa thập niên 1980, khi đó tôi còn đi làm hăng. Một ngày nọ, chở vợ con đi shop, tôi mua tờ báo Việt Luận, đọc bài tường thuật thảm cảnh người Việt tỵ nạn bị hải tặc Thái Lan cưỡng hiếp, tôi đã khóc... thật ngon lành. Sau này làm báo, đọc những tin tức thương tâm ở quê nhà, tôi cũng thường đọc to cho vợ nghe, để rồi thấy chính giọng của mình bị lạc, cổ bị nghẹn, mắt rưng rưng vì không giấu nổi xúc động...

Thầy tôi mất khi tôi đang sống ở Miền Nam, nhưng tôi không hề biết. Vì thương thầy, muốn về gặp mặt thầy, nên trong những ngày cuối tháng 4 năm 1975, biết ở lại là vô cùng nguy hiểm, trong khi bạn bè cùng hoàn cảnh chiêu hồi, trong đó có bạn làm cho Hoàn Cầu Khải Tượng, đến rủ tôi đi, điều kiện đi lại dễ dàng, nhưng tôi nhất mực từ chối. Đầu tháng 5, 1975, tôi dùng giấy tờ giả, trở về Miền Bắc. Về đến Hà Nội, tôi mới biết được tin thầy tôi đã mất. Tối hôm đó, tôi phải đáp chuyến tàu đêm để lên lút về thăm mộ thầy. Đêm hôm đó, trời mưa tầm tã. Tôi đứng ở bậc lên xuống của tàu, trong cái lạnh lẽo, cô đơn, nghĩ đến thầy tôi sống khổ sở, thiếu thốn trong những năm tháng cuối cùng của cuộc đời, đến số phận bấp bênh của tôi, trong hoàn cảnh tang thương của đất nước, tôi đã khóc...

Bước ngoặt lớn nhất trong đời tôi đã xảy ra đúng vào mùa hè đỏ lửa năm 1972, khi tôi quyết định từ vùng núi ở động Ông Đơ nhằm thẳng hướng thị xã Quảng Trị để đi chiêu hồi. Lúc đó, tôi chưa hề nghe, hay biết đến hai chữ "chiêu hồi". Nhưng qua những lần kể chuyện của thầy tôi, tôi biết, ở mảnh đất Miền Nam, tôi có rất nhiều họ hàng, thân thích nội ngoại, trong đó có 5 bà chị đang sống ở Sài Gòn, Vũng Tàu, Biên Hoà. Năm 1954, khi đất nước bị chia cắt, cả 5 bà chị, lúc đó đều có gia đình, đã lần lượt vô Nam. Riêng thầy tôi, vì còn mẹ già, tức bà nội tôi, tuổi đã ngoài 90, nên ông cụ nhất định ở lại để phụng dưỡng mẹ, không chịu vô Nam. Thầy tôi lo, bà nội tuổi đã cao, sức lại yếu, lỡ mệnh hệ gì nơi đất khách, thì thật ân hận. Ông nội bà nội tôi chỉ có thầy tôi là con trai. Khi lấy người vợ đầu tiên, thầy tôi có được 5 người con gái, không có người con trai nào. Vì vậy, thầy tôi lấy vợ hai, nhưng bà cũng chỉ sanh được một người con trai. Kết quả, thầy tôi phải lấy thêm người vợ ba, là mẹ tôi. Năm 1954, khi các bà chị vô Nam, thầy tôi ở lại, nên cả hai người con trai, đều phải ở lại đất Bắc. Khi đó, tôi mới 4 tuổi. Quyết định của thầy tôi lúc đó, khiến tôi phải ở lại Miền Bắc, phải trải qua những năm tháng khổ đau, thiếu thốn, mất tự do, và bị guồng máy tuyên truyền của cộng sản giáo dục đầu độc. Đây là một sự bất hạnh cho tôi, nhưng cũng là một sự may mắn, vì nhờ sống trong chế độ cộng sản, hiểu rõ những xấu xa, đê tiện, nham hiểm và tàn nhẫn bất nhân của chế độ đó, nên suốt cuộc đời tôi, từ khi tôi biết nghĩ và hiểu rõ cộng sản, tôi không bao giờ có ảo tưởng về chủ nghĩa, lý thuyết cũng như con người cộng sản. Nếu tôi không sống trong chế độ cộng sản 20 năm, biết đâu, tôi cũng sẽ ngây thơ, vô bưng chạy theo cộng sản, hoặc đại dột ăn phải bả cộng sản, cả nửa cuộc đời...

## KỶ 2

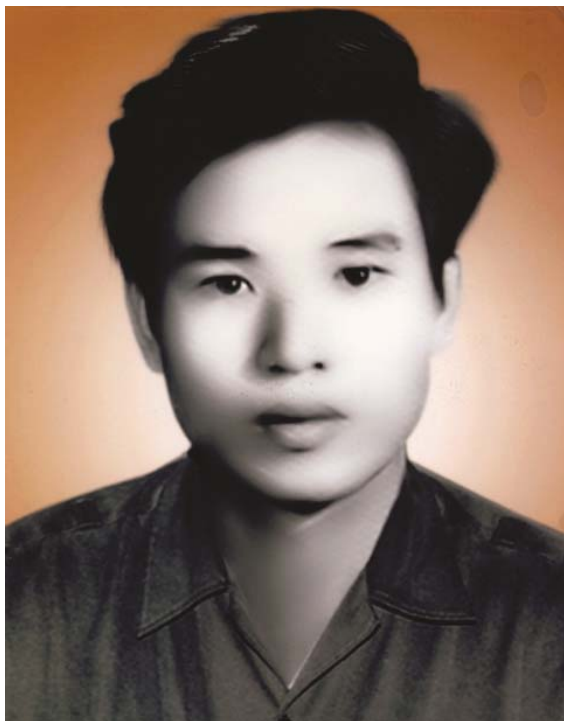
Tuần qua, đi Hội Chợ Tết, được gặp gỡ, trò chuyện với một số vị thân hữu trong cộng đồng, trong đó có nhiều vị hỏi tôi, tại sao làm báo đã bao nhiêu năm, mà bây giờ mới viết hồi ký? Để trả lời những vị đó, và cũng là để trả lời chung những thắc mắc của quý độc giả, tôi xin thưa nguyên do chính như sau.

Kể từ khi bắt đầu làm tờ báo Sài Gòn Times vào đầu năm 1993 cho đến nay, nhiều người đã nghi ngờ tôi là Việt Cộng. Tôi không hề bao giờ coi những nghi ngờ đó là "chụp mũ, vu khống", vì tôi hiểu, những ai có nghi ngờ đó, đều hợp lý và chính đáng. Bản thân tôi tự xét, lý do đầu tiên khiến nhiều người dễ nghi ngờ tôi, vì quá khư, tôi là một người đã sinh ra và lớn lên ở Miền Bắc, từng có hơn một năm phải đội nón cối, đi dèp râu, theo đội quân Việt Cộng xâm lăng Miền Nam. Thêm vào đó, kể từ khi làm tờ báo Sài Gòn Times, vì theo đuổi mục tiêu phụng sự cho chính nghĩa của người Việt tỵ nạn cộng sản và xây dựng, bảo vệ cộng đồng, nên đôi khi tôi ngây thơ và tin tưởng mọi người đã hiểu tôi, nên tôi viết bài mạnh dạn nói thật, nói thẳng những suy nghĩ của mình. Người bình thường nói thật nói thẳng đã dễ bị mất lòng, thì một người có quá khư dèp râu nón cối mà nói thật, nói thẳng, dĩ nhiên sẽ càng dễ bị nghi ngờ.

Ngoài ra, tôi được biết, cộng sản cũng tìm đủ mọi cách giảm thiểu hiệu quả chống đối trên báo Sài Gòn Times bằng cách phao vu, ngụy tạo đủ những tin tức thất thiệt về tôi, về tờ báo. Trong những năm trước đây, khi cuộc đấu tranh bảo vệ chính nghĩa của cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản còn minh bạch, lần ranh quốc cộng còn rõ ràng, tôi hoàn toàn tin tưởng và sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu, thế lực của cộng sản. Nhưng gần đây, có những dấu hiệu rõ ràng cho thấy, những thế lực chìm nổi của cộng sản tại Úc đang tìm cách xóa bỏ lần ranh quốc cộng, đồng thời thực hiện âm mưu làm suy yếu sức mạnh đấu tranh của người Việt hải ngoại.

Trong hoàn cảnh đấu tranh ngày càng khó khăn đó, tôi thấy mình chỉ có thể đi tiếp con đường mình đã chọn khi được mọi người hiểu và tin tưởng. Vì vậy, tôi thấy đã đến lúc cần phải nói rõ về cuộc đời đầy đau khổ, uất ức và ân hận của mình khi sống trong chế độ cộng sản, để quý độc giả thấy được, khi nào còn chế độ cộng sản trên quê hương Việt Nam, khi đó, dân tộc Việt Nam còn trầm luân, khổ khổ. Giữa thế kỷ 20, cộng sản Việt Nam, với sự tiếp tay của cộng sản quốc tế, đã chiến thắng trong cuộc cướp chính quyền và đô hộ Miền Bắc. Nửa cuối thế kỷ 20, cộng sản Việt Nam, cũng với sự tiếp tay của cộng sản quốc tế, tiếp tục chiến thắng trong cuộc xâm lăng và đô hộ Miền Nam. Cả hai lần chiến thắng của cộng sản chỉ đưa dân tộc Việt Nam đến bên bờ của tuyệt vọng, và những giá trị tinh thần, cùng nền văn hiến mấy ngàn năm của dân tộc bị băng hoại.

Vì vậy, trong hồi ký của mình, tôi cũng muốn kể lại những gian nan nguy hiểm, những may mắn, cùng những thương yêu đùm bọc, những tấm lòng nhân ái, đôn hậu vô bờ bến của những người người dân Miền Nam mà tôi đã trải qua trên đường vượt thoát chế độ cộng sản tìm tự do. Qua đó, tôi tha thiết hy vọng, tất cả những ai được sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Miền Nam, đều thấy may mắn và tự hào với những giá trị nhân bản mà họ đã được áp ủ, được bồi đắp. Và chính những giá trị nhân bản này sẽ là những yếu tố quan trọng làm hồi sinh đất nước, giúp cho dân tộc ta phát triển, sánh vai với các quốc gia trên thế giới.



*Tôi năm 1972, khi mới đặt chân tới Sài Gòn*

#### **TỪ ĐỘNG ỒNG ĐỒ ĐẾN ĐÒN CẢNH SÁT DÃ CHIẾN**

Đầu năm 1972, cộng sản Hà Nội một lần nữa, chuẩn bị ráo riết mở chiến dịch xâm lăng VNCH thật quy mô. Tại mặt trận Quảng Trị, Thừa Thiên, Cộng sản tập trung 3 sư đoàn chính quy trong đó có sư đoàn 324B. Lúc đó tôi chỉ là người lính binh nhì thuộc đại đội thông tin hữu tuyến của sư đoàn 324B. Đơn vị của tôi được lệnh tiến lên Động Ông Đồ, một căn cứ pháo binh của QLVNCH lúc đó đã triệt thoái. Tuy trước đó khoảng nửa năm, tôi đã theo sư đoàn 324B vô tận vùng rừng núi Nam Lào, rồi trở ra Bắc, nhưng đây là lần đầu tiên tôi được nhìn thấy quân trang, quân dụng của QLVNCH. Và chính những cuốn sách truyện, những trang báo, những tờ tạp chí, cùng những tấm hình, những vật dụng cá nhân, vứt bừa bãi trên Động Ông Đồ vào thời gian đó, đã giúp tôi thấy được cuộc sống tự do của người dân, người lính VNCH. Điều này đã giúp tôi quyết định đi tìm tự do.

Điều quan trọng nữa khiến tôi đi tìm tự do là lúc đó, tôi thật ngạc nhiên và hoảng sợ khi chính mắt tôi chứng kiến

những người bộ đội thuộc đại đội bộ binh, không phải binh chủng pháo binh, xúm vô mây mò, sử dụng những khẩu pháo 105 ly, bắn bừa bãi về phía thị xã Quảng Trị. Tôi không biết những viên đạn pháo 105 ly trong những ngày "mở màn mùa hè đỏ lửa" đó, có gieo tai tóc tang thương cho người dân Miền Nam nào không, nhưng chỉ nhìn những người lính bộ đội hò hét, cười đùa, nhẩy múa bên cạnh 3 khẩu pháo 105 ly, coi những phương tiện giết người bừa bãi đó như những đồ chơi, tôi hiểu rằng, cuộc chiến tranh của người cộng sản không những là cuộc chiến xâm lăng, mà còn là cuộc chiến gây tội ác bừa bãi. Chính những gì tôi được chứng kiến trong những ngày ngắn ngủi tại Động Ông Đồ, đã khiến tôi thêm quyết tâm rời bỏ hàng ngũ cộng sản bằng mọi giá.

Những rời Động Ông Đồ như thế nào để không bị chỉ huy và những người bộ đội khác phát hiện? Và trong hoàn cảnh hai bên đang giao tranh quyết liệt như vậy, liệu khi gặp tôi trong bộ đồ bộ đội, nón cối dép râu, những người lính, người dân VNCH có chịu để tôi sống hay không? Nếu tôi đi ban ngày, tôi dễ dàng trở

thành mục tiêu cho cả hai bên. Nếu tôi đi ban đêm, sự bất ngờ xuất hiện trong đêm tối của tôi cũng cực kỳ nguy hiểm. Và liệu tôi có nên mang theo súng, lựu đạn, hay chỉ đi chân tay không? Nhất là chiếc nón cối trên đầu là dấu hiệu vô cùng nguy hiểm, khiến tôi có thể ăn đạn dễ dàng, trước khi tôi kịp thốt nên lời... Từ Động Ông Đồ, ban ngày cũng ban đêm, tôi nhìn về hướng đông và thấy được thị xã Quảng Trị. Ban ngày thì nhìn thấy thị xã ở xa tít tắp chân trời. Ban đêm thì ở đó là cả một vùng ánh sáng hắt lên, đầy quyến rũ. Tôi giống như một con thiêu thân, khao khát ánh sáng tự do. Và tôi hiểu, với tấm lòng chân tình của tôi, với quá khứ cuộc đời đau khổ của tôi, với những kinh nghiệm đau thương của một người cha bị đầu tở địa chủ, và 5 người chị ruột đang ở trên mảnh đất Miền Nam, tôi tin tưởng, một khi tôi đặt chân trên vùng đất tự do của Miền Nam, tôi sẽ được đối xử tử tế trong vòng tay thương yêu của những người bạn, những người anh, người chú, người bác.... Tôi là con thiêu thân đam mê tìm đến vùng ánh sáng tự do, nhưng sẽ không chết gục như con thiêu thân, mà sẽ được lột xác để hóa thành bướm...

Tôi vừa nói đến ba chữ "thêm quyết tâm", vì từ khi bước vào tuổi 17, 18, tôi đã nung nấu quyết tâm từ bỏ chủ nghĩa cộng sản bằng mọi giá...

Là một thanh niên sinh ra và lớn lên trong xã hội Miền Bắc, tôi đã bị guồng máy tuyên truyền của cộng sản nhồi nhét hầu như mỗi ngày, mỗi giờ, từ lúc trên ghế nhà trường cho đến khi ra ngoài xã hội, từ trong sách vở giáo dục, đến phim ảnh, thơ văn. Tấm lòng ngây thơ trong trắng của tôi đã được chế độ cộng sản nhào nặn một cách tinh vi, từng bước từng bước, từ nhỏ đến lớn, khiến tôi ngây thơ đĩnh ninh tất cả những người địa chủ đều là những kẻ cùng hung cực ác, gây nên không biết bao nhiêu tội lỗi cho những người nông dân nghèo khổ. Tin tưởng như vậy, nên tôi đã sống trong mặc cảm của một người có tội, vì cha của tôi trong thời cải cách ruộng đất cũng là một người bị quy tội địa chủ, bị đầu tở, và ông cụ đã suýt bị tử hình, nếu khi đó không có vụ đội cải cách tử hình một ông địa chủ ở làng Sui về tội "phá hoại ném dây kẽm gai ở chân đê để ngăn cản không cho người đến cứu đê khi đê bị vỡ". Tôi không nhớ tên ông địa chủ làng Sui là gì, nhưng qua những lần cha tôi với cụ Lang An nói chuyện, tôi vẫn nhớ cả hai người đều hay nhắc lại kỷ niệm này trong nỗi niềm thảng thốt sợ hãi cùng niềm biết ơn đáng bẽ trên đã cho cha tôi sống sót. Trong những năm cải cách ruộng đất, 1955-56, tôi mới có 4, 5 tuổi, nhưng tôi vẫn nhớ như in trong óc những kỷ niệm đói khát, cùng sự hành hạ của đội cải cách đối với cha tôi. Đến năm 1957-58, cha tôi được ông lang An truyền nghề thầy thuốc, nên phải đi chợ xa 6, 7 cây số để bán thuốc. Đến nay, tôi không còn nhớ tên chợ này, nhưng đó là quê hương của cụ đồ Tường ở ngay bên sông Châu.

Mỗi buổi sáng, khi tôi thức dậy, trong căn nhà nhỏ ở phố chợ, đằng trước có 2 cây hòe, chỉ có tôi và bà nội, lúc đó đã ngoài 90 tuổi. Trên tấm phản gỗ ở giữa nhà là một chiếc mâm gỗ, có đậy lồng bàn cho khỏi ruồi. Mở lồng bàn ra, bao giờ cũng có hai chén cơm nguội, một chén cho bà nội và một chén cho tôi. Bên cạnh là chén muối mè mặn chát, và một nắm cơm đã được cha tôi nắm lại thật chắc, cho bữa cơm chiều của hai bà cháu. Bữa sáng, tôi phải bưng cơm bưng nước cho bà. Bữa chiều, vì cơm nắm đã khô, nên tôi phải ăn hết vỏ cơm nắm, còn ruột cơm nắm thì tôi dầm nát, trộn với muối mè, chan ít nước lạnh rồi mới đưa cho bà.

Sau này, bà nội già hơn, lại bệnh tật nữa, nên cơm không ăn được, tôi phải thổi cơm, chắt lấy nước cơm đem cho bà. Vì là gia đình bị quy chụp tội "địa chủ", lại sống ở thôn quê, nên cuộc sống của gia đình chúng tôi lúc đó thật là cô đơn, ảm đạm và vô cùng thiếu thốn. Hàng xóm láng giềng, họ hàng cũng đều xa lánh. Đã vậy, mỗi khi đi ra ngoài, tôi còn bị trẻ em cùng lứa tuổi trong làng xúm vô bắt nạt, đánh đập, hoặc bắt tôi làm địa chủ để đem ra đầu tở. Trong những phiên xử như vậy, tôi bị bắt quỳ thật, bắt phải nhận tội thật, rồi bị đem ra xử bắn giả, và phải chết giả. Vì vậy, tôi rất sợ phải đi ra khỏi nhà. Tôi chỉ luẩn quẩn trong nhà, nghe bà tôi kể chuyện khi bà tỉnh táo, và chơi với con chó Mực. Mỗi buổi chiều, khi hoàng hôn xuống là tôi buồn lắm, và nhớ cha tôi vô cùng. Nhất là những chiều mưa, bóng tối xuống nhanh, tôi đứng ở hè nhìn trời mưa kèm với sấm chớp, và lúc đó tôi chỉ biết khóc và gọi thầm: "Cha ơi! Cha ở đâu, cha mau về với con!"

Mẹ tôi xa tôi ngay từ khi tôi mới đẻ, nhưng khi còn bé, tôi không hề biết chuyện đó. Tôi cứ đĩnh ninh mẹ của anh trai tôi cũng là mẹ của tôi. Đến khi biết suy nghĩ, tôi mới thấy trong cư xử, có sự khác biệt, nhưng không hiểu vì sao, nên tôi thấy tủi thân và đau khổ vô cùng. Bình thường, trong cuộc sống, bị phân biệt trong cư xử đã buồn tủi, huống chi trong hoàn cảnh túng thiếu, đói khổ của một gia đình bị quy chụp tội "địa chủ", thì sự phân biệt đó còn đau đớn đến đâu. Tôi biết mẹ của anh trai tôi tuy không phải là mẹ của tôi, nhưng đã có công nuôi tôi khôn lớn, và cũng đã thương yêu tôi lắm trong suốt những năm dài cho đến ngày tôi phải đi bộ đội. Tôi luôn luôn nhớ ơn mẹ, coi như mẹ ruột của tôi. Nhưng tình thương yêu đó vẫn không thể nào bù đắp được tình mẫu tử. Có lẽ vì vậy, nên tình yêu thương của cha tôi dành cho tôi thật mệnh mông vô bờ bến.

Tôi không biết rõ vì sao, nhưng nhiều người trong gia đình vẫn bảo tôi là "Mẹ tôi đã bỏ tôi vì không thương tôi!" Tôi buồn lắm, và đau lòng lắm. Nhưng khi hỏi cha vì sao mẹ bỏ con thì cha tôi không nói, chỉ thờ dài. Vì bị cộng sản tuyên truyền, địa chủ là những người độc ác, nên năm tôi mới 12 hoặc 13 tuổi, trong một lần bị cha đánh đòn, tôi đã buột miệng hét lên: "Con thù cha! Cha không phải là cha của con!" Nghe vậy, cha

tôi ngạc nhiên, run giọng hỏi: "Chí, mày nói gì? Sao mày lại căm thù tao?" Tôi vừa khóc vừa nói: "Cha là địa chủ! Cha có nợ máu với nhân dân!" Nói xong, tôi lùi ngay ra cửa, chân trước chân sau sẵn sàng bỏ chạy, vì tôi đĩnh ninh, nghe tôi nói vậy, cha tôi sẽ tức giận vô cùng. Nhưng trái với sự lo lắng của tôi, cha tôi chỉ trợn mắt nhìn tôi một lúc, rồi cha tôi thở dài, vứt roi xuống đất, ngồi xuống giường bất động không nói. Nhìn vẻ mặt đau khổ của cha tôi lúc đó, tôi thấy có cái gì đó kỳ lạ mà mãi mấy năm sau tôi mới hiểu. Thì ra đó là sự đau khổ của người cha, vô cùng thương yêu con, bỗng nhiên tuyệt vọng nhận ra, đứa con thương yêu của mình đã bị đảng cộng sản nhuộm đỏ, nên nó đã trở thành kẻ phản bội chính cha ruột của nó! Và khi tôi hiểu được nỗi đau khổ của cha tôi, hiểu được lỗi làm tôi đã phạm, tôi đã mang niềm đau đớn xót xa cùng nỗi ân hận thấm sâu vào lòng, trong suốt những tháng năm còn lại của cuộc đời. Và từ đó, tôi đã hận thù cộng sản bằng tất cả sự uất ức, đau đớn của chính mình.

### KỶ 3

Không hận thù cộng sản sao được, khi chế độ cộng sản đó đã nhồi nhét, tuyên truyền, xúi dục tôi căm thù cha của tôi, một người đã thương yêu tôi vô cùng, đã bồng ẵm, nuôi nấng tôi khôn lớn, đã dạy cho tôi đọc chữ chương vào mỗi tối, đã nhường cơm xẻ áo cho tôi trong suốt những năm dài cơ cực thiếu thốn. Bình thường, tình phụ tử trong cảnh "gà trống nuôi con" đã lớn lao vô bờ bến. Rồi sống trong cảnh thiếu thốn, đói khát, ngay cả củ khoai, khoai nhím cũng không có mà ăn, rau muống, rau sam cũng không có đủ để luộc, nước mắm không có phải dùng nước rau pha muối để chấm.... thì tình thương yêu, xót xa của cha tôi dành cho tôi hẳn phải lớn lao lắm.

Sau này, khi tôi có con, mỗi khi tôi cúi xuống chiếc nôi nơi con của tôi đang thiêm thiếp ngủ, để hôn con trước khi đi làm, thấy hơi ấm, mùi thơm da thịt của con thoang thoảng mùi sữa, tôi thấy yêu thương con tôi vô cùng. Tình yêu thương đó cứ ngầy ngất trong tâm hồn tôi suốt chặng đường lái xe đến chỗ làm. "Sinh con mới biết lòng cha mẹ". Có sống trong tâm trạng yêu thương con ngầy ngất như vậy, tôi mới hiểu được tấm lòng yêu thương sâu thẳm không bút mực nào tả xiết của cha tôi dành cho tôi. Tôi cứ tưởng tưởng đến cảnh những đêm đông giá lạnh cắt da cắt thịt ở làng Đồng Văn, cách Hà Nội 5 cây số, cha tôi phải bế tôi đi xin sữa, kiên nhẫn đứng chầu chực có khi hàng tiếng đồng hồ ở ngoài cửa, thì thầm, năn nỉ van xin, lạy lục... miễn sao cho tôi có chút sữa bú. Lúc đó tôi còn nhỏ lắm, nên đâu có biết được cảnh tượng đó đau lòng như thế nào. Sau này, thỉnh thoảng nghe cha tôi kể, tôi cũng không để ý nhiều. Mãi sau, nghe cô Vinh, có tiệm bán bánh mì ở Đồng Văn (mà khi còn bé tôi vẫn vòi cha tôi mua 'bánh tây Vinh'), vừa khóc thút thít vừa kể lại cho tôi nghe, tôi mới xúc động, ôm cô Vinh mà khóc, để thấy tình thương chất ngất dành cho cha tôi....

Nhưng đó là tình thương yêu của cha tôi đến với tôi qua lời kể của cô Vinh. Còn sau này, tình thương yêu của cha tôi đến với tôi từng giờ, từng phút, trong nỗi niềm đau đớn xót xa, tủi nhục ê chề, của những người sa cơ thất thế, nghèo khổ vô cùng, phải sống cạnh những người khá giả, để thấy mình lúc nào cũng thêm thường, đói khát, cả vật chất lẫn tình yêu. Tôi đã sống trong nỗi đói khát rùng rợn, thêm thường thường trực đó, nên tôi nghiệm thấy, khi bụng đói không phải một ngày mà đói kinh niên, thì người ta dễ trở nên hèn hạ, dễ hư hỏng, ăn cắp ăn trộm và rất hay tủi thân, hay khóc thầm một mình... Tôi đã trải qua tất cả những chuyện xấu xa đó ở tuổi ấu thơ, và bây giờ khi viết những dòng chữ này, nhớ lại những chuyện xấu xa tôi đã phạm, tôi vẫn còn thấy người nổi gai vì xấu hổ, mà cổ thì nghẹn ngào, mắt lại rưng rưng...

Tôi phải thú thực với các bạn, đến hôm nay, khi viết những dòng chữ này, tôi mới viết được có hơn hai trang hồi ký, nhưng tôi đã xúc động nhiều lắm. Tôi thương cha của tôi, trong những bữa "cơm" chiều vào lúc hoàng hôn chập choạng, vẫn thường nhện đói, chỉ húp nước rau muống trừ "cơm" để nhường "cơm độn mì, độn khoai" cho tôi ăn... Chính tấm lòng yêu thương vô bờ bến của cha và sự nhường nhịn của cha, đã giúp tôi không bước vào con đường tội lỗi, tranh giành, lừa lọc, bon chen, nhỏ nhe. Nhờ tình yêu thương của cha, tôi tuy lớn lên trong nghèo túng, đói khát, thiếu thốn, nhưng lúc nào cũng ngẩng cao đầu, biết khiêm tốn trong cư xử, nhưng trong lòng lúc nào cũng biết tự hào với những giá trị tinh thần mà cha của mình đã trau dồi, bồi đắp.

Cha của tôi, dưới thời Pháp thuộc có đi làm cho Pháp, nhưng vì cãi nhau với viên công sứ Pháp nên cha của tôi về hưu non. Sau đó, cha của tôi quay ra mở tiệm bán thuốc lá ở Hà Nội, mở đồn điền trồng lúa, nuôi bò, dê tại Bút Sơn (quê hương của vợ hai của cha tôi), mở các tiệm bán vải ở Phú Lý cho 5 bà chị trông nom tập làm ăn, và tậu nhiều ruộng đất ở làng Đàm, làng Sui, rồi nhà cửa ở Hà Nội. Vì thời đó, trọng nam khinh nữ, nên mỗi khi tậu ruộng, cha tôi đều cho người con trai trưởng là ông anh của tôi đứng tên. Việc này đã tạo nên nhiều sóng gió ghen tuông trong gia đình tôi nên sau đó, cha tôi đã bán cả trăm mẫu ruộng, lấy tiền chia cho các bà chị. Sau này, chuyện trò với cụ lang An, cha tôi vẫn thường nhắc lại chuyện này và coi đó là chuyện rủi mà hóa may, vì nếu không bán đi cả trăm mẫu ruộng, chắc chắn cha tôi đã bị tử hình ngay từ những cuộc đấu tố cải cách ruộng đất đầu tiên tại làng Đàm.

Sau này, trong một dịp nghỉ hè, trường tôi phải đi lao động ở nông trường ép đậu phộng ở gần Bút Sơn, tôi mới tình cờ được nghe ông cụ thân sinh của người bạn học kể chuyện khi cụ học ở Phủ Lý, cụ có trọ học ở nhà cha của tôi. Buổi tối hôm đó, cụ kể cho tôi nghe chuyện, năm đói Ất Dậu 1945, cha của tôi đã cho phá kho thóc ở làng Bút Sơn để phát chẩn cho người nghèo như thế nào, và người dân ở Bút Sơn đã coi cha của tôi như một vị ân nhân ra làm sao. Nghe chuyện cụ kể, tôi càng thêm ân hận, xót xa, thêm căm giận chính mình. Thì ra đâu phải ai địa chủ cũng là tàn ác, cũng là có "nợ máu với nhân dân". Vậy là nhờ tình yêu thương của cha tôi, nhờ đọc những trang sách cấm của anh tôi giấu trên nóc nhà, nhờ được giao tiếp với những người thuộc thể hệ chú, bác, đàn anh, thời Pháp thuộc, và nhờ chứng kiến những cảnh trái tai gai mắt trong xã hội cộng sản, dần dần tôi nhận ra, cái chế độ cộng sản mà tôi đang sống không thực sự lý tưởng, cao đẹp, "thiên đường xã hội chủ nghĩa" như người ta tuyên truyền, nhồi nhét.... Cũng nhờ tôi "khôn lớn" hiểu rõ địa chủ là thế nào, nên từ đó, cha của tôi thường hay tâm sự với tôi hơn. Cho đến ngày tôi chuẩn bị lên đường "sinh Bắc tử Nam", cha của tôi đã nói chuyện với tôi thật nhiều... Rồi trong nước mắt của cha, nước mắt của tôi, tôi nghe cha dặn dò, cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ: "Tao sinh ra mà mày không phải là để cho mày chết uổng. Trong Nam mày có 5 bà chị ruột, vào đó tìm các bà ấy, bảo các chị muốn báo hiếu cho cha thì lo nuôi cho em ăn học thành tài!"...

Vậy là tôi đội nón cối, đi dép râu, theo sư đoàn chính quy 324B của cộng sản xâm lăng Miền Nam, nhưng trong lòng tôi lúc nào cũng ấp ủ quyết tâm tìm bằng được các bà chị để báo, "Các chị muốn báo hiếu cho cha thì lo nuôi cho em ăn học thành tài!"...

Là một người lính thông tin hữu tuyến, nên tôi phải đeo dây, đeo máy điện thoại, đeo 4 trái lựu đạn. Một tiểu đội thông tin có 4 khẩu súng AK-47, cứ trung bình ba người thì được phân phối một khẩu. Tôi nghe những người đã từng vô B (vô Nam) kể, nhiều khi lính "ngụy" (tức lính VNCH), cắt giầy điện, rồi phục kích chờ tụi tôi đến sửa đường dây là làm "thịt" (bắn chết) hoặc bắt sống. Nghe chuyện, tôi nửa sợ, nửa mừng. Sợ là mình có thể bị lính VNCH phục kích, chưa kịp dơ tay đầu hàng thì đã bị làm thịt bất ngờ. Mừng là, biết đâu mình bị phục kích, nhưng sẽ được lính VNCH bắt sống, thì hay biết mấy... Sau mấy đêm thao thức suy nghĩ, tôi thấy tôi không thể để cuộc đời may rủi một cách nguy hiểm như vậy được. Tôi phải làm cách nào, để dù có bị phục kích, lính VNCH cũng không nỡ bắn tôi chết, mà chỉ bắt sống tôi mà thôi. Sau nhiều đêm suy nghĩ, tôi liền nghĩ ra một kế, nếu tôi được lệnh đi sửa đường dây điện thoại của sư đoàn, điều tốt nhất là tôi không đeo súng, và tìm cách tránh xa bất cứ tay bộ đội nào đeo súng. Không những vậy, tôi còn chú ý ăn mặc làm sao để bắt cứ ai, đứng cách tôi cả chục thước, cũng biết rõ tôi chỉ là thằng lính quèn, trần như nhộng, không có súng dài, súng ngắn, không có lựu đạn, dao găm gì. Nói tóm lại, tôi phải tự giải giới mình trước khi "xông vào hang cọp". Như vậy, chắc chắn những người lính VNCH khi phục kích một thằng lính không vũ trang như tôi, họ sẽ chẳng cần phải nổ súng "thịt" tôi làm gì. Trong chiến tranh, bắt sống bao giờ chiến công cũng lớn hơn, lại bớt nguy hiểm, và bớt mặc cảm tội lỗi. Với khuôn mặt non choẹt chưa đầy 20 tuổi, tôi thấy kế hoạch "tự giải giới để nạp mạng" của tôi thật đơn giản, nhưng tôi biết chắc sẽ thành công. Dĩ nhiên, lúc đó, trong đơn vị chẳng ai nghi ngờ gì tôi, nên ai cũng cho tôi là thằng nhóc "gan lì", dám tay không "xông vào hang cọp"...

Sau khi có kế hoạch "tự nạp mạng" tuyệt vời như vậy, tôi hỏi hợp chờ đợi đường dây điện thoại bị đứt để đi sửa. Rồi mỗi lần đi sửa, tôi đều hỏi hợp cầu nguyện cho lính VNCH phục kích, nhưng chẳng lần nào thành công. Nhiều lần, dây điện thoại bị đứt, tuy không đến lượt phải đi sửa, tôi cũng tình nguyện đi, làm cho ai cũng ngạc nhiên... nghĩ tôi là thằng khờ dại muốn thăng quan tiến chức bằng cách chui vào chỗ chết, để rồi "chưa đỡ ngực thì đã xanh cổ". Nhưng mấy tuần trôi qua, đi sửa đường dây liên miên, mà chẳng gặp ổ phục kích nào, tôi đâm nản, nghĩ bụng, phải tính kế khác, chủ động hơn.

Sau khi đơn vị thông tin hữu tuyến chúng tôi có mặt ở Động Ông Đò được một, hai tuần, thì có lệnh chuyển về trung đoàn, thu hồi toàn bộ mạng lưới hữu tuyến, chuyển địa điểm đóng quân. Nghe lệnh, tôi rất mừng, vì đó là cơ hội để tôi có thể chủ động thoát thân...

Thông thường, mỗi khi đi sửa dây điện thoại, hay bắt đầu tỏa mạng cho sư đoàn, chúng tôi đều phải đi theo đội hình một tổ 3 hay 4 người, trong đó có một người trang bị súng AK-47, còn lại thì người phải đeo dây, người lo rải dây. Vì đi tổ như vậy, nên việc vượt thoát là điều rất khó, dễ bị nghi ngờ, dễ bị phát hiện. Thời gian vắng mặt tối đa cho vệ sinh cá nhân, hay kiếm đồ ăn "cải thiện" như hái cây, bắt cá, cũng chỉ cho phép nửa tiếng, hoặc một tiếng đồng hồ là cùng. Với thời gian ngắn ngủi đó, tôi chỉ đi được cùng lắm 5 cây số trong rừng, trước khi bị đơn vị phát hiện tôi đào tẩu. Và trong phạm vi 5 cây số, nếu bị phát hiện, tôi dễ dàng trở thành mục tiêu ngon lành của các tay súng bắn tỉa, hoặc bị các đơn vị chung quanh bủa vây, bắt sống.

Còn việc thu hồi toàn bộ mạng lưới hữu tuyến thì tự do hơn nhiều. Việc thu hồi phải nhanh chóng, kịp thời, nên mỗi đường dây hữu tuyến dài có khi 10, 20, 30 cây số, chỉ có 2 người lính thu dây từ hai đầu thu lại. Khi thu, mỗi người lính hữu tuyến phải hoạt động độc lập, lúi thủi một mình cuộn dây vào một chiếc khung chữ nhật bằng tre, hoặc gỗ. Trung bình mỗi khung cuộn được khoảng 300 đến 400 mét. Thu xong cuộn nào đeo luôn trên lưng cuộn đó. Đeo được 5 cuộn là oằn cả vai, phải thả xuống một bụi rậm nào đó đánh

dầu, rồi thu dây tiếp. Cứ như vậy cho đến khi thu đến khoảng nửa đường thì gặp người lính hữu tuyến từ đầu kia thu lại. Sau đó, đến màn thu các cuộn dây mà mình đã để rải rác trên đường. Công việc từ lúc bắt đầu thu, cho đến khi thu xong, có khi phải mất cả ngày trời. Cả ngày trời làm việc một mình, không một ai kiểm soát, liên lạc, tìm kiếm... Vì vậy, thu mạng hữu tuyến là thời cơ lý tưởng nhất cho cuộc đào thoát tìm tự do của tôi.

Nhưng thường mỗi khi đứng trước bước ngoặt của cuộc đời, con người bao giờ cũng sống trong tâm trạng đắn đo, ngần ngại. Vẫn biết, hiện tại là địa ngục, là nô lệ, là mất tự do, và bên kia là cả một chân trời mới đầy hứa hẹn,... nhưng tâm trạng của tôi lúc đó vẫn dửng dưng, sợ hãi những bấp bênh, những nguy hiểm đang chờ đợi ở một nơi nào đó, tôi chưa thể biết. Cuối cùng, tôi quyết định chui vào rừng, mắc võng, ăn lương khô, rồi nằm suy nghĩ...

Tôi là Nguyễn Hữu Chí, sinh ra và lớn lên ở Miền Bắc, từng có hơn một năm phải đội nón cối, đi dép râu, theo đội quân Việt Cộng xâm lăng Miền Nam. Trong những năm trước đây, khi cuộc đấu tranh bảo vệ chính nghĩa của cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản tại Úc còn minh bạch, làn ranh quốc cộng còn rõ ràng, tôi hoàn toàn tin tưởng và sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu, thế lực của cộng sản. Nhưng gần đây, có những dấu hiệu rõ ràng chứng tỏ, những thế lực chìm nổi của cộng sản tại Úc đang tìm cách xóa bỏ làn ranh quốc cộng, đồng thời thực hiện âm mưu làm suy yếu sức mạnh đấu tranh của người Việt hải ngoại. Trong hoàn cảnh đấu tranh ngày càng khó khăn đó, tôi thấy mình chỉ có thể đi tiếp con đường mình đã chọn khi được quý độc giả hiểu và tin tưởng. Vì vậy, tôi viết hồi ký này, kể lại một cách trung thực cuộc đời đầy đau khổ, uất ức và ân hận của tôi khi sống trong chế độ cộng sản, cũng như những nguy hiểm, may mắn khi tôi tìm tự do....

#### KỶ 4

Tuần qua, tôi rất hân hạnh nhận được email của ông Huỳnh Bá Phụng, Chủ tịch Hội Cựu Quân Nhân tiểu bang Queensland. Ông Phụng là người tôi quý trọng đặc biệt kể từ khi tôi được gặp ông lần đầu tiên ở nhà của nhà thơ Nam Man. Hôm đó, trong lúc trò chuyện có đông đủ nhiều người, ông Phụng đã kể cho tôi nghe, khoảng chục năm trước, khi tôi viết bài cho báo Chiêu Dương của anh Nhất Giang, chính ông Phụng đã là người nghi ngờ tôi là một tên cộng sản nằm vùng. Khả năng bén nhạy của một sĩ quan tình báo phản gián của QLVNCH, cộng với tinh thần chống cộng của một người Việt tỵ nạn cộng sản, đã khiến ông viết thư gửi ngay cho anh Nhất Giang, trình bày thẳng thắn những nghi ngờ của ông, và khuyên anh Nhất Giang "nên thận trọng đối với Hữu Nguyên". Tôi không hiểu vào lúc đó, anh Nhất Giang có nghi ngờ gì tôi hay không, nhưng tôi thấy cách anh cư xử với tôi vẫn rất đằm thắm, đúng phong độ của một đàn anh trong làng báo. Tôi cũng biết, trong cộng đồng người Việt lúc đó, có nhiều người nghi ngờ tôi, cho dù tôi luôn luôn nói thực hoàn cảnh xuất thân "nón cối dép râu" của mình. Xem ra tôi càng nói thật cuộc đời của mình, thì sự nghi ngờ của người đối diện càng gia tăng. Vậy mới lạ! Nhưng có lẽ, tất cả đều giữ sự nghi ngờ ở trong lòng, riêng ông Huỳnh Bá Phụng là người đầu tiên nói thẳng với tôi sự nghi ngờ của ông.

Cũng trong tuần qua, tôi hân hạnh nhận được cú điện thoại của chị ĐTKM, vợ của anh HD, trên Queensland. Trong thời gian khoảng 15 phút đồng hồ được trò chuyện với cả hai vợ chồng, tôi vừa xúc động, vừa mừng, và thấy thật an ủi, khi nhớ lại những ngày tháng xa xưa...

Ngay khi nhắc điện thoại, nghe chị KM hỏi tôi có phải là Nguyễn Hữu Chí, và trước đây ở Sài Gòn có quen cô C.T. Thuý Phương hay không, tôi vô cùng bàng hoàng, vì cả một quá khứ sóng gió, nguy hiểm đột ngột hiện về... Đó là những ngày tháng tôi vừa trốn khỏi trại cải tạo Katum, đang sống lang thang ở Sài Gòn thì tình cờ quen cô Phương... Lúc đó, tôi đã nói thật với cô Phương hoàn cảnh của tôi, một hồi chánh viên, vừa vượt ngục, không nhà cửa, không tiền bạc... Với tấm lòng đôn hậu, thương người như thể thương thân, của một cô gái lớn lên ở Miền Nam, Phương đã giúp đỡ tôi, bất chấp nguy hiểm và sự can ngăn của gia đình.

Tôi nhớ có lần, để chuẩn bị vượt biên, tôi và Phương ghé nhà một người bạn ở ngõ Hoàng Văn Thụ, Tân Bình, để lấy bản đồ, địa bàn. Vì sống trong cảnh vượt ngục, nguy hiểm có thể đến bất cứ lúc nào, nên tôi đã dặn Phương đi cách xa tôi khoảng chục thước. Nếu thấy công an, bộ đội xét hỏi giấy tờ, hay bắt giữ tôi, thì Phương cứ bình tĩnh coi tôi như người đứng, để khỏi bị liên lụy. Sau đó sớm muộn gì tôi cũng trốn thoát, và sẽ tìm gặp lại Phương.

Hôm đó cũng đúng như vậy, Phương đi sau tôi một đoạn. Khi từ đường Hoàng Văn Thụ đi bộ ra đến đường Võ Tánh, tôi thoáng thấy mấy tay bộ đội trước là vệ binh canh tù tại Quân Lao Gò Vấp. Trong số hơn chục tên vệ binh đánh hội đồng tôi tại nhà ăn Quân Lao Gò Vấp, khi tôi đang bị tù, có cả mấy tên vệ binh này. Dĩ nhiên, chúng biết tôi đã vượt ngục ở Katum, và đang bị truy nã. Khi trông thấy đám vệ binh, tôi đã chột dạ, tính rút lui, nhưng đã quá muộn, những tên vệ binh đó đã thoáng nhìn thấy tôi. Quý độc giả nào ở Tân Bình chắc biết đường Hoàng Văn Thụ, công 2 bộ Tổng Tham Mưu cũ. Đường này chỉ có một bên là nhà, đồ thẳng ra đường Võ Tánh. Ngay ngã ba Hoàng Văn Thụ và Võ Tánh là đám vệ binh bộ đội đứng đó



tán gẫu. Nếu tôi quay trở lại, đám vệ binh sẽ nghi ngờ, và với con đường này, tôi cũng không có lối nào thoát...

Trong vài tích tắc suy nghĩ, tôi quyết định thân nhiên đi tới. Khi đi ngang đám vệ binh, tôi liếc mắt nhìn, và trong một tích tắc ngắn ngủi, tôi thấy một tên vệ binh cũng nhìn tôi. Trong ánh mắt của hắn, tôi nhận ra ngay vẻ ngạc nhiên của hắn... Thì ra hắn đã nhận ra tôi! Tôi nghĩ vậy, nhưng vẫn giữ vẻ thân nhiên, ung dung rẽ trái, tiến về phía đồn cảnh sát quận Tân Bình... Được khoảng vài bước, tôi nghe có tiếng cãi cọ của mấy tên vệ binh... rồi tiếng chân người bước theo... Linh tính báo cho tôi biết, tụi vệ binh đó đã nghi ngờ tôi, và đang đi theo tôi...

Giả vờ định băng qua đường, tôi khế ngoái đầu về phía bên phải, lập tức ánh mắt của tôi đụng vô ánh mắt của mấy tên vệ binh... Một tên vệ binh liền la lên, "Đúng nó rồi! Thành Chí trốn trại đó!" Tôi kinh hoàng, rụng rời tay chân, vội vàng quẳng luôn đôi dép, bỏ chạy thục mạng... Đằng sau mấy tên vệ binh la hét ầm ĩ, "Bắt lấy nó! Tù cải tạo trốn trại!"...

Vì lúc đó, xe chạy như mắc cửi trên đường Võ Táth, tôi không thể nào băng qua đường nên phải chạy dọc theo đường Võ Táth. Được hơn chục thước, tôi thấy ngay trước mặt một tên công an áo vàng từ trong đồn cảnh sát quận Tân Bình nhào ra. Mắt hắn đang nhớn nhác nhìn về phía tôi, vì không hiểu chuyện gì xảy ra... Trông tên công an, tôi biết ngay hắn có đeo súng... Nếu chậm chạp, tôi sẽ bị bắn chết... Tôi liền vội vàng liềm mạng băng ngang đường Võ Táth, lao thẳng tới đường xe lửa, quẹo phải, chạy thẳng vào một nhà dân, trong khi cả gia đình đang ngồi ăn cơm ở trước cửa... Tương lai, khi có thời gian tôi sẽ kể lại chuyện này cho tường tận đầu đuôi, để quý độc giả thấy được, tôi đã thoát chết trong đường tơ kẽ tóc như thế nào, được những người dân Miền Nam thương yêu mà cứu tôi ra sao; và những người vợ sĩ quan QLVNCH có chồng đi cải tạo, ở đường Trương Minh Giảng, đã tin tưởng tôi, thương xót cho tôi, mà bày mưu tính kế, giúp tôi giẫy tòi, để tôi qua mặt tụi công an, vệ binh như thế nào...

Hôm nay, tôi kể lại chuyện này chỉ muốn đền đáp phần nào ơn sâu nghĩa cả mà cô Phương đã dành cho tôi trong những ngày tháng tôi phải trốn tránh cộng sản tại Sài Gòn, cùng nỗi niềm tâm sự, những câu chuyện mà cô Phương đã gửi gắm cho chị KM, trước khi chị KM lên đường sang Úc cách đây hơn 20 năm... Tôi cũng xin cảm ơn anh chị KM & HD, qua cuộc điện đàm ngắn gọn hơn chục phút đồng hồ, đã tin tưởng, trao gửi những tâm tình sâu nặng cho tôi...

Trở lại câu chuyện của tuần trước, vào buổi trưa hôm đó, tôi vô rừng nằm. Tính ngủ một chút, nhưng không tài nào ngủ được. Đầu óc tôi rối bời với đủ thứ chuyện phải chọn lựa. Vật đầu tiên tôi phải nghĩ tới là khẩu súng AK-47. Tôi có nên mang theo nó hay không? Tôi biết, đi trong rừng, có khẩu súng trong tay bao giờ cũng ám dạ. Nhưng đeo khẩu súng AK-47 cũng là điều vô cùng nguy hiểm, tôi sẽ bị bắn chết dễ dàng trước khi kịp trở tay. Sau một hồi suy nghĩ, cân nhắc, tôi quyết định, lấy nylon gói khẩu súng lại thật cẩn thận rồi vứt xuống một chiếc hầm. Tôi cũng lục trong ba lô tất cả những thứ gì không cần thiết, vứt hết xuống hầm. Sau đó, tôi lấp đất, đánh dấu cẩn thận. Làm vậy để lỡ chuyến đi tìm tự do của tôi không thành công, tôi còn biết đường quay về lấy tất cả những thứ đó, để trở lại đơn vị, chờ một dịp may khác...

Khoảng 4 giờ chiều, trời vẫn còn sáng lấm. Nhưng trong lòng tôi bồn chồn dễ sợ. Tôi không biết cuộc đời của tôi rồi sẽ ra sao. Tôi gọi thầm tên tất cả những người thân yêu, trong đó có cha tôi. Tôi cầu mong mọi người phù hộ cho tôi...

Đến 4 giờ rưỡi chiều, tôi lạng lẽ đeo ba lô, đội nón cối, rồi thẳng hướng đông, cắt đường tiến về thị xã Quảng Trị. Tôi ước tính, từ hành lang nằm về phía tây của Động Ông Đô không bao xa, tôi sẽ nhắm hướng đông đi thẳng băng như vẫn thường cắt rừng rải dây điện thoại... Như vậy, chỉ khoảng 5 đến 6 giờ đồng hồ là tôi sẽ đặt chân đến khu dân cư bên ngoài thị xã Quảng Trị... Tôi sẽ trở thành người của Thế Giới Tự Do! Sau khi đi được khoảng hơn tiếng đồng hồ, băng qua được mấy ngọn đồi, thì mặt trời gác bóng. Tự tin đã đến lúc an toàn, tôi bỏ những bụi cây rừng, đi theo những con đường mòn nhỏ nối liền các triền đồi. Vừa đi được trên con đường mòn nhỏ hết một triền đồi, qua một khúc ngoặt, nhìn thấy cả một triền đồi mới rộng thênh thang, tôi chợt thấy một toán bộ đội khoảng trên dưới 30 người đang từ phía đông đi lại. Vì khoảng cách giữa hai bên quá gần, tôi thấy mình không kịp ẩn trốn, cũng không kịp quay lại được nữa... Chỉ nhìn thoáng qua, tôi biết họ là ban chỉ huy sư đoàn vừa đi thị sát chiến trường, trên đường quay trở về. Nếu tôi tiếp tục đi, tôi sẽ đụng họ. Đụng họ, tôi phải nói làm sao đây, khi tôi chỉ có một mình, lại đang đi về hướng "địch"...

## KỶ 5

Trong thời gian ngắn ngủi không đầy mấy giây đồng hồ, tôi nghĩ rất nhanh, nếu tôi bình tĩnh, giữ vẻ mặt lạnh lùng, phớt tình ăng lê một chút, tôi sẽ thoát khỏi cửa ải này. Kinh nghiệm cuộc đời cho tôi biết, tôi có một gương mặt rất ngây ngô, hay nói đúng hơn là rất thộn, rất quê mùa. Với gương mặt quê mùa, đàn độn của một thanh niên mới ngoài 20 tuổi, tôi biết ban chỉ huy sư đoàn gồm toàn những nhân vật sừng sỏ, từng trải, sẽ chẳng bao giờ nghi ngờ tôi có đủ bản lĩnh và khả năng để qua mặt họ. Vào thời điểm đó, tại

chiến trường miền tây Quảng Trị, chúng tôi đều trao đổi mật khẩu mỗi khi gặp nhau. Vì lâu ngày quá, tôi không nhớ rõ mật khẩu là gì, nhưng lúc đó, tôi chọn thái độ thụ động, chỉ trả lời mật khẩu một cách miễn cưỡng nếu được hỏi. Và khi trả lời, tôi phải làm ra vẻ mệt nhọc chán nản, của một thằng lính binh nhì, sau một ngày phải thu hàng chục cây số dây. Có như vậy, tôi mới có thể thoát khỏi những cặp mắt cú vọ của mấy tay chỉ huy sư đoàn và toán trinh sát gồm hơn một chục bộ đội, võ trang đầy đủ...

Khoảng cách hai bên ngắn dần. Bây giờ thì tôi đã nghe rõ tiếng cười đùa của họ, tiếng chân của họ, và không đầy chục giây sau, chúng tôi đụng nhau.... Tôi nhìn họ với ánh mắt uể oải, dửng dưng. Ánh mắt của một vài người đụng ánh mắt của tôi. Tôi thấy được nét dửng dưng trong ánh mắt của họ. Tôi cũng cố giữ vẻ mặt thân nhiên, chân bước một mỗi, không thêm chào hỏi "thủ trưởng" như mọi khi, những thằng lính quèn chúng tôi vẫn phải làm khi gặp cán bộ, bộ đội cộng sản cao cấp. Trong thoáng chốc, họ đi qua tôi, và tôi đi qua họ... tuy khoảng cách hai bên chỉ trong gang tấc, nhưng không ai đụng vào ai. Xem ra, cả tôi lẫn họ đều không một ai bận tâm hỏi mật khẩu. Tiếng cười đùa, trò chuyện của họ vẫn đều đều.... Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, toàn ban chỉ huy sư đoàn đã đi qua. Tôi vẫn tiến về phía trước trong tâm trạng hú hồn bạt vía. Như vậy là tôi đã thoát nạn một cách bất ngờ... Tôi mừng quá, lúc đó chỉ muốn vát giò lên cổ mà chạy. Nhưng tôi vẫn cố gắng bình tĩnh bước những bước uể oải... Bỗng nhiên, tôi nghe có tiếng gọi giật giọng phía sau:

- Ê, đồng chí kia, đứng lại!

Tôi giật mình, tim thót lại, người lạnh toát, chân run rẩy muốn khụy xuống. Nhưng linh tính báo cho tôi biết, tôi không khụy được. Khụy xuống lúc này là chết. Linh tính cũng bảo cho tôi biết, tôi đừng đứng lại ngay.

Tôi phải bước một hai bước nữa... Ngay lúc đó, tiếng gọi thứ hai cất lên, lần này nghiêm khắc, có ý đe dọa:

- Ê, đồng chí kia, nghe thấy không? Đứng lại ngay!

Tiếp đó, một tiếng quát khác lớn hơn, đầy giận dữ:

- Đứng lại!

Kèm theo tiếng quát là tiếng kéo quy lát súng, tiếng đạn lên nòng. Tôi biết ngay, lúc này, ít nhất một nòng súng AK-47 đang chĩa về phía tôi. Tôi dừng bước nhưng không quay hẳn người lại, mà chỉ ngoái cổ nhìn về phía sau, với vẻ mặt cố tạo nét ngạc nhiên, khẽ nhíu lông mày, nhưng không hề hoảng hốt. Trong một giây đồng hồ ngắn ngủi, tôi nhìn thấy rõ cả ban tham mưu sư đoàn trên dưới 30 người đều đứng thành hình vòng cung phía sau, và tất cả đều quay về phía tôi, cách tôi khoảng 7, 8 thước. Hai người trinh sát lớn tuổi, đứng phía bên phải đều cầm súng AK-47 trên tay, nhưng bộ điệu ung dung, không có vẻ gì là uy hiếp. Riêng tay trinh sát đứng gần tôi nhất, mặt còn rất trẻ, để bộ ria mép con kiến, đeo chiếc kính râm trễ xuống tận mũi, tay hờm khẩu AK-47 chĩa về phía tôi, thì đầy vẻ hung hăng, trong tư thế cận chiến, sẵn sàng nhắm đạn. Những người còn lại, đều đứng im, nhìn tôi, vẻ tò mò nhiều hơn là nghi ngờ. Đến lúc này, tôi quay hẳn người lại, giả vờ ngây ngô hỏi:

- Đồng chí bảo tôi đứng lại?

Tay trinh sát trẻ sáng tiếng, nói giọng mát mẻ:

- Tao bảo mày đứng lại! Mày điếc hả?

Tôi nóng mặt, máu liềm lính nổi lên:

- Này, đồng chí đừng có ăn nói bố lếu bố láo nhá...

Tên trinh sát trẻ toan phát tác thì một tay bộ đội râu quai nón, tuổi ngoài 50, đứng ở phía bên trái, dơ tay ngăn tên trinh sát lại, rồi quay về phía tôi, hỏi giọng chậm rãi:

- Đồng chí thuộc đơn vị nào?

Câu hỏi này đối với tôi quá dễ. Nhưng tôi nghĩ rất nhanh, trong tình thế này, nếu tôi trả lời ngay, và trả lời hết những gì mình biết, thì sau đó, tôi không còn sự thật gì để có thể giải toả những nghi ngờ của chúng.

Vì vậy, điều tốt nhất là tôi phải chủ động tạo sự nghi ngờ của chúng bằng thái độ bất hợp tác với chúng trong lúc đầu, để rồi sau đó, khi nghi ngờ của chúng đã định hướng theo đúng ý mình muốn, tôi sẽ từ từ hé lộ những sự thật tôi biết. Có vậy, tôi mới có thể thoát khỏi hoàn cảnh hiểm nguy này. Nghĩ vậy, thay vì trả lời, tôi hỏi lại:

- Còn đồng chí thuộc đơn vị nào?

Tay bộ đội râu quai nón, ngạc nhiên:

- Tôi hỏi đồng chí thì đồng chí phải có bổn phận trả lời...

Tôi lắc đầu, ương bướng:

- Tại sao, tôi phải có bổn phận trả lời đồng chí mới được chứ?

Tên trinh sát trẻ đột nhiên gầm lên, giọng du côn:

- Vì đây là thủ trưởng của tao, mày biết không!

Tôi bình tĩnh:

- Là thủ trưởng của đồng chí, nhưng không phải là thủ trưởng của tôi. Các đồng chí cũng biết, nguyên tắc bảo mật của quân đội không cho phép bất cứ người bộ đội nào tiết lộ đơn vị của mình cho bất ai, nếu chưa biết rõ họ là ai.

Người có râu quai nón trả lời, giọng kẻ cả:

- Chúng tôi là ban tham mưu sư đoàn 304 (vì lâu ngày, tôi không rõ là 304 hay 308) vừa đi thị sát mặt trận Quảng Trị về. Còn đồng chí thuộc đơn vị nào?

Đến lúc này tôi thấy mình vẫn nên lấy sự ương bướng để tự vệ. Tôi nói:

- Đồng chí nói thì tôi biết vậy, nhưng làm sao tôi tin được. Vả lại, dù cho có đúng các đồng chí là ban tham mưu sư đoàn 304 đi nữa, tôi cũng không có bổn phận phải cho các đồng chí biết đơn vị của tôi...

Tôi trả lời như vậy là hoàn toàn đúng với nguyên tắc bảo mật của quân đội trong hoàn cảnh chiến tranh, và nơi đóng quân là rừng rậm, địch ta có thể trà trộn. Điều nguy hiểm cho tôi lúc đó là tôi thì chỉ có một mình, lại không có vũ khí. Còn bên kia trên 30 người, súng ống đầy đủ. Nhưng chính tương quan lực lượng chênh lệch như vậy lại là điều có lợi cho tôi, khi tôi tỏ ra ương bướng. Đây là cái thế lấy hư làm thực, lấy thực làm hư như phục binh Hoa Dung Lộ của Khổng Minh thời Tam Quốc bên Tàu. Tôi biết tôi sẽ giả vờ ương bướng với họ cho đến khi nào tôi và họ trao đổi mật khẩu. Và đây là bí quyết tôi gieo sự nghi ngờ qua thái độ ương bướng của mình, để rồi sau đó, khi nghi ngờ của họ lên đến đỉnh cao, tôi sẽ trả lời mật khẩu một cách thông suốt, giải tỏa hết nghi ngờ của họ.

Một người bộ đội lớn tuổi, đeo sà cọt, ống nhòm, tay chống gậy, cất tiếng:

- Chúng tôi là ban chỉ huy sư đoàn 304 vừa đi thị sát mặt trận về. Gặp đồng chí đi có một mình, lại đi về phía địch nên nghi ngờ cũng có mà lo ngại cho đồng chí cũng có. Vì vậy chúng tôi phải chặn đồng chí lại hỏi...

Tôi biết, đã đến lúc tôi phải dùng tới lá bài tẩy. Tôi hỏi ngay:

- Nếu đúng các đồng chí là ban chỉ huy sư đoàn 304, thì các đồng chí phải biết mật khẩu của ngày hôm nay là gì. Và chỉ khi nào các đồng chí hỏi đúng mật khẩu thì tôi mới tin, lúc đó tôi mới trả lời các câu hỏi của các đồng chí.

Nghe tôi nói vậy, tay bộ đội có râu quai nón liền đọc ngay mật khẩu, câu hỏi. Tôi liền giả vờ vui vẻ đọc ngay mật khẩu, câu trả lời. (\*) Nghe tôi đọc đúng mật khẩu, quả nhiên, không khí nghi ngờ của mọi người gần như biến mất. Cả ba tên trinh sát đều đeo súng vào vai, thái độ cảnh giác, hàn học của tên trinh sát đeo kính râm cũng biến mất. Riêng tên bộ đội chống gậy vẫn nhìn tôi với ánh mắt thận trọng, không thân thiện. Y hỏi:

- Bây giờ đồng chí cho tôi biết đồng chí thuộc đơn vị nào?

Trong thời gian mấy phút đồng hồ sau đó, tôi trả lời trôi chảy các câu hỏi về đơn vị, tên của sư đoàn trưởng, chính uỷ sư đoàn, trung đoàn. Thậm chí cả hình dáng, thói quen đặc biệt, số điện thoại của từng người... tôi cũng trả lời trôi chảy. Sau đó, tên bộ đội chống gậy nói:

- Đồng chí có biết đồng chí đang đi về đâu không?

- Tôi biết chứ, tôi được lệnh thu toàn bộ mạng lưới hữu tuyến số 8A (\*) của sư đoàn vì sư đoàn của tôi đã chuyển quân vào sáng hôm nay.

Tên bộ đội chống gậy nói tiếp, giọng quả quyết:

- Tôi không biết mạng lưới hữu tuyến số 8A của sư đoàn 324B nằm ở đâu, nhưng chắc chắn là không nằm về hướng này. Toàn bộ vùng này, từ Khe Gió đến Mai Lộc đổ về hướng đông, đều là vùng của địch. Đồng chí đi đường này là đi về phía địch, rất nguy hiểm... Vì thế, tôi bảo đảm đồng chí đang đi lạc đường rồi.

Nghe tên bộ đội chống gậy nói quả quyết như vậy, tôi thấy có lẽ tôi phải chấp nhận giả vờ quay trở lại nơi xuất phát, rồi chờ tối đến, sẽ "ra quân" lần thứ hai. Quyết định xong, tôi giả vờ hỏi han đường xá, phương hướng, rồi đồng ý đi theo ban chỉ huy sư đoàn 304 đến địa điểm tập kết gần căn cứ 36 (\*) rồi chia tay. Địa điểm tập kết này là một ngã 3. Một đường chạy về căn cứ của sư đoàn 304, một đường chạy về căn cứ của sư đoàn 324B, và một đường chạy về hướng đông, xuống tới thị xã Quảng Trị.

Sau khi chia tay với ban chỉ huy sư đoàn 304, tôi giả vờ đi một đoạn dài, đến khi chắc chắn họ đã đi khuất ở phía bên kia sườn đồi một khoảng thời gian thật lâu, tôi liền rẽ ngay vào rừng, kiếm chỗ mắc võng nằm nghỉ, chờ tối hẳn sẽ "ra quân" lần hai. Sau thời gian gần tiếng đồng hồ đựng độ, đấu trí, tưởng như cầm chắc cái chết trong tay, tôi mệt nhoài, nên ngủ thiếp đi lúc nào không biết...

(\*) Vì chuyển xảy ra cách đây 36 năm nên những chi tiết đánh dấu (\*) là những chi tiết tôi không còn nhớ rõ. Kính mong bạn đọc thông cảm.

## KỶ 6

Tôi giật mình tỉnh giấc là lúc bóng tối đã bao trùm lên vạn vật. Bầu trời lấp lánh muôn vạn vì sao. Sương đêm khiến tôi cảm thấy lạnh. Trong lòng tôi lúc đó vừa phập phồng lo ngại, sợ hãi, vừa bồn chồn háo hức. Kiến thức và kinh nghiệm của một người lính thông tin cho tôi biết, nếu tôi cất đường thẳng theo đường chim bay, tôi sẽ đi bộ từ 5 đến 6 tiếng đồng hồ là tới thị xã Quảng Trị. Vì không có đồng hồ, nên tôi ước đoán, lúc đó khoảng 8 giờ tối. Như vậy, tôi sẽ tới thị xã Quảng Trị lúc 2 giờ sáng. Nhưng liệu tôi có đủ may mắn, được đặt chân tới thị xã Quảng Trị hay không? Trong hoàn cảnh chiến tranh, ngọn lửa thù hận được

hun đúc, chết chóc xảy ra từng giây, từng phút, làm sao tôi có thể kịp cất tiếng chào, nói một lời thân thiện trước khi tôi bị người lính VNCH bắn gục? Đó là chưa kể tới min bẫy của cả hai bên đã được gài trên những con đường mòn... Tôi không biết chuyện gì sẽ chờ đợi tôi ở vùng ánh sáng đèn điện đầy quyến rũ nhưng cũng ngầm chứa những nguy hiểm bất ngờ. Đứng trên đồi cao, nhìn về thị xã Quảng Trị, tôi đắn đo hồi lâu rồi quyết định, vật đầu tiên tôi phải vất bỏ là chiếc nón cối. Vì nếu tôi tiến về phía "địch" trong đêm tối, thì dù tôi có không đeo súng ống gì đi nữa, bảo đảm, chiếc nón cối sẽ là mục tiêu đầu tiên để những người lính VNCH nhắm đạn. Vật thứ hai tôi muốn vứt là chiếc ba lô. Nếu vứt được nó, tôi sẽ bớt nguy hiểm hơn. Nhưng trong ba lô là hơn chục cuốn sách tôi vô cùng yêu quý. Tôi đã mang nó trên suốt đường rừng Trường Sơn. Có nó, tôi luôn luôn cảm thấy ấm áp trong lòng, vì mỗi cuốn sách là một gạch nối kỳ diệu giúp tôi thoát khỏi cái thực tại cơ cực đầy nguy hiểm, chết chóc, để tâm hồn, khát vọng của tôi được chấp cánh, bay cao...

Sau một hồi suy nghĩ, tôi đành giữ chiếc ba lô và những cuốn sách quý lại. Đeo ba lô vào người xong, tôi nai nịt quần áo, giày vớ thật gọn gàng, rồi choàng tấm nylon ra ngoài, để che bớt chiếc ba lô. Tôi hy vọng, với tấm nylon choàng bên ngoài, nếu người lính VNCH có trông thấy tôi, họ sẽ có một vài tích tắc ngần ngừ không biết tôi là địch hay ta. Và biết đâu, trong một vài giây đồng hồ lưỡng lự đó, tôi sẽ kịp dơ tay đầu hàng, sẽ kịp nói cho họ biết tôi là ai...

Đứng trên đồi cao, tôi nhìn về thị xã Quảng Trị. Muốn tránh được min bẫy và những ổ phục kích của cả hai bên, tôi biết tôi không thể nào đi theo những con đường mòn. Tôi phải cất đường, đi theo đường chim bay, cho dù gian nan, cực nhọc và có thể có những nguy hiểm bất ngờ khác.

Sau khi định hướng đông tây và tìm một vì sao làm chuẩn, tôi bắt đầu con đường về với TỰ DO! Trong khoảng ba tiếng đồng hồ sau đó, lúc đi lúc chạy, lúc bò lúc nằm, lúc té nhào xuống một hồ bom đầy nước lẫn bùn, lúc đụng phải cây, lúc bị dây kẽm gai kéo... tôi âm thầm hăm hở lao về phía trước với tất cả sức mạnh, ý chí, nghị lực của tuổi thanh niên. Có những lúc tôi phải leo qua mấy hàng rào kẽm gai, quần áo rách bươm, tay chân chảy máu. Có lúc tôi phải lội bì bõm qua những thửa ruộng, bùn dính bê bết. Nhưng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, tôi cũng luôn luôn lấy vì sao đó làm đích để lao tới. Cả người tôi lúc đó giống như một mũi tên đã rời khỏi cung, bay trong đêm đen, thẳng băng một con đường...

Khoảng 3 tiếng sau, tôi đặt chân đến con đường nhựa. Hai bên đường có những hàng cây cao thấp không đều và những cột đèn điện tỏa sáng từng đoạn, từng đoạn. Dọc đường, có những căn nhà của dân, nhưng tất cả đều đóng kín, tối bùng. Tôi ước chừng lúc đó khoảng 11 giờ đêm. Tuy tôi không biết sự phòng thủ của VNCH như thế nào, nhưng tôi biết, trong tình hình chiến tranh lúc đó, chắc chắn thế nào cũng có những toán trinh sát, những ổ thám báo, hoặc những ổ phục kích, những người lính đóng chốt ở một chỗ nào đó dọc theo đường phố. Để bớt nguy hiểm, tôi chọn đi giữa đường, miệng thì huýt sáo. Vì tôi không quen huýt sáo, nên tiếng sáo của tôi của tôi không to, hơn nữa, huýt sáo như vậy, tôi rất chóng bị mỗi miệng. Sau tôi tính hát, nhưng vì không biết bài hát nào, nên cuối cùng, tôi đọc to một bài thơ của Nguyễn Bính. Đó là bài thơ "Hoa và Rượu" tôi đã được cô Vinh ở Đồng Văn dạy cho học thuộc lòng khi tôi còn nhỏ. Lúc ấy tôi tin là đi giữa đường, dưới ánh sáng đèn đường, miệng thì ông ổng đọc một bài thơ, đầu lại không có chiếc nón cối, thì dù tôi có đánh thức bất cứ người lính VNCH nào, bảo đảm, họ sẽ ngạc nhiên, buồn cười, chứ không thể nào xả súng bắn chết tôi.

Tôi quên nói với các bạn một điều quan trọng nữa là tối hôm đó tôi đã cầm que để "dò min". Nói ra, quý vị có thể cười cho tôi là thằng ngớ, giống như "đồng hồ có cửa sổ" hay "cái nồi ngồi trên cái cốc". Nhưng sự thực lúc đó, tôi rất sợ đụng phải min. Qua chuyện trò với những người lính bộ đội trong đơn vị, tôi được họ kể, dọc theo các đường phố, lính VNCH thường hay cài min, với sợi dây dăng ngang đường, thấp dưới đầu gối, một đầu buộc vào kíp hỏa của một quả min định hướng Claymore. Nếu mình đi đụng phải sợi dây, là chỉ một tích tắc sau, cả thân thể sẽ bị vài trăm viên bi ghim đầy, chết không kịp la. Vì vậy, để có thể phát hiện được sợi giây min, tay tôi cầm một chiếc que thật mềm, luôn luôn dơ ra phía trước khoảng một thước mỗi khi tôi bước. Nếu đầu que đụng nhẹ dây min, tôi sẽ biết ngay, và kịp dừng lại, rồi tìm cách bước qua... an toàn. Tối hôm đó, quả thực tôi có cầm chiếc que dò min như vậy, nhưng suốt đường đi, tôi không hề gặp một sợi dây min nào.

Đi trên đường phố ngoại ô thị xã Quảng Trị được khoảng nửa tiếng đồng hồ, dần dần tôi thấy nhà cửa san sát hơn, đèn đường cũng mau hơn, mặt đường nhẵn nhụi hơn. Bỗng nhiên, tôi thấy một căn nhà còn có ánh đèn thấp thoáng qua khe cửa. Tôi dừng lại suy nghĩ. Trong lòng tôi lúc ấy, tôi rất tò mò muốn nhìn xem cuộc sống của một gia đình người Miền Nam như thế nào. Tôi cũng muốn ghé vô một nhà dân, kể lẻ ngọn nguồn câu chuyện của mình để họ có thể giúp đỡ, đưa tôi đến một đồn lính hay một cơ quan nào đó của chính phủ VNCH, cho tôi đầu hàng. Trong bối cảnh chiến tranh lúc đó, dĩ nhiên, tôi gặp một người dân, bao giờ cũng an toàn hơn bất ngờ gặp một người lính VNCH. Điều quan trọng nữa, tôi muốn đánh đổi bộ đồ bộ đội mà tôi đang mặc. Nếu có được một bộ đồ thường dân mặc vô, đi trong đêm tối để về với VNCH, chắc chắn sẽ an toàn hơn mặc một bộ đồ bộ đội.

Bước đến cửa, tôi ghé mắt nhìn qua khe cửa. Và ngay lập tức, những gì tôi thấy vào lúc đó, là những hình ảnh tuyệt vời ngự trị trong tâm hồn, trí óc tôi suốt mấy chục năm dài. Cho đến những giờ phút của hôm nay, khi viết những dòng chữ này, hình ảnh trong căn nhà tối hôm đó vẫn sống dậy, hiển hiện trước mắt tôi như chuyện mới xảy ra hôm qua, hôm kia....

Trong phòng lúc đó tôi thấy có một thiếu phụ đang ngồi may đồ. Bên cạnh thiếu phụ có một cô bé tuổi chừng 10, 12 tuổi. Nét mặt cô bé rất sáng, cặp mắt đen láy, phản chiếu ánh đèn điện nên càng thêm đen. Người thiếu phụ có một gương mặt thật phúc hậu, nhu mì. Chính nét đẹp nhu mì, mềm mại của người thiếu phụ đã khiến tôi chẳng còn nhớ được điều gì ngoài gương mặt. Hình ảnh hai mẹ con hạnh phúc bên cạnh chiếc máy may trong lúc đêm vào khuya, đã làm tôi thấy tha thiết vô cùng đối với cuộc sống gia đình, yêu thương vô cùng mảnh đất và con người Miền Nam. Đứng trước cái hạnh phúc lung linh đó, tôi thấy mình không nên gõ cửa, không nên bước vô quấy rầy, nhờ vả bất cứ chuyện gì. Tôi đứng đó, im lặng trong vài phút, tận hưởng cái hình ảnh hạnh phúc êm đềm của hai mẹ con, cái tinh lạnh tinh khiết của đêm khuya tịch mịch, để rồi bồi hồi, xúc động, tôi nhớ lại trong đầu đốn, xót xa, cuộc đời muôn phần khó cực, thiếu thốn của hai mẹ con bà Huệ ở làng Phú Đa, miền Bắc Việt Nam...

Từ làng tôi ở đến làng Phú Đa khoảng 3 hay 5 cây số, tôi nhớ không rõ. Ở Phú Đa có nhà thờ rất lớn và là nơi Công Giáo toàn tòng. Tôi thỉnh thoảng theo thầy tôi đến Phú Đa chơi vì ở đó có một gia đình thông gia với thầy tôi. Con trai của ông lấy chị cả của tôi. Năm 1954, hai vợ chồng đều vô Nam, mở tiệm chụp hình ở Biên Hòa. Làng Phú Đa là một làng giàu có nổi tiếng. Vì vậy nên làng mới có tên đã Phú lại Đa. Gia đình ông thông gia rất giàu có. Nhưng đó là trước 1954. Sau này, cũng giống như thầy tôi, ông cũng bị quy chụp tội địa chủ, bị đem ra đấu tố. Nhưng vì mảnh đất Phú Đa là đất Công Giáo toàn tòng, nên ở đó, lòng kính yêu Chúa, thương yêu người đã thấm sâu vào mỗi tâm hồn. Nhờ vậy, cơn lốc bất nhân, vô nghĩa, tranh ăn, giành uống, bon chen kèn cựa, vu khống tội lỗi cho nhau, do những người cộng sản mang tới, đã không đủ sức làm thay trắng đổi đen những tâm hồn đôn hậu của làng Phú Đa. Vậy nên tuy bị quy tội địa chủ, ông thông gia vẫn sống cuộc sống ung dung, không đến nỗi chật vật.

Tại làng Phú Đa tôi có quen một người bạn, và qua người bạn, tôi quen mẹ con bà Huệ. Bà Huệ có chồng là một người đàn ông tài hoa, chữa đồng hồ nổi tiếng khắp vùng. Chẳng may khi cộng sản nắm chính quyền, chúng bắt ông đi cải tạo. Được hai năm, ông mất vì nhiễm trùng uốn ván khi ông bị thương trong lúc cày ruộng cho trường trại. Ông Huệ chết đi để lại hai người con gái tuổi còn nhỏ, và người vợ có gương mặt trầm buồn muôn thuở như những tháng mưa dầm gió bắc của Miền Bắc quê tôi.

## KỶ 7

Trong một dịp tôi cùng người bạn đến thăm mẹ con bà Huệ thì gặp đúng lúc trời mưa tầm tã, nhà giột tứ tung, nước trong nhà chảy lênh láng không khác gì ngoài sân... Cả ba mẹ con bà Huệ, anh bạn của tôi và tôi, tất cả 5 người ngồi trong nhà trùm mấy miếng chiếu cói mà chịu trận, vì không thể nào kiếm được một chỗ khô ráo trong căn nhà. Tôi cũng xin thưa với quý độc giả, ngay cả căn nhà của gia đình tôi thời đó cũng vô cùng thô thảm. Mỗi khi trời mưa to, gió lớn, mái nhà của nhà tôi ở cũng giột tứ tung, nhưng ít ra, tôi còn kiếm được khoảng chục chiếc chậu sành to, nhỏ để khắp sàn nhà mà hứng nước mưa giột từ mái tranh. Đằng này, ở nhà bà Huệ, trong nhà nước mưa rơi như ở ngoài trời thì dù có cả trăm chiếc chậu cũng chẳng tài nào mà hứng nổi nước mưa...

Cho đến bây giờ đã 40 năm trôi qua, cuộc đời tôi đã trải qua không biết bao nhiêu kỷ niệm yêu thương, buồn giận, xót xa, phũ phàng, đau khổ,... nhưng khi viết những dòng chữ này, tôi vẫn thấy xúc động khôn tả, khi thấy hiển hiện trước mắt hình ảnh người thiếu phụ xinh đẹp trong những đường nét trầm buồn, bối rối như làm phải điều gì làm lỗi chỉ vì phải tiếp khách trong cảnh trời mưa, mà gia cảnh thì túng thiếu cùng cực...

Vào thời buổi đó, tôi biết những cảnh túng thiếu, đau khổ đã bao trùm trên hàng vạn vạn nóc nhà trên quê hương Miền Bắc của tôi, mà dưới mỗi mái nhà, là mỗi bi kịch diễn ra hàng ngày hàng giờ qua những đường nét đau khổ khác nhau. Tôi cũng xót xa nhận ra, trong chế độ cộng sản, không những con người phải sống trong bi kịch, mà ngay cả chim muông, cầm thú, cỏ cây, cũng vật vã khổ đau... qua muôn hình vạn trạng.

Hai hình ảnh của hai người thiếu phụ, trong hai hoàn cảnh khác nhau, đã làm cho tôi xúc động vô cùng. Tôi bước ra ngoài đường nhựa, cúi đầu đi dưới ánh đèn để thấy bóng của mình dài ra, ngắn lại, rồi lại dài ra... Lúc đó, tuổi đời tôi còn rất trẻ, nhưng vì sớm phải sống trong đau khổ, túng bần, thiếu thốn tinh mẩu tử, nên tôi giống như một con chim phải tên, phải ná, lúc nào cũng dụt dè sợ hãi và trong thâm tâm luôn luôn cảm thấy mình đã biết buồn từ khi chưa biết cười, biết nói...

Trong niềm xúc động của tâm tư, trong sự khát khao hạnh phúc của gia đình, tôi đi trên đường mà tâm hồn chìm đắm trong sự thẫn thức không thể nào đè nén, chế ngự... Lúc này, tôi chẳng thiết tha gì đến chuyện cầm que để dò mìn. Cái hạnh phúc tôi vừa được hưởng, được chứng kiến, quá lớn lao, nếu lúc ấy tôi có

dẫm trúng một quả mìn, mìn nổ tung, khiến thân xác tôi tan ra làm trăm ngàn mảnh, tôi vẫn thấy hạnh phúc, được chết cùng với cái hình ảnh tuyệt vời mà tôi đã thấy...

Tôi đi như vậy được khoảng 20 phút, thì nghe có tiếng người nói chuyện ồn ào ở phía trước. Chậm rãi nép mình vào một thân cây, tôi quan sát, rồi từng bước, từng bước tôi tiến về phía tiếng ồn. Khi còn cách khoảng 50 thước, tôi nhận ra hình dáng một chiếc xe tăng ngay cạnh đường nhựa, dưới chân cầu. Triền dốc thoải thoải, và dưới ánh đèn, tôi thấy khoảng hơn chục người lính đang tụ tập trò chuyện quanh một cái bàn, hay thân cây gì đó. Tôi phập phồng vừa mừng vừa lo. Tôi không biết có nên đến gặp những người lính đó hay không. Tôi không biết khi tôi nói với họ tôi đi tìm tự do, họ có tin hay không? Trong cái không khí đầy chết chóc của thời chiến lúc đó, tôi cảm thấy có cái gì ngại ngùng, lo sợ một cách vu vơ. Tôi thấy những người lính đó ăn nói bạo dạn, khí phách ngang tàng quá nên tôi thấy ngần ngại...

Sau mấy phút suy nghĩ, chẳng hiểu sao tôi lặng lẽ lùi xa dần, lùi xa dần, rồi rẽ phải, đi dọc theo con đường về hướng nam. Cho đến bây giờ, tôi cũng không còn nhớ rõ, con đường tôi đi vào nửa đêm hôm đó là đường nào, về đâu, nhưng tôi thấy ấm lòng và tự tin, tôi đã bước vào một bước ngoặt quan trọng của cuộc đời. Cuộc đời của tôi trong mai hậu tôi không biết như thế nào, hạnh phúc hay khổ đau, nhưng tôi biết chắc, tôi sẽ sống không uổng phí khi tôi đặt chân đến vùng đất của Tự Do.

Lúc đó tôi đoán khoảng nửa đêm. Đường nhựa rộng thênh thang, vắng tanh vắng ngắt. Đi khoảng mười, mười lăm phút nữa, tôi thấy hiện ra ở bên tay phải một đồn lính khá lớn. Trong sân đồn, xe lớn xe nhỏ đậu đầy. Những bao cát chất chung quanh với nhiều hình thù khác nhau. Ngay lối vào, có mấy hàng dây kẽm gai cuộn tròn, loại bùng bùng, có thể kéo ra, kéo vô dễ dàng. Phía bên tay phải lối vào đồn có một chuồng cu cao khoảng hơn chục thước. Mỗi bên chuồng cu khoảng 3 thước. Nhìn lên chuồng cu tôi thấy có một nòng súng thò ra, nhưng im lìm bất động. Vì bốn phía của chuồng cu đều trống, nên tôi biết ngay trên chuồng cu không có một ai.

Thời tiết lúc đó rất nóng. Nhìn vào sân của đồn lính, tôi thấy ngổn ngan đủ các loại xe cộ. Bỗng dưng tôi trông thấy một chiếc xe đạp, dựa vào một góc tường. Ngay lập tức trong đầu tôi nảy ra ý định, đi vào sân đồn, lấy chiếc xe đạp, rồi đạp thẳng vô Huế. Ý nghĩ đó có thể nói là rất viễn vông, nhưng với tôi lúc đó, là một kẻ không biết gì, thì lại là điều thích thú, tôi tin là mình có thể làm.

Sau khi quan sát động tĩnh một hồi lâu, tôi thấy quả thực cả đồn lính với không biết bao nhiêu xe cộ, quân trang, quân dụng, vũ khí, nhưng rõ ràng là chẳng có một ai canh gác. Yên tâm, tôi từ từ rón rén bước tới. Ngó quanh quẩn một lần nữa chỉ thấy đường xá vắng lặng, trong đồn thì im lìm, không tiếng động. Hít một hơi thở thật sâu, tôi bước tới, thò tay cầm cuộn dây thép gai kéo qua một bên, cho vừa đủ rộng để bước vô. Nhanh chóng, tôi bước mấy bước là lọt vô được sân đồn. Tôi hồi hộp quá, vội bước nhanh mấy bước tới cạnh chiếc xe Jeep. Nhìn vô trong xe, tôi thấy ngay một khẩu AR-15 dựng đứng, báng để trên ghế, nòng gác vào vô lăng. Ngay cạnh khẩu súng là một chiếc nón sắt. Trong đầu tôi thoáng qua ý nghĩ: Điều đầu tiên là tôi phải có một chiếc mũ sắt đội trên đầu. Vì đó là dấu hiệu đầu tiên có những đường nét thân thiện "phe ta" đối với người lính VNCH. Nghĩ đến là làm ngay, tôi dơ tay với chiếc mũ sắt, đội liền lên trên đầu.

Ngay lúc đó, tôi nghe thấy tiếng huýt sáo. Nhìn ra, tôi thấy ở phía xa xa, có người đang đi tới. Luống cuống, không biết làm thế nào, tôi vội vàng nhưng nhẹ nhàng, lùi dần, lùi dần về phía bóng tối, để người kia không nhìn ra tôi. Sự luống cuống, thiếu bình tĩnh đã khiến tôi có những phản ứng vô lý. Rõ ràng tôi đã chấp nhận về đây tìm tự do thì tại sao lúc này tôi không mạnh dạn bước ra giữa vùng ánh sáng nói rõ ý định của mình cho người lính VNCH biết? Nhưng bây giờ thì không kịp nữa rồi. Thân hình tôi đã khuất trong bóng tối, tạo cho tôi cảm giác yên ổn, an toàn, nên tôi muốn níu kéo lấy cái an toàn, dù là tạm thời đó.

Nhìn ra, tôi thấy dưới ánh sáng của đèn điện, một người lính cởi trần, mặc có chiếc quần đùi. Trên cổ lưng lẳng chiếc thẻ bài và một chiếc còi. Vì thời tiết lúc đó nóng, nên người lính vừa đi vừa huýt sáo, bộ điệu rất yêu đời. Tôi đoán, người lính đó có bồn phạn gác chuồng cu, mới bỏ chuồng cu đi đâu đó, giờ quay trở về. Trong thoáng chốc, tôi không biết có nên bước ra nói rõ ý định của mình với người lính hay tiếp tục ẩn mình chờ lát nữa lấy xe đạp rồi đạp về Huế. Tôi chỉ nghe thấy Huế đẹp trong thơ văn, nay tôi muốn thấy Huế bằng mắt... Giữa lúc tôi đang lưỡng lự như vậy thì người lính đã bước tới gần chiếc xe Jeep. Tôi biết anh chỉ cần đi vài bước nữa là tới chân cầu thang của chuồng cu, và khi đó, anh sẽ leo lên đó tiếp tục phiên gác của mình. Đột nhiên, người lính gác dừng lại, ngó quanh. Thôi chết tôi rồi, người lính đã nhìn thấy vòng dây kẽm gai bị kéo sang bên. Người lính đã phát hiện có người đi vô đồn... Làm thế nào bây giờ đây?...

Đột nhiên ngay lúc đó, từ phía thị xã Quảng Trị có một chiếc xe tuần tiễu chạy tới, đèn pha chiếu sáng quắc. Ngay khi chạy tới gần đồn lính, xe quẹo cua về bên phải, nên ánh đèn pha của xa quét một vòng từ trái sang phải. Cả sân đồn lính, bao gồm mọi vật, trong đó có tôi, bỗng dưng hiện rõ mồn mồn dưới ánh đèn pha. Tôi hoảng hốt nhìn về phía người lính. Trong thời gian không đầy một tích tắc đồng hồ, linh tính cho tôi biết, người lính đã nhìn thấy tôi, và người lính cũng biết, tôi đã nhìn thấy anh. Chắc chắn, hình ảnh

của tôi đứng núp cạnh chiếc xe GMC không phải là hình ảnh thân thiện gì. Quý độc giả cứ tưởng tượng, lúc đó là nửa đêm của thời chiến, của một đêm mà các sư đoàn của VC đang dần dần bủa vây Quảng Trị, và thị xã Quảng Trị đang trong tình trạng thiết quân luật. Giữa sân đồn lính, có một người đầu đội nón sắt của lính VNCH, thân lại choàng một chiếc áo mưa màu đen của bộ đội, đang đứng im phăng phắc, mắt mở to thao láo, và đối diện trong khoảng cách khoảng 10 thước là người lính VNCH, cời trần, trong tay không có một tấc sắt....

Vì ánh đèn pha của chiếc xe tuần tiểu chỉ quét qua sân đồn khi quẹo cua, nên sau một hai giây đồng hồ, sân đồn trở lại tình trạng như cũ. Nghĩa là tôi lại ở trong bóng tối, còn người lính VNCH thì vẫn đứng giữa vùng ánh sáng. Từ lúc người lính nhìn thấy tôi cho đến giờ, anh hoàn toàn bất động, đứng im lìm bên cạnh chiếc xe Jeep. Còn tôi lúc đó cũng im lìm, không biết mình phải nói gì, làm gì. Tất cả những chuyện quan trọng này đáng lẽ tôi phải lường trước và phải chuẩn bị, nhưng tôi đã không làm.

Giữa lúc im lặng căng thẳng và bối rối như vậy, tôi nghe người lính hỏi:

- Ai?

Theo phản xạ tự nhiên, tôi trả lời:

- Tôi!

Trả lời xong, tôi biết, câu trả lời của tôi rất tối nghĩa. Tôi định cất tiếng nói nhưng lúng túng không biết nói gì. Ngay khi đó, tôi thấy người lính vẫn nhìn về phía tôi, nhưng tay trái của anh đang từ từ thò vào trong chiếc xe Jeep. Tôi biết ngay, người lính đang thò tay lấy khẩu AR-15 gác trên vô lăng xe. Vì vậy tôi vội nói ngay:

- Ông không cần phải dùng đến súng đâu!

Lập tức, tôi thấy người lính rút ngay tay lại, rồi đứng yên, bất động. Thấy người lính như vậy, tôi hiểu ngay, anh đã hiểu sai ý của tôi. Câu nói của tôi lúc đó chỉ có ý, tôi về đây với thiện chí của một người bộ đội đi tìm tự do, chứ không hề có ác ý gì, nên anh đâu cần phải dùng đến súng. Nhưng trong cương vị người lính VNCH, khi nghe tôi nói như vậy, anh tưởng, tôi là người đã sẵn sàng súng ống, sẵn sàng nhà đạn và câu nói của tôi là một lời cảnh cáo... (Ôi, người lính VNCH tối hôm đó, giờ anh đang ở đâu? Nếu đọc được những dòng chữ này, xin hãy liên lạc với tôi...)

## KỶ 8

Vì lúc đó, tôi vẫn còn đứng trong bóng tối, còn anh lính VNCH thì đứng dưới ánh sáng đèn điện, nên tôi nhìn thấy anh rõ mồn một, còn anh, nếu có nhìn thấy tôi thì cũng chỉ thấy một bóng đen mờ mờ mà thôi. Chính trong hoàn cảnh đó, nên câu nói tối nghĩa của tôi, "Ông không cần phải dùng đến súng đâu!" càng khiến cho bầu không khí thêm căng thẳng. Nhận ra sự nguy hiểm của câu nói tối nghĩa, tôi vội vàng nói thêm:

- Tôi về đây là để đầu hàng các ông... Tôi không có ác ý gì cả... Tôi đi tìm tự do mà ông...

Tôi nói lấp bắp liền một hơi mấy câu vì nói xong câu trước, tôi vẫn thấy không rõ nghĩa nên phải nói thêm câu sau. Nói xong cả ba câu, tôi thấy vẫn chưa đủ, mà cần phải làm một hành động gì cụ thể và rõ ràng để thể hiện thiện chí của mình hơn. Nghĩ tới đó, tôi vội vàng bước ngay ra vùng ánh sáng đèn điện, hai tay dơ cao lên khỏi đầu...

Thấy tôi như vậy, người lính có lẽ đã hiểu rõ phần nào ý định của tôi, nhưng chắc chắn anh chưa thể nào tin tưởng ngay những lời tôi nói... Lập tức, anh đưa ngay tay vô trong chiếc xe Jeep, lôi khẩu AR-15 ra khỏi xe, lên đạn, chĩa nòng súng về phía tôi, rồi đưa ngay chiếc còi đeo ở cổ lên miệng thổi liền mấy hồi còi ròn rã...

Nhìn nòng khẩu súng AR-15 chĩa về phía mình trong khoảng cách không đầy 5 thước, tôi rùng mình sợ cứng cả người. Tôi hiểu, lúc đó, nếu tôi sơ sẩy có bất cứ hành động gì, khiến anh lính VNCH hiểu lầm, lập tức tôi sẽ ăn đạn. Vì vậy, tôi đứng yên bất động, hai tay dơ cao khỏi đầu, miệng lấp bắp mà không biết mình nói gì... Tôi biết rằng, lúc đó, tôi càng tỏ ra sợ hãi, nhút nhát bao nhiêu thì cơ hội sống sót của tôi càng lớn.

Sau khi thổi mấy hồi còi, người lính VNCH liền chĩa nòng súng AR-15 lên trời và bóp cò... Những tiếng nổ chói chói vang lên từng tràng, phá tan sự yên tĩnh của đêm tối. Lập tức, từ trong căn nhà, mấy chục người lính chạy ra, có người cầm súng, có người không, có người đeo trên vai lưng lẳng những băng đạn,... nhưng hầu hết đều cời trần. Tất cả đều vây tròn quanh tôi và anh lính gác... Tiếng huyền não nổi lên, đủ các câu hỏi, tiếng hò hét, mà tôi thì quá hoảng hốt, nên chẳng nhớ được gì. Nhất là từ ngày đó cho đến nay, cuộc đời tôi liên tục trải qua những biến động kinh hoàng có, đau khổ có, yêu thương hạnh phúc cũng có, mà cái nào cũng lớn lao, sâu đậm, nên đến giờ phút này, ngồi viết lại, tôi chẳng còn nhớ được nhiều... ngoài những chi tiết quan trọng, tạo nên những bước ngoặt lớn lao của cuộc đời tôi.

Đầu tiên là những câu hỏi gay gắt, nghiêm khắc, và có cả những câu hỏi dọa nạt, đến từ đằng trước, đằng sau, bên trái, bên phải... mà tôi nhớ đại khái như thế này.

- Anh là ai?
- Tôi là bộ đội.
- Anh vô đồn này lúc nào?
- Tôi vô lúc này.
- Lúc này là lúc nào?
- Tôi không nhớ là lúc nào.
- Anh vô đã lâu chưa?
- Khoảng 15, 20 phút.
- Ngoài anh, còn những ai nữa?
- Chỉ có mình tôi thôi.
- Anh phải nói thật. Chúng tôi sẽ ra lệnh bao vây và kiểm soát toàn bộ khu vực này ngay bây giờ. Nếu phát hiện ra một người bộ đội thứ hai, là anh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Anh rõ chưa?
- Thưa, tôi rõ!
- Có đúng là anh vô đây chỉ có một mình không?
- Đúng, tôi vô đây chỉ có một mình!
- Anh bảo đảm không?
- Tôi "đảm bảo"!
- Anh vô đây làm gì?
- Tôi vô đây để đầu hàng các ông. Tôi muốn tìm tự do...
- Nếu vậy anh là hàng binh. Anh phải khai đúng sự thật, thì anh sẽ được đối xử tử tế như một hàng binh. Anh hiểu chưa?

- Tôi hiểu. Tôi cảm ơn các ông.

Ngay lúc đó, tôi thấy có một người lính VNCH lớn tuổi, khoảng gần 50. Trong khi những người lính đều cởi trần thì ông mặc quần áo đàng hoàng. Nét mặt của ông có vẻ khắc khổ, nhưng phúc hậu. Ông quay ra phía mấy người lính nói gì không rõ, một hồi... Sau đó, tôi thấy mấy người lính đứng quanh tôi tản mát, người đi vô nhà, người đi lên, kẻ đi xuống. Riêng người lính già bước lại phía tôi, nhắc chiếc mũ sắt ra khỏi đầu và nhìn tôi cười. Nụ cười của ông thật chân thật và thân mật vô cùng. Tôi xúc động nhìn ông, không nói nên lời. Sau những phút căng thẳng về trí tuệ và thân xác, được trông thấy nụ cười của ông, và cặp mắt ông nheo nheo, lấp lánh dưới ánh đèn điện, tôi thở phào một tiếng và nhủ lòng: "Vây là mình thoát chết!"

Người lính già cất tiếng, giọng Nam, ấm áp và chân tình:

- Chiếc mũ sắt này nặng lắm. Bỏ ra cho đỡ nặng. Bây giờ chú em theo qua lại đây.

Tôi ngoan ngoãn đi theo ông. Chung quanh vẫn còn những người lính và những cặp mắt tò mò nhìn theo tôi. Chỉ một chiếc ghế đầu ngay gần cửa, người lính già bảo tôi ngồi. Tôi vừa ngồi xuống, thì người lính già cúi xuống, ghé sát mặt tôi, rồi nói vừa đủ để tôi nghe:

- Qua trông chú em là qua biết chú em thiệt thà. Qua dặn chú em điều này, chú em phải nhớ kỹ và làm đúng như lời qua dặn nghe. Được vậy thì chú em đỡ khổ nhiều lắm...

Nghe vậy, tôi hơi lo lo, nên chỉ biết gật đầu nhẹ, mà không nói thành tiếng. Nhìn ra chung quanh, tôi vẫn thấy có những người lính VNCH đang nhìn tôi. Trong ánh mắt của họ, tôi thấy có sự tò mò, nỗi thương hại, và có cả sự tinh nghịch, thích thú trong đó...

Tiếng người lính già lại cất lên:

- Từ rày trở đi, có ai hỏi chú em về làm gì, thì chú em trả lời tôi về "chiêu hồi" nghe chưa. Chú đừng nói chú về đầu hàng. Vì nói vậy, là qua sẽ phải coi chú là hàng binh, là phải nhốt tù chú. Rồi sau này hết chiến tranh là qua sẽ phải trả chú về bến cho VC đó.

Nghe người lính già nói vậy, tôi giật mình, và tỉnh người ngay. Thực ra, từ khi đặt chân đến lãnh thổ Miền Nam, hành quân xuống vùng Nam Lào ngay sau khi trận Lam Sơn 719 kết thúc, tôi đã từng nhận được những tờ truyền đơn do phi cơ thả khắp trong rừng. Nội dung của những tờ truyền đơn đó là kêu gọi cán binh, bộ đội VC ra "hồi chánh", "trở về với chính nghĩa quốc gia". Mỗi tờ truyền đơn là một giấy thông hành, trong đó chỉ rõ, bộ đội, cán binh VC cầm tờ giấy đó trình với bất cứ cơ quan công quyền hay đơn vị QLVNCH nào, lập tức sẽ được đối xử tử tế... Tuy được đọc những tờ truyền đơn đó, nhưng tôi không bao giờ cất giữ, vì làm vậy sẽ rất nguy hiểm... Bây giờ nghe người lính già nói vậy, tôi xúc động và mừng quá, vội trả lời:

- Con cảm ơn "qua". Con nhớ rồi. Từ giờ trở đi ai hỏi con về làm gì, con sẽ trả lời con về "chiêu hồi"...

Thú thực với quý độc giả, ngay từ giờ phút đó trở đi, hai chữ "hồi chánh" đối với tôi rất thân thương và là niềm tự hào. Sau này, được hội nhập với đời sống của Miền Nam, được đi đây đó, học hành, làm việc, bất cứ ở đâu, gặp bất cứ ai hỏi, tôi đều tự hào nói, tôi là một "hồi chánh viên". Cũng giống như sau này, khi trở thành một người Việt tỵ nạn, tôi cũng rất tự hào với hai chữ "tỵ nạn chính trị". Những khi đi làm hăng xướng, trò chuyện với người Úc, tôi bao giờ cũng đồng dạng và tự hào nói "I'm a political refugee".



Trong thời gian về Trung Tâm Chiêu Hồi Thị Nghè, tham dự khoá giảng huấn do Bộ Chiêu Hồi tổ chức, tôi nhớ có một anh bạn, người Hà Nội, cũng chiêu hồi, đã đứng lên thắc mắc về chữ "hồi chánh". Theo anh, chữ "hồi chánh" chỉ dành cho người đã đi theo tà phái rồi biết đường ăn năn, hối cải, quay trở về nẻo chánh thì mới gọi là hồi chánh. Nghe anh bạn nói, tôi thấy cũng có lý. Bản thân tôi từ khi còn bé đã không ưa gì cộng sản. Tôi không hề bao giờ có ý "phấn đấu" để được vô đoàn thiếu nhi, đoàn thanh niên. Cả cuộc đời tôi luôn luôn tránh xa những ai là đảng viên cộng sản. Tôi luôn luôn cho rằng, bất cứ ai đã là đảng viên cộng sản thì thể nào cũng biến chất và không bao giờ là một con người có lòng nhân ái, biết trọng lễ nghĩa, biết yêu thương nhau một cách chân thành. Duy vật biện chứng và tham vọng phấn đấu trên đường danh vọng của người cộng sản, sẽ giết chết tất cả những gì được gọi là thuần lương vốn có ở con người. Và tôi biết rằng, trong suốt những năm tháng tôi ở Miền Bắc, đâu đâu tôi cũng thấy nhan nhản những người Việt Nam là nạn nhân của chế độ cộng sản. Còn người Việt Nam là cộng sản có rất ít. Cả một làng quê tôi sống, cả mấy ngàn dân, hoạ may chỉ có khoảng 100 người cộng sản là cùng. Nếu lúc đó ở Miền Nam có ai bay ra được Miền Bắc mà nhìn xuống, người đó sẽ thấy cả xã hội Miền Bắc, hàng chục triệu người sống khổ sở, đói khát, lạnh lẽo và không hề có tự do, lúc nào cũng nơm nớp sợ hãi, sợ cả người hàng xóm, sợ cả chính người cũng khổ sở như mình... Trong số đó, có rất nhiều người ngày đêm dí sát tai vào chiếc radio, nghe ngóng tin tức về những cuộc "Bắc tiến" của Miền Nam. Trong số những người ôm radio, ngóng đợi, mong chờ tin "Bắc tiến" đó có thầy tôi và ông Tổng Tu, thông gia với thầy tôi, mỗi khi thầy tôi ghé thăm ông ở Hà Nội vào dịp tết.

Mỗi năm, vào dịp tết đến, thầy tôi thường dắt tôi đi bộ qua hàng chục làng mạc khác nhau, rồi mới về đến quê là làng Đầm mà trên giấy tờ gọi là làng Bích Trì. Tại làng Đầm, ba tôi dắt tôi thăm mộ tổ, mộ ông nội, mộ bà nội, mộ ông ngoại, mộ bà ngoại, mộ chị Phúc, rồi mộ họ hàng chú bác.... Tất cả các ngôi mộ đó đều xây rất to. Nhất là mộ tổ xây vuông vức, mỗi chiều 4, 5 thước, cao tới ngực của tôi. Trong mộ tổ có 3 ngôi mộ khác xây vòng tròn. Riêng mộ chị Phúc, và mộ bà, khi qua đời là lúc ba tôi đã bị đầu tở địa chủ, rau cháo còn không có ăn, thì làm sao có tiền xây mộ. Bà nội tôi khi qua đời, ba tôi không có đủ tiền để mua một ngọn đèn cầy, một nén nhang, thì làm sao mua nổi chiếc quan tài. May mắn, lúc đó có cụ lang An tuổi đã cao, con cháu đã mua sẵn cho cụ chiếc quan tài để trong nhà, nên khi thấy bà nội của tôi mất, cụ lang An thương thầy tôi, không muốn bà nội của tôi phải bó chiếu chôn, nên đã cho thầy tôi chiếc quan tài của cụ... Nhờ nghĩa cử to lớn đó, nên ba tôi lúc nào cũng coi cụ lang An là một đại ân nhân của gia đình. Và hôm nay, khi viết những dòng chữ này, tôi cũng rưng rưng lệ và âm thầm cầu nguyện cho cụ lang An được mãi mãi vinh hiển trên nước Chúa...

Vì mộ bà nội và mộ chị Phúc chỉ là nắm đất nhỏ bé, sơ sài, nên năm nào cũng vậy, ba tôi và tôi phải mất mấy tiếng đồng hồ, làm cỏ, dọn dẹp và khiêng những cục đất tảng, hoặc những viên gạch vỡ ở chung quanh về đắp lên trên mộ. Ba tôi vừa làm vừa khóc. Tôi cũng khóc theo. Làm xong, ba tôi và tôi đứng đọc kinh cầu nguyện thật lâu... Tết ở Miền Bắc bao giờ cũng là mùa đông lạnh lẽo, mưa phùn gió bắc. Mà gia đình của tôi lúc đó nghèo lắm, quần áo không có đủ để mặc. Lúc nào cũng phong phanh một bộ, rách như tổ đũa, vá chằng vá đụp. Trong khung cảnh lạnh lẽo đó, ba tôi và tôi vừa mệt nhọc, vừa đói khát, chùn chùn chung một manh áo mưa rách, vừa đọc kinh, vừa nhìn một bà, một chị Phúc... mà khóc...

Thầy tôi sống trong cảnh gà trông nuôi con, cả đời chỉ biết dùi mài kinh sử, yêu quý lời của thánh hiền, luôn luôn dạy tôi "khai quyền hữu ích", mở sách là có lợi, nên đâu có biết gì đến kim chỉ. Nhưng do hoàn cảnh, phải cầm kim cầm chỉ để khâu vá quần áo cho tôi. Vì vậy, những miếng vá của thầy tôi trông xấu xí vô cùng. Thậm chí có những miếng rách nhỏ, không có vải để vá, thầy tôi chỉ lấy chỉ quấn quanh mấy vòng thành cái nút nhỏ, nên quần áo của tôi trong méo mó thể thảm. Mỗi khi đi học tôi xấu hổ với bạn bè vô cùng, và thường xuyên bị bạn bè dè bỉu. Đã mang tiếng là con địa chủ, mà lại nghèo khổ nữa nên tôi khổ sở, đi học mà lúc nào cũng như con chim bị tên sợ đậu phải cành cây cong. Những lúc đến giờ ra chơi, tôi thường ngồi chết dí trong lớp, không dám ra ngoài, vì sợ bị chêu chọc, sợ những miếng vá trên quần áo, có thể rách, có thể tuột chỉ, làm trò cười cho thiên hạ....

## KỶ 9

Sau khi thăm mộ và viếng thăm họ hàng ở làng Đầm, ba tôi và tôi sẽ đi bộ lên ga Phủ Lý. Từ làng Đầm lên Phủ Lý có 5 cây số. Trên đoạn đường 5 cây số đó, chúng tôi đi dọc theo khúc đê ngoằn ngoèo bên dòng sông Châu. Đó là đoạn đường thật tuyệt vời về mùa hè vì gió từ sông Châu lúc nào thổi lên cũng mát rượi, và dọc theo bờ đê là những rặng ổi chạy dài, khiến không khí lúc nào cũng được ướp trong mùi thơm của ổi. Mỗi khi đi qua đấy, tôi đều hít những hơi thở thật căng lồng ngực và thấy thật yêu đời.... Sau này, trong những năm tháng xuôi ngược khắp mọi miền đất nước, và ngay cả khi sang Trung Cộng, đến Hồng Kông, rồi định cư ở Úc, nhưng không hiểu sao, mỗi khi tôi hít một hơi thở đầy lồng ngực là tôi lại thấy thoang thoang mùi thơm của trái ổi phảng phất trong không gian... Thì ra, quê hương là một cái gì thân thương, êm dịu, ngọt ngào và đi vô trong tiềm thức một cách vô hình, không thể nào giải thích được. Cho đến bây

gì, tôi vẫn nhớ đến những con đường lầy lội, những vũng nước chân trâu của quê nhà. Nhớ cái đẹp, cái thơm tho còn dễ hiểu, nhớ cả những cái xấu xí của quê hương, mới lạ lùng, khó hiểu...

Tới ga Phủ Lý, chúng tôi chờ mua vé có khi ghé Đồng Văn chơi, rồi sau đó ghé Hà Nội, đến nhà bà chị ở phố Huế. Trong những ngày tháng khi còn ở tuổi ấu thơ, đầu óc của tôi lúc nào cũng đầy ắp những mộng mơ, những trò chơi tinh nghịch, và thành phố Hà Nội là cả một quyển rữ vô cùng đối với tôi. Nhưng chẳng hiểu sao, trải qua mấy chục năm trời, mỗi khi nghĩ đến Hà Nội, hình ảnh khắc sâu vào tâm trí của tôi vẫn là hình ảnh ba tôi và ông thông gia ngồi trên cái sập gụ, cùng ghé sát tai vào chiếc radio để trên chiếc tủ chè khảm xà cừ. Cả hai cùng chăm chú lắng nghe những chương trình phát thanh tiếng được tiếng mất từ chiếc radio, rồi cùng xầm xì bàn tán với một vẻ mặt vô cùng hệ trọng. Sau này, lớn lên một chút, tôi mới biết là cả hai cụ đều nóng lòng trông đợi từ chiếc radio tin tức "Bắc tiến" để đảo lộn cuộc đời...

Cuộc đời của ông thông gia với thầy tôi là cả một bi kịch điển hình cho những người Việt có lòng yêu nước, nhưng ngây thơ về cộng sản. Ông người làng Đồng Văn, gia đình danh giá. Sau ông lên Hà Nội học hành và tài giỏi có tiếng. Trong suốt thời gian 9 năm kháng chiến chống Pháp, vì lòng yêu nước và ảo tưởng về những người Việt Minh, ông đã dùng tài ba và sự quen biết của ông với người Pháp, buôn bán thuốc tây và xăng nhớt cho Việt Minh. Qua những câu chuyện giữa ba tôi với ông Đồ Tường, ông Lang An, tôi biết được, trong những năm đầu thập niên 1950, ai đèo xe lừa từ Phủ Lý đi Hà Nội, qua ga Đồng Văn, sẽ thấy những cách đồng chạy dài dọc theo đường xe lừa, chất đầy những phuy xăng, loang loáng phản chiếu ánh sáng mặt trời. Đó là những phuy xăng của ông thông gia, chờ đợi chuyên chở vô các mặt khu kháng chiến của Việt Minh. Chính nhờ có công với Việt Minh như vậy, ông thông gia được Việt Minh cấp cho cả xấp giấy "Tổ quốc ghi công". Ôm xấp giấy đó trong lòng, ông đinh ninh tin tưởng, khi "cách mạng thành công", Việt Minh trở về tiếp quản thủ đô Hà Nội, ông sẽ được VC đãi ngộ như là một đệ nhất ân nhân... của chế độ CS.

Vì đinh ninh như vậy, nên năm 1954, ông nhất định ở lại Hà Nội, và bắt luôn mấy người con cũng phải ở lại với ông. Gia đình ba tôi có 2 người chị, lấy 2 người con trai của ông. Đến năm 1954, một người con trai của ông nhất quyết vô Nam cùng với vợ con. Gia đình người này sau sống ở Sài Gòn. Khi tôi vô Nam gặp lại và sống với người chị và ông anh rể đó. Còn lại một bà chị nữa thì phải ở lại cùng với chồng ở Phố Huế, Hà Nội. Ông thông gia còn có một người con trai út, đang học Y khoa thì năm 1954 ập đến cùng với tất cả những đau thương, bi kịch và mọi ảo tưởng, hy vọng của gia đình bị sụp đổ. Nhà cửa của thông gia lần lượt bị tịch thu, của cải phải xung công để "giúp đỡ cách mạng vì buổi ban đầu cách mạng còn rất nghèo, đất nước còn gặp nhiều khó khăn". Thậm chí ngay cả tòa nhà hai tầng ở Phố Huế là nơi gia đình ông thông gia cư ngụ mấy chục năm trời, VC cũng cho người đến ở chung và theo dõi. Ngay cả chiếc xe hơi cuối cùng của ông, VC cũng không chịu cấp phát bông xăng, nên xe phải nằm ụ một đống cho đến khi không còn hy vọng gì ở sự trả ơn của người VC, ông thông gia mới chịu "hiển không cho cách mạng". Mặc dù cửa chìm trong nhà vẫn còn, VC khu phố bắt ông phải đi làm, chứ không được phép "ngồi không ăn bám". Cuối cùng, ông đành phải cuốc bộ ngày 4 lần đi làm cho một hãng làm mũ, cách đó khoảng 2 khu phố, để nhận những đồng lương chết đói.

Quá phần uất trước cuộc đời và hoàn toàn thất vọng, bế tắc trước cuộc sống không có tương lai, người con trai út của ông thông gia là anh Q. đã lên đường vượt tuyến vô Nam, qua dòng sông Bến Hải. Năm đó là năm 1956 hay 1957 gì đó. Khi tôi ghé chơi căn nhà Phố Huế, những đứa cháu gái của tôi còn chỉ cho tôi những tấm hình anh Q. khắc trên sân thượng, và được nghe kể về những huyền thoại ngang ngược tung hoành của anh tại Hà Nội. Sau này, vô Nam, tôi lại được gặp anh, được chứng kiến cuộc sống ngang tàng, lúc thịnh lúc suy của anh. Nghe đâu lúc gặp thời, anh được trọng dụng, vì anh là một trong những người hời hợt đầu tiên tại Miền Nam. Anh có xe hơi riêng, và nghe nói có lúc, anh nắm quyền điều động một trung đội lính nghĩa quân có trách nhiệm bảo vệ Trung Tâm Chiêu Hồi Thị Nghè.

Tôi phải dài dòng một chút về những kỷ niệm xưa, để quý độc giả hiểu rõ hơn những cảm xúc, những rung động khi tôi được gặp gỡ lần đầu tiên những người lính VNCH, những người lính mà ba tôi và ông thông gia, cùng không biết bao nhiêu triệu người Việt trên đất Bắc đã ngày đêm mong đợi họ sẽ ào ạt đổ quân lên đất Bắc trong một cuộc Bắc tiến giống như hai thế kỷ trước, Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh, giải phóng quê hương khỏi họa ngoại xâm nhà Thanh.

Nửa đêm hôm đó, ngồi trong đồn lính cảnh sát dã chiến, ngay cạnh thị xã Quảng Trị, tôi bàng hoàng nhìn những người lính, nhìn cảnh xe cộ, súng ống... Giữa lúc tôi đang còn sống trong mộng như vậy thì đột nhiên, từ phía thị xã Quảng Trị có hai chiếc xe Jeep phóng thẳng vô đồn. Trên hai chiếc xe, tôi thấy có nhiều người lính, hoặc sĩ quan, nhưng tôi không rõ cấp bậc. Tôi chỉ nhớ có một người lính ăn mặc rất đẹp, quần áo ủi hồ cứng bóng, điệu bộ rất tài tử, và khẩu súng anh ta đeo ở hông cũng đặc biệt, để lộ ra chiếc băng súng bằng ngà. Cho đến nay, tôi cũng không biết rõ cấp bậc anh ta là gì. Nhưng tối hôm đó, anh có vẻ xếp sếp vì tôi thấy anh liên tục ra lệnh... Sau đó, tôi được lệnh lên xe theo anh về gặp xếp của anh.

Vừa mới lên xe ngồi, tôi đang bàng hoàng thì người lính già xuất hiện, thò tay nắm lấy tay tôi. Bàn tay ông xương sấu, ram rám, gân guốc, chai sạn. Ông bóp lấy bàn tay tôi, như một sự gửi gắm, nhấn nhủ... Tôi rất

xúc động. Chỉ mới có không đầy nửa tiếng đồng hồ, mà tình cảm của tôi đối với ông thật sâu đậm... Sau đó, ông vỗ vai người sĩ quan tài tử ngồi phía trước tôi và phía bên phải người tài xế, rồi ông nói đại khái: - Mày nhớ là chú em này về chiều hồi đó nghe. Đãi ngộ xứng đáng, và nhớ là không được còng tay còng chân gì đó...

Tối hôm đó, sau khi gặp tướng Giai, tôi được đưa về một căn phòng có khóa. Tại đây, tôi được trao cho một bộ đồ lính VNCH. Vì bộ đồ bộ đội tôi mặc lúc đó rách bươm, nhất là hai ống quần dính bê bết máu. Máu đã khô, làm vải quần dính chặt vào da, cởi ra đau đớn vô cùng. Một người lính VNCH phải dắt tôi xuống bếp, lấy nước sôi pha với nước lạnh cho ấm, rồi đắp lên hai ống quần cho mềm. Sau đó, anh lính lấy kéo cắt ống quần thành từng mảnh nhỏ, rồi gỡ dần thật nhẹ nhàng. Vậy mà tôi vẫn phải chịu đựng đau đớn gần một tiếng đồng hồ mới gỡ hết tất cả những miếng vải của chiếc quần bộ đội khỏi đôi chân của tôi...

Tối hôm đó, món ăn đầu tiên tôi được thưởng thức trên vùng đất tự do là gói đậu phộng da cá, do chính người lính đẹp trai đưa. Sau đó, tôi được ăn cơm xáy, đồ hộp, được đưa đi tắm rửa rồi lên giường ngủ một giấc đầy ác mộng. Trong giấc ngủ, tôi nằm mơ thấy tôi bị hàng chục tên VC đuổi bắn. Tôi bị trúng đạn vào cổ, máu chảy tung tóe, nhưng tôi vẫn chạy. Tôi chạy nhanh lắm, và càng chạy nhanh thì vết thương ở cổ của tôi càng xé to ra, gió lùa vào càng mạnh, khiến máu càng phun ra có vòi, và tôi nghe thấy cả tiếng gió hú từ vết thương thành tiếng u... u... Đến đó tôi giật mình tỉnh dậy, toát mồ hôi, kinh sợ hồi lâu... để rồi vui mừng nhận ra là mình đang nằm mơ... ở giữa vùng trời tự do!

Trong suốt những năm sau này, cơn ác mộng đó thỉnh thoảng vẫn đến với tôi. Lúc đầu thì thường xuyên, tháng độ vài lần. Sau thưa dần rồi mất hẳn... Nhưng điều kỳ lạ là khi VC vô Nam năm 1975, thì bỗng dưng cơn ác mộng đó lại xuất hiện. Vì phải sống trong những cơn ác mộng như vậy, nên tôi luôn luôn định ninh thế nào cũng có ngày tôi bị VC bắn chết ý hệt trong mơ. Cho đến khi tôi phải bơi qua sông Calong, vượt biên sang Trung Cộng vào ngày 1 tháng 10 năm 1978 (tôi nhớ ngày đó vì đó là ngày Quốc khánh của Trung Cộng), tôi vẫn còn tiếp tục sống với cơn ác mộng y hệt như cơn ác mộng tôi trải qua ngay trong đêm đầu tiên đặt chân đến vùng đất của tự do. Rồi khi đặt chân đến Úc, phải vô bệnh viện Randwick để điều trị vết bầm trong phổi (vì tôi bị hơn chục vệ binh quân giáo VC đánh hội đồng tại quân lao Gò Vấp vào năm 1976), tôi vẫn còn gặp và phải trải qua những cơn ác mộng như vậy, và có những đêm khuya, tại bệnh viện Randwick tôi đã vừa chạy vừa la hét âm ỉ...

Khi tôi về đến Quảng Trị là lúc VC bắt đầu pháo kích vô thị xã. Vì vậy, tôi chỉ sống ở Quảng Trị có vài ngày, sau đó được đưa về Đà Nẵng. Tại đây, tôi được gặp một vài anh bạn bộ đội hồi chánh khác, trong đó có hai anh nguyên là tù binh nhưng được đổi sang dạng hồi chánh. Lúc đó, chúng tôi có khoảng 5 hay 6 người. Được cấp tiền riêng để đi chợ mua đồ ăn rồi về nấu nướng ăn uống với nhau. Điều tôi thấy lạ lùng nhất là hầu như không có một người lính VNCH nào tỏ ra nghi ngờ theo dõi chúng tôi. Đồng ý, trong lòng của tôi, khi về chiều hồi là thực lòng. Nhưng tôi biết, không phải người hồi chánh nào cũng thực lòng. Sống trong chế độ CS hai chục năm trời, tôi hiểu, người CS có trăm phương ngàn kế để trà trộn, thâm nhập, phá hoại. Nhưng trong những ngày tháng đó, chúng tôi hoàn toàn được sống tự do, được đi chợ mua sắm, mà không hề có một người lính nào theo dõi, giám sát.

Một hôm, tôi và anh Nhị, cùng mấy hồi chánh viên khác được lên xe đi ra phố mua sắm. Đó là lần đầu tiên tôi được chứng kiến một khu chợ búa sầm uất của Miền Nam tự do. Hàng hóa tràn ngập, đồ ăn thức uống không thiếu thứ gì. Nhưng điều làm tôi xúc động nhất, thấy cuộc đời đi tìm tự do của mình có ý nghĩa nhất là một quầy sách có đủ những loại sách mà tôi có nằm mơ cũng không thể thấy. Trong suốt cuộc đời 20 năm của tôi ở Miền Bắc, tôi luôn luôn khao khát được đọc. Đọc bất cứ thứ gì, miễn sao nó có chữ. Nhất là những cuốn sách bị cấm thì nó luôn luôn có một ma lực lôi cuốn vô cùng. Nói đúng ra, tất cả những sách cũ, xuất bản trước năm 1954, đều là sách cấm. Mượn được những cuốn sách loại này là cả một ơn huệ vô cùng to tát đối với tôi.

## KỶ 10

...Cũng vì lòng ham mê đọc sách cấm, nên ngay từ khi mới trên dưới 10 tuổi, tôi đã thường xuyên bị ông anh đánh đòn chỉ vì tội, lấy trộm sách của ông đọc lén. Trong căn nhà của tôi ở vào những năm đầu thập niên 1960, là một căn nhà tranh, nghèo nàn, nền đất lồi lõm giống như ngoài sân, vách cũng làm bằng bùn trộn với rơm. Trong căn nhà nghèo khổ đó, có những vật dụng quý phái tương phản một cách lạ lùng. Chúng là dấu tích của thuở vàng son của gia đình tôi ngày xưa để lại. Đó là một chiếc lọ lục bình bị bể miệng, cao gấp rưỡi tôi. Là chiếc điều ống khảm bạc, có chiếc cần cong vút bằng đồng. Là hai chiếc thùng bằng sắt tây to bằng hai người ôm, cao gần bằng tôi, có dòng chữ vừa tiếng Việt vừa tiếng Hoa, "Thuốc Lào Vinh Ký". Vinh Ký là tiệm thuốc Lào của nhà tôi ngày xưa ở Hà Nội. Ngoài ra, còn mấy tấm câu đối chữ nho, và một bức hoành phi thật to, có 3 chữ nho, "Thừa Thiên Ưu". Qua những câu chuyện của thầy tôi với những người bạn của ông cụ khi họ tới thăm, mà tôi có dịp say sưa ngồi hóng chuyện, và say sưa hít khói

thuốc Lào, tôi biết được, bức hoành phi đó do một người tặng thầy tôi khi ông cụ ăn khao, với ý nghĩa, mọi sự giàu sang phú quý vinh hiển mà thầy tôi có được là nhờ ân nghĩa của trời...

Những vật dụng mang dấu tích vàng son đó đã được đào lên từ chiếc hầm ở làng Đầm, sau khi thầy tôi được xuống địa chủ. Khi đào hầm mới biết, phần lớn những cửa cải thầy tôi chôn xuống khi phải "tiêu thổ kháng chiến" đã bị ai đó đào lên lấy gần hết. Trong số những vật dụng dấu tích vàng son của ngày xưa ấy, tôi mê đắm nhất là những bó sách cũ, mà ông anh tôi cất ở trên trần nhà. Những cuốn sách cũ được buộc dây cẩn thận, chừng khoảng 50 cuốn mỗi bó. Những bó đó được xếp lên trên hai chiếc cột bắc ngang trần nhà. Hai chiếc cột đó to bằng cổ chân, sơn son thếp vàng, và có con rồng cuốn ở một mặt cột. Theo lời của ông anh tôi, thì đó là hai chiếc cột khiêng võng ngày xưa. Nhưng những cột đó cột võng như thế nào, khiêng võng ra sao, thì tôi cũng không biết.

Vì mê sách lắm, nên tôi cứ rình những khi anh tôi đi vắng, là tôi vội vàng bắc ghế, leo lên, rồi rút từng cuốn sách ra đọc say sưa. Vì còn quá bé, tôi không thể nào đủ sức lôi xuống cả bó từ trên trần nhà. Tôi cũng không thể nào đủ khôn khéo để có thể nhét những cuốn sách đã đọc xong vào trong bó cho ngay ngắn như cũ. Kết quả là sau một thời gian rút sách ra đọc, bó sách sẽ xộc sệch, để rồi một ngày kia, cả bó sách rớt xuống, văng vãi khắp mọi nơi. Sau đó, là một trận đòn nhớ đời, mà số roi đòn, tôi phải tình nguyện tự nhận qua một cuộc "tự kiểm thảo" trước mặt anh tôi.

Tôi có thể nói, ở cả Miền Nam, và kể cả Miền Bắc, tất cả những học sinh ở tuổi tôi lúc đó, không ai phải chịu những khổ sở, những nỗi cực hình qua những cuộc "tự kiểm thảo" như tôi. Cho đến bây giờ, tôi vẫn không hiểu tại sao, ông anh tôi, sinh ra và lớn lên trong thời Pháp thuộc, được học chương trình Pháp, lại cũng là con của thầy tôi, mà ông lại có thể học hỏi và áp dụng được cái lối giáo dục rất phi nhân của người cộng sản, đó là trò "tự kiểm".

Thông thường, mỗi tuần, tôi và những đứa con của anh tôi, cũng sần sần tuổi tôi, phải trải qua màn "tự kiểm" một lần, vào một buổi chiều cuối tuần. Mỗi khi nghe anh tôi hét lên "tự kiểm" là chúng tôi sợ xanh cả mặt. Tất cả 4, 5 đứa chúng tôi phải đứng một hàng ngang trước mặt anh tôi, theo thứ tự, từ đứa lớn nhất đến bé nhất. Tất cả đều phải khoanh tay trước ngực, nét mặt đứa nào cũng đầy lo sợ vì những tội trạng đã phạm trong tuần. Trên bàn là một chiếc roi mây, một đầu được cuộn lại thành vòng tròn cho dễ cầm, dễ quất. Ngồi chễm chệ trên ghế trước mặt chúng tôi là ông anh tôi, với nét mặt nghiêm trọng như một vị chánh án. Không khí trong căn nhà tranh vách đất lúc đó im phăng phắc. Chúng tôi chỉ nghe thấy tiếng thở hổn hển của mình và của người bên cạnh.

Sau vài phút đồng hồ ngấm ngấm sự sợ hãi của chúng tôi, anh tôi bắt đầu mở màn bằng một bài luân lý giáo khoa thư, được cập nhật hóa bằng những lý luận cách mạng của người cộng sản, những trích thời thượng lời của lãnh tụ cộng sản, kể cả "5 điều Bác Hồ dạy", và những thí dụ "người tốt việc tốt" trên báo, trong truyện hay trong phim ảnh tuyên truyền, mà anh tôi đã coi đã xem.

Tiếp theo là màn tự phê rồi phê của từng "bị cáo". Tự phê là chính bản thân "bị cáo" phải cố gắng nhớ lại tất cả những tội lỗi mình đã phạm trong tuần rồi thành thật khai báo. Còn phê là sau đó, những "bị cáo" còn lại phải vắt óc nghĩ xem, "bị cáo" kia khai báo còn thiếu sót chỗ nào, thì thành khẩn bổ sung. Vì trò phê và tự phê đặt nền tảng trên sự thành thật khai báo của mỗi người, cộng với sự thường phạt của anh tôi, nên tất cả "bị cáo" đều say sưa bới móc tội lỗi của nhau, tố khổ nhau. Phạt là phạt thêm roi đòn. Còn thưởng thì chẳng được cái gì mà chỉ được bớt roi đòn mà thôi.

Mỗi "bị cáo", sau khi thành khẩn khai hết tội lỗi của mình, và lắng nghe những lời tố cáo bổ sung của những "bị cáo" đồng cảnh ngộ xong, là đến màn tự mình nhận hình phạt thích ứng cho mình. Trẻ con cũng như người lớn, xưa nay chẳng có ai thích nhận hình phạt nặng nề bao giờ. Chúng tôi cũng vậy. Nhưng nếu chúng tôi nhận hình phạt nhẹ quá là lập tức sẽ bị ghép vào tội thiếu thành khẩn. Ai bị kết tội này, sẽ nhận thêm hai roi đòn bổ túc. Vì vậy, chúng tôi phải nhận hình phạt sao cho hợp với tội trạng. Có vậy, còn hy vọng được anh tôi giảm khinh. Sau khi mình tự nhận hình phạt xong, sẽ đến màn anh tôi hỏi các "bị cáo", hình phạt "bị cáo" tự nhận có xứng đáng không. Nếu không, thì phải tăng lên mấy roi...v.v..

Sau khi số roi được ngã ngũ, sẽ đến màn anh tôi thực thi hình phạt. Anh tôi thường đánh chúng tôi bằng roi mây và đánh vào bàn tay, chứ không mấy khi đánh vào mông. Mỗi người khi chịu hình phạt, phải giỡn một bàn tay trước mặt, bàn tay kia cầm lấy cổ tay, và giữ nguyên cho đến khi bàn tay đó ăn đủ số lượng roi đòn. Chịu roi mây đánh vào lòng bàn tay là cả một cực hình đau đớn, nên theo bản năng, người chịu cực hình hay tự động rút tay lại. Nhưng chúng tôi không bao giờ dám rút tay, và ngay cả bản năng này cũng mất, vì mỗi lần rút tay, để anh tôi đánh hụt, lập tức roi đó sẽ được đánh bù gấp đôi. Thôi thì thà nghiêng răng chịu đau một roi, còn hơn chịu gấp đôi.

Trong những ngày tháng ở tuổi ấu thơ ấy, tôi luôn luôn sống trong nỗi phẫn phùng lo sợ chờ đợi đến những buổi "tự kiểm". Tôi sợ đến nỗi, đã nhiều lần, muốn bỏ nhà ra đi mà rồi vẫn không đi được.

Trong số những tội lỗi phải ăn đòn, bao giờ tội lấy trộm sách cấm cũng ăn đòn đau nhất và nhiều roi nhất. Anh tôi sợ, những cuốn sách cấm đó lọt vô tay tôi, rồi sẽ có ngày lọt ra ngoài, ảnh hưởng đến con đường phấn đấu vô đảng của anh tôi, và tai hại đến cho gia đình, nhất là trong gia đình đó, thầy tôi đã là một địa

chủ thời cải cách ruộng đất. Hơn nữa, anh tôi cũng sợ, đọc những cuốn sách cấm đó tâm hồn tôi sẽ bị "hu hỏng". Nhưng dù bị cấm đoán, bị đòn đau liên tục mỗi tuần, tôi vẫn không bao giờ chừa được tội lấy trộm sách. Đó là cả một nỗi đam mê, giống như chờ được ăn trái cấm. Vì mỗi khi lấy được một cuốn sách, cho dù chưa kịp đọc, niềm vui trong tôi đã lớn lao vô cùng, và lúc nào trong tâm hồn tôi, niềm sung sướng sẽ được đọc cuốn sách đó cũng dạt dào, ngự trị, khiến tôi cả ngày thần thờ như thăng mất trí...

## KỶ 11

Bình thường, một đứa bé đang ở tuổi đi học, đọc truyện đã là điều khó khăn vô cùng, vì cha mẹ luôn cấm đoán. Huống hồ tôi lại đọc sách cấm, thì sự khó khăn nguy hiểm phải gấp bội. Biết tôi mê coi truyện, nên ba tôi có thói quen, đột xuất ghé lại bàn nơi tôi đang ngồi học, và hỏi tôi đang học gì, đang đọc sách gì, cho ba tôi coi. Vì vậy, để có thể ngồi đọc thoải mái những cuốn sách cấm đầy quyển rữ, như Bồng Lai Hiệp Khách, Phong Kiếm Xuân Thu, Giao Truy Hiệp Nữ, Trống Mái, Hồn Bướm Mơ Tiên, Gánh Hàng Hoa, Cơm Thầy Cơm Cô.... tôi phải lột bìa vài cuốn giáo khoa, kích thước to nhỏ khác nhau, rồi dán lại thành những loại bìa sách "cơ động", bọc ra bên ngoài cuốn truyện mà tôi đang đọc. Nhờ vậy, mỗi khi ba tôi ghé lại hỏi "con đang đọc sách gì", là tôi nhanh chóng gập ngay cuốn sách truyện đang đọc lại để cho ba tôi thấy đó là bìa của một cuốn sách giáo khoa. Mưu kế của tôi tuyệt hảo và tôi đã sử dụng mưu kế đó suốt những năm dài từ khi tôi học cấp hai... Cho đến một ngày nọ, vui chuyện, tôi tiết lộ mưu kế của tôi cho một người bạn học. Tưởng là truyền nghề cho bạn, không ngờ, người bạn này liền bí mật kể lại cho ba tôi nghe. Tôi vẫn đinh ninh tưởng ba tôi không biết, tiếp tục dùng mưu gian, cho đến khi tôi bị ba tôi bắt quả tang....

Chiều hôm đó, tôi bị một trận đòn đau lắm, đau vô cùng, chưa bao giờ tôi bị đòn đau như vậy. Tôi bị đánh hồi chiều. Đau đến nỗi tôi đi không được. Tối đến, ba tôi bắt tôi cởi quần áo rồi lấy dầu tây trong chiếc đèn huê kỳ, xoa bóp cho tôi. Vừa xoa bóp, ba tôi vừa khóc... Nhìn những giọt nước mắt của ba tôi đêm hôm đó, tôi xúc động, thương ba tôi vô cùng. Tôi cúi mặt xuống giường, úp mặt vào hai bàn tay, và tôi lặng lẽ khóc trong niềm ân hận... trong khi ba tôi vẫn xoa bóp cho tôi. Chính những giọt nước mắt của buổi tối hôm đó, đã gột rửa tâm hồn tôi, và biến tôi thành một người sống hiếu thảo và có trách nhiệm.

Tôi kể lại lòng đam mê đọc sách của tôi lúc tôi còn bé, để các bạn thấy được khi tôi đứng trước một quầy sách ở phố chợ Đà Nẵng, có đủ các loại sách "cấm", tôi đã trải qua những giây phút hạnh phúc vô biên như thế nào... Sau này được đặt chân đến nhà sách Khai Trí, được đọc những cuốn truyện chường, tôi mới thấy tất cả những giây phút hạnh phúc vô biên khi đứng trước quầy sách ở Đà Nẵng, thiệt chẳng thấm vào đâu. Hay nói đúng hơn, kể từ khi được đặt chân lên vùng đất tự do của Miền Nam, tôi giống như một người leo núi, mỗi ngày trôi qua là một ngày nhìn thấy bầu trời hạnh phúc của mình rộng hơn, cao hơn, mệnh mệnh hơn, với những hương hoa, màu sắc mới lạ hơn. Nhìn lại những ngày tháng từ khi sống tủi nhục, cực khổ trong chế độ cộng sản cho đến khi được hít thở bầu không khí tự do của Miền Nam, tôi thấy cuộc đời tôi giống như một mũi tên rời khỏi cung, bay băng băng trong đêm tối, bay cả trong lúc hoàng hôn, bay cả khi bình minh. Tôi thấy mình giống như một cậu bé mới lớn, choáng ngợp trước cả một thế giới đồ chơi đầy mới lạ, trong khi thời gian của đời tôi thì có hạn...

Sau khi ở Đà Nẵng được mấy tuần, vì chiến trận lan rộng, nên tôi được chuyển về Phủ Đặc Ủy Tỉnh Báo Trung Ương ở bến Bạch Đằng. Tại đây có một bác có gương mặt phúc hậu, thường xuyên làm việc với tôi. Ngay buổi làm việc đầu tiên, bác hỏi tôi thích gì nhất trên đời. Tôi trả lời, thích đọc sách. Bác mỉm cười, mở chiếc tủ nhỏ ngay cạnh ghế, lấy ra một cuốn sách đưa cho tôi. Tôi nhìn bìa thấy bốn chữ Cô Gái Đồ Long, nét chữ tung hoành, cùng với bức tranh vẽ một trang nam tử đang giao đấu ác liệt một nữ nhân. Phía dưới bốn chữ Cô Gái Đồ Long có dòng chữ nhỏ hơn, "Võ hiệp kỳ tình, tiểu thuyết Trung Hoa"...

Ngay chiều hôm đó, tôi đọc say sưa, đọc một hơi cho tới chiều tối. Đến giờ ăn tối, tôi chỉ ăn qua loa, rồi say sưa đọc tiếp. Giống như một đứa bé thích ăn kem, sợ hết phải ăn dè, tôi vừa đọc ngón ngấu, lại vừa sợ hết. Tôi đọc cho đến khoảng 4 giờ sáng thì hết cuốn một. Tôi không thể ngờ, trên đời này lại có người viết truyện lời cuốn đến như thế. Khi đọc cuốn Cô Gái Đồ Long, niềm sung sướng đến với tôi mệnh mệnh và lớn lao vô cùng. Tuy thức gần như trắng đêm đọc truyện, nhưng tôi không tài nào ngủ được. Hai mắt tôi mở chong, đầu óc tôi minh mẫn lạ thường, khí huyết trong người rạo rức... Tôi chỉ mong trời mau sáng, gặp lại bác già để bác cho mượn cuốn 2.

Trong phòng tôi ở lúc đó, có mấy người cũng hồi chánh, nhưng họ là người Miền Nam. Thấy tôi say sưa đọc truyện, một anh cho tôi biết, Cô Gái Đồ Long trọn bộ có 6 hay 7 cuốn gì đó. Nghe vậy tôi mừng quá. Người bạn còn bảo, ông Kim Dung viết truyện kiếm hiệp có tới cả chục bộ như bộ Cô Gái Đồ Long. Nghe anh nói, tôi càng mừng hơn. Anh bạn đó còn bấu môi, nói ra vẻ hiểu biết:

- Cô Gái Đồ Long này thì cũng hay, nhưng đã ăn nhằm gì so với bộ Tiểu Ngạo Giang Hồ...

Nghe anh nói tôi thấy sướng quá. Thấy anh thật tuyệt vời. Nhìn gương mặt rạng rỡ của tôi, anh thích thú khoe:

- Truyện kiếm hiệp này nhà tôi có cả mấy tủ.

Tôi ngạc nhiên nhớ lại:

- Sau lúc này anh nói anh chúa ghét truyện kiếm hiệp?

Anh ta gật đầu:

- Đúng, tôi ghét truyện kiếm hiệp chớ sao. Nhưng thằng em tôi thì nó mê. Được đồng nào ăn quà là nó để dành mua sách. Cả chục năm như vậy, quen rồi. Bây giờ nó đã có vợ, có con, mà vẫn mê kiếm hiệp hơn mẹ vợ.

Rồi anh còn bảo ông Kim Dung viết truyện kiếm hiệp không hay bằng ông Ngọa Long. Dịch giả Hàn Giang Nhạn dịch không hay bằng Thương Lan, Từ Khánh Phụng... Nghe anh nói, tôi như một con chim ngây thơ, chỉ biết vâng vâng dạ dạ, mà trong lòng chỉ nghĩ cách làm quen với thằng em của anh để đọc sách cộp... Ngay buổi sáng hôm đó, bác già mang đến cho tôi trọn bộ Cô Gái Đồ Long từ cuốn 2 đến cuốn 7. Trong những ngày kế tiếp, tôi nằm dài ra ngón sách một cách say sưa, bất kể ngày hay đêm, sáng hay chiều, vừa ăn cơm xong, hay lúc chưa ăn cơm, tôi không cần biết. Trong đầu óc tôi lúc đó chỉ nghĩ một chuyện duy nhất là Cô Gái Đồ Long. Tất cả những nhân vật trong truyện nhảy múa trong óc tôi, rồi hiện lên như những con người bằng xương bằng thịt. Trương Thúy Sơn, Hàn Tố Tố, Tạ Tốn, Vô Kỵ, Triệu Minh, Tứ Hộ Pháp Vương trong Minh Giáo.... tất cả đều lần lượt ngự trị trong tim, trong óc tôi, dù dẫu tôi đi vào một thế giới hoang lạ, đầy phong ba bão táp, khiến trí tưởng tượng của tôi phát triển đến vô cùng.... Thậm chí ngay thời gian đó, có một nhân viên làm việc ở Phủ Đặc Ủy Tình Báo, biết tôi ở Phủ Lý, làng Bích Trì, đã trò chuyện với một số người đồng hương của tôi ở Sài Gòn, và tình nguyện chở tôi đi gặp họ để họ tìm mấy bà chị cho tôi. Nhưng vì mê đọc truyện kiếm hiệp của Kim Dung, nên tôi kiếm cách từ chối. Tôi không muốn thì giờ của tôi dành vào bất cứ chuyện gì khác, ngoài việc đọc sách.

Trong những ngày tháng đó, tôi đâu có ngờ được, sau 1975, khi tôi bị cộng sản bắt, đem vô trại cải tạo, chính vốn liếng truyện kiếm hiệp Kim Dung, đã giúp tôi sống sung sướng, sống trong sự trọng vọng của những người bạn tù.

Nhớ hồi đó, sau khi bị cộng sản bắt, tôi phải sống mấy tháng ở Trung Tâm Thẩm Vấn Hỗn Hợp Việt Mỹ, rồi Quân Lao Gò Vấp, trước khi bị chuyển xuống Kàtum lao động. Khi bước chân vào chiếc lán giữa vùng rừng núi Kàtum lạnh lẽo, tôi thấy khoảng hai chục anh tù cải tạo đang xúm quanh một anh chàng râu quai nón. Anh này đang thao thao bất tuyệt kể truyện chường Cô Gái Đồ Long. Cả đám đông ai ai cũng há miệng ra nghe một cách say sưa. Mấy chục người chen chúc bu quanh anh, mà tôi không nghe một tiếng động. Tất cả im phăng phắc, ngoài trừ giọng kể the thé của anh chàng quai nón...

Chỉ nghe thoáng qua, tôi biết kiến thức về truyện chường của anh thuộc loại ăn đong. Kể truyện Cô Gái Đồ Long mà quên cả tên, biệt hiệu của Tứ Hộ Pháp Vương trong Minh Giáo thì kể hay sao được. Tôi lúc đó đang mệt vì sau chặng đường dài chuyển trại từ Sài Gòn tới Tây Ninh. Vì vậy, tôi chẳng màng đến chuyện anh bạn đang múa rìu qua mắt thợ.... Nhưng nghe một hồi nữa, tôi thấy bực bội vì anh dám xuyên tạc truyện chường Kim Dung. Thì ra những tên người, những thế võ nào anh không nhớ là anh tự cho mình cái quyền cương ẩu, bịa láo. Như vậy là không được. Như vậy là xúc phạm đến Kim Dung, xúc phạm đến tôi, một đệ tử âm thầm của Kim Dung... Tôi thấy mình có bổn phận phải lên tiếng bảo vệ thanh danh của Kim Dung. Tôi phải cho anh chàng kia một bài học. Nghĩ vậy, tôi vùng dậy, đi thẳng tới chỗ đám đông đang nghe truyện...

## KỶ 12

Khi tôi bước lại, đám đông vẫn chăm chú lắng nghe những lời anh ta nói, không một ai để ý đến tôi. Tôi kiếm một chỗ ngồi xuống, cách anh khá xa. Anh đưa mắt nhìn tôi, nét mặt dửng dưng, coi tôi như một anh chàng tân tòng, khoái nghe chuyện kiếm hiệp, thế thôi! Anh có gương mặt khả ái, nước da trắng như da con gái, môi đỏ, răng trắng, với hàm râu quai nón, tuy cạo nhẵn nhụi, nhưng vẫn để lại một lớp mờ mờ xanh. Dưới chân anh là đôi guốc mộc. Bộ dáng của anh là bộ dáng của một tay thợ mộc. Nghe giọng nói của anh tôi biết anh là người Hà Nội. Trước mặt anh là hai chiếc điều cày, một vốc thuốc Lào cỡ vài "bi", một bình nước trà tự chế, một chiếc đĩa đựng mấy chiếc kẹo, và hai chiếc ly nhỏ xíu. Thời điểm đó cả nước đều đói, trong tù lại càng đói khổ hơn. Vì vậy, chỉ nhìn thoáng qua những thứ "xa xỉ" trước mặt anh, tôi hiểu ngay, tất cả đều dành cho anh, anh được hưởng sự ưu đãi của tất cả mọi người, chỉ vì anh biết kể chuyện kiếm hiệp của Kim Dung, cho dù, anh nhớ truyện không bằng một phần trăm so với tôi. Nhưng tại sao lại hai chiếc ly, và hai chiếc điều cày? Ngoài anh ra, còn ai trong đám đông mấy chục người đang ngồi nghe truyện được hưởng cái ân huệ hút thuốc Lào, nhai kẹo và uống nước trà?...

Sau mấy phút bần chồn, do dự, không biết mình có nên lên tiếng hay không, cuối cùng tôi đánh bạo:

- Ông bạn tha lỗi, tôi nghe ông kể truyện chường của Kim Dung, nhưng ông kể sai nhiều quá...

Tôi vừa nói đến đó, lập tức đám đông bạn tù cùng quay ra nhìn tôi, rồi la hét, mắng tôi ầm ĩ. Người nào nhẹ nhàng lịch sự thì cũng một tiếng quát, "Im đi mày! Biết gì mà nói." Người nào tức giận thì hét lên, "Cút

cha mày ra chỗ khác. Ông đập bỏ mẹ mày bây giờ". Riêng anh bạn đang kể chuyện thì lại tỏ ra bình tĩnh, dù nét mặt của anh đầy vẻ ngạc nhiên. Anh thông thả hỏi tôi:

- Tôi kể sai chỗ nào?

Tôi chưa kịp lên tiếng, thì đám đông đã nhao nhao: "Kệ cha nó, đại ca cứ kể đi. Tụi em nghe đang hay..." Một người khác, mặc chiếc áo bằng bao tải gạo, quát: "Thằng này là thằng nào, bồng dưng phá đám vậy? Cút cha mày ra chỗ khác đi!"

Một người ngồi đối diện với người kể chuyện có tấm lưng và chiếc đầu trọc to lớn lạ lùng. Y cời trần, chỉ mặc một chiếc quần lót nhỏ xíu, nên tôi thấy rõ, cả người y chỗ nào cũng xâm trở. Trên lưng y là một thanh mã tấu to chình ình, chạy dài từ phía phải bên trên, xuống phía trái bên dưới. Chuôi mã tấu có một chùm tua bay phát phới. Lưỡi mã tấu có một đường máu đỏ chạy dài, vài giọt máu đỏ nhỏ xuống từ mũi, trông thật linh động. Y không hề quay hẳn lại, nhưng với nét mặt nghiêng của y, tôi biết tiếng rít qua hai hàm răng nghiêng chặt, được cất lên từ trong cổ họng của y:

- Ê, Dũng Cụt, tổng cổ thằng này ra khỏi lán...

Một tiếng dạ thật lớn, rồi một người cao to, có bộ vó dềnh dềnh, mái tóc để dài bằng bình như nhân vật Ruồi Trâu trong phim tôi coi ở ngoài Bắc, bước về phía tôi. Nhìn y, tôi không hiểu y "cụt" ở chỗ nào? Tôi hoảng hốt, đang tính đứng dậy "tự giác" bước ra ngoài, thì tiếng anh chàng kể chuyện cất lên, vẫn rất nhẹ nhàng:

- Minh Tồ, mày để tao hỏi nó đã...

Nghe vậy, Dũng Cụt dừng bước, nhìn Minh Tồ như chờ lệnh. Minh Tồ không nói gì, chỉ gật đầu. Đám đông ngồi im phăng phắc. Trông bộ vó kền càng của Dũng Cụt, và thái độ ngoan ngoãn của y đối với Minh Tồ, tôi biết, Minh Tồ giống như một loại "vua tù" trong lán tù cải tạo. Sau này, tôi mới biết, Minh Tồ gốc Hải Phòng, cũng đi bộ đội, thuộc tiểu đoàn đặc công tinh nhuệ, trực thuộc sư đoàn. Trong trận đánh vô Ngũ Hành Sơn ở Đà Nẵng, anh bị trọng thương, nên khi rút quân, anh bị đơn vị bỏ lại, rồi rơi vào tay một đơn vị lính Mỹ. Tức giận trước sự phản bội của đồng đội VC, và thấy lính Mỹ đối xử rất tử tế, tận tình chữa trị những vết thương chí mạng trên người anh, nên anh xin hồi chánh. Sau đó, anh tình nguyện đi lực lượng Delta Force cho Mỹ, và trở thành một tay anh chị khét tiếng với biệt danh Minh Mã Tấu. Năm 1968, Minh Mã Tấu khét tiếng với vụ cướp xe tiền từ Đà Nẵng vô Huế...

Anh chàng kể chuyện quay sang tôi, nhắc lại câu hỏi lúc trước:

- Tôi hỏi anh, tôi kể sai chỗ nào?

Liếc mắt nhìn Dũng Cụt và Minh Tồ, tôi nghĩ ngay, nếu tôi nói dài dòng, vòng vo, tôi sẽ bị Dũng Cụt xách cổ liệng ra ngoài lán ngay lập tức. Vì vậy, tôi phải nói sao thật ngắn gọn, về những tình tiết thật lôi cuốn, hấp dẫn trong truyện của Kim Dung để chinh phục Minh Tồ trong vòng một phút đồng hồ. Hít một hơi thở, thu hết can đảm, tôi ba hoa xích để, vừa dựa vào truyện của Kim Dung, vừa thêm thắt theo trí tưởng tượng của mình:

- Anh vừa kể đến Tứ Hộ Pháp Vương của Minh Giáo, nhưng anh kể tên của họ sai hết, biệt hiệu của họ cũng sai... Anh phải biết, Trong Minh Giáo, cao nhất có Giáo chủ, kế đến là Tả Hữu Sư, rồi đến Tứ Hộ Pháp Vương, gồm có bốn vị. Đệ nhất vương là Tía Sam Long Vương Kim Hoa Bà Bà. Bà này ngoại hình éo lá, nhan sắc xinh đẹp, lại có thuật trụ nhan, nên trăm tuổi có lẽ, mà trông vẫn như mệnh phụ mới ngoài 30 tuổi. Bà chuyên dùng ám khí là bông hoa mai bằng thép. Mỗi khi giao đấu, bà thường ngậm bông hoa vàng trong miệng rồi vận nội lực thổi ra đằng miệng, bảo đảm trong vòng trăm thước, bách phát bách trúng, không một cao thủ nào thoát chết. Vì thế, bà có biệt hiệu Kim Hoa. Bà lại có tài bơi lội, nín thở giao đấu dưới nước cả ngày không thềm lên bờ, nên được phong tặng là Tía Sam Long Vương. Đó là đệ nhất vương. Đệ nhị vương là Kim Mao Sư Vương Tạ Tốn. Tay này vốn gốc người Tây vực, cao lớn gấp rưỡi người thường, vai tròn như vai hổ, lưng dài như lưng vượn, đầu to như đầu sư tử, mắt xanh biếc, tóc lại vàng hoe nên y mới có biệt hiệu Kim Mao, nghĩa là lông vàng. Còn Sư Vương nghĩa là vua sư tử, còn Tạ Tốn là tên của y. Đệ tam vương là Bạch Mi Ưng Vương Hân Thiên Chính. Tay này cũng có thân hình cao to khác thường, lại có cặp lông mày dài, bạc như cước, phủ kín cả hai bên mắt, trong khi tóc của y vẫn đen như mun, lại thêm nội ngoại công của y đều đạt đến mức tam hoa tụ đỉnh, lưu hỏa thuần thanh, mỗi khi xuất thủ giết ai, thì nhanh như một con chim ưng, vai không hề động, mắt không hề chớp, nên có biệt danh Bạch Mi Ưng Vương. Đệ tứ vương là Thanh Dực Bức Vương Vi Nhất Tiểu. Tay này võ công thần sầu quỷ khốc, khinh công đệ nhất trần gian, ngay cả Giáo Chủ Minh Giáo cũng phải nghiêng mình bái phục. Nhờ khinh công cao siêu, nên khi y đến cũng như khi y đi, chẳng thấy hình bóng, ngoại trừ chỉ nghe thấy một tràng cười của y. Vậy nên y mới có biệt danh Vi Nhất Tiểu. Tuy võ công tuyệt luân, nhưng y vẫn chưa thỏa mãn, nên tìm kiếm được một bí kiếp võ công thượng thừa, y ngày đêm tập luyện, muốn một sớm một chiều thành công, chẳng may, tàu hỏa nhập ma, kinh kỳ huyết mạch chạy loạn xạ ngẫu. Với người khác, như vậy, không chết cũng tàn tật. Với y, nhờ nội lực cao siêu, tài trí hơn người, nên y kịp chế ngự lửa ma trong huyết đan điền. Có điều lâu lâu, chân hỏa bốc lên, tựa như hỏa diệm sơn trong tim trong gan, chỉ có máu tươi của người mới có thể dập tắt. Những khi như vậy, y phải kiếm người hút máu thì mới hết bệnh.

Vậy nên người đời tặng y biệt danh Thanh Dục Bức Vương có nghĩa là Ông Vua Dời Xanh, chuyên hút máu người....

Độc đến đây, tôi kính mong quý độc giả tha lỗi cho tôi tội ba hoa khoác lác. Nhưng lúc đó, trong hoàn cảnh tù đầy, phần thì tuổi tôi còn trẻ, nên rất háo thắng. Cái gì tôi biết mà không nói ra được thì cứ ầm ức tựa như bò đá. Sau này từng trải, được học hỏi nhiều, biết ngoài bầu trời này còn bầu trời khác, nên khiêm cung, ít nói đi rất nhiều, trăm phần chỉ còn một, hai mà thôi.

Trở lại câu chuyện, lúc đó, tôi mạnh dạn ba hoa, tiếng Hán xen lẫn tiếng Việt, chọn toàn chỗ đắc ý nhất để kể, lại còn thêm thắt, chấp vá, đem râu ông nọ cắm cằm bà kia, là vì tôi thấy cả đám đông tù nhân mấy chục mạng, đều say sưa nghe anh chàng kia kể truyện chường, trong khi tôi biết chắc, kiến thức về truyện chường của Kim Dung, tôi mười phần, anh chưa được một.

Nhìn đám đông im phăng phắc nghe tôi ba hoa, miệng ai cũng há hốc, mắt ai cũng sáng long lanh, ngay cả Minh Tô cũng xoay hẳn người lại nghe tôi nói, tôi biết tôi đã chinh phục được họ. Nhưng chiến thắng này chưa thể là 100%, vì tôi mới kể có một đoạn quá ngắn. Tôi muốn kể với họ ít nhất 10, 15 phút nữa về truyện Cô Gái Đồ Long. Khi đó, tôi mới khảm sâu vào trong tâm trí của họ tất cả những cái hay tuyệt vời, hay rụng rời của Kim Dung. Vì vậy, tôi phải tung ra một câu hỏi, và câu hỏi này không chỉ dành cho anh chàng kể chuyện non nớt kia, mà dành cho tất cả mọi người. Tôi muốn khuấy động lòng tò mò của họ, dựa trên những tình tiết tuyệt vời tôi vừa kể, để rồi chính họ sẽ không tài nào trả lời được. Người trả lời được câu hỏi của tôi, chỉ có mình tôi mà thôi!

- Bây giờ, tôi xin hỏi tất cả mọi người một câu hỏi. Tại sao trong Tứ Hộ Pháp Vương, Tía Sam Long Vương Kim Hoa Bà Bà lại được đứng đầu? Tại sao một người con gái liễu yếu đào tơ, lại có thể qua mặt được ba vị Pháp Vương kia, trong khi cả ba đều là anh hùng, chọc trời khuấy nước một phương, võ công đã khủng khiếp, mưu trí lại tuyệt vời, thêm vào đó lại dày công hãm mã gầy dựng lên Minh Giáo?

Đúng như tôi đoán, tất cả mọi người, kể cả anh chàng kể truyện chường, đều im lặng nhìn tôi như bị tôi thôi miên. Sau một thoáng im lặng, tất cả mọi người đều ảm ỉ, đòi tôi trả lời. Nhìn nét mặt, ánh mắt, của mọi người và của Minh Tô, tôi hiểu ngay, đối với họ, anh chàng kể truyện chường kia đã bị gạt ra ngoài rìa. Với họ bây giờ, tôi mới là thần tượng, là người họ ngưỡng mộ, say đắm...

Minh Tô cất tiếng, giọng vẫn kể cả, nhưng không giấu giếm tình thân mật:

- Ê, ông bạn hỏi vậy là ông biết tổng, chỉ có ông mới trả lời nổi...

Đám đông ồ lên tán thành lời tuyên bố của Minh Tô. Dũng Cụt lúc này cũng đã ngồi xuống ngay bên cạnh tôi từ lúc nào. Hai tay của y thu lại để trong lòng, trông ngoan ngoãn như một người học trò ngồi trong lớp học. Anh chàng kể truyện, lặng lẽ đẩy chiếc chiếu cày cùng gói thuốc lào đến trước mặt tôi, rồi nói giọng chân thành:

- Ông anh làm một "bi" thuốc lào cho tỉnh táo, rồi kể cho tụi tôi nghe... Ông anh tha cho tôi cái tội "múa riu qua mắt thợ"... Chẳng qua là không có...

Nói đến đó, anh chàng ngừng lời, nhìn tôi lúng túng. Tôi hiểu, anh muốn nói câu "không có chó bắt mèo ăn c...", nhưng nghĩ nói vậy là xúc phạm một "thần tượng" mà anh thực tâm kính phục. Trông anh, tôi biết anh phải ngoài 40. Còn tôi lúc đó, mới có ngoài 25 tuổi. Tiếng "ông anh" của người Hà Nội khi nói với một người kém tuổi mình, là biểu lộ một sự nể trọng đặc biệt.

Minh Tô lúc đó cũng vội vã về thuốc lào bỏ vô nỏ, rồi bật quạt, châm đóm đưa cho tôi với thái độ rất chân thành. Tôi khoan khoái đón chiếc chiếu cày, kéo một hơi thật đã, rồi lim dim hai mắt, nhìn mọi người qua làn khói thuốc đang bao phủ như sương như khói. Tất cả mọi người đều ngược mắt nhìn tôi chờ đợi trong im lặng và thành khẩn. Tôi thoáng nghĩ đến nhà văn Kim Dung trong nỗi niềm băng khuâng, không biết ông là ai, ở đâu, liệu ông có biết, những truyện ông đã viết, có thể giúp một thằng tù oắt con, làm đảo lộn tôn ti trật tự trong một nhà tù ở tận nơi đèo heo hút gió của núi rừng Kátum???

## KỶ 13

Trong lòng tôi lúc đó, tôi thầm cảm ơn nhà văn Kim Dung vô cùng. Đúng ra thì không phải chỉ có lúc đó, mà ngay từ những giờ phút đầu tiên, khi tôi chúm mũi đọc truyện Cô Gái Đồ Long trong Phủ Đặc Ủy Tỉnh Báo Trung Ương, tôi đã bị nhà văn Kim Dung chinh phục hoàn toàn, từ thể xác đến tâm hồn. Và chỉ nguyên những trang truyện của Kim Dung lúc đó thôi, đã khiến tôi yêu thương vô cùng cuộc sống của Miền Nam Tự Do. Tôi thấy tất cả những khốn khổ của cuộc đời tôi, những nguy hiểm tôi đã trải qua trên con đường về với Tự Do, quả thật không hề uổng phí. Trong những năm tháng sau này được sống ở Miền Nam Tự Do, tuy ngắn ngủi có hơn 3 năm trời, nhưng tôi thấy mình chìm ngập trong hạnh phúc. Tôi nhớ ngày đó, tôi được Đại Ủy Hiệu bên Đài VOA (bên Cư Xá Thành Tín, đường Hồng Thập Tự) làm giúp cho cái thể, được vô hồ bơi Lido ở Hạnh Thông Tây. Mỗi ngày hai lần, tôi vừa đạp xe đến hồ bơi, vừa say sưa đọc những bài thơ tình của Nguyễn Sa, Phạm Thiên Thư... Những bài thơ tình của những nhà thơ trên mảnh đất Miền



Nam Tự Do mới trác tuyệt, lóng lánh một cách cao quý làm sao... Nhiều lúc, đọc những vần thơ trác tuyệt đó, tôi thấy tôi sướng như muốn điên lên được, tôi muốn hét lên cho tất mọi người biết, tôi đang được hạnh phúc, đang được sống với những vần thơ tuyệt đẹp, được trải lòng mình dưới ánh sáng lung linh lóng lánh của thơ... Tôi nhớ ngày đó, yêu thơ của Nguyễn Sa quá, tôi đã tìm đủ mọi cách hỏi thăm, tìm kiếm, và khi biết được ông tên thật là Trần Bích Lan, tôi đã lần đến Hội Nhà Văn VN, rình rập và rồi được thấy nhà thơ Nguyễn Sa một lần. Khi thấy ông, tôi ngạc nhiên hoàn toàn. Ông khác hẳn những gì tôi đã thêm dật trong trí tưởng tượng của mình. Ông thi sĩ thần tượng của tôi trông mập mập, giống như một ông ba Tàu. Gương mặt của ông béo tốt, hạnh phúc, không có chút đường nét khắc khổ phong trần nào của một thi sĩ. Từ đó, tôi thêm nhủ với lòng, tôi sẽ mãi mãi chọn cho mình cuộc sống "bên kia dốc Cầu Mơ", giống như nhan đề một cuốn truyện của nhà văn tài hoa Duyên Anh. Tôi sẽ không cho phép sự tò mò chiến thắng lòng quyết tâm của tôi. Tôi hiểu rằng, trong đời sống, có những lúc, những nơi, những chuyện, những người,... thì được sống mãi mãi trong tưởng tượng, để được hạnh phúc viên mãn, còn hơn vì tò mò, đi tìm đến một sự thật...

Khi viết những dòng chữ này, tôi không hề có ý nói nhà thơ Nguyễn Sa là một người đàn ông xấu trai. Tôi chỉ muốn nói, hình ảnh của ông khác hẳn hình ảnh tôi đã thêm dật, đã tưởng tượng. Và cũng chính vì mang trong mình tâm trạng của một gã thích "sống ở bên kia dốc cầu mơ" để hạnh phúc với những gì mình thêm dật, nên sau này, khi có cơ hội được gặp nhiều nhà văn, nhà thơ tôi ngưỡng mộ như Du Tử Lê, Mai Thảo, Hoàng Hải Thủy, tôi vẫn cố gắng né tránh, mặc dù trong lòng, lúc nào tôi cũng háo hức, mong đợi... Hết nghĩ đến ông Kim Dung, tôi lại nghĩ đến thầy tôi, lúc nào cũng cấm không cho tôi đọc truyện, vì sợ tôi đọc truyện cấm thì nguy hiểm đến cả nhà, mà đọc truyện của "nhà nước" thì bị tuyên truyền, đầu độc, trở thành thằng nghịch tử chống lại cha mẹ, rồi sau này thành nạn nhân cộng sản, mãi mãi sống trong ân hận. Tôi biết, những lo ngại của thầy tôi không phải không có lý. Ngày xưa còn bé, tôi đã say sưa ngốn những cuốn truyện như Ruồi Trâu, Thép Đã Tôi Thế Đây; tôi đã đọc thuộc lòng những bài thơ của Xuân Diệu, Tố Hữu; tôi đã từng giật giải thi đọc bài thơ dài cả trăm câu "30 năm đời ta có đảng" của Tố Hữu; tôi đã từng say sưa thao thao bất tuyệt như một con vẹt nói về cái hay, cái đẹp, cái trong sáng của thơ Tố Hữu... Sau này, khi đã thoát khỏi bờ mê bến lú, nhìn lại những ngày tháng đó, tôi luôn luôn thở dài, vừa ngao ngán, xấu hổ, vừa thương hại cho chính mình.

Trở lại buổi chiều hôm đó, tại trại cải tạo Cà Tum, sau điều thuốc lào say bủn rủn chân tay, tôi khoan khoái chiêm ngưỡng những cặp mắt nôn nóng chờ đợi của những người bạn tù. Tôi háng giọng một cách điệu nghệ, uống một ngụm nước trà, kéo dài giây phút hạnh phúc, khi thấy nhất cử nhất động của mình đều được mấy chục cặp mắt nhìn theo... Khi không thể để mọi người chờ đợi lâu được nữa, tôi cất tiếng: - Trong Tứ Hộ Pháp Vương Minh Giáo, cả ba vị hộ pháp kia đều là đàn ông, đều là những tôn sư võ học, danh tiếng lẫy lừng suốt mấy chục năm, được cả hắc bạch hai đạo nghiêng mình kính nể. Đứng về vị thế trong võ lâm, các vị hộ pháp đều có thể ngang hàng với bất cứ chưởng môn nhân nào của các đại môn phái. Thậm chí, ngay cả chưởng môn nhân của phái Thiếu Lâm, Võ Đang, Nga Mi, khi nghe đến tên tuổi của các vị hộ pháp, cũng phải giật mình kiêng nể mấy thành. Tuy nhiên, Tía Sam Long Vương Kim Hoa Bà Bà được đứng đầu Tứ Hộ Pháp Vương vì bà đã có công đã bại Hàn Thiên Diệp, cứu sống Giáo Chủ Minh Giáo, trong một trận thách đấu vô cùng hi hữu, nguy hiểm, mà Giáo Chủ Minh Giáo đã cầm chắc cái chết... Sau đó, trong thời gian gần hai tiếng đồng hồ, tôi thông thả kể cho các bạn tù nghe, mối huyết hải thâm thù giữa Hàn Thiên Diệp với Giáo Chủ Minh Giáo như thế nào, cuộc thách đấu trả thù cho cha dưới hàn băng đầm của Hàn Thiên Diệp ra sao, chuyện Giáo Chủ Minh Giáo tuy võ công thần sầu quỷ khóc, nhưng vì không biết bơi, và vì đã hứa với thân phụ của Hàn Thiên Diệp, không mời bất cứ cao thủ nào thay thế mình trong cuộc thách đấu, nên Giáo Chủ Minh Giáo đành tính chuyện nhận lời thua cuộc, ra làm sao... Giữa giây phút thập tử nhất sinh đó, Đại Ý Ty, tức Tía Sam Long Vương đã xuất hiện, giao đấu và đã bại Hàn Thiên Diệp, cứu sống Giáo Chủ, để rồi sau đó, tình yêu giữa Đại Ý Ty và Hàn Thiên Diệp, đã nảy nở ra làm sao...

Vì trong truyện chương của Kim Dung, các tình tiết luôn giăng mắc, chông chéo, cuộc đời của các nhân vật luôn tiềm ẩn mối quan hệ nhân quả, nên bất cứ ai đã đọc, đã nghe, đều thích thú theo dõi, không tài nào dứt bỏ được. Nhờ đọc tất cả những pho truyện chương của Kim Dung, nên từ buổi chiều hôm đó trở đi, mỗi tối, tôi lần lượt kể từng đoạn truyện chương cho bạn tù nghe. Đánh đổi lại, các bạn tù đã dành cho tôi một sự ưu đãi đặc biệt. Ngoài chuyện quà cáp, thuốc lào, thuốc lá, trà bánh được cung phục riêng cho tôi vào mỗi tối khi kể chuyện, tôi còn được hưởng đặc ân khỏi phải lao động làm phần việc của mình. Vì yêu thích truyện chương Kim Dung, mấy người bạn tù trong đội thợ xẻ, thợ mộc đã xin với quản giáo cho tôi về đội mộc bằng được. Sau đó, tất cả mọi người trong đội mộc tình nguyện thay phiên nhau cưa mỗi người mỗi ngày một mạch gỗ, để tôi khỏi phải động chân động tay, làm phần việc của mình. Mỗi tối, đúng giờ, anh em bạn tù kéo đến lán tôi râm rập, để lắng nghe tôi kể truyện chương trong khoảng 2 tiếng đồng hồ. Trong số những người say mê nghe truyện chương, có anh chàng Minh Tô là một nhân vật đặc biệt, tôi muốn dành vài đoạn để nói về anh. Như trong số báo trước, tôi đã nói, anh có biệt danh là Minh Mã Tấu, vì

sau lưng anh là hình chiếc mã tấu to như mã tấu thật, được xăm một cách rất nghệ thuật nên trông linh động vô cùng. Trên tấm ngực to như cánh phên của anh là một bàn thờ với đầy đủ lư hương, nhang khói, đèn cầy, trái cây,... và dòng chữ, tôi nhớ không rõ, nhưng đại khái: Mẹ ơi, con sẽ về! Trên hai cánh tay của anh là hai vết sẹo hình dung kỳ dị chạy dài từ khuỷu tay đến gần cổ tay. Sau này, trở thành bạn thân, anh có kể cho tôi biết, anh là người rất khoái xăm trổ. Vì vậy cả thân hình anh, chỗ nào cũng có hình dáng xăm trổ, không thứ này thì thứ khác. Khi chiêu hồi về với VNCH, anh có đi lính Delta Force cho Mỹ. Vì hận cộng sản, nên trên hai cánh tay, anh đã cho xăm trổ hàng chữ "Sát Cộng" cùng với hình con dao găm, với máu VC đang chảy ròng ròng. Tôi có hỏi anh làm sao xăm trổ được máu VC, thì anh cười hề hềch bảo, nó cũng giống máu mọi người, chỉ khác là cho thêm hình ngôi sao 5 cánh, và búa liềm là ai cũng hiểu, đó là máu Việt cộng.

Sau tháng 4 năm 1975, anh tìm đường trở về Hải Phòng, tính gặp lại cha mẹ và người thân, nói lời vĩnh biệt trước khi vượt biển vượt biên. Không may, anh bị cộng sản phục kích bắt sống. Đến khi vô tù, cộng sản phát hiện ra dòng chữ "Sát Cộng" trên hai cánh tay anh, chúng đã đánh hội đồng anh một trận khủng khiếp. Nhờ có võ nghệ gia truyền, nên anh gồng mình chịu đòn và thoát chết. Sau trận đòn, viên giám đốc trại giam quăng cho anh một hộp lưỡi lam và ra lệnh cho anh, trong thời gian đúng 24 giờ đồng hồ, anh phải nạo bỏ hai dòng chữ "Sát Cộng". Bằng không, chúng sẽ đem anh bắn bỏ. Ngay đêm hôm đó, một mình anh, ngồi đốt ngọn đèn dầu, hơ lưỡi lam để sát trùng, rồi chậm rãi và lạnh lùng, anh lạng từng miếng da có dòng chữ "Sát Cộng".

Hình ảnh một người tù thân nhiên không một tiếng rên la, không một tiếng xuýt xoa, lạnh lùng dùng lưỡi lam lạng từng miếng da, dưới ngọn đèn bập bùng, trong khi máu chảy chan hòa, đã khiến nhiều người, tù nhân lẫn quần áo, vệ binh, nhìn anh bằng cặp mắt vừa kính phục, vừa kiêng nể, e dè.

Anh Minh Tô là người không biết chữ. Đó là chuyện thật lạ lùng, nhưng là sự thật. Chính bản thân tôi đã từng ngồi viết thư hộ anh. Trước khi gặp tôi, anh Cần, cũng là hồi chánh viên, thường viết thư hộ anh. Tuy có biệt danh Minh Mã Tấu trong giới giang hồ, nhưng trong tù, anh em vẫn gọi anh là Minh Tô, có lẽ phần anh to con, tính tình đôn hậu đến độ ngốc nghếch, phần anh không biết chữ. Nhưng điều đặc biệt hơn cả ở anh Minh Tô là sức khỏe tuyệt luân, giống như Hạng Võ, và võ nghệ siêu quần của anh.

## KỶ 14

Chủ Nhật tuần này là ngày Mother's Day, một ngày lễ vô cùng ý nghĩa, tạo cơ hội và điều kiện cho tất cả những người con có dịp nghĩ tới Mẹ, để rồi có một nghĩa cử nào đó, biểu lộ tình yêu thương, lòng biết ơn của mình dành cho Mẹ. Và khi nhận được những nghĩa cử thương yêu của con mình, người Mẹ cũng sẽ có dịp bồi hồi xúc động nhớ tới những kỷ niệm êm đềm với Mẹ của mình trong những năm tháng khi mình còn ở tuổi ấu thơ, hoa niên... Khi đó, trong những đường nét kỷ niệm êm đẹp lung linh với mỗi người Mẹ, ai ai cũng đều thấy mình như bé lại, trẻ lại, để rồi trong niềm hạnh phúc đậm đà của tuổi thơ hồn nhiên, ta mới thấy thấm thía, "Mẹ là chuỗi, là xôi, là đường, là mật, là ngọt ngào, là tình thương"...

Trong niềm hạnh phúc đón mừng ngày Mother's Day, hôm nay, tôi xin được tâm sự với các bạn về người Mẹ muôn ngàn đau khổ của tôi...

Ngay khi đặt chân đến Sài Gòn, được về sống chung với người chị ở Võ Di Nguy, Phú Nhuận, tôi đã may mắn và hạnh phúc biết được, ở Miền Nam tự do có ngày Lễ Vu Lan, là ngày tưởng nhớ tới Mẹ. Rồi trong một dịp tình cờ, khi ghé tiệm sách Khai Trí, tôi được đọc cuốn sách Bông Hồng Cài Áo của thầy Thích Nhất Hạnh. Khi đó, tôi bồi hồi xúc động biết rằng, có một phong tục đáng yêu và ý nghĩa, nếu một người con còn có Mẹ, sẽ được cài một bông cẩm chướng màu hồng trên áo; còn ai đã mất Mẹ thì cài bông hoa màu trắng...

Ngày đó, đọc những trang sách đó, tôi thấy cuộc sống của người dân Miền Nam sao có những hạnh phúc giản dị, tỉ mỉ từng li từng tí, mà vô cùng ý nghĩa. Thì ra người dân Miền Nam được sống hạnh phúc, sung sướng và ý nghĩa, ngay từ những đường nét rất nhỏ nhoi, mềm mại, nhẹ nhàng, trong từng giây từng phút trôi qua của cuộc đời.... Từ một bông hoa cài trên áo, một tà áo dài trên đường phố, một trận mưa tháng sáu bong bóng vỡ đầy tay, những câu thơ tình đẹp hơn cả tình yêu, những trang sách tuổi hoa dặt tuổi thơ vào mộng mơ, những cuốn truyện kiếm hiệp khiến người đọc bồi hồi, say sưa trong niềm hạnh phúc.... Có thể nói, mỗi giây, mỗi phút trôi qua, người Miền Nam nào cũng sống trong hạnh phúc, nhưng có thể mỗi người không nhận ra được những hạnh phúc thiêng liêng mà họ đang có... Và chính trong những ngày tháng êm đềm, hạnh phúc đó, tôi mới thấy thương xót vô cùng cho những người dân, những trẻ thơ ở Miền Bắc, trong đó có cha mẹ, cô bác, anh chị em, bạn bè của tôi...

Trong thời gian gần 4 năm sống ở Miền Nam, tôi có thói quen hay vô tiệm sách Khai Trí coi "cọp" sách. Hôm đó, khi đọc cuốn Bông Hồng Cài Áo, tôi vô cùng xúc động nhớ đến Mẹ của tôi...

Như tôi đã kể với các bạn, thầy của tôi có ba người vợ. Mẹ của tôi là người vợ thứ ba. Nhưng vì những ngang trái của cuộc đời, những éo le của hoàn cảnh vợ cả, vợ lẽ, mà tôi không thể thừa với các bạn ở đây,

Mẹ của tôi đã phải xa tôi ngay từ khi tôi mới lọt lòng. Tôi lớn lên bằng sữa của những dì, những thím, những cô, những bác,... trải dài từ Đồng Văn đến Phú Lý, từ Đọi Đệp đến làng Đầm, cùng với những khói lửa của cuộc chiến tranh, những khốn khổ của quê hương đất nước trong những năm tháng tiêu thổ kháng chiến...

Trong những năm tháng đầu tiên của thời thơ ấu, tôi cứ đinh ninh, Mẹ của anh tôi là Mẹ của tôi. Khi khôn lớn một chút, tôi chỉ ngạc nhiên và tủi thân, không hiểu sao Mẹ của tôi lại không yêu thương tôi bằng yêu thương anh của tôi. Cho đến một ngày nọ, trong khi đang chạy nhảy ngoài đường, bỗng nhiên có một người đàn bà đến nắm tay tôi rồi hỏi:

- Cháu có phải tên là Chí, con của ông xếp Văn không?

Nghe hỏi, tôi vừa ngạc nhiên, vừa giật mình, vì hai tiếng "xếp Văn", cả thầy tôi lẫn anh tôi đều cấm tôi không bao giờ được dùng. Anh tôi bảo đó là "tiếng của chế độ cũ", nói ra sẽ bị nhà nước bắt bỏ tù. Nghe người đàn bà hỏi vậy, tôi vội giật tay lại, rồi bỏ chạy về nhà. Về đến nhà, tôi hồn hển kể lại cho Mẹ của anh tôi nghe. Nghe qua, Mẹ của anh tôi hiểu ngay, liền dặn tôi nói những câu tôi phải nói... mà sau này tôi mới biết là những câu rất thương tâm...

Lúc đó tôi mới lên chín, lên mười. Tôi đâu có hiểu được những oan trái của cuộc đời, những khốn khổ của hoàn cảnh, và những éo le của tình cảm, khiến cho chính những người thân yêu làm khổ nhau còn hơn cả kẻ thù của nhau. Chỉ biết rằng, chiều hôm đó, Mẹ của tôi đã bước vô căn nhà của ông anh tôi, với lòng mong mỏi chỉ để được gọi tôi một tiếng "Con", và được tôi gọi một tiếng "Mẹ", để được ôm hôn tôi một lần,... trước khi giã từ, nhưng tất cả, Mẹ tôi đều không toại nguyện. Thậm chí, ngay cả tờ giấy 5 đồng bạc, Mẹ cố trao cho tôi, tôi cũng cương quyết trả lại, kèm theo là những lời nói cay độc mà người lớn đã dạy cho tôi....

Tôi nhớ buổi chiều hôm đó, anh cùng cha khác mẹ của tôi, chị dâu của tôi, và cả Mẹ của anh tôi, đều cư xử thật lạnh nhạt, nếu không nói là hắt hủi đối với Mẹ của tôi. Còn tôi, bé bỏng chưa biết gì, nên vẫn ngồi trên lòng Mẹ của anh tôi, trong khi Mẹ của tôi ngồi bất động ở vỉa hè, đăm đăm nhìn tôi trong xa xôi cách trở... và lặng lẽ khóc...

Chiều hôm đó, khi hoàng hôn sắp tắt, sau mấy tiếng đồng hồ ngồi bất động ở vỉa hè, không một ly nước, một miếng cơm, Mẹ của tôi lặng lẽ ra về. Bóng một người đàn bà, với chiếc nón cầm tay, ra đi trong hoàng hôn và nước mắt, đã làm tôi thấy thương xót vô cùng, nhưng tôi sợ anh, sợ Mẹ của anh tôi, nên tôi lặng im nhìn theo bóng của Mẹ khuất sau hàng rào dâm bụt...

Tôi biết, con đường mà Mẹ tôi ra về sẽ đi qua một cái đập chắn ngang giòng sông Châu. Chẳng hiểu nhờ linh cảm thúc dục, hay tình Mẫu Tử thiêng liêng có một động lực, một sức mạnh kỳ bí, bỗng dưng tôi lên ra khỏi nhà, men theo con đường nhỏ trong thôn, chạy vội ra bờ sông. Đứng ở bờ sông, nhìn về phía tay trái là chiếc đập cách chỗ tôi đứng khoảng 300 thước, tôi lặng lẽ chờ đợi bóng dáng của người đàn bà đã nhận tôi là Con xuất hiện!...

Tôi không nhớ là bao lâu, nhưng phải nói là lâu lắm, tôi mới trông thấy bóng dáng Mẹ của tôi đi ngang chiếc đập. Lúc đó, hoàng hôn sắp tắt, nhưng mặt trời phía tây vẫn còn chiếu lấp lánh trên mặt sông, hắt lên ráng chiều trên đập, nên tôi vẫn thấy rõ bóng Mẹ của tôi đi vội vàng, cô đơn, trong khi gió sông lộng thổi... Tuy xa, nhưng tôi vẫn còn thấy rõ chiếc ruột tọng màu vàng của Mẹ bay lất phất... Chẳng hiểu sao trong giây phút đó, tôi linh cảm, chính người đàn bà đang đi trên đập, đang dần dần cách xa tôi, là Mẹ ruột đã đẻ ra tôi... Một chút gì như hụt hẫng, như chơi vơi, như réo gọi trong lòng, khiến tôi muốn la lên hai tiếng: "Mẹ Ơi!"... Nhưng rồi hình ảnh nghiêm khắc của hai Mẹ con người anh cùng cha khác Mẹ bỗng hiện ra, khiến tôi im lặng, nhìn bóng Mẹ khuất dần sau mấy hàng quán ở bên kia sông... Tôi đứng đó, bất động, nhìn mặt sông sóng vỗ, gió thổi... bóng đêm dần bao trùm vạn vật, để rồi thấy miệng mậm mậm.... Thì ra tôi đã khóc từ lúc nào không biết...

Sau này lớn khôn, tôi mới biết rõ, chiều hôm đó, tôi đã "vĩnh biệt" người Mẹ ruột thịt của tôi trong suốt 7 năm trời sau đó. Trong suốt thời gian 10 năm trước đó và cả 7 năm sau đó, không một ai nói rõ cho tôi biết, Mẹ của tôi là ai. Hôm nay, khi viết những dòng chữ này, tôi không hề oán trách một ai. Tôi chỉ thấy thương xót cho Mẹ của tôi, và tủi cho thân phận éo le của chính mình. Trong nỗi niềm đau xót và cô đơn của mình, tôi viết những dòng này, với lòng ấp ủ nỗi quan hoài, chỉ muốn các bạn hãy hiểu, trong cuộc đời của chúng ta, rất nhiều khi, những nỗi niềm khổ đau, xót xa, uất ức, hận thù lại đến từ chính những người thân thương nhất của mình. Và xin các bạn hãy hiểu, chỉ vì chủ nghĩa cộng sản, mà trong cuộc sống muôn vàn cơ cực mấy chục năm ở Miền Bắc trước đây, và ở cả hai miền đất nước trong suốt 31 năm qua, đã có hàng triệu nỗi khổ đau, xót xa, buồn thương, uất ức, còn thê thảm gấp ngàn lần nỗi khổ đau tôi phải gánh chịu...

Tôi hiểu, phần lớn những người con có Mẹ khi ở gần, không thấy được hết niềm hạnh phúc họ đang có. Riêng tôi, trong suốt nửa thế kỷ qua, ngay cả sau khi tôi đã gặp lại Mẹ khi tôi 17 tuổi, tôi vẫn mãi mãi đi tìm niềm hạnh phúc được ôm lấy Mẹ mà hôn, được sà vào lòng Mẹ mà nhõng nhẽo... nhưng tất cả vĩnh viễn ngoài tầm tay với....

Trong những năm sóng gió của cuộc đời, đất nước nghiêng ngửa dưới gót sắt của chủ nghĩa cộng sản, cả hai Mẹ con tôi đã nhiều lần ngồi khóc âm thầm, vì lần nào hai mẹ con được đoàn tụ, lần đó cũng chứa mầm ly biệt; trong mỗi hạnh phúc ngắn ngủi luôn luôn báo hiệu gông cùm xiềng xích, thậm chí tử biệt sinh ly, sẽ đến với tôi. Sau 1975, trong những lần vượt ngục, trốn chạy cộng sản, tôi vội vàng tìm đến với Mẹ, nghỉ lại một vài ngày để rồi ra đi tìm đường vượt biên, và khi vượt biên bất thành, tôi lại trở lại tá túc một vài đêm trong sự yêu thương xót xa đầy nước mắt của Mẹ... Thời gian đó, có những đêm đang ngủ, chợt giật mình thức giấc, tôi thấy Mẹ ngồi đó, im lìm bất động nơi cuối giường, khóc âm thầm, thương xót cho đứa con mà Mẹ đã không được nuôi, và bây giờ Mẹ cũng không đủ sức che chở, trong khi nguy hiểm đang bủa vây tứ phương tám hướng...

Ai sinh ra làm người phụ nữ, người đó đã phải chịu rất nhiều thiệt thòi và phải hy sinh rất nhiều. Khi người phụ nữ được làm vợ, làm mẹ, những hy sinh, những thiệt thòi lại càng nhiều không kể xiết. Và trong muôn ngàn nỗi khổ đau, hy sinh mà những người vợ, người mẹ trên trái đất phải gánh chịu, người Vợ Việt Nam, người Mẹ Việt Nam, luôn luôn chịu đựng những khổ đau, hy sinh nhiều gấp bội, vì lịch sử Việt Nam có nhiều nỗi oan trái, bi phẫn hơn; văn hóa Việt Nam có nhiều quan niệm khiến người phụ nữ Việt Nam thiệt thòi hơn, khổ đau hơn...

## KỶ 15

Hôm nay, khi viết những dòng chữ này gửi tới các bạn, tôi đã bước vào tuổi 55. Và kể từ khi đứng ở bờ sông Châu của buổi tối hôm đó, muốn cất tiếng gọi hai tiếng "Mẹ ơi!" mà không dám gọi, cho đến nay đã 45 năm trôi qua. Trong suốt 45 năm đó, càng ngày tôi càng nhận thấy rõ ràng một điều, chính cuộc đời đau khổ đầy oan trái của Mẹ, và hoàn cảnh éo le của tôi, đã khiến tấm lòng của tôi luôn luôn nhạy cảm, dễ dàng rung động, xót xa, đau đớn với nỗi đau, nỗi thiếu thốn của tất cả những người chung quanh, cho dù họ là những người dưng nước lã. Tôi thương xót một người đàn bà ở làng tôi, vì chữa hoang nên bị cả làng hắt hủi; tôi khóc thương cho một người mẹ già, lưng còng, bán có mấy cây mía ở chợ, cũng bị cán bộ thuế nông nghiệp tịch thu; tôi ghen ngào không nuốt nổi miếng cơm, khi nhìn thấy những trẻ em đói khát đứng châu trực cơm thừa canh cặn, dọc theo đường tôi hành quân vô Nam... Đất nước tôi tươi đẹp, nhưng sao tôi thấy dân tộc tôi khốn khổ, thiếu thốn trăm vạn điều...

Tối hôm đó, trở về nhà, trong đầu óc tôi đầy ắp hình ảnh Mẹ. Tôi không tâm sự được với ai, nhưng lòng tôi thổn thức vô cùng. Tôi muốn hỏi Thầy tôi thật nhiều nhưng không dám. Trong những năm tháng của tuổi ấu thơ, tôi không thể ngờ được, Mẹ của tôi vẫn âm thầm, để ý theo dõi cuộc sống của tôi. Mẹ của tôi hiểu rằng, rồi sẽ đến một ngày, tôi sẽ đủ khôn lớn để hiểu được tình yêu thiêng liêng của Mẹ dành cho tôi lớn lao đến mức nào. Mẹ của tôi biết rằng, với thời gian và sự khôn lớn, tôi sẽ hiểu được những éo le, khổ đau mà mẹ tôi phải gánh chịu. Tôi sẽ yêu thương, tìm đến với Mẹ trong tấm lòng đau đớn của một người con... Quả nhiên, bảy năm sau, khi tôi đi học trọ cách nhà tôi gần chục cây số, Mẹ đã tìm đến tận nơi tôi học, và hai mẹ con chúng tôi đã đoàn tụ. Ngay sau đó, tôi đã theo Mẹ tôi đi Đọi, Đệp là quê của Mẹ, rồi tôi theo Mẹ tôi lên Hà Nội, nơi Mẹ tôi đang ở, để Mẹ tôi dẫn đi nhận họ hàng bên nội, bên ngoại.

Những năm đó, Miền Bắc đang sống trong cảnh thiếu thốn cùng cực, vì tất cả lương thực, thực phẩm đều bị nhà nước thu mua, để đánh đổi vũ khí, đưa vô Miền Nam. Chế độ cộng sản đã rất xảo quyệt, ngay tạo "hình ảnh người bộ đội hy sinh xương máu chống Mỹ cứu nước" ở Miền Nam, để bắt người dân ở Miền Bắc phải đổ mồ hôi, nước mắt, phải "thắt lưng buộc bụng" để dành lương thực, thực phẩm cho "Miền Nam thắng Mỹ". Tất cả những cảnh bom đạn của máy bay Mỹ thả xuống các làng mạc, thành phố, đều được nhà nước chụp hình, thổi phồng và tuyên truyền, nhằm kích động lòng căm thù của mọi tầng lớp trong xã hội Miền Bắc.

Nhớ lại những ngày tháng thiếu thốn, đói khát ấy, tôi thấy thật rung mình kinh hoàng, vì đói khát triền miên cùng với không biết bao nhiêu bi kịch hiện ra ở khắp mọi làng quê, thôn xóm, thành phố, thị trấn của Miền Bắc. Đảng và nhà nước kiểm soát tất cả sự sống của người dân, qua chế độ tem phiếu. Mỗi tháng, mỗi người lớn, được 13 kí lô lương thực, trẻ em được 7, 8 kí. Dù người lớn hay trẻ em, trong tiêu chuẩn lương thực luôn luôn phải có phần ăn độn chiếm tới một nửa là khoai, sắn, hoặc bột mì. Đó là trên lý thuyết. Trên thực tế, tùy theo tình hình của cửa hàng lương thực, tỷ lệ độn khoai, sắn, hoặc bột mì sẽ tăng lên. Dù là gạo, khoai, sắn, hay bột mì, tất cả đều chung một điểm là chất lượng rất tồi tệ. Mỗi mọt, sâu bọ, sỏi đá, hoặc độ ẩm, được trộn lẫn để tăng trọng lượng. Vì vậy, tiêu chuẩn là 13 kí lô một tháng, nhưng thực tế, người dân nhận được ít ỏi hơn thế rất nhiều. Vì có quá nhiều mối mọt, sâu bọ, nên mỗi khi đi mua lương thực về là phải đem phơi nắng, để mối mọt, sâu bọ bò đi. Đó là với những con mối mọt, sâu bọ còn sống. Với những con đã chết, thì khi vo gạo, rửa khoai, rửa sắn, mới có thể vớt chúng ra được. Còn bột mì thì thật khủng khiếp vì quá nhiều sâu bọ. Đem bột mì trộn với nước lạnh, rồi nắm lại thành từng cục, bỏ vào nước đun sôi. Vớt ra từng cục vừa hôi khủng khiếp lại vừa cứng như đá. Vậy mà vẫn phải ăn, phải nuốt.

Chính vì phải ăn những miếng bột mì luộc như vậy trong suốt những năm tháng dài, nên sau này, mỗi khi nghĩ tới bột mì là tôi thấy ghê. Sau này, vô đến Miền Nam, và ngay cả khi sang đến Úc, tôi vẫn sợ không dám ăn bánh bao, vì chỉ nghĩ đến nó là thứ bánh làm bằng bột mì là tôi đủ sợ, cho dù đó là thứ bột mì hảo hạng, có bột chua làm cho nó thật xốp, thật mềm và bên trong lại có nhân trứng, thịt, mộc nhĩ, thật ngon lành.

Để có được 13 kí lô lương thực đó trong nhà cũng không phải là chuyện dễ dàng. Tôi nhớ, trong những năm tháng khốn khổ thời đó, mỗi tháng 2 lần, tôi phải dậy từ tinh mơ mờ đất, mang một cái thúng, hay một cái bao bằng vải, đi bộ từ 5 đến 10 cây số để đến cửa hàng lương thực của huyện nhà, hay huyện bên, xếp hàng, chờ mua. Cho đến bây giờ, đã 40 năm có lẽ trôi qua, nhưng tôi vẫn nhớ như in hình ảnh cái sân gồ ghề ở cửa hàng lương thực huyện. Ở đó, vào những buổi sáng sớm, trời còn mờ sương, không khí lạnh buốt, hàng trăm con người xếp hàng rồng rắn, ngủ vạ ngủ vật, chờ đến giờ mở cửa. Hầu hết những người đến đó đều thuộc loại đói kinh niên, và luôn phong phanh trong những manh quần áo vá chằng vá đụp. Mua được mấy chục kí lô lương thực bao giờ cũng hết một ngày trời, vừa đi vừa về, vừa chờ đợi. Khốn khổ như vậy, nhưng nếu mua được, dù cho có đến 70%, 80% với khoai lang, khoai mì, hay bột mì, thì vẫn còn là may mắn. Vì nhiều khi, xếp hàng gần đến lượt mình, thì cửa hàng tuyên bố hết lương thực. Khi đó, đành phải tiu nghỉu ôm thúng không, túi không, cùng chiếc bụng lép kẹp, đi bộ về nhà, để rồi một hai ngày sau, bị kích xếp hàng mua lương thực đó lại tiếp diễn.

Nhưng nếu đó là bị kích đối với tôi trong những ngày tháng đó, thì tôi cũng mong các bạn hãy hiểu rằng, ở Miền Bắc thời đó, bị kích ấy vẫn là điều vô cùng may mắn mà hàng triệu thanh thiếu niên Miền Bắc khác mơ ước mà không được. Tôi biết rất rõ, nhiều bạn bè của tôi lúc đó, chỉ biết ăn rau, ăn khoai, trong suốt nhiều tháng, thậm chí cả năm, chỉ trông thấy hạt cơm có một, hai lần, trong dịp tết nhất hay ngày giỗ. Tôi nói là được trông thấy hạt cơm, mà không nói là được ăn cơm, vì quả thực có những người tuy trông thấy hạt cơm, nhưng chẳng bao giờ được ăn cơm.

Sống trong cuộc sống khốn khổ và thiếu thốn, thường những người làm cha, làm mẹ, làm anh, làm chị, bao giờ cũng là những người phải chịu đựng thiếu thốn, đói khát nhiều hơn cả. Và cũng trong cuộc sống thiếu thốn, tình nghĩa yêu thương giữa những người ruột thịt được dịp chứng minh, khiến mọi người biết nhường cơm, xẻ áo cho nhau. Nhưng cũng chính trong hoàn cảnh thiếu thốn đó, chế độ cộng sản đã có tình nhào nặn một cách tinh vi, khiến bản năng sinh tồn thú vật trong con người bị đánh thức, được dịp tung hoành, nên con người với con người trở nên tàn nhẫn, độc ác, sẵn sàng tranh giành từng miếng cơm, manh áo, rồi lòng ghen ghét, sự đố kỵ, được dịp bùng cháy, thiêu đốt lương tâm con người cả ban ngày lẫn ban đêm.

Trong thời gian hành quân vô Miền Nam, các đơn vị bộ đội đều được cấp phát đầy đủ gạo, đồ hộp của Tàu, của Nga. Tuy không dư giả, nhưng sung túc gấp trăm lần so với đời sống của dân chúng vào lúc đó. Nhất là tại những vùng thôn quê từ Ninh Bình, Thanh Hóa, trở vô đến Quảng Bình, là những nơi thiếu thốn cùng cực, khổ sở gấp bội so với những thiếu thốn cùng cực ở Miền Bắc quê tôi. Tại những tỉnh ở miền Trung Việt Nam, bất cứ nơi đâu, khi dừng quân, nấu nướng, dùng bữa, chúng tôi đều chứng kiến cảnh hàng trăm trẻ em, hầu hết đều trần truồng, đứng chầu trực để xin các đồ ăn thừa của bộ đội. Tôi không biết các đơn vị bộ đội khác đối xử với những trẻ em xin ăn đó như thế nào, nhưng đơn vị của tôi thời đó đã có nghiêm lệnh, đồ ăn thừa phải đem chôn, tuyệt nhiên không được cho bất cứ ai. Trước mệnh lệnh dã man đó, hầu hết chúng tôi đều không tuân hành. Chúng tôi tìm đủ mọi cách, bí mật chia xẻ những đồ ăn chúng tôi có cho cha mẹ của các em.

Cả Miền Bắc lúc đó sống trong đói khát, thiếu thốn. Qua đường lối tuyên truyền đầy thâm độc của chế độ cộng sản, tất cả mọi người đều đinh ninh nguyên nhân của mọi sự thiếu thốn là do "Mỹ Ngụy" ở Miền Nam gây nên. Tất cả những thanh thiếu niên sinh ra và lớn lên ở Miền Bắc, đều có ảo tưởng, tin một cách thật thà, Mỹ đã xâm lăng Miền Nam, nhân dân Miền Nam đang sống đọa đầy dưới gót sắt của Mỹ, nên đau khổ, thiếu thốn gấp trăm ngàn lần nhân dân Miền Bắc.

Thêm vào đó, những bài thơ của Tố Hữu, Chế Lan Viên, Huy Cận, Tế Hanh, Anh Xuân; những truyện ngắn, tiểu thuyết của Anh Đức, Nguyễn Văn Bổng, Nguyễn Quang Sáng; rồi phim ảnh tuyên truyền của cộng sản Việt Nam, cộng sản Nga, cộng sản Tàu... đã nhịp nhàng có trước có sau, theo thời gian đầu độc mọi người dân Miền Bắc, khiến cho tầng lớp thanh niên khi lên đường xâm lăng Miền Nam đều tin tưởng, họ đang thực hiện một lý tưởng, theo đuổi một hoài bão, "giải phóng Miền Nam khỏi sự xâm lăng của đế quốc Mỹ"...

May mắn cho tôi, nhờ được gia đình giáo dục, nhờ những món quà được các anh chị ở Miền Nam gửi cho, qua ngã Pháp, và những tấm ảnh chụp cảnh gia đình từ thời Pháp thuộc, đã giúp tôi sớm hiểu được cái chế độ tôi đang sống ở Miền Bắc là chế độ độc tài; và Miền Nam, nơi tôi đang được lệnh xâm lăng, chính là vùng đất của tự do, vùng đất có thân nhân ruột thịt của tôi đang sống hạnh phúc, trong đó có anh Quảng, một thân tượng của tôi khi còn bé, và là một trong những người đầu tiên vượt tuyến vô Nam...

Kể từ khi viết hồi ký, tôi có được cái may mắn, nhận được những cú điện thoại, những email khuyến khích của quý độc giả. Trong số đó, có những vị trước kia ở cùng một tổng, một làng với tôi ở ngoài Bắc. Có vị cùng tắm chung trên dòng sông Châu, và cũng có vị từng đặt chân lên núi Đọi, núi Đệp quê hương của Mẹ tôi... Rồi Chủ nhật vừa qua, có một vị gọi điện thoại hỏi tôi về những kỷ niệm của tuổi học trò ở Miền Bắc dưới chế độ cộng sản. Trước đây hai tháng, cũng có một vị thân hữu trong cộng đồng, hỏi tôi câu hỏi tương tự. Vì vậy, hôm nay, tôi xin kể lại những kỷ niệm tuổi học trò của tôi.

Tôi là một người rất hiếu học, nhưng vì hoàn cảnh gia đình, nên chỉ được học hết lớp 8 thì tôi phải nghỉ học để kiếm sống. Nhưng trong thời gian 8 năm trên ghế nhà trường, tôi cũng có nhiều kỷ niệm vui buồn, đến bây giờ vẫn còn nhớ như in trong óc.

Trong những năm tiểu học, tôi là một đứa trẻ rất tinh nghịch, nên tôi bị thầy giáo đánh đòn như cơm bữa. Lớp tôi học nằm cạnh một vườn khoai mì, mà ngoài Bắc gọi là cây sắn. Dùng cây sắn làm roi thì hay bị gãy, nên mỗi khi tôi nghịch ngợm, đáng bị đánh đòn, là thầy giáo sai học trò ra vườn sắn bẻ cả chục cây đem vào lớp. Như đã kể trong những số báo trước, tôi là người đa cảm, rất dễ xúc động, nhưng lại rất lì đòn, vì tôi mê được làm anh hùng ngay từ khi còn bé. Mà muốn làm anh hùng, thì điều đầu tiên phải biết gồng mình chịu đòn. Vì tâm tâm niệm niệm như thế, nên mỗi lần bị thầy giáo đánh đòn, tôi đều nghiêng răng chịu đau, nhất định không kêu la xin xỏ.

Ngồi học trong lớp, tôi ít khi để ý đến lời thầy giảng, mà chỉ hay coi trộm truyện. Vì hay đọc truyện, nên tôi đọc bài rất lưu loát. Mỗi khi có phái đoàn giáo viên của huyện, của tỉnh về thăm trường (hay còn gọi là thăm quan), là cô giáo, thầy giáo lôi tôi lên đọc bài trước lớp. Tôi coi đó là một vinh dự và thích thú lắm. Khi tôi bắt đầu lên học cấp 2, tức là từ lớp 5 đến lớp 7, thì máy bay Mỹ bắt đầu oanh tạc Miền Bắc. Đó là thời gian vất vả nhất của tuổi học trò. Vì trường cấp 2 ở ngay phố huyện, nên lệnh của trên phòng giáo dục huyện bắt trường tôi phải đi "sơ tán" (giống như di tản), nghĩa là chúng tôi phải bỏ trường lớp, đi xuống vùng thôn quê cách đó khoảng 4, 5 cây số, dựng lên trường lớp bằng mái tranh, vách đất. Cực khổ nhất là phải đào giao thông hào chỉ chít từ trong lớp học ra đến bên ngoài.

Có thể nói cả Miền Bắc từ năm 1965 trở đi, đâu đâu cũng thấy giao thông hào và hầm hố tránh bom. Giao thông hào đào từ trong mỗi lớp học, tỏa mạng ra các hầm trú ẩn. Chung quanh lớp cũng phải đắp các ụ đất cao một thước tám, ngang khoảng thước hai. Những ụ đất này chạy quanh lớp học, chỉ chừa có vài lối ra vô là cửa ngõ của các giao thông hào. Giao thông hào thì sâu khoảng thước rưỡi, ngang khoảng thước hai. Ngoài ra mỗi lớp học phải làm 5 hầm tránh bom, mỗi hầm chứa khoảng 10 đến 12 học sinh. Để làm những hầm tránh bom, phụ huynh và học sinh phải làm chung, vì rất tốn kém và vất vả. Đầu tiên là đào một hố sâu khoảng một thước, chiều ngang 3 thước, chiều dài 5 thước. Sau đó đóng cọc tre hai bên san sát dính liền, mỗi cọc cao khoảng 2 thước rưỡi, một đầu vót nhọn cắm sâu vào đất khoảng nửa thước, đầu kia có ngàm, để hai chân cọc đóng xoắn hai bên, còn hai đầu cọc thì khớp lại với nhau giống như mái nhà. Tiếp theo là buộc lạt tre, đặt phen tre, rồi đổ đất bùn trộn với rơm, dày từ một thước đến thước rưỡi. Cuối cùng là phủ những lớp cỏ ngụy trang lên trên.

Dọc theo các con đường làng, các đường mòn tới lớp học, rồi chung quanh lớp, đều có các hố cá nhân. Những hố này đều sâu từ thước rưỡi đến hai thước, đường kính thước rưỡi. Ở thành phố, thị xã, thủ đô Hà Nội, mỗi hố cá nhân thường được đắp bằng xin măng, có nắp đậy. Còn ở thôn quê thì hố thường bằng đất, không có nắp.

Ngoài hệ thống hầm hố ra, mỗi học sinh thời đó đều phải có mũ rộng vành bện bằng rơm. Những cộng rơm được ngâm nước cho mềm, rồi kết lại với nhau giống như kết tóc đuôi sam. Sau đó, từng chuỗi rơm to bằng ngón tay cái được quấn và khâu thành hình chiếc mũ. Các thầy cô giáo vẫn thường dạy chúng tôi, đội mũ rơm thì giúp cho đầu của mình khỏi bị bom bi, hay miếng bom. Như vậy mũ rơm để bảo vệ đầu. Còn bảo vệ thân thể thì có một chiếc khiên bằng rơm (lâu ngày, tôi quên mất tên gọi của nó nên tạm gọi là khiên rơm). Chiếc khiên này cũng được bện bằng rơm, nhưng thay vì khổ nhỏ như ngón tay cái, thì rơm bện cho chiếc khiên phải to và tròn cỡ cổ chân. Sau khi bện xong, thì quấn từng vòng thật chặt thành một chiếc khiên rơm hình bầu dục, rồi thêm hai chiếc dây, hay hai quai bằng rơm ở hai bên để đeo lên vai. Khi đeo xong, chúng tôi sẽ có được một chiếc khiên che kín phía lưng. Nhìn chung, vào thời đó, những chiếc mũ rơm, khiên rơm là như vậy, nhưng mỗi địa phương, hình dáng, cách thức của mũ rơm, khiên rơm có khác. Thậm chí có nơi, không có rơm, thì người dân dùng bẹ ngô, hay cây cỏ...

Học sinh chúng tôi thời đó cũng được dạy rằng, nếu nghe tiếng keng hay còi báo động, kịp nhảy xuống hố cá nhân tránh bom, thì nhớ đậy nắp hầm bằng chiếc khiên rơm. Như vậy, chỉ trừ khi trái bom rơi trúng miệng hầm, còn không thì mạng sống của chúng sẽ rất an toàn. (!!!) Tôi còn nhớ ngày đó, có mấy ông cán bộ huyện đội hay xuống trường học của chúng tôi, bắt cả trường phải thực tập màn báo động máy bay Mỹ oanh tạc. Có hôm mùa đông lạnh lẽo, trời mưa tầm tã cả tuần lễ, giao thông hào, hầm hố đều ngập nước, nhưng cán bộ huyện đội tới ra lệnh báo động, chúng tôi vẫn phải chạy nháo nhào dưới mưa để chui vào

những hầm hố đầy nước... khiến đũa nào cũng run cầm cập, quần áo ướt như chuột. Ngoài chuyện nước, bùn, đôi khi còn có cả chuột, cóc nhái, rắn rết,... sống cũng có mà chết cũng có, trong các hầm hố, giao thông hào. Những thứ này quả là cả một ác mộng đối với học trò, nhất là với nữ sinh.

Về công dụng của chiếc mũ rơm, khiên rơm, tôi nhớ có lần, cán bộ huyện đội lên lớp giải thích, mỗi miếng bom hay viên bom bi bắn ra trong không khí, chúng sẽ xoay tít theo chiều kim đồng hồ. Một khi gặp rơm, chúng sẽ cuốn sợi rơm theo chiều quay, nên mỗi sợi rơm sẽ có công dụng như chiếc phanh (thắng), làm giảm tốc độ và rồi chặn đứng viên bom bi hay miếng bom lại. Nhờ vậy, chúng tôi sẽ thoát chết. (!!!)

Vào lúc đó, chúng tôi chẳng biết, những chiếc nón rơm, khiên rơm đó có hữu hiệu trong việc tránh bom bi hay miếng bom như lời cán bộ huyện đội nói không, nhưng chúng tôi ai ai đi học cũng không thể nào quên được hai thứ "bùa hộ mạng" cồng kềnh và nặng nề đó.

Để minh họa phần nào hình ảnh người học sinh Miền Bắc trong những chiếc khiên rơm, mũ rơm, tôi xin gửi tới các bạn tấm hình dưới đây. Tôi cũng xin thừa, khi cho bà xã coi tấm hình này, tôi đã giải thích đứt lưỡi, bằng tất cả ngôn ngữ tôi có, cộng với sự thật thà đến ngây ngô, ngơ nghếch của tôi, nhưng vợ tôi vẫn nhất định không tin, những học sinh trong hình mặc những tấm khiên rơm đó là để chống bom bi. Vợ tôi bảo, các em học sinh đeo chiếc khiên rơm đó là để cho khỏi lạnh, chứ không phải để chống bom bi. Vì vậy, nếu quý độc giả nhìn hình, mà không tin những gì tôi viết trong bài này, điều đó không làm tôi ngạc nhiên. Chỉ mong, nếu quý vị có cơ hội, xin hãy hỏi chuyện những người Việt từng sống ở Miền Bắc trong giai đoạn 1964-1972, thì có thể phần nào tin những điều tôi đã viết... Như vậy, quý vị sẽ thấy thương xót cho tuổi trẻ Việt Nam ở Miền Bắc trong những năm tháng cách đây ngót 40 năm. Và cũng xin quý vị hãy hiểu rằng, tất cả những khổ ải đó chỉ bằng phần ngàn, phần vạn, so với những khổ ải không có trong hình, do cộng sản gây ra cho quê hương, dân tộc VN, trong suốt 60 năm qua...

## KỶ 17

Tuần qua, có một số vị độc giả cho biết, rất thích thú và ngạc nhiên khi thấy tấm hình những học sinh Việt Nam đeo khiên rơm, đội mũ rơm trên đường đến trường. Với đông đảo người dân Miền Nam, đó là hình ảnh lạ lẫm, hiếm thấy, và cũng không có mấy người tưởng tượng ra nổi. Sự thực, trong những năm tháng đó, ở khắp các trường học trên lãnh thổ Miền Bắc, đâu đâu cũng thấy cảnh "muôn người như một" đội mũ rơm, đeo khiên rơm khi đi học. Tất cả học sinh Miền Bắc thời đó đều nghèo khổ, túng thiếu, quần áo vá chằng vá đụp, cùng những gương mặt xanh xao đói khát kinh niên, cộng với guồng máy tuyên truyền được chế độ cộng sản tận dụng tối đa để nhào nặn con người, đã làm tê liệt hết mọi đường nét ngây thơ, hồn nhiên của tuổi trẻ.

Dưới "mái trường xã hội chủ nghĩa" thời đó (cũng như từ xưa tới nay), ngoài những bài học thường xuyên thuần túy về đường lối chính sách của đảng, tất cả các môn học khác đều được chính trị hóa tối đa, kể cả những môn thuần túy khoa học tự nhiên như toán, lý, hóa. Trong văn chương cận và hiện đại, học sinh chúng tôi chỉ học văn thơ của những nhà văn, nhà thơ cách mạng, trong đó văn thơ của Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Chế Lan Viên luôn luôn chiếm hàng đầu. Chương trình học, từ cấp 1, cấp 2, cấp 3 đến đại học, đều ở dạng "chính trị đồng tâm", có nghĩa, từ khi còn nhỏ cho đến khi lớn lên, chúng tôi cùng học văn thơ cách mạng, nhưng nhỏ ở lớp dưới thì học ít, lớn ở lớp trên thì học nhiều. Học sinh cấp 1 học một vài bài thơ, bài văn trích của các lãnh tụ cộng sản. Lên cấp 2 học lại, nhưng sâu hơn, rộng hơn. Lên cấp 3 lại tiếp tục học. Đối với các nhà văn nhà thơ thuộc các trào lưu tư tưởng khác thì cộng sản không cho học, hoặc nếu có học cũng nặng về phê phán, chỉ trích những tư tưởng mà cộng sản coi là lệch lạc, sai trái. Thậm chí, đối với ngay cả những nhà văn nhà thơ cổ điển, hay những nhân vật lịch sử sống cả ngàn năm trước, cũng đều bị cộng sản nhào nặn để đánh giá, phê phán, dưới lăng kính chủ nghĩa cộng sản. Xin đơn cử một thí dụ, khi phân tích về Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du, những người trí thức cộng sản đã tìm đủ mọi cách để gán ghép cho Nguyễn Du những đặc điểm có tính giai cấp của một người cộng sản. Đối với thơ văn thời Pháp, cộng sản chỉ khai thác những tác phẩm được cộng sản coi là có "giá trị hiện thực phê phán", nghĩa là mô tả những tội ác, những xấu xa, hủ bại của chế độ "phong kiến thực dân"; hoặc kể lại những cảnh khổ khổ, những bi kịch của người dân nghèo. Với các môn khoa học tự nhiên, cộng sản cũng có chính sách nhằm tuyên truyền và đầu độc tuổi trẻ Việt Nam. Tất cả các nhà khoa học có công đối với nhân loại, đều được đánh giá dưới lăng kính giai cấp, chủng tộc và đảng tính. Nghĩa là ưu tiên vinh danh những khoa học gia nào là đảng viên cộng sản, hoặc là người Nga, Ba Lan, Hung Gia Lợi... là những nước cộng sản; hoặc xuất thân từ thành phần lao động, giai cấp công nhân nghèo khổ.

Bên cạnh nội dung giáo dục thuần túy tuyên truyền, cộng sản còn có cả một mạng lưới đoàn thể ngoại vi đầy đặc nhằm kiểm soát và hướng dẫn tư tưởng thế hệ trẻ, là tổ chức thiếu nhi và đoàn thanh niên. Cả hai tổ chức này đều đặt nền tảng tư tưởng cho giới trẻ, khiến cho một học sinh, ngay từ khi mới cấp sách đến trường, đã lọt vô phạm bẫy của cộng sản. Và trên con đường phát triển trí tuệ, tài năng và tay nghề, bất cứ học sinh nào, nếu đã không được kết nạp vào thiếu nhi, thì sẽ không bao giờ được kết nạp vào đoàn thanh

niên. Và nếu đã không được kết vào đoàn thanh niên, thì người học sinh đó có học giỏi, có chịu khó, có tinh thần tiến thủ đến đâu đi nữa, người đó cũng khó có thể tiến thân. Sống trong xã hội cộng sản, hai chữ "đạo đức" phải được hiểu là "đạo đức cách mạng". "Tài và đức" là thước đo giá trị của mỗi người đã trở thành "hồng và chuyên" trong chế độ cộng sản. Và khái niệm "hồng", tức là "đạo đức cách mạng", hoàn toàn xa cách, thậm chí trái ngược, với khái niệm "nhân, nghĩa, lễ, trí, tín" của truyền thống dân tộc Việt Nam.

Một người học sinh dưới "mái trường xã hội chủ nghĩa" được dạy rằng, muốn có "đạo đức cách mạng", họ phải sẵn sàng vì quyền lợi của đảng, chấp nhận "phi nhân, bất nghĩa, vô lễ, bất trí, bất tín". Chế độ cộng sản luôn luôn dạy người học sinh, "nhân, nghĩa, lễ, trí, tín" chỉ là những sản phẩm xa xỉ của chế độ phong kiến và tư bản.

Song song với trường học và các đoàn thể ngoại vi, cộng sản còn có cả một mạng lưới kim kẹp và nhuộm hồng trí tuệ của tuổi trẻ qua hàng trăm hội đoàn, đoàn thể khác. Thậm chí, ngay cả gia đình, nền tảng đáng tin cậy cuối cùng của tuổi trẻ trên căn bản cùng huyết thống, cũng bị cộng sản phá vỡ. Kết quả, ngay cả những câu hỏi ngây thơ, những thắc mắc chân tình của tuổi trẻ đối với cha mẹ hay anh chị trong nhà, cũng rất ít khi có được câu trả lời đúng đắn, nếu không nói là cha mẹ, anh chị đã chủ động trả lời gian dối, chủ động tuyên truyền lừa bịp. Bằng sự kim kẹp tư tưởng, bằng chế độ tem phiếu, bằng mạng lưới công an chìm nổi và các hội đoàn, đoàn thể, cộng sản VN đã thực sự gieo rắc sự sợ hãi, gian dối, bao che tội lỗi, và đồng lõa với tội ác trên khắp quê hương Miền Bắc. Vì vậy, nếu ở Miền Nam, có ai than thở bản khoán cho thế hệ trẻ khi viết "bò non gặm cỏ cháy", thì ở Miền Bắc, tôi phải nói, "bò non gặm cỏ độc".

Một ai đó đã nói, con người là sản phẩm của tuyên truyền. Câu này rất đúng vì có thể nói hầu hết mọi người sinh ra và lớn lên trong xã hội cộng sản, họ đều dễ dàng trở thành những cán bộ tuyên truyền cộng sản. Điều này khiến họ vừa là nạn nhân của chế độ cộng sản, lại vừa là thủ phạm gây ra những nạn nhân khác sống chung quanh họ. Vì bản chất của chế độ cộng sản là phi nhân, gian trá và lừa lọc, nên không sớm thì muộn, đến một lúc nào đó, hầu hết những nạn nhân của chế độ cộng sản đều tỉnh ngộ, thức tỉnh. Nhưng ngay cả khi họ thức tỉnh, sự tê liệt về ý chí, cùng những tội lỗi mà họ đã phạm, và nỗi xấu hổ trước sự nông cạn về trí tuệ khiến họ mắc lừa cộng sản, đã khiến họ tiếp tục sa lầy trong vũng bùn cộng sản... Một trong những kỷ niệm ám ảnh mãnh liệt nhất và có sức tàn phá khủng khiếp nhất đối với thế hệ trẻ Miền Bắc chúng tôi là cái chết của Hồ Chí Minh. Để có thể hiểu được mức độ tàn phá của cái gọi là "thần tượng" Hồ Chí Minh đối với thế hệ trẻ Miền Bắc như thế nào, xin các bạn hãy nhìn vào thực tế, tại hải ngoại hiện nay, trong cộng đồng của chúng ta, vẫn có những người Việt khoa bảng lớn tuổi, điên cuồng bệnh vực Hồ Chí Minh là người Việt yêu nước. Họ vẫn nằng nặc không tin Hồ Chí Minh đã có nhiều vợ và có con; HCM là chánh phạm tạo nên những thảm kịch thời cải cách ruộng đất; HCM đã tạo ra những cuộc thủ tiêu rừng rợn các đảng phái quốc gia thời 9 năm kháng chiến. Có thấy được sự cuồng tín bệnh Hồ Chí Minh bằng mọi giá của tầng lớp khoa bảng thân cộng sản tại hải ngoại, quý vị mới thông cảm cho những học sinh nghèo khổ, lớn lên sau rặng tre làng, bị nhào nặn dưới "mái trường xã hội chủ nghĩa" đã gây thơ tin tưởng vào "thần tượng" Hồ Chí Minh như thế nào...

Tôi còn nhớ ngày Hồ Chí Minh chết là ngày 3 tháng 9 năm 1969. Trong suốt những ngày, những tuần lễ sau đó, đi đến đâu, tôi cũng thấy những lễ truy điệu, những buổi đọc "di chúc" của Hồ Chí Minh. Rồi những bài hát, những bài thơ, những bài văn "thương tiếc Hồ Chí Minh" xuất hiện nhan nhản ở khắp mọi nơi, qua mọi hình thức. Tại các nhà thờ, chùa chiền, hãng xưởng nhà máy, các hợp tác xã, các trường học, đều thấy những gương mặt u ám, buồn bã, và cả những "giọt nước mắt thương tiếc". Trong số đó, tôi biết hầu hết những người lớn tuổi biết rõ cộng sản là gì, thì đều phải đóng kịch để sống còn với chế độ. Sau này tôi được nghe kể, lúc đó, nhiều cô, nhiều bà có kinh nghiệm muốn "khóc thương Bác" thật mùi mẫn, thì chỉ cần nghĩ đến những người thân thương khi qua đời, là khóc ngon lành.

Nhưng đó là đối với người lớn. Với tuổi trẻ Việt Nam, ngây thơ lớn lên giữa cả rừng cam bẫy và gian dối, lại bị guồng máy tuyên truyền của cộng sản nhào nặn, nên ngày đó, nhiều học sinh nhất là nữ sinh đã khóc "thương Bác" rất mùi mẫn. Thêm vào đó, nước mắt bao giờ cũng hay lây, nên cảnh các nữ sinh sụt sịt khóc trong những buổi truy điệu Hồ Chí Minh là cảnh tôi thường thấy.

Và một người khi còn trẻ, đã tin, đã yêu thương, tôn thờ một thần tượng, để rồi một ngày kia, nhận ra mình bị lừa, nhận ra thần tượng đó là thủ phạm của không biết bao nhiêu tội ác, thì khi đó, chính mình vừa thất vọng, vừa căm hận, vừa xấu hổ. Đời người chỉ sống có một lần, và chỉ một lần có tuổi thanh xuân. Vĩnh viễn không bao giờ mình được đi lại những năm tháng tuyệt vời đó. Vậy mà chính những năm tháng tuyệt vời đó, mình lại áp ủ tôn thờ một tên đồ tể, thử hỏi còn nỗi đau đớn nào lớn hơn, quặn quai thể thảm hơn?... Nhất là khi nhiều người khi nhận biết được điều đau đớn đó là lúc tuổi của họ đã xế chiều, tội lỗi của họ đã ngập đầu, và hai tay của họ đã chót nhúng chàm độc....



Một trong những nghệ thuật tuyên truyền quỷ mỹ và thâm hiểm nhất của chế độ cộng sản, là thù dật, nguy tạo những bằng chứng, để tạo ra ảo tưởng một tầng lớp một giai cấp hy sinh cho tầng lớp giai cấp khác trong xã hội. Kết quả, qua đường lối tuyên truyền này, những người cộng sản đã tạo nên một mối quan hệ thi đua hy sinh để sống xứng đáng với sự hy sinh của người khác dành cho mình. Bằng cơ cụ thể nhất, để cho bộ đội khi ra trận, chiến đấu thật điên cuồng, cộng sản đã nhồi nhét vào đầu họ những truyện, ở hậu phương Miền Bắc có những cô gái, quyết hy sinh mạng sống, dưới mưa bom bão đạn của máy bay Mỹ, để bảo đảm cho lương thực, vũ khí được chở ra tiền tuyến. Ngược lại, đối với những người dân, những đơn vị thanh niên xung phong ở Miền Bắc, cộng sản sẽ đầu độc họ bằng sự hy sinh vô bờ bến của người bộ đội tại Miền Nam. Những lời trần trối, những lá thư tuyệt mệnh của bộ đội, được các văn nô, thi nô, thù dật theo đơn đặt hàng của cộng sản cũng có, mà sự thực của những bộ đội có bộ óc cuồng tín cũng có, đã là những liều "mật độc" thấm vào lục phủ ngũ tạng của thế hệ trẻ Miền Bắc, khiến họ dễ dàng trở thành những con thiêu thân, lao vào "hào quang" do CS nặn lên. Trong mối hy sinh hổ tương giữa tiền tuyến với hậu phương, giữa công nhân với nông dân, giữa nữ giới với nam giới, giữa người già với người trẻ, giữa huyện A với huyện B, giữa tỉnh C với tỉnh D, vân vân và vân vân... CS đã quỷ quyết vắt kiệt tất cả của cải, công sức, mồ hôi, nước mắt và cả máu của dân Miền Bắc.

Một trong những "thần tượng" được cộng sản thù dật để bòn rút mồ hôi, trí tuệ của người dân, nhất là của thế hệ trẻ một cách hiệu quả nhất, là "thần tượng Hồ Chí Minh". Để tạo cho mọi người dân hết lòng tin tưởng và thương yêu Hồ Chí Minh, chế độ cộng sản đã thù dật những câu chuyện đại loại như Hồ Chí Minh nhin uống sữa mỗi buổi sáng để lấy sữa tặng cho trẻ thơ; nhin mặc để lấy vải tặng các bà cụ già; thức đêm canh gác để cho bộ đội ngủ ngon... Sau này, chính Tố Hữu trong một bài thơ (tôi không nhớ tên) đã có câu, "sữa để em thơ, lụa tặng già" chính là để ca ngợi Hồ Chí Minh.

Vì sống trong một xã hội, "muôn người như một", cả nước chỉ nghe một chương trình phát thanh, đọc một tờ báo, hát chung một bài hát tuyên truyền, mặc cùng một loại vải, ăn cùng một loại cơm độn; và nếu còn ở tuổi đi học, khi tới trường, tất cả các trường học trên lãnh thổ Miền Bắc cùng một ngày, một giờ đều cùng giảng một bài luận văn, đọc cùng một bài thơ, với nội dung luận điệu y hệt như tờ báo, như đài phát thanh,... nên tuổi trẻ VN ở Miền Bắc dễ dàng chìm đắm trong tình cảm "kính yêu" Hồ Chí Minh, mà không hề biết chân tướng đầy quỷ mỹ cùng những thủ đoạn tàn độc của ông ta.

Truyện xưa, Tăng Sâm một người nổi tiếng là hiền hậu, sống với mẹ từ bé đến lớn, vậy mà chỉ 3 lần nghe 3 người khác nhau nói "Tăng Sâm giết người", khiến người mẹ phải hoảng hốt bỏ trốn, thì đủ hiểu, sức mạnh của tuyên truyền ghê gớm đến thế nào. Người cộng sản VN hiểu rõ được sức mạnh đó, nên chúng đã dùng tuyên truyền để nhào nặn con người. Hậu quả, tôi có thể nói, sống trong xã hội cộng sản thời đó, dân chúng cả Miền Bắc sống trong dối trá. Trẻ ngây thơ thì sống trong ảo tưởng, lớn lên có chút hiểu biết, thì bản khoăn thắc mắc, nhưng không biết hỏi ai; và có hỏi cũng không bao giờ nghe được câu trả lời chân thành. Thậm chí có người, chỉ vì thật lòng hỏi, mà rồi mang họa, phải chịu tù tội suốt cả cuộc đời. Lịch sử tù tội trong xã hội CS, có không thiếu gì người, chỉ vì một câu nói đùa trong lớp học, chỗ chợ búa, hay ở nơi hàng quán, mà ôm hận vài năm đến vài chục năm tù.

Bên cạnh lớp người ảo tưởng cuồng tín, ở Miền Bắc dưới chế độ cộng sản, còn có một lớp người khác "mũ ni che tai". Lớp người này hiểu biết, biết rõ về cộng sản, nhưng vì hoàn cảnh gia đình, công ăn việc làm, nên họ chấp nhận "nín thở vĩnh viễn". Vì sống trong một xã hội, hầu hết những người chung quanh đều "nín thở vĩnh viễn" giống nhau, nên họ đánh mất luôn cả nhân tính, cùng những cảm xúc bình thường con người phải có, như ăn năn, xấu hổ, tự ái, sĩ diện, tư cách, lòng tự hào... Chính guồng máy tuyên truyền của chế độ cộng sản đã tạo nên những người cộng sản máy như vậy nên trải qua cuộc chiến tranh Việt Nam với không biết bao nhiêu thảm kịch kinh hoàng, trong đó không biết bao nhiêu người cộng sản đã chủ động và trực tiếp nhúng tay vào máu của những người dân vô tội, trong đó có trẻ em, phụ nữ, ông bà già,... nhưng tuyệt nhiên, cho đến nay, 30 năm sau khi cuộc chiến kết thúc, chúng ta không hề thấy bất cứ người cộng sản nào tỏ ra ăn năn, hối hận, hay bị khủng hoảng tâm thần. Và đây chính là điều đau xót thê lương và tàn nhẫn nhất đối với người dân Miền Bắc. Guồng máy tuyên truyền của chế độ cộng sản trong suốt 20 năm chiến tranh, đã tạo cho những con người Việt Nam ở Miền Bắc trở thành người vô tôn giáo, vô gia đình, vô tổ quốc. Hầu hết, họ chỉ biết có "đảng và bác". Vì không có tôn giáo, lại được CS trao cho ảo tưởng "chống Mỹ giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước", nên người lính Miền Bắc dễ dàng trở nên cuồng tín, không có những giây phút do dự khi bóp cò súng bắn giết những người dân vô tội. Vì vô tôn giáo, nên người lính cộng sản không hề tin vào vào thế giới tâm linh, vào thuyết nhân quả, vào đời sống kiếp sau, vào sự thưởng phạt ở bên kia thế giới. Hậu quả, người lính cộng sản sẽ thành thoi bước vào cuộc chém giết như bước vào cuộc chơi, với niềm tin "nòng súng, mũi chông là điều nhân đạo nhất" mà Chế Lan Viên đã nhồi nhét cho họ. Như vậy, thử hỏi làm sao người lính CS có thể ăn năn, hay bị khủng hoảng tinh thần cho được?

Trong khi ở những quốc gia tự do, dân chủ tây phương, trong đó Hoa Kỳ, có những người lính ăn năn, hối hận với những tội ác mà họ đã gây ra; có những người lính khi chứng kiến đồng đội bắn giết thường dân,

đã dùng cảm dùng thân xác của mình ngăn chặn, sẵn sàng chấp nhận hy sinh; thì trái lại trong guồng máy chiến tranh của cộng sản, tuyệt nhiên không bao giờ tìm thấy sự ăn năn trong tâm hồn người lính cộng sản. Bản chất của chế độ cộng sản, với cả một guồng máy độc tài chuyên chế, sẵn sàng nghiền nát mọi tình cảm thiêng liêng của con người, đã khiến cho bất cứ ai trong chế độ CS, còn chút nhân tính, cũng không có cơ hội ngóc đầu sống thực với chút nhân tính của mình.

Chế độ cộng sản là cả một đại thảm họa cho nhân loại. Cộng sản Việt Nam, với bản chất tàn nhẫn của cộng sản quốc tế, cộng với sự ngu dốt, đã đẩy dân tộc Việt Nam vào vực thẳm của sự nghèo đói và băng hoại về nhân phẩm, văn hóa. Trong khi sự nghèo đói của một xã hội có thể giải quyết nhanh chóng trong thời gian vài chục năm, thì trái lại, một dân tộc bị băng hoại về nhân phẩm, về văn hóa, về tôn giáo, về lương tâm... dân tộc đó chỉ hồi sinh, phát triển sau thời gian cả trăm năm. Và đó là bi kịch thể thảm nhất, cay đắng nhất, dân tộc Việt Nam hiện đang đối diện.

## KỶ 19

Là một thanh niên Việt Nam sinh ra và lớn lên trong xã hội Miền Bắc, tôi thấy rất rõ, số phận của mình cũng như tất cả mọi người, luôn luôn bị nhào nặn trong guồng máy tuyên truyền của đảng cộng sản và nhà nước. Thậm chí ngay cả những nhà văn, nhà thơ, nổi tiếng một thời trước 1945, được coi là thần tượng như Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính, Hoàng Cầm... cũng đều trở thành những cán bộ văn hóa, dùng khả năng văn thơ của mình để tuyên truyền đầu độc lòng căm thù giai cấp cho thế hệ trẻ. Lấy thí dụ như thi sĩ Nguyễn Bính, một nhà thơ đã có hàng chục ngàn câu thơ tiền chiến ngọt ngào như nước giếng khơi, mượt mà như nhung lụa thời tiền chiến, vậy mà ngay sau khi hai miền đất nước bị chia cắt, ông cũng đã làm những vần thơ gieo rắc sự thù hận cho thế hệ trẻ Miền Bắc, qua những bài thơ, kể kể những "tội ác của VNCH".

Tôi còn nhớ vào khoảng giữa thập niên 1960, ở ngoài Miền Bắc chúng tôi được nghe câu chuyện, một nhà điêu khắc nổi tiếng ở Miền Nam là Diệp Minh Châu, vì quá "yêu thương và ngưỡng mộ" Hồ Chí Minh, nên đã lấy máu của ông vẽ nên bức tranh Hồ Chí Minh với 3 em thiếu nhi Bắc, Trung, Nam, để thể hiện lòng yêu quý của ông dành cho Hồ Chí Minh. Nhờ việc làm đó, Diệp Minh Châu được đưa ra Miền Bắc sống. Rồi đến ngày 3 tháng 9 năm 1969, khi nghe tin Hồ Chí Minh chết, Minh Châu đã vừa khóc, vừa thức trắng mấy đêm liền để tạc tượng Hồ Chí Minh, đến nỗi ông chảy cả máu mắt...

Tôi không biết câu chuyện trên hư thực đến mức độ nào, nhưng những bức hình Diệp Minh Châu đầu hói, đang tạc bức tượng Hồ Chí Minh có cái đầu lớn gấp chục lần cái đầu của ông, đã in sâu vào trong tâm trí của thế hệ trẻ chúng tôi. Và ngay cả hiện nay, theo tôi biết, những câu chuyện tuyên truyền Diệp Minh Châu lấy máu của mình để vẽ Hồ Chí Minh vẫn được người cộng sản thêu dệt và tuyên truyền tại Việt Nam. Hiện nay, Đài Truyền Hình của CSVN, các trung tâm đồ vui để học ở các trường học tại VN vẫn có câu hỏi đại loại như, bức tranh vẽ "Bác Hồ và 3 cháu thiếu nhi" được vẽ bằng máu của họa sĩ nào. Câu trả lời là Diệp Minh Châu. Tuổi trẻ VN phải gặm cỏ độc như vậy, thử hỏi làm sao không cuồng tín, bệnh vực Hồ Chí Minh bằng mọi giá?

Đầu thập niên 1960, Bộ Chính Trị của CS Miền Bắc bắt đầu thông qua quyết định mở cuộc chiến tranh xâm lăng Miền Nam. Chỉ trong thời gian ngắn không đầy mấy năm trời, hình ảnh những đoàn bộ đội lên đường đi B, những câu chuyện thương phế binh từ chiến trường B trở về, đã trở thành những ám ảnh, những câu chuyện quen thuộc trong đời sống của người dân Miền Bắc. Để có thể huy động tận cùng nguồn nhân lực, vật lực, tài lực cho cuộc chiến tranh xâm lăng Miền Nam, chế độ cộng sản Miền Bắc đã dùng guồng máy tuyên truyền, ngụy tạo và dựng nên hào quang người bộ đội với sứ mạng "xẻ dọc Trường Sơn đi chống Mỹ cứu nước", "giải phóng Miền Nam", "thống nhất đất nước".... Toàn bộ mạng lưới phim ảnh, báo chí, truyền thanh, thơ văn, âm nhạc, sân khấu.... được lệnh cộng sản, tìm cảm hứng, tạo cảm hứng chung quanh hình ảnh người bộ đội xâm lăng Miền Nam. Kết quả, người thanh niên Miền Bắc bị thiên la địa võng bủa vây, và con đường "thi hành nghĩa vụ quân sự", "tình nguyện nhập ngũ" là con đường duy nhất để một người có thể tồn tại, để gia đình khỏi bị phỉ nhổ, người thân khỏi xa lánh, dè bĩu. Dưới chế độ cộng sản, mối quan hệ xã hội giữa con người với con người, trở thành những sợi dây ràng buộc chặt chẽ, buộc mọi người phải đi theo con đường duy nhất: Cống hiến tài năng, trí tuệ và cả thân xác cho đảng và nhà nước. Câu khẩu hiệu, "trung với đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng" luôn luôn như lưỡi hái tử thần lừng lờ trên đầu tất cả mọi người dân Miền Bắc, bắt họ phải cống hiến thật nhiều, và chấp nhận mọi thiệt thòi, thiếu thốn. Một người thanh niên Miền Bắc, khi bị gọi đi bộ đội, thường không có sự chọn lựa nào ngoài việc ngoan ngoãn thi hành. Nếu không, người thanh niên đó phải đối diện với hàng loạt khó khăn sinh tử. Trước nhất là bị cắt hộ tịch, cắt mọi thứ tem phiếu, trong đó có lương thực. Công ăn việc làm của người thanh niên đó cũng bị đình chỉ. Nghĩa là ngay sau khi không chịu thi hành cái gọi là "nghĩa vụ quân sự", anh trở thành một kẻ ăn

bám 100% theo đúng nghĩa đen của từ này. Không một ai, không một nhà máy, hãng xưởng nào dám thuê mướn một người trốn "nghĩa vụ quân sự".

Khó khăn thứ hai, cho dù có chấp nhận cuộc sống ăn bám, anh cũng khó kiếm được thứ mà ăn. Lý do là ngay trong gia đình của anh, ngay cả những người thân của anh, cũng không chấp nhận việc anh trốn "nghĩa vụ quân sự". Vì ngoài việc phải chia xẻ khẩu phần ăn ít ỏi cho anh, họ còn gặp không biết cơ man nào là khó khăn trong đời sống riêng tư, trong công ăn việc làm, trong cơ hội thăng tiến nghề nghiệp, tiến thân trong nấc thang chính trị, chuyên môn. Tất cả chỉ vì trong nhà có một người thân "trốn nghĩa vụ quân sự".

Xã hội Miền Bắc dưới sự tuyên truyền của cộng sản trong suốt thời gian hàng chục năm đã tạo nên những "giá trị tinh thần" vô cùng độc hại và nguy hiểm để buộc mọi người phải tuân phục theo lệnh của đảng và nhà nước. Bất cứ gia đình nào trên lãnh thổ Miền Bắc cũng đều chung một hình thức trang trí "muôn nhà như một", chính giữa nhà ở vị trí trang trọng nhất, thường là ngay trên bàn thờ, là hình Hồ Chí Minh, và hình những lãnh tụ cộng sản khác, như Lê Nin, Mao Trạch Đông, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp.... Ngoài ra, hai miếng giấy được lồng kiếng, có giá trị tuyệt đối là "Gia Đình Vê Vang" dành cho gia đình nào có người đi bộ đội; và "Tổ Quốc Ghi Công" dành cho gia đình nào có người đi bộ đội đã chết khi làm nhiệm vụ.

Chính hai miếng giấy này hiện diện trong các gia đình đã tạo nên những niềm "tự hào đầy ảo tưởng", hoặc ghen tức vô cùng nguy hiểm trong mối quan hệ xã hội ở làng xóm, thôn quê lẫn cả thị thành trên đất Bắc. Gia đình ông A, bà B cũng có con trai, đến tuổi đi lính, mà chưa có được mảnh giấy "Gia Đình Vê Vang", là cảm thấy thua thiệt đủ điều, và bị nhiều người chê trách. Từ việc chia nắm thóc, nắm gạo, miếng thịt, lít nước mắm trong ngày tết, đến chuyện bình bầu để mua cái phích nước (bình thủy), cái chậu men Trung Quốc, hay cái lốp xe đạp.... tất cả đều tùy thuộc vào gia đình có mảnh giấy Gia Đình Vê Vang, hoặc Tổ Quốc Ghi Công hay không.

Bên cạnh những người bị CS tuyên truyền, nhồi sọ, coi những mảnh giấy đó có một giá trị tinh thần tuyệt đối, cũng có những gia đình đủ khôn ngoan, coi những mảnh giấy đó là cạm bẫy. Tuy nhiên, trong xã hội cộng sản, khi những nhu cầu căn bản nhất của con người phải tùy thuộc vào tem phiếu, và những mảnh giấy do cộng sản cung cấp, lập tức bản năng thấp kém của con người bị đánh thức, và sự ghen tỵ nảy sinh. Khi đó, con người dễ dàng đối xử với nhau cạn tài ráo máng. Nhất là bên cạnh đó, người cộng sản cùng chủ nghĩa duy vật biện chứng, sẽ được tận dụng để xúc xiêm, gây phân hóa, mâu thuẫn giữa hai bên. Và trong mối quan hệ hổ tương, "miếng bác ném đi, miếng chò trả lại", "con ông trốn nghĩa vụ quân sự, trong khi con tôi hy sinh xương máu, giải phóng Miền Nam", sẽ là những liều thuốc kích thích, khiến cho con người dễ dàng rơi vào những cơn ác mộng, buông tuồng cho cái ác, cái xấu tung hoành.

Bên cạnh áp lực của gia đình, người thanh niên Miền Bắc còn phải đối diện với áp lực của bạn hữu, kể cả người yêu, nếu có. Ở tuổi trên dưới 20 tuổi, thanh nam lẫn thanh nữ Miền Bắc đều ngây thơ tin tưởng vào đảng và nhà nước. Vì vậy, hầu hết đều tin tưởng vào sự nghiệp "chống Mỹ cứu nước", "giải phóng Miền Nam". Từ những trang thư, bài thơ gửi cho nhau, đến những kỷ vật nhỏ nhỏ như chiếc khăn tay, một cuốn sách, chiếc gương, chiếc lược,... đều không ít thì nhiều gói ghém niềm tin vào đảng và nhà nước. Tuổi trẻ luôn luôn hướng thượng, thích được cống hiến, được hy sinh, thích sống cuộc đời có ý nghĩa. Vì vậy, những cô gái Miền Bắc khi có người yêu, họ không thể nào chấp nhận được người yêu của họ là một gã "trốn nghĩa vụ quân sự". Năm chữ "trốn nghĩa vụ quân sự" là cả một đại ác mộng, đầy xấu hổ, vì nó đồng nghĩa với hèn nhát, ích kỷ, sợ chết, phản bội tổ quốc....

Bằng áp lực xã hội, áp lực gia đình, áp lực bạn hữu, cộng sản Việt Nam đã thành công trong việc đẩy hàng triệu thanh niên Miền Bắc vào con đường xâm lăng Miền Nam. Trong khi đó, thế hệ cha anh của họ, các thầy cô giáo của họ, các nhà văn, nhà thơ ở Miền Bắc, cùng hàng triệu người Việt Nam khác, hiểu biết rõ ràng bản chất của chế độ cộng sản,... nhưng tất cả đều thân nhiên tránh né, ngoảnh mặt quay lưng, thậm chí đồng lõa, tiếp tay với chế độ cộng sản, thực hiện một canh bạc bịp khổng lồ nhất lịch sử VN, mà hậu quả là máu xương của tuổi trẻ Miền Bắc lẫn cả máu xương của hàng triệu người vô tội ở Miền Nam bị phung phí trong suốt mấy chục năm trời. Trong khi các quốc gia khác, cũng sống trong hoàn cảnh bị chia cắt và sống dưới chế độ cộng sản như Đông Đức, Trung Cộng, Bắc Hàn, nhưng đủ khôn ngoan để không theo đuổi cuộc chiến xâm lăng Tây Đức, Đài Loan, Nam Hàn, nên không phí phạm mấy triệu sinh linh, để rồi đất nước của họ có được cơ hội hồi sinh, thăng hoa, gấp vạn lần so với Việt Nam. Đó là bài học đắt giá, dân tộc VN phải gánh chịu trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai....

## KỶ 20

Sống trong chế độ cộng sản, người dân luôn luôn bị cộng sản cho ăn bánh vẽ, bị cộng sản nhồi nhét những ảo tưởng, do guồng máy tuyên truyền của đảng và nhà nước thêu dệt. Những chiếc bánh vẽ và những ảo tưởng đó đến từ mọi phía, mọi nơi, mọi lúc. Người lớn dù biết là bánh vẽ, nhưng vẫn phải tươi

tình ăn, và khen ngon. Vì nhất cử, nhất động của mỗi người, luôn luôn có người khác theo dõi, và sẵn sàng báo cáo mọi biểu hiện mà họ cho là lệch hướng, mất lập trường, mất quan điểm. Từ những chuyện thật bình thường, như bạn tỏ ý chê một món hàng do các nước "cộng hòa xã hội chủ nghĩa anh em" [các nước cộng sản] sản xuất, hay bạn khen một sản phẩm của thế giới tư bản, hoặc tỏ ra thích một món đồ cũ của Pháp, hay của thời phong kiến ngày xưa, vân vân, bạn đều có thể dễ dàng bị ghép vào tội phản động, và bị tổng võ trại cải tạo mà không hề biết án tù bao nhiêu năm.

Thông thường, những người sống trong chế độ cộng sản, lương tâm đạo đức đều bị thui chột. Thêm vào đó, sự đói khổ, thiếu thốn khiến con người thấy mình gần với bản năng của con vật, nên chính trong thâm tâm, mỗi người đều cảm thấy mình không còn có lòng tự trọng, không còn có nhân phẩm để mà tự hào. Làm sao con người có thể có lòng tự trọng, khi lúc nào họ cũng phải nghĩ đến những biện pháp mờ ám, ăn cắp, ăn trộm, lừa gạt lẫn nhau, kèn cựa lẫn nhau, đập lên nhau để "tiên bộ thắng quan tiến chức", mà rốt cuộc chỉ để nhằm thỏa mãn những nhu cầu tầm thường của bản năng con người? Hậu quả, con người sống trong chế độ cộng sản luôn luôn cảm thấy run sợ trước cường quyền, nhút nhát trước bạo lực. Ra đường nghe một hồi còi là giật mình, đêm ngủ nghe tiếng gõ cửa là hoảng hốt. Bản thân tôi, bị nỗi sợ hãi khủng khiếp đó ám ảnh trong suốt nhiều năm, nhất là những năm vượt ngục, vượt biên sau 1975, nên khi mới tới Úc, nhiều khi đi đường, bỗng tôi giật bản mình chỉ vì nghe hồi còi của trẻ bán báo. Trong những ngày tháng mới đặt chân lên thị trấn Đông Hưng, Trung Cộng, phía bên kia Móng Cái, tối nào ngủ, tôi cũng mê sảng thấy tôi bị cộng sản đuổi bắt, bị súng cộng sản bắn trúng, đạn xuyên qua cổ họng, máu chảy tung tóe, trong khi tôi vừa chạy, vừa la, vừa nghe thấy gió thổi vô những lỗ đạn ở cổ kêu hu... hu....

Bên cạnh việc đầy đọa con người đến gần với bản năng thú vật, cộng sản còn khôn ngoan và thủ đoạn cấy vào đầu óc những người ngây thơ, nhẹ dạ, cả tin những ảo tưởng, để biến họ thành những "anh hùng vì dân vì nước", thành "những chiến sĩ đấu tranh cho tự do dân chủ", mà thực chất chỉ là tay sai cho chế độ cộng sản. Những ai đã bị tiêm nhiễm chủ nghĩa cộng sản, dần dần người đó sẽ bị chủ nghĩa duy vật, và duy vật biến chứng pháp của cộng sản bủa vây, khiến họ mê muội, chìm đắm chạy theo ảo tưởng, mà không nhìn thấy những sai lầm, những tội ác của cộng sản. Họ sẽ trở thành những người điên cuồng chạy tội cho cộng sản một cách vô cùng tinh vi. Bất cứ lúc nào, chứng kiến những tội lỗi của cán bộ cộng sản, lập tức trong tâm trí họ, tiếng nói duy vật biến chứng sẽ cất lên, nhắc nhở họ, "thấy vết mây đen, chớ quên mặt trời hồng; thấy rác ven đường, chớ quên nước biếc dòng sông; thấy cây mục, đừng quên cả rừng xanh tốt". Với duy vật biến chứng, những người bị cộng sản tiêm nhiễm lúc nào cũng tự hào, họ là những người sáng suốt, biết nhìn rõ bản chất qua hiện tượng, thấy cả triệu đảng viên cộng sản sai đi nữa, nhưng họ vẫn khẳng định tin tưởng đảng cộng sản không bao giờ sai, đảng cộng sản là bách chiến bách thắng, là vô địch...

Bằng lối lý luận "cứu cánh biện minh cho phương tiện", cộng sản đã đào tạo cả một đội ngũ cán bộ cuồng tín, sẵn sàng tuân theo mệnh lệnh của đảng, làm bất cứ chuyện gì, mà không cần suy nghĩ, cân nhắc chuyện đúng sai. Tôi nhớ, thời gian trước khi đi B (vô Miền Nam), trong một buổi học tập chính trị, viên chính ủy tiểu đoàn, hay trung đoàn (tôi không nhớ tên), có hỏi chúng tôi một câu: "Nếu các đồng chí đứng trước một giả thuyết, giết một đứa bé để cứu cả thế giới khỏi hiểm họa chiến tranh, thì các đồng chí có đủ can đảm dám vì hòa bình của toàn nhân loại, chấp nhận giết đứa bé đó không?" Sau khi nghe chúng tôi, người trả lời "có", kẻ trả lời "không", viên chính ủy hỏi lại: "Để cứu cả thế giới, các đồng chí có đủ can đảm hy sinh danh dự và tình cảm tiểu tư sản của mình để giết đứa bé đó hay không?" Lần này, số người trả lời "có" đông hơn. Cuối cùng, viên chính ủy lại hỏi tiếp: "Nếu phải giết một đứa bé để cứu đảng, cứu Bác Hồ, các đồng chí có đủ can đảm làm chuyện đó hay không?" Lần này, không một ai dám trả lời "không".

Kể lại câu chuyện này, tôi chỉ muốn thưa với các bạn, chủ nghĩa cộng sản nguy hiểm không phải chỉ ở chỗ mang đến cho gia đình, dân tộc, đất nước, ... sự nghèo đói và lạc hậu; mà nguy hiểm hơn, thê thảm hơn, chủ nghĩa cộng sản còn mang đến cho mọi người sự băng hoại lương tâm, tư cách, nhân phẩm, huỷ diệt đến tận cùng cái "nhân chi sơ tính bản thiện" của con người, đồng thời phá vỡ tất cả mọi ràng buộc về nhân nghĩa lễ trí tín, tình cảm gia đình, niềm tin tôn giáo... của con người.

Viết đến đây, tôi lại nhớ tới vụ thẩm sát Mỹ Lai. Điều tôi nhớ tới không phải là tội ác do trung úy Mỹ William Calley gây ra, mà là nhớ tới hành động dũng cảm của người phi công trực thăng Mỹ tên là Hugh Thompson, tuổi chỉ mới 24, cấp bậc chỉ hạ sĩ hay trung sĩ, những đã dám liều mạng ngăn chặn không cho trung úy Mỹ William Calley tiếp tục cuộc thẩm sát. Tôi cũng còn nhớ tới ký giả Seymour Hersh, nhiếp ảnh gia Ron Haeberle, tạp chí Life, Time, Newsweek, và nhiều báo chí khác ở Mỹ, ở Pháp đã có công trong việc đưa vụ thẩm sát Mỹ Lai ra ánh sáng. Tôi nhớ đến cả những phiên tòa xét xử William Calley; và những người lính Mỹ ăn năn, trở lại Mỹ Lai trong những năm gần đây để xây trường học, hàn gắn những bị kịch mà họ đã gây ra cách đây hơn 30 năm. Có nhớ lại tất cả những điều đó, tôi mới thấy được, con người có được sinh ra và lớn lên ở những quốc gia tự do, họ mới có được cái cơ hội làm theo tiếng gọi của lương tri. Chiến tranh bao giờ cũng là điều tàn nhẫn. Và con người, một khi phải lao vào một cuộc chiến, luôn luôn có cả ngàn yếu tố xô đẩy họ rơi xuống vực thẳm của tội ác trở thành tội phạm chiến tranh. Khi đó,

tiếng nói của lương tri sẽ là chiếc thang luân lý ngăn chặn họ khỏi rớt xuống vực thẳm của tội ác. Và ngay cả khi tội ác có diễn ra, tiếng nói lương tri của những người lính khác như Hugh Thompson, sẽ giúp họ ngăn chặn, giảm thiểu mức độ khốc liệt của tội ác; đồng thời mang đến sự trừng phạt cần thiết của công lý; đánh thức sự ăn năn hối hận trong tâm hồn của những người đã lỡ gây tội ác.

Trái lại, đối với những người lính cộng sản, hầu hết đều được cộng sản đào tạo theo chiều hướng huỷ diệt lương tri, tàn phá nhân phẩm, nên tiếng gọi lương tâm đối với họ luôn luôn là điều hiếm hoi. Tôi lấy thí dụ vụ thảm sát Tết Mậu Thân tại Huế do người cộng sản Việt Nam gây ra. Nếu so sánh nguyên nhân dẫn đến cuộc thảm sát, mức độ của cuộc thảm sát, ai cũng phải đồng ý, vụ thảm sát tại Huế ghê rợn, tàn nhẫn và ghê rợn gấp cả ngàn lần so với vụ thảm sát Mỹ Lai. Vậy mà tuyệt nhiên, trong những vụ thảm sát giết 5, 7 ngàn người tại Huế, chúng ta không tìm thấy bất cứ người bộ đội nào có hành động ngăn cản tội ác như Hugh Thompson; không có bất cứ nhà văn hay nhiếp ảnh gia cộng sản nào trung thành với công lý, như Seymour Hersh, Ron Haeblerle; và cũng tuyệt nhiên không có một tờ báo, tạp chí cộng sản nào đóng vai trò phanh phui tội ác, kêu gọi sự trừng phạt nghiêm minh của công lý như tạp chí Life, Time, Newsweek... Và cho đến bây giờ, ngót 40 năm đã trôi qua sau vụ thảm sát Huế Mậu Thân, chúng ta cũng tuyệt nhiên không hề nghe thấy bất cứ người bộ đội nào, nhà văn, nhà báo cộng sản nào, mở miệng nói những lời ăn năn, hối hận đối với tội mà họ đã gây ra.

Những vụ thảm sát tại Huế trong dịp Tết Mậu Thân là một thực tế không ai chối cãi. Mức độ rùng rợn của vụ thảm sát cho chúng ta thấy, ít nhất phải vài ngàn bộ đội cộng sản đã nhúng tay vào máu của những người dân Huế vô tội. Trong số đó, còn sống cho đến hôm nay cũng phải trên dưới cả ngàn người. Vậy mà họ vẫn sống thản nhiên với tội ác họ đã gây ra, ở một nơi nào đó, ngay trên quê hương Việt Nam, thậm chí có khi những bộ đội thủ phạm tội ác đó vẫn đang đi trên những đường phố Huế, nơi họ đã gây tội ác. Lương tâm của ở đâu? Tại sao họ có thể lạnh tanh máu cá, chấp nhận sống im lặng với tội ác mà chính họ là thủ phạm? Và có hỏi như vậy, tôi mới thấy tất cả sự bi thảm, đau đớn và bất hạnh của dân tộc Việt Nam khi bị cộng sản nhuộm đỏ.

Trong cuộc chiến tranh Việt Nam, ai cũng biết, cộng sản Việt Nam chẳng phải chỉ gây ra vụ thảm sát Huế hồi Tết Mậu Thân, mà chúng còn gây ra hàng chục ngàn vụ thảm sát rùng rợn khác trên khắp quê hương Việt Nam. Hàng chục ngàn cộng sản thủ phạm nhúng tay vào máu những người dân vô tội, hiện vẫn đang sống thanh thản ung dung trên quê hương VN. Nhiều tên trong số đó hiện đang nắm giữ những chức vụ quan trọng trong guồng máy chính phủ từ trung ương đến địa phương. Nhưng tuyệt nhiên, không một ai lên tiếng thú nhận tội ác chúng đã làm; cũng không một ai lên tiếng tố cáo những tội ác mà đồng đội đã làm; và cũng không có một cơ quan hữu trách nào có ý định phanh phui ra ánh sáng những tội ác người cộng sản đã phạm.

Hiển nhiên, nếu ai đã hiểu rõ người cộng sản, thì không bao giờ kỳ vọng vào lòng ăn năn, sự xám hối của người cộng sản. Trong thời cải cách ruộng đất, người cộng sản đã giết cả mấy trăm ngàn người vô tội, vậy mà khi tuyên bố sai lầm, Hồ Chí Minh chỉ nói ngắn gọn có hai chữ "xin lỗi", vậy là xong.

Tôi sinh ra và lớn lên ở Miền Bắc, bị cộng sản nhồi nhét tuyên truyền, nhưng may mắn, nhờ có thân phụ dạy bảo, nên tôi đã sớm thoát khỏi những bờ mê, bến lú, của chủ nghĩa cộng sản. Tôi căm giận chủ nghĩa cộng sản vì nó đã tàn phá quê hương, đất nước tôi, làm băng hoại dân tộc Việt Nam tôi trong suốt 60 năm qua. Vì vậy, khi nào chủ nghĩa cộng sản còn hiện diện trên quê hương Việt Nam, tôi sẽ còn tiếp tục đi theo con đường chống lại chủ nghĩa cộng sản. Tôi biết, với cuộc đời ngắn ngủi còn lại của tôi, chưa chắc gì tôi đã đi hết con đường chánh đạo để nhìn thấy chủ nghĩa cộng sản sụp đổ trên quê hương của tôi. Nhưng tôi biết chắc một điều, ngày nào tôi còn đi trên con đường chống chủ nghĩa cộng sản, ngày đó tôi còn thấy hạnh phúc và tự hào, đã đi đúng con đường chánh đạo; vì cùng đồng hành với tôi hôm qua, hôm nay và trong mai hậu, có tất cả những người Việt yêu nước trên thế giới, có cả vong linh của tất cả những người Việt yêu nước đã nằm xuống, trong đó có vong linh của cả thân phụ của tôi...

## KỶ 21

Trong số những vũ khí tuyên truyền được cộng sản Hà Nội sử dụng để đầu độc người dân Miền Bắc, có một vũ khí vô cùng quan trọng và hiệu quả là tên tuổi của những nhân vật nổi tiếng ở Miền Nam cũng như thế giới, đi theo cộng sản hoặc có những tuyên bố hậu thuẫn cộng sản. Bên cạnh đó, những cuộc biểu tình, đình công, tại các quốc gia tây phương, thay vì chứng tỏ quyền tự do, dân chủ của người dân được bảo đảm, dưới sự nhào nặn tuyên truyền của chế độ cộng sản, đã trở thành những hình ảnh, tin tức quảng bá cho quan điểm, "xã hội tư bản là thối nát, bóc lột tàn nhẫn; còn xã hội cộng sản là lý tưởng, là con đường tất yếu của nhân loại".

Khi cái gọi là "Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam" được cộng sản Hà Nội dựng lên, với những nhà trí thức tên tuổi nhưng đây ảo tưởng về chủ nghĩa cộng sản như Trịnh Đình Thảo, Phạm Ngọc Thu, Dương Quỳnh Hoa, Nguyễn Hữu Thọ... trong thời gian đầu, người dân Miền Bắc, nhất là thế hệ trẻ, đều

tưởng rằng người dân ở Miền Nam đã bị đàn áp dã man, nên họ phải đứng lên thành lập MTGP. Chỉ trong thời gian ngắn, guồng máy tuyên truyền của Hà Nội đã thành công trong việc tung hứng, vẽ lên một bức tranh: Những người trí thức, khoa bảng Miền Nam đã dám vứt bỏ hạnh phúc gia đình, bổng lộc, tiền tài, danh vọng cá nhân, để đi theo con đường đấu tranh giải phóng dân tộc. Dĩ nhiên, khi guồng máy tuyên truyền của cộng sản Hà Nội đã vẽ lên hình ảnh người dân Miền Nam đã biết "hy sinh" như vậy, thì guồng máy chiến tranh của cộng sản Hà Nội cũng đã khôn ngoan đẩy người dân Miền Bắc vào những "hy sinh" tương tự cho cuộc chiến tranh "giải phóng Miền Nam". Nếu những nhà trí thức khoa bảng, lớn lên ở Miền Nam tự do, chỉ vì những mâu thuẫn riêng tư, những hoạt động bè phái nhất thời, hay những bất mãn trước sự tự do dân chủ nhưng chưa hoàn hảo của chế độ VNCH, để rồi chấp nhận làm công cụ cho cộng sản, thì thử hỏi làm sao người dân Miền Bắc, lớn lên sau luỹ tre làng, bị cộng sản kìm kẹp, cả đời chỉ nghe một đài phát thanh, đọc một tờ báo,... có thể thoát khỏi sự tuyên truyền đầu độc của cộng sản?

Sau này, tôi được biết, khi nhận rõ bộ mặt thật của cộng sản, nhiều nhà trí thức khoa bảng đã bỏ cộng sản, người thì trốn ra ngoại quốc, người thì sống ẩn dật. Đặc biệt, bà Dương Quỳnh Hoa đã có thái độ can đảm rút tên ra khỏi đảng cộng sản. Cộng sản đồng ý cho bà rút tên, nhưng với điều kiện, bà chỉ được công khai chuyện rút tên của mình 10 năm sau đó. Với uy tín tại VN cũng như ngoại quốc, việc làm của bà Dương Quỳnh Hoa đã khiến cộng sản rất mất mặt. Tiếc là bà chấp nhận điều kiện "10 năm sau mới công khai chuyện rút tên khỏi cộng sản", bằng không, việc rút tên khỏi đảng cộng sản của bà còn có ý nghĩa to lớn hơn, và giúp cho nhiều người Việt hơn sớm tỉnh mộng, thoát khỏi ảo tưởng về cộng sản.

Chính vì cộng sản Việt Nam đã biết dùng những cái ảo tưởng nhất thời của những nhà trí thức khoa bảng Miền Nam, dựng nên hào quang "chính nghĩa" cho cuộc chiến tranh xâm lăng Miền Nam, cộng với hàng loạt thủ đoạn tuyên truyền, bưng bít, đàn áp, kìm kẹp "dạ dày", "nhỏ giọt" hạnh phúc,... cộng sản Hà Nội đã vắt kiệt xương máu người dân Miền Bắc để dựng nên bi kịch lớn nhất của dân tộc Việt Nam: Hy sinh xương máu của người Việt cho tham vọng bành trướng chủ nghĩa cộng sản.

Qua guồng máy tuyên truyền của cộng sản, người dân Miền Bắc, nhất là thế hệ trẻ, đã ngây thơ tin tưởng vào hào quang trí thức khoa bảng của những luật sư, bác sĩ, dược sĩ Miền Nam, khi những người này đi theo cộng sản. Thêm vào đó, những thành phần trí thức khoa bảng của Miền Bắc, trong đó có các nhà văn, nhà thơ, nhà báo... cũng đều đồng lõa với cộng sản trong việc lừa bịp người dân, đầu độc thế hệ trẻ qua những câu thơ: "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, mà lòng phơi phới dậy tương lai"; "Anh đi xuôi ngược tung hoành. Bước dài như gió lay thành chuyển non. Mái chèo, một chiếc thuyền con. Mà sông nước dậy, sóng cồn đại dương"... Sống trong một xã hội bưng bít, tư tưởng của con người chỉ thuần túy được nhào nặn bằng những bài thơ, bài hát, bài báo hay những tác phẩm do chế độ cộng sản xuất bản như Ruồi Trâu, Thép Đã Tôi Thế Đây, Hòn Đất... nên thế hệ trẻ Miền Bắc đã sống trong sự mê muội và cuồng tín. Và chính sự mê muội và cuồng tín của giới trẻ đã tạo nên những "thần tượng anh hùng", những vần thơ "dũng sĩ diệt Mỹ", để rồi những "thần tượng" những vần thơ "dũng sĩ" đó lại tiếp tục đầu độc những thanh thiếu niên khác. Vì thế, tôi có thể nói, con người sinh ra và lớn lên trong chế độ cộng sản, bao giờ cũng trải qua hai giai đoạn, một giai đoạn sống bằng ảo tưởng, và một giai đoạn sống trong sự ân hận và xấu hổ.

Cộng sản luôn luôn hiểu, thế hệ trẻ bao giờ cũng khao khát đi tìm những thần tượng anh hùng. Nặng lên những thần tượng anh hùng để đầu độc thế hệ trẻ, trong một xã hội độc tài chuyên chế là điều không có gì khó. Nhưng quan trọng hơn, dễ thuyết phục hơn, vẫn là tạo nên những hành động, con người "anh hùng thật" bằng xương bằng thịt, để đầu độc thế hệ trẻ. Vì vậy, nếu khi bắt đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, cộng sản đã ngụy tạo nên thần tượng "cậu bé Lê Văn Tám" trên dưới 10 tuổi dám tẩm xăng vào người, rồi chạy vào kho vũ khí của Pháp, làm cho nó nổ tung, thì trong cuộc chiến tranh xâm lăng Miền Nam, cộng sản đã có sẵn những hình ảnh "anh hùng bằng xương bằng thịt" để tuyên truyền, trong đó có Nguyễn Văn Trỗi.

Tôi còn nhớ vào khoảng cuối năm 1964, lúc đó tôi đang học lớp 6 hay lớp 7, thì nghe tin Nguyễn Văn Trỗi bị xử bắn về tội đặt bom toan ám sát tổng trưởng quốc phòng Robert McNamara tại chân cầu Công Lý. Ngay trong những ngày tháng đó, và trong suốt thời gian nhiều năm về sau, guồng máy tuyên truyền của cộng sản đã hoạt động tối đa, để dùng cái chết của Nguyễn Văn Trỗi, khuấy động lòng căm thù và cuồng tín trong lòng người dân Miền Bắc. Những bài thơ, bài báo, những tác phẩm, ca ngợi Nguyễn Văn Trỗi xuất hiện ở ạt trên đất nước Miền Bắc; những buổi truy điệu Nguyễn Văn Trỗi được tổ chức nhan nhản ở khắp các trường học, nông trường, hãng xưởng, hợp tác xã...; những cuộc thi bình giảng, viết luận văn, ca ngợi và học tập tinh thần Nguyễn Văn Trỗi lan tràn khắp các trường tiểu, trung và đại học ở Miền Bắc. Cả Miền Bắc trong những năm 1965, 1966... đi đến đâu cũng thấy những hình ảnh, thơ văn, sách báo,... nhắc đến Nguyễn Văn Trỗi. Rồi phim ảnh, ca kịch, tuồng, chèo... với nội dung ca ngợi Nguyễn Văn Trỗi cũng đua nhau xuất hiện. Những con đường Nguyễn Văn Trỗi, hợp tác xã Nguyễn Văn Trỗi, nhà máy Nguyễn Văn Trỗi, cánh đồng 5 tấn, 10 tấn Nguyễn Văn Trỗi cũng nhan nhản khắp mọi nơi. Ngay cả bưu điện Miền Bắc cũng bị CS buộc phải cho phát hành con tem có hình Nguyễn Văn Trỗi.

Thông thường tâm lý của con người đứng trước một hành động được gọi là "anh hùng", người ta thường xúc động, khâm phục, ca ngợi và muốn noi theo hành động "anh hùng" đó, mà ít khi nghĩ đến hành động "anh hùng" đó đã diễn ra như thế nào, đã bắt nguồn từ đâu. Thực tế cho thấy, một hành động "anh hùng" có thể diễn ra một cách vô cùng tàn nhẫn, vô nhân; và có thể xuất phát từ rất nhiều nguyên nhân tầm thường nếu không nói là bá đạo, như lòng căm giận, hận thù cá nhân, ảo tưởng yêu nước, ảo tưởng giải phóng, hay lòng cuồng tín về một thứ chủ nghĩa vô thần. Một hành động ngang ngược của một người lính Mỹ trên đường phố Sài Gòn, một cái chết oan uổng của một người phụ nữ trong cảnh bom rơi đạn lạc, hay cái chết của một hài nhi giữa thành phố Hà Nội, khi bị máy bay Mỹ oanh tạc,... đều có thể là nguyên nhân, tạo nên những hành động, những con người "anh hùng" chạy theo ảo tưởng "chống Mỹ cứu nước" dưới bóng cờ cộng sản, mà quên mất, chính cộng sản mới là kẻ thù lớn nhất của dân tộc Việt. Tôi được biết, ở Miền Nam, có những người chạy vô bụng đi theo cộng sản, chỉ vì những lý do rất "Chí phèo", như bị một hai vị trong hội đồng hương xã o ép; hay người yêu bỏ mình chạy theo một người có tiền tài địa vị trong chính phủ VNCH. Ở ngoài Miền Bắc cũng có những thanh nam, thanh nữ, ký tên tình nguyện đi bộ đội, đi thanh niên xung phong, chỉ vì xem một bộ phim tuyên truyền của cộng sản, hay chứng kiến một cuộc oanh tạc của máy bay Mỹ trên đường phố.

Khoảng năm 1966, tôi có tham dự một kỳ thi tại trường cấp 2 Bắc Lý. Trường này được mệnh danh là "lá cờ đầu giáo dục" tại Miền Bắc. Nghe đâu trường Bắc Lý có kết nghĩa với một trường học nào đó tại Cuba, nên tại đây có nuôi những con ếch Cuba, và đôi khi có phái đoàn chuyên gia Cuba viếng thăm. Tại văn phòng nhà trường có treo một tấm hình rất lớn của Che Guevara. Lúc đó, còn bé, nên chúng tôi không biết Che Guevara là ai, chỉ biết chung chung, ông ta là một "anh hùng" của cộng sản Cuba. Nhưng dưới bức hình của Che Guevara có một dòng chữ bỏ trong ngoặc kép, đại ý: "Che Guevara là con người hoàn thiện nhất trong thời đại chúng ta". Bên cạnh câu nói đó có ghi tên người nói là Giăng Pôn Sạc (Jean Paul Sartre). Lâu ngày, tôi không còn nhớ chính xác, nhưng đại khái là như vậy. Thời đó, chúng tôi cũng không biết "Giăng Pôn Sạc" là ai, chỉ biết hiệu trưởng của trường Bắc Lý giới thiệu ông "là người từng được trao giải thưởng nobel văn chương vào năm 1964 với số tiền thưởng cả triệu Mỹ kim nhưng ông từ chối lãnh nhận tiền của tư bản". Giai đoạn đó, tổng sản lượng kinh tế của cả Miền Bắc, chỉ có khoảng 2 tỷ Mỹ kim, nên tin một nhà văn "từ chối cả triệu Mỹ kim tiền thưởng của tư bản", hẳn nhà văn đó phải rất đặc biệt. Vậy mà người đặc biệt đó lại ca ngợi "anh hùng cộng sản" Che Guevara là "Con người hoàn thiện nhất trong thời đại chúng ta", thì rõ ràng, câu nói đó có một giá trị tuyên truyền, đầu độc thanh niên Miền Bắc rất ghê gớm.

Trước đó, một triết gia nổi tiếng thế giới, cũng từng đoạt giải Nobel văn chương năm 1950, là Bertrand Russell. Ông cũng đã công khai lên tiếng phản đối Mỹ, và ủng hộ cộng sản trong cuộc chiến tranh cộng sản xâm lăng Miền Nam, nên cộng sản Việt Nam đã tận dụng tối đa tiếng nói và uy tín của Bertrand Russell trong việc xây dựng hào quang chính nghĩa cho cuộc chiến tranh "xâm lăng Miền Nam".

Đặc biệt, chuyến viếng thăm Hà Nội của nữ tài tử phản chiến Jane Fonda đã được guồng máy tuyên truyền của cộng sản Việt Nam tận dụng, nguy tạo Jane Fonda trở thành "tiếng nói của lương tâm thế giới" đối với cuộc chiến tranh Việt Nam. Hình ảnh Jane Fonda đội nón cối, đi dép râu, mặc áo bà ba, xuất hiện tại những ụ pháo phòng không ở Miền Bắc, được cộng sản Hà Nội phổ biến rùm beng, đã có một tác động tâm lý rất mạnh vào giới trẻ, và là nguyên nhân, tạo nên nhiều bi kịch cho cuộc chiến tranh xâm lăng Miền Nam của cộng sản Hà Nội.

Vì vậy, có thể nói, trong suốt thời gian xâm lăng Miền Nam, tất cả những ai, vì bất cứ lý do gì, có những lời tuyên bố, hành động, hay thái độ, bất lợi cho Mỹ, bất lợi cho VNCH, đều được cộng sản Việt Nam tận dụng, thao túng, đánh bóng cho hào quang "giải phóng Miền Nam", ngỏ hầu tạo ảnh hưởng đối với thế giới, đồng thời bòn rút mồ hôi, xương máu của người dân Miền Bắc. Đó là thảm kịch đau đớn nhất, bi phẫn nhất cho dân tộc Việt Nam, mà cộng sản Việt Nam là chánh phạm, cùng với rất nhiều đồng phạm, vì lý do này hay lý do khác, đã tiếp tay cho cộng sản.

## KỶ 22

Trước khi được đặt chân lên những đường phố của Miền Nam Tự Do, tôi đã được thầy tôi và ông Tổng Tu (thông gia với thầy tôi) nói về cuộc sống tự do, sung túc của Miền Nam. Qua những tấm ảnh trên bưu thiếp, những tranh ảnh cũ từ thời Pháp thuộc, nhất là những tấm hình lưu giữ trong tiệm hình của ông anh tôi, tôi ít nhiều hiểu được cái thế giới Miền Nam, nơi các chị tôi đang sống, hạnh phúc gấp bội so với cuộc sống của người dân Miền Bắc. Tuy biết trên lý thuyết là như vậy, nhưng phải đợi đến khi được thực sự sống ở Miền Nam, tôi mới hiểu được cuộc sống tự do, hạnh phúc của người dân Miền Nam. Và khi hiểu được như vậy, tôi mới thấy nỗi đau đớn của những người dân Miền Bắc, sống trong tăm tối, ảo tưởng và lừa bịp của chế độ cộng sản, thê thảm như thế nào. Ngay trong những ngày tháng còn sống trong trung tâm chiêu hồi Thị Nghè, anh em hỏi chánh chúng tôi vẫn nói với nhau, nếu người dân Miền Bắc ai cũng

được vô thăm quan Sài Gòn một vài ngày rồi về, thì chắc chắn, cuộc chiến xâm lăng Miền Nam của CS Hà Nội sẽ phải bị huỷ bỏ, vì chẳng còn ai tin vào đường lối tuyên truyền lừa bịp của chúng. Cũng vì đã trải qua tâm trạng đó, nên sau này, tôi đã tìm thấy sự đồng cảm sâu xa ở nhà văn Dương Thu Hương khi nghe bà nói, sau 1975, vô Sài Gòn, nhìn thấy những đường phố, những tòa nhà và cuộc sống của người dân Miền Nam, bà đã khóc và đau xót nhận ra, trong cuộc chiến tranh Việt Nam, kẻ chiến thắng là những kẻ mọi rợ. Điều phi lý của cuộc chiến tranh Việt Nam là, trong khi Miền Bắc xâm lăng Miền Nam, theo đuổi một cuộc chiến phi nghĩa đầy bản thủ, thì người dân Miền Bắc lại sống trong hào quang giả tạo, xuất phát từ ảo tưởng "chống Mỹ cứu nước, giải phóng Miền Nam". Trái lại, trong khi Miền Nam phải chiến đấu trong cuộc chiến tranh chống cộng sản xâm lăng, có đầy đủ hào quang chính nghĩa và lý tưởng cao quý, thì có nhiều người sinh ra và lớn lên ở Miền Nam, lại không nhận ra được điều cao đẹp đó, tìm đường vô bụng, đi theo cộng sản. Đó là do lỗi của ai? Lỗi của gia đình, nhà trường, chính phủ, hay do hoàn cảnh ân oán, phe nhóm của mỗi cá nhân? Nhưng dù cho đó có là lỗi của ai, bây giờ nhìn lại, đều thấy chua xót, vì trong cuộc chiến, Miền Nam đã có chính nghĩa nhưng đã không làm sáng tỏ chính nghĩa đó, hoặc có làm, nhưng chưa đến nơi đến chốn.

Bây giờ, nhìn trở lại cuộc chiến tranh Việt Nam, nhiều khi tôi vẫn nghĩ, nếu ở Miền Nam có những văn nghệ sĩ phản chiến, ít nhiều có tội, làm thiệt hại đến cuộc chiến tranh chống cộng sản xâm lăng; thì ở Miền Bắc, những người có tội lỗi nhất đối với dân tộc, đất nước, chính là những văn sĩ, nhạc sĩ, thi sĩ, nhà báo, nhà giáo... đã đóng vai trò của những văn nô, ký nô cho chế độ. Một người cộng sản, dù có xảo quyệt đến đâu, khi phun nọc độc tuyên truyền, người nghe bao giờ cũng cảnh giác, thận trọng. Nhưng một người trí thức, một thi sĩ, văn sĩ, nghệ sĩ,... khi dùng cái tài năng thiên phú của họ, phụng sự cho quỷ, thì sự khốc hại bao giờ cũng thâm hơn rất nhiều. Trong suốt 20 năm sống ở Miền Bắc, và sau này suốt mấy chục năm, theo dõi thơ văn của Việt Nam dưới chế độ cộng sản, tôi phải đau xót thú nhận, hầu hết những người cầm viết được coi là "thần tượng" của người Việt trên đất Bắc, đều là những người đã tôn thờ quỷ, phục vụ cho quỷ, để đánh đổi ơn mưa móc của chế độ cộng sản, mà nhiều khi ơn mưa móc đó chỉ là vài lạng thịt, ít cần đường phèn, hay một chiếc vỏ xe đẹp.... Và khi một nhà văn, nhà thơ đã được coi là "thần tượng" mà lại đi tôn thờ quỷ, đánh đổi những vật chất tầm thường, thì sự tai hại thiệt là vô cùng cho chính họ, cũng như cho những ai tôn thờ họ.

Tôi xin đơn cử một thí dụ, nhà thơ Chế Lan Viên. Tài thơ văn của nhà thơ Chế Lan Viên có thể nói tuyệt vời. Tập thơ Điều Tàn làm lúc ông mới mười mấy tuổi đã cho thấy tài năng thiên phú của ông. Đáng tiếc và đáng giận, khi ông dùng tài năng của ông viết những vần thơ ca ngợi chế độ cộng sản, khiến không biết nhiều thanh thiếu niên, lao đầu vào chỗ chết, hiến thân xác cho đảng cộng sản, chỉ vì đọc những vần thơ của ông.

Đề ca ngợi cuộc chiến tranh xâm lăng Miền Nam của cộng sản Hà Nội, Chế Lan Viên viết những câu thơ xao xuyên lòng người:

Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm!

Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?

- Chưa đâu! Và cả trong những ngày đẹp nhất

Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc,

Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hóa thành văn,

Khi Nguyễn Huệ cưỡi voi vào cửa Bắc,

Hưng Đạo diệt quân Nguyên trên sóng Bạch Đằng...

Hay khi kêu gọi tinh thần hy sinh, sẵn sàng dâng hiến tất cả cho "lý tưởng giải phóng Miền Nam" của đảng cộng sản, Chế Lan Viên đã viết những vần thơ có giá trị liên tưởng, đầy khích lệ:

Không ai có thể ngủ yên trong đời chật

Buổi thủy triều vẫy gọi những vàng trắng,

Mỗi gié lúa đều muốn thêm nhiều hạt,

Gỗ trăm cây đều muốn hóa nên trầm,

Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt,

Mỗi con sông đều muốn hóa Bạch Đằng...

Đọc những câu thơ trên, quý vị sẽ thấy, thi sĩ Chế Lan Viên đã đội vương miện, tắm hào quang cho cuộc chiến tranh xâm lăng Miền Nam của cộng sản. Dĩ nhiên, khi viết những câu thơ đó, Chế Lan Viên đã biết rõ sự thực của cuộc chiến tranh VN. Sau này, khi bước vào lúc tuổi xế chiều, Chế Lan Viên đã tỏ ra ân hận rất nhiều, khi ông thú nhận trong bài thơ "Ai? Tôi!", trong đó có những câu:

Mậu Thân 2,000 người xuống đồng bằng

Chỉ một đêm, còn sống có 30

Ai chịu trách nhiệm về cái chết 2,000 người đó? Tôi!

Tôi - người viết những câu thơ cổ võ

Ca tụng người không tiếc mạng mình



trong mọi cuộc xung phong.

Một trong ba mươi người kia ở mặt trận về sau mười năm

Ngồi bán quán bên đường nuôi đàn con nhỏ.

Rất tiếc sự ân hận của ông cũng chỉ có thế.

Bên cạnh những thi nô như Chế Lan Viên, Tố Hữu, Huy Cận, Thế Lữ, Phạm Tiến Duật... ở Miền Bắc còn có những cuốn truyện đầu đọc người đọc. Trong số những tác phẩm văn chương ảnh hưởng độc hại đến trí tuệ, lửa nhiệt tình và quan niệm sống của thanh thiếu niên Miền Bắc, có 2 tác phẩm quan trọng hơn cả là cuốn Ruồi Trâu và cuốn Thép Đã Tôi Thế Đây.

\*

Trở lại chuyện tôi ở phủ đặc ủy tỉnh báo trung ương một thời gian rồi được chuyển về Trung tâm chiêu hồi Thị Nghè học tập đường lối, chính sách của chính phủ VNCH. Thời đó, chính sách của VNCH coi tất cả hòi chánh viên cũng bình đẳng như tất cả những công dân khác của VNCH. Nghĩa là một người khi đã về hòi chánh, người đó sẽ được hưởng tất cả mọi quyền lợi, cũng như bổn phận như công dân VNCH, trong đó có bổn phận đi lính, cầm súng bảo vệ tổ quốc trước làn sóng xâm lăng của cộng sản Bắc Việt.

Trong thời gian ở tại Trung Tâm Chiêu Hồi Thị Nghè, tôi có quen với một anh bạn cũng là hòi chánh viên, trước quê ở Hải Phòng, tên là Tuấn. Tuấn hơn tôi 2 tuổi, nhưng vì to con, râu quai nón rậm rạp, nên trông bề ngoài, anh già hơn tôi cả chục tuổi. Vì giường của tôi và giường của anh ở cạnh nhau, nên chúng tôi thường tâm sự về đủ thứ chuyện trên đời. Qua chuyện trò tôi được biết bố mẹ của Tuấn đều mất trong thời cải cách ruộng đất. Vì vậy, Tuấn rất căm thù cộng sản. Cũng giống như tôi, ngay khi đặt chân lên mảnh đất Miền Nam, Tuấn đã ra chiêu hồi ngay. Tuấn lại có công giúp quân đội VNCH tìm được mấy hầm vũ khí của VC, nên anh được thưởng một số tiền khá lớn đến mấy trăm ngàn tiền VNCH lúc đó.

Với người khác, khi có được số tiền nhiều như vậy thì lo ăn chơi, mua sắm. Nhưng Tuấn thì không. Anh ta nhờ ông Tài, nhân viên làm việc tại Trung Tâm Chiêu Hồi Thị Nghè, gửi hết số tiền thưởng vô ngân hàng, rồi anh tình nguyện đi lính đánh cộng sản. Sau này, tôi được biết, anh bị thương, trở về làm cho tổ chức thiện nguyện là hội Hoàn Cầu Khải Tượng (World Vision), ở ngay Sài Gòn. Vào những ngày cuối tháng 4 năm 1975, anh có điều kiện di tản dễ dàng cùng với các trẻ em mồ côi, nên anh đã tha thiết rủ tôi đi cùng với anh. Tôi từ chối, vì lúc đó, tôi đinh ninh ba tôi còn sống, nên tôi nhất định phải ở lại, trở ra Miền Bắc, ghé thăm ba tôi lần cuối, trước khi vượt biên ra ngoại quốc. Cũng vì tấm lòng tha thiết muốn gặp lại người cha già, nên ngay ngày 3/5/1975, sau khi cộng sản vừa mới chiếm đóng Sài Gòn, tôi đã dùng giấy tờ giả, trở lại Miền Bắc. Đến khi tới Hà Nội, hay tin cha tôi đã mất năm 1974, tôi chỉ biết âm thầm ghé thăm một cha, rồi vội vàng trở vô Miền Nam. Việc tôi ra Bắc, vô Nam trong thời gian cộng sản mới chiếm Miền Nam đã khiến chính chị ruột của tôi tại Võ Di Nguy Phú Nhuận, cũng nghi ngờ, cho tôi là một tên hòi chánh giả, làm cho tôi dở khóc, dở cười... Nhưng đó là chuyện rất dài, tôi sẽ kể hậu quý vị khi có dịp....

## KỶ 23

Được chuyển về Trung tâm chiêu hồi Thị Nghè, tôi thấy có rất nhiều chuyện vui mừng, hạnh phúc và nhiều điều lạ lùng. Giống như một anh Mán từ núi xuống đồng bằng, một thằng ngố từ rừng vô thành phố, tôi ngỡ ngàng trước cả một thế giới đầy mới lạ, một cuộc sống náo nức, nhộn nhịp vô cùng. Điều tôi thấy lạ lùng nhất là sự canh phòng hết sức chênh mảng đối với tất cả mọi hòi chánh viên. Tôi không biết, trong số những hòi chánh viên tìm tự do (bộ đội Miền Bắc), cũng như những hòi chánh viên trở lại với chánh nghĩa quốc gia (bộ đội, du kích Miền Nam), có ai là hòi chánh giả khiến chính phủ VNCH phải đề phòng hay không, nhưng tôi thấy, ít nhất là bề ngoài, quân cán chính của chính phủ VNCH làm việc tại Trung tâm, không hề có bất cứ sự nghi ngờ gì đối với bất cứ hòi chánh viên nào.

Tại Trung Tâm thời đó cũng có hàng rào bao bọc chung quanh. Cổng ra vô luôn luôn có lính gác. Cả Trung Tâm có một trung đội lính thay phiên nhau bảo vệ an ninh, nhưng tất cả mọi hòi chánh viên đều được ra vô tự do, ai muốn đi đâu thì đi, và đi bao lâu rồi về cũng được. Thậm chí, có nhiều người vào dịp cuối tuần đi luôn mấy đêm rồi về cũng không thấy ai trong ban Giám Đốc Trung tâm chất vấn, hỏi han, hay thắc mắc gì. Đối với anh em hòi chánh viên Miền Nam, thường họ có thân nhân họ hàng tại Sài Gòn, hay tỉnh lẻ, nên họ hay đi ra ngoài. Riêng chúng tôi, những hòi chánh viên Miền Bắc, thì lại rất ngại đi ra ngoài. Phần không biết đường xá, lại không quen phong tục, tập quán của Miền Nam, phần sợ cộng sản trả thù, nên chúng tôi chỉ tụ tập chơi bài, đọc sách hoặc xem TV trong một quán ăn nhỏ nằm cạnh thư viện của Trung tâm.

Trung tâm chiêu hồi Thị Nghè nằm ngay cạnh sông Sài Gòn. Bên kia sông là sở thú, nên ngày ngày, trông sang sở thú, chúng tôi thấy không biết bao nhiêu trai thanh gái lịch đi lại tha thướt. Cuộc sống thật vô cùng êm đềm và hạnh phúc. Thấy như vậy, chúng tôi lại càng thương xót cho những người dân khổ khổ ở Miền Bắc, đã sống vật lộn từng ngày từng giờ, lại đói khát, thiếu thốn trăm bề, hạnh phúc gia đình chẳng

có, lại phải luôn luôn giả dối đối từ người ngoài, đến người trong nhà, thậm chí giả dối với ngay cả bản thân.

Một trong những hình ảnh tạo cho chúng tôi nhiều xao xuyến, thao thức nhất khi mới đặt chân lên mảnh đất Miền Nam là hình ảnh tà áo dài trắng của nữ sinh Miền Nam. Sinh ra và lớn lên ở Miền Bắc, chúng tôi chỉ nghe, chỉ đọc và chỉ thấy những tà áo dài trong sách vở, tranh ảnh, thì làm sao hiểu được "tà áo dài đẹp nhờ nó có gió". Còn ở ngoài đời thì cả năm, may mắn trong ngày tết, ngày lễ, chúng tôi mới có dịp trông thấy tà áo dài.... loại áo tứ thân của mấy bà già, cùng với chiếc ruột tượng quần ngang thắt lưng. Những chiếc áo dài đó, không nói quý vị cũng đủ hiểu, là những chiếc áo vá chằng và đụp, đủ màu sắc khác nhau. Ngay cả cả những chiếc áo dài lành lặn, thì màu sắc héo úa, cùng tà áo nhăn nhúm, không một lần được giặt ủi, dù có "quần quít" theo bước chân của những bà già, thì làm sao có thể tạo cho chúng tôi được những rung động chân thành, những thao thức trăn trở như những tà áo dài trắng....

Tôi không biết có lần thân hay đàn độn gì không, nhưng kể từ khi đặt chân vô Miền Nam, nhìn thấy tà áo dài trắng của nữ sinh Miền Nam, tôi dám chắc một điều, suốt 20 năm ở Miền Bắc, tôi chưa bao giờ được nhìn thấy tà áo dài trắng.

Ngay bên hông Trung tâm chiêu hồi Thị Nghè lúc đó có một dãy phố nhỏ. Cứ mỗi buổi sáng, chúng tôi đứng trong sân, chiêm ngưỡng những cô nữ sinh Miền Nam e thẹn trong tà áo dài trắng, cắp cặp đi học, người đi bộ, người đi xe đạp, có người đi Honda... là chúng tôi đủ thấy hạnh phúc tuyệt vời. Ngày đó, tôi nhớ mình đã ngoài 20 tuổi, đã hết ngây thơ, hết hồn nhiên của tuổi mộng mơ, vậy mà khi nhìn những cô nữ sinh mặc áo dài trắng đi học, tôi cứ ngây ngây ngô ngô nghĩ những cô nữ sinh đó không thể nào là "người trần gian".

Tôi còn nhớ một kỷ niệm tuyệt vời về một tà áo dài trắng, trong những ngày tháng khi mới đặt chân lên vùng đất tự do. Khi tôi còn ở trong Phủ Đặc Ủy Tỉnh Báo Trung Ương, có một cô làm việc trong đó vốn là người Hà Nam, Phủ Lý, nên cô quen biết với gia đình bà chị của tôi. Nhờ cô giúp đỡ, nên tôi đã nhanh chóng tìm gặp được tất cả 4 bà chị ở Miền Nam, trong đó có một bà ở Võ Di Nguy, Phú Nhuận, hai bà ở Vũng Tàu, một bà ở Biên Hòa. Mỗi tuần, vào chiều thứ sáu, hoặc chiều thứ bảy, tôi lại đi xe lam từ Thị Nghè về Võ Di Nguy qua ngã Bà Chiểu để thăm bà chị. Trong một chuyến xe lam về Võ Di Nguy thăm chị vào một buổi chiều thứ bảy, tôi được cái may mắn ngồi đối diện một cô nữ sinh mặc áo dài trắng... trên suốt chặng đường từ Thị Nghè đến Lăng Ông, Bà Chiểu. Trong chiếc xe lam chật chội, tôi tằm vào buổi chiều hôm đó, nhờ tà áo dài trắng nên tôi thấy trong xe sáng hẳn lên. Tuy kỷ niệm chỉ đơn sơ và vồn vện có bấy nhiêu thôi, nhưng chẳng hiểu sao suốt bao nhiêu năm trôi qua, trải qua bao nhiêu sóng gió, hiểm nguy sinh tử của một đời người, cho đến nay tôi vẫn nhớ đến hình ảnh tà áo dài trắng vào buổi chiều hôm đó trong những rung động thanh cao, tinh khiết...

Thế mới biết, trong cuộc sống thường nhật của mỗi chúng ta, nhiều khi chỉ một nụ cười, một ánh mắt, một tà áo dài, một mái tóc, một bờ vai gầy hay có khi chỉ là một nhân dáng khi đứng, khi đi, khi ngồi,... cũng để lại cho lòng mình một niềm hạnh phúc mãi mãi ngân nga, để rồi kỷ niệm đó mãi mãi tươi trẻ xuyên suốt cùng năm tháng, bất kể thời gian, bất chấp không gian và sự chìm nổi, sướng khổ của mỗi đời người... Nhưng kỷ niệm về tà áo trắng trên mảnh đất Miền Nam đối với tôi chẳng phải chỉ có bấy nhiêu. Sau này, được đọc những vần thơ trong bài thơ Áo Lụa Hà Đông của Nguyễn Sa; Ngày Xưa Hoàng Thị của Phạm Thiên Thư; rồi được nghe những bài hát của Trịnh Công Sơn, của Phạm Duy,... tôi mới thấy chính cuộc sống tự do, giàu tình cảm, đậm đà văn hiến của người dân Miền Nam đã giúp cho ngôn ngữ Việt Nam, giá trị thẩm mỹ của người Việt Nam, cùng tâm hồn của người Việt Nam vươn tới những chân trời mới, khiến cuộc sống của mỗi người trở nên hạnh phúc hơn, thi vị hơn, đáng sống hơn.

Tiếc rằng, nếu cái tâm hồn đậm đà thi vị, bát ngát tình người của người Hà Nội cách đây nửa thế kỷ đã bị mai một cùng với bước chân "tiếp quản thủ đô" của người bộ đội vào năm 1954, thì từ năm 1975 cho đến nay, tại Miền Nam, cái đậm thắm tình người ấy, cái đậm đà văn hiến ấy của người dân Miền Nam cũng đã bị tàn phá cùng với xích sắt xe tăng của người bộ đội Miền Bắc khi CS chiếm được Miền Nam.

Cũng giống như không biết bao nhiêu thi sĩ tài hoa trên đất Bắc, sau khi cộng sản cưỡng chiếm được một nửa nước vào năm 1954, bỗng một sớm một chiều thấy cạn dòng cảm hứng, thấy mình hết thành tiên, thành thánh; sau 1975, không biết bao nhiêu thi sĩ, văn nhân tài hoa của Miền Nam, cũng dần dần chìm sâu vào cuộc sống tem phiếu, vật chất, bon chen, kèn cựa lừa lọc giữa dòng đời, để rồi một ngày nào đó, bỗng nhiên nhận ra, những vần thơ, bản nhạc tuyệt vời do mình sáng tác ngày nào, bây giờ chỉ còn là những phút giây xuất thần mãi mãi chìm trong quá khứ. Sự thực, cùng với sự chiếm đóng của cộng sản, rất ít những bài thơ hay, những bản nhạc hay được sáng tác tại Miền Bắc sau năm 1954, cũng như tại miền Nam sau 1975. Đó là sự thực đau lòng cho dân tộc Việt Nam...

Vào một buổi chiều, đang thơ thẩn chơi ở sân Trung tâm Chiêu hồi Thị Nghè, thì anh Lộc, một người gốc Hà Nội, đã về chiêu hồi trước tôi mấy năm, đang làm thuyết trình viên cho Bộ Chiêu Hồi, ghé chơi và giới thiệu tôi với ông Đại úy Hiệu, người phụ trách một số chương trình phát thanh tình báo, dịch vận của

VNCH trong đó có đài Gươm Thiêng ở bên Cư Xá Thành Tín, ngay góc đường Hồng Thập Tự và Nguyễn Bình Khiêm thì phải. Vì đã lâu, nên tôi không còn nhớ chính xác. Nếu có sai sót, mong quý vị bỏ qua. Trong dịp trò chuyện với Đại úy Hiệu, ông yêu cầu tôi viết bài rồi chính tôi đọc bài mình viết trên đài phát thanh. Tôi vui vẻ nhận lời, vì trong thâm tâm, tôi muốn nói cho tất cả bạn bè, thân nhân của tôi ở Miền Bắc biết về bộ mặt thật của cộng sản, biết về sự thật đời sống sung túc, tự do hạnh phúc của người dân Miền Nam, biết họ đã bị cộng sản lừa bịp một cách trắng trợn. Thấy tôi vui vẻ nhận lời, ông Hiệu rất mừng. Ông cũng cho tôi biết, tốt nhất, khi viết bài, tôi nên dùng tên thật. Ông hỏi tôi có ngại ngừng gì khi dùng tên thật của mình lúc viết bài, cũng như khi đọc bài trên đài phát thanh hay không. Tôi trả lời, tôi sẵn lòng dùng tên thật, Nguyễn Hữu Chí, có vậy, bạn bè, thân nhân mới biết tôi là ai và như vậy, họ mới tin vào những điều tôi nói....

## KỶ 24

Sau khi nhận lời Đại úy Hiệu, suốt thời gian kế tiếp nhiều năm trời, tôi đã liên tục viết bài và trực tiếp đọc những bài viết đó trong những chương trình phát thanh hướng về Miền Bắc. Tôi nói rõ họ và tên thật của tôi, quê quán của tôi, những kỷ niệm kinh hoàng tôi đã trải qua trên đường xâm lăng Miền Nam, những sự thực tôi đã chứng kiến, những luận điệu tuyên truyền của cộng sản đã bịp bợm như thế nào. Tôi cũng mô tả tất cả những niềm xúc động của tôi khi được chứng kiến cuộc sống tự do, sung túc của người dân Miền Nam....

Tôi không biết những bài viết của tôi kết quả như thế nào, nhưng tôi biết chắc một điều, những chương trình phát thanh đó đã đến tai nhiều người trên đất Bắc. Có hai bằng chứng rõ ràng để tôi nói như vậy. Bằng chứng thứ nhất là vào tháng 5 năm 1975, khi trở lại Miền Bắc, tôi đã nghe bạn bè kể về những chương trình phát thanh có bài viết của tôi. Bằng chứng thứ hai, sau 30-4-1975, trong một lớp học "cải tạo" tại Vũng Tàu, chính cán bộ cộng sản đã đích danh mang tên của tôi, Nguyễn Hữu Chí, cùng quê quán của tôi, ra nguyên rủa. Trong số những người phải ngồi học tập "cải tạo" hôm đó, có người cháu ruột gọi tôi bằng cậu, trước ở Vũng Tàu, và hiện đang sống ở Úc. Lúc đó, tôi đã bị cộng sản bắt vô tù, đến khi tôi vượt ngục được thì cả gia đình người chị cùng với người cháu đã vượt biên thành công và định cư ở Úc. Câu chuyện này mãi đến khi tôi vượt biên sang Úc, gặp lại người cháu, mới được nghe kể.

Trong những ngày tháng ở Trung Tâm Chiêu Hồi Thị Nghè, qua một số người bạn, tôi được biết, bên Bộ Chiêu Hồi cần tuyển dụng những người về chiêu hồi làm thuyết trình viên. Mục đích là để chính những người chiêu hồi từng là bộ đội Miền Bắc, hoặc là những người vô bụng theo "Mặt Trận Giải Phóng", kể lại những sự thực mắt thấy tai nghe bên phía cộng sản. Qua đó, quân dân cán chính của Miền Nam hiểu rõ kẻ thù cộng sản như thế nào, và biết rõ cuộc chiến đấu của người dân Miền Nam nhằm chống cộng sản xâm lăng, có hào quang chính nghĩa ra sao.

Biết được tin này, lập tức tôi nộp đơn xin làm thuyết trình viên. Vì ông anh rể tôi lúc đó làm cảnh sát, phòng căn cước, từng thường xuyên ra vô Trung Tâm Chiêu Hồi chở tôi về nhà ở Võ Di Nguy Phú Nhuận, nên ông thường khuyên tôi cố gắng thi vô thuyết trình viên. Theo yêu cầu của ban tuyển dụng thuyết trình viên lúc bấy giờ, mỗi ứng viên phải thuyết trình một đề tài, trước một ban giám khảo. Tôi nhớ ngày ấy tôi chọn đề tài "Nhân Văn Giai Phẩm trên đất Bắc". Trong số những vị giám khảo ngồi nghe tôi thuyết trình hôm đó có ông Võ Đại Tôn, một người đàn ông tôi thấy có phong độ hào hoa như một tài tử xi nê. Thời điểm đó, tôi không ngờ, trong cuộc đời trôi dạt của tôi suốt mấy chục năm về sau, lại có nhiều duyên hạnh ngộ với ông Võ Đại Tôn. Và tôi có thể nói, kể từ khi đặt chân lên Miền Nam tự do, trong số những người để lại trong tôi nhiều kỷ niệm, nhiều ảnh hưởng, trên nhiều phương diện, ông Võ Đại Tôn là người đầu tiên tôi được tiếp xúc, được học hỏi, và cho đến nay, ông vẫn có những ảnh hưởng to lớn và âm thầm đối với đời sống tinh thần và lý tưởng của tôi.

Hôm đó, tôi nhớ là tôi trình bày trong khoảng nửa tiếng đồng hồ, và sau đó, tôi được chấm đậu. Tôi đính ninh với nghề thuyết trình viên, tôi sẽ được đi đây đó trên 4 vùng chiến thuật. Nhưng không ngờ, trong buổi lễ mãn khóa chiêu hồi, tôi được yêu cầu đọc một bài cảm tưởng trước mặt quan khách, trong đó có ông Trần Trường Khanh, Trưởng phòng Thông tin Quốc nội thuộc Nha Công Tác. Khi nghe tôi đọc, thấy tôi có giọng Bắc đặc, nên ông Trần Trường Khanh xin cho tôi chuyển sang Phòng Thông Tin Quốc Nội để làm xướng ngôn viên.

Tuy thích làm nghề thuyết trình, những phần tôi rất kính trọng ông Trần Trường Khanh, phần thấy điều kiện làm xướng ngôn viên quá thoải mái, nên tôi ưng thuận. Ông Khanh cho tôi biết, mỗi tuần tôi chỉ cần đến Đài Phát Thanh Sài Gòn 2 lần và Đài Quân Đội 2 lần để thu âm, một lần 4 chương trình và một lần 3 chương trình. Mỗi chương trình khoảng 1 tiếng, nhưng phần việc của xướng ngôn viên chỉ khoảng 10 đến 15 phút. Còn lại là ca nhạc, kịch, truyện truyền thanh... Ngoài ra, tôi cũng phải đến Đài Truyền Hình VN một, hay hai lần (tôi không nhớ rõ) để thu chương trình cho Bộ Chiêu Hồi. Sau này, Nha Công Tác chuyển về 172 Hiền Vương, mỗi tháng, vào Thứ Hai đầu tháng, tôi phải ghé lại để chào cờ.

Thời gian đó, tôi còn quá trẻ nên sống rất ngây ngô, không có một định hướng gì rõ ràng cho cuộc đời. Mặc dù giờ làm việc có không đầy 10 tiếng đồng hồ trong suốt một tuần lễ, nhưng phần lớn thời gian còn lại của tôi đều dành để "ngốn" sách. Hầu hết tại các thư viện của Bộ Thông Tin ở đường Phan Đình Phùng, Thư viện của các đài phát thanh, Thư viện Quốc gia, rồi nhà sách Khai Trí, các tiệm sách cho thuê... tôi đều tìm cách làm quen để được mượn sách hay coi cộp.

Cũng vì sống ngây ngô và đam mê đọc sách như vậy, rồi một phần cũng do làm xướng ngôn viên quá thoải mái, không có đòi hỏi gì nhiều, lại không có điều kiện tiếp xúc, gặp gỡ với nhân viên của Bộ, nên tuy làm việc ở Bộ Chiêu Hồi, tôi hiểu biết rất ít về cơ cấu tổ chức và các hoạt động của Bộ. Vì vậy, khi viết đến Bộ Chiêu Hồi, nơi tôi làm việc gần 3 năm trời tính đến ngày 30-4-1975, tôi đã email cho ông Võ Đại Tôn, để nhờ ông giúp đỡ. Sau đây là những ý kiến đóng góp quý báu của ông Võ Đại Tôn, tôi xin được đăng nguyên văn để quý độc giả thấy rõ sự sáng suốt và lòng nhân đạo của chính phủ VNCH, cùng sự thành công đặc biệt của Bộ Chiêu Hồi, trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

\*

Tổng Thống Ngô Đình Diệm ban hành quyết định thành lập Chương Trình Chiêu Hồi vào ngày 17 tháng 4 năm 1963, theo đề nghị của Cơ Quan Nghiên Cứu Việt Mỹ và Viện Trợ Mỹ (USOM). Ý kiến tiên khởi do Sir Robert Thompson, chuyên viên Tâm Lý Chiến của cơ quan Anh quốc viện trợ cho VNCH đề xướng. Chương trình được phát triển mạnh, đạt kết quả tốt, và được nâng cấp thành một Bộ trong chính phủ Việt Nam Cộng Hòa từ năm 1968. Ngân sách dùng cho Bộ Chiêu Hồi do ngân sách Viện Trợ Mỹ đài thọ.

- Bộ Chiêu Hồi phối hợp hoạt động với Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH, Bộ Quốc Phòng, các Quân Binh Chung, Bộ Thông Tin, Cơ Quan Thông Tin Mỹ (JUSPAO), Cơ Quan Viện Trợ Mỹ (USOM), Cố Vấn Mỹ, Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị QLVNCH, Cục Trung Ương Tình Báo, Cục An Ninh Quân Đội, Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia, Sở Công Tác thuộc Nha Kỹ Thuật Bộ Tổng Tham Mưu, Chiến Dịch Phụng Hoàng, các Đài Phát Thanh/Truyền Hình Quân Đội và Quốc Gia, Đài Gươm Thiêng Ái Quốc, Đài Mẹ Việt Nam, Báo Chí.....

- Bản nhạc "Tung Cánh Chim Tìm Về Tổ Ấm..." được dùng làm nhạc hiệu cho các Chương Trình Chiêu Hồi.

- Nhiều loại Truyền Đơn đã được thực hiện để rải xuống các vùng VC, kể luôn cả loại Giấy Thông Hành, có in quốc kỳ VNCH và quốc kỳ Đồng Minh. Có cả loại Truyền Đơn kêu gọi giao nạp vũ khí có thưởng tiền mặt khi cán binh VC ra hồi chánh, mang theo vũ khí. Ngay cả quân đội Úc Đại Lợi tham chiến tại VN cũng có một mẫu truyền đơn riêng dùng trong các chiến dịch Tâm Lý Chiến để kêu gọi Hồi Chánh trong các cuộc hành quân (Xuân Đoàn Tụ)...

- Tính theo Tổng Chi Phí Chiến Tranh VN, thì tổng chi phí để kêu gọi một cán binh VC ra hồi chánh là: 14 mỹ kim vào năm 1963, 250 mỹ kim năm 1967, 350 mỹ kim năm 1969 và 500 mỹ kim năm 1970. Tính trung bình là chi phí 125 mỹ kim cho chương trình kêu gọi một cán binh VC ra hồi chánh trong chiến tranh VN, so với hàng trăm ngàn mỹ kim để tiêu diệt một cán binh VC trong các cuộc hành quân.

- Tính cho đến tháng Tư năm 1975, đã có gần 200,000 cán binh VC (kể cả Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và quân chính quy Bắc Việt) ra hồi chánh, trong số này có 15,000 là bộ đội miền Bắc. Tổng Nha Bưu Điện, phối hợp với Bộ Chiêu Hồi phát hành tem thư kỷ niệm 200,000 hồi chánh viên quay về với phía Quốc Gia, vào năm 1974.

- Trong tổng số hồi chánh viên này, đã có một số đông tham dự vào các cuộc hành quân với quân đội Đồng Minh và QLVNCH, có hơn 700 hồi chánh viên được tuyển mộ đặc biệt để thành lập những trung đội tác chiến phối hợp với quân đội Đồng Minh, gọi là các Toán Vũ Trang Tiền Đạo "Kit Carson", chuyên về Tình Báo, chỉ điểm mục tiêu quân sự, đặc biệt là các mục tiêu tại miền Bắc và đường mòn Hồ Chí Minh, kết quả rất cao về mặt quân sự, tình báo.

- Ngoài Trung Tâm Chiêu Hồi Trung Ương tại Thị Nghè, Gia Định, còn có tổng cộng 47 trung tâm tỉnh. Bên cạnh các trung tâm Chiêu Hồi lớn như tại Đà Nẵng, Pleiku, Biên Hòa, Cần Thơ.... còn có các Làng Hồi Chánh tại các tỉnh lớn miền Nam và miền Trung.

**BỘ CHIẾU HỒI:** Bộ Chiêu Hồi đặt tại đường Lê Thánh Tôn, Saigon, trước mặt Bộ Tư Lệnh Thủy Quân Lục Chiến QLVNCH. Nha Công Tác, Bộ Chiêu Hồi, có cơ sở riêng đặt bên cạnh Bộ Chiêu Hồi. Bộ Chiêu Hồi gồm có: 1) - Nha Quản Trị (hành chánh và ngân sách). 2) - Nha An Ninh Tình Báo. 3) - Nha Công Tác. 4) Các Trung Tâm Hồi Chánh Trung Ương và Tỉnh.

**NHA CÔNG TÁC BỘ CHIẾU HỒI:** Nha Công Tác, Bộ Chiêu Hồi, có thể coi là Nha lớn nhất thuộc Bộ Chiêu Hồi, gồm có các Sở- Phòng: - Sở Huấn Chính - Sở Tuyên Vận - Sở Huấn Nghệ - Các Biệt Đoàn Vũ Trang Tuyên Truyền - Các Đoàn Chuyên Viên Huấn Chính (Thuyết Trình Viên) - Các Chương Trình Phát Thanh và Truyền Hình Chiêu Hồi - Biệt Đoàn Văn Nghệ Trung Ương Chiêu Hồi - Quản Trị mọi công tác Chiêu Hồi trong các Ty và Chi Chiêu Hồi toàn quốc - Các Làng Hồi Chánh - Phối Hợp Tình Báo - Quân Sự - Huấn

Luyện Vũ Trang / Hành Quân - với các Bộ/Cục QLVNCH và Đồng Minh, Cơ Quan Quân Sự Hoa Kỳ, Viện Trợ Mỹ và Phòng Thông Tin Hoa Kỳ (JUSPAO).

Các vị Giám Đốc Nha Công Tác Bộ Chiêu Hồi đều được biệt phái từ Bộ Tổng Tham Mưu QLVNCH qua đảm nhiệm chức vụ, đa số đều là Sĩ Quan Cấp Tá, thuộc ngành Tinh Báo, Quân Báo. Vì lẽ, ngoài các công tác chuyên môn về mặt Tuyên Vận công khai (ấn loát các loại truyền đơn, báo chí như nguyệt san QUÊ MẸ), các chiến dịch tuyên vận, các chương trình văn nghệ, truyền hình, phát thanh (hàng tuần trên Đài Truyền Hình Quốc Gia và trên Đài Phát Thanh Saigon), các chương trình hội nhập Đời Sống Mới, tuyển dụng nghề nghiệp..., còn có các công tác Mật về quân sự và Tinh Báo, xâm nhập các vùng mật khu Việt Cộng, phối hợp hành quân, địch vận.

Vào năm 1972, Trung Tá Võ Đại Tôn biệt phái từ Quân Đội sang Bộ Chiêu Hồi và được cử đảm nhiệm Giám Đốc Nha Công Tác, thay thế Đại Tá Phạm Đăng Tấn (Đại Tá Phạm Đăng Tấn hiện nay ở Virginia, đang bệnh nặng). Cuối năm 1972, Trung Tá Võ Đại Tôn, Giám Đốc Nha Công Tác, hướng dẫn phái đoàn Hồi Chánh Viên (10 người) sang công du Thái Lan trong 2 tuần lễ để thuyết trình về Thành Quả Chương Trình Chiêu Hồi do Chính Phủ Thái Lan mời.

Trong Nha Công Tác, Bộ Chiêu Hồi, một số đông các Hồi Chánh Viên cao cấp đã được tuyển dụng giữ những chức vụ quan trọng, trong đó có cựu Trung Tá Bộ Đội Bắc Việt là Lê Xuân Chuyên (bị CS tử hình vào ngày 30.4.1975), nhà văn Xuân Vũ (tác giả hồi ký Đường Đi Không Đến - Vượt Trường Sơn - đã qua đời tại Texas năm 2002), các ca sĩ Đoàn Chính, Bùi Thiện, và Bùi Công Tương làm Chánh Sở Tuyên Vận.



*Tôi và đứa con trai đầu lòng sanh năm 1974 tại Sài Gòn – Sau khi CS chiếm được Miền Nam, tôi bị tù tội rồi vượt biên, cho đến mấy chục năm sau mới nhận được tin con...*

## KỶ 25

Ngay khi được đặt chân lên Miền Nam Tự Do, cảm tưởng đầu tiên của tôi là Miền Nam nhất định sẽ thắng Miền Bắc. Nhìn vào sức mạnh quân sự của VNCH và những căn cứ quân sự khổng lồ của Mỹ để lại ở Đà Nẵng lúc đó, tôi tin tưởng mãnh liệt, cộng sản Bắc Việt sẽ thảm bại. Nhưng trong những năm tiếp theo, tôi dần dần cảm thấy chính sự tự do của Miền Nam khiến cho sức chiến đấu chống cộng sản xâm lăng, của Miền Nam bị suy giảm. Quyền tự do cá nhân của người dân Miền Nam quá lớn so với người dân Miền Bắc. Trong một xã hội dân chủ thời bình, đó là một đặc tính ưu việt. Nhưng trong chiến tranh, điều đó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự đoàn kết của quân dân đằng sau vị nguyên thủ quốc gia. Đứng ra, nếu đem so sánh

đời sống tinh thần, vật chất, tính nhân bản, cùng những giá trị văn hóa của người dân hai miền Nam Bắc, nhiều người đã có lý khi cho rằng, trong cuộc chiến tranh Việt Nam, thà thua trận mà được làm người dân Miền Nam, còn sung sướng hạnh phúc hơn là thắng trận mà phải làm người dân Miền Bắc.

Quả thực, sống ở Miền Nam tôi nhận ra, một xã hội có văn hiến, mọi người sống có tình nghĩa, biết yêu thương đồng loại, trân trọng những giá trị tinh thần, một khi phải đối diện với một kẻ thù tàn nhẫn, xảo quyệt, bất lương, chỉ biết tôn thờ sức mạnh, và coi nòng súng là lẽ phải, làm sao xã hội có văn hiến đó có thể chiến thắng?

Trong suốt thời gian chiến tranh cũng như sau chiến tranh, phải vô các trại cải tạo, phải chứng kiến những tội ác man rợ của cộng sản, những sự tàn nhẫn bất lương, thủ đoạn lường gạt, đầy tráo trở của cán bộ, quân giáo, từ người già đến người trẻ, từ cấp cao đến cấp thấp trong chế độ cộng sản, nhiều người Miền

Nam đã thắng thần thừa nhận: Người cộng sản đều giả quá. Mình không thể nào thắng họ được. Thà chấp nhận thua họ, chứ nếu như họ để có thể thắng họ thì mình không làm được.

Trong chiến tranh Việt Nam, một trong những điều bạc ác, bất nhân, thất đức nhất của người cộng sản là chiến tranh du kích. Sự thực, chiến tranh du kích là đường lối chiến thuật được kẻ yếu áp dụng để đối phó với kẻ thù mạnh. Đặc tính của một cuộc chiến tranh du kích thuần túy là người du kích tấn công đối phương vào lúc bất ngờ để giành tối đa hiệu quả chiến đấu, giết được nhiều kẻ thù nhất, ít thiệt hại về nhân mạng và vũ khí, đạn dược nhất. Trong lịch sử chiến tranh thế giới cũng như Việt Nam, chiến tranh du kích được áp dụng tại nhiều nơi, nhiều lúc và không ai đặt câu hỏi về sự phi nhân của chiến tranh du kích. Tuy nhiên, đối với cộng sản Việt Nam, chiến tranh du kích không phải là đường lối chiến thuật thuần túy mà là cả một hình thức vận động chiến tàn ác, với thủ đoạn, khai thác tối đa sự hiện diện của thường dân, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em và ông bà già, vào cuộc chiến để làm bia đỡ đạn. Bằng cách trà trộn với thường dân, tấn công đối phương, cộng sản Việt Nam đạt được ba mục tiêu. Thứ nhất, tiếp cận và tấn công đối phương nhanh chóng bất ngờ. Thứ hai, qua những thương vong không tránh khỏi cho thường dân, CS thổi bùng lòng hận thù trong lòng họ. Thứ ba, mỗi khi thường dân bị chết, cộng sản sẽ dùng xác thường dân để tuyên truyền, quy chụp tội ác chiến tranh cho đối phương. Thứ tư, gây ác mộng và khủng hoảng tâm lý triền miên cho đối phương.

Tham chiến tại Việt Nam, một người lính VNCH, hay người lính Mỹ, lính đồng minh nói chung, đều mang vô cuộc chiến tinh thần thương tổn, cùng những giá trị nhân bản và văn hóa mà họ đã thu thập được trong nhà trường, ngoài xã hội... Nhưng một khi trận chiến bùng nổ, trong cảnh súng đạn toại bờ, tính mạng bị nguy hiểm, đồng đội chiến hữu thân yêu nhất bên cạnh lần lượt bị hy sinh, trong khi kẻ thù lại ẩn nấp trong dân, không chịu lộ diện, thì sự bình tĩnh, tinh táo của người lính luôn luôn có giới hạn. Hậu quả, một khi có những thảm kịch như thảm kịch Mỹ Lai xảy ra, mọi người đều đổ tay vào trán những người lính Mỹ, mà quên mất, chính những người cộng sản Việt Nam mới là chánh phạm cố tình cố ý sắp đặt để tạo nên những thảm kịch đó một cách có hệ thống và chủ trương.

## **TÔI MẤT TỰ DO!**

Được sống dưới vùng trời tự do không đầy 4 năm, thì cả Miền Nam bước vào biến cố 30-4-1975. Thời gian đó, tôi đang sống trong một căn phòng nhỏ thuộc Bộ Thông Tin Chiêu Hồi ở 272 Hiền Vương. Trong những tuần lễ cuối cùng của tháng 4, ông Trần Trường Khanh có cho tôi một địa chỉ ở Cần Thơ và lời nhắn nhủ, hãy về đó cố thủ!

Trước những tin tức ngày càng bất lợi, hầu hết anh em thuộc thành phần chiêu hồi đều lo lắng. Ai cũng biết, một khi Sài Gòn thất thủ, thành phần chiêu hồi sẽ bị cộng sản trả thù khủng khiếp nhất, nếu không bị xử bắn thì cũng bị tù chung thân. Vì vậy, những anh em có gia đình đều lần lượt tìm cách ra đi. Riêng tôi, trong suốt những năm tháng sống ở Miền Nam Tự Do, hình ảnh người cha già lưng còng, râu tóc bạc phơ, lúc nào cũng nhường cơm xẻ áo, thương yêu đùm bọc tôi trong muôn vàn nỗi cơ cực thiếu thốn, luôn luôn hiện về như một ám ảnh thường trực... Cùng với hình ảnh người cha già, tôi còn không biết bao nhiêu niềm ân hận, nỗi xót xa, về những tội lỗi của tôi khi tôi đối xử với cha tôi như một người "địa chủ tàn ác có tội với nông dân". Chính trong niềm ân hận sâu xa đó, tôi muốn được trở về Miền Bắc, được gục vào lòng cha già để được khóc, được thổn thức nói: "Con Xin Lỗi Cha!"

Tôi cũng muốn về Hà Nội, để được gặp lại người mẹ muôn vàn đau khổ của tôi. Trong suốt thời gian 20 năm sống ở Miền Bắc, tôi chỉ ghé thăm mẹ tôi hơn chục lần vào dịp tết nhất hay nghỉ hè. Những lần gặp gỡ đó, tôi ít có khi nào chịu ngồi hàn huyên tâm sự với mẹ. Tôi có một tính xấu trong suốt cuộc đời là mê đọc sách. Bất cứ khi nào, hễ rảnh một chút là cầm quyển sách, tờ báo. Vì vậy, mỗi khi lên thăm mẹ, tôi bao giờ cũng mang theo một vài quyển sách, hay ra tiệm cho thuê sách, mượn sách về coi. Sách vở mang đến cho tôi kiến thức, niềm vui, nhưng sách vở cũng khiến cho cuộc đời tôi thêm cô độc. Buông quyển sách đang coi, trong vài chục phút, có khi vài tiếng đồng hồ sau, tâm trí của tôi vẫn còn luẩn quẩn bên cạnh cuộc đời của các nhân vật trong sách. Tôi biết mẹ tôi thương tôi lắm. Tôi cũng thương mẹ tôi vô cùng vì tôi biết, trong thâm tâm, mẹ tôi vẫn buồn buồn với mặc cảm lỗi lầm, đã đẻ tôi ra mà không chịu nuôi tôi... Nhưng qua câu chuyện của thầy tôi sau này, tôi hiểu, mẹ tôi không hề có lỗi gì. Không những thế, trong hoàn cảnh mới sanh ra tôi, mẹ tôi đã trải qua những nỗi đau khổ chất ngất của một người mẹ bị cướp mất con ngay tại bệnh viện Bạch Mai, và bị đuổi khỏi nhà sau đó...

Thời gian sau này, sau khi được gặp lại mẹ, tôi có ghé thăm mẹ, có cùng mẹ đi chùa, và về quê ngoại ở núi Đọi Đệp ngay cạnh sông Châu. Trong những lần đó, tôi vừa muốn nũng nịu để được mẹ nuông chiều, lại vừa ngại ngùng xa cách. Một người con trai 15, 16 tuổi, xa mẹ suốt cả thời gian 15, 16 năm, làm sao có thể ôm ấp mẹ một cách thân mật, đắm chìm trong tình mẫu tử như mẹ con của những người khác... Ngày xưa, khi sống gần mẹ lúc tôi chưa đầy 20, nên còn ngây thơ, ham vui và cư xử thiếu suy nghĩ. Nhưng trong những năm tháng được sống ở Miền Nam, qua sách vở, phim ảnh, và tình người, tâm hồn tôi được bồi đắp, tình cảm tôi được vui xởi, nên dần dần tôi nhận ra những tình cảm thiêng liêng con người cần phải

áp ủ, trong đó có tình mẹ con, tình cha con. Tôi biết, trên chặng đường trở về Bắc, tôi sẽ đối diện với rất nhiều nguy hiểm. Nhưng tôi sẵn sàng chấp nhận tất cả, để đánh đổi những giây phút hạnh phúc được gặp cha gặp mẹ.

Tại Trung Tâm Hiền Vương lúc đó có anh bạn cũng chiêu hồi, lái xe cho ông Bùi Công Tương, Chánh Sở Tuyên Vận. Chiều 28, hay 29 tháng 4 năm 1975, tôi không nhớ rõ, anh ghé phòng tôi, rủ tôi ra bến Bạch Đằng để tìm được đi. Tôi từ chối, nhưng không nói rõ lý do tôi sẽ về Bắc. Sau đó, anh về phòng của anh mang sang cho tôi một bọc tiền, không hiểu anh lấy từ đâu. Ngay chiều hôm đó, chúng tôi chia tay. Từ đó đến nay, tôi không nghe được tin tức gì về anh.

Hai hôm trước đó, chị Tuyên, cũng là xướng ngôn viên cho Bộ Chiêu Hồi, có ghé thăm tôi và dục tôi tìm đường đi, đừng đại dột ở lại để cộng sản bắt. Trước đó, ngày 25, anh Hải, người Hải Dương, làm cho hội từ thiện Hoàn Cầu Khải Tượng cũng đến nhà ông anh rể ở Võ Di Nguy Phú Nhuận rủ tôi đi, nhưng tôi từ chối. Với anh Hải, tôi nói thật ý định sẽ về Bắc của mình.

Vì sống với cộng sản 20 năm, quá đủ để tôi hiểu về con người cùng chế độ cộng sản. Vì vậy, ngay khi cộng sản chiếm đóng Sài Gòn ngày 30-4-1975, thì ngày 3-5-1975, tôi lên đường trở lại Miền Bắc cùng với người bạn tên Bình. Để có thể qua mặt các trạm kiểm soát trên đường về Bắc, cả hai chúng tôi đều đóng vai bộ đội với đầy đủ quân phục, nón cối, dép râu và giấy tờ. Tất cả những thứ này do Bình mua lại từ một tay bộ đội thuộc loại "lao công đào binh" gốc Hải Phòng.

Sài Gòn lúc đó, tuy vừa trải qua cơn ác mộng binh lửa do người cộng sản mang lại, nhưng cùng với viễn ảnh đất nước từ nay không còn chiến tranh, nên người dân Sài Gòn vẫn còn rất thích giúp đỡ bộ đội. Thêm vào đó, trong những ngày đầu tiên mới đặt chân lên đường phố Sài Gòn, những người bộ đội vẫn còn ngây ngô, ngốc nghếch trước những tòa cao ốc, những đường phố nhộn nhịp xe cộ, và đời sống sầm uất của Sài Gòn. Vì vậy, trong bộ quần áo bộ đội, với kinh nghiệm và vốn sống của những người đã sống ở Sài Gòn mấy năm, chúng tôi dễ dàng qua mắt tất cả những người bộ đội của đoàn quân viễn chinh cộng sản Miền Bắc.

Chặng đường đầu tiên của chúng tôi từ Sài Gòn đi Nha Trang bằng xe đò thật êm ả. Từ lơ xe, đến tài xế, hành khách trên xe, đều có thái độ vừa vui vẻ lại vừa có chút ngại ngùng đối với dân nón cối dép râu. Trên đường đi, tuy có các trạm kiểm soát của bộ đội, nhưng chúng tôi đều qua mặt dễ dàng. Đến Nha Trang, chúng tôi ghé vô một tiệm ăn, tính ăn uống xong, sẽ kiếm khách sạn ngủ tạm một đêm, chờ hôm sau đáp xe đò đi tiếp chặng đường ra tới Quảng Trị. Đoạn đường gay go là từ Quảng Trị ra Đồng Hới lúc đó chưa có xe đò. Chúng tôi hy vọng, sẽ quá giang xe quân sự trên chặng đường này....

## KỶ 25

Trong lúc chúng tôi đang ngồi ăn trong một tiệm ăn ở Nha Trang, bỗng dưng trước cửa tiệm, hai chiếc xe jeep của quân đội Mỹ thắng lại. Từ hai chiếc xe một toán bộ đội khoảng hơn chục người ào xuống, bước vô tiệm, khí thế rất hùng hổ. Hai người đi đầu tuổi ngoài 50, nhưng dáng dấp lanh lẹ, chủ động, tự tin. Cả hai đều chống gậy trúc bóng lưỡng, nhưng không hề đeo ba lô hay súng ống gì. Người đi bên trái, mặt vuông chữ điền, quai hàm bạnh, da mặt trắng xanh, râu quai nón tua tủa, ánh mắt thâm trầm. Người đi bên phải, cao hơn nửa cái đầu, mặt dài như mặt ngựa, da đen, tóc rẽ tre. Những người còn lại đều ở lứa tuổi trên dưới 30, quần áo nài nịt gọn gàng, súng dài súng ngắn, dao găm, lựu đạn... trang bị đầy đủ. Vào thời điểm đó, bộ đội VC vẫn chưa hề có lon lá đầy đủ. Nhưng nhìn qua phong độ, xe cộ xử dụng, và cách ăn mặc, tôi đoán ngay, hai người đi đầu phải là cán bộ trưởng cấp trung đoàn trở lên. Còn toán đi theo rõ ràng là vệ sĩ, trinh sát, thám báo, liên lạc và loong toong sai vặt...

Toán bộ đội vô quán, ngồi kín hai bàn ăn cách bàn chúng tôi không xa. Lắng nghe họ trò chuyện, chúng tôi biết, người bộ đội da mặt trắng là chính ủy sư đoàn, còn người mặt đen là sư đoàn trưởng. Tất cả đang trên đường về thẳng Hà Nội để tham dự một phiên họp nào đó với trung ương. Vì chuyện xảy ra đã gần 30 năm nên tôi không còn nhớ rõ tên của hai người bộ đội cũng như số hiệu của sư đoàn. Tôi chỉ nhớ lúc đó, tôi, Bình và Dương có bàn với nhau, nếu tìm cách làm quen rồi quá giang xe của họ ra thẳng Hà Nội thì rất tốt. Được họ cho quá giang, chúng tôi có mấy điều lợi. Thứ nhất, chúng tôi không phải đi bộ đoạn đường từ Quảng Trị ra Đồng Hới, Quảng Bình. Đoạn đường này vào lúc đó chưa có xe đò, vì VC mới chiếm được Miền Nam nên khu này vẫn còn hoang vu, tiêu điều vô cùng. Lợi thứ hai là không phải tốn tiền xe đò, xe lửa. Lợi thứ ba là chúng tôi có thể dễ dàng vượt qua được các trạm kiểm soát dọc đường. Tuy chúng tôi lúc đó ai cũng có giấy tờ đầy đủ, nhưng tất cả đều là giấy tờ giả. Mã đã giả thì luôn luôn có nguy cơ bị phát hiện bất cứ lúc nào. Sống trong chế độ cộng sản mấy chục năm, chúng tôi biết, ngay cả những người có đầy đủ giấy tờ thật trong người, họ vẫn có thể bất ngờ bị công an lôi cổ vô đồn ngồi cả tuần lễ là chuyện thường tình, huống chi chúng tôi chỉ có giấy tờ giả.

Sau khi bàn bạc, Bình đồng ý lôi ra mấy bao thuốc 3 số 5 rồi nhào sang làm quen thẳng với hai người bộ đội cấp trưởng. Đó là nước cờ táo bạo nhưng rất đúng, vì chỉ có hai người cấp trưởng mới có thẩm quyền

cho chúng tôi quá giang hay không. Bình dân gốc Hà Nội, đẹp trai, tháo vát, tự tin, dễ hoà nhập với bất cứ ai trong bất cứ hoàn cảnh nào. Bình thường ba hoa đủ thứ thành tích mà Bình đã làm kể từ khi ra chiêu hồi. Nghe chuyện Bình kể, tôi không tin lắm, nhưng phải thừa nhận là Bình đã từng được đi sang Đài Loan tham dự một đại hội chống cộng do chính tổng thống thống chế Tưởng Giới Thạch tổ chức. Năm đó là năm 1973 hay 1974 thì phải. Đi về, Bình có cho tôi xem cả xấp hình, trong đó có những tấm Bình đứng giang hai tay giữa một khán đài cao vợi vợi, trên đầu và đằng sau là cả một bầu trời xanh bát ngát... Ngồi bên này nhìn sang, tôi thấy bộ điệu của Bình rất "ăn khách", vì tuy không biết rõ Bình nói chuyện gì, nhưng chỉ nhìn bộ điệu say sưa hút thuốc 3 số 5 và say sưa há miệng ra nghe của hai người bộ đội cấp trưởng, tôi biết Bình có nhiều triển vọng thành công.

Khoảng 10 phút sau, Bình trở về bàn, nét mặt tươi rói, miệng cười toét đến tận mang tai. Bình nói:

- "Thủ trưởng" đồng ý 100% cho chúng ta quá giang, với 3 điều kiện. Thứ nhất, suốt chặng đường từ đây ra Hà Nội, mình phải gọi họ là "thủ trưởng". Thứ hai, phải cho họ coi giấy tờ "sự vụ lệnh" xem có hợp lệ hay không. Thứ ba... mỗi người phải "biểu thủ trưởng" một kí lô "mì chính" (bột ngọt).

Chúng tôi từng sống ở Miền Bắc, hiểu rõ giá trị của "mì chính" như thế nào, nên mỗi người đều nhét vô ba lô khoảng 5 kí lô để làm quà cho người thân. Nay chấp nhận chi một kí lô cho "thủ trưởng" để quá giang xe là điều tuy tiếc, nhưng có thể chấp nhận được. Chuyện gọi họ là "thủ trưởng" cũng là chuyện quá dễ dàng. Chỉ riêng khoản trình giấy tờ, tôi thấy hơi bất an. Bình thần nhiên chìa tay, vừa nói vừa nháy mắt:

- Rồi hai ông đưa giấy tờ đây để tôi trình "thủ trưởng"...

Chúng tôi lặng lẽ rút giấy tờ trao cho Bình. Thời buổi đó, giấy tờ không có hình ảnh gì, chỉ có vài dòng chữ đánh bằng máy chữ, rồi điền vô bằng bút mực, kèm theo con dấu. Vì thế, chúng tôi tin là không có gì trục trặc, sẽ qua mắt được hai "thủ trưởng" dễ dàng. Sau khi cầm hai tờ giấy "sự vụ lệnh", Bình nói tiếp:

- Bây giờ điều kiện 3, mỗi người một ký "mì chính"...

Tôi thở dài, cúi xuống ba lô lôi ra hai gói bột ngọt, mỗi gói 500gr (lâu ngày tôi nhớ không rõ là gói một kí, hay gói 500gr, 450gr). Trước khi trao gói bột ngọt cho Bình, tôi hỏi:

- "Thủ trưởng" có 3 điều kiện, mình chấp nhận hết. Nhưng mà không nghĩ là cả họ cả mình, 15, 16 người mà chui vô hai chiếc xe jeep đi từ đây ra tận Hà Nội thì chịu sao nổi?

Bình gật đầu tỏ vẻ thích thú:

- Cái đó mà khỏi lo. Hai chiếc xe jeep này là xe hai "thủ trưởng" xé lẻ đi ăn quán. Phái đoàn người ta đi hơn 100 mạng, trên hai chiếc xe buýt dài thòng loại xe chở nhân viên của sở Mỹ. Nếu mình đồng ý, "thủ trưởng" sẽ nhét mình lên hai chiếc xe đó...

Nghe vậy, tôi an tâm. Bình cầm mấy gói bột ngọt và giấy tờ, bước sang bàn hai "thủ trưởng" ngồi. Trong nháy mắt, hai "thủ trưởng" nhận mấy gói bột ngọt, rồi liếc mắt ngó qua ba tờ "sự vụ lệnh" của chúng tôi rồi trả lại ngay.

Không đầy 15 phút sau, chúng tôi đứng dậy, bước ra khỏi quán, và bám vào một trong hai chiếc xe jeep chạy khỏi thị xã Nha Trang. Xe chạy khoảng 10 phút thì dừng lại đằng sau hai chiếc buýt dài thườn thợt.

Gã "thủ trưởng" chính ủy bảo chúng tôi đứng cạnh chiếc xe jeep chờ, rồi đi tới gặp một người bộ đội lớn tuổi đang ngồi ở bậc lên xuống của chiếc xe buýt. Gã này có gương mặt lầm lì và cặp lông mày sâu róm đen sì. Khi viên chính ủy nói chuyện với gã, chúng tôi ngạc nhiên khi thấy gã có thái độ lạnh lùng, bất cần đời. Nhìn thoáng qua, tôi biết gã chỉ là một anh chàng trung sĩ, hạ sĩ. Nhưng cái thái độ coi thường thượng cấp của gã, cho chúng tôi biết, có lẽ gã là người thiếu số.

Viên chính uỷ nói gì đó một hồi xong thì bước đi. Gã sâu róm uể oải đi lại chỗ chúng tôi đứng rồi hỏi trống:

- Có hành lý gì không?

Tôi lắc đầu. Dường chỉ chiếc ba lô ra hiệu chỉ có vậy. Bình thì đơn đả mồm mép:

- Chào "thủ trưởng". Đàn em chỉ có mỗi cái ba lô này thôi, nhưng bên trong "chất lượng" đáo để lắm. À mà "thủ trưởng" tên gọi là gì nhỉ....

Gã sâu róm nhìn Bình trừng trừng vẻ không thân thiện ra mặt, khiến Bình cụt hứng, đang ba hoa, liền tịt ngòi, hết nói. Gã sâu róm găm gừ:

- Ai "thủ trưởng" với mày?!

Trước cặp mắt như thiêu như đốt của gã, cộng với lối ăn nói cục cằn, thô lỗ toàn "mày tao", Bình đứng im, không biết nói làm sao. Sau khoảng mấy chục giây im lìm, gã sâu róm quay lưng bước đi kèm theo một tiếng cộc lốc:

- Theo tao...

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau tìm một quyết định. Trong ba đứa cùng đi về Bắc ngày ấy, chỉ có Dương là to con, gốc du đảng Hải Phòng. Dương tình nguyện đi bộ đội, nhưng ngay khi VC chiếm được Đà Nẵng, Dương đã đào ngũ, gây đủ thứ chuyện động trời, kể cả cướp tiệm vàng. Mãi sau này, khi vô trại cải tạo Kátum, gặp lại Dương bên khu hình sự, y mới kể cho tôi nghe về cuộc đời của y, tôi mới biết cuộc đời của Dương rất đáng thương, nhưng cũng rất tội lỗi, gây nên không biết bao nhiêu chuyện thương tâm cho người khác. Vì Bình có bà chị trước bán ở cửa hàng bách hóa tổng hợp tại Hải Phòng nên qua trò chuyện,



mua bán giấy tờ từ Dưỡng, Bình mới rủ Dưỡng cùng trốn về Hà Nội trong thời gian tranh tối tranh sáng để đi buôn thuốc phiện. Chuyện này, mãi về sau tôi nghe chính bạn gái của Bình nói, tôi mới biết. Biết ra thì Bình đã cao chạy xa bay ở tận Lai Châu, Điện Biên gì đó. Từ đó cho đến nay, đã gần 30 năm, tôi không hề gặp lại Bình lần nào và cũng không nghe được bất cứ tin tức gì của Bình.

Trở lại chuyện, khi ấy nghe gã sâu róm nói năng cộc lốc, chúng tôi nhìn nhau một thoáng lưỡng lự, rồi Dưỡng nhún vai, không nói không rằng, bước theo. Tiếp đến là Bình. Cuối cùng là tôi. Gã sâu róm bước lên xe buýt, chúng tôi bước theo. Ngoài trời lúc đó đã nóng, trong xe còn nóng hơn. Vậy mà tôi thấy trên xe có tới hơn hai chục người bộ đội đang ngủ gục, ngủ ngời, ngủ nằm, đủ kiểu. Gã sâu róm đi dần xuống tận cuối xe, rồi chỉ vô khu ghế còn trống khoảng hơn chục chỗ, gã nói cộc lốc:

- Chúng mày ngồi đó.

Nói xong, không thèm nghe chúng tôi trả lời, gã quay người đi về phía đầu xe. Chúng tôi nhanh chóng nhét ba lô vô giá để đồ thật cẩn thận rồi vội vàng nhào ra ngoài, vì trong xe lúc đó quá nóng.

Khoảng tiếng đồng hồ sau, gã sâu róm thổi còi, mọi người vội vã lên xe. 5 phút sau, xe chuyển bánh, chạy đằng sau 2 chiếc xe jeep, và một chiếc xe buýt khác chạy đằng sau xe chúng tôi. Cả đoàn xe chạy thẳng quốc lộ 1, tiến về Miền Bắc....

## KỶ 26

Trước khi viết tiếp câu chuyện kỳ trước, tôi xin chân thành kính mong quý độc giả tha lỗi cho tôi vì trong hai tuần qua tôi đã không thể viết tiếp được phần hồi ký dang dở. Biết như vậy là điều không nên không phải với bạn đọc, nên từ nay, tôi sẽ cố gắng thu xếp thời gian hợp lý hơn, để khỏi phụ lòng tri kỷ của quý vị. Trở lại câu chuyện, trên chặng đường trở lại Miền Bắc trong những ngày đầu tiên sau 30 tháng 4, 1975, qua gặp gỡ đồng bào suốt dọc đường đi, tôi đau xót cảm nhận được những suy tư thật trái ngược của dân chúng hai miền. Tại Miền Nam, có những người không hiểu rõ cộng sản, nên họ dễ dàng có thái độ vui mừng đón chào người lính "giải phóng". Có những người vì trước đây sống dưới chế độ VNCH, có những va chạm, hoặc có những mâu thuẫn, xung đột với chính quyền, hoặc do không hiểu rõ bản chất của cuộc chiến tranh Việt Nam, nên ít nhiều cảm thấy gai mắt khi chứng kiến cảnh người lính Mỹ trên đường phố của quê hương,... họ dễ dàng coi sự chiếm đóng của người lính cộng sản là cơ hội để họ đổi đời, để họ tìm thấy "thiên đường xã hội chủ nghĩa". Ngoài ra, cũng có những người đã từng có kinh nghiệm về tội ác cộng sản, nhưng đình ninh từ nay trở đi, với sự chiến thắng của người cộng sản, đất nước sẽ hết chiến tranh, chồng con sẽ không còn phải đi lính, thôi thì đời khổ thế nào đi nữa, mà gia đình được đoàn tụ thì cũng là điều hạnh phúc. Chính những ước mơ mong manh, những hạnh phúc trước mắt như vậy đã khiến nhiều người không nhận ra thảm họa mà người cộng sản sẽ gieo rắc trên quê hương Việt Nam trong những năm tháng tới.

Dĩ nhiên, bên cạnh đó, cũng có những người thực sự hiểu rõ về người cộng sản, thì âm thầm tìm mọi cách để ra đi. Đối với họ, những thâm kịch cải cách ruộng đất thời 1952, 1953, những cuộc thăm sát dành cho những người "dinh T" là những người từ vùng Việt Minh trốn về thành phố trong giai đoạn 9 năm kháng chiến, cùng những vụ Việt Minh thanh toán các đảng phái trong quá khứ, chắc chắn không sớm thì muộn sẽ tái diễn trên lãnh thổ Miền Nam. Với những người này, trong thời gian chờ đợi cơ hội trốn thoát cộng sản, họ chỉ biết sống gượng, vui giả cho qua ngày.

Trái lại, ở Miền Bắc, bên cạnh những người say men "chiến thắng" cũng có không thiếu những người hiểu biết, coi "chiến thắng" của cộng sản là nhát búa cuối cùng trên nóc quan tài, khâm liệm tất cả những hy vọng mà họ đã áp ủ suốt mấy chục năm. Tôi có thể nói, ở Miền Bắc, trong suốt những năm dài kể từ 1954, hầu hết những người theo đạo Công giáo, Phật giáo, những thành phần trí thức, tư sản, buôn bán làm ăn, và tất cả những ai đã từng hít thở bầu không khí "thuộc địa thời Pháp", đều ao ước thiết tha, sẽ có một ngày Miền Nam giải phóng Miền Bắc.

Như tôi đã có lần kể cho quý vị nghe về hình ảnh thầy tôi và ông thông gia, cả hai người đều dí tai vào chiếc radio để theo dõi tin tức từ Miền Nam với niềm hy vọng lực lượng của Cụ Diệm ở Miền Nam sẽ có ngày "Bắc Tiến". Tôi nhớ những ngày tháng đó là năm 1957, 1958... Thời đó, người Miền Bắc còn thỉnh thoảng nhận được những tấm bưu thiếp của thân nhân di cư vô Nam. Gia đình của ông thông gia với thầy tôi ở Hà Nội có ba người con trai, thì hai người đều vô Nam. Người con cả lấy chị thứ hai của tôi, cả gia đình di cư sống ở Võ Di Nguy, Phú Nhuận, là nơi sau này tôi về sống chung cho đến ngày cộng sản chiếm Sài Gòn. Người con trai thứ hai của ông thông gia đang học y khoa ở Hà Nội vào năm 1954, cũng lên đường vượt tuyến vô Nam vào năm 1957. Anh này sau được trao quyền đại đội trưởng hay trung đội trưởng, chỉ huy lực lượng an ninh bảo vệ Trung Tâm Chiêu Hồi Thị Nghè.

Hồi đó, tôi tuy còn bé, chỉ mới 8, 9 tuổi là cùng, nhưng hình ảnh ông thông gia, và thầy tôi ngồi bên cạnh chiếc radio với vẻ mặt gay gắt, ánh mắt lăm lét nhìn về phía cầu thang, như đang làm điều gì vụng trộm, cùng những tiếng thì thầm của hai ông, đã khắc sâu vào trí óc của tôi. Chắc quý vị đã biết trong những số

báo trước, tôi đã kể về thầy tôi là một người cha rất nghiêm khắc. Thầy tôi thương yêu tôi lắm, vì ngoài tình cảm của một người cha dành cho con trong cảnh gá trống nuôi con, thầy tôi còn thương tôi hơn, vì tôi chào đời trong cảnh loạn lạc, lớn lên trong sự túng thiếu, cơm không có ăn, áo không có mặc, của cải gia đình đều mất hết trong thời cải cách. Thương yêu tôi như vậy, nhưng thầy tôi dạy dỗ tôi như dạy một người lính, quyết uốn nắn tôi trở thành một cây trúc theo tinh thần "trúc đầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng". Chính nhờ sự dạy dỗ của thầy tôi, mà tôi đã trải qua không biết bao nhiêu nguy hiểm, để sống sót đến hôm nay.

Nhưng cũng vì sự dạy dỗ đó, tôi lớn lên không có được sự khôn ngoan biết cân nhắc thiệt hơn của người cầu lợi, biết mềm mỏng thỏa hiệp với đời, nên cuộc đời tôi gặp không biết bao nhiêu khổ khó. Bất cứ khi nào, bất cứ ở đâu, dù là trên ghế nhà trường, hay sau này đi bộ đội, tôi luôn luôn là cái gai trong con mắt của thầy cô giáo và của "thủ trường", nên thường xuyên bị trù dập, bị đi, bị nhiều thiệt thòi, oan ức, đau khổ. Vậy mà tôi vẫn tự hào với những đau khổ, thiệt thòi đó... thế mới "ngu dại"!

Một trong những kỷ niệm vừa hải hùng vừa tự hào, đến giờ tôi còn nhớ, đó là chuyện thầy tôi dạy tôi tập bơi. Người khác học bơi thì học có bài bản, được ôm cây chuối hay phao bơi đang hoàng. Còn tôi học bơi rất đơn giản. Một buổi chiều mùa hè, tôi lúc đó mới 5, 6 tuổi. Thầy tôi mang theo một cuộn dây thừng rồi dắt tôi ra bờ sông Châu. Đến bờ sông, thầy tôi lấy dây thừng quấn giẻ trước khi quấn hai vòng vào thắt lưng của tôi rồi thắt nút lại. Tôi chưa kịp hiểu thầy tôi làm vậy để làm gì, thì thầy tôi đã nhắc bồng tôi trên tay, rồi ném thẳng tôi xuống sông. Kinh hoàng quá, tôi vừa khóc vừa la hét, vừa uống nước sặc sụa, chân tay thì đập loạn xạ. Được một chút, thầy tôi kéo dây thừng, lôi tôi lên khỏi mặt nước cho tôi thở một hồi, rồi lại vớt tôi xuống nước tiếp, mặc cho tôi khóc lóc, lậy van, vang cả một góc sông. Cứ như vậy, chỉ trong có một buổi chiều hôm đó, tôi đã biết bơi, và sau này tôi bơi rất giỏi, vừa nhanh lại vừa dai sức. Nhưng vì ngay thuở ban đầu không được học bơi đang hoàng, nên tôi chỉ biết bơi kiểu "bơi chó". Sau này lớn lên, đi học, thấy tôi bơi nhanh, lại bơi xa cả vài cây số, nên nhà trường chọn tôi vào đội bơi và huấn luyện thật kỹ càng. Nhưng vì đã quen "bơi chó" ngay từ đầu, và "bơi chó" trong lúc tâm thần hoảng hốt, nên dù học thế nào thì học, tôi vẫn không tài nào bơi sai đúng kiểu. Cặp giò của tôi không tài nào đập theo chiều thẳng đứng lên xuống theo kiểu bơi sai, mà chỉ co vào duỗi ra giống hệt chân chó. Kết quả, tôi chỉ có thể học được kiểu bơi éch, và bơi rất nhanh, nên thời đó, sau cuộc thi bơi của tỉnh, tôi đã được bạn bè tặng cho cái biệt hiệu là "con éch vàng".

Tôi hơi dài dòng kể lại kỷ niệm trên đây để quý vị thấy, thầy tôi là một người cha nghiêm khắc, dạy dỗ con để đối phó với sóng gió đường đời. Quả nhiên, sau này, trên đường đi chiêu hồi, hay khi vượt ngục, vượt biên, tôi lúc nào cũng tự tin vào khả năng của mình, gặp tường cao thì trèo, gặp sông biển thì lội, lúc thì nhảy tàu, nhảy xe; khi nào bị dồn vào đường cùng, thập phần nguy hiểm, thì tôi quyết lao vào chỗ chết để tìm ra cái sống. Trải qua không biết bao nhiêu khó khăn, lúc nào tôi cũng thấy có sự hiện diện vô hình của thầy tôi ở trên cao. Và tôi nghiệm ra một chân lý, khó khăn dù có lớn lao đến đâu, nếu quyết chí và can đảm lao về phía trước, tôi cũng sẽ vượt qua.

Trong suốt những năm dài, sống bên cạnh người cha nghiêm khắc, bỗng dưng một ngày nọ, tại nhà ông thông gia ở Hà Nội, từ dưới cầu thang chạy lên lầu, tôi giật mình trông thấy thầy tôi và ông thông gia đang lén lút nghe radio. Chuyện lén lút không làm tôi để ý, nhưng vì khi thấy tôi đột ngột xuất hiện, cả thầy tôi lẫn ông thông gia đều hoảng hốt. Lần đầu tiên, tôi thấy sự sợ hãi của thầy tôi. Lúc đó, làm sao tôi hiểu được lý do khiến thầy tôi sợ hãi. Mãi sau này, tôi mới hiểu, thì ra thầy tôi và ông thông gia đang nghe lén radio trong niềm kỳ vọng, "lính của Cụ Diệm sẽ Bắc tiến"...

Từ ngày đó cho đến mấy chục năm sau này, cái hình ảnh thầy tôi và ông thông gia lén lút nghe radio cứ ăn sâu vào trong tâm trí của tôi, khiến tôi bút rứt không yên. Tại sao những người tôi kính trọng, và có thể nói lúc nào tôi cũng sợ hãi, lại có những lúc làm những việc lén lút, để rồi sợ hãi một đứa con nít khi bị phát hiện? Và tôi nghiệm ra một điều rất đơn giản, một người khi đã lén lút làm một chuyện gì, thì người đó rất dễ trở nên mong manh, yếu đuối.

Khi đi quá giang xe trên chặng đường ra Hà Nội, chúng tôi không ngờ bị chính người tài xế gốc thiếu số bán đứng cho một đơn vị tuần tiễu tại thị xã Đồng Hới. Lúc đoàn xe dừng lại tại trạm kiểm soát, mọi người được lệnh mang tất cả hành lý ra khỏi xe để lực lượng vệ binh lên xe kiểm soát. Vào thời điểm đó, lực lượng công an của cộng sản chưa được điều động vào các tuyến đường ở Miền Trung và Miền Nam. Vì vậy, mọi kiểm soát giao thông, quan thuế, dân sự cũng như quân sự tại các tỉnh từ Bồ Trách, Đồng Hới, Quảng Trị, vô đến Miền Nam đều thuộc quyền hạn của các đơn vị vệ binh, trực thuộc ban quân pháp của bộ quốc phòng Hà Nội.

Vừa xuống xe, chúng tôi còn đang xếp hàng, thì một tay vệ binh đeo súng ngắn cùng một tên khác đeo khẩu AK-47 ngang ngực, tiến về phía chúng tôi. Nhìn cách thức tên vệ binh đeo khẩu AK, tôi có linh cảm điềm không lành. Quả nhiên, tên vệ binh đeo súng ngắn, nói giọng trẻ Quảng Bình:

- Ba đồng chí này mang ba lô theo tôi.

Nói xong, tên vệ binh quay lưng đi về phía trạm kiểm soát thứ hai ở bên kia đường, cách nơi xe đậu khoảng 200 thước. Tên vệ binh đeo khẩu AK đứng đó, lạnh lùng nhìn chúng tôi, không nói một tiếng. Ba

đưa chúng tôi chẳng nói chẳng rằng, thờ dài, khoác ba lô, rồi lần lượt đi theo tên vệ binh. Tuy không quay đầu lại, chúng tôi biết, tên vệ binh AK cũng đi theo, khoảng cách vừa đủ xa. Trông kiểu cách đề phòng chúng tôi một cách lộ liễu của hai tên vệ binh, tôi lo ngại nghĩ, chẳng lẽ tội này đã phăng ra tung tích của chúng tôi rồi hay sao?

## KỶ 27

Bên kia đường là một dãy nhà cất vội, vừa dùng làm chỗ ăn ở tạm bợ cho vệ binh, vừa làm văn phòng, nhà kho, trạm kiểm soát... Tất cả có khoảng hơn chục căn, siêu vẹo dựa vào nhau. Trời nóng hừng hực như đổ lửa, nhưng trước cửa dãy nhà vẫn có hơn chục đứa con nít, đen cháy, tồng ngồng đuối nhau trong cát bụi và nắng gió. Mái nhà khá thấp, khiến cả ba đứa chúng tôi phải cúi đầu chui vô. Từ ngoài trời nắng chói chang, đột nhiên bước vào trong nhà kín như bưng, chúng tôi gần như không thấy gì. Khoảng gần một phút sau, tôi mới thấy rõ dần người, vật trong căn phòng. Trước mặt tôi là một chiếc bàn làm bằng cây, bề dài khoảng hai sải tay. Chung quanh là những chiếc ghế băng dài, cũng bằng cây, sần sùi nhưng chắc chắn. Tất cả chân bàn, chân ghế đều cắm sâu xuống đất. Trên bàn, một chiếc đèn bão, ánh sáng đủ tỏa một khoảng hẹp cho tôi thấy một người bộ đội đang cặm cụi viết gì đó trên một cuốn vở học trò, có kẻ nhiều đường dọc ngang. Cả hai tên vệ binh cùng theo vô, nhưng đều đứng im lìm bất động ở góc nhà. Tên bộ đội ngồi ở bàn lặng lẽ làm việc coi như không biết đến sự hiện diện của chúng tôi. Ba đứa chúng tôi cũng đứng im, với ba lô trên vai. Khoảng mấy phút sau, tên bộ đội ngồi bàn ngưng viết, ngẩng mặt nhìn chúng tôi một thoáng rồi lạnh lùng:

- Xuất trình giấy tờ công tác.

Chúng tôi lần lượt lấy giấy tờ để trên bàn. Tên bộ đội cầm xấp giấy tờ, không thèm coi một chữ, thản nhiên bỏ tất cả vô trong ngăn kéo. Sau đó, y lôi ngăn kéo bên trái, lấy ra một xấp giấy trắng đưa cho chúng tôi, nói trống:

- Cắm mấy tờ giấy này sang bàn bên kia, lòi hết đồ đạc trong ba lô ra, rồi kê khai từng món vô tờ giấy này. Món nào có giấy phép cho mang thì đánh dấu vô, rồi để sang bên phải. Món nào không có giấy phép thì để sang bên trái. Mỗi người mỗi bàn, làm mau lên cho kịp xe, không là phải chờ đến mai, mất thêm mấy đồng tiền nhà trọ.

Quay sang hai tên vệ binh, y tiếp:

- Đồng chí Huy (lâu ngày tôi không nhớ rõ, nên tạm gọi như vậy) ra gọi thêm một người nữa vô đây giúp ba đồng chí này kiểm tra hành lý, hàng hóa.

Nghe tên bộ đội hết nói đến "kiểm tra hành lý", lại nói tới "giấy phép" cho từng món đồ, tôi biết ngay, tất cả những món hàng chúng tôi có trong ba lô sẽ bị tội bộ đội này trần lột một cách hợp pháp. Cả ba đứa chúng tôi đều dùng giấy tờ giả, thì làm sao có được giấy phép mang hàng từ Miền Nam ra Miền Bắc. Biết vậy, nên tôi bực bội vút chiếc ba lô lên bàn, rồi ngồi phịch xuống chiếc ghế băng bằng tre ở góc nhà.

Thấy tôi như vậy, tên bộ đội nhìn tôi trừng trừng một hồi rồi hất cằm:

- Bộ bất mãn, muốn chống đối hả?

Tôi trả lời:

- Tất cả mọi thứ trong ba lô của tôi đều không có giấy phép, thì lôi ra đặt bên trái, bên phải làm gì cho mất công.

Tên bộ đội nói chậm rãi, giọng gần từng tiếng:

- Tất cả không có giấy tờ cũng phải khai để lập biên bản cho rõ ràng minh bạch, chí công vô tư.

Nghe mấy chữ "rõ ràng, minh bạch, chí công vô tư" tôi muốn phì cười. Sống với chế độ cộng sản 20 năm, tôi đã hiểu rõ tất cả những mách khốe bịp bợm của người cộng sản từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài. Biết vậy, nhưng lúc đó trong thân phận cá chậu chim lồng, giấy tờ tùy thân cũng toàn là giấy giả, nên trong một thoáng, tôi chọn ngay thái độ hợp tác, ngoan ngoãn chấp hành mệnh lệnh của y, chấp nhận mất tất cả, để được tự do trở lại quê nhà, gặp gỡ thầy mẹ và những người thân...

Trong ba chiếc ba lô, ba lô của tôi là nhẹ nhất, ít thứ đồ quý giá nhất. Ngoài mấy kí bột ngọt, mấy chục thước vải mua cho mẹ, chiếc radio mua cho anh trai, mấy quyển sách quý cho tôi, và một bộ tẩu (pipe collection) tôi mua cho thầy tôi, còn lại trong ba lô của tôi không có một thứ gì đáng giá. Tôi mua chiếc radio vì trong suốt những năm tháng xa quê hương, mỗi khi nhớ đến người anh cùng cha khác mẹ là tôi lại nhớ đến cảnh anh tối ngày loay hoay bên cạnh chiếc radio tự chế bằng gỗ, dùng dây thép chằng ngang sân nhà làm ăng ten. Tôi mua bộ tẩu Dunhill cho thầy tôi vì trong tất cả những đồ đạc mà thầy tôi có thuở xưa, đều mất hết sau cái cách ruộng đất, chỉ còn lại có tấm hoành phi "Thừa Thiên Ưu" sau phải chẻ ra để làm củi; và chiếc tẩu hút thuốc. Thầy tôi có thói quen mỗi khi hút thuốc, thường cọ cọ chiếc tẩu lên mũi, nên nó bóng lờng và đẹp lạ lùng. Thầy tôi vẫn bảo, bộ tẩu có tất cả 3 chiếc, bỏ gọn trong một chiếc hộp rất đẹp xuất xứ từ bên Anh. Sau này loạn ly, hoạn nạn suốt hơn chục năm, thầy tôi chỉ còn giữ được có một chiếc, nên ông cụng quý nó vô cùng, đi đâu cũng mang nó kè kè bên mình. Vì dùng nó cả mấy chục năm

trời, nhựa thuốc đã đóng keo hết lớp này đến lớp khác, nên dù không có thuốc, thầy tôi vẫn mang tẩu ra hút "không người lái" (hút tẩu không) để thấy phảng phất hương vị của thuốc cho đỡ thèm, cùng những kỷ niệm của một thuở vàng son trong quá khứ hiện về...

Khi tôi tỉnh cờ qua một người bạn, mua được bộ tẩu Apples & Dublins cũng của Dunhill nhưng có tới 5 chiếc (nghe đâu nguyên bộ này có tới hơn một chục chiếc lận), tôi biết chắc thầy tôi sẽ thích lắm. Vậy mà bây giờ, trong cái đồn kiểm soát này, tôi đành phải chấp nhận, chịu mất bộ tẩu quý giá đó hay sao? Lòng thương yêu người cha già, khiến tôi mềm lòng, chấp nhận nhũn như con chi chi...

Sau khi lấy hết mấy món đồ lặt vặt, kê khai đầy đủ trên giấy, tôi quay sang tên bộ đội năn nỉ:

- Thưa đồng chí, tất cả những gì tôi có tôi đã kê khai đầy đủ trên giấy này để nhờ đồng chí giữ hộ. Riêng cái hộp tẩu này là kỷ vật của một người bạn già của thân phụ tôi ngày xưa. Ông cụ gửi tặng cái hộp tẩu này cho thầy tôi, nên tôi mong đồng chí thông cảm, cho phép tôi không khai báo hộp tẩu này...

Tên bộ đội lác đầu phán những câu rất đúng đường lối chủ trương của cách mạng:

- Đồng chí này hay nhỉ? Tại sao đồng chí phải bần tâm xin xỏ như thế nhỉ? Đồng chí phải biết, tất cả những gì đồng chí khai báo trên giấy tờ này là của ai? Đâu có phải của tôi đâu mà đồng chí phải xin. Tất cả là của đồng chí, có đúng không nào? Có thể đồng chí đã bỏ tiền túi ra mua, có thể có người tặng đồng chí, hay tặng bố đồng chí như đồng chí vừa nói. Nhưng dù đồng chí mua hay đồng chí được tặng, hay đồng chí xin xỏ ai đi nữa, thì tất cả cũng là của đồng chí. Chỉ có điều là hiện giờ đồng chí không xin giấy phép của đơn vị khi mang những thứ đó ra Miền Bắc, thì tạm thời chúng tôi phải có bổn phận giữ hộ cho đồng chí. Giữ hộ cho đến khi nào đồng chí trở về đơn vị, xin được giấy phép ra đây thì chúng tôi sẽ gửi lại, nguyên vẹn, không một chút hư hao, sút mẻ.

Nghe hẳn nói tràng giang đại hải, miệng thuộc làu làu như cháo chảy, tôi ngán quá. Tôi biết, những câu đó, hẳn đã nói cả ngàn lần với cả ngàn người, nên con người của hẳn đã trở thành một cỗ máy, đâu còn chỗ để cho tiếng nói của con tim, của lý trí ngự trị.

Sau khi làm biên bản ký giấy xác nhận các loại giấy tờ xong, chúng tôi được tự do muốn đi đâu thì đi. Tên bộ đội còn ân cần dặn dò, chúng tôi phải giữ gìn giấy tờ cẩn thận, để khi có giấy phép thì nhớ trở lại lấy hàng hoá.

Lúc đầu, tôi tính ở lại thị xã Đồng Hới đêm đó, để tìm cách chui vô nhà kho lấy lại hộp tẩu cho bằng được. Chỉ nghĩ đến gương mặt hạnh phúc của thầy tôi khi cầm chiếc hộp tẩu trên tay, là tôi thấy tôi phải lấy lại hộp tẩu bằng mọi giá. Nhưng nghĩ kỹ lại, tôi thấy tôi không thể nào phiêu lưu mạng sống, sự tự do của tôi để ở lại Đồng Hới lấy hộp tẩu. Tôi hiểu toàn bộ những trạm kiểm soát từ đây ra Bắc là những nút chặn do cộng sản nặn lên với sứ mạng ăn chặn, ăn hút, tất cả những của cải mà bộ đội đã mua, đã xin, đã chiếm đoạt được ở Miền Nam.

Để mạng lưới kiểm soát, ăn chặn, ăn hút làm việc hiệu quả, ngoài những trạm kiểm soát nổi chạy dọc theo quốc lộ 1, cộng sản còn thiết lập nhiều trạm kiểm soát chìm, và cả một mạng lưới chỉ điểm rộng khắp, bao gồm các chủ quán, những người bán hàng rong, các bác xích lô đạp, các tài xế xe đò, và ngay cả hàng ngũ con nít. Tất cả những người này một khi thấy bộ đội từ Miền Nam ra, lập tức tìm cách làm quen, thăm hỏi, rồi gạ mua bột ngọt, mua đái, mua đồng hồ, vải vóc.... Người bộ đội nào không có thì cho qua, còn người nào có, lập tức họ sẽ mật báo cho các trạm kiểm soát an ninh. Sau đó không đầy 24 tiếng đồng hồ, người bộ đội đó sẽ được mời vô đồn, và bị trấn lột một cách hợp pháp, tất cả đồ đạc sẽ phải gửi lại, để nhận một tờ biên nhận, bảo đảm sẽ hoàn lại khi người bộ đội mang đầy đủ giấy phép tới lấy.

Trong những ngày tháng đầu tiên của buổi giao thời đó, hàng trăm ngàn bộ đội từ Miền Nam "đội đò" ra Miền Bắc, đâu có ai xin giấy phép của đơn vị, và dù có xin, làm sao xin được hay xin đủ cho không biết bao nhiêu những món đồ linh kính mà họ đã thủ đắc bằng mưu mô, bằng cướp đoạt, trộm cắp, lừa gạt, cưỡng bức....

Chiều hôm đó, sau khi bàn bạc với hai người bạn, tất cả chúng tôi đều đồng ý, thôi thì hãy quên hết tất cả những gì đã mất mát, để lên đường trở lại Miền Bắc, nơi đang có những người thân yêu nhất của mình đang chờ đợi. Riêng hai người bạn của tôi thì trong đầu đang nghĩ đến những tảng thuốc phiện to như hòn gạch đang chờ họ ở Điện biên Lai Châu...

## KỶ 28

Hai ngày sau khi rời thị xã Đồng Hới, chúng tôi đặt chân đến thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Đây là thành phố nổi tiếng trong thời máy bay Mỹ oanh tạc với cầu Hàm Rồng đã đi vào những "huyền thoại" do guồng máy tuyên truyền của nhà nước Hà Nội thêu dệt. Thành phố Vinh cũng còn là nơi thầy tôi làm việc tại sở lục lộ thời Pháp, nên tôi đã được nghe thầy tôi kể những câu chuyện về sông Lam và rừng núi Vạn Tượng ở bên Lào, vì từ Vinh có thể qua Lào tới mấy cửa khẩu. Vinh cách Hà Nội không đầy 300 cây số. So với Hà Nội, Huế chỉ xa Vinh hơn khoảng 50 cây, nên có thể nói, thành phố Vinh là trung tâm giữa hai thành phố Huế và Hà Nội. Trong những câu chuyện về thành phố Vinh, Nghệ An, tôi nghe thầy tôi kể đi rồi kể lại

với những người bạn khi ghé chơi, có câu chuyện thầy tôi suýt bị rắn cắn tại cảng Bến Thủy; rồi chuyện vong linh của một người cô hiện hồn về báo trước nạn lũ cuốn ở đường rừng vùng Rú Rum. Nhờ hồn người cô hiện về báo tin, nên thầy tôi đã thoát chết trong trận lũ năm đó, mà bây giờ tôi không nhớ rõ là năm nào. Đó là những câu chuyện nghe như cổ tích hồi tôi còn nhỏ, nên đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ như in trong óc, cùng với tất cả những rung động của tuổi thơ ấu.

Thành phố Vinh cũng còn được người cộng sản mệnh danh là thành phố Đỏ, vì nơi đây có phong trào cộng sản khởi nghĩa đầu tiên được mệnh danh là Xô Viết Nghệ Tĩnh. Cũng vì đây là thành phố Đỏ, nên khi chúng tôi đặt chân tới Vinh, thành phố này đúng là đang lên cơn sốt "đại thắng giải phóng Miền Nam". Đường phố đầy khẩu hiệu, cờ đỏ, cùng những đoàn người đi lại rầm rập, với những tiếng hò hét, ca hát triền miên những bài hát của cộng sản. Nhưng bên cạnh "niềm vui say sưa trong men chiến thắng" của mọi người, chúng tôi rất ngạc nhiên khi chứng kiến một gia đình thản nhiên quay lưng với "chiến thắng giải phóng Miền Nam" của người cộng sản.

Chúng tôi đi xe hơi đến Vinh vào lúc chiều tối. Bụng đói cồn cào, nên chúng tôi ghé vào một cửa hàng ăn uống, xếp hàng mua mấy tô phở "không người lái" (phở không có thịt) lót bụng. Giống như hầu hết tất cả các tiệm ăn trên đất Bắc của những năm trong thập niên 1960, 1970, tiệm ăn ở thành phố Vinh lúc đó vẫn chật chội, bần thiếu, đồ ăn vẫn khan hiếm, và thái độ của người bán hàng vẫn khinh khỉnh coi thường khách. Vậy mà tiệm vẫn chật cứng những người là người. Không đông sao được khi cả thành phố Vinh chỉ có vài tiệm ăn có tên "cửa hàng mậu dịch ăn uống". Tại những tiệm ăn này, đồ ăn thức uống tuy dở, nhưng bán rẻ hơn giá thị trường. Người vô ăn thường phải có tem phiếu. Còn đi ăn ở những tiệm bên ngoài, vừa hiếm hoi, lại vừa đắt.

Trong tiệm có ba dãy bàn ăn, mỗi dãy khoảng 6 bàn. Bàn nào cũng bần, đồ ăn thức uống, chén đĩa vứt đầy, nhưng vẫn đông thực khách. Khách hàng tự đi mua đồ ăn, rồi bưng đến bàn ngồi ăn. Nhiều người không kiếm nổi chỗ ngồi thì tự động kéo ra ngoài hiên, kẻ đứng người ngồi, ăn uống xi xụp một cách thản nhiên, trong khi bụi bặm từ ngoài đường, từ trên nóc quán, từ trong tiệm ăn, thi nhau đổ xuống cùng với những cơn gió lộng.

Sau khi mua xong đồ ăn, chúng tôi vẫn không tài nào kiếm nổi chỗ ngồi, nên cả ba đều kéo ra ngoài hiên vừa ăn, vừa ngó những đoàn thanh thiếu niên, vắc đuốc, vắc cờ quạt, khẩu hiệu, đi qua, miệng hò hét những câu khẩu hiệu, hoặc hát những bài hát "cách mạng", trong đó có bài "Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng" là được hát nhiều nhất.

Nhìn cảnh mọi người nô nức "mừng chiến thắng", chúng tôi vừa thấy xót xa cho chính đất nước, dân tộc mình, vừa thấy thương hại cho người dân Miền Bắc, những người được mệnh danh là "phe chiến thắng". Giữa lúc đang vừa ăn vừa trợn mắt thao láo ngó thiên hạ, bỗng dưng tôi thấy có một người tướng mạo cao lớn đứng cách tôi khoảng mấy bước, cứ nhìn chúng tôi chăm chặp.

Người đàn ông đó chạc 50 ngoài, có gương mặt khắc khổ, lông mày rậm, tóc bù xù. Tuy chiếc áo người đàn ông mặc là áo bộ đội, thêm chiếc nón cối đội trên đầu, nhưng màu áo đã bạc phéch, cộng với chiếc quần màu chàm, sần kiêu móng lợn, nên chúng tôi biết ngay, người đàn ông đó là dân thường. Vì sài giầy tờ giả, lúc nào cũng nơm nớp sợ bị phát hiện, nên khi bị người đàn ông lạ "chiếu tướng", tôi ngại ngùng, tìm cách chuồn càng sớm càng tốt. Để người đàn ông không chú ý, tôi giả vờ vừa húp nước phở trong tô, mắt chúi vào tô phở, nhưng miệng nói nhỏ cho Bình biết:

- Bình, ăn lẹ lên rồi cháu.

Bình hơi ngạc nhiên, quay sang tôi định hỏi. Nhưng thấy tôi vẫn giả bộ húp phở, Bình tinh ý hiểu ngay ý của tôi. Không đầy mấy phút sau, cả ba chúng tôi nhanh chóng bước ra khỏi cửa tiệm ăn, đi thẳng về phía nhà ga Vinh. Đi được khoảng 100 thước, ngoái nhìn phía sau không thấy bóng dáng một ai, tôi thở phào nhẹ nhõm. Còn Bình lúc đó có vẻ bực dọc với tôi:

- Mày làm gì mà thỏ đế thế? Sợ cả thằng dân quèn!

Tôi cố vớt vát: "Thì có phòng có hơn. Bộ dân quèn là coi thường sao? Mày cũng biết, xã hội này mỗi người dân là một người công an"...

Tôi vừa nói đến đó thì thấy ngay, phía trước mặt, dưới ngọn đèn đường, một người đàn ông đang đứng, nhìn về phía chúng tôi trong vẻ chờ đợi. Khoảng cách giữa ông với chúng tôi quá gần, nên tôi nhận ra ngay, ông ta chính là người đàn ông chúng tôi đã phải né tránh ở trong quán ăn. Sự xuất hiện đột ngột của ông ta, trong khi khoảng cách lại quá gần, nên chúng tôi thấy không còn cách nào khác, ngoài cách phải thản nhiên đối diện với ông, rồi đến đâu tính đến đó.

Khi đến gần, tôi thấy ông rõ hơn. Tay ông cầm một chiếc điều cây ngoại cỡ, to hơn bắp vế chân. Thông thường, điều cây làm bằng ống nứa, nhỏ thì bằng cổ tay, to thì bằng cổ chân. To quá, mình làm sao có đủ hơi mà rít, mà kéo. Vậy mà chiếc điều cây của người đàn ông chắc phải làm bằng loại lồ ô, to bằng hai, bằng ba loại điều cây thường. Đã vậy, chiếc điều cây này lại dài gấp hai loại thường. Trong thời gian chúng tôi xuyên rừng Trường Sơn vô Nam, tại những buôn, bản của người thiểu số, tôi đã từng thấy có những chiếc điều cây to ngoại cỡ, nhưng chưa có chiếc điều cây nào to như chiếc điều cây người đàn ông

đang cầm. Nhìn chiếc điếu cây, tôi nghĩ ngay, người đàn ông phải rất khỏe, và chắc chắn ông phải là người thiếu số thì mới có loại điếu cây to quá cỡ như vậy.

Khoảng cách hai bên rút ngắn lại trong khoảnh khắc. Ngay khi đó, người đàn ông cất tiếng, giọng trợ trợ Nghệ Tĩnh:

- Các ông anh cho xin tí lửa hút thuốc!

Tôi lúc đó không hút thuốc. Chỉ có Bình và Dưỡng. Bình thủ thế với người đàn ông nên y lắc đầu, không nói. Chỉ còn Dưỡng. Sau một giây ngần ngừ, Dưỡng rút hộp quẹt, trao cho người đàn ông. Người đàn ông dơ tay phải cầm hộp quẹt, mở nắp, bật lửa, điếu bộ rất thành thạo, khiến chúng tôi vô cùng ngạc nhiên. Chiếc quẹt của Dưỡng là loại quẹt Zippo, một bên có hình mấy con chó, còn bên kia có mấy chữ viết tắt lâu ngày tôi không nhớ. Từ trong tay trái của người đàn ông bỗng xuất hiện một nắm bụi nhùi, không biết ông ta lấy từ đâu. Còn chiếc điếu cây dài thông thì lúc này lủng lẳng dưới cổ của ông bằng một sợi dây dù màu trắng.

Sau khi chiếc bụi nhùi bùng sáng, người đàn ông vẫn không chịu trả lại chiếc hộp quẹt cho Dưỡng. Ông đưa chiếc điếu cây lên miệng hít nhẹ vài cái. Lập tức chiếc điếu cây kêu lên những tiếng ròn tan lạnh lạnh. Dưới ánh đèn điện vàng vọt, tôi nhìn thấy rõ ở đầu của nõ điếu to hơn ngón chân cái, một bi thuốc lào to như quả quất nằm gọn thon lọn. Chờ cho chiếc điếu trả lời bằng những hồi ròn tan, nghe thiệt đã tai, người đàn ông mới đưa miệng điếu cây về một bên mép, tay dí chiếc bụi nhùi vào nõ điếu, rồi hít nhíp nhíp vài hơi cho bi thuốc lào bén lửa... Khi bi thuốc bén lửa vừa đủ, người đàn ông bắt đầu rít một hơi thật dài, làm chiếc điếu kêu lên một hồi thiệt rõ to và ròn tan, nghe văng cả tai....

Nghe chiếc điếu cây kêu một hồi dài không dứt, nhìn người đàn ông ém khói một cách ngon lành trong chiếc lồng ngực khổng lồ rộng như cánh phẫn, rồi thấy khói thuốc cuồn cuộn bay ra từ miệng, từ hai lỗ mũi bao trùm cả một vùng dưới cột đèn, chúng tôi biết rằng, người đàn ông trước mặt có hai lá phổi khổng lồ và một sức mạnh kinh khủng. Tụ đọng, lúc đó trong vùng khói thuốc mù mịt, không ai bảo ai, cả ba đứa chúng tôi đứng đó, ngược mắt nhìn người đàn ông lạ mặt, và tất cả đều thấy mình trở nên nhỏ bé lạ lùng...

## KỶ 29

Buổi chiều hôm đó, trong ánh sáng chập choạng của hoàng hôn, đứng trong khói thuốc, hít mùi thuốc lào đậm đặc trong không khí, tôi bỗng nhớ thầy tôi vô cùng.... Hình ảnh của hững năm tháng xa xưa, những lúc mùa đông gió rét, lạnh lẽo căm căm, tôi được ngồi hóng chuyện bên cạnh chiếc điếu ống, có chiếc cần cong vút lại hiện về. Chiếc điếu ông ngày đó là dấu ấn cuối cùng đánh thức một thuở vàng son quá khứ để những người như thầy tôi tưởng nhớ, hoài niệm. Trong những ngày tháng đó, mỗi khi có khách, anh của tôi vẫn không chịu cho thầy tôi mang chiếc điếu ống ra ngoài nhà hút, vì sợ khách biết đến những "dấu vết phong kiến" còn tồn đọng trong nhà, ảnh hưởng đến việc "phấn đấu" của anh. Nhưng đối với những vị khách của thầy tôi như ông đồ Tường, ông lang An, thì chiếc điếu ống luôn luôn là một kỷ vật gọi nhớ rất nhiều kỷ niệm cho cả chủ lẫn khách. Những ngày tháng đó, mỗi khi thấy thầy tôi hút thuốc lào, là tôi vội chạy lại hít khói thuốc, mặc cho ông cụ rầy la. Cuộc sống ở Miền Bắc thời ấy, thiếu thốn trăm bề, ngay cả thuốc lào cũng không có đủ cho thầy tôi hút. Tôi nhớ có nhiều ngày, không có thuốc, thầy tôi chỉ ngậm chiếc tẩu không, như thói quen của một người nghiện, cho đỡ nhớ, đỡ thèm. Sau này, đọc hồi ký Bạn Tù Sơn La của nhà văn Phan Lạc Phúc, đến đoạn ông mô tả cảnh thèm thuốc lào, điếu thuốc lào là một cái đích để người tù vươn tới, rồi có những người tù chế "thuốc lào giải cứu" hút đến chảy máu mũi rờn rờn.... tôi rất xúc động, rưng rưng nước mắt. Nhưng người tù trong hồi ký của nhà văn Phan Lạc Phúc dù nghiện thuốc lào, thèm thuốc, không có thuốc, vẫn còn được tự do tìm đủ mọi cách xoay xở để giải quyết cơn nghiện của riêng mình. Còn thầy tôi trong những ngày tháng thiếu thốn đó, phải một mình cáng đáng mẹ già trên 90 tuổi, con thơ mới 5, 7 tuổi, trong hoàn cảnh của một người bị quy tội "địa chủ", không những hàng xóm láng giềng xa lánh, mà ngay cả người thân cũng lánh xa, thì nếu thầy tôi có đi chợ bán thuốc, kiếm được một vài hào bạc, thầy tôi cũng chỉ nghĩ đến chuyện mua khoai, mua gạo, nấu cho mẹ, cho con ăn cho đỡ đói, chứ đâu có thể "xa xỉ" mà nghĩ đến chuyện mua thuốc lào thỏa mãn cơn nghiện...

Người đàn ông ngược mặt lên trời nhả khói một cách say sưa, như quên hẳn ba đứa chúng tôi. Thấy người đàn ông say sưa, lại có bộ điếu ngang tàng, lạ lùng, nên dù người đàn ông chưa chịu trả hộp quẹt Zippo, Dưỡng cũng không tiện hỏi và chúng tôi cũng không ai dục. Bỗng nhiên người đàn ông hỏi trống, mặt vẫn ngửa lên trời:

- Trong Nam ra phải không?

Chúng tôi giật mình, ngạc nhiên nhìn nhau, nhưng không ai trả lời. Sau một thoáng im lặng, người đàn ông tiếp:

- Tàu suốt từ Vinh ra Hà Nội phải đến trưa mai mới có. Chờ tàu ở ga buồn thấy mẹ. Nếu rảnh thì kéo về nhà tớ chơi.

Tôi đưa mắt nhìn Bình và Dưỡng. Trong một thoáng trao đổi, tôi biết Bình và Dưỡng có vẻ ngại ngùng. Riêng tôi, không hiểu sao, chỉ ngửi mùi thuốc lào, và nhìn phong dáng của người đàn ông, tôi thấy thân thiết và tin tưởng ông nhiều lắm, nên tôi nhìn Bình và Dưỡng gật đầu, tỏ dấu đồng ý. Người đàn ông giáng thêm một câu khiến Bình và Dưỡng thuận theo ý của tôi:

- Ngủ ngoài ga công an thành phố hay hỏi giấy tờ phiền phức lòi thối lắm...

Nói đến đó, người đàn ông ném chiếc quạt cho Dưỡng, rồi xoay lưng bước đi, sau khi nói ba chữ gọn lọn:

- Tớ tên Quy...

Tôi quay sang Bình và Dưỡng hỏi:

- Sao, đi theo lão hay ra ga?

Bình, Dưỡng ngần ngừ một chút, rồi Bình gật đầu:

- Theo thì theo, sợ quái thẳng nào.

Cả ba chúng tôi rảo cẳng đi kịp ông Quy. So về tuổi tác, lúc đó cả ba chúng tôi chỉ đáng tuổi con ông ta. Nhưng thấy vóc dáng lè phè, ăn mặc lòi thối, và lối xử thế lạ lùng, vừa ngang tàng bất cần đời, lại vừa có vẻ thân mật kiểu "mày tao", nên chúng tôi không biết gọi ông như thế nào. Hình như ông Quy cũng đoán biết được điều đó, nên nói ngay, và vẫn nói trống:

- Cứ gọi tớ là Quy. Lính cả mà.

Khác hẳn lúc trước ít nói, suốt đoạn đường từ đó về gần đến nhà, ông Quy nói chuyện huyền thuyên đủ thứ. Thì ra, đúng như tôi đoán, ông là người thiếu số, nhưng lâu ngày tôi không nhớ ông là người Thượng hay người Nùng. Gia đình ông trước sống ở Lào rất giàu có, có buôn rẫy nhà rộng rất to. Ông sinh ra và lớn lên ở đó, nhưng vẫn thường xuyên qua đèo Lao Bảo sang Việt Nam buôn bán. Sau này, bố mẹ ông ngây thơ nghe mấy người Thái cộng sản ở vùng bắc Thái Lan dụ dỗ về Việt Nam "xây dựng đất nước", nên bán tất cả của cải rồi hồi hương. Chỉ mấy tháng sau đó, gia đình ông tỉnh ngộ thì đã muộn màng. Trong những năm máy bay Mỹ ném bom Miền Bắc, bố mẹ ông bị trúng bom chết trong khi tải đạn cho một đơn vị phòng không ở chân cầu Hàm Rồng. Ông có hai người anh, một "hy sinh" tại chiến trường Lào, một mất tích ở chiến trường Miền Nam đã 5, 6 năm, vẫn không nhận được tin tức gì. Ông còn có một người em gái, mới 16 tuổi đã "tình nguyện" đi "thanh niên xung phong", vì ở nhà "nó nhớ bố mẹ quá chịu không nổi, rồi nó cũng..." Nói đến đó, giọng ông xúc động, đầm nước mắt... Ông nói cố thêm mấy tiếng, tôi nghe không rõ, chỉ nghe được có hai chữ "hy sinh"... Từ đó cho đến khi về đến nhà, ông im lặng không nói. Chúng tôi cũng không ai hỏi. Đi đằng sau ông, tôi thấy ông cúi đầu, hai vai run run. Thỉnh thoảng, ông lại hít mũi... Chắc ông xúc động lắm, đau lòng lắm,... tôi nghĩ.

Sau "vài tầm dao", nguyên văn tiếng gọi của ông, chúng tôi tới nhà ông. Ông giải thích, mỗi "tầm dao" là một đoạn đường tay cầm dao thấy mỏi, chuyển sang tay kia. Tôi ước lượng từ ga đến nhà ông đi mất hơn một tiếng, dài khoảng 5 cây số. Tối đó, trăng sáng như ban ngày, nên vạn vật tôi nhìn thấy rất rõ. Nói là nhà, thực ra đó là một túp lều, lợp bằng tranh, làm bằng tre, nửa gỗ lấy từ rừng, chung quanh có đắp những tảng đá. Ngay cạnh nhà là một chiếc hầm trú ẩn hình chữ A, vài hố trú ẩn cá nhân, một đoạn giao thông hào chạy ngoằn ngoèo hướng về phía ngọn đồi xa xa. Phía bên trái căn nhà có năm nắm mồ tuy sơ sài cùng cây cỏ, nhưng chắc chắn vì nắm mồ nào cũng được đắp kín bằng những tấm đá đẽo vuông vắn. Chỉ mấy nắm mộ, ông Quy nói:

- Đó, mộ bố mẹ tôi, hai ông anh và con em gái tôi đó. Mất tích mà đến giờ này không được tin tức gì thì cũng phải có ngôi mộ để vong linh đỡ tủi...

Cạnh mấy nắm mộ là những bụi chuối xúm xuê. Riêng nắm mộ cuối cùng được bao bọc kín bằng hoa mười giờ. Tôi đoán, đó là mộ em gái ông. Đang tính hỏi, thì ông nói ngay:

- Em tôi nó thích hoa mười giờ. Đi đâu cũng phải có một bông cài lên tóc. Sau nó chết đúng 10 giờ sáng. Nói không ai tin, nhưng hàng xóm láng giềng ở đây ai cũng biết. Mà nó linh lắm, nó vẫn hiện về gặp tôi hoài đó, mấy anh tin không?

Chỉ về phía ngọn đồi ở xa xa, nơi giao thông hào hướng tới, ông Quy nói:

- Ngọn đồi đó trước là của một đơn vị bộ đội tên lửa phòng không. Chung quanh là những ụ cao xạ. Chỉ có ụ tên lửa là có bộ đội thôi. Còn mấy ụ cao xạ là toàn người trong làng. Phụ nữ, bô lão, thanh niên nam nữ, rồi cả thiếu nhi nữa, tất cả đều phải chạy ra đó "chống Mỹ" mỗi khi có keng báo động. Cho có tinh thần vậy mà. Chết một đồng còn hơn sống một mống...

Trong nhà không có bàn ghế gì. Chỉ có một chiếc chõng tre nằm gọn một góc. Chung quanh nhà được ghép bằng những tấm gỗ xù sì, được xẻ từ cây rừng, không bào gọt, đục đẽo. Cửa chính là một tấm phen nửa. Được chống lên bằng một khúc tre. Trên tường gỗ có dán một tấm giấy to bằng tờ báo Nhân Dân. Tấm giấy đã ố vàng, nhưng tôi vẫn còn đọc thấy rõ hàng chữ in lớn trên đầu tờ giấy "Một số hiểu biết thông thường về phòng không nhân dân". Phía dưới dòng chữ là những hình ảnh hai chiều đơn giản hai loại máy bay Mỹ, một số loại bom thông thường, và những chỉ dẫn cách thức dùng súng các loại, bắn máy bay Mỹ vào những điểm yếu... Bên cạnh bức tranh, trên những tấm gỗ là những bức vẽ bằng phấn hình hai chiếc máy bay đang bay, và đường đạn bắn từ dưới lên, trúng ngay bụng một chiếc phi cơ, làm cho nó

bốc cháy. Ở góc nhà, có một chiếc kệ bằng tre, trên đặt một chiếc máy bay Mig bằng nhôm nhỏ, dài hơn một gang tay.

Sau này, Quy kể cho chúng tôi biết, đó là vật kỷ niệm cuối cùng của người em gái Quy. Chiếc máy bay đó là của một người bộ đội ở đơn vị tên lửa trên đồi tặng cho em gái Quy trước khi anh ta chết. Mai (tên em gái Quy) khi lên đường đi thanh niên xung phong đã gửi chiếc máy bay đó lại cho Quy. Tuy có rất muốn mang kỷ vật của người bộ đội theo bên mình, nhưng vì sợ mất, nên cô đã gửi lại cho người anh với lời dặn dò, nếu cô còn sống trở về thì thôi, còn nếu cô chết thì phải chôn chiếc máy bay đó cùng với thân xác của cô...

Kể đến đó, ông Quy run run nói:

- Biết là nó đã chết, nhưng tôi không có xác nó mà chôn cùng, nên đành phải để chiếc máy bay đó mà chờ... Chờ đã hơn 7 năm rồi...

## KỶ 30

Tối hôm đó, chúng tôi nghỉ lại nhà của ông Quy và nghe ông kể về những bi kịch gia đình ông đã trải qua trong suốt thời gian từ 1965 cho đến 1975. Từ những chết chóc của những người thân trong gia đình ông cho đến những mất mát vô phương hàn gắn của làng xóm nơi ông ở. Nghe chuyện của ông, tôi biết rằng, trong suốt thời gian mấy chục năm qua, trên quê hương Việt Nam, những mất mát của ông cũng là mất mát chung của hàng triệu gia đình Việt Nam. Và mất mát nào cũng đau khổ, bi thương, đầy máu và nước mắt. Nhưng có điều lạ lùng, trước những mất mát tang thương đó, ông Quy không hề "căm thù Mỹ ngụy" như phần đông những người dân Miền Bắc bị cộng sản tuyên truyền. Có lẽ cuộc sống của ông ở Lào, cùng những chuyến đi buôn bán ở bên kia biên giới và mối quan hệ với người Thái Lan đã giúp ông nhìn ra bản chất của cuộc chiến tranh Việt Nam là cuộc xâm lăng của cộng sản Miền Bắc đối với Miền Nam. Chúng tôi còn ngạc nhiên hơn khi ông cho biết, tương lai người dân Việt Nam còn khốn khổ dài dài, vì cả nước sẽ phải "thắt lưng buộc bụng" để lấy gạo trả nợ cho Trung cộng. Ông cũng kể cho chúng tôi nghe, trong thời gian chiến tranh, khi Trung Cộng không còn viện trợ gạo cho Hà Nội, cả làng của ông đã phải làm những vỏ bao gạo giả có in chữ Trung Cộng, để giữ cho lòng người Miền Bắc khỏi hoang mang như thế nào. Ông Quy cũng tâm sự với chúng tôi về những ân hận hối tiếc của cha mẹ của ông khi nghe lời tuyên truyền của cộng sản, cho gia đình "hồi hương xây dựng đất nước". Ông Quy sống không vợ con. Chỉ một thân một mình lủi thủi cùng với một con chó mực và cả một quá khứ đau xót, đầm đìa nước mắt và kỷ niệm lúc nào cũng trĩu nặng trên hai vai. Ông Quy chỉ là người thiếu số, nhưng với sự từng trải và hiểu biết, ông đã đoán ra chúng tôi là ai ngay khi gặp chúng tôi trong quán ăn.

Hôm nay, tôi viết những dòng chữ này về ông Quy vì tôi muốn gửi gắm tới quý độc giả một sự thực, ở Miền Bắc, trong cuộc sống khốn khổ, thiếu thốn và đói khát, lại bị cộng sản tuyên truyền nhồi sọ ngày đêm, nhưng vẫn có rất nhiều người, rất nhiều tấm lòng không hề bị nhuộm đỏ. Những người đó vẫn hướng tới Miền Nam tự do với lòng hy vọng trong suốt 20 năm. Rất tiếc, vì đất nước mình nhỏ bé, nên bị nhào nặn trong bàn tay nghiệt ngã của định mệnh, nên sau 20 năm chiến tranh, cuối cùng cộng sản chiếm được Miền Nam, khiến cho mọi hy vọng được người dân Miền Bắc âm thầm ấp ủ suốt thời gian dài, cuối cùng đều tan vỡ...

Tuy thời gian nghỉ lại nhà ông Quy chỉ có một đêm, nhưng không hiểu sao từ đó cho đến nay, suốt mấy chục năm trôi qua, tôi vẫn nhớ đến ông, nhớ đến chiếc điều cày ông hút, nhớ những nắm mồi bên cạnh nhà, trong đó có nắm mồi trồng đầy hoa mười giờ mà trong lòng một thì trống không. Tôi không biết đến bây giờ, trong lòng ngôi một đó đã có được chiếc quan tài, ấp ủ thân xác người em gái của ông hay chưa, hay chiếc máy bay nhỏ kỷ vật xưa, vẫn còn cô đơn trên chiếc kệ tre ở góc nhà...

\* \* \*

Khoảng trung tuần tháng 5, chúng tôi đến Hà Nội an toàn. Mặc dù suốt chặng đường từ Vinh ra đến Hà Nội, chúng tôi bị hỏi giấy tờ nhiều lần, nhưng lần nào cũng trót lọt. Với khoa học kỹ thuật của Miền Nam, những giấy tờ giả mạo do Bình làm đã qua mắt dễ dàng mạng lưới an ninh của Miền Bắc.

Khi chuyển tàu tiến vào ga Hàng Cỏ, Hà Nội, tôi rất nôn nóng, muốn chấp cánh bay ngay về nhà của mẹ tôi. Tôi không biết trong mấy năm qua, cuộc sống của mẹ tôi ra sao. Vì trong những năm tháng ở Miền Nam tự do, tôi đã công khai viết bài tố cáo những tội ác của chế độ cộng sản; đã lên đài kể lại những bi kịch do cộng sản gây ra trên quê hương Miền Bắc; với tất cả tên tuổi thật, địa chỉ thật của mình, nên tôi biết, khi tôi trở lại Miền Bắc, tôi sẽ phải đối diện với rất nhiều nguy hiểm. Tôi biết, tôi không thể về thẳng quê nhà và cũng không thể về ngay nhà của mẹ tôi.

Trải qua nhiều chục năm, chế độ độc tài chuyên chế của cộng sản tại Hà Nội đã tạo nên cả một mạng lưới an ninh bao trùm đời sống của người dân, thâm nhập vào mỗi gia đình, nên không một ai dám tin ai, ngay cả bằng hữu, ruột thịt trong nhà. Thêm vào đó, cuộc sống thiếu thốn trăm bề, đói khát kinh niên của người dân Miền Bắc phải thường xuyên và vĩnh viễn tùy thuộc vào chế độ tem phiếu của nhà nước, đã khiến cho



mỗi gia đình, mỗi người lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, không dám làm trái ý đảng, trái ý nhà nước để rồi mang họa đến cho những người thân yêu. Vì vậy, có thể nói, sau 30 tháng 4 năm 1975, trong những năm tháng phải sống ngoài vòng pháp luật, bị săn đuổi như một con thú, tôi luôn luôn thấy bình an, tự tin như cá bơi trong nước, khi tôi được ở trên lãnh thổ của Miền Nam. Trái lại, trên đất Bắc, tôi luôn cảm thấy lo sợ, hoảng hốt như cá bị mắc cạn.

Ngay cả sau này, khi trốn khỏi trại cải tạo Cà Tum, trên đường trở về Sài Gòn, tôi luôn luôn được gặp những tấm lòng vàng của người dân Miền Nam. Mỗi khi gặp hoạn nạn, tôi nói thật tôi là tù cải tạo trốn trại, lập tức tôi được mọi người giúp đỡ tận tình, không nề hà nguy hiểm đến bản thân. Tôi còn nhớ, khi vừa trốn khỏi trại cải tạo, đi bộ suốt đêm về đến thị trấn Dầu Tiếng vào buổi sáng sớm tôi có ghé một quán nước cách bến xe khoảng vài trăm thước. Khi được tôi cho biết, tôi là tù cải tạo trốn trại, cô chủ quán đã nhất định không chịu lấy tiền tô phở và ly cà phê. Không những thế, cô còn cho tiền và chỉ cho tôi cách đón xe đò về Bình Dương, khỏi bị công an xét hỏi. Cô khuyên tôi đừng có vô bến xe, mà nên đứng đợi ở dọc đường rồi vẫy xe đò.

Rồi khi tôi lên được xe đò, vì mới trốn trại, không có bất cứ giấy tờ gì, mà trạm kiểm soát ở Bến Cát thì vô cùng nguy hiểm, nên trong nỗi lo sợ, tôi đánh liều nói thật cho mấy chị đi buôn ngồi cạnh biết tôi là tù cải tạo vừa trốn trại. Nghe xong, các chị liền nói bô bô cho tất cả mọi người trong xe biết. Lập tức cả chiếc xe đò nhón nháo, mỗi người mỗi ý, ai ai cũng muốn giúp đỡ tôi. Lúc đó tôi nhớ là vừa nghỉ hè, nên có mấy nam nữ giáo viên, tuổi còn rất trẻ trên xe. Sau một hồi bàn bạc rôm rả, âm ỉ của tất cả mọi người, kể cả tài xế lẫn lơ xe, tôi được các bà đẩy vào tận phía trong cùng ngồi, rồi các bà bắt tôi phải cởi áo ngoài, chỉ mặc có một chiếc áo lót lấm lem dầu mỡ của người lơ xe. Kế đó, tôi được một chị trao cho một em bé khoảng trên dưới một tuổi, bắt tôi phải bế, kèm theo một bình sữa. Mọi người dặn tôi, khi đến Bến Cát, cứ ngồi nguyên trên xe, để các bà các cô lo liệu. Sau đó, các chị còn chuẩn bị sẵn "tiền lì xì" để dúi tay mấy nhân viên an ninh nếu chúng nó muốn làm khó dễ... Tôi ngoan ngoãn làm theo sự chỉ dẫn của mọi người, và trong thời gian chớp nhoáng, tôi cảm thấy thật an toàn và tự tin trong tấm lòng của người dân Miền Nam. Quả nhiên, khi đến Bến Cát, cửa sau xe mở ra, bóng vài người bộ đội đeo súng AK vừa thấp thoáng, đã bị các bà các cô xúm xít "đơn đả chào đón tận tình", nên chẳng một tên bộ đội nào thèm hỏi giấy tờ của tôi.... Ngồi sâu trong xe, một tay bồng em bé khóc oe oe, tay kia cầm bình sữa cố nhét vô miệng để đỡ cho đứa bé nín, tai nghe các bà các cô đưa mấy anh cán bộ vào xiếc một cách dễ dàng, tôi mới nhận ra, người phụ nữ Việt Nam, bất kể họ là ai, già hay trẻ, cũng đều thông minh tuyệt vời, và sẵn sàng hy sinh để cứu vớt những kẻ cô thế, đùm bọc những người gặp hoạn nạn. Hãy nói thật với họ những nguy hiểm bạn đang đối diện, những khó khăn bạn đang gặp phải, chắc chắn bạn sẽ được giúp đỡ tận tình, dù họ là mẹ, là vợ, là chị em của bạn, hay chỉ là một người dưng tình cờ gặp gỡ ở một nơi nào đó... Đối với người phụ nữ Việt Nam, bạn đừng bao giờ nói dối họ, thì bạn sẽ không bao giờ gặp hoạn nạn, khó khăn, hay khổ đau... Xế trưa hôm đó, khi xe về đến thị xã Bình Dương, mấy thầy cô giáo còn mời tôi một bữa ăn ngon lành. Trong khi tôi ăn, các cô giáo còn xách mấy bao gạo được nhà trường trả lương, đem đi bán, lấy tiền đưa cho tôi. Cảm tiền của các cô, tôi ứa nước mắt vì xúc động... và tôi không nói nên lời. Từ đó đến nay, trong suốt mấy chục năm trời, tôi vẫn nhớ mãi những con người với tấm lòng vàng mười trên chuyến xe đò từ Dầu Tiếng về Bình Dương. Tuy chẳng nhớ rõ được một gương mặt nào, một cái tên gọi nào, hay một địa chỉ nào, nhưng mỗi khi nhớ đến những kỷ niệm của ngày đó, tôi vẫn thấy trinh nguyên những bóng dáng ấy, những bàn tay ấy, thấp thoáng trong tâm trí, cùng với những xúc động cũng trinh nguyên như thuở nào của 31 năm về trước....

## KỶ 31

Mẹ của tôi sống rất nghèo và cô đơn trong một căn nhà chật chội, nằm trong một căn hẻm nhỏ ở Hà Nội. Như tôi đã thưa chuyện cùng các bạn, khi Mẹ của tôi ghé thăm tôi năm tôi mới lên 7, lên 8 tuổi, tôi đã không chịu nhận Mẹ, không chịu gọi Mẹ một tiếng "Mẹ ơi!", chỉ vì tôi bị những người lớn sống trong cùng một gia đình tiêm nhiễm vào đầu óc tôi đủ thứ chuyện, nên tôi tin Mẹ của tôi đã bỏ tôi khi tôi còn đỏ hỏn.... Trong những năm tháng sau này, và ngay cả đến bây giờ, hình ảnh Mẹ của tôi đi trong buổi trời chiều, khi gió lộng thổi, mặt nước sông sóng vỗ từng đợt, vẫn còn để lại trong lòng tôi những nỗi xúc động trinh nguyên của ngày nào. Cùng với thời gian, trải qua những va chạm trong cuộc sống, và nhất là qua những lời kể của thầy, tôi dần dần hiểu được những hoàn cảnh éo le, đau khổ đến quần quai, ướt đầm nước mắt mà Mẹ đã phải chịu đựng khi yêu thầy của tôi, khi mang bầu tôi và khi sanh ra tôi. Chính trong nỗi niềm đầy ân hận và xót xa thương cảm dành cho Mẹ, sau này tôi đã cố gắng tìm Mẹ, nhưng không thành công. Cuộc sống thiếu thốn, đói khổ ở Miền Bắc, đối với một người con trai nhỏ bé như tôi, ngay đến củ khoai hà, ngọn rau muống còn là sự khao khát, thèm thuồng, thì làm sao tôi có đủ điều kiện và tiền bạc để đi tìm Mẹ.

May mắn, đến năm 16 tuổi, tôi tình cờ quen một người bạn học, quê ở thị xã Phủ Lý. Thân phụ của người bạn, từng trọ học ở nhà tôi trong những năm trước 1945, nên qua câu chuyện với một số bạn bè ở quê ngoại của tôi, người bạn đó biết được Mẹ ruột của tôi có một người con với cụ Xếp Văn là thầy của tôi. Từ những câu chuyện tình cờ giảng mắc với những người bạn, con cháu của bên ngoại, những buổi gặp gỡ xa gần xúc động đầy nước mắt, cuối cùng tôi biết Mẹ của tôi đang sống ở Hà Nội. Trong những năm tháng đó, máy bay Mỹ thường xuyên ném bom Miền Bắc, nên trường học của tôi phải "sơ tán" về vùng thôn quê ở gần Đọi Đệp, là quê ngoại của tôi. Hà Nội lúc đó đang là mục tiêu đánh phá của máy bay Mỹ, nên tôi không biết làm cách nào để kiếm ra tiền đi thăm Mẹ; và không biết Mẹ có còn sống ở Hà Nội hay đã đi "sơ tán"... Biết được những khó khăn, thiếu thốn của tôi, một số người bạn học đã gom góp tiền đưa cho tôi, rồi sẵn sàng cho tôi mượn xe đạp để tôi đi thăm Mẹ. Ôi, những tấm lòng đầy ân nghĩa của tình bạn tuổi học trò... khiến tôi nhớ mãi. Trong suốt những năm tháng sau này, mỗi khi nhớ đến những nghĩa cử đó, tôi lại thấy bồi hồi rung cảm. Thì ra, trong cuộc sống, càng thiếu thốn, khốn khó bao nhiêu, con người càng có cơ hội thể hiện lòng nhân ái nhiều hơn, yêu thương nhau hơn, hy sinh cho nhau nhiều hơn.

Giữa lúc tôi đang chuẩn bị đi thăm Mẹ, thì một ngày nọ, vào giữa buổi trưa hè nắng oi ả, Mẹ của tôi đến trường thăm tôi. Phần ngại hoàn cảnh trọ học của tôi, phần có lẽ Mẹ của tôi có những nỗi ngại ngùng riêng tư nào đó, tôi không biết, Mẹ từ chối không chịu vào nhà trọ của tôi. Vì vậy, tôi theo Mẹ ra một bụi tre cạnh bờ sông Châu, và tại đó, hai Mẹ con tôi tâm sự... Cho đến hôm nay, tôi vẫn không nhớ rõ, trong buổi gặp gỡ đó, Mẹ của tôi đã nói những gì, tôi đã nói những gì, nhưng tôi chỉ nhớ mãi có một điều, trong buổi tâm sự trưa hôm đó, Mẹ chỉ có khóc.... Mẹ tôi khóc hoài, khóc không thành tiếng, nhưng nước mắt của Mẹ cứ ứa ra, chảy dài trên hai gò má... Mẹ lấy khăn lau, nhưng lau vừa xong là nước mắt lại giàn giụa... Bây giờ, khi ngồi viết những dòng chữ này, hình ảnh Mẹ của tôi với những dòng nước mắt và cặp mắt giàn giụa nỗi thương đau vẫn hiện về rõ rệt như ngày nào tôi đang ngồi trước mặt Mẹ... Lúc đó, tôi muốn được gục vào lòng Mẹ của tôi mà thổn thức, tôi muốn ôm lấy Mẹ để khóc oà lên như những người con khi gặp mẹ mà tôi vẫn thấy trong phim hay tôi thường tưởng tượng khi đọc truyện. Vậy mà không hiểu sao, trong lòng thì muốn vậy, nhưng tôi không làm được như vậy... Tôi ngồi đó, đau xót và bất lực nhìn Mẹ của tôi khóc... bằng cặp mắt ráo hoảnh của mình, để rồi ngay tối hôm đó, và từ đó về sau, mỗi khi nhớ tới những giọt nước mắt của Mẹ vào buổi trưa hè bên giòng sông Châu, tôi lại rưng rưng lệ... trong niềm xúc cảm sâu lắng. Ngay cả bây giờ, khi ngồi đánh máy những dòng chữ này vào buổi sáng của ngày Thứ Tư, sau một đêm dài thức trắng, nỗi niềm xúc động trong lòng tôi dành cho Mẹ vẫn như ngày nào của ngót 40 năm về trước...

Trong những năm tháng sau đó, tôi và bạn bè của tôi thường xuyên ghé thăm Mẹ vào dịp nghỉ hè. Tuy những dịp thăm viếng Mẹ như vậy không nhiều, mỗi năm chỉ một, hoặc hai lần, nhưng tôi được sống những giờ phút thật hạnh phúc của một người con có Mẹ, được Mẹ chăm sóc. Tôi còn nhớ, có những buổi sáng sớm, tôi thức dậy, nhưng vẫn nằm trong giường đọc sách. Khi Mẹ bước vô, sợ Mẹ la đọc sách trong phòng, nên tôi giả vờ nằm ngủ... Khi đó, tôi thấy bóng dáng thấp thoáng của Mẹ, đi ra đi vô, dọn dẹp đồ đạc trong phòng, hay chuẩn bị đồ ăn sáng cho tôi...

Tuy được sống trong hạnh phúc của tình Mẫu Tử, tôi ít khi tâm sự với Mẹ, ít khi ngồi nghe Mẹ kể chuyện... vì mỗi khi Mẹ tôi trò chuyện với tôi là Mẹ lại khóc. Không hiểu từ bao giờ, bắt đầu từ lúc nào, nhưng đã lâu lắm, ngay từ khi mới được đoàn tụ với Mẹ không lâu, tôi đã có ấn tượng, cuộc đời của Mẹ là cả một giọt nước mắt khổng lồ, là những giòng nước mắt nối nhau chảy bất tận... Từ cuộc đời khốn khó đầy đau thương và nước mắt của Mẹ, tôi đã trưởng thành, bước vào đời với một tấm lòng đa sầu, đa cảm, dễ "thương vay, khóc mướn" trước những đau khổ của người dưng, của nhân thế. Tôi hiểu được muôn vàn nỗi khó khăn chật vật, cùng những khổ đau, hy sinh tận tụy của những người vợ, người mẹ Việt Nam dưới muôn vạn mái nhà, trên muôn vạn nẻo đường của đất nước. Tôi xót xa trước những đần đo mua sắm từ bó rau, con cá, những thao thức giặt giũ vá vai, thu vén gia đình, cho chồng con hạnh phúc, của hàng triệu người mẹ, người vợ Việt Nam, sống trong thiếu thốn đói khổ, chịu đựng muôn phần cơ cực tại hàng vạn vạn làng quê Miền Bắc...

Qua cuộc đời đầy éo le và nước mắt, cô đơn và xót xa của Mẹ, tôi hiểu được những oan trái khổ đau người phụ nữ Việt Nam thường phải gánh chịu từ khi lớn lên cho đến khi yêu đương, được làm vợ, làm mẹ. Thêm vào đó, văn hóa Việt Nam, đạo lý vợ chồng của nền văn minh cửa Khổng sân Trình, quan niệm chồng chúa vợ tôi, cộng với đời sống thiếu thốn trăm bề của gia đình Việt Nam, đã khiến người phụ nữ Việt Nam phải gánh chịu thêm nhiều hy sinh, đau khổ... so với phụ nữ ở các quốc gia khác. Qua những trang sách tả thực của Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Vũ Trọng Phụng, Hồ Dzếnh, Mai Thảo, Nhã Ca, Võ Phiến, Doãn Quốc Sỹ... tôi thấy lòng mình thực sự rung động, trước những thân phận éo le của các nhân vật, điển hình cho nỗi khổ đau chồng chất và muôn phần đa dạng của người phụ nữ Việt Nam...

Trong những năm tháng sau 30-4-1975, cùng với sự chiếm đóng Miền Nam, người cộng sản còn gieo rắc lên muôn vạn mái nhà, muôn vạn cuộc đời phụ nữ Miền Nam hàng triệu nỗi khổ đau, trong đó có nỗi khổ đau chờ chồng, nuôi chồng trong trại tù cải tạo. Sau này, khi đọc bài thơ Ta Về của nhà thơ Tô Thùy Yên,

tôi đã vô cùng xúc động khi đọc tới đoạn mô tả tình cảm của tác giả, một người đi tù cải tạo sau 10 năm trở lại nhà, dành cho người vợ thương yêu, đầu gối tay ấp, thủy chung chờ chồng:

*Ta gọi thời gian sau cánh cửa  
Nỗi mừng giàn giụa mắt ai sâu  
Ta nghe như máu ân tình chảy.  
Tự kiếp xưa nào tưởng lạc nhau.*

*Ta về đâu phải đi chân đất  
Khấp thế gian này để gặp em  
Đau khổ riêng gì nơi gió cát  
Thềm nhà bụi chuối thức thâu đêm.*

Mấy năm trước, khi lần đầu được đọc bài thơ Ta Về, trong lòng tôi vừa xúc động, vừa biết ơn thi sĩ Tô Thùy Yên vô cùng, vì những câu thơ của ông đã đánh thức trong lòng tôi những xúc cảm kỳ diệu của tình yêu thương, lòng tri kỷ, sự hy sinh... dành cho nhau trong tình vợ chồng khi ly biệt. Câu thơ "Nỗi mừng giàn giụa mắt ai sâu" có một sức mạnh gợi tưởng huyền diệu, giúp người đọc thức ngộ được những giao thoa kỳ diệu của nỗi đau với niềm vui, của ly biệt với đoàn tụ, của khổ đau với hạnh phúc... Rồi trong khổ thơ sau, thi sĩ Tô Thùy Yên cũng giúp người đọc, nhất là những người tù cải tạo, hiểu được những khổ đau chất ngất, những thao thức, trăn trở bất tận của những người vợ có chồng đi tù cải tạo: "Đau khổ riêng gì nơi gió cát. Thềm nhà bụi chuối thức thâu đêm."

## KỶ 32

Ngồi trên xe lửa, trên đoạn đường từ Nam Định, qua Phủ Lý, đến Hà Nội, lòng tôi ngổn ngang trăm mối khi nhìn thấy những hình ảnh thân quen vùn vụt trôi qua cửa sổ. Bao kỷ niệm được đánh thức, bao nhân dáng thấp thoáng hiện về, để rồi tôi đau xót khi thấy quê hương, đất nước của tôi vẫn nghèo nàn, khốn khổ; thân nhân bằng hữu của tôi vẫn mãi mãi chìm ngập trong cuộc đời giạt gấu vá vai, khốn khó về vật chất, đoạ đầy về tư cách, mỗi mòn về nhân phẩm. Bây giờ, cùng với chiến thắng của người CS sau 30-4-1975, biết bao hy vọng mỏng manh của người dân Miền Bắc sẽ bị dập tắt; bao tấm lòng thao thức hướng về Miền Nam trong suốt bao nhiêu năm qua, nay sẽ phải nghẹn ngào nhắm mắt... Lúc đó, tôi không hề biết, trong suốt 31 năm sau 1975, tổ quốc của tôi, dân tộc của tôi sẽ phải chịu đựng muôn vàn nỗi trầm luân, khổ cực, hàng trăm ngàn người sẽ bị đẩy ải trong trại cải tạo, hàng triệu người phải đi vùng kinh tế mới, hàng chục vạn người sẽ chết biển cả, trong rừng sâu, những cô gái Miền Nam hồn nhiên, chất phác như hoa rừng cỏ nội, sẽ phải bỏ cha mẹ, bỏ quê hương đi làm vợ những người đàn ông quê cụt, không cùng ngôn ngữ ở khắp các quốc gia trong vùng Á châu, những em bé sẽ bị chế độ CS xuất cảng sang ngoại quốc làm điểm... Thời điểm tháng 5 năm 1975, tất cả những chuyện đau khổ đó chưa xảy ra, nhưng tôi, một thanh niên mới 24 tuổi đầu, với kinh nghiệm cha truyền con nối về chế độ CS, cộng với những gì tôi học hỏi được ở Miền Nam tự do, đã cho tôi biết, cùng với chiến thắng của CS và cái gọi là "hào quang thống nhất đất nước" bao trùm lên cả nước, tổ quốc của tôi, dân tộc của tôi đang bắt đầu bước vào một bóng đen dày đặc của một đêm dài thời trung cổ... Và cùng với nỗi bất hạnh của tổ quốc, của dân tộc, cuộc đời của tôi cũng sẽ trải qua những nỗi đau đớn, nghẹn ngào, đầy máu và nước mắt...

Tôi biết, với quá khứ của một người bộ đội hồi chánh, một tên "phản bội tổ quốc", tôi sẽ không thể nào sống nổi trong chế độ cộng sản. Tôi biết hình phạt duy nhất dành cho tôi là nhà tù, trường bắn. Vì vậy, trong thâm tâm, ngay từ khi hiểu rõ chế độ CS, tôi đã có một quyết tâm, bằng bất cứ giá nào, tôi cũng phải thoát khỏi chế độ cộng sản vô nhân, cái chế độ chỉ biết dạy con người thù hận, căm ghét, đập phá. Để thoát khỏi cái chế độ bất nhân cộng sản, tôi sẵn sàng chấp nhận đánh đổi mạng sống của mình, vì thà tôi chết trên con đường chạy trốn cộng sản, cái chết của tôi còn có ý nghĩa hơn là tôi tiếp tục sống kiếp nô lệ trong chế độ cộng sản. Mang trong lòng quyết tâm ấy, cộng với những ảnh hưởng của tác phẩm Ruồi Trâu, ngay từ những năm cuối thập niên 1960, tôi đã tìm đến cảng Hải Phòng, tính chuyện chui xuống một chiếc tàu hàng nào đó, như Ruồi Trâu đã làm, để trốn khỏi Việt Nam. Thực ra, chuyến phiêu lưu đầy nguy hiểm của tôi đáng lẽ thành công, nếu không vì một bữa cơm với cá rô chiên tại nhà một người bạn tôi quen ở bến cảng... Cũng vì mang trong lòng quyết tâm ấy, nên trước ngày vô Nam, từ trong chỗ đóng quân ở sâu trong rừng thẳm của tỉnh Quảng Bình, tôi đã trốn đơn vị để về thăm Thầy, Mẹ tôi lần cuối, để rồi sau đó, ngay khi đặt chân đến lãnh thổ Miền Nam chưa đầy một tháng, từ động Ông Đơ ở phía tây Quảng Trị, tôi đã nhắm thẳng vùng ánh sáng của thị xã Quảng Trị, cắt một đường thẳng băng, trở về hồi chánh với chính phủ VNCH... Và bây giờ, sau 1975, khi Miền Nam lọt vào tay cộng sản, tôi cũng chỉ còn có một con đường duy nhất: Phải trốn khỏi chế độ CS bằng bất cứ giá nào, cho dù tôi có chết trên đường trốn chạy.

Nhưng trước khi vĩnh biệt quê hương, tôi muốn một lần cuối gặp lại Thầy, Mẹ; lần cuối nhìn lại quê hương cùng những người thân yêu của tôi. Đó là lý do khiến tôi trở lại Miền Bắc trong chuyến đi vô cùng nguy hiểm này.

Như tôi đã thưa với các bạn, trong thời gian sống trên vùng đất của Miền Nam tự do, tôi đã cố gắng làm tất cả những gì có thể làm để người dân Miền Bắc, trong đó có bằng hữu và những người thân của tôi, hiểu rõ sự thực cùng bản chất của cuộc chiến tranh xâm lăng do CS Hà Nội chủ xướng. Để làm được điều đó, tôi đã viết bài, với tên thật, địa chỉ thật; gửi những người thật, địa chỉ thật ở Miền Bắc; và chính tôi đã đọc những bài viết đó trên đài VOA trong suốt thời gian dài mấy năm trời. Vì vậy, ở quê hương của tôi, cả xã, huyện, tỉnh, đều biết tôi là một tên "đầu hàng địch", một thằng "phản bội tổ quốc". Nay tôi phiêu lưu trở về chắc chắn tôi sẽ phải đối diện với thật nhiều nguy hiểm, vì trong số những người quen biết tôi, chỉ có rất ít là những người tôi có thể tin tưởng.

Ngay khi xuống ga Hàng Cỏ, lòng tôi nôn nóng chỉ muốn về ngay nhà để thăm Mẹ. Tôi biết, sau gần 5 năm trời xa cách, Mẹ tôi chắc đã già đi nhiều. Mái tóc của Mẹ chắc có thêm nhiều sợi bạc, lưng của Mẹ cũng đã còng thêm... Trong suốt những năm sống ở Miền Nam, mỗi khi nhớ Mẹ, tôi lại nhớ đến giàn mướp, giàn hoa thiên lý mẹ trồng. Tôi nhớ cả chuồng heo, có con heo thiệt to, Mẹ tôi nuôi để sau này bán lấy tiền cho tôi cưới vợ. Tôi nhớ cả bức tường loang lổ, con hẻm chật hẹp, hời hám mỗi khi đẩy chiếc cổng gỗ ọp ẹp bước vô nhà của Mẹ... Tôi không biết tất cả những hình ảnh đó, những kỷ vật đó, cái nào còn cái nào mất. Thời gian và cuộc sống khốn khó, đói khát trên đất Bắc, khiến tất cả đều bấp bênh, mờ ảo, không có gì là thực.

Nhưng dù tha thiết muốn về nhà, tôi vẫn lo ngại vì nhà của Mẹ tôi ở ngay cạnh nhà của một tay công an. Đó là căn nhà khá lớn, đất rộng gấp bốn, gấp năm lần nhà tôi. Giữa hai nhà chỉ có một hàng rào dâm bụt, thấp đến ngang ngực, nên ngồi chơi ở sân nhà bên này, nhìn rõ mọi chuyện ở sân nhà bên kia. Trong những năm tháng trước khi vô Nam, mỗi khi ghé thăm Mẹ, tôi đều thấy tay công an đi ra đi vô, và có đôi lần, chúng tôi gặp nhau ngay cổng, thậm chí có khi còn chào hỏi nhau một đôi câu. Tôi không biết, tay công an đó có biết gì đến việc tôi hồi chánh hay không. Nhưng dù sao, tôi không thể vội vàng ghé thăm Mẹ tôi, lỡ chẳng may gặp tay công an đó ngay cửa, và tay công an đó biết rõ lý lịch của tôi, thì sẽ vô cùng nguy hiểm cho tôi và cả Mẹ của tôi nữa. Vì vậy, sau khi suy nghĩ thiệt kỹ, tôi quyết định ghé thăm nhà bà chị ở phố Huế trước, tìm hiểu tình hình, thấy thuận tiện thì sẽ ghé thăm Mẹ, sau đó sẽ về thăm Thầy.

Thầy tôi có tất cả 5 người con gái đầu lòng. Vì không có con trai nên lấy thêm vợ hai, được có một người con trai, thấy không đủ bảo đảm có người nối dòng dõi, duy trì hương lửa sau này, nên Thầy tôi lấy thêm vợ ba, để được ra tôi. Người chị gái ở phố Huế là con dâu của ông Tổng Tu, người vẫn thường cùng với Thầy tôi lén lút nghe đài BBC mỗi khi Thầy tôi ghé thăm. Ông Tổng Tu có 3 người con trai và một người con gái. Người con trai cả cũng lấy một người chị của tôi, và cả hai vợ chồng đã vô Nam năm 1954, sống ở Võ Di Nguy, Phú Nhuận. Người con trai thứ hai lấy người chị thứ ba của tôi, và cả hai vợ chồng đều ở lại Hà Nội. Người con trai út cũng vượt tuyến vô Nam ngay từ năm 1957, 1958, và được chỉ huy một trung đội lính bảo vệ Trung Tâm Chiêu Hồi Thị Nghè.

Người chị ở phố Huế là một người rất tháo vát, can đảm và tự tin. Tuy ông Tổng Tu, bố chồng của chị là người bị ghép tội "tư sản mại bản", và bố ruột thì bị ghép tội địa chủ, lại có các anh chị, bên chồng cũng như bên mình, "chạy vô Nam theo đế quốc", nhưng trong thế cùng đường của một người mẹ, người vợ phải gánh vác cả gia đình chồng, chị coi tụi cán bộ cộng sản từ thằng to đến thằng nhỏ không ra kí lô gì. Tôi đã từng nghe Thầy tôi kể rất nhiều chuyện can đảm và khôn ngoan của chị khi chị đối đáp với cán bộ cộng sản. Sau này, khi đọc những bài viết chửi cộng sản của bà Dương Thu Hương, không hiểu sao tôi cứ liên tưởng đến người chị ở phố Huế của tôi. Trong số những câu chuyện Thầy tôi kể, tôi nhớ nhất chuyện chị tôi chửi tụi cán bộ cải cách ruộng đất vào năm 1956, hay 1957, tôi không còn nhớ rõ.

Thời gian đó, gia đình tôi bị quy là gia đình địa chủ. Sau một thời gian, đội cải cách đã thu vét tất cả mọi của cải chìm nổi của gia đình tôi, chúng vẫn tin là Thầy tôi còn giấu rất nhiều của cải ở nhà con gái ở Hà Nội. Vì vậy, chúng quyết định trói Thầy tôi rồi giải lên Hà Nội, đến tận nhà chị của tôi ở phố Huế để moi tiền.

Sau khi bị tra khảo nhiều lần, trong thân phận của một người địa chủ, Thầy tôi không còn cách nào hơn, đành phải cho đội cải cách biết rõ địa chỉ của con gái, và chấp nhận để cho đội cải cách giải Thầy tôi lên gặp con gái lấy tiền về trả cho các "ông bà nông dân"....

## KỶ 33

Dưới ánh nắng chang chang của mùa hè và hơi nóng hầm hập bốc lên từ con đường nhựa, thầy tôi phải cởi trần, tay bị trói giật cánh khuỷu, đi chân đất suốt từ ga Hàng Cỏ đến nhà chị tôi ở Phố Huế. Khi tới nhà của chị tôi, thầy cất tiếng gọi, nhưng cả nhà chị tôi lúc đó đang ở trên gác, nên không một ai nghe thấy. Tên đội cải cách liền lấy bóng súng động vào cửa âm ỉ. Chị tôi nghe thấy vội chạy ra balcony ngó xuống.

Trong mấy phút đầu tiên, chị không hiểu chuyện gì xảy ra. Đến khi thầy tôi ngược mặt gọi tên tục của chị, "Châu con ơi!... Thầy đây!", chị tôi mới sững sốt thốt lên, "Chúa ơi!..." Sau đó, chị vội chạy ngay xuống dưới nhà.

Vừa mở cửa, nhìn thấy thầy tôi lam lũ, lếch thếch, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, chị liền nổi điên:

- Các anh là ai? Tại sao các anh lại trối thầy tôi như thế này?...

Tên đội cải cách ruộng đất liền to giọng nạt nộ:

- Chúng tôi là ai hử? Chúng tôi là cán bộ cải cách ruộng đất. Bó của cô là địa chủ có nợ máu với nhân dân nên chúng tôi phải trối ông ta lại...

Nghe tên đội nói vậy, tình cha con nổi lên, khiến chị tôi không còn biết sợ hãi là gì. Chị đưa tay chỉ thẳng vào mặt tên đội, rồi vừa hét vừa khóc:

- Tôi ra lệnh cho anh cởi trối thầy tôi ngay! Thầy tôi có là địa chủ nợ máu với nhân dân hay với anh đi nữa, anh cũng không được quyền trối thầy tôi đi nghênh ngang ở đường phố Hà Nội. Anh có biết đây là đâu không? Đây là Hà Nội, thủ đô của nước Việt Nam "dân chủ cộng hòa". Ở đây có không biết bao nhiêu tòa đại sứ, người ngoại quốc. Anh trối người rồi dong đi giữa ban ngày ban mặt thế này là anh bêu riếu "đảng và nhà nước ta", anh có biết không? Các anh là đồ phản động? Tội ngoại quốc mà nó chụp được hình các anh trối người dong đi giữa đường phố Hà Nội rồi chúng gửi ra nước ngoài, là các anh sẽ bị tù rục xương! Các anh sẽ bị xử bắn! Tôi sẽ cho người đi gọi công an khu phố lại đây ngay lập tức để họ trối các anh lại!... Rồi vì quá xúc động, chị tôi vừa khóc, vừa túm lấy áo tên đội cải cách mà la lên: "Cởi trối ngay! Anh có cởi trối cho thầy tôi ngay không thì bảo! Anh dám trối người ngay giữa thủ đô Hà Nội? Hu... hu..."

Tiếng khóc, tiếng la hét của chị tôi, cộng với cảnh một ông già râu tóc bạc phơ, cởi trần, đứng run rẩy giữa trưa nắng, bên cạnh là hai người cán bộ cải cách ruộng đất răng đen mã tấu, đã khiến những người đi lại trên đường phố tụ lại vây quanh, rồi tiếng bàn tán nổi lên, xen lẫn tiếng la hét của đám con nít. Tất cả sự âm ỉ huyền não này khiến cho hai tên đội cải cách lúng túng, hoảng hốt. Sau đó, tên đội liền rút chiếc dao găm đeo ở hông, cắt dây trối cho thầy tôi.... Chị tôi liền ôm lấy thầy tôi khóc ròn, rồi vừa khóc, chị vừa dìu thầy tôi đi vào trong nhà.... Để mặc cho hai tên đội đứng lớ rớ ở ngoài cửa, chúng không dám bước vô nhà mà cũng không dám bỏ đi.

Sau khi ngồi xuống ghế, trải qua phút giây thăng thốt, thầy tôi sực nhớ ra, vội bảo: "Châu, con ra mời hai ông đội vào nhà!..."

Chị tôi vâng lời, bước ra nói... Lúc đó, hai viên đội mới rón rén đi vô trong nhà.

Sau khi xuống ga Hàng Cỏ, tôi đạp xe điện tới phố Huế, và đẩy cửa vô nhà của chị tôi vào một buổi trưa trung tuần tháng 5 năm 1975. Giống như tất cả những căn nhà ở Hà Nội sau 1954, nhà của chị tôi cũng phải chia 5 xẻ 7 cho hàng chục gia đình cán bộ của nhà nước cư ngụ miễn phí. Nguyên tầng dưới, có tới 4 gia đình, sống chen chúc, được ngăn cách bằng những tấm cốt, tấm màn bằng vải, hay bằng nylon. Chị T. con gái út của ông tổng Tu, cũng chỉ được ở trong một căn phòng chật hẹp, không đầy 6 thước vuông. Vì một căn nhà nhiều gia đình cư ngụ, nên cửa chính lúc nào cũng không khóa. Trở lại nhà chị sau thời gian hơn 6 năm xa cách, tôi thấy cảnh vật vẫn như xưa. Vẫn cánh cửa gỗ cũ kỹ, mở ra những hành lang tối om, âm u, mùi ẩm mốc bốc lên; vẫn những con người bơ phờ, gầy gò ốm yếu, hốc hác, những cặp mắt thờ ơ "ngoài miếng ăn, bất cần tất cả"... đang ngồi, đứng rải rác, thản nhiên nhìn tôi bước vô...

Tôi gật đầu nhẹ chào họ, rồi đi nhanh lên lầu. Chị tôi đang ở trong bếp, nghe tiếng chân trên cầu thang, hỏi vọng ra, "Con Thư về rồi đấy hả?" Tôi vội chạy vô nói: "Em đây chị! Em, Chí đây!..."

Chị tôi quay ra, nhìn thấy tôi, sững sờ không nói... Tôi thoáng thấy rất nhanh trong ánh mắt của chị sự xúc động, thêm vẻ hoảng hốt, phập phồng, giống như mắt của một con thỏ đang bị săn đuổi... Chị không chào, không hỏi, không ôm chầm lấy tôi mà hỏi han, khóc lóc, như tôi đoán. Trái lại, chị tôi hoàn toàn im lặng, bước vội ra ngoài cửa bếp, lấy tay đẩy tôi vô trong bếp, rồi đứng đó im lìm bất động, nhìn xuống cầu thang nghe ngóng động tĩnh. Sau vài phút trôi qua trong im lặng, chị tôi quay vô hỏi tôi, giọng thì thầm:

- Cậu vô đây có người nào thấy không?

Trong tích tắc, tôi hiểu ngay thân phận của tôi, hoàn cảnh của chị, và cả một mạng lưới an ninh nguy hiểm rình rập bủa vây với tiêu chuẩn, mỗi người dân phải là một người công an. Tôi lắc đầu, cốt để trấn an chị. Ngay sau đó, chị tôi ra dấu cho tôi đi theo chị vô trong phòng riêng của vợ chồng chị. Đóng cửa lại thật nhẹ nhàng, chị quay lại hỏi, giọng hơi gắt, vẻ phật ý:

- Sao cậu không đi đi, còn quay về đây làm gì?

Tôi hơi bàng hoàng trước thái độ xa cách, lạnh lùng của chị. Có lẽ nhận ra được điều đó, chị tôi hơi hối hận:

- Cậu ngồi đây, tôi đi pha nước chanh cậu uống...

Tôi cảm động. Thì ra, chị tôi vẫn còn nhớ sở thích uống nước chanh đường của tôi. Tôi vội cản chị lại:

- Cảm ơn chị, em không khát...

Chị tôi lại nhắc lại câu hỏi:

- Sao cậu không trốn đi ngoại quốc? Giờ này cậu còn về đây làm gì nữa?

Tôi xúc động:

- Em muốn về gặp thầy lần cuối trước khi em đi...

Chị tôi trả lời, nghe như một tiếng than:

- Thầy mất rồi em ơi!...

"Thầy mất rồi!" Tôi bàng hoàng, không thể nào tin được lời chị tôi nói. Tôi đứng đó, mở to mắt nhìn chị mà như không nhìn thấy một cái gì... Bao nhiêu nỗi ân hận, nuối tiếc, yêu thương dành cho thầy tôi, trong suốt những năm dài xa cách, đã thôi thúc tôi ở lại, chấp nhận tất cả mọi nguy hiểm, vượt cả ngàn cây số ra ngoài Bắc để chỉ ấp ủ có một ước vọng cuối cùng: Được gặp thầy tôi lần cuối! Nay ước vọng đó đã tan tành thành mây khói. Cuộc đời tôi từ khi sanh ra, lớn lên ở Miền Bắc, tôi chỉ có một người gần gũi, thương yêu tôi nhất là thầy tôi. Trong suốt những năm tháng đói khát và khổ ải triền miên, tôi sinh ra và lớn lên trong tình thương của người cha già sống trong cảnh gà trống nuôi con, tôi đã được chứng kiến, được hưởng biết bao hạnh phúc êm đềm, mà chỉ sau này, khi được sống ở Miền Nam Tự Do, nhớ lại những điều đó, tôi mới hiểu được, tất cả những hạnh phúc tôi được hưởng trong quá khứ, là nhờ những hy sinh, đau đớn, nhịn đói, nhịn khát... của thầy tôi... "Thầy ơi!"

Phải mất mấy phút đồng hồ sau, tôi mới cất tiếng hỏi:

- Thầy mất bao giờ?

Tiếng nói của chị tôi nghe như gió thoảng: "Thầy mất năm 1974..."

Năm 1974, tôi đang sống sung sướng, hạnh phúc và no đủ tại Miền Nam. Tôi hiểu, trong hoàn cảnh đói khổ nơi đất Bắc, cộng với hoàn cảnh thiếu thốn của thầy tôi lúc bấy giờ, và nhất là thân phận của tôi, một tên hồi chánh, "phản bội tổ quốc", đã mang đến cho thầy tôi nhiều nỗi khổ đau gấp bội... Và như vậy, trong nỗi cô đơn tận cùng, thầy tôi đã sống trong sự thiếu thốn và đói khát cho đến khi nhắm mắt xuôi tay. Tôi đứng đó, thấy nước mắt của mình ứa ra, chảy dài hai bên má... Tôi khóc âm thầm trong nỗi đau đớn mất mát người thân vô cùng lớn lao, lớn lao chưa bao giờ có trong cuộc đời của tôi...

Tôi hỏi chị tôi: "Mộ của thầy ở đâu?"

Chị tôi nói: "Thầy muốn đưa thầy về Đầm. Nhưng tiền bạc kiếm đâu ra. Thôi thì cứ chôn tạm ở đó... mai sau có...."

Nước mắt tôi lại thêm dàn dụa... Trong lòng tôi cảm thấy đau đớn quá. Như có một nhát dao vô hình đâm vô thật sâu. Tình quê hương, làng xóm, họ hàng thân tộc trong tâm hồn của thầy tôi lớn lao vô cùng. Xa làng Đầm hơn chục năm, nhưng mỗi năm, cứ tết đến, dù lãnh lẽo mưa gió thế nào đi nữa, thầy tôi cũng cơm nắm, muối mè, trái bầu đựng nước, rồi dắt tôi đi bộ cả mấy chục cây số, để về quê tảo mộ, vun đắp mồ mả nội ngoại, rồi thăm hỏi họ hàng xa gần suốt từ làng Sui về làng Đầm...

## KỶ 34

Nhìn lại cuộc đời của tôi suốt hơn 50 năm qua, tôi thấy rõ một điều, tôi lớn lên trong đói khát, khốn khổ, rách rưới, nhưng vẫn giữ được tấm lòng đôn hậu, biết nhường cơm xẻ áo cho những người khốn khổ rách rưới hơn mình, là nhờ ở tấm lòng yêu thương vô bờ bến của thầy tôi. Sống trong cuộc sống khốn khổ, khi tất cả những người chung quanh chỉ biết giành giật nhau mà sống, nếu mình không giành giật mình sẽ chết đói, thiệt khó giữ được tư cách. Tôi sống với thầy tôi, càng đói khát bao nhiêu, tấm lòng yêu thương con vô bờ bến của thầy tôi càng rực sáng bấy nhiêu. Ngày xưa còn bé, khi sống với thầy, tôi không nhận ra hết tấm lòng yêu thương bao la của thầy dành cho tôi. Nhưng sau này, trên đường hành quân vô Nam, trong những ngày tháng vô cùng cô đơn giữa rừng sâu núi thẳm, những giờ phút cực kỳ nguy hiểm khi bom rơi, pháo nổ; hay những ngày tháng được sống hạnh phúc ở Miền Nam tự do, tôi mới bồi hồi và xúc động nhớ lại từng miếng cơm độn, từng ngọn rau luộc, từng củ khoai hà, từng hạt đậu đen.... mà thầy tôi đã chắt chiu nhường nhịn cho tôi... Tôi nhớ cả ánh mắt hạnh phúc của thầy tôi mỗi khi nhìn tôi ăn uống một cái gì. Sau này, cùng với những đau thương, hạnh phúc trên đường đời, cùng với những nguy hiểm cận kề cái chết, tôi mới thấm thía nhận ra, sự khổ đau thiếu thốn bất hạnh và đầy nguy hiểm của cuộc đời tôi chính là cơ hội quý giá giúp cho tôi nhìn thấy những tấm lòng vàng, những cử chỉ nghĩa hiệp, những tấm lòng đôn hậu, mà trong đó, bao giờ hình ảnh của thầy tôi với chòm râu bạc như cước, dài chấm ngực, cũng hiện lên thật gần gũi và phúc hậu vô cùng. Cũng từ những nỗi niềm suy tư đầy thấm thía như vậy, tôi nghĩ nếu tôi sinh ra và lớn lên trong giàu có, thì làm sao tôi có thể hiểu được thầy tôi đã thương yêu tôi như thế nào? Và nếu cuộc đời tôi không trải qua những giờ phút thập tử nhất sinh, làm sao tôi có thể biết được, trên cuộc đời này, có những người sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình để cứu giúp một người không hề quen biết như tôi? Từ những hạnh phúc tuyệt vời được hưởng tình thương vô bờ bến của thầy tôi, cùng ơn cứu tử của những Trần, những Nguyễn, những Phạm,.... trên suốt những chặng đường vượt biên đầy sinh tử, trong tay tôi không có nổi một lượng vàng, một trăm đồng bạc,... tôi mới thấy lòng tôi thực sự trang trải với những đau buồn khổ lụy của tất cả mọi người...

Chiều hôm đó, trên căn gác ở phố Huế, lòng tôi tan nát tất cả khi nghe chị tôi báo tin "thầy mất rồi". Vậy là người thân thương nhất của tôi trên cõi đời đã không còn nữa. Cuộc sống của tôi lúc đó như vô nghĩa. Tất cả niềm ao ước cuối cùng của tôi đã không thành tựu...

Chị tôi bước lại, đưa cho tôi chiếc khăn mặt ướt. Chị tôi không nói gì, nhưng tôi biết, chị cũng đang khóc. Khóc âm thầm.... như hàng chục triệu người luôn luôn phải khóc âm thầm dưới hàng triệu mái nhà trong chế độ cộng sản Miền Bắc. Ôi, những giọt lệ chảy dài trong đêm đen, lúc bình minh, hay hoàng hôn, hay giữa ban ngày của không biết bao nhiêu người mẹ, người cha, của vô vàn con trai con gái... trên quê hương đau khổ ngút ngàn của tôi. Lớn lên từ trong những giòng nước mắt chảy dài suốt bao nhiêu năm tháng, nên có một nhà thơ nào đó ở Miền Bắc đã mô tả trái đất như một "giọt nước mắt khổng lồ" trong đêm đen...

Cầm chiếc khăn mặt, tôi ngược cặp mắt đẫm lệ, nhìn vô cặp mắt đẫm lệ của chị tôi... rồi cả hai chị em ôm nhau khóc... Trong tiếng khóc nức nở, chị tôi hỏi:

- Cậu... tính đi đâu bây giờ?

Miệng tôi khô quá. Tôi định trả lời, nhưng không cất thành tiếng. Mãi sau, tôi mới thều thào:

- Em tính.... về thăm mộ thầy!

Chị tôi giật mình, thẳng thốt:

- Lạy Chúa... Cậu về đó bây giờ là tội nó bắt cậu ngay!

Tôi chùi nước mắt:

- Em về đêm, làm sao chúng biết mà bắt!

Chị tôi lắc đầu nói giọng cương quyết:

- Cậu không được về. Cậu đại đột lắ. Cậu không được ở Miền Bắc này thêm giờ phút nào nữa. Đây toàn là rắn rít, hổ báo không cậu ơi. Cậu ở đây thêm giờ phút nào là nguy hiểm giờ phút đó.... Thầy chỉ có hai người con trai. Nghe tin cậu chiêu hồi, thầy mừng lắ. Thầy hy vọng, giòng giống cháu nội, cháu ngoại của thầy trong Nam không phải quàng khăn đỏ, không phải vô đoàn, vô đảng, để rồi nghe VC xúi bẩy mà chửi cha chửi mẹ, chửi ông bà... Cậu nghe chị, nếu cậu có thương thầy, thì cậu phải vô Nam ngay. Người ở trong đó, dù sao người ta cũng có tình.... không mất hết nhân tính như người ngoài này. Còn ở ngoài này là cậu chết. Cậu nghe lời chị, đi ngay đi. Chị sẽ thay mặt cậu, thắp nhang trên mộ thầy...

Tôi trả lời, ngắn gọn nhưng cương quyết:

- Em phải về thăm mộ thầy rồi đi đâu em mới đi.

Thấy tôi cương quyết như vậy, chị tôi vừa khóc vừa nói trong nước mắt:

- Cậu đi bao nhiêu năm rồi mà sao cậu vẫn ương bướng như vậy hử cậu?... Thôi thì cậu không nghe lời chị thì chị xin cậu hãy thương chị, thương anh, thương các cháu... Cậu về thăm mộ thầy lỡ bề gì, chúng nó bắt được là liên lụy đến tất cả mọi người. Đi tù hết thôi cậu Chí ơi!... Thầy ơi... Chúa ơi, sao con khổ thế này?...

Nghe chị nói vậy, tôi mới giật mình. Thì ra, từ khi bước vào căn nhà của chị, tôi chỉ nghĩ đến tôi, nghĩ đến lòng kính yêu của tôi dành cho thầy, mà không nghĩ đến sự an nguy của những người thân thương ruột thịt của mình. Tôi chỉ là một thằng con trai độc thân, đang sống bên bờ tuyệt vọng, khi nghe tin thầy tôi mất, tôi chẳng coi cái chết ra gì. Nhưng chị tôi, với cả một gánh nặng gia đình bốn, năm người con, nếu tôi bị cộng sản bắt giữ, làm sao anh chị và các cháu tránh khỏi bị liên lụy. Bao nhiêu năm sống trong chế độ cộng sản, tôi hiểu rõ bản chất thâm độc chúng, chuyên dùng tình yêu thương trong gia đình để ràng buộc, kiểm soát người dân. Chúng dùng sự đói khát để đẩy đọa con người. Chúng biết rõ, một khi con người đã bị đói khát đến cùng cực thì bản năng thấp kém của thú vật sẽ nổi lên. Và khi con người chỉ biết ứa nước miếng, thèm nhỏ rãi một miếng cơm cháy, một cục kẹo, một miếng xương,... thì khi đó, ngay trong thâm tâm, tư cách, lòng tự trọng, cùng nhân nghĩa lễ trí tín của con người sẽ bị chính sự thèm khát thấp kém và hèn hạ đó làm cho thui rột và biến mất. Cộng sản cũng hiểu rõ, những dục vọng thấp hèn một khi đã nổi lên, mà con người không thể chế ngự, thì sự phá huỷ sẽ diễn ra âm thầm và khốc liệt trong chính nội tâm. Càng những người có lòng tự trọng, có sự hiểu biết, được giáo dục đảng hoàng, thì sự phá huỷ càng khủng khiếp. Và một khi bị chìm ngập trong sự tự phá huỷ nội tâm, trong nỗi giày vò ân hận và nhục nhã, người đó nếu không biết khôn ngoan, tự tha thứ cho chính mình, để tồn tại, để vươn lên, để làm lại cuộc đời,... thì một sợi dây thòng lọng, một bến sông, một liều thuốc chuột,... dễ dàng là sự chọn lựa cuối cùng, để vĩnh viễn trốn thoát khỏi mọi nhục nhã, đau khổ...

Tôi đứng dậy, đặt tay lên đôi vai gầy còm vẫn còn đang run rẩy trong tiếng nấc của chị tôi:

- Chị.... Em... xin lỗi chị!...

Chị tôi càng xúc động hơn, tiếng khóc cố nén vì không muốn người dưới nhà nghe thấy, làm tôi càng thêm khổ tâm, xót xa. Ôi, muôn vàn nỗi đau khổ trên trần gian mà mỗi người phải gánh chịu, có nỗi đau khổ nào giống nỗi đau khổ nào...

- Chị cho em gửi lời chào anh... và các cháu.... Bây giờ em đi...

Chị tôi giặt mình, ngược cặp mắt đầm đìa nước mắt, tóc rối bù, bao phủ những đường nét méo mó, đau khổ trên gương mặt:

- Lạy Chúa, cậu đi đâu?

- Em đi... để khỏi liên lụy đến anh, chị và các cháu...

Vừa nói xong, tôi biết ngay tôi đã lỡ lời. Chị tôi nắc lên, nghẹn ngào, úp mặt vào hai bàn tay của tôi:

- Cậu tha lỗi cho chị....

Tôi thấy những giọt nước mắt nóng hổi của chị thấm xuống bàn tay của tôi.... Tôi nói, giọng đầy ăn năn, hối hận:

- Chị ơi... chị tha lỗi cho em...

Chị tôi vẫn úp mặt trong lòng bàn tay của tôi, giọng thì thầm, nhưng tôi nghe rất rõ:

- Ở lại đây ăn với anh chị và các cháu một bữa cơm. Chị sẽ mua rau cần xào tỏi, mua cá rô chiên...

Tôi xúc động quá, nước mắt tôi lại ứa ra dàn dụa... Tôi hít một hơi dài, giữ cho lòng thật bình tĩnh. Tôi hiểu, trong hoàn cảnh thương tâm, đầy xúc động này, nếu tôi chiều theo lòng mình, tôi sẽ ở lại, để được hưởng những giây phút đầm ấm của gia đình xum họp... Nhưng rồi chuyện gì sẽ xảy ra, cho tôi, cho anh chị và các cháu? Tôi không thể biết, nhưng không, tôi không thể ở lại... Tôi phải ra đi! Nhưng nhìn gương mặt đăm lẹ trong đau khổ của chị, nhìn hai bàn tay níu kéo của chị, tôi hiểu, tôi chỉ có thể rời khỏi đây trong âm thầm, không nên cho chị tôi biết. Nghĩ vậy, tôi lặng lẽ ngồi xuống giường, hai bàn tay của tôi vẫn áp ủ trong hai bàn tay của chị. Tôi nhẹ nhàng nói:

- Em cảm ơn chị. Vâng, bây giờ chị đi chợ. Em nghe lời chị, em sẽ ở lại trong căn phòng này chờ chị đi chợ về làm cơm. Tối nay em sẽ ăn cơm với anh chị và các cháu một bữa cơm xum họp... Rồi đến khuya em sẽ đi về nhà mẹ thăm mẹ...

Chị tôi nở nụ cười méo mó. Những giọt nước mắt vẫn giàn giụa trong cặp mắt của chị. Nhưng tôi cảm thấy trong cặp mắt đăm lẹ của chị một thoáng hạnh phúc, một thoáng lo âu, nhưng nhiều hơn cả vẫn là sự đau khổ, xót xa vô bờ bến của một người chị dành cho một người em, khi giông tố đang cuộn cuộn đổ về với muôn ngàn nguy hiểm bủa vây...

## KỶ 35

Nụ cười méo mó và ánh mắt sợ hãi trên gương mặt giàn giụa nước mắt của chị tôi vào buổi chiều tháng 5 năm 1975 là hình ảnh vĩnh viễn không phai mờ trong tâm trí của tôi suốt thời gian hơn 31 năm qua. Tôi cũng biết, nụ cười méo mó cùng ánh mắt sợ hãi đó đã thường xuyên đến với cuộc đời của chị, của anh, của các cháu, và của hàng chục triệu người Việt lương thiện sống trong sự kìm kẹp của cộng sản trên đất Bắc...

Hai mươi năm sống trên đất Bắc, tôi hiểu, trong suốt những tháng năm dài bị cộng sản cai trị, vẫn có nhiều người Việt can đảm dám công khai đứng lên chống lại chế độ cộng sản. Nhưng vì hệ thống cai trị của cộng sản quá nghiêm ngặt, toàn bộ mạng lưới thông tin đều do đảng cộng sản điều hành, nên những tấm gương anh hùng chống đối cộng sản chỉ được loan truyền bí mật tại mỗi địa phương. Chỉ riêng ở quê tôi, mỗi xóm, mỗi làng cũng có bốn, năm người bị cộng sản bắt đi tù cải tạo vì những lý do bề ngoài khác nhau nhưng nguyên nhân duy nhất, họ là những người chống đối chế độ cộng sản. Bị cộng sản bắt, họ là những người bị tù nhưng không hề có án nên không biết bao giờ được tự do. Đôi khi có người được thả về, nhưng khi tình hình xã hội biến động không thuận lợi, cộng sản lại bắt họ bỏ tù tiếp. Cũng có người được về với gia đình một vài tháng rồi bị bạo bệnh, qua đời. Họ là những tấm gương dũng cảm, nhưng chúng tôi, một số rất ít người, chỉ dám bàn tán về họ một cách lén lút. Vì bàn tán lén lút như vậy nên những tin tức về họ lúc nào cũng hư hư thực thực, không biết đâu là thật, đâu là huyền thoại được thêm thắt, thêm dệt.

Trong số hàng loạt biện pháp kiểm soát, kiểm chế người dân, được cộng sản Việt Nam thực hiện, có hai biện pháp rất bá đạo là lấy tương lai chế ngự hiện tại; và dùng sợi dây liên hệ tình cảm gia đình, họ hàng... để trói buộc người dân. Sống trong một xã hội, hiện tại luôn luôn mù mịt, thiếu thốn, con người bắt buộc phải bầu vịu vào tương lai để sống. Mà sống trong chế độ cộng sản, một người đã bầu vịu vào tương lai, theo đuổi nhu cầu hạnh phúc cho mình, cho gia đình mình, điều đó dễ đồng nghĩa với những thỏa hiệp về lương tâm, về lý tưởng, khiến mình dễ đầu hàng cộng sản, tự biến mình trở thành công cụ của chế độ. Còn những ai biết quên đi tương lai, hạnh phúc của chính cá nhân mình, để có đủ can đảm đối đầu với cộng sản, thì họ phải đối diện với một cửa ải thứ hai, khó khăn gấp bội, là hạnh phúc của gia đình, của họ hàng ruột thịt. Một người khi theo đuổi lý tưởng cao cả là chống cộng sản, họ có thể có đủ can đảm để hy sinh hạnh phúc của bản thân, thậm chí cả mạng sống của chính họ. Nhưng đòi hỏi phải hy sinh hạnh phúc và tính mạng của những người thân trong đó có vợ con, thì quả là điều không dễ dàng.

Chính vì lo sợ về những thiệt thòi, nguy hiểm liên hệ tới người thân, đã khiến nhiều người Việt ở Miền Bắc phải cắn răng chịu nhục, chấp nhận làm tôi tớ cho cộng sản. Một người bị ghép vào tội phản động, chống



lại "đảng và nhà nước", không những người đó bị tù tội hay bị tử hình, mà ngay cả những người thân trong gia đình như cha mẹ, vợ, con, anh chị em... của người đó cũng đều bị liên hệ, phải chịu đựng những thiệt thòi về kinh tế, văn hóa, xã hội... qua nhiều hình thức khác nhau. Và dĩ nhiên, trong cuộc sống đời khổ cùng cực ở Miền Bắc, ngay cả những nhà thơ, nhà văn, nhà báo tên tuổi, còn sẵn sàng bán mình cho chế độ để đánh đổi lấy những hạnh phúc mỏng manh qua tem phiếu, những ân huệ hời hợt, bạc nhạ của chế độ, thì thử hỏi những người Việt bình thường, trong đó có những người mẹ, người vợ, những trẻ em ngây thơ, làm sao có đủ hiểu biết và can đảm, chấp nhận hy sinh tương lai, hạnh phúc của mình để có được niềm tự hào khi có con, có chồng, có cha dám can đảm chống lại chế độ cộng sản?

Không những thế, trong xã hội cộng sản ở Miền Bắc, cả một guồng máy tuyên truyền, bao gồm sách vở, thơ văn, phim ảnh, kịch nghệ, truyện dài, truyện ngắn,... đều nhan nhản những câu chuyện được ngụy tạo nhằm ca ngợi những người vợ dám tố chồng, những người mẹ dám tố con, những người con dám tố cha mẹ,... chỉ vì họ biết chạy theo ảo tưởng "yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với tổ quốc là trung thành với đảng bác". Sống trong xã hội cộng sản, mọi người đều thấy lý trí, tình cảm, tâm linh của mình quần quai giữa hàng loạt những mâu thuẫn, trái khoáy. Những người lớn, từng trải, có hiểu biết, tuy yêu thương nhau tha thiết, nhưng vẫn phải dè chừng nhau, nghi ngờ nhau và giả dối với nhau, để tồn tại.

Những người trẻ tuổi, ít từng trải, thiếu hiểu biết, tuy kính yêu ông bà, cha mẹ, anh em, nhưng sẵn sàng tố cáo, bán đứng người thân vì họ đã được đảng cộng sản nhồi nhét tuyên truyền: "Làm người yêu nước phải biết vì đại nghĩa, vì quyền lợi của đảng, của tổ quốc, sẵn sàng hy sinh những người thân yêu khi người thân yêu chống lại đảng!" Một người vợ dù có yêu chồng tha thiết, nhưng một khi biết chồng có âm mưu chống lại đảng và nhà nước, người vợ không thể nào chấp nhận hy sinh tương lai của gia đình, trong đó có con cái, để bao che cho chồng. Một người chồng thương yêu vợ con, sẽ không thể nào chịu đựng nổi những khổ đau đầy đọa mà vì họ, vợ con họ phải gánh chịu. Hiểu được nỗi cay đắng đoạn trường này, nhiều người vì không muốn để vợ con liên lụy, đã gạt lệ, ly dị vợ, từ bỏ con cái để theo đuổi lý tưởng... hoặc vì hạnh phúc của vợ con, đành từ bỏ lý tưởng để chịu nhục làm nô lệ cho cộng sản.

Sống trong chế độ cộng sản, tôi hiểu rất rõ những nguy hiểm liên đới sẽ đến với anh chị và các cháu của tôi, nếu chẳng may tôi bị bắt ngay tại nhà của chị tôi. Tôi hiểu tấm lòng yêu thương của chị dành cho tôi dù có lớn lao đến thế nào thì cũng không thể át được nỗi lo ngại, phập phồng đầy sợ hãi của chị khi hạnh phúc của chồng con bị đe dọa. Vì vậy, ngay sau khi chị đi chợ mua đồ ăn, không một lời từ giã, không một dòng chữ ly biệt, tôi cũng âm thầm chùi nước mắt, lặng lẽ lủi thủi rời khỏi nhà chị, nhảy lên xe điện về Bờ Hồ, rồi từ Bờ Hồ tôi đáp xe điện hướng về Ô Chợ Dừa, để ghé nhà của Mẹ...

Nhà của Mẹ tôi ở trong một ngõ hẻm, chật hẹp và tối tăm. Tuy đó là căn nhà biệt lập, nhưng tiêu điều giống như một túp lều hơn là một căn nhà. Từ đường xe điện vô đến nhà không đầy 200 thước. Xuống xe điện, thấy trời còn sáng, tôi không dám về nhà Mẹ ngay, đành lang thang trên những khu phố để giết thì giờ, chờ bóng tối buông phủ....

Đường phố Hà Nội vẫn ngỡ ngác, phờ phạc như năm năm trước khi tôi lên đường vô Nam. Người Hà Nội vẫn vất vả ngược xuôi, trên khuôn mặt ai ai cũng hằn lên dấu vết nhọc nhằn, bương chải, lo âu, khắc khoải. Ngay cả trên những gương mặt thơ ngây của trẻ em, của tuổi học trò, tôi vẫn thấy ngưng đọng những buồn phiền, thiếu thốn, đói khát... Thủ đô Hà Nội, nơi nổi tiếng ngàn năm văn vật, từng xuất hiện lung linh như trái cấm ngoài tầm tay với trong những tác phẩm của Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Vũ Bằng; từng được thi sĩ Quang Dũng chấm phá một cách kiêu sa tuyệt vời qua câu thơ "Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm"; dưới sự cưỡng hiếp và bức tử của những người cộng sản, đã trở thành tụ điểm của tội phạm, lừa đảo, xảo trá, mất hết tình người. Hà Nội thuở nào được nhạc sĩ Anh Bằng trao gửi qua những câu hát mãi mãi thao thức lòng người, "Tôi xa Hà Nội năm em mười sáu xuân tròn đắm say. Đôi tay ngọc ngà dương gian, tình ái em đong thật đầy..."; nơi vĩnh viễn được người Bắc di cư áp ủ trong niềm tự hào qua câu ca dao "Chẳng thơm cũng thể hoa nhài, dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An",... vậy mà dưới sự kìm kẹp của chế độ cộng sản sau mấy chục năm, đã trở thành một thành phố bị cộng sản "Đem bực công an đặt giữa tim người. Bất tình cảm xuôi ngược theo luật đi đường nhà nước"...

Khi trời chạng vạng tối, phố bắt đầu lên đèn, tôi mới đi trở lại đường xưa, rẽ vô căn hẻm cũ... với tất cả sự phập phồng lo sợ xen lẫn nỗi nhớ nhung, xót xa. Tôi biết, trong những ngày tháng sắp tới, tôi sẽ luôn luôn sống trong tâm trạng của một con thú bị săn đuổi, của một người sống ngoài vòng pháp luật. Bằng mọi cách, tôi phải né tránh tất cả các trạm cảnh sát, các đồn công an, và cả những người quen biết. Tôi quyết định sẽ ở lại Hà Nội với Mẹ một hai ngày, rồi tùy tình hình, tôi sẽ về quê thăm mộ Thầy, rồi sau đó, tôi phải vô Nam, tìm đường vượt biên. Tôi biết, trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, chỉ có ở Miền Nam, tôi mới có thể được người dân giúp đỡ, đùm bọc, để có thể vượt biên thành công. Còn ở Miền Bắc, ngoài một số người thân và bạn bè cật ruột ra, tôi hoàn toàn cô đơn. Thậm chí, ngay cả những người thân và bạn bè cật ruột

của tôi, họ cũng hoàn toàn bất lực, không thể và không đủ can đảm giúp đỡ tôi làm những chuyện động trời là vượt biên, trốn ra nước ngoài.

Vì biết chắc, tôi có thể bị công an, bộ đội bắt bất cứ lúc nào, và điều này chắc chắn sẽ xảy ra, nên tôi đã chuẩn bị tất cả những gì có thể làm để bằng mọi giá, tôi có thể trốn chạy ngay sau khi bị bắt. Trong hoàn cảnh của tôi, một tên "hồi chánh" "phản bội tổ quốc", tôi hiểu, nếu tôi bị cộng sản bắt, không sớm thì muộn, chúng cũng phăng ra lý lịch của tôi. Khi đó, cộng sản sẽ tử hình tôi, hoặc tống tôi vô nhà tù kiên cố nhất với án tù chung thân. Lúc đó, tôi sẽ vô phương trốn chạy. Vì vậy, một khi bị bắt, trong thời gian từ 24 đến 48 tiếng đồng hồ đầu tiên, tôi tin tưởng tôi sẽ qua mặt công an bộ đội cộng sản. Trong thời gian đó, với những loại giấy tờ giả khác nhau, tôi sẽ dễ dàng đóng vai một người bộ đội đảo ngũ biết ăn năn, một anh thanh niên xung phong trốn đơn vị đang hỏi cải tìm đường trở lại đơn vị, hay một người cán bộ đi buôn lậu biết nhận lỗi... Trong vai trò của một người mang tội hình sự đó, chắc chắn những người công an, bộ đội bắt giữ và canh gác tôi sẽ lơ là cảnh giác, tạo điều kiện cho tôi tẩu thoát dễ dàng. Điều quan trọng sinh tử nhất cho tôi lúc đó là tôi phải tẩu thoát bằng mọi giá trong vòng 24 tiếng đồng hồ đầu tiên, trước khi công an, bộ đội cộng sản biết rõ tôi là ai.

Để có thể qua mặt được người CS dễ dàng sau khi bị họ bắt, tôi bỏ vô trong bóp một vài tấm hình cắt từ trong báo và tạp chí; khoảng 5, 10 đồng bạc lẻ; một ít thư từ nhật được từ những đồng rác cạnh bưu điện; và ít giấy tờ tùy thân giả mạo với tên giả, địa chỉ giả. Tất cả chỉ cốt làm sao đánh lừa người cộng sản, khi họ cầm chiếc bóp của tôi họ sẽ đinh ninh nó có chứa những "kỳ vật vô giá" đối với tôi. Đinh ninh như vậy, người CS sẽ chủ quan cho rằng tôi sẽ không dám bỏ chiếc bóp vô giá để trốn chạy. Còn lại, tất cả những giấy tờ lưu không, tức là những giấy tờ giả nhưng chưa ghi tên, địa chỉ, cùng tất cả tiền bạc tôi có, tôi đều giấu kỹ hai, ba chỗ trong người và dưới hai chiếc vớ. Tôi biết, thông thường, tại mỗi trạm gác ở bến xe, bến tàu, bến phà, hay khi xét nhà... nếu thấy ai khả nghi, công an, bộ đội CS chỉ giữ giấy tờ và bóp của người đó, và rất ít khi họ khám xét cơ thể ngay lúc đó. Người cộng sản hiểu rõ, với người dân, giấy tờ tùy thân vô cùng quan trọng. Vì vậy, khi công an, bộ đội đã giữ giấy tờ tùy thân của ai, họ chắc chắn người đó không bao giờ dám trốn chạy. Và chính thái độ đinh ninh chắc chắn này của công an, bộ đội, sẽ khiến họ chủ quan, lơ là cảnh giác, tạo điều kiện cho tôi trốn chạy dễ dàng. Thực tế, trong suốt thời gian sống ngoài vòng pháp luật của cộng sản tại Miền Bắc, cũng như Miền Nam, tôi đã nhiều lần bị cộng sản bắt, rồi trốn thoát trong vòng có mấy tiếng đồng hồ sau đó, chỉ nhờ ở sự chủ quan khinh địch của công an, bộ đội cộng sản khi họ "cầm chắc" chiếc bóp "vô giá" của tôi...

KỶ 36

Ngay khi bước vào căn hẻm cũ, dưới ánh đèn vàng vọt từ ngoài đường hắt vô và từ những nhà chung quanh chiếu xuống, tôi đã nhận ra căn nhà quen thuộc của Mẹ. Khi đến gần, tôi vẫn thấy chiếc cửa gỗ cũ kỹ bên bức tường loang lổ. Cổng khóa, nhưng tôi không bấm chuông, vì không muốn Mẹ bước ra ngoài, bật đèn sáng, gây kinh động gia đình người công an ở cạnh nhà. Nhìn quanh, không thấy ai, tôi vội với tay vào cái hốc nhỏ, kín đáo nằm ngay dưới chân cổng... Trong một khoảnh khắc phập phồng lo ngại, tôi bỗng vui mừng khi sờ thấy chiếc chìa khóa nằm gọn trong hốc... Tôi xúc động nhớ tới lời Mẹ dặn trong những năm tháng xa xưa, "Mẹ già lắm rồi... chẳng biết sống chết thế nào. Con đi đâu thì đi, nhưng nhớ về với Mẹ. Khi về, thò tay vào cái hốc ở cửa, thấy chiếc chìa khóa Mẹ giấu ở đó là Mẹ vẫn còn sống, vẫn còn ở cái nhà này...".

Tay tôi run run mở khoá, rồi cố gắng đẩy chiếc cổng gỗ thật nhẹ nhàng để Mẹ không hay biết. Sau khi khép cổng, tôi đi qua chiếc cửa sổ có che rèm. Trong nhà đèn sáng, nghe có tiếng động lịch kịch, tôi cố nhìn vô trong nhưng không thấy gì. Bước thêm mấy bước, quẹo về bên phải là chiếc cửa duy nhất để vô nhà. Tôi đứng đó, hít một hơi thở thật sâu, cố gắng chế ngự nỗi niềm xúc động của mình, rồi gõ cửa... Không nghe thấy tiếng Mẹ trả lời, chỉ nghe tiếng lịch kịch trong phòng, nên tôi đoán, có lẽ vì tôi quá xúc động nên gõ cửa quá nhẹ. Tôi gõ lần hai, mạnh hơn. Vẫn không thấy tiếng Mẹ trả lời, nhưng những tiếng lịch kịch cũng không còn. Im lặng năm, mười giây đồng hồ... Tôi đang định gõ cửa lần nữa, thì nghe Mẹ hỏi, giọng run run:

- Ai đó... Có phải Chí không con?

Tôi ngạc nhiên không hiểu sao Mẹ lại gọi trùng tên tôi. Tôi xúc động, nước mắt tự nhiên trào ra:

- Dạ, con đây... Mẹ!

Trả lời chưa dứt, tôi nghe có vật gì rơi xuống sàn nhà, tiếng chân của Mẹ đi vội vã, tiếng then cửa lạch cạch, rồi cánh cửa mở rộng... Dưới ánh đèn, Mẹ của tôi đứng đó, run rẩy ở tuổi 65, với mái tóc bạc, chiếc lưng còng và cặp mắt đăm lẹ... Lúc ấy, tất cả đều nhòa đi trước mắt tôi, nhưng tôi thấy rõ cặp mắt của Mẹ đang đăm lẹ. Trong suốt bao năm dài sau này, mỗi khi nhớ về Mẹ, giữa không biết bao nhiêu những kỷ niệm thương đau, xót xa và ân hận, không hiểu sao tôi vẫn thấy trong tâm trí tôi lung linh hình ảnh cặp mắt

đầm đìa nước mắt của Mẹ vào buổi tối hôm đó... Sau này, ngay khi được đọc lần đầu tiên mấy câu thơ trong bài thơ Ta Về của Tô Thủy Yên:

Ta gọi thời gian sau cánh cửa

Nổi mừng giàn giụa mắt ai sâu

Ta nghe như máu ân tình chảy

Tự kiếp xưa nào tưởng lạc nhau...

chẳng hiểu sao tôi xúc động liên tưởng ngay đến cặp mắt đẫm lệ của Mẹ. Và chẳng phải chỉ lần đầu tiên, mà mãi mãi về sau, mỗi khi đọc đoạn thơ trên của Tô Thủy Yên, tôi đều nhớ đến "nổi mừng giàn giụa mắt ai sâu" của Mẹ vào tối hôm đó... Chính vì giá trị gợi cảm, tạo nên những liên tưởng tuyệt vời, mang đến trong lòng tôi nỗi niềm xúc động sâu xa và miên viễn như vậy, nên kể từ khi được đọc bài thơ Ta Về, nhà thơ Tô Thủy Yên đã ngự trị một vị trí vô cùng trang trọng trong tâm hồn của tôi. Ngay cả sau này, khi qua một số thân hữu ở Mỹ, nghe được những tin tức hư, thực về ông, lòng yêu quý của tôi dành cho ông vẫn không hề thay đổi. Không thay đổi, không phải vì tôi ngoan cố, mù quáng bảo vệ một thần tượng, mà vì tôi nghĩ rằng, một nghệ sĩ với tài năng đặc biệt, trong những hoàn cảnh đặc biệt xuất thần, họ có thể để lại cho đời một kiệt tác bất hủ. Tôi trân trọng kiệt tác bất hủ đó, tôi biết ơn nghệ sĩ đó...

Dù Mẹ bước vào trong nhà, nhìn cảnh tượng trước mắt, lòng tôi trùng xuống trong nỗi xót xa, thương cảm. Ngay góc nhà là chiếc nồi nấu "cơm" bị đổ ụp. Chung quanh là một phần gạo, ba phần khoai khô đổ tung tóe...

Níu tôi ngồi xuống giường, Mẹ kéo vạt áo lau nước mắt, rồi xụi xịt:

- Mẹ đang lấy "gạo" thổi "cơm" thì nghe gõ cửa. Mới đầu Mẹ giật mình vì cổng thì khóa, ai vô được trong này mà gõ cửa. Rồi thần hồn mách thần tính, Mẹ nghĩ ngay đến con, vì chỉ có con mới biết chỗ Mẹ giấu chìa khóa, mà mở cổng, vô gõ cửa... Nghĩ vậy là Mẹ rụng rời chân tay, đánh đổ cả nồi, cả "gạo"...

Nhìn chỗ khoai độn gạo tung tóe dưới đất, tôi thở dài:

- Ở nhà, Mẹ vẫn phải ăn độn hờ Mẹ?

Mẹ tôi chép miệng:

- Mấy chục năm nay, cả nước ai mà chẳng ăn độn, hờ con? Còn có độn mà ăn là may mắn lắm. Ở Đọi, Đệp [quê ngoại của tôi], Mẹ thấy người ta còn phải đào cả củ chuối lên mà ăn nữa đó.

Tôi cúi xuống hốt chỗ gạo và khoai độn bỏ vào nồi, mà ứa nước mắt. Cuộc đời của tôi trong những năm tháng dài sống trên đất Bắc, cũng thường xuyên phải ăn độn khoai, độn sắn, độn bột mì. Và Mẹ tôi đã nói đúng, mấy chục năm trời, ở Miền Bắc, hầu hết mọi người dân đều phải ăn độn quanh năm. Một năm, họa may chỉ có một, hai ngày Tết, người dân Miền Bắc mới may mắn được ăn cơm không độn.

Tối hôm đó, tôi kể cho Mẹ nghe tất cả sự thật về cuộc đời của tôi, kể từ khi tôi rời động Ông Đò đi tìm tự do cho đến khi tôi trở lại Miền Bắc. Nghe chuyện, Mẹ tôi khóc ròng, trong khi hai bàn tay của Mẹ cứ nắm chặt lấy tay tôi. Mẹ cũng kể cho tôi nghe những chuyện liên quan đến tôi. Vì tôi xa cách Mẹ từ khi còn nhỏ, nên tôi không có "hộ khẩu" ở Hà Nội. Sau này, tuy tìm thấy Mẹ, nhưng tôi chưa kịp chuyện "hộ khẩu" về Hà Nội, thì đã bị gọi đi "bộ đội". Trong suốt thời gian hơn một năm trời sống trong hàng ngũ "bộ đội", tôi vẫn không hề khai địa chỉ của Mẹ ở Hà Nội. Vì vậy, khi tôi hồi chánh, vô Nam tìm tự do, rồi viết bài tố cáo cộng sản và lên đài VOA đọc những bài viết đó, chỉ những người cộng sản ở quê biết. Còn ở Hà Nội, cộng sản vẫn không hề biết, Mẹ của tôi có một người con "phản bội đảng bác, chạy theo đế quốc". Anh, chị và một số bạn bè thân thiết của tôi, có ghé thăm Mẹ, cho biết những tin tức về tôi, nhưng không một ai khai báo cho cộng sản hay biết. Nhờ vậy, Mẹ của tôi vẫn sống bình an trong suốt những năm dài khi tôi ở Miền Nam. Bây giờ, thấy tôi đột ngột trở về, Mẹ muốn tôi ở lại Hà Nội sống với Mẹ.

Mẹ bảo tôi: Con đã về đây thì ở đây với Mẹ. Mẹ sẽ xoay sở mua cho con cái "hộ khẩu". Chuyện đó chẳng khó đâu con. Thời này chỉ có tiền là xong hết.

Trong thâm tâm, tôi đã quyết tâm về thăm Thầy Mẹ và một số người bạn thân cùng chí hướng, rồi tôi sẽ tìm đường vượt biên ra ngoại quốc. Đã được sống ở Miền Nam tự do, tôi không thể nào chấp nhận cả cuộc đời của mình sẽ mục ruỗng trong chế độ cộng sản. Đó là chưa kể đến việc, không sớm thì muộn, cộng sản sẽ phát hiện ra tôi, sẽ tống tôi vô tù chung thân, thậm chí có thể choàng vào cổ tôi cái án tử hình. Bên cạnh tương lai u ám và sự hiểm nguy cho bản thân, tôi còn lo sợ đến sự an toàn của Mẹ, anh chị, các cháu và bạn bè của tôi, nếu chẳng may tôi bị bắt ở nhà của Mẹ. Với những giấy tờ giả, tôi có thể đi lại ở Miền Bắc, Miền Nam, tôi có thể bị cộng sản bắt, nhưng chúng không thể nào phăng ra được lý lịch của tôi, nếu tôi bị bắt ở một nơi xa lạ.

Nghĩ vậy, tôi nói:

- Con ở lại đây ngày nào là nguy hiểm cho Mẹ ngày ấy. Con phải đi...

Mẹ tôi khóc:

- Nguy hiểm thế nào đi nữa Mẹ cũng chịu. Mẹ già rồi, sống được ngày nào với con là Mẹ hạnh phúc ngày ấy...

Nghe Mẹ nói, tôi xúc động nhận ra, chỉ có tình Mẫu Tử thiêng liêng, lòng yêu con vô bờ bến, người Mẹ mới có thể sẵn sàng chấp nhận mọi sự hiểm nguy, để hy sinh tất cả cho con. Sống trong chế độ cộng sản, Mẹ tôi biết rõ những hình phạt tàn nhẫn của cộng sản, nếu chúng bắt được Mẹ chữa chấp tôi. Nhưng Mẹ sẵn sàng chấp nhận tất cả những hình phạt tàn nhẫn đó để đánh đổi lấy hạnh phúc mong manh được sống chung với người con của Mẹ trong vài tháng, vài năm... Tôi biết, trong hoàn cảnh lúc đó, tôi chỉ có thể dùng sự an nguy của chính tôi để thuyết phục Mẹ chấp thuận cho tôi một lần nữa phải chia tay Mẹ, ra đi...

Tôi khuyên Mẹ:

- Thưa Mẹ, nếu con ở lại, sớm muộn gì con cũng bị bắt. Khi đó, không những Mẹ khổ, mà con cũng khổ. "Tội" của con thế nào cũng bị họ xử bắn, hoặc bỏ tù chung thân mà Mẹ...

Mẹ tôi nức nở:

- Khổ quá, con ơi, con đừng nói nữa.... Thôi thì con đi đi... Ở lại với Mẹ vài tháng cho Mẹ đỡ nhớ, rồi con đi... Mẹ đã chả có công nuôi con thì Mẹ cũng chả dám ngăn cản con nữa...

Nghe Mẹ nói, tôi thấy thương Mẹ vô cùng. Tôi biết, Mẹ tôi lúc nào cũng mang mặc cảm đã không nuôi tôi, nên thường dễ dàng chiều ý tôi, không muốn làm tôi phật ý. Ngay lúc đó, tôi biết, tôi chỉ có thể ở lại với Mẹ một vài ngày, chứ không thể nào ở lại tới vài tháng. Tôi hiểu, trong hoàn cảnh của tôi, tôi ở thêm ngày nào ở Hà Nội, tôi sẽ gặp nguy hiểm ngày đó. Nhưng lúc ấy, tôi không thể nói rõ cho Mẹ biết ý định của tôi. Nói ra lúc đó, tôi chỉ làm cho Mẹ tôi thêm đau đớn, ảnh hưởng đến sức khỏe của Mẹ. Tôi sẽ nói với Mẹ khi nào gặp dịp thuận lợi.

Cả ngày hôm sau, tôi được hưởng hạnh phúc ở trong nhà của Mẹ, được Mẹ chăm sóc từ miếng ăn, thức uống, đến giấc ngủ, được thấy bóng dáng hiện thực của Mẹ thấp thoáng đi lại trong phòng. Được sống hạnh phúc như vậy, tôi thấy mềm lòng, ý chí, nghị lực của tôi tiêu tan.... Tôi chỉ muốn được mãi mãi được sống bên cạnh Mẹ, và thấy sợ hãi khi phải bước vào đời, vì không biết bao nhiêu nguy hiểm đang chờ đợi. Muốn vậy, nhưng tôi biết tôi phải ra đi càng sớm càng tốt.... Và khi bóng tối bắt đầu buông phủ, tôi chào Mẹ, rồi đi bộ theo đường tắt ra ga Hàng Cỏ, đáp tàu về Phủ Lý, để bắt đầu chuyến đi nguy hiểm: Về quê viếng thăm mộ của Thầy tôi!

## KỶ 37

Từ nhà Mẹ đi ra Ga Hàng Cỏ, có hai lối. Một lối từ nhà ra tới Ô Chợ Dừa rẽ trái vô phố Khâm Thiên, đến cuối đường, rẽ trái khoảng cây số là tới Ga. Lối thứ hai gần hơn, đi tắt theo Ngõ Văn Chương thẳng ra phố Khâm Thiên rồi tới Ga. Cả hai lối đi này đều đến mặt tiền của Ga Hàng Cỏ. Tại đây, tôi phải xuất trình giấy tờ và phải mua vé tàu. Đó là điều tôi không muốn vì hai lẽ. Lẽ thứ nhất, số tiền tôi mang theo từ Miền Nam rất ít ỏi, chỉ đủ dùng thật tận tiện cho ăn uống dọc đường. Tôi cũng không muốn nhận tiền của Mẹ vì Mẹ đã rất nghèo khổ. Vì vậy, tôi không thể dùng tiền để mua vé tàu, vé xe, trừ khi bắt buộc phải mua. Lẽ thứ hai, quan trọng hơn, vì giấy tờ tôi dùng toàn là thứ giả, nên tôi phải tránh tối đa mọi sự kiểm soát của các cơ quan công quyền cộng sản. Việc dùng giấy tờ giả để qua mặt công an, bộ đội cộng sản tại các nút chặn trên các tuyến đường, hay các trạm kiểm soát giao thông, hoặc trên các phương tiện chuyên chở công cộng là điều không có gì khó khăn. Tuy nhiên, tại các bến tàu xe quan trọng như Ga Hàng Cỏ, việc kiểm soát giấy tờ của công an, bộ đội cộng sản bao giờ cũng kỹ lưỡng hơn và có nhiều phương tiện, kỹ thuật để phát hiện giấy tờ thực giả dễ dàng hơn. Vì vậy, tôi đã chọn lối thứ ba để vô Ga Hàng Cỏ từ phía đường Trần Quý Cáp sau khi đi qua Ngõ Văn Chương, rồi rẽ trái dọc theo Hồ Văn Chương.

Trải qua bao nhiêu lần vượt thoát, sống bất hợp pháp trong chế độ cộng sản, đã giúp tôi có được những kinh nghiệm qua mặt công an cán bộ cộng sản một cách rất đơn giản. Kinh nghiệm thứ nhất, trên đường trốn chạy cộng sản, tôi luôn luôn cố gắng không mang bất cứ thứ hành lý nào trên người. Dĩ nhiên, một chiếc ba lô hay túi xách, với đầy đủ quần áo, mũm mề, lương thực, thuốc men,... bao giờ cũng rất cần thiết cho một người khi chạy trốn cộng sản. Nhưng nếu tôi mang những thứ đó, thì chính những thứ đó là bằng chứng tố giác tôi không phải người địa phương, mà là người từ xa đến, và còn có thể tiếp tục đi xa. Điều này sẽ khiến công an, cán bộ CS rất dễ chú ý nghi ngờ và thận trọng kiểm soát giấy tờ. Vì vậy, không mang thứ gì trên người là điều quan trọng đầu tiên để có thể đánh lạc hướng sự chú ý của cộng sản.

Kinh nghiệm thứ hai, tôi phải cố gắng am tường càng nhiều càng tốt nơi tôi đang có mặt và nơi tôi sắp đến. Để có thể có được những kiến thức cần thiết này, việc đầu tiên khi đặt chân đến bất cứ thành phố, thị trấn, thị xã hay làng xóm nào, tôi cũng đều hỏi thăm đường để đến bưu điện. Tại bưu điện, giả vờ trong vai người mua tem thư, tôi dễ dàng trông thấy những cán bộ, bộ đội hay công nhân viên,... gửi thư từ cho người thân. Chỉ cần kín đáo ngó thoáng qua những chiếc phong bì trong tay họ, tôi cũng đủ thấy họ tên của người gửi, đơn vị, địa chỉ làng xã, quận huyện nơi người đó đang ở. Nhiều khi may mắn, tôi còn nhặt được những chiếc phong bì, những lá thư... ở những đồng rác ngay cạnh bưu điện. Đọc những thứ này, tôi sẽ thu lượm và khai thác được nhiều kiến thức cần thiết. Dùng những kiến thức đã thu lượm được, tôi sẽ trò chuyện làm quen với những người đi đường để hỏi thăm tên họ của chủ tịch, bí thư đảng ủy xã...

của xã nơi tôi đang có mặt, và xã tôi đang sắp tới... Với kiến thức về địa phương mà tôi vừa thu lượm, với cách ăn mặc hòa đồng với địa phương, lại không mang hành lý đồ đạc gì trên người, tôi dễ dàng qua mặt công an, cán bộ cộng sản. Ngoài ra, có khi trên đường đi, tôi còn ghé tiệm sách, mua những cuốn "cộng sản đặc" như cuốn Ngục Trung Nhật Ký của Hồ Chí Minh, rồi giả vờ say sưa ngồi đọc trên xe, trên tàu; hay khi đi bộ thì cố ý cầm cho bìa cuốn sách quay ra ngoài... để công an, cán bộ cộng sản trông thấy khỏi nghi ngờ. Kinh nghiệm thứ ba, trong mọi hoàn cảnh, mọi lúc mọi nơi, tôi luôn luôn cố gắng làm quen với một người đồng hành để trò chuyện, vừa tìm hiểu thêm những điều cần biết, vừa tránh được sự chú ý từ những cặp mắt cú vọ của cán bộ công an cộng sản. Nhất là trên xe lửa, thường có những "toa nằm". Hành khách của những toa này đều là những cán bộ "trung cao" hoặc thân nhân của những cán bộ đó. Tìm cách làm quen, trò chuyện với những người đó là điều không khó. Và khi đã trò chuyện được với một người ở "toa nằm", thì nhân viên soát vé hầu như không bao giờ hỏi vé, vì họ định ninh mình cũng là người của "toa nằm".

Kinh nghiệm thứ tư, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, gặp bất cứ đối tượng CS nào, tôi cũng phải cố gắng ứng xử một cách bình tĩnh để tạo cho mình vẻ ngây thơ, ngờ nghệch. Điều này sẽ khiến công an, cán bộ cộng sản có thái độ coi thường, chủ quan, khinh địch. Một khi họ đã có thái độ đó, tôi sẽ có cơ hội qua mặt họ dễ dàng, hoặc trốn thoát cho dù tôi có bị bắt.

Để có thể né tránh được sự kiểm soát giấy tờ của công an cộng sản tại Ga Hàng Cỏ, tôi thấy chỉ có cách trèo tường, nhảy vô sân ga, chứ không thể nào đường hoàng trình giấy tờ để mua vé ở ngay cổng nhà ga. Tôi tin tưởng, một khi đã chót lọt lên được xe lửa, tôi sẽ dễ dàng phát hiện ra nhân viên kiểm soát vé hay công an ngành đường sắt ngay từ xa. Và nhờ không mang theo trên người bất cứ hành lý gì, tôi sẽ kịp thời né tránh họ bằng cách lẩn trốn trong toilet, trèo lên nóc tàu, hay ẩn mình dưới các bậc lên xuống của các toa tàu. Trong trường hợp cực chẳng đã, nhân viên soát vé hay công an đường sắt phát hiện ra tôi trốn vé, thì với bộ mặt ngờ nghệch của tôi cộng với việc tôi chẳng có hành lý gì, nhân viên soát vé và công an đường sắt sẽ định ninh tôi chỉ là một thanh niên nghèo khổ, túng thiếu, đi xe lửa quít mà thôi. Vì vậy, giải pháp trừng phạt duy nhất đối với một người đi xe lửa quít là họ sẽ đuổi tôi xuống ngay khi tàu dừng lại ở một ga nào kế đó. Khi đó, tôi sẽ đóng vai một thanh niên đau khổ, nhưng sợ sệt và ngoan ngoãn vâng theo lời họ, đi ra khỏi nhà ga. Một khi khuất mình trong bóng tối, tôi sẽ chạy thực mạng dọc đường sắt, theo hướng tàu chạy một đoạn, rồi tìm cách chui qua hàng rào, vô gần đường sắt và tìm chỗ ẩn mình chờ đợi. Khoảng 5, 10 phút sau, tàu chuyển bánh, từ từ rời ga với tốc độ chậm, sẽ giúp tôi nhảy lên tàu trở lại một cách dễ dàng. Trong trường hợp lỡ chuyến tàu đó, tôi sẽ chờ để nhảy chuyển tàu khác sau đó. Một thân một mình, không thân nhân, không hành lý, đã giúp tôi tự tin, đi lại dễ dàng theo kiểu "sâu đò" trên khắp mọi nẻo đường của quê hương Việt Nam. Mãi sau này, khi tính chuyện vượt biên đường bộ từ Sài Gòn ra Đông Hà, Quảng Trị, rồi trực chỉ đến Savannakhet, Lào, cạnh sông Mê Kông, để sang bờ bên kia là Mukdahan của Thái, chỉ vì người chị một lòng một dạ tin vào số mệnh "luôn có quý nhân phù trợ" mà đã trải qua không biết bao nhiêu nguy hiểm của tôi nên hết sức năn nỉ, khiến tôi phá lệ "độc hành, không hành lý" chấp nhận để cho người cháu gái và một người bạn của nó đi cùng, mang theo đủ thứ hành lý công kênh kẻ cả mừng mèn, nên cả ba chúng tôi cùng bị công an biên phòng cộng sản bắt khi cách biên giới Lào Việt chỉ có 4 cây số... Đó là chuyện sau này tôi sẽ trở lại với nhiều tình tiết khổ đau, nguy hiểm, để rồi dẫn đến cuộc vượt thoát của tôi ngay trên đường phố Huế, cách lao Thừa Phủ không đầy mấy trăm mét, và ngay trước mặt hai tên công an áp tải tù.

Ga Hàng Cỏ, nhà ga lớn nhất Miền Bắc, là trung tâm điểm của 5 tuyến đường sắt đi 5 hướng như Lào Cai, Thái Nguyên, Hải Phòng, Lạng Sơn và vô hướng Nam qua ga Phủ Lý, Nam Định là hướng tôi phải đi. Vì 4 hướng kia đều đi về phía bắc và đông bắc, chỉ duy tuyến đường đi Phủ Lý là theo hướng nam, nên việc nhận diện đoàn tàu đi Phủ Lý không phải là điều khó.

Đặt chân tới Ga Hàng Cỏ, tôi lại nhớ ngày xưa, mỗi năm một lần, vào dịp tết nguyên đán, bao giờ Thầy tôi cũng dắt tôi đi lên Hà Nội chơi. Trong những lần đó, khi tuổi thơ trông thấy, nghe thấy không biết bao nhiêu điều lạ lùng ở phố phường Hà Nội, đã khiến tôi luôn miệng hỏi. Có một lần, tôi không nhớ rõ năm nào vì khi đó chắc tôi mới 10, 11 tuổi, tôi có hỏi Thầy tôi, Ga Hàng Cỏ có phải là nơi ngày xưa người ta bán cỏ cho trâu không? Thầy tôi bảo, đúng trước kia ở Ga Hàng Cỏ người ta bán cỏ, nhưng không phải cho trâu mà là cho ngựa. Rồi nhìn những đoàn tàu dài hàng chục toa chạy trên đường sắt, tôi tò mò hỏi Thầy tôi, làm sao những đoàn tàu hỏa đó có thể quay đầu khi nó đi đến tận cuối đường sắt...

Trong những ngày ở chơi Hà Nội, Thầy cũng thường dắt tôi đi xem các danh lam thắng cảnh, trong đó Gò Đống Đa là nơi hay viếng thăm nhất. Theo trí nhớ của tôi, Gò Đống Đa cao to, cây cối mọc um tùm, phải leo tới mấy chục bậc mới tới cổng, rồi qua cổng, lại phải leo thêm mấy chục bậc nữa mới tới đình. Sau này, tôi nghe nói, cộng sản Hà Nội sợ làm phiền lòng quan thầy Bắc Kinh nên đã bí mật tìm cách làm cho Gò Đống Đa càng ngày càng nhỏ lại. Còn Ga Hàng Cỏ thì đổi thành Ga Hà Nội.

Trong những lần trèo lên Gò Đống Đa, có lần tôi nhặt được một con ngựa bằng gỗ không biết của ai đánh rơi. Con ngựa được chạm trổ sơ sài, nhưng đen bóng. Tuổi thơ của tôi chẳng bao giờ có đồ chơi, nên tôi

quý con ngựa đốm lốm, suốt cả chục năm trời, lúc nào cũng giữ nó bên mình. Đến khi từ động Ông Đồ cắt đường, trực chỉ đi về thị xã Quảng Trị trong chuyến đi đầy định mệnh, tôi đã bỏ lại tất cả mọi thứ, kể cả hình ảnh của người thân, chỉ giữ lại duy nhất con ngựa gỗ. Vậy mà rồi khi an toàn tới được thị xã Quảng Trị, tôi mới đau xót nhận ra, không biết trên chặng đường hơn chục cây số bị té lên té xuống, tôi đã đánh rơi mất con ngựa gỗ ở đâu, vào lúc nào...

Bố tôi rất kính trọng các anh hùng dân tộc, và đặc biệt ngưỡng mộ Vua Quang Trung. Bố tôi kể trong số những anh hùng dân tộc Việt Nam, Vua Quang Trung là người khiến cho vua Tàu sợ hãi nhất. Bố tôi bảo, nếu Vua Quang Trung sống thọ thêm chục năm, thì Việt Nam sẽ khôi phục được bờ cõi Bách Việt, bao gồm cả vùng Lưỡng Quảng là Quảng Đông và Quảng Tây. Trong những ngày tháng thơ ngây đầu đời đó, Thầy tôi đã truyền cảm và thêu dệt vào tấm lòng trinh bạch của tôi lòng kính phục vô bờ bến dành cho Vua Quang Trung. Nhờ vậy, sau này khi sống ở Miền Nam tự do, khi đọc thấy trên báo Sóng Thần vào năm 1974, có trang quảng cáo về một cuộc thi hùng biện do một cơ quan của Phật Giáo (tôi không còn nhớ rõ tên) tổ chức, về đề tài "Ai là người anh hùng dân tộc, anh hay chị kính phục nhất?", tôi đã nhớ đến Gò Đống Đa, nhớ đến con ngựa gỗ, và nhớ đến Thầy tôi... nên ghi tên dự thi và chọn Vua Quang Trung là người anh hùng tôi kính phục nhất. Kết quả tôi may mắn được giải nhì. Ngay cuối buổi thi, ông Ngô Khắc Tinh, Tổng trưởng Giáo dục, đã đích thân trao giải nhất 100,000 đồng cho một sinh viên y khoa (tôi quên mất tên), và giải nhì, 50,000 đồng cho tôi. Khi nhận được giải thưởng, trước mặt mọi người, trong đó có anh chị và các cháu của tôi, tôi vừa bàng hoàng bất ngờ, vừa xúc động không cầm được nước mắt. Tôi khóc vì nhớ tới Thầy Mẹ, nhớ tới Gò Đống Đa, nhớ tới con ngựa bằng gỗ đen như mun bây giờ không biết thất lạc ở đâu hay đã trở về với cát bụi?!... Tôi cũng khóc vì những xúc động chân thành khi thấy mình tuy là một người hồi chánh, nhưng vẫn được ban giám khảo đối xử bình đẳng để có được cơ hội thăng tiến công bằng như tất cả những người khác của Miền Nam tự do...

## KỶ 38

Muốn về thăm mộ Thầy, tôi phải đi xe lửa từ Hà Nội về Phủ Lý. Đến Phủ Lý tôi sẽ đi bộ về quê. Tuy tôi có thể mượn xe đạp của một số bạn bè tâm đắc ở Hà Nội, Phủ Lý, Nam Định,... để đi lại cho dễ dàng, nhưng tôi không dám mượn. Lý do là trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, tôi rất dễ bị bắt và có thể bị bắt bất cứ lúc nào. Và nếu chẳng may bị bắt, chuyện trốn thoát đối với tôi tuy không khó, hễ liều là được, nhưng chắc chắn tôi chẳng thể nào trốn cùng với chiếc xe đạp. Mà đối với người dân Miền Bắc, như quý vị đã biết, chiếc xe đạp là cả một gia tài, nhiều người ước mơ cả đời người cũng không có. Hơn nữa, xe đạp ở ngoài Bắc đều có bảng số. Căn cứ vào bảng số của xe, công an có thể biết được chủ chiếc xe đó là ai. Như vậy sẽ vô cùng nguy hiểm cho những ân nhân của tôi...

Trên đoàn tàu chợ từ Hà Nội về Phủ Lý dài khoảng hơn 50 cây số, tôi ngồi ở ngay bậc lên xuống. Trời lúc đó khoảng gần nửa đêm, nên gió lạnh thổi phàn phật. Tàu chạy được khoảng 15 phút thì trời mưa. Tôi ngồi co ro trong góc tàu, chịu đựng sự lạnh lẽo trong trạng thái chán chường, chẳng muốn sống, khi nghĩ đến cuộc đời của tôi sẽ vĩnh viễn không bao giờ được gặp Thầy tôi nữa... Tình yêu thương của Thầy đối với tôi trong hoàn cảnh túng thiếu, và thân phận gà trống nuôi con, suốt những năm tháng dài là sợi dây thiêng liêng vô hình trói chặt cuộc đời tôi với ông cụ. Tôi nhớ khi xưa còn bé, mỗi khi ngủ tôi có thói quen hay đưa tay lên đầu. Tay đụng vô đầu mừng, nên tôi hay bị muỗi ở ngoài mừng đốt xưng nhiều chỗ trên hai cánh tay. Thầy tôi thấy vậy, đã ngồi cặm cùi cả một buổi chiều, vá một miếng nylon thật lớn ngay ở đầu mừng cho muỗi khỏi đốt tôi. Tình phụ tử thật thiêng liêng và đáng quý vô cùng, nhưng vì miếng nylon cũ kỹ xấu xí, lại khác màu với chiếc mừng, thêm vào đó là những đường chỉ vụng về, bó túm nhiều chỗ quanh bốn cạnh tấm nylon, đã làm tôi rất xấu hổ và bực bội. Vì vậy, chỉ sau một đêm ngủ trong chiếc mừng vá miếng nylon, ngay sáng hôm sau, trước khi đi học, tôi đã lén gỡ miếng nylon, nhét vô mái tranh đằng sau nhà... Sau này, lớn lên, mỗi khi đi đâu, làm gì, đụng phải chiếc mừng, hay bị muỗi đốt, hoặc nghe tiếng muỗi kêu, là tôi lại nhớ đến chiếc mừng vá miếng nylon của tôi ngày xưa, lại nhớ đến Thầy và thấy thương cảm, xót xa, ân hận cho những lầm lỡ của tôi tuổi ấu thơ...

Cũng chính vì sống trong sự ân hận và xót xa như vậy, nên cuộc đời của tôi nhiều khi bị chìm ngập trong những giầy vò của chính mình về những sai lầm trong quá khứ. Trong niềm đau khổ và ân hận đó, sau này tôi mới thấm thía lời dạy của Thầy tôi, "Nghiêm khắc với bản thân, nhưng khi cần, cũng phải biết tha thứ cho những lỗi lầm của chính mình". Cũng vì nhớ thương Thầy, nên trước khi lên đường vô Nam, tôi đã làm một chuyến đào ngũ táo bạo, nguy hiểm nhưng cũng đầy ngoạn mục vào năm 1971.

Năm đó, đơn vị bộ đội của tôi đóng ở vùng rừng núi phía tây tỉnh Quảng Trị, cách thị xã Quảng Trị khoảng 50 cây số đường rừng. Cả sư đoàn của tôi đang chờ lệnh lên đường xâm lăng Miền Nam. Là một người lính cấp bậc binh nhì, tuổi mới 20, nên tôi chẳng có một khái niệm rõ rệt về những đoàn xe, đoàn quân, ngày đêm đổ vô phương nam vào mùa mưa hay mùa nắng. Tôi chỉ tâm tâm niệm niệm lời Thầy dặn tôi lần cuối trước khi tôi lên đường: Thầy để ra mà, nuôi mày khôn lớn, không phải để mày chết mất xác trong

rừng. Trong Nam mày có bốn bà chị. Vô đó rồi, cố gắng tìm các chị mày, nói các chị muốn báo hiếu Thầy thì nuôi cho em ăn học... Tâm niệm như vậy, nên tôi đã quyết tâm, ngay khi đặt chân lên bờ nam của vĩ tuyến 17, tôi sẽ tìm đủ mọi cách trốn khỏi đơn vị để về với Miền Nam tự do. Vì mang trong lòng quyết tâm đó, tôi định ninh chuyến đi này của tôi sẽ là chuyến ly biệt, vĩnh viễn không có ngày gặp lại Thầy. Trong tâm trạng của người ra đi không có ngày trở về như vậy, tôi quyết định, bằng mọi giá, tôi phải về Bắc thăm Thầy, Mẹ tôi lần cuối, rồi trở lại đơn vị, trước khi lên đường vô Nam.

Lúc đó, cả sư đoàn tôi đang trong tình trạng ứng chiến 100%, sẵn sàng lên đường vô Nam bất cứ lúc nào, nên chuyện xin nghỉ phép để về Bắc là điều không bao giờ xảy ra. Ngay cả một số bạn bè trong sư đoàn, nhận được điện tín báo tin bố mẹ ốm nặng, hay qua đời, cũng đều không được đi phép. Vì vậy, tôi thấy chỉ còn có cách duy nhất là đào ngũ, và chỉ đào ngũ một thời gian ngắn khoảng nửa tháng, một tháng rồi trở lại đơn vị, nên tôi không lo ngại gì về những thâm kịch mà người lính đào ngũ ở Miền Bắc thường phải gánh chịu. Khó khăn lớn nhất cho tôi là làm sao tôi có thể đào ngũ được an toàn, về quê thăm Thầy và lên Hà Nội thăm mẹ một cách đàng hoàng. Có như vậy thì chuyến đào ngũ của tôi mới thành công. Còn như đào ngũ mà khi về thăm Thầy, Mẹ, phải lén lút, thậm chí có khi bị bắt, bị trói chân, trói tay, bị đánh đập, khiến Thầy, Mẹ đau khổ, lo sợ, hoảng hốt, hay liên lụy, thì tốt nhất, không nên đào ngũ.

Muốn đào ngũ an toàn, điều đầu tiên, tôi phải có giấy tờ hợp lệ. Để có giấy tờ hợp lệ tôi phải nhờ đến thằng H. bạn chí thân trong ban tuyên huấn của sư đoàn. Nhờ biết vẽ, kẻ chữ, làm "báo tường" khi còn đi học, nên mỗi tháng, tôi phải lên ban tuyên huấn để làm "báo tường". Làm được 2 tháng thì tôi gặp H. và hai người chơi rất thân với nhau.

Sau này qua chuyện trò, tôi được biết, thân phụ của H. trước đây đi lính cho Pháp. Sau 1954, ông cụ ở lại và bị cộng sản bắt, đưa đi trại cải tạo ở Nam Hà. Hình như là trại Đầm Đùn được xây dựng từ thời Pháp thì phải, lâu ngày tôi nhớ không rõ. Vì H. sống với mẹ ngay từ khi còn bé đến lớn, giấy tờ khai sanh đều ghi tên bố vô danh, nên cộng sản không hề biết H. là con của một tù cải tạo từng đi lính cho Pháp. H. tướng cao ráo, da trắng, có hàm râu quai nón rất điệu nghệ, và giọng hát rất hay. Nhờ vậy nên H. được chọn vào tiểu ban văn nghệ thuộc ban tuyên huấn của sư đoàn. H. cũng cho biết quê mẹ của H. ở ngay Đới, Đệp, là quê ngoại của tôi, nên tình thân giữa hai chúng tôi thêm keo sơn, gắn bó. Nhưng có lẽ thiêng liêng hơn cả là cả hai chúng tôi cùng sở thích yêu thơ nhạc thời tiền chiến, quý trọng các nhà văn, nhà thơ thời Văn Nhân Giai Phẩm, nhất là Quang Dũng, Trần Dần, Hữu Loan, Lê Đạt. Chính nhờ H. đọc thuộc lòng cho tôi nghe bài thơ "Hoa và Rượu" rất dài của Nguyễn Bính nên tôi mới biết Nguyễn Bính có bài thơ này.

Khác hẳn tất cả những người lính bộ đội khác, H. có phong thái rất nghệ sĩ, sống đàng hoàng, và trọng chữ tín. Tôi rất tin tưởng và tâm sự với H. nhiều chuyện, nhờ vả H. nhiều lần, và lần nào H. cũng xứng đáng với sự tin tưởng của tôi. Lần này cũng vậy, sau khi nghe tôi bày tỏ ước muốn được về thăm Thầy, Mẹ, cần một số giấy tờ đi đường, không đầy một tháng sau, H. tìm đến lán của tôi, trao cho tôi 2 tờ giấy sự vụ lệnh lưu không, đã đóng dấu và có sẵn chữ ký của sư đoàn trưởng. Tôi chỉ cần điền tên, ngày sinh và đơn vị, là tôi có được ngay một tờ giấy công tác hoàn toàn hợp lệ, trót lọt qua mọi cửa ải trên đường từ Nam ra Bắc. Thông thường, lúc đó, các giấy công tác của bộ đội chỉ cần có con dấu và chữ ký của tiểu đoàn trưởng, hoặc trung đoàn trưởng, là đủ hiệu lực. Vì vậy, khi cầm hai tờ giấy của H. tôi rất mừng. Tôi kéo H. ra bờ suối, tâm sự mọi chuyện, ngoại trừ dự tính vô Nam tìm kiếm mấy bà chị của tôi.

Khó khăn thứ hai của tôi khi đào ngũ là làm sao qua mắt được đơn vị trong thời gian ít nhất 2 tiếng đồng hồ. Đây là thời gian tối thiểu để tôi có thể băng rừng, đi từ nơi đóng quân trong rừng, ra đến được đường mòn có xe hơi chạy. Tôi không biết đường mòn này có phải là một bộ phận của đường mòn 559 hay không. Tôi chỉ biết đó là một con đường nhỏ hẹp, chỉ đủ một chiếc xe hơi chạy. Đường chạy qua nhiều dòng suối, nhiều đường hầm, và có nhiều đoạn chạy chên vênh bên vực thẳm, hoặc trong rừng sâu. Từ ngoài đường lộ xe hơi chạy vào đến đơn vị tôi đóng qua là một đoàn đường ruột mèo, ngoằn ngoèo lên xuống giữa rừng rậm, qua nhiều đèo, đồi, núi, suối... Vượt qua đoạn đường này nhanh nhất phải mất 2 giờ đồng hồ. Nếu trong thời gian 2 tiếng đồng hồ, đơn vị phát hiện tôi đào ngũ, tôi sẽ có nguy cơ bị các nút chặn ở ngoài quốc lộ bắt lại dễ dàng. Sau 2 tiếng đồng hồ, khi ra tới quốc lộ, tôi sẽ đón xe quân sự để quá giang, và đơn vị sẽ rất khó bắt được tôi.

Để có thể giữ được bí mật cuộc đào ngũ của mình, tôi quyết định trốn vào buổi tối, sau khi đơn vị đã tập họp, điểm danh. Thông thường, sau khi điểm danh xong, chúng tôi phải ngồi học tập chính trị ngay trên lán của đại đội. Vì lúc đó, tình trạng lính đào ngũ trước khi vô Nam rất phổ biến, nên việc canh phòng rất nghiêm ngặt. Ngoài những toán canh gác thường xuyên của đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn... còn có mạng lưới tự giác theo dõi lẫn nhau theo cơ cấu 3 người một tổ, 6 người một lán, mỗi tiểu đội có hai lán, phải có bốn phận theo dõi lẫn nhau...

**KỶ 39**

Mỗi tối, vào lúc 6 giờ tối, cả đại đội phải có mặt trên lán đại đội để điểm danh. Sau đó chúng tôi phải học tập chính trị, chia nhóm kiểm điểm, sinh hoạt phê và tự phê, rồi cuối cùng là đọc báo Nhân Dân, Quân Đội, và ca hát các bài hát cách mạng cho đến 10 giờ khuya, chúng tôi mới được về lán ngủ. Mục đích chính của những sinh hoạt này là nhằm tạo cho người lính bộ đội, thể xác thì mệt mỏi, đầu óc thì bận rộn, không còn thì giờ nghĩ đến gia đình, bạn bè, hay bất cứ thứ gì khiến cho họ trở nên uỷ mị, cùn nhụt "tinh thần chiến đấu cách mạng". Đối với người dân Miền Bắc nói chung, và nhất là người bộ đội chuẩn bị lên đường "đi B", ba thứ bị cộng sản kiểm duyệt và bị cấm kỵ thật nghiêm ngặt là thư từ của gia đình, "nhạc vàng" hay thơ tình, và niềm tin tôn giáo.

Việc canh gác, theo dõi lẫn nhau trong khi học tập chính trị trên lán đại đội tuy thường xuyên và chặt chẽ, nhưng cũng giống như bất cứ chuyện gì trên đời, khi đã làm đi làm lại một việc hết ngày này qua ngày khác thì nó cũng hóa nhàm, và mọi người đều làm chiếu lệ. Vì vậy, trong những buổi tối học tập chính trị sau này, chuyện một vài người xin phép ra ngoài làm chuyện riêng tư, hay cáo ốm về lán nằm nghỉ vẫn thường xảy ra, và ít ai bị để ý hay bị theo dõi chặt chẽ. Biết vậy, nhưng tôi không thể nào phiêu lưu "xin phép ra ngoài", để tạo sự chú ý, theo dõi của cán bộ trong đại đội. Tôi quyết định vào một buổi tối Thứ Sáu, trong lúc học tập chính trị trên lán đại đội, khi có cơ hội thuận tiện, tôi sẽ lặng lẽ lên ra ngoài để thực hiện chuyến vượt thoát táo bạo, gặp lại những người thân thương, trước khi lên đường vô Nam.

Tại sao tôi lại chọn buổi tối Thứ Sáu? Có mấy lý do. Thứ nhất là thời gian đó, mỗi tuần, chúng tôi phải thay phiên nhau xuống đồng bằng mua thực phẩm. Trong những chuyến đi đó, tôi để ý thấy số lượng xe từ phía Nam đi ra, nhiều gấp bội so với những ngày khác. Xe đi vô thì chở đầy bộ đội, quân nhu, thực phẩm. Xe đi ra thì trống không. Trên đoạn đường rừng xe thường đi, phải đi qua những đoạn suối, rất khó đi, nên xe thường phải chạy chậm. Đó là những lúc thuận tiện nhất để tôi có thể "quá giang" khỏi phải hỏi tài xế.

Thông thường thời gian đó, từ miền núi rừng Trường Sơn, thuộc tỉnh Quảng Trị, chuyện bộ đội quá giang xe xuống đồng bằng, hay từ đồng bằng về chỗ đóng quân của đơn vị ở trên rừng, là chuyện vẫn thường xảy ra. Nhưng đó là những chuyến quá giang xe giữa ban ngày của cả một nhóm bộ đội thì người tài xế không có gì nghi ngờ. Còn nếu quá giang xe vào ban đêm, nhất là khi tôi chỉ có một thân một mình, chắc chắn tôi sẽ bị tài xế nghi ngờ. Vì vậy, "quá giang" khỏi hỏi tài xế vào tối Thứ Sáu là an toàn nhất cho tôi. Tối Thứ Sáu còn là tối âm ỉ, huyền ảo và thiếu cảnh giác nhất trong khi học tập chính trị tại lán của đại đội. Dù ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật cũng có những việc phải làm như tăng gia, làm vệ sinh lán trại, ... nhưng tối Thứ Sáu là buổi tối cuối tuần, nên mọi chuyện cũng được "thư giãn" chút đỉnh. Trong bối cảnh đó, sự vắng mặt của tôi sẽ dễ dàng không bị người khác chú ý.

Ngay chiều Thứ Sáu hôm đó (lâu ngày quá, tôi không nhớ rõ, chỉ nhớ là vào mùa hè), tôi đã chuẩn bị mọi thứ sẵn sàng và gọn gàng cho chuyến đi. Ngoài quần áo, tư trang, tôi còn mang theo trong ba lô hai trái lựu đạn tấn công và một con dao găm. Đây là những trang bị cá nhân cho mỗi người lính. Lúc đầu, tôi định mang theo khẩu AK-47 để phòng thân, lỡ khi gặp thú dữ trên chặng đường dài mấy chục cây số đường rừng. Sau tôi thấy khẩu súng quá nặng nề. Hơn nữa, một khi đã "trốn khỏi đơn vị" mà còn mang vũ khí theo, tôi dễ dàng bị quy kết chụp mũ tội "phản động" và dễ bị "xử lý tại chỗ" một khi bị đơn vị truy lùng, chặn bắt.

Năm giờ chiều Thứ Sáu, tôi kín đáo nai nịt quần áo gọn gàng và đi giày, buộc giầy giầy thật chặt, thay vì chỉ đi "dép râu" như mọi lần. Khi đó, tôi đâu có thể ngờ được, bảy năm sau, vào một buổi sáng tinh mơ, trong một phòng biệt giam ở rừng núi vùng Đông Hà, tôi, bị cầm tù vì tội vượt biên, hai tay bị trói, cũng đã nhờ một người bạn tù buộc giầy giầy thật chặt, để chuẩn bị cho cuộc đào thoát, và tôi đã đào thoát thành công ngay trước mặt hai người công an áo vàng, giữa đường phố Huế, cách lao Thừa Phủ không đầy 300 thước...

Chiều hôm đó, tuy kín đáo buộc giầy giầy, nhưng việc làm của tôi cũng bị T. một người lính cùng tiểu đội phát hiện. T. ngạc nhiên hỏi tôi:

- Đi "lán C" (tiếng lóng gọi lán của đại đội) có vài tiếng rồi về ngủ, sao mày tính đi đâu mà giầy dép đóng bộ kỹ vậy?

Tôi lúng túng:

- Đóng bộ gì đâu... Tao phải đi giày vì... sợ rấn cắn...

Cũng may, câu trả lời của tôi khá hợp lý, vì mới hai hôm trước, trong đơn vị có một người đi đêm bị rấn cắn. Có lẽ cũng nghĩ đến tai nạn đó, nên T. "tỏ vẻ" không nghi ngờ gì câu trả lời của tôi. Tôi vui vẻ bá vai T. cùng đi lên lán đại đội, trong lòng tôi yên tâm vì đã qua mắt T. Nhưng tôi đã làm...

Sáu giờ tối Thứ Sáu, cả tiểu đội tôi có mặt trên lán đại đội điểm danh như thường lệ. Điểm danh xong, khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, quan sát chung quanh thấy mọi chuyện đều thuận lợi, tôi lặng lẽ rút êm ra khỏi lán. Ra khỏi lán, tôi không vội chạy ngay về lán của mình, mà khéo léo đứng khuất một thân cây lớn, giả vờ đi tiểu để quan sát động tĩnh. Tôi tin tưởng, nếu có ai phát hiện hay nghi ngờ hành động rút khỏi lán của tôi, họ phải đi theo, lập tức tôi sẽ thấy họ. Khi đó, tôi sẽ giả vờ là người đi tiểu, thản nhiên quay trở lại lán đại đội, sinh hoạt bình thường, chờ đợi dịp khác, thuận tiện...



Chờ đợi khoảng một phút, không thấy động tĩnh gì, tôi yên tâm, chạy thẳng một mạch về lán của mình. Thời gian đó, để tránh máy bay Mỹ oanh tạc, nên các lán đóng quân đều rải rác cách nhau từ 50 đến một vài trăm thước. Khoảng cách giữa lán của tôi và lán đại đội chỉ có hơn trăm thước đường chim bay, nhưng ở hai triền đồi khác nhau. Vì vậy, trong vài phút đồng hồ, tôi phải chạy bờ hơi tai hết lên dốc rồi xuống dốc, mới về tới lán của mình.

Ngay khi chạy ào vô lán, tôi nhảy vội lên xạp ngủ làm bằng tre nửa, đưa tay với lấy chiếc ba lô để sẵn. Nhảy xuống đất, tôi quàng vội chiếc ba lô vào vai, rồi lao ngay ra cửa.... Ngay khi đó, tôi thấy trước cửa lán, T. đứng chắn ngang!

Trong bóng tối nhập nhoạng, tuy không rõ mặt người, tôi cũng biết, T. đã biết tôi đang "đào ngũ". Trong một, hai tích tắc ngắn ngủi, tôi biết tôi phải làm gì. Rút ngay trong túi áo chiếc bút máy, thứ mà T. vẫn ao ước, tôi dúi vào tay T. "xiết chặt", rồi nói vội vàng, bằng một giọng chí tình nhưng kiên quyết:

- T.... Mẹ tao ốm nặng, tao phải về gấp một hai tuần rồi sẽ trở lại. Mà thương tao, đừng nói cho ai biết... Nói xong, không cần biết thái độ của T. thế nào, tôi xô T. sang bên rồi lao thẳng ra ngoài bằng tất cả sức mạnh và sự liều lĩnh của một thằng con trai mới 20 tuổi đầu....

Sau này, khi trở lại đơn vị, trải qua những cuộc "đấu tố" kéo dài nhiều tuần lễ, tôi mới biết được, ngay buổi tối hôm đó, T. đã nghi ngờ và bí mật theo dõi tôi mà tôi không biết. Đến khi thấy tôi lên ra khỏi lán, T. cũng khôn ngoan chờ đợi một lúc, rồi mới lên ra theo tôi. Có điều T. chạy theo tôi về lán, vì tò mò, tuyệt nhiên không hề vì ác ý. Vì vậy, khi tôi lao ra khỏi lán, T. cầm trong tay chiếc bút máy tôi cho, tần ngần và lo sợ, không biết phải làm thế nào. Đi báo cho đơn vị biết thì T. lo ngại cho tôi bị bắt lại; mà không đi báo cho đơn vị biết, sau này mọi chuyện đổ bể, T. cũng phải chịu trách nhiệm nặng nề...

Còn tôi, sau khi chạy ra khỏi lán, như một mũi tên rời khỏi nỏ, tôi vội vàng lao tới một cách điên cuồng, vì tôi linh cảm, sớm thì vài phút, muộn thì chỉ mười phút đồng hồ, tôi sẽ bị đơn vị truy đuổi. Tôi biết, T. chỉ là một người lính bộ đội bình thường, không thể nào hy sinh mọi chuyện để bảo vệ cho tôi. Trước sau gì, nghĩ đến những nguy hiểm sẽ đến với mình, T. sẽ chạy đi báo cáo cho đơn vị. Thời gian do dự của T. chỉ là vài phút đồng hồ. Khi đơn vị được báo cáo, nhận biết ra tôi đào ngũ, và quyết định truy đuổi, cũng chỉ 5, 10 phút đồng hồ là tối đa. Vì vậy, bằng mọi giá, tôi phải vượt qua đoạn đường ruột mèo ngoằn ngoèo trong rừng, từ căn cứ của đại đội, đến đường lộ xe chạy, trong thời gian 10 phút đồng hồ là tối đa.... Nhưng trời ơi, làm sao tôi có thể chạy hết đoạn đường rừng hai tiếng đồng hồ trong mười phút?! Kinh hoàng quá, tôi như phát điên lên được... Tôi biết, không sớm thì muộn, chỉ trong vòng nửa tiếng đồng hồ nữa, tôi sẽ bị bắt lại. Bị bắt lại thì tôi không oán, vì tôi đã chấp nhận tất cả mọi chuyện kể cả tính mạng cho chuyến đi sinh tử của mình. Nhưng bị bắt khi tôi chưa được gặp lại những người thương yêu mà tôi đã ấp ủ và theo dõi trong tâm trí, thì quả thực đau đớn cho tôi quá...

Giữa lúc đang chạy điên cuồng, trong tâm trạng vạn phần bối rối như vậy, thì đột nhiên, tôi nghe thấy mấy tiếng súng nổ vang trong đêm tối... Tiếp theo là hai tràng AK-47 chát chúa... Nghe vậy, tôi hiểu ngay, đó là những tiếng súng cảnh cáo của đơn vị dành cho tôi, và cuộc truy lùng đã bắt đầu, trong khi khoảng cách giữa hai bên chỉ có 15 phút đường rừng.

Ngay khi nghe tiếng súng nổ, đáng lẽ tôi phải bối rối hoảng hốt hơn, nhưng chẳng hiểu sao, tự dưng tôi bình tĩnh, đầu óc trở nên sáng suốt, nghĩ ra ngay một chuyện vô cùng quan trọng: Tại sao tôi phải chạy theo con đường mòn độc đạo, ngoằn ngoèo ruột ngựa trong rừng, để rồi bị họ đuổi theo bắt lại? Nếu đó là con đường độc đạo duy nhất cho tôi, thì nó cũng sẽ là con đường độc đạo duy nhất cho đơn vị đuổi theo tôi. Vì vậy nếu tôi khôn ngoan, rời khỏi con đường độc đạo đó một cách khéo léo ở bất cứ chỗ nào, thì những người đuổi theo tôi không tài nào biết để truy đuổi. Và như vậy, họ sẽ tiếp tục lao theo con đường độc đạo để truy đuổi vì đỉnh ninh đó là con đường duy nhất, tôi phải theo. May mắn hơn cho tôi, lúc đó là trời tối, nên việc tôi rẽ khỏi đường độc đạo ở bất cứ chỗ nào là điều quá dễ dàng, dù có để lại dấu vết đi nữa, thì trong đêm tối, những người đuổi theo tôi cũng không tài nào phát hiện ra được... Giả dụ như trong những người đuổi theo tôi có ai thông minh đoán được, tôi rẽ khỏi đường độc đạo, thì họ cũng không tài nào biết chính xác, tôi rẽ về hướng nào, rời khỏi chỗ nào trên đường độc đạo...

Nhưng tôi nên rẽ về hướng nào? Từ đường độc đạo chạy theo hướng Đông Tây, đổ xuống đường lộ, nếu tôi rẽ phía tay phải, là rẽ về hướng bắc, hướng đồng bằng, về thị xã Quảng Bình và ra Miền Bắc. Nếu tôi rẽ phía tay trái, là rẽ về hướng nam, về phía tỉnh Quảng Trị và vô Miền Nam. Trong một thoáng suy nghĩ rất nhanh, tôi biết, những người bộ đội đuổi theo tôi đỉnh ninh tôi sẽ trốn về Bắc. Vì vậy, hướng truy đuổi của họ sẽ là từ con đường mòn này đổ về phía tay phải hướng ra Miền Bắc. Nghĩ vậy, tôi liền rời khỏi đường mòn, rẽ ngay về phía bên trái. Từ đây, tôi nhắm hướng đường lộ, cắt rừng đi theo đường vạt cạnh huyền của một tam giác. Quả nhiên, tuy đi đường cắt trong rừng, gặp nhiều bụi cây, dây leo đủ loại, nhưng khoảng 3 tiếng đồng hồ sau, tôi cũng đến được đường lộ xe chạy. Tuy không biết chính xác, nhưng qua quan sát, tôi đoán, đây chính là con đường duy nhất cắt ngang con đường ruột mèo mà đơn vị tôi vẫn thường đi, để chạy tới vùng đồng bằng tỉnh Quảng Bình.

An toàn chui vào một bụi rậm bên đường ngồi nghỉ, ăn chút lương khô, uống một bụng nước suối, tôi rất mừng vì mình vừa thoát khỏi bị bắt trong đường tơ kẽ tóc. Sau khi tỉnh táo, tôi suy nghĩ, không biết nên "quá giang" xe đi ngay khi có dịp thuận lợi, hay tạm nằm yên trong rừng vài hôm chờ đợi tình hình yên ổn rồi mới "quá giang" xe đi. Tôi lo ngại, nếu "quá giang" xe đi ngay, thì chiếc xe mà tôi "quá giang" trên con đường duy nhất từ đây ra Quảng Bình, chắc chắn sẽ gặp toán bộ đội đang truy lùng tôi vì họ cũng đang trên đường đi bộ về Quảng Bình. Những người lính bộ đội đó có thể vẫy tay xin quá giang, và nếu người tài xế chấp thuận, cho họ nhảy lên phía sau xe, thì tôi sẽ bị họ phát hiện và bắt sống một cách quá dễ dàng!

Còn nếu chịu nằm yên trong rừng vài hôm, thì tôi cũng không biết chắc những chuyện rủi ro gì sẽ xảy ra cho tôi. Nhất là lương khô tôi giấu giếm mang theo chỉ đủ dùng trong có một ngày, vì đề phòng đảo ngũ, mỗi người bộ đội đều không được phép trữ lương khô, cơm nguội, muối và tiền mặt. Đó là chưa kể đến những nguy hiểm, nếu sáng hôm sau, đơn vị cho chó truy lùng, chúng có thể đánh hơi ra những dấu vết của tôi. Nhất là chỗ tôi đang ẩn náu, cách ngã ba đường lộ và con đường ruột mèo không bao xa, chỉ một hai cây số là cùng...

Sau một hồi suy nghĩ, tôi quyết định chọn giải pháp thứ ba: Không đi ngay và cũng không ngủ lại. Chờ thêm vài tiếng đồng hồ, cho cả chục chiếc xe chạy qua, rồi tôi sẽ "quá giang" một chiếc. Nếu những người bộ đội truy lùng tôi có quá giang xe nào, thì họ cũng đã quá giang được những chiếc chạy trước. Còn tôi "quá giang" xe sau, chỉ cần tôi thật cẩn thận để tránh mặt họ, khi qua mấy bến phà, các trạm gác, và khi đến thị xã Quảng Bình, là tôi có thể an toàn đi đến Vinh. Từ đó, tôi sẽ đạp xe lửa đêm về Hà Nội. Tôi tin chắc, những người bộ đội trong đơn vị có được lệnh truy đuổi tôi, họ cũng chỉ đến các bến xe, bến phà ở tỉnh Quảng Bình, đóng chốt ở đó, chờ đợi tôi đến bắt, chứ không khi nào họ dám về tới tận Miền Bắc. Nghĩ vậy, tôi tưởng là khôn, nhưng không ngờ, mọi chuyện vẫn xảy ra ngoài sự dự đoán của tôi....

## KỶ 40

Sau những giờ phút căng thẳng, quá mệt mỏi, tôi ngồi dựa gốc cây, ngủ thiếp lúc nào không hay. Đến khi nghe tiếng xe gầm rú ngoài đường, tôi giật mình tỉnh dậy, ngó đồng hồ biết đã 10 giờ khuya. Như vậy là tôi đã ngủ được khoảng hơn 2 giờ đồng hồ. Tôi muốn nghỉ thêm một, hai tiếng nữa, nhưng không hiểu sao thấy trong dạ bồn chồn, nôn nao khó tả, nên tôi quyết định ra đi. Để an toàn, ra đến đường lộ, tôi không rẽ theo hướng bắc là hướng xuống đồng bằng, mà đi ngược trở lại hướng nam. Tôi đi như vậy là vì tôi biết, nếu đi theo hướng xuống đồng bằng, chỉ khoảng 2 cây số là tôi phải đi qua lối rẽ vô đơn vị. Trong khoảng 2 cây số đó, nếu tôi không "quá giang" được xe, tôi phải đi tiếp theo hướng xuống đồng bằng. Và khi đó, nếu đơn vị cử thêm toán khác đuổi theo tôi, tôi có nguy cơ bị phát hiện và bị bắt trở lại. Còn nếu đi ngược trở lại theo hướng nam, khi nào gặp đoạn đường băng ngang suối, tôi sẽ ẩn nấp trong bóng tối chờ xe tới rồi nhảy lên, thì an toàn cho tôi nhiều hơn. Đơn vị cử người đuổi theo tôi, chắc chắn chỉ định ninh tôi đi từ ngã ba chân đồi xuống phía đồng bằng, chứ không khi nào ngờ, tôi lại đi ngược vô nam cả mấy cây số, rồi ẩn nấp trong rừng, chờ quá giang xe.

Đi bộ không đầy một cây số, quả nhiên tôi gặp một đoạn sông chảy xiết qua mặt đường. Thời đó, các tuyến đường đố vô Nam đều được giữ bí mật và nguy trang một cách khéo léo. Nhất là những đoạn đường xe chạy băng qua sông, qua suối, có thể làm bằng cầu phao, bằng phà nổi, hoặc lót bằng đá, nhưng đều có điểm chung là mặt đường bao giờ cũng thấp dưới mặt nước khoảng hơn một gang tay. Như vậy, nhìn từ trên cao, chỉ thấy mặt nước mênh mông, mà không hề biết, dưới mặt nước là những con đường huyết mạch, CS dùng để chuyên chở người và vũ khí xâm lăng Miền Nam. Bên cạnh những đoạn đường qua sông, qua suối quan trọng đó, bao giờ cũng có những đơn vị phòng không bảo vệ cầu khi cần, những đơn vị thanh niên xung phong lúc nào cũng hô vang khẩu hiệu "tiếng hát át tiếng bom", sẵn sàng lao ra để xây đắp cầu phà, khi cầu phà bị trúng bom.

Vì lúc đó là mùa nước lũ, đoạn đường chạy qua sông mà tôi dừng chân dài khoảng 400, 500 thước, nằm giữa một đầm nước rộng mênh mông. Đó chỉ là một trong số hàng trăm đoạn đường bình thường nằm rải rác trên "đường mòn Hồ Chí Minh" nên không hề có đơn vị nào canh gác. Mặt đường thấp hơn mặt nước khoảng hơn một gang tay, lại làm bằng những tảng đá đủ hình, đủ kiểu xếp cạnh nhau, nên lồi lõm vô cùng. Vì vậy, khi xe hơi chạy đến đây, bắt buộc phải chạy chậm với tốc độ 10, 15 cây số giờ. Đó là tốc độ an toàn, cho phép tôi, trong đêm tối, có thể âm thầm bám vào phía sau xe, rồi nhảy lên xe, mà người tài xế không hề hay biết.

Ẩn mình trong khu rừng già cạnh bờ sông, tôi yên tâm tập luyện mấy bài thể dục khởi động cho máu huyết lưu thông, thân thể dẻo dai, thích hợp với những hành động hiểm nguy đòi hỏi sức lực và sự nhanh nhẹn sắp tới. Tôi hiểu, trong những giây phút gay cấn, đôi khi chỉ vì một bắp thịt nào đó trên cơ thể bị chuột rút bất thành linh, cũng có thể làm đảo lộn mọi chuyện đã được xếp đặt công phu, chuẩn bị kỹ lưỡng.

Tập luyện được khoảng mười lăm phút, tôi nghe có tiếng xe rì rì từ hướng nam vọng tới. Tôi vội vàng xách ba lô, chạy vội ra bìa rừng, và thấy từ xa ánh đèn pha của mấy chiếc quân xa đang chạy tới. Vì đèn phòng máy bay Mỹ oanh tạc, nên đèn pha của các chiếc quân xa thời đó đều không chiếu xa, nhưng cũng đủ để tôi nhận ra từ xa có tất cả bốn chiếc. Để không bị tài xế của xe sau phát hiện, trong bốn chiếc, tôi phải chọn chiếc sau cùng để "quá giang". Chờ đợi thêm một phút nữa quan sát thật kỹ, và sau khi chắc chắn, cả đoàn xe chỉ có đúng 4 chiếc, tôi vội vàng chạy vội về phía bờ suối phía nam, nấp vô một bụi rậm của loại cây gì không rõ, nhưng đầy gai và rất ngứa, chờ đợi trong hồi hộp.

Khoảng mấy phút trôi qua, tiếng động cơ xe lớn dần, lớn dần, rồi ầm ầm, từng chiếc lao xuống con đường chạy ngang đầm nước. Khác với những chiếc xe quân đội của Trung Cộng, gọn nhẹ và thấp, bốn chiếc xe tôi thấy đều là loại xe của Nga, cao to, với 3 trục 10 chiếc bánh xe cao lênh khênh. Nhảy loại xe này chắc chắn khó hơn và nguy hiểm so với loại xe của Trung Cộng. Tôi biết vậy, nhưng thì giờ không cho phép tôi suy nghĩ và chọn lựa. Vả lại dù tôi có chờ đợi, đã chắc gì những chiếc xe sau sẽ là xe của Trung Cộng? Trong khoảnh khắc đang do dự băn khoăn, thì chiếc xe thứ tư đã ầm ầm ào xuống đầm nước. Tôi không kịp suy nghĩ, vội chạy ngay theo sau. Chiếc xe lắc lư, nghiêng ngả dữ dội, tiếng động cơ gầm rú, tiếng máy sợi dây xích phía sau xe đập vào thành xe ầm ỉ, tạo nên cả một rừng âm thanh hỗn loạn, trộn lẫn với tiếng nước chảy xiết, tiếng tim đập liên hồi, khiến tôi thêm hốt hoảng, vội vã. Bình thường, đi bộ qua lòng sông, lòng suối là điều không khó khăn, ngay cả khi nước chảy xiết. Nhưng chạy vội vã theo một chiếc quân xa, trong bóng tối, trong khi mặt đường đầy mấp mô, lồi nhô với hàng trăm tảng đá đủ loại, chìm trong nước, là điều không dễ dàng. Khó khăn hơn cho tôi, tay tài xế có lẽ thuộc loại đầu gấu, nên hẳn điều khiển chiếc xe chạy với tốc độ nhanh hơn tôi tưởng.

Sau cả chục giây chạy theo xe, vẫn không kịp, tôi tính bỏ cuộc, trở lại bờ sông, chờ đoàn xe khác. Ngay lúc đó, tôi nghe thấy tiếng động cơ xe phía sau. Giật mình quay lại, tôi thấy một chiếc quân xa khác, cũng đang chiếu đèn pha, thẳng hướng lao tới. Tôi nghĩ rất nhanh, đoạn đường chạy qua đầm nước dài khoảng hơn 400 thước, không hề có chỗ nào có thể ẩn nấp. Con đường tuy mặt đường thấp hơn mặt nước, nhưng lại cao hơn hẳn lòng sông. Nếu nhảy xuống một trong hai bên, tôi chỉ còn cách phải bơi, và có thể bị nước sông cuốn đi. Còn nếu chạy ngược lại, tôi sẽ bị tài xế của chiếc quân xa sau phát hiện trước khi tôi kịp chạy tới bờ ẩn nấp. Có thể người tài xế không có hành động gì nguy hiểm đối với tôi, nhưng việc phát hiện ra tôi vào lúc nửa đêm chạy đi chạy lại trên đoạn đường vắng, có thể tạo cho y sự nghi ngờ, và biết đâu sự nghi ngờ đó sẽ gây bất lợi cho tôi sau này. Nghĩ vậy, tôi thấy chỉ còn cách duy nhất là phải đuổi kịp chiếc xe trước để "quá giang"... và tôi phải leo lên chiếc xe đó trott lốt, trước khi chiếc xe sau đuổi kịp, để viên tài xế xe sau không kịp nhìn thấy tôi "quá giang lậu".

Trong tích tắc đầy nguy hiểm đó, tự dưng tôi thấy trong người như có một luồng sức mạnh mới. Tôi điên cuồng lao về phía trước với tất cả sức mạnh và sự liều lĩnh của mình... Nói thì lâu, nhưng sự việc diễn ra trong chớp nhoáng, và trong khoảnh khắc không đầy mười giây đồng hồ sau đó, tôi bắt kịp chiếc xe. Việc đầu tiên tôi phải làm là ném mạnh chiếc ba lô vô trong thùng xe cho thân thể nhẹ nhàng và rảnh tay leo trèo. Ném xong chiếc ba lô, tôi vươn tay phải nắm chặt ô sắt vuông trên thành xe bên trái; rồi bàn tay trái của tôi cũng vội vã nắm chặt lấy ô sắt vuông đó. Cả hai ô sắt vuông, một bên trái, và một bên phải trên thành xe, có tác dụng khi thành xe hạ xuống, sẽ trở thành hai bậc thang ở hai bên để người lính đạp vô, leo lên xe dễ dàng.

Khi đã nắm được ô sắt vuông, tôi vội kéo mạnh hai cánh tay, khiến cả người tôi lơ lửng, hai chân tôi đạp loạn xạ, muốn tìm một điểm tựa, mà tôi biết phải có đâu đó ở phía dưới đằng sau xe, nhưng đạp mãi tôi vẫn không thấy. Chiếc xe vẫn vừa lao đi, vừa nghiêng ngửa một cách dữ dội, làm cho thân thể của tôi thêm nặng nề khi đứng đưa hết trái sang phải, hết phải sang trái; gân cốt, bắp thịt của tôi bị kéo căng, cổ tôi bị khô ran; hai bàn tay của tôi càng ngày càng nóng rát, mười ngón tay của tôi mỗi dần, mỗi dần... vì kiệt sức, trong khi mồ hôi của tôi toát ra đầm đìa. Tôi hoảng hốt nhận ra, cứ đà này, trong mười giây nữa, mười ngón tay của tôi sẽ hết chịu đựng nổi, tôi sẽ phải buông tay, thả người rơi khỏi thành xe và sẽ bị nước sông cuốn trôi. Giữa lúc thập phần nguy hiểm đó, không hiểu trời xui đất khiến làm sao, chiếc xe bỗng lỏng lẻo, nghiêng ngả mấy cái liền, trước khi nghiêng hẳn về bên trái, rồi đứng khựng lại. Tiếp theo là tiếng xe sang số, tiếng gầm rú của động cơ... chiếc xe chồm tới rồi lùi lại... Thì ra sau khi gặp phải liên tục mấy ổ gà, cuối cùng, bánh sau của chiếc xe đã lọt vô một "ổ trâu, ổ bò" nào đó, khá lớn trên mặt đường, nên phải dừng lại. Trong tích tắc phù du nhưng vô cùng may mắn đó, tôi dùng hết sức bình sinh, rút vội hai cánh tay, kéo cả thân mình lên cao, rồi tôi đưa vội chân phải quặp lấy thành của chiếc bánh sau. Cuối cùng, tôi dùng tay đẩy mạnh cùng với chân phải hết sức kéo vô trong, khiến cả người tôi lật nghiêng, rơi gọn vào bên trong chiếc quân xa. Ngay lúc ấy, chiếc xe cũng rú lên lần cuối, leo khỏi hốc đá, lao thẳng về phía trước...

Tôi nằm yên thờ đốc như con cá mắc cạn. Vừa kinh hoàng sau giây phút nguy hiểm thoát chết, vừa bàng hoàng trước sự may mắn bất ngờ mà tôi tin là phải có bề trên phù hộ. Tôi vô cùng ngạc nhiên, sung sướng và tự tin vào vận mệnh của mình trên những chặng đường nguy hiểm trước mắt.

Sau này, trên đường vượt ngục, vượt biên, tôi còn gặp phải nhiều nguy hiểm và thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, như khi bị hai công an áo vàng rượt đuổi và bắn ngay giữa buổi trưa, trên đường phố Huế, mà chạy thoát; hay khi bị lính biên phòng bắn, phải chạy bán sống bán chết vô giữa một bãi chông thép ngay bên bờ sông Ca Long, biên giới Việt Trung, vào một buổi chiều đầu tháng 10 năm 1978, mà không dẫm phải chiếc chông nào.... Mỗi khi, trải qua những hiểm nguy đó, tôi càng thêm tin tưởng mãnh liệt vào sự quan phòng của đấng tối cao và sẵn sàng trao gửi tính mệnh của tôi cho niềm tin tôi theo đuổi.

Chiếc xe tôi "quá giang" là một loại quân xa của Nga, phía sau trống trơn, không có mái, không có băng ghế, cũng như bất cứ thứ đồ đạc gì. Trời lúc ấy lại lất phất mưa và trở lạnh. Tôi lấy mảnh nylon trong ba lô trùm kín đầu và người, rồi ôm chiếc ba lô trong lòng, ngồi gọn trong góc xe, cố chống lại cơn buồn ngủ đang bủa vây. Tôi biết, lúc đó nếu tôi ngủ quên, chẳng may xe ngừng lại vì bất cứ lý do gì, tôi sẽ không biết, và khi đó chuyện "quá giang lậu" của tôi sẽ bị phát hiện dễ dàng. Nguy hiểm thứ hai, trên đoạn đường duy nhất từ đây xuống đồng bằng dài gần 5 tiếng đồng hồ, nếu chẳng may, gặp toán bộ đội truy đuổi tôi xin quá giang, và tài xế đồng ý, tôi sẽ dễ dàng bị phát hiện và bị bắt lại. Trong trường hợp đó, ngay cả khi tỉnh thức, tôi cũng chưa biết phải làm gì để thoát thân, hướng chỉ tôi ngủ quên. Trước đó, tôi đoán, trong thời gian 2 tiếng đồng hồ tôi ngủ ở trong rừng, toán bộ đội truy đuổi tôi có thể đã quá giang một chiếc xe nào đó. Nhưng thận trọng, tôi vẫn phải cố gắng tìm đủ mọi cách tính toán, để đối phó nếu tình thế như vậy xảy ra. Sau một hồi suy nghĩ, tôi thấy nếu tài xế chấp nhận dừng xe cho những người bộ đội truy đuổi tôi được quá giang, tôi chỉ có cách liều mạng, lợi dụng lúc trời tối, nhanh chóng và nhẹ nhàng nhảy ngay khỏi xe, chuồn vào rừng, trước khi toán bộ đội leo lên xe. Muốn làm được điều này, tôi phải luôn luôn tỉnh thức, bí mật quan sát đoạn đường trước mặt, để kịp thời phát hiện toán bộ đội truy đuổi tôi và thái độ của người tài xế có chấp nhận cho họ quá giang hay không. Có vậy, tôi mới kịp đối phó để thoát thân.

Quả nhiên, điều tôi lo ngại đã xảy ra. Xe chạy được khoảng hai mươi phút, bỗng dừng tôi thấy phía trước có một toán bộ đội khoảng sáu, bảy người đi bộ cùng chiều xe chạy. Tất cả đều trang bị súng ống đầy đủ. Linh tính báo cho tôi biết, đó chính là toán bộ đội cùng đại đội, đang truy đuổi tôi. Khi xe chạy đến gần, có một người bộ đội quay lại, tay cầm chiếc nón cối vẫy vẫy, xin quá giang xe. Còn 5 người bộ đội kia, không hiểu vì lý do gì, vẫn làm lũi đi, không mấy may đoái hoài đến việc vẫy xe xin quá giang. Tuy khoảng cách còn xa, ánh đèn pha chập choạng, nhưng tôi nhận ra ngay đó là Th., một người cùng tiểu đội với tôi, gốc Hải Phòng. Tôi hỏi hộc và hoảng hốt vô cùng. Ngay khi đó, người tài xế sang số, chiếc xe chạy chậm lại, và tôi kinh hoàng thấy buốt nhói trong tim khi linh tính báo cho tôi biết, người tài xế đang có ý muốn dừng xe cho toán bộ đội quá giang.... Trong lúc tôi đang bối rối, hoảng hốt, chưa biết làm thế nào, thì đột nhiên, trong đám 5 người bộ đội đang làm lũi đi, có một người quay lại, dơ cao nắm đấm dứ dứ về phía chiếc xe, miệng lầm bầm gì đó, nét mặt rất hung dữ. Trong ánh đèn pha, tôi nhận ra ngay đó là Q., người Nùng thiếu số, là tiểu đội trưởng tiểu đội của tôi!

Có lẽ nhìn thấy quả đấm và thái độ không mấy thân thiện của Q., và đám bộ đội đông tới năm, sáu người, ai cũng trang bị đầy đủ súng ống, nên người tài xế đột nhiên đổi ý, sang số, nhấn ga, và chiếc xe rú ga, rùng rùng lao tới trước, để lại phía sau tiếng la ó, chửi bới không ngớt...

## KỶ 41

Thật tôi không ngờ, chỉ vì nắm đấm hù dọa của tiểu đội trưởng Q. đã khiến tài xế đổi ý, và nhờ vậy đã giúp tôi thoát nạn. Lúc đó, tôi cũng không hiểu tại sao bỗng dừng tiểu đội trưởng Q. lại dơ nắm đấm hù dọa viên tài xế. Tôi chỉ biết Q. là người thiếu số, thuộc thành phần cảm tình đảng, rất mù quáng, cuồng tín, trung thành với "đảng Bác" vô cùng. Vốn là người Nùng, Q. rất khỏe, tóc mọc thẳng và cứng như rễ tre, lông mày rậm như hai con sâu róm, hai mắt lồi như hai con ốc nhồi, lòng trắng đầy gân máu, mỗi khi y tức giận điều gì, cả cặp mắt của y bỗng đỏ ngầu, tiếng nói của y trở nên lấp bắp, lồng ngực của y phập phồng như hai tấm phản gặp cuồng phong, và khi cơn giận bùng nổ, y sẵn sàng đập phá bất cứ thứ gì có ở trước mắt, bất chấp hậu quả. Trong tiểu đội tôi, ai cũng kinh hãi khi thấy Q. nổi giận. Nhưng tối hôm đó, tôi không hiểu sao Q. lại dơ nắm đấm về phía người tài xế. Thú thực, lúc đầu khi thấy Q. dơ nắm đấm về phía viên tài xế, tôi hoảng hốt, tưởng Q. biết có tôi ngồi trên xe, nên vô tình, vội thu người lại. Đến khi xe chạy qua, tôi mới hiểu, nắm đấm của Q. khi đó là dành cho tài xế. Nhưng tại sao Q. lại dơ nắm đấm dọa tài xế, thì quả tình lúc đó tôi không hiểu. Mãi mấy tháng sau, khi trở lại đơn vị "nap mạng" để phải trải qua những cuộc đấu tố dai như đĩa của đơn vị, tôi mới biết, đêm hôm đó, trên chặng đường truy đuổi tôi suốt 2 tiếng đồng hồ trước đó, toán bộ đội do Q. chỉ huy đã nhiều lần vẫy xe xin quá giang, nhưng không lần nào thành công. Vì thế, khi gặp chiếc xe tôi "quá giang" lậu, Q. vừa chán, vừa tức giận không thèm xin quá giang, vì y đinh ninh có xin quá giang cũng không thành công. Không những thế Q. còn dờ thói côn đồ, dơ nắm đấm hù dọa và chửi bới viên tài xế. Q. không thể ngờ, chính thói côn đồ của y đã giúp tôi vượt qua được một cửa ải nguy hiểm do y giăng mắc.

Thoát khỏi nguy hiểm lần này, tôi vừa mừng vừa lo. Tôi thấy suốt từ lúc rời khỏi đơn vị cho đến giờ, tôi đã gặp bao nhiêu khó khăn, nhưng toàn gặp những may mắn. Tôi biết, những may mắn như vậy sẽ không thể đến mãi, và không sớm thì muộn, tôi sẽ phải gặp rủi ro. Vì vậy, tôi cần phải cẩn thận thật nhiều trong những chặng đường sắp tới, vì những rủi ro nguy hiểm đang chờ đợi tôi.

Xe chạy được khoảng nửa tiếng đồng hồ nữa trong đường rừng, tôi bỗng thấy phía trước, có 3 người đeo súng, đang đạp xe cùng hướng xe chạy. Tôi linh cảm, 3 người lính đó cũng đang trên đường truy đuổi tôi. Nhưng vì trời tối, ánh đèn pha của xe lại không chiếu xa (vì sợ máy bay Mỹ oanh tạc), nên tôi không thể nhận ra họ là ai. Sau này, khi trở lại đơn vị, tôi mới biết, linh cảm của tôi là đúng. Thì ra, sau khi ra lệnh cho Q. tiểu đội trưởng mang nửa tiểu đội đi bộ truy đuổi tôi, ban chỉ huy đại đội nhận ra, dùng người đi bộ đuổi người đi bộ, khó có cơ hội đuổi kịp, nên đã cho 3 người lính trinh sát đi xe đạp đuổi tôi cho nhanh. Nhưng họ đã không nghĩ tới 2 điểm quan trọng. Một, khi xuống tới đường lộ, tôi đã không dại dột rẽ phải về hướng bắc để đi thẳng xuống đồng bằng ngay. Trái lại, tôi đã rẽ trái đi về hướng nam khoảng mấy cây số, rồi chui vô rừng rậm nằm nghỉ, khoảng hai tiếng, trong khi cả hai toán bộ đội truy đuổi tôi vẫn tiếp tục lao về hướng bắc, và càng đi thì họ lại càng cách xa tôi mà không hề hay biết. Điểm quan trọng thứ hai họ không ngờ tới là tôi có thể "quá giang lậu" một trong những chiếc xe từ nam ra bắc. Chính hai yếu tố bất ngờ này đã giúp tôi thoát khỏi cuộc truy lùng của đơn vị.

Nhưng đó chỉ là những may mắn bước đầu. Trước mắt tôi sẽ còn phải đối phó với rất nhiều khó khăn. Dĩ nhiên, khi cả hai toán bộ đội truy đuổi tôi đều không bắt được tôi, họ sẽ tìm cách báo cho ban chỉ huy đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn và có thể cả sư đoàn biết để đối phó. Lúc ấy, họ sẽ đoán ra được, tôi đã quá giang một chiếc xe nào đó, và sẽ tìm cách chặn xét tại các trạm gác giao thông ở các bến xe, bến phà. Đây là điều tôi lo xa, chứ thực ra tôi cũng biết, đối phó với một người "bộ đội quèn", cấp bậc binh nhì như tôi, chưa chắc gì ban chỉ huy đại đội đã báo cáo lên thượng cấp trong vòng 48 tiếng đồng hồ đầu tiên. Thông thường, những vấn đề nghiêm trọng như đảo ngũ, rẽ ngũ, quây phá nhà dân nơi đóng quân, "hủ hoá", hay có xung đột, ẩu đả với cán bộ, công an của chính quyền an địa phương... ban chỉ huy đại đội, hay tiểu đoàn, thường giấu diếm, cố gắng giải quyết trong nội bộ, để khỏi ảnh hưởng đến thành tích thi đua của đơn vị. Sau 48 tiếng đồng hồ, ban chỉ huy đại đội hay tiểu đoàn không giải quyết được nội vụ, lúc đó họ mới báo cáo thượng cấp. Thêm vào đó, mạng lưới thông tin trong quân đội cũng như xã hội dân sự ở Miền Bắc lúc đó còn rất thô sơ, lạc hậu. Điện thoại vô tuyến cũng như hữu tuyến chỉ dùng để liên lạc giữa các đơn vị tại mặt trận. Còn tại hậu cứ, việc sử dụng những thứ đó rất hạn chế, nhất là khi liên lạc với chính quyền dân sự, vì trang bị của chính quyền dân sự rất thô sơ. Vì thế, tôi tin tưởng trong thời gian 48 tiếng đồng hồ đầu tiên, dù cho có dự đoán được khả năng tôi quá giang xe trên đường đào thoát, ban chỉ huy đại đội không đủ khả năng, cũng như thẩm quyền để điều động một cuộc truy lùng rộng khắp tại các trạm gác ở các bến xe, bến phà.

Nghĩ đi đã vậy, nghĩ lại, tôi thấy không gì bằng sự thận trọng trong mọi tình huống. Lúc đó, tôi đã có sẵn trong người giấy tờ công tác do chính sư đoàn trưởng cấp với chữ ký và con dấu đầy đủ. Ngoại trừ tên giả do tôi phịa ra, còn tất cả đều là thật 100%. Tôi đoán, nếu đơn vị có báo cho các trạm gác biết có người đào ngũ tên là Nguyễn Hữu Chí, thì họ cũng không thể ngờ được, tôi lại có sự vụ lệnh thật với tên giả, không phải là tên Nguyễn Hữu Chí. Tôi cũng xin thừa thêm để quý độc giả hiểu, thời buổi đó, ở Miền Bắc, chế độ CS kiểm soát con người vô cùng chặt chẽ, mà không cần đến giấy tờ, thẻ căn cước. Bằng chính sách kiểm soát chặt chẽ lương thực, thực phẩm; cộng với ảo tưởng của người dân đối với chế độ CS, đã sản sinh ra cả một mạng lưới "công an nhân dân, mỗi người dân là một người công an" bao trùm tất cả mọi nơi, mọi lúc. Chính vì hai yếu tố quan trọng này, nên trong mọi sinh hoạt, người bộ đội chỉ có những giấy tờ tùy thân rất đơn giản, đánh máy trên một tờ giấy nhàu nát, đen đũi, hoặc không có một thứ giấy tờ gì trong người, ngoại trừ đơn vị trưởng, khi thi hành công vụ. Trong hoàn cảnh đó, tôi tin tưởng, với sự vụ lệnh thật do chính sư đoàn trưởng cấp, tôi sẽ qua mặt dễ dàng các trạm gác từ Thanh Hoá, Nghệ An, trở ra Hà Nội. Riêng với những trạm gác tại vùng tỉnh Quảng Trị, tôi vẫn lo ngại, có thể gặp người quen của đơn vị, hoặc biết đầu, những người được lệnh đang truy đuổi tôi, nhờ một sự may mắn nào đó, có thể quá giang được xe, đến được những trạm gác đó trước tôi, đóng chốt chờ tôi tới nộp mạng. Nghĩ như vậy, tôi thấy tốt nhất vẫn là tránh tất cả những trạm gác ở các bến phà, bến xe. Nếu có đi xe khách, tôi sẽ không mua vé ngay tại bến, vì nơi đó, công an, bộ đội luôn luôn hiện diện. Thay vì vậy, tôi chọn giải pháp đợi xe ở một nơi cách bến xe khoảng một, hai cây số, rồi vẫy xe quân sự đi nhờ, hoặc vẫy đón xe khách rồi trả tiền vé. Xe chạy tiếp khoảng 4 tiếng đồng hồ thì trời hửng sáng. Đến lúc đó, người tài xế vẫn không hề hay biết, trong thùng xe phía sau có một người "quá giang". Nhìn đường xá, tôi biết, khoảng hai tiếng nữa, xe sẽ qua phà. Vì lâu ngày quá, nên tôi không còn nhớ tên của bến phà này, mong quý độc giả thông cảm. Đến lúc này, tôi thấy đã đến lúc cần phải làm quen với tay tài xế và cho biết, mình đã "quá giang lậu" để xem thái độ của y như thế nào. Nếu thuận lợi, tôi sẽ quá giang xe của y đi tiếp, càng xa càng tốt, trên chặng đường ra bắc. Còn nếu không thuận lợi, tôi sẽ khéo léo chia tay, tìm xe khác quá giang.

Tôi phải làm như vậy là vì tại các trạm gác ở các bến phà bao giờ cũng kiểm soát rất nghiêm ngặt các xe cộ và người qua lại. Tại những trạm gác này, nếu tôi tiếp tục ngồi trên xe, tôi sẽ bị phát giác dễ dàng, và khi đó sẽ rất bất lợi cho tôi, dù tôi có xuất trình giấy tờ hợp lệ. Còn nếu như tôi xuống xe, trình giấy tờ đầy đủ tại trạm gác, tôi có thể rui ro bị người của đơn vị đóng chốt ở đó phát hiện. Tốt nhất, khi xe xếp hàng chờ xuống phà, mọi người trên xe phải xuống xe, xếp hàng trình giấy tờ, tôi sẽ tìm cách, tùy cơ ứng biến, lẩn trốn việc trình giấy tờ.

Thông thường việc trốn trình giấy tờ là điều rất khó tại các trạm gác. Nhưng nếu tinh ý một chút, ta có thể qua mặt lính gác một cách dễ dàng, bằng cách làm những việc sau đây. Thứ nhất là đừng có mang bất cứ hành lý gì trong tay khi đi lại. Thứ hai, nên cởi trần, hoặc chỉ mặc áo lót. Thứ ba, giữ thái độ bình thản, nhàn tản của người địa phương. Quả nhiên, mỗi khi làm như vậy, tôi đều thản nhiên đi qua trạm gác, mà không hề bị xét hỏi giấy tờ.

Khoảng 7 giờ sáng, xe dừng lại tại bến phà đầu tiên. Trước mặt tôi về phía bên phải là một dãy xe cộ đủ loại tới khoảng 20 chiếc đang chờ kiểm soát giấy tờ. Phía bên trái là đoàn người dài hơn trăm thước cũng đang xếp hàng chờ kiểm xét giấy. Giữa đường, lác đác một số người đi lại, ăn mặc đủ hình đủ kiểu, nhưng tất cả đều rách rưới, sàu muộn và đói khổ. Họ là những phu khuân vác, người bán hàng rong, người ăn xin, người đi gánh nước, người đi tắm giặt, hay đánh cá về muộn...

Tôi nhảy xuống xe, nhưng ba lô vẫn để lại trong thùng xe. Sau khi quan sát cách ăn mặc, đi đứng của người địa phương, tôi kín đáo cởi chiếc áo bộ đội, vắt lên vai, chỉ mặc chiếc có chiếc áo lót. Tiếp đến, tôi cởi luôn đôi giày, buộc dây giày của hai chiếc vào một, rồi đi chân đất, quần xắn móng lợn bên cao bên thấp... Xong tôi thản nhiên lững thững đi theo một người đàn ông quảy hai chiếc xọt xuống bờ sông. Tôi đi qua trạm gác, liếc vô thấy mấy người lính gác đang chú ý lo kiểm tra giấy tờ đoàn người, không một ai thèm ngẩng đầu ngó chúng tôi. Khi xuống đến bến sông, tôi lặng lẽ bước lên chiếc phà, không một ai để ý, và cũng chẳng một ai quan tâm. Trung bình mỗi chuyến phà chỉ chở được khoảng 10 chiếc xe hơi, còn xe đạp và người thì không giới hạn. Sau khi sang được bên kia sông, tôi phải chờ cho chiếc xe tôi "quá giang" qua phà, rồi tìm cách kín đáo leo lên xe đi tiếp...

## KỶ 42

Sau khi trải qua những nguy hiểm ban đầu, trên suốt chặng đường từ Quảng Bình về đến nhà, với tờ giấy phép có chữ ký của sư đoàn trưởng, và con dấu của sư đoàn, tôi không hề gặp khó khăn trở ngại nào. Nhưng điều khiến tôi lo ngại bây giờ, chính là những nguy hiểm tại địa phương, một khi tôi về đến nhà. Trên đường đi, tất cả các trạm gác đều không biết rõ tôi là ai, nên với giấy tờ giả mạo, tôi dễ dàng qua mặt được họ. Hơn nữa, tôi chỉ là một trong số hàng chục ngàn bộ đội trốn đơn vị về thăm nhà, nên đơn vị của tôi không thể nào mở cuộc truy lùng tôi trên mọi tuyến đường của Miền Bắc. Tuy vậy, tôi biết chắc chắn, đơn vị của tôi sẽ gửi giấy báo tôi đào ngũ về tận địa phương. Vì sống trong một xã hội khép kín cộng với chế độ tem phiếu, và guồng máy kiểm soát của đảng và nhà nước cộng sản bao trùm mọi mặt của cuộc sống, nên hầu hết những ai đào ngũ cũng chỉ dám đào ngũ tạm thời một vài tuần lễ, sau đó phải trở lại đơn vị. Qua chuyện trò với một số người lính đào ngũ trong đơn vị, tôi biết được, mỗi khi có người đào ngũ, đơn vị chỉ đánh điện tín về uỷ ban xã, nơi người lính đó có gia đình và từng cư trú trước khi đi bộ đội. Trong điện tín, đơn vị chỉ ghi có vắn vện tên tuổi, địa chỉ cư ngụ của người đào ngũ, và yêu cầu uỷ ban xã tìm mọi biện pháp để tạo áp lực buộc người lính đào ngũ trở lại đơn vị gấp. Vì là một bức điện tín, nên chẳng có con dấu, chữ ký hay bất cứ thứ gì khác chứng tỏ thẩm quyền của người đánh điện tín. Nói cách khác, vì kỹ thuật truyền thông ở Miền Bắc lúc đó quá thô sơ và lạc hậu, nên bất cứ một người nào, mặc đồ bộ đội, vô một bưu điện địa phương, đều có quyền đánh đi một bức điện tín với bất cứ nội dung nào. Đây chính là lỗ hổng tôi có thể khai thác, nếu tôi biết tận dụng tờ giấy đi công tác mà tôi có. Vì biết rõ như vậy, nên tôi quyết định về quê thăm Thầy, bất chấp những nguy hiểm đang chờ đợi.

Tôi bước vô sân nhà vào một buổi chiều, khi hoàng hôn đã bao phủ vạn vật. Cảnh vật tất cả vẫn như xưa. Hàng rào râm bụt vẫn xanh tươi, bên cạnh dàn hoa tràng pháo lao xao trong gió như nhắc nhở tôi bao nhiêu kỷ niệm vui buồn của quá khứ. Chiếc bể nước vẫn còn đó, im lìm bất động nhưng ẩn chứa muôn vạn lời thì thầm về những mộng mơ tôi hằng ao ước và ấp ủ, vào những buổi tối mùa hè oi bức, nằm trên mặt bể, ngược mắt nhìn bầu trời đầy sao, lắng nghe Thầy tôi kể chuyện...

Mấy người cháu, con của ông anh, đang chơi đùa ở sân, trông thấy tôi vội reo lên:

- Chú Chí!.... Chú Chí đã về!...

Sau mấy tiếng reo vui, Hoa, cô cháu gái lớn nhất vội ghé tai tôi thăm thì, giọng có vẻ bí mật và lo ngại:

- Hôm trước có công an xã đến đòi bắt chú...

Tôi chưa kịp hỏi Hoa, thì Thầy tôi từ trong buồng bước ra. Chỉ trong có không đầy một năm trời xa cách, Thầy tôi trông già hẳn đi, lưng còng hẳn xuống. Chỉ có hàm râu bạc trắng như cước, dài đến rốn là vẫn như xưa. Thầy tôi hỏi, giọng ưu phiền:

- Mà về phép hay đào ngũ đó?

Nghe câu hỏi của Thầy, và câu nói thì thầm của Hoa lúc trước, tôi biết ngay, đơn vị của tôi đã đánh điện về ủy ban xã, báo tin tôi đào ngũ, và ủy ban xã đã đến gặp gia đình tôi. Vì đã lường trước chuyện này, nên tôi bước đến cạnh Thầy, cầm lấy bàn tay run run của Thầy và thưa:

- Thầy yên tâm, con đi công tác.

Ngay lúc đó, anh của tôi từ trong nhà bước ra. Không một nụ cười, không một lời chào hỏi, anh tôi nói, giọng lo lắng, nét mặt nghiêm trọng:

- Chú vô ngay trong nhà, anh hỏi...

Quay sang phía Thầy, anh nói tiếp:

- Thầy vào trong phòng nghỉ đi, để con "làm việc" với chú ấy.

Thầy nhìn tôi ái ngại, rồi thở dài quay vô buồng. Đó là căn phòng nhỏ vừa đủ kê hai chiếc giường, một chiếc cho Thầy và một chiếc cho tôi trước đây. Không biết bây giờ, chiếc giường cho tôi có còn đó không nhỉ? Tôi tự hỏi, rồi thản nhiên đi theo anh vô trong nhà. Tôi thản nhiên vì tôi biết, chuyện một người bộ đội đào ngũ chẳng có gì là quan trọng, miễn sao người bộ đội đó chấp nhận lên đường trở lại đơn vị. Điều đó, tôi đã sẵn sàng, vì tôi có trở lại đơn vị thì tôi mới có thể đi tiếp con đường tôi định đến là bầu trời tự do của Miền Nam, nơi có 4 người chị, cùng đồng đảo họ hàng, hàng xóm của gia đình tôi đang sống. Tôi sẽ đến vùng trời tự do đó bằng bất cứ giá nào. Quyết tâm đó tôi giữ kín trong lòng, chẳng một ai biết. Và tôi nghĩ, một người khi đã chấp nhận hy sinh để quyết tâm làm một điều mình tin tưởng là đúng, thì người đó thấy trong lòng thanh thản lạ lùng.

Bước vô nhà, bỏ ba lô xuống, tôi ngồi vào chiếc ghế trống, đối diện với anh tôi. Lũ cháu bốn, năm đứa xúm xít chung quanh, mở to những cặp mắt ngây thơ, đen nhánh, nhìn tôi với vẻ tò mò và lo ngại. Anh tôi trừng mắt nhìn lũ trẻ, khế hát cầm. Chúng nó hiểu ý, lập tức riu riu kéo nhau ra khỏi phòng. Nhìn điệu bộ hoảng hốt, lo ngại của anh, tôi biết, anh tôi lo cho tôi thì ít, mà lo chuyện đào ngũ của tôi sẽ ảnh hưởng đến công danh, sự nghiệp của anh thì nhiều....

Sống trong chế độ cộng sản, ai ai cũng khổ. Ngay cả những người cộng sản có tiền có thế, cũng phải chịu đựng nhiều nỗi khổ cực, giày vò, vì những gian dối, giấu diếm của mình, của người, của vợ con. Nhưng tôi nghiệm ra, trong số những nạn nhân của cộng sản, tất cả những ai đại dốt, ngây thơ chạy theo ảo tưởng, danh vọng do cộng sản thêu dệt, họ sẽ là những nạn nhân phải chịu đựng nỗi đau khổ thể thảm gấp bội, và chính họ sẽ là thủ phạm mang đến muôn vàn khổ đau cho vợ con và những người thân chung quanh. Ông anh tôi là con "địa chủ cường hào ác bá", bản thân lại thuộc thành phần "tạch tạch sè" (tiểu tư sản), nhưng vì chạy theo ảo tưởng muốn thành đảng viên cộng sản, nên cả cuộc đời cố gắng "phấn đấu"... để rồi cuối cùng, mọi tham vọng vẫn mãi mãi ngoài tầm tay với.

Tôi nhìn anh tôi thản nhiên chờ đợi. Trong nhà im phăng phắc. Bóng tối đã ủa vào phòng. Ngọn đèn hoa kỳ leo lét, nhưng cũng đủ để tôi nhìn thấy gương mặt khắc khổ của anh, và trên mặt bàn, hai bàn tay của anh đan vào nhau trong tư thế trịnh trọng quen thuộc mỗi khi anh nói chuyện trước đám đông.

- Hai hôm trước, "đồng chí" bí thư, "đồng chí" chủ tịch xã và "đồng chí" xã đội trưởng có đến nhà mình hỏi thăm về chú...

Nói đến đó, anh dừng lại nhìn tôi thăm dò phản ứng. Là một người được xếp vào diện "cảm tình đảng" (cho dù mãi mãi cũng chỉ là "cảm tình đảng" chứ không bao giờ được kết nạp vô đảng), anh tôi vẫn có thói quen gọi các cán bộ của cộng sản là "đồng chí".

Nghe anh nói, thì ra, cả đảng uỷ, hành chánh lẫn cả quân sự cùng đến nhà tôi để hù dọa ông anh đáng thương của tôi. Tôi ngồi bất động và lặng im chờ đợi. Phần thì tôi quá mệt mỏi, lại khát nước, phần tôi biết quá rõ đường đi nước bước của bí thư, chủ tịch xã, lẫn cả xã đội trưởng, cũng như cách thức tôi sẽ đối phó với họ như thế nào ở thế thượng phong, nên tôi đâu có ngán. Dù sao tôi cũng là một "bộ đội" chuẩn bị lên đường "đi B cứu nước", trong túi tôi lại có giấy công tác do chính sư đoàn trưởng cấp, với chữ ký và con dấu đảng hoàng. Tất cả đều thật trăm phần trăm, kể cả tên họ thật của tôi là Nguyễn Hữu Chí. Sư đoàn trưởng, một cấp bậc vô cùng to lớn đối với mấy "đồng chí" bí thư, chủ tịch ở một xã nhỏ bé của nông thôn Miền Bắc, vì ngay cả bí thư tỉnh uỷ, chủ tịch tỉnh còn phải kính sợ. Từng đóng quân ở các làng xã của Việt Nam trong thời gian huấn luyện, tôi biết, ngay cả một viên sĩ quan cấp úy, cấp bậc đại đội trưởng còn hét ra lửa, khiến mấy nhân viên hành chánh từ huyện ủy đến chủ tịch xã đều phải run sợ, nên tôi biết tờ giấy công tác tôi có trong túi sẽ có sức mạnh như thế nào.

Anh tôi nói tiếp:

- Họ hỏi chú có về nhà hay không. Anh rất ngạc nhiên nói từ khi chú lên đường "vô Nam cứu nước" đến giờ, chưa bao giờ chú về nhà. "Đồng chí" bí thư liền đưa cho anh coi bức điện tín từ đơn vị của chú đánh về, nói là chú đào ngũ...

Anh ngưng lại chờ đợi tôi phản ứng. Tôi vẫn im lặng. Anh liền hỏi, giọng hơi sáng:

- Chú đào ngũ có phải không?

Rồi không đợi tôi trả lời, anh nói tiếp, giọng gay gắt:

- Chú làm như vậy là không được. Vì tương lai của chú, chú phải trở lại đơn vị ngay lập tức. Chú làm vậy là hỏng hết mọi chuyện. Cả Thầy và anh đã hứa với họ, nếu thấy chú về là phải báo cáo cho họ biết ngay tức khắc, và phải tìm mọi cách để "động viên" chú lên đường "tòng quân cứu nước"....

Tôi thở dài, rồi nhẹ nhàng nói:

- Em không đào ngũ!

Anh tôi ngạc nhiên, nhìn tôi trong mấy giây, rồi gặng hỏi:

- Chú không đào ngũ?

- Không!

- Vậy chú về nhà làm gì?

- Em về thăm Thầy, Mẹ, thăm anh, chị và các cháu.

- Nghĩa là chú được về phép?

- Em đi công tác.

Anh tôi ngạc nhiên:

- Chú đi công tác?

- Vâng.

- Vậy sao chú lại về nhà?

- Trên đường đi công tác, em ghé thăm nhà.

Anh nhìn tôi đầy vẻ nghi ngờ. Đã từ lâu, anh biết tôi là thằng liêu lĩnh, dám làm những chuyện động trời.

Trong nhà, Thầy vẫn bảo, anh tôi có cặp mắt trâu nên rất nhát. Con trâu to kèn, nhưng có cặp mắt nhìn cái gì cũng phóng to gấp trăm lần, nên thấy thằng bé chần trâu, cứ ngỡ là người khổng lồ, sợ một phép.

- Chú đi công tác vậy có giấy tờ gì không?

- Em có đầy đủ.

- Giấy của ai cấp?

- Của sư đoàn.

- Đâu chú đưa anh coi xem.

Tôi móc túi, lấy tờ giấy gấp tư bọc cẩn thận trong một tờ giấy bóng, đưa cho anh. Để cho tờ giấy có vẻ đúng là giấy thật, tôi đã cố tình làm cho nó nhàu nát một chút, dính mồ hôi một chút, và có vẻ cũ một chút. Cầm tờ giấy đưa gần về ngọn đèn, anh tôi chăm chú đọc. Nhìn ánh mắt của anh tôi đọc đi rồi đọc lại, coi kỹ con dấu và chữ ký, tôi biết, anh tôi không tìm ra dấu vết nào là giả, nhưng vì biết tính tình của tôi, nên anh vẫn bán tín bán nghi.

Sau khi coi kỹ xong, anh ngẩng mặt nhìn tôi hỏi một câu thừa thãi:

- Giấy công tác này là thứ thiệt?

Tôi hỏi ngược lại:

- Anh có thấy chỗ nào giả không?

Anh nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Chú nói thật với anh, chú đào ngũ hay chú đi công tác?

Tôi trả lời chắc như đinh đóng cột:

- Anh đọc giấy là anh biết, em đi công tác...

Anh tôi lắc đầu:

- Đọc giấy tôi không tin. Tôi muốn chú trả lời anh một cách thành thực...

- Em đã trả lời anh rồi đó.

- Tôi muốn chú nói lại một lần nữa.

- Vâng, em nhắc lại với anh một lần nữa, em đi công tác.

- Chú phải biết, là các "đồng chí" trong xã ủy, xã đội sẽ "làm việc" với chú, chứ không phải chuyện chơi đâu.

- Anh cứ yên tâm, em sẽ xuống nhà chủ tịch xã trình giấy tờ công tác đảng hoàng và em sẽ "làm việc" với họ.

Anh gật đầu, có vẻ thoả mãn. Với tay lấy bình nước, rót vào ly, đẩy ly về phía tôi, anh nói:

- Chú uống nước đi. Tha lỗi cho anh, vì lo cho chú, nên quên cả mời chú uống nước.

Tôi cầm ly nước, uống một hơi cạn ly. Tính uống ly nữa, thì anh tôi sực nhớ tới bức điện tín, vội hỏi:

- Ủa, chú nói chú đi công tác, vậy sao có bức điện tín từ đơn vị đánh về nói chú đào ngũ?

Tôi cũng làm ra vẻ ngạc nhiên không kém:

- Anh đã coi kỹ bức điện tín đó chưa?

- Thì chính mắt anh coi rất kỹ. Điện tín như vậy làm sao mà giả được. Chính bưu điện ở đây gửi tới tận nhà "đồng chí" chủ tịch xã.

- Em không nói bức điện tín là giả, nhưng em nói người đánh điện tín phải là giả.

- Chú nói vậy là thế nào, anh không hiểu?

- Có nghĩa là người đánh bức điện tín là một tên nào đó, không phải là "thủ trưởng" trong đơn vị của em.



- Nhưng tại sao người đó lại biết rõ họ tên, địa chỉ của chú?  
- Ý em muốn nói là người đánh bức điện tín đó có thể là một người trong đơn vị em, nhưng không phải là cấp chỉ huy trong đơn vị.  
- Tại sao người trong cùng đơn vị của chú lại làm chuyện đó?  
- Có thể vì họ ghét em, hay vì một lý do nào đó, em không biết. Anh biết mà, đánh điện tín, thì ai ra bưu điện đánh chả được, muốn viết thế nào chả xong, miễn sao có tiền trả. Anh cứ yên tâm đi, chuyện này khi về đến đơn vị, em sẽ làm rõ trắng đen mọi chuyện, rồi cho anh biết.  
Nghe tôi nói với giọng quả quyết và nét mặt đầy tin tưởng, bình tĩnh, anh thấy có lý, nên gật gù nói:  
- Bây giờ thế này, chú đi xa về chắc là đang đói. Nhưng việc này rất quan trọng, phải giải thích "đã thông tư tưởng" làm sao để các "đồng chí lãnh đạo" hiểu rõ. Vì vậy, để mừng chú về chơi, anh sẽ bảo chị ở nhà nấu cơm chờ. Còn bây giờ anh với chú đi xuống nhà "đồng chí" chủ tịch xã để trình bày vấn đề. Chú thấy thế nào?  
- Anh nói vậy rất đúng. Em đi với anh ngay bây giờ để anh yên tâm, tránh phiền phức cho anh và gia đình mình...

Anh tôi vội vã quay ra, hạ chiếc xe đạp treo lơ lửng dưới mái nhà bằng hai sợi dây, bê chiếc xe qua bậu cửa, qua hè rồi xuống đến sân. Tôi bước ra theo anh.... Ngay lúc đó, có tiếng chó sủa, nhìn ra ngõ, trong bóng tối, chỉ có chút ánh sáng từ ngọn đèn hoa kỳ ở trong nhà chiếu ra mờ mờ, tôi thấy thấp thoáng bốn, năm bóng đen đang đi vô. Tiếp đó, tiếng chào hỏi ầm ĩ, ra về thân mật xuống xã nhưng vẫn không giấu được sự trịnh thượng của những người chức sắc cho chế độ. Vì mới xa quê chưa bao lâu, nên tôi nhận ra ngay, bốn, năm bóng đen bước vô nhà là chủ tịch xã, bí thư xã uỷ, xã đội trưởng và hai người du kích có trang bị súng ống đàng hoàng. Thì ra, có thể uỷ ban xã đã cho người theo dõi nhà anh tôi từ mấy ngày qua, hoặc ngay khi tôi về đã có người trông thấy, vội báo cho uỷ ban xã biết. Lập tức, họ vội kéo đến nhà tôi với ý định bắt tôi ngay tại trận về tội đào ngũ.

## KỶ 43

Với sự hiện diện của mấy người cán bộ của nhà nước địa phương, không khí trong nhà bỗng dưng khác hẳn. Chiếc đèn hoa kỳ từ mù được thay thế bằng chiếc đèn lớn hơn, tỏa ánh sáng nhiều hơn và rộng hơn. Chiếc đèn này bình thường được ngự trị trên tủ cao. Chỉ khi nào nhà có "khách quý" thuộc loại chức sắc của nhà nước, nó mới được hạ phong để ngắm nghía dung nhan những vị khách lạ. Chiếc ấm trà cũng được đem ra xúc rửa sạch sẽ. Một phong trà mới tinh được mở ra trước mặt những vị "khách quý". Bao thuốc lá Tam đảo cũng được ông anh tôi trịnh trọng đặt lên bàn. Tiếng chào hỏi của mọi người nghe rôm rả, vui vẻ và thân mật, nhưng không giấu nổi sự căng thẳng, nhất là khi có mặt của hai người du kích trang bị súng ống.

Quanh chiếc bàn chỉ có 4 chiếc ghế. Anh tôi và tôi ngồi hai chiếc. Còn hai chiếc dành cho chủ tịch xã và bí thư đảng uỷ xã. Mấy chiếc ghế đầu được mang ra cho xã đội trưởng và hai người du kích. Ngay lúc đó, bí thư đảng uỷ xã ghé tai xã đội trưởng thì thầm, xã đội trưởng gật đầu, rồi quay sang bảo hai người du kích ra ngoài hiên đứng.

Vì chuyện xảy ra đã lâu ngày, nên tôi không nhớ tên một ai trong số những vị "khách quý" đến nhà hôm đó. Nhưng tất cả những người cán bộ cộng sản từ cấp xã áp cho đến trung ương, bao giờ cũng nói chuyện với luận điệu tuyên truyền, áp đảo.

Sau những câu chào hỏi xã giao, bí thư đảng uỷ xã, ngồi ở ghế đối diện với anh tôi, cất tiếng hỏi:

- Hôm nay chúng tôi trong uỷ ban xã và đảng uỷ xã đến đây trước hết là thăm hỏi gia đình và "đồng chí" Chí vì được tin báo là "đồng chí" vừa mới ghé thăm nhà. Sau là chúng tôi cũng muốn biết "đồng chí" Chí về thăm nhà lần này có giấy phép của đơn vị hay không?

Anh tôi lễ phép đáp:

- Thay mặt cho gia đình, tôi xin có lời cảm ơn các "đồng chí" đã ghé thăm. Đêm hôm như thế này, mà các "đồng chí" không quản ngại thời gian, đường xá xa xôi, ghé thăm gia đình chúng tôi, khiến chúng tôi rất cảm động. Còn về chú Chí thì cũng xin được "báo cáo" với các "đồng chí" là chú trên đường đi công tác, có ghé thăm nhà trước khi chú trở lại đơn vị để lên đường đi B chiến đấu. Chú có giấy đi công tác đầy đủ. - Quay sang tôi, anh nói tiếp - Chú trình giấy tờ công tác cho các "đồng chí" kiểm tra...

Tôi rút tờ giấy công tác để xuống mặt bàn rồi đẩy về phía bí thư đảng uỷ xã. Bí thư đảng uỷ xã cầm tờ giấy đưa cho chủ tịch xã đọc, rồi nhìn tôi, y háng giọng:

- "Đồng chí" Chí đi công tác, nhân tiện ghé thăm nhà, trước khi lên đường đi B chiến đấu là điều đảng uỷ và uỷ ban rất hoan nghênh tinh thần chiến đấu của "đồng chí". Chúng tôi ở hậu phương sẽ hết sức yểm trợ tiền tuyến. Chúng tôi sẽ cố gắng làm đầy đủ bổn phận theo đúng chính sách đãi ngộ của đảng và nhà nước đối với những người đi B cũng như những gia đình có con em đi B. Nhưng trước khi nói đến chính sách đãi ngộ, chúng tôi cũng nói thẳng để "đồng chí" biết, hai tuần trước, uỷ ban có nhận được bức điện

tín từ đơn vị của "đồng chí", báo tin là "đồng chí" đã đảo ngũ. Ngay sau khi nhận được, "đồng chí" chủ tịch đã đến gặp tôi, và cả hai chúng tôi đã đến nhà "đồng chí" tìm hiểu tình hình thì được biết là "đồng chí" không hề về nhà. Bây giờ nghe "đồng chí" cho biết là "đồng chí" đi công tác, có giấy phép đảng hoàng thì chúng tôi lại càng hoan nghênh, nếu đó là sự thực. Nhưng cho đến bây giờ thì chúng tôi không biết thực hư thế nào, yêu cầu "đồng chí" giải thích?

Trước khi quyết định trở lại quê nhà, tôi đã lường trước được chuyện gì sẽ xảy ra, và đã nghĩ đến cách thức để đối phó. Tôi biết, toàn bộ mạng lưới cầm quyền địa phương, từ quận xuống đến xã ấp, của nông thôn Miền Bắc luôn luôn nhường nhịn những người bộ đội đi B. Những câu chuyện, bộ đội đi B ngang ngược phá phách, hành hung công an, cán bộ địa phương, tại các tiệm ăn, bến xe, cửa hàng bách hóa... khá phổ biến ở Miền Bắc vào thời bấy giờ. Thậm chí có cả những thanh niên, bị cán bộ xã ấp o ép, hành hạ trong suốt nhiều năm, đã chọn giải pháp "tình nguyện" đi bộ đội, để có dịp "đội nón cối, đi dép râu" trở lại quê nhà trả thù... Vì vậy, đối với nhà cầm quyền CS ở làng xóm thôn quê Miền Bắc, khi có một người bộ đội về thăm quê, chuẩn bị lên đường đi B, bao giờ họ cũng phải tìm cách chiều chuộng, cho mọi sự êm đẹp, trước khi "chúng đi cho khuất mắt".

Hiểu rõ tâm lý của mấy người cán bộ xã, và biết được thế thượng phong của mình, tôi trả lời ngắn gọn:

- Tôi không biết "đồng chí" yêu cầu giải thích điều gì?

Viên xã đội trưởng sáng giọng, nói chớ vô:

- "Đồng chí" đảo ngũ, có giấy tờ của đơn vị gửi về rõ ràng rành rành. Bây giờ "đồng chí" lại bảo đi công tác là thế nào?

Tôi nhìn thẳng vào mặt viên xã đội trưởng, nói:

- Tôi bảo tôi đi công tác là tôi có giấy tờ chứng minh đảng hoàng. Giấy đi công tác do sự đoàn cấp, có đóng dấu và chữ ký của sự đoàn trưởng. "Đồng chí" bảo tôi đảo ngũ, có phải "đồng chí" bảo giấy đi công tác của tôi là giấy giả?

Quay sang phía chủ tịch xã, tôi nói:

- "Đồng chí" chủ tịch đã xem giấy công tác của tôi, xin cho biết, đó là giấy giả hay thật?

Xã đội trưởng định nói gì, nhưng bí thư đảng uỷ xã trừng mắt nhìn, nên y hậm hực im lặng. Dưới gầm bàn, tôi thấy bàn chân của anh tôi dẫm nhẹ, ra hiệu. Tôi hiểu ý, anh muốn tôi ăn nói phải lễ phép. Tôi thực tâm cũng không muốn cứng rắn với họ làm gì. Nhưng tôi hiểu, nếu tôi không cứng rắn, tôi sẽ bị rơi vào thế kẹt, nguy hiểm. Trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, tôi phải lấy công làm thủ.

Chủ tịch xã nhìn tờ giấy công tác, gật gù nói, giọng hiểu biết:

- Với kinh nghiệm và "lập trường" của tôi, tôi không thấy tờ giấy công tác này có dấu hiệu gì là giả. Họ tên, địa chỉ, thời gian công tác đều rõ ràng. Dưới có đầy đủ chữ ký và tên của sự đoàn trưởng. Lại có cả con dấu của sự đoàn nữa. Với trình độ tiên tiến của ta hiện nay, làm được tờ giấy công tác loại này thì tôi dám đảm bảo không có ai làm giả được. Chỉ có điều.... Chỉ có điều...

Khi nói câu "chỉ có điều..." hai lần, viên chủ tịch xã nhìn thẳng vô mắt tôi rồi bỏ lửng không nói. Bí thư đảng uỷ đỡ lời:

- Chỉ có điều... là tờ điện tín báo tin "đồng chí" đảo ngũ cũng không thể là giả.

Tôi hỏi:

- Các "đồng chí" có thể cho tôi xem tờ điện tín đó được không?

Chủ tịch xã quay nhìn bí thư đảng uỷ. Bí thư gật đầu. Chủ tịch xã lôi trong xà cọt ra tờ giấy màu vàng gấp tư, đưa cho tôi. Mở tờ giấy ra coi, tôi thấy phía trên ghi tên người gửi vắn vắn có mấy chữ dính liền. Phía dưới là người nhận và địa chỉ. Nội dung bức điện tín chỉ có một câu chạy dài. Lâu ngày, tôi không còn nhớ chi tiết, nhưng đại khái báo tin cho ủy ban xã biết, Nguyễn Hữu Chí đã đảo ngũ ngày... tháng... năm... Yêu cầu các đồng chí hữu trách áp dụng những biện pháp cần thiết để đương sự trở lại đơn vị gấp.

Gấp tờ điện tín lại làm tư, trao lại cho chủ tịch xã, tôi nói:

- Thú thực với các "đồng chí" tôi rất ngạc nhiên không hiểu sao lại có bức điện tín này. Các "đồng chí" có thể cho tôi biết, người đánh bức điện tín là ai? Cấp bậc, chức vụ của người đó là gì được không?

Chủ tịch xã ú ớ nhìn bí thư đảng uỷ. Cả hai đều không thể ngờ, tôi hỏi câu đó. Thông thường, gửi một bức điện tín, người gửi bao giờ cũng tiết kiệm tiền bằng cách đánh thật ngắn gọn, nên ít khi ghi đầy đủ tên họ, địa chỉ của mình. Hơn nữa, vì là điện tín, nên trong một bức điện, không có bất cứ bằng chứng nào chứng tỏ, tên họ, chức vụ của người đánh là thật. Nắm được những điểm quan trọng này, tôi mềm mỏng nói:

- Thưa các "đồng chí", tôi đi công tác có giấy tờ đảng hoàng do sự đoàn cấp. Nếu các "đồng chí" cần, tôi có thể cung cấp đầy đủ tên họ, cấp bậc, chức vụ, địa chỉ và số điện thoại của người chịu trách nhiệm, để các đồng chí ra bưu điện gọi điện thoại về đơn vị của tôi phổ kiểm cho rõ ràng. Còn tờ điện tín này, tôi không biết ai gửi và vì sao gửi, nhưng tôi dám cam đoan, đó là tờ điện tín giả mạo, mà bất cứ ai ra bưu điện cũng làm được....

Bí thư đảng uỷ ngắt lời:

- Nhưng không phải bất cứ ai cũng biết rõ họ tên, địa chỉ của "đồng chí", mà họ gửi?

Tôi đồng ý:

- "Đồng chí" nhận xét rất đúng. "Bất cứ ai" ở đây phải là người biết rõ tôi. Người đó có thể ở trong cùng đơn vị của tôi, hoặc ở một đơn khác, nhưng biết rõ tôi...

Bí thư đảng uỷ nhân mặt:

- Tại sao họ biết rõ "đồng chí" mà họ lại đánh điện tín nói "đồng chí" đào ngũ?

Tôi tỏ vẻ thận trọng:

- Cho đến bây giờ tôi cũng không biết tại sao họ lại làm như vậy. Nhưng tôi đoán, có thể người đó không ưa tôi, hoặc vì chuyện gì đó, họ có thù oán với tôi. Chuyện này như thế nào, sau khi trở lại đơn vị, tôi sẽ tìm hiểu thật kỹ lưỡng, rồi sẽ "báo cáo" đầy đủ với các "đồng chí". Nếu cần, tôi sẽ yêu cầu đơn vị viết thư cho các "đồng chí" tường trình đầu đuôi mọi chuyện.

Nghe tôi nói đến đó, bí thư đảng uỷ và chủ tịch xã đều gạt gù ra vẻ thoải mái. Riêng xã đội trưởng vẫn ngồi im, thái độ không thân thiện, nhưng vì vị thế thấp kém, nên y không tiện phát tác. Tôi giáng tiếp một đòn tâm lý:

- Thưa các "đồng chí", tôi đi công tác có giấy tờ đầy đủ, và các "đồng chí" đã xem xét giấy tờ đó kỹ lưỡng. Tôi biết, khi đi công tác đáng lẽ tôi không được phép ghé thăm nhà. Vì vậy, nếu các "đồng chí" không thể thông cảm cho phép tôi ở lại với gia đình trong vài ngày, thì ngay sáng mai, tôi sẽ lên đường trở lại đơn vị.

Bí thư đảng uỷ cười lớn, tay xoa lấy xoa để:

- Thông cảm, thông cảm, hoàn toàn thông cảm. "Đồng chí" cứ thoải mái ở lại đây cho đến khi nào hết phép thì trở lại đơn vị. "Đồng chí" cũng thông cảm cho chúng tôi vì phải thi hành nhiệm vụ nên đã làm phiền "đồng chí" và gia đình. Bây giờ mọi chuyện đã rõ ràng, chúng tôi rất an tâm, không còn phải lo ngại gì nữa. Còn về chính sách đãi ngộ bộ đội đi B khi về thăm nhà thì "đồng chí" chủ tịch xã sẽ làm việc với "đồng chí" thật đầy đủ và xứng đáng...

Chủ tịch xã vui vẻ tiếp lời:

- Theo chính sách của đảng và nhà nước, mỗi người bộ đội đi B về thăm nhà đều được xã cấp cho một cây thuốc lá, nửa ký lô đường, và tem phiếu để mua 2 ký lô gạo nếp, 2 ký lô gạo tẻ, 1 ký lô thịt lợn. "Đồng chí" cứ yên tâm, sáng mai đến văn phòng ủy ban xã, chúng tôi sẽ cho người trao cho "đồng chí" đầy đủ. Trong thời gian ở lại đây, nếu "đồng chí" cần chúng tôi giúp đỡ thêm gì, cứ mạnh dạn "đề xuất" với chúng tôi.

Nói xong, chủ tịch xã, bí thư xã, xã đội, đứng dậy vui vẻ bắt tay hai anh em chúng tôi, rồi cùng với hai người du kích bước ra khỏi nhà. Khi mấy cái bóng đen khuất sau hàng rào dâm bụt, rồi chìm hẳn trong bóng tối, anh tôi đưa tay quệt mồ hôi trán, rồi thở dài mệt nhọc, không nói một câu. Tôi lặng lẽ bước ra ngoài sân, hít một hơi thở thật sâu, nhìn lên bầu trời đầy sao, và bàng hoàng nhận ra cái thân phận mỏng manh, con sâu con kiến, của một kiếp người trong guồng máy khổng lồ, dán nhãn hiệu cộng sản...

## KỶ 44

Trên chuyến tàu hỏa từ Hà Nội về thị xã Hà Nam vào tháng 5 năm 1975, tôi đã nhớ lại lần về quê thăm gia đình 5 năm trước đó. Lúc đó, trong hoàn cảnh chiến tranh và khoa học kỹ thuật còn vô cùng lạc hậu, nên việc liên lạc, phối kiểm tin tức giữa các tỉnh, huyện là điều rất khó khăn. Nhờ vậy, tuy uỷ ban xã nhận được giấy báo tôi đào ngũ, nhưng tôi vẫn dễ dàng qua mặt uỷ ban xã, để được an toàn ở lại quê nhà hơn một tuần lễ. Nhưng bây giờ trở lại quê nhà trong một hoàn cảnh hoàn toàn khác, tôi sẽ phải đối diện với nhiều nguy hiểm hơn. Trong những năm tháng ở Miền Nam tự do, tôi đã dứt khoát chọn cho mình con đường, cùng với quân dân Miền Nam, tích cực đóng góp công sức nhỏ bé của mình trong công cuộc chống cộng sản, bảo vệ Miền Nam. Bất chấp mọi lời can ngăn, tôi quyết định công khai tên tuổi thật, địa chỉ thật, trong mọi việc làm chống cộng sản. Ngoài việc làm xưởng ngôn viên cho những chương trình của Bộ Chiêu Hồi trên đài phát thanh và truyền hình, tôi còn trực tiếp lên tiếng trên đài VOA mỗi tuần vài lần (vì đã lâu, nên tôi không còn nhớ chính xác số lần), kể lại những tội ác của cộng sản, và kêu gọi đích danh tất cả những người thân yêu, bằng hữu của tôi hãy sớm nhìn rõ bộ mặt thật của cộng sản. Vì vậy, tôi biết, trong chuyến trở về quê hương lần này, tôi có thể gặp nguy hiểm nếu bị phát hiện. Biết vậy, nhưng vì tình yêu thương sâu xa dành cho thân phụ, cùng những ân hận về những lầm lỡ của thuở ấu thơ, đã khiến tôi bất chấp mọi nguy hiểm, nhất định về thăm mộ Thầy tôi trước khi tôi tìm đường vượt biên.

Tôi xuống ga Phủ Lý vào lúc 11 giờ đêm. Nhà ga Phủ Lý lúc đó vẫn tiêu điều, đổ nát, hậu quả từ những cuộc oanh tạc của máy bay Mỹ và chính sách "sơ tán", "tiêu thổ kháng chiến" của cộng sản Hà Nội. Nhưng bao trùm lên quang cảnh đổ nát, tiêu điều của thị xã, vẫn là những tấm bích chương cực lớn, những khẩu hiệu thật to, ca ngợi cái gọi là "chiến thắng giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước" của những người cộng sản. Bên cạnh đó là những tấm hình Hồ Chí Minh khổng lồ, với những khẩu hiệu ca ngợi HCM, và kêu gọi mọi người tham dự lễ kỷ niệm ngày sinh 19-5 của HCM. Nhìn những khẩu hiệu, bích chương và những tấm hình của HCM, tôi không hiểu tại sao, dân tộc Việt Nam với 4000 năm văn hiến, đã bước vào

thế kỷ 20 với không biết bao nhiêu nhân tài, truyền thống cao đẹp, vậy mà dân tộc đó vẫn bị cộng sản kìm kẹp, nô lệ, đầu độc... để tôn thờ HCM, một tên tội phạm hai tay nhuộm đầy máu của những người dân vô tội. Mỗi dân tộc đều có những thần tượng. Nhìn vào những thần tượng được tôn thờ, nhân loại sẽ đánh giá được quá khứ, hiện tại và tương lai của dân tộc đó. Hitler chỉ được dân tộc Đức ảo tưởng coi là "anh hùng" có khoảng hơn 5 năm, rồi sau đó Hitler trở lại nguyên hình của một tội phạm chiến tranh. Trong khi đó tại Miền Bắc, tội phạm HCM được cộng sản thù ghét trở thành "cha già dân tộc" suốt mấy chục năm, nhưng chỉ có một vài người dám nói lên sự thực, và tất cả những người dám nói sự thật đó đều phải sống trong lao tù. Đau lòng hơn, cả một tầng lớp trí thức, nhà văn, nhà thơ, nhà báo Miền Bắc, tuy nhìn rõ sự thực, nhưng chỉ vì tem phiếu của mấy chục kí lô gạo, mấy chục lạng thịt, lạng đường, họ đã thần nhiên chà đạp tinh thần "sĩ phu Bắc Hà", viết văn thuê, làm thơ mướn, ra rả ca ngợi đồ tể Hồ Chí Minh lên tận mây xanh. Thơ văn của họ đã đầu độc suốt mấy thế hệ thanh thiếu niên Miền Bắc trong suốt những thập niên dài. Và tôi nghĩ, khi nào cộng sản còn tồn tại trên quê hương Việt Nam, khi nào tội phạm HCM còn là "thần tượng" xuất hiện trong các công viên, trên các đường phố Việt Nam, khi đó, tổ quốc dân tộc Việt Nam còn bị chìm đắm trong nô lệ, khổ đau.

Đặt chân xuống ga Phủ Lý lúc trời đã khuya nên không còn xe khách. Tại thị xã Phủ Lý, tôi có một vài người bạn rất thân, cùng chí hướng ở tuổi hoa niên, nhưng tôi không muốn nhờ vả một ai vì sợ họ bị liên lụy. Từ ga Phủ Lý về đến quê tôi chỉ khoảng 15 cây số. Tôi dự tính đi bộ không đầy 3 tiếng, tôi sẽ về đến quê vào khoảng 1, 2 giờ sáng. Thăm mộ Thầy xong, tôi sẽ trở lại Phủ Lý vào rạng sáng hôm sau, để đáp tàu trở lại Hà Nội.

Đêm hôm đó, sau ba giờ đồng hồ đi bộ, tôi đặt chân lên quê hương nhưng không dám về nhà. Tôi biết, trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, nếu về nhà, tôi sẽ làm kinh động gia đình và làm liên lụy đến nhiều người. Thậm chí, trong một xã hội mà chế độ cộng sản đã thiết lập được cả một mạng lưới "mỗi người dân là một người công an", nếu về thăm nhà, tôi sẽ dễ dàng bị hàng xóm phát hiện, và không sớm thì muộn tôi sẽ bị bắt giữ. Khi đó, không những bản thân tôi gặp nguy hiểm, mà còn nhiều người thân trong gia đình gặp khốn khó.

Quê tôi có hai nghĩa địa lớn và khi ở Hà Nội, chị tôi đã nói cho tôi biết, mộ của Thầy tôi ở nghĩa địa nào. Tối hôm đó, tôi đã bí mật đến được tận nơi, nhưng tôi không thể nào tìm được mộ của Thầy. Tôi chỉ biết chung chung, mộ của Thầy có một tấm mộ chí sơ sài, bên cạnh vài hòn đá. Vì vậy, tìm ra mộ của Thầy giữa một nghĩa địa rộng mênh mông, mờ mịt chập chùng trong đêm tối là điều vô cùng khó khăn. Sau khoảng thời gian gần một tiếng đồng hồ vừa khóc, vừa tìm kiếm mộ của Thầy nhưng không thấy, tôi đành phải bỏ cuộc, vì tôi phải cố gắng trở lại ga Phủ Lý vào sáng sớm để đáp tàu trở lại Hà Nội. Tôi không thể nấn ná ở lại đợi bình minh, vì khi đó, nếu gặp người quen nhận ra, tôi có thể bị bắt ngay. Ở Miền Nam nếu bị bắt, tôi còn có cơ hội giống như con cá bơi trong nước, có thể nương tựa vào người dân Miền Nam để tẩu thoát, vì người dân Miền Nam chưa hề bị cộng sản nhuộm đỏ, lòng người vẫn còn cực kỳ đôn hậu, sẵn sàng cứu giúp những nạn nhân của cộng sản. Còn nếu tôi bị bắt ở trên Miền Bắc, tôi sẽ giống như con cá mắc cạn, vì người dân Miền Bắc trải qua mấy chục năm sống trong chế độ cộng sản, ngay cả vợ chồng, cha con, anh em, còn không tin được nhau, nói gì đến chuyện cứu giúp người dưng nước lã để rồi mang họa...

Quá mệt mỏi, cộng với nỗi xúc động, đau khổ vì thương nhớ Thầy, cùng nỗi kinh hoàng lo sợ trước viễn ảnh vô cùng đen tối của cuộc đời mình, tôi níu lấy một cành cây (hình như là cây nhãn thì phải), rồi vừa khóc, tôi vừa đọc kinh cầu nguyện cho Thầy. Tuy gia đình của tôi là đạo gốc mấy đời ở làng Đầm, nhưng vì lớn lên trong chế độ cộng sản vô thần, cấm đạo, việc dạy dỗ kinh bản cho con cháu trong nhà vừa là điều cấm kỵ, vừa là chuyện nguy hiểm cho mọi người, kể cả tương lai của con cháu, nên tôi chỉ thuộc có kinh Lạy Cha và kinh Kính Mừng. Tôi cũng cầu xin Thầy tôi phù hộ cho tôi trong những ngày tháng sắp tới được tai qua nạn khỏi, đến được bến bờ bình an ở một nơi nào đó ngoài lãnh thổ Việt Nam...

Khoảng bốn giờ sáng, tôi âm thầm rời khỏi nghĩa địa, trở lại Phủ Lý trong tâm trạng của một người phải vĩnh biệt quê hương. Tôi biết rằng, ra đi lần này tôi sẽ mãi mãi không bao giờ được trở lại quê nhà. Kinh nghiệm sống với cộng sản trong mấy chục năm, cùng với thảm họa cộng sản tại nhiều quốc gia, và nhất là sau chiến thắng xâm lăng của cộng sản tại Miền Nam vào thời điểm đó, khiến tôi đau lòng tin rằng, bóng ma cộng sản sẽ đè nặng trên quê hương tôi không biết đến bao giờ...

Tôi lủi thủi đi dọc theo con đường có hàng trăm cây nhãn xum xuê dọc theo hai bên đường. Từ con đường này, nhìn về phía bên trái là dòng sông Châu quanh co uốn khúc, chảy hiền hòa qua bao nhiêu làng mạc, trong đó có núi Đọi, Đệp, quê ngoại của tôi, và mái trường tôi học khi còn bé. Bao nhiêu kỷ niệm của tôi thời ấu thơ gắn liền với dòng sông Châu như hình với bóng. Tôi nhớ lại những buổi Thầy tôi lấy dây thừng buộc ngang lưng tôi rồi quẳng tôi xuống sông để tôi tập bơi; những buổi trưa hè, tôi ngồi quạt cho Thầy tôi ngủ, rồi trốn ra sông bơi lội cùng lũ trẻ chăn trâu cho đến tận chiều tối mới rón rén mò về để ăn đòn; những hôm cùng bạn bè bơi qua sông hái nhãn, hái ổi của hợp tác xã, bị bắt; rồi những buổi tối bên sông, khi mùa hè đến, chúng tôi trong lứa tuổi 15, 16, tâm tình trong nhút nhát, vụng về để rồi nhớ mãi "cái thuở ban đầu

lưu luyến ấy, nghìn năm chưa dễ mấy ai quên"... Trời rạng sáng hôm đó, mưa lát phát thật nhẹ, đủ để ướt một mái tóc, một bờ môi, một hàng mi... Đường quê hương là đường phù sa cát bồi tôi đã đi suốt bao nhiêu năm chân trần, nên bây giờ dù đi giày, tôi vẫn cảm nhận được cái mịn màng mát lạnh của đất, khi nước mưa thấm nhanh vào lòng đất. Bước đi dưới mưa, trong niềm đau của người con phải vĩnh viễn lìa xa muôn vàn kỷ niệm cùng dòng sông của quê hương, tôi băng khuôn nhớ đến bài thơ Nhớ con sông quê hương của nhà thơ Tế Hanh....

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc  
Nước gương trong soi tóc những hàng tre  
Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè  
Toả nắng xuống dòng sông ấm áp  
Chẳng biết nước có giữ ngày giữ tháng  
Giữ bao nhiêu kỷ niệm giữa dòng trôi  
Hỡi con sông đã tắm cả đời tôi  
Tôi giữ mãi mối tình mới mẻ...*

Trong niềm đau khổ của một người vĩnh biệt quê hương, tôi đã không trở lại ga Phủ Lý qua những con đường cũ. Tôi đã chọn con đường dọc theo sông Châu, để được nhìn lại những phong cảnh cũ, được sống lại những kỷ niệm xưa. Gió sông lồng lộng thổi, sóng sông dào dạt khiến tôi nhớ lại ngót hai chục năm trước, khi tôi mới 7, 8 tuổi, hai bố con tôi đã phải lên đênh trên một chiếc thuyền dọc, rời khỏi làng Đàm, nơi có không biết nhiều oan nghiệt, khổ đau cho gia đình tôi, khi Thầy của tôi bị đội cải cách ruộng đất quy kết "tội địa chủ cường hào, ác bá"... Những oan nghiệt, khổ đau đó vẫn còn hằn sâu trong tâm hồn mỗi người trong gia đình tôi trong suốt bao nhiêu năm tháng, thậm chí cả nửa thế kỷ sau, kể từ những năm tháng oan nghiệt của cuộc cải cách ruộng đất, ngay tại Úc, gia đình tôi mỗi khi có dịp đoàn tụ, đều nhắc lại những kỷ niệm đau thương, đầm đìa máu và nước mắt của gia đình, trong đó có hình ảnh giữa trưa nắng, Thầy tôi phải quỳ, trên đầu phải đội một thúng đá, chung quanh là một vòng tròn vẽ bằng vôi, mỗi khi Thầy tôi mệt quá, bị gục xuống là bị đánh đập dã man... Tôi biết, tất cả những kinh nghiệm đau thương đầy máu và nước mắt mà gia đình tôi đã trải qua, chỉ là một trong muôn triệu phần khổ đau mà dân tộc Việt Nam phải gánh chịu trong suốt những năm tháng dài dưới chế độ cộng sản. Cùng với kinh nghiệm đau thương của gia đình, của quê hương làng xóm, của đất nước dân tộc... dưới sự đoạ đầy của chế độ cộng sản, khi đó tôi biết, kể từ nay (tháng 5 năm 1975) trở đi, người cộng sản sẽ tiếp tục tung hoành trên hình hài của đất nước, thảm họa cộng sản sẽ tiếp tục sinh sôi nảy nở từ bắc vô nam, tội ác của cộng sản sẽ tiếp tục lan tràn từ Mục Nam Quan đến Mũi Cà Mau... với mức độ ghê rợn và tàn nhẫn gấp bội phần ngày xưa. Tuy nhiên, ở thời điểm đó, tôi vẫn không thể ngờ được, cùng với thảm cảnh chạy nạn cộng sản, phải vượt biên vượt biển tìm tự do; cùng với bi kịch của trẻ em và phụ nữ Việt Nam bị xuất cảnh ra hải ngoại làm điếm, làm nô lệ tình dục; cùng với tội cắt đất cắt biển dâng cho cộng sản Tàu... cộng sản VN đã trở thành đảng Việt gian bán nước; và tội ác của chúng đã vượt khỏi biên cương quốc gia, khiến CSVN trở thành kẻ thù chung của nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới...

## KỶ 45

Khoảng cuối tháng 5 năm 1975, tôi từ biệt Mẹ lên đường trở lại Miền Nam, để tính chuyện vượt biển, vượt biên ra ngoại quốc. Đêm cuối cùng, cả hai Mẹ con tôi đã thức trắng trong đau thương và nước mắt. Tôi được nghe Mẹ tôi kể lại những kỷ niệm u buồn, xót xa của Mẹ trong quá khứ... Hai Mẹ con tôi đã ôm nhau mà khóc trên chiếc giường độc nhất, trong căn nhà chỉ có duy nhất một phòng vừa là phòng ăn, phòng ngủ, phòng tiếp khách. Qua những đau khổ chấp nối, không theo thứ tự thời gian, không gian của Mẹ, tôi thấm thía nỗi khổ đau của của những người phụ nữ Việt Nam.... Sinh ra và lớn lên trên một đất nước nông nghiệp lạc hậu, liên tục có chiến tranh, đất nước đó lại có hủ tục "trọng nam khinh nữ", "chồng chúa vợ tôi"... suốt mấy ngàn năm, nên người phụ nữ Việt Nam phải gánh chịu không biết bao nhiêu nỗi khổ đau chồng chất. Còn hạnh phúc nếu có đến với họ, cũng chỉ mong manh và hiếm muộn như những tia nắng yếu ớt hiện ra trong chốc lát của mùa đông băng giá...

Không biết bao nhiêu người phụ nữ Việt Nam, thưở ấu thơ đã từng xót xa khóc cho thân phận những người phụ nữ trong truyện Tắt Đèn của Ngô Tất Tố, Chân Trời Cũ của Hồ Dzếnh, Bỉ Vỏ của Vũ Trọng Phụng, Nửa Chừng Xuân của Khái Hưng, Đoạn Tuyệt của Nhất Linh,... để rồi khi lớn lên, nước mắt của họ lại tiếp tục lăn rơi cho muôn ngàn nỗi khổ đau bi phẫn mà chồng con, và chính bản thân họ phải gánh chịu trên khắp mọi nẻo đường của đất nước. Nhưng thê thảm hơn, cay nghiệt hơn, vào giữa thế kỷ 20, cùng với sự xuất hiện của bóng ma cộng sản trên quê hương Việt Nam, số phận của người Việt Nam nói chung, người phụ nữ nói riêng, đã rơi xuống xuống mức tận cùng của khổ đau, đói khát và chết chóc.

Chính mắt tôi đã chứng kiến những người vợ, những người mẹ ở quê tôi phải chịu trăm đắng nghìn cay với muôn vàn khổ đau do chế độ cộng sản gây nên. Đó là những người cô gái tuổi con rất trẻ nhưng vĩnh viễn không được đến trường học chỉ vì lý lịch gia đình; những bà mẹ có chồng con phải đi bộ đội, ở nhà quần quật một nắng hai sương, bán lưng cho trời bán mặt cho đất quanh năm suốt tháng, vẫn không đủ ngô khoai, rau củ để nuôi sống gia đình. Trong những năm đi trọ học xa, chính mắt tôi đã chứng kiến cảnh những bà mẹ, lưng còng tóc bạc, quần áo rách rưới, nét mặt hằn nổi khổ đau, khóc lóc thảm thiết ở giữa chợ chỉ vì mang ra chợ bán mấy cây mía, ngọn rau, củ khoai,... được trồng ngay trên mảnh đất bé xíu của nhà mình, nhưng vẫn bị cán bộ lương thực nhà nước tịch thu, đập phá...

Tôi biết, tất cả những nỗi khổ đau tôi đã chứng kiến, chỉ là muối bỏ biển so với muôn triệu nỗi khổ đau mà những người phụ nữ Việt Nam phải gánh chịu trong chế độ cộng sản. Và tất cả những khổ đau đó vào thời điểm 1975 trở về trước, quả thực không thấm vào đâu so với những thảm cảnh người phụ nữ Việt Nam tiếp tục gánh chịu từ 1975 cho đến nay. Trong suốt mấy chục năm dài kể từ khi cộng sản chiếm được Miền Nam, đã bao nhiêu người phụ nữ Việt Nam phải khóc khi đi thăm chồng, con trong các trại cải tạo? Bao nhiêu người vợ, người mẹ, phải khóc trong tử biệt sinh ly khi chồng con của họ bị cộng sản hành quyết, chôn sống, tống tù? Bao nhiêu phụ nữ Việt Nam phải chết trên đại dương, trong rừng sâu, trên đường vượt biển, vượt biên, tìm tự do? Bao nhiêu người mẹ đã phải khóc khi con gái của họ mới trên dưới mười tuổi đã bị xuất cảnh sang nước ngoài làm điếm? Bao nhiêu cô gái Việt đã phải khóc khi mang thân làm vợ những ngoại nhân ở miền đất lạ cách quê nhà cả vạn cây số, trong khi ngôn ngữ thì bất đồng, phong tục lại không biết?... Chính những đau thương này khiến tôi nhận ra, nếu đất nước Việt Nam đau thương của tôi trong thời Pháp thuộc đã có những bi kịch như chị Dậu trong Tắt Đèn của Ngô Tất Tố; vợ Tràng trong Vợ Nhặt của Kim Lân,... thì ở cuối thế kỷ 20, dưới sự cai trị của những người cộng sản, những bi kịch của người phụ nữ Việt còn hiện ra muôn phần thê thảm trên khắp địa cầu. Những khổ đau đó thật muôn hình vạn trạng, không bút mực nào kể xiết, và dù cho cả thế giới này có tưởng tượng, cũng không thể nào tưởng tượng hết những khổ đau mà người con gái Việt phải gánh chịu khi phải lấy những người chồng quê cụt nơi đất khách, hay phải làm điếm tại gia cho cả ba thế hệ của một gia đình "tam đại đồng đường"... Khi trở lại Miền Nam, tôi không thể ngờ được, chuyến đi ra Bắc chớp nhoáng của tôi đã khiến chính gia đình bà chị nghi ngờ tôi là VC nằm vùng, hay nói đúng hơn, gia đình bà chị đã nghi tôi là hồi chánh giả. Dĩ nhiên, lúc đó, trong không khí của một thành phố bị cộng sản chiếm đóng, mọi chuyện nghi ngờ đều được gia đình bà chị giữ kín, không hề nói cho tôi biết. Cho đến gần một năm sau, khi tôi bị cộng sản bắt giam tại Trung tâm thẩm vấn hỗn hợp Việt Mỹ ở Tô Hiến Thành, chị tôi vô thăm tôi trong tù, mới vừa khóc vừa ân hận nói về những nỗi nghi ngờ của chị đối với tôi trong quá khứ. Nghe chị nói, tôi không buồn giận gì. Trái lại, tôi thậm cảm ơn chị, vì qua đó tôi thậm thía được một điều, trong cuộc sống, khi những người chung quanh thực sự có những nghi ngờ hay hiểu lầm về tôi, phần lớn là do chính tôi gây ra. Làm sao chị tôi không nghi ngờ tôi cho được, khi cộng sản mới chiếm Sài Gòn không đầy một tuần lễ, tôi đã có đầy đủ giấy tờ để trở về Miền Bắc, rồi khoảng hơn một tháng sau, tôi lại ung dung trở lại Miền Nam, mà không hề gặp phải bất cứ sự khó khăn nào? Thì ra trong cuộc sống, nhiều lúc tôi chỉ biết hành xử theo tình cảm, sở thích của mình, mà quên mất rằng, qua những việc làm đó, những người thân chung quanh mình có thể đánh giá sai về mình.

Trước 30-4-1975, tôi được ở trong một căn phòng nhỏ thuộc Bộ Dân Vận Chiêu Hồi ở 272 Hiền Vương. Sau khi cộng sản chiếm Miền Nam, tôi bị cộng sản đuổi ra ngoài, nên phải trở về sống với gia đình bà chị. Trong cảnh đói đời lúc đó, phần vì thiếu thốn trăm thứ, phần muốn che mắt thế gian, nên bà chị đã cho mượn tầng dưới làm quán nhậu. Và đây là đầu dây mối nhợ khiến tôi bị CS bắt, vào khoảng giữa năm 1976.

Giống như hầu hết người Miền Nam lúc đó, ngay sau khi trở lại Miền Nam vào tháng 6 năm 1975, tôi đã nôn nóng tìm đường vượt biên, nhưng không thành công. Trong hoàn cảnh lúc đó, tôi không tiền bạc, lại chẳng quen biết ai, những người thân của tôi đều gặp cảnh khốn khó, nên tôi thấy không thể có tiền, vàng, để đi theo đường biển, mà chỉ có con đường vượt biên bằng đường bộ qua ngã Đông Hà, Quảng Trị, là nơi trước đây tôi ít nhiều quen thuộc. Quyết định như vậy, nhưng khi nguy hiểm chưa đến chân, tôi vẫn sống lay lắt chờ thời, chứ không dám lên đường vượt biên để phải đối diện với những nguy hiểm chết chóc.

Suốt thời gian gần một năm trời, tôi cố gắng né tránh mọi giao tiếp với công an, bộ đội trong khu vực, mỗi khi họ ghé vô quán ăn nhậu. Vào một buổi chiều nọ, đi đâu về không nhớ, tôi phải đi qua tầng dưới là quán nhậu trước khi leo cầu thang lên phòng của tôi. Bước vào quán, tôi thấy ngay trong quán lúc đó, người ăn nhậu không nhiều. Ở bàn trong cùng có ba người tuổi trung niên đang ngồi nhậu, nhưng rất lặng lẽ. Góc ngoài cùng có khoảng 5, 6 người vừa mặc đồ bộ đội, vừa mặc đồ thường, đang ăn nhậu âm ỉ, cãi lộn huyên náo. Trong chiếc bàn nhỏ ở phía trong quầy tính tiền, ông anh rể của tôi đang ngồi nhâm nhi với ông chủ quán. Chủ quán là một người đàn ông trạc tuổi trung niên, giàu nghề sĩ tính, có gương mặt phúc hậu vui vẻ, thích giao du bằng hữu, nên rất hợp tính ông anh rể của tôi.

Trông thấy tôi, ông chủ quán liền kéo tôi ngồi xuống làm một ly. Uống xong ly rượu, chưa kịp cầm đĩa, tôi bỗng nghe thấy trong bàn nhậu của mấy người bộ đội có người lớn tiếng chửi rửa thi sĩ Nguyễn Bình là "nhà thơ phản động" thời Văn Nhân Giai Phẩm.

Với tôi, nhà thơ Nguyễn Bình là một thần tượng trong số những thần tượng của tôi thời tiền chiến. Thời gian ở Miền Bắc, suốt hai mươi năm sống trong sự kìm kẹp của cộng sản, nhưng tôi cũng đã đọc lên nhiều sách cấm trong đó có những tập thơ của Nguyễn Bình. Tôi cũng còn được đọc những bài thơ của Nguyễn Bình được những người ái mộ chép tay, bí mật chuyền cho nhau coi. Trong những năm đầu thập niên 1960, tôi và một số bạn học đã chầu chực ở phòng văn hóa xã Nhân Hoàng, huyện Lý Nhân, để được thấy mặt Nguyễn Bình, vì nghe phong phanh ông có về đó họp, nhưng không gặp. Sau này, vô Miền Nam, tôi mới được đọc và học thuộc lòng thật nhiều thơ văn của ông, trong đó có bài trường thi Hoa Và Rượu. Tôi cũng biết, trong chương trình học của học sinh cấp 1, 2 và 3 tại Miền Bắc có những bài thơ rất "đỏ" đi theo đúng đường lối của đảng cộng sản, được Nguyễn Bình sáng tác từ năm 1954, sau khi ông "tập kết" ra Miền Bắc. Nhưng điều đó không hề làm suy giảm lòng ái mộ của tôi dành cho ông.

Vì vậy, khi nghe những người bộ đội phỉ báng ông, tôi đã giận mất khôn, bước sang bàn của họ, tranh luận, bảo vệ ông bằng tất cả vốn liếng hiểu biết và tấm lòng ái mộ của tôi dành cho ông. Tôi không thể ngờ được, những người bộ đội trong bàn nhậu bữa đó là thành phần an ninh thuộc lực lượng quân quản được điều động về phường Phú Nhuận. Trong khi tôi ba hoa phô trương tất cả sự hiểu biết của tôi về thi sĩ Nguyễn Bình, về đời sống đói khổ của Miền Bắc mà chính tôi mắt thấy tai nghe, cùng đời sống tự do của Miền Nam, ưu đãi văn nghệ sĩ, trong đó có cả những văn nghệ sĩ đi theo cộng sản Miền Bắc,... tôi đã gieo rắc những nghi ngờ trong đầu óc của những người bộ đội đó.

Ngay sau khi bàn nhậu tan, cả ông anh rể lẫn ông chủ quán đều lo lắng cho tôi. Khi vô trong nhà, anh tôi mắng tôi ngu dốt, không thức thời, hơi đầu mà tranh hơi tranh tiếng với tụi nó. Tôi lúc đó cũng lo lắng, nhận ra sự đại dột của mình. Nhưng tất cả đã muộn.

Ngay tối hôm sau, khoảng 12 giờ đêm, tôi vừa từ nhà người bạn ở cư xá Chu Mạnh Trinh về đến nhà, đã thấy đằng trước nhà một toán bộ đội súng ống đầy đủ. Tôi biết ngay, hậu quả của sự ba hoa đại dột của tôi đã hiện ra trước mắt. Thấy tôi, một người bộ đội bước lại chặn hỏi:

- Anh có phải là Nguyễn Hữu Chí?

Tôi đáp:

- Dạ, phải.

- Mời anh sang ủy ban phường có chút chuyện.

Lúc đó, những người bộ đội đã đứng vây chung quanh tôi. Tất cả đều thân nhiên, sẵn sàng đối phó nếu tôi có hành động phản kháng. Tôi tuyệt vọng tìm cách câu giờ:

- Bây giờ quá khuya, các anh có thể để đến sáng mai tôi sang được không?

- Chúng tôi có lệnh mời anh sang ngay bây giờ.

- Như vậy, các anh cho tôi vô nhà đi tiểu chút được không?

Người bộ đội khôn ngoan trấn an tôi:

- Anh yên tâm, đi sang đó một chút rồi về ngay...

Không còn cách nào khác, tôi lặng lẽ đi theo họ. Hai người bộ đội đi trước. Tôi đi theo sau. Những người bộ đội còn lại đi sau cùng. Con đường từ nhà bà chị đến ủy ban phường Phú Nhuận chỉ có khoảng 5 phút đi bộ, nên tôi còn đang bồi rối kinh hoàng, chưa kịp nghĩ kế thoát thân, thì đã thấy mình bước vô phòng làm việc của ủy ban phường. Ngay khi bước vô, tôi đã thấy không khí vô cùng căng thẳng, vì ở đó, đã có mấy người bộ đội, súng ống đầy đủ đang đứng chờ sẵn.

Ủy ban phường lúc đó, đèn điện sáng trưng. Trong căn phòng rộng thênh thang có kê một chiếc bàn dài ngay chính giữa. Trên mặt bàn là một đồng hồ số 8, mấy cuộn dây dù. Đằng sau bàn là mấy chiếc ghế trống. Ngồi ở mấy chiếc ghế giữa là hai người mặc đồ thường phục và một người mặc đồ bộ đội. Phía bên trái và bên phải có mấy chiếc ghế trống, để người tới làm việc ngồi chờ. Phía bên trong có một phòng nhỏ, có cửa sổ bằng kính, nên tôi thấy có hai người đang cặm cụi làm việc.

Tôi theo hai người bộ đội bước vào phòng làm việc của ủy ban phường. Bốn, năm người bộ đội đi theo sau, đứng ở ngoài. Tất cả những người bộ đội ở trong phòng đều đứng sang hai bên. Trước mặt bàn làm việc có hai chiếc ghế, nhưng không một ai mời tôi ngồi. Không khí căng thẳng trong phòng, và thái độ không thân thiện của họ, khiến tôi hiểu số phận của tôi tối nay lành ít dữ nhiều.

Khi tôi bước vô phòng, hai người ngồi bên thân nhiên cặm cụi làm việc. Người ngồi ở giữa, mặc thường phục, ngẩng lên nhìn tôi, rồi đứng dậy, cầm một tờ giấy trên bàn, hỏi, giọng lạnh lùng:

- Anh là Nguyễn Hữu Chí?

Tôi đáp:

- Vâng.

- Từ xưa đến nay, anh có nhận tiền của CIA để tham gia hoạt động tuyên truyền đánh phá cách mạng phải không?

Tôi ngạc nhiên:

- Thưa xưa nay tôi chưa bao giờ nhận tiền của CIA.

- Chúng tôi có đầy đủ bằng chứng là anh có nhận tiền để làm việc cho những đài phát thanh "phản động" là đài VOA và đài Gươm Thiêng.

Tôi điếng người. Thì ra trong thời gian nhận lời Trung úy Hiệu, cộng tác với đài VOA, mỗi lần nhận tiền thù lao, tôi có ký tên và ghi địa chỉ đầy đủ. Khi cộng sản chiếm được Sài Gòn, chúng đã thu hồi được tất cả những hồ sơ lưu trữ ở Cư Xá Thành Tín, trong đó có đầy đủ tên tuổi và địa chỉ của tôi.

Thấy tôi im lặng, người cán bộ phường nói tiếp:

- Bây giờ yêu cầu anh đứng nghiêm chỉnh nghe tôi đọc lệnh tạm giam của Ủy ban Quân quản.

Lệnh tạm giam ngắn gọn chỉ có mấy hàng. Vì lâu ngày tôi không còn nhớ rõ, nhưng đại khái có câu, "quyết định bắt giữ" tôi vô thời hạn, và lệnh cho ủy ban phường Phú Nhuận thực thi quyết định này.

Đọc xong lệnh bắt giữ, người cán bộ phường hỏi:

- Anh có hỏi gì không?

Tôi trả lời gọn lỏn, không giấỵ giếm sự mệt mỏi, chán nản:

- Không.

Người cán bộ phường nói tiếp:

- Yêu cầu anh bỏ lên mặt bàn tất cả những gì anh có trong người.

Tôi lặng lẽ lấy bóp, chùm chìa khóa, ít đồng bạc lẻ... để lên bàn. Sau đó, người cán bộ phường gạt đầu ra hiệu cho hai người bộ đội bước đến khám xét người tôi một lần nữa. Khám xét xong, một tên lấy chiếc còng số 8 còng hai tay tôi lại, rồi lấy sợi dây dù trói chặt hai khuỷu tay tôi.

Cùng với nỗi đau của chiếc còng số 8 xiết chặt vào hai cổ tay, tôi tê dại cả người, và hối tiếc cho những ngày tháng sống vật vờ, lần lữa, không đủ can đảm để tìm đường vượt biên. Bây giờ thì mọi chuyện đã quá muộn màng. Tôi đã chui vô rọ, và không sớm thì muộn họ sẽ phanh phui ra hồ sơ hồi chánh của tôi. Khi đó, nếu tôi không bị tử hình, thì cũng sẽ mục xương trong lao tù cộng sản...

## KỶ 46

Toán bộ đội áp giải tôi tối hôm đó chỉ có 4 tên. Hai tên đi phía trước, hai tên đi phía sau. Đường đi từ ủy ban phường sang đến nhà làng Phú Nhuận không đầy cây số nếu đi thẳng đường Võ Duy Ngụy, nhưng toán bộ đội đã chọn con đường hẻm, đi tắt ra đường Võ Tánh, gần tiệm Phở Huỳnh, quẹo trái xuống ngã tư Phú Nhuận rồi quẹo phải khoảng 500 thước là tới. Trên đường đi, nhìn những cảnh vật quen thuộc, ngày ngày tôi vẫn dừng dưng đi qua, nhưng sao khuya hôm đó, tôi thấy tất cả thân quen, tha thiết như có tình người. Góc dưới là đường Trương Tấn Bửu, ở đó có một dãy quán nhậu nổi tiếng, bên cạnh trường Chánh Tâm là trường của người Hoa. Dọc bên kia đường Võ Tánh là Phở Quyển. Xế lên một chút ngay cạnh con hẻm nhỏ không tên, trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, ngày nào cũng như ngày đó, luôn luôn có một chiếc xe sinh tố, người bán là một thiếu nữ người Miền Nam, tóc để đuôi gà, tuổi 16, 17, trông thật dễ thương, mà tôi đã trồng cây si suốt bao nhiêu tháng năm trong âm thầm và hạnh phúc... Ngay sau ngày cộng sản chiếm được Sài Gòn, cùng với không biết bao nhiêu mất mát và khổ đau của Miền Nam, quán sinh tố đó cũng biến mất cùng với cô chủ... Nhưng mỗi lần có dịp đi qua đó, tôi vẫn băng khuâng với nhân dáng cũ, khung cảnh xưa, hiện về trong tâm trí...

Trên đường bị áp giải, tôi đã nhiều lần muốn liều mình chạy trốn, nhưng lại không dám, vì đường phố quá vắng vẻ. Ở Miền Bắc, chạy trốn khi đường phố vắng vẻ, sẽ dễ thoát, vì nếu đường phố đông đúc, người chạy trốn dễ bị dân chúng chặn bắt giao cho công an. Trái lại, ở Miền Nam, một người chạy trốn khi đường phố đông đúc bao giờ cũng dễ thoát, vì dân chúng thường khéo léo tìm cách giúp đỡ. Trái lại, nếu chạy trốn khi đường phố vắng vẻ thì nguy hiểm vì người chạy trốn dễ bị ăn đạn. Hơn nữa, lúc đó, tay tôi không những bị còng, tôi còn bị trói giật cánh khuỷu về phía sau bằng một sợi dây dù, một đầu dây nằm trong tay tên bộ đội đi phía sau. Dù cho tôi có giật được sợi dây dù khỏi tay tên bộ đội, rồi chạy, tôi cũng khó thoát, vì bị trói phía sau, khi chạy, rất dễ bị mất thăng bằng.

Khoảng 20 phút sau, tôi bước vô nhà làng Phú Nhuận. Tên bộ đội cởi trói lấy lại sợi dây dù, mở khoá chiếc còng số 8, rồi đẩy tôi vô một căn phòng chật hẹp, mỗi bề khoảng 5 thước, trong đó đã có khoảng hai chục người bị giam giữ. Dưới ánh đèn điện vàng vọt, tôi thấy mọi người nằm, ngồi ngổn ngang ngay trên sàn. Tất cả đều thân nhiên, im lặng, như say ngủ. Không một ai ngó ngang hay hỏi han gì tôi. Tôi thờ dài mệt mỏi, chán nản, rồi ngồi ngay xuống cạnh chiếc cửa sắt, hai tay ôm gối, lo lắng không biết tương lai của mình sẽ đen tối đến thế nào.

Một người đàn ông đang nằm trên sàn nhà, ngay trước mặt tôi, bỗng nhòm dậy, với chiếc điếu thuốc lòn tựa chế bằng ống nhôm. Ngay khi ông ngồi dậy, một người khác, nằm cạnh ông cũng với thức dậy, móc gói thuốc lòn kính cần đưa cho ông. Ông cầm gói thuốc lòn, vừa vè vè cho vào nõ điếu, vừa nhìn tôi với ánh mắt có cái gì đó, rất khó hiểu. Ông trạc tuổi ngoài 40, cời trần để lộ những bắp thịt cuộn cuộn, hai vai



vuông vức và bộ ngực to như cánh phàn, rất cân đối với chiếc đầu to, cổ bự và ngắn, mái tóc đen rậm, cứng như rễ tre và bộ râu quai nón xồm xoàm.

Ngay khi ông đưa chiếc điếu lên miệng, người đàn ông ngồi cạnh đã bật quẹt, dí lửa vào nõ điếu, nhíp nhàng và quen thuộc, như đã làm hàng trăm lần... Ông rít một hơi thuốc lào thật dài, thật sâu, khiến nõ điếu đỏ rực như cục than hồng, chiếc điếu kêu lên những tiếng kêu ròn rã, khoái trá, rồi ông buông chiếc điếu sang bên, ém khói, ngửa mặt lên trần nhà phun khói thuốc cuộn cuộn, làm căn phòng dưới ánh đèn vàng vọt trở nên lung linh mờ ảo như trong sương khói. Từ bé đến lớn, suốt mấy chục năm trời, tôi đã từng thấy không biết bao nhiêu người hút thuốc lào, nhưng chưa thấy người nào hút thuốc một cách điệu nghệ và tài hoa như ông. Cái phong thái ngồi vững như núi, cùng vóc dáng vai hùm lưng gấu và hai cánh tay dài như tay vượn, cộng với gương mặt cương nghị, bộ râu quai nón xồm xoàm, cử chỉ hút thuốc thật đỉnh đặc, hơi thuốc hút vô thật sâu, thật dồi dào gần như vô tận,... của ông khiến tôi, tuy đang trăm ngàn mối lo lắng, cũng phải say sưa ngắm nghía ông với tất cả sự ngưỡng mộ. Nhìn ông, tôi chợt nhớ đến truyện "Chữ Người Tử Tù" mà nhà văn Nguyễn Tuân đã phác họa, hình ảnh người tử tù Huấn Cao, oai hùng và ngang tàng, phóng tay viết đại tự trên tấm lụa trắng tinh, dưới ánh đuốc bập bùng, còn viên quản ngục thì vừa say sưa ngắm nghía, vừa khúm núm xuýt xoa.... Thì ra, lao tù, nơi muôn phần gian nan nguy hiểm, lại là chỗ rèn tâm luyện chí và là cơ hội để cho con người thể hiện cái hùng tài, đờm lược của mình trước kẻ thù...

Sau một lúc im lặng, nhìn tôi qua khói thuốc, ông hỏi nhỏ, giọng thân mật:

- Tao tên Hoàng. Còn chú mày tên gì?

Tôi nhìn ông rụt rè, rồi gọn lỏn:

- Thưa, tôi tên Chí.

- Chí hay Trí?

- Chí, "Chí ch".

- À, "chí chấy". Chú mày làm gì mà bị bắt vậy?

- Tôi cũng không biết.

Người đàn ông gật gù:

- Ủ, đổi đời mà chú mày. Thời thế này, tụi nó bắt người đâu cần có lý do... Nhưng thà làm cái gì rồi bị tụi nó bắt vẫn khoái hơn là bị bắt oan!...

"Thà làm cái gì rồi bị tụi nó bắt vẫn khoái hơn là bị bắt oan!" Ông nói đúng quá. Ủ, giá mà mình làm một cái gì thật ngoạn mục rồi bị chúng bắt, thì vẫn có đỡ hơn không nhỉ? Tôi tự hỏi, nhưng tôi im lặng nhìn ông, không nói gì. Gương mặt quắc thước và ánh mắt của người đàn ông đầy vẻ cương nghị, lời nói của ông ngang tàng, chứng tỏ ông là người khắc tinh với cộng sản. Nhưng trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, tôi thấy im lặng là tốt nhất.

Thấy tôi im lặng, người đàn ông chỉ gật gù mà không nói gì thêm. Ông thờ dài rồi nằm xuống ngủ. Trong khoảnh khắc ban đầu, tôi có cảm tình với ông, nhưng tôi không dám để lộ tình cảm của mình. Lúc đó tôi không thể ngờ được trong những ngày tháng sau đó, trong một hoàn cảnh đặc biệt, cuộc đời của ông đã ảnh hưởng tới cuộc đời tù tội của tôi.

Sau mấy tiếng đồng hồ ngủ chập chờn trong lo âu và buồn phiền, tôi giật mình thức giấc khi nghe tiếng xích sắt loảng xoảng. Một tên bộ đội mở khóa, gọi tôi ra ngoài làm việc. Bước vô phòng làm việc, tôi thấy chỉ có một tên bộ đội già, đeo lon đại úy. Sau khi bảo tôi ngồi xuống chiếc ghế trước mặt, y đẩy về phía tôi hai tờ giấy rồi nói, giọng lạnh băng:

- Tối qua anh bị bắt khẩn cấp nên không mang theo tư trang nội vụ gì. Bây giờ anh cần những thứ gì thì viết vào tờ giấy này, chúng tôi sẽ cho người đưa thư này đến tận nhà để gia đình anh lo liệu đưa cho anh. Nhớ là anh chỉ được ghi những tư trang nội vụ cần thiết, không được ghi đồ ăn, sách vở, dao kéo. Còn tờ giấy này, anh ghi rõ tên họ, địa chỉ và tóm tắt lý lịch của anh trước và sau 1975, anh làm gì, ở đâu, nhưng chủ yếu là trước 1975. Anh cầm hai tờ giấy này sang bàn bên kia ngồi viết. Viết xong đưa lại cho tôi. Nhớ là phải thành thật, thì mới được "cách mạng khoan hồng".

"Cách mạng khoan hồng", bốn chữ đó tôi đã nghe cả ngàn lần, và đã hiểu sự gian trá, xảo quyệt của nó. Tôi hiểu, tôi phải tìm mọi cách che giấu lý lịch hồi chánh của tôi cho đến khi nào không còn che giấu được. Trong thời gian còn che giấu được, tôi phải tìm mọi cách vượt ngục, trước khi mọi chuyện quá muộn màng.

Tối hôm đó, khoảng 12 giờ khuya, tôi bị còng tay, giải ra xe, cùng với 6 người khác, trong số đó có ông Hoàng và người đàn ông ngủ cạnh ông. Lúc đầu, trong danh sách chuyển tù, chỉ có ông Hoàng, không có người đàn ông kia. Nhưng không hiểu sao, sau khi ông Hoàng to tiếng cãi lộn gì đó với tên đại úy bộ đội mà tôi không nghe được rõ, thì người đàn ông ngủ cạnh ông, được đi theo ông.

Chúng tôi mỗi người đều bị còng tay bằng công số 8. Sau đó, một sợi dây dù dài, buộc dính cả bảy người chúng tôi thành một chùm. Như vậy, tôi thấy vô phương có thể chạy trốn một mình.

Sau thời gian khoảng nửa tiếng xe chạy, chúng tôi đến trại tù sau này được biết là Trung tâm Thẩm vấn Hỗn hợp Việt Mỹ ở đường Tô Hiến Thành. Ngay khi xuống xe, cảnh vật đầu tiên đập vào mắt tôi là dưới ánh đèn pha sáng choang chiếu sáng rực cả trung tâm, hai chiếc cổng sắt lớn, hàng dãy phòng giam xây cất dọc theo các cạnh hình chữ nhật, mỗi phòng đều có cửa sắt kiên cố, và số bộ đội canh gác đông đúc, sừng ổng lăm lăm...

Bảy người chúng tôi bị giải vô một căn phòng ngay bên phải cổng sắt. Ngay khi bước vào phòng, tôi đã bị ánh đèn pha cực mạnh chiếu thẳng vào mắt, nên không nhìn thấy gì trong bóng tối, phía sau ánh đèn. Chúng tôi phải xếp hàng ngang, tư trang nội vụ để trước mặt, và tất cả phải lột bỏ quần áo, kể cả quần lót. Mỗi người có một tên bộ đội bước đến kiểm soát tư trang, nội vụ. Tất cả những thứ được coi là nguy hiểm như sách báo, giấy tờ dù là giấy trắng, muống chén lon ly... bằng kim loại, đều bị vứt sang bên. Sau đó, chúng tôi phải há miệng kêu "a... a..." rồi phải chống hông để cho các tên bộ đội kiểm soát xem có giấu giếm gì trong cổ họng, hay hậu môn không. Việc kiểm tra tư trang, thân thể quá tỉ mỉ, lại diễn ra trong đêm khuya, giữa bầu không khí im lìm đến rợn người, trong khi bên ngoài, thỉnh thoảng có tiếng quát, tiếng súng ổng vang lên lách cách, tạo cho chúng tôi cảm giác của những con thú, bị xa bầy, càng ngày càng bị những móng vuốt của bầy xiết chặt, vô phương đào thoát. Cũng trong dịp này, tôi được nhìn thấy vóc dáng của ông Hoàng rõ ràng hơn. Ông cao hơn hẳn tất cả những người tù chúng tôi một cái đầu. Thân hình ông thật đẹp, trông cân đối và vững vàng như một bức tượng Hy Lạp.

Sau khi bị khám xét hành lý và thân thể, chúng tôi được giải vô các phòng giam riêng biệt. Riêng ông Hoàng không hiểu sao, vẫn được đi cùng với người đàn ông ngủ cạnh ông. Mãi sau này, tôi mới biết, cả hai người đều được giam riêng trong một phòng chỉ có hai người. Còn tôi, bị giam vô một phòng, trong đó đã có một người bị giam là ông già Thế. Tất cả các phòng giam tại Trung tâm Thẩm vấn đều giống nhau, mỗi phòng vuông vức mỗi chiều hơn hai thước, chỉ đủ chỗ cho hai người nằm. Phòng kín như bưng, cầu tiêu ở ngay trong phòng, và chỉ có một ô cửa sổ nhỏ hẹp bằng bàn tay ở phía sau, trên cao để thông hơi. Cánh cửa duy nhất bằng sắt, có khoá kiên cố, và một ô nhỏ, đủ để người bên ngoài nhìn vô theo dõi người tù bên trong. Bên ngoài ô nhỏ có một miếng sắt, người ở bên ngoài có thể đóng mở tùy ý.

Ông Thế là một chuyên viên ngân hàng, từng làm việc ở Ngân Hàng Thương Tín. Tuổi ông đã ngoài 60, nhưng trông ông già cỡ 70 tuổi. Ông cao, gầy, đầu hói không có một sợi tóc. Ông có kinh nghiệm rất nhiều về tội ác và thủ đoạn của người cộng sản, nên mặc dù không biết mình bị bắt vì tội gì, ông rất bi quan, tin chắc ông vĩnh viễn sẽ không còn ngày đoàn tụ với gia đình.

Trong những ngày tháng bị giam tại Trung tâm, ông thương tôi như con, và chỉ bảo tôi rất nhiều về nghệ thuật sống trong tù. Ông cũng chỉ dạy tôi về cờ tướng. Đúng như cái tên của ông, ông đánh "cờ thế" rất cao. Vì bị giam trong Trung tâm suốt thời gian dài, không có việc gì làm, nên ông và tôi chỉ biết đánh cờ tướng. Được ông chỉ bảo tận tình, tôi tiến bộ trông thấy. Lúc đầu, ông chấp tôi cặp xe, cặp pháo và con mã, sau ông chỉ chấp tôi có con xe, nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn có ván thắng được ông. Ông nói, tôi đánh cờ không thể giỏi được, dù tôi có học đánh cờ cả đời, vì khi đánh, tâm tôi hay "phù động". Ông bảo trong đánh cờ, điều tối kỵ là "tâm phù động". Khi tâm đã phù động, thì trí óc mất minh mẫn, lú lúp tất cả những nước cờ hay mà khi bình thường, một người có thể nhìn ra rõ ràng.

## KỶ 47

Vì là trung tâm tạm giam, chờ sàng lọc, gửi đi các nơi, nên ở Trung tâm Tô Hiến Thành thời gian đó có đủ hạng người, trong đó có những người nổi tiếng mà trước đó tôi chỉ nghe danh như ông Mặc Đỗ và ông Phạm Thái Thủy cùng nhiều nhân vật khác mà lâu ngày tôi không còn nhớ. Nhân vật giang hồ lúc đó có Lâm "chín ngón", Hùng "mập", Minh "vồ"... Hôm ông Phạm Thái Thủy vô Trung tâm, tôi được nghe nhiều người khác nhau, đó là nhà văn Hoàng Hải Thủy. Nghe vậy, tôi mừng quá, vì không thể ngờ được có ngày mình lại có cơ hội được nhìn thấy tận mắt một thần tượng văn chương như ông. Vô được Miền Nam, điều tôi thích nhất là được đọc sách thả cửa. Trong số những tác giả tôi ái mộ có nhà văn Hoàng Hải Thủy. Nhưng sau tôi mới biết, ông Thủy đó là Phạm Thái Thủy làm ở đài Phát Thanh Sài Gòn. Còn ông Mặc Đỗ thì là bố vợ của ông. Gia đình của ông cũng sống ở Phú Nhuận. Được gặp các ông, tôi say mê nghe chuyện các ông nói, và học tập được rất nhiều điều.

Một ngày nọ, tôi được một anh tù tự do đến đưa "cơm" báo cho biết có một người tù mới tên là Lâm Vị Thủy sẽ đến trại. Nghe vậy, tôi giật mình, sung sướng, vì ông chính là giáo sư Việt văn tại Nguyễn Bá Tông, Gia Định. Ông giảng bài rất hay, và ăn mặc cũng khác người. Quanh năm ngày tháng, lúc nào ông cũng mặc chiếc áo trắng dài tay, chiếc quần màu xám, và đến lớp cũng bằng xe xích lô. Khi lên lớp giảng bài, không bao giờ ông cầm bất cứ sách vở hay giấy tờ gì. Từ lúc bước vô lớp cho đến khi hết giờ, ông thao thao bất tuyệt, nói đủ thứ chuyện quá khứ, hiện tại, tương lai, trong sách vở, ngoài đời, và thứ gì ông cũng thật uyên bác, khiến chúng tôi bị hấp hồn. Thời gian tôi học tại đây còn có lần nhà văn Nhật Tiến, cũng đến giảng bài hay nói chuyện gì đó, lâu ngày tôi không nhớ.

Riêng ông Mặc Đỗ, tôi mê ông vì được đọc cuốn Thần Nhân & Thần Thoại Tây phương của ông. Tôi rất mê những huyền thoại của Hy Lạp và La Mã. Niềm đam mê đó sau này còn ảnh hưởng đến tôi khá nặng nề khi tôi làm báo, có những trang giới thiệu những huyền thoại của Hy Lạp. Trong thời gian ở Trung tâm Tò Hiến Thành, tôi chỉ bị gọi lên làm việc có hai, ba lần. Tất cả đều đơn giản, không có gì rắc rối. Tôi đĩnh ninh cộng sản vẫn không hề biết lý lịch hồi chánh của tôi. Sự thật, tôi đã làm!

Vào một đêm khuya, khoảng 2 giờ sáng, đột nhiên, chúng tôi nghe thấy có tiếng xe rì rầm tiến vô Trung tâm. Sống trong Trung tâm đủ lâu, tôi biết ngay đó là xe chuyển tù qua các trại khác. Để việc chuyển tù an toàn, thông thường, cộng sản khôn ngoan giả vờ "xì tin sắp thả tù" cho mấy người vệ binh, quản giáo biết. Những người này vì có ăn chia với "tù tự quản", một loại tù hình sự sắp hết án, hoặc án nhẹ được tự do đi lại trong trại tù, nên chỉ trong thời gian ngắn, họ tiết lộ những "tin sắp thả tù" cho "tù tự quản" biết. Tù tự quản liền xì tin đó cho cả trại tù. Kết quả, ai ai cũng mong đợi xe chuyển tù đến và hy vọng mình được gọi tên. Khi bị gọi tên, ai ai cũng ngoan ngoãn đưa tay cho họ còng, họ trói. Nhưng từ lâu, ông già Thế đã giải thích cho tôi biết, tin thả tù chỉ là tin vịt được cộng sản cố ý tung ra để đánh lừa tù. Chỉ nguyên cái chuyện cho xe chuyển tù vào nửa đêm, vệ binh, quản giáo đông nghẹt, súng ống đầy đủ cũng đủ hiểu, đó không phải là chuyện chuyển tù để tha, mà là chuyển tù đến những trại tù nguy hiểm hơn, kiên cố hơn.

Nghe tiếng xe đi vô Trung tâm, chúng tôi nghe đoán được có 2 chiếc. Xe tắt máy xong, chúng tôi nghe tiếng chân người chạy, tiếng hô, tiếng súng đạn lách cách, rồi tiếng những chiếc bầm xe phía sau được tháo ra kêu âm ỉ. Tôi phập phồng lo sợ, không biết mình có may mắn thoát khỏi chuyến chuyển tù lần này hay không. Ngay lúc đó, chiếc cửa sổ nhỏ của tôi bị kéo sang bên, rồi một giọng nói gay gắt, lạnh băng, chỗ vô:

- Nguyễn Hữu Chí chuẩn bị "nội vụ".

Tôi giật mình vội vàng chồm dậy, ngó ra cửa sổ nhỏ bằng bàn tay. Bên ngoài, đèn pha chiếu sáng choang cả khu sân trại. Hai chiếc xe GMC kín mít như bưng, đậu im lìm trong sân. Trời lúc đó lát phát mưa, nên mấy chục người lính vệ binh, quản giáo đều khoác áo mưa, súng AK-47 ghim ở bên trong, dưới ánh đèn pha chiếu từ một phía, họ thành những mảng đen chạy dài, trông giống như những tên ác quỷ.

Trong khi tôi mắt nhắm mắt mở vội vàng thu dọn "nội vụ", thì tiếng loa bên ngoài oang oang:

- Chú ý! Chú ý! Tất cả mọi tù nhân phải ngồi im lặng trong trại giam. Ai được gọi tên, phải lên tiếng thưa "Có" thật lớn. Sau đó nghe lệnh "Bước ra", thì phải mở cửa đi ra thật chậm rãi. Ra đến bên ngoài, phải đóng cửa phòng giam, rồi nằm úp mặt xuống, hai chân duỗi thẳng, hai tay để ngay sau lưng chờ lệnh. Bất cứ ai vi phạm sẽ bị xử trí ngay tại chỗ.

Tiếp đó là tiếng hô to: Các "đồng chí" vệ binh sẵn sàng!... Ngay lập tức, toán vệ binh mấy chục người cùng hô "Nhất chí!" rồi tất cả cùng đồng loạt lên đạn, nghe thật rộn người. Tuy nhiên, tất cả những chỉ dẫn này, chúng tôi đã nghe nhiều lần, đã chứng kiến nhiều lần chuyển tù, nên không một ai lộn xộn. Tất cả mọi người đều lặng lẽ làm khi nghe gọi tên mình. Mỗi khi gọi đến tên một người, sổ phòng giam, lập tức, một chiếc đèn pha rọi ngay về phòng giam đó. Trong chốc lát, chiếc cửa hé mở, người tù run rẩy bước ra dưới ánh đèn pha thật mạnh, khiến hai mắt người tù bị chói, không nhìn thấy gì.

Tôi mở cửa bước ra, run rẩy nằm úp mặt xuống vỉa hè. Lập tức, hai tên vệ binh lực lưỡng nhào tới, còng hai tay tôi một cách nhậm lẹ. Tiếp theo, một sợi dây dù trói tôi giật cách khuỷu. Xong xuôi, hai tên vệ binh hai bên, mỗi tên một tay, cầm lấy cánh tay tôi, vừa nhất bồng, vừa kéo tôi xén xẹt trên mặt hè, xuống sân đá rậm, rồi tới chỗ tù đang ngồi xếp hàng. Những sợi dây dù sau lưng chúng tôi được buộc lại với nhau, 5 người một sợi. Một tên vệ binh cầm một đầu sợi dây dù lôi đi. Tất cả nội vụ của chúng tôi đều được choàng vào đầu, vào cổ, hoặc có người dùng răng cắn chặt... Bỗng dưng chúng tôi giật mình vì một tiếng súng nổ vang. Một tiếng kêu thét nghe thật rợn trong đêm tối, tôi nghe nhưng không biết của ai. Đây là lần thứ hai, tù vượt ngục ngay khi chuyển trại và bị bắn chết. Tinh thể như vậy, chúng tôi biết, không bao giờ có chuyện chuyển tù để tha... Tôi thở dài, và không biết mình khóc từ lúc nào...

Xe chạy không đầy nửa tiếng đồng hồ, thì chậm lại, rồi dừng hẳn. Tiếp theo là tiếng quát tháo phía đằng trước. Chúng tôi đoán là một trạm gác của một trại tù khác. Thời gian xe chạy có nửa tiếng đồng hồ đã tới nơi làm chúng tôi thấy yên tâm và an ủi, vì như vậy, có nghĩa, tạm thời, chúng tôi chưa bị giải ra ngoài Bắc. Thời đó, bất cứ người "tù cải tạo" nào trong tay cộng sản, cũng đều nghĩ đến chuyện bị giải ra các trại tù ngoài Bắc là một cái án tựa như án chung thân, hay án tử hình.

Xe từ từ chuyển bánh, chạy qua một chiếc cổng vòm xây bằng gạch. Một người bạn tù ngồi cạnh tôi thì thào: "Quân lao Gò Vấp!" Đây là lần đầu tiên tôi được nghe 4 chữ "Quân lao Gò Vấp", và tôi không thể ngờ được trong suốt thời gian hơn một năm sau đó, cuộc đời tôi tại Quân lao Gò Vấp sẽ có không biết bao nhiêu kỷ niệm vui buồn, khổ đau, ân tình có, thù hận có, nước mắt có, nụ cười có, và cả máu của tôi cũng đã phải đổ ra khi bị một toán vệ binh hơn chục người đánh hội đồng ngay trong nhà ăn tập thể của khu A-1.

Ngay khi chiếc xe GMC dừng bánh, chúng tôi nghe tiếng hô, tiếng chân người chạy rầm rập trong đêm, rồi tiếng súng lên đạn lách cách. Tiếp đó, tiếng loa vọng tới đầy sắt máu:

- Tất cả các "tội phạm cách mạng" chú ý, ai ngồi đầu ngồi yên đó, chờ lệnh! Cấm nhúc nhích. Ai trái lệnh sẽ bị "xử trí" tại chỗ!

Tất cả chúng tôi ngồi im trong lòng xe tối om, không ai nói với ai một câu. Không khí của Quân lao, những tiếng hô rợn người của cán bộ cộng sản, tiếng súng đạn lách cách, nhất là bốn chữ "tội phạm cách mạng" lần đầu tiên tôi được nghe, đã khiến tôi càng ngày càng tuyệt vọng. Nhưng càng tuyệt vọng bao nhiêu, tôi càng thấy quyết tâm phải vượt ngục bấy nhiêu. Tuy trước 1975, tôi chưa hề biết đến Quân lao Gò Vấp, nhưng gia đình ông cậu, em của mẹ tôi sống ngay trong vùng, nên tôi biết, từ Phú Nhuận, Gia Định đến Quân lao Gò Vấp không bao xa. Biết vậy, nên tôi vẫn le lói hy vọng, và nuôi quyết tâm, sẽ vượt ngục bằng bất cứ giá nào, và phải vượt ngục khi còn bị giam giữ ở Miền Nam.

Trong những ngày tháng sống ở Miền Nam Tự Do, tôi hiểu lòng người dân Miền Nam không có ai ưa gì cộng sản. Nhất là sau 30 tháng 4 năm 1975, tất cả những người cộng sản đã để lộ bộ mặt đầy thú tính, những âm mưu nham hiểm, những tội ác man rợ, rùng rợn, trời không dung, đất không tha, người người đều oán hận. Cùng với cái gọi là "chiến thắng" của cộng sản, một số người dân Việt Nam ở cả hai miền Nam Bắc đều bưng bình, để rồi xót xa, ân hận, tiếc nuối cho những lầm lỡ, những đại đột nghe theo lời tuyên truyền của VC. Nhất là ở Miền Nam, sau 30 tháng 4 năm 1975, cả mấy chục triệu người dân bỗng thấy yêu thương vô cùng những người lính VNCH, và rộng lớn hơn, bao la hơn, họ yêu thương tất cả những người bị cộng sản bắt đi "cải tạo". Mọi người đều nhận ra bài học đau đớn của cuộc chiến tranh Việt Nam, mà ít nhiều họ đều có lỗi; trong khi những hy sinh, chịu đựng, những mất mát của người lính VNCH quả thật là vô biên, không bút mực nào tả xiết.... Hàng triệu tiếng nấc, tiếng khóc nghẹn ngào trong đêm tối, hàng trăm triệu giọt nước mắt âm thầm đã nhỏ xuống, cùng với hàng trăm vạn nỗi khổ đau đã diễn ra với muôn ngàn hoàn cảnh, ở khắp mọi miền của đất nước. Cùng với nỗi ân hận và đau thương của mỗi thân phận, mỗi gia đình, và chứng kiến thảm họa bao trùm cả dân tộc dưới sự kìm kẹp của cộng sản, người dân Miền Nam đã tìm mọi cách để giúp đỡ tất cả những người "tù cải tạo"... Từ những củ khoai, củ sắn, lạng đường, gói thuốc rê, trái xoài, quả ổi... giấu vội trong các bụi cây, gần những nơi người "tù cải tạo" phải lao động, đến những ánh mắt dăm dề, những bàn tay run run trao gửi chút ấm áp của tình người cho những người "tù cải tạo",... đã khiến cho cả dân tộc bưng bình, và hiểu được thật sâu xa, trong cuộc chiến tranh Việt Nam, chính nghĩa thuộc về ai, lẽ phải thuộc về ai, chân lý thuộc về ai.

Sự dốt nát, cộng với cả một guồng máy tuyên truyền, và hào quang cái gọi là "chiến thắng" trong chiến tranh VN, đã khiến những người cộng sản bị sa lầy, không nhận ra chân lý này suốt mấy chục năm trời. Họ quả thật là những tên tội phạm của lịch sử, những cũng là những kẻ đáng thương, chỉ vì ngu dốt mà bị chìm ngập trong tội lỗi.

Trong thời gian hơn chục năm trở lại đây, một số người cộng sản có dịp ra ngoại quốc, hoặc bị thất sủng, đã bưng bình nhận ra cộng sản là tội đồ của dân tộc. Tuy nhiên, vì quyền lợi, vì hào quang giả tạo của quá khứ, trong đó có hào quang giả tạo của chính họ mà họ đã đổ mồ hôi và máu để giành giật, đã khiến họ không đủ can đảm đoạn tuyệt với ý thức hệ cộng sản.

## KỶ 48

Quân lao Gò Vấp được chia là ba khu nhà xây chạy dài là khu A, B và C. Mỗi khu có 3 phòng giam riêng biệt cùng chung một mái nhà, nhưng ngăn cách bằng bức tường xây thiết cao, trên trần có rào kẽm gai. Mỗi phòng giam đều có hai cánh cửa bằng sắt, dày và nặng. Ở giữa cửa sắt có một ô nhỏ, mỗi chiều khoảng 15 phân, có cửa để mở, đóng bằng cách kéo sang phải hay trái. Khi mở, cửa đủ rộng để cho tù ngó hai con mắt ra ngoài, hoặc tù có thể hít mũi hít thở không khí tươi mát bên ngoài trong những ngày nóng bức. Trong mỗi phòng giam đều có cầu tiêu ở ngay phía sau. Ngoài sân, giữa các phòng giam cũng có hàng rào kẽm gai ngăn cách.

Toán của tôi 5 người được giải vô phòng giam A-2 thuộc khu A. Sau này tôi được biết, A-1 giam giữ tù hình sự thuộc loại quân phạm (bộ đội phạm tội cướp trộm, hủ hoá, tham nhũng...). A-2 giam giữ tù chính trị, mà phần lớn là hồi chánh viên. Riêng A-3, lúc đó cộng sản giam giữ mấy chị bên Phượng Hoàng. Chạy dọc theo Khu A, cách một cái sân có chiều ngang khoảng 10 thước là nhà ăn, rồi đến một dãy bể nước thấp ngang hông, dành cho tù tắm, và cuối cùng là nhà bếp. Ngay dưới gốc cây bả đậu trong khu A-3 có một cái giếng đường kính khoảng 2 thước, thỉnh thoảng tù có thể quay lấy nước đem vô trong phòng giam, tắm rửa "tự túc". Chữ "tự túc" được tù dùng có nghĩa là tắm ngoài quay định của trại. Thời gian đó, tù chỉ được ban chỉ huy trại cho phép tắm mỗi tuần một lần ở khu bể nước, và mỗi lần chỉ được phép tắm có 10 phút.

Tất cả tù bị giam tại quân lao Gò Vấp khi đó đều nằm trong dạng giam cứu, sẽ có nhân viên ở phòng quân pháp xuống thăm vấn, phân loại trước khi gửi đi trại giam Kà Tum. Cả trại giam Gò Vấp lẫn trại giam Kà Tum đều trực thuộc lực lượng quân quản của quân đội cộng sản, nên gác tù thì có vệ binh, cai quản theo dõi tù thì có quản giáo, và thăm vấn phân loại tù thì có nhân viên ở phòng quân pháp. Tại quân lao Gò

Vấp, thỉnh thoảng tù cũng bị đi lao động, nhưng chủ yếu, khi bị đưa đi Cà Tum, tù mới phải lao động liên miên tuần lễ 6 ngày, mỗi ngày 12 tiếng, để sản xuất khoai mì, chuối, khai thác gỗ, đóng giường tủ, bàn ghế... để mang lại tiền bạc cho phòng quân pháp của cộng sản.

Thời gian đó, cả nước Việt Nam đang trải qua những ngày tháng kinh hoàng, thiếu thốn, đói khát, nhất là dân chúng ở Miền Bắc thì nạn đói càng ghê gớm hơn. Ngay cả vệ binh quân giáo canh gác tù cũng thiếu thốn. Nhiều người cho biết, giai đình của họ ở ngoài Bắc phải ăn cả củ chuối, thân chuối, thậm chí phải tranh ăn cả rơm, cỏ với trâu bò. Nhiều nơi dân bị chết đói la liệt. Chính quản giáo Trường nói cho chúng tôi biết, Trung Cộng ép buộc cộng sản Việt Nam phải trả lại những món nợ mà họ đã cho cộng sản Việt Nam vay mượn trong thời kỳ xâm lăng Miền Nam. Mà món duy nhất cộng sản Việt Nam có thể gom góp để trả cho Trung Cộng là gạo. Ngoài ra không có thứ nào khác Trung Cộng chịu nhận. Hậu quả của tình trạng trả nợ này đã khiến kinh tế Miền Bắc kiệt quệ và cả nước phải khốn cùng.

Trong hoàn cảnh đói khát chung của cả nước như vậy, những người tù chúng tôi trong quân lao Gò Vấp càng thấy đói khát thê thảm. Những người tù nào có gia đình thăm nuôi thì còn đỡ, còn những ai không có thân nhân, thì đành cắn răng chịu đựng mọi sự khốn khổ, và chỉ trong thời gian ngắn không đầy hai tháng trời, tôi đã thấy thân hình của tôi chỉ còn là bộ xương bọc da. Mỗi ngày, tù chỉ được ăn có hai bữa "cơm". Mỗi bữa, vồn vồn hai lưng chén bo bo độn, một tí rau luộc, một ít nước rau và chút nước muối. Nhưng nếu đói khát hành hạ thể xác người tù một phần, thì sự tuyệt vọng trong hoàn cảnh tù đầy hành hạ người tù gấp mười phần.



*Anh chị Dzoãn Bình, Đàm Chi Lan và Dzoãn Phượng – Anh Dzoãn Bình là người đã ảnh hưởng đến tôi rất nhiều về tình cảm, tâm hồn, ý chí và ước nguyện làm báo.*

Trong phòng giam A-2 lúc đó đều là hồi chánh viên mà phần đông là gốc Miền Nam. Tại đây tôi đã được gặp lại một số anh em hồi chánh tôi đã quen biết trước như anh Duy "đầu bạc" tài hoa có máu văn nghệ viết chữ rất đẹp, anh Nở người Việt từ bên Căm Bốt về, anh Ân người gốc Hoa tính tình điềm đạm, chân thật, chất phác. Vô tù cùng lúc với anh Nở là anh Dzoãn Bình, một ký giả nổi tiếng về những thiên phóng sự chiến trường thời trước 1975. Cả hai

anh trước bị giam ở trại tù cải tạo Long Khánh, sau cùng bị chuyển về quân lao Gò Vấp, vì bị xếp loại hồi chánh viên. Sự thực, anh Dzoãn Bình vì lòng yêu nước nên năm 1945, đang sống ở Hà Nội, anh đã trốn gia đình đi theo vệ quốc đoàn, nhưng sau này bị cộng sản xếp vào thành phần "tạch tạch sè" (tiểu tư sản) và anh cũng sớm nhận ra sự tàn ác, bất nhân của VC nên anh đã "dinh T", rồi vô Nam năm 1954. Không ngờ 30 năm sau, khi cộng sản bắt được anh, anh thẳng thắn khai hết từ đầu đến đuôi nên chúng xếp anh vào dạng hồi chánh, đưa về quân lao Gò Vấp.

Trước 1975, mỗi tuần tôi có đến đài phát thanh Sài Gòn hai lần để thu chương trình phát thanh của Bộ Dân Vận Chiêu Hồi, nên có quen cô Dzoãn Phượng, con gái của anh Dzoãn Bình. Cô được nhận vô làm xưởng ngôn trong đài phát thanh sau khi bà Đàm Chi Lan, vợ của anh Dzoãn Bình qua đời. Thời đó, tôi thấy anh Dzoãn Bình rất phong độ, trẻ trung, tinh anh, thường mặc bộ đồ dân vận 4 túi, đeo kính cận, để hàng ria mép con kiến, đi chiếc xe vespa đến đón Dzoãn Phượng, nhưng không bao giờ được hân hạnh trò chuyện với anh. Đến khi gặp anh trong tù, anh già đi trông thấy, hàm răng giả của anh lại bị mất, người anh lại cao nên trông càng thêm gầy gò, ốm yếu. Thoạt thấy anh, tôi không tài nào nhận ra anh. Về sau nghe anh Nở nói chuyện, tôi mới biết anh là ký giả Dzoãn Bình, người tôi đã đem lòng quý trọng một cách âm thầm từ khi tôi được đọc những phóng sự chiến trường của anh, tại thư viện của Bộ Thông Tin ở đường Phan Đình Phùng. Gặp được anh trong tù, tôi mừng quá, nằm lắng nghe anh kể chuyện thâu đêm. Sáng ra, anh bảo tôi đưa cho anh cây viết và mảnh giấy, rồi anh viết nguệch ngoạc mấy câu thơ, đến nay tôi vẫn còn nhớ và vẫn còn thấy xao xuyến:

Gặp nhau mái tóc còn xanh,  
Mà nụ cười cần cố  
Đường đời sao sớm mờ  
Chuyện mình vừa nói đã thương nhau.  
Phải chăng mưa gió giải sầu  
Thời gian sẽ thấy lại màu áo xưa?

Trong suốt thời gian tôi bị giam giữ trong trại tù cộng sản khoảng hơn một năm trời, anh Dzoãn Bình quả thực là bóng mát, là nguồn nước giếng khơi, cho cuộc đời của tôi. Anh dạy dỗ tôi rất nhiều điều. Kiến thức của anh uyên bác, hiểu biết của anh về xã hội Miền Nam gần như vô tận, nên chỉ gần gũi anh một thời gian không đầy một năm, tôi đã được anh kể cho nghe không biết bao nhiêu chuyện về giới nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ Miền Nam. Từ những nhà văn, nhà báo lão thành được anh kính trọng đến những câu chuyện tưởng như huyền thoại về cuộc đời nghiệt ngã và cái thú "yên sĩ phi lý thuần" của anh. Anh rất kính trọng văn tài và tư cách của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Anh cũng tỏ ra có biệt nhãn khi nhắc đến dòng họ Nguyễn Ngọc là ông Nguyễn Ngọc Trác, Nguyễn Ngọc Linh, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Ngọc Phách. Sau này, trôi nổi sang Úc, được gặp gỡ một số nhà văn, nhà báo lão thành của Miền Nam, các vị kể cho tôi nghe, thời kỳ làm ký giả cho Việt Tấn Xã, anh Dzoãn Bình viết bài đụng chạm đến vài nhân vật có lai lịch lớn, nhưng được ông Nguyễn Ngọc Linh, giám đốc Việt Tấn Xã, tận tình bênh vực và giúp đỡ, nên anh ập ủ mãi mãi ân tình đó.

Một người bình thường khi bị cộng sản bắt đi tù cải tạo đã khốn khổ vô cùng. Nhưng anh Dzoãn Bình khi vô tù cải tạo còn khốn khổ hơn nhiều, vì anh nghiện thuốc phiện, hay nói theo ngôn ngữ của anh là "hít tồ phe". Cũng vì nghiện, nên một ngày nọ, anh đem đôi gói thuốc lào để lấy mấy hạt mã tiền khô, đem về nghiền ra rồi pha nước uống. Tôi không biết uống hạt mã tiền vô trong người thế nào, nhưng những người tù cải tạo ở trại Katum mỗi khi về quân lao Gò Vấp, người nào cũng có một túi vải nho nhỏ, trong có vài hạt mã tiền. Tù nhân vẫn đồn đại là dùng hạt mã tiền có thể cường dương bổ thận, trị phong thấp, nhức mỏi, tê bại. Tôi không biết chuyện này thực hư thế nào, nhưng đã có lần ném thử một tí thì thấy đắng vô cùng. Tối hôm đó, anh Dzoãn Bình uống hạt mã tiền vô được khoảng nửa tiếng, thì cả người anh co giật thật khủng khiếp. Cả mấy người chúng tôi xúm vô giữ anh mà giữ không nổi. Kinh hoàng quá, chúng tôi phải đập cửa sắt phòng giam rầm rầm, rồi la hét ầm ĩ, quản giáo mới chịu mở cửa để cho anh ra ngoài cấp cứu. May mắn, lần đó anh thoát nạn.

Vì quen biết Dzoãn Phượng từ hồi trước 1975, nên anh Dzoãn Bình rất tin tưởng và thương yêu tôi. Vì tin tưởng tôi nên anh đã bàn với tôi cách vượt ngục với sự trợ giúp của Dzoãn Phượng. Thời đó, thỉnh thoảng chúng tôi vẫn phải ra khu gia cư, ngay phía bên ngoài quân lao Gò Vấp để lao động. Công việc thì không nhiều, không nặng nhọc, nhưng tuần nào cũng có toán phải ra ngoài đó lao động, dọn dẹp nhà cửa, làm đường xá.... Mỗi lần như vậy, tù cải tạo chúng tôi thường tìm cách cho tiền vệ binh, quản giáo để chúng mật báo cho thân nhân của mình ở quan vùng đến thăm viếng. Người nào có thân nhân đến thăm, sẽ được quản giáo vệ binh cho vô một căn phòng bỏ hoang hàn huyên tâm sự, rồi nấu nướng đồ ăn thức uống chia sẻ cho nhau. Vệ binh quản giáo cũng rất bằng lòng với lối thăm viếng bí mật kiểu này, vì chúng vừa được ăn uống phủ phê, lại vừa có tiền, có thuốc lá, thuốc lào dứt túi, và anh em tù cải tạo cũng vui vẻ vì được người thân của bạn tù, mỗi khi viếng thăm, đều có món "bồi dưỡng" cho tù không món này thì cũng món khác.

Thường mỗi lần thân nhân viếng thăm bí mật như vậy kéo dài nhiều tiếng đồng hồ, kể từ lúc nghỉ trưa ăn "cơm". Thân nhân đến cứ lặng lẽ đi vô nhà bỏ hoang, xếp đặt các thứ cần nấu nướng rồi lặng lẽ làm các món ăn. Những thứ nào cho bạn tù thường thức được xếp riêng một bên, chờ tù nhân vô mang đi phân phát. Thứ nào cho quản giáo, vệ binh thì cũng để riêng. Những món này thường phải nhỏ bé, kín đáo và giá trị cụ thể hơn. Thường, vệ binh quản giáo chỉ nhận tiền mặt, bột ngọt, hoặc thuốc lá. Đến giờ nghỉ trưa ăn "cơm", người tù nào có thân nhân đến thăm sẽ lặng lẽ và thản nhiên đi vô trong nhà hoang, xum họp một, hai tiếng, hoặc có khi cả buổi chiều với gia đình. Tất cả đều đầu vào đấy, tuần tự như tiền, ai cũng có phần mà mọi chuyện trôi chảy, không ai làm phiền đến ai.

Trong thời gian tôi và anh Dzoãn Bình ra ngoài làm việc, Dzoãn Phượng cũng đã đến viếng thăm bí mật như vậy nhiều lần. Có lần Dzoãn Phượng đi một mình, có lần đi với bạn. Vì những cuộc thăm viếng như vậy diễn ra thường xuyên, hầu như ngày nào chúng tôi ra ngoài lao động cũng có vài người tù cải tạo có người thân thăm viếng, và xưa nay chưa bao giờ xảy ra chuyện gì đáng tiếc, nên quản giáo vệ binh canh gác rất lơ là. Thậm chí có nhiều lần, nấu nướng đồ ăn thức uống, thiếu món này món nọ, người thân lại phóng xe Honda ra ngoài chợ Gò Vấp mua thêm đồ về nấu là chuyện vẫn xảy ra. Vì vậy, tôi và anh Dzoãn Bình bàn tính chuyện vượt ngục bằng chính chiếc xe Honda Dzoãn Phượng mang vô.

Trong khu gia cư của quân lao Gò Vấp lúc đó cũng có nhiều gia đình sống tạm bợ, nên chuyện người và xe cộ ra vô là điều bình thường. Tôi tính với anh Dzoãn Bình, để Dzoãn Phượng đi xe Honda vô thăm, nấu

nướng đồ ăn thật nhanh chóng, rồi Dzoãn Phượng lên ra ngoài. Sau đó, đến giờ nghỉ, anh Dzoãn Bình sẽ bước vô, lấy quà trao cho vệ binh, quần giáo. Còn tôi cũng tìm cách lên vô lấy đồ ăn trao cho bạn tù, rồi tôi và anh Dzoãn Bình chờ đợi thời cơ thuận tiện, lấy xe Honda của Dzoãn Phượng phóng ra khỏi quân lao. Từ khi nổ máy xe cho đến khi vọt ra khỏi quân lao Gò Vấp chỉ mất không đầy 5 phút đồng hồ. Quần giáo, vệ binh có phát hiện ra cuộc vượt ngục, sớm nhất cũng phải mất một giờ đồng hồ sau, khi ca lao động buổi chiều bắt đầu. Tôi nói sớm nhất là vì thông thường, những người tù có thân nhân thăm nuôi kiểu đó, nếu quần giáo, vệ binh được "đắm mồi" ngon lành, chúng sẽ chấp nhận để cho người tù đó được miễn lao động ca chiều. Điều tôi lo ngại là chỉ có anh Dzoãn Bình được vô gặp Dzoãn Phượng, còn tôi chỉ có thể vô lên, và nếu tôi vô lên chót lọt, cuộc vượt ngục của tôi và anh Dzoãn Bình mới thực sự tiến hành.

Theo sự bàn bạc của chúng tôi, Dzoãn Phượng sau khi lên ra bên ngoài, sẽ chờ ở một chỗ nào đó kín đáo gần đó, để có thể quan sát công ra vô quân lao Gò Vấp. Trong khoảng nửa tiếng đến một tiếng sau, nếu thấy chúng tôi đi xe Honda trốn ra được, Dzoãn Phượng sẽ không về nhà, mà nhanh chóng gọi xe ôm đến ẩn náu tạm ở nhà bà con, nơi đã có hai em gái là Dzoãn Hoàng và Dzoãn Điệp chờ sẵn. Nếu trong thời gian một tiếng đồng hồ sau, không thấy chúng tôi đi xe Honda trốn ra, Dzoãn Phượng sẽ thản nhiên trở lại quân lao Gò Vấp với gói đồ ăn mua sẵn, nói là ông Dzoãn Bình bảo ra ngoài mua thêm...

Chuẩn bị đầy đủ và kỹ càng như vậy, chúng tôi tin là nếu có được 5 phút thực sự an toàn, chúng tôi sẽ sẵn sàng chấp nhận phiêu lưu vượt ngục. Bằng không, chúng tôi sẽ bình tĩnh mai phục, chờ đợi thời cơ thuận lợi vào dịp khác. Như vậy, sẽ không có một sự thiệt hại nào về vật chất cũng như tính mạng cho chúng tôi. Hoàn cảnh của anh Dzoãn Bình lúc đó rất bi đát. Nếu không vượt ngục, anh sẽ không có thuốc men điều trị và sẽ chết trong ngục. Qua kinh nghiệm về cộng sản, anh biết, anh sẽ không bao giờ được cộng sản trả tự do. Riêng bản thân tôi, khi tới quân lao Gò Vấp, tôi mới biết, cộng sản đã biết quá rõ về tôi. Với "tội" hời hợt, "tội" lên đài phát thanh VOA tuyên truyền chống cộng sản, và "tội" làm cho Bộ Dân Vận Chiêu Hồi, chắc chắn tôi sẽ bị cộng sản tử hình, hoặc ít nhất cũng sẽ bị cộng sản cầm tù chung thân. Vì cả anh Dzoãn Bình lẫn tôi đều hiểu được số phận tận cùng bi đát đang chờ đợi mình ở cuối đường hầm, nên hai anh em chúng tôi đã quyết tâm vượt ngục bằng mọi giá. Vấn đề bây giờ chỉ còn là thời gian, khi nào chúng tôi sẽ có được cơ hội ra ngoài lao động ở khu gia cư quân lao Gò Vấp?...

## KỶ 49

Ngay từ khi bị cộng sản bắt vô tù, tôi vô cùng hối hận cho sự lầm lỡ của mình, và quyết tâm phải vượt ngục bằng mọi giá. Tôi biết, ngục tù của cộng sản vô cùng kiên cố, người cộng sản cũng rất tàn nhẫn, sẵn sàng bắn bỏ tù bất cứ lúc nào, và dù có may mắn vượt thoát được nhà tù nhỏ, tôi cũng còn phải tìm cách để vượt thoát ngục tù lớn để ra ngoại quốc. Còn nếu vượt ngục được rồi mà vẫn tiếp tục sống trong chế độ cộng sản, thì trước sau gì tôi cũng sẽ bị cộng sản bắt lại. Biết vậy, nhưng tôi tin, dù lao tù của cộng sản có kiên cố đến đâu đi nữa, một khi mình đã quyết tâm vượt ngục, thì một năm, hai năm, ba năm... trước sau gì mình cũng sẽ tìm ra kế hớ để trốn thoát.

Trong thời gian bị giam giữ tại Quân lao Gò Vấp, trước khi gặp anh Dzoãn Bình, tôi cũng đã nhiều lần tìm cách vượt ngục, nhưng chưa gặp cơ hội. Quân lao Gò Vấp có mấy hàng rào thép gai từ trong ra ngoài. Lực lượng canh gác của vệ binh được chia làm nhiều toán, lại có cả quân khuyến. Việc leo trèo hoặc chui qua những hàng rào kẽm gai về đêm, cũng như cách đánh lạc hướng thính giác của quân khuyến là điều có thể làm được. Nhưng điều khó khăn nhất chính là trở ngại tù canh gác tù trong mỗi phòng giam. Thời gian đó, để đề phòng tù vượt ngục, cộng sản đã bắt những người tù chúng tôi phải chia thành từng nhóm, mỗi nhóm hai người, có trách nhiệm thay phiên nhau thức hai tiếng đồng hồ để canh gác tù. Trong thời gian canh gác, chúng tôi không được phép nằm, ngồi, mà phải liên tục đi lại trong phòng giam. Đèn trong phòng giam phải bật sáng suốt đêm. Vệ binh canh gác đi lại bên ngoài có thể mở chiếc cửa tò vò bất cứ lúc nào để ngó vô kiểm soát, theo dõi, hoặc gọi người tù gác tù lại gần cửa tò vò bắt báo cáo. Để tránh tình trạng cả hai người tù cùng canh gác, thông đồng với nhau vượt ngục, danh sách tù gác tù luôn luôn thay đổi, phiên này gác chung với người này, phiên sau lại phải gác chung với người khác.

Trong điều kiện khó khăn như vậy, để có thể vượt ngục, tôi phải vượt qua mấy khó khăn mà khó khăn lớn nhất, tôi chỉ có thể vượt ngục cùng với người bạn tù cùng canh gác với mình. Tôi biết, để có thể kiếm được một người bạn tù mình tin tưởng là điều rất nan giải, nhưng nếu kiên nhẫn, biết cách tìm kiếm, thuyết phục, điều này còn có cơ hội để thực hiện hơn, so với việc thuyết phục người bạn tù cùng canh gác, chấp thuận để mình vượt ngục, còn họ ở lại lãnh nhận sự trừng phạt của cộng sản.

Trong số những người bạn tù tôi quen biết, trước khi gặp anh Dzoãn Bình, tôi chỉ tin tưởng được có hai người. Một anh tên Quang, gốc Thanh Hoá, thuộc lực lượng chính quy Bắc Việt, về hồi chánh, từng tình nguyện tham gia lực lượng Delta Force, sau lấy vợ Huế, có một con trai. Quang tính khí ngang tàng, liều lĩnh, nóng tính, gặp bất cứ điều gì trái tai gai mắt, là la hét chửi bới, và nhào vô đập lộn, bất kể đối thủ là ai, một người hay cả chục người. Ngay bản thân tôi, khi mới chân ướt chân ráo bước vô Quân Lao Gò Vấp,

ngay tối hôm đầu tiên, trong lúc chơi cờ tướng với Quang, chỉ vì tôi đùa cợt về một hai nước cờ, Quang đã nổi khùng, chửi tôi, rồi người nhào vô đánh tôi. Sau trận đập lộn đó, tôi và Quang trở thành bạn thân. Tình bạn của chúng tôi trở nên tha thiết hơn, sẵn sàng sống chết cho nhau hơn, sau lần tôi liều mạng công Quang, bất chấp lệnh của quản giáo Trường. Câu chuyện đầu đuôi thế này...

Quang vì tính hay đập lộn, nên nhiều lần bị quản giáo bắt giam trong conex. Lần Quang bị giam thâm nhất là lần Quang đập lộn với một người tù "tự quản", thuộc loại "gà nòi" của quản giáo Trường. Thông thường bị giam trong conex 5 ngày đã là khủng khiếp, đằng này lần đó Quang bị phạt giam tới 7 ngày! Ngày thứ 7, ngay từ buổi sáng, một người tù nấu bếp cho chúng tôi biết, Quang đã hết "nhức nhích".

Chúng tôi sốt ruột vô cùng, nhưng đành bất lực.

Chiều hôm đó, anh em tù đang xếp hàng điểm danh chuẩn bị vô phòng giam, thì tên quản giáo Trường bước tới ra lệnh:

- Tất cả "chúng anh" đứng nghiêm chờ tôi.

Quản giáo Trường là người thiếu số, nói tiếng Việt không sõi, và không hiểu sao, y có tật chuyên môn gọi "các anh" là "chúng anh".

Sau khi ra lệnh cho chúng tôi đứng nghiêm chờ, tên Trường bước tới conex ở ngay trước phòng giam A-1, mở khoá. Quang đã bị giam trong đó đúng một tuần lễ! Ai bị giam trong conex đều biết, đó là cả một cực hình, nhất là vào những ngày nắng hè oi bức. Trước đó, đã có người bạn tù phải tự tử trong conex vì không chịu đựng nổi sự khổ ải, thì đủ biết bị giam trong đó nguy hiểm và khủng khiếp đến thế nào. Cửa conex đã mở, nhưng chúng tôi không thấy bóng dáng Quang đâu cả. Mùi hôi hám trong conex bốc ra nồng nặc, khiến tên quản giáo Trường thụt lùi lại mấy bước, vừa bịt mũi, vừa khạc nhổ lia lịa. Chúng tôi lo ngại, xót xa cho Quang, nhưng phải im lặng bòn chòn chờ đợi. Tên quản giáo Trường quay về phía chúng tôi, vẫy vẫy chiếc dùi cui, chỉ hai người đứng đầu hàng, phía bên phải, rồi hét giọng e é:

- Hai anh kia, đi vô lòi cổ nó ra...

Hai người tù vội vàng chui vô trong conex, nửa khiêng, nửa kéo Quang ra ngoài. Hai chân Quang vẫn bị còng, thân hình Quang tiêu tụy, nhẹ tênh, nét mặt thất thần...

Hai người tù vừa khiêng Quang ra đến vỉa hè nhà ăn, thì tên quản giáo Trường hét lên:

- Để nó xuống đó, hai anh đi về hàng.

Hai người tù vội để Quang xuống vỉa hè nhà ăn, rồi trở lại hàng đứng. Vì nhà ăn đối diện phòng giam A-1, và giữa các sân của mỗi phòng giam đều có hàng rào kẽm gai, cửa qua lại giữa các sân cũng làm bằng dây kẽm gai, nên qua những lớp rào kẽm gai, chúng tôi thấy Quang ngồi đó, chống hai tay xuống đất, vai so, cổ rụt... Quang ho rũ rượi một hồi, rồi đưa cặp mắt buồn bã, u uất và tuyệt vọng nhìn chúng tôi....

Tên quản giáo Trường chỉ chiếc dùi cui về phía Quang hét:

- Anh ngồi im đó, chờ lệnh tôi.

Nói xong, quản giáo Trường bước vô sân phòng giam A-2 chúng tôi. Hấn lừ lừ liếc nhìn chúng tôi bằng cặp mắt hằn học, oán giận, đỏ kè những gân máu...

Quản giáo Trường thấp khoảng thước tư, thước rưỡi, trán thấp, tóc rẽ tre, có gương mặt u ám, vô học, điển hình của những người cán bộ cải cách ruộng đất. Là người thiếu số, không biết là Nùng, Thượng hay Êđê, Trường nói tiếng Việt không sõi. Tính tình Trường độc ác, hằn học với tù và rất hay kiếm cớ để hành hạ tù. Thời gian đó, tại Quân lao Gò Vấp, vệ binh quản giáo VC có phong trào học võ nghệ, được chính một số tù là võ sư, có võ đường, đứng ra huấn luyện. Với bản chất tàn nhẫn, độc ác, sau khi ti toe học được ít võ nghệ, vệ binh quản giáo tại Quân lao Gò Vấp thường kiếm cớ quy chụp tù tội này, tội nọ rồi mang tù ra dợt hội đồng ngay ngoài sân chơi bóng chuyền, hay trong phòng thẩm vấn. Trong số những quản giáo thích mang tù ra đánh hội đồng, có quản giáo Trường. Tuy nhiên, quản giáo Trường cũng là người rất bộc trực, ruột ngựa, hay mở miệng chửi cộng sản. Mỗi khi về Bắc thăm gia đình trở vô, quản giáo Trường thường tìm đến tù nhân tâm sự, chửi bới chế độ cộng sản, rồi kể lể những nỗi khổ của gia đình y một cách công khai. Thoạt đầu, nghe y nói, tù nhân đều không tin, cho y có mưu mô gì đây, nên chỉ ậm ừ cho qua chuyện. Sau ríết, có nhiều người hiểu, với bản chất của người thiếu số, ít học, y dễ cuồng tín "nuốt sống, nuốt chín" bả tuyên truyền của cộng sản, nhưng cũng dễ chửi bới cộng sản, khi y và gia đình phải chịu đựng những đói khổ, những lừa lọc do cộng sản gây ra.

Sau một hồi lừ lừ nhìn những người tù chúng tôi bằng cặp mắt oán hận, quản giáo Trường hét:

- Đảng nhà nước cho "chúng anh" vô đây để cải tạo thành người tốt. Vậy mà "chúng anh" vô ơn, "chúng anh" phá phách, đánh lộn. Tù "tự quản" là tù tiến bộ nhất của đảng và nhà nước. Anh Quang đánh tù "tự quản" là đánh phá cách mạng, đánh phá đảng, là đồ phản động.

Quay qua phía Quang, Trường dơ dùi cui, chỉ chỗ, hò hét:

- Anh Quang có biết tội phản động của anh chưa?

Quang thều thào nói gì đó nghe không rõ. Tên Trường lại hét:

- Để chuộc tội phản động của anh, tôi ra lệnh anh Quang phải bò từ đó về hàng!...



Nghe tên Trường hét bắt Quang phải bò về hàng, anh em tù trong hàng bỗng xôn xao, phản đối. Là những người tù chính trị, chúng tôi chấp nhận bị trừng phạt như bị cùm chân, cùm tay, bị cắt khẩu phần ăn, bị tống giam trong conex, bị cấm nhận quà thăm nuôi, kể cả bị đánh đập hay bị xử bắn, nhưng chúng tôi không để gì chấp nhận bị làm nhục như bị còng sán bắt phải quỳ, phải bò...

Tên quản giáo Trường quay lại phía chúng tôi, múa chiếc dùi cui rồi hét:

- "Chúng anh" câm miệng!

Quay sang Quang, quản giáo Trường lại thét:

- Anh Quang, nghe tôi nói chưa? Anh bò ngay về hàng!...

Anh em tù chúng tôi vẫn xôn xao phản đối. Còn Quang lúc đó, vì quá mệt mỏi, chân lại bị xiềng bằng loại xiềng gang do lò rèn của trại chế ra theo kiểu vẽ ác độc của tên trưởng trại, nên Quang rất lúng túng. Thêm nữa, từ vỉa hè nhà ăn xuống đến sân của phòng giam A-1 có hai hay ba bậc rồi lại thêm một rãnh thoát nước mưa rộng khoảng hơn gang tay, làm cho Quang quỳnh quáng, muốn bò mà không bò được, trông thật tội nghiệp vô cùng... Tôi lúc đó đứng ngay hàng đầu, nên thấy rất rõ cảnh tang thương của Quang. Vì tính khí ngang ngược của Quang nên trong tất cả những người bạn tù, chỉ có tôi là người duy nhất chơi thân với Quang. Nay trong hoàn cảnh đó, Quang không thể trông cậy vào ai ngoài tôi. Tôi cũng biết, tôi chơi thân với Quang, bạn tù ai cũng biết, nên trong thâm tâm, tôi thấy mình có trách nhiệm phải giúp đỡ Quang hơn cả... Nhưng giúp cách nào đây?... Trong lúc bối rối, không kịp suy nghĩ, không kịp hiểu mình phải làm gì, và tại sao mình lại hành động như vậy, bỗng dưng tôi bước ra khỏi hàng, đi thẳng về phía Quang. Mới bước được vài bước, tôi đã nghe tiếng quản giáo Trường hét lên, vừa ngạc nhiên, lúng túng, vừa phẫn nộ:

- Ê... đứng lại! Anh Chí đứng lại!

Tiếng thét của quản giáo Trường vừa dứt thì tôi cũng đã đến bên Quang. Tôi xoay người, ngồi xuống, chìa lưng về phía Quang và nói:

- Ôm lấy cổ tao, tao cõng...

Quang ngần ngừ và hoảng hốt:

- Đừng mà, nó đánh mày chết.

Tôi dứt khoát:

- Tao nói mày ôm cổ tao...

Vừa nói, tôi vừa xoay người lại, nắm lấy hai cánh tay khẳng khiu của Quang, kéo choàng qua cổ tôi, rồi đứng dậy, cõng Quang về hàng. Hai chân của Quang bị còng bằng còng sắt nên lúng lẳng, đụng vào dùi tôi đau điếng, nhưng tôi cắn răng chịu... Một bước, hai bước,... Cả trại tù bỗng im lặng rợn người... Rồi tự dưng, một tiếng, hai tiếng vỗ tay nổi lên rờ rạc, rồi tất cả gần trăm người tù cùng vỗ tay vang dội. Tôi xúc động muốn ứa nước mắt... Quay sang phía quản giáo Trường, tôi thấy mặt y hầm hầm, mắt y lừ lừ nhìn tôi, rồi y quát:

- Ai cho phép anh cõng tên Quang?

Tôi biết, trong giây phút không kịp suy nghĩ, tôi đã làm một điều vô cùng nguy hiểm. Tôi sẽ phải trả giá rất đắt cho hành động của tôi. Vì vậy, để gỡ gạc phần nào nguy hại, tôi cố gắng trả lời quản giáo Trường bằng một giọng thật nhã nhặn:

- Thưa quản giáo, như quản giáo đã nhiều lần nói, chúng tôi vô đây là để được cải tạo trở thành người tốt hơn, chứ không phải để bị làm nhục. Nếu quản giáo thấy anh Quang có tội, quản giáo cứ việc trừng phạt theo đúng nội quy của trại tù, chứ không thể bắt anh ta bò, vì trong nội quy của trại tù không hề có điều khoản nào cho phép quản giáo trừng phạt tù bằng cách bắt tù phải bò.

Quản giáo Trường lừ lừ nhìn tôi, miệng lừ lừ mấy tiếng, tôi nghe không rõ. Rồi y quát lên:

- "Chúng anh" đi vô!

Tôi thờ phào thoát nợ, và chẳng hiểu sao lúc đó, trong lòng tôi bỗng dâng lên niềm cảm xúc rất vô lý, "thảm biết ơn" quản giáo Trường đã "tha tội" cho tôi!?

Sau lần xảy ra biến cố đó, tình bạn giữa tôi và Quang vô cùng thân thiết. Tôi tin tưởng Quang đến độ một đêm nọ, tôi nói với Quang ý định vượt ngục của tôi, và rủ Quang cùng vượt ngục khi hai người cùng chung một phiên gác. Tôi nói với Quang mỗi ca gác 2 tiếng, chúng tôi phải mất một tiếng để hai người gác trước ngủ say. Tiếp theo, chúng tôi phải chờ cho tên vệ binh mở cửa tò vò của phòng giam, để báo cáo mọi chuyện yên tĩnh. Sau đó, thời gian để tên vệ binh trở lại mở cửa tò vò lần kế phải mất ít nhất nửa tiếng đến một tiếng. Như vậy chúng tôi sẽ có nửa tiếng đồng hồ để vượt ngục.

Tôi cũng nói cho Quang biết, địa hình của Quân lao tôi đã nắm rất rõ. Thời đó, nóc Quân lao thường bị thủng, mỗi khi mưa, nước chảy vô trong rất nhiều, nên đôi khi chúng tôi được lệnh leo lên trên nóc, lấy nhựa đường bít những chỗ thủng. Tôi may mắn được lên nóc Quân lao hai lần. Lần thứ nhất, tôi quan sát địa hình, địa vật chung quanh, và tình cờ phát hiện ra một cơ hội đặc biệt có thể giúp tôi vượt ngục tại Quân lao Gò Vấp dễ dàng....

Tôi không biết cấu trúc của khu B và C của Quân lao Gò Vấp như thế nào, nhưng khu A có 3 phòng giam là A-1, A-2 và A-3. Ngay đằng sau mỗi phòng giam có một phòng vệ sinh dính liền, với mái bằng, đồ bệ tông rất kiên cố. Trên nóc của phòng vệ sinh có một lỗ vừa để thông hơi, vừa để lấy ánh sáng mặt trời. Lỗ thông hơi này rộng mỗi chiều khoảng 60 phân. Nằm giữa lỗ thông hơi là hai thanh sắt loại cọc hàng rào kẽm gai, được đặt song song, cách nhau khoảng 20 phân. Vì hai thanh sắt này được đặt ngay trong lớp bê tông khi mới xây, cộng với mặt có rãnh trũng của thanh sắt quay lên trời, nên lâu ngày, nước mưa đọng trong rãnh, đã ăn mòn cả hai thanh sắt. Ở trong phòng vệ sinh, nhìn từ dưới nhìn lên, thì thanh sắt vẫn còn nguyên vẻ kiên cố. Nhưng nhờ lên trên nóc nhà, tôi có cơ hội nhìn hai thanh sắt từ phía trên, thấy được sự rỉ sét nhiều tới mức, một người có thể dùng một thanh sắt hay khúc gỗ bẻ gãy cả hai thanh sắt này dễ dàng.

Phát hiện ra điều này tôi rất mừng. Để có thể tận dụng được cơ hội này, tôi bí mật "đổi chác" cho một anh tù ở nhà bếp để lấy một ít muối. Ngoài ra, tôi cũng nhặt được một ống sắt làm ống nước, dài khoảng 60 phân, có chu vi vừa bằng cổ tay. Tôi vớt ống sắt này ngay ở hàng rào, bên ngoài phòng vệ sinh. Lần lên nóc Quân Lao lần thứ hai, tôi kín đáo mang theo gói muối, trộn lẫn với cát, rồi nhét vô rãnh hai thanh sắt, để tăng tốc độ rỉ sét, bào mòn hai thanh sắt. Tôi cũng kín đáo mang theo ống sắt, rồi để ngay cạnh lỗ thông hơi trên nóc phòng vệ sinh. Vì đó là lỗ thông hơi của nhà cầu, rất hôi thối, nên mọi người đều tránh xa, không một ai để ý đến việc làm kín đáo của tôi. Ống sắt để cách lỗ thông hơi không đầy 20 phân, được các loại dây leo bao phủ, nên rất an toàn. Tôi dự định, khi vượt ngục, từ bên dưới nhà vệ sinh, tôi chỉ cần thò tay lên là nắm được ống sắt và dùng nó bẻ gãy hai thanh sắt chắn lỗ thông hơi một cách dễ dàng. Sau đó, với khả năng của một thường xuyên chơi xà đơn (high bar), xà kép (parallel bars) ở trung tâm thể thao Phan Đình Phùng thời trước 1975, tôi có thể chui qua lỗ thông hơi ra ngoài một cách dễ dàng....

## KỶ 50

Nung nấu trong lòng ý chí vượt ngục bằng mọi giá, tôi đặt hết niềm tin tưởng vào Quang và đinh ninh Quang sẽ vượt ngục cùng với tôi. Nhưng tôi không ngờ, hai ngày sau, Quang buồn rầu cho tôi biết, Quang không thể vượt ngục. Ngay khi nghe Quang nói, tôi biết ngay lý do Quang quá yêu vợ và thương con. Với Quang, tất cả mọi hạnh phúc trên cõi đời này, kể cả sự tự do của chính bản thân Quang, sẽ hoàn toàn vô nghĩa, nếu Quang không được sống bên cạnh vợ con. Viễn ảnh vượt ngục ra ngoài, trở về Huế đón vợ con rồi vượt biên ra ngoại quốc, là cả một chuyện vô cùng xa vời và không tưởng đối với Quang. Quang chấp nhận ở lại trong tù, chịu đựng tất cả mọi nỗi khổ đau, để chờ ngày được đoàn tụ với vợ con, hơn là phiêu lưu vào con đường vượt ngục vô cùng nguy hiểm.

Quang từ chối vượt ngục làm tôi rất buồn, nhưng tôi không hề trách Quang. Tôi cũng không hề lo ngại về ý định vượt ngục mà tôi đã tin tưởng tâm sự với Quang. Tôi hiểu Quang là người rất trung thành với bằng hữu.

Hai ngày sau ngày Quang từ chối vượt ngục, phòng giam A-2 của tôi nhận thêm một người tù cao to đặc biệt, có tướng mạo giống người Châu Âu, với nước da trắng xanh, bộ râu quai nón xồm xoàm và mái tóc để dài tới ngang vai. Khác hẳn tất cả những người tù chúng tôi một khi vô phòng giam đều được cởi còng tay, xiềng chân, người tù đặc biệt này vẫn bị còng tay, xiềng chân. Thấy người tù mới khí vũ hiên ngang, tướng tá ngon lành, tôi lân la làm quen, và được anh cho biết, tên anh là Vũ Hoàng, nguyên võ sư có võ đường ở Chợ Lớn. Hỏi anh tội gì bị bắt, anh chỉ cười không nói.

Chiều tối hôm đó, tôi lấy phần cơm đem vô cho anh. Anh cảm ơn, nhưng không hề đụng đũa đụng chén. Trong khi chúng tôi ăn, anh ngồi nhắm mắt dưỡng thần, thở ra hít vô kêu vo vo mà hơi thở rất dài và sâu. Tôi nghĩ có lẽ anh là võ sư nên hơi thở phải khác hẳn người thường...

Tối hôm đó, anh em chúng tôi mấy người xúm xít nghe anh nói chuyện. Tuy ở trong tù, nhưng thái độ của anh ung dung tự tại, làm chủ được cả thể xác lẫn tinh thần, nên chúng tôi rất khâm phục.

Đến 9 giờ tối, tiếng kèng nổi lên, báo giờ đi ngủ. Chúng tôi ai về chỗ người nấy, nhưng ai cũng bồi hồi trong dạ khi nghĩ đến những câu chuyện lên võ đài của anh, chuyện võ sư Bảo Truyền biểu diễn trên truyền hình như thế nào, chuyện vợ của anh sang Miền bị bùa ngải ra làm sao...

Trần trọc nghĩ đến những câu chuyện anh kể, nghĩ đến mưu kế vượt ngục của mình khó có thể thực hiện, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Đang ngủ, bỗng nhiên tôi giật mình nghe hai, ba tiếng súng nổ, rồi tiếng kèng ngũ liên đổ hồi, tiếng chó sủa, tiếng vệ binh quân giáo la hét ầm ĩ bên ngoài... Tôi vội ngồi dậy, nhưng không dám ra khỏi mùng, vì nội quy của trại đã quy định, trong đêm tối, khi nghe kèng báo động, mọi tù nhân phải ngồi nguyên trong mùng. Ai đi lại lung tung có thể bị quân giáo, vệ binh "xử lý" tại chỗ. "Xử lý" ở đây có nghĩa, người nào vi phạm sẽ bị bắn bỏ.

Tuy ngồi ở trong mùng, nhưng tôi vẫn nghe tiếng anh em bạn tù xôn xao:

- Vũ Hoàng trốn rồi!

- Vũ Hoàng nào?

- Vũ Hoàng võ sư mới võ hồi chiêu...

Tôi ngạc nhiên, vội hé mừng, nhìn về phía Vũ Hoàng ngồi hồi tối, cách chỗ tôi nằm khoảng bốn mươi mét. Vì đề phòng tù vượt ngục, nên trong phòng giam lúc nào đèn cũng sáng trưng. Nhờ vậy, tôi nhìn thấy rõ, chỗ Vũ Hoàng ngồi lúc tối kể chuyện cho chúng tôi nghe, bây giờ trống trơn. Ngay giữa mười mét rách là chiếc công tay và chiếc cùm chân mà Vũ Hoàng đã tháo ra và để lại thật gọn gàng. Tôi vừa khâm phục vừa tự hỏi, không biết Vũ Hoàng đã vượt ngục bằng cách nào, và sao anh lại có thể vượt ngục nhanh như chớp vậy? Thông thường, bất cứ người tù nào muốn vượt ngục, bao giờ cũng phải mất một thời gian điều nghiên đường đi nước bước, trước khi vượt ngục. Riêng Vũ Hoàng thì không vậy. Buổi chiều anh bước vô phòng giam với chiếc công tay, chiếc cùm chân và xích sắt cầm trên tay nặng tổng cộng cả chục kí lô do tù lò rèn "tự quản" làm ra, để rồi ngay trong đêm, anh đã tháo công, tháo cùm, vượt ngục... Anh quả thực tài ba!

Nghe tiếng súng nổ, sau đó mới đến tiếng keng ngũ liên đồ dài từng hồi, rồi tiếng vệ binh, quản giáo la hét cùng tiếng quân khuyến sửa âm ỉ suốt cả nửa tiếng đồng hồ,... chúng tôi đoán, anh Vũ Hoàng đã vượt ngục thành công. Kinh nghiệm tại Quân lao Gò Vấp cho chúng tôi biết, một người vượt ngục, khi bị phát hiện, lệnh báo động được ban ra, chỉ trong mười, mười lăm phút là tối đa, người tù đó sẽ bị bắt lại, hoặc bị bắn chết.

Từ khi vô Quân lao Gò Vấp, tôi biết có bốn cuộc vượt ngục, tất cả đều bị thất bại. Năm người bị bắn chết ngay giữa hàng rào với bức tường gạch kiên cố quanh Quân lao. Xác họ bị vùi ngay nơi họ bị bắn chết. Không điều tra, không báo cáo, không cho cả thân nhân của người tù biết. Trong bốn cuộc vượt ngục đó chỉ có một người tù bị bắt lại. Anh này bị đánh đến ngất xỉu ở ngoài hàng rào. Sau đó, hai vệ binh nắm hai chân người tù kéo dọc theo con đường lót sỏi, đi về phía conex ở khu B. Hôm đó, tôi nhìn qua ô tò vò ở cửa sắt, thấy rõ mặt người tù đầy máu, đầu người tù bị kéo, lúc lật sang bên trái, lúc lật sang bên phải, không có dấu hiệu gì chứng tỏ người tù còn sống. Vậy mà như có phép màu, người tù đó vẫn sống, sau khi trải qua những ngày nóng bức khủng khiếp trong conex, những trận đòn thù tra tấn liên miên. Chỉ tội là anh bị câm và điếc mất một bên tai. Một mắt của anh cũng bị hư hoàn toàn, vì bị vệ binh đánh lòi con người ra ngoài, để lại một hốc mắt sâu hoắm, lúc nào cũng rỉ máu mủ, ngòi đầu cũng có ruồi bâu...

Sau khoảng nửa tiếng âm ỉ, huyền não bên ngoài, tôi nghe tiếng xích sắt loảng xoảng, tiếng hét của vệ binh, tiếng súng lên đạn nghe thật ghê rợn... rồi hai cánh cửa sắt phòng giam A-2 mở toang, kèm theo ánh đèn pha sáng rực chiếu từ bên ngoài. Quản giáo Trường hét lên:

- "Chúng anh" tất cả nằm xuống, không được nhúc nhích...

Nằm trong mùng, tôi âm thầm quan sát, thấy hai tên vệ binh cầm súng AK-47 hườm sẵn, bước vô, chĩa súng về hai phía bên trái và bên phải phòng giam. Sau một phút im lặng, không thấy động tĩnh gì, hai tên vệ binh khác bước vô, đi thẳng tới chỗ nằm của anh Vũ Hoàng. Một tên vệ binh cúi nhặt chiếc công và chiếc cùm sắt, vật dụng cuối cùng của anh Vũ Hoàng để lại, rồi đi thẳng ra ngoài. Sau đó, hai tên vệ binh khác cùng quản giáo Trường bước vô, chiếu rọi đèn bấm tứ tung trong phòng giam, rồi chúng bước về phía nhà cầu. Không hiểu sao, ngay giây phút đó, người tôi nóng ran, linh tính sui khiến, tôi đoán ngay, anh Vũ Hoàng đã vượt ngục bằng chính lỗ thông hơi trên nóc nhà cầu... Nhưng tôi đã đoán lầm. Anh Vũ Hoàng không vượt ngục bằng lối đó.

Sau một hồi lục soát, tất cả vệ binh, quản giáo đi ra ngoài. Tên quản giáo Trường bước ra sau cùng với hai tên vệ binh, rồi tiếng cửa sắt khép lại ghê rợn, tiếng khoá loảng xoảng bên ngoài...

Ngay khi cánh cửa sắt được khoá lại, tôi vội vàng vô nhà cầu giả vờ đi tiểu. Ngược mặt nhìn lên nóc nhà cầu, tôi thấy lỗ thông hơi vẫn còn nguyên vẹn. Một khung trời đen nhỏ xíu với vài vì sao nhấp nháy, như réo gọi tôi hãy vượt thoát tìm đến với tự do...

Trở về mùng, tôi thao thức không ngủ. Tôi không hiểu anh Vũ Hoàng đã vượt ngục bằng cách nào mà tài tình đến như vậy. Tôi ước ao có được tài năng của anh để vượt ngục, để làm một người anh hùng, đêm đêm tung hoành đó đây, "làm thật" những tên cộng sản tội đồ của dân tộc... Trong đêm khuya, vang vọng từ ở vùng nào đó rất xa, có tiếng chuông nhà thờ, tiếng xe chạy rì rầm như có như không... Tôi đoán chừng lúc đó khoảng 4 giờ sáng.

Cuộc vượt ngục thành công của anh Vũ Hoàng làm cho ban chỉ huy VC tại Quân lao Gò Vấp rất điên đầu vì chúng không tài nào điều tra được anh Vũ Hoàng đã trốn trại bằng cách nào, ra bằng ngã nào. Anh đến thật bất ngờ, ra đi cũng bất ngờ, và vật dụng duy nhất chứng tỏ anh đã đến và đi là chiếc công và chiếc cùm với chùm dây xích anh để lại. Tuy không biết anh Vũ Hoàng đã trốn bằng cách nào, nhưng ban chỉ huy VC vẫn ra lệnh tăng cường các biện pháp an ninh của trại giam. Thêm hai hàng rào kẽm gai được dựng lên chung quanh trại. Hàng tấn dây kẽm gai được gửi vô các phòng giam để phủ lên lớp dây kẽm gai cũ trên các trần nhà. Nhưng đau khổ và tuyệt vọng cho tôi hơn cả là một lớp dây kẽm gai mới dây đặc, cũng được phủ lên trên nóc lỗ thông hơi trong nhà cầu. Như vậy là ước mơ vượt ngục qua lỗ thông hơi

trong nhà cầu của tôi bị tiêu tan. Tôi phải tìm cách khác. Cách khác là cách nào, tôi nghĩ chưa ra, nhưng tôi biết nếu mình đã quyết tâm và kiên nhẫn, thì sớm muộn gì cũng sẽ có cách.

Hai tháng sau, chúng tôi đón nhận một đợt tù cải tạo mới chuyển về, trong đó có anh Dzoãn Bình. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, tình cảm giữa tôi với anh Dzoãn Bình trở nên vô cùng thân thiết. Sống trong A-2 lúc đó, đại đa số là hồi chánh viên trong cuộc chiến tranh Việt Nam từ 1960 đến 1975, trong đó có tới phần ba là lính chính quy Bắc Việt. Còn lại là người Miền Nam. Riêng anh Dzoãn Bình tuy bị VC xếp vào loại hồi chánh, nhưng đúng ra, anh đã bỏ Việt Minh từ thời trước 1950. Sau khi từ vùng Việt Minh kiểm soát trở về Hà Nội, mà ngôn ngữ của Việt Minh thời đó gọi là "dinh T", anh Dzoãn Bình đã vô quân đội Pháp, và là một sĩ quan, nhưng tôi không nhớ rõ anh kể tôi nghe, đến 1954, anh cấp bậc gì.

Đến đây, tôi cũng xin thẳng thắn và thành thật kể lại những sự thực đau lòng, vì những sự thực này sẽ giúp quý độc giả hiểu rõ hơn bản chất của người cộng sản, cùng những tác hại to lớn mà chủ nghĩa cộng sản đã gây cho dân tộc Việt Nam.

Không biết một ai đã nói, con người là sản phẩm của chế độ. Điều đó rất đúng. Tuy không đúng 100% nhưng đúng tới 90%. Trong phòng giam A-2 lúc đó, có tới phần ba là hồi chánh viên gốc chính quy Bắc Việt. Và tôi phải thành thực thú nhận, thành phần này mất nhân tính nhiều hơn so với hai phần ba hồi chánh viên gốc Miền Nam. Vào thời điểm đó, tôi chỉ nhìn thấy sự khác biệt này xuất phát từ những dị biệt về đời sống kinh tế của Miền Nam với Miền Bắc. Miền Bắc đói khổ nên con người sống ở Miền Bắc tham lam, ích kỷ hơn so với Miền Nam. Nhưng anh Dzoãn Bình đã phân tích cho tôi thấy, nguyên nhân khiến lính chính quy Bắc Việt tàn nhẫn, thủ đoạn, ít nhân tính, là do họ sinh ra, lớn lên, trong chế độ CS, do chế độ CS nhào nặn.

Còn người Miền Nam, bản chất họ thuần lương, được sinh ra và lớn lên ở Miền Nam, nên dù có theo CS, cũng chỉ theo một vài năm, nên cái nhân tính, cái thuần lương, đôn hậu vẫn còn ở trong lòng.

Sau này, ngẫm nghĩ những lời anh Dzoãn Bình nói, tôi thấy anh rất có lý. Năm 1954, biết bao nhiêu thân nhân chia tay nhau, kẻ ở lại Miền Bắc, người di cư vô Nam, trong tình nghĩa mặn nồng, khi đó, bản chất, tình người, lòng yêu thương, cùng những đức tính nhân nghĩa lý trí tín, của kẻ ở người đi, đều giống hệt nhau. Vậy mà 20 năm sau, sau 30-4-1975, cũng những người thân thương đó từ Miền Bắc vô Miền Nam, họ đã đổi khác rất nhiều. Họ ăn nói thiếu thành thật, họ tuyên truyền cho VC một cách rẻ tiền, họ trở nên vụ lợi, coi rẻ tình nghĩa, họ mê đắm từ cái xe máy, chiếc đồng hồ, cho đến cái chén đôi đũa... Tôi không muốn vợ đũa cả nắm, nhưng chính kinh nghiệm bản thân trong gia đình tôi, và câu nói "Miền Nam nhận họ, Miền Bắc nhận hàng" cho thấy đây là một nỗi đau, một sự băng hoại về lương tâm cho dân tộc VN mà CS là thủ phạm.

Rồi trong những năm sau 1975, thảm kịch đó lại tái diễn, khi chúng ta chia tay với những người thân thương đầy nhân nghĩa, đạo đức, tình người của Miền Nam, để lên đường vượt biên. Hai, ba chục năm sau, khi những người thân thương của chúng ta ra hải ngoại đoàn tụ, hay thăm viếng, chúng ta giật mình và đau buồn khi thấy họ "khác xưa" rất nhiều...

Anh Dzoãn Bình là một người vì lòng yêu nước nên đi theo Việt Minh. Nhưng ngay khi nhìn thấy sự gian trá, xảo quyệt, phi nhân của Việt Minh, anh đã nhanh chóng đoạn tuyệt, nên anh còn giữ nguyên được bản chất thuần lương, đôn hậu, phóng khoáng, chịu chơi của người Việt quốc gia chân chính, của người Việt văn hiến. Vì vậy, khi phải sống với những người cộng sản, dù họ là cộng sản đã hồi chánh, anh Dzoãn Bình luôn luôn coi đó là một cực hình, và anh công khai và thẳng thắn thể hiện thái độ khinh bỉ họ, căm ghét họ, ra mặt. Riêng với tôi, tuy xưng hô anh em, nhưng anh yêu thương tôi như con. Mỗi khi chỉ cho tôi thấy cái xấu xa, bất nhân của người cộng sản, anh vẫn nói với tôi, "Tôi không hiểu sao, cậu khác họ. Cậu không phải là họ". Ngay trong những ngày tháng ấy, tôi đã vô cùng biết ơn tình thương yêu và lòng tin tưởng của anh dành cho tôi. Sau này, nghe tin anh tự tử trong tù, tôi vô cùng xúc động, nhớ lại ngày xưa, anh đã nhiều lần nói với tôi ước nguyện duy nhất còn lại trên cõi đời của anh, là nếu anh trốn thoát được ra nước ngoài, anh sẽ tổ chức ngay một cuộc họp báo quốc tế, để anh nói một câu duy nhất, "Chủ nghĩa cộng sản là thảm họa của dân tộc VN, và của toàn nhân loại". Nói xong câu đó, anh sẽ tự tử, chết ngay trước mặt các phóng viên, các nhà báo, các máy quay phim truyền hình quốc tế. Anh nói với tôi, kinh nghiệm sống và sự hiểu biết của anh về cộng sản đã khiến anh có đủ can đảm và đức tin để làm được điều hữu ích cuối cùng của cuộc đời anh trên mặt đất này. Anh muốn cái chết của anh sẽ thắp sáng một sự thật, một chân lý: Chủ nghĩa cộng sản là thảm họa cho dân tộc VN và của toàn nhân loại!

Trong suốt mấy chục năm qua, kể từ ngày chia tay anh, hình ảnh anh luôn luôn gắn liền trong cuộc sống của tôi, giúp tôi sống còn, vượt qua những thử thách trong cuộc đời, trong tình người. Mỗi khi có dịp thuận tiện, tôi đều tâm sự với bạn bè, với vợ con, với tất cả những người tôi quen biết, về anh. Khi bắt đầu làm báo, tôi lấy tên anh làm bút hiệu. Và tôi luôn luôn vững tin, trên con đường tôi đi, dù nguy hiểm hay khó khăn đến thế nào đi nữa, nếu tôi làm đúng, tôi biết đi theo lẽ phải, thì bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu, tôi cũng sẽ được anh linh của anh phù hộ. Phù hộ lúc tôi sống, và phù hộ ngay cả lúc tôi nằm xuống vì bất cứ lý do gì! Niềm tin của tôi không phải là mê tín, mà là một niềm tin thiêng liêng, có sức mạnh mãnh liệt, và

sức mạnh đó đã được chứng minh trên suốt con đường tôi đi, từ Miền Nam ra Miền Bắc, sang Trung Cộng, đến Hồng Kông, rồi tới Úc...

Hơn một lần anh Dzoãn Bình nói với tôi, anh không có con trai, chỉ có ba người con gái, nên anh coi tôi như con trai của anh. Cuộc đời anh có nhiều tâm nguyện, nhiều nỗi buồn, trong đó nỗi buồn lớn nhất, có nhiều ân hận nhất là anh đã làm cho chị Đàm Chi Lan, vợ của anh buồn. Anh khuyên tôi, trong cuộc đời của một người đàn ông, nếu không mang lại niềm vui, hạnh phúc cho nhiều người, thì ít nhất, cũng cố gắng mang lại niềm vui, hạnh phúc, cho một người, đó là vợ của mình.

Trong suốt thời gian sống tại Quân lao Gò Vấp, cho đến khi bị đưa lên trại tù cải tạo Kátum, ngoại trừ tôi và anh Nở, anh Dzoãn Bình không hề chơi với một người tù CS nào, bất kể họ là hồi chánh viên hay không. Chính thái độ công khai khinh bỉ, thù ghét một cách quyết liệt của anh, đã dẫn đến một cuộc bẽ hội đồng, giữa một bên là gần chục tên đầu gấu gốc hồi chánh, và một bên chỉ có anh và anh Nở.

## KỶ 51

Sau khi được gặp anh Dzoãn Bình, cuộc đời của tôi ở trong tù không còn tẻ nhạt và vô bổ như trước. Kiến thức đa dạng cùng kinh nghiệm sống phong phú của anh qua những câu chuyện anh kể đã giúp tôi có được những ngày tháng hứng thú và bổ ích. Tôi được nằm ngay bên cạnh anh phía tay phải. Còn phía tay trái của anh là anh Nở. Anh Nở thì ít nói chuyện, còn tôi và anh Bình thì tối nào cũng thì thầm nói đủ thứ chuyện, từ chuyện gia đình, tình yêu, nghề nghiệp, đến những nhân vật tên tuổi của Miền Nam. Sau này tôi ra ngoại quốc, tình cờ gặp gỡ nhiều nhà văn, nhà báo tên tuổi của Miền Nam, tôi mới biết, hầu hết những chuyện anh nói, đều là sự thật.

Sau vài tháng quen biết và hoàn toàn tin tưởng ở tôi, anh Dzoãn Bình và tôi bàn bạc kế hoạch vượt ngục như tôi đã kể. Chúng tôi biết, cuộc vượt ngục nào cũng rất phiêu lưu, mọi bất trắc đều có thể xảy ra, và khả năng thành công bao giờ cũng rất mong manh. Nhưng chẳng hiểu sao, kế hoạch vượt ngục của chúng tôi lúc đó thật đơn giản, dễ dàng, và cả hai anh em chúng tôi đều tin tưởng sẽ thành công. Vì vậy, chúng tôi đều hồi hộp chờ đợi ngày cả hai anh em cũng được lệnh ra ngoài lao động, để có cơ hội đào thoát tìm tự do như đã dự tính. Giữa lúc cả hai anh em đều hồi hộp chờ đợi trong hy vọng, thì không ngờ, chỉ vì một tích tắc nóng giận mất khôn, tôi đã làm đảo lộn tất cả... Câu chuyện đầu đuôi như sau.

Thời đó, tại Quân lao Gò Vấp, mỗi buổi sáng, anh em tù cải tạo chúng tôi phải xếp hàng trước nhà giam, chờ quản giáo Trường và vệ binh đến lấy người đi lao động. Để tránh tình trạng tù có thể cướp súng vệ binh, quản giáo, nên ban chỉ huy trại giam đã có lệnh bắt vệ binh khi đeo súng, đến trại giam nhận tù, phải đứng ngoài hàng rào kẽm gai. Còn quản giáo khi vô trong hàng rào để điểm danh tù đi lao động thì không được phép đeo súng.

Thông thường, ra ngoài lao động là điều tù nào cũng muốn, vì được thở hít không khí trong sạch tươi mát; được phần nào bớt tù túng khi trông thấy sinh hoạt xã hội bên ngoài; có điều kiện "cải thiện" hái được ít ngọn rau, nhặt được một hai trái ớt, quả chanh; và nếu may mắn, có khi còn được dân thương giấu diếm ở bờ bụi cho ít cà phê, đường, trà, thuốc Lào, thuốc lá... Riêng tôi, vì chỉ thích nằm nhà nghe anh Dzoãn Bình kể chuyện, hoặc đọc sách, nên tôi thường cáo ốm, để khỏi phải đi lao động.

Vì lúc đó, công việc tại Quân lao Gò Vấp không nhiều, nên quản giáo và ban chỉ huy trại giam cũng không có biện pháp gắt gao đối với việc tù cáo ốm để khỏi phải đi lao động. Nhưng phần vì quản giáo Trường không ưa tôi kể từ lần tôi trái lệnh hấn, cồng Quang về hàng, phần hôm đó số tôi không may, nên cả bốn người tù đứng trước tôi đều lần lượt cáo ốm, nên tên Trường rất bức tức. Khi nhìn thấy tôi đứng ở hàng thứ 5, tên quản giáo Trường càng tức giận, y chỉ chiếc dùi cui vô ngục tôi rồi ra lệnh, giọng gắt gỏng:

- Còn anh này, hôm nay có ốm nữa không?

Trong một thoáng rất nhanh, tôi tính bước ra khỏi hàng, chấp nhận đi lao động ngày hôm nay. Nhưng nghĩ tới câu chuyện hấp dẫn mà anh Dzoãn Bình đang kể dở dang tới đoạn phái đoàn báo chí ra thăm Hạm Đội 7, nên tôi quyết ý "cáo ốm ở lại". Tôi nói, giọng nhún nhường:

- Báo cáo quản giáo, hôm nay tôi vẫn còn ốm, xin quản giáo cho phép tôi...

Tôi nói chưa dứt câu, quản giáo Trường đã đỏ mặt, phùng mang, hét lên:

- Ốm nữa hả? Không được ốm! Hôm nay tôi bảo anh đi lao động!

Tôi mềm mỏng hơn:

- Báo cáo quản giáo, hôm nay tôi còn ốm, ngày mai tôi sẽ..

- Không có ngày mai, ngày kia gì cả. Anh là chuyên môn ốm giả vờ!

- Thưa quản giáo, tôi... ốm thật.

Đến đây, quản giáo Trường tức giận, y vừa dứ dứ chiếc dùi cui vào mặt tôi vừa thét lên:

- Ốm thật cũng đi. Ốm giả cũng đi. Anh có đi không thì bảo?

Đến lúc này tôi thấy quả thật mình đã cưỡi trên lưng cọp. Xuống cũng nguy hiểm mà tiếp tục cưỡi cũng khủng khiếp không kém. Tôi chọn con đường nửa lý nửa tình:

- Thừa quản giáo, nội quy của trại cho phép tù cải tạo nào ốm đau nặng được phép nghỉ lao động. Mà tôi hiện giờ đang ốm nặng thật.

Quản giáo Trường điềm điềm chiếc dùi cui vào ngực tôi, hai mắt hấn long lên sòng sọc, khoảng cách giữa mặt hấn và mặt tôi chỉ có hơn gang tay, và lần này hấn nghiêng răng, giọng rít lên, đổi luôn cách xưng hô:

- Mày, mày, mày ngoan cố hả? Tao nói, mày ốm giả vờ...

Bị chiếc dùi cui điềm vào ngực, cộng với lỗi xưng hô thô lỗ mất dạy của tên quản giáo, khiến tôi cũng nổi điên. Nhưng biết mình thân phận cá chậu chim lồng, nên tôi cố nén giận, nhưng mỗi lời nói ra, tôi đều nói chậm rãi và nhấn từng tiếng:

- Quản... giáo... không... phải là bác sĩ sao biết tôi ốm giả vờ?

Tên Trường càng tức giận thêm:

- Dù ốm thật, mày cũng phải đi lao động hôm nay.

- Tôi...

- Tao đếm đến ba, mày không đi là mày biết tay tao. Một...

- Thừa...

- Hai...

- Tôi...

- Ba...

Tiếng "ba" vừa dứt, tôi chưa kịp nói, chưa kịp có phản ứng gì, kể phản ứng "chấp nhận đầu hàng", chịu đi lao động, thì tên Trường, tay phải vẫn dí chiếc dùi cui vào ngực tôi, tay trái vung lên đâm ngay vào mặt tôi. Nếu lúc đó, tên Trường báo trước cho tôi biết, y sẽ đánh tôi, chắc chắn tôi sẽ đủ khôn ngoan và bình tĩnh đứng yên để chịu đòn. Nhưng vì hành động của tên Trường diễn ra quá đột ngột, nên ngay khi trái dùi cui đâm tay trái của tên Trường bay tới, theo phản ứng tự nhiên, tôi vội vung tay phải gạt mạnh, đồng thời nắm đấm bên tay trái của tôi bung thẳng vô ngực quản giáo Trường... Nói thì lâu, nhưng sự việc diễn ra lúc đó quá nhanh, và trước khi ý thức được chuyện tay trái mình vừa làm là chuyện gì, thì tôi đã giật mình bàng hoàng khi thấy quản giáo Trường té ngửa ngay trước mặt. Lúc đó, tuy sợ hãi, nhưng sự tức giận khiến tôi mất khôn. Vì vậy, tôi vẫn chỉ thẳng vào mặt quản giáo Trường, miệng hét to và toàn thân run bần:

- Quản giáo... quản giáo... không được quyền đánh tôi! Tôi có tội cứ đem bắn chết!...

Sau một, hai tích tắc lúng túng, điên khùng, quản giáo Trường vội vã vớ chiếc kèn y vẫn đeo ở cổ, đưa lên miệng thổi liên tục... Những người vệ binh đứng ngoài hàng rào vội vã lên đạn, chĩa súng qua hàng rào rồi ra lệnh cho tôi phải đứng yên, nếu tôi nhúc nhích là bắn!

Tôi đứng yên. Tôi không nhúc nhích. Nhưng miệng tôi vẫn la to:

- Chúng tôi vô đây là để "cải tạo" chứ không phải để quản giáo đánh đập. Quản giáo không được quyền đánh chúng tôi.

Thời đó, tại Quân lao Gò Vấp, vào mỗi buổi sáng từ Thứ Hai đến Thứ Sáu, đều có cán bộ chấp pháp cộng sản từ phòng quân pháp của bộ tổng tham mưu đến Quân lao Gò Vấp để làm việc, lấy khẩu cung, tra khảo tù cải tạo, nên khi xảy ra chuyện, ở phía tay phải của phòng giam A-1 lúc đó đang có mấy tên cán bộ chấp pháp, đeo "xà cọt" đi ngang qua. Nghe tiếng tôi la hét ầm ĩ, mấy tên vội đứng lại, nhìn qua hàng rào. Có lẽ nhận ra tình thế lúc đó không thuận lợi cho y phát tác, tên quản giáo Trường vội lồm cồm đứng dậy, xua tay và ra lệnh ngăn gọn:

- "Chúng anh" đi vô phòng.

Tất cả mọi người lặng lẽ vô phòng. Riêng tôi không biết nên đi theo bạn tù, hay đứng lại chờ tên quản giáo Trường ra lệnh. Giữa lúc tôi đang ngần ngừ, tên Trường phẩy tay:

- Đi vô, đi vô...

Vừa nói, miệng y vừa lằm bằm điều gì, tôi nghe không rõ.

Ngay khi bước vô trong phòng giam, tôi thấy không khí trong phòng khác hẳn. Mọi người đều yên lặng. Mọi sinh hoạt bình thường của buổi sáng mọi ngày như chơi cờ tướng, trò chuyện, nấu trà... đều ngưng hẳn.

Ngoại trừ anh Dzoãn Bình và một số người bạn thân thiết của tôi, còn mọi người đều có vẻ xa lánh tôi. Sau mười phút bần thần, lo ngại, không biết chuyện gì sẽ xảy ra cho tôi, anh Dzoãn Bình ái ngại và buồn bã trách tôi:

- Cậu nóng quá... cậu mất khôn rồi...

Tôi im lặng nhận lỗi.

Minh "mã tấu" bước tới, nói bộc tuyện bộc toạc, khiến tôi càng lo sợ:

- Tao nghĩ sớm muộn gì tụi nó cũng sẽ đem mày ra xử bắn.

Cầm, một hồi chánh viên, gốc cán bộ tuyên truyền cấp trung đoàn của một đơn vị chính quy Bắc Việt, và là người thuộc rất nhiều thơ của Nguyễn Bính, phân tích mạch lạc hơn:

- Bắn thì không, nhưng "nắn xương nắn cốt" mày thì chắc chắn là phải có. Mày cứ lo chuẩn bị sẵn nửa kí lô hạt mã tiền đi là vừa.

Thìn "rõ", cũng hồi chánh viên, nhưng vì rất nhỏ con, lại rất khôn ngoan, nên tình nguyện "suốt đời kết cỏ ngậm vành" làm chân điếu đóm cho đại ca Minh "mã tấu", thì có vẻ thức thời hơn:

- Mã tiền mà làm cái gì. Sợ dùng một hạt chưa xong thì đã nghèo rồi, lấy đâu mà dùng tới nửa ký. Anh Chí phải biết, tù mà đánh quân giáo là đại đột vô cùng.

Tôi thở dài:

- Điều đó ai mà chả biết. Nhưng nó đánh bất ngờ quá nên tôi mới mắt khờ đi đánh lại nó...

Ngay lúc đó, có người gõ cửa tù. Thìn "rõ" vội nhanh chân chạy ra. Thìn "rõ" và người bên ngoài không biết là ai, cùng trò chuyện một hồi, rồi sau đó, Thìn đóng cửa tù, chạy vô, thì thăm báo tin cho mọi người biết:

- Chiều nay, tụi nó sẽ đem anh Chí ra đánh hội đồng.

Mọi người ồ lên, xúc động và lo lắng. Tôi lịm người trong sợ hãi và ân hận. Minh "mã tấu" hỏi Thìn:

- Chiều nay là mấy giờ?

Thìn "rõ" kính cẩn:

- Thưa anh cả, em nghe nói là sau 4 giờ chiều, khi tụi cán bộ của phòng quân pháp ra về, là chúng sẽ đem anh Chí ra đánh cho như xương.

Cầm, người được coi là "quân sư" cho Minh "mã tấu", hỏi:

- Mà nói "chúng nó" là gồm mấy người?

- Em chỉ biết là tụi vệ binh chúng nó, nhưng không biết bao nhiêu người.

Minh "mã tấu" gầm gừ:

- Thì vẫn "tiểu đội hành quyết SS" của thằng Trường lùn.

Quân giáo Trường có dưới tay một tiểu đội vệ binh. Tiểu đội này thường hành hạ, đánh đập, nhất là hay đánh hội đồng tù cải tạo, nên được anh em trong tù cải tạo gọi toán đó là "tiểu đội hành quyết SS".

Anh Dzoãn Bình lo lắng hỏi tôi:

- Bây giờ cậu tính thế nào?

Tôi bàn thần, đầu óc mụ mẫm, chẳng hiểu anh Dzoãn Bình hỏi vậy là ý gì. Tôi hỏi lại:

- Anh hỏi em tính thế nào là thế nào?

Anh Dzoãn Bình nhìn tôi xót xa, nhưng câu hỏi có vẻ bức mình:

- Thì cậu tính xem, cậu có chịu ra để cho chúng đập cho cậu một trận sống dở chết dở, hay cậu "làm reo" nhất định không chịu ra cho chúng nó đánh.

Nói xong, không chờ tôi trả lời, anh Dzoãn Bình quay sang phía Minh, Cầm, Thìn, Lợi, Quyền... nói giọng rất thân tình:

- Các anh xem có cách nào để giúp cho Chí khỏi bị chúng đánh hội đồng không?

Xưa nay, tôi biết rất rõ, anh Dzoãn Bình rất ghét những người cộng sản, kể cả những người hồi chánh viên. Lý do, theo anh, một người đã có dính líu tới cộng sản, thì người đó không thể nào đáng tin cậy được. Cũng vì định ninh tin tưởng như vậy nên trong tù, sống giữa tất cả những người tù cải tạo gốc hồi chánh viên, anh Dzoãn Bình không hề trò chuyện với ai, ngoại trừ anh Nở, tôi và một người khác, mà lâu ngày tôi đã quên tên. Tuy nhiên, hôm nay vì quá lo ngại tới tính mạng của tôi, nên anh Dzoãn Bình đã thay đổi thái độ, chấp nhận cầu cạnh tất cả những người mà anh ghét.

Cầm "quân sư" lạnh lùng hỏi, giọng mỉa mai:

- Anh ký giả có mưu kế gì hay nói nghe coi.

Thái độ lạnh lùng, mỉa mai của Cầm "quân sư" đối với anh Dzoãn Bình cũng vì Cầm biết rõ thái độ của anh Dzoãn Bình. Cầm hiểu điều đó, đồng thời Cầm vẫn cho mình là một người có trình độ và có tài, nổi tiếng mưu lược, nên vẫn coi thái độ cao ngạo của anh Dzoãn Bình là một sự thách đố đối với Cầm. Tuy nhiên, Cầm không tiện phát tác với anh Dzoãn Bình, vì Cầm biết tôi rất quý anh Dzoãn Bình, mà Minh "mã tấu", đại ca của Cầm, thì lại rất quý tôi vì mê nghe tôi kể chuyện chương Kim Dung.

Dĩ nhiên, anh Dzoãn Bình quá hiểu lời nói mỉa mai của Cầm, nhưng anh vẫn nhẫn nại:

- Tôi có một mưu kế, nhưng chỉ có thể thành công nếu mọi người hậu thuẫn.

Nói đến đó, anh Dzoãn Bình im lặng nhìn mọi người. Tất cả đều im lặng. Tôi biết, từ xưa đến nay, anh Dzoãn Bình khinh bỉ những người gốc cộng sản và anh không hề giấu giếm sự khinh bỉ này, cho dù những người cộng sản đó đã hồi chánh. Vì vậy, những người hồi chánh đó cũng đều rất tức giận anh Dzoãn Bình. Nhưng trong hoàn cảnh hiện tại, cả anh Dzoãn Bình và phe Minh "mã tấu" đều không muốn tôi bị đòn, nên cả hai bên đều chấp nhận một sự liên minh tạm thời. Nhưng liên minh như thế nào và liên minh đó có thành công hay không, thì tôi không biết,

Thấy mọi người không nói gì, anh Dzoãn Bình nói tiếp:

- Tôi thấy cách tốt nhất, khi chúng nó gọi cậu Chí ra ngoài thì cậu nhất định không ra. Chúng nó có thể làm áp lực, nhưng nếu tất cả mọi người trong phòng giam này cùng đoàn kết thì chúng không làm gì được.

Cầm "quân sư" hỏi:

- Chúng nó có vệ binh, có súng đạn, sao anh ký giả bảo chúng không làm gì được?

Anh Dzoãn Bình gật đầu:

- Tôi đồng ý là chúng có vệ binh, có súng đạn. Nhưng chuyện mang tù cải tạo ra đánh, chỉ là "nghề" của quân giáo Trường và "tiểu đội hành quyết SS" của hắn, chứ không phải của ban chỉ huy Quân lao. Tôi nói vậy không phải là ban chỉ huy Quân lao nó nhân đạo gì, mà chỉ vì nó thâm độc, khôn ngoan hơn, không muốn tai tiếng tới bên ngoài. Vì vậy, nếu mình đoàn kết bảo vệ nhau thì chúng sẽ không dám làm to chuyện.

Cảm "quân sư" lắc đầu:

- Anh ký giả nói vậy là anh chẳng hiểu cái con mẹ gì về cộng sản tụi nó cả. Chuyện cả trăm vệ binh quân giáo ở cái Quân lao này lôi tù cải tạo ra đánh là chuyện cơm bữa. Chúng đánh tù ở ngoài sân banh, trong nhà ăn, trong phòng thẩm vấn, ngoài vườn rau, trong nhà bếp... Nghĩa là chúng đánh tù ở khắp mọi nơi, và có hôm nào mà chẳng có. Tôi nói cho anh ký giả biết chớ, tụi cộng sản trên dưới cùng ác độc như nhau. Càng lên trên thì chúng càng độc ác, càng làm to thì chúng càng dã man. Anh bảo tụi này đoàn kết giúp chuyện gì thì được, chớ "làm reo" không cho quân giáo Trường đánh tù thì quả thực tụi này không dám. Thâm tâm, tôi rất cảm ơn tấm lòng yêu thương của anh Dzoãn Bình dành cho tôi. Nhìn anh, miệng đã móm, nay hàm răng giả đã mất, nên càng thêm móm, tôi rưng rưng muốn khóc. Nhưng tôi phải thú thực, kế hoạch "tù đoàn kết làm reo để bảo vệ tôi" là không thiết thực chút nào. Thứ nhất, bảo tất cả những người tù liệu chết chống lại quân giáo Trường để cứu tôi là chuyện không thể được. Thứ hai, với sự tàn nhẫn, ác độc của người cộng sản, làm sao chúng có thể nhẫn nại khoan chấp nhận hơn một trăm người tù chống lại chúng? Hơn nữa, lúc đó, tôi và anh Dzoãn Bình đang chờ đợi ngày không xa sẽ vượt ngục trở về với tự do, thì đại gì, tôi phải "ngoan cố" chống lại chúng.

Thì "rõ" phá tan sự im lặng bé tắc bằng một câu nói tôi nghe thấy rất thiết thực, nhưng cũng thật ghê rợn:

- Em thấy tốt nhất là chúng ta nên khuyên anh Chí trưa nay đừng có ăn "cơm". Vì ăn vô mà bị tụi vệ binh chúng nó đánh hội đồng thì chỉ có chết vì vỡ dạ dày thôi....

## KỶ 52

Nghe Thìn "rõ" nói, mọi người bỗng dưng đều im lặng. Sự im lặng thú nhận một sự thực, chúng tôi hoàn toàn bất lực trong bàn tay của kẻ thù. Tụi vệ binh quân giáo đã muốn lôi tôi ra đánh vào buổi chiều này, thì tôi không có cách nào tránh thoát. Tôi đã gây nên chuyện thì tôi phải có gan gánh chịu. Điều quan trọng nhất bây giờ là làm sao tôi có thể sống sót sau trận đòn thù. Vì vậy, đúng như Thìn "rõ" nói, trong hoàn cảnh hiện tại, mọi bàn luận đều vô ích, mọi biện pháp đều chẳng giải quyết được gì, chỉ chọc giận tụi nó, và như vậy chỉ nguy hiểm thêm cho tôi mà thôi. Bây giờ cách thiết thực nhất, giúp tôi có thể sống sót sau trận đòn hội đồng, là tôi phải nhịn bữa ăn trưa. Đơn giản vậy thôi!

Nghĩ vậy, tôi cố nén xúc động, nói:

- Em cảm ơn anh Dzoãn Bình và các anh đã lo lắng cho tôi. Nhưng tôi thấy tất cả những cách các anh bàn từ nãy đến giờ đều rất khó thực hiện. Vì vậy tôi không còn sự chọn lựa nào khác ngoài việc chấp nhận để cho chúng nó đánh. Nếu các anh la hét hay tuyệt thực để bảo vệ tôi, không cho chúng đánh tôi hôm nay, thì cho dù chúng có chịu thua hôm nay, chúng vẫn còn nhiều dịp để đánh tôi trong tương lai. Thậm chí, nếu tôi chống cự hôm nay, mai kia khi tôi ra ngoài lao động, chúng có thể bán bỏ tôi bất cứ lúc nào, rồi ghép tôi vào tội vượt ngục...

Chuyện ghép tù vào tội vượt ngục rồi bán bỏ là chuyện có thật đã xảy ra ngay ở Quân lao Gò Vấp trước khi tôi tới. Ít nhất có hai chuyện, tôi được nghe. Anh em trong tù vẫn thường kể cho nhau nghe những chuyện này để giúp nhau cảnh giác, thận trọng mỗi khi phải ra ngoài lao động. Chuyện thứ nhất, một anh tù hình sự (lâu ngày tôi không còn nhớ tên), gốc bộ đội, phạm tội ăn cướp một tiệm vàng ở Sài Gòn. Khi vào Quân lao Gò Vấp, không hiểu vì lý do gì, có lần anh cãi với một tên vệ binh. Tên vệ binh đuối lý nên nuôi lòng thù hận. Ngày nọ, khi mang tù ra ngoài lao động, tên vệ binh liền gọi anh đi theo hắn. Nội vụ sau đó như thế nào không ai rõ, chỉ biết tên vệ binh đã bắn chết người tù và khai anh ta đã bỏ chạy nên tên vệ binh phải bắn. Chuyện thứ hai, một người tù đi lao động về, bị vệ binh giữ lại chuyện trò cho đến chập tối, rồi tên vệ binh sai anh chui vô trong hàng rào kẽm gai nhốt hộ trái bóng chuyền. Khi người tù chui vô, tay chưa với tới quả banh, thì bị tên vệ binh bắn chết, và bị vu cho tội vượt ngục.

Tôi biết, tôi đánh lại quân giáo là điều vô cùng dại dột. Nhưng để chuộc lại sự dại dột đó, tôi chỉ có cách duy nhất là ngoan ngoãn ra ngoài cho chúng đánh. Còn chống lại chúng, trong hoàn cảnh tù đầy như vậy, là tôi đã đi từ dại dột này đến dại dột khác, để rồi cuối cùng, tôi có thể phải trả giá đắt bằng chính tính mạng của mình.

Vì anh em bạn tù ai cũng nghe, cũng biết những vụ hành quyết tù bằng cách ghép cho tù tội vượt ngục, nên nghe tôi nói vậy, ai cũng thấy hợp lý. Mọi người chỉ biết chúc tôi may mắn, rồi buồn bã về chỗ của mình. Còn tôi, cố giữ thái độ bình thản, trò chuyện thản nhiên với anh Dzoãn Bình, nhưng trong lòng tôi, bồn chồn lo lắng khôn tả.



Trưa hôm đó, khi chia "cơm", tôi nói anh em đừng chia cho tôi. Nếu sau trận đòn hội đồng, tôi còn đủ mạnh để ăn, thì tôi ăn xuất "cơm" chiều cũng đủ. Hồi đó, cứ 5 người tù chung một mâm "cơm". Để bảo đảm chia chác được công bằng, mỗi người tù được chia một bữa. Chia xong, các người tù nhận phần của mình, còn người tù nhận trách nhiệm chia bữa đó phải nhận phần của mình sau cùng.

Sống trong tù, đói khát triền miên là chuyện thường. Trong tù cộng sản, đói khát lại khủng khiếp hơn một bậc. Vậy mà buổi trưa hôm đó, tôi phải nhịn đói, nhìn cảnh anh em bạn tù ăn uống, mà lòng tôi bồn chồn lo lắng trận đòn thù sắp tới.... Đói, lo, tinh thần căng thẳng, tôi đã ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Đang ngủ, bỗng tôi giật mình thức giấc khi có người lay gọi. Mở mắt, tôi thấy anh Dzoãn Bình ngồi ngay cạnh, nhìn tôi với ánh mắt lo âu. Anh bảo:

- Bốn giờ rồi, cậu dậy chuẩn bị.

Phải một vài giây bàng hoàng, tôi mới nhớ ra trận đòn thù đang từng phút đến gần. Tôi ngạc nhiên:

- Em đâu cần phải chuẩn bị gì?

Anh Minh hất cằm về phía Minh "mã tấu":

- Nó bảo cậu mặc thêm một bộ quần áo nữa bên ngoài... Mặc vậy nhẹ đòn đi nhiều lắm.

Ngay lúc đó, Minh bước tới, cũng nói:

- Ông Chí nghe tôi mặc thêm bộ quần áo nữa.

Minh hơn tuổi tôi. Người Hải Phòng, tính khí ngang tàng, thích đập lộn, nhưng rất tốt với bạn. Trong tù, Minh quý Cẩm, vì Cẩm là quân sư, chuyên viết thư hộ cho Minh; và tôi vì Minh rất thích nghe tôi kể chuyện chường.

Tôi lắc đầu:

- Mặc làm gì hai bộ. Ra ngoài nó thấy nó lột ra thì cũng vậy, mà nó còn khinh mình nhất.

Anh Dzoãn Bình cười héo hắt:

- Thì cậu nghe tôi, cứ mặc vô, khi nào nó lột hãy hay. Còn nó khinh mình nhất thì mặc cha nó... Miễn sao mình còn sống là được.

Tôi vẫn cương quyết:

- Không, em không mặc.

Thấy tôi cương quyết như vậy, Minh bỏ về. Anh Dzoãn Bình nhìn tôi định nói gì, lại thôi.

Tôi lấy khăn mặt, nhúng nước, lau mặt mũi tử tế, rồi ngồi xuống chờ đợi. Cho đến lúc đó, tôi vẫn cầu mong, tin tụi vệ binh quân giáo sẽ đánh hội đồng tôi do người tù "tự quản" bao tin là tin vịt. Tôi biết niềm hy vọng của tôi vô cùng mong manh và vô lý, nhưng trong giây phút đó, tôi đâu biết bầu vùi vào đâu...

Không khí trong phòng giam lúc đó oi bức và ngột ngạt khôn tả. Tất cả mọi người tù trong phòng, không ai bảo ai, cũng đều ngồi im lặng, chờ đợi...

Bốn giờ 20, rồi bốn giờ rưỡi... vẫn không thấy động tĩnh gì. Bỗng nhiên, người tù đứng ở cửa sắt, khom lưng nhìn qua cửa tò vò la lên khe khẽ:

- Tới rồi... Chúng nó tới...

Cả phòng giam đột nhiên trở nên hối hả, gay gắt. Người tôi bỗng dựng lạnh toát, mà chẳng hiểu sao, mồ hôi lại vã ra đầy trán. Tôi vẫn cố gắng giữ bình tĩnh, nhưng trái tim đập thình thịch liên hồi, như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực...

Tiếng Minh vang lên:

- Bao nhiêu thằng?

Người tù không trả lời thẳng vào câu hỏi. Thay vì vậy anh nói:

- Thằng "lùn" đi đầu. Theo sau là tụi vệ binh... Một, hai, ba, bốn,... tám, chín... Khoảng hơn chục đứa.

Thằng "lùn" là bí danh anh em tù đặt cho quân giáo Trường.

Nghe người tù đếm số vệ binh, cứ thêm một đứa, bụng tôi lại đau thắt lại. Tôi nghĩ hôm nay chắc là ngày tôi tận số. Tôi kinh hoàng, lo sợ, vội cầu Trời, khẩn Phật. Mẹ tôi theo đạo Phật, nhà nghèo xác xơ nhưng lúc nào trên bàn thờ cũng hương khói nghi ngút. Bố tôi theo đạo Thiên Chúa và là đạo gốc, nhưng vì sống dưới chế độ cộng sản, nên tôi chỉ thuộc lõm bõm có Kinh Kính Mừng và Kinh Lạy Cha, nên trong lúc sợ hãi, tôi cũng vội lẩm bầm đọc...

Bỗng nhiên, người tù đứng ở cửa vội quay về chỗ, miệng la lên:

- Thằng "lùn" tới...

Cả phòng giam đột nhiên im lặng. Sau đó không lâu, tôi nghe tiếng mở khoá, tiếng xích sắt vang lên, rồi hai cánh cửa sắt mở toang. Nhìn ra, tôi thấy quân giáo Trường đứng giữa, hai bên là hai vệ binh cầm súng AK-47 trong tư thế sẵn sàng nhà đạn. Tên Trường quét cặp mắt cú vọ một vòng, rồi la lớn:

- Anh Chí ra ngoài làm việc.

Tôi đứng dậy, bước đi, tai còn nghe tiếng anh Dzoãn Bình nói với theo trong vội vã, nghẹn ngào, "màu áo xưa". Nghe anh nói, tôi nghẹn ngào, rưng rưng lệ. "Màu áo xưa" là ba tiếng cuối trong bài thơ anh viết tặng cho tôi ngay buổi đầu gặp gỡ, "Thời gian sẽ thấy lại màu áo xưa". Ba tiếng đó như một lời nhắn gửi trình nguyên tình nghĩa, một hứa hẹn thủy chung vuông tròn cho quá khứ, cho những người thân thương,

nhưng ba tiếng đó cũng là mật hiệu được hai anh em thường dùng để khích lệ nhau mỗi khi gặp khó khăn, mà chỉ có anh và tôi biết...

Tôi bước ra ngoài, và bỗng đứng tôi chợt thấy trời buổi chiều thật đẹp. Nắng chiều chưa kịp tắt, vàng rực cả đất trời. Không khí bên ngoài thật tươi mát. Tôi hít một hơi thở thật sâu, và đột nhiên, thấy lòng mình thật thanh thản. Tôi chấp nhận hôm nay ăn trận đòn thù. Dù chúng có đánh tôi tàn nhẫn, đã man đến thế nào đi nữa, tôi sẽ cố gắng cắn răng chịu đựng, không một lời rên rĩ, không một tiếng van xin. Tôi cũng không chống lại chúng, không chửi bới chúng, vì tôi hiểu, sống trong chế độ cộng sản, ngay cả những người cộng sản cũng chỉ là công cụ; và nhiều khi, họ chỉ là những nạn nhân đáng thương mà thôi. Tôi biết, tôi sẽ chịu đựng được tất cả, tôi sẽ vượt qua được cửa ải vô cùng khó khăn này, sẽ giữ được mạng sống của mình, để trở lại phòng giam cho anh Dzoãn Bình thấy được "màu áo xưa"; để rồi trong một tương lai không xa, anh Dzoãn Bình và tôi sẽ vượt biên, đến một vùng trời tự do. Mang trong tâm tư ý nghĩ đó, đứng trước tôi thấy lòng mình thật bình tĩnh, khác hẳn lúc trước, trong phòng giam, lòng tôi bồn chồn, lo sợ, hoảng hốt vô cùng.

Sau khi đóng cửa sắt và khoá lại, Trường quay qua bảo:

- Đi theo tôi.

Tôi lặng lẽ đi theo Trường. Sau tôi là hai vệ binh. Đi khoảng ba chục thước, tôi bước vào phòng ăn, đối diện phòng giam A-1. Mang tiếng là phòng ăn, cả phòng ăn rộng mênh mông hơn 100 thước vuông chỉ có một chiếc bàn nhưng không phải là bàn ăn. Vào giờ ăn, chỉ có tù giam trong A-1 được ăn ở phòng ăn này, và tất cả đều phải ngồi ăn ngay trên sàn xi măng.

Trong phòng ăn lúc đó có khoảng chục tên vệ binh tay không, đứng chung quanh tường. Tất cả đều im lìm, lạnh lùng. Góc trong cùng về phía tay phải là chiếc bàn duy nhất. Quản giáo Trường bước lại phía sau bàn, chống hai tay vào mặt bàn, im lặng nhìn tôi. Hai tên vệ binh ghìm súng, đứng hai bên. Tôi đứng trước mặt tên Trường, cách chiếc bàn khoảng hơn một thước. Tên Trường quắc mắt nhìn tôi, ánh mắt đầy oán độc. Tôi nhìn thẳng mắt Trường, cố gắng giữ ánh mắt thản nhiên, không chút căm giận, thù hận. Thú thực, lúc đó, tôi không muốn chọc giận quản giáo Trường chút nào. Tôi tha thiết muốn sống bằng mọi giá. Chọc giận hắn sẽ vô cùng nguy hiểm, vì Trường là người thiếu số, thẳng tính, nhưng rất nóng, khi cơn giận nổi lên, y sẵn sàng làm mọi chuyện kể cả giết người. Thứ hai, chế độ cộng sản đã cố tình dung dưỡng và trao cho những người như Trường quyền sinh sát, để hắn thẳng tay diệt trừ tất cả những ai ngang bướng chống đối lại chế độ.

## KỶ 53

Sau khoảng mười giây đồng hồ nhìn tôi đầy căm giận, Trường hỏi tôi giọng cục cằn:

- Sáng nay mày nói gì, mày còn nhớ không?

Tôi im lặng không biết trả lời thế nào. Tôi biết, sự im lặng của tôi càng chọc giận quản giáo Trường. Nhưng nêu nhắc lại lời nói buổi sáng, tôi sẽ đổ dầu vào lửa.

- Mày nói mày vào đây để cải tạo, nên chúng tao không được quyền đánh mày phải không?

Tôi vẫn im lặng. Tên Trường chửi thề:

- Đ.M. Chúng mày vào đây là để cho chúng tao hành hạ cho đến chết. Đầu óc chúng mày có sạn làm sao mà cải tạo nổi.

Đấm tay xuống mặt bàn đến rầm, tên Trường gào lên:

- Vì vậy chúng tao được quyền đánh mày, được quyền giết mày! Và chúng tao sẽ đánh mày ngay bây giờ... cho mày coi, xem mày có la hét nữa hay không.

Nhìn thái độ điên cuồng của tên Trường, tôi biết ngày hôm nay, chắc tôi khó sống. Trong một thoáng ngắn ngủi, tôi nghĩ đến Mẹ, đến Thầy, những người thân yêu nhất của tôi. Mẹ tôi còn sống, chắc Mẹ tôi không biết đứa con của Mẹ đang sắp phải gánh chịu trận đòn thù. Nhưng Thầy tôi đã mất, chắc vong linh của Thầy tôi vẫn hiện hữu đâu đây trong thế giới siêu hình, sẽ phù hộ cho tôi... Nghĩ đến đó, tôi xúc động muốn khóc.... Nhưng tôi kịp chế ngự sự xúc động của mình. Tôi hiểu, nếu tôi khóc bây giờ, tên Trường sẽ cho rằng tôi sợ hãi chúng. Không, dù tôi có bị đánh chết, tôi cũng sẵn sàng chấp nhận, nhưng tôi không thể nào để chúng coi mình là một thằng hèn.

Thấy tôi im lìm không nói, tên Trường tiếp:

- Bây giờ chúng tao sẽ đánh mày để mày thấy chúng tao có quyền muốn đánh ai thì đánh. Trong trại tù này, chúng tao là luật pháp. Mày nghe rõ chưa?

Tôi im lặng. Tên Trường hét lên:

- Mày nghe rõ chưa?

Tôi trả lời:

- Rồi...

Tên Trường lại hét:

- Mày nói như vậy hả? Nội quy của trại tù để đâu?

Tôi trả lời:

- Báo cáo quản giáo, rõ.

- Mày có phản đối gì không?

Tôi im lặng. Tên Trường lại hét:

- Tao hỏi, chúng tao đánh mày ngay bây giờ, mày có phản đối gì không?

Tôi trả lời:

- Báo cáo quản giáo, không.

Tên Trường gật gù, khoái trí:

- Mày biết vậy là tốt. Bây giờ, tao báo cho mày biết, hai vệ binh cầm súng đây sẽ lên đạn sẵn sàng, để những vệ binh còn lại sẽ đánh mày đúng 15 phút. Trong 15 phút đó, nếu mày có bất cứ hành động nào chống cự, lập tức hai vệ binh này sẽ "xử lý" mày tại chỗ. Mày nghe rõ chưa?

- Báo cáo quản giáo, rõ.

- Mày có phản đối gì không?

- Báo cáo quản giáo, không.

- Mày có chống cự không?

- Báo cáo quản giáo, không.

- Mày đồng ý cho chúng tao đánh mày?

Tôi im lặng. Chẳng lẽ tôi lại ngu xuẩn lên tiếng đồng ý để cho cả chục tên vệ binh xúm vô đánh mình?

Nhưng dù tôi có không đồng ý, cục diện cũng không hề thay đổi. Chúng vẫn xúm vô đánh tôi như thường, và có thể đánh dã man hơn. Thôi thì đến nước này, tôi chỉ còn có con đường duy nhất, gồng mình chịu đòn, để sống sót thực hiện chuyến vượt ngục cùng với anh Dzoãn Bình. Tên Trường lại hét lên:

- Mày có đồng ý cho chúng tao đánh mày hay không?

Không còn cách nào khác, tôi đành miễn cưỡng trả lời:

- Báo cáo quản giáo, đồng ý.

Tên Trường cười hô hố, chỉ tay về giữa phòng ăn, bảo tôi:

- Tốt lắm. Vậy mày bước lại chỗ kia.

Tôi lặng lẽ và chậm rãi bước đến giữa phòng ăn. Tiếng tên Trường vang lên phía sau:

- Quay mặt lại đây.

Tôi lặng lẽ quay mặt lại. Tên Trường lại hét:

- Quay cả người lại.

Tôi lặng lẽ làm theo. Tên Trường gật gù thấy tôi ngoan ngoãn vâng lời. Hắn quay sang bảo hai tên vệ binh cầm súng:

- Các đồng chí sẵn sàng, nếu thấy thằng này chống cự, lập tức "xử lý" tại chỗ cho tôi. Các đồng chí nghe rõ?

Hai tên vệ binh liền hô to, "rõ", rồi thị uy bằng cách kéo cơ bẫy, khiến viên đạn nằm sẵn trong nòng bắn ra ngoài, để cho viên đạn khác nhảy lên nòng. Sau đó, chúng mở khoá an toàn rồi chĩa súng vào tôi trong tư thế sẵn sàng bóp cò.

Tên Trường dơ tay ngón đồng hồ rồi hất cằm ra hiệu cho đám vệ binh và nói:

- Biện pháp chế tài tên ngoan cố... bắt đầu! Các đồng chí được quyền thẳng tay đánh tên này đúng 15 phút kể từ bây giờ...

Đám vệ binh lập tức vây quanh tôi. Vài tên bước tới đám gió kiêu võ sĩ quyền Anh, có tên tung giò đá vô khoảng không, rồi cười hô hố khoái trá. Lúc đó, tuy hoảng hốt, nhưng tôi vẫn nhớ lời dặn dò của Minh "mã tấu", nên thu vội hai cánh tay lên hai bên thái dương, hai bàn tay đặt sau gáy, đan vào nhau, đầu hơi cúi xuống, hai mắt quan sát tay, chân của đám vệ binh trong tầm mắt của mình để đỡ đòn. Tôi không muốn nhìn thẳng vào mắt của chúng, vì như vậy, dễ gây cho chúng sự thù hận cá nhân, khiến chúng tức giận, xuống đòn nặng hơn.

15 giây đồng hồ trôi qua, nhưng không hiểu sao, không một tên vệ binh nào đánh tôi. Tôi ngạc nhiên nghĩ, có lẽ chúng sợ tôi liều mạng chống cự chăng? Ngay lúc tôi nghĩ vậy thì lưng tôi bị một cú đá. Cú đá không nặng, nhưng tôi giả vờ loạng quạng, chúi về phía trước. Vừa chúi về phía trước được hai bước, tôi bị đánh liên tiếp ba cú không hiểu là cú đá hay cú đấm. Một cú vào bả sườn bên trái, một cú vào lưng và một cú vào đầu. Đến lúc này, tôi lạng quạng thật, chứ không còn giả vờ nữa. Giữa lúc còn đang lạng quạng, tôi bị một đòn thật nặng vào sườn bên phải. Đây là đòn đánh nặng nhất. Tôi thấy đau nhói cả một bên sườn, hơi thở bị nghẹn lại, cả người tôi gập làm đôi, nhưng tôi vẫn tỉnh táo, cố gắng nhìn các đòn đánh trong tầm mắt của mình để tránh không bị đánh vào đầu. Trong lúc tôi đang gập người đau đớn và cố gắng nhìn để nhận đòn, một tên vệ binh từ phía bên phải đá một cú xoay bản lề, thẳng vô bụng tôi. Vừa đá, y vừa quát:

- Mày nhìn tao, để nhớ mặt trả thù hả?!

Cú đá của tên này làm tôi chới với. Cả người tôi mất thăng bằng, muốn té. Ngay lúc đó, một tia chớp loé lên trong óc: Tốt nhất tôi giả vờ té xỉu, để cho chúng chùn tay. Vừa nghĩ vậy là tôi vội ngã lăn kềnh ra sàn. Té rồi, tôi mới biết trò giả vờ của tôi quả là đại đột. Lúc tỉnh táo, đứng trên hai chân, tụi vệ binh khi xuất đòn còn dè chừng tôi. Khi tôi té xuống, cả lũ vệ binh liền xúm vô đánh tôi tui bụi. Một tên la lên:

- Nó muốn nhớ mặt để trả thù hả, đánh chết nó đi...

Vài tên khác cũng la lên:

- Đánh chết nó đi...

Tuy bị đòn đau, nhưng đã chót giả vờ xỉu, tôi đành phải nằm yên bất động, gồng mình chịu đòn với hy vọng, chúng sẽ ngưng đánh. Quả nhiên, có tiếng một tên vệ binh nói:

- Bây giờ, nó xỉu thật rồi.

Nghe vậy tôi hơi mừng. Bỗng nhiên, tôi nghe tiếng của tên vệ binh đã đá tôi cú khủng khiếp vô bụng:

- Nó xỉu kệ cha nó, để tao sút cho nó một cú ân huệ vào giữa mặt...

Nghe vậy, tôi giật mình. Bản năng tự vệ khiến tôi không kịp suy nghĩ, vội vàng quay mặt sang hướng khác. Chưa kịp quay xong, thì tiếng reo hò và những cú đấm đá của tụi vệ binh đổ xuống người tôi. Tôi nhận ra sự đại đột của mình, vội vàng cố chịu đòn, lồm cồm bò dậy. Nhưng làm như vậy tôi lại càng đại đột. Một người đang bị đòn thù, quần quai dưới sàn, lồm cồm bò dậy, đã tạo cho kẻ thù nhìn thấy không biết nhiều chỗ hở, có thể xuất đòn... Quả nhiên, chỉ trong mười giây đồng hồ ngắn ngủi, cả thân thể tôi bị đá, bị đấm, bị đập không biết bao nhiêu cú... Tôi tuyệt vọng, nghĩ mình hôm nay chắc chết mất. Nghĩ vậy, ý chí đề kháng trong tôi mất hết. Tôi vội kêu lên hai tiếng "MẸ OI!" rồi nằm vật xuống sàn nhà, để mặc cho chúng đánh... Đột nhiên, một cú đá vào mặt làm tôi nổ đom đóm mắt. Rồi tôi nghe tiếng tên quản giáo Trường la lên:

- Ê, không đánh mặt! Không đánh mặt!

Tiếng la của tên Trường khiến tôi bừng tỉnh. Thì ra chúng không muốn đánh để lại những vết tích trên mặt của tôi. Như vậy chúng không muốn đánh tôi chết. Như vậy tôi có hy vọng sống. Nghĩ vậy, tôi cố gồng gồng mình chịu đòn, và lồm cồm bò dậy lần thứ hai. Nhưng những cú đấm, cú đá làm tôi không kịp đứng dậy. Bụng tôi quặn thắt, một luồng hơi nóng hực bốc lên từ dạ dày, làm tôi vội oẹ một, hai tiếng, rồi ba tiếng... nhưng tôi không thể nôn được thứ gì. Vì tôi không ăn uống gì từ tối hôm trước, trong dạ dày trống không, nên tôi chỉ nôn khan. Nhưng chính vì những tiếng nôn oẹ của tôi đã khiến cho mấy tên vệ binh phía trước định đánh tôi, vội vàng né sang bên. Nhờ vậy, tôi đứng dậy được. Thấy vậy, tôi ngây thơ giả vờ nôn khan mấy tiếng nữa cho chúng tránh, không ngờ, chúng biết ngay tôi giả vờ, liền xúm vô vừa đánh, vừa chửi bới... Tôi loạng quạng chịu đòn, nhưng vẫn cố gắng không chịu rên la. Đến lúc đó, tôi thấy cả người tôi đờ đẫn, mất hết cả mọi cảm giác, tôi té xuống sàn nhà, để "nghe" thấy đòn thù đánh vào người mình thình thịch, mà không thấy cảm giác đau đớn gì... Đến lúc này, vì tôi nằm dưới sàn, đám vệ binh chỉ đánh tôi bằng những cú đá. Tôi không sợ chúng đá vào mặt, vì lời quản giáo Trường đã ra lệnh chúng không được đánh vào mặt. Tôi chỉ sợ chúng đá vào ngực vào bụng, nên tôi nằm nghiêng, co quắp như một con tôm, hai đầu gối co lên ngực, hai tay tôi quặp lấy đầu gối, chịu đòn. Nhiều cú đá vào lưng, đùi, tay, chân, vài cú đập vào hông, rồi một tên nhảy lên cao, đập hai gót giày vào ngang bụng, khiến cả người tôi bị lật ngửa. Ngay khi bị lật ngửa, nhìn lên, tôi thấy một gương mặt đầy oán độc của một tên vệ binh, hấn đương dơ chân đập thẳng vào ngực tôi. Lần này tôi không còn cách gì đỡ kịp. Chỉ kịp nghe một tiếng "bịch" ngay trên ngực mình, mà sao thấy xa xôi, tôi không đau đớn gì, nhưng trong lồng ngực tôi bỗng dựng có cả một khối hơi khổng lồ dâng lên nghẹn ứ ở cổ... khiến tôi oẹ một tiếng. Có chất gì ấm ấm chảy xuống cổ, xuống ngực tôi.... Tôi nghe có tiếng la của một tên vệ binh, "Thôi, dừng, đủ rồi... Nó ói máu rồi"... Trong tích tắc cuối cùng trước khi ngất xỉu... tự dưng tôi thấy hình bóng của Mẹ tôi ngày xưa ngày xưa hiện vì... Hình ảnh của Mẹ khi tôi còn bé, được gặp Mẹ lần đầu mà tôi không dám gọi hai tiếng "Mẹ OI!"... Mẹ tôi vội vàng, cô đơn, đi ngang chiếc đập của quê hương trong lúc hoàng hôn sắp tắt, gió sông lộng thổi, và chiếc ruột tượng màu vàng của Mẹ bay lất phất... xa dần, xa dần... Tôi muốn gọi, "Mẹ ơi, chờ con!..." nhưng tôi không thốt lên lời. Mắt tôi đột nhiên tối xầm hẳn lại...

## KỶ 54

Sau trận đòn hội chợ của vệ binh tại Quân lao Gò Vấp, cơ thể của tôi chịu đựng nhiều đau đớn, mà 3 tháng sau, khi bị đổi lên trại tù ở gần núi Bà Đen, mỗi lần kéo gầu nước từ giếng sâu, ngực tôi vẫn nóng ran, và tôi vẫn còn ho ra máu. Thê thảm hơn, những vết máu bầm vẫn còn nguyên ở trong phổi của tôi suốt nhiều năm. Đến cuối năm 1979, khi được qua Úc định cư, hôm trước đến Cabramatta Hostel, thì ngày sáng hôm sau, tôi đã bị chuyển vô Randwick Hospital để điều trị. Lý do là qua chụp X-rays, thấy vết bầm trong phổi, bác sĩ đã nghi ngờ tôi mắc "bệnh lao". Sau 3 tháng uống thuốc, vết bầm vẫn còn nguyên nên bác sĩ ngạc nhiên hỏi tôi có bao giờ đánh lộn với ai không. Tôi kể lại chuyện xưa ở Quân lao Gò Vấp, bác sĩ nghe biết ngay tôi không hề bị bệnh lao, nên ngay tuần lễ sau đó, tôi được xuất viện. Tuy nhiên, mấy

năm đầu khi tới Úc, mỗi năm hai lần, tôi vẫn phải tới bệnh viện Canterbury để chụp X-rays, cho đến khi vết bầm trong phổi mờ dần và mất hẳn...

Trận đòn hội chợ của vệ binh khiến tôi càng thêm quyết tâm, phải vượt ngục bằng mọi giá. Nhưng để có thể vượt ngục theo kế hoạch của anh Dzoãn Bình, tôi phải hồi phục sức khỏe. Đáng tiếc, không lâu sau ngày bị chúng đánh hội đồng, tôi và anh Dzoãn Bình, cùng với khoảng 50 người tù khác, bị chuyển đến trại tù ở gần núi Bà Đen, chấm dứt giấc mộng vượt ngục ở Quân lao Gò Vấp.

Trại tù gần núi Bà Đen là trại tù được VC xây dựng khá quy mô, với đầy đủ các hàng rào kẽm gai trong ngoài. Cho đến nay, tôi cũng không nhớ chính xác tên và vị trí của trại tù này, nhưng tôi vẫn thỉnh thoảng nghe anh em bạn tù nhắc đến những địa danh như ấp Tân Thiết, Trại Đền, ấp Phước Hòa, xã Lộc Ninh... Nhìn về phía sau của trại tù, tôi thấy rõ núi Bà Đen cao to sừng sững chiếm cả một góc trời. Trại tù được chia ra làm nhiều khu, mỗi khu có nhiều lán, giam giữ khoảng trên dưới 1000 tù, gồm đủ các thành phần, tù chính trị, tù hình sự... Hệ thống canh gác tại đây cũng rất nghiêm ngặt. Ngoài các hàng rào kẽm gai, còn có những chòi canh chung quanh trại, và tại mỗi khu gồm có hai lán, luôn luôn có vệ binh luân phiên canh gác vào ban đêm.

Ngay khi đặt chân đến trại tù mới, tôi đã vội tìm hiểu địa hình địa vật để vượt ngục. Tôi biết, lúc đó tôi đã bị vệ binh và quản giáo VC ghi vào "sổ đen", nên tôi bị theo dõi kỹ càng hơn và thường bị trừng phạt chỉ vì những chuyện không đâu. Để có thể vượt ngục, điều đầu tiên, tôi phải làm cho vệ binh quản giáo của trại lơ là cảnh giác đối với tôi. Muốn vậy, một mặt tôi phải tỏ ra tích cực lao động và mặt khác, tôi phải cho mọi người thấy tôi rất yếu đuối, bệnh hoạn, sau trận đòn hội chợ tại Quân lao Gò Vấp. Vì vậy, cùng với những lần ho ra máu, tôi giả vờ đi đứng chậm chạp, ăn uống ử ỉa, ngoại hình suy nhược...

Vì việc chuyển tù từ Quân lao Gò Vấp về trại tù mới được tiến hành vào ban đêm, nên tôi không biết rõ vị trí của trại tù mới nằm ở đâu. Trong những lúc đi lao động ngoài trời, tôi tìm cách khéo léo dò hỏi anh em bạn tù đường đi nước bước, nên biết được, trại tù của chúng tôi nằm gần xã Lộc Ninh, cách biên giới Việt Miên không bao xa. Thời gian đó vào khoảng năm 1977, mối quan hệ Việt Miên ngày càng căng thẳng thù nghịch, nên có tin đồn, cộng sản Miên đang có ý đồ xâm lăng Việt Nam. Nghe tin này, có một số người lo sợ sẽ bị Miên cộng giết; nhưng cũng có người nuôi hy vọng, cuộc xâm lăng của cộng sản Miên sẽ "giải phóng" chúng tôi thoát khỏi sự kìm kẹp của cộng sản Việt Nam. Có điều mọi người lúc đó đều không thể ngờ được, chính viễn ảnh xâm lăng Việt Nam của Miên cộng đã khiến cộng sản Việt Nam có âm mưu sẵn sàng thủ tiêu tất cả những người tù chúng tôi bằng mìn Claymore một khi trại tù bị quân đội Miên tấn công... Tôi chỉ biết được âm mưu này vào một buổi chiều, sau khi đi lao động trồng khoai mì trở về trại... Chiều hôm đó, tôi được anh Dzoãn Bình gọi sang lán của anh uống trà. Tôi quen thừa với quý độc giả, anh Dzoãn Bình và tôi tuy cùng được chuyển trại tù từ Quân lao Gò Vấp, nhưng khi lên đến trại tù mới, anh bị chuyển sang lán tù đối diện với lán của tôi. Là một nhà báo tên tuổi của VNCH trước năm 1975, từng được giải thưởng của Tổng Thống qua phóng sự chiến trường viết về trận Bình Giã, nên anh Dzoãn Bình rất có uy tín trong trại tù. Nhờ vậy, anh biết được những tin tức đặc biệt, mà những người tù bình thường không thể biết, hoặc biết rất muộn.

Buổi chiều hôm đó, gặp tôi anh Dzoãn Bình thì thầm nói:

- Cậu biết không, tôi vừa mới nghe được một tin "con cuốc"...

Anh Dzoãn Bình có thói quen khi nói chuyện thường hay dùng chữ "con cuốc" để mô tả bất cứ chuyện gì không rõ xuất xứ hoặc có nội dung không tốt lành, không được như ý.

- Cậu biết thằng Tuấn, tù "tự quản" không?

Tôi thưa:

- Có phải Tuấn bên khu rền không anh?

Anh Dzoãn Bình gật đầu:

- Thằng đó nó vừa nói với tôi, sáng hôm qua, những người tù "tự quản" được lệnh của tụi giám đốc trại cho gài mìn Claymore chung quanh trại...

Tôi giật mình, hỏi anh:

- Chắc chúng cho gài mìn để chống tụi Miên xâm lăng?

Anh Bình lắc đầu:

- Không phải để chống tụi Miên cộng đâu. Nó gài mìn là để giết mình đó. Thằng Tuấn nó nói số lượng mìn gài chung quanh trại không rõ bao nhiêu, nhưng cứ cách 20 thước, chúng bắt chôn một trái, mà mìn hướng vào trong trại. Cậu biết mìn Claymore chứ gì?

- Em biết.

Mặc dù chính mắt tôi chưa hề thấy trái mìn Claymore bao giờ, nhưng tôi đã nghe rất nhiều bộ đội đề cập đến nó như là một loại vũ khí quái ác, gây nhiều tử vong và tàn tật cho binh lính VC.

Anh Dzoãn Bình nói tiếp:

- Cậu phải biết, mìn Claymore khác với loại mìn thường. Mìn thường, phải chôn dưới đất, còn mìn Claymore thì để trên mặt đất, với mặt cong có dòng chữ bằng tiếng Anh ghi rõ hướng về phía kẻ thù.

Thằng Tuấn nó cũng là lính nên nó biết, khi gài mìn Claymore mà quay hướng mìn vô trong trại tù là rõ ràng, tụi VC chúng muốn giết tù, chứ không phải giết tụi Miền cộng đâu. Cậu phải biết, với tầm sát thương từ 100 mét đến 200 mét theo hình quạt 60 độ của 700 viên bi thép cho mỗi trái mìn Claymore, mà tụi VC nó cho gài các trái mìn Claymore sát nhau như vậy thì rõ ràng, cộng sản nó sẽ giết cả trại tù này không còn một mống cho coi...

Tôi lạnh người:

- Như vậy là Miền cộng chưa kịp "giải phóng" thì mình đã bị tụi VC nó giết sạch...

Anh Dzoãn Bình kéo một hơi thuốc lào rồi nói thiệt nhỏ:

- Tôi nghĩ tình thế này, cậu phải tìm mọi cách trốn trại ngay. Ở lại thêm ngày nào là nguy hiểm ngày ấy...

Tôi ngạc nhiên:

- Ủa, như vậy anh không vượt ngục cùng với em hay sao?

Anh Dzoãn Bình thở dài:

- Tôi già rồi, trốn không được, cậu ạ. Ở đây rừng rú bao bọc chung quanh, muốn trốn phải có sức. Già yếu như tôi mà trốn tù với cậu thì chỉ là gánh nặng cho cậu. Cậu nghe tôi, đi đi...

Tôi rung rung nước mắt, nghẹn ngào không biết nói làm sao, khi tôi phải chấp nhận một sự thực chua xót: Tôi phải trốn trại một mình và anh Dzoãn Bình phải ở lại! Anh Bình nói tiếp:

- Nghe cậu kể chuyện ở Quảng Trị, tôi biết cậu có kinh nghiệm đi rừng, nên chuyện trốn trại ở đây không có gì khó khăn với cậu. Theo tôi biết, từ đây về thị trấn Dầu Tiếng chỉ khoảng vài tiếng đồng hồ đường rừng. Trốn khỏi trại tù, cậu cứ nhắm vùng ánh sáng về phía tay phải mà đi, thế nào cũng băng qua khu rừng cao su trước khi đến được thị trấn Dầu Tiếng... Sau đó cậu đón xe về Tây Ninh... rồi về Sài Gòn.

Tôi lo lắng hỏi:

- Anh nghĩ em có nên rủ Minh trốn cùng với em không?

Anh Bình lắc đầu:

- Không nên. Tính Minh tôi biết, hấn rất tốt với bè bạn, nhưng phở bò, mắt lồi như mắt trâu nên nhát lắm. Trong tù, Minh ngang tàng, thích làm người hùng những chuyện cỏn con. Nhưng đặng chuyện lớn thì nhát. Tôi biết, khi ở Quân lao Gò Vấp, Minh đã hứa sẽ vượt ngục chung với cậu, nhưng Minh đâu có dám thực hiện lời hứa. Tôi nói vậy có đúng không nào?

Nhận xét của anh Bình về Minh rất chính xác. Trong tù Minh ngang tàng, đánh đấm hết người này người nọ và trở thành một "vua tù". Nhưng thực tế, dù đã hứa sẽ vượt ngục với tôi, nhiều lần Minh lần khần, khát lần, không muốn vượt ngục với tôi.

Anh Bình dặn tôi:

- Cậu nhớ, đừng nói với Minh và bất kỳ ai về ý định trốn trại của mình. Cậu đừng có tin một ai cả. Điều khó khăn nhất cho chuyến vượt ngục của cậu là cậu không có tiền mặt mà tôi cũng không có. Nhưng tôi tin, nếu cậu trốn ra ngoài thế nào cũng được người dân họ giúp đỡ. Lòng dân bây giờ khác với ngày xưa nhiều lắm. Chẳng còn ai ảo tưởng vào tụi VC nữa đâu. Cậu đi lao động thì cậu biết lòng người ra sao rồi... Anh Bình nói rất đúng. Trong suốt thời gian bị tù đầy hơn một năm trời, mỗi khi phải ra ngoài lao động, chúng tôi đều có dịp được chứng kiến những tấm lòng vàng của người dân đối với tù cải tạo. Vì vậy, tôi tin chắc, một khi thoát khỏi hàng rào kẽm gai của trại tù, được gặp gỡ người dân Miền Nam, tôi sẽ như con cá sống trong nước, tha hồ vùng vẫy, xuôi ngược.

Anh Bình đưa chiếc điếu cày làm bằng nhôm cho tôi, rồi tiếp:

- Từ nay trở đi, cậu và tôi cũng đừng nên gặp nhau nữa, kéo khi cậu đi, chúng lại lôi tôi ra hành hạ. Nếu có gì gấp gáp lắm, cậu cứ nói với Duy...

Sau lần trò chuyện với anh Dzoãn Bình, tôi gấp rút chuẩn bị cho việc trốn trại. Qua tìm hiểu địa hình địa vật, tôi thấy có hai cách trốn trại. Cách thứ nhất, trốn trại vào ban ngày khi đi lao động. Trốn trại cách này tôi có được lợi thế lớn nhất là không phải vượt qua bốn hàng rào kẽm gai và bãi mìn Claymore chung quanh trại. Theo lời anh Dzoãn Bình, mìn Claymore có 3 cách phát hoả. Cách thứ nhất do người gài mìn chủ động khai hoả. Cách thứ hai là gài bẫy, khiến mìn tự động phát, mìn sẽ nổ tung. Cách thứ ba là dùng mìn giờ để kích hoả vào đúng lúc mình muốn. Tại trại tù của chúng tôi vào lúc đó, VC đã gài mìn Claymore theo cách thứ hai. Ngoài ra, chúng còn gài những loại mìn cá nhân khác, nên rất nguy hiểm cho những ai trốn trại phải chui qua mấy hàng rào kẽm gai quanh trại. Lợi thế thứ hai khi trốn trại ban ngày là tôi có thể chui vào rừng rậm, ẩn mình chờ đến tối đi tiếp. Lợi thế thứ ba, từ chỗ chúng tôi lao động đến thị trấn Dầu Tiếng, gần hơn một tiếng đồng hồ đi bộ so với từ trại tù đến thị trấn Dầu Tiếng. Tuy nhiên, nếu trốn trại ban ngày, tôi chỉ có thể trốn vào lúc ăn trưa, và có tối đa 30 phút đồng hồ trước khi bị phát hiện. Với lực lượng vệ binh gần một trung đội cộng với quân khuyến, việc truy lùng một người tù trốn trại trước đó 30 phút là điều không khó khăn. Và lại, khi tù lao động ở ngoài trại, đều bị vệ binh và tù "tự quản" kiểm soát rất chặt chẽ, và mọi người tù đều bị tổ chức thành từng tổ 3 người một để theo dõi lẫn nhau. Tránh tình trạng những người quen thân cùng chung một nhóm 3 người, cùng trốn trại với nhau, quản giáo thường bắt thay đổi, nay người này ở nhóm này, mai phải ở nhóm khác...

Chính vì những khó khăn và nguy hiểm lớn lao như vậy, nên tôi quyết định trốn trại vào ban đêm. Có hai cách, có thể trốn trại vào ban đêm. Cách thứ nhất, trốn trong lúc tù còn thức từ 6 giờ chiều đến 9 giờ tối. Cách thứ hai, chờ tù ngủ hết, trốn từ 9 giờ tối đến 5 giờ sáng. Cách thứ hai rất khó trốn, vì lúc đó, trong mỗi lán tù cứ mỗi hai tiếng đồng hồ, đều có bốn người tù luân phiên canh gác từ đầu lán đến cuối lán. Bên ngoài lán tù, còn có hai vệ binh canh gác ở hai đầu lán. Riêng cách thứ nhất, có vẻ khó khăn hơn, vì lúc đó tù còn thức, đèn điện còn sáng choang, nhưng trên thực tế, lúc này là lúc có cơ hội trốn hơn cả, vì thứ nhất, tù còn thức nên đi lại trong lán rất lộn xộn, không ai có thể theo dõi và biết tù nào còn trong lán, tù nào đã ra ngoài lán đi dạo. Thứ hai, vì đèn đuốc sáng choang nên lúc này chỉ có một vệ binh canh gác mỗi lán tù khoảng 120 người. Thứ ba, thời gian này là thời gian duy nhất, tù được phép đi vệ sinh ở một nhà cầu nằm ở cuối trại, sát hàng rào kẽm gai. Sau 9 giờ tối, tất cả mọi chuyện vệ sinh cá nhân của tù đều phải thực hiện ngay trong lán. Đi tiểu, thì tù phải đi vào trong một ống lồ ô, hôm sau đem đổ. Còn đại tiện thì phải đào hố ngay trong lán, đi vô đó, rồi lấp đất, ngày hôm sau phải dọn sạch sẽ. Tù nhân muốn đi tiểu hay đi tiêu từ sau 9 giờ tối đều phải hô to: "Báo cáo cán bộ tôi muốn đi tiểu / đi cầu". Đến khi nghe vệ binh nói "Được" thì mới được nghiêng mình trút bầu tâm sự vô ống hay ngồi dậy đào lỗ....

## KỶ 55

Trong hoàn cảnh vệ binh canh gác nghiêm ngặt và cẩn mật từ 9 giờ tối đến 6 giờ sáng, tôi thấy thời gian trốn trại hay nhất là từ 8 đến 11 giờ tối, tối Thứ Bảy. Trốn trại vào tối Thứ Bảy có được mấy lợi điểm. Đầu tiên là số vệ binh canh gác chung quanh trại giảm đi gần một nửa, vì thông thường vào sáng Thứ Bảy, rất đông vệ binh kéo nhau đi ra thị xã Tây Ninh hoặc có người về tận Sài Gòn chơi, và chỉ trở lại trại vào chiều Chủ Nhật. Tuy số vệ binh canh gác trại giam vẫn không thay đổi, nhưng nếu một cuộc truy lùng tù vượt ngục được tổ chức, số lượng vệ binh tham gia chắc chắn sẽ giảm đi rất nhiều. Thuận lợi thứ hai, tối Thứ Bảy, chúng tôi được thức khuya tới 11 giờ, thay vì 9 giờ như các tối khác. Như vậy, tôi sẽ có nhiều thời gian xoay sở cho cuộc vượt ngục hơn. Thuận lợi thứ ba, tối Thứ Bảy không khí trại tù cũng ấm ì hơn, ít căng thẳng hơn. Vào tối Thứ Bảy, tù giữa các lán trong một khu được qua lại thăm nhau, trò chuyện, uống trà, đánh cờ... Trong bầu không khí đó, nếu tôi có trốn, vệ binh cũng sẽ phát hiện chậm hơn, đối phó khó khăn hơn.

Toàn trại giam tù chúng tôi lúc đó được chia làm nhiều khu, mỗi khu có hai lán, mỗi lán giam giữ khoảng hơn 100 tù. Chung quanh mỗi khu có hàng kẽm gai bao quanh và có vệ binh canh gác. Vào tối Thứ Bảy, từ sáng cho đến 11 giờ tối chỉ có một vệ binh canh gác, mỗi vệ binh gác 3 tiếng. Từ 11 giờ tối đến 6 giờ sáng khi chúng tôi đi ngủ, trại sẽ tăng cường ca gác, mỗi ca hai vệ binh canh gác 2 tiếng. Để chống lại việc tù vượt ngục, ban chỉ huy trại đã có biện pháp ghép tù vào những tổ 3 người một để kiểm soát lẫn nhau. Một người tù vượt ngục thì hai người còn lại phải chịu trách nhiệm. Phòng ngừa cả 3 người cùng âm mưu vượt ngục, nội quy của trại quy định những tổ 3 người này phải thường xuyên thay đổi, nên một người nay chung tổ với người này thì mai phải chung tổ với người khác. Đây là biện pháp vô cùng thâm độc, nên từ khi những 3T tổ tam tam được thành lập thì số tù vượt ngục giảm hẳn.

Nhớ lời dặn dò của anh Dzoãn Bình, tôi không dám tin một ai, nên quyết tâm vượt ngục một mình. Muốn vậy, tôi chỉ có thể thoát khỏi sự theo dõi của hai người tù khác bằng cách xin đi cầu rồi vượt ngục. Nhà cầu của mỗi khu giam tù tại trại giam chúng tôi khi đó bao giờ cũng ở tận cuối khu, bên ngoài hàng rào bao quanh khu, nhưng ở bên trong bốn hàng rào kẽm gai bao quanh trại giam. Vì ở xa và biệt lập, nhà cầu nằm ở ngoài vùng ánh sáng đèn điện của trại giam nên được gắn thêm một ngọn điện. Vì tù không được phép đi cầu trong giờ giới nghiêm nên ngọn điện này chỉ bật sáng từ 7 giờ tối đến 9 giờ mỗi tối, riêng tối Thứ Bảy thì bật sáng tới 11 giờ khuya.

Nội quy của trại quy định, tù muốn đi cầu, đều phải đến trước mặt tên vệ binh canh gác và nói: "Báo cáo cán bộ, tôi muốn đi cầu". Thông thường, vệ binh canh gác phải ngồi ở đồn canh trong thời gian từ 7 giờ đến 9 giờ tối, và chỉ được đi lại trong sân trại sau khi tù đã đi ngủ. Nhưng trải qua thời gian, những quy định này không còn nghiêm ngặt như ban đầu, và thường vào những tối Thứ Bảy, vệ binh cũng hay đi lại trong sân trại, và tù khi muốn đi cầu chỉ cần hô to câu "Báo cáo cán bộ, cho phép tôi đi cầu", rồi tự động đi, khỏi cần chờ vệ binh cho phép.

Qua quan sát, tôi nghĩ, nếu vào buổi tối Thứ Bảy, xin đi cầu, tôi sẽ có ít nhất 45 phút để vượt ngục trước khi vệ binh kịp nổ súng báo động, mở cuộc truy lùng. Tính toán như vậy vì một tên vệ binh canh gác tù cho dù có sốt sáng làm việc, khi cho người tù đi cầu, y phải chờ người tù ít nhất 15 phút. Sau 15 phút, không thấy người tù trở lại, tên vệ binh sẽ sốt ruột chờ đợi và rơi vào trạng thái bán tín bán nghi, không biết người tù xin đi cầu đã trở lại lán hay chưa. Trong trạng thái này, tên vệ binh sẽ chờ thêm 15 phút, chứ không khi nào y hô hoán gọi tù, hay ra nhà cầu kiểm soát. Sau 30 phút chờ đợi, vẫn không thấy người tù về, tên vệ binh sẽ cho tù ra nhà cầu kiểm, không thấy, y sẽ cho lệnh thổi còi tập hợp để điểm danh xem có vắng mặt người tù đó không. Toàn bộ việc này cũng mất ít nhất 15 phút nữa. Nói tóm lại, từ khi tôi bắt đầu

vượt ngục, cho đến khi bị người vệ binh phát hiện, nổ súng báo động, tôi sẽ có ít nhất 45 phút đồng hồ. Và nếu tôi chạy thực mạng trong rừng rậm, lúc đêm khuya được 45 phút đồng hồ, tôi sẽ chạy được ít nhất là 10 cây số và như vậy, chắc chắn việc truy lùng tôi ngay trong đêm tối không phải là điều dễ dàng. Khó khăn lớn nhất đối với chuyện vượt ngục của tôi lúc đó là những trái mìn nằm rải rác giữa các hàng rào kẽm gai chung quanh trại giam. Tuy đã học cách dò mìn, gỡ mìn, nhưng tôi không tin vào khả năng của mình. May mắn cho tôi, qua một người "tù tự quản" tôi biết được có một lối đi "bí mật" từ bên ngoài trại giam vô thẳng nhà cầu do những người "tù tự quản" tạo ra. Vì chôn mìn, chằng dây kẽm gai cũng do "tù tự quản" làm, mà "tù tự quản" thường làm việc tự do bên ngoài trại, nên họ đã làm một đường đi riêng, an toàn qua hàng rào kẽm gai, từ bên ngoài đi thẳng vô nhà cầu. Biết được đường đi bí mật này tôi càng thêm quyết tâm và tin tưởng chuyện vượt ngục của mình sẽ thành công.

Một điều nan giải nữa khi trốn tù là quần áo mặc sau khi trốn trại ra ngoài. Thời gian đó, sống trong trại tù của cộng sản, không có quần áo tù, nên chúng tôi đều mặc quần áo của mình mang theo. Nhờ vậy có cái lợi, khi trốn trại ra ngoài, chúng tôi dễ trà trộn với mọi người. Nhưng chuyện trốn trại, cắt rừng suốt nhiều tiếng đồng hồ của tôi chắc chắn sẽ khiến quần áo của tôi bị rách bươm, bẩn thỉu. Với bộ quần áo đó, tôi rất dễ bị nghi ngờ và bị phát hiện trên đường trốn trại. Vì vậy, tôi cần phải mang theo một bộ quần áo sạch sẽ để thay sau khi thoát khỏi khu rừng rậm. Nhưng làm sao một người tù trong lúc đêm hôm, đi cầu lại có thể mang theo một bộ quần áo? Sau khi suy nghĩ, cuối cùng tôi nghĩ ra một kế. Hai tuần trước ngày dự định trốn trại, tôi đã mặc trong người một bộ quần áo tươm tất nhất ở bên trong, và bên ngoài mặc bộ quần áo rách rưới, cũ nát để đi làm. Khi đi trồng khoai mì ở ngoài trại, tôi đã khéo léo cởi bộ quần áo bên trong, gói vô một bao nylon rồi giấu dưới một hốc cây bằng lăng lớn và cao nhất, thẳng hướng với trại tù.

Vào một buổi tối Thứ Bảy của tháng 4 (tôi không nhớ rõ ngày) năm 1978, tôi quyết định trốn trại. Tối hôm đó, trời rất đẹp, bóng tối bao phủ nhưng không mưa không gió. Sau khi bí mật phân phát tất cả tư trang của mình cho bè bạn, ghé thăm những người thân quen, nhưng không hề nói một lời tạm biệt, tôi bước về phía hàng rào kẽm gai, nơi tên vệ binh đang ngồi gác, nói:

- Báo cáo cán bộ, tôi muốn đi cầu.

Tên vệ binh không thèm ngẩng đầu nhìn tôi, chỉ nói gọn lỏn: "Đi."

Thấy tên vệ binh thờ ơ như vậy tôi rất mừng. Ngay phút đầu như thế là đã tốt đẹp. Tên vệ binh không thèm nhìn mặt tôi, lát nữa, thấy tôi không về, hẳn sẽ không nhớ người xin đi cầu là ai. Điều này sẽ khiến hẳn lúng túng, ngần ngại không dám vội vàng báo động có tù trốn trại. Và sự ngần ngại của tên vệ binh sẽ cho tôi thêm thời gian an toàn cho cuộc đào tẩu.

Sau khi đi thẳng một mạch ra đến nhà cầu, tôi ngồi xuống quan sát tên vệ binh. Hẳn vẫn ngồi đó, quay lưng lại phía tôi. Chung quanh tôi, cả một màn đen dày đặc, không có bất cứ dấu hiệu gì nguy hiểm. Nhìn quanh một lần nữa, thấy không động tĩnh gì, tôi nhanh chóng, cúi người thật thấp, đi vội vài bước đến sát hàng rào kẽm gai, rồi nằm xuống, bò thật nhanh theo dãy cọc thép gai mà những người "tù cải tạo" vẫn "bí mật" ra vô. Không đầy mấy phút sau, tôi đã chui qua bốn hàng rào kẽm gai một cách an toàn. Thở phào nhẹ nhõm, tôi lom khom bước vội băng qua con đường đất rộng khoảng chục mét.... Những giây phút đầu tiên được tự do thật tuyệt vời. Cũng bầu không khí này tôi hít thở mỗi ngày, nhưng sao bây giờ bỗng trở nên ngọt ngào và tuyệt diệu khôn tả. Cả mặt đất như nghiêng ngửa, khiến tôi chao đảo, chân thấp chân cao, té rụi xuống không biết bao lần, nhưng tôi không biết đau đớn gì. Sang đến bên kia đường là cả khu đất trống, có những bụi cây rải rác. Tôi vội vàng điên cuồng lao về phía trước như một mũi tên đã bắn ra khỏi cung. Tôi phải chạy đua với thời gian. Tuy định ninh mình có ít nhất 45 phút đồng hồ chạy trốn trong rừng trước khi bị phát hiện, tôi vẫn lo ngại, bất cứ lúc nào người vệ binh cũng có thể bắn súng báo động có người trốn trại...

Trong bóng tối, tôi nhằm đúng hướng cây bằng lăng phóng tới. Nhưng ở xa, tôi còn nhìn thấy cây bằng lăng dễ dàng. Khi chui vô rừng rậm, trong đêm tối, lại bị cây cối che khuất, tôi mới thấy việc định hướng quả là chuyện vô cùng khó khăn. Nhưng với tôi lúc này không còn là lúc định hướng và cũng chẳng còn có thì giờ nghĩ đến bộ quần áo giấu dưới hốc cây bằng lăng nữa. Bằng mọi giá, tôi phải chạy càng xa trại giam càng tốt, và phải xa thật nhanh, trước khi tiếng súng báo động nổ vang... Đến lúc này, tôi chẳng còn biết phương hướng là gì, chỉ biết được điều duy nhất, trại tù ở phía sau lưng, và tôi phải chạy về phía trước, chạy thực mạng, chạy bán sống bán chết. Trong thời gian ngắn khoảng nửa tiếng đồng hồ, tôi không biết mình đã chạy được bao xa, tôi chỉ biết, đầu, mình, chân tay của tôi đụng phải không biết bao nhiêu cành lá, cây rừng; tôi phải đứng lên rồi lại bị té rụi xuống không biết bao nhiêu bận. Nhiều lần, đang chạy, bỗng dưng tôi bị hụt hẫng, cả người rớt xuống một hố bom. Tôi vội vàng bám cỏ, bám cây, cào đất cào cát, hổ hã leo lên, điên cuồng chạy tiếp... để rồi lại rớt xuống một hố bom khác.... Cứ như vậy, tôi chạy, tôi té, tôi đứng dậy chạy tiếp... Nhiều lúc, mệt quá, tôi phải đứng lại, ôm một thân cây, thở hổn hển trong chốc lát rồi lại chạy...

Trong khi chạy chối chết, tôi vẫn chờ đợi tiếng súng báo động từ trại tù. Nhưng chờ hoài vẫn không thấy... Tôi vừa mừng lại vừa lạ lùng không hiểu tại sao. Hay tên vệ binh ngờ ngẩn định ninh tôi đã trở lại lán? Hay



tên vệ binh đã quên phéng có một thằng tù xin đi cầu? Hay có tên vệ binh khác đổi gác bắt ngờ, tên vệ binh trước quên luôn cả chuyện bàn giao về tôi?... Vừa chạy, vừa suy nghĩ vắn vớ, vừa phập phồng chờ đợi...

Chạy trong rừng được khoảng một tiếng đồng hồ, thì tôi nghe thấy có một tiếng súng nổ vang trong đêm tối. Tôi vội dừng lại, ôm lấy một thân cây, vừa thờ dốc vừa nghe ngóng. Tiếng súng ở ngay phía sau lưng của tôi. Như vậy là tôi đã chạy đúng hướng. Tiếp theo tôi nghe thấy hai tiếng súng nữa nổ rời rạc, rồi một tràng súng AK-47. Sau đó là tiếng keng vang lên... nghe rõ mồn một từ phía trại tù. Thì ra một phần trong đêm tối âm thanh vang vọng rất xa, phần nữa, tuy tôi chạy điên cuồng trong rừng cả tiếng đồng hồ, nhưng vẫn chưa chạy được bao xa...

KỶ 56

Nghe tiếng súng, tiếng keng, tôi thấy vừa kinh hãi lại vừa mừng. Kinh hãi vì thấy mình vẫn còn bị bóng ma của trại tù bao trùm trong tâm trí. Mừng vì thấy lần đầu tiên nghe tiếng keng của trại tù mà mình không phải nằm trong hàng rào kẽm gai. Tôi biết, từ lúc trốn trại đến giờ, tất cả mọi chuyện đều diễn ra thật may mắn. Tôi đã trải qua những nỗi hiểm nguy nhất và đã có được tự do, dù chỉ là tự do tạm thời. Từ giờ phút này trở đi, tôi chỉ cần thật cẩn thận và khéo léo để cố gắng về được Sài Gòn. Một khi về đến Sài Gòn, tôi sẽ tìm mọi cách để vượt biên. Tôi biết, ban chỉ huy trại tù bây giờ đang mở cuộc truy lùng về hướng thị xã Tây Ninh vì qua chuyện của những người tù, tôi biết, từ xưa đến nay, những cuộc truy lùng tù trốn trại đều theo hai ngã, một về phía thị xã Tây Ninh và một về phía biên giới Miền Việt. Cả hai ngã này đều thuận tiện đường xá, nhưng tù trốn trại thường bị bắt lại tại bến xe Tây Ninh hay các chốt vùng biên giới. Riêng ngã tôi chọn phải đi qua rừng rậm, nên xưa nay chưa có tù trốn trại nào chọn, nên tôi đoán ban chỉ huy trại sẽ không cho người truy lùng tôi theo hướng này. Hơn nữa, việc truy lùng tù trốn trại theo hai ngã kia bao giờ cũng dễ dàng hơn việc truy lùng trong rừng rậm. Tôi cũng biết, bên cạnh việc cho vệ binh truy lùng, ban chỉ huy trại tù cũng sẽ liên lạc với các bến xe trong vùng, đặc biệt là hai bến xe ở thị xã Tây Ninh và thị trấn Dầu Tiếng, là hai nơi cách trại tù không bao xa. Vì vậy, tôi phải tránh xa hai bến xe này.

Sau khi thờ dốc một hồi cho đỡ mệt, tôi lại cầm đầu chạy về phía trước. Chạy được khoảng nửa tiếng, tôi đến bìa rừng. Từ bìa rừng, tôi nhìn thấy cả một vùng ánh sáng, cách khoảng 10 cây số nằm về phía tay phải. Phía tay trái là cả một vùng nước mênh mông, tôi không biết đó là sông hay hồ nước. Sau mấy tiếng đồng hồ chạy trong rừng rậm, nay nhìn thấy vùng ánh sáng, lòng tôi mừng vô hạn, vì đó là dấu hiệu của văn minh, của tình người. Đi khoảng chừng nửa tiếng, tôi thấy có con đường mòn ngoằn ngoèo chạy giữa rừng cao su. Tôi không biết con đường chạy từ đâu đến đâu. Suy nghĩ một chút, tôi quyết định đi về phía tay phải, vì tôi tin đó là hướng đi tới thị trấn Dầu Tiếng. Trong tù, suốt nhiều tháng trời, tôi đã âm thầm tìm hiểu, hỏi dò đường xá, nên tôi biết, từ Dầu Tiếng, tôi sẽ kiếm cách đi về Tây Ninh, rồi từ Tây Ninh tôi sẽ về Sài Gòn.

Đi theo con đường mòn khoảng một tiếng đồng hồ, tôi đến một ngã ba. Vì trong rừng cao su rộng bạt ngàn, nên tôi không còn nhìn thấy vùng ánh sáng của thị trấn Dầu Tiếng. Hơn nữa, vì đi theo đường mòn quanh co, nên tôi cũng mất luôn cả phương hướng. Đang băn khoăn không biết đi về hướng nào thì tôi bỗng nghe thấy có tiếng chân người từ phía sau. Giật mình ngoảnh lại, tôi thấy có một bóng người đang gồng gánh gì đó, đi tới. Tôi định tạt vào rừng lẩn tránh, nhưng không kịp, vì người đó đã bước tới, đi nhanh như chạy. Vì đường mòn nhỏ hẹp, hai bên là rừng, nên tôi phải né sang bên cho người đó đi qua. Tuy đêm tối, nhưng nhờ có ánh sao nên tôi vẫn nhìn ra đó là một người đàn ông cao to, lực lưỡng, đầu quấn chiếc khăn rằn, áo không cài cúc. Khi đi ngang qua chỗ tôi đứng, ông chỉ hơi quay đầu nhìn tôi một thoáng, rồi đi luôn. Trong một thoáng ngần ngại, cuối cùng tôi đánh liều:

- Thưa bác, cho cháu hỏi...

Ông dừng bước, quay nửa người lại nhìn tôi, chờ đợi. Tôi hỏi tiếp:

- Thưa bác, cháu muốn về Dầu Tiếng mà không biết rẽ lối nào?

Ông quay lại bước đi, miệng nói hai tiếng gọn lỏn:

- Theo tôi.

Mừng quá, tôi vội vàng đi theo ông, hay nói đúng hơn, tôi phải chạy theo ông. Tôi không biết ông gánh vật gì, vì cả hai vật ở hai đầu của đòn gánh đều được bọc trong một lớp vải bố dày. Chỉ biết chúng rất nặng, vì tôi thấy chiếc đòn gánh trên vai của ông bị quần trĩu xuống. Vậy mà ông đi rất nhanh, bước chân rất dài. Tôi không hề mang vác vật gì trên người, nhưng phải chạy gần mới kịp theo ông. Trên đường đi, mấy lần tôi định bắt chuyện, nhưng lại ngần ngại...

Khoảng nửa tiếng sau, đi hết rừng cao su, chúng tôi ra đến đường lộ. Người đàn ông dừng lại, đặt gánh đồ xuống đất, lấy vạt áo quệt mồ hôi trán, rồi không thèm nhìn tôi, hỏi trống:

- Trốn trại, phải không?

Tôi giật mình, tê điếng cả người. Chẳng hiểu sao lúc đó, trong khi bối rối, chưa kịp nghĩ ngợi, tôi đã vượt miệng trả lời

- Dạ... phải...

Người đàn ông không nói gì thêm, cúi xuống một đầu gánh, hí húi lấy ra chiếc bi đồng nước, trao cho tôi:

- Uống đi.

Tôi sung sướng vì đang khát khô cả cổ. Cầm chiếc bi đồng, tôi ngửa cổ uống một hơi. Nước mát lạnh, trôi đến đâu biết đến đó. Đây nắp chiếc bi đồng nước, tôi trao lại cho người đàn ông, và cảm động nói:

- Cảm ơn bác.

Người đàn ông trao cho tôi một bọc lá chuối. Tôi mở ra thấy có hai miếng khoai mì. Chưa kịp cảm ơn, thì người đàn ông đã giơ tay chỉ về phía bên phải, nói tiếp:

- Chú mày đi theo hướng này sẽ đến nhà thờ... Ở đó sẽ có người giúp.

Nói xong, người đàn ông xốc gánh lên vai, rào bước đi thẳng. Tôi nhìn theo người đàn ông, trong lòng vô cùng xúc động và biết ơn. Tôi không biết ông tên gì, ở đâu, nhưng hình ảnh ông chấp choạng trong đêm tối, cùng ngụm nước, khúc khoai mì ông cho tôi hôm đó, và đoạn đường tôi chạy theo ông gần nửa tiếng đồng hồ... tất cả vẫn sống trong lòng tôi cho đến hôm nay và mãi mãi về sau...

Theo hướng của người đàn ông chỉ, tôi đi vào thị trấn Dầu Tiếng. Không lâu sau, tôi thấy lòng mình ám lại khi trông thấy tháp chuông nhà thờ hiện ra xa xa.

Xuất thân trong một gia đình đạo gốc, ở vùng Công giáo toàn tòng, và sống giữa xã hội cộng sản Miền Bắc suốt mấy chục năm, tôi hiểu rất rõ thái độ và sức mạnh chống cộng của giáo hội Công giáo. Đó là sức mạnh của đức tin được bền bỉ tích tụ dưới mỗi mái nhà thờ, được nuôi sống một cách âm ỉ trong lòng của mỗi giáo dân. Vì vậy, những ai trên đường trốn chạy cộng sản, họ luôn luôn tìm đến nhà thờ để tìm nơi nương tựa, gửi gắm đức tin hay tìm kiếm sự giúp đỡ.

Lúc đó trời đã khuya, tôi phỏng đoán, phải một, hai giờ sáng. Nhưng không hiểu sao, cả hai cánh cửa nhà thờ đều mở rộng. Tôi kính cẩn làm dấu, rồi rón rén bước vô, vừa đi vừa nghe ngóng động tĩnh. Bước qua hai cánh cửa nhà thờ, tôi giật mình thấy người nằm ngổn ngang khắp mọi chỗ. Cả một nhà thờ rộng mênh mông, nhưng toàn người là người, gồm đủ cả già, trẻ, lớn, bé, đàn ông, đàn bà. Đền trong nhà thờ đủ sáng để tôi thấy, tất cả mọi người đều ngủ thành từng cụm, giống như mỗi gia đình ngủ một chỗ. Bên cạnh họ là đủ thứ quang gánh, nôi niêu xoong chảo, túi bị ngổn ngang. Tôi rất ngạc nhiên, không hiểu sao trong nhà thờ lại chứa đủ hạng người nằm ngủ ngổn ngang như vậy. Tôi đang băn khoăn, không biết cách nào có thể gặp vị linh mục để nhờ vả thì bỗng thấy ở phía đầu nhà thờ, có người vẫy vẫy tay. Tôi đi tới thì thấy đó là một vị linh mục, nét mặt khả kính, phúc hậu, mới thoáng nhìn đã thấy trong lòng mình tràn ngập niềm kính ngưỡng, tin yêu. Tôi vừa kính cẩn nói được mấy tiếng, "Con chào Cha", thì vị linh mục đã đưa ngón tay trở lên miệng ra dấu cho tôi im lặng. Lúc đó, tôi cứ ngỡ là Cha không muốn tôi to tiếng để giữ im lặng cho mọi người ngủ. Nhưng sau này, tôi mới biết ý tứ thâm sâu của Cha...

Cha ra dấu cho tôi đi theo rồi ngài quay lưng bước đi. Tôi im lặng đi theo. Dọc theo hành lang, tôi thấy vẫn có nhiều người nằm ngổn ngang, nhưng thưa hơn bên ngoài. Qua hai căn phòng nhỏ, đến căn phòng thứ ba, Cha đẩy cửa bước vô. Tôi lặng lẽ bước vô theo Cha. Trong phòng cũng có khoảng chục người nằm ngay trên sàn. Chỉ tay vào một góc phòng còn trống, ở đó có sẵn một tấm mền và chiếc gối, Cha nói nhỏ với tôi: "Chúc con ngủ ngon!" Tôi chưa kịp nói gì, Cha đã lặng lẽ bước ra ngoài, khép cánh cửa lại.

Nhìn chung quanh, tôi thấy tất cả mọi người vẫn say ngủ. Yên tâm, tôi bước vào góc phòng, nằm xuống, và chìm ngay vào giấc ngủ.

Đang ngủ say, bỗng nhiên tôi giật mình vì có người lay vai tôi rất mạnh. Tôi giật mình, vội mở mắt, thì thấy có một cụ già, khoảng sáu, bảy chục tuổi đang ngồi ngay cạnh. Phải mất mấy giây sau, tôi mới bàng hoàng nhớ lại mọi chuyện và nhận ra mình đang ở đâu. Cụ già cũng ra dấu cho tôi im lặng, đi theo cụ. Tôi lồm cồm đứng dậy, đi theo, không nói một lời. Qua hai khúc quẹo, tôi bước vào một căn phòng nhỏ, có lẽ là phòng ăn. Trên bàn, có sẵn chén, đĩa và một tô mì gói đã đổ nước sôi, được đậy kín bằng một chiếc đĩa sứ. Ở chiếc ghế bên cạnh có một bộ quần áo, một đôi giày thể thao đã cũ. Cụ già nói với tôi, giọng ân cần:

- Cậu đi thay bộ đồ này ngay, cho khỏi lộ. Rồi ra đây ăn tô mì lót dạ.

Nghe cụ nói hai chữ "khỏi lộ", tôi giật mình nhìn cụ, nhưng thấy cụ rất thân nhiên, nên tôi không dám hỏi han gì. Thì ra, ngay khi tôi bước vô nhà thờ, nhìn bộ dạng và quần áo tôi rách tươm, lấm bê bết đất cát, Cha đã biết rõ tôi là tù trốn trại, nhưng vì tai mắt của tụi cộng sản ở khắp nơi, nên Cha không muốn tôi dài dòng kể lể, nguy hiểm...

Ngồi xuống bàn, vừa ăn mì, tôi vừa trò chuyện với cụ và được cụ cho biết, tất cả những người nằm ngủ trong nhà thờ đều là dân ở Sài Gòn và các tỉnh bị cộng sản lừa đi vùng kinh tế mới. Cộng sản cho xe chở người đến nhà thờ yêu cầu Cha phải cho họ tá túc qua đêm, sau đó, cộng sản lại xảo quyệt dùng chính sự giúp đỡ của Cha để tuyên truyền cho chiến dịch lừa người đi vùng kinh tế mới.

Sau khi tôi thay bộ đồ và ăn uống xong, cụ già đưa cho tôi một gói giấy nhỏ, rồi nói:

- Cậu cầm lấy chút tiền đi đường. Không nhiều lắm đâu, nhưng cậu tiêu pha tằn tiện thì đủ tiền ăn, tiền xe cho cậu về đến Sài Gòn. Bây giờ, cậu phải đi sớm ra phía xóm Bàu Sen rồi đón xe đi Tây Ninh. Nhớ đừng vô bến xe, mà hãy đón xe dọc đường...

Tôi lặng lẽ chia tay cụ già, bước đi trên đường phố của thị trấn Dầu Tiếng vào một buổi sáng tinh mơ của tháng 4 năm 1977, mà thấy trong lòng rung rung như muốn khóc. Cuộc đời tôi, kể từ khi phải rời xa mái gia đình năm 15 tuổi, trôi giạt khắp mọi nơi, luôn luôn tiếp nối bằng những cuộc chia ly, và trong mỗi cuộc chia ly, lúc nào cũng có hình bóng của những ân nhân, của những tấm lòng vàng, trong đó có những vị ân nhân tôi vĩnh viễn không bao giờ biết tên tuổi, địa chỉ; và tôi biết vĩnh viễn trong suốt cả cuộc đời còn lại của mình, tôi sẽ không bao giờ có được cơ hội được gặp lại, được trả ơn... Cũng vì luôn luôn sống và thao thức trong tâm trạng của một người luôn luôn chịu ân nghĩa của không biết bao nhiêu người, nên ngay từ những ngày tháng đó, tôi đã thầm nguyện với lòng, tôi sẽ phải cố gắng sống sao cho xứng đáng phần nào với những ân tình sâu nặng mà tôi đã được lãnh nhận...

## KỶ 57

Vì không thông thuộc đường xá của thị trấn Dầu Tiếng, mà đường phố lúc đó còn rất vắng vẻ, chẳng có một ai để hỏi thăm, nên tôi cứ cầm cúi đi, miễn sao ra khỏi được thị trấn, rồi sẽ tìm đường đón xe về Bình Dương. (Đến đây tôi xin được đính chính, trong số báo trước, khi tường thuật lời dặn của cụ già trong nhà thờ Dầu Tiếng, cụ dặn tôi từ Dầu Tiếng đón xe về Bình Dương, rồi từ Bình Dương đón xe về Sài Gòn.

Nhưng vì đã ba chục năm trôi qua, không còn nhớ rõ lời của cụ, nên tôi đã tường thuật sai là đón xe về Tây Ninh). Đi được khoảng nửa tiếng, tôi thấy nhà cửa thưa thớt, ngay cạnh đường có một quán nhỏ, mái tranh, bốn phía trống trải, bàn ghế sơ sài. Tôi bước vô, tính uống ly cà phê, hút điếu thuốc, rồi lân la làm quen, hỏi thăm đường xá...

Trời lúc đó còn rất sớm, nên trong quán không có khách, chỉ có một bà lão, lưng còng, tóc bạc và một cô bé tuổi khoảng 16, 17, mà tôi đoán là hai bà cháu. Tôi cất tiếng chào bà cụ, nhưng bà cụ chỉ hấp háy mắt nhìn tôi, không nói, tay chân của cụ run lẩy bẩy. Có lẽ bà cụ quá già, nhưng vì cuộc sống vô cùng khó khăn, nên hai bà cháu phải dậy sớm, bán quán, đắp đổi qua ngày. Dưới chế độ cộng sản, tôi đã thấy nhan nhản những hình ảnh khốn khổ như vậy, hoặc hơn thế, trải dài trên khắp mọi miền của quê hương Miền Bắc suốt mấy chục năm. Từ sau tháng 4, 1975, cùng với gót giày xâm lăng chiếm đóng Miền Nam, người cộng sản tiếp tục gieo rắc tang thương trên khắp quê hương Miền Nam.

Tôi gọi một ly cà phê đen. Cô bé bưng ly cà phê đặt trên bàn, rồi hỏi tôi:

- Chú dùng chi nữa không?

- Cảm ơn cháu, chú uống ly cà phê là đủ rồi.

Cô bé có cặp mắt đen lay láy, thông minh, nhìn tôi có vẻ tò mò khiến tôi băn khoăn, không biết hỏi thăm cô bé về đường xá như thế nào. Vẫn biết, hầu hết người dân Miền Nam không ưa gì cộng sản. Nhất là sau tháng 4 năm 1975, người dân Miền Nam càng hiểu rõ bộ mặt thật của cộng sản, nên sẵn sàng giúp đỡ những người tù cải tạo trốn trại. Hiểu điều đó, nhưng tôi vẫn đắn đo, không biết mở đầu ra làm sao.

Trong lúc đang uống cà phê, tôi thấy cô bé vừa nhìn tôi vừa ghé tai bà thì thầm chuyện gì không rõ, chỉ thấy bà cụ đập nhẹ vào vai cô. Cô bé cười khúc khích, rồi bưng ra một đĩa xôi có trộn lẫn hai, ba miếng khoai mì, và nói:

- Chú ăn xôi đi...

- Cảm ơn cháu, chú vừa ăn sáng xong...

- Chú ăn đi, cháo bao mà. Cháu không lấy tiền chú đâu mà chú ngại.

Tôi ngạc nhiên, chưa kịp hỏi, cô bé lại tiếp:

- Có phải chú là tù mới trốn trại không?

Tôi giật mình, nhìn vội chung quanh. Cô bé cười:

- Chú đừng ngại, ở đây không có ai đâu...

Sau một thoáng ngần ngại, tôi gật đầu thú thật với cô bé:

- Chú mới trốn trại thật. Nhưng sau cháu biết hay vậy?

Cô bé lại cười, răng trắng đều như bắp:

- Nhìn quần áo chú mặc cháu đoán ra liền à. Rồi thấy bộ điệu lo lắng của chú, cháu đoán càng trúng... Với lại ở đây cháu thấy tù trốn trại hoài à, nên nhìn các chú trốn ra là cháu biết liền. Mà chú định về đâu, nói cháu cháu chỉ đường cho?

Tôi vừa lo lắng, vừa ngạc nhiên. Không hiểu sao, cô bé khi biết tôi là một tên tù vượt ngục, nhưng vẫn giữ được sự hồn nhiên, tươi cười như vậy. Tuy ngạc nhiên, nhưng tôi rất tin cậy ở cô bé. Tôi vội nói:

- Thú thực với cháu, chú định đón xe về Bình Dương.

Cô bé hóm hỉnh:

- Chú muốn đón xe về Bình Dương thì chú đừng có vô bến đón xe. Trong đó công an, bộ đội nhiều lắm. Vô đó là chú bị họ bắt liền đó.

- Như vậy thì chú phải đón xe ở đâu cho an toàn?

Cô bé giơ tay phải chỉ về phía con đường đất đỏ và nói:

- Chú cứ đi thẳng con đường này khoảng một cây số, đến ngã ba X (vì lâu ngày nên tôi không còn nhớ tên ngã ba này) có cây bằng lăng thật lớn, thì chú đứng đó chờ. Hễ thấy xe đồ nào tới thì chú vẫy đón về Bình Dương....

Nghe cô bé nói, tôi mừng quá, nhưng vẫn hỏi thêm cho chắc ăn:

- Làm sao chú biết xe nào về Bình Dương?

- Chú đừng lo. Tất cả những xe từ Dầu Tiếng đi qua ngã ba X đều chạy về Bình Dương hết. Nhưng xe đồ thì mỗi ngày chỉ có 3 chuyến. Chú đi nhanh đi, để đón kịp chuyến xe 8 giờ sáng....

Mừng quá, tôi vội đứng dậy, tính trả tiền ly cà phê, thì cô bé đã nhanh nhẩu:

- Chú khỏi trả tiền đi. Chú tù mới trốn trại làm gì có tiền. Lấy tiền của chú kỳ quá hà...

Tôi còn đang bối rối và bâng khuâng, chưa kịp nói gì, cô bé đã lấy một gói thuốc lá, mấy chiếc kẹo mè trong tủ kính, gói vội trong túi nylon nhỏ rồi quynh quáng dúi vào tay tôi:

- Chú cầm lấy gói thuốc hút cho ấm... Thôi chú đi lẹ lên cho kịp xe... Chúc chú may mắn!...

Cầm gói đồ của cô bé trao, tôi cảm động rưng rưng nước mắt. Bà cụ vẫn đứng đó, chân tay vẫn run lẩy bẩy, nhưng nhìn tôi mỉm cười, miệng móm mém, khiến tôi vừa xúc động vừa thương cảm. Thì ra cụ tuy già, nhưng nghe chuyện, cụ hiểu hết và nụ cười của cụ là cả một nhắn gửi, cầu chúc cho tôi tai qua nạn khỏi... Mắt tôi nhoà đi. Tôi lấp bắp chào bà cụ, chào cô bé, rồi như một cái máy, tôi bước ra khỏi quán. Vừa bước đi tôi vừa cố đè nén niềm cảm xúc đang dâng lên trong lòng. Bước đi được một đoạn, ngoảnh đầu lại, tôi thấy cô bé vẫn đứng đó, đưa tay vẫy vẫy...

Từ ngày đó cho đến bây giờ, đã 30 năm trôi qua, nhưng tôi vẫn nhớ mãi hình ảnh quán nước siêu vẹo bên con đường đất đỏ dẫn vô thị trấn Dầu Tiếng và cô bé có cặp mắt đen láy cùng tấm lòng đôn hậu, hồn nhiên đã giúp tôi trên con đường tôi đào tẩu... Bây giờ, khi viết những dòng chữ này, những hình ảnh đó vẫn hiện lên lung linh, sống động và tươi mát như chuyện mới xảy ra hôm qua, hôm kia...

Tôi đi được khoảng một cây số, quả nhiên thấy một ngã ba. Con đường tôi đang đi là đường đất đỏ, đung phải con đường liên tỉnh lộ, trải đá rậm. Cách ngã ba khoảng chục thước, có một cây bằng lăng thật lớn, ngay cạnh đường. Tôi yên tâm đứng cạnh gốc cây bằng lăng chờ đợi. Đường lúc đó rất vắng vẻ, nhưng để an toàn, tôi ngồi xuống, khuất phía đằng sau cây bằng lăng chờ đợi...

Trong khi chờ đợi, điều tôi lo ngại nhất là một khi đón được xe, nếu chẳng may trên xe có bộ đội hay cán bộ cộng sản thì tôi không biết phải đối phó như thế nào. Tệ hại nhất, nếu những cán bộ, bộ đội đó lại là người ở trại tù, nơi tôi vừa trốn đi. Gặp trường hợp đó, chắc chắn chúng sẽ nhận ra tôi, và tôi sẽ vô phương tẩu thoát. Nhất là thời đó, hầu hết bộ đội, cán bộ cộng sản rời khỏi trại, đi bất cứ đâu, chúng đều mang theo vũ khí. Vì thế, việc tôi phải đối phó với chúng để tẩu thoát sẽ vô cùng khó khăn. Biết vậy, nhưng tôi không còn sự lựa chọn nào khác, tôi phải đón xe về Bình Dương, không chiếc xe nào thì phải đón xe khác. Và làm sao tôi có thể biết được, trên chuyến xe đồ từ Dầu Tiếng chạy tới, chiếc nào có bộ đội cán bộ cộng sản, chiếc nào không? Thôi thì chỉ biết liều, rồi đến đâu hay đến đó.

Tôi chờ khoảng hai mươi phút, thì nghe thấy có tiếng xe hơi từ phía Dầu Tiếng vọng tới. Bước ra khỏi bóng cây bằng lăng, nhìn về phía Dầu Tiếng, tôi thấy một chiếc xe đồ đang ịch ạch chạy tới. Đó là chiếc xe đồ loại vừa, chở khoảng ba chục đến bốn chục người. Trên nóc xe chất đầy quang gánh, thúng mủng, ngay phía bên trái của tài xế có một chiếc ống khói phun ra từng lớp khói đen đặc lên trời.

Khi xe chạy tới gần, tôi dơ tay vẫy. Xe chạy chậm dần rồi dừng lại ngay cạnh chỗ tôi đứng. Anh lơ xe đứng ở phía sau vẫy vẫy tay ra hiệu cho tôi lên xe, mà không hề hỏi han gì. Mừng quá, tôi quynh quáng chạy về phía sau xe. Anh lơ nhẩy xuống mở tung cửa, dục tôi lên lẹ lẹ. Tôi vội vàng leo lên, chưa kịp đứng vững thì chiếc cửa xe đã đóng lại, ép chặt phía sau lưng, rồi chiếc xe giạt mạnh, kêu lên khục khục mấy tiếng, và lăn bánh... Tôi loạng choạng, phải nắm vội lấy sợi giây lưng lỏng từ trần xe, cho khỏi té.

Anh lơ xe vừa đập tay vào trần xe vừa hét:

- Các ông các bà ngồi dịch vô, ngồi dịch vô cho chú này chú ngồi...

Mấy người khách ngồi hàng ghế giữa vội dòn vô, để trống một chỗ ngay phía sau cùng. Tôi vội ngồi xuống, thờ phào, trút hết mọi sự mệt nhọc rồi kín đáo quan sát. Trong xe có ba hàng ghế, hai hàng hai bên, và một hàng ghế giữa. Những người ngồi ở hàng ghế giữa đều quay lưng vào nhau và quay mặt ra hai phía. Vậy là ba hàng ghế, nhưng có bốn hàng người ngồi. Đa số hành khách trong xe là phụ nữ, chỉ có hai, ba người đàn ông lớn tuổi, vài anh thanh niên và năm, sáu trẻ em, trong đó có cả hai, ba em bé được cha mẹ bồng trên tay. Nhìn thoáng qua khoảng 40 hành khách trên xe, tôi mừng quá, vì không thấy bóng dáng một người bộ đội, hay cán bộ cộng sản nào. Hầu hết hành khách đều là người Miền Nam, nét mặt lam lũ, vất vả, chất phác và chân thật. Chỉ có bốn, năm cô ngồi ở hàng ghế bên phải, phía trong cùng là mặc áo dài

trắng. Ngay cạnh mấy cô có hai anh thanh niên trẻ, tuổi mới ngoài hai mươi. Nhìn qua, tôi đoán họ là sinh viên hay thầy cô giáo của một trường học nào đó.

Ngay khi bước lên xe, tôi linh cảm có cái gì bất bình thường. Có lẽ sự bất bình thường đó là do sự xuất hiện của tôi. Trong một thoáng rất nhanh, tôi thấy vài ánh mắt tò mò nhìn tôi. Nhớ đến cô bé trong quán nước bên đường, tôi nghĩ ngay, nếu một cô bé bình thường có thể nhanh chóng nhận ra tôi là một người tù trốn trại, thì làm sao tôi có thể qua mắt được cả 40 người ngồi trong xe? Không hiểu sao, lúc đó mọi người đều im lặng. Đây là chuyện lạ, vì thông thường, các ông các bà ngồi chật trời trong một chiếc xe đồ như thế này, bao giờ cũng trò chuyện rôm rả đủ thứ trên đời... Người tôi như nổi gai và tôi thấy thật lúng túng, không biết mình nên phản ứng như thế nào. Chỉ cầu mong làm sao, trong 40 hành khách trên xe, không có cán bộ phường khóm, hay tên "cách mạng 30" nào.

Người lái xe đập tay vào vai tôi rồi hỏi:

- Chú về đâu?

Tôi giật mình, vội trả lời, không kịp suy nghĩ:

- Về Bình Dương.

Người lái xe nói số tiền, lâu ngày tôi không nhớ là bao nhiêu. Tôi vội lấy tiền trao cho anh lái xe. Ngay lúc đó, một chị tuổi khoảng bốn mươi, ngồi ngay đối diện tôi, nói trống:

- Từ đây về Bình Dương tui sợ nhất Bến Cát. Mấy thằng bộ đội ở đó chúng kiểm soát không sót thứ gì. Tôi nhìn chị. Chị nói trống, nhưng chị nhìn thẳng tôi, ánh mắt của chị như góí ghém, gửi gắm điều gì đó, khiến tôi có cảm giác như câu nói của chị dành riêng cho tôi. Chị nói tiếp, lần này rõ ràng hơn:

- Đến đó là tụi nó hỏi giấy tờ từng người một. Mấy chú tù cải tạo trốn trại mà đi qua đó là bị chúng bắt lại nhiều lắm đó.

Một ông trong xe cũng cất tiếng phụ họa:

- Qua đó, có giấy tờ đầy đủ cũng còn lồi thối, chớ đừng nói không có giấy tờ... Ai mà không có giấy tờ là cầm chắc bị chúng bắt.

Nghe đến đó, tôi ù tai, kinh hoàng, không biết làm thế nào. Lúc ấy, trong xe ồn ào, mọi người thi nhau kể đủ thứ chuyện xấu xa, ngu ngốc của bộ đội. Tất cả đều kể lể và cười bò ra một cách thoải mái. Ngay cả anh tài xế và anh lái xe cũng góp chuyện. Trong khoảng khắc không đầy 10 phút đồng hồ, tôi có cảm giác, tất cả hành khách trong chiếc xe đều là những người cùng chung một chiến tuyến, coi cộng sản là những kẻ côn đồ, ác quỷ, thủ phạm của mọi tội ác. Và tôi có cảm giác, tất cả mọi người trong xe đều cố ý làm như vậy, để cho tôi hiểu và tin tưởng họ là những người không ưa gì cộng sản.

Ngồi cạnh người đàn bà bốn mươi tuổi, có một bà cụ, tóc bạc như cước, nhưng vóc dáng vẫn khoẻ mạnh, ánh mắt tinh anh. Mọi người cười đùa, trò chuyện âm ỉ, nhưng cụ không nói, không cười, cụ chỉ nhìn tôi, khiến tôi rất lúng túng. Được một lúc, cụ nhào người sang phía bên tôi, ghé sát mặt tôi thì thầm hỏi:

- Cậu tù cải tạo phải không?

Tôi giật mình. Nhưng nhìn nét mặt phúc hậu và ánh mắt tinh anh của cụ, tôi biết, tôi không thể nói dối được. Tôi chỉ biết "Dạ" một tiếng, rồi im lặng.

Cụ hỏi tiếp:

- Cậu được tụi nó thả phải không?

- Dạ...

- Thế đồ đoàn của cậu đâu?

Tôi giật mình lúng túng không biết nói làm sao. Một người tù được ra trại mà lại không có đồ đoàn, chỉ đi tay không, thì quả là điều vô lý. Chưa biết trả lời thế nào, cụ già lại thì thầm:

- Cậu là tù trốn trại phải không?

Tôi ngần ngừ. Cụ lại nói tiếp, giọng ân cần:

- Cậu cứ nói thiệt đi, già bảo tụi nó giúp. Trong xe này, tụi nó đều là con cháu của già. Cậu yên tâm đi, chẳng có đứa nào nó ưa tụi cộng sản cả...

## KỶ 58

Nhìn gương mặt phúc hậu của cụ, nghe lời cụ nói, tôi yên tâm tin tưởng ở cụ và mọi người khách trong xe, nhưng tôi không biết người tài xế và lái xe như thế nào. Vì vậy tôi nói nhỏ với cụ:

- Cháu tin lời cụ... Cháu hăng dám giấu gì cụ, cháu là tù trốn trại... Nhưng cụ đừng cho anh tài xế và lái xe biết... Lỡ có chuyện gì...

Cụ già cười móm mém, tay phẩy phẩy:

- Tài xế với lái xe cũng là người nhà cả...

Nói đến đó, cụ quay ra, cất tiếng nói lớn với mọi người:

- Tụi bây lặng im nghe tao nói nè...

Tiếng nói của cụ có một uy quyền tuyệt đối. Mọi người trong xe đột nhiên im bật, cùng hướng về phía cụ chờ đợi. Tôi lúng túng vì biết, cụ sắp nói rõ cho mọi người biết tôi là ai. Nhưng tôi không biết làm thế nào. Thôi thì đành trao cuộc đời tôi cho mọi sự may rủi... Quả nhiên đúng như tôi đoán, cụ nói:

- Cậu này vừa nói, cậu là tù cải tạo trốn trại, nay cậu muốn về Bình Dương. Tụi bây xem tính cách nào giúp được cậu...

Mọi người trong xe cùng ồ lên ngạc nhiên. Rồi nhiều người cùng nói, ồn ào, tôi nghe không rõ. Bỗng nhiên, tiếng người tài xế thiệt lớn, át hẳn mọi người:

- Từ đây về Bình Dương chỉ sợ trạm gác của tụi nó ở Bến Cát thôi má.

Cụ già chép miệng:

- Mà nói cái đó ai mà chả biết...

Người tài xế lại tiếp:

- Con thấy đến đó mình chỉ cần cho chú lơ chạy xuống dúi cho chúng ít tiền là xong.

Chị ngồi cạnh bà cụ cất tiếng:

- Dúi tiền cho chúng là chuyện dĩ nhiên phải dúi vì xưa nay mình vẫn làm vậy mà. Nhưng mình cũng còn phải chuẩn bị cho ảnh nữa. Chớ để ảnh ngồi chình ình ngay ngoài này, tụi nó mở cửa ra, nói hỏi giầy tờ ảnh thì làm sao mà trả lời.

Một chị ngồi ở góc trong chen vô:

- Tốt nhất là để cho ảnh vô ngồi tận góc trong cùng này nè.

Mọi người ồn ào vỗ tay hưởng ứng. Đợi tiếng vỗ tay ngớt, anh tài xế nói:

- Thì các ông các bà ngồi ngoài đó lè lẹ nhường chỗ để ảnh vô trong này ngồi...

Mấy người ngồi cạnh tôi vội vã đứng dậy, một số người ngồi đối diện vội co chân nhường chỗ cho tôi đi.

Cụ già bảo tôi:

- Bây giờ cậu vô trong đó ngồi...

Tôi vội vã đứng dậy bước đi nghiêng ngửa trong khi xe vẫn chạy... Trước mặt tôi, khi tôi bước đi, tôi thấy những cánh tay vươn ra cho tôi nắm, những ánh mắt nhìn tôi đầy thân thương, trù mến. Tôi xúc động, lúng túng, mặt đỏ bừng, không biết nói gì. Rồi một bàn tay to lớn, rắn chắc vươn ra cho tôi nắm. Tôi vừa nắm, thì bàn tay đó đã kéo tôi ngồi xuống một chỗ ở hàng ghế giữa, ngay phía sau người tài xế. Ngồi chưa xong, người đàn ông có cánh tay lực lưỡng đã quàng cho tôi chiếc áo, rồi bảo:

- Chú em, cởi chiếc áo ra rồi mặc tạm chiếc áo này vô. Mà khỏi cài cúc à nghe...

Tôi cầm chiếc áo, ngần ngại đưa mắt nhìn cụ già. Cụ mỉm cười gật đầu. Tôi lặng lẽ nghe lời, thay áo. Mặc áo xong, tôi nhớ lời dặn của người đàn ông, để phanh ngực. Cũng may, sau mấy tháng trời phải lao động dưới trời nắng, nên gương mặt, nước da của tôi cũng cháy nắng, đen nhẻm.

Người đàn ông nhìn tôi gật gù ưng ý. Sau đó, ông quay sang phía người đàn bà đang ẵm con và cho con bú sữa bình:

- Lát nữa, gần đến Bến Cát, chị cho anh này ẵm thằng nhỏ để ảnh cho nó bú... Có vậy, cha tụi nó cũng không đoán được anh là tù trốn trại.

Mọi người trong xe cười ồ, tiếng nói tíu tít, tiếng cười rôm rả. Ai cũng vui vẻ trước sáng kiến độc đáo và ngộ nghĩnh của anh. Một chị ngồi cạnh tôi nói lớn:

- Để ảnh ẵm ngay bây giờ cho quen...

Mọi người reo lên tán thành. Thế là người đàn ông vội vàng bế thằng bé, trao cho tôi. Tôi ngỡ ngàng nghịu ôm thằng bé trong tay. Tôi không biết và cũng không nhớ thằng bé được mấy tháng. Chỉ biết nó khá nặng, mặt bụ bẫm, da trắng hồng, hai mắt đen láy, thao láo nhìn tôi, và không hề khóc một tiếng. Tôi cúi xuống nhìn nó, định cầm bình sữa cho nó bú, thì người đàn bà nói:

- Lát nữa khi đến Bến Cát chú hãy cho cháu bú. Bú bây giờ nó no, lát cho nó bú, nó không chịu nó khóc, là tụi công an chúng để ý...

Tôi nhìn người đàn bà với ánh mắt biết ơn và vâng lời. Cúi xuống nhìn thằng bé, tôi mỉm cười âu ơ mấy câu, rồi thọc lét nó. Thằng bé cười như nắc nẻ... Trong phút chốc, tôi quên tất cả mọi chuyện hiểm nguy, để thấy lòng mình thật khao khát có được một mái nhà, một gia đình. Ước mơ sống một cuộc sống hiền lành, hạnh phúc của tôi, cũng như của không bao nhiêu người Việt sao thật bình thường mà mãi mãi ngoài tầm tay với?...

Từ đó trở đi, ngồi trên xe, tôi thoải mái kể chuyện trốn tù của mình, chuyện cuộc đời của tôi, và thành thực trả lời tất cả những câu hỏi của mọi người trong xe. Trên chuyến xe đầy tình người đó, tôi cảm động và vui mừng nhận chân một sự thực, cộng sản tuy chiếm được Miền Nam, nhưng chúng không chiếm được lòng người. Không những vậy, chúng còn làm mất đi tất cả niềm tin của những người đã từng một thời tin vào chúng.

Trước 30 tháng 4 năm 1975, khi chưa được dịp tiếp xúc với người cộng sản từ phương bắc, ở Miền Nam vẫn còn có người ảo tưởng về cộng sản. Họ tưởng người cộng sản cũng là người cùng chung nguồn cội, cùng nòi giống máu đỏ da vàng, cùng có lòng yêu nước thương dân. Thậm chí, tại Miền Nam trước 1975,

có những người chỉ vì những bất mãn cá nhân với người này người khác trong guồng máy công quyền VNCH, hay vì những thiệt thòi riêng tư ở phường khóm, quận huyện mà rồi đại đột quay ra theo cộng sản. Nhưng kể từ sau 30 tháng 4 năm 1975, khi người cộng sản Việt Nam xuất hiện bằng xương bằng thịt trên mọi nẻo đường của Miền Nam tự do, gây nên không biết bao nhiêu tội ác, người dân Miền Nam mới thực sự hiểu được bản chất xấu xa của người cộng sản, nên ai ai cũng sẵn sàng giúp đỡ người tù cải tạo, và tìm mọi cách bêu riếu, chống đối người cộng sản. Trong suốt thời gian gần một năm trời kể từ khi trốn khỏi trại tù tới khi vượt biên thành công, tôi càng hiểu được lòng người dân Miền Nam không ưa cộng sản như thế nào.

Có điều, ở ngoài Miền Bắc, hầu hết người dân cũng không ưa gì cộng sản. Nhưng trong lịch sử mấy chục năm sống dưới sự đô hộ của cộng sản ở Miền Bắc, tôi chắc chắn không có một người tù vượt ngục nào dám bô bô kể chuyện vượt ngục của mình cho nhiều người nghe, cho dù đó là những người quen biết. Chính bản thân tôi sau này phải ngược xuôi ở cả hai miền Nam Bắc để kiếm đường vượt biên, tôi cũng thấy rất rõ, lòng người dân Miền Nam lúc nào cũng độ lượng, bao dung, sẵn sàng giúp đỡ tôi, nếu tôi nói rõ mình là tù cải tạo vượt ngục. Còn ở Miền Bắc, tôi lúc nào cũng giống như con cá mắc cạn, sợ hãi mọi người, kể cả người thân của mình. Tôi biết, nếu ở Miền Bắc, trên một chuyến xe đò, tôi có hành vi hay ngôn ngữ chống đối chế độ, khiến họ khả nghi, lập tức họ sẽ báo cho công an bắt tôi ngay. Quả thực, tại Miền Bắc, sau mấy chục năm đô hộ, chế độ cộng sản đã thành công tạo nên một mạng lưới "công an nhân dân" dày đặc, mang "buc công an đặt giữa tim người" khiến "mỗi người dân là một người công an". Viết đến đây tôi băn khoăn tự hỏi, không biết sau thời gian hơn 30 năm đô hộ Miền Nam, liệu cộng sản có biến Miền Nam trở thành xã hội công an trị giống như Miền Bắc? Liệu bây giờ, phải trốn chạy cộng sản trên một chuyến xe đò ở Miền Nam, tôi có còn đủ can đảm nói thực hoàn cảnh của mình cho mọi người trong xe biết hay không? Và nếu tôi nói thật, liệu những người của quê hương tôi hôm nay có còn tận tình giúp đỡ tôi như những người của 30 năm về trước?...

Sau thời gian trò chuyện rôm rả, vui vẻ, tôi nghe người tài xế hô lớn:

- Tới Bến Cát rồi đó bà con...

Kể đó, tôi nghe người tài xế nhắc anh lơ xe chuẩn bị sẵn tiền đút lót cho công an. Anh lơ xe mở cửa phía sau, đứng sẵn ở bậc lên xuống... chờ đợi.

Mọi người trong xe nhộn nhịp chuẩn bị... Ấm thằng bé trong tay và cho nó bú, tôi bồn chồn lo lắng, không biết mọi chuyện sẽ ra sao. Tôi tin tưởng, với sự giúp đỡ chí tình của tất cả mọi người trong xe, và tôi trong vai một "người cha" đang cho "con bú", mọi chuyện chắc sẽ chót lọt. Nhưng nếu có điều gì bất chắc xảy ra, không những tôi gặp họa, mà nhiều người trong xe cũng sẽ bị liên lụy. Rõ ràng, nếu tụi công an VC bắt được tôi, thì chiếc áo tôi mặc không phải của tôi, đứa bé tôi đang ẵm không phải con của tôi, rồi vị trí tôi ngồi được nhiều người bao bọc chung quanh,... đều là những bằng cứ chứng tỏ, mọi người trong xe đã đồng loã, bao che cho tôi...

Chiếc xe đò vừa dừng lại là lập tức có tiếng đập cửa xe ầm ầm ở cả hai bên hông xe lẫn cả phía sau.

Tiếng la hét cộc cằn, ầm ĩ từ bên ngoài. Rồi cửa sau xe bị mở tung. Các bà, các cô trong xe đứng ngồi lố nhố, nhưng tôi vẫn nhìn rõ một tên công an áo vàng và hai tên bộ đội đứng ngay phía sau. Tên áo vàng đeo súng ngắn, đưa cặp mắt cú vọ nhìn vô trong xe. Còn hai tên bộ đội đứng sau đeo súng AK-47, ánh mắt lơ đễnh...

Tên công an quát to, giọng nạt nộ:

- Mấy bà này xuống ngay trình giấy tờ...

Tên công an vừa dứt lời, chị ngồi cạnh bà già, đã đơn đả:

- Kìa mấy chị không nghe chú công an nói hả? Xuống lấy giấy tờ cho ảnh coi lẹ lẹ đi? Người ta làm việc dưới trời nắng, cực lắm, mình phải giúp cho các ảnh hoàn thành nhiệm vụ chứ...

Vừa nói, chị vừa nhẩy cái ào xuống đất, tay cầm một túi trái cây. Trao túi trái cây cho tên công an, chị vồn vã:

- Chú cầm gói trái cây (tôi không nhớ là trái cây gì) này ăn cho đỡ khát nghe...

Tên công an đỡ túi trái cây khá nặng, ánh mắt của y vừa lúng túng, vừa ngạc nhiên. Chắc từ hồi vô Nam đến giờ, y chưa gặp người Miền Nam nào vui vẻ như vậy bao giờ. Nhưng giống như cái máy, miệng hần vẫn hỏi:

- Chị có đầy đủ giấy tờ không đó?

Chị cười tự nhiên:

- Có đầy đủ chứ chú. Mình là dân thì mình phải làm đúng luật của đảng và nhà nước chứ chú...

Vừa nói, chị vừa lấy giấy tờ đưa cho tên công an coi. Mấy chị khác ngồi phía sau xe, cũng lần lượt nhẩy xuống lấy giấy tờ cầm sẵn, chờ đưa cho tên công an. Tên công an lúng túng, một tay cầm túi trái cây, tay kia cầm giấy tờ của từng người coi... qua loa. Nét mặt của y dịu lại thấy rõ. Sau đó, thấy những người trên xe đang tiếp tục bước về phía sau xe, định nhẩy xuống trình giấy tờ, tên công an dơ tay cản lại, nói giọng biết điều:

- Thôi thôi, khỏi xuống mắt công. Tất cả mọi người trong xe có đầy đủ giấy tờ hết phải không?

Cụ già ngồi ngay cuối xe, trả lời ngay:

- Ai cũng có đầy đủ giấy tờ hết. Chú muốn coi cho hết thì leo lên xe mà coi. Thời buổi này không có giấy tờ thì ai dám đi lại làm gì cho uống tiền, uống công... mà mất thì giờ.

Tên công an liếc cặp mắt cú vọ nhìn vô trong xe. Tôi thấy ánh mắt của hắn quét qua từng người, rồi đến tôi, ánh mắt của y ngưng lại một chút, khiến tôi đứng tim, nhưng vẫn giữ nét mặt tỉnh bơ. Sau đó, y nhìn sang những người khác, rồi không nói một tiếng, y quay sang phía người lơ xe, chìa tay. Tôi không nghe thấy y nói gì, nhưng lập tức viên lơ xe trao vào tay tên công an một gói giấy, trong đó là tiền. Tên công an cầm gói giấy thản nhiên bỏ vô túi áo ngực, rồi vẫy tay ra hiệu cho mọi người lên xe. Xong, y quay lưng lại, rồi bước đến chiếc xe đồ kế tiếp, vừa dừng bánh ngay phía sau xe của chúng tôi. Hai tên bộ đội cũng lại lạng lẽ lẻo đẹo đi theo tên công an.

Những người đàn bà, đàn ông phía sau xe lục đục leo lên xe. Xe nổ máy, từ từ lăn bánh. Người lơ xe chạy theo, đu mình nhảy lên xe, đóng mạnh cửa sau. Tất cả mọi người cùng thở phào, nhìn về phía tôi... Tôi vui mừng, muốn hét lên vì sung sướng, nhưng miệng tôi thì méo sệch, chỉ bập bẹ được mấy tiếng, "Cháu... cảm ơn", trong khi hai mắt của tôi thì rung rung, và trong lòng của tôi lúc đó thì như muốn khóc...

## KỶ 59

Sau khi thoát nạn tại trạm kiểm soát Bến Cát, xe chúng tôi chạy về đến Bình Dương không gặp trạm kiểm soát nào nữa. Đến bến xe Bình Dương, sau khi bị rịn chia tay từng người, tôi được hai anh sinh viên cùng đi trên xe rủ vô quán uống nước. Cả hai đều trẻ măng, tuổi trên dưới 20, tự giới thiệu tên là Hải và Tuấn. Vô quán, anh Hải và tôi ngồi xuống ghế, còn Tuấn vẫn đứng với chiếc ba lô nặng trĩu trên vai. Hải quay sang Tuấn thì thầm. Tuấn gật đầu chào tôi rồi đi ra. Quay sang tôi, Hải nói:

- Anh ngồi đây uống nước với tụi em. Chờ Tuấn mang gạo đi bán lấy chút tiền cho anh đi xe về Sài Gòn.

Tôi cảm động không biết nói gì để bày tỏ lòng biết ơn của mình. Hải nói tiếp:

- Tụi em là sinh viên sư phạm vừa tốt nghiệp, đang đi thực tập dạy học. Đi dạy thì "người ta" trả lương bằng gạo. Mỗi người mỗi tháng được 12 kí lô. Ngoài ra, họ không trả tiền bạc gì thêm. Gạo họ trả thì chẳng đủ ăn, còn đồ ăn thức uống thì mình phải "tự túc" bằng cách tự "cải thiện". Đời sống tụi em bây giờ thiên thốn cực khổ lắm anh ạ.

Nghe Hải nói, tôi thú thực:

- Hải khổ như vậy vẫn chưa khổ bằng người dân ở ngoài Miền Bắc đâu. Tôi từng sống ở Miền Bắc suốt 20 năm, tôi biết rõ lắm chế độ tem phiếu, tiêu chuẩn lương thực, ở Miền Bắc trước đây. Hải phải biết, ở ngoài Bắc, mỗi người, mỗi tháng chỉ được 10 kí lô lương thực, bao gồm cả ngô, khoai, bột mì. Tất cả những thứ này đều mất chất lượng. Sạn, cát, sỏi đều được họ cố ý cho trộn lẫn trong gạo để tăng kí. Còn ngô, khoai, bột mì, thì đều để lâu trong kho, nên mỗi khi nhúng vào nước, sâu mọt nổi lên bành. Thời đó ở ngoài Miền Bắc, nếu chúng tôi được ăn một bữa cơm không độn là cả một chuyện hi hữu, chỉ có vào dịp tết nhất, giỗ chạp...

Hải lắc đầu, tỏ vẻ không tin:

- Sống như vậy thì làm sao mà sống nổi?

Tôi cười cay đắng:

- Vậy mà vẫn sống nhăn à. Nói Hải đừng cười chứ, trước đây ở ngoài Miền Bắc, bánh bao làm bằng bột mì của Nga nhập cảng, không có bột nở, đem luộc trong nước sôi, vớt ra để nguội, bánh cứng như cục đá, ném chó cũng chết. Đã vậy, bột mì lại hôi khủng khiếp. Ăn riết, ngáy đến tận cổ. Trông thấy bánh bao là sợ, nghe đến ăn bánh bao là kinh. Đến khi vô Nam, nghe ai mời ăn bánh bao là tôi lắc đầu. Về sau có lần được ăn bánh bao bà cả Cần, tôi mới ngạc nhiên, không ngờ bột mì làm bánh bao lại có thể ngon lành đến như vậy.

Hải hỏi tôi về đời sống của thanh niên, sinh viên Miền Bắc. Tôi say sưa kể. Cuối cùng tôi nói:

- Với quá khứ khổ đau của người Miền Bắc như vậy, tôi nghĩ cuộc sống hiện tại đối với Hải đã là khổ, nhưng tương lai chắc chắn sẽ còn khổ hơn nhiều.

Hải nhìn quanh rồi thấp giọng hỏi tôi:

- Anh đã có kinh nghiệm về cộng sản như vậy thì anh khuyên tụi em phải làm gì?

- Tôi thấy cách tốt nhất là Hải cố gắng tìm đường trốn ra ngoại quốc. Chứ còn ở lại sống trong chế độ cộng sản thì tương lai sẽ mù mịt vô cùng.

Hải nhìn tôi tư lự:

- Vậy chắc anh cũng sẽ trốn ra ngoại quốc?

Tôi gật đầu:

- Bằng bất cứ giá nào, tôi cũng phải trốn. Nếu không, tôi trốn tù tù cái tạo làm gì. Trốn tù rồi, nếu không vượt biên ra ngoại quốc, để chúng bắt trở lại thì có phải thêm khổ khổ không.



Hải lại hỏi:

- Anh nghĩ tình thế này liệu có thay đổi gì không?

Tôi không hiểu:

- Hải muốn nói thay đổi gì?

- Thì em nghe có tin đồn phục quốc, rồi tin Mỹ sẽ trở lại... Và lại, người Miền Nam không giống người Miền Bắc đâu anh ơi. Em tin là khi người dân Miền Nam hiểu rõ bộ mặt thật cộng sản là họ sẽ quật khởi đứng lên chống lại chúng, chứ họ chẳng chịu yên phận đâu.

- Tôi cũng hy vọng những lời Hải nói là sự thật, nhưng chuyện đó khó xảy ra lắm. Cộng sản nó đã chiếm được đâu rồi thì mình có muốn giành lại được cũng còn khuya. Vì vậy, vượt biên là thượng sách.

Chúng tôi nói chuyện được một lúc, thì Tuấn trở lại, đưa cho Hải một số tiền. Hải giữ lại một ít, còn đưa hết cho tôi, rồi nói:

- Chúng em chẳng có gì để giúp anh... Thôi anh cầm lấy chút tiền đi đường. Cầu mong anh gặp may mắn. Tôi cảm động bắt tay Hải và Tuấn. Hải nói nhỏ: "Hy vọng, tương lai chúng em sẽ được gặp lại anh". Tôi xiết chặt bàn tay nhỏ bé nhưng chai sần của Hải và nói: "Chắc chắn chúng mình sẽ gặp lại". Sau đó, chúng tôi chia tay. Đi được một đoạn xa, ngoảnh đầu lại, tôi vẫn thấy Hải và Tuấn đứng đó nhìn theo. Chúng tôi vẫy tay chào nhau lần cuối...

Cho đến lúc ngồi trên chuyến xe về Bình Triệu, lòng tôi vẫn bâng khuâng nghĩ thật nhiều về Hải và Tuấn... Từ đó đến nay, đã 30 năm trôi qua, tôi không được gặp lại và cũng không biết Hải và Tuấn ở đâu. Nhưng tôi vẫn tin tưởng và cầu mong, hai anh đã đến được bến bờ của tự do ở một nơi nào đó...

Sau khi đến Bình Triệu, tôi đáp xe buýt về Sài Gòn. Chen chúc trong chiếc xe buýt, tôi thấy thật yên tâm.

Như vậy là chuyến vượt ngục của tôi từ đầu cho đến giờ đã gặp rất nhiều may mắn. Và may mắn càng nhiều, tôi càng phải cẩn thận, vì tôi biết, may mắn chẳng thể nào đến với mình mãi mãi. Điều tôi phải cân nhắc bây giờ là một khi về đến Sài Gòn, tôi sẽ về nhà ai? Chắc chắn tôi không thể về gia đình anh chị của tôi, nơi tôi từng ở trước khi bị bắt. Đó là địa chỉ chính thức trong mọi giấy tờ tù tội của tôi. Cộng sản đã nắm giữ tất cả những giấy tờ đó, và một khi hay tin tôi trốn tù, lập tức, địa chỉ đầu tiên cộng sản điều tra và theo dõi, sẽ là gia đình anh chị của tôi. Từ khi tôi vượt ngục từ tối hôm trước cho đến hiện tại, chưa đầy 24 tiếng đồng hồ, có thể cộng sản chưa kịp báo cho tụi cộng sản ở phường khóm theo dõi gia đình anh chị của tôi. Nhưng tôi không thể nào phiêu lưu chấp nhận rủi ro "có thể". Hơn nữa, như tôi đã kể cùng quý độc giả, tầng dưới căn nhà của anh chị tôi lúc đó là một quán nhậu. Muốn vô nhà phải đi qua tầng dưới. Vì thế, nếu tôi bước vô, gặp tụi cộng sản, cán bộ phường khóm đang ăn nhậu, chúng sẽ nhận ra tôi. Như vậy sẽ rất nguy hiểm cho tôi và anh chị của tôi. Vậy tốt nhất, tôi phải tránh xa căn nhà này bằng mọi giá.

Tại Sài Gòn, tôi có một người chị thứ hai ở cư xá Chu Mạnh Trinh. Vì nhiều lý do tế nhị trong gia đình cũng như vì sự an toàn của chị, khi tôi bị cộng sản bắt lại, tôi đã không hề khai tên tuổi, địa chỉ của chị. Tôi chắc chắn cộng sản không hề biết về chị và cũng không khi nào ngờ được, sau khi trốn trại tù, tôi lại về sống ở nhà của chị. Nhưng tôi không muốn về sống ở nhà chị ngay sau khi trốn tù. Tôi muốn để dành căn nhà của chị cho những lúc khốn cùng nhất, nguy hiểm nhất, khi tôi không còn chỗ nào tá túc, ẩn nấp.

Trong thời gian trước 1975, tôi có quen biết và giao thiệp rất thân tình với một số bạn bè ở rải rác vùng Sài Gòn và Gia Định. Họ là những người hiểu rõ hoàn cảnh của tôi, và đã tận tình giúp đỡ tôi. Tất cả những người này đều sẵn sàng cứu mang tôi một khi tôi gặp hoạn nạn. Có điều tôi không biết, cùng với sự chiếm đóng của cộng sản, không biết những người bạn đó có còn ở nơi cũ, hay đã dọn đi chỗ khác, hay đã vượt biên ra ngoại quốc. Hơn nữa, trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, giấy tờ không có, mạng lưới o ép khủng bố của cộng sản thì bao trùm khắp mọi nơi, nên tôi thực lòng không muốn gây liên lụy cho họ.

Ngay khi còn ở trong trại tù cải tạo, tôi đã có quyết tâm, sau khi trốn thoát trại tù, bằng bất cứ giá nào, tôi cũng phải vượt biên. Sau thời gian lần khần, không chịu liều mạng vượt biên ngay, để rồi bị cộng sản bắt, phải trả giá gần một năm tù, đã cho tôi bài học, nếu tôi không quyết tâm, không chịu liều mạng tìm cái sống trong cái chết,... không sớm thì muộn tôi sẽ bị cộng sản bắt lại, và khi đó, tôi sẽ mãi kiếp sống trong tù ngục, hoặc sẽ bị cộng sản thủ tiêu. Tôi cũng biết rằng, một người sau thời gian bị tù đầy, khi được tự do, dù là tự do tạm, thường dễ say sưa tận hưởng mọi lạc thú, và thường lần lữa, không dám phiêu lưu đối đầu với những nguy hiểm để giành tự do. Tôi sẽ cố gắng để không bị sa lầy vào những lần lữa nguy hiểm, "chờ đến mai rồi tính", như vậy.

Khoảng 4 giờ chiều hôm đó, chiếc xe buýt chở tôi từ Hàng Xanh qua chợ Bà Chiểu rồi chạy dọc theo đường Chi Lăng, đã giúp tôi được nhìn thấy quang cảnh thân quen của ngày xưa. Đến ngã tư Phú Nhuận, tôi xuống xe, đi vào con hẻm nhỏ dẫn tới cư xá Chu Mạnh Trinh...

Tôi gõ cửa. Không có ai trả lời. Chờ một lúc, tôi gõ lần thứ hai, mạnh hơn. Trong lòng tôi lúc đó lo ngại, căn nhà đã đổi chủ. Chị tôi đã dọn đi nơi khác, hoặc đã vượt biên. Chị tôi là người phụ nữ rất tháo vát, giao thiệp rộng, quen biết nhiều, và đã nổi tiếng ngay từ thời trước năm 1954, khi chị còn ở Hải Phòng. Vì vậy, trong bối cảnh nhà nhà đều tìm đường vượt biên, tôi không nghĩ là chị còn ở lại.

Đang định gõ cửa lần nữa, thì tôi nghe thấy có tiếng chân người, rồi tiếng cửa chị tôi hỏi vọng ra: "Ai vậy?"

Tôi run run: "Em, Chí đây chị!"

Im lặng. Rồi tấm rèm ở cửa sổ lay động. Chị tôi nhìn ra, thấy tôi. Lập tức, cánh cửa mở vội và mở hé, chị tôi vươn tay nắm lấy tay tôi kéo ngay vô bên trong nhà. Xong, chị tôi thò đầu ra ngoài, ngó trước ngó sau cẩn thận, rồi đóng cửa, cài then trên, then dưới, đóng chốt, khoá trong thật cẩn thận. Thấy thái độ cẩn thận của chị, tôi hiểu ngay, cuộc sống "cá chậu chim lồng" của chị, và hoàn cảnh nguy hiểm của tôi lúc đó.

Đóng cửa xong, chị tôi thì thầm hỏi:

- Cậu vô đây có gặp ai không?

Tôi lắc đầu:

- Em không gặp ai hết.

Chị hỏi tiếp:

- Máy người hàng xóm có ai nhìn thấy cậu không?

- Em không thấy người nào cả.

- Cậu có thấy con mụ bán bún ốc ở đầu hẻm không?

Tôi ngạc nhiên:

- Em đi vô hẻm thấy có nhiều người bán hàng ở đầu hẻm, nhưng không biết ai là mụ bán bún ốc cả.

Chị tôi nói tiếp giọng gay gắt:

- Con mụ bán bún ốc là "cách mạng 30" đó, cậu ạ. Nó ngồi bán bún ốc là để theo dõi tất cả mọi người trong cái cư xá này. Ốc nó bán tanh tưởi, không để đâu cho hết, nên đâu có ai thèm ăn... Nó có ác cảm với chị ra mặt đó. Đáng lẽ chị cũng bị chúng đuổi khỏi cư xá này từ trước Tết lặn. Nhưng vì chị cũng biết cách đấm mồm mấy thằng ở trên, nên đến giờ vẫn còn được ở đây... Mà ở thì cũng ở tạm thôi, chẳng biết phải dọn đi vùng kinh tế mới lúc nào.

Tôi băn khoăn hỏi:

- Chị bị chúng nó theo dõi dữ lắm sao?

Chị tôi lắc đầu:

- Thì ai bây giờ mà chẳng bị chúng nó theo dõi.

- Vậy sao em thấy chị có vẻ lo lắng, cẩn thận quá như vậy?

Chị tôi dí dí tay vào trán tôi:

- Tôi lo là lo cho cậu. Cậu trốn tù cải tạo về mà tôi không lo sao được.

Tôi ngạc nhiên:

- Ủa, sao em chưa nói mà chị đã biết em trốn tù?

Chị tôi cười, miệng liền thoáng:

- Cậu hồi chánh, phản bội "đảng bác", mà tụi nó bắt được, nó không giết, nó cũng phải giam cậu mệt nghỉ, đến tết công gô, hoạ may cậu mới được thả. Đảng này cậu mới bị bắt chưa đầy một năm, cậu đã về thì cậu không trốn tù, tôi cứ đi đầu xuống đất.

Tôi cười, khâm phục trí thông minh và sự phán đoán sáng suốt của chị. Sau đó, tôi kể lại đầu đuôi chuyện vượt ngục của tôi. Nghe chuyện tôi kể, chị cứ xuýt xoa nói tôi may mắn. Sau đó, chị hỏi:

- Bây giờ cậu định thế nào?

- Em định ở lại Sài Gòn ít ngày, rồi kiếm đường vượt biên.

- Cậu vượt biên là rất phải. Chết thì chết, cậu cũng phải đi. Mà chị nghĩ, cậu được ơn trên phù hộ, gặp nhiều may mắn như vậy, chắc chắn cậu sẽ vượt biên thành công. Bây giờ, hoàn cảnh của cậu như vậy, thì chị cũng nói thật, cậu đừng có ngại ngần gì, về đây ở tạm với chị. Cậu cứ ở trên căn gác, đừng có ra ngoài. Cần gì nói với chị, chị bảo các cháu nó mua nó lo cho. Nếu dưới này có chuyện gì, chị và các cháu sẽ cầm chân tụi nó, để cậu trên đó, chui qua cửa sổ, ra ngoài, là tụi nó không tài nào khám phá ra được. Còn khi nào cậu vượt biên, cậu cho chị gửi con H. là đứa con gái lớn của chị với thằng bò của nó. Nói thiệt với cậu, suốt thời gian qua, chị đã lo cho các cháu vượt biên mấy chuyến, mà chuyến nào cũng thất bại. Tiền mất, vàng mất, của cải có bao nhiêu đem ra lo chuyện tàu bè, mất đảng tàu bè, còn lại bao nhiêu, khi bị tụi nó bắt, nó tịch thu bằng hết. Ở nhà, chị lại phải lo vay giạt bạn bè, cầm cố đủ thứ để lấy tiền thăm nuôi các cháu, rồi lo lắng cho các cháu không bị tù tội...

Nói đến đó, chị tôi khóc tím tím:

- Bố các cháu thì bị chúng bắt đi tù cải tạo. Với chức vụ của anh chắc sẽ bị tù chẳng có ngày ra. Ở ngoài này chị thì chỉ có một thân một mình. Phải bươn bả đầu đường xó chợ, buôn bán đủ thứ ở chợ trời để lo cho các cháu, mà đến giờ này vẫn chưa lo được cho đứa nào, khiến chị đau lòng quá, tuyệt vọng quá. Đời chị thì thôi, coi như vất đi. Nhưng đời của các cháu, đâu có thể để tương lai của chúng nó bị vùi dập trong cái chế độ cộng sản chết tiệt này, phải không cậu?

Xúc động, không ngăn nổi những giọt lệ nóng hổi, tôi nói với chị:

- Cảm ơn chị đã lo cho em. Nhưng hôm nay, em chỉ ghé thăm chị một chút, rồi em phải đi. Tương lai, khi nào kẹt lắm, em sẽ ghé đây nhờ vả chị. Còn chuyện để cho cháu H. đi vượt biên với em, chị cho em suy nghĩ, vì đi với em thì vô cùng nguy hiểm...

Chị tôi khóc:

- Cậu hãy thương chị, hãy vì chị mà cố gắng giúp cháu. Chị biết, bề trên đã phù hộ cho cậu tai qua nạn khỏi biết bao nhiêu lần, rồi hôm nay cậu vượt ngục thành công về đến đây, thì thế nào cậu vượt biên cũng thành công....

## KỶ 60

Nghe chị của tôi năn nỉ cho hai cháu đi vượt biên với tôi, tôi không biết nói làm sao, nên cuối cùng, tôi đành nhận lời. Tôi nói:

- Chị đã nói vậy, thì em phải vâng lời chị. Nhưng em cũng xin thưa với chị...

Không chờ tôi nói hết, chị tôi mừng quá, nắm chặt tay tôi:

- Cảm ơn cậu đã thương chị mà nhận lời giúp cho hai cháu. Cậu muốn gì, cậu cứ nói. Chị sẵn sàng làm theo ý của cậu...

Sự thực, trong suốt thời gian kể từ khi cộng sản chiếm đóng Sài Gòn, chị tôi đã nhiều lần lo cho các cháu vượt biên, nhưng không thành công. Chị tháo vát, quen biết nhiều, giao du rộng rãi, nên chuyện móc nối cho các cháu vượt biên là chuyện không khó. Nhưng lạ một điều, hễ lo cho thiên hạ đi thì chót lọt, nhưng chuyển đi nào có các cháu thì lại bị kẹt không vì chuyện này cũng vì chuyện khác. Đến khi tôi vượt ngục về đến nhà, điều khiến chị lo lắng nhất là cháu H. và người yêu của cháu, nghe chị nói cũng đang trong tình trạng trốn cải tạo. Vì vậy chị đang cố gắng bằng mọi giá để lo cho hai cháu đi, nhưng chưa được.

Nhìn ánh mắt van nài của chị, tôi buột miệng thú thực sự lo lắng của mình:

- Chuyện em muốn thưa với chị là nếu em cho hai cháu đi theo em, thế nào tụi em cũng bị bắt...

Chị tôi la lên, vội lấy tay bịt miệng tôi không cho tôi nói:

- Cậu nói gì mà nói gở vậy? Chưa đi mà nói vậy...

Tôi im lặng không hề phản ứng. Chị tôi thở dài, bỏ tay xuống rồi nói, giọng có vẻ lầy:

- Cậu đã nói vậy thì chị cũng chẳng ép. Thôi thì cậu cứ đi một mình cho an toàn... đừng gồng gánh thêm của nợ mà làm gì. Cuộc đời của chị, từ khi xa mẹ, chỉ thấy toàn là cô đơn buồn tủi...

Nói đến đó, chị tôi úp mặt vào hai bàn tay, khóc nức nở. Tôi ngồi đó im lặng. Kể từ khi vô Nam, được gặp chị, tôi đã nhiều lần được nghe chị tâm sự về cuộc đời của chị trong nước mắt và tiếng khóc. Cũng giống như phần đông những người phụ nữ Việt Nam, hạnh phúc gia đình, tình thương yêu thủy chung của chồng, luôn luôn vắng bóng trong cuộc đời của chị. Rồi những gian nan của cuộc đời, sóng gió của xã hội, luôn luôn vùi dập cuộc đời của chị. Và bao giờ cũng vậy, ngồi nghe những chuyện buồn của cuộc đời chị, tôi lại đau lòng và bất lực nhớ đến những vần thơ buồn sững nước mắt nói về tâm trạng của những người phụ nữ Việt Nam của Nguyễn Bính, Hồ Dzếnh, TT. KH...

Chiều hôm đó, trời đổ mưa đột ngột. Mưa Sài Gòn bao giờ cũng vậy, đến và đi thật nhanh. Khác với Hà Nội, những trận mưa dầm dề, day dứt, kéo dài nhiều ngày, nhiều tuần, khiến cuộc sống của người nghèo đã khổ lại càng thêm khổ. Tôi nhớ đến cuộc sống héo hon, cô đơn đầy lam lũ và vất vả của Mẹ tôi ở giữa vùng đất được mệnh danh "kinh thành ngàn năm văn vật". Và bây giờ, cùng với bóng ma cộng sản bao trùm lên cả nước, bao nhiêu đường nét thơ mộng, êm đềm, cuộc sống ấm êm hạnh phúc,... của người dân Miền Nam cũng đã bị xoá nhoà. Cả một đất nước, cả một dân tộc chìm đắm trong sợ hãi, bất công. Sống trong bầu không khí khủng bố do cộng sản gây ra lan tràn trên cả nước, những bi kịch trong gia đình, ngoài đường phố, trong xã hội... đang hiện ra nhan nhản từng giờ, từng phút trên quê hương của tôi...

Nhìn mái tóc đen rũ rượi của chị, tôi thở dài:

- Cuộc đời của em hiện nay ở trong tình trạng hoàn toàn bế tắc. Em ở lại Việt Nam, không sớm thì muộn em sẽ bị bắt. Với tội chiêu hồi cộng với tội vượt ngục, em sẽ bị chúng nó tử hình hoặc bỏ tù chung thân. Vì vậy em mới phải tìm mọi cách vượt biên cho dù em có chết em cũng cam lòng. Nếu các cháu vượt biên một mình hay vượt biên với người khác, chẳng may bị bắt, tội trạng của các cháu cũng không nhiều, cùng lắm chỉ bị giam vài tháng đến một năm, sẽ được thả. Còn nếu các cháu vượt biên với em, nếu chẳng may bị bắt, một khi tụi cộng sản phăng ra lý lịch của em, các cháu sẽ bị liên lụy, rất nguy hiểm. Chính vì vậy, nên em mới lo ngại, thưa thực với chị, kéo sau này, chuyện đau lòng xảy ra, chị lại bảo sao em không báo trước, để vì em mà các cháu bị liên lụy.

Chị tôi ngược nhìn tôi, gương mặt dần dựa nước mắt:

- Chị thấy cậu đi đến đâu là gặp may mắn đến đó. Các cháu đi vượt biên với cậu, chắc chắn là không thể nào bị bắt. Chị tin như vậy mà...

Tôi cười gượng gạo:

- Em cũng ước ao được may mắn như lời chị nói. Nhưng em không thể không đề phòng những chuyện rủi ro sẽ xảy ra. Và thực tế, như chị đã thấy, những rủi ro vẫn đến với em hoài hoài. Nếu không, thì tại sao em lại bị tụi nó bắt, nói giam giữ cả năm trời nay...

Chị tôi vẫn khẩn khoản:

- Chị vẫn nói với các cháu, mạng của cậu lớn lắm. Dù gặp hiểm nguy đến đâu, cậu cũng sống sót. Thôi thì cậu đã về đến đây là cậu có duyên giúp chị, giúp các cháu. Cậu cho chúng nó đi theo cậu. Còn mọi chuyện tàu xe, tiền bạc chi tiêu dọc đường hết bao nhiêu, chị sẽ lo liệu hết.

Thấy chị một lòng một dạ tin tưởng trao gửi hai cháu cho tôi, tôi đành nhận lời. Nhận lời nhưng lòng tôi băn khoăn vô cùng. Cuộc đời của tôi cho đến lúc đó coi như đã chết nhiều lần, nên tôi chẳng quan ngại gì, sẵn sàng lao vào cái chết bất cứ lúc nào để tìm ra con đường sống cho chính mình. Mọi nguy hiểm, rủi ro tôi đều chấp nhận. Nhưng với hai người cháu, tuổi còn quá trẻ, tương lai còn dài, trong khi hoàn cảnh của cả hai cháu chưa đi đến bước đường cùng như tôi, nên tôi không muốn lôi kéo cả hai vào những phiêu lưu nguy hiểm tới mức sinh tử.

Kinh nghiệm những lần trốn chạy cộng sản đã cho tôi biết, có những giây phút thập phần nguy hiểm, đòi hỏi mình phải có những quyết định tức khắc. Nếu chỉ có một thân một mình, tôi dám có quyết định và dám chịu. Nhưng nếu có thêm người cùng đi, tôi sẽ ngần ngại không dám có những quyết định ảnh hưởng đến tính mạng của cả người khác. Và chỉ cần vài giây phút ngần ngừ, không dám có quyết định trong giây phút thập phần sinh tử đó, là sẽ dẫn đến những hậu quả khó lường, có thể tù tội, chết chóc.

Điều thứ hai quan trọng không kém, nếu vượt biên một mình, tôi dám không mang theo bất cứ thứ hành lý đồ đạc nào, ngoại trừ có địa bàn, bản đồ và chút lương khô giấu kín trong người. Nhưng nếu người cháu gái và bạn trai của cháu cùng đi với tôi, chắc chắn hai người sẽ mang theo đủ thứ linh kinh như mũm, mền, quần áo, đồ ăn thức uống. Mang tất cả những thứ đó trên người, xuất hiện ở một vùng đất xa lạ, nhất là nơi gần biên giới, là điều vô cùng nguy hiểm, chẳng khác chi "lặng ông tôi ở bụi này".

Biết vậy, nhưng thương chị, thương các cháu, cuối cùng tôi đã nhận lời. Nhận lời, để rồi hậu quả đã diễn ra đúng như điều tôi lo ngại.

## **CHUẨN BỊ VƯỢT BIÊN**

Vào thời điểm đó, cả Miền Nam đang lên cơn sốt vượt biên. Bất cứ lúc nào, ở bất cứ đâu, gặp bất cứ ai, nói bất cứ chuyện gì, quanh đi quẩn lại, cuối cùng đều nói đến chuyện tàu bè, vượt biển, vượt biên. Cùng với những chiến dịch khủng bố người dân, lừa dân đi vùng kinh tế mới và o ép đàn áp người Hoa, cộng sản Việt Nam đã quỷ quyệt dàn dựng nên cả một chiến dịch "vượt biên bán chính thức" để vơ vè vàng bạc và cướp trắng tài sản của hàng triệu người Việt, Hoa tại Miền Nam. Với bản chất vô thần, tàn nhẫn và thủ đoạn, cộng với đường lối chính sách công khai coi người dân Miền Nam là người của một nước bại trận, "tay sai của Mỹ Ngụy", cộng sản Việt Nam đã tạo nên cả một hàng ngũ binh lính và cán bộ VC đối xử cực kỳ tàn bạo và vô cùng tàn nhẫn đối với người dân vượt biên. Thêm vào đó, cùng với năm tháng, bản chất man rợ, quỷ mỵ của cộng sản đã lộ diện, khiến người dân Miền Nam chấp nhận mọi hiểm nguy, để vượt biển, vượt biên, trốn chạy cộng sản.

Vì hoàn cảnh của tôi không có một xu dính túi, nên tôi không thể nào đi theo diện "bán chính thức", vào thời điểm đó từ 10 cây đến 25 cây vàng cho một người. Hoàn cảnh của chị tôi lúc đó sau nhiều lần lo cho các cháu vượt biên thất bại, cũng rất túng bấn, chỉ có thể dúi cho chúng tôi vài lượng vàng, phòng khi qua biên giới, cần phải đổi chác. Do thiếu thốn như vậy, tôi quyết định vượt biên bằng đường bộ.

Tôi dự định, chúng tôi sẽ đi xe đò từ Sài Gòn ra Quảng Trị, rồi từ Quảng Trị đi Đông Hà. Đây là địa điểm cuối cùng chúng tôi có thể đi xe đò vào lúc đó. Từ Đông Hà trở đi chúng tôi phải đi bộ theo ngã Quốc lộ 9 qua Cam Lộ, Khe Sanh, Làng Vây rồi băng qua biên giới Lào Việt tại đèo Lao Bảo. Khi an toàn đặt chân lên lãnh thổ Lào, chúng tôi sẽ tìm đường tới Sépone, rồi đi Savannakhet để rồi vượt sông Mekong qua Thái Lan.

Con đường vượt biên tôi vạch ra lúc đó chỉ có trên giấy tờ. Đó là con đường vượt biên đầy những bất trắc, nguy hiểm và có thể nói không tưởng. Nhưng trong hoàn cảnh của tôi, tôi không còn con đường nào khác. Tôi đã vạch ra con đường đó dựa vào bản đồ, cộng với những kiến thức về địa bàn, kỹ thuật cắt rừng, cách thức sống còn trong rừng rậm, mà tôi đã học khi còn trong bộ đội. Thêm vào đó, những ngày tháng hành quân trong rừng, cộng với chuyến cắt rừng đi tìm tự do thành công, đã giúp tôi thêm tin tưởng, tôi sẽ vượt biên qua con đường đó thành công.

Để có thể đi dọc theo quốc lộ 9 một cách an toàn, tôi quyết định sẽ đi vào ban đêm, và sẽ lấy hướng địa bàn, để cắt đường đi trong rừng, bảo đảm song song với quốc lộ 9 cho đến khi qua đèo Lao Bảo. Đối với sông Mekong, biên giới thiên nhiên giữa Lào và Thái Lan, tôi tin tưởng, với khả năng bơi lội thành thạo cả chục cây số của mình, tôi sẽ vượt qua không có gì khó khăn. Có điều, bây giờ chấp nhận vượt biên cùng với hai người cháu, chuyến đi cắt rừng dọc theo quốc lộ 9 trong đêm tối và việc vượt sông Mekong của tôi sẽ gặp nhiều trở ngại. Nhưng tôi đâu còn cách nào hơn. Thôi thì tôi chỉ biết cầu nguyện và làm hết sức mình.

Chuẩn bị cho chuyến đi, quan trọng nhất là giấy tờ tùy thân để chúng tôi có thể đi từ Sài Gòn ra Đông Hà. Sau đó, hai vật dụng quan trọng khác là địa bàn và bản đồ. Về giấy tờ tùy thân, chắc chắn chúng tôi phải lo

giấy tờ giả. Thời gian trước đây, khi cộng sản mới vô Miền Nam, trình độ về kỹ thuật của cộng sản còn sơ sài, chúng tôi có thể làm giấy tờ giả một cách dễ dàng. Nhưng hiện tại, tôi không còn đủ khả năng và sự tin tưởng để làm chuyện đó. Vì vậy, tôi đã tìm đến một người bạn rất thân, tên BL đang làm việc cho một cơ quan của nhà nước cộng sản ở Sài Gòn.

BL ở ngay vùng Võ Di Nguy, Phú Nhuận, và làm việc ngay vùng Đa Kao, cách trường Thiên Phước Công giáo không bao xa. Để tránh mọi liên lụy rắc rối cho BL, tôi bí mật đi theo BL suốt một buổi chiều ngày Thứ Bảy. Cho đến khi biết chắc thật an toàn, tôi mới đến gần, trao cho anh cuốn "Ngục Trung Nhật Ký" của Hồ Chí Minh. Tôi chọn cuốn sách này trao cho anh là để đề phòng mọi con mắt cú vọ của công an cộng sản, vì nếu có chuyện gì bất ngờ xảy ra, cuốn sách cũng là tấm bình phong khiến cho cán bộ công an cộng sản bớt nghi ngờ. Sau này, trên đường trốn chạy cộng sản trên Miền Bắc, để vượt biên qua ngã biên giới Việt Trung, tôi cũng đã dùng cuốn sách này làm tấm bình phong, vượt qua rất nhiều trạm gác và qua mắt rất nhiều cán bộ công an cộng sản.

## KỶ 61

Tôi quen BL ngay từ trước 1975, trong dịp chúng tôi cùng tham dự khoá huấn luyện quân sự mấy tuần tại Vũng Tàu. Lúc đó, BL làm bên thuế vụ, còn tôi làm bên bộ dân vận chiêu hồi. Trong thời gian dự khóa huấn luyện, một buổi nọ, khi nghe thuyết trình viên trình bày về chủ nghĩa cộng sản và con người cộng sản có nhiều điểm không lột tả hết tội ác và thủ đoạn tàn nhẫn của cộng sản nên tôi đã đứng lên phản bác. Sau đó, với tư cách một người đã từng sống 20 năm trong chế độ cộng sản và hiểu rõ bản chất thâm hiểm của cộng sản, tôi đã trình bày trong hai tiếng đồng hồ tất cả những điều tôi mắt thấy tai nghe về những điều xấu xa trong xã hội cộng sản. Rồi trong những buổi kế tiếp, tôi cũng kể về chuyến đi tìm tự do của tôi. Từ đó, tôi quen thân một số bạn bè, trong đó BL là người thân nhất, lúc nào cũng coi tôi như em.

BL là một người đàn ông cao to, đẹp trai, trông tựa như Tây lai. Với cặp mắt sáng, lông mày đậm, hàm răng trắng và bộ râu quai nón rậm rì, anh có khả năng chinh phục tình cảm của bất cứ ai. Ngay cả tôi là một người con trai, vậy mà khi quen biết anh, tôi cũng thấy "mê" anh. Có điều lạ là anh lúc đó đã ngoài 30 nhưng vẫn chưa có gia đình và chẳng hề có người yêu. Có lần, anh em làm việc chung với anh nửa đùa nửa thật cho tôi biết, anh là "bê đê". Tôi nghe chỉ biết vậy, nhưng lúc đó tôi không biết "bê đê" là gì. Và lại lúc đó thấy mọi người cùng cười ồ lên khi nghe tiếng "bê đê", nên tôi cũng ngại không dám hỏi.

Sau này, khi làm việc ở đài phát thanh Sài Gòn tôi có quen với một anh chàng nghệ sĩ cải lương, anh ta quý mến tôi một cách đặc biệt và đối xử với tôi kỳ lạ, chẳng giống bạn trai cư xử với nhau. Trong những lúc chờ khâu chương trình phát thanh, hay sau khi khâu xong, tôi hay ngồi ở ghế băng bên ngoài đài, nhìn ra đường Nguyễn Bình Khiêm. Những lần như vậy, anh này bao giờ cũng mua cóc, ổi với muối ớt làm quà cho tôi. Rồi mỗi khi nói chuyện, anh hay bẹo má, cầm tay, hay quàng vai, rồi hôn tôi, khiến tôi rất ngỡ ngàng. Đến khi có cô làm việc ở phòng thu âm của đài nói cho tôi biết, anh chàng có "máu bê đê", và giải thích cho tôi hiểu, tôi mới biết "bê đê" là gì. Khi đó, nhớ lại những lời đồn đại về BL, tôi cũng nghi anh.... Nhưng sau này, trốn trại cải tạo ra, được gặp lại anh, tôi mới biết mọi lời đồn đại đều sai, vì anh đã có gia đình, và có một đứa con trai.

Gặp lại tôi, BL vừa ngạc nhiên vừa lo ngại. Nhìn ngược nhìn xuôi thật nhanh, rồi anh rủ tôi vô một quán cóc vắng vẻ và kín đáo ở ngay vùng Đa Kao. Ngồi xuống ghế, gọi cà phê xong, anh hỏi ngay:

- Chú mày vừa mới trốn trại?

Tôi gật đầu, ngạc nhiên:

- Sao anh biết?

BL cười, hàm răng trắng như bắp:

- Tội của chú mày không bị chúng xử tử thì cũng bị tù đến một gông. Làm gì có chuyện chúng vừa bắt đã thả. Vì vậy thấy chú mày là tôi biết ngay, chú chỉ có trốn trại.

Anh kể cho tôi nghe, sau khi nghe tôi bị bắt, anh và em gái của anh đã tìm cách thăm nuôi tôi nhiều lần, nhưng không được. Cho đến khi tôi bị chuyển đi Katum, anh có nhờ ông chú họ ở Tây Ninh ghé thăm, nhưng ban chỉ huy trại tù chỉ chịu nhận đồ, chứ không cho ông ta gặp tôi. Bây giờ nghe anh BL nói tôi mới biết, nhưng trong suốt thời gian ở tù tại Katum, tôi không hề nhận được bất cứ đồ thăm nuôi nào của ai. Sau một hồi tâm tình đủ thứ chuyện, BL hỏi tôi:

- Bây giờ chú mày tính sao? Vượt biên hay trốn về Bắc sống?

Tôi lắc đầu:

- Nếu về Bắc sống thì thà em cứ sống trong trại tù cải tạo còn sướng hơn. Thú thực với anh, em trốn trại tù ra là bằng mọi giá, em phải vượt biên ra ngoại quốc. Chứ còn sống ở Việt Nam, tối ngày nơm nớp, sợ hãi, có thể bị tụi nó bắt lại bất cứ lúc nào, thì làm sao em sống cho nổi. Đời em đã vậy, còn con cháu em sau này.

- Chú định vượt biên bằng đường nào?

- Hoàn cảnh của em thế nào, anh cũng biết rõ. Em không thể nào có đủ tiền đủ vàng để vượt biên bằng đường biển nên em phải vượt biên bằng đường bộ. Em tính vượt biên qua ngã đường số 9, là nơi em ít nhiều đã quen biết từ xưa.

BL gật đầu đồng ý:

- Chú tính như vậy rất đúng. Vượt biên bằng đường bộ có cái nguy hiểm của nó, nhưng chú mày là người đã từng có kinh nghiệm đi lại trong rừng, lại quen thuộc vùng đó, nên tao tin là chú mày sẽ thành công. Nói thực với chú, nếu tao không vương vãi vợ con, thì tao cũng đã vượt biên từ lâu rồi. Bây giờ có vợ đẹp, con thì còn nhỏ, tao bỏ đi vượt biên một mình thì không nỡ, mà mang cả vợ con đi, lỡ bề nào thì mình ân hận suốt đời. Vì vậy, tao đành cần cứ chịu đựng một thời gian với tụi Vẹm xem thế nào. Nếu cùng quẫn quá thì tao mới tính đến chuyện vượt biên. Còn hoàn cảnh của chú mày khác hoàn cảnh của anh. Chú mày ở lại thêm ngày nào nguy hiểm ngày đó, nên đừng nấn ná thêm nữa...

Ngừng lại một chút, BL hỏi thẳng tôi:

- Bây giờ chú thấy anh có thể giúp được chuyện gì?

Tôi cảm động nhìn anh:

- Em muốn anh giúp em hai chuyện. Chuyện thứ nhất, anh có thể xoay cho em ít giấy tờ công tác lưu không. Chuyện thứ hai là bản đồ chi tiết vùng Đông Hà, Quảng Trị; và một chiếc địa bàn.

BL đưa tay xoa xoa cằm một hồi rồi nói, giọng tư lự:

- Về địa bàn và bản đồ thì để anh nói với ba, xem ông cụ xoay sở được không. Còn giấy tờ lưu không, chú mày để tao xem thế nào. Thường thì giấy tờ công tác của các nhân viên trong cơ quan do tao soạn, rồi đưa vô cho thằng "thủ trưởng" ký. Mỗi lần như vậy cả mấy chục tờ, nên tay "thủ trưởng" chẳng bao giờ coi giấy đó cho ai, đi công tác gì. Y chỉ lật ở phía, chỗ y phải ký, rồi kí tên. Sau này, y muốn mọi việc trôi chảy, nhanh lẹ, nên y bảo tao mỗi lần, xếp tất cả những giấy công tác so le, để hở phần dưới cho y ký một mạch cả mấy chục chữ ký, ào một cái rất nhanh. Vì vậy, tao chỉ cần nhét vô xấp giấy công tác đó một vài tờ lưu không cho y ký là xong. Con dấu thì tao đóng, muốn bao nhiêu cũng được. Nhưng tao chỉ ngại...

Nói đến đó, BL ngừng lại, có vẻ đắn đo. Tôi sốt ruột, hỏi:

- Anh ngại chuyện gì?

BL nói:

- Tao chỉ ngại là tao thấy đôi lần sau khi ký xong, tên "thủ trưởng" có lật lên xem qua một vài tờ. Vì vậy, nếu để nhiều tờ lưu không, e sẽ bị tên "thủ trưởng" phát hiện thì chết cả đám. Nhẹ thì tao bị đuổi sở, mà nặng thì đám chúng tống tù tao lắm.

- Theo em thì tốt nhất mỗi lần anh chỉ nên để một tờ thôi.

BL nhìn tôi:

- Chú mày cần mấy tờ giấy công tác lưu không?

- Em chỉ cần một tờ cho em, và hai tờ...

BL hỏi ngay:

- Chú mày định đi với hai người khác?

Tôi gật đầu. BL lắc đầu:

- Như vậy rất nguy hiểm. Chú phải hiểu, đi vượt biên càng đông người càng dễ bị lộ. Nhất là vượt biên bằng đường bộ. Và lại, tao thấy rất khó kiếm được người lanh lẹ tháo vát như chú mày...

Tôi nói ngay:

- Hai người này là cháu gái gọi em bằng cậu, và thằng bỏ sắp cưới của nó. Em đã nhận lời với bà chị của em là cho chúng nó đi vượt biên cùng.

BL im lặng. Tôi rụt rè hỏi:

- Anh có thể giúp em được không?

- Chú mày đã nhận lời cho họ đi chung, thì tao không còn cách nào khác, chỉ biết lo liệu để cho chú có đủ 3 tờ giấy công tác lưu không thôi. Còn mọi chuyện thành bại thì do trời định. Chú định chừng nào lấy mấy tờ giấy đó?

- Khoảng một tuần lễ nữa, có được không anh?

- Bây giờ là Thứ Bảy. Chủ Nhật tới, anh sẽ gặp chú ngay trước cửa nhà thờ Thiên Phước vào lúc 6 giờ chiều. Anh sẽ có mặt ở đó trước 6 giờ, trao giấy tờ cho chú. Nếu chú tới đó chờ anh khoảng nửa tiếng, không thấy, có nghĩa là anh chưa lo được giấy tờ cho chú. Khi đó, chú cứ đi về và trở lại đó vào Chủ Nhật tuần sau, cũng 6 giờ chiều.

Tôi vô cùng xúc động. Tôi biết, anh làm việc đó cho tôi là phải đối diện với rất nhiều nguy hiểm. Nếu chẳng may câu chuyện đổ bể, ít nhất anh cũng sẽ bị đuổi sở, mất việc làm; mà nguy hiểm hơn, anh còn có thể bị tù tội.

BL nói tiếp:

- Còn về bản đồ và địa bàn, anh nghĩ tốt nhất chú nên ghé thẳng nhà ba của anh để lấy. Vì thời buổi này, anh mang những thứ đó trong người rất nguy hiểm. Chú để anh hỏi ông cụ xem thế nào, rồi anh sẽ cho chú biết.

## VÌ BẢN ĐỒ VÀ ĐỊA BÀN, TÔI SUÝT BỊ BẮT!

Chiều Chủ Nhật tuần sau, tôi y hẹn đến trước nhà thờ Thiên Phước, đã thấy anh BL đứng đó. Lần này, chúng tôi không nói chuyện với nhau được nhiều. Anh chỉ lẳng lặng trao cho tôi cuốn sách "Ngục Trung Nhật Ký" và dặn tôi chiều Thứ Bảy tuần kế đó, ghé nhà ba của anh để lấy bản đồ và địa bàn. Sau đó, anh cho tôi biết địa chỉ, giờ giấc. Anh cũng bảo tôi, vào chiều Thứ Bảy hôm đó, anh sẽ có mặt ở nhà để chờ tôi. Tối hôm đó, tôi ghé thăm chị tôi ở cư xá Chu Mạnh Trinh. Mặc dù trên đường đi, tôi rất muốn mở cuốn sách ra xem những tờ giấy công tác lưu không mà BL đã lo liệu cho tôi, nhưng tôi phải cố gắng đè nén lòng bồn chồn của mình, không dám mở ra xem. Khi đến nhà chị, đóng cửa ra vô và cửa sổ thật kỹ lưỡng, tôi mới dám mở cuốn sách ra coi. Ở giữa cuốn sách có một chiếc phong bì giấy cũ. Trong phong bì có tất cả 10 tờ giấy công tác lưu không, có đầy đủ chữ ký và con dấu đỏ chói. Riêng phần tên tuổi, lý do đi công tác và thời hạn công tác thì vẫn còn để trống.

Thú thực, khi cầm cả xấp giấy công tác lưu không, có chữ ký con dấu và được in ấn堂堂 hoàng, tôi mừng run lên, không tin được BL lại có thể tài ba qua mặt được "thủ trưởng" một cách tài tình như vậy. Tôi đếm đi đếm lại, để rồi thấy lòng mình mừng rơn, quả thiệt, 10 tờ giấy công tác lưu không nằm sẵn trước mắt tôi, chờ đợi...

Sau một hồi suy nghĩ tính toán, tôi cẩn thận trao cho chị tôi hai tờ và nói:

- Đây là giấy công tác đã đóng dấu và ký tên, anh bạn của em vừa lo cho em, chị cầm lấy rồi đưa cho hai cháu và dặn kỹ, chúng nó chỉ được dùng giấy này đúng vào ngày lên đường rời Sài Gòn đi vượt biên với em.

Cầm hai tờ giấy công tác, đóng dấu đỏ chói, chị tôi cũng mừng rỡ, xuýt xoa liên tục. Tôi nói tiếp:

- Còn đây là một tờ giấy công tác lưu không cho em, em phải điền tên vô để dùng ngay bây giờ vì hiện tại em không có giấy tờ gì cả, rất nguy hiểm, có thể bị chúng bắt giữ bất cứ lúc nào. Đây là tờ giấy lưu không em sẽ dùng khi bắt đầu đi vượt biên cùng với các cháu. Nội dung công tác, thời hạn công tác trên tờ giấy này sẽ phải giống y hệt hai tờ giấy công tác của hai cháu. Chuyện này em sẽ bàn thiệt kỹ với chúng nó sau. Còn lại 6 tờ... Bây giờ chị lấy cho em hai túi nylon thật tốt để em gói những giấy tờ lưu không còn lại này để đề phòng, có thể dùng trong tương lai.

Chị tôi ngạc nhiên, không hiểu hỏi:

- Sao cậu phải giữ lại để dùng trong tương lai?

Tôi thì thăm giải thích:

- Em và các cháu đi vượt biên không biết thành công hay thất bại. Thành công ra đến ngoại quốc thì không nói làm gì. Nhưng nếu thất bại, bị chúng nó bắt, trước sau gì em và hai cháu cũng phải tìm cách trốn thoát. Trốn thoát ra rồi, tụi em phải tìm cách về đây lấy những giấy tờ này để vượt biên tiếp...

Chị tôi gật đầu, hiểu tôi nói gì, nên vội đề nghị:

- Như vậy cậu đưa tất cả cho tôi giữ, tôi sẽ cất vào một chỗ thật an toàn...

Tôi lắc đầu:

- Chị không cần phải cất ở chỗ nào thật kín đáo, an toàn. Sáu tờ giấy công tác lưu không này sẽ được em gói vào hai tờ nylon thật tốt, rồi chờ lúc thuận tiện, em sẽ giấu ngay trong hốc gạch trước nhà một gói, và trong vườn sau nhà một gói. Cả hai chỗ đó, chị, em và các cháu đều biết. Như vậy, phòng khi em, hay các cháu vượt biên không thành công, phải trở lại đây, thì bất cứ lúc nào, dù chị có ở nhà hay không, hay nhà này đã đổi chủ, chúng em cũng đều có thể lấy được những giấy tờ này để dùng. Em phải tách ra làm hai gói là đề phòng, lỡ gói này bị mất thì còn gói khác để phòng thân...

## KỶ 62

Cuộc sống của tôi lúc này ở Sài Gòn có vẻ an toàn hơn vì tôi đã có giấy tờ tùy thân. Dùng những giấy tờ đó, tôi có thể tạm thời qua mặt các trạm kiểm soát giao thông của bộ đội, công an. Tuy nhiên, tôi vẫn hạn chế việc đi lại của mình vì ngại gặp người quen. Thời thế thay đổi, lòng người có thể thay đổi theo. Thêm nữa, tôi đã từng sống trong chế độ cộng sản, nên tôi hiểu, người cộng sản với thủ đoạn nham hiểm và độc ác, họ sẽ đẩy những người dân hiền lành vào những hoàn cảnh hiểm nghèo, phải làm những chuyện họ không muốn. Đáng lo ngại hơn nữa, trong thời gian bị giam giữ tại Quân lao Gò Vấp, rất nhiều vệ binh, quân giáo đã biết rõ mặt tôi. Những vệ binh, quân giáo này đều thuộc phòng quân pháp, đồn trú tại bộ Tổng Tham Mưu VNCH cũ và thường xuyên xuất hiện trong khu vực Phú Nhuận. Nếu tôi đi lại nhiều, sẽ dễ có nguy cơ gặp gỡ những tên vệ binh quân giáo đó và sẽ bị chúng nhận diện, bắt giữ.

Để bảo đảm an toàn, tôi không ăn ngủ ở một nơi nào nhất định tại Sài Gòn. Tôi tránh không ghé thăm gia đình bà chị, là nơi tôi ở trước khi tôi bị bắt. Tôi chỉ ẩn náu ở những gia đình biết rõ hoàn cảnh của tôi, và tôi hoàn toàn tin tưởng là cộng sản không hề biết đến mối quan hệ giữa tôi với những gia đình đó. Lúc đó, tại Sài Gòn, may mắn có bốn gia đình sẵn sàng cứu mang, giúp đỡ tôi bất cứ lúc nào, mà cộng sản không hề hay biết. Đó là một gia đình ở Thị Nghè, một gia đình ở khu Đa Kao, một gia đình ở vùng Bà Chiểu và một gia đình ở chợ Trương Minh Giảng. Ngoài ra, ông cụ thân sinh ra BL cũng rất yêu thương tôi, sẵn sàng cứu mang tôi, nhưng vì nhà cụ ở ngay trong một con đường cụt, nơi tụi vệ binh quân giáo thường xuyên đi lại, nên tôi không dám tới làm phiền cụ. Quả nhiên, nỗi lo ngại của tôi đã trở thành sự thực khi tôi phải ghé vô nhà cụ để lấy địa bàn và bản đồ, vào một buổi chiều, đúng hai tuần sau khi tôi gặp BL. Trước khi kể lại câu chuyện tôi suýt bị bắt lại ở ngay cổng hai Bộ Tổng Tham Mưu cũ, tôi xin kể về chuyện tôi đang tá túc tại một gia đình ở Thị Nghè thì bị bố ráp bất ngờ vào lúc gần giờ giới nghiêm, nên tôi phải trốn khỏi Thị Nghè và tìm đến nhà ông Tâm ở chợ Trương Minh Giảng để tá túc. Câu chuyện đầu đuôi như thế này. Lúc đó, gia đình cho tôi ẩn náu ở vùng Thị Nghè, nằm trong một căn hẻm. Đó là một gia đình rất đức hạnh và ngoan đạo. Ông cụ đã qua đời từ lâu, còn lại có bà cụ và ba người con gái, hai người con trai. Một anh xuất thân võ bị Đà Lạt, sau 1975 phải đi học tập cải tạo. Còn anh cả làm việc gì thì tôi không rõ, nhưng mỗi khi tôi ghé thăm, đều gặp anh ở nhà. Gia đình hiểu rất rõ hoàn cảnh của tôi và rất thương yêu tôi, vì ngay khi tôi mới chuyển về Trung Tâm Chiêu Hồi Thị Nghè, ông VL, một nhân viên của Trung Tâm, đã dắt tôi đi chơi đó đây, rồi ghé thăm gia đình cụ. Qua lời kể của cụ, tôi được biết, gia đình cụ cũng là nạn nhân của cộng sản từ những năm đầu thập niên 1950, nên đã di cư vô Nam hồi năm 1954. Vì vậy, cụ hiểu rất rõ về cộng sản, và thương yêu tôi như con. Sau này, ngay khi trốn trại tù Katum, trở về được Sài Gòn, tôi đã tìm đến gia đình cụ và được cụ bao bọc, giúp đỡ, dù hoàn cảnh của gia đình cụ sau 1975 vô cùng khốn khó. Thời gian được cụ cho tá túc, tôi thường ở trên một căn gác xép, rất kín đáo. Từ căn gác xép có hai cửa sổ, trông ra hai phía. Cửa sổ có thể mở dễ dàng. Anh con trai của cụ vẫn dặn tôi, nếu dưới nhà có động, hay có chuyện gì bất lợi, cứ để cho anh và gia đình thu xếp. Còn tôi cứ việc mở cửa sổ, leo ra ngoài, nhẹ nhàng đi trên các mái ngói rồi tụt xuống đường mà tẩu thoát.

Buổi tối hôm đó, khoảng 10 giờ hơn, tôi đang nằm xem sách ở trên lầu, chờ bữa cơm tối, cụ sẽ cho người bưng lên lầu, thì tôi nghe có tiếng gõ cửa âm ỉ, rồi tiếng la hét rất lớn, rất hách dịch, "Mở cửa! Mở cửa!" Tôi ở tận trên lầu còn nghe rõ mồn một. Nghe tiếng hét như vậy, tôi biết ngay là có chuyện bất thường. Vợ vàng tôi ghé mắt qua khe ván, nhìn ra phía trước. Từ trên cao, qua khe ván nhỏ, tôi nhìn thấy dọc theo con hẻm nhỏ có đến mấy chục tên bộ đội cùng với những người mặc đồ dân sự, nhưng trên cánh tay có đeo băng đỏ. Loại người này được người dân Miền Nam gọi là tụi "cách mạng 30". Thì ra, cả con hẻm lúc đó đang bị tụi VC bố ráp đột ngột. Chuyện này, tôi đã đề phòng và bàn bạc rất kỹ với cụ và anh con trai của cụ, nên tôi rất bình tĩnh. Vì giấy tờ tùy thân của tôi do anh BL đưa chỉ có giá trị đi lại trên đường khi công tác, nên không hợp lệ khi đang cư ngụ trong một gia đình nếu gia đình đó không trình báo uỷ ban phường. Đối với những gia đình tôi đang cư ngụ lúc đó lại ở ngay Sài Gòn, cách "cơ quan chủ quản" cấp giấy không bao xa, thì việc trình giấy là điều không hợp lý và nguy hiểm, chẳng khác chi "lặng ông tôi ở bụi này". Do đó, mỗi khi cư ngụ ở nhà ai tại Sài Gòn, tôi đều nằm trong tình trạng cư ngụ bất hợp pháp, và tôi phải trốn khỏi nơi đó ngay khi có sự bố ráp, xét sổ gia đình. Để bảo đảm trong khi vợ vã trốn khỏi nơi đó, không để lại bất cứ vết tích gì của mình, tôi không bao giờ có hành trang hay đồ dùng cá nhân.

Trở lại tối khuya hôm đó, thấy tình thế nguy hiểm, tội vợ nhìn lại căn gác xép lần cuối, bảo đảm không còn dấu vết gì khả nghi, rồi nhanh chóng mở cửa sổ, nhẹ nhàng chui ra bên ngoài. Sau đó, tôi đóng cửa, kéo chốt khoá lại bằng sợi dây dù nhỏ giấu kín bên mép cửa sổ. Ngoài trời tối đen, tôi nép mình dễ dàng trong bóng đêm. Theo kế hoạch đã bàn bạc, tôi có thể ẩn mình bên ngoài chờ cuộc bố ráp, xét sổ gia đình xong, tôi sẽ chui vô trở lại. Nhưng từ trên cao, nhìn quang cảnh bố ráp bao trùm cả con hẻm, chạy dài cho đến chợ Thị Nghè, và không khí của cuộc bố ráp rất căng thẳng, gắt gao nên tôi vội bỏ đi một đoạn thật xa, rồi tụt xuống đường, gọi xe ôm đến nhà bà chị ở cư xá Chu Mạnh Trinh. Xui xẻo cho tôi, tối hôm đó, cả gia đình bà chị đi vắng, nên tôi phải chạy lại nhà ông Tâm ở cạnh chợ Trương Minh Giảng.

Ông Tâm là người Bắc di cư vô Nam, rất am tường về chủ nghĩa cộng sản và căm thù cộng sản. Theo lời ông kể, vào năm 1945, ông đang sống ở Hà Nội thì chứng kiến người cộng sản cướp chính quyền, nên ông đã đại đột trốn cha mẹ đi theo Việt Minh. Trước khi đi, ông còn đập vỡ chiếc nồi đất bằng sành, lấy hết số vàng lá mà cha mẹ của ông đã giấu trong đó để đem nộp cho "cách mạng". Sau thời gian hai năm đi theo Việt Minh, ông mới hiểu rõ cộng sản là gì, nên ông đã từ bỏ cộng sản "dinh T", trở về Hà Nội. Khi đó, ông cụ thân sinh ra ông vốn là đảng viên Quốc Dân Đảng nên đã bị Việt Minh giết chết trong vụ thảm sát Ôn Như Hầu. Trước khi chết, ông cụ còn để lại mảnh giấy nói vợ và các con cố gắng tìm kiếm ông Tâm, thuyết phục ông đừng đi theo Việt Minh. Qua đau lòng trước cái chết của thân phụ, cộng với những kinh nghiệm kinh hoàng của ông về cộng sản, nên năm 1954, ông Tâm cùng với mẹ và cả gia đình vội vã trốn ra Hải Phòng để di cư vô Nam. Tại Hải Phòng, ông Tâm quen biết chị của tôi và hai gia đình đã chơi thân với nhau từ ngày đó.



Sau khi vô được Miền Nam, tôi thường được chị tôi dắt đến thăm ông Tâm và lần nào cũng ở lại ăn cơm tối với gia đình, nên chúng tôi có rất nhiều thì giờ để trò chuyện tâm sự. Tôi rất thích nghe ông kể về cuộc đời chìm nổi, ngang dọc của ông, và ông cũng rất thích nghe tôi kể về những chuyện xảy ra ở Miền Bắc từ sau năm 1954.

Ông Tâm cao to, nước da trắng trẻo, cử chỉ đường bệ, trong khung cảnh nhà cửa sang trọng, nên lời ông nói rất thuyết phục. Mỗi khi nói chuyện, hay nghe người khác nói, ông có thói quen hay nói đệm "vậy hả, vậy hả". Bà Tâm vợ của ông thì rất hiền lành, nhu mì, tuân phục chồng mọi chuyện từ trong nhà cho đến ngoài đường. Mỗi khi tiếp khách, bao giờ bà cũng ngồi ở vị trí khiêm tốn, hoặc đằng sau ông, hoặc ngồi ở chiếc ghế thấp hơn ông một chút.

Vì tin tưởng ông Tâm là người chống cộng, nên theo lời khuyên của chị tôi, và được chị gửi gắm với ông, tôi đã đôi lần ghé lại nhà của ông Tâm ẩn náu. Ông Tâm là người rất chịu chơi. Trước 1975, mỗi khi đến gặp ông, qua phong thái và lối trò chuyện của ông, tôi chỉ nghĩ ông là một công chức cao cấp. Nhưng sau 1975, khi gặp hoạn nạn, vượt ngục trở về Sài Gòn, ghé nhà ông tá túc, tôi mới thấy được bản lãnh giang hồ của ông. Ông cho tôi ở trên căn gác xép trên lầu, và chỉ dẫn đường đi nước bước, mỗi khi có chuyện nguy hiểm. Ông còn chỉ chỗ cho tôi giấu chiếc chìa khoá cửa ở ngay ngoài nhà, để tôi có thể đến nhà ông ẩn náu bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm, cho dù ông và gia đình không có ai ở nhà.

Đêm hôm đó, tôi đi xe ôm đến nhà ông. Cẩn thận, tôi xuống xe ôm ngay ngoài đường Trương Minh Giảng, rồi đi bộ vô nhà. Lúc đó đã gần 12 giờ đêm, giờ giới nghiêm, nên đường phố rất vắng. Con hẻm dẫn vô nhà ông cũng không còn người đi lại. Đến trước nhà của ông, tôi thấy trong nhà tối om. Vì tôi và ông đã thống nhất với nhau từ trước, nên tôi không bấm chuông, chỉ gõ cửa theo đúng ám hiệu, ba nhanh hai chậm. Gõ xong, tôi im lặng đứng chờ. Nếu không có ai ở nhà, tôi sẽ lấy chìa khoá, mở cửa vô nhà, ngủ tạm qua đêm, đến sáng mai tính.

Khoảng hai phút trôi qua, không nghe động tĩnh gì, tôi đang tính gõ cửa lần nữa thì nghe có tiếng chân người từ trên cầu thang đi xuống. Sau đó, tiếng ông Tâm hỏi, thì thào nhưng chậm rãi, rõ ràng:

- Cậu Chí đấy hả?

Tôi mừng quá, vội thưa:

- Dạ, em Chí đây!

Sau đó có tiếng lách cách mở khoá từ phía bên trong. Cách cửa mở hé, vừa đủ cho tôi lách vô. Ông Tâm đóng cửa, khoá lại cẩn thận, rồi quay qua tôi nói:

- Cậu theo tôi...

Nói xong, ông đi lên cầu thang. Tôi lặng lẽ đi theo. Lên đến căn gác xép trên cùng, ông chỉ vô chiếc giường tôi vẫn nằm mỗi khi ghé lại nhà ông, và nói:

- Tất cả còn y nguyên, chờ cậu... Cậu ngồi xuống đó đi. Sao, cậu đã ăn uống gì chưa?

Tôi thành thực:

- Thưa chưa. Em đang chờ ăn tối thì bị chúng bố ráp, phải chạy vội sang đây nhờ anh.

Ông Tâm là người lớn tuổi, đáng bậc cha chú. Nhưng vì là bạn thân với chị tôi, nên ông coi tôi như em, và tôi vẫn gọi ông là anh, xưng em.

Ông Tâm vỗ vai tôi thân mật:

- Nhờ vả gì đâu. Chị cậu trước đây giúp tôi những chuyện to như núi, mà tôi đâu có trả ơn được gì. Bây giờ, cậu đi tắm rửa, rồi ăn tạm mì gói. Khuya rồi nên tôi chả dám đánh thức chị, sợ tội hàng xóm nó để ý, phiền phức lắm...

Tôi tắm xong, ra ngồi trên giường, kéo chiếc bàn nhỏ lại cạnh, vừa ăn mì vừa nghe ông Tâm kể chuyện.

Từ những chuyện buồn cười về những sự ngớ ngẩn của bộ đội khi vô Nam đến những tin tức phong phanh về phong trào phục quốc đang lớn mạnh trong rừng, đến chuyện Mỹ sẽ trở lại Miền Nam trong một ngày không xa, vân vân. Ông Tâm cũng kể cho tôi nghe những tính toán khôn ngoan của ông về cách vượt biên, phòng khi thất bại phải trở về thì vẫn còn nhà cửa để ở.

Ông Tâm là người khôn ngoan, biết tính toán, lại hào hiệp, sẵn sàng bỏ tiền, bỏ vàng giúp đỡ cho mấy người con của chị tôi đi vượt biên. Nhưng không hiểu vì lý do gì, chị tôi nhất định không chịu. Vì vậy, tôi cũng không dám nhận sự giúp đỡ của ông, mặc dù nhiều lần, ông nói, sẵn sàng cho tôi đi chung tàu với gia đình ông.

Sáng sớm hôm sau, tôi còn đang say ngủ thì ông Tâm vội đánh thức tôi dậy và cho tôi biết, chị tôi đến tìm. Biết ngay có tin quan trọng, vội vội vàng vàng nhảy ra khỏi giường, tính xuống lầu, thì đã thấy chị tôi đi lên. Chị tôi nói ngay:

- Có một "ông" tên là BL đến tìm cậu.

Tôi giật mình, vì trong những lần nói chuyện với BL, tôi không hề đã động gì đến bà chị của tôi và cũng không nói đến địa chỉ của bà. Như vậy sao BL lại biết? Tôi đang tính tìm cách liên lạc với BL để hỏi về địa bàn, bản đồ, thì nay BL tìm đến bà chị của tôi là thế nào? Tôi lo lắng hỏi:

- BL có nói tìm em làm gì không?

Chị tôi mỉm cười:

- Nói thiệt với cậu, BL với chị là bạn hàng trước bán thuốc tây ở chợ trời. Sau cũng nhiều lần BL cùng lo mối lái vượt biên, nên quen thân với chị. Chị đâu biết cậu đang nhờ vả BL. Đến khi nói chuyện với BL về cậu, chị mới biết, chính BL là người đã lo giấy tờ cho cậu. Tối qua, BL có đến nhà chị tìm cậu, nhưng không gặp. BL có nhắn với chị là bản đồ địa bàn đã có, cậu ghé ngay vô nhà ba của BL vào trưa Thứ Bảy tuần này để lấy.

Nghe vậy tôi mừng quá. Cho đến hiện tại, chuyến đi của tôi và hai đứa cháu đã sẵn sàng tất cả, chỉ còn đợi có địa bàn, bản đồ. Nay BL đã lo được cả hai thứ đó, và nếu tôi có được chúng trên tay vào trưa Thứ Bảy, thì chúng tôi sẽ khởi hành ngay sáng Thứ Hai, trên chuyến xe đò từ Sài Gòn ra Huế.

Nhưng bên cạnh niềm vui mừng, tôi cũng có những lo ngại. Nhà của ba của BL ở cổng hai Bộ Tổng Tham Mưu cũ. Đây là nơi những tên bộ đội, quân giáo thuộc phòng quân pháp cộng sản thường lai vãng nhất là vào ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật. Trong số đó, có những tên trông coi Quán lao Gò Vấp, từng biết mặt tôi rất rõ. Nếu đến đó vào trưa Thứ Bảy, chẳng may, chạm trán bọn chúng trong ngõ hẹp này, tôi sẽ dễ dàng bị chúng tóm gọn. Nhưng nếu lần khân, tìm cách gặp BL để rời ngày lấy địa bàn, bản đồ sang một ngày khác, biết đâu tôi sẽ gặp những trục trặc bất ngờ khác.

Sau một hồi suy nghĩ, tôi quyết định, sẽ đến nhà ba của BL vào đúng trưa Thứ Bảy để lấy bản đồ và địa bàn. Đây là một quyết định vội vàng, đưa tôi đến những nguy hiểm bất ngờ, khiến tôi suýt bị những tên vệ binh VC bắt sống ngay chiều Thứ Bảy. Nhưng không ngờ, đằng sau những nguy hiểm chết người đó, tôi lại một lần nữa được những người mẹ, những người chị của Miền Nam tự do, tận tình giúp đỡ và cứu thoát trên suốt chặng đường từ Võ Tánh đến Trương Minh Giảng...

## KỶ 63

Trong những ngày tháng sau khi trốn khỏi trại cải tạo Kàtum, trở về Sài Gòn, tôi có quen một số người bạn, trong đó có P., một người đã biết rõ hoàn cảnh khốn khổ của tôi... Với tấm lòng đôn hậu, đa cảm, thương người của một người sinh ra và lớn lên ở Miền Nam, P. đã giúp đỡ tôi rất nhiều, bất chấp nguy hiểm và sự can ngăn của gia đình. Vì tin tưởng ở P., nên vào trưa Thứ Bảy, khi ghé nhà ba của BL để lấy địa bàn và bản đồ, tôi đã hẹn P. cùng đi. Sống trong cảnh vượt ngục, lường trước những nguy hiểm có thể đến bất cứ lúc nào, nên tôi đã dặn P. đi cách xa tôi khoảng chục thước. Nếu thấy công an, bộ đội xét hỏi giấy tờ, hay bắt giữ tôi, thì P. cứ bình tĩnh coi tôi như người dưng, để khỏi bị liên lụy. Sau đó sớm muộn gì, tôi cũng trốn thoát, và sẽ gặp lại nhau.

Vì nhà của ba của BL ở trong cổng 2 bộ Tổng Tham Mưu, là con đường vắng vẻ, chỉ có một bên là nhà, nơi đó lại có nhiều bộ đội, vệ binh, quân giáo hay qua lại, nên tôi dặn P. đứng chờ tôi ở ngay chỗ đối diện tiệm Phở Quyền, gần ngã tư Phú Nhuận, Võ Tánh. Vùng Phú Nhuận có 2 tiệm phở nổi tiếng là Phở Quyền và Phở Bắc Huỳnh. Tôi nghe P. nói chủ của tiệm Phở Bắc Huỳnh trước 1975 là chủ tiệm Phở Ga ở Đà Lạt. Tiệm Phở Huỳnh thì ở phía dưới, qua đồn cảnh sát quận Tân Bình một đoạn, đối diện nhà thờ Nam, ngay đường Trương Tấn Bửu đổ ra. Ngay đêm tôi bị bắt, mấy tên bộ đội đã không giải tôi đi thẳng đường Võ Di Nguy đến nhà làng là nơi tạm giam, mà giải tôi đi bộ trong hẻm, trở ra đường Võ Tánh, cách tiệm Phở Huỳnh không xa. Lúc đó trời đã khuya, nhưng vẫn còn một số khách đang ăn ở những bàn ăn bên ngoài tiệm. Khi thấy tôi bị công, bị trói giật cánh khuỷu, do mấy người bộ đội giải qua, có người huýt sáo. Khi đi qua, tôi nhận ra ra hai người quen, từng có lần uống cà phê ở quán Hồ Hải và đi chơi chợ Tết với nhau. Cả hai đều sưng sờ, ngạc nhiên khi thấy tôi... Thấy vậy, tôi vẫn giữ nét mặt thản nhiên, coi như không quen biết, để khỏi liên lụy đến nhau.

Hôm nay trở lại con đường xưa, qua tiệm Phở Huỳnh, tôi thấy khách khứa vẫn tấp nập, trong đó thấp thoáng có nhiều bộ đội. Nhìn sang bên kia đường, là đường Trương Tấn Bửu, nơi trước đây nổi tiếng với các quán nhậu rất đông khách sau giờ tan sở. Nhà thờ Nam vẫn còn đó, nhưng tôi biết, cùng với gót giày xâm lăng của người cộng sản, tất cả nhà thờ, chùa chiền, trên lãnh thổ Miền Nam đều bị bao vây, và tất cả những con chiên, phật tử ngoan đạo, cũng đang phải tìm mọi cách chống chọi quyết liệt với cộng sản để bảo vệ đức tin của mình. Và tất cả những thâm kịch đó chỉ mới là bắt đầu của cả một đại bi kịch, Miền Nam phải gánh chịu.

Tôi bước vào trong nhà của ba BL đúng 12 giờ trưa Thứ Bảy. Nhìn quang cảnh tiêu điều, đồ đạc sơ sài trong phòng khách, tôi thầm xót xa cho gia đình trong cuộc đổi đời. Gia đình của BL trước 1975 thuộc loại khá giả. Nhưng kể từ sau 30 tháng 4, 1975, gia đình BL cũng giống như tất cả những gia đình khá giả trên lãnh thổ Miền Nam đều bị khánh tận và trở thành kẻ thù của người cộng sản. Mọi đồ đạc trong nhà nếu không lọt vô tay cán bộ, bộ đội cộng sản, thì cũng đều lần lượt ra chợ trời đi tìm chủ mới...

Ba của BL là một người đàn ông tuổi ngoài 50, thân hình gầy gò, ánh mắt sắc bén, kiến thức uyên bác và nói chuyện rất hay. Sau khi rót nước trà mời tôi, ông hỏi ngay:

- Nghe cháu nó nói, cậu định vượt biên bằng đường bộ?

Tôi đáp:

- Dạ thưa bác, hoàn cảnh của cháu quá nghèo, nên chỉ có cách vượt biên bằng đường bộ thôi.

Ông mỉm cười:

- Vượt biên đường bộ cũng có năm, bảy đường. Cậu định đi theo đường nào?

Tôi thật thà thưa:

- Dạ, cháu định vượt biên qua ngã Đông Hà, Quảng Trị, rồi sang Lào, Thái.

Ông gật gù một hồi, rồi nói:

- Chuyện vượt biên là chuyện vô cùng hệ trọng. Cậu đã tính như vậy, chắc chắn cậu đã suy nghĩ kỹ lắm rồi, nên tôi không dám nói gì thêm. Hoàn cảnh của tôi bây giờ, cũng rất khốn khó, nên chẳng giúp được cậu điều gì. Thôi thì chỉ biết lòng thành, chúc cậu lên đường gặp nhiều may mắn.

Tôi xúc động:

- Cháu cảm ơn bác. Thưa thực với bác, cháu phải chọn con đường đó vì trước khi về hồi chánh, cháu đã từng đóng quân ngay ở vùng đó, nên cháu cũng biết sơ sơ đường xá từ Đông Hà sang Lào. Nay nghe bác nói vượt biên đường bộ cũng có năm bảy đường, cháu xin bác chỉ cho cháu những con đường khác...

Ông im lặng kéo chiếc điếu cày, hút một điếu thuốc lào, hãm bằng ngụm nước trà. Xong ông ngửa cổ, nhả khói trông thật ngon lành, rồi tiếp:

- Nghe thằng con tôi nó nói nhiều về cậu nên tôi biết cậu gian truân, vất vả từ bé đến lớn. Nay trong hoàn cảnh của cậu, cậu phải lao vào cái chết để tìm cái sống. Cái hoàn cảnh của cậu không giống như chúng tôi. Chúng tôi nếu không vượt biên thì cũng vẫn sống, dù không được tự do, sung sướng như trước, nhưng cũng không phải đến nỗi tù tội cho đến một gông như cậu. Cái thế của cậu đã vậy thì không cần phải bàn cãi gì nữa, phải vậy không nào?

Tôi lễ phép:

- Dạ. Bác dạy rất đúng.

Ông nói tiếp:

- Bây giờ cậu đã có lòng hồi, tôi biết mà không nói thì có lỗi. Vì vậy nói ra có điều gì không vừa ý, cậu cứ bỏ qua, coi như chưa nghe tôi nói gì là được. Cậu định vượt biên đường bộ mà đi đường Đông Hà, Quảng Trị rồi sang Lào là thiên nan vạn nan. Chỉ nguyên cái đoạn đường từ Đông Hà đến biên giới là cũng nguy hiểm lắm, vì cậu lạ nước, lạ cái. Rồi từ biên giới đi bằng ngang nước Lào sang đến biên giới Lào Thái cũng chẳng có dễ dàng gì. Vẫn biết, cậu từng là bộ đội, trước đóng quân ở đó, nhưng cái biết của cậu là cái biết của người cưỡi ngựa xem hoa mà thôi. Còn bảo biết để có thể cắt rừng lộ suối, trèo đèo, vượt núi, cả mấy trăm cây số đường rừng, thì biết vậy chưa đủ. Theo tôi, cũng vượt biên đường bộ, tốn kém lại không nhiều, mà lại tận dụng được cái sở kiến của cậu, có hai con đường vượt biên khác, để cho cậu nhiều lắm...

Nói đến đây, ông nhìn tôi im lặng. Tôi cũng im lặng, nhưng trong lòng rất sốt ruột, không biết hai con đường vượt biên mà ông định nói là con đường nào. Sốt ruột nhưng tôi không tiện thúc dục ông.

Sau một lúc im lặng, ông tiếp:

- Cậu sinh và lớn lên ở Miền Bắc, cậu hiểu thủy thổ, phong tục, tập quán của người Miền Bắc, tại sao cậu không vượt biên theo đường Lạng Sơn, hoặc Móng Cái?

Tội giật mình, quả thật đây là điều tôi không hề nghĩ tới từ xưa đến nay. Ba của BL lại tiếp:

- Tôi nghe BL kể, ngay tháng 5 năm 1975, cậu đã dùng giấy tờ giả đi về Hà Nội, rồi từ Hà Nội cậu lại vô đây bình yên?

- Dạ, thưa bác, đúng vậy.

- Nếu vậy, tại sao cậu không dùng giấy tờ giả đi ra tận Lạng Sơn, hay Móng Cái, rồi ở đó tìm đường vượt biên qua biên giới Việt Trung?

Tôi ngần ngại:

- Dạ thưa bác, cháu sợ, Trung cộng cũng là cộng sản, nếu cháu vượt biên sang đó, họ sẽ bắt cháu trả lại cho tụi cộng sản Việt Nam.

Ông lắc đầu:

- Tôi thì tôi lại nghĩ khác. Cậu phải hiểu, Trung cộng với Việt cộng tuy cũng là cộng sản, nhưng hiện tại không phải là chúng không có mâu thuẫn sinh tử. Tôi có thằng cháu họ, ở ngoài Bắc, nó cũng làm cố chính uỷ sư đoàn, nó vô thăm kể cho tôi nghe tình hình mâu thuẫn giữa Trung cộng và Việt cộng như nước với lửa đã kéo dài cả chục năm nay rồi, từ thời ông Nixon viếng thăm Bắc Kinh lận. Tôi còn nghe, từ đầu thập niên 1970, Trung cộng đã không chịu tiếp tế vũ khí và gạo cho Việt cộng. Chuyện đó chắc cậu cũng biết?

- Dạ, chuyện đó cháu có nghe.

Ông mỉm cười:

- Tôi còn nghe thằng cháu nó nói, lúc đó để giữ cho lòng dân khỏi hoang mang, cho mọi người tin tưởng là Trung cộng vẫn là hậu phương lớn của cộng sản Việt Nam, và tình hữu nghị "môi hở răng lạnh" giữa hai

nước vẫn đời đời bền vững, Việt cộng đã dùng gạo của Việt Nam, đổ vô các bao có chữ Tàu và quốc huy của Trung cộng, rồi cho triển lãm khắp mọi nơi.

Tôi ngạc nhiên:

- Dạ chuyện đó cháu cũng nghe nói, nhưng vì lúc đó cháu đã vô Nam rồi, nên không biết thực hư thế nào. Mà sao bác biết chuyện đó hay vậy?

- Thì cũng thằng cháu nó vô đây nó nói. Nó làm to ở ngoài Bắc nên nó biết những mâu thuẫn, những uẩn khúc bên trong cái "hữu nghị" của chúng. Còn lính tráng bộ đội quên như cậu thì chỉ nghe nói, chứ đâu có biết thực hư ra làm sao. Trở lại cái chuyện vượt biên đường bộ của cậu, cậu thấy tôi nói vậy có đúng không? Giấy tờ giả thì bảo BL nó lo cho đầy đủ đầu vào đấy. Còn việc trà trộn, leo tàu, nhảy xe, cậu quá rành. Cậu cứ nghe tôi, đi tàu chợ từng đoạn, từng đoạn theo lối sâu đo, từ Sài Gòn cậu sẽ ra tận Hà Nội một cách dễ dàng. Sau đó, từ Hà Nội cậu đi Lạng Sơn, hay Móng Cái, cũng theo kiểu đi tàu chợ, vì có đường xe lửa từ Hà Nội đi Lạng Sơn, nên rất dễ cho cậu. Còn nếu cậu tính đi Móng Cái thì đáp tàu chợ từ Hà Nội đi Hải Phòng, rồi từ Hải Phòng cậu đáp xe đò đi Móng Cái. Tôi nghe người ta nói, cửa biên giới Việt Trung ở Móng Cái chỉ là một cái cầu bắc qua sông Kalong. Nếu cậu không đi qua cầu được thì tại sao cậu không bơi qua sông Kalong? À mà cậu có biết bơi không nhỉ?

- Dạ, cháu biết.

Ông cười vui vẻ:

- Nếu vậy thì tốt quá. Chỉ sợ cậu không biết bơi, chứ đã biết bơi, thì vượt biên bằng cách bơi qua sông Kalong đâu có gì khó.

Nghe ông nói vậy, tự dưng tôi thấy mừng rỡ vô cùng. Thị xã Móng Cái là cửa khẩu của Việt Nam, bên kia là thị xã Đông Hưng của Trung cộng. Hai nước cách nhau con sông Kalong. Sông Kalong chạy dài theo hướng Tây Đông và là biên giới thiên nhiên giữa hai nước. Nếu tôi đặt chân đến Móng Cái an toàn, chỉ cần đợi đêm xuống, tôi đi dọc theo sông Móng Cái, thế nào tôi cũng tìm ra được đoạn an toàn, và bơi qua sông dễ dàng.

Mừng quá, tôi vội nói:

- Ý kiến của bác rất hay. Để cháu về bàn với hai đứa cháu...

Ông ngạc nhiên:

- Ủa, như vậy là cậu không có vượt biên một mình à?

Tôi thú thực:

- Thưa bác, cháu vượt biên cùng với hai đứa cháu gọi bằng cậu.

- Hai đứa ở trong Nam?

- Dạ, chị cháu di cư năm 1954, nhưng cả hai đứa đều sanh ở trong Nam.

Ông lắc đầu quầy quậy:

- Như vậy thì không được, không được. Vượt biên bằng đường bộ, đi cả ngàn cây số ở Miền Bắc, chỉ có người nào sinh ra và lớn lên ở Miền Bắc thì mới dễ trà trộn và may ra thành công. Chứ còn người Miền Nam mà đi trên đất Bắc, bảo đảm, không sớm thì muộn cũng sẽ bị lộ. Theo tôi, cậu chỉ có thể vượt biên qua một trong hai ngã Lạng Sơn hoặc Móng Cái, một mình cậu mà thôi. Một mình thì may ra thành công. Còn đi với hai cái đuôi đó, thì chỉ có mang họa. Tốt nhất là đừng đi.

Lời của ông nói rất chí lý. Tôi biết chắc chắn, nếu tôi để cho hai đứa cháu cùng đi với tôi ra đất Bắc, chuyện vượt biên của chúng tôi sẽ thất bại. Và lại, tuy ông phân tích về mâu thuẫn giữa Trung cộng và Việt cộng, nghe rất hợp lý, nhưng ngay lúc đó, vào thời điểm 1978, tôi vẫn còn ngây thơ, không tin, Trung cộng sẽ chấp nhận và dung dưỡng cho những người Việt Nam vượt biên tỵ nạn cộng sản. Tôi không tin Trung cộng và Việt cộng sẽ coi nhau như tử thù. Tin như vậy, nhưng tôi không nói ra, sợ phật ý ông.

Nhìn về mặt của tôi, có lẽ ông đoán được phần nào những suy nghĩ của tôi. Ông nói:

- Tôi nói là nói vậy thôi, còn quyết định đi với ai, đi đường nào là do cậu.

Nói đến đó, ông đứng dậy, lấy từ trong tủ, một cái túi da, có dây cột ở đầu rất cẩn thận. Để chiếc túi da trên bàn, ông nói:

- Trong chiếc túi này là hai chiếc địa bàn và 4 tấm bản đồ chi tiết toàn vùng Quảng Trị, Lào và Thái Lan. Tôi đã cẩn thận bọc plastic cả 4 tấm để phòng mưa gió. Chuyện tiền bạc, cậu khỏi lo. Gọi là một chút giúp cậu. Có điều, tôi nghĩ cậu không nên cầm những thứ này về trong lúc này. Lỡ có chuyện gì, chúng bắt được là chết. Thôi thì cậu cứ để đây tôi giữ. Cậu cho tôi địa chỉ bà chị của cậu, tôi sẽ bảo thằng BL hay con KO nó mang đến tận nơi cho cậu. Như vậy an toàn hơn. Cậu thấy thế nào?

Thú thực, lúc đó, thấy chiếc túi, trong đó có bản đồ và hai chiếc địa bàn, tôi rất mừng, chỉ muốn cầm nó trong tay cho chắc chắn. Nhưng thấy lời của ông nói rất hữu lý, cộng với hình ảnh đám vệ binh, quần áo hiện đang lảng vảng đi lại, ăn chơi, dọc đường Võ Tánh, nên tôi đồng ý:

- Cảm ơn bác đã giúp cháu rất tận tình. Bác cho cháu xin tờ giấy, cháu ghi địa chỉ nhà bà chị, ở ngay cư xá Chu Mạnh Trinh, cách đây không xa...

Sau khi ghi địa chỉ của bà chị, tôi đứng dậy chào ông. Ông bắt tay tôi rất chặt, và nói:

- Tôi tỉnh thực, biết gì nói vậy. Nghe không nghe là tùy cậu. Có điều... có điều...

Thấy ông nói đến đó, về ngân ngữ, như e ngại chuyện gì, tôi lắc lắc tay ông, tha thiết nói:

- Bác thấy cháu có điều gì, bác cứ nói đi, đừng có ngại ngùng gì. Cháu sẵn sàng nghe bác nói.

Ông thờ dài, bàn tay phải vẫn nắm tay tôi, bàn tay trái ông đặt lên vai tôi, rồi tiếp lời:

- Có điều... cậu phải cẩn thận lắm vì tôi thấy, gương mặt của cậu lúc này vẫn còn u ám báo điềm nhật hạn, nguyệt hạn của cậu vẫn còn nguy hiểm và long đong nhiều lắm... Nhưng vì trung vận và hậu vận của cậu thì khá, không đến nỗi nào, nên nhật hạn, nguyệt hạn của cậu dù có nguy hiểm mấy đi nữa, cậu cũng tai qua nạn khỏi...

Nói đến đó, ông xúc động, kéo tôi vô sát người của ông, rồi đập đập bàn tay của ông vào lưng tôi. Miệng ông nói mấy tiếng ngay bên tai, nhưng tôi nghe không rõ. Tôi chào ông một lần nữa, rồi chia tay. Khi đó là khoảng hai giờ chiều Thứ Bảy.

Bước ra khỏi nhà ông, tôi bâng khuâng nghĩ đến những gợi ý của ông về con đường vượt biên qua thị xã Móng Cái, Lạng Sơn, rồi những lo ngại của ông về "nhật hạn, nguyệt hạn" của tôi... Tôi không thể ngờ được, tất cả những gợi ý và những lo ngại của ông hôm đó đều trở thành những bước đi định mệnh trên con đường vượt biên của tôi; và "nhật hạn", cái hạn trong ngày mà ông lo ngại, đã trở thành sự thực hiểm nguy đang chờ đợi tôi trong khoảng cách không đầy 500 thước, ngay trước mắt, trên đường Võ Tánh, nơi tôi đang đi đến trong tâm trạng bâng khuâng, phập phồng và lo ngại...

## KỶ 64

Ngay khi bước ra khỏi nhà của ba BL, nhìn về phía đường Võ Tánh bên tay trái, nơi tôi sẽ đi tới, tôi đã thấy ở góc đường, ngay cạnh cột đèn, một toán bộ đội khoảng 5, 7 tên đang đứng trò chuyện. Nhìn vội về phía tay phải, tôi thấy có 3 tên bộ đội đang đi tới. Tuy còn cách tôi khoảng 5, 6 căn nhà, nhưng tôi thấy, cả ba tên đã nhìn thấy tôi. Trong một thoáng suy nghĩ, tôi đã tính quay trở vô nhà. Nhưng tôi lại nghĩ rất nhanh, trong tình thế đó, nếu bây giờ tôi bước vô nhà trở lại, ba tên bộ đội đi tới trông thấy, chúng sẽ nghi ngờ, và như thế, tôi sẽ làm cho gia đình của ba BL bị liên lụy. Vì vậy, tôi chỉ còn cách giả bộ thản nhiên đi thẳng về phía đường Võ Tánh. Như vậy là lúc này, cả phía trước lẫn phía sau tôi đều có bộ đội, trong khi con đường đó, chỉ có một bên là nhà dân, còn bên kia là hàng rào chạy dài tít tắp...

Càng tới gần ngã ba, tôi càng thấy hồi hộp. Hình như linh tính báo cho tôi biết, sẽ có chuyện chẳng lành xảy ra. Khi đến gần khoảng chục thước, tôi thoáng nhận ra, trong số những tên bộ đội đang đứng trò chuyện, có hai tên vẻ mặt quen quen. Thoạt đầu, tôi không nhận rõ được hai tên đó là ai, nhưng tôi biết chắc, nếu tôi thấy chúng quen quen, chắc chắn chúng phải là những tên vệ binh từng canh tù tại Quân Lao Gò Vấp hoặc tại trại tù cải tạo ở Kàtum. Tới gần hơn, đột nhiên tôi lạnh người khi nhận ra, hai tên vệ binh này chính là hai tên trong số chục tên vệ binh đã đánh hội đồng tôi tại nhà ăn Quân Lao Gò Vấp, khi tôi đang bị tù cách đó khoảng hơn nửa năm. Dĩ nhiên, lúc này, những tên vệ binh quân giáo ở Kàtum, Quân Lao Gò Vấp, cũng như phòng quân pháp, chúng đều biết tôi đã vượt ngục ở Kàtum và đang bị truy nã. Bây giờ "oan gia" gặp nhau trong ngõ hẹp như thế này, sẽ vô cùng nguy hiểm cho tôi.

Ngay khi nhận ra mấy tên vệ binh, tôi quá hoảng hốt, nhưng không còn cách nào khác. Quay trở lại thì không xong vì mấy tên bộ đội ở phía sau đang đi tới. Hơn nữa, tụi vệ binh trước mặt đã nhìn thấy tôi. Quay trở lại chỉ khiến cho chúng thêm nghi ngờ mà thôi. Mà khoảng cách giữa tôi và chúng lại quá gần. Tôi không thể nào đi sát hàng rào bên kia đường, vì đi như vậy, chúng càng thêm nghi ngờ. Còn đi ở giữa đường thì khoảng cách giữa tôi và mấy tên vệ binh cũng chỉ có khoảng 4 thước là tối đa. Với khoảng cách đó, hai tên vệ binh sẽ nhận ra tôi dễ dàng. Thôi thì tôi chỉ còn biết trong lòng cầu nguyện cho chúng đừng nhận ra tôi, và bên ngoài, cố gắng giữ vẻ mặt thản nhiên khi đi tới....

Khi đi ngang đám vệ binh, tôi đã cố gắng không liếc nhìn bọn chúng, nhưng không hiểu sao, tôi không thể làm được điều mình muốn. Ngay khi quẹo trái, tôi liếc nhanh đám vệ binh. Trong một tích tắc ngắn ngủi, tôi thấy một tên vệ binh cũng nhìn tôi. Bất gặp ánh mắt của tôi, ánh mắt của hắn đang dừng dừng, bỗng dừng biến đổi. Thoáng chốc, qua ánh mắt và vẻ mặt của hắn, tôi nhận ra ngay có cái gì đó không bình thường. Có lẽ hắn đã nhận ra tôi?! Tôi tự hỏi và đoán, chắc đúng như vậy. Trong trí não tôi, tôi thấy tôi phải hành động ngay, phải chạy trốn lập tức, nếu không tôi sẽ bị bắt lại. Nhưng trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, tôi đâu có thể làm gì hơn. Vì vậy tôi vẫn cố giữ vẻ mặt thản nhiên, cố giữ thái độ ung dung khi đi qua đám vệ binh, rồi bình tĩnh rẽ trái, tiến về phía đồn cảnh sát quận Tân Bình. Đi được khoảng vài thước, tôi nghe có tiếng cãi cọ ầm ĩ của mấy tên vệ binh, rồi có tiếng chân người rảo bước theo tôi... Tôi giật mình nghĩ ngay, có lẽ tên vệ binh đó đã nhận ra tôi, hoặc đã nghi ngờ tôi, và bọn chúng đang đi theo tôi...

Để xác định sự nghi ngờ của mình, tôi giả vờ đứng lại định băng qua đường Võ Tánh, để khẽ ngoái đầu về phía bên tay phải giả vờ xem chừng xe cộ, nhưng kỳ thực là xem sự nghi ngờ của mình có đúng hay không. Quả nhiên tôi thấy mấy tên vệ binh đang đi theo, trong đó tên vệ binh nhận ra tôi lúc này, hùng hổ đi đầu. Ngay khi tôi ngoái đầu lại, lập tức ánh mắt của tôi đụng vô ánh mắt của tên vệ binh này... Tên vệ

binh này thấy vậy liền la lớn, gọi đúng tên tôi, "Đúng nó rồi! Thành Chí trốn trại đó! Bắt lấy nó!" Tiếng la chưa dứt, tên đó đã lao thẳng về phía tôi. Mấy tên vệ binh khác cũng vội vã hò hét chạy theo sau... Tôi kinh hoàng, rụng rời tay chân, vội vàng quẳng luôn đôi dép da, bỏ chạy thục mạng... Đằng sau mấy tên vệ binh hăm hở đuổi theo, miệng la hét ầm ĩ cả khu phố, "Bắt lấy nó! Bắt lấy nó! Bắt tên tù cải tạo trốn trại!"... Vì lúc đó, xe cộ chạy như mắc cửi trên đường Võ Tánh, tôi không thể nào băng qua đường nên phải chạy dọc theo đường Võ Tánh bên phía Phở Huỳnh. Vì chạy bán sống bán chết, lại chạy chân trần, nên tôi chạy nhanh lắm. May mắn cho tôi là khi đó, tôi biết chắc, mấy tên vệ binh không hề có súng, nên tôi yên tâm chạy thục mạng, bất kể tiếng hò hét ầm ĩ phía sau. Chạy được vài chục thước, tôi thấy ngay trước mặt một tên công an áo vàng từ trong đồn cảnh sát quận Tân Bình nhào ra. Có lẽ đang gác cổng, nghe tiếng hò hét, nên hấn chạy ra vì tò mò hơn là để đối phó. Vì vậy khi thấy tôi, cặp mắt của hắn vẫn nhón nhác không hiểu tôi là ai, chuyện gì đang xảy ra, nên không có phản ứng rõ rệt. Trông thấy tên công an đeo súng ngắn ở hông, tôi hoảng hồn nhận ra, nếu tôi tiếp tục chạy về phía hắn, tôi sẽ bị hắn bắt, hoặc hắn sẽ rút súng bắn tôi không chết cũng bị thương... Nghĩ vậy, tôi liền không chạy tới nữa, mà vội vàng liều mạng chạy băng ngang đường Võ Tánh, giữa lúc xe cộ qua lại như mắc cửi. Chưa qua được nửa đường, tôi đã nghe có tiếng súng nổ "đoàng". Tuy giật mình vì tiếng súng bất ngờ, nhưng tôi đoán ngay, đó chỉ là tiếng súng bắn chỉ thiên của tên công an. Vì đường lúc đó tấp nập xe cộ, người đi lại đông đúc, giữa ban ngày như thế này, chắc chắn tên công an không thể nào chĩa súng, bắn thẳng tôi, nếu khoảng cách giữa tôi và hắn quá xa. Vì thế, mặc cho súng nổ, tôi vẫn tiếp tục chạy.

Ngay khi sang đến bên kia đường, chạy lại cấm đầu cấm cổ chạy về phía nhà thờ Nam. Nhưng vừa chạy được khoảng hơn chục thước, tôi thấy ngay đường rầy xe lửa chạy cắt ngang đường Võ Tánh. Lập tức tôi rẽ phải. Lúc đó, tôi chỉ biết chạy làm sao cho khuất mắt tụi vệ binh và công an. Vì tôi biết, nếu tôi cứ tiếp tục chạy dọc theo đường Võ Tánh trong khi tụi vệ binh, công an vừa đuổi theo sau vừa hô hoán, mà dọc đường Võ Tánh lúc đó không thiếu gì bộ đội công an đang đi lại, thì trước sau gì tôi sẽ bị chúng bắt lại. Vì vậy, thấy có chỗ quẹo phải, tôi vội vàng quẹo ngay. Ngay khi quẹo phải, tôi nghĩ ngay, tôi không thể chạy dọc theo đường rầy xe lửa về hướng Trương Minh Giảng. Chạy như vậy rất nguy hiểm vì dọc theo đường rầy, rất khó quẹo phải, quẹo trái, hay chạy vào nhà dân. Còn nếu cứ chạy thẳng theo đường rầy, chỉ vài phút sau, tụi vệ binh, công an chạy tới, nhìn theo đường rầy, chúng sẽ thấy tôi dễ dàng. Khi đó, chắc chắn chúng sẽ không ngần ngại gì mà không nã súng vào lưng tôi.

Nghĩ vậy, vừa quẹo phải được chục bước, thấy ở bên tay trái, có chiếc cổng của một gia đình mở toang, tôi vội chạy ào vô trong. Ngay khi chạy qua cổng, tôi thấy cả gia đình khoảng chục người đang ngồi ăn cơm ở ngoài sân. Phần vì kinh hoàng, sợ hãi, phần tôi biết lúc đó, tôi không thể có đủ thì giờ để trình bày ngọn ngành câu chuyện với mọi người trong gia đình, nên tôi chẳng hề chào hỏi một ai, để mặc mọi người ngạc nhiên, trợn mắt ngó, tôi cứ thế chạy thẳng vào trong nhà, rồi đứng trong nhà thờ dốc từng hồi... Từ trong nhà, tôi nghe ngoài đường có tiếng tụi vệ binh đang hò hét, tiếng còi thổi ré lên từng hồi, tiếng người huýt sáo, rồi tiếng chân người chạy rầm rập. Tôi quỳnh quá, nghĩ nếu tôi cứ ở trong nhà thế này, tụi vệ binh công an ào đến bao vây khu phố, rồi nhào vô từng nhà khám xét, thì làm sao tôi có thể chạy thoát. Nhưng trong lúc này, tôi cũng không thể nào chạy ra ngoài, vì ngoài kia, vệ binh, bộ đội, công an đang xúm vô truy lùng tôi...

Ngó chung quanh tìm chỗ ẩn nấp, tôi thấy đó là nhà xây, sàn lát gạch men, trần đổ bê tông, nhà nọ chung tường với nhà kia. Tuy nhà có nhiều phòng, chạy dài, nhưng chỉ có một cửa vô duy nhất ở phía đằng trước. Ai đã vô trong nhà mà muốn ra thì chỉ có một đường duy nhất là ra phía cửa trước mà thôi. Lại một điều, từ khi tôi chạy vô trong nhà đã được tới 5 phút, nhưng không hề có một ai, từ ngoài sân bước vô hỏi tôi. Lúc tôi chạy ào qua sân, cả chục người đang ngồi ăn cơm, trong đó có hai, ba người đã nhìn thấy tôi và đều rất ngạc nhiên. Vậy mà bây giờ, tôi là một người lạ mặt, tự tiện chạy vô nhà của họ, lại ở trong nhà suốt mấy phút đồng hồ, nhưng không một ai chạy vô thắc mắc, hỏi han?...

Lúc đó miệng tôi khô khốc, ngực nóng ran, cả người đầm đìa mồ hôi, nên rất khát nước. Nhìn thấy trên bàn có chiếc bình bằng thủy tinh, trong có nước trong suốt, bên cạnh có mấy chiếc ly, tôi thèm quá, nhưng ngần ngại không dám tự tiện lấy uống. Ngay lúc đó, tôi nghe có tiếng chân người. Nhìn ra, tôi thấy một người đàn ông, tuổi khoảng trên dưới 40, râu quai nón, tóc bờm xờm, bước vô. Tôi còn đang lúng túng, chưa biết nói năng thế nào, thì người đàn ông hỏi ngay, giọng rất nghiêm:

- Anh là ai? Chạy vô nhà tôi làm gì?

Tôi luống cuống nói vội vàng một hơi: "Thưa tôi là tù cải tạo vượt ngục, đang đi đường thì bị tụi bộ đội nó phát hiện, đuổi bắt, nên vội chạy vô đây, xin anh cho ẩn tạm trong này rồi tôi đi ngay."

Nghe tôi nói, người đàn ông tin ngay. Anh nhìn tôi với vẻ thiện cảm:

- Vậy anh là người tụi nó đang đuổi bắt ngoài kia đó hả?

Tôi gật đầu: "Dạ đúng!"

Ngay lúc đó, một thiếu phụ, tuổi ngoài 30, bước vô. Chị nhìn tôi một thoáng rồi quay qua người đàn ông, hỏi giọng lo lắng:

- Có chuyện gì không anh?

Người đàn ông nhìn tôi, miệng cười cười: "Có chuyện người ta mới vô nhờ mình, không chuyện người ta vô làm chi."

Chị nhìn tôi thắc mắc:

- Mà chuyện gì mới được?

Tôi định trả lời chị, thì người đàn ông đã nói: "Anh này là tù cải tạo trốn trại, bị chúng nó nhận ra, nên chúng đuổi bắt..."

Nghe vậy, chị hoảng hốt: "Trời ơi, như vậy thì làm sao bây giờ? Anh ở trong này, lỡ chúng nó ập vô khám nhà thì làm sao..."

Người đàn ông vẫn bình tĩnh, nét mặt tỉnh queo: "Độc đường này có cả trăm nhà dân, chúng biết nhà ai chứa anh ấy mà chúng vô. Bộ em tính đuổi anh ấy ra ngoài cho chúng nó bắt sao..."

Người đàn bà lúng túng:

- Không, em đâu có ý đó. Em tính...

- Em thì tính cái gì mà tính. Đi ra gọi chị Ba vô đây.

Người đàn bà bối rối, định nói gì, lại thôi, rồi chị vội vã chạy ra ngoài. Không đầy phút sau, một người đàn bà tuổi khoảng 50, mái tóc đã điểm bạc, bước vô. Nhìn tôi một thoáng, chị hỏi: "Chuyện gì vậy, T.?"

Người đàn ông tên T. nhắc lại câu nói lúc nãy: "Anh này tù cải tạo, trốn trại, đi đường bị chúng nó nhận ra, đuổi bắt, nên anh chạy vô đây nhờ mình..."

Nghe chưa dứt câu, chị Ba quay sang tôi nói ngay: "Tù cải tạo trốn trại hả? Vậy anh đi theo tôi..."

Nói xong, chị đi thẳng vô nhà trong và đi rất nhanh. Tôi nhìn anh T., thấy anh gật đầu, tôi liền vội vàng đi theo chị Ba. Đi hết phòng khách, đi qua một hành lang nhỏ, mà phía bên phải là một phòng đóng kín, rồi đến nhà bếp. Bước vào nhà bếp, tôi thấy tất cả kín bưng, trần thì ám khói, nền nhà bằng xi măng tróc lờ tùm lum, chứ không có lát gạch men như ở những phòng ngoài. Trên nền bếp là củi, than, mùn cưa, nằm ngổn ngang. Tôi còn đang lúng túng, không biết mình phải ẩn náu ở đâu trong căn bếp nhỏ bé này, thì chị Ba đã bước vô sát bức tường bếp ám khói ở tận trong cùng căn nhà. Chị đưa tay kéo tấm vải dày khói sang bên, để lộ ra một cách cửa gỗ nhỏ đen sì, chiều ngang khoảng 80 phân, chiều cao khoảng thước hai. Chị kéo chốt cửa sang bên rồi đẩy mạnh. Cánh cửa mở tung, một luồng gió từ bên ngoài thổi vô cuốn theo bụi bặm, tro than, nhưng tôi thấy mát rượi và sung sướng vô cùng. Trước cặp mắt ngạc nhiên và vui mừng của tôi, chị đặt bàn tay của chị lên vai của tôi rồi thì thầm:

- Cậu đã vô đây nhờ vả, chúng tôi sẵn sàng giúp cậu. Nhưng nếu để cậu ở trong nhà, lỡ chúng vô nhà lục soát, bắt được cậu là chết cả nhà. Bây giờ cậu cứ theo lối này đi thẳng về phía tay phải khoảng nửa cây số là tới một con đường mòn. Tới đó cậu rẽ phải rồi cứ thế đi thẳng là ra tới đường Trương Minh Giảng, ngay gần cổng xe lửa. Thôi, cậu đi đi. Chúc cậu may mắn...

Vừa mừng vừa xúc động, tôi chỉ kịp bệu bạo nói được hai tiếng "Cảm ơn" rồi vội khom mình tính chui qua chiếc cửa nhỏ. Chưa kịp chui qua, bỗng dưng chị cầm tay tôi kéo lại:

- Khoan đã... Cậu đi mà chân không giày không dép gì thế này, chúng trông thấy là chúng nghi ngờ bắt liền cho coi.

Tôi chui trở lại, bẽn lễn, chưa kịp nói gì, thì chị Ba đã quay sang nói với chị T.:

- Mày vô lấy đôi dép của chồng mày nhanh lên...

Chị T. vội vã chạy đi. Thoáng chốc, chị đã quay lại đưa cho tôi đôi dép da đã cũ của chồng chị. Xỏ chân vô đôi dép, tôi thấy nó vừa như in. Chưa kịp cảm ơn chị T. thì chị Ba đã dục:

- Thôi cậu đi đi...

Vâng lời chị, tôi định bước đi thì chị T. đã dúi vào tay tôi một vật gì không rõ, rồi chị nói nhỏ, nhưng tôi nghe rất rõ: "Cậu cầm lấy, lỡ khi cần!..." Tôi xúc động nhìn chị T. muốn nói mà không nói nên lời. Trong một thoáng vội vã, tôi nhìn chị Ba như muốn ghi nhớ mãi mãi trong tâm trí mình hình ảnh của những con người tuy không hề quen biết, nhưng sao tận tình đùm bọc, giúp đỡ tôi trong lúc hoạn nạn... Tự dưng tôi ứa nước mắt, tất cả mọi hình ảnh đều nhòa đi trong mắt tôi, tôi thấy nghẹn ngào xúc động không nói nên lời. Chị Ba đẩy vội tôi về phía cửa và nói, giọng của chị cũng xúc động:

- Thôi... cậu đi... bằng an...

Tôi cố gắng nói, giọng nghẹn ngào:

- Em... cảm ơn... các chị...

Nói xong, tôi vội quay đi, nhưng vẫn kịp thấy chị T. quay người vào phía trong, úp mặt vào hai bàn tay...

Tôi bồi hồi xúc động, chân bước thấp bước cao, đi dọc theo con hẻm hẹp bê ngang khoảng 80 phân, nằm giữa hai bức tường cao, trên mặt hẻm đầy gạch, vữa, lá cây bao phủ cả chục năm trời. Đứng ra, nói đây là con hẻm cũng không đúng, vì xưa nay, không hề có ai qua lại con hẻm này. Nhìn lên, tôi chỉ thấy hai bức tường gạch kín mít, không có một cửa sổ nào, và cũng chẳng thấy có chiếc cửa nào lạ lùng như chiếc cửa của nhà chị Ba. Âu đó cũng là sự may mắn, run rẩy khiến tôi chạy ngay vào căn nhà của chị. Nếu tôi chạy vô một căn nhà khác, dù được mọi người trong gia đình tận tình giúp đỡ, chưa chắc gì tôi đã chạy thoát ra

ngoài bằng con hẻm hiểm hoi và đặc biệt này. Và như vậy, biết đâu giờ này tôi đã chẳng bị mấy tên vệ binh bắt lại?

## KỶ 65

Tôi chạy được khoảng 15 phút thì tới một con hẻm. Nhớ lời chị Ba dặn, tôi vội quẹo phải. Đó là con hẻm nhỏ, đường vắng vẻ, không một bóng người, nhưng vắng vắng từ xa, tôi vẫn nghe thấy tiếng ồn ào huyền não từ phía sau vọng tới. Vì vậy, tôi vẫn cầm đầu cầm cổ chạy. Trong lòng tôi lúc đó vẫn sợ hãi những tên bộ đội, vệ binh, quần giáo, sẽ kết hợp với công an tại đồn Tân Bình, bủa vây mọi phía để bắt tôi...

Chạy được một lúc, quả nhiên tôi ra đến đường Trường Minh Giảng. Lúc này, mồ hôi tôi toát ra đầm đìa, tóc tai thì bơ phờ, tôi vừa đuối sức, vừa nôn nao chóng mặt, chỉ muốn té. Cũng may mắn, những người đi lại trên đường hầu như không một ai để ý đến tôi. Tôi nghĩ, tốt nhất lúc này mình nên dừng lại, đi thật thong thả, để mọi người khỏi nghi ngờ. Vừa nghĩ đến đó, thì tôi thấy từ xa, một toán bộ đội đang đi ngược chiều, nhưng ở ngay phía bên kia đường, cách tôi khoảng 50 thước. Cả toán đang tìm cách băng qua đường, vừa đi vừa dơ tay chặn xe cộ cả hai chiều. Tôi tin là toán bộ đội chưa thấy tôi. Tôi không biết, toán bộ đội đó có truy lùng tôi hay không, nhưng trong hoàn cảnh lúc đó, tôi quá sợ hãi, liền vội vàng quay ngay đầu trở lại. Nào ngờ, ngay khi quay đầu trở lại, tôi lại thấy một toán bộ đội khác cũng đang đi tới. Toán này cách xa tôi khoảng hơn 100 thước nhưng cùng phía với tôi...

Kinh hoàng quá, tôi không biết làm thế nào. Nếu lúc này tôi lại chạy băng qua đường, để toán bộ đội đuổi theo, chắc chắn tôi sẽ không tài nào chạy thoát, vì sức tôi đã cạn kiệt. Buổi sáng, rời nhà bà chị để đi lấy bản đồ, địa bàn, tôi đã không ăn uống gì. Tính đi về chỉ khoảng hơn tiếng đồng hồ, nên tôi định lấy xong, mới về nhà ăn cơm. Ở nhà của ba BL, tôi cũng chỉ uống có mấy ly nước trà. Vì thế, trong suốt thời gian gần một tiếng đồng hồ chạy trốn trong kinh hoàng, sợ hãi, tôi đã cạn kiệt sinh lực, hai chân chỉ muốn khụy xuống. Trong tình huống đó, nếu tôi lại bỏ chạy một lần nữa để cho mấy tên bộ đội đuổi theo, quả thật đó là hành động tự sát.

Trong lúc hoảng hốt, bối rối như vậy, tôi thoáng thấy một căn nhà ngay phía bên phải, có chiếc cổng thật to cho xe hơi ra vô thì đóng kín, còn bên cạnh có chiếc cổng nhỏ bằng gỗ cho người ra vô thì khép hờ... Một thoáng ngần ngừ, rồi chẳng hiểu trời sui đất khiến làm sao, tôi liền vội vàng đẩy chiếc cổng gỗ nhỏ, bước vội vô, rồi nhanh tay, tôi đóng ngay cánh cổng lại và cài luôn chiếc then cổng bằng gỗ.

Lúc đó, tôi chỉ tính tạm dừng chân phía trong cánh cổng một lát cho đỡ mệt, chờ cho toán bộ đội đi qua, tôi sẽ mở cổng, trở ra trà trộn với người đi đường, để tìm đường thoát thân về lại khu chợ Thị Nghè, sào huyệt an toàn của tôi. Tôi đâu có ngờ được, trong khi tôi đang gục đầu vào cánh cổng thờ đốc từng hồi, bỗng nhiên có tiếng phụ nữ hỏi, giọng nghiêm:

- Anh là ai?

Tôi giật bắn người, ngẩng đầu nhìn, thì thấy trước mặt một người đàn bà cốt cách quý phái, tuổi còn rất trẻ, chỉ khoảng trên dưới 30. Chị mặc chiếc áo bà ba trắng, tóc búi cao, nước da trắng mịn, nét mặt thanh tú, nhưng u uất, buồn bã. Tuy giọng hỏi của chị gay gắt, nhưng cặp mắt của chị thật đôn hậu, nhu mì khiến tôi lúc đó vừa mệt vừa xúc động, nên lúng túng, ấp úng không nói nên lời:

- Tôi... tôi....

Chị đưa mắt nhìn tôi từ đầu đến đuôi, rồi nhìn vào chiếc then cổng bằng gỗ mà tôi đã cài chặt, hỏi tiếp:

- Sao bỗng dưng anh vô nhà tôi, rồi tự tiện cài cổng lại là thế nào?

Qua giọng nói và cách hỏi của chị, tôi ngạc nhiên thấy chị tuy biết tôi là người lạ, đường đột bước vào nhà của chị, lại tự tiện cài cửa, nhưng phong thái của chị rất ung dung, không tỏ vẻ sợ hãi chút nào. Tôi hít một hơi thở thật sâu cho đỡ mệt, rồi nói, giọng vẫn hỗn hển:

- Tôi là tù cải tạo... vượt ngục, bị tụi bộ đội đuổi nên phải chạy vô đây...

Chị nhìn tôi, hơi nhíu lông mày. Tôi không biết chị có tin lời của tôi nói hay không. Nhưng có lẽ nhìn bộ điệu hoảng hốt, thất thần của tôi cùng gương mặt thảm não, đầm đìa mồ hôi của tôi, chị có vẻ ái ngại, và vẻ ái ngại đó hiện rõ trên ánh mắt của chị. Tôi vội nói thêm, giọng nài nỉ:

- Xin chị thương tôi, cho tôi ẩn náu một lát rồi tôi đi. Nếu chị đuổi tôi ra ngoài bây giờ, tụi chúng sẽ bắt tôi ngay...

Chị mỉm cười, hàm răng trắng đều như bắp:

- Tôi đuổi anh hỏi nào mà anh gieo tiếng ác cho tôi vậy?

Thấy nụ cười và được nghe câu hỏi đùa của chị, tôi thở phào như trúc được gánh nặng ngàn cân. Chị bảo tôi:

- Anh muốn trốn tránh tụi nó thì theo tôi đi vô trong nhà, chứ đứng ở đây mà ẩn náu thì nguy hiểm lắm.

Nói xong, chị quay mình, thoăn thoắt bước. Tôi mừng rỡ, vội vã đi theo chị.

Nhà của chị là một căn biệt thự có bề ngoài khá đồ sộ. Tôi phải đi qua một cái sân rộng có nhiều cây cảnh đẹp, cắt tỉa công phu thành những con công, con hạc, con hươu; rồi bước lên mấy bậc tam cấp, trước khi



bước vào một phòng khách rộng mênh mông, trang trí thanh nhã và lịch sự. Nhìn phòng khách tôi ngạc nhiên và giật mình, vì tất cả những đồ đạc trong phòng khách vẫn giữ nguyên vẻ giàu có, sang trọng trước 1975. Hai bộ salon lớn, một bộ nằm ngay giữa phòng khách, một bộ khác nằm về phía bên phải, ngay trên hành lang rộng. Nhà lúc đó không có máy lạnh, nhưng bước vô tôi thấy mát rượi vì trần nhà rất cao, sàn nhà lại lát gạch men. Bức tường chính giữa phòng khách có một bức tranh sơn mài thiết lớn, kín cả bức tường, vẽ cảnh núi non hùng vĩ, với những hàng chữ Tàu. Phía bên dưới là một chiếc tủ kính, trong đó trưng bày rất nhiều đồ vật có vẻ quý giá. Đặc biệt, chung quanh nhà có rất nhiều lọ lục bình, to nhỏ đủ cỡ, cùng những thùng hàng to nhỏ khác nhau, xếp không theo một thứ tự nào, nên ngổn ngang bừa bộn.

Nhìn thoáng qua cảnh trí trong phòng khách, tôi lo ngại mình đã chạy vô lầm nhà. Tôi biết, thời buổi lúc đó, sau 1975 đến gần hai năm trời, chắc chắn không có căn nhà nào giàu sang, phú quý trên lãnh thổ Miền Nam, có thể thoát khỏi cặp mắt cú vọ của tụi cộng sản. Nhất là căn nhà sang trọng này lại ở ngay giữa thành phố Sài Gòn, thì chắc chắn tụi "cách mạng 30" phải tìm mọi cách tăng công, báo cáo cho tụi cán bộ cộng sản để chúng không tịch thu nhà thì cũng tịch thu hết mọi tài sản trong nhà. Như vậy, căn nhà to lớn bề thế với những đồ đạc sang trọng như vậy, trong lúc này chỉ có thể là nhà bị tụi cán bộ cộng sản cao cấp chiếm đoạt. Và nếu thế thì số phận tôi hôm nay xem ra lành ít, dữ nhiều, khi tôi chui vào căn nhà này ẩn náu.

Nghĩ vậy, nhưng nhìn cặp mắt đôn hậu của chị, chẳng hiểu sao tôi vẫn thấy lòng mình thật êm ả, không mấy may lo sợ. Tôi có cảm tưởng như bên ngoài đường phố kia là sóng gió bão bùng. Nhưng trong căn nhà này, được thấy cặp mắt hiền hậu của chị, tôi có cảm tưởng như một vùng biển êm ả cho những con thuyền gặp bão được ẩn náu. Đó quả là điều lạ lùng, tôi không sao hiểu nổi, vì xưa nay tôi không phải là một nhà tướng số, và cũng chẳng phải là người có kinh nghiệm, từng trải gì trong đời nhân xử thế. Lúc nào tôi cũng ngu ngu ngờ ngờ, đúng như một con "ngỗng tồ" như nhiều người vẫn bảo. Nhưng đây đúng là cảm xúc thật của tôi lúc đó.

Có lẽ qua ánh mắt, nét mặt của tôi, chị đã thông minh đoán được phần nào sự lo ngại của tôi. Chị nói ngay:

- Anh yên tâm đi, nhà này sắp đổi chủ rồi. Tụi tôi chỉ còn ở đến cuối tháng này là phải dọn đi vùng kinh tế mới, nhường nhà này cho "gia đình cách mạng".

Tôi ngỡ ngàng nghịu, vì không ngờ chị đã đọc được suy nghĩ của tôi. Chị nói tiếp:

- Tôi tên B. Còn anh, tên chi?

- Tôi tên Chí.

- Chí "ch" hay "tr"

- Thưa Chí "ch"...

- Nói thiệt với anh Chí nghe, tôi thấy anh bước vô nhìn đồ đạc bày biện trong nhà là nét mặt anh khác liền, anh có vẻ lo ngại thấy rõ. Thấy anh lo ngại như vậy nên tôi tin anh liền.

Tôi ngạc nhiên và cảm động:

- Cảm ơn chị B.

- Anh Chí đừng có ngại ngừng gì cả. Ba của tôi, chồng của tôi cũng bị tụi nó bắt đi tù cải tạo, nên thấy anh trốn tù bị tụi nó truy đuổi, tôi sẵn sàng giúp anh, anh cần gì cứ nói. Bây giờ tôi lấy anh ly nước anh uống. Mà anh có đói không? Anh đã ăn uống gì chưa?

Tôi xúc động, lúng túng, nhưng thật thà:

- Thưa chị, tôi đói muốn xỉu được...

- Vậy anh ngồi đây, tôi đi luộc ít mì cho anh ăn. Nhà không có cái gì có thể ăn được ngoài mấy vắt mì khô. Anh chịu khó ăn mì luộc với tí nước mắm vậy nghe...

Tôi nghẹn ngào. Trong lòng tôi lúc đó muốn nói với chị cả ngàn lời ân nghĩa, mà không nói nên lời, chỉ biết nuốt lệ, gật đầu.

Lát sau, chị B. bưng ly nước để lên bàn, rồi thở dài bảo tôi:

- Tôi có hai cháu nhỏ. Cả hai đều phải gửi về quê cho ngoại nuôi. Xa chúng nó, lúc nào tôi cũng khóc. Đêm khóc, ngày khóc. Tôi biết, chúng nó xa mẹ, chắc cũng khóc dữ lắm. Nhưng để chúng nó ở đây thì cả ba mẹ con đều chết đói....

Chị vô bếp nấu nướng một hồi rồi đem ra cho tôi một tô mì sợi luộc, một chiếc chén nhỏ, một đôi đũa, và một chén nước mắm. Lúc đó, tôi đói bụng cồn cào, chân tay bủn rủn, nên gấp mấy sợi mì, mà không hiểu sao, tay cứ run bắn lên, lóng nga lóng ngóng. Đến khi gấp được miếng mì đầu tiên đưa vô miệng, nhau chập choạng, định nuốt, tự dưng cổ tôi bị nghẹn lại, nuốt không vô, rồi mắt bên trái của tôi bỗng dưng giật giật và ứa lệ. Tôi phải uống một hơi hết ly nước lạnh, mới hết nghẹn. Hôm đó, tôi được ăn bữa mì luộc chấm nước mắm ngon tuyệt vời. Quả thật, tôi chưa bao giờ được ăn bữa mì sợi luộc nào ngon đến như vậy. Ngay cả sau này, đi bất cứ đâu, được ăn bất cứ món ăn gì có mì sợi, tôi cũng băng khuôn nhớ đến bữa mì luộc chấm nước mắm tại nhà chị B. ở đường Trường Minh Giảng. Tôi cũng không hiểu sao, kể từ

ngày đó cho đến hôm nay, mỗi khi tôi ăn uống thức gì, mắt trái của tôi cũng ứa lệ, khi nhiều, khi ít. Cái tật kỳ quái này, từ xưa tới nay tôi chưa nói cho một ai biết. Hôm nay, khi viết những dòng chữ này, nhớ đến kỷ niệm xưa, tôi thấy phải viết lên để quý độc giả thấy được tấm lòng thành của tôi dành cho chị B. vì mỗi khi như vậy, tôi lại nhớ đến chị B., một người phụ nữ Miền Nam, có tấm lòng đôn hậu, thương người, sẵn sàng liều mạng giúp đỡ người khác, nhưng cuộc đời của chị, cũng giống như hàng chục triệu người phụ nữ Việt Nam khác, đã trải trăm ngàn khổ khổ, phải nổi trôi cùng vận nước, kể từ khi cộng sản xuất hiện trên quê hương Việt Nam.

Thấy tôi ăn tô mì luộc ngon lành, chị B. nói:

- Tôi ăn mì luộc cả mấy tháng nay rồi đó, anh tin không? Mà có mì luộc ăn cũng là may lắm. Trước đó tôi phải ăn khoai mì. Tôi phải cuốc đất trồng khoai mì ở ngay sau nhà, mà cũng chẳng có đủ khoai mì mà ăn. Anh nhìn bàn tay của tôi đây nè...

Tôi nhìn bàn tay của chị và giật mình. Tôi không thể nào tin được, một người phụ nữ cốt cách thanh lịch, cao quý, với nước da trắng mịn như chị, lại có hai bàn tay sần sùi nứt nẻ.

Chị chua chát:

- Bây giờ tôi cũng đỡ khổ, đỡ khóc rồi. Một năm trước, tôi khổ lắm, chỉ muốn chết quách đi cho rồi. Nhà cửa thì bị "cách mạng" đến niêm phong. Tất cả đồ đạc, nhà cửa của mình, bỗng dưng bị mất trắng. Đã vậy ba chồng rồi chồng cũng bị đi tù cải tạo, không biết đến bao giờ ra. Còn hai đứa con tôi cũng phải xa chúng nó. Ngó quanh, chẳng còn có một ai. Cuộc đất trồng khoai mì tôi cũng chỉ dám làm buổi tối. Làm ban ngày sợ nắng, cháy da...

Nói đến đó, chị đột nhiên hỏi tôi:

- Bây giờ anh tính thế nào? Tôi thì tôi muốn giúp anh lắm, nhưng nhà này đến 5 giờ chiều là có mấy bà cán bộ "cách mạng" đến ở. Chúng khuôn đến đây đủ thứ đồ đạc tịch thu hay mua bán được của ai. Chặt đầy cả nhà xe, nhà kho, rồi cả hai căn phòng trong nhà.

Chỉ mấy chục lọ lục bình, cùng các thùng đồ để ngổn ngang trong phòng khách, chị tiếp:

- Đó, tất cả chúng chớ đến đây, được vài ngày là có xe đến chở đi. Rồi lại có người chở đủ thứ đồ đạc khác đến. Cứ như vậy, mỗi tuần hai chuyến, chúng chở ra ngoài Bắc... Vì vậy, nếu anh ở đây đến chiều là không được. Tụi chúng nó về là mọi chuyện đổ bể hết. Tôi chẳng giấu anh được đâu.

Tôi vội thưa:

- Chị yên tâm. Tôi ăn xong tô mì này là tôi đi ngay...

Chị xua tay:

- Tôi nói vậy thôi, chứ anh ăn xong, cứ nghỉ ngơi cho khoẻ rồi hãy đi. Miễn sao anh đi khỏi đây trước 4 giờ chiều là được...

Tôi cảm ơn chị, rồi vội vàng ăn hết tô mì. Ăn uống xong xuôi, tôi bình tĩnh ngồi tính toán đường đi nước bước. Cho đến lúc đó, tôi vẫn đinh ninh, trong túi của tôi còn nguyên chiếc bóp trong đó có giấy tờ giả tùy thân mà BL đã làm cho tôi. Nhưng khi sờ túi, tìm chiếc bóp, tôi mới giật mình khi thấy chiếc bóp đã không còn. Nhìn bộ điệu hốt hoảng của tôi, chị B. hỏi ngay:

- Anh tìm gì vậy? Mất bóp phải không?

Tôi méo mặt, miệng run run thú nhận một sự thật kinh hoàng:

- Dạ, tôi chạy, bóp rơi lúc nào không biết. Chị B. ơi, bây giờ tôi biết làm thế nào?

Thú thực, trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, chấp nhận phiên lưu đi ra ngoài không có giấy tờ tùy thân là điều chẳng đáng dừng. Mấy tháng trước, từ trong trại tù cải tạo, tôi vượt ngục, không có giấy tờ trong tay.

Nhưng đó là trong cái chết, phải tìm cái sống, tôi sẵn sàng chấp nhận mọi hậu quả. Còn bây giờ, tôi đang sống trong tự do, đã quen với việc đi lại có giấy tờ tùy thân, dù đó là giấy tờ giả, nhưng cũng cho tôi có được sự an tâm phần nào. Vì vậy, bảo tôi bây giờ đi ra ngoài, khi trong tay tôi không có một tờ giấy tùy thân, tôi rất lo ngại. Điều tôi lo ngại hơn là nếu chẳng may, chiếc bóp đó rơi vào tay tụi vệ binh, bộ đội, công an trong khi chúng truy đuổi tôi, thì sẽ nguy hiểm cho BL vô cùng. Nghĩ vậy, tôi chỉ còn biết cầu mong, chiếc bóp của tôi đã rơi vào cống rãnh, hay ở một nơi nào đó, miễn sao, đừng lọt vào tay tụi chúng. Nhìn vẻ mặt bồn chồn, lo lắng của tôi, chị B. vội bảo:

- Bây giờ anh cứ ngồi đây nghỉ ngơi, đừng lo ngại gì cả. Để tôi gọi điện thoại cho mấy người bạn. Mấy người này họ tháo vát lắm. Họ mà đến đây là bảo đảm trước sau gì, họ cũng sẽ giúp anh về bên Thị Nghè để ợt.

Tôi lo ngại, cản chị:

- Cảm ơn chị đã giúp đỡ nhưng tôi nghĩ, chị đừng gọi cho ai cả. Chị để mình tôi tìm cách lo liệu được rồi. Gọi cho nhiều người, lỡ liên lụy đến các chị...

Chị B. biết ý, nói ngay:

- Anh đừng có lo gì cả. Tất cả mấy chị bạn của tôi cũng có chồng, có cha đi tù cải tạo hết chơn vậy đó. Nếu không tin tưởng ở họ, thì tôi gọi điện thoại cho họ làm gì. Anh cứ ngồi đó đi, để tôi lo cho. Bảo đảm anh sẽ an toàn về đến Thị Nghè mà...

Nói xong, không cần biết tôi có đồng ý hay không, chị bước lại bàn, nhắc điện thoại, quay số...

## KỶ 66

Ngồi trò chuyện với chị B. được khoảng nửa tiếng đồng hồ thì có tiếng chuông reo. Chị B. vội chạy ra mở cổng. Ít phút sau, nhìn ra sân, tôi thấy đi theo chị B. là hai người phụ nữ, tuổi khoảng ngoài 30, ăn mặc giản dị. Một người dắt chiếc Honda dame, có mái tóc buông xoã, đeo kiếng đen trông to rất hợp với gương mặt trái xoan và vàng trán thanh thoát của chị. Còn người kia đi không, tóc cắt tẻm, vai đeo chiếc túi vải khá lớn có nhiều tua vải xung quanh.

Thấy ba chị bước vô nhà, tôi vội đứng lên, lúng túng chưa kịp chào, thì chị B. đã chỉ chị đeo kiếng đen rồi chị cắt tóc tẻm, và nói:

- Giới thiệu với anh, đây là chị H. và chị T....- Quay sang các chị, chị B. tiếp - Còn đây là anh Chí mà em đã nói trong phen...

Chị H. người đeo kiếng đen, khẽ phẩy tay tỏ ý không muốn chị B. nói tiếp, rồi chị gỡ cặp kiếng đen, hai tay chống nạnh nhìn tôi, hỏi giọng chị hai:

- Anh là tù cải tạo trốn trại?

Tôi lễ phép:

- Dạ...

Chị H. hỏi dồn:

- Vậy anh ở trại tù cải tạo nào? Anh trốn tù ra làm sao? Làm sao anh lại chạy vô được nhà con B. em tôi? Tôi liền kể đầu đuôi chuyện tôi đi lấy bản đồ, địa bàn, bị mấy tên vệ binh quân giáo nhận diện, đuổi bắt ra làm sao, chạy trốn như thế nào. Tôi cũng đem luôn chuyện tôi trốn trại cải tạo ở Tây Ninh nhất nhất kể lại cho các chị nghe...

Kể được khoảng mười phút thì có tiếng chuông. Chị H. đưa tay ra hiệu bảo tôi ngừng kể, rồi quay ra bảo chị B.:

- Chị X. phải không?

Chị B. gật đầu vừa nói "Dạ" vừa đứng dậy đi ra cổng mở cửa. Chị H. quay lại bảo tôi:

- Trong mấy chị em tụi tôi, chị X. lớn tuổi nhất. Chị lại giỏi và hiền thực, nên tụi tôi coi chị như chị hai. Lát nữa chị vô đây, anh kể lại chuyện của anh từ đầu, thế nào chị cũng có cách giúp anh.

Chị H. vừa dứt lời, thì chị B. và chị X. cũng từ ngoài sân đi vô, tay dắt một chiếc xe đạp mini. Chị có dáng người cao, bước đi thanh thoát. Dưới ánh nắng chiều xiên khoai, nhìn chị từ xa, tôi ngạc nhiên nghĩ chị rất trẻ. Nhưng khi chị bước vô nhà, tôi mới nhận ra những sợi tóc muối tiêu trên mái tóc và những nếp nhăn ở hai đuôi mắt cúc chị. Nước da của chị trắng xanh khiến cho những quầng đen quanh mắt càng thêm rõ. Chỉ nhìn thoáng qua, tôi đã thấy gương mặt của chị trĩu nặng khổ đau, dấu hiệu của những đêm dài không ngủ, những lần khóc âm thầm. Nhất là cặp mắt của chị nhìn tôi, một người chưa hề quen biết, nhưng sao tôi thấy trong mắt chị là cả một hoàng hôn đầy ắp niềm tâm sự....

Ngay khi chị X. bước vô cửa, cả chị H. và chị T. đều đứng dậy thân mật chào hỏi. Tiếng chị H. hỏi nhỏ, nhưng tôi vẫn nghe thấy loáng thoáng: "Có tin gì mới không chị?" Chị X. lắc đầu nhẹ, không nói. Các chị đều thở dài, đưa mắt nhìn nhau, kín đáo che giấu niềm thất vọng. Tôi không biết đó là chuyện gì, nhưng tôi đoán chuyện đó phải quan trọng lắm, và có lẽ đó là nguyên nhân của những khổ đau trĩu nặng mà chị X. đang gánh chịu...

Nhìn vẻ mặt đau khổ của các chị, tôi lại nhớ đến lời chị B. nói với tôi trước khi gọi phen, "Anh đừng có lo gì cả. Tất cả mấy chị bạn của tôi cũng có chồng, có cha đi tù cải tạo hết chơn vậy đó. Nếu không tin tưởng ở họ, thì tôi gọi điện thoại cho họ làm gì". Nhìn các chị lúc này tôi hiểu, giống như tất cả những người mẹ, người vợ trên mảnh đất Miền Nam sau 1975, các chị đang phải chịu đựng những thảm họa tang tóc, bi thương không bút mực nào tả xiết. Mỗi ngày trôi qua đối với mỗi cuộc đời, nhất là những người mẹ, người vợ, trên mảnh đất Miền Nam là cả một bi kịch. Và vào thời điểm năm 1977, cộng sản mới chiếm được Miền Nam có hai năm, nên tất cả những thảm kịch trên quê hương Miền Nam lúc đó chỉ mới bắt đầu, thời gian chờ đợi cha, chồng, con đi học tập cải tạo mới chỉ có 2 năm, và còn đằng đẵng 10, 15 năm chờ đợi trước mặt. Còn biết bao nhiêu thảm kịch khác, mà thảm kịch sau bao giờ cũng thê thảm hơn, khủng khiếp hơn, tang thương hơn so với những thảm kịch trước... đang chờ đợi các chị và những người dân Miền Nam...

Chị X. thông thả bước về phía tôi. Tôi vội vàng đứng dậy. Chị đưa tay bắt tay tôi. Bàn tay của chị mềm mại, nhưng gương mặt, ánh mắt của chị toát lên vẻ cương quyết. Trong khi mắt chị nhìn thẳng vô mắt tôi, chị nói giọng bình tĩnh và ấm áp:

- Chào anh. Tôi là X. Anh ngồi xuống đi. Ngồi xuống mình nói chuyện cho thoải mái.

Quay sang các chị, chị X. tiếp:

- Mấy cô cũng ngồi xuống cả đây đi.

Nhìn chị B. chị T. và nhất là chị H. ngoan ngoãn ngồi xuống, tôi rất ngạc nhiên. Tôi không thể ngờ được chị X. trông thanh mảnh và yếu đuối như vậy, nhưng lại có uy tín gần như tuyệt đối với tất cả các chị. Sau đó, tôi ngồi nghe các chị kể chuyện và kể chuyện của mình. Qua chuyện trò, tôi được biết, tất cả các chị đều có chồng đi tù cải tạo. Chị T. trẻ nhất, có tới 3 người trong gia đình phải đi tù cải tạo là cha ruột, chồng và bố chồng. Riêng chị X., chồng cũng đi tù cải tạo, nhưng khoảng một tháng trước, ban chỉ huy trại tù cải tạo báo tin cho chị biết là chồng chị trốn trại. Đến nay, đã gần một tháng trôi qua, chị vẫn không nhận được tin tức gì của chồng. Trong khi đó thì tin từ một số người đi thăm nuôi tù cải tạo về nói, chồng của chị đã bị tụi VC bắn chết ngay khi anh trốn trại. Không biết tin nào đúng, tin nào sai, nhưng chị X. chỉ biết bầu vùi vào một sự thật, cách đây một tháng, đang nửa đêm, bộ đội bỗng vây kín nhà chị, rồi lục soát trong nhà ngoài vườn để tìm kiếm chồng chị. Cũng đêm đó, bộ đội cũng vây kín nhà bố mẹ chồng và lục soát cho đến rạng sáng mới rút đi. Chính những cuộc lục soát tìm kiếm đó khiến chị X. tin tưởng, chồng chị đã vượt ngục và vẫn còn sống...

Sau khi nghe tôi kể lại cuộc đào thoát và chạy trốn của mình, chị X. hỏi:

- Bây giờ anh tính sao?

Tôi thú thực:

- Thưa chị, tôi bị mất bóp, nên bây giờ không có một tờ giấy tùy thân. Tiền bạc cũng không có. Nếu được, xin các chị giúp đỡ cho tôi về bên Thị Nghè. Ở đó, tôi sẽ có người giúp đỡ.

Chị X. nói:

- Chuyện tiền bạc thì không có gì khó. Khó là giấy tờ tùy thân. Chúng tôi đàn bà con gái cũng không biết làm sao giúp anh được.

Quay sang nhìn chị H., chị X. hỏi:

- Em có cách nào không?

Chị H. liến thoắng:

- Lúc nãy tụi em có nói với nhau, hay là để anh dùng căn cước của chồng nhỏ T. Chồng nó đi tù cải tạo nhưng thẻ căn cước chưa bị tịch thu, vẫn còn để nhà...

Chị T. đỡ lời:

- Thưa chị, em thấy anh này có nét mặt hao hao giống chồng em. Chiều cao của anh này cũng vậy, không xê xích là mấy. Hay là để chị H. chở em về nhà lấy căn cước đưa cho anh dùng tạm...

Chị X. quay qua hỏi tôi:

- Anh nghĩ sao? Liệu vậy có ổn không?

Tôi cảm động:

- Cảm ơn các chị. Nhưng dùng căn cước của anh T. là không ổn vì bây giờ, tụi VC đều dùng giấy tờ khác, đâu có dùng căn cước của mình ngày xưa. Thêm nữa, nếu dùng căn cước, bị tụi nó hạch hỏi, tôi cũng không biết đường nào mà trả lời. Khi đó, sẽ còn liên lụy đến chị, đến anh và gia đình...

Chị X. gật đầu:

- Anh nói vậy đúng lắm. Như vậy thì tốt nhất là anh hãy tạm ẩn náu ở nhà của cô H. đi. Nhà của cô B. ở đây thì ở ban ngày được, còn chiều tối là tụi cán bộ VC nó về đóng chốt ở đây suốt đêm. Nhà của tôi thì tụi nó cũng canh gác theo dõi. Bây giờ cũng lơi lỏng nhiều, nhưng anh vẫn không thể về đó được. Còn nhà cô T. thì xa lắm, tận Gò Vấp lận...

Tôi xua tay:

- Thưa chị, nếu về nhà chị H. ẩn náu, tốt nhất là các chị giúp tôi cho tôi sang Thị Nghè. Như vậy vừa đỡ phiền cho các chị, mà lại thuận tiện cho tôi.

Chị H. nhanh nhẩu nói với chị X.:

- Hay là chị để cho em lấy Honda chở anh ấy thẳng sang Thị Nghè?

Chị X. lắc đầu:

- Em chở vậy đâu có được. Lỡ dọc đường gặp tụi nó hỏi giấy tờ thì sao?

Tôi cũng đồng ý:

- Dạ, chở như vậy nguy hiểm lắm. Chết cả chùm đó chị. Tốt nhất là các chị gọi cho tôi chiếc xe ôm...

Chị X. xua tay:

- Không được đâu. Đi xe ôm bây giờ lộ liễu, nguy hiểm lắm.

Chị H. lanh miệng:

- Hay gọi xích lô cho anh?

Chị B. nói ngay:

- Đi xích lô thì ại càng nguy hiểm, vừa lộ liễu lại vừa chậm rì à.

Chị X. dơ tay. Tất cả đều im lặng. Chị nói:

- Tôi nghĩ tốt nhất là mình gọi taxi...

Vừa nghe đến đó, các chị liền vỗ tay hoan hô. Tôi cũng thấy đó là giải pháp tốt nhất trong tình thế hiện nay. Chị H. vội vàng đứng dậy:

- Để em ra ngoài đường đón taxi...

Chị X. dơ tay kéo chị H. ngồi xuống:

- Không đón taxi trước cửa nhà được. Xe taxi bây giờ hiếm lắm. Đón trước cửa nhà như vậy vừa lâu lại vừa nguy hiểm, tụi nó dễ để ý. Chị nghĩ H. lấy xe Honda chạy xuống chợ Trương Minh Giảng, trước cửa Viện đại học Vạn Hạnh, gọi một chiếc taxi lên đây. Như vậy sẽ an toàn hơn cả.

Lại một tràng pháo tay nữa. Lần này có cả tôi. Tôi vừa vỗ tay vừa nhìn chị X. và các chị, như nhìn những ân nhân của cuộc đời. Chị H. vội đứng dậy đi ra cửa. Chị X. dặn với theo:

- Em nhớ mặc cả một cuộc xe từ đây sang Thị Nghè là bao nhiêu, rồi trả tiền trước cho tiện.

Nói đến đó, chị quay sang hỏi tôi:

- Anh định đến Thị Nghè, nhưng chỗ nào?

Tôi vội nói:

- Thưa chị, cứ đến chân cầu Thị Nghè là được...

Chị H. lặp lại mấy chữ "chân cầu Thị Nghè" rồi chạy ra sân, nổ máy Honda, phóng ra khỏi cổng.

Ngay khi chiếc xe Honda chạy khỏi sân, chị X. liền đứng dậy, quay qua nói:

- Rồi bây giờ tất cả chuẩn bị lên lên. Taxi có thể đến bất cứ lúc nào. Anh có đồ đạc gì cần chuẩn bị không?

- Dạ, không.

- Như vậy cũng tiện. Đồ đạc lĩnh kinh chỉ khiến tụi nó nghi ngờ.

Vừa nói, chị X. vừa lấy từ trong túi xách ra chiếc bóp. Mở bóp, chị lấy hết mấy tờ giấy bạc (tôi không nhớ là bao nhiêu) rồi dúi vô tay tôi, và nói, giọng run run:

- Anh... cầm lấy. Chút lòng... của tụi tôi...

Tôi cảm động quá, chưa kịp nói gì thì chị B. cũng bước tới, dúi vô tay tôi mấy tờ giấy bạc. Rồi chị T. cũng vậy... Hai bàn tay của tôi lúc đó lúng túng giữa những bàn tay ân tình.... Tôi nghẹn ngào xúc động khi thấy cuộc đời của tôi mỗi khi gặp hiểm nguy, luôn luôn may mắn có được những tấm lòng vàng giúp đỡ. Đó là những người tôi không hề quen biết, tôi không hề đem lại cho họ chút ân tình hay lợi lộc nào, nhưng mỗi khi tôi nói rõ hoàn cảnh khó khăn của mình, lập tức những người đó đều sẵn sàng chấp nhận mọi hiểm nguy giúp đỡ tôi. Trong suốt những tháng năm tôi bị VC săn đuổi trên chính quê hương, đất nước của mình, tôi đã gặp không biết bao nhiêu người, ở bất cứ đâu, trong bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào, tôi cũng đều được giúp đỡ tận tình. Tôi càng bị VC săn đuổi, càng gặp hiểm nguy, thì những ân nhân cùng những ân sâu nghĩa nặng trong tâm trí của tôi càng được bồi đắp...

Xúc động trước những tấm lòng, xót xa cho cảnh ngộ của các chị, bần khoản cho số phận của chính mình, tôi rưng rưng nước mắt nói:

- Em... cảm ơn các chị... Nhưng em...

Nói đến đó, tôi nghẹn lời... Nhìn các chị, tôi thấy các chị cũng rưng rưng lệ và mắt tôi cũng nhạt nhoà.

Tiếng chị X. hay chị B. hay chị T. tôi không còn phân biệt được nữa:

- Tụi này giúp anh... Người khác sẽ giúp ông xã tụi này...

- Anh đi may mắn...

Ngay lúc đó, có tiếng còi xe. Mọi người vội dục tôi lên chạy ra cổng. Tôi vội đưa tay quệt nước mắt. Tôi cố lau khô nước mắt để được nhìn các chị, được thu vào trong tâm trí của mình lần cuối hình ảnh của những ân nhân... nhưng không được.... Một bàn tay, hai bàn tay, ba bàn tay đẩy tôi đi... Tôi chạy đi, nhưng vẫn cố ngoái cổ lại để thấy hình ảnh các chị vẫn nhoà đi không rõ nét.... Chạy ra đến chiếc taxi đang chờ sẵn ngoài cổng, bước vô xe, tôi vừa kịp đóng cửa, thì chiếc xe đã vọt thẳng về phía cầu Trương Minh Giảng. Ngoái lại, tôi chỉ kịp nhìn thấy chị H. ngồi trên chiếc Honda và bàn tay của chị vẫy vẫy... rồi thoáng chốc mất hẳn giữa dòng xe cộ đông đúc của buổi chiều. Tôi quay lại, gục mặt vào hai bàn tay, hai mắt nhắm lại và tôi khóc nức nở, khóc ngon lành như một đứa con nít, trong khi trí óc của tôi đầy ắp hình ảnh của các chị... những tiên nữ bằng xương bằng thịt trong một căn nhà ở đường Trương Minh Giảng, vào một buổi chiều của tháng 4 năm 1977...

## KỶ 67

Sau khi an toàn trở lại Thị Nghè, ngay tối hôm đó, tôi trở lại nhà chị tôi ở cư xá Chu Mạnh Trinh. Vô đến nhà, chị tôi cho biết ngay, đã có người đem địa bàn và bản đồ nhờ chuyển cho tôi. Tôi mừng quá, vì đó là những thứ cần thiết cuối cùng tôi phải có trước khi lên đường vượt biên. Tôi cũng đem đầu đuôi câu chuyện tôi bị tụi vệ binh phát hiện, truy đuổi, khiến tôi phải chạy trốn ra sao và được giúp đỡ như thế nào... nhất nhất kể lại cho chị nghe. Nghe chuyện, chị tôi vừa mừng cho tôi lại vừa lo sợ thúc dục tôi nên vượt biên ngay. Riêng tôi lúc đó cũng thấy nếu tôi còn ở lại Việt Nam thêm ngày nào, sẽ nguy hiểm ngày ấy, và không sớm thì muộn, tôi sẽ bị bắt trở lại. Con đường duy nhất tôi phải chọn và đã chọn là vượt biên. Bây giờ tôi đã có đầy đủ địa bàn, bản đồ thì tôi còn chần chờ gì nữa mà không lên đường.

Nghe chuyện tôi kể, chị tôi khuyên:

- Nhờ ơn bề trên và phúc phận của tổ tiên, nên cậu đã may mắn vượt qua bao nhiêu nguy hiểm. Nhưng ơn trên nào cũng cũng có giới hạn. Cậu chẳng thể nào gặp may mắn mãi mãi được đâu. May mắn càng nhiều thì khi rủi ro đến, nguy hiểm càng to. Cậu nghe lời chị, cậu phải lo đi ngay đi.

Tôi thưa:

- Chị nói rất đúng. Em cũng đã nghĩ như vậy, nên em đến bàn với chị, hôm nay là Thứ Bảy, mai là Chủ Nhật, em và hai cháu sẽ chuẩn bị để sáng ngày mốt, Thứ Hai tụi em sẽ lên đường. Chị nghĩ sao?

Chị tôi ngăn ngừa, giọng chị xúc động:

- Chị nói đi ngay... là chờ khoảng hai ba tuần nữa hay đi, chứ đi ngay Thứ Hai này e sớm quá...

Tôi hiểu lòng của chị. Cũng giống như tất cả những người mẹ, người cha ở Miền Nam lúc đó, chị tôi chỉ muốn kéo dài giây phút được gần con. Chị không muốn xa con, dù trong lòng lúc nào chị cũng tha thiết muốn con của chị lên đường vượt biên thành công.

Tôi chậm rãi khuyên chị:

- Trong hoàn cảnh của em, chờ thêm ngày nào là nguy hiểm cho em, cho chị và cho các cháu. Em ra vô nhà của chị cũng nhiều, biết đâu đã có người để ý mà mình không biết? Linh tính cho em thấy càng ngày, em càng gần với nguy hiểm. Chị để cho em và hai cháu đi ngay đi. Thứ Hai này là ngày tốt nhất, em đã tính cả rồi...

Chị tôi gạt đầu:

- Thôi thì cậu quyết định nhanh chóng như vậy chị rất mừng. Để chị liên lạc ngay với hai cháu cho chúng nó chuẩn bị. Cũng may là tất cả mọi thứ cần thiết, chúng đã chuẩn bị xong xuôi cả rồi. Bây giờ chỉ chuẩn bị thêm ít đồ ăn, thức uống dọc đường.

Tôi cười:

- Chuyện đồ ăn thức uống dọc đường, chị khỏi lo. Từ đây ra đến Đông Hà, đâu đâu cũng có hàng quán, tại sao phải mang theo đồ ăn cho thêm nặng nề? Điều quan trọng, chỉ cần mang đủ lương khô cho đoạn đường rừng xuyên biên giới Việt Lào thôi chị.

Chị tôi bảo:

- Cậu khỏi lo chuyện đó. Lương khô, thuốc sốt rét, thuốc chống muỗi, tôi đã chuẩn bị đầy đủ. Cả mừng mền, quần áo cho hai đứa, tôi cũng đã lo liệu xong. Chỉ còn cậu, tôi đã nói bao nhiêu lần...

Tôi lo ngại ngắt lời chị:

- Em đã thưa với chị, mình đi vượt biên, chứ không phải đi du lịch, cắm trại. Đi vượt biên mà mang đồ đạc linh tinh đủ thứ trên người, là lậy ông tôi ở bụi này, đó chị. Em đã nói với chị, nếu mình đi tàu xe từ đây ra Đông Hà, hay đi lại giữa những thành phố lớn, đông người, thì chuyện chúng em mang đồ đạc linh tinh trên người ít bị người khác để ý. Nhưng chị cứ tưởng tượng coi, ở một thôn quê hẻo lánh như thôn Mộc Đức, thôn Định Xá ở gần biên giới Việt Lào, bỗng dưng xuất hiện lù lù ba người lạ, nói năng đã khác, ăn mặc cũng khác hẳn dân địa phương, lại đeo ba lô nặng trĩu, thì thử hỏi tụi công an, bộ đội ở xã ấp, chúng thấy chúng có nghi ngờ, xét hỏi giấy tờ mình hay không?

Chị tôi ngạc nhiên:

- Nhưng cậu và các cháu đã có đầy đủ giấy tờ?

- Giấy tờ đó là giấy tờ giả, chứ không phải giấy tờ thật.

Chị tôi càng ngạc nhiên hơn:

- Sao hôm nọ cậu bảo đó là giấy tờ thật 100%?

Tôi giải thích:

- Dạ, em có nói với chị là giấy tờ thì thật 100% do người bạn của em lo. Nhưng người xử dụng giấy tờ đó là em với hai cháu thì giả 100%, nên giấy tờ đó chỉ dùng để qua mặt các trạm kiểm soát giao thông của VC ở dọc đường từ đây ra đến Đông Hà. Còn từ Đông Hà đến biên giới, thì em không thể dùng giấy tờ giả đó được.

- Vậy từ Đông Hà đến biên giới, cậu định dùng giấy tờ gì?

- Đến Đông Hà rồi thì không dùng được giấy tờ gì cả, vì ở đó cách biên giới không bao xa, và không có giấy tờ công tác nào cho phép mình đến gần biên giới cả. Vì vậy, khi đến đó rồi thì chỉ có hai cách. Cách thứ nhất là chúng em cũng phải ăn mặc lam lũ giống như người địa phương, rồi tìm cách trà trộn với dân chúng trong vùng. Nhưng cách này rất khó khăn, vì người địa phương ở đó rất ít, ai cũng biết mặt nhau, trà trộn với họ sẽ dễ bị họ nhận ra ngay. Phần nữa là mình mang theo đồ đạc linh tinh thì càng dễ bị nhận diện. Đó là lý do em vẫn bảo hai cháu là đừng mang theo đồ đạc gì cả.

- Nhưng cậu cũng biết, hai đứa chúng nó tuổi còn trẻ, chưa đi xa bao giờ.

- Em biết chuyện đó và em rất thông cảm với hai cháu. Nhưng nếu các cháu mang theo nhiều đồ đạc linh tinh thì em bảo đảm với chị 100% thế nào chúng em cũng bị bắt.

- Cậu nói gở như vậy thì thôi chị để hai đứa nó ở nhà...

Nói đến đó chị ôm mặt khóc, rồi nói trong tiếng nức nở:

- Đi vượt biên... mà cậu "bảo đảm 100% bị bắt" thì cậu và các cháu đi làm gì... cho nó khổ cậu, khổ các cháu, khổ cả chị...

Tôi phải khuyên can, giải thích cho chị tôi nghe từng ly từng tí về cách thức qua mắt tụi công an, bộ đội như thế nào, cách ăn mặc hóa trang khi vượt biên ra làm sao, và tại sao phải mang đồ đạc thật ít để khỏi bị nghi ngờ... Cuối cùng chị tôi chùi nước mắt, thở dài nói:

- Thôi thì cậu để chị cố khuyên bảo các cháu, mang bớt đi. Còn bao nhiêu đến bến xe Quảng Trị thì tìm cách vứt hết đi cho rảnh nợ.

Nói đến đó, như sực nhớ ra điều gì, chị tươi hẳn nét mặt hỏi tôi:

- Mà lúc này cậu nói có hai cách. Vậy cách thứ hai là cách gì?

Tôi ngần người một thoáng, mới nhớ ra điều chị hỏi. Tôi vội nói:

- Cách thứ hai là ngay khi xuống xe ở bến xe Đông Hà, chúng em phải tìm cách chui vô rừng ẩn nấp, rồi chờ đến tối khuya thì cắt rừng đi.

- Cậu nghĩ làm vậy có dễ thành công hơn không?

- Em nghĩ vậy đỡ nguy hiểm hơn. Vì trà trộn với dân địa phương là điều rất khó. Nhất là ở những vùng xa xôi hẻo lánh, dân ít, mọi người đều biết nhau, thì trà trộn với họ đâu có dễ. Nhưng muốn chui vô rừng ẩn nấp cũng khó khăn lắm. Nếu đến bến xe Đông Hà sớm thì phải chờ, chứ giữa ban ngày ban mặt mà mình chui vào rừng cũng dễ bị dân chúng chú ý lắm. Mà loanh quanh, luẩn quẩn chờ đợi ở bên xe lạ cho đến tối, cũng dễ bị tụi công an, nhân viên bảo vệ ở bến xe nghi ngờ.

- Nếu vậy, cậu và hai cháu phải tìm cách canh giờ giấc làm sao để đến được bến xe Đông Hà lúc trời tối?

- Em cũng muốn thế, nhưng được hay không còn tùy may rủi ở bến xe Quảng Trị nữa.

Từ đó cho đến khuya, hai chị em tôi ngồi tâm sự đủ thứ chuyện, trong nỗi niềm đau đớn của chia ly, nhưng nhớ, nhất là khi nhắc đến Mẹ già còn đang sống cô đơn ở Hà Nội. Lúc đó, chỉ có nói với tôi, yên tâm lên đường vượt biên, chị ở lại sẽ tìm đủ mọi cách để đưa Mẹ vô Sài Gòn phụng dưỡng. Sau này, tôi được biết, chị đã làm đúng như điều chị đã hứa. Nhưng sống ở Sài Gòn ít lâu, Mẹ tôi lại nhớ Hà Nội, nhớ cô em gái út, nên lại trở ra Hà Nội sống.

\* \* \*

Sáng sớm hôm Thứ Hai, trung tuần tháng 4 năm 1977, chúng tôi thức dậy từ tinh mơ mờ đất, chuẩn bị cho chuyến vượt biên bằng đường bộ. Tất cả hành lý đã sẵn sàng. Cháu gái tôi là BH và bạn trai là T đều "gọn gàng" mỗi người một chiếc ba lô với đầy đủ thứ công kênh của một người đi cắm trại. Mặc dù tôi và chị tôi đã khuyên can nhiều lần, BH và T đã bỏ lại thật nhiều kỷ vật thương yêu nhất, cùng những đồ dùng cần thiết nhất, ba lô của mỗi người vẫn nặng trên 20 kí lô. Riêng tôi, chỉ có một chiếc túi nhỏ không đầy 5 kí lô, trong đó có địa bàn, bản đồ, một ít đồ dùng cá nhân, và cuốn thơ "Ngục Trung Nhật Ký" của "tác giả" Hồ Chí Minh dùng để nguỵ trang. Kinh nghiệm trong quá khứ cho tôi thấy, chính cuốn thơ "Ngục Trung Nhật Ký" đã cũ này, được để một cách "tình cờ" trong đồng hành lý của tôi, quả thực đã đánh lừa được rất nhiều công an, cán bộ VC tại các trạm gác dọc đường. Thường đang lục lợi hành lý của tôi, bỗng dưng trông thấy cuốn thơ, lập tức thái độ hống hách của công an, cán bộ VC biến mất liền. Sau này, trên đường vượt biên theo ngã Hà Nội - Lạng Sơn, rồi Hà Nội - Hải Phòng - Móng Cái, tôi cũng dùng mẹo vật này, và thành công dài dài, ngoại trừ một lần ở gần Lạng Sơn thì lại vì cuốn "Ngục Trung Nhật Ký" mà tôi bị bắt. Nhưng đó là chuyện sau này, tôi sẽ trở lại tường thuật tỷ mỉ cùng quý độc giả khi có dịp.

Trở lại chuyến vượt biên vào sáng Thứ Hai hôm đó, tôi cũng đã tỉnh, một khi tới được Đông Hà, tôi chỉ giữ lại địa bàn, bản đồ và ít lương khô. Còn lại tôi cũng vứt hết để nhẹ nhàng, gọn gàng trong chuyến đi cắt rừng, xuyên biên giới. Tính toán như vậy, nhưng nhìn hai chiếc ba lô nặng trĩu hành lý của hai người cháu, tôi ngao ngán và lo ngại cho chuyến đi này lành ít dữ nhiều.

Để hàng xóm khỏi chú ý, chị tôi đi ra khỏi nhà trước. Năm phút sau, BH đi theo. Kế đó là T và cuối cùng là tôi. Như đã thỏa thuận, chị tôi sẽ ra ngã tư Phú Nhuận đón xe taxi, thỏa thuận giá cả và trả tiền đầy đủ rồi ngồi trong xe chờ. Khi chúng tôi ra đến nơi, sẽ tự động lên xe, chào tạm biệt chị, chị sẽ xuống xe, và xe sẽ lăn bánh ra đi. Nhưng mọi việc diễn tiến không đúng như chúng tôi đã dự tính. Chờ xe taxi lâu quá, chị tôi phải gọi hai chiếc xích lô máy. Sau những giây phút bịn rịn, xúc động đến ứa nước mắt khi chị em, mẹ con phải chia tay nhau... ba cậu cháu leo lên hai chiếc xích lô máy, trực chỉ bến xe Miền Đông, giữa dòng xe cộ ngược xuôi như nước...

Khoảng 7 giờ sáng hôm đó, chúng tôi đến được bến xe Miền Đông. Vì lúc đó không có xe đò đi thẳng từ Sài Gòn tới Quảng Trị, nên chúng tôi phải mua vé đi Huế. Tới Huế, chúng tôi mua vé xe đi Quảng Trị, rồi từ Quảng Trị mua vé xe đi Đông Hà. Suốt chặng đường từ Sài Gòn đi Huế, Huế đi Quảng Trị, đều thuận buồm xuôi gió, ngoại trừ một vài trục trặc nhỏ, không đáng kể ra đây làm mất thì giờ của quý độc giả. Nhưng trên chuyến xe từ Quảng Trị đi Đông Hà, chúng tôi có cảm giác bồn chồn, nôn nóng và lo sợ như ngồi trên ổ kiến lửa...

## BỊ BẮT Ở ĐÔNG HÀ

Nhờ đã tính toán kỹ lưỡng trước khi khởi hành, nên tại bến xe Quảng Trị, chúng tôi đã "may mắn" mua được vé chuyển xe cuối cùng đi Đông Hà vào lúc 4 giờ chiều. Khi đó, tôi đĩnh ninh, xe sẽ đến Đông Hà vào lúc trời chập choạng tối, rất thuận tiện cho chúng tôi chui vô rừng ẩn nấp. Nhưng xưa nay, có không biết bao nhiêu chuyện mình tính toán bằng tất cả sự khôn ngoan của mình, nhưng thực tế khi xảy ra, mình mới nhận ra tất cả sự ngu ngốc của mình.

Chuyến xe cuối cùng từ Quảng Trị đi Đông Hà là chiếc xe đồ loại nhỏ, có khoảng hơn 50 chỗ, nhưng vì là chuyến xe cuối cùng, nên trong xe chỉ có khoảng hơn hai chục người, trong đó có 3 chúng tôi. Ngay khi lên xe, chúng tôi đã nhận ra sự lạc lõng của mình với tất cả những hành khách còn lại trong xe. Nhất là khi có ít hành khách, mọi người càng để ý đến sự lạc lõng của chúng tôi. Trong khi hành khách trong xe đều ăn mặc lam lũ, đồ đạc mang theo là thúng mủng, quang gánh, gà quế, rau trái... đủ loại, thì chúng tôi ăn vận không giống ai, đồ đạc ba lô thì linh tinh, chỉ nhìn qua cũng đoán biết là dân đi vượt biên. Nhất là cháu gái BH và T, với nước da trắng trẻo, mày thanh mắt sáng, môi đỏ như son, ai nhìn cũng biết là dân Sài Gòn. Cảm nhận được sự lạc lõng của mình, chúng tôi lại càng im lặng không nói với nhau. Trong lòng tôi xốn xang và lo ngại vô cùng, nên rất lúng túng. Tất cả những hành khách trong xe cũng chụm đầu xì xầm bàn tán, trong khi ánh mắt của họ thỉnh thoảng lại hướng về phía chúng tôi, về tò mò hiện lên rất rõ.

Để tránh sự chú ý của đám đông và đề phòng chuyện bất trắc, tôi đã nói mỗi người ngồi mỗi ghế, và tìm cách trò chuyện thân mật với hành khách ngồi cạnh mình. Nhưng BH và T nhất định không chịu ngồi xa nhau. Viễn ảnh một người bị bắt, một người chạy thoát, đối với BH và T là điều vô cùng đau khổ, khiến cả hai không chịu đựng nổi. Vì vậy, BH và T chấp nhận, thà bị bắt cả hai để được gần nhau còn hơn phải chia tay nhau... Tôi ngồi phía sau hai cháu, lòng tôi trăm mối ngổn ngang, vừa ân hận đau khổ vì mình đã nhận lời mang hai cháu đi vượt biên, vừa lo sợ trước viễn ảnh vô cùng nguy hiểm đang chờ đợi, mà tôi thì hoàn toàn bất lực...

Điều nguy hiểm nữa đối với chúng tôi là hành khách dần dần xuống xe dọc đường. Xe cứ chạy được khoảng vài cây số, là lại có một, hai hành khách kêu bác tài dừng xe. Vì là xe đồ chạy tuyến đường hẻo lánh, miền rừng núi, nên có cả một số khách người thiểu số, nói tiếng thiểu số lú lờ, tôi không hiểu họ nói gì. Nhưng nhìn ánh mắt của họ nhìn chúng tôi khi nói, rồi cười âm thầm, là chúng tôi đỏ mặt vừa lúng túng vừa lo sợ...

Đang lo sợ, hoảng hốt như vậy thì bà cụ ngồi phía sau tôi, kêu bác tài dừng xe cho xuống. Xe chạy chậm dần rồi dừng lại. Bà cụ đứng dậy, đi qua chỗ tôi, bỗng dưng đưa tay đập nhẹ vai tôi. Tôi giật mình nhìn lên, chưa kịp hiểu chuyện gì, thì bà cụ đã nói nhỏ:

- Tụi con cần thận nghe.

Nói xong, bà cụ không cần nghe tôi trả lời, thản nhiên đi về phía trước như không có chuyện gì, rồi bước xuống xe. Xe chuyển bánh, tôi nhìn qua cửa kính, thấy cụ cầm vật gì khua khua trong không khí. Tôi không biết cụ làm vậy cho ai, và có ý nghĩa gì. Nhưng câu nói của cụ "Tụi con cần thận nghe" đã như hồi trống báo động, làm cho tim tôi đập thình thịch. Lời cảnh cáo của cụ trong đó có hai chữ "Tụi con" chứng tỏ cụ đã nhìn rõ chúng tôi gồm có ba người, cùng những nguy hiểm đang chờ đợi chúng tôi phía trước...

Nhớ lại chuyến xe từ Dầu Tiếng về Bình Dương, sao tôi thấy hai chuyến xe, cùng trên đất nước Việt Nam mà lại khác nhau một trời một vực. Tôi tự hỏi, nếu trong chuyến xe này, tôi nói rõ cho mọi người biết, tôi là tù cải tạo vượt ngục, là người đang vượt biên, không biết mọi người trong xe sẽ đối xử với tôi ra sao? Họ sẽ giúp tôi hay bắt tôi trao cho công an? Tôi không biết chắc. Nhưng nếu chỉ có một mình tôi, tôi dám làm tất cả mọi chuyện. Đàng này, tôi còn hai cháu đi theo. Nếu tôi có một quyết định sai lầm, sẽ ảnh hưởng đến tự do và sự sống của hai cháu. Như vậy tôi không dám. Hơn nữa, nhớ lại thái độ thận trọng và câu nói nhỏ của bà cụ, tôi đoán ngay, tình hình trong xe không thuận lợi nếu tôi nói thật. Vì nếu thuận lợi, bà cụ đã không phải thận trọng và nói nhỏ với tôi. Nghĩ vậy, tôi ngồi im không dám làm gì, cho dù trong lòng như lửa đốt...

Trong khi đó, hành khách trên xe cứ xuống dần dần, xuống dần, để rồi cuối cùng chỉ còn lại có người tài xế, cậu lơ xe, và ba đứa chúng tôi. Nhìn ra bên ngoài, thấy trời đã chạng vạng tối, hai bên đường là rừng, cây cao cây thấp mọc chen nhau. Nếu như tôi chỉ đi có một mình, thì thật là dễ xử. Tôi chỉ cần bảo tài xế cho dừng lại, nhẩy xuống xe, rồi chạy thẳng vào rừng là mất tăm. Trên xe, dù có ai nghi ngờ cũng không có một ai dám đuổi theo tôi. Vào đến rừng rậm, tôi sẽ âm thầm, cắt đường xuyên qua biên giới. Trung bình mỗi giờ đi trong rừng khoảng 3 cây số, một đêm tôi cũng đi được khoảng 30 cây số. Với chiếc địa bàn, bản đồ, cùng khả năng sống trong rừng mà tôi đã được huấn luyện khi còn trong bộ đội, tôi tin, ngày nghỉ đêm đi, chỉ cần hai đêm là tôi vượt qua được biên giới Lào Việt. Nhưng trong hoàn cảnh lúc đó, nếu muốn bảo xe ngừng lại để xuống giữa đường, tôi phải bàn bạc với BH và T, chứ đâu có thể quyết định một mình. Mà bàn bạc trên xe, trong lúc này thì lại càng nguy hiểm. Thì ra, trong những lúc nguy hiểm, khi chỉ có một mình, tôi dám có những quyết định liều mạng, vì quyết định đó chỉ ảnh hưởng đến tự do, mạng sống của



riêng mình. Mình dám làm thì dám chịu. Còn khi quyết định của mình có liên quan đến tự do và mạng sống của người khác thì tôi lại không thể đơn phương làm một mình. Và đó là sự bế tắc, khiến tôi phải ngồi đó, bất động và hoàn toàn thụ động, khi thấy mình dần dần đi vào bẫy sập ở một nơi nào phía trước mặt. Tôi không biết chính xác bẫy sập đó ở chỗ nào, nhưng tôi chắc chắn bẫy sập đó sẽ không xa bến xe Đông Hà, và không lâu sau khi chúng tôi xuống xe. Ở đó, trong bóng tối chập choạng đang bao phủ rừng núi phía tây tỉnh Quảng Trị, cùng với những luồng khí lạnh buốt của núi rừng, những tên bộ đội, những tên công an áo vàng với súng ống đầy đủ và công số 8, sẽ xuất hiện, chờ đợi trong tư thế sẵn sàng để tóm gọn ba đứa chúng tôi...

## KỶ 68

Qua kiếng chiếu hậu của chiếc xe đồ, tôi thấy người tài xế thỉnh thoảng nhìn về phía chúng tôi, ánh mắt đầy vẻ xa lạ, né tránh. Cậu lơ xe thì vừa nhìn ra đường, vừa hát nghêu ngao bài "Trường sơn đông, Trường sơn tây". Trong xe, bầu không khí thật nặng nề. Cả ba chúng tôi đều im lặng vì không biết nói với ai và nói gì. Khi thấy một vài nóc nhà hiện lên dọc đường, báo hiệu gần tới thị trấn Đông Hà, người tài xế quay lại gọi cậu lơ xe tới gần rồi nói nhỏ với cậu điều gì đó. Cậu lơ xe gật gù đầu, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn trộm chúng tôi. Tuy không biết người tài xế nói gì với cậu lơ xe, nhưng xem thái độ của hai người, tôi biết điều này lành ít dữ nhiều. Biết vậy, nhưng tôi đâu biết làm gì, đành thúc thủ chờ đợi.

Xe chạy vô bến Đông Hà lúc trời vừa chập choạng tối. Xe chưa kịp dừng bánh hẳn, đã thấy cậu lơ xe nhảy khỏi xe, chạy vội vã về phía căn nhà nhỏ nằm cuối bến xe. Khi xe dừng bánh, chúng tôi lần lượt đứng dậy, đi về phía trước xe để xuống. BH, T và tôi đều cất tiếng chào người tài xế, nhưng ông chỉ gật đầu không đáp. Khi chào ông, tôi nhìn thẳng vô mặt ông, như muốn ngấm ngấm trao gửi cho ông một câu hỏi, một lời trách móc, nhưng ông né tránh.

Vừa bước xuống xe, một cơn cuồng phong cuốn theo không biết bao nhiêu cát bụi thổi thốc vào mặt. Chúng tôi phải quay người, nép vào thành xe chống đỡ. Vậy mà mặt mũi miệng, vẫn thấy đầy cát. Đưa mắt quan sát chung quanh, dù lúc đó trời đã chập choạng tối, nhưng tôi vẫn thấy cả bến xe chỉ có hai chiếc xe đồ, kể cả chiếc xe vừa chở chúng tôi tới. Phía bên trái của bến xe có vài chiếc quán siêu vẹo, tất cả đều đóng cửa. Nằm về phía bên phải của bến xe có một căn nhà bằng gạch, cửa tuy đóng, nhưng qua cửa sổ, tôi thấy có ánh đèn. Tôi đoán, đó vừa là trạm kiểm soát, vừa là trạm bán vé, và cậu lơ xe nghe lời tài xế đã chạy vô trong đó báo cáo về "3 người khách khả nghi chúng tôi" trên xe. Như vậy, tôi đoán, không sớm thì muộn, công an bộ đội sẽ xuất hiện kiểm tra giấy tờ và bắt giữ tội tôi.

Lòng đầy lo ngại, tôi nói nhỏ với BH và T, "Chúng mình phải đi lẹ lẹ lên. Tội nó sắp đến tóm cổ mình rồi đó!" Nghe vậy BH vội run lên, hai tay níu chặt tay Tuấn, thảng thốt hỏi tôi:

- Vậy mình phải làm sao bây giờ cậu?

T cũng hoảng hốt không kém. Đưa mắt nhìn chung quanh, T bồn chồn:

- Bây giờ đi đâu đây cậu?

Nhìn thấy BH lúng túng với chiếc ba lô cồng kềnh, tôi giằng lấy đeo lên vai, rồi vừa rảo bước vừa nói:

- Đi theo tôi ra khỏi bến xe này đã rồi tính...

BH ríu ríu đi theo tôi. T đi sau cùng. Không ngoái đầu lại, tôi nói:

- Cứ lặng lẽ đi theo tôi. Đừng nhìn ngang nhìn ngửa gì cả. Cũng đừng nói chuyện gì hết. Tội nó trong căn nhà kia đang theo dõi mình đấy...

Nói xong, tôi nghĩ những lời mình nói có thể làm cho BH và T hoảng hốt. Mà sự hoảng hốt trong lúc này thật vô cùng nguy hiểm. Vì vậy, tôi vội trấn an bằng một câu đầy mâu thuẫn với câu trước:

- Cứ yên tâm từ từ đi. Cố đi một đoạn ngắn trên đường lộ, rồi mình chuồn vào rừng. Trời tối thế này, chúng sẽ không kiếm ra mình đâu.

Đường xuyên biên giới từ Đông Hà sang Lào tuy là quốc lộ nhưng nhỏ, dốc, băng qua nhiều đồi, núi và dòng suối. Ngay khi ra khỏi bến xe, đi được một đoạn đường vài trăm thước, chúng tôi đã phải đổ dốc. Xuống đến chân dốc gặp một đoạn suối chảy băng ngang. Tuy nước suối chỉ xâm xấp ngập mặt đường khoảng một gang tay, nhưng vì mặt đường làm bằng những tảng đá lờm chờm, ngay cả xe hơi đi qua cũng phải nghiêng ngửa, nên chúng tôi bước đi rất khó khăn. Nhất là BH, một cô gái sinh ra và lớn lên ở Sài Gòn, học trường đầm, chưa bao giờ gặp hoàn cảnh này, nên rất lúng túng và sợ hãi. Dù không phải mang ba lô trên vai, lại được T. đi bên cạnh giúp đỡ, BH vẫn vừa đi nghiêng ngửa, té lên té xuống, vừa kêu lên những tiếng thảng thốt... Phải mất gần 10 phút đồng hồ, chúng tôi mới vượt được dòng suối cạn khoảng hai chục thước, sang được đến bên kia bờ an toàn. Đến đây, chúng tôi lại phải gặp khó khăn thứ hai là leo dốc. Dốc không dựng đứng, nhưng xiên xiên cả một chiều dài gần 300 thước, khiến chúng tôi muốn ngộp thở. Lúc đó trời đã tối hẳn, nhưng nhìn ra hai bên đường, tôi thấy không có chỗ nào thuận tiện để có thể chui vô ẩn nấp. Tôi tính thầm trong bụng, chờ lên đến đỉnh dốc, có được tầm quan sát chung

quanh, định được phương hướng rõ ràng, lúc đó chúng tôi sẽ phải tạt vô rừng càng sớm càng tốt. Chứ ba người cứ đi dọc theo đường lộ này, không sớm thì muộn sẽ bị tụi bộ đội công an biên phòng bắt giữ. Tôi không ngờ khi leo dốc, BH và T lại gặp nhiều khó khăn. Vì đi bộ không quen, lại phải leo dốc, trời lại tối, nên đoạn dốc chỉ khoảng 300 mét, nhưng phải mất gần 20 phút đồng hồ, chúng tôi mới leo được tới đỉnh dốc. Để BH và T ngồi nghỉ mệt, tôi âm thầm quan sát chung quanh. Trước mắt tôi, con đường dốc hiện ra mờ mờ, báo hiệu chặng đường sắp tới sẽ càng ngày càng dốc, càng nguy hiểm. Đi ngoài đường quốc lộ, gặp dốc còn khó khăn vất vả như vậy, đi trong rừng gặp dốc chắc chắn sẽ còn khó khăn vất vả gấp bội. Dọc theo hai bên đường, tôi thấy thấp thoáng những ánh đèn leo lét, nằm rải rác. Đó có thể là nhà dân, nhưng cũng có thể là nhà của công an, bộ đội đóng tại Đông Hà. Nghĩ đến những người dân đi trên xe đò lúc trước, tôi thảm nhủ, ngay cả biết chắc một trong những ngôi nhà ven đường là nhà dân đi nữa, chúng tôi cũng không dám chui vô gõ cửa xin tá túc. Tình thế này, chúng tôi phải đi bộ ít nhất một, hai cây số dọc theo đường quốc lộ, rồi mới nghĩ đến chuyện tạt vô rừng ẩn nấp.

Quay sang BH và T, tôi hỏi nhỏ:

- Sao đã đỡ mệt chưa?

BH chán nản, năn nỉ:

- Mệt quá cậu ơi. Cho tụi cháu nghỉ chút nữa đi.

T lồm cồm đứng dậy, hỏi tôi:

- Sao mình không tạt vô rừng nghỉ ngơi một vài giờ rồi hãy đi, cậu?

Tôi trả lời, giọng khuyến khích:

- T. nói đúng lắm. Chúng mình chịu khó đi bộ khoảng nửa cây số nữa rồi tạt vô rừng nghỉ ngơi. Chỗ này toàn nhà ở hai bên đường, không biết là nhà dân hay nhà công an bộ đội, nếu mình tạt vô họ sẽ nghi ngờ, báo động tùm lum nguy hiểm lắm. Thôi BH chịu khó đứng dậy, đi cố một đoạn nữa đi...

BH ưỡn oải đứng dậy. Nhìn BH tôi xót xa. Trong bóng tối, dưới ánh sao, tôi thấy cặp mắt của BH long lanh. Tôi đoán, cháu đã khóc. Khóc vì mệt nhọc lo sợ, vì tủi thân, vì không biết số phận của mình sẽ đi về đâu, giữa quang cảnh âm u của núi rừng. Tôi muốn nói vài lời an ủi, động viên BH, nhưng sợ BH thêm xúc động, đau lòng, nên tôi quay mặt, cố nén tiếng thở dài, rồi mệt nhọc cất bước...

Đi được khoảng hai trăm thước, trong lòng tôi đã khắp khởi mừng thầm, vì cho đến giờ, tôi vẫn không thấy dấu hiệu gì nguy hiểm như tôi thoát lo ngại khi xuống xe. Cứ theo lẽ thường, sau khi được cậu lơ xe thông báo, công an bộ đội VC phải ra tay bắt giữ chúng tôi từ lâu mới phải, vì chúng tôi ba người, đều không có một tấc sắt trong tay. Giữa lúc tôi đang hy vọng một cách mong manh như vậy, bỗng nhiên từ phía trước, ở hai bên đường, một loạt hàng chục ánh đèn bấm loang loáng rọi thẳng về phía chúng tôi. Một tiếng hét thật lớn, lơ lơ giọng người thiếu số, vang lên trong đêm tối:

- Đứng "nại"!

Kèm theo tiếng hô là tiếng lên đạn lách cách. Tôi giật mình, điếng người. Thoáng nhìn, tôi biết ngay tình thế này không tài nào tẩu thoát. Khoảng hơn chục chiếc đèn bấm chiếu thẳng vào mặt chúng tôi. Như vậy, phải có ít nhất hơn chục tên công an, bộ đội với đầy đủ súng ống đang chặn đường chúng tôi. Sợ BH hay T vì hoảng hốt lúng túng, để có hành động liều mạng, hoặc có cử chỉ làm cho mấy tên công an hiểu lầm, gây nguy hiểm đến tính mạng, nên tôi vội nói nhỏ, "Mình đứng lại đi, đừng sợ!"

Tiếng hét thứ hai lại vang lên, cũng lơ lơ giọng người thiếu số:

- Giơ tay "nên"!

Chúng tôi vội vã giơ tay. Những ánh đèn bấm lúc này vẫn loang loáng chiếu rọi lung tung. Chiếc thì chiếu vào mặt chúng tôi, chiếc thì chiếu lên người, chiếc thì chiếu sang chung quanh, quét ngang quét dọc.

Người "thiếu số" lại hét lên:

- Tất cả đứng im. Cấm nhúc nhích. Đồng chí X và đồng chí Y (tôi không nhớ tên nên tạm gọi như vậy) vô giải giới và tịch thu tang vật.

Nghe y hô vậy, tôi đang hoảng hốt lo sợ mà cũng phải bật cười. Sự thực, ai cũng nhìn thấy rõ chúng tôi đâu có mang theo vũ khí gì đâu mà sao y lại hô đòi giải giới chúng tôi?

Hai tên X và Y bước lại. Cả hai đều không có súng. Khi đến cách tôi khoảng ba thước, tên X ra lệnh cho tôi bước về phía tay phải năm bước. Thì ra chúng rất khôn ngoan, trước hết, chúng không mang theo súng khi lại gần là để tránh tình trạng chúng tôi có thể liều mạng cướp súng. Sau đó, chúng bắt tôi đứng cách xa BH và T để khi "giải giới" tôi, BH và T không thể lợi dụng để có những phản ứng bất lợi. Về sau này, tôi mới được anh em trong trại tù Đông Hà cho biết, lực lượng canh phòng suốt từ Đông Hà về đến biên giới là lực lượng hỗn hợp thuộc bộ đội quốc phòng và công an biên phòng. Vì vậy, lực lượng này đều có kinh nghiệm trong việc đối phó và bắt giữ những người chống đối, cũng như người vượt biên. Sau khi gỡ chiếc ba lô ra khỏi vai của tôi, tên X và Y trói tôi giật cánh khuỷu bằng sợi dây dù. Không đầy 5 phút sau, T cũng bị trói tương tự. Riêng BH có lẽ vì con gái, nét mặt rất ngây thơ, nên không bị trói. Như vậy là một lần nữa, tôi lại bước vào vòng tù tội.

Cho đến lúc đó, tất cả những tên bộ đội công an không hề hỏi giấy tờ của chúng tôi và cũng không hỏi chúng tôi đi đâu, làm gì, tại sao lại đến đây, vân vân. Ngược lại, chúng tôi cũng lảng lảng để cho chúng trời, tịch thu đồ đạc mà không hề hỏi ngược lại chúng, tại sao lại bắt trời, tịch thu đồ đạc của chúng tôi. Hành động ngang ngược của tụi công an, bộ đội; và thái độ im lặng chấp nhận của chúng tôi là điều dễ hiểu. Công an bộ đội VC đã biết rõ chúng tôi đang trên đường vượt biên, và chúng tôi cũng biết rõ điều đó. Vậy thì cãi lộn với chúng chẳng thể xoay chuyển được tình thế, mà còn tạo nguy hiểm cho chính mình. Tốt nhất là im lặng như đã bàn bạc với nhau.

Đúng ra, trước khi lên đường vượt biên, tôi đã bàn rất kỹ với BH và T về những kế hoạch đối phó khác nhau nếu chẳng may bị bắt ở những nơi khác nhau. Chúng tôi đã đồng ý, nếu như bị VC hạch hỏi giấy tờ hay bị bắt ở bến xe, trạm kiểm soát dọc đường, chúng tôi còn có thể dùng giấy tờ giả cộng với những lời khai khôn khéo để qua mặt. Còn từ Đông Hà trở đi, mọi giấy tờ giả đều vô hiệu, nên chúng tôi đồng ý huỷ hết giấy tờ giả, và chấp nhận, nếu bị bắt, chúng tôi sẽ tỏ ra ngây thơ và "thành khẩn nhận tội vượt biên" ngay từ đầu. "Ngây thơ và thành khẩn nhận tội" như vậy, chúng tôi có được mấy điều lợi. Một, chúng tôi sẽ tạo cho công an bộ đội VC chủ quan, coi thường. Như vậy, khi gặp điều kiện thuận lợi, chúng tôi sẽ trốn trại. Hai, chúng tôi sẽ không phải gặp khó khăn khi bị VC thẩm vấn điều tra. Như vậy, chúng sẽ khó lòng phát hiện ra lý lịch và tội trốn trại của tôi, ít nhất là trong thời gian đầu giam giữ tôi.

Sau khi trời tôi và T, tụi VC hơn chục đứa gồm cả người kinh lẫn người thiểu số, xúm xít giải chúng tôi về đồn công an biên phòng, cách đó khoảng một cây số. Trên đường đi, chúng đều cười nói hô hô, trong khi chúng tôi thì rầu rĩ vô cùng. Tôi tuy lo ngại cho cái quá khứ trốn trại của mình, không sớm thì muộn sẽ bị tụi VC phanh phui, nhưng vẫn còn cố giữ được vẻ điềm tĩnh. Riêng BH thì khóc xụi xịt, khiến tôi đau đớn, thương cho cháu vô cùng, nhưng không biết làm thế nào...

Đồn công an biên phòng Đông Hà là một dãy nhà tranh chạy dài, được ngăn ra làm nhiều phòng, trông rất sơ sài, tiêu điều. Chúng tôi bị giải vô một căn phòng, trong chỉ có chiếc bàn bằng cây, ghé cũng bằng cây chậy dài, được đóng dính liền với bàn. Trên trần chỉ có một ngọn đèn khoảng 50w toả ra thứ ánh sáng vàng vọt yếu ớt.

Một tên bộ đội đeo lon đại úy, chỉ tay vào góc phòng, ra lệnh cho chúng tôi ngồi xuống đất. Hai tên bộ đội khác, mang 2 chiếc ba lô và chiếc túi xách của tôi để trên bàn. Kế đó, chúng lần lượt mở tung tất cả ba lô và túi xách, lấy ra tất cả mọi vật dụng để lên trên bàn. Một tên khác lấy giấy bút, rồi một tên nhặt từng món đồ, đọc to cho tên kia ghi xuống giấy. Khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, ghi chép xong, chúng lại bỏ tất cả mọi thứ trở lại ba lô và túi xách.

Ngồi trong góc phòng, chúng tôi bị muỗi đốt khắp cả người, nhất là mặt và hai bàn tay bị trời. BH không bị trời còn đỡ, còn tôi và T thì thật kinh hoàng, cả người luôn vụn vẹo, đầu xoay lắc liên tục, nhưng vẫn không thoát được cuộc tấn công dữ dội của cả đàn muỗi...

Sau khi bỏ hết đồ đạc vô trong ba lô, tên đại úy phẩy tay ra hiệu cho mấy tên bộ đội ra ngoài. Trong phòng chỉ còn lại có 3 tên. Tên đại úy chỉ tay vô băng ghế phía bên kia, rồi hướng về phía chúng tôi nói chông:

- Lại ngồi xuống đó.

Chúng tôi lần lượt đứng dậy bước về phía chiếc ghế rồi ngồi xuống. Tôi ngồi đầu bàn, kế đó là T, sau cùng là BH. Phía bên kia, tên đại úy đứng một chân còn một chân y đặt lên ghế. Hai tên bộ đội khác không đeo quân hàm đứng hai bên. Tên đại úy hỏi:

- Các anh vượt biên?

Chúng tôi im lặng.

Tên đại úy nhếch mép, đưa tay chỉ vô đồng ba lô và túi xách của chúng tôi rồi cười khẩy:

- Tất cả những thứ này là bằng chứng đủ để buộc các anh tội vượt biên. Các anh vô phương chối cãi. Vì vậy, tốt nhất là các anh nên thành khẩn nhận tội để được đảng và nhà nước khoan hồng.

Chỉ vào mặt tôi, tên đại úy gằn giọng:

- Sao, anh có nhận tội vượt biên hay không?

Tôi thân nhiên gật đầu:

- Tôi nhận.

Tên đại úy mỉm cười đắc chí. Chỉ tay sang T., tên đại úy hỏi:

- Còn anh, có nhận tội không?

T gật đầu:

- Tôi nhận.

Quét ánh mắt cú vọ sang BH, tên đại úy hỏi: "Còn chị thì sao?"

BH xụi xịt gật đầu, không nói.

Tên đại úy gật gù đắc ý:

- Tốt, như vậy là các anh, chị đã tỏ ra thành khẩn nhận lỗi. Nhưng đó chỉ là bước đầu. Bây giờ tôi muốn các anh chị, mỗi người vô một phòng riêng để cung khai tất cả sự thật về chuyến vượt biên này. Các anh chị phải ghi rõ, họ tên, ngày tháng năm sinh, tên cha, tên mẹ, địa chỉ của mình, những gì các anh chị đã

chuẩn bị cho chuyến vượt biên và vượt biên như thế nào, từ khi ra đi ở đâu, ngày giờ nào, cho đến khi các anh chị bị chúng tôi bắt. Nếu các anh chị khai đúng sự thực, ba người khai đều giống nhau, thì sẽ sớm được đăng và nhà nước khoan hồng, cho về với gia đình. Trái lại, nếu ngoan cố, các anh chị sẽ bị tù rục xương.

Nói đến đó, tên đại úy đập tay xuống bàn đánh rầm, làm cho chúng tôi giật nảy mình. Tôi không biết BH và T có giật mình thật hay không, riêng tôi, tôi giả vờ giật mình, với vẻ mặt sợ sệt. Đây là vai kịch tôi đã chọn và đóng trọn vẹn vai trò ngây thơ sợ hãi của mình trong suốt những ngày tháng bị giam tại Đông Hà, cũng như trên đường chúng tôi bị giải giao về Lao Thừa Phủ ở Huế. Nhờ vậy, sau này hai tên công an giải giao chúng tôi về Huế đã chủ quan, coi thường, tạo cho tôi có cơ hội chạy thoát ngay giữa thành phố Huế, khi chúng tôi cách Lao Thừa Phủ chỉ có không đầy 100 thước.

## KỶ 69

Tối hôm đó, tôi phải mất hơn 1 tiếng đồng hồ để viết xong bản "tự khai". Cảm bản "tự khai" của tôi, tên thiếu úy không hề đọc một chữ, chỉ hỏi:

- Anh khai báo thế này có thành thật không đó?

Tôi trả lời với giọng đầy vẻ ăn năn, hối hận:

- Thưa ông, tôi đại dột nghe người ta xúi dại nên vượt biên, chứ quả thật, tôi chẳng biết gì. Nay tôi rất ăn năn nên đã thành thật khai báo đầy đủ để được cách mạng khoan hồng...

Tên thiếu úy nhếch mép:

- Anh nói làm như tui tôi ngu lắm. Trong ba người, anh lớn tuổi nhất, chỉ nhìn qua cũng biết anh là người cầm đầu. Chính anh xúi dại hai người kia, chứ ai xúi dại anh?

Tôi sợ sệt:

- Dạ ông nói rất đúng. Chính tôi đã rủ rê hai người kia. Nhưng người xúi dại tôi thì lại là người khác.

Tên thiếu úy hách dịch:

- Người đó là ai? Anh có khai tên tuổi người đó rõ ràng trong bản "tự khai" này không?

Tôi nói giọng thành khẩn, pha chút sợ sệt:

- Thưa ông có. Tôi đã khai đầy đủ tất cả trong này.

Tên thiếu úy phẩy tay:

- Được rồi. Nói vậy biết vậy. Thành thật hay không, mai này sẽ biết. Thành thật thì được khoan hồng. Không thành thật thì bị trừng trị đích đáng. Bây giờ anh ngồi im đây chờ.

Nói xong, tên thiếu úy đi ra ngoài, sau khi đóng cửa và khóa cẩn thận.

Ngồi trong căn phòng nhỏ hẹp, mỗi chiều khoảng ba thước, dưới ngọn đèn điện vàng vọt, tôi thấy chán nản vô cùng. Như vậy là kể từ khi trốn thoát trại tù cải tạo ở chân núi Bà Đen cho đến nay, tôi mới được tự do có mấy tháng trời. Bây giờ, bị bắt lại, tương lai của tôi thật cực kỳ bi đát. Trước mắt, trong vài tuần lễ đầu, VC có thể không biết rõ lai lịch của tôi, nên cuộc sống của tôi trong tù có thể tạm ổn. Nhưng sau này, qua điều tra, phối kiểm tin tức, chúng sẽ biết rõ tôi là ai và khi ấy, tôi khó có thể thoát khỏi án tử hình, hoặc chung thân. Vì vậy, tôi chỉ có một con đường duy nhất, phải trốn trại tù này bằng mọi giá, và phải trốn trước khi chúng kịp phanh phui ra lý lịch của tôi. Tôi biết, từ đây đến biên giới Việt Lào chỉ khoảng 50 cây số đường chim bay. Nếu trốn ra khỏi trại tù này, tôi chỉ cần hai ngày đêm cắt rừng là có thể sang được đất Lào an toàn. Vấn đề quan trọng nhất bây giờ là làm sao tôi có thể trốn thoát khỏi trại tù Đông Hà? Tôi hy vọng, trong những ngày đầu, khi chưa biết rõ lý lịch của tôi, VC sẽ chỉ coi tôi là một thanh niên thuần túy vì nghe người khác xúi dục, nên vượt biên. Như vậy, chúng sẽ lơ là canh gác, thuận tiện cho việc tôi vượt ngục.

Đang nghĩ ngợi liên miên, thì có tiếng xích sắt loảng xoảng, rồi cửa mở. Tên thiếu úy lúc này xuất hiện, tay vung vẩy mấy chiếc còng. Hấn bảo tôi:

- Đưa tay đây.

Tôi ngoan ngoãn đưa tay cho hắn còng. Còng xong, hắn đẩy tôi ra ngoài cửa. Đứng chờ sẵn ở bên ngoài có hai tên công an, mặt mũi lầm lì, súng AK-47 hườm sẵn bên hông. Để tôi đứng đó cho hai tên công an canh, tên thiếu úy bước vô phòng kế, còng T đem ra ngoài. Bước vô phòng thứ ba, tên thiếu úy mang BH ra ngoài, nhưng BH thì không bị còng. Xong, tên thiếu úy và hai công an giải chúng tôi đi trên những con đường quanh co ở triền đồi. Trời đêm đầy sao, rừng núi trùng điệp bao bọc chung quanh, khí lạnh lan tỏa, nhưng tôi vẫn thấy thoang thoảng đâu đây một mùi hoa, nhưng không rõ là hoa gì. Khung cảnh thật là u mịch, hư hư thực thực, khiến tôi băng khuâng xót xa cho số phận của người, của mình...

Đi khoảng 15 phút, chúng tôi thấy hiện ra trước mắt một dãy lán lợp súp, lán nào lán nấy cao chỉ hơn một thước, chiếc nọ cách chiếc kia khoảng 5 thước. Trời lúc đó đã khuya, nhưng nhờ ánh sao, tôi cũng thấy được trong lán có nhốt người. Đến trước cửa một chiếc lán, tên thiếu úy ra hiệu cho mọi người đứng lại, rồi y lấy chìa, loay hoay mở khóa. Mang tiếng là cửa, sự thực đó chỉ là những khúc cây sần sùi, còn

nguyên cả vỏ được ghép lại bằng dây kẽm gai, bằng đinh và bằng gỗ. Tuy cánh cửa được làm một cách thô sơ, rùng rú, nhưng chắc chắn, kiên cố vô cùng.

Mở khóa xong, kéo cánh cửa cây sang bên, tên thiếu úy quay lại chỉ vào mặt BH, rồi nói:

- Chị đi vô...

BH dùm người sợ hãi. Từ bé đến lớn, ăn học ở Sài Gòn, BH chưa bao giờ sống xa người thân. Nay trong hoàn cảnh tù ngục, lại phải sống giữa núi rừng âm u, làm sao BH có thể sống cô đơn một mình được. BH hoảng hốt năn nỉ tên thiếu úy:

- Chú... làm ơn cho chúng tôi ở chung một lán.

Tên thiếu úy lắc đầu:

- Hừ, chung một lán? Làm gì có chuyện đó. Chị phải biết, đây là trại tù chứ không phải quán trọ. Nam giam riêng, nữ giam riêng, nghe rõ chưa?

Nói đến đó, tên thiếu úy gần giọng:

- Đi vô!

BH kinh hoàng quay sang tôi và T, khóc nức nở. Tên thiếu úy quát to:

- Có đi vô không thì bảo. Không là chúng tôi phải xử lý biện pháp mạnh. Lúc đó thì đừng có trách.

Nói xong, tên thiếu úy nhìn viên công an gật đầu. Lập tức tên công an bước lên một bước, thúc mũi súng AK vô lưng BH. Cả thân thể rung lên, BH hoảng hốt òa khóc, cố bệu bệu nói cái gì, tôi nghe không rõ. Vừa nói, BH vừa cúi người chui vô trong lán. Tên thiếu úy loay hoay khóa cửa, trong khi tiếng khóc của BH vang lên trong đêm khuya nghe thật não nùng, đau đớn. Nghe tiếng khóc, T đứng im chịu trận, đầu cúi xuống, gương mặt thiếu não đầy vẻ chịu đựng trong đau khổ và bất lực.

Sau khi tổng giam BH xong, viên thiếu úy đưa chúng tôi vô một chiếc lán khác cách đó không xa. Chui vô trong lán, tôi mới có dịp quan sát kỹ lưỡng. Lán rộng mỗi chiều khoảng 5 thước, chung quanh, trên nóc và cửa ra vô đều làm bằng những khúc cây to bằng bắp vế chân, có chằng giây kẽm gai kiên cố. Riêng sàn lán làm bằng những miếng nhôm có chiều ngang khoảng thước hai, bề dày khoảng 15 phân, bề dài suốt chiều ngang của lán. Phía dưới sàn là một căn hầm, cửa hầm cũng làm bằng cây, nhưng tương đối sơ sài so với cửa lán. Điều thể thảm nhất là những lán tù này chỉ có chiều cao khoảng hơn thước. Vì vậy, khi vô lán, chúng tôi phải chui. Vô trong lán thì chỉ được ngồi hoặc nằm. Người nào cao thì khi ngồi, đầu cũng gần đụng trần lán. Kiểu cấu trúc này thật dã man, khiến chúng tôi mất luôn thói quen đi đứng, chạy nhảy cho khí huyết lưu thông; và khi mỗi lưng, chúng tôi chỉ còn cách nằm dài ra mà vươn vai, co chân co tay.

Trại giam Đông Hà chỉ là trại tạm giam. Những người bị giam ở đây gồm có hai thành phần chính. Một là những người vượt biên theo đường bộ. Hai là những người phạm tội hình sự chưa thành án. Tất cả đều chờ đợi để đưa về trại giam của tỉnh Quảng Trị, hoặc đưa về lao Thừa Phủ ở Huế. Vì vậy, mọi khai báo, lấy khẩu cung, chỉ có tính hình thức. Ban quản giáo của trại giam không hề quan tâm đến chuyện khai đúng, khai sai, mà chỉ biết giam giữ tù nhân thật cẩn thận, chờ ngay có lệnh, giải giao đến nơi đến chốn tới những nơi được yêu cầu.

Do nhu cầu sản xuất của trại giam Đông Hà, tù nhân chúng tôi cũng phải đi lao động ngoài rừng. Công việc chủ yếu chúng tôi phải làm là chặt cây, đốt than, trồng khoai mì, thu hoạch chuối, và cuốc đất trồng lúa, trên những thửa ruộng bậc thang, hoặc trong những thung lũng. Tất cả những lần ra ngoài lao động, đều có bộ đội hoặc công an canh gác rất cẩn mật.

Như đã suy tính từ trước, ngay khi chui vô trong lán, tôi đã nghĩ ngay kế vượt ngục. Qua theo dõi một thời gian ngắn, tôi thấy tôi chỉ có thể vượt ngục bằng hai cách. Cách thứ nhất là vượt ngục ngay khi đi lao động. Vượt ngục cách này thì thuận tiện, vì chỉ cần lợi dụng lúc bộ đội, công an, sơ ý, mình liều mạng bỏ chạy vô rừng là thoát. Tuy nhiên, vượt ngục kiểu này rất nguy hiểm, vì chỉ cần một giây phút sơ sẩy là bị bắn bỏ mạng. Qua câu chuyện của những bạn tù, tôi được biết, trong quá khứ, đã có nhiều người bị bắn chết khi chạy trốn trong lúc đang lao động trong rừng. Vì là một trại giam ở địa phương, giáp với biên giới Việt Lào, nên đa số tù hình sự ở đây cũng rất liều mạng. Họ sẵn sàng vượt ngục, chạy sang bên Lào lánh nạn một thời gian, rồi lại tiếp tục làm ăn ở một buôn, bản nào đó, hoặc ở bên Lào, hoặc ở bên Việt Nam. Cách thứ hai là vượt ngục lúc đêm khuya. Cách này xem ra thì có vẻ khó khăn hơn, nhưng lại an toàn hơn. Lý do là vào buổi tối, ý nghĩ những căn lán được xây dựng một cách kiên cố, bộ đội công an, canh gác tù rất lơ là. Như vậy, nếu trốn khỏi được lán tù, chúng tôi chỉ mất có 15 phút đến nửa tiếng là trốn được vào rừng. Khi đó, trời tối đen như mực, cộng với rừng rậm, sẽ giúp chúng tôi dễ dàng thoát khỏi mọi cuộc truy lùng. Điều quan trọng nhất là làm sao có thể trốn thoát khỏi lán tù, mà mọi người tù trong lán, không hề hay biết, hoặc tất cả đều chấp nhận trốn cùng với mình.

Như tôi đã nói ở trên, do cấu trúc của lán tù rất đặc biệt, nên cửa ngõ duy nhất có thể trốn thoát là chui xuống căn hầm ở dưới sàn lán. Vì ở tầng dưới, nước ngập lầy lội, nên cửa hầm làm rất sơ sài. Nếu chúng tôi có thể trốn được xuống dưới tầng hầm, thì việc phá cửa hầm là điều không có khó. Điều khó là làm sao trong đêm khuya có thể chui xuống dưới hầm, vì tất cả những tấm nhôm lót sàn lán đều chạy dài suốt chiều ngang của lán, và trên đó, mọi người tù đều nằm đè lên trên. Nói như vậy có nghĩa, nếu muốn trốn

xuống dưới hầm, chúng tôi phải nâng ít nhất là một tấm nhôm, mà mọi người trong lán đều phải nằm ngang, đè lên trên tấm nhôm đó. Như vậy, tất cả những người tù trong lán phải chấp nhận, ngoảnh mặt làm ngơ cho chúng tôi trốn, hoặc chấp nhận cùng trốn với tội tôi. Tôi biết, chuyện mọi người nhắm mắt làm ngơ cho chúng tôi trốn, để rồi sau đó họ phải gánh chịu mọi liên lụy với cái tội đồng lõa là điều không bao giờ xảy ra. Vì vậy, chúng tôi chỉ còn cách thuyết phục những người tù hình sự cùng giam trong lán tù, cùng chấp nhận vượt ngục.

Trong lán tù của chúng tôi lúc đó có tất cả 7 người. Ngoài hai đứa chúng tôi, 5 người còn lại đều là người địa phương. Người trẻ nhất tên H mới có 17 tuổi, phạm tội ăn trộm 20 kí lô thuốc nổ của huyện đội Đông Hà để đánh cá dưới suối. Người lớn tuổi nhất tên HK, 52 tuổi, phạm tội chém chết vợ và một tên công an khi tên này ngoại tình với vợ HK. Còn anh HV, 36 tuổi, em trai của HK thì bị ghép tội hành hung và ngăn chặn không cho công an thi hành nhiệm vụ, bắt giữ HK. HV cũng đã dùng mác đâm bị thương một người công an khi công an bao vây bắt giữ HK. Người thứ tư là X, 18 tuổi, gọi HK bằng chú, phạm tội ăn trộm súng của một đơn vị bộ đội đồn trú trong nhà của X, rồi đem súng đi bắn khỉ. Trong tù, X rất thương yêu tôi, và rất khoái nghe tôi kể chuyện kiếm hiệp. Còn một người nữa, lâu ngày tôi không nhớ tên cũng như tội mà người đó bị cáo buộc, nên không nói đến ở đây.

Trong số những người cần phải thuyết phục vượt ngục, người đầu tiên là T. Vì tình yêu tha thiết dành cho BH nên T trước sau một mực, chỉ chấp nhận vượt ngục với tôi nếu có BH đi theo. Trong một buổi đi làm ngoài trời, chỉ có tôi và T, tôi nói:

- Tình thế này, không sớm thì muộn, chúng sẽ đưa mình về lao Thừa Phủ. Về đó rồi thì mình vô phương trốn thoát. Vì vậy, nếu mình có trốn thì phải trốn ở đây. T nghĩ thế nào, dám trốn không?

T trầm tư một lúc rồi nói:

- Cháu nghĩ hoàn cảnh của cậu rất nguy hiểm nên cậu có trốn thì trốn ngay đi, không sau này chúng biết rõ cậu là ai, chúng sẽ xử bắn cậu mất. Còn cháu, cháu phải ở lại với BH. Cháu không thể nào bỏ BH mà trốn đi một mình được.

Nói đến đó, T rơm rớm nước mắt:

- Nếu biết tình cảnh hôm nay như thế này, cháu với BH chả dám đi vượt biên với cậu. Thiệt chỉ vì chúng cháu mà cậu bị vạ lây.

Nghe T nói vậy, tôi cũng rất xúc động. Nhưng hoàn cảnh hiện tại không phải là lúc để cho người này hay người kia nhận lỗi về mình. Bây giờ là lúc phải tìm cách trốn tù bằng mọi giá và trốn càng sớm thì càng bớt nguy hiểm. Tôi nôn nóng nói với T:

- Tình cảnh ngày hôm nay, cậu cũng rất ân hận vì đã không làm tròn được trách nhiệm đối với hai cháu. Cậu thấy có lỗi đối T và BH. Nhưng cho đến bây giờ, tội nó chỉ đình ninh mình là những người ngây thơ nghe người ta xúi dục mà đi vượt biên, nên rất thuận lợi cho mình vượt ngục. BH dù sao cũng là con gái, có bị kẹt lại cũng chỉ ở tù vài tháng là được ra. Hơn nữa, má của BH hay tin, sẽ tìm cách xoay sở cho BH ra sớm. Tôi tin chắc BH chỉ ở tù 3 tháng là cùng.

T im lặng một lúc rồi nói, giọng cương quyết:

- Nếu cậu muốn cháu trốn tù cùng với cậu, cậu phải tìm cách cho BH trốn tù cùng với cháu. Còn không, cháu chấp nhận để cậu trói chặt chân tay cháu, rồi để cháu lại trong lán, cho cháu được ở lại cùng chia sẻ hoạn nạn với BH...

Thấy T cương quyết như vậy tôi vừa lo vừa khâm phục. Cũng vì thấy T một lòng một dạ yêu BH như thế, sau này, bàn bạc với mấy anh em trong tù, tôi đã cố gắng thuyết phục, để tất cả đều đồng ý, sau khi trốn khỏi lán tù, chúng tôi sẽ sang lán của BH, tìm cách cứu BH để BH cùng đi.

## KỶ 70

Qua trò chuyện với những người tù địa phương, tôi biết được, trong quá khứ, họ hoặc thân nhân của họ, đều ít nhiều có dính dáng tới VC nên tất cả đều hiểu rõ bản chất của VC và không ưa gì VC. Có điều tất cả năm người đều không hề có ý định vượt biên. Để có thể thuyết phục được mọi người cùng vượt biên, tôi phải khéo léo gặp gỡ từng người, trò chuyện thăm dò và thuyết phục họ. Người đầu tiên tôi gặp gỡ là ông HK, 52 tuổi, người già nhất, có phong độ đàn anh nhất. Vì trong lán, ông HK có em trai là HV và X là cháu gọi ông bằng chú, nên tôi nghĩ nếu thuyết phục được ông cùng vượt biên, chắc chắn việc thuyết phục những người còn lại sẽ dễ dàng rất nhiều.

HK có một thân hình khôi vĩ, cao to lạ lùng. Ngồi trong lán, đầu ông dựng trần lán, nên ông thường phải khom lưng. Da ông ngăm ngăm nâu, xạm trở đầy người. Bộ râu quai nón của ông xồm xoàm, tóc ông xoắn thành từng lọn dây, xoã xuống hai bờ vai vuông, cổ của ông bự, toàn thân ông gân guốc, bắp thịt cuộn cuộn, trông rất uy vũ. Tôi nghe X cháu của ông nói, mấy chục năm trước, ông đã khét tiếng là người đi săn giỏi nhất và là người khỏe nhất, từng chạy từ chân núi lên đỉnh núi nhanh nhất vùng Đông Hà.

Hôm đó chúng tôi phải ra ngoài trồng lúa, đến giờ trưa nghỉ ăn cơm nửa tiếng, tôi ăn vội vàng cho xong rồi đến ngồi cạnh ông, tâm sự về cuộc đời của ông. Nghe ông kể xong chuyện ông chém chết vợ và tên công an, tôi hỏi ông:

- Tội của chú vậy chắc nặng lắm?

Ông gật đầu:

- Nặng lắm chứ. Tôi không bị tụi nó tử hình thì cũng bị chung thân. Chém chết hai mạng người không nặng sao được.

- Nhất là trong hai mạng đó có mạng một thằng công an?

Ông lắc đầu:

- Thằng đó "cách mạng 30" chứ công an gì nó. Nó mê vợ của tôi từ lâu, đến khi tụi VC về, nó chạy theo rồi dờ dờ mắt dậy. Chứ trước kia, bố bảo nó cũng chả dám, chỉ đứng xa nhìn vợ tôi mà nhỏ rãi ra thôi.

Tôi nhẹ nhàng thăm dò:

- Nếu biết tội của chú nặng vậy, sao chú không trốn đi?

Ông ngạc nhiên:

- Trốn đi đâu?

- Thì trốn ra ngoại quốc.

Ông nghi ngờ:

- Ngoại quốc là quốc nào mới được chứ? Mà tại sao tụi ngoại quốc nó lại nhận mình? Nhận mình đâu có được ích gì.

Tôi liền giải thích ngắn gọn cho ông hiểu, nếu mình trốn ra ngoại quốc trong tư cách là người tỵ nạn chính trị thì sẽ được các quốc gia khác tiếp nhận và cho đi định cư ở quốc gia tự do như Mỹ, Canada, Úc... Tôi cũng kể cho ông biết hàng trăm ngàn người Việt đã vượt biên tỵ nạn hiện được định cư tại các quốc gia để tam. Nghe rồi, ông đâm chiêu cho biết:

- Chú mày nói vậy thì tôi biết vậy. Nhưng bồng dưng mình tay trắng, chẳng có một thứ gì, đến quấy rầy họ mà họ nhận thì tôi thấy khó tin quá. Tôi ghét cộng sản thì ghét thật, nhưng bảo ghét như vậy là mình trở thành tỵ nạn chính trị thì nghe không lọt tí nào. Chính trị là mình phải nổi loạn, làm đảo chánh, chiếm đoạt chính quyền...

Tôi nói:

- Tỵ nạn chính trị nó có nhiều loại lắm chú ơi. Có loại nổi loạn, đảo chánh, lật đổ chính quyền, nhưng cũng có loại mình bị chính quyền sở tại trừ dập, o ép, kỳ thị khiến mình mất tự do tôn giáo, tự do ngôn luận, thì mình cũng có quyền xin tỵ nạn chính trị.

- Chú mày nói vậy thì cả cái Miền Nam này ai cũng là tỵ nạn chính trị được sao?

Tôi gật đầu:

- Chú nói đúng. Tụi VC nó xâm lăng Miền Nam, khiến mọi người bây giờ đều bị cộng sản nó đi, người thì phải đi vùng kinh tế mới, người bị bắt vô trại cải tạo, cuộc sống cực khổ, thiếu thốn, không được tự do thờ phụng, làm ăn, học hành, nên ai cũng có quyền xin tỵ nạn chính trị được. Vì vậy chú thấy đó, hễ ai trốn ra được ngoại quốc là đều được ngoại quốc người ta công nhận mình là tỵ nạn ráo trọi. Cái khó là mình có trốn ra được ngoại quốc để xin tỵ nạn hay không.

Ông gật gù:

- Ai trốn ra ngoại quốc thì khó, chứ với tụi này, chuyện đó dễ ợt.

Tôi ngạc nhiên:

- Chú nói sao mà dễ ợt?

- Thì ở đây dân chúng vẫn đi sang Lào buôn bán làm ăn, kể cả buôn đồ lậu như cơm bữa. Chui vào rừng, đi đường tắt chỉ nội một đêm là đến biên giới. Sang bên kia biên giới là Lào. Như vậy không dễ ợt là gì?

Tôi ngây thơ:

- Nhưng bây giờ mình đang ở trong tù, làm sao chui vô rừng mà đi được?

Ông trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Nếu xin tỵ nạn chính trị quả thực dễ dàng như chú mày nói, thì để tôi tính với thằng HV xem. Nó là em tôi, tôi bảo gì là nó nghe nấy. Nhưng tôi thì vợ chết, chẳng còn ai thân thuộc, muốn đi đâu cũng được, miễn sống thì thôi. Còn nó có vợ con, chuyện đi đứng chẳng dễ dàng, phải hỏi qua nó một câu. Nếu nó đồng ý, thì thằng X, cháu tôi cũng dễ. Nó chưa vợ con gì, tôi đi đâu là nó đi theo đấy. Còn hai thằng kia, một thằng tôi bảo nó được, vì nó cũng là em út tôi thôi. Tôi chỉ ngại có thằng còn lại là thằng H...

Tôi lo lắng nhưng im lặng không nói. Ông HK nhìn tôi ngần ngừ một thoáng rồi tiếp:

- Thằng H bố nó đi theo tụi VC rồi chết mất xác. Nó thì trước đây làm giao liên cho huyện đội, phạm tội ăn trộm thuốc nổ nên bị bắt. Tính khí nó nhất, nên khi bị bắt, bị tụi VC nó dọa dẫm là nó khai tâm bậy tậm bạ làm lụy không biết bao nhiêu người. Mình muốn trốn thoát thì phải rủ cả nó đi theo. Sợ tôi, nó sẽ nhận lời đi theo đấy. Nhưng nếu gặp tụi công an, bộ đội hù dọa là nó sợ, nó dám làm đổ bể mọi chuyện lắm.

Tôi thăm dò:

- Ngoài cách rủ nó đi theo, mình còn cách nào khác không, chú?

Ông trầm ngâm một chút rồi thông thả:

- Còn một cách nữa là không nói gì cho nó biết. Đợi đến đêm mình định trốn đi, mình mới rủ nó. Nó chịu thì cho nó đi cùng. Nó không chịu thì trùm mền, bịt miệng rồi trói gô cổ nó lại.

Tôi lo ngại. Vì cách đó xem ra cũng không phải là tuyệt hảo. Ông HK thở dài tiếp:

- Chú mày đừng nghĩ ngợi làm gì, để tôi tính cho. Chuyện đó cứ để từ từ. Trước mắt là để tôi suy nghĩ rồi bàn với thằng HV xem thế nào đã.

Sau khi nói chuyện với ông HK, tôi thấy có nhiều hy vọng cho cuộc vượt ngục của chúng tôi. Nếu ông HK thực sự nhập cuộc, thì với sức khỏe, tuổi đời, kinh nghiệm đi rừng và khả năng thông thạo địa hình rừng núi vùng Đông Hà của ông, ông sẽ giúp chúng tôi vượt qua biên giới Lào Việt dễ dàng. Điều khó khăn nhất hiện nay là làm sao thuyết phục được ông tin tưởng, một khi ra ngoài quốc, ông sẽ được công nhận tư cách tỵ nạn chính trị. Khó khăn thứ hai là làm sao rủ rê để H cùng đi theo.

Ba ngày sau, ông HK gặp tôi cho biết, cả ba người đều đồng ý sẽ vượt ngục. Nghe vậy tôi mừng quá. Hỏi H thế nào thì ông bảo, ông chưa hỏi ý kiến vì sợ y sẽ để lộ bí mật. Theo kế hoạch của ông, vào đêm vượt ngục, khoảng 2 giờ sáng, ông sẽ đánh thức H và cho y biết quyết định vượt ngục cũng chưa muộn. Nếu y thuận, thì cho đi theo. Còn nếu y không chấp thuận, chúng tôi sẽ trói y lại, để sau này, y khỏi bị mắc tội liên lụy, đồng lõa với những người vượt ngục.

Sau khi trói H, chúng tôi chỉ cần nhấc một tấm nhôm lên, là có thể chui xuống tầng hầm bên dưới, rồi phá cửa hầm, vượt thoát ra ngoài dễ dàng. Ngay khi thoát ra ngoài, HV và X sẽ chạy về nhà để mang vợ con của HV và lấy lương thực cùng những thứ cần thiết. Rồi tất cả sẽ gặp nhau tại một điểm hẹn trong rừng, chỉ có ông HK và HV biết.

Nghe kế hoạch của ông HK tôi tỏ ra lo ngại việc HV và X chạy về nhà mang vợ con theo. Ông HK tự tin trấn an tôi:

- Chú mày yên tâm. Ra khỏi đây rồi, tụi tôi sẽ không khác gì hổ về rừng. Tụi nó có thiên binh vạn mã cũng không tài nào bắt nổi tụi này. Cứ để cho thằng HV nó về mang vợ con theo. Không cho nó về, nó đâu có chịu đi. Vả lại mình cũng cần mang theo chút ít lương thực, vũ khí để khi đi rừng, nhờ gặp thú dữ như hổ báo còn có thứ đối phó. Chúng nó đi về nhà chỉ mất có mấy thôi dao thôi mà.

Ông HK cũng giải thích cho tôi hiểu, mỗi thôi dao là một đoạn đường một người cầm dao thấy mỏi, phải chuyển sang tay khác. Khoảng cách như vậy tương đương khoảng 500 thước.

Nghe ông HK nói vậy, tôi cũng yên tâm. Còn trường hợp của T, tôi cũng cho ông biết:

- Chú xem có thể giúp T cứu BH ra khỏi lán tù được không? Vì nếu không cứu được BH để BH đi cùng thì T sẽ không chịu trốn theo mình.

Chuyện này cả tôi và T đã nói với ông HK từ trước, nên ông trả lời ngay:

- Yên trí, thằng X sẽ lo chuyện đó. Chỉ cần bảo BH tối hôm đó nhớ thức chờ người mở cửa, rồi nhẹ nhàng chui ra là xong.

Xem ra kế hoạch vượt ngục đã được hoạch định khá chu đáo và đơn giản. Trông vóc dáng uy vũ của HK cùng thái độ điềm tĩnh, tự tin của ông, tôi rất mừng, đành nín mọi chuyện sẽ trôi qua chót lọt. Không ngờ vào một buổi trưa, đang lao động ở ngoài rừng, HK đến gần tôi, vừa lúi húi làm vừa nói nhỏ:

- Chuyện đó bề rồi....

Tôi điếng người. Đưa mắt nhìn lạ chung quanh, thấy mấy tên bộ đội ở xa không để ý, tôi vội hỏi:

- Đồ bề thế nào, chú?

Sau một lúc im lặng cầm cúi làm việc, ông mới chậm rãi nói:

- Thằng H nó biết hết chuyện rồi.

Tôi ngạc nhiên:

- Ủa, sao nó biết?

- Chiều qua lúc ăn cơm ở ngoài lán, thằng HV và thằng X nói chuyện với nhau làm sao đó, nó nghe lỏm được hết.

Tôi bồn chồn lo lắng:

- Bây giờ mình phải làm sao?

Ông HK gần giọng:

- Tôi đã cảnh cáo thằng H rồi. Nó mà léng phéng bầm báo, là tôi cắt cổ.

- Nó nói sao?

- Nói gì. Nó sợ muốn ỉa ra quần, mặt mũi tái xanh, cắt không còn hạt máu.

- Nhưng đó là trước mặt chú. Sau mặt chú, nó đi bầm báo thì mình đâu biết.

- Tôi đã giao cho thằng HV nhiệm vụ theo dõi sát thằng H. Hể nó đi đâu là theo sát nó đến đó. Nó cũng ngán thằng HV một cây. Bảo đảm từ giờ đến sáng mai là nó không thoát khỏi sự kiểm soát theo dõi của mình.

Tôi lo ngại:



- Còn ngày mai?

- Ngày mai, nếu tụi công an gọi nó đi làm việc riêng, không có mình đi theo, thì mình đành chịu. Hay nó có ám hiệu riêng với tụi công an, để tụi công an gọi riêng nó ra một chỗ, thì mình cũng bó tay.

Tôi ngập ngừng đề nghị:

- Nếu vậy, tại sao mình không trốn ngay tối nay?

Ông HK lắc đầu:

- Không được. Tối nay sáng trăng, trốn rất nguy hiểm.

Trước khi bỏ đi, ông HK trấn an tôi:

- Chú mày cứ an tâm. Mọi chuyện cứ từ từ để tôi tính. Từ giờ đến tối mình nhớ theo dõi sát thằng H, đừng để cho nó lại gần tụi công an, bộ đội. Tối về lán mình sẽ lo thuyết phục thằng H. Nó không nghe thì mình có cách.

Suốt buổi làm chiều hôm đó, tôi lo ngại coi chừng thằng H, mặc dù tôi biết, cả ông HK lẫn HV lúc nào cũng kèm sát bên thằng H.

Bữa cơm chiều hôm đó, ông HK không cho thằng H đi lấy cơm, lấy nước. Ông bắt nó ngồi im trong lán chờ mọi người bưng cơm nước vô "hầu" nó. Thằng H lo ngại ra mặt, bộ điệu nháp nhồm không yên, nhưng vì khiếp hãi uy vũ của ông HK, nên thằng H đành phải chịu trận ngồi bó gối trong lán.

Giữa lúc chúng tôi đang bồn chồn lo lắng, chờ bữa cơm tối, bỗng tên thiếu úy Biển đi lại, the thé quát:

- Thằng H chui đâu rồi?

Chúng tôi giật mình lo ngại, nhưng ai cũng giả vờ ứ ớ quay ngang quay ngược tìm kiếm. Ai cũng mong tên thiếu úy Biển bỏ đi chỗ khác. Nhưng không. Sau khi quét cặp mắt cú vọ nhìn tất cả mọi người ngồi bên ngoài lán chờ cơm, không thấy H đâu, tên thiếu úy Biển bước đến cửa lán cúi đầu ngó vào trong quát to:

- Ê H, mày ra đây tao biểu.

Chúng tôi lạnh người nhìn nhau lo ngại. Nếu thằng thiếu úy Biển lôi H đi khỏi đây, chắc chắn H sẽ bảm báo chuyện chúng tôi đang dự tính vượt ngục. Như vậy tai họa sẽ đổ ập xuống đầu chúng tôi và hậu quả sẽ nguy hiểm không biết đâu mà lường.

Ngó H lồm cồm chui ra khỏi hầm, chúng tôi sợ điên người, không biết cách nào để ngăn chặn không cho H đi theo tên thiếu úy Biển. Nhưng cuộc đời nhiều khi có những may rủi bất ngờ, vượt xa mọi sự tính toán của con người. Khi H vừa chui ra khỏi cửa lán, tên thiếu úy Biển không nói không rằng, nhanh chóng lùi lại một bước, khễ xoay nửa người, rồi vung ngược cánh tay phải, làm một quả đấm móc chớp nhoáng vào cằm thằng H. Tôi chỉ nghe một tiếng "rắc" vang lên khô khốc kèm theo tiếng rú của H, và thấy H bật ngược người đè vào một bên cửa lán. Ngay khi cú đấm thô sơ vừa trúng cằm H, tên Biển đã bước lên một bước, chân trái đứng tấn, chân phải tung ra cú đá vào ngay bụng H. Tôi chỉ kịp nghe H kêu lên một tiếng "óí", đã thấy H gập người làm đôi, rồi cả người H bị bắn tung vào trong lán như một trái banh bị một cầu thủ thiện nghệ đá lọt vô gôn.

Cúi người vô cửa lán, tên Biển cầm chiếc đèn bấm chiếu vào H đang nằm quằn quại trong lán, miệng hét:

- Sáng mai mày sẽ biết tay tụi tao, H ạ.

Nói xong, tên Biển lạnh lùng bỏ đi. Chúng tôi nhìn nhau, không biết đầu đuôi câu chuyện ra sao. Ông HK nhìn HV gật đầu. HV vội vàng chui vô lán chăm sóc và thăm dò H.

## KỶ 71

Bữa cơm tối hôm đó, chúng tôi đều im lặng ngồi ăn, không ai nói với ai một lời. Ông HK nhìn tôi rồi gật gù như gó ghém một ý nghĩa gì đó. Lúc đó tôi không biết ông gật gù như vậy là có ngụ ý gì, nhưng nhìn về mặt hờn hờ của ông, tôi đoán, ông coi chuyện tên thiếu úy Biển đánh H là một điều may mắn cho chuyến vượt ngục của chúng tôi. Lúc đó, tôi cũng có ý nghĩ như ông. Nhưng sự thực đã diễn ra hoàn toàn trái ngược...

Như thường lệ mọi khi, ăn cơm xong, chúng tôi được ở lại nửa tiếng bên ngoài để rửa ráy chén dĩa và vệ sinh cá nhân, trước khi bị nhốt vô trong lán. Trong lúc rửa ráy chén dĩa, ông HK kín đáo quan sát chung quanh rồi nói nhỏ với tôi:

- Thằng H ăng ten, chuyên chỉ điểm cho tụi nó. Nay nó bị thằng Biển đánh cũng đáng kiếp chó săn.

Tôi bần khoản hỏi:

- Nhưng tại sao H bị nó đánh mới được chứ?

Ông HK trầm ngâm một chút, rồi thở dài:

- Thì chắc là chỉ điểm sai trật thế nào đó, nên bị tụi nó đập thôi. Mà chuyện đó đâu có quan trọng. Để ý đến nó làm gì.

Cẩn thận liếc nhìn chung quanh, ông HK tiếp:

- Dù sao đi nữa, nó bị đập thì càng dễ cho tụi mình lôi kéo nó vượt ngục theo...

Ngay lúc đó HV từ trong lán chui ra. Nhìn ông HK, HV lắc đầu không nói. Tôi hiểu, HV đã vô trong lán tìm cách khai thác nhưng không khai thác được H điều gì.

Tối hôm đó, mấy đứa chúng tôi tận tình lo chăm sóc, bóp dầu, đấm bóp cho H. Đến khi đi ngủ, ông HK đổi chỗ, nằm cạnh H thì thắm suốt đêm. Tôi nằm cách xa H, trần trọc không ngủ. Tuy không nghe rõ ông HK nói gì, nhưng tôi biết, ông đang thuyết phục H đồng ý vượt ngục cùng. Trong lòng, tôi cầu mong ông thành công, nhưng không hiểu sao linh tính khiến tôi bồn chồn lo lắng, cho đến gần sáng tôi mới chìm vào giấc ngủ chập chờn đầy ác mộng.

Ngay khi nghe tiếng keng báo thức, tôi giật mình thức giấc. Đầu nhức như búa bổ, miệng đắng nghét, nhưng tôi vội quay nhìn ông HK. Tôi muốn qua nét mặt của ông, đoán biết phần nào kết quả của buổi nói chuyện tối hôm qua. Ông nhìn tôi gật đầu, miệng mỉm cười. Tôi mừng quá, nhưng trong lòng vẫn lo vì tôi nhớ tới lời hét tàn nhẫn của tên Biển, "Sáng mai mày sẽ biết tay tại tao, H ạ". Nếu sáng hôm nay tên Biển lôi H đi "làm việc" để cho H "biết tay tại nó" thì khi một mình H phải đối diện với bầy sói, chắc chắn H khó có thể giữ kín được âm mưu vượt ngục của tại tôi. Trận đòn thù khủng khiếp đối với H có thể khiến cho H thêm cảm ghét CS, nhưng biết đâu nó cũng có thể khiến H thêm sợ hãi, sẵn sàng cung khai cho CS biết những gì H biết để "chuyện tội" diêm chỉ làm.

Nhìn sang H thăm dò, tôi chỉ thấy H cúi đầu, vẻ ngượng ngùng xa cách. Thái độ của H khiến tôi càng thêm lo ngại. Kinh nghiệm cho tôi thấy, một người khi đang có những toan tính hại những người đồng cảnh ngộ, người đó thường né tránh những người chung quanh, nhất là mắt của người đó thường không dám nhìn thẳng. Nhưng trong hoàn cảnh lúc đó, tôi đâu có thể làm gì H ngoài lòng mong mỏi, tôi đã nghĩ sai, đoán sai về H.

Ngồi bó gối trong lán chờ mở cửa đi lao động, lòng tôi bồn chồn lạ lùng. Liếc nhìn H, tôi thấy H vẫn ngồi im, đầu cúi gằm. Tất cả mọi người, kể cả ông HK cũng im lặng. Không khí trong lán thật ngột ngạt nặng nề. Khoảng 10 phút sau, tên công an đến mở cửa lán. Mọi người lần lượt chui ra khỏi lán, lặng lẽ xếp hàng, chuẩn bị đi lao động. Chúng tôi vừa đứng thành hàng xong, chờ mấy tên công an, bộ đội đến dắt đi lao động, thì tên Biển từ trên thêm đá đi thẳng đến trước mặt H, gằn giọng nói ngắn gọn:

- Đi theo tao.

Nói xong, tên Biển quay lưng đi thẳng về khu doanh trại.

Tên H quay qua ngó trộm chúng tôi rồi lặng lẽ đi theo tên Biển. Chúng tôi không ai bảo ai đều lạnh gáy vì lo sợ. Rõ ràng, thái độ của tên H khi đi theo tên Biển báo hiệu diêm lành ít dữ nhiều cho chúng tôi.

Sáng hôm đó, khi đến đồng lúa cạ làm việc, chúng tôi đều bồn chồn lo lắng. Mọi người nhìn nhau lo ngại không sớm thì muộn phong ba bão táp sẽ tới với chúng tôi. Quả nhiên, làm việc đến gần trưa, bỗng dưng chúng tôi thấy hai toán bộ đội từ trên doanh trại đi thẳng tới chỗ chúng tôi làm. Một toán bọc cách trái, một toán bọc cách phải. Trong chớp mắt, hơn chục tên bộ đội đã bao vây chúng tôi vô giữa. Tất cả các tên bộ đội đều trang bị súng AK-47 ở tư thế sẵn sàng nhả đạn. Khi toán bộ đội đã bao quanh chúng tôi trong đội hình bao vây, sẵn sàng trong tư thế "xử lý" chúng tôi tại chỗ, tên Biển mới xuất hiện. Chúng tôi đứng lặng yên trong tâm trạng sợ hãi. Lúc đó chúng tôi biết chắc, tên H đã khai hết mọi chuyện, nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn còn le lói hy vọng, mọi chuyện không phải như vậy.

Nhìn những gương mặt ngờ ngác của chúng tôi, tên Biển gật gù khoái trá. Đi đi lại lại trên bờ ruộng, y háng giọng hai ba lần đầy vẻ thích thú trong tâm trạng của một con mèo đang vờn chuột. Cuối cùng, y gọi tên tất cả những người trong lán của chúng tôi và ra lệnh ngưng làm, lên bờ. Đến lúc này thì chúng tôi không còn nghi ngờ gì nữa về sự phản bội của tên H. Tôi thở dài chán nản bước lên bờ ruộng rồi ngồi phịch xuống cỏ.

Ngay sau đó, toán bộ đội còng tay tất cả chúng tôi và áp tải về lán mà không hề nói một lời. Vô lán, chúng tôi vẫn bị còng tay, và ngoài cửa lán bỗng dưng có hai tên bộ đội đeo súng AK-47 đứng gác với chó béc giê. Nhìn cảnh đó tôi càng ngao ngán thất vọng.

Trưa hôm đó, chúng tôi bị bỏ đói. Mãi đến chiều tối, chúng tôi mới được tháo còng và cho ăn mỗi người một miếng bánh mì luộc, một chén canh rau muống, mặn chát, chỉ thấy nước mà không thấy rau. Giữa lúc đang đói khát và chán nản, bỗng dưng trông thấy tên Biển đi ngang qua, tôi vội vã la lớn:

- Báo cáo cán bộ?

Tên Biển nhìn vô nạt:

- Chuyện gì?

Tôi làm bộ thiếu não:

- Từ sáng đến giờ chúng tôi chỉ mới được ăn có một bữa...

Tôi chưa nói hết câu, tên Biển cầm chiếc dùi cui đập sầm vào cửa lán rồi chửi:

- Đ.M. bây, cầm ngay cái họng thổi tha tại bây lại. Cho tại bây ăn no để tại bây trốn trại sao?

Tôi giật bắn người, kịp giật hai bàn tay lại phía sau. Thiệt hú vía, vì chỉ một ly nữa, là chiếc dùi cui của tên Biển đã đập nát mấy ngón tay của tôi.

Sau khi chúng tôi ăn xong, tên Biển lại ra lệnh còng tay tôi và T. Còn những người khác thì không bị còng. Tối hôm đó, tôi và T phải nằm ngủ trong tư thế tay bị còng, đau đớn thê thảm. Trong hoàn cảnh bi đát đó, ông HK vẫn thân nhiên không một vẻ bi quan chán nản. Đến nửa đêm ông lồm cồm bò lại gần tôi và bảo:

- Chú mày liệu mà lo lấy thân. Một vài hôm nữa, thế nào tụi nó cũng giải bằng đảng chú mày về lao Thừa Phủ đó.

Tôi giật mình hỏi:  
- Lao Thừa Phủ?

Ông HK hỏi nhỏ:  
- Chú mày biết lao Thừa Phủ không? Ở Huế đó. Do tụi Nhật xây từ thời đệ nhị thế chiến lận. Kiên cố lắm. Ai vô đó rồi là một gông, cũng không tụi nào trốn được.

Tôi hoảng sợ, nhưng vẫn cố vớt vát:

- Sao chú biết là tụi nó sẽ giải chúng tôi về lao Thừa Phủ trong vài ngày nữa?

- Thì tôi ở đây cả mấy năm rồi, tôi đâu có lạ gì. Tụi vượt biên, chúng nó chỉ cho tạm giam ở đây vài tháng rồi giải về lao Thừa Phủ để cho tụi đội nó giải quyết.

Tôi thắc mắc:

- Sao chúng không giải chú về lao Thừa Phủ?

- Tụi tôi khác. Tụi tôi là người địa phương, có bị giam ở đây lâu, chúng mới kiếm chác được. Vả lại, chúng muốn tống tụi tôi đi thì cũng phải vuốt mặt nể mũi, ớn ớn họ hàng tụi tôi ở đây khắp chung quanh đây nữa chớ.

Suy nghĩ một lát, tôi lại hỏi:

- Chú bảo tụi nó giam người vượt biên vài ba tháng. Sao tụi tôi mới bị giam có vài tuần, chúng đã cho chuyển về lao Thừa Phủ?...

Ông HK háng giọng rồi nói:

- Bình thường thì tụi nó giam từ ba đến sáu tháng. Nhưng nay thấy chú mày rủ rờ người khác trốn trại, nên chúng nó sợ giam chú mày ở đây lâu dễ có biến, nên giải giao về lao Thừa Phủ cho yên tâm.

Tôi thở dài ảo não. Thấy tôi như vậy, ông HK cười nhẹ:

- Chú mày trông mặt non choẹt, bầm ra sữa, thì cái tội vượt biên nhẹ hều. Về lao Thừa Phủ chỉ vài tháng là tụi nó thả chú mày về liền à. Có gì đâu mà phải thở dài.

Tôi lặng im không nói, vì biết ông nói không sai. Chỉ có điều ông không biết rõ hoàn cảnh bi đát của tôi lúc đó, nếu về đến lao Thừa Phủ, không sớm thì muộn, VC sẽ biết rõ tôi là ai, và khi đó, tôi sẽ bị tù một gông, thậm chí có thể bị tử hình. Nghĩ đến đó, nước mắt tôi giàn giụa. Tôi khóc âm thầm trong đêm tối... Cho đến khi mệt quá, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không hay.

Tiếng đập thình thình vào cửa khiến tôi giật mình thức giấc. Nhìn ra ngoài, trời vẫn còn tối đen như mực. Trong ánh đèn bấp bấp loang loáng, tiếng tên công an hét lên the thé ngay trước cửa:

- Nguyễn Hữu Chí?

Tôi lồm cồm ngồi dậy, chưa kịp nói, thì ánh đèn bấp chiếu thẳng vào mặt. Tên công an lại hét lên:

- Nguyễn Hữu Chí?

Tôi vội vàng trả lời, giọng run lên:

- Báo cáo cán bộ, có tôi.

Tên công an hét tiếp:

- Nguyễn V.T.

T lúng túng lên tiếng:

- Báo cáo cán bộ, có tôi.

Tên công an quét ánh đèn bấp về phía T. Y háng giọng hét tiếp:

- Hai anh có 30 phút chuẩn bị để chuyển trại.

Nói xong, tên công an quay sang lán của cháu gái tôi là H, báo cho H biết lệnh chuyển trại trong vòng 30 phút.

Nghe tên công an hét xong, tôi vô cùng bàng hoàng. Thiệt không ngờ ban chỉ huy trại lại quyết định bắt chúng tôi phải chuyển trại cấp kỳ đến như vậy. Vì lúc đó, tôi và T tay bị còng, nên không có cách nào chuẩn bị được đồ đạc của mình. Ông HK vội bảo mấy người thu xếp đồ đạc rồi nhét vô ba lô cho chúng tôi.

Qua trò chuyện với ông HK, tôi biết, đường đi từ Đông Hà về đến lao Thừa Phủ chỉ nội trong ngày. Lúc đó tôi cũng biết chắc, một khi về đến lao Thừa Phủ, tôi sẽ vô phương trốn thoát, nên tôi đã quyết tâm, ngày hôm nay, trên đường từ Đông Hà về đến lao Thừa Phủ tôi sẽ phải trốn thoát bằng mọi giá. Ngày hôm nay, tôi phải chọn trong hai con đường. Một là tôi trốn thoát. Bằng không, tôi thà bị bắn chết trên đường tháo chạy. Bằng mọi giá, tôi sẽ nhất quyết không để cho mình bước chân vào lao Thừa Phủ. Ngày hôm nay sẽ là ngày định mệnh của tôi. Tôi thăm cầu nguyện Chúa, Phật và tất cả những đấng linh thiêng trên con đời này....

Cũng vì quyết tâm vượt thoát như vậy, nên khi X buộc giầy giầy cho tôi, tôi đòi X buộc lại giầy giầy cho tôi ba lần, lần sau chặt hơn lần trước. X cũng ngạc nhiên khi thấy tôi đòi như vậy, nên khi tôi đòi hỏi buộc lại lần thứ ba, X ngần ngại không chịu. Ông HK nghe lời năn nỉ van nài của tôi, chắc hiểu được ý tưởng liều lĩnh của tôi, nên ông đẩy X sang bên, rồi chính tay ông buộc giầy giầy cho tôi. Buộc xong, ông ghé tai tôi nói nhỏ, "Chúc chú may mắn".

Không đầy 3 phút sau, ánh đèn bấm loang loáng từ phía doanh trại đi xuống. Nhìn ra ngoài trời tối đen, tôi thấy có gần chục chiếc đèn bấm rọi chiếu loạn xạ. Khi đến gần, tôi thấy có tên Biền đi đầu, rồi bốn tên công an áo vàng đeo súng ngắn, và bốn tên bộ đội đeo súng AK-47. Bốn tên công an thì nét mặt lạnh lùng, súng để nguyên trong bao. Còn bốn tên bộ đội đeo súng AK-47 thì đều để súng trong tư thế sẵn sàng nổ súng...

## KỶ 72

Cửa lán tù vừa mở, tên Biền ra lệnh cho tôi và T chui ra. Ngay khi bò được ra ngoài, chúng tôi thấy mấy tên bộ đội cầm súng AK hườm sẵn, nét mặt lạnh lùng vô hồn. Không đầy mấy phút sau, H từ lán bên cạnh cũng cùng chung số phận được giải tới đứng cạnh chúng tôi. Tên Biền cầm đèn bấm lia ngang lia dọc vô mặt chúng tôi rồi nói giọng xấc láo, hăm dọa:

- Tụi bây đã phạm tội vượt biên phản bội tổ quốc là tội đáng bắn bỏ ngay tại chỗ, khỏi cần xét xử. Đến khi bị bắt, đảng đã khoan hồng, tha tội chết, nhưng tụi bây vẫn không thành tâm hối cải, tiếp tục có âm mưu trốn trại là lại một lần nữa thêm tội chết. Đã vậy tụi bây lại còn kéo bè kết đảng rủ rê những người khác cùng trốn trại là ba tội đáng chết. Vì thế, ban chỉ huy trại quyết định đưa tụi bây đi trại khác, để ở đó sẽ có biện pháp giáo dục tụi bây thích đáng.

Tên Biền có thói quen khi tức giận chuyện gì y chuyên xưng hô mà y tao, gọi chúng tôi là "tụi bây". Thú thực, trong cuộc đời tù đầy của tôi dưới chế độ cộng sản, tôi đã nhiều lần bị đối xử tàn nhẫn, nhưng chưa có lần nào gặp phải lối xưng hô "mày tao, tụi bây" một cách trắng trợn và vô học như tên Biền.

Sau khi lên lớp một hồi về tội trạng của tụi tôi, tên Biền quay sang tên bộ đội đứng cạnh, gật đầu. Tên bộ đội hiểu ý bước tới, lên đạn, chĩa nòng súng về phía chúng tôi và ra lệnh chúng tôi đứng nghiêm. Một tên công an bước lại, tháo còng, để chúng tôi người nào đeo ba lô của người đó. Sau đó, tên công an tiếp tục còng hai tay chúng tôi về phía trước. Riêng H. có lẽ là con gái, nên chúng không còng tay. Cuối cùng, để cho chắc ăn, tên công an lấy ra một sợi dây dù dài, trói tay tôi một đoạn, trói tay T một đoạn, trói tay H một đoạn, rồi đoạn cuối cùng y quấn chặt vào tay của y. Vậy là cả ba chúng tôi đều bị trói chung vô một sợi dây mà một đầu của sợi dây do tên công an nắm giữ. Với lối trói như thế, dù có liều mạng cách mấy, tôi cũng chẳng dám và chẳng thể nào chạy trốn.

Tên công an này là người Nùng, không rõ là họ Nùng hay họ Nông, nhưng chắc chắn tên của y là Trí Vân. Vân có một chiếc răng vàng ở hàm trên, hình như đó là phong tục tập quán của người Nùng ở miền thượng du Bắc Việt. Người Vân lùn, thân hình rắn chắc, da ngăm đen, khi cười trần trụi như khối đồng hun. Vân cuồng tín tin tưởng vào chủ nghĩa cộng sản, nhưng vì ít học, nên thích nghe chuyện đông tây kim cổ, và dễ nghe lời phỉnh nịnh. Trong số những công an, bộ đội giam giữ chúng tôi ở Đông Hà lúc đó, tôi chỉ cầu mong Vân là người giải giao chuyển trại cho chúng tôi. Vì với Vân, tôi hy vọng sẽ dễ dàng qua mặt để biến mình trở thành một tên "tù vượt biên ngu ngơ, dại khờ nhưng thuộc loại con ông cháu cha"... Thiệt may mắn cho tôi, hy vọng của tôi đã thành sự thật...

Bình minh hôm đó, trong khí lạnh của núi rừng, tên Biền cùng với bốn tên bộ đội và bốn tên công an áp giải chúng tôi tới bến xe Đông Hà. Có lẽ ban giám đốc bến xe đã nhận được lệnh từ trước, nên chiếc xe đồ duy nhất tuy đã đầy khách, vẫn đậu ở bến xe chờ chúng tôi. Hai tên công an, trong đó có Vân, giải chúng tôi lên xe. Còn lại tên Biền, hai tên công an và bốn tên bộ đội thì quay về ngay khi xe chuyển bánh. Tôi thở phào nhẹ nhõm phần nào vì lúc trước, tôi cứ đinh ninh, nếu cả bọn bốn tên bộ đội cùng bốn tên công an cùng giải giao chúng tôi về Huế, thì tôi chẳng có cơ hội nào trốn chạy.

Cả ba chúng tôi được ngồi vô một băng ghế, ngay phía sau tài xế. Một tên công an, ngồi trên chiếc ghế duy nhất ngay bên phải tài xế. Tên Vân ngồi ở ghế bên cạnh, ngang với ghế chúng tôi. Sợi dây dù trói chung chúng tôi được tên Vân buộc cẩn thận vô thành ghế. Trong tình thế bị còng lại bị trói chung cả ba vô một sợi dây đã buộc vô thành ghế trong xe như vậy, tôi biết, tôi không tài nào có thể trốn được.

Ngay khi bước lên xe, nhìn lướt qua những hành khách trên xe, tôi nhận ra đa số họ là người miền núi. Chỉ có vài người Kinh ngồi ở phía trước. Thấy ba người chúng tôi bước lên xe, tay bị còng, lưng đeo ba lô, lại bị trói chùm với nhau, mọi người, kể cả viên tài xế, đều không lộ vẻ gì ngạc nhiên. Mọi người vẫn trò chuyện tự nhiên. Vài người, quay nhìn chúng tôi một thoáng rồi tỉnh bơ quay ra ngoài cửa sổ. Điều này chứng tỏ, công an Đông Hà đã thường xuyên trói tù từng chùm rồi giải giao tù bằng xe đò. Thú thực, thoạt đầu, khi được lệnh chuyển trại, tôi cứ đinh ninh, bị giải giao bằng xe riêng của đồn công an Đông Hà. Nhưng khi thấy mình được giải giao bằng xe đò, lòng tôi có thêm hy vọng. Tuy không tin tưởng những

người dân trong chuyến xe đò từ Đông Hà sẽ sẵn sàng giúp đỡ tôi như chuyến xe từ Dầu Tiếng về Bình Dương, nhưng tôi thành thực hy vọng, thế nào cũng có người giúp đỡ tôi không cách này cũng cách khác. Sáng hôm đó, tên Biên chỉ tuyên bố chung chung sẽ chuyển chúng tôi đến một trại giam khác, nhưng qua những lời thì thầm của ông HK trong đêm, tôi biết chắc chắn, chúng sẽ chuyển chúng tôi về lao Thừa Phủ, Huế. Qua chuyện trò với ông HK tôi biết, lao Thừa Phủ xây cất rất kiên cố, nếu tôi đã bị giam giữ ở đó, tôi sẽ vô phương vượt ngục. Nguy hiểm thứ hai, một khi đã về đến lao Thừa Phủ, chắc chắn lý lịch của tôi sẽ bị phanh phui, và khi đó tôi sẽ phải chịu nhiều hình phạt khủng khiếp, cuộc đời của tôi sẽ vĩnh viễn bị khâm liệm, không bị xử bắn, thì cũng bị tù một gông. Vì vậy, tôi đã âm thầm nuôi quyết tâm, trên đoạn đường từ Đông Hà về đến lao Thừa Phủ, bằng bất cứ giá nào, tôi cũng phải chạy trốn. Vẫn biết, chạy trốn trên đoạn đường này, trong khi hai tên công an giải giao đều đeo súng ngắn, sẽ vô cùng nguy hiểm, nhưng dù vậy, tôi vẫn còn có cơ hội thoát cũi sổ lồng nhiều hơn so với khi bị nhốt vô lao Thừa Phủ.

Trên đoạn đường bị giải giao từ trại tù Đông Hà ra bến xe, tôi miên man nghĩ ngợi cách tẩu thoát. Trước mắt, tôi nghĩ, nếu chúng tôi bị trói chùm lại với nhau bằng một sợi dây, tôi không thể nào chạy trốn một mình được. Vì vậy, điều đầu tiên, tôi phải tìm cách thuyết phục tên Vân công an tháo sợi dây dù trói chung chúng tôi. Có như vậy, tôi mới có thể chạy trốn khi gặp cơ hội. Tôi cũng hy vọng, cho dù tôi không thuyết phục được Vân tháo sợi dây dù, thì trên đoạn đường từ Đông Hà về lao Thừa Phủ, chắc chắn thế nào cũng có lúc, chúng phải cởi sợi dây dù trói chúng tôi để chúng tôi giải quyết chuyện vệ sinh cá nhân. Khi đó sẽ là cơ hội cuối cùng để tôi có thể chạy trốn.

Để có thể thuyết phục được Vân chấp nhận cởi sợi dây dù, tôi phải tìm cách làm cho Vân lơ là cảnh giác, coi thường chúng tôi. Trong thời gian bị giam giữ ở Đông Hà, chúng tôi cũng đã thành công chứng tỏ cho bộ đội, công an ở đó thấy chúng tôi chỉ là những đứa trẻ ngu ngơ, nghe người khác xúi dục mà đi vượt biên. Nhất là T và H, tuổi còn quá trẻ, sinh ra và lớn lên ở thành phố, chưa một ngày quen với phong ba bão táp cuộc đời, nên khi đi lao động trong rừng, cả hai đều có tất cả những đường nét ngây thơ, non nớt của tuổi trẻ thành phố. Và đó là những thuận lợi mà tôi thấy cần phải tiếp tục khai thác trong chuyến đi này để hai tên công an mất cảnh giác, coi thường chúng tôi.

Sau khi thì thầm bàn bạc với T và H, tôi quay sang Vân xin y cho chúng tôi trích một ít tiền "tang vật" mà chúng đã tịch thu, để chúng tôi có thể mua bán dọc đường. Tên Vân bàn bạc với tên công an kia một lúc, rồi chúng gật đầu chấp thuận. Thế là trên đường đi, mỗi khi có dịp, tôi đều gọi mua đồ ăn, thức uống, thuốc lá thật hậu hĩ cho hai tên công an. Cả hai tên đều vui vẻ ăn uống, chấp nhận quà cáp do chúng tôi mua cho. Không khí căng thẳng lúc ban đầu giữa hai tên công an và chúng tôi dần dần giảm bớt cùng với thời gian và đoạn đường chúng tôi đi từ Đông Hà về thị xã Quảng Trị.

Vì quyết tâm bằng mọi giá, tôi sẽ chạy trốn trên đường từ Đông Hà về lao Thừa Phủ, nên tôi rất lo ngại hai tên công an có súng ngắn sẽ bắn tôi. Tôi không biết khả năng bắn súng của tên công an kia như thế nào, nhưng tên Vân thì tôi vẫn nghe ông HK và các bạn tù ở Đông Hà ca ngợi tên Vân là tên công an bắn súng giỏi nhất ở Đông Hà. Có lẽ là người Nùng, thường xuyên săn bắn thú rừng trước khi vô công an, nên tên Vân bắn súng dài cũng như súng ngắn, súng nào cũng rất thiện nghệ. Tôi nghe ông HK nói, chính tên Vân đã có lần bắn hai phát súng hạ hai con sóc cùng một lúc. Ông HK giải thích cho tôi hiểu, con sóc là con vật bé bỏng, lại chạy nhanh khủng khiếp. Bắn trúng một con đã khó, huống hồ bắn hạ cả hai con cùng một lúc. Lý do là khi bắn trúng con thứ nhất, con thứ hai sẽ chạy mất tăm hơi ngay, lầy đầu mà nhắm bắn.

Với tài bắn súng thiện nghệ như vậy, tên Vân sẽ bắn chết tôi dễ dàng, nếu tôi chạy trốn. Dù cho tôi có bị bắn bị thương đi nữa, thì tôi cũng sẽ bị chúng bắt lại và sẽ phải chịu nhiều cực hình tra tấn. Vì thế, tôi nghĩ, cách duy nhất để tôi có thể trốn thoát, là tôi phải làm cách nào để cho tên Vân không bắn tôi, hoặc nếu có bắn, y sẽ có những tích tắc ngập ngừng, không muốn bắn trúng tôi. Để làm được điều đó, tôi thấy phải làm cả hai cách. Một là tôi phải tạo tình thân với y qua quà cáp và trò chuyện. Điều này tôi đã và đang làm. Hai là tôi phải tìm cách đánh đòn tâm lý qua những câu chuyện, để qua đó, tôi cho y có ý tưởng tôi thuộc loại "con ông cháu cha" có "gốc bự" đang làm cho VC. Mà đối với một tên công an người Nùng ở Đông Hà, "gốc bự" phải là một nhân vật có thật, nhân vật đó không thể ở đâu xa, mà phải ở ngay tỉnh Quảng Trị.

Nhờ trò chuyện với ông HK, tôi biết được tên của trường ty công an Quảng Trị lúc đó họ Nguyễn, tên là gì thì lâu ngày quá tôi không còn nhớ, nên tôi tạm gọi là X. Đợi dịp thuận tiện, tôi hỏi Vân:

- Thưa cán bộ tôi muốn hỏi cán bộ một câu?

Tên Vân gật đầu không nói.

- Thưa cán bộ có biết ông X?

Tên Vân vừa nhồm nhoàm nhai bánh vừa hỏi lại:

- X nào?

- Thưa ông Nguyễn Hữu X, trường ty công an nhân dân tỉnh Quảng Trị...

Vân ngừng nhai, trợn mắt nhìn tôi, ngạc nhiên hỏi:

- Nguyễn Hữu X trường ty công an nhân dân tỉnh Quảng Trị? Sao tôi không biết. Thủ trưởng của tôi mà. Mà làm sao anh biết ông?

Không trả lời thẳng câu hỏi của Vân, tôi tỏ vẻ ái ngại, lo sợ, rồi rụt rè nói nhỏ với tên Vân:

- Nói thật với cán bộ, tội tôi đại đột nghe người ta xúi dại đi vượt biên. Bây giờ bị bắt, bố tôi tôi không sợ, tôi chỉ sợ chú X thôi.

Vân kéo vạt áo lên chùi mép, rồi hỏi tôi giọng có vẻ tò mò:

- Anh là ai mà dám gọi ông X là chú?

Thú thực, tôi không biết gì về X. Qua chuyện trò với ông HK, tôi chỉ biết X là trưởng ty công an, có một vợ, hai con. Có vậy thôi. Chính ông HK cũng không biết gì hơn về X. Nay tôi đánh liều đi nước cờ này, để Vân tưởng tôi và ông X có quan hệ ruột thịt. Nhưng nếu không cẩn thận, Vân biết rõ về X hơn tôi, hỏi tới mấy câu, thì tôi đâu biết trả lời làm sao. Như vậy, mọi chuyện đổ bể, tôi càng kẹt, và mối quan hệ giữa tôi và Vân được bồi đắp trên đường đi sẽ bị sụp đổ. Nghĩ vậy, tôi không chính thức nhận X là chú, và cũng không trả lời thẳng câu hỏi của Vân, mà chỉ nói nước đôi:

- Chú X đã nhiều lần bảo tôi, bây giờ đã giải phóng, đất nước đã thống nhất thì phải lo mang công sức ra để cống hiến cho cách mạng chứ đừng có đại đột vượt biên đi theo đế quốc nữa...

Tên Vân gật đầu đồng ý:

- Đúng như vậy. Tuổi của anh còn trẻ, tại sao anh không ở lại phục vụ cách mạng có phải anh có tương lai tươi sáng không nào.

Nói đến đó, Vân nhìn tôi bán tín bán nghi:

- Nhất là khi anh lại có chú làm lớn trong ngành công an...

Tôi giả bộ ăn năn hối hận:

- Tôi nói, biết cán bộ không tin, nhưng không nói thì lòng áy náy vô cùng. Thú thực với cán bộ, ngay hôm tôi bị bắt ở Đông Hà, tôi cứ tưởng mình bắt hạnh. Nhưng trong suốt mấy tuần qua, nằm vắt tay lên trán, nghĩ đi nghĩ lại, tôi mới thấy mình bị bắt như vậy đâm ra lại may mắn, vì có bị bắt, tôi mới có cơ hội nhận ra mình vượt biên là sai lầm. Vì vậy, tôi chỉ mong sao cán bộ đừng cho chú X của tôi biết là tôi vượt biên bị bắt, kéo chú biết, chú rầy la thì tôi sợ lắm...

Công an Vân nhìn tôi có vẻ thương hại, nói:

- Anh yên tâm đi. Danh sách những người vượt biên giải giao đi lao Thừa Phủ sẽ trình lên bộ nội vụ, nên công an tỉnh không hề hay biết gì chuyện này.

Nhìn vẻ mặt, thái độ và nghe câu nói của Vân, tôi rất mừng. Ít ra, Vân cũng tin tưởng phần nào, tôi là cháu của X. Như vậy, khi tôi chạy trốn, nếu Vân có định bắt tôi, y cũng phải ngần ngại một hai tích tắc. Và biết đâu, một hai tích tắc đó, sẽ cứu tôi thoát nạn? Cho đến nay, tôi không biết sự thực, Vân đã suy nghĩ gì khi nổ mấy phát súng lúc tôi chạy trốn trên đường phố Huế cách lao Thừa Phủ có vài trăm thước, nhưng quả thực, không một viên đạn nào trúng tôi. Nhờ vậy, tôi đã trốn thoát, rồi được người khác giúp đỡ, gọi xe ôm ra Huế, và đáp tàu chợ trở lại Biên Hoà ngay tối hôm đó....

## KỶ 73

Trên chuyến xe đi từ Đông Hà về Huế, một mặt chúng tôi đóng vai ngây ngô, khờ dại để cho hai tên công an mắt cảnh giác, coi thường, mặt khác, tôi tìm cách "cấy" vào đầu óc tên công an Nùng Trí Vân một mối liên hệ mơ hồ giữa tôi và tên trưởng ty công an Quảng Trị. Cả hai điều này đều ít nhiều thành công. Nhưng điều quan trọng khiến tôi điên đầu nhất là làm sao tôi có thể chạy trốn khi cả ba chúng tôi đều bị còng tay và bị buộc chung một sợi dây dù? Vì vậy, để khi chạy trốn, đỡ nguy hiểm nhất, trước hết, tôi phải tìm cách thuyết phục hai tên công an cởi dây trói và tháo còng cho chúng tôi. Muốn làm được điều này, tôi phải tạo cho hai tên công an thực sự tin tưởng vào lòng "ăn năn, hối cải, sẵn sàng chấp nhận để cho nhà nước cải tạo" của chúng tôi. Vì thế, tôi phải làm bộ "ngây thơ và đại đột lo ngại" trước viễn ảnh chúng tôi bị tù một gông, hoặc bị tử hình vì tội vượt biên, một khi chúng tôi về đến lao Thừa Phủ.

Quay sang tên Vân, tôi giả bộ băn khoăn hỏi:

- Thừa cán bộ, cán bộ là người từng trải, có nhiều kinh nghiệm về tù vượt biên nên tôi muốn hỏi thật cán bộ điều này...

Tên Vân nhìn tôi gật đầu:

- Anh nói đi chớ.

- Cán bộ có biết, tội vượt biên của chúng tôi sẽ bị xử bắn hay bị xử tù chung thân?

Tên Vân phì cười lắc đầu. Tôi giả vờ sợ sệt nhìn y ra vẻ ngạc nhiên, không hiểu. Y nhìn tôi có vẻ thương hại:

- Tội vượt biên mà bị bắn thì cả nước này bị bắn hết sao chớ.

- Vậy tội tôi có bị tù chung thân không cán bộ?

- Đảng và nhà nước đại gi mà bỏ tù chung thân mấy người vượt biên chớ. Bỏ tù người ta như vậy, lấy ai lao động xây dựng xã hội chủ nghĩa chớ.

Tôi tỏ vẻ ngạc nhiên, mừng rỡ, nhưng trong ánh mắt vẫn đầy lo ngại, không hoàn toàn tin tưởng. Tên Vân lại lắc đầu thương hại:

- Tôi nói thiệt chứ, mấy anh thuộc loại nhát như thỏ đế, ăn trắng mặc trơn quen rồi. Đã chẳng hiểu gì về rừng núi, đường sá thì chẳng biết, lại sợ hãi đủ thứ, vậy mà cũng đòi cắt rừng vượt biên! Các anh là người thì sợ hổ sợ báo, sợ rắn rết... thì cũng được đi vì những thứ đó thì người nào mà chẳng sợ. Đàng này mấy anh sợ cả cóc nhái, đĩa vắt, gai góc, rồi lại còn mê tín dị đoan sợ cả ma quỷ thì làm sao mà vượt biên cho nổi được chứ.

Nghe tên Vân nhắc đến đó, tôi cười thầm, nhớ đến kế hoạch "đóng kịch" của chúng tôi trong những tuần lễ bị giam giữ ở Đông Hà. Thời gian đó, mỗi khi đi lao động ở bên ngoài, chúng tôi đều bàn nhau tìm cách đóng kịch giống hệt như mấy thanh niên sinh ra lớn lên ở thành phố, nay lần đầu thấy cảnh rừng rú nên gặp cái gì cũng sợ hãi "eo ôi". Được cái may mắn là cả T và H đều là người sinh ra và lớn lên ở Sài Gòn, được nuôi trưởng trong nhung lụa, nên những bỡ ngỡ, sợ hãi của T và H là hoàn toàn trung thực. Nhất là H, một nữ sinh Marie Curie, chưa từng trông thấy cây lúa bao giờ, mỗi khi làm cỏ lúa, lại nhổ cả lúa thay vì nhổ cỏ, nên khi trông thấy ếch, nhái, vắt đĩa,... H đều la hét sợ hãi nghe rất rùng rợn. Nhờ vậy những "giả bộ sợ hãi" của tôi nếu có sơ hở, cũng không bị mấy tên công an, bộ đội phát hiện. Cũng trong thời gian đi lao động, mỗi khi có dịp, chúng tôi luôn giả bộ hỏi những câu ngây ngô như "trong rừng có ma không", "chuyện người rừng bắt mình ăn thịt có đúng không", "chuyện quỷ nhập tràng có thật không"... Tất cả những câu hỏi ngây ngô này đã khiến cho công an, bộ đội ở Đông Hà tin tưởng, chúng tôi chỉ là những "thanh niên đại dột" nghe ai "xúi dại" mà đi vượt biên. Nhờ vậy, tôi đã che giấu được chân tướng của mình. Nghe tên Vân tỏ ra "thương hại" như vậy, tôi tỏ vẻ ngượng ngùng:

- Thú thực với cán bộ, nghe người ta nói vượt biên dễ ợt, nên tụi tôi đại dột nghe theo, đâu có biết trên đường vượt biên lại gặp phải những thứ khủng khiếp đó.

Tiếp tục "cây" vào óc tên Vân những ảo tưởng ngây thơ về mình, tôi hỏi tiếp:

- Vậy theo cán bộ, tội vượt biên của tụi tôi sẽ bị tù mấy năm?

Vân nheo mắt:

- Cái đó còn tùy theo sự thành khẩn ăn năn khai báo của các anh.

Tôi nhanh nhẩu:

- Thì cán bộ đã biết rồi đó, chúng tôi đã thành khẩn ăn năn, khai báo ngay từ đầu rồi còn gì...

- Mấy anh khi bị bắt thì anh nào chả nói vậy. Nhưng chúng tôi có tin các anh thành khẩn khai báo hay không mới là chuyện đáng nói. Nếu tin thì các anh chỉ ở tù khoảng nửa năm đến 2 năm là tối đa. Còn nếu không tin thì các anh sẽ bị tù một gông.

Tôi tỏ vẻ mãn nguyện và tin tưởng vào sự thành khẩn khai báo của mình:

- Cán bộ nói vậy thì tôi mừng quá. Tôi cứ tưởng mình sẽ bị tù chung thân, chứ chỉ có nửa năm đến hai năm tù nếu tôi thành khẩn ăn năn, thì tôi rất an tâm cải tạo.... để làm lại cuộc đời.

Tôi không biết lúc đó, tên Vân tin tưởng vào "thiện chí cải tạo" của tôi tới mức nào, nhưng tôi nghĩ, ít nhiều tôi đã thành công cho tên Vân hiểu, tôi sẵn sàng vui vẻ vào tù ngồi bóc lịch một hai năm để "chuộc tội vượt biên" mà tôi đã phạm. Như vậy trong đầu óc tên Vân sẽ không mấy may nghi ngờ đến chuyện tôi sẽ chạy trốn trên đường giải giao từ Đông Hà về Huế. Một khi y không nghi ngờ, y sẽ lơ là cảnh giác, tạo cho tôi nhiều cơ hội thoát thân.

Điều khó với tôi bây giờ là làm sao tháo được chiếc còng và sợi dây dù trói buộc cả ba đũa. Dĩ nhiên, đòi tên Vân tháo cả hai cùng lúc là điều không tưởng. Muốn thành công, tôi phải đánh từng bước. Bước đầu tiên là sợi dây dù. Nếu tên Vân tháo sợi dây dù, gặp điều kiện thuận lợi, cho dù tay bị còng, tôi vẫn có thể liều mạng bỏ chạy.

Sau hồi suy nghĩ thật lung, tôi thấy muốn tháo sợi dây dù chỉ có hai cách. Một là thuyết phục tên Vân. Hai là chờ đến bến xe Quảng Trị, xe phải đỗ lại cho khách lên xuống, mua bán, ăn uống,... ba đũa chúng tôi sẽ đòi đi tiêu, đi tiểu. Khi đó, bắt buộc tên Vân phải cởi trói sợi dây dù, và tôi phải tìm cách trốn thoát bằng mọi giá ngay tại bến xe thị xã Quảng Trị. Quyết tâm này của tôi bắt nguồn từ câu chuyện với ông HK. Chuyện đó đầu đuôi như sau.

Trong thời gian còn bị giam ở Đông Hà, ông HK đã cho tôi biết, không sớm thì muộn, công an biên phòng Đông Hà sẽ giải giao tất cả những tù chính trị, vượt biên về Huế. Còn tù hình sự, tội nhẹ sẽ được giải quyết ngay tại chỗ, còn tội nặng sẽ được giải về nhà tù của tỉnh Quảng Trị, hoặc đưa về Huế. Riêng trường hợp của ông HK, vì có quan hệ đặc biệt thế nào đó, nên tuy ông đã ở tù tại Đông Hà hơn nửa năm, chúng vẫn chưa có quyết định giải ông đi đâu.

Trong tù, ông HK là người thẳng thắn, cương trực, xứng đáng với câu "uy vũ bất năng khuất". Ông cũng rất thương tôi và thường bảo tôi kể chuyện cho ông nghe. Mọi người thì thích nghe truyện Chử Đồng Tử, nhưng ông lại khoái nghe truyện Tam Quốc, nên những khi kể truyện Tam Quốc, chỉ có tôi và ông. Khác với những người khác, nghe kể thì say sưa lắng nghe, ông lại hay cắt ngang, hỏi tới hỏi lui rồi lớn tiếng chửi bới hay ca ngợi nhân vật tôi vừa kể.

Biết trước mình sẽ bị giải về Huế, nên một hôm, sau khi kể cho ông nghe đoạn Trương Phi đại náo cầu Trường Bản, tôi thú thực với ông:

- Chú HK, nếu tôi bị tụi nó giải giao về Huế, có cách nào trốn được không, chú?

Ông HK trầm ngâm một lúc rồi bảo:

- Thường khi giải tù từ đây về Huế, tụi nó đều còng tay và trói tù lại thành từng chùm. Vì vậy, cơ hội duy nhất chú có thể chạy trốn là ở bến xe Quảng Trị. Chú mày có biết tại sao không?

Không chờ tôi trả lời, ông HK tiếp:

- Ở bến xe bao giờ cũng đông người qua lại. Đó là cái dễ thứ nhất. Cái dễ thứ hai là khi tới bến xe Quảng Trị, bao giờ hành khách trên xe cũng phải xuống ăn uống, vệ sinh cá nhân, đổi xe đi các nơi, nên rất lộn xộn. Vì vậy, khi đến đó, tao nghĩ tốt nhất chú mày nên giả vờ xin đi cầu...

Tôi ngạc nhiên:

- Xin đi cầu?

Ông HK gật đầu:

- Nếu đến đó chú mày xin đi cầu, tụi nó phải cho người giải chú mày đến nhà cầu, rồi cởi trói, cởi còng cho chú mày.

- Nhưng đi cầu thì làm sao mà trốn?

- Khi chúng nó cho chú mày đi cầu, thì chú mày đừng đi cầu.

Tôi ngạc nhiên:

- Ủa, sao vậy?

Ông HK mỉm cười:

- Thì chú mày vô trong nhà cầu, đóng cửa lại rồi đứng im đó chờ, chớ vô đó mà đi cầu thì làm sao trốn được. Thằng công an đứng ngoài chờ lúc lâu không thấy động tĩnh gì, thì việc đầu tiên nó phải làm là gọi. Nghe nó gọi thì chú mày đừng trả lời. Gọi một lần, hai lần, ba lần,... không thấy chú mày trả lời là nó phải đẩy cửa, thò đầu vô. Khi đó chú mày chỉ cần bất thành hình, dùng hết sức đóng cánh cửa lại thật mạnh hay đập cho nó một cú, thì nó có khoẻ như voi, cũng phải gục.

Tôi thầm phục mưu kế của ông HK và tôi tin mình có thể thực hiện được mưu kế đó. Dĩ nhiên, mưu kế của ông tuy không hoàn toàn hoàn hảo, nhưng tôi phải thừa nhận là có thể thực hiện được. Và lại, xưa nay có mưu kế vượt ngục nào hoàn hảo. Trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, tôi phải chấp nhận con đường ít rủi ro nhất, mà mình có thể thực hiện. Nhất là trong hoàn cảnh hiện nay, cả ba chúng tôi đều ngồi trên xe đò chạy về thị xã Quảng Trị, và cơ hội duy nhất giúp tôi có thể chạy trốn đang chờ tôi ở phía trước.

Ngay sau khi nghe mưu kế của ông HK, điều khiến tôi lo ngại là T và H. Làm sao tôi có thể thuyết phục được cả T và H cùng trốn với tôi? Nếu tôi thuyết phục được T và H đồng ý cùng trốn thì chúng tôi sẽ phải trốn như thế nào? Chắc chắn cả ba chúng tôi không thể nào cùng trốn theo mưu kế của ông HK được. Tôi có đem lời ông HK tâm tình, kể cho T và H nghe nhân dịp chúng tôi đi lao động ở ngoài rừng. Nghe tôi nói, cả T và H đều hoảng hốt. H nói với tôi, giọng sợ hãi: "Cậu Chí, chúng cháu không dám trốn đâu. Cậu trốn một mình cậu đi. Chúng cháu vượt biên rồi bị bắt mấy lần nên chúng cháu biết, chúng cháu chỉ bị tù một năm là cùng thôi. Biết tin chúng cháu bị bắt, thế nào mẹ cháu cũng tìm đường "lo lót", nên sớm muộn gì tụi cháu cũng được thả thôi, không lâu đâu. Còn cậu, nếu gặp cơ hội thì cậu cứ trốn đi, vì cậu ở lại, trước sau gì chúng cũng sẽ biết cậu và chúng sẽ giết cậu..."

Vào khoảng xế trưa hôm đó, xe chạy vô bến xe Quảng Trị. Trái ngược với lời kể của ông HK, bến xe rất vắng vẻ. Khoảng bốn, năm chiếc xe đậu lác đác trên một bãi đất rộng và trống mênh mông. Một dãy lán siêu vẹo vớ đủ loại hàng quán sơ sài nằm ngang với khu nhà gạch tiêu điều, vừa làm văn phòng, phòng bán vé và cửa hàng ăn. Phía xa xa, cuối bãi đậu xe là một dãy nhà cầu mái tranh, tường đất, vô cùng tiêu điều, trống trải. Nhìn quang cảnh vắng vẻ và trống trải mênh mông đó, tôi thấy ngay, tôi không tài nào trốn thoát theo kế hoạch của ông HK. Tôi biết chắc, cho dù tôi có chui vô được nhà cầu đi nữa thì với sự trống trải cả bốn phía như vậy làm sao tôi có thể đánh lừa được tên công an có trách nhiệm canh giữ tôi. Và cho dù tôi có đánh gục tên công an ngay cạnh nhà cầu đi nữa, tôi cũng chẳng thể nào chạy trốn giữa bãi đất bốn bề mênh mông trống vắng phẳng lý, mà không bị tên công an còn lại phát hiện.

Đứng giữa bãi xe, tôi băn khoăn vô cùng. Tôi không biết mình có nên xin đi cầu để rồi liều mạng thực hiện mưu kế của ông HK, hay nên chờ đợi cơ hội thứ hai, khi xe về đến thành phố Huế. Và tôi cũng không biết khi về đến Huế, liệu tôi có gặp được cơ hội thứ hai, hay tình thế còn bị đát, nguy hiểm hơn ở đây? Giữa lúc tôi đang lưỡng lự như vậy thì tên Vân cầm giây trói kéo chúng tôi đi đến một chiếc xe đò dài hơn, mới hơn, có dòng chữ Quảng Trị - Huế. Tên Vân leo lên xe đầu tiên. Ba đứa chúng tôi lục tục leo theo sau.

Cũng giống như xe đò từ Đông Hà đi Quảng Trị, tên công an cùng đi với chúng tôi đã ngồi chễm trệ trên chiếc ghế duy nhất phía trước, ngay bên phải tài xế. Ba đứa chúng tôi ngồi vào hàng ghế ngay sau tài xế. Tên Vân ngồi vào dãy ghế bên phải, đã có hai người ngồi. Riêng hàng ghế của chúng tôi tuy có 4 chỗ ngồi, nhưng chỉ có 3 đứa chúng tôi.



Khác với chuyến xe từ Đông Hà ra Quảng Trị, chuyến xe từ Quảng Trị đi Huế đông khách hơn, và hầu hết hành khách trên xe đều là người Kinh. Ngay khi thấy ba người chúng tôi bước lên xe với công tay và dây trói, thái độ của mọi người trong xe cũng khác. Nếu hành khách trên xe Đông Hà Quảng Trị thờ ơ lạnh nhạt, thì trái lại, tất cả hành khách trên xe Quảng Trị Huế đều công khai tỏ thái độ quan tâm đến chúng tôi, và ác cảm đối với hai tên công an. Tôi nghe nhiều người ồ lên, nhiều tiếng nói xôn xao, hai ba thanh niên ở phía dưới huýt sáo, kèm theo vài tiếng chửi thề. Thái độ của hai tên công an cũng khác. Trên chuyến xe Đông Hà đi Quảng Trị, chúng tôi về hồng hách, thì trái lại, trên chuyến xe Quảng Trị Huế, chúng tôi về nhút nhát, thụ động và chịu đựng.

Chúng tôi ngồi vừa yên chỗ thì xe từ từ chuyển bánh rời khỏi bến xe Quảng Trị. Nhìn ra bên ngoài, tôi thờ dãi, tiếc cho một "cơ hội có thể trốn" mà mình vừa đánh mất, và lo lắng, không biết từ Quảng Trị về Huế, tôi có còn gặp cơ hội nào khác để trốn thoát hay không?...

## KỶ 74

Xe vừa rời thị xã Quảng Trị được mười phút, bỗng ở phía sau xe có người cất giọng hò: Từ ngày "cách mạng mùa thu". Tiếng hò vừa dứt, một người khác hò tiếp ngay: Thằng khôn đi học thằng ngu làm thầy! Nghe tiếng hò, hầu hết hành khách trong xe đều cười âm ỉ, vỗ tay vang dậy. Chỉ có chúng tôi là im lặng, chỉ dám cười thầm trong bụng. Tôi kín đáo liếc nhìn tên Vân, thấy mặt y đỏ bừng, nhưng y vẫn ngồi yên, tăng lờ như không nghe thấy gì. Viên tài xế đang lái xe, khẽ quay sang bên trái nhìn trộm tên công an ngồi cạnh. Tên này vẫn lạnh lùng nhìn thẳng phía trước. Thái độ tăng lờ, thụ động của hai tên công an càng khiến hành khách trong xe xôn xao, cười cợt khoái trí. Hai người lúc nãy lại cất tiếng hò tung hứng: Một năm hai thước vải thô. Làm sao che kín "Bác Hồ" em ơi! Mọi người trong xe lại cười, hét, huýt sáo âm ỉ. Hai tên công an vẫn tăng lờ, bất động. Phải đến mấy phút sau, tiếng cười, tiếng hò hét trong xe mới nhỏ dần.... Rồi kế tiếp, mấy người ngồi ở cuối xe lại cất tiếng hát: Tổ quốc ơi, ăn khoai mì ngán quá. Từ ngày giải phóng vô đây, ta ăn độn dài dài... Hát chán, mọi người lại bỏ bỏ kể đủ thứ chuyện "quê mùa" của bộ đội, công an cộng sản khi vô Miền Nam, rồi cười ngặt nghẽo...

Thấy mọi người có thái độ chống đối cộng sản một cách công khai trong khi hai tên công an có thái độ thụ động như vậy, tôi rất mừng. Trong hoàn cảnh như vậy, tôi nghĩ nếu tôi có hành động liều lĩnh chạy trốn, chần chẫn sẽ có người giúp đỡ tôi, không nhiều thì ít. Nhưng dù liều lĩnh như thế nào đi nữa, tôi chẳng thể nào chạy trốn nếu tôi không thoát khỏi sợi dây dù trói chùm cả ba đứa chúng tôi. Bây giờ làm cách nào để cho tên công an chấp nhận cởi trói sợi dây dù? Nhất là khi cả hai tên công an đều đang "quê độ" trước sự chọc giận công khai của các hành khách trong xe.

Giữa lúc tôi đang băn khoăn lo nghĩ, thì người đàn bà ngồi ngay phía sau công an Vân, lấy tay đập đập vào vai y rồi hỏi giọng thân mật:

- Chú công an khoẻ không?

Tên Vân giật mình, quay lại nhìn người đàn bà, rồi nhìn qua tôi. Nét mặt của y lộ vẻ lúng túng, không biết ứng xử thế nào. Sau vài giây im lặng, y không thèm trả lời vào câu hỏi mà lại cấm cản:

- Bà muốn gì?

Người đàn bà tuổi ngoài 50, quần áo lam lũ, mái tóc búi tóc để lỏng phía sau, phía trước toá xoã về biếng trễ, nhưng gương mặt sáng sủa, ánh mắt đằm thắm. Bà mỉm cười nói với tên Vân, giọng chân thành:

- Tôi đâu có muốn gì. Tôi chỉ hỏi chú công an có khoẻ không... Minh người Việt với nhau, một phút gặp nhau cũng đã quen biết, huống hồ tôi với chú lại đi cùng một chuyến xe với nhau, nên hỏi thăm sức khoẻ nhau là thường, mà chú. Và lại, tôi cũng có thằng em làm công an, chạc tuổi chú đó mà.

Tên Vân lừ lừ nhìn bà không nói. Qua ánh mắt và vẻ mặt đầy cảnh giác của y, tôi đoán có lẽ y không tin lời của người đàn bà, nhưng vì trong xe đầy không khí thù nghịch, nên y không tiện phát tác. Người đàn bà vẫn tươi tắn, hồn nhiên:

- Tôi tên Xuân, nhưng chú cứ gọi tôi là chị Ba cho thân mật. Còn chú tên chi vậy?

Tên Vân trả lời gọn lọn:

- Vân!

Chị Ba vui vẻ:

- Vân? Tên của chú dễ thương hỉ. Giống tên con gái quá.

Tên Vân cãi, nhưng giọng nói của y có phần bốt gay gắt:

- Cha mẹ đặt sao dùng vậy. Tui mới đẻ làm sao biết tên nào con gái, tên nào con trai.

- Thì tôi cũng nói đùa chú vậy thôi. Có gì sai sót, mong chú bỏ qua cho...

Nói đến đó, chị Ba rút trong túi đồ, gói thuốc lá đầu lọc. Chị rút ra một điếu, đưa cho tên Vân, nói giọng đơn đả:

- Chú Vân hút với tôi điếu thuốc cho thơm miệng.

Tên Vân sáng mắt nhìn điều thuốc, nhưng có vẻ ngần ngại, cuối cùng y cũng cầm điều thuốc. Chị Ba thành thạo bật quẹt mỗi lửa cho y, rồi mỗi cho mình một điều. Nhìn tên Vân rít điều thuốc một hơi đờ lờ, em khói ngon lành, chị Ba kín đáo dúm cho y gói thuốc, rồi nói, giọng thân mật:

- Nói chú đừng giận, nhưng tính tôi thật thà, nghĩ sao nói vậy. Chú cầm lấy gói thuốc này mà hút. Thời buổi bây giờ làm công an, tiền bạc đâu có bao nhiêu... Chú em tôi mỗi khi về nhà chơi, tôi vẫn phải cho nó tiền, nên tôi biết...

Tên Vân ngượng ngùng nhìn trộm tôi. Tôi giả vờ như không biết, nhưng qua đuôi mắt, tôi thấy tên Vân kín đáo cầm gói thuốc bỏ vào túi, rồi nói lí nhí hai tiếng "Cảm ơn". Chị Ba tảng lờ như không thấy vẻ ngượng ngùng của tên Vân, tiếp tục đon đả trò chuyện. Quả nhiên, một lúc sau, tên Vân cũng vui vẻ nói chuyện với chị Ba. Và tôi cũng không hiểu sao, từ khi chị Ba nói chuyện thân mật với tên Vân, không khí chọc quẻ cộng sản bằng những câu chuyện châm biếm nổi tiếng thời bấy giờ, cũng giảm dần.

Cho đến lúc đó, tôi cũng ngạc nhiên trước thái độ thân mật của chị Ba đối với tên Vân. Nhưng qua ánh mắt trong sáng và gương mặt chân thành của chị, tôi vẫn thấy tin tưởng ở chị, và tôi linh cảm đằng sau thái độ thân mật của chị với tên Vân, có lẽ đang ngầm chứa một toan tính nào đó, tôi chưa thể hiểu.

Giữa lúc tôi đang băn khoăn nghĩ ngợi, bỗng tôi nghe chị Ba nói với tên Vân:

- Chú Vân nè, nói chuyện với chú từ nãy đến giờ tôi thấy chú cũng là người hiền lành, chất phác, nên tôi có đề nghị này muốn nói với chú. Chú có cho phép thì tôi mới nói...

Tên Vân nhanh nhẩu gật đầu:

- Chị Ba muốn nói gì thì nói đi, đừng ngại gì chớ.

Chị Ba chỉ ba đứa chúng tôi, nói nhỏ:

- Mấy người này phạm tội với cách mạng, phải không chú?

Tên Vân liếc nhìn chúng tôi, rồi y gật đầu, không nói. Chị Ba tiếp:

- Tôi thì tôi không biết họ tội gì. Nhưng chú đã còng tay họ là đủ rồi, sao còn phải buộc dây trói chùm họ lại với nhau vậy? Trói như vậy thì có vẻ tàn nhẫn quá, phải không chú?

Tên Vân lúng túng:

- Thì lệnh trên... bảo vậy. Tội tôi chỉ biết thi hành chớ.

Chị Ba ngọt ngào:

- Tôi biết, tôi biết, chỉ vì lệnh trên bảo làm như vậy, chứ chú đâu có thể nào tàn nhẫn như vậy được. Nhưng tôi thấy chú làm như vậy là mất uy tín của cách mạng lắm đó. Người ngoài nhìn vô họ thấy cách mạng gì mà tàn nhẫn, đã còng tay người ta lại còn trói trùm người ta lại với nhau.

Quay qua phía hành khách, chị Ba nói lớn: "Bà con trong xe nghe tôi nói vậy có phải không?"

Mọi người trong xe ồ lên tán thưởng. Thôi thì mỗi người mỗi tiếng, mỗi lời nói khác nhau, xôn xao cả trong xe. Chị Ba quay qua tên Vân, nói tiếp, giọng đầy thuyết phục:

- Ai thì cũng biết lệnh trên là như vậy. Nhưng chú là người thi hành. Cấp trên thì ở xa, còn ở đây thì chỉ có chú với chú công an ngồi kia. Mà tôi xem thì mặt mũi của hai chú đều hiền từ, chắc ông bà của hai chú cũng ăn ở có nhân có đức lắm nên các chú mới được như vậy... Vì thế, tôi xin hai chú, thôi thì cởi trói cho người ta, còng tay người ta thế này là đủ rồi...

Tên Vân chưa kịp lên tiếng, thì có tiếng nói sang sảng của một người đàn ông ở phía sau:

- Bà chị nói vậy là đúng lắm rồi đó chú em công an. Qua nói để chú em biết, xe cô chạy trên đường này là dễ gặp tai nạn lắm. Nay chú trói chùm người ta lại với nhau như vậy, lỡ chẳng may xe bị lật, chìm xuống sông xuống hồ, thì làm sao người ta có thể thoát nổi? Người ta có tội thì để cho cách mạng xét xử, bỏ tù. Nhưng chú trói chùm cả ba người lại, lỡ chuyện gì xảy ra có phải là người ta bị chết oan không nào? Khi đó tội lỗi bao nhiêu là chú chịu, chớ lãnh đạo nào chịu vào đấy. Tôi nói vậy, bà con đồng ý với tôi thì vỗ tay lên cho chú em công an đây chú ấy nghe...

Người đàn ông vừa dứt lời, cả xe đã vỗ tay vang dội. Người đàn ông lại cất tiếng:

- Còn bác tài, không vỗ tay được nhưng thấy tôi nói có tình có lý thì lên tiếng đi chớ?

Ông tài xế, khẽ quay mặt lại một chút, nói lớn:

- Bác Bảy nói vậy là đúng lắm đó, mấy chú công an...

Chị Ba ráng một đòn cuối cùng. Chị lấy trong túi ra mấy chùm giò lụa, mỗi chùm khoảng 4, 5 chiếc giò lụa loại nhỏ, bằng nửa cổ tay. Trao cho tên Vân hai chùm, chị nói:

- Đây chú cầm lấy một chùm, một chùm cho chị gửi cho chú công an kia, để hai chú ăn lấy thảo. Còn chùm giò này, chú cho phép chị đưa cho mấy người tù để họ ăn. Bây giờ, chú thương chị, thương bà con cô bác trên xe, cởi trói cho mấy người này để họ được ăn uống ngon lành, chớ trói chùm họ như vậy thì làm sao họ ăn uống tự nhiên được, phải không chú?

Tên Vân lúng túng nhìn chúng tôi, rồi ấp úng nói cái gì, tôi nghe không rõ. Trông ánh mắt của y, tôi rất mừng vì biết, y sắp bị khuất phục... Chị Ba lại mềm mỏng nói tiếp:

- Chú cứ nghe chị, cởi trói cho họ ăn xong cây giò này, nếu sau đó họ có cử chỉ gì nghi ngờ, chú lại trói họ lại như cũ. Mà chị bảo đảm với chú là không có chuyện gì đáng tiếc đâu.

Tên Vân gật đầu:

- Chị Ba đã nói vậy thì... để tôi bàn với đồng chí X xem sao...

Nói xong, tên Vân cầm chùm giò, loạng choạng đi lên, ghé tai tên X thì thầm một hồi, rồi trao chùm giò cho X. Dĩ nhiên cho đến lúc đó, mọi lời đối đáp trò chuyện trên xe, tên X đều nghe thấy hết, nhưng không hiểu sao y vẫn ngồi bất động, nhìn thẳng về phía trước. Thấy Vân thì thầm, tên X gật gật đầu, tôi rất mừng. Đến khi X đưa tay cầm chùm giò lụa từ tay tên Vân, tôi thở phào tin tưởng, chúng tôi sẽ được cởi trói. Quá nhiên, tên Vân quay lại, nét mặt tươi tỉnh, nói với chị Ba:

- Tội tôi nể chị lắm, nên cởi trói cho họ. Nhưng chị phải bảo đảm là họ không trốn đấy chứ.

Mọi người trong xe vỗ tay vang dội. Có người còn ngáy ngô hô to, "Công an muôn năm!" (???) Chị Ba cũng vui vẻ:

- Cảm ơn chú. Chú cứ cởi trói cho họ đi. Nếu họ trốn chạy, chú cứ trói tôi lại là xong.

Nghe mấy chữ "trói tôi lại là xong", tên Vân đực mặt ra nghĩ và một thoáng bắn khoăn hiện lên trên gương mặt của y. Tôi nghĩ, có lẽ câu nói của chị Ba đã khiến tên Vân nghĩ lại mà đâm lo ngại. Nếu tù chạy trốn, làm sao tên Vân có thể trói được chị Ba? Và dù cho khi đó y có trói cả mấy chục hành khách trên xe, y cũng chẳng thể nào thoát khỏi tội để xông tù. Có lẽ hiểu tên Vân đang nghĩ gì, nên chị Ba vội lên tiếng trấn an:

- Trời ơi, chú Vân, chú còn lo nghĩ gì nữa. Xe thì đang chạy vù vù như thế này, người ta lại bị còng tay như vậy, thử hỏi ai dám trốn? Các chú còn sùng óng đầy người nữa... Người bình thường mà nhảy xuống xe còn tan xương nát thịt nữa là...

Đến lúc này, tên Vân hoàn toàn bị khuất phục. Y thở dài, quay qua chúng tôi nói:

- Vì đồng bào trên xe muốn bảo vệ uy tín của cách mạng nên yêu cầu chúng tôi cởi trói tạm thời cho các anh. Các anh cảm không được tự tiện đứng lên, hay đi lại, là chết đấy nhé. Muốn gì các anh phải xin phép và được chúng tôi cho phép mới được làm. Các anh có đồng ý như vậy không chứ?

Chúng tôi vội thi nhau gật đầu, thi nhau nói "đồng ý". Tên Vân vẫn chưa yên tâm. Y đưa tay vỗ vỗ vào khẩu súng ngắn đeo bên hông rồi nói tiếp, giọng đe dọa:

- Các anh phải nhớ, nếu trái lệnh là các anh sẽ bị xử lý tại chỗ đấy nhé. Các anh nghe rõ chưa?

Chúng tôi lại gật đầu, ngoan ngoãn nói "thưa cán bộ nghe rõ". Tên Vân nhìn chúng tôi, rồi không hiểu sao, y đưa tay mở khoá bao súng, lừ lừ nhìn chúng tôi không nói. Sau một thoáng im lặng, tên Vân cúi xuống rồi lần lượt tháo nút dây dù buộc tay của tôi, T và H. Cuộn sợi dây dù vô khuỷu tay, tên Vân trở lại chỗ ngồi, nét mặt y đăm chiêu, như vừa phải làm một việc mà y không muốn.

Chị Ba cầm chùm giò đưa cho tên Vân, hỏi: "Bây giờ chú bóc mấy chiếc giò này rồi đưa cho họ ăn, hay để tôi làm hộ chú?"

Tên Vân không trả lời, chỉ phẩy phẩy tay về phía chị Ba. Chị Ba nói nhỏ, "cảm ơn chú nghe", rồi chị bóc lá từng chiếc giò, đưa cho tôi, cho T và cho H. Chúng tôi cầm chiếc giò ăn ngon lành, ai cũng cảm động vì đây là lần đầu tiên chúng tôi được thưởng thức miếng giò lụa sau thời gian cả tháng trời sống trong thiếu thốn, thèm khát trong trại giam Đông Hà.

Riêng tôi, khi được ăn miếng giò lụa, trong lòng tôi còn mừng rỡ vô hạn, vì chặng đường khó khăn nguy hiểm nhất tôi đã vượt qua. Nhờ sự khôn khéo giúp đỡ của chị Ba và hành khách trong xe, cuối cùng, sợi dây dù trói chùm cả ba chúng tôi đã được cởi! Chặng đường kế tiếp tôi phải vượt qua là chiếc còng số 8. Tôi sẽ phải tìm đủ mọi cách để thuyết phục tên Vân cởi chiếc còng, trước khi tôi liều mạng bỏ chạy. Và cho dù tôi không thành công trong việc cởi chiếc còng số 8, thì trước khi đến lao Thừa Phủ Huế, tôi cũng vẫn phải bỏ chạy. Tôi đã quyết tâm chọn cho mình một con đường: Ngày hôm nay, bằng mọi giá, tôi phải trốn thoát, hoặc tôi phải chấp nhận bị bắn gục ngay trên đường phố Huế!

## KỶ 75

Trên chặng đường từ Quảng Trị đi Huế dài hơn 60 cây số, chị Ba và mấy người khách trên những hàng ghế đầu, đều vui vẻ trò chuyện với tên Vân công an, cho y đủ thứ đồ ăn, thức uống, thuốc lá,... nên bầu không khí căng thẳng trong xe lúc đầu đã biến mất lúc nào không hay. Mọi người trong xe cũng thôi không kể những câu chuyện châm biếm, chọc ghẹo bộ đội, nên cả hai tên công an cũng không còn ngưng, lúng túng như trước. Trong bầu không khí "thân mật" như vậy, chúng tôi cũng trò chuyện vui vẻ với tên Vân, nên sự nghi kỵ thù nghịch cũng giảm đi rất nhiều. Tôi vui mừng và hy vọng, với chiều hướng tốt đẹp như vậy, tôi sẽ thuyết phục được tên Vân cởi còng cho chúng tôi một khi đến Huế.

Huế là thành phố có vẻ đẹp rất quyến rũ qua những đường nét cổ kính. Nhất là vào mùa mưa, với những trận mưa phùn, đường phố thấp thoáng người qua lại, tạo cho thành phố vẻ đẹp trầm buồn, khiến lòng người, dù già hay trẻ, lúc nào cũng phảng phất bằng khuâng mà không hiểu vì đâu. Từ khi đặt chân đến Miền Nam, tôi được đến Huế đôi ba lần, nhưng lần nào cũng vội vã, chẳng nhớ rõ đường phố, quang cảnh

của thành phố, vậy mà mỗi khi đọc thấy ở đâu hay nghe ai nhắc đến Huế, là tôi thấy lòng xao xuyến và hình ảnh Huế lại hiện về thật rõ trong tâm trí...

Khi xe tiến vô thành phố Huế, tên công an ngồi ở trên quay sang phía tài xế nói gì, tôi nghe không rõ, chỉ thấy người tài xế gật gật đầu. Khoảng mười phút sau, xe chạy chậm dần rồi dừng lại tại một góc đường. Tên công an ngồi phía trước đứng dậy, quay xuống gật đầu với tên Vân. Tên Vân đứng dậy, quay sang phía chúng tôi, nói giọng vui vẻ:

- Rồi, bây giờ chúng ta xuống xe chớ.

Cả ba chúng tôi vội vàng đứng dậy. Trong lòng tôi phập phồng lo âu, vì tôi biết, trong khoảng thời gian ngắn ngủi trước mắt, mọi chuyện sinh tử của tôi sẽ được quyết định.

Ngay lúc ấy, chị Ba cũng đứng dậy, cầm cây thuốc lá trao cho tên Vân và nói:

- Chị cho hai chú cây thuốc...

Tên Vân lúng túng đẩy ra:

- Úi trời, sao chị tốt với tụi tôi thế chớ...

Chị Ba lại dúi cây thuốc vào tay tên Vân, nói giọng ngọt ngào thân mật:

- Chú này sao mà khách sáo thế. Chị cho thì cứ cầm lấy...

Tên Vân quay nhìn tên công an kia. Tên này gật đầu. Tên Vân liền cầm cây thuốc đút vô ba lô, rồi vui vẻ nói, vẻ khiêm tốn:

- Vàng chị cho thì chúng em xin chớ. Chúng em cảm ơn chị.

Chờ tên Vân đút cây thuốc vào ba lô xong, chị Ba nói tiếp, giọng nhỏ nhẹ, khuyên bảo:

- Chị cũng cảm ơn hai chú đã nghe lời chị, cời trói cho mấy người này. Thôi thì các chú đã làm phúc, mình không hưởng thì con cháu các chú cũng được hưởng. Còn cái còng tay, nếu hai chú nể lời chị, thì tháo còng cho họ. Coi mặt mũi mấy người này cũng thật thà. Họ chỉ dại dột phạm tội vượt biên chứ đâu có phải cướp của giết người gì, phải không hai chú? Dong người ta đi giữa phố phường, thanh thiên bạch nhật này mà còng tay họ như vậy thì còn gì là uy tín của cách mạng...

Tên Vân ngần ngừ:

- Chị khuyên, thì tụi này cũng muốn nghe. Nhưng...

Chị Ba vội đỡ lời:

- Vì coi hai chú như em, nên chị khuyên vậy thôi, hai chú nghe thì chị mừng, còn không thì chị cũng chẳng giận. Bây giờ chị có mấy gói thuốc và ít tiền muốn cho mấy người này, có được không chú?

Tên Vân quay sang nhìn tên công an kia. Tên kia không nói, không gật cũng không lắc. Y thân nhiên nhẩy xuống xe. Tên Vân nhìn chị Ba gật đầu:

- Thuốc thì chị cho họ được, còn tiền... thì không.

Chị Ba vội vàng dúi vào túi áo ngực của tôi và T, mỗi người một gói thuốc lá. Tôi nhìn chị, xúc động, nói vội:

- Cảm ơn chị... Chị tốt quá.

Sau đó, chúng tôi lần lượt lưu luyến chào chị rồi bước xuống xe. Tên Vân bước xuống sau cùng. Xe từ từ chuyển bánh. Mấy người trên xe thò đầu, thò tay ra vẫy. Tôi và T tay bị còng nên đứng yên nhìn theo trong niềm xúc động. Còn H vì hai tay không bị còng, nên dơ tay vẫy theo. Hai tên công an cũng nhìn nhau, rồi không ai bảo ai cũng dơ tay vẫy lấy vẫy để...

Khi chiếc xe khuất bóng, tên Vân quay sang thì thầm với tên công an kia, rồi bảo chúng tôi:

- Bây giờ các anh giữ gìn trật tự và kỷ luật đi theo chúng tôi thì chúng tôi sẽ không trói các anh nữa...

Thấy y có vẻ dễ dãi, tôi vội nói, giọng lễ phép:

- Thưa cán bộ, cán bộ còng tay chúng tôi như thế này mà bắt chúng tôi đeo ba lô, đi bộ giữa phố thì kỳ lắm, ảnh hưởng đến uy tín cách mạng...

Tên Vân im lặng. Tên công an kia sáng giọng:

- Sao mà kỳ? Xưa nay, dong tù đến lao Thừa Phủ này, ai cũng phải còng tay như vậy hết. Các anh đừng có bướng. Tường tháo được dây trói rồi leo thang làm tới có phải không? Thôi đi, không có nói lời thôi gì nữa.

Nói xong, y quay lưng đi đầu. Tiếp theo là T, H và tôi. Tên Vân đi sau cùng. Tôi không biết đường tôi đi là con đường nào, và bao lâu thì sẽ tới lao Thừa Phủ, nên tôi cũng không biết khi nào, ở đâu, tôi có thể chạy trốn tốt nhất. Biết rằng, chạy trốn giữa ban ngày, ở giữa thành phố Huế, với hai tên công an có vũ khí đang canh chừng là một hành động phiêu lưu, đầy nguy hiểm. Nhưng tôi đâu còn có cách nào hơn. Nguy hiểm hơn nữa, tôi thấy trên đường phố lát đá có những tên công an áo vàng, bộ đội đi lại. Như vậy, dù tôi có chạy thoát khỏi tay hai tên công an áo vàng đang dong giải, tôi vẫn có nguy cơ bị bắt. Khó khăn hơn, với hai tay ở phía trước bị còng trong chiếc còng số 8 và chiếc ba lô đeo sau lưng, dây ba lô thì chòang qua cổ, làm sao tôi có thể chạy?

Đi được khoảng mấy trăm thước, sau một thoáng suy nghĩ, tôi quyết định làm bài liệu. Tôi vội nhin thờ, rồi phình hơi trong bụng và trong ngực thật căng, cho hơi nóng và máu dồn lên mặt. Đem thắm trong óc được

khoảng một phút, thấy đầu choáng váng, mắt hoa, tôi liền giả vờ bước loạng choạng, rồi khụy chân, kêu lên một tiếng thất thanh trước khi té rụi bên lề đường....

Thấy vậy, tên Vân vội bước tới, lay lay vai tôi. Tôi hé mắt, miệng thều thào:

- Cán bộ... tôi không... thờ được.

Nhìn thấy mặt mũi, cổ của tôi đỏ bừng, trong khi dây ba lô thít chặt lấy cổ của tôi, tên Vân vội vàng gỡ chiếc ba lô ra khỏi cổ. Tôi nằm vật ra đường, miệng mũi thở hổn hển một hồi rồi nói, giọng thảm thiết:

- Cán bộ làm ơn tháo còng tay để tôi đeo ba lô, chớ còng tay tôi rồi bắt tôi đeo ba lô bằng cổ thì làm sao tôi thờ nổi.

Tên Vân cúi kính:

- Bao nhiêu người đeo ba lô bằng cổ đầu có sao. Đó, anh T kia cũng đeo ba lô bằng cổ như anh, đâu có thấy gì...

Đã liều thì ba bẫy cũng liều. Tôi thều thào bịa:

- Tôi bị bệnh... tim.

Tên Vân trợn mắt:

- Anh bị bệnh tim? Sao ở trại anh không khai báo?

Tôi giả vờ nói như người sắp chết:

- Cán bộ biết... tôi mà. Tôi đầu... dám nói dối...

Lúc đó, tên công an kia bước tới hỏi tên Vân. Tên Vân nói gì đó một hồi. Bước lại phía tôi nằm, tên kia đá nhẹ vào hông rồi bảo, giọng gay gắt:

- Tôi cho anh đứng 10 giây, anh phải đứng dậy đi ngay.

Tôi giả vờ hoảng hốt, vội vã bò dậy, nhưng miệng vẫn mếu máo:

- Thưa cán bộ, tôi mệt quá, tôi không thờ được.... Tôi chết mất...

Tên Vân thở dài, giọng thương hại:

- Thôi được, anh để tôi mang ba lô cho anh.

Nghe y nói vậy tôi chết điếng. Y mang ba lô hộ tôi thì tôi chẳng còn lý do gì để đòi y tháo còng. Tuy bế tắc như vậy, nhưng tôi vẫn phải giả vờ vui mừng và biết ơn:

- Cảm ơn cán bộ.

Sau đó, chúng tôi tiếp tục lên đường với đội hình như cũ. Chỉ khác là lần này, tôi không phải đeo ba lô, còn tên Vân thì phải đeo cả chiếc ba lô của y và chiếc ba lô của tôi. Tuy ba lô của tôi không nặng nề lắm, nhưng đeo 2 chiếc ba lô, đi bộ trên đường phố giữa trời nắng chang chang, cũng khiến y vất vả, mệt mỏi... Vì vậy, giữa lúc tôi đang lo lắng, bắn khoăn quan sát đường xá tính kế liều mạng thoát thân, bỗng dưng tên Vân quát to:

- Anh Chí đứng lại!

Tôi giật mình, vội đứng khựng, trong lòng lo ngại. Tên công an đi đầu và H, T đang đi nghe quát cũng dừng bước, quay lại nhìn. Tên Vân vút phịch cả hai chiếc ba lô xuống đường, rồi lôi chùm chìa khóa đeo ở thắt lưng. Chẳng nói chẳng rằng, y bước tới trước mặt tôi, tra chìa khóa vào chiếc còng số 8 tôi đang đeo, loay hoay mở...

Thấy vậy, tên công an kia vội hét lên:

- Ê Vân, mày làm gì vậy?

Tên Vân không thèm trả lời, tiếp tục mở còng cho tôi. Tên công an kia bước tới:

- Mày điên rồi à? Tháo còng cho nó, lỡ nó trốn thì sao?

Tên Vân thần nhiên:

- Nó trốn tao chịu!

- Bộ tao không chịu sao?

Tên Vân vỗ vỗ tay vô khẩu súng ngắn đeo ở hông:

- Long, mày biết tài bắn súng của tao mà.

Thì ra tên công an đi cùng với tên Vân là Long. Mãi đến lúc này nghe Vân nói, tôi mới biết. Tên Long lại hét lên:

- Ai chả biết mày bắn giỏi. Nhưng tháo còng cho nó để nó chạy, dù mày có bắn chết nó thì cả mày lẫn tao cũng vẫn bị tù.

Tên Vân phớt lờ lời nói của tên Long. Y lạnh lùng nhét chiếc còng số 8 vô đằng sau lưng, ném trả tôi chiếc ba lô, rồi quát lùn: "Đi!"

Được cởi còng, tôi mừng quá, muốn thét lên. Nhưng ngoài mặt, vẫn ra vẻ mệt mỏi, tôi chậm rãi khoác ba lô lên vai, thờ dài đứng dậy, bước đi uể oải. T và H nhìn tôi, ánh mắt chứa đầy ngụ ý và sự gửi gắm, rồi bước theo. Tôi biết, trong ánh mắt đó, cả T và H đều cầu mong cho tôi may mắn thoát nạn.

Tên Long thấy vậy đành thờ dài bất lực, bước nhanh về phía trước. Như vậy là đội hình của chúng tôi bây giờ thay đổi, Long đi đầu, rồi đến tôi, H, T, và tên Vân đi sau cùng.

Thái độ ngang ngạnh của tên Vân không ngờ đã giúp tôi vượt qua được một chướng ngại vô cùng to lớn trên đường tẩu thoát:Chiếc công tay! Nhưng tôi biết, khi bỗng dưng có quyết định tháo công cho tôi, tên Vân đã ít nhiều bị lời khuyên của chị Ba ảnh hưởng, cùng lòng trắc ẩn mà y đã bị chị Bà và những người trên xe cảm hoá. Thêm vào đó, thấy thái độ ngoan ngoãn đến ngốc nghếch của tôi, tên Vân cũng chủ quan tin tưởng, tôi sẽ không khi nào dám trốn chạy.

Bây giờ thành thoi, tay không bị công, bị trời, tôi thấy thoải mái và tự tin vô cùng. Nhìn lại tất cả những gì đã xảy ra từ sáng sớm đến giờ, tôi thấy mình thật may mắn. Hình ảnh của chị Ba lại xuất hiện trong tâm trí, với nụ cười phúc hậu, ánh mắt khuyến khích, khiến tôi thêm tự tin. Tôi hỏi tên Long công an:

- Thưa cán bộ, mình sắp đến nơi chưa?

Tên Long trả lời cụt ngắn:

- Sắp!

Tôi nhìn về phía trước, không thấy bất cứ dấu hiệu gì cho thấy có một lao khám. Tôi nhớ khi còn ở trại giam Đông Hà, ông HK đã nói cho tôi biết, lao Thừa Phủ là một tòa nhà hình bác giác, do Nhật xây nên rất lớn, ở xa đã trông thấy. Thận trọng và kín đáo quan sát dọc con đường, tôi không thấy một con hẻm. Như vậy rất khó cho tôi chạy trốn. Với hai tên công an đều có súng, và nhất là khả năng thiện xạ bắn trúng cả sóc khi đang chạy của tên Vân, tôi biết, nếu chạy trốn, tôi sẽ chín phần chết, một phần sống. Vì vậy, tôi chỉ hy vọng vào hai yếu tố, thứ nhất là bất ngờ và thứ hai là ngay khi chạy, tôi phải lao ngay vào một con hẻm. Khả năng bất ngờ chạy vào nhà dân, rồi được dân cứu mang, giúp đỡ giống như ngày nào ở Phú Nhuận là điều rất khó...

Chúng tôi đi như vậy được khoảng 15 phút, thì tới một ngã ba. Nhìn sang bên trái, tôi thấy cách ngã ba không xa có một con hẻm bên tay trái. Tôi bèn chòn, tính chạy, nhưng thấy vị trí của mình ở phía trước cả T, H và tên Vân, nếu chạy, tôi sẽ bị tên Vân chặn lại ngay. Đang dùng dằng chưa biết tính sao thì bỗng nhiên tên Long quẹo vô tay phải. Bước theo tên Long, tôi thấy một con đường lớn, thẳng tắp hiện ra trước mắt. Tên Long dơ tay chỉ thẳng về phía trước và nói:

- Lao Thừa Phủ đó!....

Tôi giật mình nhìn. Quả nhiên ở phía cuối đường, cách khoảng vài trăm thước, tôi thấy hai cánh cổng lớn của nhà giam. Hai bên đường, lác đác có nhiều bóng công an, bộ đội đi lại. Và ngay phía bên phải có một quán nước. Chợt nghĩ ra một kế, tôi vội vàng dừng bước, tay ôm bụng, quặn gập người rồi ho lấy ho để. T, H và tên Vân thấy vậy liền đứng lại. Long quay lại nhìn tôi, gần giọng:

- Anh này lại muốn dờ quẻ phải không?

Tôi vẫn tiếp tục ho. Long quát to:

- Anh có đi không thì bảo?!

Tôi thều thào:

- Cán bộ cho tôi uống chút nước. Tôi rất cổ quá...

Long bực tức, văng tục:

- Mẹ... Ần uống gì ở đây? Đi cố lên, vào trong "đó" thì uống! Sắp đến nơi rồi còn gì.

Tôi liều mạng, vút ngay chiếc ba lô xuống đất, tiếp tục gập người lại mà ho. Tên Vân có vẻ thương hại, đứng nhìn tôi một lúc rồi nói với tên Long:

- Thôi cho họ ghé vô quán uống nước đi...

Tên Long quát giọng dứt khoát:

- Mẹ... không ăn uống gì ở đây hết. Giao tù rồi, tao còn phải đi...

Tên Vân bỗng dưng cũng trở nên ương bướng không kém. Y gần giọng:

- Mẹ... máy đi đâu cứ đi. Tao bảo cho chúng nó vô quán uống nước là vô uống, nghe chưa!

Tên Long gầm lên:

- Mẹ... thằng "Nùng con". Mày muốn chơi cha tao hả?!

Vân chưa kịp trả lời thì ngay lúc đó, từ bên kia đường có tiếng gọi lớn:

- Ể, Long, Long!...

Long quay lại, rồi reo to:

- X (tôi không nhớ tên) phải không? Sao mày lại ở đây?

Nói chưa dứt câu, Long chạy băng qua bên kia đường. Hai tên Long và X ôm chầm lấy nhau rồi nhảy tung tung, rất vui vẻ. Sau đó, Long quay về phía chúng tôi nói lớn với Vân:

- Vân, mày cho họ vô quán uống nước. Tao nói chuyện với bạn tao một lúc rồi đi...

Vân gật đầu không nói gì, chỉ vẫy tay ra hiệu cho chúng tôi ghé vô quán nước ngay bên đường. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Thật đúng là ơn trên phù hộ, tôi không những được ghé vô quán uống nước, mà còn may mắn đây được tên Long công an.... cách xa tôi hơn hai chục thước. Bây giờ chỉ còn có tên Vân, tôi sẽ bất ngờ loại bỏ hẳn trước khi chạy trốn. Điều này đối với tôi không khó. Tôi biết, thông thường, những quán nước ở Huế đều bán nước trà xanh. Tôi tính, khi vô quán uống nước, tôi sẽ gọi mấy chén nước trà xanh

nóng bỏng. Sau đó, tôi giả vờ lễ phép, bưng một chén cho tên Vân, rồi xuất kỳ bất ý, hất chén trà nóng vô mặt y, trước khi tôi bỏ chạy....

## KỶ 76

Tôi tin tưởng, với chiều cao thước bảy, đôi giày Bata thể thao, cùng sự bất ngờ và quyết tâm chạy trốn bằng mọi giá, tôi sẽ bỏ xa tên Vân công an, chỉ cao khoảng thước rưỡi, lại đi đôi dép nhựa Hải Phòng. Tin như vậy nhưng điều khiến tôi lo ngại nhất là tài bắn súng của Vân. Nhưng tôi hy vọng, trước khi tên Vân kịp rút súng, tôi đã kịp quẹo phải ở ngã ba. Đến khi y có thể nhắm bắn tôi thì tôi đã bỏ hẳn một quãng đủ xa vài chục thước, rồi tôi sẽ quẹo trái vô con hẻm tôi vừa trông thấy lúc trước. Tôi không biết, con hẻm đó dài ngắn như thế nào, có an toàn cho tôi không, nhưng một khi đã quẹo vô đó, tôi sẽ nhào vô bất kỳ nhà ai ở ngay đầu hẻm để ẩn nấp. Và nếu thuận lợi, tôi sẽ trốn ngay sang những nhà hàng xóm kế cận...

Để thuận tiện cho việc trốn chạy, việc đầu tiên phải làm là vứt ngay chiếc ba lô trên vai xuống, rồi kéo vạt áo lau mồ hôi, tôi kín đáo quan sát. Lúc đó, tên Vân đứng nhìn sang bên kia đường, nơi tên Long đang tán gẫu với bạn. Thái độ của tên Vân rất thờ ơ, không mấy may quan tâm đến chúng tôi.

Tôi hỏi Vân:

- Thưa cán bộ đưa tiền để tôi mua nước uống.

Tên Vân móc túi lấy tiền đưa cho tôi. Nét mặt của y vẫn dửng dưng, không chút đề phòng. Tôi kín đáo nhìn, thấy bao súng ngắn của y vẫn đóng kín, cài nút. Như vậy, khi tôi chạy, nếu y có rút súng bắn, cũng phải chậm mất vài giây. Vài giây tuy ngắn ngủi, nhưng trong lúc thập phần nguy hiểm, chúng có thể cứu tôi thoát chết trong đường tơ kẽ tóc.

Tôi bước vô quán nước. Quán vắng không có một ai. Chủ quán là một thiếu phụ tuổi ngoài 40, nét mặt phúc hậu, có mái tóc đen, dày, quấn thành lọn sau gáy, và cặp mắt đen láy, dưới cặp lông mày cong tuyệt đẹp. Trên chiếc bàn bằng gỗ cao khoảng nửa thước có mấy nải chuối, ít trái cây, mấy lọ thủy tinh đựng các loại bánh kẹo, thuốc lá.... Phía góc bàn có mấy chén nước trà xanh rót sẵn, để nguội. Quanh bàn có hai chiếc ghế dài, bằng gỗ và mấy chiếc ghế nhỏ, đóng ghép sơ sài.

Tôi chào chị và nói:

- Chị cho tôi hai chén nước trà nóng...

Chị chủ quán nhìn tôi, ánh mắt tò mò, rồi đưa tay chỉ mấy chén nước trà rót sẵn và nói, giọng thản nhiên:

- Có nước trà rót sẵn để nguội, chú uống cho mát. Uống trà nóng làm gì mất công chờ...

Tôi mỉm cười nói:

- Cảm ơn chị, xin chị chén trà nguội uống cho mát. Nhưng chị cứ cho tôi xin hai chén trà THIỆT NÓNG đi. Nói xong, tôi đưa tiền cho chị, rồi cầm chén nước trà rót sẵn để nguội, uống một hơi khoan khoái. Chị nhìn tôi, mắt mở to có vẻ ngạc nhiên, khó hiểu nhưng không nói gì. Chị lặng lẽ lấy hai cái chén lật ngửa để trên bàn, rồi rót đầy nước trà nóng hổi. Nhìn mấy chén nước trà nóng, khói bốc nghi ngút, không hiểu sao lúc đó tôi vừa mừng lại vừa ngại ngùng. Mừng vì tôi nghĩ, với nước trà nóng hổi như vậy mà hất vào mặt tên Vân, chắc chắn tên Vân sẽ tối tăm mặt mũi, và phải mất vài phút đồng hồ y mới có thể mở được mắt mà đối phó. Khi đó, tôi đã cao chạy xa bay, và y sẽ vô phương tìm kiếm. Nhưng nhìn chén nước trà nóng hổi như vậy tôi cũng ngại ngùng, không muốn hất ly nước trà nóng vô mặt Vân. Dù sao, trên suốt chặng đường từ Đông Hà về Huế, y cũng đã giúp đỡ chúng tôi, và tỏ ra khá dễ dàng đối với tôi...

Trong tâm trạng bối rối, giằng co như vậy, tôi lặng lẽ hai tay bưng hai chén nước trà nóng hổi bước chậm rãi về phía tên Vân. Lúc đó, Vân lưng vẫn đeo ba lô, đứng nhìn về phía Long ở bên kia đường. Bước đến sát Vân, tôi lễ phép:

- Mời cán bộ uống nước.

Vân không thèm nhìn tôi, trả lời cộc lốc:

- Tôi không uống.

Tôi hít một hơi thở thật sâu, hai ta dâng cao hai chén nước trà nóng, tính hất cả hai vô mặt Vân, nhưng rồi tôi lại do dự, không nỡ.... Ngay lúc ấy, bỗng nhiên tên Vân hình như linh cảm thấy điều gì không ổn, y quay phắt lại nhìn tôi, cặp mắt mở lớn... Lúc đó, cặp mắt của y chỉ cách hai chén nước trà nóng tôi đang cầm trong tay có hơn gang tay.... Tôi hoảng hốt, bối rối... và trong một phần mười của tích tắc đồng hồ phân vân và do dự, chẳng hiểu sao, tôi vội thả rơi hai chén nước trà nóng xuống đất rồi quay đầu bỏ chạy thục mạng...

Cả người tôi lúc đó vọt thẳng về phía trước bằng tất cả sức mạnh trong người, giống như một mũi tên vừa rời khỏi cánh cung. Đôi giày Bata thể thao được ông HK buộc giây chặt chẽ, kỹ lưỡng, như dính chặt lấy chân, nên tôi chạy thật ngon lành, chân không bèn đất... Phải đến mấy giây đồng hồ sau, tôi mới nghe thấy tiếng hô ú ở của tên Vân:

- Đứ... ứ... ứng lạ... ại!

Thì ra, tên Vân lúc đó phần hoảng hốt, phần y là người miền núi, nói tiếng Việt không sõi khi bắt ngờ, nên lúng túng, hồ không rõ tiếng. Nhưng tên Vân chỉ lúng túng khi nói. Trái lại, khi hành động, y đã làm nhanh hơn tôi tưởng. Tôi cứ nghĩ tôi sẽ kịp quẹo vô ngã ba trước khi y kịp rút súng bắn. Không ngờ, ngay sau tiếng hô áp úng, "Đứng lại!" tôi đã nghe ba tiếng súng "Đoàng! Đoàng! Đoàng!" vang lên trong không gian. Kèm theo tiếng súng là tiếng rú nghẹn ngào của H, cháu gái tôi! Từ đó cho đến nay, đã gần 30 năm trôi qua, nhưng mỗi khi nhớ lại tiếng rú của H vào buổi chiều hôm đó, tôi vẫn có cảm tưởng như H đang rú lên khi bị ai bóp cổ!...

Không biết lúc đó, Vân bắn chỉ thiên hay nhắm bắn tôi, nhưng tôi thấy mình không hề bị trúng đạn, cũng không hề nghe thấy tiếng đạn xé gió. Có lẽ khi rút súng bắn, tên Vân đã không bắn tôi vì y nghĩ đến "ông cậu Nguyễn Hữu X trưởng ty công an nhân dân tỉnh Quảng Trị" mà tôi đã bịa đặt, hoặc y nghĩ tôi còn con nít, hoặc y nghĩ đến hai chén nước trà nóng tôi đã không tạt vô mặt y. Cho đến bây giờ, tôi vẫn không biết lý do nào đúng, chỉ biết lúc đó, ngay khi nghe tiếng súng, tôi vội vàng chạy theo chữ chi để tránh đạn...

Ba tiếng súng vừa dứt, tôi cũng nghe nhiều tiếng la hét nổi lên ở phía sau. Tuy không biết những ai la hét, tôi biết chắc đó là những người đang đuổi theo săn bắt tôi. Nghe tiếng súng nổ, tiếng la hét, những người đi hai bên đường đều vội vàng tìm chỗ ẩn nấp, né tránh. Nhờ vậy, tôi chạy càng dễ dàng. Dù không ngoái nhìn lại phía sau, chỉ nghe tiếng chân chạy, tiếng la hét, tôi biết, tên Vân, Long và có thể vài tên công an khác đang đuổi tôi phía sau.

Sự việc lúc đó nói thì lâu, nhưng xảy ra nhanh chóng vô cùng. Trong chớp mắt, tôi đã lao đến ngã ba có con đường bên tay trái. Tôi vội quẹo vô, và trong một tích tắc ngắn ngủi, tôi vội nhìn về phía bên trái thì thấy tên Long chỉ còn cách tôi khoảng 50 thước, tay vung vẩy khẩu súng. Phía sau là Vân và một tên công an áo vàng khác, có lẽ là bạn của Long. Ngay lúc đó, hai tiếng súng vang lên. Lần này, tôi nghe tiếng đạn xé gió bên tai. Tôi biết, tên Long đã bắn tôi! May mắn, tôi không trúng đạn, và may mắn hơn, tôi cũng đã lọt vô bên trong một con hẻm... Tôi biết, với khoảng cách 50 mét ngắn ngủi, tên Long sẽ theo sát tôi trong tích tắc, và khi đó tôi sẽ vô phương tháo chạy. Vì vậy, bằng mọi cách, lọt vô con hẻm rồi, tôi phải tìm cách biến khỏi con hẻm, trước khi tên Long quẹo vô.

Hiểu như vậy, nên mới chạy được khoảng chục thước, trông thấy ngay bên trái có cái ngõ đầu tiên dẫn vô một nhà dân, lập tức tôi quẹo vô, chạy thẳng vô trong. Nhìn thoáng qua tôi không thấy một chỗ ẩn nấp. Căn nhà chạy ngang, có nhiều cửa, nhưng đều đóng im ỉm. Tôi không biết những cánh cửa đó có khoá không, nhưng trong lúc này, chạy đến gõ cửa, chờ cửa mở là điều vô cùng nguy hiểm. Đó là chưa kể, chủ nhà từ chối không chứa chấp, hoặc hô hoán lên, thì càng nguy hiểm. Vì vậy, khi thấy trước mặt có căn nhà tựa nhà kho, hai cánh cửa nửa khép nửa mở, tôi vội đẩy cửa, bước vô. Thì ra đó là một căn bếp, tro tàn nguội lạnh, không có một ai. Bếp lợp ngói, ba phía là tường cao kín mít, ngoại trừ vài lỗ thông hơi nhỏ, lối vô duy nhất vô bếp là hai cánh cửa bằng gỗ đã mục nát ở phía trước mà tôi vừa bước qua.

Tôi thở hổn hển, vội vàng khép cánh cửa lại, nhưng không dám cài then vì sợ động. Lúc đó tôi rất kinh hoàng, vì không ngờ mình lại chạy vào ngõ cụt. Nếu tên Long, tên Vân nhìn vô cái ngõ này, lập tức chúng sẽ phát hiện ra ngay căn bếp khép hờ. Khi đó chúng bước vô và tôi sẽ hết đường chạy trốn... Nghĩ đến đó, tôi run bắn cả người...

Nhìn quanh, thấy trong bếp bên cạnh đồng soong chảo, nồi niêu, và ít củi để cạnh đám rơm rạ, có một thanh sắt dẹt, dài khoảng sải tay, chiều ngang 5 phân, dày khoảng hơn phân, dùng để cời bếp. Mừng quá, tôi vội chộp lấy thanh sắt, rồi vừa thở hổn hển, vừa đứng thủ thế ngay cạnh cánh cửa bếp. Trong hoàn cảnh lúc đó, tôi thấy mình chỉ còn có một con đường là liều mạng chống cự để sống còn. Nếu tên Long, tên Vân hay bất cứ tên công an, bộ đội nào đẩy cánh cửa bếp bước vô, tôi quyết dùng thanh sắt để tự vệ bằng mọi giá.

Đứng trong bếp, tôi vẫn nghe thấy tiếng hò hét huyền não ầm ĩ ngay phía ngoài đường. Thở hổn hển một hồi, thấy đỡ mệt, nhưng tôi vẫn hoảng hốt, vì thấy mình trốn trong một căn bếp, ở ngõ cụt như thế này thì sẽ bị bắt bất cứ lúc nào. Mấy tên công an ở ngoài sẽ báo động tù trốn. Lao Thừa Phủ ở cạnh, chúng sẽ kéo thêm công an, bộ đội, rồi chúng sẽ kết hợp với công an phường, khóm, mở các cuộc bố ráp trong khu vực này. Như vậy, không sớm thì muộn tôi sẽ bị bắt, bị đánh đập, tra tấn cho đến chết. Nghĩ đến đó, tôi thấy tôi không thể mãi cố thủ ở trong căn bếp này, mà phải tìm cách thoát khỏi căn bếp trước khi chúng mở cuộc bố ráp.

Nghĩ vậy, tôi vội cúi nhìn qua kẽ nứt của cánh cửa bếp thì thấy, phía ngoài đường tuy có tiếng la hét, nhưng không thấy có người nào qua lại. Nhìn sang bên trái, tôi thấy có bức tường gạch cao khoảng hai thước rưỡi, còn bên phải là một sân cỏ rộng, cách biệt với đường phố bên ngoài bằng một bức tường gạch, cao khoảng thước rưỡi.

Chờ đợi khoảng một phút, thấy bên ngoài tiếng la hét giảm dần, quang cảnh ngoài đường cũng vắng vẻ, tôi liền từ từ mở nhẹ một bên cửa, rồi vội lách mình ra ngoài. Nhìn vào chân tường ngay cạnh bếp, tôi thấy có một bể nước nhỏ. Tôi vội nhún người nhảy lên bể nước, rồi vung hai tay bám vào một cành cây to cỡ cổ chân. Bằng một động tác "hít xà đơn" quen thuộc, tôi tung hai chân lên cao, rồi nhẹ nhàng rút hai cánh



tay. Lập tức cả người tôi thăng bằng trên cành cây, êm ái không một tiếng động. Từ cành cây, tôi bám hai tay vào tường gạch, rồi nhào người qua. Trong chớp mắt, cả người tôi đã nằm gọn trên bức tường gạch. Từ vị trí trên cao này, tôi vội nhìn ra ngoài đường và giật mình kinh hoàng. Thì ra tên Long vẫn còn đang đứng ở ngoài đường, một tay cầm khẩu súng ngắn dơ cao, đầu thì hết ngoái bên trái lại ngoái bên phải, miệng không ngớt hò hét. May mắn cho tôi, lúc đó tên Long quay lưng về phía tôi, mặt nhìn về phía bên kia đường, nên y không thấy tôi phía đằng sau. Bằng không, tôi đã bị y phát hiện, và trong hoàn cảnh đó, tôi vô phương trốn thoát.

Hú vía, tôi vội vàng hai tay bám chặt lấy mép tường, rồi khẽ nghiêng người về bên kia tường, để cho người rơi xuống thật nhẹ nhàng. Chạy dọc theo bức tường gạch khoảng hai chục thước, tôi đứng phải một hàng rào bằng dây kẽm gai cao khoảng ba thước. Tôi không hiểu sao gia đình đó lại có hàng rào kẽm gai cao như vậy. Nhưng nhìn quanh, tôi mới thấy mấy hàng rào kẽm gai khác cũng cao tương tự. Lúc đó, tôi thấy, chạy về bên trái là không được vì tường gạch cao, chạy dài, không có chỗ bấu víu. Nếu chạy tiếp về bên phải thì không an toàn vì nhà đó cũng sát với con đường mà tên Long đang đứng. Tôi chỉ còn có con đường duy nhất là leo qua hàng rào kẽm gai trước mặt, chạy vô căn nhà phía sau căn nhà tôi vừa ẩn nấp, rồi tìm cách thoát ra một con đường nào đó ở phía trước nhà, cách xa con đường tên Long đang đứng. Nghĩ vậy, tôi vội vàng bám dây thép gai leo như điên cuồng, bắt chắp gai nhọn cào vào quần áo, đâm vào da thịt, máu chảy đầm đìa cả tay, chân, đùi, bụng, ngực... Tôi cũng không hiểu sao lúc đó, tuy bị dây thép gai đâm vô người, máu chảy tùm lum mà tôi không thấy đau đớn ghê gớm gì. Cũng may sân nhà hàng xóm bên cạnh có nhiều bụi cây, nên khi tôi trèo hàng rào kẽm gai, không ai để ý thấy.

Trong chớp mắt, tôi leo qua được hàng rào kẽm gai, thả người nhảy xuống mảnh vườn bên kia an toàn. Vừa đứng vững được hai chân trên mặt đất, quay người lại, tôi điếng người, rợn tóc gáy khi thấy một con chó beagle hồng học chạy tới. May mắn cho tôi, đó là loại chó beagle đã được chủ huấn luyện nên nó không hề sủa ầm ĩ. Bằng không, những tiếng sủa vang của nó sẽ khiến mấy tên công an ở ngoài đường nghe rõ mồn một, và biết ngay tôi đang ở đâu.

Trong tình thế lúc đó, tôi biết ngay, nếu tôi có những cử chỉ nhút nhát, sợ hãi, hay hoảng hốt bỏ chạy, tôi sẽ bị con chó beagle cắn không chết cũng trọng thương. Và lại, nếu tôi bỏ chạy, chắc chắn nó sẽ sủa vang, và khi đó, tụi công an, bộ đội sẽ ào tới bao vây, bắt sống tôi. Hiểu như vậy, tôi thấy tôi chỉ còn mỗi một cách là cố tỏ ra thật bình tĩnh, thản nhiên, không sợ hãi, may ra con chó sẽ không sủa và không cắn. Nghĩ vậy, tôi vội đứng thẳng, mắt nhìn thẳng vào mắt con chó, tay chỉ thẳng vào mặt nó, và miệng khẽ quát "Im!..." Khi nói tiếng "im" tôi cố gắng kéo dài, giọng nói rít lên, và giữ vẻ mặt thật thản nhiên, lạnh lùng. Nghe tiếng quát, con beagle đứng ngay lại, miệng khẽ rít lên, rồi phủ phục hai chân trước, nhưng nó vẫn nhe hàm răng trắng ớn, nhìn tôi giận dữ và gừ gừ trong cổ họng....

Tôi rất mừng. Ít nhất, tôi đã thắng được một bước. Nhưng nếu tôi vẫn đứng đó, duy trì thế thù nghịch như vậy, chắc chắn con chó sẽ leo thang, sẽ sủa vang gọi chủ, hoặc sẽ lao vào cắn tôi. Trường hợp nào thì tôi cũng gặp nguy hiểm. Vì vậy, tôi phải thực hiện bước phiêu lưu kế tiếp. Giả vờ không thèm để ý đến con chó, tôi thản nhiên bước tới phía con chó đang phủ phục, rồi bước ngang qua mõm của nó. Khi làm vậy, tôi chấp nhận rủi ro bị con chó cắn. Nhưng tôi đâu có cách nào khác! Thiệt may mắn cho tôi, con chó nằm yên, không cắn, không sủa. Không những thế, khi tôi đi qua, nó còn đứng dậy lễ độ bước theo tôi...

## KỶ 77

Thấy vẻ thuần phục của con chó beagle, tôi an tâm đi qua khu vườn rộng đủ loại cây cối um tùm rồi thẳng hướng tới nhà bếp, nằm vuông góc thước thợ với dãy nhà chính. Tôi không biết, chủ nhà là ai, nhưng nhìn khu vườn rộng mênh mông, nhà ngang nhà dọc bề thế, tôi rất lo lắng. Kinh nghiệm đã cho tôi biết, sau 1975, những căn nhà to lớn, bề thế, đều bị cán bộ cộng sản cao cấp chiếm lấy làm của riêng, hoặc biến thành cơ sở của công quyền. Như vậy, với căn nhà bề thế như thế này, có lẽ số tôi sẽ lành ít dữ nhiều. Biết vậy, nhưng trong tình thế của mình lúc đó, nếu tôi dừng lại tỏ ý ngại ngùng hoặc bỏ chạy, con chó beagle sẽ không để tôi yên. Vì thế, tôi chỉ còn có con đường duy nhất là cố giữ thái độ bình tĩnh đi thẳng vào nhà bếp.

Bước vô trong bếp, tôi rất ngạc nhiên khi thấy giữa khu bếp rộng và dài, nối liền với khu nhà ngang bề thế, có khoảng một chục nam nữ học sinh tuổi 17, 18, đang đi lại tấp nập, nói chuyện huyên náo. Trong không khí tấp nập huyên náo đó, không một quan tâm khi thấy tôi bước vô. Quá kinh hoàng, mặt nhợt, lại thêm phần lúng túng không biết xử thế ra sao, tôi đành ngồi tạm xuống một chiếc ghế làm bằng khúc cây, miệng thở hồn hển...

Đang thờ thì có một cậu học sinh bước tới lễ phép hỏi:

- Thưa chú, chú cho con hỏi, chúng con đang nấu cơm thì hết củi. Bây giờ lấy củi ở đâu hở chú?

Tôi ngỡ người, ngạc nhiên và nghi ngại nhìn người học trò. Đó là cậu học trò trẻ măng, cặp mắt trong sáng, sự ngây thơ thật thà ngời ngời trên khuôn mặt. Tự nhiên, mọi nghi ngại lo sợ trong tôi biến mất. Tôi liền thật thà thú nhận:

- Chú không phải... là người ở nhà này, nên chú cũng như con...

Cậu học trò tròn mắt, ngạc nhiên:

- Ủa, chú không phải...

Nói đến đó, cậu học chợt nhìn thấy những vết máu trên bộ quần áo rách rưới vì kềm gai cào của tôi. Cậu ấp úng lo sợ:

- Chú... chú là...

Tôi đưa ngón tay trở lên miệng làm dấu cho cậu im lặng, rồi hỏi nhỏ:

- Con không phải là người ở trong nhà này?

Cậu học sinh lễ phép:

- Thưa chú không. Chúng con là học sinh đến trọ học để thi vô sư phạm...

Thì ra là vậy! Hèn nào, mấy cô cậu học sinh trong bếp khi nhìn thấy tôi bước vô đều thản nhiên. Tôi an tâm, nói nhỏ với cậu học sinh:

- Bây giờ con lấy dùm chú một ly nước lạnh, rồi chú sẽ nhờ con một việc. Nhưng con đừng nói cho ai biết về chú nghe.

Cậu học sinh ngoan ngoãn gật đầu, đứng lên đi lấy nước. Mấy phút sau, cậu trở lại với ly nước trong vắt trên tay. Tôi cầm ly nước uống ừng ực. Nước vô đến đâu, tôi thấy mát ruột mát gan đến đó. Uống xong ly nước, tôi thấy mình tỉnh táo hẳn. Tôi đưa chiếc ly không cho cậu học sinh, và hỏi:

- Con có biết chủ nhà tên gì không?

Cậu học sinh lễ phép:

- Thưa chú, chủ nhà là ông X.

- Cảm ơn con. Bây giờ... con lên trên nhà mời ông X xuống đây cho chú nói chuyện.

Cậu học sinh nhìn tôi, vẻ mặt, ánh mắt chưa hết ngạc nhiên, nhưng vẫn ngoan ngoãn "dạ" một tiếng rồi đi lên nhà.

Cậu học sinh vừa đi khỏi, tôi cũng đứng dậy đi lại chỗ vòi nước trong bếp là nơi cậu học sinh lấy ly nước lạnh, tôi mở vòi lấy nước, lau qua mặt mũi, chân tay, cho sạch sẽ phần nào. Xong xuôi, tôi vừa trở lại chỗ ngồi thì cậu học sinh trở lại. Đi theo cậu là một người đàn ông tuổi chạc ngoài 50, nét mặt phúc hậu, da dẻ hồng hào, mặc bộ đồ bà ba màu mỡ gà, cử chỉ ung dung, đường bệ. Lạ lùng một điều, trông thấy tôi, ông không hề tỏ vẻ ngạc nhiên, ngỡ ngàng chút nào. Trái lại, ông tươi cười niềm nở bước tới vỗ vai tôi, và nói lớn, giọng sang sảng, thân quen, cứ như ông quen biết tôi từ lâu lắm:

- Ủa, chú mày về bao giờ vậy? Sao lâu quá chẳng nghe tin tức gì cả. Rồi rồi đi lên đây... làm ly cho ấm bụng rồi nói gì hãy nói...

Miệng nói, mắt nháy nháy, người đàn ông thản nhiên bá vai rồi kéo tôi đi lên trên nhà. Thoạt đầu, tôi hơi ngỡ ngàng, tưởng người đàn ông nhận lầm tôi với người nào đó, họ hàng hoặc là đàn em của ông. Đến khi thấy ông nháy nháy mắt với tôi, tôi chợt hiểu, thì ra ông đã đóng kịch để che mắt những người chung quanh. Tuy ở đó lúc ấy chỉ có học sinh, nhưng sau 1975, thời thế đảo điên, ai ai cũng thận trọng, không dám tin một ai. Thôi thì ông ta có khôn ngoan, biết đề phòng như vậy cũng tốt. Có điều tôi vẫn ngạc nhiên, không hiểu vì sao ông lại có thái độ khôn ngoan cùng cái "nháy mắt mời gọi sự thông đồng" của tôi như vậy. Tuy bản khoản không hiểu rõ, tôi vẫn lặng lẽ và ngượng ngùng để ông kéo đi...

Bước vào nhà trên, quang cảnh càng huyền ảo, nhộn nhịp vì ở đây đông học sinh hơn. Mọi người đều không để ý đến tôi, trong khi ông kéo tôi vô một căn phòng, rồi nhẹ nhàng đóng cửa, cài chốt cẩn thận. Chỉ vô chiếc ghế duy nhất, ông đột ngột thay đổi cách xưng hô:

- Anh ngồi đó nghỉ chút, chờ tôi lấy cho anh bộ quần áo khác thay, chứ anh mặc bộ đồ rách rưới, máu me tùm lum đó ra đường, tụi nó thấy là biết liền à.

Tôi ngạc nhiên. Thì ra ông ta đã biết tôi là ai hay sao? Tôi đang lúng túng, không biết trò chuyện ra sao, thì ông đã mở cửa bước ra ngoài. Khoảng 5 phút sau, ông trở lại, trao cho tôi một bộ đồ màu xám đã bạc màu rồi thông thả và nhẹ nhàng nói tiếp:

- Tôi nghe tiếng súng nổ ở mạn đó là biết ngay có chuyện... Đến khi trông thấy anh, ngay từ xa là tôi hiểu ngay... Thôi anh khỏi giải thích dài dòng làm gì. Bây giờ anh mặc tạm bộ đồ này vô. Tôi đã gọi xe ôm cho anh rồi. Họ sẽ đến ngay để chờ anh ra ga. Ở ga đông người, anh dễ trà trộn, đi đâu cũng tiện. Còn ở đây, đông người bất tiện lắm. Vả lại, chúng đang lùng kiếm anh, nên chúng dám vô từng nhà ở khu này để xét sổ gia đình. Khi ấy thì nguy hiểm cho cả anh lẫn cả tụi tôi.

Nghe anh nói tôi rất khâm phục trí phán đoán và cách ứng xử nhanh chóng của anh. Tôi vội vã vừa thay đồ vừa hỏi anh:

- Chú có biết mấy giờ thì có chuyến tàu tốc hành từ Huế vô Sài Gòn không?

Ông lắc đầu:

- Tôi không biết gì về giờ giấc tàu tốc hành. Nhưng anh đi tàu tốc hành làm gì, nguy hiểm lắm. Tàu tốc hành bao giờ cũng bị kiểm soát giấy tờ kỹ lắm. Tốt nhất anh nên đi tàu chợ vì tàu chợ tuy chậm, nhưng hành khách đông nghẹt à, rất khó cho họ kiểm soát. Hơn nữa, tàu chợ thường dừng ở các ga nhỏ, nên anh có thể lên xuống dễ dàng.

Tôi dụt dè:

- Tôi bây giờ không có giấy tờ gì trong người, sợ không vô được trong nhà ga để mua vé....

Ông cười bảo tôi:

- Anh mua vé làm gì cho tốn tiền. Còn chuyện vô ga qua cửa chính thì khó, chứ anh vô ga bằng cách đi dọc theo đường rầy thì chẳng ai để ý làm gì. Nhất là anh chẳng có hành lý gì, cứ thông thả mà đi...

Nghe ông nói, tôi mừng quá, nghĩ ra ngay. Đúng như ông nói, đường rầy nào mà chẳng dẫn đến một nhà ga. Và trong hoàn cảnh của Việt Nam lúc đó, công an, bộ đội, nhân viên soát vé dù có đông đúc mấy đi nữa cũng chỉ có thể kiểm soát được khu vực chung quanh nhà ga, chứ không thể kiểm soát hết cả đường rầy. Vì vậy tôi chỉ cần kiếm một đoạn đường rầy nào thích hợp, cách nhà ga không xa, rồi đi dọc theo đường rầy là vô được nhà ga dễ dàng.

Tôi vừa nghĩ đến đó thì có tiếng gõ cửa. Ông X mở cửa, thì thầm với ai đó ở bên ngoài, rồi quay lại bảo tôi:

- Xe ôm tới rồi, chú em...

Tôi vội vàng đứng dậy, lúng túng và cảm động:

- Con cảm ơn chú... đã giúp đỡ con trong lúc hoạn nạn...

Ông đặt hai bàn tay lên vai tôi, thân mật nói:

- Thời thế đảo điên thì người tốt phải gặp cơn hoạn nạn. Nhưng trông chú mày tao thấy hậu vận không đến nỗi nào. Hung hiểm dù có thế nào tao dám chắc chú mày cũng qua khỏi. Thôi đi nghe!

Nói đến đó, ông dúi vào tay tôi ít tiền, rồi nói:

- Chú mày cầm lấy chút tiền tiêu... Cái này tuy chẳng nhiều, nhưng cũng đủ tiền cho chú mày đi tàu đi xe và ăn uống dọc đường. Bây giờ, tôi mở cửa, chú mày cứ tự nhiên đi thẳng ra ngoài cổng, đừng chào hỏi bất cứ ai. Ngoài đó, xe ôm đã chờ sẵn. Chú cứ bảo họ chở chú thẳng ra ga Huế. Thôi chúc chú bình an. Tôi cảm động, xiết chặt bàn tay của ông một lần nữa trước khi bước ra ngoài.

Nghe lời ông, tôi thần nhiên đi thẳng ra cổng. Tôi hiểu, ông không đi cùng tôi ra cổng là để giữ mọi chuyện kín đáo, hàng xóm láng giềng khỏi nhìn thấy ông đi cùng với tôi, một người lạ mặt đang bị truy lùng. Trong hoàn cảnh đất nước bị cộng sản chiếm đóng từ sau 1975, sự cẩn thận của ông quả thật vô cùng cần thiết. Bước ra ngoài đường, tôi khoan khoái hít một hơi thở thật sâu, trước khi thấy người tài xế xe ôm. Anh tài xế trông còn rất trẻ, khoảng 30 tuổi, nhưng nước da ngăm đen, râu ria xòm xòa, trông rất oai phong. Anh nhìn tôi, ánh mắt có vẻ tò mò nhưng không nói gì. Có lẽ bộ quần áo tôi mặc rộng thùng thình, trông không giống ai, nên anh để ý chẳng? Tảng lờ trước ánh mắt tò mò của anh, tôi giữ vẻ mặt thần nhiên và nói:

- Anh cho tôi ra ga...

Khoảng 15 phút sau, tôi đặt chân đến nhà ga Huế. Lúc đó khoảng 3 giờ chiều. Đứng bên ngoài nhà ga kín đáo quan sát, tôi thấy trước cửa nhà ga ngoài nhân viên hoá xa, còn có cả bộ đội lẫn công an canh gác, đi lại thường xuyên. Hàng khách đi tàu chợ rất đông, đứng kín cả sân ga, phía trước phòng bán vé.

Nhớ lời dặn của ông X, tôi không vô mua vé, mà rẽ trái vô con đường chạy dọc theo đường rầy xe lửa. Đi được khoảng một cây số, tôi rẽ phải vô một con hẻm nhỏ. Đi tiếp khoảng trăm thước, gặp đường rầy cắt ngang, tôi rẽ phải, đi dọc theo đường rầy về phía nhà ga. Quả nhiên, không đầy 15 phút sau, tôi đi vô sân ga Huế. Lúc đó, sân ga rất đông và huyền ảo, hàng khách đi lại cùng khắp, chẳng ai để ý đến ai. Nhờ vậy, tôi vô sân ga một cách an toàn, và chỉ vài phút sau, tôi đã trà trộn dễ dàng vô đám đông mấy trăm hành khách đang chờ tàu chợ.

Ngồi trên sân ga, nhớ lại tất cả những gì đã trải qua trong ngày, tôi thấy mình thật may mắn. Nhờ ơn trên phù hộ, tôi từ một người tù tội đang trên đường bị giải giao tới lao Thừa Phủ, bỗng thoát cũi sổ lồng, được tự do, dù chỉ là tự do tạm. Nhìn những gương mặt héo hắt, lo âu, vất vả bươn chải để kiếm sống của những hành khách chung quanh, tôi thầm nghĩ, mình quả thật là người may mắn nhất, hạnh phúc nhất. Tôi không biết trong những ngày tháng tới, số phận của tôi sẽ như thế nào, nhưng với những may mắn đã trải qua, tôi thực tâm hy vọng, nếu tôi chịu khó bền bỉ trước sau như một, quyết tâm tìm cách vượt biên, chắc chắn tôi sẽ đến được bến bờ tự do.

Tôi lên chuyến tàu chợ Huế - Sài Gòn vào khoảng 4 giờ chiều. Đúng như lời của ông X nói, tàu đông nghẹt những khách là khách, trong đó phần lớn là những đi buôn bán, với đủ thứ quang gánh, thúng mủng và các loại hàng hoá thể hiện rõ ràng đời sống nghèo túng của người dân Miền Nam sau cuộc đời khốc liệt năm 1975.

Trên tàu, từ bên trong các toa đến các bậc lên xuống ở ngoài toa, từ trên các ghế ngồi đến các hành lang chật hẹp,... người ngồi, người nằm ngổn ngang, chông chéo lên nhau tựa như nệm cối. Được ngồi trên tàu chợ, giữa những người dân lao động, tôi thấy thật yên tâm, vì trong tình cảnh như vậy, việc khám xét vé

hay giấy tờ là điều vô cùng khó khăn. Nhưng đề phòng mọi chuyện bất chắc có thể xảy ra, tôi vẫn chọn ngồi ở phần nối giữa hai toa tàu. Ở đó, tôi có thể dễ dàng quan sát cả hai toa tàu cùng lúc. Một khi có bóng dáng công an, bộ đội hay nhân viên hoả xa đi lại xét giấy tờ hay xét vé, tôi đều có thể nhanh chóng phát hiện và kịp thời gian né tránh, bằng cách chui vô toilet hoặc leo lên nóc tàu.

Vì không mang theo bất cứ thứ hành lý đồ đạc nào, nên tôi di chuyển giữa các toa tàu thật dễ dàng nhanh chóng. Tôi cũng đã tính toán, trong trường hợp xấu nhất, chẳng may bị hỏi vé hay giấy tờ, tôi sẽ khai mình bị mất bóp. Khi đó, dù tin hay cho rằng tôi trốn vé, biện pháp duy nhất họ có thể đối phó là đuổi tôi xuống tàu khi tàu dừng lại ở một nhà ga nào đó. Trong trường hợp đó, nếu thuận tiện, khi tàu chuyển bánh, tôi sẽ bám vô một toa tàu khác, leo lên. Còn nếu xấu nhất, không thể leo trở lại kịp, tôi sẽ ở lại nhà ga, chờ chuyển tàu chợ kế, rồi leo lên, đi tiếp cuộc hành trình...

## KỶ 78

Ngồi trên chuyến tàu chợ từ Huế về Sài Gòn, tôi suy nghĩ, nếu mọi chuyện chót lọt, tàu sẽ đến Sài Gòn vào lúc 2 giờ sáng, là giờ giới nghiêm. Như vậy tôi sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi di chuyển, nhất là trong hoàn cảnh lúc đó tôi không có một thứ giấy tờ nào trong người. Vì vậy, tôi quyết định phải xuống ga Biên Hoà, vì ở một nhà ga nhỏ vào lúc đêm khuya, chắc chắn không có chuyện canh gác, xét hỏi giấy tờ phiền phức như ga Sài Gòn. Điều quan trọng nữa là tại Biên Hoà, tôi có gia đình bà chị ruột ở cách ga Biên Hoà không bao xa. Chị đã cùng gia đình di cư vô Nam năm 1954, định cư ở Biên Hoà, và cả anh chị lẫn các cháu đều rất yêu thương tôi. Tôi biết chắc, dù có gặp bất cứ khó khăn hay nguy hiểm đến thế nào, anh chị cũng sẵn sàng cứu mạng, giúp đỡ tôi.

Tuy quyết định như vậy, tôi không biết rõ tàu có dừng lại tại nhà ga Biên Hoà hay không. Vì vậy, tôi hỏi một chị đi buôn hàng chuyên trên tàu mà tôi nghe mọi người gọi là chị Ba. Nghe tôi hỏi, chị Ba quay sang lay lay vai người đàn ông tuổi khoảng sáu mươi, mắt đang nhắm, không hiểu ngủ hay không, và hỏi:

- Anh Hai, anh Hai... Tàu này có dừng ở Biên Hoà không vậy?

Người đàn ông vẫn nhắm mắt, trả lời gọn lỏn:

- Không!

Chị Ba quay sang nhìn tôi, vẻ tò mò:

- Chú muốn xuống Biên Hoà?

Tôi thận trọng, nhưng thật thà:

- Dạ, tôi muốn ghé Biên Hoà thăm bà chị.

- Chú từ đâu vô vậy?

Tôi không dám nói dối:

- Dạ, thưa tôi từ Huế...

- Từ Huế? Sao xa xôi như vậy vô thăm chị mà chú không mang hành lý chi cả là thế nào?

Tôi lúng túng chưa biết trả lời sao thì ông Hai, mắt vẫn nhắm nghiền, hai tay khoanh trước ngực, lên tiếng:

- Cô Ba này kỳ cục thiệt. Cô là cái quái gì mà xía vô đời tư của người ta vậy?

Không hiểu ông Hai quan hệ với cô Ba thế nào, nhưng nghe ông nói, cô Ba chỉ "hứ" một tiếng rồi im lặng.

Vậy là tôi thoát nạn khỏi phải trả lời câu hỏi hóc búa của cô. Nhìn ông Hai, tôi muốn lên tiếng cảm ơn, nhưng không biết nói làm sao. Bỗng nhiên, ông Hai lại nói trống, trong khi hai mắt vẫn nhắm, hai tay vẫn khoanh trước ngực:

- Tàu này không dừng ở ga Biên Hoà, nhưng qua đó tàu sẽ chạy chậm. Chú mà có gan thì cứ nhảy là được...

Tôi nhìn ông Hai ngạc nhiên. Ông vẫn nhắm mắt, hai tay khoanh trước ngực như người đang ngủ. Trong lòng thầm cảm ơn ông Hai, tôi đưa mắt nhìn ra bên ngoài, thấy cảnh vật bao trùm trong bóng đêm, và đoàn tàu đang vùn vụt lao nhanh với tốc độ khoảng 80 cây số giờ....

Khoảng 1 giờ đêm hôm đó, tàu chạy qua ga Biên Hoà. Tôi không biết khi đó, tàu đã chạy chậm lại bao nhiêu, nhưng tôi đã phải liều mạng nhảy, và may mắn, tôi chỉ bị sây sát qua loa ở hai bàn tay và hai đầu gối. Cả sân ga Biên Hoà vắng tanh, không một bóng người. Nhưng để an toàn, tôi không đi ra qua cổng chính của nhà ga, mà đi dọc theo đường rầy một đoạn gần cây số, rồi mới rẽ ra đường lộ, đi bộ tới nhà chị. Khi mở cửa, trông thấy tôi đứng đó vào lúc hai giờ sáng, anh chị tôi vừa ngạc nhiên, mừng rỡ, vừa lo sợ, vội kéo ngay tôi vô trong nhà. Sau khi tắm rửa, thay quần áo, tôi vừa ăn mì gói vừa kể cho anh chị tôi nghe đoạn đường gian truân đầy nguy hiểm nhưng cũng vô cùng may mắn mà tôi đã trải qua. Nghe xong, anh rề tôi hỏi:

- Bây giờ cậu định thế nào?

Tôi thưa:

- Em định ở đây với anh chị một hai ngày cho lại sức. Sau đó em sẽ về Sài Gòn tìm cách vượt biên tiếp.

Bằng mọi giá, em phải đi khỏi Việt Nam. Hoàn cảnh của em, anh chị đã biết, nếu sống ở đây, không sớm

thì muộn em cũng sẽ bị bắt, và khi đó là đời em tàn.

Chị tôi thở dài:

- Cậu may mắn sống sót được đến ngày hôm nay cũng là nhờ ơn bề trên phù hộ. Rồi vong linh tổ tiên, vong linh thầy lúc nào cũng ở bên cậu, giúp đỡ cậu. Thôi thì bây giờ, cậu đã sống sót về được đến đây, thì cứ ở đây với anh chị, có rau ăn rau, có cháo ăn cháo. Anh chị sống được là cậu sống được. Cậu đừng nghĩ đến chuyện vượt biên nữa. Nguy hiểm lắm. Thầy nhà mình chỉ có hai người con trai. Một người ở ngoài Bắc, còn trong này thì chỉ có mình cậu. Lỡ cậu có mệnh hệ nào, vợ con không có thì... anh chị có lỗi với thầy, với gia tộc, dòng họ...

Nói đến đó, chị tôi sụt sùi khóc. Tôi im lặng đau lòng, nhưng không dám nói rõ quyết tâm vượt biên bằng mọi giá của tôi, vì biết có nói ra cũng chỉ làm cho chị thêm đau lòng mà không giải quyết được chuyện gì. Nhưng anh rể của tôi thì hiểu biết và bộc trực, nên nghe chị tôi nói vậy, anh bực dọc nói với chị:

- Bà này chẳng biết cái gì cả. Bộ bà không nghe cậu ấy nói hay sao? Hoàn cảnh của cậu mà ở Việt Nam ngày nào thì nguy hiểm ngày ấy. Tội nó mà bắt được thì cậu ấy không tử hình cũng tù một gông. Ở đó mà vợ với con...

Quay sang tôi, anh nói tiếp:

- Cậu cứ yên tâm ở đây với anh chị cho đến khi nào cậu thấy cần đi thì cậu đi. Hoàn cảnh của anh chị tuy nghèo, chẳng giúp được cậu những chuyện lớn lao, nhưng nuôi cậu rau cháo qua ngày là chuyện không có khó. Còn chuyện vượt biên, tôi thấy cậu vàng bạc không có, đi bằng tàu, bằng thuyền là chuyện rất khó. Vậy thì tại sao cậu không tính ra Bắc, rồi vượt biên bằng đường bộ ở mạn biên giới Việt Trung? Dù sao thì cậu cũng đã từng ở Miền Bắc mấy chục năm, đường xá quen thuộc, phong tục tập quán cũng rành, gì chứ chuyện trà trộn với cán bộ, bộ đội ở Miền Bắc để đi tới biên giới, đối với cậu đâu có khó...

Lời nói của anh tôi làm tôi nhớ đến câu khuyên nhủ tương tự của bố KL trước đây không lâu. Tôi thấy đúng, trong hoàn cảnh túng thiếu của tôi lúc bấy giờ, tôi không thể nào có được cả chục cây vàng để mua được một chỗ trên tàu, dù là đi bán chính thức hay đi chui. Như vậy, tại sao tôi không trở về Miền Bắc, tìm cách vượt biên qua ngã biên giới Việt Trung ở Lạng Sơn hoặc Móng Cái?

Anh tôi hút một điếu thuốc lào, rồi tiếp:

- Đạo này tôi thấy nhà nước đang có chiến dịch xua đuổi người Hoa về nước nên người Hoa đi đàn đàn lũ lũ về Trung Quốc như nước chảy. Vậy tốt nhất, cậu nên học ít tiếng Hoa rồi trà trộn với người Hoa, vượt biên sang Trung Quốc...

Tôi do dự:

- Nhưng thưa anh, Trung Quốc hiện giờ cũng là cộng sản, giống hệt như Việt cộng. Em sợ, nếu em vượt biên sang đó, nhà cầm quyền Trung Cộng bắt được, sẽ cho Việt cộng dẫn độ em về Việt Nam trị tội...

Anh tôi gạt gù nói:

- Cậu nói vậy nghe cũng có lý chứ không phải không. Nhưng cậu phải hiểu, hiện nay, Việt cộng với Trung cộng không ưa nhau. Cứ tình thế này, hai nước sẽ coi nhau như kẻ thù không đội trời chung cho cậu coi. Bây giờ trên đài phát thanh, có ngày nào mà Việt cộng không chửi Trung cộng bá quyền đâu. Tôi e rằng tình thế này sẽ có ngày chúng đánh nhau to là đằng khác...

Chị tôi đứng dậy:

- Ông thì tối ngày chỉ mong cho hai nước đánh nhau. Thôi ông để cho cậu ấy đi nghĩ đi. Trời gần sáng rồi. Có gì ngày mai hai anh em bàn tiếp...

Anh tôi im lặng không nói gì thêm, nhưng vẫn ngồi đó, bất động. Tôi xin phép anh chị vô giường nằm.

Tưởng rằng, trải qua không biết bao nhiêu là mệt nhọc và kinh hoàng, nằm xuống, tôi sẽ ngủ ngay, nhưng tôi vẫn trằn trọc không ngủ vì trong đầu đầy ắp những ý tưởng về một chuyến vượt biên qua ngã biên giới Việt Trung. Thú thực, cho đến lúc đó, tôi không hề nghĩ tới chuyện vượt biên qua ngã Miền Bắc. Có lẽ cuộc sống thoải mái ở Miền Nam, cùng tấm lòng đôn hậu và thái độ không ưa cộng sản của hầu hết người dân Miền Nam đã khiến tôi dễ dàng có tâm lý chỉ tìm đường vượt biên qua các ngã ở Miền Nam. Nay qua lời khuyên của anh rể, tôi thấy tôi có cơ hội thành công hơn nếu tôi chọn con đường vượt biên qua ngã biên giới Việt Trung.

Đã từng sống ở Miền Bắc hai chục năm, tôi tin tưởng, mình sẽ dễ dàng trà trộn với người Hoa để đến Lạng Sơn, hoặc Móng Cái, là hai thị trấn giáp với Trung Hoa. Một khi đến được hai thị trấn này, tôi sẽ cắt đường, xuyên rừng rậm ở Lạng Sơn, hoặc bơi qua sông Ka Long để sang đất Trung Quốc. Điều khiến tôi lo ngại nhất là, trong hoàn cảnh hai chế độ Trung cộng và Việt cộng đang ở thế thù nghịch, nếu tôi sang được đất Trung Quốc, tôi có thể bị nghi ngờ là gián điệp của Việt cộng. Nhất là khi tôi không biết tiếng Hoa, cũng không phải là người Hoa, thì càng dễ bị Trung cộng nghi ngờ. Nhưng thực tế này cũng là một lợi điểm, giúp tôi thuyết phục nhà đương cục Trung Cộng tin tưởng, tôi chỉ là một người Việt tỵ nạn cộng sản thuần túy. Chắc chắn, họ cũng phải biết, Việt cộng không bao giờ gửi một gián điệp sang Trung Quốc khi gián điệp đó không phải là người Hoa lại không biết tiếng Hoa. Vả lại, tôi tin tưởng, khi đến Trung Quốc,

thân nhân và bằng hữu của tôi ở hải ngoại sẽ có đủ bằng cứ để chứng minh tôi là một người tỵ nạn cộng sản.

Vui mừng và hy vọng với chuyện vượt biên qua biên giới Việt Trung, ngay chiều hôm đó, khi tỉnh giấc sau một giấc ngủ dài, tôi vội vàng từ biệt anh chị, đáp chuyến tàu chợ trở lại Sài Gòn.

Ngay khi đặt chân đến Sài Gòn, tôi vội vàng báo tin cho chị tôi biết, hoàn cảnh tù đầy của cháu BH và T, để chị lo thăm nuôi và chạy chợ. Sau đó, tôi lấy những giấy tờ giả mà tôi đã giấu trước khi đi vượt biên. Với những giấy tờ giả đó cùng số tiền ít ỏi của một người bạn đã rút lui trao cho, tôi vội vã lên đường ra Bắc. Nhờ có kinh nghiệm an toàn về tàu chợ, nên tôi chọn tàu chợ đi kiểu sâu đo, từng chặng đường ngắn, từ Sài Gòn ra Nha Trang, Vinh, Ninh Bình, Nam Định, Phủ Lý và cuối cùng là Hà Nội.

Nhờ đi tàu chợ nên tôi vừa không phải mua vé, vừa không bị xét hỏi giấy tờ. Cũng nhờ đi tàu chợ nên tôi có cơ hội được làm quen với rất nhiều người có tấm lòng vàng, đã bất chấp mọi nguy hiểm, liều mình giúp đỡ tôi bằng tất cả chân tình. Trong suốt ba chục năm qua, mỗi khi nghĩ tới những kỷ niệm của ngày đó, tôi đều bồi hồi xúc động, và nhận ra một sự thật, nếu không có những con người với tấm lòng vàng đó, chắc chắn tôi đã không sống sót để đến được bến bờ tự do. Trong những ngày tháng đất nước bị nghiêng ngửa giữa cơn hồng thủy cộng sản đó, tôi hoảng hốt trốn chạy trên những chặng đường dọc theo chiều dài của đất nước, đã có những người bỗng nhiên xuất hiện, giúp đỡ tôi trên một chuyến tàu, ở một bãi đậu xe, cạnh một nhà ga tỉnh lẻ... để rồi mãi mãi chia lìa cho đến ngày hôm nay. Bây giờ, khi ngồi viết những dòng chữ này, tôi phải đau lòng thú nhận, trong số những người đã giúp đỡ tôi trên đường tôi vượt biên, vẫn có những người tôi vĩnh viễn không bao giờ tìm thấy, thậm chí ngay cả tên của họ là gì, tôi cũng không biết. Nhưng dù cho biết hay không biết, tất cả những hình ảnh của họ, cùng với quê hương, lúc nào cũng ngự trị trong tâm trí tôi, mãi mãi trinh nguyên và thủy chung tròn trịa như mới được gặp hôm qua hôm kia.... Trải qua những ngày tháng dưng chân ở các thành phố, bờ ngõ khi đến để rồi bịn rịn lúc chia tay, tôi mới hiểu hết được ý nghĩa câu thơ, "Khi ta đến đất là nơi ta ở. Khi ta đi đất bỗng hoá tâm hồn"....

## KỶ 79

Mùa thu năm 1978, tôi an toàn trở lại Hà Nội, sau thời gian hơn 3 năm xa cách. Lần trước, trở lại Hà Nội vào đầu tháng 5 năm 1975, lúc đó tôi vẫn đinh ninh thầy của tôi còn sống. Không ngờ thầy tôi đã mất trước đó một năm. Lần này trở lại Hà Nội, tôi chỉ còn có Mẹ, người thân yêu nhất của tôi, và cũng là người đã chịu đựng không biết bao nhiêu đau khổ vì tôi. Với thân phận của một thằng tù vượt ngục, đang bị truy lùng ráo riết và có thể bị bắt lại bất cứ lúc nào, tiền bạc lại không có, tôi biết, khi gặp lại tôi, Mẹ lại khóc. Biết vậy, nhưng ngoài Mẹ, tôi đâu biết nương tựa vào ai?

Để an toàn, tôi lang thang suốt cả buổi chiều hết khu công viên quanh hồ Bảy Mẫu đến hồ Ba Mẫu chờ đến tối mới dám về nhà Mẹ. Sau khi đi qua đi lại nhà Mẹ hai ba lần, thấy yên tĩnh tôi mới mở cổng thật nhẹ nhàng. Đi qua cửa sổ có rèm cửa, thấy đèn bên trong còn sáng, tôi nhìn vô, nhưng không thấy ai. Bước tới mấy bước, đến trước cửa, tôi gõ cửa thật nhẹ, theo đúng ám hiệu hai nhanh, một chậm, mà Mẹ tôi đã dặn ngày xưa. Vẫn không thấy tiếng trả lời, tôi gõ mạnh hơn. Cũng không có tiếng trả lời. Nhìn qua khe cửa, tôi thấy ngọn đèn điện vàng khè, tỏa ánh sáng yếu ớt trong căn nhà yên tĩnh, không một bóng người. Tôi đoán, có lẽ Mẹ tôi đi sang hàng xóm một chút rồi về, nên Mẹ tôi vẫn để đèn.

Với tay lên hộc cửa bên trên cửa, tôi sờ thấy ngay chiếc chìa khóa cửa. Như vậy là trong suốt bao nhiêu năm qua, Mẹ của tôi vẫn để chiếc chìa khóa cửa ở đó, trong niềm hy vọng, chờ đợi tôi và tin tưởng một ngày không xa, tôi sẽ về.

Tôi lấy chìa khóa, mở cửa, bước vô nhà, rồi khép cánh cửa lại. Nhìn đồ đạc trong nhà, tôi rưng rưng lệ.

Vẫn những đồ đạc đơn sơ, mộc mạc, biểu hiện cuộc sống vô cùng nghèo khổ của Mẹ tôi.

Đói bụng, tôi vội lục nồi niêu xoong chảo nhưng không thấy một thứ gì có thể ăn được, tôi đành phải lấy gạo thổi cơm. Vừa đặt nồi cơm lên bếp, tôi nghe tiếng Mẹ tôi hỏi vọng từ ngoài cửa:

- Chí đó phải không?

Nghe tiếng Mẹ hỏi, tôi mừng quá, luống cuống thế nào làm đổ ụp cả nồi cơm còn đầy nước xuống bếp làm cho khói, bụi bốc lên mù mịt. Để mặc mọi thứ đó, tôi vội vàng chạy ra mở cửa. Mẹ tôi đứng đó run run, một tay Mẹ chống gậy, một tay cầm bó rau, không biết là rau gì. Tôi giật mình, vì trước đó, tôi chưa trông thấy Mẹ tôi chống gậy bao giờ.

Mẹ tôi thều thào:

- Đi về thấy cửa mở, Mẹ đoán ngay con đã về...

Tôi vội vàng diu Mẹ vô nhà, rồi tiện tay, tôi đóng vội cánh cửa. Thấy bộ điệu vội vàng của tôi, Mẹ hiểu ngay, liền run run hỏi:

- Mày lại trốn từ nửa hả con?...

Tôi lúng túng, không biết nói sao. Mẹ tôi thờ dài, ngồi phịch xuống giường. Tôi quỳ xuống đất, gục đầu vào lòng Mẹ, không nói, nhưng trong lòng tôi muôn phần đau đớn. Mẹ tôi đưa tay xoa đầu tôi, rồi nói trong tiếng khóc sụt sịt...

- Sao con về... mà khổ sở... thế này hờ trời?...

Trong nỗi lo lắng, xót xa, buồn phiền của Mẹ, tôi thấy nát tan cả cõi lòng. Sụt sịt một hồi, Mẹ hỏi:

- Bây giờ con định thế nào?

Tôi ngược cặp mắt đẫm lệ nhìn Mẹ. Mẹ tôi vừa khóc vừa lau nước mắt cho tôi. Thấy Mẹ quá đau khổ, tôi vội trấn an:

- Mẹ yên tâm, con về với Mẹ trong vài ngày rồi con sẽ gặp anh bạn, anh sẽ lo cho con mọi chuyện để con đi thật an toàn.

Mẹ tôi không tin:

- Bạn của con? Bạn nào mà tốt vậy con?

Tôi nói dối cho Mẹ yên lòng:

- Anh ta tên là Hùng, bạn tù chung với con. Anh ra tù trước. Còn con, trốn ra sau.

Mẹ tôi vẫn nghi ngờ:

- Mà anh ta hiện ở đâu?

Tôi tiếp tục nói dối:

- Dạ, anh ấy hiện đang ở Lạng Sơn, gần sát biên giới Việt Trung. Chúng con định trốn sang Trung Cộng theo ngã Lạng Sơn...

Mẹ tôi run rẩy:

- Con sang Trung Cộng làm sao được. Hai nước sắp đánh nhau đến nơi rồi. Con sang đấy họ sẽ giết con mất.

Tôi chậm rãi, và thì thầm giải thích:

- Thưa Mẹ, con là tù vượt ngục, đang bị nhà cầm quyền Việt Nam truy lùng. Nếu con đến được Trung Quốc, ở đó họ sẽ không giết con đâu. Hai nước đang thù nghịch, nếu con chứng minh được con là nạn nhân của CSVN, thì Trung Quốc họ còn giúp đỡ con nữa.

Mẹ tôi băn khoăn:

- Nhưng làm sao con có thể chứng minh được? Mà con đâu có biết nói tiếng Hoa?

Tôi cười vui vẻ để Mẹ an tâm:

- Mẹ ạ, con không biết nói tiếng Hoa, nhưng ở vùng biên giới tiếp giáp Lạng Sơn, Móng Cái, Trung Cộng đang tiếp nhận mấy trăm ngàn người Hoa về nước, thì lúc nào họ chả có người Hoa biết nói tiếng Việt. Còn chuyện chứng minh con là nạn nhân của cộng sản thì đâu có khó, vì tất cả những chuyện đó đều là sự thật. Và lại, gia đình mình có đồng thân nhân ở ngoại quốc, rồi còn bạn bè của con nữa. Con sẽ liên lạc với tất cả những người đó, để họ chứng minh những gì con nói là đúng sự thật, con là nạn nhân của CSVN.

Tối hôm đó, hai Mẹ con chúng tôi tâm sự đến khuya trong niềm vui đoàn tụ lẫn nỗi buồn sắp chia ly. Thao thức trần trọc không ngủ, tôi nhớ lại ngày xưa còn bé, có lần được ghé vùng biển Hải Hậu, Nam Định, nhìn những cánh buồm ở chân trời, tôi khao khát được đi xa, được đặt chân đến những vùng đất hoang lạ ở một nơi nào đó... Nhưng bây giờ, sau những năm tháng trôi dạt, trở lại căn nhà xưa có Mẹ già, tự dưng tôi thấy lòng mình trùng xuống trong muôn nỗi xót xa, và tôi chỉ muốn dừng chân, cắm bển, mãi mãi được sống bên cạnh Mẹ, dù cho có nghèo khổ, rau cháo qua ngày....

Vì tình hình an ninh ở Hà Nội lúc đó rất chặt chẽ, ở thêm ngày nào sẽ nguy hiểm ngày ấy, nên ngay sáng hôm sau, tôi đến nhà anh Z, ở ngay khu ga Hà Nội (trước là ga Hàng Cỏ), để anh giúp đỡ cách vượt biên giới Việt Trung. Nhà anh Z trước ở gần khu tập thể Văn Chương, cạnh hồ Linh Quang, sau đổi về ở gần Cung Văn Hóa hữu nghị, cách sở công an thành phố không xa.

Tôi biết anh Z qua lời giới thiệu của một người bạn trọ chung phòng ở Nam Định. Đó là một cuộc gặp gỡ tình cờ, nhưng không ngờ cuộc gặp gỡ đó lại quyết định cuộc đời của tôi. Nguyên do, trên đường từ Sài Gòn ra Hà Nội, tôi đã xuống ga Nam Định và ở lại đó hai ngày hai đêm. Đêm đầu tiên vì trời quá khuya, không tiện tìm đến nhà người quen, nên tôi phải ngủ tại một nhà trọ bình dân, cách ga xe lửa không đầy 500 thước. Sau khi đưa giấy tờ cho nhân viên nhà trọ ghi tên tuổi, địa chỉ, tôi đóng tiền trọ, rồi theo chân một cậu bé tuổi khoảng 15, dắt đến một chiếc giường cũ kỹ, trên trải một chiếc chiếu đã ố vàng. Cả nhà trọ rộng khoảng 80 thước vuông, chiều ngang 6 mét, chiều dài hơn chục mét. Dọc theo nhà trọ là hai dãy giường kê theo từng cặp liền nhau, cặp nọ cách cặp kia khoảng hơn thước. Khi tôi đến đã thấy có một người đàn ông nằm trên chiếc giường kê sát giường của tôi.

Thấy tôi, anh niêm nở ngồi dậy chào hỏi làm quen, thái độ rất chân tình. Anh cho biết tên là H., quê của anh ở Vụ Bản. Anh phải lên Nam Định xin giấy tờ của tỉnh để bán nhà từ đường. Vì nhà thuộc quyền sở hữu của người anh cả, nhưng anh cả đi bộ đội, chết ở chiến trường B (Miền Nam), nên chính quyền địa phương không chịu chấp thuận cho sang tên nhà đất.

Chuyện trò tâm tình với anh, tôi cũng tự giới thiệu tên tôi là Cường (như tên giả ghi trong giấy tờ), cán bộ nông lâm súc, trên đường ra Hà Tây công tác. Đang nói chuyện thì có công an khu phố đến điểm danh khách trọ. Y đọc to tên từng người có trong danh sách, và khi đọc đến tên ai, người khách trọ đó phải đứng dậy hô to, "có mặt". Phần dùng tên giả chưa quen, chưa thực sự nhập vai, phần thấy màn điểm danh khách trọ cũng hay hay nên tôi lặng lẽ theo dõi với sự thích thú, quên cả việc hô "có mặt" khi người công an đọc to tên của tôi: "Nguyễn Văn Cường". Thú thực, khi đó tôi có nghe người công an đọc tên, nhưng cứ đinh ninh "Nguyễn Văn Cường" là tên của người khác, đâu có biết đó là tên giả của mình.

Mãi đến khi người công an đọc tên tôi lần thứ ba, kèm theo số giường, anh H. mới nhìn tôi ngạc nhiên:

- Ủa, công an đọc tên anh, sao anh không lên tiếng?

Tôi giật mình, sực nhớ ra tên giả của mình, bèn hô hoảng đứng dậy hô to: "Có mặt". Tên công an đứng ở trên bậc thang lừ lừ nhìn tôi rồi quát một tiếng gọn lỏn:

- Điếc hả!

Tôi tỉnh trả lời, nhưng nghĩ sao, tôi lại im lặng, chịu đựng. Dù sao mang tiếng "điếc" cũng còn hơn bị tên công an phát hiện ra mình dùng "tên giả".

Tối hôm đó, anh H và tôi trò chuyện tới khuya. Nói đúng hơn, anh H nói nhiều, còn tôi thì chỉ nghe. Vì lạ nước lạ cái, gặp nhau trong quán trọ, cộng với hoàn cảnh của tôi lúc đó đâu có tiện cho tôi phớt bầy phé phủ với anh.

Sáng hôm sau, anh mời tôi đi ăn sáng. Tôi lưỡng lự rồi nhận lời. Anh H có vẻ thông thuộc đường phố Nam Định. Đi khoảng 10 phút, anh dẫn tôi vô một tiệm ăn vắng vẻ, chủ quán là một bà cụ, tuổi ngoài 60, trông có vẻ nghĩnh ngãng. Chẳng cần hỏi ý kiến tôi, anh tự động gọi hai tô miến gà "có người lái". Quay sang tôi anh giải thích:

- Ở đây chỉ có một món miến gà, nên tôi gọi luôn hai tô...

Bà cụ bưng ra hai tô miến gà lỏng bởng nước, vài miếng thịt chặt nhỏ. Khi bà cụ đi xa, anh H. nhào người, mặt anh dí vào mặt tôi, hỏi:

- Chú mày tên thật là gì?

Tôi lúng túng, ngạc nhiên và giật mình không biết trả lời sao. Anh mỉm cười thân thiện, và đột ngột thay đổi cách xưng hô:

- Tớ biết, tên của chú mày không phải là Cường?

Thấy anh như vậy, tôi đành phải thú nhận:

- Chẳng nói giấu gì anh, hoàn cảnh của tôi có nhiều chỗ éo le, khó nói, nên phải dùng tên giả...

Anh H xua xua tay:

- Khỏi nói, khỏi nói. Tối qua nhìn mặt chú mày là tớ biết. Chuyện gì đã khó nói, thì chú mày cứ giữ ở trong bụng. Còn chuyện gì khó khăn, muốn tớ giúp đỡ thì cứ nói. Tớ tuy nghèo kiết xác, tiền bạc không có, nhưng bằng hữu thì đông. Trước kia, tớ là dân buôn trâu bò, nên giao thiệp rộng, bạn bè tỉnh nào cũng có...

Sau một thoáng cân nhắc, tôi thú thực với anh H một phần cuộc đời của tôi và ý định vượt biên qua ngã biên giới Việt Trung. Nghe xong, anh cười lớn, sảng khoái:

- Chuyện gì cậu nhờ thì tớ còn phải suy nghĩ, chứ chuyện vượt biên qua ngã biên giới Việt Trung thì là nghề của tụi này. Cả đàn trâu mấy trăm con, tụi này còn đưa lậu từ Phòng Thành, qua Đông Hưng vô Móng Cái được, huống hồ chuyện đưa chú mày qua bên ấy. Chú mày yên trí, chuyện này tớ sẽ lo được. Nghe anh H nói tôi vô cùng mừng rỡ, nhưng cũng rất phân vân. Sau một thoáng lo ngại, tôi thú thực:

- Được anh giúp đỡ tôi rất mừng. Nhưng thưa với anh, tôi chẳng có tiền bạc gì...

Anh H cười gạt đi:

- Khỏi lo, khỏi lo. Nói thực với chú em, chuyện vượt biên này đâu có tốn kém gì. Mạng lưới buôn trâu của tớ từ biên giới về các tỉnh thì vẫn còn đó. Khi thì buôn trâu, khi thì buôn hàng họ, đủ thứ, gặp cái gì buôn cái đó. Bây giờ tớ chỉ cần gửi gắm chú mày với lão Z ở Hà Nội là chú mày cứ yên tâm đi thẳng một lèo qua biên giới. Bảo đảm không gặp trục trặc gì.

Tôi ngạc nhiên:

- Lão Z?

Anh H cười:

- Lão Z là biệt hiệu của tụi tớ đặt cho lão, chứ lão còn trẻ măng à. Mới ngoài 30 tuổi thôi. Nhà lão ở gần chùa Xả Đàn, Hà Nội. Chú mày ở Hà Nội có biết hồ Xả Đàn không nhỉ?

Tôi mừng rỡ:

- Dạ hồ Xả Đàn cạnh khu tập thể Nam Đồng?

- Thì chỗ đó đó... Trước làm ăn được, có cơ ngơi ngang dọc đủ cả, nên bố lão Z ở đó. Sau này buôn bán bị thua lỗ, cơ ngơi bán sạch, chỉ còn có mỗi cái chuồng trâu, nên bố lão Z mới cho con về ở đường Lý Thường Kiệt, gần đài phát thanh Việt Nam... Bây giờ tớ cho chú mày địa chỉ của lão. Chú mày học thuộc lòng nghe. Đừng viết ra giấy, lỡ có chuyện gì nguy hiểm cho lão...



Ngày ngày hôm sau, theo địa chỉ của anh H cho, tôi tìm đến nhà của anh Z vào lúc 10 giờ sáng. Đó là căn nhà một tầng, bằng gạch, xây cất theo lối Hà Nội cổ, cánh cửa gỗ nặng nề, bụi bặm bám đầy, trông tựa nhà hoang. Sau giây phút ngần ngừ, tôi bấm chuông. Lắng nghe một hồi không thấy động tĩnh gì kể cả tiếng chuông cũng không thấy, tôi bấm chuông hai ba lần nữa, vẫn im lìm. Đang tính bỏ đi, bỗng nhiên có tiếng đàn ông, ngay sau cánh cửa, hỏi nhỏ nhưng rõ ràng, oai vệ:

- Ai đó?

Tôi lễ phép:

- Thưa tôi là bạn của anh H, được anh bảo đến đây tìm anh Z...

Một thoáng im lặng, rồi tiếng người đàn ông:

- Ở đây không có ai là "anh Z", chỉ có "lão Z" thôi.

Tôi sực nhớ ra lời dặn của anh H, vội nói:

- Dạ đúng, anh H dặn tôi đến tìm "lão Z". Tôi nói lộn...

Cánh cửa gỗ dày bằng lim đen từ từ mở, tiếng bản lề rít lên khô khan, có vẻ như lâu lắm nó chưa đón người khách nào.

Trước mặt tôi là một cụ già tuổi khoảng bảy tám chục, da hồng hào, râu tóc bạc như cước, chòm râu dài đến ngực. Mới thấy cụ, tôi đã đem lòng kính ngưỡng, vội cúi đầu kính cẩn:

- Con chào cụ. Cụ tha lỗi, con nghe tiếng nên không biết...

Cụ cười phúc hậu:

- Tôi là ông nội của "lão Z". Mời anh vô đi... Theo tôi, theo tôi...

Dứt lời, cụ quay lưng bước đi với vẻ tráng kiện, nhanh nhẹn. Tôi đi theo cụ qua một phòng khách nhỏ, kế đến là sân lát gạch bát tràng màu gan gà, rồi tới phòng khách thứ hai rộng hơn, đầy đủ tiện nghi hơn. Cụ mời tôi ngồi xuống chiếc tràng kỷ bằng gỗ. Nhìn chung quanh, tôi thấy cách trang trí đậm đà màu sắc nhà cổ Hà Nội. Tất cả mọi vật trong phòng đều làm bằng gỗ lim đậm. Từ kèo cột, nóc nhà đến sàn nhà; từ bức hoành phi, hai câu đối, đến các bức tranh, bàn ghế,... tất cả đều bằng gỗ.

Cụ pha nước trà cho tôi uống rồi ân cần hỏi chuyện. Tôi cũng thành thật đem chuyện tôi gặp H ở Nam Định trong hoàn cảnh nào, H biết tôi dùng tên giả ra sao, dặn dò tôi tới "lão Z" để được giúp đỡ như thế nào,... nhất nhất thuật lại cho cụ nghe.

Nghe xong chuyện, cụ vuốt râu cười ha hả rồi sảng khoái nói:

- Anh thật thà với tôi như vậy tôi rất cảm động. Tôi cũng chẳng cần biết vì sao anh phải dùng tên giả. Thời buổi này, tri kỷ tri bỉ với nhau vậy là đủ, phải không anh? Còn tôi, chẳng nói giấu gì anh, "lão Z" là cháu nội của tôi. Tôi người gốc Lộc Bình, Lạng Sơn, sống bằng nghề buôn trâu được mấy đời rồi. Từ thời Pháp lặn. Ngày đó thì khấm khá lắm. Con trâu là đầu cơ nghiệp mà anh. Các cụ mình đã chẳng nói, "Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà. Cả ba việc ấy ắt là khó thay"... Con trâu nó to tát như vậy nên các cụ nhà mình mới nói là "tậu", nó cũng giống như tậu nhà, tậu ruộng vậy mà. Buôn trâu nhờ vậy nó mới phát dễ. Nhưng sau này thì khốn khó đủ đầy. Mà sau này khốn khó đâu chỉ có nghề buôn trâu đâu, cái thời quý ngựa trị thế gian này thì anh biết rồi đó, có nghề nào được sống cho ra hồn đâu... Anh ngồi chơi uống nước đi... "lão Z" cũng sắp về bây giờ rồi...

Quả nhiên, tôi ngồi nói chuyện với cụ được một lúc thì "lão Z" về. Thoạt trông, tôi hiểu ngay tại sao anh có tên "lão Z". Thì ra gương mặt của anh tuy còn rất trẻ, chỉ mới khoảng trên dưới 30, nhưng mái tóc của anh bạc trắng. Anh có thân hình cao to, lưng hơi khòng, bước đi vòng kiềng, mắt lồi, lông mày xéch, ngoại trừ có miệng rộng và mũi to hình trái mật, chúng tỏ là người đờm lược giống ông nội, còn thì bề ngoài anh trông khác hẳn ông nội.

Sau khi nghe tôi kể đầu đuôi câu chuyện đã gặp H và toan tính vượt biên qua biên giới Việt Trung của tôi, "lão Z" trầm ngâm một lúc, rồi nói:

- Chuyện vượt biên sang Trung Quốc đối với tụi tôi thì không có khó, vì dân buôn trâu chúng tôi thông thuộc đường lối, đi về bên đó như cơm bữa, muốn đi lúc nào chả được, mà muốn qua chỗ nào cũng dễ. Thời đó bảo đưa anh qua biên giới thì dễ như trở bàn tay. Nhưng đó là ngày xưa. Còn kể từ khi nhà nước ta có chính sách chống Trung Cộng bá quyền khu vực, thì tình hình dọc theo biên giới hai nước rất là căng thẳng, lúc nào cũng như sắp đánh nhau to. Hầu hết các làng xóm, thị trấn dọc theo biên giới bây giờ đều được lệnh "tiêu thổ" chuẩn bị chiến tranh chống quân Tàu xâm lăng, nên tất cả những "chốt" của tụi này đều chẳng còn...

Tôi băn khoăn hỏi:

- Theo anh thì liệu quân Tàu có xâm lăng mình không?

- Thì hai nước chửi nhau còn hơn kẻ thù. Cứ nghe đài phát thanh, nhà nước mình chửi tụi Tàu cộng bây giờ còn gấp mấy chửi Mỹ ngày xưa. Mà tụi Tàu thì người đông, gạo thóc không đủ ăn, nên chúng đang

muốn xua quân dùng chiến thuật biển người xâm lăng mình để nương quân mà anh. Thiệt tình, bây giờ thì chả còn "môi hở răng lạnh" mà cũng hết cả "núi liền núi, sông liền sông, chung một tiếng gà gáy cùng"...

Đúng là nghĩa tình sớm nắng chiều mưa.

- Anh nghĩ bao giờ thì Trung Cộng xâm lăng.

- Chuyện đó làm sao tôi biết được. Nhưng nếu anh muốn vượt biên sang Trung Cộng thì phải đi càng sớm càng tốt. Bây giờ Trung Cộng còn cho người Hoa về nước, thì tốt nhất anh cứ đóng giả người Hoa, trà trộn về nước với họ, qua ngã Lạng Sơn hoặc Móng Cái. Chứ chờ đến sau khi hai nước đánh nhau thì chẳng còn có cơ hội nào nữa đâu.

Ngưng một chút suy tư, anh nói tiếp:

- Theo tôi thì tốt nhất bây giờ anh nên trà trộn với người Hoa, đi tàu chợ đến Lạng Sơn, rồi từ Lạng Sơn anh đi gặp ông MN là "chốt" của tôi ở đó. Ông ta sẽ chỉ dẫn cho anh cách qua biên giới an toàn.

- Còn ngã Móng Cái đi có dễ không?

- Ngã Móng Cái thì gian nan lắm. Đi ngã này chỉ có thể đi xe lửa từ Hà Nội đi Hải Phòng. Còn từ Hải Phòng đi Móng Cái toàn đường lộ, phải đi xe hơi. Mà đi xe hơi thì dễ bị công an xét hỏi giấy tờ lời thôi, rất nguy hiểm. Nhất là từ vùng Đạm Hiền, Đại Điền lên đến Yên mô, Long Kiềng, Móng Cái, bây giờ toàn bộ đội, công an không à. Dân ở vùng này chỉ còn loáng thoáng thôi. Anh vô đó bây giờ là anh có cảm tưởng như vô doanh trại bộ đội vậy đó.

- Nếu đi xe sợ bị xét giấy tờ lời thôi, anh nghĩ tôi có thể đi bộ từ Hải Phòng đến Móng Cái được không?

Lão Z trợn mắt nhìn tôi:

- Bộ anh điên hả? Từ Hải Phòng đến Móng Cái cả mấy trăm cây số, đi bộ làm sao được. Nhất là thời tiết này đang sắp bước vào mùa đông, lãnh lẽo vô cùng... Tốt nhất anh cứ nghe tôi đi đến Lạng Sơn, rồi sẽ có người nhà của tôi giúp đỡ cho anh qua biên giới. Mà anh phải lo liệu nhanh nhanh mấy được... Thêm ngày nào là khó khăn thêm ngày ấy.

Sau một phút suy nghĩ, tôi nhớ đến người bạn tù, quê ở Hải Phòng. Tuy anh này vẫn còn ở trong tù, nhưng tôi vẫn nhớ địa chỉ của gia đình anh. Tôi biết, sau khi tôi trốn tù, nhà cầm quyền địa phương chắc chắn chỉ theo dõi gia đình của tôi. Còn đối với gia đình của các bạn tù, thì họ sẽ không để ý. Vì vậy, nếu tôi thận trọng, tôi có thể đến nhà của anh M để nhờ vả. Biết đâu, gia đình anh chẳng giúp tôi vượt biên theo ngã Móng Cái? Nghĩ vậy, tôi hỏi thêm "lão Z":

- Nếu đi ngã Lạng Sơn không trót lọt, tôi sẽ trở lại Hà Nội đi ngã Móng Cái, có được không?

"Lão Z" gật đầu:

- Được chứ sao không. Khi đó, tôi sẽ gửi anh cho một người bạn ở Hải Phòng. Anh chàng này là dân giang hồ thứ thiệt, chì khỏe chề.

Tôi mừng rỡ, hỏi anh:

- Vậy anh có thể cho tôi luôn tên và địa chỉ của anh ta được không? Lỡ có chuyện gì, đi Lạng sơn không thành thì tôi sẽ đáp xe lửa đi thẳng Hải Phòng, khỏi đến đây làm phiền anh...

"Lão Z" lắc đầu:

- Chuyện đó để sau tính. Bây giờ anh đi đường Lạng Sơn thì cứ biết đường Lạng Sơn. Khi nào không thành, anh về đây đi đường Móng Cái thì lúc đó hãy hay...

Sau đó "lão Z" cho tôi tên và địa chỉ người thân ở Lạng Sơn, nhưng bắt tôi học thuộc lòng ngay tại chỗ, chứ không cho tôi ghi chép. Sự cẩn thận của anh, chứng tỏ anh là người rất từng trải.

Khoảng hạ tuần tháng 8 năm 1978, tôi đáp tàu chợ đi Lạng Sơn. Trên tàu, hầu hết hành khách là người Việt gốc Hoa. Những người Hoa từ Miền Nam thì đa số nói tiếng Hoa. Còn người Hoa từ Miền Bắc thì lại nói tiếng Hoa rất ít, vì chính sách đồng hoá bắt học đọc, học nói, học viết tiếng Việt, của nhà cầm quyền Hà Nội trong suốt mấy chục năm kể từ khi CS chiếm đóng Miền Bắc. Trên suốt chặng đường từ Hà Nội đi Lạng Sơn, tôi được người Hoa ở Miền Bắc kể lể không biết bao nhiêu chuyện công an, bộ đội cộng sản Việt Nam tàn ác, cướp bóc của cải, phá phách nhà cửa, tiệm buôn... của người Hoa. Có nhiều chuyện nghe thật thê thảm, không biết bao hàng xóm láng giềng Hoa Việt, suốt bao nhiêu thế hệ sống có tình có nghĩa, sớm lửa tối đèn có nhau, bỗng nhiên bị hâm nóng bởi ngọn lửa tuyên truyền của CS, bỗng một sớm một chiều trở thành thù nghịch, tìm mọi cách để giết hại nhau.

Đọc đường từ Hà Nội đi Lạng Sơn, tôi cũng chứng kiến hàng đoàn xe quân sự chở đầy bộ đội, tiến về phía bắc. Ngoài ra, xe tăng, đại pháo và những đoàn bộ đội, trang bị đầy đủ súng ống, cũng lũ lượt đổ về phương bắc.

Tôi đến được ga Đồng Đăng vào chiều tối Thứ Bảy cuối tháng 8. Tôi không nhớ chính xác đó là ngày nào, nhưng tối hôm đó trời mưa phùn và rất lạnh. Ga Đồng Đăng là ga đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam trên tuyến đường từ Trung Quốc sang Việt Nam. Cả sân ga lúc đó ồn ào, náo loạn, hết như một nhà ga trong chiến tranh. Thêm vào đó, những chiếc loa trên sân ga âm ỉ phát thanh những bài chửi bới Trung Cộng thật thảm tệ.

Vượt khỏi trí tưởng tượng của tôi, toàn bộ nhà ga Đồng Đăng lúc đó đầy bộ đội, công an biên phòng và các lực lượng dân quân du kích. Tất cả những người Hoa từ trên tàu bước xuống đều bị đám công an và bộ đội biên phòng dồn vào một góc sân ga. Tiếng kêu hét, tiếng gọi nhau, tiếng khóc la, âm ỉ, huyên não cả một góc trời...

Một người công an mặc áo bốn túi, không đeo quân hàm, không đội mũ, cầm một chiếc loa bằng sắt tây, nói lớn bằng tiếng Việt. Một người công an khác đứng cạnh, cầm một chiếc loa khác, nhắc lại những lời của người công an kia, bằng tiếng Quảng và tiếng Quan Thoại. Đại ý, người công an báo cho mọi người biết, chính quyền Trung Cộng đã quyết định đóng cửa biên giới, không chịu cho người Hoa về nước, bất kể họ có chiếu khán nhập cảnh do toà đại sứ hay lãnh sự của Trung Cộng tại Việt Nam cấp hay không. Vì vậy, tất cả mọi người phải chấp hành nghiêm chỉnh lệnh cư trú tạm thời ở trong nhà ga, trường học, và những căn nhà hoang quanh ga Đồng Đăng. Để bảo vệ an ninh và tính mạng của mọi người, không một ai được phép qua ải Chi Lăng cũng như qua biên giới. Bất cứ ai bất tuân lệnh sẽ bị lực lượng biên phòng "xử lý" tại chỗ.

Sau khi viên công an nói tiếng Hoa dứt lời, mọi người xôn xao bàn tán. Tiếng la ó, chửi bới, khóc than càng thêm âm ỉ. Tôi nghe tin cũng thấy chán nản, nhưng không đến nỗi tuyệt vọng. Vì phương án vượt biên giới của tôi ngoài cách trà trộn với người Hoa, còn có cách nhờ ông MN, một trong những "chốt" buôn trâu được "lão Z" gửi gắm. Yên tâm với phương cách này, tôi lặng lẽ kiếm một góc kín đáo trong nhà ga, nằm ngủ, với ý định sẽ tìm gặp MN vào ngày mai...

## KỶ 81

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm, hỏi thăm đường đến nhà ông MN. Hỏi ba người trong ga, cả ba đều lắc đầu không biết. Đi ra ngoài sân ga, nhìn đường phố vắng vẻ, không có một ai, cả thị trấn giống như một thành phố đã chết. Bỗng sang bên kia đường, tôi gặp một cụ già, bị cụt mất một chân, mặc chiếc áo của người thiếu số, không hiểu là áo của người Nùng hay Mèo, nhưng lại mặc chiếc quần bộ đội cũ đã bạc màu.

Nghe tôi hỏi, cụ ngạc nhiên, nhìn tôi từ đầu đến cuối rồi nói, giọng lạnh lùng:

- Phở xá đây đi tản cư hết rồi. Chẳng còn ai ở đó đâu mà kiếm.

Chỉ tay một vòng chung quanh ga, cụ tiếp:

- Cả cái thị trấn Đồng Đăng này, cả cái huyện Cao Lộc này đều được lệnh tản cư hết rồi. Tất cả bây giờ là vườn không nhà trống để chống tụi Trung cộng bá quyền xâm lăng. Bộ anh không biết chuyện đó sao?

Nghe cụ nói đi nói lại hai lần chữ "tản cư" tôi ngạc nhiên. Thông thường, người ở Miền Bắc hay dùng chữ "sơ tán". Còn "tản cư" là từ thông dụng thời trước 1954. Nghe cụ hỏi, tôi lúng túng:

- Thưa cụ, tôi từ xa tới, tìm kiếm người bà con, nên không biết...

Cụ nhìn tôi từ đầu đến chân một lần nữa, rồi gật gù:

- Anh không phải người Hoa. Tôi biết. Vậy làm sao anh lại có họ hàng với hần. Anh đến tìm thằng MN làm gì? Hần bị công an bắt cả tháng nay rồi. Bị bắt về tội buôn lậu trâu qua biên giới.

Tôi ngạc nhiên lắm lắm, "Bị bắt về tội buôn lậu trâu!"

Cụ già nhìn tôi lắc đầu, rồi thấp giọng thì thầm:

- Thì đó là tội mà mấy người dân ở đây họ nói như vậy, chứ lão biết hần ta bị bắt vì tội làm gián điệp cho Trung cộng...

Tôi giật mình, nhưng cố giữ vẻ mặt bình tĩnh. Ông cụ tiếp:

- Nói đúng ra thì hần cũng chẳng có làm gián điệp gì đâu. Đi buôn lậu trâu qua biên giới thì phải quen biết, quà cáp, kết thân cả hai bên. Chuyện đó lâu lắm rồi, cả chục năm trước lận, ai mà chả biết. Nhưng đến lúc lộn xộn, hai nước thành thù nghịch thì công an họ phải tóm cổ hần trước để đề phòng làm nội gián cho địch đó mà.

Chỉ tay vào chiếc chân cụt, cụ già nói:

- Còn lão cũng may, vì cái chân cụt này nên tụi nó tha, chứ không thì lão cũng bị họ bắt rồi. Trước đây lão cũng bị bắt lên bắt xuống chỉ vì cái tội đi lính cho Pháp. Mà thời đó gia đình lão không đi lính cho Pháp thì lấy gì ăn. Vậy mà từ khi hoà bình lập lại (1954) cho đến nay, họ cũng bắt lão cả thấy mấy lần rồi. Hề tình hình rục rịch, an ninh bất ổn là họ lại bắt lão vài tháng, có khi cả năm. Đợt lâu nhất là cái năm máy bay Mỹ bắn phá Miền Bắc, lần đó lão cũng bị họ bắt giam 4 năm lận...

Sau khi nói chuyện với cụ, tôi hoàn toàn chán nản. Như vậy là việc đến gặp ông MN để nhờ ông giúp đỡ cho tôi vượt biên sang Trung quốc đã không thể được. Trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, tôi chỉ có hai cách. Một là tiếp tục trốn tránh ở lại Đồng Đăng, chờ cơ hội khi nào Trung cộng mở cửa biên giới cho người Hoa về nước thì tôi sẽ trà trộn với họ qua biên giới. Hai là tôi phải tìm cách vượt biên giới một mình. Bằng không, tôi phải trở lại Hà Nội, tìm đến "lão Z" để nhờ lão giúp đỡ, vượt biên theo ngã Hải Phòng, Móng Cái. Tối hôm đó, tôi nằm nghĩ miên man. Việc trốn tránh ở lại Đồng Đăng tôi thấy rất nguy hiểm, và không biết phải chờ đợi cho đến bao giờ. Mà mỗi ngày trôi qua là mỗi ngày tôi có thể bị công an VC phát hiện. Đó là

chưa kể những khó khăn khác như ăn ngủ, tiền bạc thiếu thốn... làm sao đủ sống để tôi có thể ăn dầm nằm dề ngày này qua ngày khác. Vì vậy, tôi thấy chỉ còn có cách vượt biên giới một mình. Bình thường, chuyện này không có khó. Chỉ cần định phương hướng, rồi cất rương mà đi, gặp núi thì trèo, gặp sông suối thì lội, nhanh thì một vài giờ, lâu thì vài ngày đêm, tôi sẽ vượt qua được biên giới Việt Trung. Nhưng hiện tại, toàn bộ vùng biên giới ở các các cửa khẩu, việc canh gác vô cùng nghiêm mật, nên chuyện cất rương sẽ vô cùng nguy hiểm. Nếu chẳng may bị lọt vào tay bộ đội biên phòng VC thì đám mất mạng như chơi. Giữa lúc đang lo lắng tìm cách vượt biên, tình cờ tôi quen được một anh chàng người Hoa, tên là A Coóng, ở phố Hàng Bạc, Hà Nội. Anh cho tôi biết, cả gia đình họ hàng nhà anh đã trở về Trung quốc từ tháng trước. Riêng anh bị kẹt lại vì phải chờ lấy chiếu khán nhập cảnh của toà đại sứ Trung cộng ở Hà Nội. Anh bảo, nếu anh về nước có giấy nhập cảnh của toà đại sứ Trung cộng thì sẽ được đãi ngộ xứng đáng hơn, không phải đi về "nông trường" (công trường) sản xuất, mà được ở thành phố, thị xã, thị trấn làm ăn.

Sau một hồi trò chuyện, tôi mới biết A Coóng cũng là dân buôn dọc qua biên giới. Khi ga Đồng Đăng bị đóng cửa vì những xung đột giữa hai quốc gia, A Coóng vẫn tiếp tục buôn bán qua biên giới ở vùng Bản Tả, cách Đồng Đăng khoảng 60 cây số về phía bắc. Chuyện trò thân mật và tin tưởng ở quyết tâm vượt biên sang Trung quốc bằng mọi giá của tôi, A Coóng mới rủ tôi đi bộ đến Bản Tả, rồi từ đó sẽ vượt qua biên giới Việt Trung.

Sau một hồi suy nghĩ, tôi bần khoản hỏi anh:

- Tại sao mình không vượt biên đâu đó gần Đồng Đăng mà phải đi lên Bản Tả mới vượt biên được?

A Coóng mỉm cười:

- Chung quanh Đồng Đăng bây giờ có cả chục ngàn người Hoa muốn về nước, nên cả Trung cộng lẫn Việt cộng đều canh phòng biên giới rất kỹ lưỡng. Cả một vùng hơn chục cây số từ đây lên đến tận Khuổi Po, Nà Mát bây giờ là một con chim cũng không bay qua lọt. Việt cộng thì sợ gián điệp Trung cộng thâm nhập, mà Trung cộng thì sợ gián điệp Việt cộng thâm nhập. Mình vượt biên ở đây dù cho có qua lọt đi nữa, cũng sẽ bị Trung cộng nghi mình là gián điệp Việt cộng đem bắn bỏ.

Ý kiến của A Coóng nghe có lý, nhưng tôi không hẳn đồng ý. Tôi hỏi:

- Làm sao Trung cộng chỉ nghi ngờ mình là gián điệp mà có thể đem mình bắn bỏ được?

A Coóng nhún vai:

- Chiến tranh mà! Nó đem nướng dân nó vài triệu còn được hưởng chi đem vài mạng cóc chết như mình đi bắn bỏ.

Tôi vẫn bảo thủ:

- Nếu họ tin mình là gián điệp Việt cộng thì ít nhất họ cũng phải giữ lại điều tra để khai thác, chứ đại gì đem mình bắn bỏ ngay.

A Coóng lại nhún vai:

- Thì trước sau gì, nếu chú mày đã lọt vào tay Trung cộng là bị họ bắn bỏ. Bắn ngay hay chờ khai thác rồi bắn thì có gì khác đâu. Tôi là người Việt gốc Hoa, tôi đã từng buôn bán với họ cả mấy chục năm, tôi đâu có lạ gì họ. Thời "cách mạng văn hoá" họ giết người của họ như ngoé mà đâu có cần phải nghi ngờ gì... Tuy không đồng ý với A Coóng, nhưng cuối cùng tôi cũng đồng ý đi theo anh đến Bản Tả ngay tối hôm đó. Dù sao, trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, bất cứ cơ hội gì giúp tôi sang được bên Trung quốc, tôi cũng vội vàng ôm lấy, mà không được phép chọn lựa.

Vừa đi vừa nghĩ, chừng một đêm một ngày, chúng tôi đến Bản Tả vào chiều hôm sau. Dọc đường đi, tôi phải công nhận A Coóng rất thông thạo địa hình, có tài đặt bẫy cầm thú và nấu nướng trong rừng. Khoảng chập choạng tối, A Coóng dắt tôi rẽ vào một con đường nhỏ, đi tới một căn nhà sàn, anh nói đó là nhà của người yêu cũ của anh. Anh bắt tôi đứng đợi anh ở dưới chân nhà sàn, rồi anh lên nhà một mình. Tôi mệt rũ rượi, hai chân mỏi nhừ, nên ngồi dựa vào cầu thang, thiu thiu ngủ lúc nào không hay. Đang ngủ thì giật mình vì có người lay lay vào vai. Mở mắt thì thấy A Coóng đứng bên cạnh cùng với một thiếu phụ, tay đang cầm bó đuốc bập bùng. Tuy ánh lửa không đủ sáng, nhưng tôi cũng thấy người thiếu phụ rất đẹp. A Coóng ra hiệu cho tôi đi theo anh lên nhà sàn. Tôi lẳng lặng đứng dậy đi theo.

Bước vào trong nhà sàn, tôi thấy có một cụ già đang ngồi ở góc nhà, mắt nhắm nghiền. Giữa nhà là một đống củi, lửa cháy bập bùng. Bên cạnh là một mâm cơm, chủ yếu là khoai mì, củ mài và thịt heo khô, rất nhạt nhẽo và khó nuốt. Vừa ăn, A Coóng vừa buồn rầu không nói gì. Nhìn vẻ mặt của A Coóng, tôi không biết vì sao anh buồn. Lâu lâu, anh lại nói tiếng thiếu số với người thiếu phụ, nhưng tôi không hiểu đó là tiếng Mường, tiếng Thái, hay tiếng Nùng. Vì không thấy A Coóng nói gì với tôi, nên tôi cũng im lặng trong suốt bữa ăn.

Ăn xong, người thiếu phụ dọn dẹp chén đĩa rồi đi ra phía hiên sau. Chờ người thiếu phụ đi khuất, A Coóng thì thâm bảo tôi:

- Vượt biên ở đây không được rồi.

Tôi ngạc nhiên lo lắng nhìn A Coóng hỏi:

- Sao vậy?

- Họ rải mìn đầy khắp các con đường dọc theo biên giới. Trâu bò của dân đạp trúng mìn, chết ngổn ngang...

Tôi giật mình. Nếu chuyện rải mìn dọc biên giới ở Bản Tả là thật thì chuyện vượt biên của chúng tôi ở đây chắc chắn là vô cùng nguy hiểm. Hoàn cảnh của tôi khiến tôi phải liều lĩnh chấp nhận mọi rủi ro, nhưng còn A Coóng, chắc chắn anh chẳng dại gì phải liều lĩnh như tôi. Tôi ngần ngại hỏi:

- Bây giờ anh tính thế nào?

- Trở lại Đồng Đăng chứ còn thế nào nữa.

Tôi thở dài chán nản. Như vậy là tốn bao nhiêu công lao đi suốt từ Đồng Đăng tới Bản Tả, cuối cùng công cốc.

Ngày sáng hôm sau, tôi và A Coóng lên đường trở lại Đồng Đăng. Lần đi, chúng tôi hăng say, vui vẻ và hy vọng bao nhiêu thì lần về buồn bã, chán nản và thất vọng bấy nhiêu. Cũng may trên đường trở về, chúng tôi không gặp khó khăn trở ngại gì. Ngay khi đến Đồng Đăng, tôi chia tay A Coóng, vì anh chấp nhận ở lại, chờ ngày Trung cộng mở cửa biên giới cho người Hoa về nước. Còn tôi, tôi không thể ở đó chờ đợi trong vô hạn, khi mà nguy hiểm đang rình rập bủa vây. Tôi quyết định trở về Hà Nội, để tìm được vượt biên qua ngã Móng Cái. Tôi biết, thị trấn Móng Cái bên Việt Nam và thị trấn Đông Hưng (Tống Hánh, theo tiếng Quảng) của Trung Quốc, đối diện nhau và chỉ cách nhau có con sông Ka Long. Vì vậy, dù Việt cộng có rải mìn dọc theo biên giới, chúng cũng không thể nào rải mìn ở ngay giữa một thị trấn đông dân khi nào ở đó dân còn đang sinh sống, và chiến tranh giữa hai nước chưa xảy ra. Tôi hy vọng, sẽ đặt chân đến thị trấn Móng Cái trước khi hai nước xảy ra xung đột võ trang.

Không may cho tôi, lúc đó, xe lửa từ Đồng Đăng đến Hà Nội không còn. Thì ra sau khi có lệnh đóng cửa biên giới của Trung cộng, nhà cầm quyền Việt Nam cũng ra lệnh ngưng không cho xe lửa chuyên chở người Hoa về Đồng Đăng. Do vậy, nếu tôi muốn về Hà Nội gấp, tôi phải đi đến Bắc Giang, mới có xe lửa về Hà Nội. Còn không, tôi phải đi bộ về Bản Thi, chờ ở đó nhiều tuần, mới có một chuyến xe lửa về Bắc Giang. Đường đi từ Đồng Đăng về Bắc Giang xa cả mấy trăm cây số, đi bộ phải mất cả chục ngày trời. Còn về Bản Thi thì gần, nhưng lại phải chờ nhiều tuần mới có xe lửa.

Sau khi suy nghĩ, cân nhắc thiệt hơn, cuối cùng tôi lên đường đi Bản Thi trước. Nếu đến Bản Thi tôi đáp được xe lửa về Bắc Giang thì may. Còn không, tôi sẽ đi bộ tiếp về Bắc Giang. Trên đường đi, tôi sẽ tìm cách quách giang bất cứ loại xe tải nào nếu thuận tiện.

## KỶ 82

Trên đường trở lại Bản Thi, tôi thấy người Hoa vẫn lũ lượt đổ về Đồng Đăng. Thì ra, hay tin Trung Cộng đóng cửa biên giới, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã tạm ngưng hoặc cho giảm số lượng các chuyến xe lửa từ Hà Nội đi Đồng Đăng. Nhìn cảnh các gia đình người Hoa buồn bã, khóc lóc, bồng bế, dắt díu nhau đi, trong đó có cả những cụ già lưng còng phải chống gậy, những người bệnh phải nằm võng, những em bé phải ngồi trong thúng để cha mẹ gánh, hoặc được cha mẹ địu sau lưng,... tôi mới thấy thấm thía thân phận muôn đời khốn khổ của người dân trong xã hội cộng sản. Và tôi cũng hiểu, những thân phận bất hạnh mà tôi gặp trên đường Hà Nội đi Lạng Sơn còn là những người may mắn so với hàng vạn người Hoa khác phải chết tức tưởi trong các trại cải tạo, các vùng kinh tế mới, cũng như trên đường vượt biển vượt biên. Ngoài ra cũng còn có những người Hoa ở khắp mọi miền của đất nước đã phải tự tử vì bị cộng sản o ép, cướp bóc của cải, tiền bạc...

Trong chuyến đi tàu chợ từ Hà Nội đến Đồng Đăng, tôi đã đóng giả người Hoa. Vì tàu chợ quá đông người Hoa, nên việc trà trộn của tôi không bị ai phát hiện. Nay một thân một mình trở lại Hà Nội, tôi bắt buộc phải thay đổi cách ăn mặc sao cho thích hợp. Sau khi ghé vô một quán nước bên đường, kín đáo quan sát người qua lại và lắng nghe mấy người khách trong quán trò chuyện, tôi thấy cách tốt nhất là đóng giả "thanh niên xung phong". Khác với các đơn vị bộ đội thường kiểm soát chặt chẽ quân số, các đơn vị thanh niên xung phong bao giờ cũng lỏng lẻo hơn, khó kiểm soát hơn. Hơn nữa, với tôi lúc đó, đóng giả một thanh niên xung phong cũng dễ dàng hơn.

Để đóng giả thanh niên xung phong, đầu tiên tôi chỉ vô sạp bán quần áo cũ, mua một bộ đồ bộ đội cũ, một chiếc nón cối và một đôi dép râu. Tất cả những thứ này là đồ dùng hàng ngày của thanh niên xung phong, nhưng cũng được bày bán nhan nhản ở Miền Bắc và bất cứ ai cũng có thể mua mặc. Thay bộ đồ thanh niên xung phong xong, tôi tìm đến một tiệm sách mua một tấm hình Hồ Chí Minh, cuộn tròn lại, và một cuốn sách "Ngục Trung Nhật Ký" của HCM. Hai vật này tuy chẳng phải là hành trang cần thiết cho người đi đường bình thường, nhưng tôi biết, với tôi lúc đó, nếu biết khai thác đúng lúc, đúng đối tượng, để tạo nên cái vẻ thật "tình cờ", nhiều khi nó còn có giá trị hơn cả giấy thông hành. Quả nhiên, nhờ nó, tôi đã thoát chết ngay tối hôm đó...

Mặc bộ đồ thanh niên xung phong, tay cầm cuốn sách NTNK và bức hình HCM, tôi hỏi đường đến bưu điện địa phương để điều nghiên tình hình. Tới bưu điện, tôi đứng ở bên này đường, giả vờ chăm chú coi sách, nhưng thật sự là kín đáo quan sát người ra vô bưu điện. Quả nhiên, chờ không lâu, tôi thấy có một toán thanh niên xung phong ồn ào bước vô bưu điện. Tôi vội băng qua đường, bước vô theo họ. Giống như hầu hết những bưu điện ở Miền Bắc, bưu điện ở đây cũng rất sơ sài và nghèo nàn. Một chiếc quầy bằng gỗ chạy dài suốt chiều ngang, phân chia giữa người bán và người mua. Ở góc phòng là một chiếc bàn gỗ ọp ẹp, cao ngang ngực, trên để một chén keo dùng để dán tem, nhưng keo khô cứng, ruồi bâu đầy. Chung quanh tường, ngoài mấy tấm hình lãnh tụ cộng sản Việt Nam như thường thấy ở bất cứ công sở, cửa tiệm quốc doanh nào trên Miền Bắc, còn có những khẩu hiệu chống đối Trung cộng và kêu gọi mọi người không ngừng nâng cao cảnh giác trước mọi âm mưu tuyên truyền đánh phá của "bá quyền Trung cộng".

Bước tới quầy, sát cạnh mấy người thanh niên xung phong, tôi hỏi mua mấy chục con tem, phong bì, trong khi nhanh chóng và kín đáo quan sát mấy phong thư của mấy người thanh niên xung phong để trên quầy. Trên mỗi phong thư bao giờ cũng có hai phần, người gửi và người nhận. Tôi chỉ quan tâm phần người gửi, nên cố gắng nhớ thật nhanh, tên họ người gửi, đơn vị, địa chỉ. Sau đó, giả vờ viết phong bì, tôi ghi vội những chi tiết mình vừa thu thập. Cứ như vậy, trong thời gian ngắn ngủi khoảng 5 phút đồng hồ, tôi đã biết được ba đơn vị thanh niên xung phong khác nhau quanh huyện Cao Lộc, Lạng Sơn.

Sau khi bỏ thư xong, tôi bước ra ngoài bưu điện, đứng hút thuốc chờ đợi. Khoảng mười phút sau, một toán thanh niên xung phong khác đi tới. Cầm cuốn NTNK cố ý để cho bìa sách quay ra phía ngoài, tôi bước tới đơn đã mời thuốc và chào hỏi người thanh niên đi cuối cùng:

- Chào anh. Anh cho tôi hỏi chút được không?

Người thanh niên đứng lại, nhìn tôi ánh mắt có vẻ dò xét, nhưng tay vẫn nhậm lẹ rút điếu thuốc tôi mời. Tôi niềm nở bật quẹt. Anh châm lửa, kéo một hơi thuốc thật dài, rồi ém khói. Nhìn những ngón tay ám khói thuốc vàng khè và điệu bộ hút thuốc của anh, tôi biết anh là dân nghiện thuốc thú thiệt. Tôi rút thêm một điếu thuốc, thản nhiên cài lên vành tai anh, rồi thân mật vỗ vai anh:

- Tôi có thằng em đi thanh niên xung phong, đóng ở quận Cao Lộc, mà sao tôi tìm hoài không ra nó...

Anh chàng rít thêm một hơi thuốc thật sâu, ánh mắt lơ đãng, vẻ dò xét đã biến mất sau khói thuốc:

- Thằng em anh ở đơn vị nào?

Tôi nhắc tên một đơn vị mà tôi vừa coi lén được trong bưu điện. Người thanh niên cười hềnh hếch, đưa tay cho tôi bắt, và nói:

- Vậy là thằng em anh ở cùng tiểu đoàn với tôi, nhưng khác đại đội. Tôi tên Q. Còn anh tên gì?

- Tôi tên Lương. Tôi nhận được thư thằng em, nên vội lên thăm. Nó cho biết đơn vị của nó ở quận Cao Lộc, nhưng không nói rõ làng xã, nên tìm khó quá.

Sau đó, tôi niềm nở mời anh Q vô trong quán nước bên kia đường vừa hút thuốc, uống nước, vừa trò chuyện. Trong thời gian trò chuyện khoảng mười phút đồng hồ, hút hết ba điếu thuốc, ăn hết mấy viên kẹo vừng, anh vui vẻ cho tôi biết khá tường tận về đơn vị thanh niên xung phong của anh. Từ tên tuổi tiểu đoàn trưởng, đại đội trưởng, trung đội trưởng, đến cả chủ tịch xã, bí thư xã ủy, bạn bè của anh... anh đều nhất nhất cho tôi biết. Anh cũng cẩn thận chỉ cho tôi biết đường đi đến đại đội thanh niên xung phong có "thằng em" của tôi. Tôi cố gắng nhớ hết tất cả những chi tiết anh nói để trong những ngày tới, trên chặng đường từ đây về đến Hà Nội, tôi sẽ sử dụng tất cả những chi tiết đó để đóng vai một thanh niên xung phong đóng tại quận Cao Lộc, Lạng Sơn, nay được đi phép về thăm nhà.

Chiều hôm đó, trong vai một thanh niên xung phong đi công tác, tôi đi bộ từ Đồng Đăng theo quốc lộ 4A tới thị xã Lạng Sơn. Trước đây, qua điều nghiên trên bản đồ, tôi biết từ thị xã Lạng Sơn, nếu tôi tiếp tục đi bộ theo quốc lộ 4B, tôi sẽ tới được Tiên Yên, Hải Ninh, Móng Cái, để rồi tại Móng Cái, tôi có thể bơi qua sông Ka Long, vượt biên sang bên Đông Hưng của Trung Cộng. Nhưng tuyến đường 4B không có xe lửa, còn nếu đi bộ thì tôi sẽ không đủ sức, vả lại tôi cũng không biết đường xá ra sao. Vì vậy, thay vì rẽ trái theo quốc lộ 4B, tôi quyết định rẽ phải, theo quốc lộ 1A để đi về Bắc Giang. Một khi đến được Bắc Giang, tôi hy vọng sẽ có xe lửa về Hà Nội. Bằng không, tôi sẽ cố gắng đi bộ tiếp về Bắc Ninh, nơi này chắc chắn sẽ có xe lửa, hoặc xe đò về Hà Nội thường xuyên mỗi ngày. Tôi tính toán thì như vậy, nhưng thực tế có những chuyện bất ngờ xảy ra làm đảo lộn tất cả mọi chuyện... Đầu đuôi câu chuyện bất ngờ đó như sau.

Sau khi rời khỏi thị xã Lạng Sơn được hơn chục cây số, thấy thỉnh thoảng có xe dân sự cũng như quân sự chạy cùng chiều, mà lần nào vẫy xe xin quá giang cũng không được, nên tôi tìm đến một khúc đường cua, khuôn vài hòn đá lớn vứt ra đường. Sau đó, tôi ẩn trong bìa rừng chờ đợi. Khoảng nửa tiếng sau, hai chiếc xe chạy tới. Trời lúc đó mới chập choạng tối, nên tôi vẫn nhìn rõ từ xa, cả hai không phải là xe nhà binh, mà là loại xe tải, phía sau không có mui, trống trơn. Yên tâm, tôi chờ đợi sẵn sàng. Quả nhiên, khi chạy đến khúc quanh, gặp mấy tảng đá nằm ngổn ngang giữa đường, hai chiếc xe đều bấm còi âm ỉ, rồi chạy chậm hẳn lại, đủ cho tôi bám vô chiếc xe sau, nhảy lên xe an toàn.

Ngồi trên xe, tôi thở một hơi dài khoan khoái. Từ phía sau, tôi ghé mắt nhìn qua ô kiếng nhỏ của buồng lái, thấy chỉ có một người tài xế, mặc chiếc áo cộc tay. Tôi yên tâm phỏng đoán, xe này sẽ chạy theo quốc lộ 1A tới Bắc Giang, hoặc ít nhất cũng phải tới Kép là khu vực công nghiệp lớn trong vùng. Từ Kép, tôi sẽ đi bộ tiếp tới Bắc Giang không bao xa. Như vậy nếu mọi chuyện tốt đẹp, chỉ nội tối mai, tôi sẽ có mặt tại Hà Nội. Chỉ có điều khi xe chạy tôi phải luôn luôn chú ý theo dõi đường xá, để bất cứ lúc nào, nếu xe quẹo vô rừng bất tử, tôi phải biết ngay để tìm cách nhảy khỏi xe. Tuy trong bụng nghĩ vậy, nhưng vì quá mệt mỏi, trời lại tối, nên ngồi trong xe được một lúc, chẳng may tôi ngủ thiếp đi lúc nào không hay....

Đang ngủ mê man trên sàn xe, bỗng nhiên tôi giật mình vì những tiếng đập rầm rầm ngay sát bên tai. Vừa mới kịp mở mắt, tôi đã thấy mấy ánh đèn bấm loang loáng chiếu thẳng vào mặt. Hoảng hốt, tôi vội dơ tay che mặt thì một bàn tay cứng, nháp, rất khỏe và thô bạo chộp lấy bàn tay tôi, rồi kéo mạnh, khiến cả người tôi không tự chủ, bỗng đứng bật dậy, hai chân tôi loạng choạng, trong khi cả người tôi chúi về phía trước. Sức kéo của người đàn ông rất mạnh, nên cả bả vai lẫn khuỷu tay của tôi bỗng đau buốt rời tê đi. Giữa lúc tôi còn đang lao đao, đứng chưa vững, thì bàn tay của người kia khẽ xoay nửa vòng, khiến cánh tay tôi bị vặn trái như vỏ đỗ, và cả thân thể tôi cũng bị vặn theo. Tôi chỉ kịp kêu lên một tiếng đau đớn, thì đã thấy cả hai cánh tay của mình bị bẻ quẹo ra sau lưng, và bị khoá chặt trong hai bàn tay cứng như thép nguội. Dưới sức ghì của gã đàn ông, người tôi gập lại vì đau đớn... Trong ánh đèn bấm, tôi loáng thoáng thấy có mấy người đứng trên sàn xe. Có tiếng quát lơ lớ giọng Nghệ An:

- Mày là ai?

Tiếng quát chưa dứt, tôi đã quặn người vì một quả đấm móc xoáy ngay vô bụng.

Tiếng quá thứ hai:

- Ai cho mày lên xe?

Tiếng quát chưa dứt, lại một quả đấm xoáy thứ hai. Tôi đau nghẹn cả họng. Một luồng hơi lạnh buốt xông lên tận óc. Tôi đã từng bị đòn thù nhiều lần, nhưng quả thật chưa bao giờ tôi bị người khác đấm vào bụng mà lại đau khủng khiếp đến như vậy...

Tiếng một người khác, có vẻ người Hải Phòng, làu nhàu:

- Hồi "thằng chết" chó chết này làm quái gì. Cứ đập chết mẹ nó đi, rồi vứt xác xuống hồ...

Tiếp theo y giáng vào mặt tôi hai cái tát nảy lửa... Mắt tôi hoa lên, miệng mậm mậm. Giọng Hải Phòng lại làu nhàu chữi:

- Đ.M. mày! Mày vứt đá chặn đường ông để đi xe không vé, phải không?!

Câu nói chưa dứt, y đã đấm vào bụng, vào ngực tôi bốn năm quả. Những trái đấm của y tuy không đau đớn và hiểm độc bằng quả đấm xoáy đầu tiên, nhưng cũng làm cho tôi nghẹn thở.

Từ phía dưới xe, một người khác hét lên, giọng có vẻ chỉ huy:

- Tụi bây đưa nó xuống đây!

Nghe lệnh, tên có bàn tay thép liền kéo mạnh hai cánh tay, khiến cả người tôi rướn cong trong đau đớn.

Cùng lúc, y co giò đạp mạnh vào lưng tôi, và buông hai bàn tay. Cả người tôi như chiếc điều đứt dây, bay khỏi xe, rớt xuống cỏ, lộn đi hai vòng... Tất cả mọi chuyện, từ khi tôi bị gọi dậy, cho đến khi bị đá té lộn trên sân cỏ, nói thì lâu, nhưng xảy ra trong chớp nhoáng. Thấy thái độ hung hăng, liều mạng, coi mạng người như ngoé của đám tài xế công nhân xe tải, tôi hoảng hốt nghĩ, chắc phen này tôi sẽ bị họ đánh chết. Nghĩ vậy, nên tôi cố gượng đứng dậy, tính chạy trốn, nhưng cả sống lưng nhức buốt, và cặp giò thì tê cứng... nên tôi lại té rụi xuống mặt đất.

Ngay lúc đó, tôi nghe tiếng người nhảy huỳnh huỳnh từ trên xe xuống đất, kèm theo tiếng la hét, reo hò đòi đánh tôi chết. Tôi vội lật ngửa người, nhìn lại, thì thấy trong ánh đèn bấm loang loáng, ba bốn bóng người lồ nhố lao tới, trong đó có cả người cầm gậy... Tôi nhắm mắt tuyệt vọng, vội vàng dùng hai tay ôm kín lấy đầu, chờ trận đòn khủng khiếp giáng xuống người...

## KỶ 83

Giữa lúc tôi đang hoảng hốt, tuyệt vọng, hay tay ôm đầu, hai chân co lại để che bụng, ngực, và cả người cong như con tôm, gồng mình chuẩn bị chịu đòn, thì bỗng từ trên xe, có người la thật to:

- Ế, dừng tay! Đừng đánh nó nữa! Nó không phải chết đâu!

Tiếng người khác hỏi lại:

- Sao mày biết nó không phải chết?

Rồi có tiếng người khác hét lên:

- Tao bảo đấm nó là chết đó mà. Cứ đập chết nó rồi quẳng xuống hồ cho cá ăn là xong.

Một giọng khác, nói có vẻ chỉ huy:

- Khoan. Tụi bây làm gì mà vội vậy. Nó có chạy mất đâu mà lo.

Có tiếng chân người nhảy từ trên xe xuống. Lúc này tôi mới hé mắt nhìn. Trong ánh đèn bấm loang loáng và ánh đèn điện vàng vọt từ cổng trại, tôi thấy mấy tên đang đứng vây quanh tôi, dáng điệu hung dữ,

nhưng tất cả đều quay đầu về phía người từ trên xe nhảy xuống. Lúc đó, cả người tôi đau tê tái, nhưng qua ánh đèn, tôi vẫn nhìn thấy tên đó cầm trên tay cuốn sách Ngục Trung Nhật Ký và tấm hình Hồ Chí Minh. Tên đó cầm cuốn sách trao cho tên cao to đeo xà cọt đứng giữa và nói:

- Báo cáo thủ trưởng, em thấy anh này mang theo cuốn Ngục Trung Nhật Ký của Bác thì anh ta không thể nào là người Hoa được.

Tên "thủ trưởng" cầm cuốn sách coi phía trước, lật phía sau, hỏi giọng hoài nghi:

- Mà y có chắc cuốn sách này của y không?

- Thì xe của em xưa nay chỉ chở gỗ, có bao giờ chở sách đâu, thưa thủ trưởng.

Tên "thủ trưởng" chỉ tay vào bức hình cuộn tròn trong tay tên tài xế rồi hất cằm hỏi:

- Còn cái đó là cái gì? Mở ra coi...

Tên tài xế vâng lời, tháo dây, mở tấm hình... Nhìn tấm hình, thấy đó là hình Hồ Chí Minh, tên thủ trưởng vội quay ra quát:

- Đ.M. chúng bây, đánh đấm gì mà chẳng hỏi người ta một tiếng. Cứ nhắm mắt mà đánh thôi...

Dứt lời, tên "thủ trưởng" bước tới chỗ tôi nằm, thân mật cúi xuống nâng tôi đứng dậy và nói:

- Đồng chí tha lỗi cho tụi nó, vì chúng nó cứ tưởng đồng chí là điệp vụ Trung cộng trá hình.

Rồi một tay vỗ vỗ vai tôi, một tay nắm lấy tay tôi lắc lắc, tên "thủ trưởng" hỏi giọng ngạc nhiên:

- Mà sao đồng chí không nói ngay từ đầu, để cho hai bên khỏi hiểu lầm?

Tôi méo miệng, đau đớn:

- Thì các đồng chí đâu có hỏi núp tề gì. Tự dưng tôi đang ngủ là xúm vô đánh tôi liên tục, có hờ lúc nào đâu mà tôi nói...

Tên "thủ trưởng" cười xuề xòa:

- Thôi thôi, đồng chí thông cảm bỏ qua đi nghe. Bây giờ là lúc chúng ta cần phải đoàn kết trên dưới một lòng để đối phó với tụi Trung cộng bá quyền...

Tôi mỉm cười chua chát:

- Dù sao trước khi ra tay hành động, các đồng chí cũng phải hỏi han cho ra đầu ra đuôi...

Tên "thủ trưởng" thấp giọng:

- Nói thiệt với đồng chí, tháng trước chúng tôi bị tụi Trung cộng chơi một vở đau điếng. Hai chiếc xe bị đốt, một đồng chí tài xế bị chết thiêu, để lại vợ goá, con cô ba đứa. Vì vậy, tối nay khi xe về đến doanh trại, thấy đồng chí nằm ngủ trên xe là anh em cứ ngỡ là gián điệp Trung cộng đột nhập... liền vội vàng ra tay xử lý tại chỗ... Thôi thôi, những chuyện đáng tiếc đã qua thì mình cho qua luôn đi. Bây giờ mời đồng chí vô trong doanh trại tụi tôi làm tô cháo gà rồi anh em mình nói chuyện...

Tôi cố nén tiếng thở phào nhẹ nhõm. Vậy là tôi thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Cuộc đời quả thật có nhiều chuyện may rủi không thể nào lường trước được. Thôi thì tôi chỉ biết một lòng một dạ thành tâm cầu nguyện với Thượng đế, với Thầy và chị Phúc; và tôi sẽ cố gắng làm hết sức mình mà thôi. Thầy tôi mất lúc đó đã được hơn 4 năm. Tôi tin tưởng, Thầy tôi luôn luôn phù hộ cho tôi. Còn chị Phúc mất khi chị mới có 4 tuổi, tôi mới được 2 tuổi. Nhiều người thân của tôi vẫn nói chị Phúc của tôi mất khi còn bé như vậy nên rất thiêng. Những khi giỗ chạp, đốt hương trên mộ của chị, bao giờ cây nhang cũng cháy đỏ lừ dù trời thật lạnh gió. Đã vậy, lần nào đốt nhang cũng có bướm trắng rất to xuất hiện, bay chập chờn trước mộ. Suốt thời gian mười mấy năm trời, kể từ khi biết nghĩ cho đến khi tôi phải lên đường đi bộ đội, năm nào Tết đến, dù lạnh lẽo, mưa phùn gió bắc đến thế nào đi nữa, tôi cũng lẻo đẻo theo Thầy về quê thăm mộ. Trong khi mộ Tổ bên nội cũng như bên ngoại và mộ Bà nội đều quay quần ở một chỗ cao ráo, được xây cất bề thế, đàng hoàng, thì không hiểu sao mộ chị Phúc của tôi lại cô đơn, lạnh lẽo ở mãi gần đền Xăng Ti, cách xa mộ Tổ tới 300 thước. Vì thế, lần nào đến thăm mộ chị Phúc, Thầy cũng bảo tôi đi kiểm gạch, đá, đất để đắp lại mộ cho chị. Và lần nào cũng vậy, khi đọc kinh cầu nguyện trước mộ chị Phúc xong, Thầy tôi cũng kể lại câu chuyện, mỗi khi chị Phúc uống thuốc khóc thảm thiết là tôi cũng khóc gào theo, nhất định không chịu để người lớn cho chị uống thuốc... Sau này, trải qua nhiều hiểm nguy trong cuộc đời, hay mỗi khi nghe người khác nói tôi được quý nhân phù hộ, chẳng hiểu sao bao giờ tôi cũng nghĩ tới chị Phúc của tôi!... Vì tôi chẳng hề biết mặt chị Phúc, nên mỗi khi nghĩ tới chị, trong óc tôi luôn luôn hiện lên hình ảnh một người con gái, mờ mờ ảo ảo, trong tà áo trắng tinh khiết và mái tóc đen dài buông xoã... Chỉ có vậy thôi!...

Trời lúc đó tuy tối, nhưng nhờ ánh đèn điện vàng vọt chung quanh trại tôi cũng thấy được hai chữ "Quyết Thắng" ở ngay trên cổng. Doanh trại là ba dãy lán tập thể song song, dài khoảng hai chục thước, dãy nọ cách dãy kia khoảng mười thước. Tất cả đều giống nhau, làm bằng gỗ, vách nửa, mái lợp tranh, nền bằng đất nện lồi lõm. Hai đầu của doanh trại đều có bãi đậu xe, với khoảng vài chục chiếc đủ loại.

Bước vào dãy lán ở giữa, tôi thấy có chiếc bàn gỗ sơ sài nhưng chắc chắn chạy dài cùng với hai hàng ghế làm bằng thân tre ghép chạy dọc hai bên. Trên bàn là nồi cháo thiệt to, bốc khói nghi ngút. Tên "thủ trưởng" cầm cuốn Ngục Trung Nhật Ký và bức hình Hồ Chí Minh đã cuộn lại, trịnh trọng đặt trước mặt tôi, rồi đích thân múc cháo ra chiếc bát sắt sơn xanh màu lá cây, trao cho tôi.



Trong lúc ăn, tên "thủ trưởng" cũng hỏi tên tuổi của tôi, làm gì, đi đâu, tại sao lại liều mạng nhảy xe quá giang... Với tất cả những tin tức tôi đã thu lượm về các đơn vị thanh niên xung phong hiện đang đóng tại quận Cao Lộc, Lạng Sơn, tôi trả lời trôi chảy những câu hỏi của y. Qua thái độ thân thiện của tên "thủ trưởng", tôi hiểu y hỏi cho qua chuyện, chứ y không hề mảy may nghi ngờ gì tôi. Tôi không ngờ cuốn Ngục Trung Nhật Ký và bức hình Hồ Chí Minh trong tay tôi lại có thể có giá trị to lớn xua tan mọi nghi ngờ của y đến như vậy. Cũng nhờ kinh nghiệm quý báu này mà sau đó, trên đường từ Hải Phòng đi Móng Cái, tôi tiếp tục dùng cuốn Ngục Trung Nhật Ký và bức hình Hồ Chí Minh để vượt qua nhiều trạm gác nguy hiểm của cộng sản. Thậm chí ngay cả khi thị trấn Móng Cái đã nằm trong tình trạng quân quản, trên mọi đường phố, các cửa tiệm của thị trấn đều kín đặc bộ đội các binh chủng, tôi vẫn lọt vô thị trấn một cách dễ dàng, đàng hoàng ngồi ăn ngay tại tiệm ăn của thị trấn, mà không một ai tra vấn giấy tờ. Lý do là trên bàn ăn, tôi đã để sẵn cuốn Ngục Trung Nhật Ký và tấm hình Hồ Chí Minh!

Ngay tối hôm đó, sau khi ăn cháo gà xong, mặc dù bề vai bên phải của tôi còn bị nhức buốt, tôi vẫn xin quá giang xe của đơn vị vận tải Quyết Thắng đi Bắc Giang. Khi chia tay, tên "thủ trưởng" còn dúi vào tay tôi gói thuốc lá và mấy viên kẹo dừa. Cả hai đều mang nhãn hiệu Trung quốc!

Người tài xế lái xe đi Bắc Giang là một thanh niên tuổi mới ngoài 20, tên là Hải. Tuổi tôi lúc đó cũng chỉ 26, nhưng không hiểu sao Hải cứ gọi tôi là chú, xưng con ngọt xớt. Tôi cũng không mất thì giờ cãi chính. Hải người Hải Phòng, nhưng nói năng lễ phép, cử chỉ rụt rè, khác hẳn phần đông những tài xế gốc Hải Phòng thường ngang tàng, coi trời bằng vung, mở miệng là chửi thề.

Trên chặng đường từ Đông Sơn đến Bắc Giang, Hải kể cho tôi nghe những câu chuyện kinh tâm động phách của công ty lái xe Quyết Thắng. Thì ra ngay cạnh doanh trại của công ty có một cái hồ rất lớn. Ở đó, trong mấy tháng gần đây, các tài xế của công ty Quyết Thắng đã đánh chết rồi vớt xác xuống hồ rất nhiều người Hoa đi buôn lậu, khi họ đi quá giang xe của công ty. Tôi không biết chuyện của Hải đúng sai đến mức độ nào, nhưng quả thật tôi đã rùng mình khi nhớ lại lúc tôi bị đánh, đã có người hô to, đập tôi chết rồi vớt xác xuống hồ cho cá ăn! Nếu tôi không khôn ngoan mua cuốn Ngục Trung Nhật Ký và bức hình Hồ Chí Minh, có lẽ giờ này, tôi đã chìm sâu dưới hồ làm mồi cho cá...

Gia đình Hải cũng là cả một bi kịch, nạn nhân của chế độ cộng sản. Bố Hải trước 1954, đi lính cho Pháp. Đến khi Pháp và Việt Minh ký hiệp định Geneva, cả gia đình đã định di cư vào Nam, nhưng vì bố Hải lo đi bán ngôi nhà ở Hà Nội, nên cả nhà bị kẹt lại. Sau đó, bố Hải bị đi cải tạo ở vùng rừng thiêng nước độc rồi bị chết vì sốt rét. Mẹ Hải là giáo viên dạy toán nên được chế độ cộng sản dùng một thời gian với đồng lương "thu dụng", sau đó bị sa thải. Em trai của Hải là Phòng mới 16 tuổi, đã bị chết vì đập ụ pháo cao xạ chống máy bay Mỹ năm 1967. Hải là người con trai duy nhất còn lại nên được miễn "nghĩa vụ quân sự" không phải đi xâm lăng Miền Nam. Đến gần đây, trước nguy cơ bị Trung cộng bá quyền xâm lăng, công ty của Hải bị nhà nước trưng dụng thành lực lượng giao thông vận tải bán quân sự, nên phải chuyển từ Hải Phòng đến Lạng Sơn.

Xe chạy suốt đêm cho đến sáng hôm sau, tôi đến được thị xã Bắc Giang. Sau khi chia tay Hải, tôi hỏi thăm đường đến ga xe lửa, và chờ đến trưa hôm đó, tôi đáp chuyến tàu chợ về Hà Nội.

Xuống ga Hàng Cỏ, tôi định về nhà Mẹ, nhưng không hiểu sao, tôi thấy trong người nôn nóng bồn chồn lạ lùng. Tôi linh cảm có chuyện gì đó chẳng hay sắp xảy ra cho tôi. Cảm giác kỳ lạ này đã xảy ra với tôi vài lần, và lần nào cũng đúng, nên suy nghĩ một hồi, chẳng hiểu sao tôi quyết định đi bộ đến nhà "lão Z" để hỏi xin địa chỉ người quen của lão ở Hải Phòng. Để có thể quan sát từ xa nơi định đến có an toàn không, bao giờ tôi cũng có thói quen đi ở bên dãy phố đối diện. Nhờ vậy hôm đó thật may mắn, khi cách nhà "lão Z" khoảng hơn 100 thước, tôi đã thấy một đám đông công an áo vàng và bộ đội tụ tập trước nhà lão...

Cặp cuốn sách Ngục Trung Nhật Ký trong nách, tay cầm bức hình Hồ Chí Minh, tôi cố giữ vẻ mặt thản nhiên đi qua nhà "lão Z" ở phía bên này đường. Qua được khoảng 200 thước, tôi tìm cách băng qua đường, để có thể đứng lại nhìn về phía nhà "lão Z" theo dõi động tĩnh. Sau vài phút, tôi thấy từ trong nhà lão một toán công an đi ra, cùng với hai bố con "lão Z" và một thiếu phụ. Cả ba đều bị còng tay và bị bịt mắt. Tất cả đều bị giải lên xe bít bùng. Không đầy 5 phút sau, xe tù chuyển bánh. Đám công an lên xe máy hai bánh hoặc ba bánh. Riêng đám bộ đội thì nhảy lên một xe tải quân sự có hai hàng ghế ở hai bên. Còn lại hai tên công an khác lặng lẽ đi vào trong nhà "lão Z" đóng kín cửa lại. Tôi đoán ngay, hai tên công an đó ở lại với mục đích âm thầm theo dõi và thộp cổ tất cả những ai đến thăm "lão Z" sau đó. Thấy vậy tôi sợ rợn cả người. Nếu tôi không tỉnh cờ trở lại nhà "lão Z" đúng giờ phút đó, làm sao tôi nhìn thấy tận mắt cuộc bắt giữ hai bố con "lão Z"? Và nếu tôi trở lại gõ cửa nhà "lão Z" dù bất cứ lúc nào sau khi "lão Z" bị bắt, chắc chắn tôi cũng sẽ bị công an tóm cổ. Bây giờ nghĩ lại tôi mới thấy cái rủi ro bị đám tài xế của công ty Quyết Thắng hành hung, rồi được tha, được đi quá giang xe đến Bắc Giang,... là cả một loạt những diễn tiến trong cái rủi có cái may, để cuối cùng, cái may mắn lớn nhất của tôi là thoát khỏi còng sắt của công an đang chờ sẵn ở nhà "lão Z".

Lững thững bước trở lại ga Hàng Cỏ, tôi quyết định, ghé thăm Mẹ vài tiếng đồng hồ rồi lên đường đi Hải Phòng ngay đêm hôm đó. Lúc ấy, tôi cảm thấy chung quanh tôi những nguy hiểm đang bủa vây, móng vuốt của kẻ thù đang rình rập, và nếu tôi lẩn khần ở lại Hà Nội thêm một hai ngày, chắc chắn tôi sẽ bị bắt. Rất tiếc, tối hôm đó Mẹ tôi không có ở nhà. Căn nhà trong ngõ hẻm vẫn âm u. Ánh đèn điện vàng vọt từ ngọn đèn đường không đủ xua tan bóng đêm và những mảng tối đen thẫm của những toà nhà cao to chung quanh. Đẩy chiếc cổng gỗ, tôi bước vào trong sân, rồi tần ngần đứng trước cửa. Thò tay lên chiếc hộc quen thuộc, tôi vẫn thấy chiếc chìa khoá cửa Mẹ tôi giấu trên đó. Cầm chiếc chìa khoá trên tay lúc ấy, tôi rất muốn mở cửa, bước vô nhà nằm ngủ một giấc trên chiếc giường của Mẹ, để rồi giật mình xúc động khi được Mẹ tôi về nhà đánh thức dậy... Nhưng tôi hiểu, đằng sau mọi sự bịn rịn vì hạnh phúc luôn tiềm ẩn những nguy cơ. Nhất là trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, dù có được hạnh phúc gặp lại Mẹ trong chốc lát thì rồi khi chia tay, tôi cũng chỉ mang lại cho Mẹ những khổ đau của biệt ly mà thôi... Nghĩ ngợi một hồi, cuối cùng tôi thở dài đau đớn, bỏ lại chiếc chìa khoá vô học, rồi bước ra vườn. Tôi muốn tìm một bông hoa, nhưng không thấy nên tôi ngắt một cành lá chõ gần ngọn không biết là của cây gì, đem nhét vào dưới khe cửa. Tôi hy vọng, khi trở về nhìn thấy cành lá, Mẹ tôi sẽ đoán biết, tôi đã trở lại thăm Mẹ!... Xong xuôi, tôi áp má vào cánh cửa, nói mấy lời thì thầm, tạm biệt Mẹ, mà nghe lòng rung rung, đau đớn, và nước mắt lã chã rơi, mặn đắng trong miệng của tôi...

## KỶ 84

Tối hôm đó cuối mùa thu, đầu mùa đông, trời mưa phùn lất phất, gió lạnh buốt. Lúc ấy trong nỗi lạnh lẽo cô đơn, tôi muốn ở lại với Mẹ vô cùng. Tôi muốn đêm hôm đó, được gục đầu vào vai Mẹ, nghe Mẹ kể lại những câu chuyện vui buồn của cuộc đời mà Mẹ đã đi qua, để được lần cuối cùng, thu vào trong tâm trí tôi hình ảnh của Mẹ, trước khi tôi ra đi... Nhưng nhìn những mảng sáng tối bủa vây chung quanh, tôi linh cảm như có muôn vàn nguy hiểm đang bủa vây rình rập. Tôi thực sự hoảng hốt, nghĩ không sớm thì muộn, cuối cùng tôi sẽ bị cộng sản bắt giữ. Tôi lo sợ, nếu tôi còn chần chừ ở Hà Nội, tôi sẽ bị chúng bắt và sẽ làm liên lụy đến những người thân yêu, trong đó có Mẹ của tôi... Đã từ lâu, tôi luôn luôn thăm thẳm với lòng, tôi sẵn sàng chấp nhận mọi đắng cay, chịu đựng mọi nguy hiểm cho mình, nhưng không bao giờ làm cho những người thân yêu của mình bị liên lụy. Mẹ tôi đã già yếu, nếu bị cộng sản bắt giữ hành hạ, và đau khổ khi chứng kiến tôi bị bắt, Mẹ sẽ đau khổ và tổn thọ vô cùng... Không, tôi không thể nào để Mẹ chứng kiến hay biết tin tôi bị bắt. Muốn vậy, tôi phải ra đi, để nếu có bị cộng sản bắt, giết, tôi sẽ bị bắt, bị giết ở một nơi nào đó, mà Mẹ không thể chứng kiến, không thể biết... Nghĩ vậy, tôi âm thầm gạt lệ, đi ra cửa. Đưa tay kéo cánh cổng gỗ, cài chốt cổng, tôi thấy bàn tay của mình run lên, và trong lòng nghẹn ngào, xúc động. Tôi lo ngại ra đi lần này là mãi mãi vĩnh biệt. Vĩnh biệt căn nhà! Vĩnh biệt Mẹ! Cho dù tôi có vượt biên thành công, để rồi tôi được sống sót ở một nơi nào đó trên thế giới, thì Việt Nam sống trong sự kìm kẹp của cộng sản, tôi cũng không thể nào trở về đoàn tụ với Mẹ hay về thăm Mẹ...

Như bị một sức mạnh vô hình níu kéo lần cuối, tôi vịn tay vào cánh cổng gỗ, ngửa mặt nhìn vào bầu trời đen kịt, mặc cho những giọt mưa phùn lạnh lẽo hoà cùng nước mắt, để thấy lòng mình thật đau đớn, cuộc đời mình thật bất lực, ngay cả những giấc mộng con con, bình thường trong cuộc sống, được sống với Mẹ, tôi cũng không làm nổi...

Từ ngoài đầu hẻm có tiếng chân người đang đi tới... Tôi thở dài, nhìn lần cuối cùng căn nhà của Mẹ, rồi quay lưng, bước đi lầm lũi trong con hẻm đầy bóng tối. Mưa mỗi lúc một nặng hạt, gió lạnh hú từng cơn vạt vã, nhưng tôi vẫn lầm lũi bước đi trong niềm tuyệt vọng và nỗi nhớ nhung chất ngất. Chẳng hiểu sao, trong tâm trạng đó, tôi chỉ muốn đầy đoạ thân xác tôi, đầy đoạ cuộc đời tôi chìm ngập trong giông tố bão bùng và đau đớn...

Sự thực sau này mọi chuyện diễn ra đúng như những gì tôi đã lo ngại. Sau khi ghé thăm Mẹ lần cuối vào buổi tối hôm đó, tôi ra đi, và đi mãi... suốt thời gian ngót ba chục năm trời, để rồi cuối cùng, tôi bàng hoàng đau đớn khi nghe tin Mẹ tôi vĩnh viễn giã biệt cõi đời vào một ngày cuối năm âm lịch, cách đây không lâu. Em tôi nói với tôi qua tiếng khóc nức nở, cho đến những ngày hấp hối sắp qua đời ở tuổi ngoài chín mươi, trên giường bệnh, Mẹ tôi vẫn cứ nhắc đến tôi bằng những lời thều thào ứa nước mắt, "Thằng Chí đâu rồi?! Sao nó bảo đi một lúc, mà nó đi mãi không thấy về?!..."

Khi nhận được tin Mẹ qua đời, tôi vô cùng đau đớn. Ngay buổi tối, tôi ngồi kể chuyện cuộc đời vô cùng đau khổ của Mẹ cùng những nỗi trái ngang trong tình mẫu tử giữa Mẹ và tôi cho các con của tôi nghe, để rồi tất cả mấy bố con chúng tôi cùng ôm nhau khóc... Những lời kể đầy xúc động, đứt nối trong sự nghẹn ngào của tôi, những câu hỏi ngây thơ của các con tôi, cùng những giọt nước mắt của các con và của tôi tối hôm đó đã thắt chặt hơn nữa sợi dây tình cảm thiêng liêng của tình Bà cháu, tình Mẫu tử, tình phụ tử, cùng tình yêu quê hương đất nước của các con tôi và tôi...

\* \* \*

Đúng nửa đêm hôm đó, tôi đáp chuyến tàu tốc hành Hà Nội đi Hải Phòng. Cũng giống như những lần trước, tôi không mua vé và không vô ga Hà Nội bằng cổng chính. Trời khuya, tôi đen như mực, cộng với mưa phùn, gió bắc lạnh như cắt da, đã giúp tôi lọt vào sân ga một cách dễ dàng. Nhờ đã có kinh nghiệm thường xuyên đi tàu trốn vé, nên tôi nhanh chóng qua mắt được nhân viên kiểm soát vé và an ninh của "cục đường sắt Việt Nam".

Tôi cũng xin nói thêm một chút ở đây để quý bạn đọc hiểu được, vì sao tôi phải trốn vé. Sau lần vượt biên lần thứ nhất, bị bắt tại Đông Hà, Quảng Trị, tôi không còn một đồng xu dính túi, và cũng không thể nhờ vả được ai. Tất cả thân nhân của tôi ở trong Nam ngoài Bắc đều vô cùng thiếu thốn. Trong Nam thì trải qua cuộc đổi đời, đổi tiền, cộng với hoàn cảnh phải nuôi chồng con trong các trại cải tạo, nên không một ai còn có đủ điều kiện giúp đỡ tôi. Thêm vào đó, khi hay tin sau 1975, tôi không chịu trốn ra ngoại quốc cùng với bằng hữu, đã vậy tôi còn ra Bắc vô Nam, nên ngay cả một số người thân ruột thịt của tôi cũng nghi ngờ tôi là hồi chánh giả. Trong hoàn cảnh đó, làm sao tôi dám nhờ vả. Vì vậy, khi quyết định vượt biên bằng đường bộ từ Sài Gòn đi Hà Nội, tôi chỉ có được 76 đồng bạc do một người bạn thân rút hụi trao cho. Đó là tất cả số tiền tôi có, dùng để chi tiêu cho chặng đường vượt biên mấy ngàn cây số. Ra đến Hà Nội, thấy cuộc sống muôn phần cơ cực túng thiếu của Mẹ, tôi cũng đâu dám nhờ vả. Tôi phải nói dối với Mẹ là có người bạn ở Hải Phòng giúp đỡ mọi chuyện vượt biên để Mẹ yên tâm. Trong hoàn cảnh eo hẹp tiền bạc như vậy, nếu tôi không trốn vé, thì chỉ một chiếc vé tàu Sài Gòn đi Hà Nội là tôi hết tiền, lấy đâu tiền cho tôi ăn uống dọc đường.

Đề phòng có thể bị xét hỏi giấy tờ, rồi bị tịch thu bóp và bị bắt bắt ngờ, tôi phải giấu số vốn 76 đồng cùng giấy tờ giả lưu không ở dưới vớ. Trong bóp, tôi chỉ để mấy hào lẻ, giấy tờ giả đang dùng, và một hai trang báo của cộng sản được gấp làm tám. Những trang báo này đều là những bản tin thời sự hay bài viết có nội dung "tích cực" thể hiện đúng đường lối chính trị của đảng cộng sản. Bỏ nó vô bóp để nếu chẳng may công an bộ đội khi xét giấy tờ, chúng có nghi ngờ bắt giữ tôi, thì những trang báo đó sẽ có công dụng gián tiếp "chứng minh" tôi là người có "lập trường cách mạng". Điều này sẽ khiến cho chúng phần nào thiếu cảnh giác. Và trong thời gian 24 tiếng đồng hồ đầu tiên kể từ khi bị bắt giữ, sự lo là thiếu cảnh giác của chúng sẽ là điều vô cùng quý giá giúp tôi có thể trốn thoát.

Lợi ích thứ hai là những trang báo bỏ vô bóp sẽ khiến cho bóp thêm dày. Nhờ vậy, những tên công an, bộ đội một khi giữ bóp, chúng sẽ đinh ninh chúng giữ trong bóp đủ loại giấy tờ, tiền bạc, cùng cả sinh mạng của tôi. Vì thế, chúng tin là tôi sẽ không dám trốn một khi chúng đã giữ được bóp. Dĩ nhiên, khi chúng đã đinh ninh như vậy thì chúng chẳng để ý khám xét thân thể của tôi, và chúng cũng không canh gác tôi quá chặt chẽ. Khi đó, tôi sẽ lợi dụng lúc lộn xộn trong đồn công an, trong trạm gác, xin đi tiểu để trốn, hoặc nếu gặp cơ hội thuận tiện, tôi sẽ bỏ chạy ngay trước mắt bọn chúng.

Có điều khi đáp chuyến tàu tốc hành từ Hà Nội đi Hải Phòng tôi gặp một khó khăn bất ngờ. Trước đây, khi đáp các chuyến tàu chợ từ Sài Gòn ra Hà Nội, tôi đã đi theo kiểu sâu đo từ Sài Gòn ra Đà Nẵng, rồi ra Huế, Vinh, Nam Định, và cuối cùng là Hà Nội. Những chuyến tàu chợ đó bao giờ cũng đông đặc khách buôn thúng bán bưng, ngồi chật ních các toa, nên việc kiểm soát vé vô cùng khó khăn. Trái lại, tàu tốc hành thì lại ít khách, nên việc kiểm soát vé rất chặt chẽ. Thêm vào đó, tàu tốc hành không dừng lại các ga xép, nên việc nhảy lên nhảy xuống để lánh mặt nhân viên soát vé là chuyện không tưởng.

Đặc biệt, nhân viên soát vé tàu tốc hành bao giờ cũng đi hai người. Một người thuộc "cục đường sắt". Một người thuộc "cục công an đường sắt". Qua quan sát tôi thấy, ngay cả một số người có vé xe lửa đàng hoàng, cũng bị tên công an hỏi giấy tờ. Điều đáng lo hơn là sau mỗi lần tàu dừng lại ở ga chính để đón khách mới lên, việc soát vé ở các toa lại tái diễn rất kỹ lưỡng.

Sau mấy lần suýt bị nhân viên soát vé chụp được, tôi phải lùi dần đến mấy toa nằm hạng nhất. Trong lòng đang lo lắng, không biết còn phải lùi đến đâu trước khi bị bắt, thì tình cờ tôi trông thấy mấy người ở toa nằm hạng nhất đang đứng ngoài hành lang nói chuyện, hút thuốc, cãi lộn cười đùa âm ỉ. Điều lạ lùng là khi nhân viên soát vé cùng tên công an đi qua những toa nằm, chúng đều không hề hỏi vé những hành khách ở các toa nằm, và những người ở toa nằm cũng thản nhiên không thèm để ý gì đến nhân viên soát vé và tên công an...

Sau một hồi quan sát tôi hiểu tại sao. Thì ra, ở những quốc gia tự do, những người đi tàu tốc hành mà ở toa nằm có thể là những người giàu có. Nhưng trong xã hội cộng sản vào thời điểm lúc bấy giờ, những người ở toa nằm đều là những người có vai vế thế lực trong xã hội. Dù cho họ có giàu có đi nữa, thì sự giàu có đó cũng phát xuất từ thế lực chính trị. Vì vậy, nhân viên soát vé và công an không bao giờ để ý đến việc soát vé và hỏi giấy tờ những người ở toa nằm.

Biết được như vậy, tôi nhanh chóng đi dọc theo hành lang của mấy toa nằm để kiếm người làm quen, tán gẫu. Gặp hai người đầu, tôi chỉ lần la hỏi chuyện để biết được số toa, loại giường nằm, giá vé... Nhờ những dữ kiện này, khi gặp người thứ ba tên Quốc, là một cán bộ lương thực đi từ Hà Nội đến Hải Phòng, tôi dễ dàng đóng vai một hành khách cũng đi tàu loại toa nằm, nhưng ở một toa nằm khác, đi dạo chơi và tình cờ gặp Quốc trò chuyện làm quen.

Quốc còn rất trẻ, xấp xỉ tuổi tôi, nhưng nhờ ông bố là uỷ viên đảng uỷ phòng lương thực Hà Nội, nên anh nhanh chóng được cất nhắc lên địa vị then chốt. Gia đình vợ của Quốc ở Hải Phòng, nên anh thường xuyên đi lại để mang lương thực anh "chôm chĩa" được về "tiếp tế" cho gia đình vợ.

Sau vài câu chuyện làm quen, tôi khéo léo lái sang đề tài truyện kiếm hiệp của Kim Dung. Quả nhiên, chỉ trong thời gian ngắn ngủi không đầy năm phút đồng hồ, Quốc bị cuốn hút vào câu chuyện... Thì ra Quốc cũng là một người mê đọc truyện kiếm hiệp. Nhưng vì lúc đó, tất cả sách vở ở Miền Nam đều bị chụp cho cái mũ là "văn hoá đồi trụy" và bị thiêu huỷ, nên truyện kiếm hiệp được đưa về Bắc rất lén lút, ít ỏi và thường là không đủ bộ. Tuy là cán bộ lương thực, một nghề ngon lành nhất trong chế độ cộng sản, Quốc tốn kém rất nhiều tiền bạc, "tem phiếu" để mua chác, đánh đổi hoặc mượn những bộ truyện kiếm hiệp về coi, nhưng không bao giờ được đọc đủ bộ. Một người mê kiếm hiệp mà đọc không đủ bộ thì đủ biết người đó ám ức đến như thế nào. Vì vậy, sau khi hỏi tôi mấy câu, nghe tôi trả lời đầu vào đấy, Quốc khoái quá, đưa hai tay cầm lấy tay tôi lắc lắc và reo lên:

- Thú quá, thú quá. Anh đúng là ông bạn vàng của tôi. Tôi vẫn ước ao vào Nam một chuyến để lùng kiếm bằng được mấy chục bộ truyện kiếm hiệp của Kim Dung rồi về nhà xin nghỉ hưu, để đọc truyện cho đã... Nghe anh nói "mấy chục bộ truyện kiếm hiệp của Kim Dung", tôi biết ngay anh hiểu rất lơ mơ về những pho kiếm hiệp mà Kim Dung đã trước tác nên định ninh cả những tác phẩm "hậu Kim Dung", "ngụy Kim Dung" cũng là của Kim Dung. Tôi liền thông thả giải thích cho anh hiểu, truyện kiếm hiệp của Kim Dung không phải là mấy chục bộ, mà ông chỉ sáng tác có 14 bộ cộng với truyện Việt Nữ Kiếm sáng tác đầu tiên không kể. Sau này nhà văn Nghệ Khuông lấy tên đầu của mỗi bộ hợp lại thành hai câu thơ "Phi Tuyết Liên Thiên Xạ Bạch Lộc. Tiểu Thư Thần Hiệp Ý Bích Uyên". Tôi cũng nêu tên từng bộ kiếm hiệp theo thứ tự của hai câu thơ.... Anh nghe thích quá, vội kéo tôi vô trong toa của anh, lấy nước trà, bánh kẹo mời tôi rất trịnh trọng, rồi vội lấy giấy bút, ghi chép cẩn thận tên từng tác phẩm. Chép xong, anh đưa cho tôi coi lại cẩn thận. Anh hí hửng nói:

- Trong số 14 bộ này, tôi chỉ mới đọc được có ba bộ là Cô Gái Đồ Long, Tiểu Ngạo Giang Hồ và Anh Hùng Xạ Điêu. Mà cả ba bộ này tôi cũng chỉ đọc lồm bồm một vài tập, chẳng bộ nào đủ cả. Đọc lồm bồm vậy mà tôi đã thấy thật là hay, thật là tuyệt vời. Càng đọc tôi càng thấy tui "ngụy" ở Miền Nam chúng nó sướng thật. Chỉ nguyên cái khoản được đọc truyện kiếm hiệp thôi, chúng cũng sướng gấp vạn mình đứt đuôi nòng nọc rồi, đừng nói đến những thứ khác. Giá mà ngày xưa tôi biết ở Miền Nam có truyện kiếm hiệp hay như vậy thì tôi đã theo ông chú vượt tuyến vô Nam theo "ngụy" rồi...

Nói chuyện với anh, tôi cũng rất ngạc nhiên và buồn cười khi anh nói trong ba bộ truyện kiếm hiệp của Kim Dung anh đã đọc, anh khoái nhất nhân vật Điền Bá Quang. Vì anh đọc lồm bồm, hiểu biết chắp vá, nên tôi phải kể cho anh nghe về nhân vật quái kiệt Khoái Dao Điền Bá Quang có biệt danh "Giang Dương Đạp Đạp, Vạn Lý Độc Hành, Thái Hoa Dâm Tặc" này. Câu chuyện của tôi khiến cả mấy người cùng toa với anh đều nhòm dậy say sưa nghe, quên cả ngủ... Và quả nhiên, trong suốt chặng đường từ Hà Nội đi Hải Phòng, nhân viên soát vé và công an tuy đi qua toa nằm nơi chúng tôi trò chuyện nhiều lần, nhưng không một lần nào dừng lại hỏi vé và giấy tờ của tôi.

## KỶ 85

Vì nghiền kiếm hiệp và thấy tôi "thuộc" kiếm hiệp như "cháo chày", Quốc tỏ ra hào phóng và chân tình mời tôi ghé nhà chơi vài tuần. Quốc hí hửng cho tôi biết, nhà của anh ở Thuỷ Nguyên, Hải Phòng, là "tụ nghĩa quán" có đầy đủ "sơn hào hải vị" để khoản đãi "khách giang hồ diệt gian trừ bạo"... Thấy Quốc chân tình và có những ngôn ngữ pha màu sắc kiếm hiệp như vậy tôi cũng phì cười muốn nhận lời. Nhưng nghĩ đi nghĩ lại, tôi thấy không nên. Dù sao Quốc cũng là một cán bộ được chế độ cộng sản ưu đãi, gia đình Quốc chắc chắn có nhiều người là đảng viên. Tôi lại mới quen Quốc, chưa hiểu rõ tính nết của Quốc thế nào. Hơn nữa, tôi cũng biết rằng, một cán bộ cộng sản khi nói chuyện về những đam mê thơ văn nghệ thuật hay những cơn nghiền truyện kiếm hiệp, họ thường dễ dàng giấu kín được bản chất gian manh và sự xảo quyệt của họ, khiến mình dễ mắc bẫy, coi thường. Tuy nhiên, khi điều kiện đòi hỏi, bản chất này sẽ nổi lên và sẽ trở thành "tu tưởng chủ đạo" điều khiển mọi suy nghĩ và hành động của họ. Biết vậy, tôi cảm ơn Quốc và chỉ xin địa chỉ của Quốc, rồi hứa sẽ ghé chơi khi thuận tiện.

Tại Hải Phòng, tôi có quen hai gia đình. Một là gia đình của QM, người bạn tù với tôi ở quân lao Gò Vấp. Gia đình của anh trước ở An Lão, sau dọn về Kiến An. Gia đình thứ hai là gia đình TP, chị ruột của NK, bạn học cũ của tôi. Gia đình chị TP ở gần sông Kinh Môn, An Huy, ngay cạnh quốc lộ 10 là đường đi Thuỷ Nguyên. Qua tâm tình với QM và bạn học NK, tôi rất tin tưởng, hai gia đình này sẽ giúp đỡ tôi vượt biên bằng đường bộ qua ngã Móng Cái.

Nhờ thuộc lòng địa chỉ cả hai gia đình, nên ngay khi tàu dừng tại ga Hải Phòng, tôi đã gọi xích lô đạp, đến nhà QM trước vì nhà của anh ở khu Kiến An. Còn nhà của chị TP ở khu An Huy, tôi sẽ đến sau, vì từ nhà chị TP tôi sẽ theo quốc lộ 10 đi Thuỷ Nguyên rồi đi Yên Hưng. Từ Yên Hưng tôi sẽ theo quốc lộ 18 để đi

Hồng Gai, Cẩm Phả, Tiên Yên. Cuối cùng, từ Tiên Yên tôi theo quốc lộ 4B để đi Móng Cái, Hải Ninh. Tất cả những địa danh và đường đi này, tôi đều dựa vào bản đồ chi tiết do một người bạn thân mua được ngay tại Hà Nội.

Nhà cửa QM nhỏ, hẹp, chạy dài, xây bằng gạch theo lối cổ từ thời Pháp thuộc. Cả tường gạch lẫn mái ngói đều phủ rêu, trông rất cũ kỹ và u ám. Tuy Hải Phòng là thành phố cảng nổi tiếng từ thời Pháp, nhưng sau khi cộng sản tiếp quản, Hải Phòng đã thành thành phố chết. Khi tôi đặt chân đến nhà QM, điện nước vẫn không có, nhà vẫn thắp bằng đèn dầu và vẫn phải có người xếp hàng để lấy nước từ những vòi nước công cộng ở ngoài đường phố chính, vào mỗi buổi sáng tinh mơ mờ đất.

Tôi đến nhà QM vào một buổi chiều cuối tháng 8 năm 1978. Thời tiết lúc đó đã rất lạnh vì mưa phùn, gió bắc. Tôi co ro chạy vội từ chiếc xích lô vào hàng hiên. Đưa tay áo lau qua mặt mũi, rồi xoa hai tay vào nhau một hồi cho đỡ cóng vì lạnh, trước khi tôi đưa tay gõ vô cánh cửa bằng gỗ lim đen và dày. Gõ cửa đến lần thứ hai, cửa mới hé mở. Người mở cửa là một cô bé tuổi mới 14, 15, tóc cột thành hai bím nhỏ, hai mắt đen láy, nhưng đầy vẻ tò mò, e ngại. Cô bé hỏi tôi, giọng lễ phép nhưng rụt rè:

- Thưa chú hỏi ai ạ?

Tôi hơi ngần ngừ không biết có nên nói đến tên của QM hay không. Nếu nói, liệu cô bé này có biết QM là ai? Nếu không, làm sao cô bé biết tôi là ai. Sau một thoáng suy nghĩ, tôi nói ngay:

- Chú là bạn của chú QM. Ông con có nhà không?

Cô bé nhũn mày, trông có vẻ chững chạc như người lớn, nhưng đầu hơi nghiêng nghiêng, vẻ ngây thơ như một con chim non:

- Chú QM? Cháu chỉ nghe ba cháu nói về bác QM thôi. Nhưng bác QM cháu không có nhà. Chỉ có ông nội cháu...

Tôi chợt nhớ, trong tù QM đã nói với tôi anh là con trai cả. Như vậy đáng lẽ tôi phải nói mình là bạn của bác QM thì cô bé bớt ngỡ ngàng. Tôi định lên tiếng, thì cô bé nói luôn, giọng lú lo rất dễ thương:

- Chú chờ cháu một chút, để cháu vô thưa với ông nội.

Dứt lời, cô bé cẩn thận đóng cửa, cài then. Tôi nghe tiếng chân cô bé chạy vô trong nhà, lòng ngạc nhiên không thể ngờ được cô bé lại ăn nói lễ độ đến như vậy....

Không đầy mấy phút sau, có tiếng chân đi dép lẹp xẹp, tiếng kéo then cửa lạch cạch, rồi cánh cửa mở rộng....

Trước mặt tôi là một cụ già tuổi khoảng 70, đậm người, râu dài, lông mày rậm, tóc dài tới vai, da dẻ hồng hào. Cả râu, tóc, lông mày đều bạc trắng như cước. Cụ khoác một tấm mền màu cứt ngựa, khoét lỗ ở giữa để cụ chui qua cổ, thêm vào đó, cụ còn quấn quanh cổ một chiếc khăn bằng vải đen. Tuy cụ đã lớn tuổi nhưng mắt rất sáng và tiếng nói sang sảng:

- Anh là bạn của thằng M phải không? Mời anh vô, mời vô...

Tôi kính cẩn:

- Thưa cụ...

Cụ già cười ha hả:

- Tôi là bố của nó đây. Tôi cũng tên là M. Nó là con cả, khi đẻ nó tôi không có nhà, nên mẹ nó nhớ tôi quá, mới lấy tên của tôi đặt cho nó. Mời anh vô đi... Mà anh đừng có gọi tôi là cụ, già chết. Cứ gọi tôi là chú được rồi... Tụi trẻ quanh đây chúng vẫn gọi tôi là chú M đó... Tôi năm nay gần 80 rồi nhưng còn trẻ khỏe lắm. Đàn ông con trai ở đây đâu vẫn còn thua tôi đó... Cũng nhờ tôi lấy vợ muộn, rất muộn nên khỏe mạnh vậy đó. Tôi có bốn bà vợ cả thấy, nhưng chỉ có bốn thằng con trai, hai đứa con gái...

Chỉ vào cô bé gái đang đứng nép sau lưng, cụ nói tiếp:

- Con bé này là con út của thằng hai. Thằng đó được bốn đứa con, hai trai hai gái. [cụ thở dài] Nếu thằng QM nó chẳng tù tội thì giờ này tôi đã có cháu đích tôn rồi...

Theo chân cụ tôi đi dọc theo một hành lang hẹp, treo đầy quần áo đang phơi. qua một căn phòng nhỏ âm u làm nhà bếp, đi hết một khoảng sân nhỏ lát gạch bát tràng, trước khi bước vô căn phòng vừa là phòng khách vừa là phòng ngủ.

Trong phòng lúc ấy có hai người đàn ông tuổi khoảng 40 đang trò chuyện. Thấy cụ và tôi bước vô, hai người vội vã đứng dậy khoanh tay kính cẩn cúi chào cụ, quay sang chào tôi, rồi đi vào phòng trong. Cụ mời tôi ngồi xuống chiếc sập bằng gỗ lim và thông thả pha trà mời tôi uống. Tôi vừa uống trà, vừa kể cho cụ nghe về tình bạn giữa tôi và QM. Cụ im lặng lắng nghe, phong thái bình tĩnh, nét mặt thản nhiên, nhưng ánh mắt của cụ rất buồn và xúc động....

Hút một điếu thuốc Lào, cụ nhìn tôi mơ màng:

- Tôi hỏi câu này nếu không nên không phải mong anh bỏ qua. Theo anh thì thằng QM nhà tôi còn bị tù bao lâu nữa?

Tôi ngần ngừ một chút rồi thành thật:

- Thưa chú, cũng tùy theo tình hình. Nhưng cháu nghĩ nhanh nhất cũng phải 3 năm nữa...

- Còn lâu nhất?

- Dạ lâu thì cháu nghỉ, phải... 10 năm.

Cụ thắc mắc:

- Anh nói tùy tình hình là thế nào?

- Dạ thưa, tình hình ở đây là xã hội ở bên ngoài có ổn định hay không. Nếu ổn định thì tù chính trị sẽ được thả sớm. Còn không thì có khi bị tù dài dài...

Cụ buồn bã gật gù:

- Tôi biết, tôi biết. Nói vậy cũng giống như mấy người mình đi lính cho Pháp ngày xưa vậy. Bị tội nó bắt tù cả chục năm mới được thả cho về. Về không bao lâu, đến khi Mỹ ném bom Miền Bắc là họ lại bị bắt vô tù. Mà tù tội ở cái chế độ này là vậy đó, chả ai có án tù bao giờ cả. Thích là họ cứ giam. Giam cho đến khi nào họ muốn thả thì họ thả. Thiệt là khổ...

Nói chuyện đến đó thì cô bé lúc nãy khệ nệ bưng vô một cái mâm trên có hai đĩa bánh cuốn thật lớn, một đĩa chả quế, một đĩa đậu hũ và rau sống, nước mắm. Đi theo sau là một cô bé tuổi khoảng 12, bê một cái khay nhỏ, trên có một nậm rượu, hai chiếc chén, hai đôi đũa và hai cái ly nhỏ.

Cụ mời tôi cầm đũa, rồi gấp bánh cuốn, chả quế, đậu hũ cho tôi thật hậu hĩ. Vì đói và lạnh, bánh cuốn lại nóng hổi, chả quế lại rất thơm ngon, nên tôi tận tình thưởng thức. Còn cụ không ăn, chỉ nhâm nhi uống rượu, ngồi nhìn tôi ăn. Chờ tôi ăn đến chén thứ ba, cụ mới thông thả nói, giọng rất xúc động:

- Anh quen thân với thằng M ở trong tù, nên tôi coi anh như con. Trước đây, đọc những lá thư anh viết hộ cho nó khi anh còn ở trong tù, tôi rất quý anh, vì ngôn ngữ của thằng M nhà tôi nó không đậm thắm tình nghĩa như vậy bao giờ. Thằng M nó lêu lổng, đàn đúm với bạn bè, chẳng chịu học hành gì cả, nhưng tôi không giận nó chút nào. Tôi nói thiệt với anh, gia đình tôi ngần đó đứa con, đứa cháu, không đứa nào tôi cho chúng nó đi học. Đi học mà làm gì. Thời đại này, chúng nó đi học chỉ thêm hư hỏng thôi. Vì thế, để chúng nó ở nhà, tôi trực tiếp dạy dỗ, nên anh thấy đó, mấy đứa con, đứa cháu của tôi chúng nói rất lễ phép, khác hẳn trẻ con thiên hạ. Bây giờ, anh đã đến thăm gia đình tôi là điều rất quý. Vì vậy, nếu anh thấy tôi có thể giúp được điều gì, anh đừng có ngại, cứ cho tôi biết...

Tôi trầm ngâm một lúc rồi thưa thực hoàn cảnh vượt ngục của tôi. Cụ ngồi im lặng nghe tôi nói. Tôi nói xong, cụ hỏi:

- Bây giờ anh có giấy tờ gì trong người không?

Tôi thưa có, rồi lấy giấy tờ đưa cho cụ coi. Coi kỹ càng xong, cụ hỏi:

- Những giấy tờ này tuy là giả, nhưng tôi thấy thật 100%. Vì thế, anh cứ yên tâm nghỉ ngơi ở đây. Tôi sai thằng hai mang giấy tờ của anh sang bên công an khu phố trình giấy cho đúng thủ tục. Vì ở đây bất cứ người nào lạ mặt ra vô là có người đi báo công an liền. Mình không đi báo, thế nào tội nó cũng đến tận nơi gõ cửa, đòi coi giấy tờ rồi tra vấn rất phiền phức. Anh thấy như vậy có được không?

Tôi hơi ngần ngại. Đúng như cụ nói, giấy tờ là giấy tờ thật, do "cơ quan chủ quản cấp cục" ở Sài Gòn cấp phát có chữ ký, con dấu đảng hoàng, nhưng tên tôi thì lại là giả. Vì thế, trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, càng tránh không dính dáng đến công an, cửa quyền của cộng sản chừng nào thì càng tốt chừng ấy.

Hiểu được những lo ngại của tôi, cụ M nói:

- Anh cứ yên tâm đi. Gia đình của tôi tuy có thằng M đi tù, nhưng ở đất này, tội công an khu phố cũng có phần nể nang nhà này. Thằng trưởng đồn công an khu phố đây lại đang muốn làm con rể của tôi. Vì thế, thằng hai nó mang giấy tờ của anh sang trình cho hợp lệ thôi. Tôi bảo đảm là nó không có tra hỏi gì anh đâu.

Nghe vậy tôi yên tâm:

- Dạ chú đã nói vậy thì cháu chẳng có gì phải lo ngại...

Sau khi anh hai đem giấy tờ của tôi đi, cụ quay sang tôi hỏi tiếp:

- Bây giờ anh tính trà trộn với người Hoa, vượt biên theo ngã Móng Cái, Đông Hưng có phải không?

Tôi ngạc nhiên không thể ngờ cụ biết trước và biết rõ được như vậy. Cụ mỉm cười:

- Tôi nói vậy anh ngạc nhiên lắm phải không? Nói thiệt với anh, cho đến nay, người Việt trà trộn với người Hoa để vượt biên có cả ngàn vạn người. Vì vậy thấy anh đến đây là tôi đoán ra ngay, chứ chẳng phải tôi tài cán gì cả... Có điều, tôi phải nói thiệt, trông thấy anh đi đôi dép râu là tôi thấy rất nguy hiểm cho anh.

Tôi giật mình cúi nhìn đôi dép râu để dưới nền nhà, rồi hỏi cụ:

- Chú nói cháu đi đôi dép râu này là rất nguy hiểm?

Cụ vuốt râu cười:

- Tôi nhìn anh thì thấy anh là người tháo vát, tính tình quyết đoán. Tương mạo anh lại có quý nhân phù trợ nên tiền hung hậu kiết, dù gặp nguy hiểm đến thế nào, anh cũng sẽ vượt qua. Nhưng đôi dép râu anh đi thì mới tinh, da chân của anh lại trắng đều, chẳng có dấu vết gì của quai dép râu cả. Cởi dép râu ra là thấy ngay anh mới đi dép râu được vài tuần lễ là cùng. Vì vậy, tội công an bộ đội xét giấy tờ anh, chỉ cần tinh ý một chút là nghi ngờ anh ngay. Một thanh niên xung phong từ Sài Gòn ra tận Miền Bắc đi công tác, mà lại mới đi dép râu không lâu, dép lại còn mới tinh như vậy thì có đúng là anh đang "lặng ông tôi ở bụi này" hay không?

Nghe cụ M nói, tôi cúi xuống nhìn đôi dép râu mình đang đi và nhận ra ngay sự hờ hênh nguy hiểm của mình. Thì ra, trong quá khứ tôi đã có cả hai chục năm đi dép râu nhưng tôi vẫn vô tình không để ý đến những dấu hiệu quan trọng của một người đi dép râu lâu năm. Sự thực ở Miền Bắc trong suốt những năm dài sau 1954, hầu như mọi người đều phải đi dép râu, vì đó là một phương tiện đơn giản, rẻ tiền, hữu dụng và lâu bền cho những người nghèo khổ. Dép râu làm bằng vỏ xe cũ phế thải, cắt theo hình bàn chân để làm đế, phía trên dùng ruột xe cắt thành quai, ở mu bàn chân thì có hai quai vắt chéo hình chữ X, ở cổ chân có hai quai ôm khít phía trước và phía sau. Vì các quai dép đều làm bằng cao su, ôm chặt bàn chân người đi nên người nào đi dép râu lâu, bao giờ trên da hai bàn chân cũng có những dấu quai dép hằn sâu và khác hẳn màu da còn lại. Còn tôi, vì sau thời gian dài 7, 8 năm không đi dép râu, nay mới đi dép râu trở lại, nên hai bàn chân của tôi không có những dấu vết của người đi dép râu lâu năm. Người nào tinh ý, chỉ nhìn thoáng qua là biết.

Tôi lo ngại hỏi:

- Thưa cụ, bây giờ cháu phải làm thế nào? Hay là cháu... đi giày?

Cụ M lắc đầu:

- Không, anh đi giày không được. Từ đây đi đến cửa khẩu Móng Cái cả mấy trăm cây số, lúc thì đi bộ, lúc thì đi xe, thì giày nào, chân nào chịu cho thấu. Tốt nhất là anh cứ đi dép râu. Nhưng để tôi chọn cho anh một đôi dép râu cũ cũ, chứ đi đôi dép này mới quá, chân anh lại trắng quá, nên dễ bị để ý. Mình đã là người sống ngoài vòng pháp luật thì đừng làm cái gì, đừng dùng cái gì, để cho người khác để ý...

Ngay buổi tối hôm đó, cụ sai đứa cháu chọn cho tôi một đôi dép râu cũ trong thùng dép cũ của gia đình. Đôi dép vừa vặn chân của tôi nên không phải sửa đổi gì. Cụ bảo tôi đi đôi dép đó rồi lấy đất bùn trộn với ít than bột đắp lên hai bàn chân tôi. Sau đó, cụ lấy vải quần cả dép lẫn bàn chân tôi lại. Tối hôm đó, tôi lên giường ngủ với cả đôi bàn chân nặng trĩu than đất như vậy.

Sáng hôm sau, cụ M lấy nước tưới vô hai bàn chân của tôi rồi gỡ vải, gỡ bùn. Nhìn xuống hai bàn chân, tôi ngạc nhiên thấy chúng đen đũi. Khi cởi đôi dép râu, tôi thấy những dấu quai cao su hằn sâu trên da hai bàn chân. Như vậy là tôi đã có được đôi bàn chân của người đi dép râu lâu năm.

Cụ M cười bảo tôi:

- Bàn chân của anh bây giờ đi dép râu là rất hợp. Nhìn vô không ai biết là anh mới đi đâu. Vì da của anh trắng, nên tôi chỉ làm cho chân anh ngăm ngăm đen thôi, chứ không muốn làm đen quá, người ta lại để ý. Bây giờ, tôi với anh đi ăn phở rồi về bàn đường đi nước bước từ đây đi Móng Cái...

Tôi ngủ lại nhà cụ M hai đêm, rồi tạm biệt cụ lên đường đi Móng Cái. Đây là chặng đường gian khổ và nguy hiểm nhất cho tôi. Xe đò trên chặng đường này rất hiếm, hầu hết đều là xe nhà binh, hoặc xe của các công sở, chở hàng hóa di tản. Không khí trên các chặng đường từ Hải Phòng đi Móng Cái rất sôi sục khí thế chống Trung Cộng. Đâu đâu cũng đầy cờ xí, khẩu hiệu, loa phóng thanh và những đoàn người hô to các khẩu hiệu chống Trung Cộng, hoặc hát các bài hát khích động lòng căm thù cộng sản Tàu, kêu gọi mọi người sẵn sàng hy sinh bảo vệ tổ quốc.

Chờ đợi xe ở các bến xe khách rất nguy hiểm, vì các nơi này lúc nào cũng đầy đặc công an, bộ đội. Trên đường đi, các đoàn xe quân sự chở đầy bộ đội, vũ khí, hoặc kéo theo các khẩu đại pháo to nhỏ đủ cỡ tiến về phía biên giới. Ngoài ra, còn có những đoàn xe do bò kéo, hoặc người kéo, chở đầy dây kẽm gai, các bàn chông thép, tiến về biên giới. Coi kỹ các bàn chông thép và hỏi những người kéo xe, tôi được biết, những chông thép này là do các đoàn thể ngoại vi của cộng sản như thanh niên, phụ nữ, học sinh, bộ lão... tại các địa phương làm dưới sự chỉ đạo của đảng cộng sản. Chông có đủ loại, to nhỏ khác nhau, nhưng nhìn chung điều giống nhau ở cách thức làm. Chông chỉ có hai bộ phận chính là để làm bằng xi măng, nhỏ thì bằng chiếc chén ăn cơm, to thì bằng tô canh. Ở giữa có từ ba đến 5 chiếc chông thép có ngạnh, cao thấp khác nhau, cắm sâu vô đế xi măng.

Trưa hôm đó, tôi thấy một cụ già kéo một chiếc xe bò đầy các bàn chông thép, đang ngồi nghỉ ăn cơm nắm ở dưới gốc cây bên vệ đường. Cụ khoảng ngoài 60, râu tóc bạc phơ, mặc bộ đồ bộ đội đã bạc màu, rách như tổ đĩa. Cụ ngồi phệt thoải mái ngay trên mặt đất ăn cơm. Trước mặt cụ là một tàu lá chuối non, chặt vợi bên đường. Trên tàu lá chuối là nắm cơm, vài củ khoai, một gói muối nhỏ và bi đông nước. Nói là "ăn cơm nắm", sự thực bữa cơm của cụ chỉ có một nắm cơm nhỏ bằng quả chanh, còn lại là khoai lang chấm muối. Cụ ăn khoai mà không hề bóc vỏ, cứ thần nhiên cầm cả củ khoai để nguyên vỏ, chấm muối, ăn ngon lành. Ăn khoai xong, cụ mới cầm "nắm cơm chim" bằng cả hai bàn tay đưa lên trước mắt ngấm nghĩa hồi lâu, rồi cụ nhắm mắt lại, đưa nắm cơm lên mũi hít hà một cách say sưa.... Chòm râu của cụ rung rung không ngớt. Hít hà một lúc lâu, cụ mới từ từ cắn từng miếng cơm nhỏ, nhai một cách chậm rãi, tận hưởng cái hương vị tuyệt vời của miếng cơm trắng... Từ lúc cắn miếng cơm nắm đầu tiên cho đến khi nuốt miếng

cơm nắm cuối cùng, cụ đều ăn một cách chậm rãi, và mắt luôn luôn nhắm, mũi héch lên, hai cánh mũi phập phồng... như đang tận hưởng cái hạnh phúc được ăn miếng cơm trắng.

Tôi ngồi cách cụ không xa, ngắm cụ ăn bữa cơm trưa mà thấy xúc động.... nhớ tới không biết bao nhiêu thảm cảnh trong các bữa ăn độn khoai, độn sắn, độn mì, độn củ chuối... dưới hàng triệu mái gia đình Miền Bắc trong suốt mấy chục năm kể từ sau 1954. Tôi biết trong suốt mấy chục năm đó, hàng triệu em bé ở Miền Bắc đã khóc vì thiếu sữa, thiếu cơm, vì không nuốt nổi những miếng khoai hà, sắn thối, hay những cục mì luộc đầy mối mọt, mà nhà nước cộng sản phân phối nhỏ giọt cho mọi người qua chế độ tem phiếu. Quanh những "bữa cơm" thiếu cơm, thậm chí không có cơm, lại luôn luôn vắng mặt chồng, con và những người thân, hàng triệu người mẹ, người vợ đã phải khóc trong âm thầm đau đớn... Rồi tôi nhớ lại ở Miền Bắc sau năm 1954, có một nhà văn, nhà thơ nào đó đã nói, sống ở trên đời được ăn một bữa cơm không độn có chết cũng sướng... Sau 1975, cùng với gót dép râu xâm lăng của cộng sản, thảm cảnh ở Miền Bắc lại lan tràn trên lãnh thổ Miền Nam, và cả hai miền của đất nước cùng chịu chung số phận bị cộng sản đầy đọa, thiếu thốn mất mát đủ mọi thứ, kể cả nhân phẩm.

Ngoài đường phố lúc đó, xe cộ các loại, người già, người trẻ đi lại lủ lợt, bụi bặm đầy trời, nhưng cụ già vẫn thản nhiên ngồi ăn, coi như một mình cụ là cả một thế giới. Cụ biết tôi ngồi cách cụ không xa, đang chăm chú quan sát cụ, nhưng cụ bất cần.

Chờ cụ ăn uống xong xuôi, tôi bước lại mời cụ điều thuốc. Cụ cầm điều thuốc, nhìn tôi, mắt hấp háy, vẻ ngạc nhiên, nhưng không nói gì. Tôi ngồi xuống bên cạnh cụ, lễ phép giới thiệu:

- Thưa cụ, con tên là Lai... Còn cụ, quý danh...

Cụ cười ha hả, cắt ngang lời tôi:

- Quý danh!... Tôi từ bé đến lớn nghèo hèn khốn khổ, chả có cái gì là quý thì làm gì có quý danh. Cậu cứ gọi lão là Bò Giếng đi... Lão làm con bò kéo xe cả mấy chục năm nay rồi... Còn Giếng hả? À nhà lão có cái giếng, cả làng đến xin nước, nên họ cứ gọi lão là Bò Giếng. Tên thật của lão thì cũng có chớ, nhưng bà con gọi mãi là Bò Giếng thì mình nghe hoài cũng quên luôn cả tên thật của mình. Hà... hà... Vậy cũng vui. Cậu ở quanh đây hả?

Tôi thưa:

- Con ở Hải Phòng.

Cụ ngạc nhiên:

- Ở Hải Phòng? Từ đó đến đây cũng cả vài trăm cây số. Sau cậu đi xa vậy mà chẳng có hành lý gì là thế nào?

- Con đi thăm người bạn ở Móng Cái.

- Thăm ai thì cũng vậy. Đi xa thì mình phải có hành lý chớ. Nghèo giàu gì cũng phải mang theo bộ quần áo, chớ đi tay không như cậu thì cũng hơi lạ. Vậy nên tôi mới ngạc nhiên tưởng cậu người ở đây...

Nói đến đó, cụ quay nhìn tôi về thăm dò. Tôi tăng lời như không biết, hỏi tiếp:

- Cụ cho con hỏi, cụ kéo xe công này đi đâu vậy?

- Tôi kéo lên trên Tịnh Xá. Cậu không biết là bây giờ nhà nước đang lo tụi Tàu cộng nó xâm lăng, nên mình phải lo phòng thủ biên giới, rải chông thép dọc theo sông Ka Long, để lỡ tụi nó chơi trò biển người tràn qua, thì vướng chông nằm đó...

Nghe cụ nói đến đó, tôi lạnh người. Mục đích của tôi trong chuyến đi này là vượt biên giới Việt Trung. Tôi không biết chính xác sẽ vượt biên giới ở chỗ nào. Nhưng nếu như dọc theo biên giới hai nước được rải đầy loại chông thép, để xi măng này, thì điều đó rõ ràng là một trở ngại đầy nguy hiểm cho tôi.

Tôi lo ngại thăm dò:

- Thưa cụ, biên giới mình với Tàu dài cả mấy ngàn cây số như vậy thì lấy đâu chông thép mà rải cho hết được?

Cụ Bò Giếng lắc đầu:

- Cái chuyện đó nhà nước họ lo. Mình là dân thì chỉ biết thiên lôi chỉ đâu đánh đó thôi. Trên trung ương họ bảo tỉnh, tỉnh bảo huyện, huyện bảo xã, xã bảo làng, làng họp dân lại giao khoán cho từng nhà phải nhận 2000 cụm chông thép đem về đổ xi măng rồi cắm chông vào, chờ khô thì đem lên Tịnh Xá nộp... Đó là nhà ít người. Còn nhà nào đông người thì phải lấy hơn, có khi phải lấy gấp đôi. Nghe đâu cả mấy tỉnh từ Hải Phòng, Quảng Ninh, Móng Cái cho đến cả Lạng Sơn, Lai Châu, nghĩa là các tỉnh dọc theo biên giới Việt Trung, phải làm mấy chục triệu chông thép để đưa về rải...

- Thưa cụ, vậy xi măng là do dân tự túc?

- Xi măng, cát, chông thép thì do xã cung cấp. Mình thì lo nước và công làm. Mỗi nhà lấy 10 bao xi măng, 10 bao cát, làm 2000 cái chông xi măng, mỗi cái nặng nửa kí lô. Bốn phận chống xâm lăng thì như vậy, nhà nào cũng phải làm. Nhưng ai tình nguyện làm hơn thì nhà nước sẽ phát cho cái giấy khen. Cứ làm thêm 1000 cái thì được một cái giấy khen to bằng bàn tay. Tôi thì tôi chả ham những thứ nấy. Mà của đáng tội, trong làng tôi cũng chẳng có ai ham giấy khen. Thấy kêu gọi mãi cũng chẳng có ai làm, bây giờ trên tỉnh họ giảm xuống còn có 100 cái cũng cho giấy khen.



Tôi hỏi tiếp:

- Tại sao sau khi làm xong, cụ phải chờ đến Tịnh Xá? Bộ nhà nước không cho xe hơi đến chờ chông đi cho cụ sao?

- Nhà nước họ lo chờ từ huyện lên tỉnh. Còn trong huyện thì dân chúng khắp các xã phải lo nhà nào nhà nấy chờ đến mấy địa điểm do huyện phân phối, bố trí. Tôi đi chuyến này là chuyến thứ ba rồi. Còn hai chuyến nữa thì hết.

- Khi đó cụ sẽ được nghỉ?

- Làm sao mà nghỉ được. Hết chuyện này thì lại có chuyện khác. Đất nước mình đang sắp có chiến tranh mà. Hết chuyện làm chông thì làm dây kẽm gai, lo biểu tình chống Trung cộng, rồi đi dân công lên biên giới lo rải chông, lo giúp các công ty nhà nước đi sơ tán...

Cụ xin tôi thuốc nữa. Tôi đưa gói thuốc cho cụ, rồi hỏi:

- Vậy dọc theo biên giới mình chỉ rải chông, chằng kẽm gai thôi sao?

Cụ cười ha hả:

- Cậu này sao mà ngây thơ quá vậy. Rải chông, chằng kẽm gai là ngăn cản tụi Tàu cộng nó dùng biển người. Còn xe tăng, đại pháo nó tràn sang thì mình phải lo rải mìn chống tăng nữa chứ. Nghe đâu nhà nước đã cho rải cả mấy triệu trái mìn chống tăng rồi đó. Chỉ rải ở những chỗ xe tăng nó có thể tràn qua thôi. Còn những vùng rừng núi hiểm trở thì chỉ rải mìn cá nhân và chông là đủ rồi. Nhưng đó là những bí mật quân sự nên tôi chỉ biết đại khái vậy thôi...

## KỶ 87

Chia tay cụ Ba Giếng ở Cẩm Phả, tôi đi bộ được một đoạn vài cây số thì may mắn, quá giang được một chiếc xe tải chở than đá đi Nà Peo, qua thị trấn Tiên Yên. Tài xế là một thanh niên chịu chơi, gốc Hải Phòng, tuổi khoảng trên dưới 30, mắt xéch, lông mày rậm hình lược, râu quai nón, tóc xoắn để từng lọn dài tới ngang vai. Hai cánh tay của anh gân guốc, xăm hình rồng, cọp và mấy chữ Tàu. Anh cho tôi biết tên của anh là H và do một mình lái xe đi Nà Peo, nên anh hào hiệp cho tôi ngồi ngay trong phòng lái. Nhờ vậy tôi cũng đỡ mệt mỏi và thoát khỏi ướt át, lạnh lẽo khi gặp trận mưa thiệt lớn vào chiều hôm đó.

Đọc đường, anh kể cho tôi nghe những câu chuyện vô cùng thương tâm của những gia đình người Hoa từng sinh sống ở Hải Phòng cả mấy đời, nhưng vì đường lối thù nghịch giữa Trung Cộng và Việt Cộng, nên họ đã trở thành nạn nhân, phải bỏ lại tất cả nhà cửa, ruộng vườn, lên đường chạy về Trung Hoa. Anh cũng tâm tình về tình hình xóm làng giềng giũa người Hoa và người Việt thắm thiết bao nhiêu đời, nay do nhà nước VC tuyên truyền nhồi sọ, bồng một sớm một chiều người Việt trở nên thù nghịch, căm ghét người Hoa đến độ có thể đâm chém họ, đốt nhà của họ. Nọc độc tuyên truyền của VC đã thổi bùng "lòng yêu nước mù quáng" trong lòng người Việt khiến họ dám làm cả những hành vi tội tệ nhất như ném phân, ném xác thú vật chết vào nhà hay giếng nước của người Hoa, đánh đập ông bà già hay trẻ em người Hoa. Thậm chí có cả những người Hoa bị giết, nhà của người Hoa bị đốt cháy, cửa tiệm của người Hoa bị đập phá, những cuộc tình Việt Hoa phải bị huỷ bỏ... Vào thời điểm đó, ở Miền Bắc, tại những nơi có người Hoa, rất nhiều người Việt đã làm những hành động man rợ đó chỉ vì "ngọn lửa yêu nước mù quáng" mà cộng sản đã cố tình đốt lên một cách ác ý.

Khuya hôm đó, xe đến thị trấn Tiên Yên. Anh H lái xe chờ tôi đến tận bến xe của thị trấn và cẩn thận dặn tôi ngủ ngay tại bến chờ xe đi Quảng Hà, vì xe khách bấy giờ rất hiếm.

Thị trấn Tiên Yên là nơi cuối cùng của quốc lộ 18 khi nó đụng quốc lộ 4B. Tại ngã ba Tiên Yên, rẽ trái vô quốc lộ 4B sẽ đi Nà Peo rồi tới Lạng Sơn. Còn rẽ tay phải cũng vô quốc lộ 4B đi Quảng Hà, Móng Cái. Trước đây, khi tình hình biên giới Việt Trung không căng thẳng, xe hành khách qua lại Tiên Yên thường xuyên. Nhưng từ khi xung đột biên giới ngày càng leo thang, viễn ảnh cuộc xâm lăng của Trung Cộng ngày càng cận kề thì xe khách qua Tiên Yên hầu như vắng bóng. Riêng xe nhà binh thì từng đoàn, từng đoàn đi suốt ngày đêm... Không khí chiến tranh ở đây được hâm nóng hơn nhiều so với Hải Phòng, Cẩm Phả. Thị trấn Tiên Yên cũng tiêu điều giống như một thành phố chết, vì đại đa số dân chúng lo sợ trước viễn ảnh Trung Cộng xâm lăng, đã "sơ tán" đi các nơi khác.

Tối hôm đó nằm ở bến xe Tiên Yên tôi trần trọc không ngủ được. Từ Tiên Yên đi Móng Cái chỉ có khoảng 90 cây số, đủ ngắn để tôi có thể cước bộ trong hai ngày đêm, nếu tôi không quá giang được xe. Nhưng tôi biết, đoạn đường càng gần tới đích thì nguy hiểm rình rập càng nhiều. Suốt thời gian ngót một năm qua, kể từ khi vượt ngục, tôi đã gặp không biết bao nhiêu may mắn. Và càng gặp may mắn, tôi lại càng lo ngại cho những nỗi bất hạnh đang chờ đợi. Điều nguy hiểm hơn là đoạn đường từ Tiên Yên đi Móng Cái hầu hết là bộ đội, dân quân, du kích hoặc công nhân quốc phòng. Thành phần dân sự và thanh niên xung phong rất ít. Thêm vào đó, trước nguy cơ bị Trung Cộng xâm lăng, đường từ Tiên Yên đi Móng Cái có rất nhiều trạm gác của các đơn vị bộ đội chủ lực, của tỉnh đội, huyện đội, xã đội... Tất cả những trạm gác này có nhiệm vụ

ngăn chặn gián điệp Trung Cộng xâm nhập. Vì thế, việc tôi đóng vai một thanh niên xung phong đi thăm thân nhân ở Móng Cái là điều rất dễ bị nghi ngờ nếu bị các trạm gác này xét hỏi giấy tờ.

Qua nghiên cứu bản đồ và hỏi thăm đường xá kỹ càng, tôi biết được quốc lộ 4B chạy từ Tiên Yên đến Móng Cái dài khoảng 90 cây số. Trong tình huống cực kỳ khó khăn, không thể đi ban ngày qua các trạm gác dọc đường, tôi sẽ phải đi ban đêm. Thời tiết lúc đó đã bước vào mùa đông, nên lạnh giá, cộng với trời tốt, sẽ là những điều kiện gây khó khăn cho tôi không ít, nhưng trái lại cũng tạo thuận tiện giúp tôi vượt qua các trạm gác.

Ở bến xe Tiên Yên đêm hôm đó cũng có khoảng hơn chục hành khách chờ xe. Một nhóm bốn người bộ đội có mang theo súng ống đầy đủ. Qua trò chuyện giữa họ và những người trong bến xe, tôi biết biết họ được đi phép đặc biệt, nay phải trở về đơn vị đóng ở Hải Ninh, gần Móng Cái. Cả bốn người bộ đội đều trẻ măng và đều hăng say chữ Trung cộng. Còn lại là ba người công an biên phòng đóng ở Hải Hoà thì ít nói, khi nói, chỉ rì rầm nói với nhau; hai vợ chồng công nhân ở Hải Đông thì mắc võng ngủ li bì không hề trò chuyện với ai. Người cuối cùng, nằm ngay cạnh tôi, là một cụ già tuổi khoảng 70 ở Trà Cổ, cách Móng Cái khoảng 7, 8 cây số. Cụ là người vui vẻ trò chuyện với tất cả mọi người, nhất là với tôi vì cụ ngủ ngay cạnh tôi.

Cụ cho tôi biết, cụ là người gốc Nùng, tổ tiên của cụ là Nùng Trí Cao, trước từng đánh nhau với Tàu khiến Tàu thua nhiều trận, phải cắt đất phong vương cho người Nùng tự trị. Cụ cũng tự hào nói khi quận He Nguyễn Hữu Cầu khởi nghĩa, tổ tiên của cụ cũng đã từng là tướng tiên phong của quận He. Tôi không biết chuyện của cụ kể thực hư bao nhiêu phần trăm, nhưng tướng mạo của cụ rất quắc thước, vừa có vẻ phong trần lại có vẻ ngang tàng, uy dũng, tuy cụ đã ngoài 70 tuổi.

Chờ xe đến trưa hôm đó, toán bộ đội và toán công an biên phòng đi quá giang được một đoàn quân xa, còn lại có mấy người dân thường, nên tôi và cụ mạnh dạn trò chuyện. Nhân dịp này tôi cũng khéo léo hỏi dò cụ về địa hình địa vật thị xã Móng Cái.

Theo lời kể của cụ thì Móng Cái ngày xưa có tên là Múng Cỏi, (?) nhưng khi nào đổi tên thành Móng Cái thì cụ không biết. Chỉ biết khi lớn lên cụ đã biết Móng Cái là thị xã của tỉnh Hải Ninh. Sau này, thị xã Móng Cái lại đổi thành thị trấn vì tỉnh Hải Ninh bị xuống cấp từ tỉnh thành huyện. Cụ tự hào kể cho tôi nghe về những danh lam thắng cảnh nổi tiếng ở Trà Cổ mà lâu ngày tôi chẳng còn nhớ, chỉ nhớ có mỗi mũi Sa Vĩ ở gần Cồn Mang, Trà Cổ là địa danh rất nổi tiếng vì đó là chỗ khởi đầu cho hình thể chữ S của tổ quốc Việt Nam.

Cụ bảo ngày xưa khi còn bé cụ vẫn lội qua sông Ka Long vào mùa nước cạn, để sang bên Đông Hưng, Trung Quốc mua đồ lậu về bên Móng Cái bán. Nghe cụ nói vậy, tôi mừng hóm, vội hỏi:

- Thưa cụ, như vậy giữa Móng Cái và Đông Hưng chỉ cách nhau có con sông Ka Long?

Cụ gật đầu:

- Thì Móng Cái mình ở bờ bên này sông Ka Long. Còn Đông Hưng, Trung Quốc thì ở bờ bên kia sông Ka Long...

- Sông Ka Long có rộng không cụ?

- Mùa nước lớn thì khoảng 200 mét còn mùa này thì chỉ hơn 100 mét. Như sức tôi ngày còn trẻ chỉ nhắm mắt sải vài sải là qua sông dễ dàng...

Tôi mừng quá. Vì thú thực cho đến lúc đó, tôi chỉ thấy sông Ka Long trên bản đồ và nghe nói, chứ chưa hề biết nó rộng hẹp, nông sâu như thế nào. Tôi hỏi tiếp:

- Cụ nói ngày xưa mùa nước cạn, cụ lội được qua sông Ka Long?

Cụ cười, mắt lấp lánh vẻ tinh nghịch. Trông cụ như trẻ lại cả chục tuổi:

- Thì hồi đó có ngày nào mà tôi chẳng lội bộ qua sông Ka Long. Hồi đó nước sông mùa cạn chỉ ngang đầu gối... tôi vừa lội vừa cúi xuống nhặt sỏi chọi nhau mà. Nhưng đó là cái thời tôi mới lên 10, cũng cách đây cả 5 con giáp rồi còn gì. Bây giờ chả hiểu sao nước sông càng ngày càng sâu. Mùa nước cạn cũng phải một đầu một vói... Mà nước sông bây giờ cũng chảy xiết lắm. Mùa nước lũ, con sông nó réo lên âm âm, đứng trên cầu ném miếng gỗ xuống, chỉ thoáng chốc đã trôi mất tầm hơi...

Nghe cụ nói "đứng trên cầu" tôi mừng quá, hỏi ngay:

- Thưa cụ, sông Ka Long có cầu?

Cụ gật đầu, nhìn tôi vẻ ngạc nhiên:

- Cậu không biết chuyện đó sao? Cầu Ka Long có cả mấy chục năm nay rồi. Nó là chiếc cầu biên giới bắc qua sông Ka Long. Mà sông Ka Long là biên giới tự nhiên giữa mình với Tàu...

Tôi cố giữ vẻ tự nhiên:

- Thưa cụ, con ở Hải Phòng, lên Móng Cái thăm người em lần này là lần đầu...

Cụ gật gù:

- Cậu người Hải Phòng à? Thế cậu có biết 6 vị người Đồ Sơn, Hải Phòng là người đã có công lập nên làng Trà Cổ cách đây mấy trăm năm không?

Tôi luống cuống:

- Thừa cụ, con mang tiếng người Hải Phòng nhưng là dân ngụ cư...

Cụ cười ha hả:

- Cậu còn trẻ mà cũng biết dùng cái chữ "ngụ cư" là khá lắm đấy. Nói để cậu biết, cái cầu Ka Long được dựng lên từ thời Pháp thuộc, thay thế cái cầu treo hồi đó rất nguy hiểm... lâu lâu lại có người bị rớt xuống sông Ka Long chết mất xác.

- Thừa bây giờ mình có còn đi lại qua cầu Ka Long được không?

Cụ lắc đầu:

- Tôi không biết bây giờ thế nào. Nhưng cách đây khoảng hai tháng khi tôi còn ở đó thì bộ đội biên phòng mình chỉ cho qua cầu những người Hoa nào có giấy xuất cảnh của Việt Nam và giấy nhập cảnh do tòa đại sứ của Trung Cộng ở Hà Nội cấp.

Cụ vừa nói đến đó thì người công nhân mắc võng ngủ li bì bỗng lên tiếng, giọng ồm ồm:

- Bây giờ nội bắt xuất ngoại bắt nhập rồi cụ ơi. - Y nói nhưng vẫn trằm mền nằm trên võng.

Cụ già ngạc nhiên:

- Ủa ai nói với ông vậy?

- Giời đất. Chuyện đó ai mà chả biết, đâu cần phải ai nói.

- Ông nói hay nhỉ? Tôi ngồi sờ sờ ra đây mà tôi đâu có biết.

- Thì cụ đi đâu cả hai tháng trời, nay mới trở lại thì làm sao cụ biết. Thờ đại chiến tranh chống chủ nghĩa bá quyền của Trung Cộng, tình hình mỗi ngày mỗi khác, nói gì tới hai tháng.

- Ông nói vậy thì cả mấy chục ngàn người Hoa bị nhà nước mình trục xuất, đang lũ lượt đổ về Móng Cái làm sao họ sang bên Đông Hưng được?

Đến đây thì người đàn ông ngồi dậy, lột mền, để lộ gương mặt râu ria, tóc tai xồm xoàm. Y liếc mắt nhìn tôi, cặp mắt sắc lẹm, đầy vẻ soi mói. Tôi né tránh cặp mắt của y. Tiếng ồm ồm của y lại cất lên:

- Cụ phải hiểu, trục xuất người Hoa là chuyện của mình. Còn tiếp nhận người Hoa hay không là chuyện của họ. Bây giờ bên Trung Cộng họ đóng cửa biên giới không chịu cho người Hoa vô nước của họ thì mình đâu có làm cách nào đẩy người Hoa họ vô được...

Cụ già gật gù:

- Ủ ừ, ông nói vậy thì có lý. Bên họ đã không nhận thì mình đâu có bắt ép họ qua cầu được.

Người đàn ông có vẻ hứng chí:

- Thằng em của tôi là trung tá bộ đội biên phòng nên nó hiểu rất rõ tình hình trên đó. Nó bảo đây là âm mưu quỷ kế của tụi Tàu cộng chơi cái trò "gậy ông đập lưng ông" để chơi mình đó cụ ạ...

Cụ già thắc mắc:

- Ông tha lỗi cho tôi, ông nói đây là cái trò "gậy ông đập lưng ông" là thế nào? Ông nói rõ hơn được không?

- Thì cụ thấy rồi đó, nhà nước mình chơi trò trục xuất người Hoa để làm cho tụi Tàu cộng nói bồi rối, phải đối phó với hàng trăm ngàn Hoa kiều khi về nước. Tụi Tàu cộng nó dư sức biết đó là trò phá đám của mình nên nó mới tương kế tựu kế, ra lệnh đóng cửa biên giới, không cho người Hoa về nước. Kết cục là mấy trăm ngàn người Hoa bị kẹt bên nước mình, gây khổn khổ cho mình. Cụ thấy đó, bây giờ suốt dọc theo biên giới toàn người Hoa là người Hoa...

## KỶ 88

Chờ ở bến xe Tiên Yên suốt cả ngày hôm sau không có xe, tôi đành phải đi bộ. Hoàn cảnh của tôi lúc đó không cho phép tôi nán nã ở bến xe Tiên Yên vì ở lại thêm ngày nào là nguy hiểm thêm ngày ấy. Đoạn đường từ Tiên Yên đi Quảng Hà tương đối yên ổn, có nhiều người qua lại, nên tôi có thể đi ban ngày. Nhưng từ Quảng Hà trở đi, tình hình vô cùng căng thẳng, các trạm gác mọc lên san sát, thường dân, thanh niên xung phong đi lại cũng rất ít, nên tôi đành phải đi ban đêm, còn ban ngày thì chui vào rừng rậm ngủ. Có những đoạn đường, thấy nguy hiểm quá, tôi đã phải cắt rừng để tránh những trạm gác dọc đường. Như tôi đã kể, suốt chặng đường vượt biên từ Hà Nội trở đi, tôi không hề mang theo quần áo, đồ đạc gì. Ngoài bộ quần áo mặc trên người, ít giấy tờ giấu trong người, tôi chỉ mang có tấm hình Hồ Chí Minh và cuốn Ngục Trung Nhật Ký để đánh lừa công an, bộ đội ở các trạm gác dọc đường đi. Vì chỉ mặc có một bộ quần áo, nên trước khi ngủ trong rừng, tôi phải lộn trái ra mặc cho quần áo khô dơ, kéo không sẽ bị công an, bộ đội hay người đi đường để ý.

Tôi nhớ thời điểm đó đã cuối thu chuẩn bị sang đông, nên thời tiết rất lạnh. Tôi chỉ mặc phong phanh có một bộ quần áo, với chiếc áo lót, nên lạnh lẽo vô cùng, đêm nào cũng chỉ ngủ chập chờn khi tôi đã quá mệt.

Cuối tháng 9, tôi đến một làng nhỏ, lâu ngày tôi quên mất tên. Làng này nằm ngay cạnh đường quốc lộ 4B và cách biển không xa. Đứng ở trên ngọn đồi đầu làng, tôi có thể nghe tiếng sóng biển rì rào. Trèo lên ngọn đồi cao, tôi có thể trông thấy biển cả về phía đông, núi non trùng điệp về phía tây, và nhìn lên phía

bắc, tôi đã thấy cả một quảng ánh sát ở chân trời. Tôi biết đó là thị trấn Đông Hưng bên Trung Cộng, vì khi ấy, thị xã Móng Cái có lệnh không được thắp đèn, bật điện... nên cả thị xã tối om.

Hầu hết những làng tôi gặp trên đường đi ở vùng từ Đàm Hà đổ lên đều vườn hoang nhà trống, vì dân chúng được lệnh "sơ tán" chuẩn bị đối phó với nguy cơ "bành trướng xâm lăng của bá quyền Trung Cộng". Riêng làng này, từ trên đồi cao, tôi vẫn nhìn thấy có ánh đèn le lói thắp thoảng dưới một vài mái nhà. Lúc đó khoảng 7 giờ tối, nhưng trời đã tối mịt. Suốt hai ngày trời đi bộ, ngủ trong rừng, ăn uống thiếu thốn, không một hạt cơm nóng, một ngụm canh, ngọn rau, nên tôi thấy mệt mỏi vô cùng. Thêm vào đó, vì luôn luôn sống trong tâm trạng của một người bị săn lùng, có thể bị bắt, bị bắn bất cứ lúc nào, nên tinh thần của tôi rất bạc nhược. Sau một hồi tính toán, tôi quyết định đi vô làng, tìm một nhà dân nào có thể tin cậy hoặc mua chuộc, để mua hoặc xin đồ ăn.

Theo con đường mòn từ trên đồi cao đi xuống làng, tôi thấy căn nhà đầu tiên cửa đóng, không có đèn đóm gì. Đoán không có ai ở nhà nên tôi không vô. Căn nhà thứ hai cách đó khoảng 20 thước, cũng cửa đóng im ỉm. Đi tiếp khoảng trăm thước, đến căn nhà thứ ba, tôi thấy có ánh đèn và tiếng người trò chuyện.

Đứng ngoài xa quan sát, tôi thấy có hai ông bà già cùng với 3 người con đang ngồi ăn cơm ngoài sân, bên cạnh ánh đèn dầu tù mù. Thấy đông người, tôi hơi ngại, định bỏ đi, thì bỗng nhiên, một con chó khá to từ trong nhà chạy về phía tôi, sủa vang... Tôi lúng túng, chưa kịp tính thế nào thì có ánh đèn bập rợn về phía tôi.... Biết bỏ đi sẽ bị gia đình nghi ngờ, tôi liền liêu lĩnh, chân bước thẳng vô trong sân, miệng lớn tiếng chào hỏi, giọng thân mật:

- Chào bố mẹ. Sao gia đình mình ăn cơm muộn vậy, bố mẹ?

Mấy người đang ăn cơm đều ló nhỏ đứng hết lên nhìn tôi, nhưng không một ai lên tiếng trả lời. Tôi hiểu ngay, trong hoàn cảnh dân làng vùng gần biên giới Việt Trung đang sống trong sự phập phồng lo sợ về một cuộc xâm lăng của Trung Cộng, bỗng dưng thấy người lạ đột ngột bước vô nhà, họ không thể không nghi ngại. Vì vậy, tôi vội đơn đã nói tiếp:

- Cháu là thanh niên xung phong trên đường đi công tác ở Móng Cái. Đơn vị cháu đóng ở Đàm Hà, ngay quê ông Tùng, bí thư huyện uỷ, chắc bố mẹ biết ông Tùng chứ nhỉ?

Địa danh Đàm Hà và tên ông Tùng đều là những tin tức tôi đã thu lượm được trên đường đi. Để có thể đóng vai người địa phương, qua mặt được các trạm kiểm soát trên đường, tôi đã thu thập các tin tức địa phương bằng phương pháp "sâu đo", dùng những dữ kiện đã khai thác được ở xã A, nơi vừa đi qua, để dò hỏi nắm bắt những dữ kiện cần thiết ở xã B, nơi mình sắp tới. Rồi sau đó dùng dữ kiện của xã B để khai thác xã C.... Một khi đã biết được địa danh, tên, cá tính của chủ tịch, bí thư xã... nơi vừa đi qua, tôi dễ dàng đóng vai người địa phương, làm quen với người này người nọ, để dò hỏi địa danh, tên tuổi của chủ tịch, bí thư xã, hoặc chủ tịch, bí thư huyện, là nơi tôi sắp tới. Tôi biết, trong hoàn cảnh lúc đó, nếu tôi nhắc đến tên chủ tịch, bí thư xã Đàm Hà, chưa chắc gì mọi người trong gia đình đã biết vì hai xã cách nhau tương đối xa. Vì vậy, chắc ăn nhất là nêu tên Tùng, bí thư huyện uỷ, vì từ Đàm Hà lên đến Móng Cái đều cùng chung một huyện, dân chúng chắc chắn phải biết tên bí thư huyện uỷ.

Quả nhiên, ngay khi tôi nhắc đến tên Tùng, mọi người trong gia đình đều vui vẻ coi tôi như người làng, không khí căng thẳng lúc ban đầu đột nhiên biến mất. Ba người con, tuổi khoảng trên dưới 20, đều đơn đã chào tôi rồi ngồi xuống mâm, tiếp tục ăn cơm. Bà cụ cũng chào tôi vui vẻ, rồi vặn to ngọn đèn dầu. Còn ông cụ thì kéo tôi lại chiếc chõng tre, vừa đi vừa oang oang nói:

- Biết ông Tùng chủ tịch huyện chớ. Ở cái huyện này thì ai mà chả biết ông Tùng. Tôi nói anh bỏ qua đi cho, ông Tùng là rể của làng tôi đấy.

Chuyện này thì quả thực tôi không biết. Nhưng qua những chuyện tôi đã thu thập được trên đường đi thì tôi biết, vợ Tùng là Loan, bí thư xã Đàm Hà. Vì vậy tôi giả vờ ngạc nhiên, nhưng thân mật hỏi ông:

- Ủa như vậy bà Loan vợ của ông Tùng là con ai ở làng mình bố nhỉ?

Ông cụ thích thú, giọng nói có vẻ "ta đây":

- Anh cũng biết con Loan nữa à. Nó là con cô Quyền bán bánh đúc cuối xóm đấy. Mà cô Quyền còn là em họ của vợ tôi nữa đấy...

Tôi vui vẻ:

- Một người làm quan cả họ được nhờ. Như vậy làng mình cũng ít nhiều được hưởng bổng lộc của ông huyện Tùng, bố nhỉ.

Ông cụ gật gù:

- Bổng lộc thì xưa nay chẳng có gì rõ ràng đâu. Chỉ được cái thuế má, thiên hạ phải nộp đủ nộp đúng ngày giờ. Còn làng mình thì chậm lại một hai tuần. Nhưng được cái may là bây giờ các làng trong huyện chung quanh đây ai cũng phải sơ tán hết cả. Chỉ riêng làng mình thì được ở lại cho đến cuối tháng 10... Nhờ vậy nên chúng tôi cũng thư thả thu dọn đồ đạc mang đi từ từ, chứ bỏ lại hết thì xót xa lắm...

Bà cụ đi tới cầm ngọn đèn dầu để lên chõng và hỏi tôi:

- Anh đã cơm nước gì chưa?

Tôi thú thực:

- Dạ thú thực với bố mẹ là con chưa ăn tối. Con đi công tác ở Móng Cái, nhưng lỡ xe, đến đây thì đêm tối, đi nữa sợ nguy hiểm, nên vào đây quấy quả bố mẹ...

Bà cụ vui vẻ:

- Chả dám, chả dám... Có gì đâu mà quấy quả.

Biết cuộc sống của gia đình nghèo túng, thiếu thốn, nên tôi nói ngay:

- Thưa bố mẹ, con đi công tác có tiêu chuẩn nhà nước cấp. Vì vậy dù có vào ăn tiệm hay ăn nhà dân, con vẫn phải có bốn phần đóng góp, gọi là chút đỉnh với bố mẹ...

Nói xong, tôi lấy ra hai tờ giấy bạc (tôi nhớ không chính xác là bao nhiêu) trao cho bà cụ. Bà cụ cầm một tờ, còn trả lại tôi một tờ, và nói:

- Giời đất ơi, anh ngồi ăn cơm với chúng tôi chỉ thêm đũa thêm bát chứ có tốn kém gì nhiều đâu mà anh đưa lăm tiền thế này. Thôi chúng tôi cầm một tờ này là đủ rồi...

Bà cụ đẩy đi, tôi đẩy lại một hồi, cuối cùng tôi nói:

- Mẹ cứ cầm lấy đi. Đó là tiêu chuẩn nhà nước cấp cho con một ngày. Nếu bây giờ con ăn không hết, thì mẹ cho con xin một nắm cơm với ít muối mè để ngày mai con mang đi ăn đường.

Nghe vậy, bà cụ gật đầu, cẩn thận bỏ cả hai tờ giấy bạc vào cái ruột tượng ở thắt lưng, rồi quay ra bảo mấy người con lo dọn cơm cho tôi ăn.

Bữa cơm rất thanh đạm, nhưng lạ lùng, lại có một món ăn rất sang. Những món thanh đạm là một tô cơm độn khoai nấu hơi nhão, một đĩa rau lang luộc, một đĩa tép và một chén mắm hén mặn chát. Món rất sang là thịt trâu rang muối. Thấy món thịt trâu, tôi rất ngạc nhiên, nhưng không tiện hỏi. Tôi ăn bữa cơm rất ngon lành. Chỉ trong chớp mắt tôi ăn hết tô cơm độn và cả đĩa rau lang luộc. Vừa ăn tôi vừa nghe ông cụ nói chuyện về tình hình chính trị quân sự giữa hai nước và những vụ lộn xộn xảy ra dọc theo biên giới Việt Trung.

Vừa ăn cơm xong, thì có tiếng đàn bà gọi vọng từ ngoài ngõ:

- Bà Lương ơi, sang mà chia thịt.

Gọi xong, không cần nghe bà Lương trả lời, người đàn bà bỏ đi ngay. Tôi ngạc nhiên:

- Làng mình có hội hè đình đám gì hay sao mà chia thịt, bố mẹ?

Ông cụ thở dài:

- Hội hè đình đám gì đâu anh. Đi chia thịt trâu đó.

Ừa tại sao được đi chia thịt trâu mà lại thở dài? Tôi nghĩ bụng và sự nhớ đến chén thịt trâu rang muối, một món ăn sang trọng trong một bữa cơm độn khoai, thật là trái ngược. Đã vậy, bây giờ lại có người gọi đi chia thịt trâu nữa. Tại sao trâu chết nhiều vậy nhỉ?

Tôi thắc mắc:

- Ủa, làng mình trâu bị chết dịch hờ bố?

Ông cụ lắc đầu:

- Dịch gì đâu, trâu chết vì mìn chống tăng đó.

Thấy tôi có vẻ ngờ ngác chưa hiểu, ông cụ nói tiếp:

- Nhà nước họ gài mìn chống tăng ở khắp mọi nơi để phòng khi tụi Tàu nó xâm lăng, anh hiểu không. Nào ngờ đâu, xe tăng của tụi Tàu đâu chưa thấy, chỉ thấy trâu của mình thi nhau chết vì dẫm phải mìn... Chỉ nội từ đầu tháng đến giờ làng này đã chết mất 4 con rồi... Cứ cái đà này độ vài tháng nữa, Tàu nó không xâm lăng thì trâu chết hết, mình cũng chết, cả làng phải đi kéo cày thay trâu mất thôi... Đó, tối này anh ngủ ở đây thế nào anh cũng nghe tiếng mìn nổ. Trâu mình dẫm phải mìn cũng có mà thú dữ dẫm phải mìn cũng có...

Tôi lo ngại:

- Bố bảo là nhà nước gài mìn chống tăng ở khắp mọi nơi?

- Khắp mọi nơi. Mìn chống tăng có, mìn chống người có. Đủ loại, đủ kiểu.

Tôi phịa chuyện để thăm dò:

- Con nghe ông Tùng nói là mình chỉ gài mìn dọc theo biên giới Việt Trung....

Ông Lương cười như mếu:

- Chỉ gài dọc theo biên giới thì ngăn chặn tụi Tàu cộng làm sao được. Chúng dùng biển người thì người nó đổ vô cứ như thác như lũ ấy chứ. Tui nói anh nghe, suốt cả một vùng đất từ Quang Thắng đổ lên đến biên giới bây giờ là toàn mìn, toàn chống. Mìn của mình phải thiên la địa võng như vậy thì mới chống được tụi Tàu...

Tối hôm đó tôi nằm trên chiếc chõng tre, nhưng dù mệt mỏi vô cùng, tôi vẫn trằn trọc không ngủ được, phần vì muỗi đốt, phần bị những bãi mìn mênh mông ám ảnh.... Thú thực, tôi định nhin, nếu không vượt biên qua Trung cộng theo ngã thị xã Móng Cái được, tôi sẽ chui vào rừng, cắt đường để bơi qua sông Ka Long, vượt qua biên giới. Nhưng nay đứng trước tình trạng mìn chống tăng, mìn cá nhân gài khắp nơi dọc theo biên giới hai nước, làm sao tôi có thể vượt qua những bãi mìn đó để đến bờ sông Ka Long an toàn???

Mặc dù tối hôm đó rất mệt mỏi, nhưng vì tâm sự rối bời như canh hẹ, nên tôi chẳng ngủ được nhiều. Trần trọc, chập chờn mãi, đến khoảng bốn, năm giờ sáng, muỗi đốt nhiều quá, nên tôi dậy tập thể dục, hít thở thật sâu khí trời thanh tịnh buổi sáng cho tâm hồn bớt căng thẳng, sẵn sàng cho một ngày quyết định, tự do hay là chết của tôi.

Kể từ ngày ở tù tại Quân Lao Gò Vấp, tôi có duyên được gặp một vị cao tăng đắc đạo. Tuy chỉ được sống chung với Thầy có vồn vẹn hai tuần lễ, nhưng nhờ Thầy chỉ dạy, tôi đã học được những điều, mà sau này, càng sống, càng trải qua những phúc họa của cuộc đời, tôi càng nhận ra những triết lý mới lạ của những điều Thầy đã dạy.

Một điều may mắn nữa là thời gian đó, Thầy đã chỉ dạy cho tôi cách thở thật đơn giản nhưng vô cùng hiệu quả cho sức khỏe. Nhờ tập luyện theo sự chỉ dẫn của Thầy nên sau lần tôi bị hơn chục tên vệ binh đánh hội đồng tại nhà ăn của Quân Lao, không đầy 3 tháng sau tôi đã hồi phục sức khỏe.

Thầy bảo tôi, với người tập luyện võ thuật hay tập thiền, luyện thở là bước căn bản đầu tiên, nhưng phức tạp. Với những người bình thường, luyện thở chỉ cần luyện có 3 bước: Trước hết là nhắm mắt, gạt bỏ mọi tạp niệm, giữ cho thân thể và tâm hồn thật thư thái, rồi từ từ hít thở thật sâu cho không khí vô đầy lồng ngực. Tiếp theo là nín thở một lúc cho dưỡng khí ngấm vào máu huyết trong cơ thể. Cuối cùng là từ từ thở ra cho thật hết thán khí. Cả 3 bước đơn giản này đều có thể làm ở bất cứ đâu, khi tập luyện, đi dạo, lúc ngồi chơi, làm việc hay ngay cả khi nằm ngủ. Từ ngày ấy, tôi làm theo lời chỉ dẫn của Thầy, và dần dần tôi nhận ra, không khí, nhất là vào buổi sáng, có một hương vị và năng lượng lạ lùng, làm cho sức khỏe của mình hồi sinh. Nhất là trong những lúc bối rối, lo lắng, sợ hãi, tôi chỉ nhẹ nhàng và kín đáo hít thở thật sâu, nín thở một lát, rồi thở ra thật hết, độ vài lần là thấy lòng bình tĩnh, tâm hồn thanh thản hẳn lại.

Quả nhiên lần này cũng vậy, sau khoảng mười phút hít thở bầu không khí thanh tịnh của buổi sáng ở một miền thôn quê gần biển, tôi thấy lòng mình thư thái hẳn lại. Tôi đi ngược trở lại con đường mòn dẫn lên đồi cao. Từ trên đồi cao, tôi quan sát thấy thị trấn Móng Cái trong tầm nhìn của tôi. Thời tiết lúc đó lạnh lẽo vì cuối Thu đầu Đông. Khoảng cách giữa tôi và thị trấn Móng Cái khoảng 5, 7 cây số đường chim bay. Bình thường đi bộ vượt qua được khoảng cách này chỉ mất hai, ba tiếng đồng hồ, nếu đi đường quốc lộ. Cắt rừng thì mất khoảng 5 tiếng. Nhưng khó khăn là tình trạng canh gác vô cùng cẩn mật suốt dọc đường quốc lộ. Vượt qua được những trạm gác này là chuyện không có dễ. Còn nếu cắt rừng mà đi thì tránh được các trạm gác nhưng lại gặp phải mìn, chông và cạm bẫy. Với công an, bộ đội biên phòng, tôi có thể tìm cách qua mặt họ. Trong trường hợp bị nghi ngờ và bị bắt, tôi cũng sẽ tìm mọi cách thoát thân. Tuy như vậy sẽ thập phần khó khăn, nguy hiểm, nhưng còn có phần hy vọng sống sót. Còn đối với mìn chông cạm bẫy là những vật vô tri, không tai mắt, nếu tôi chẳng may vướng phải, đời tôi sẽ tàn tức khác. Sau khi suy nghĩ thiệt kỹ, tôi quyết định đi theo đường quốc lộ để lọt vô thị trấn Móng Cái. Vì thị trấn nằm ngay cạnh sông Ka Long, nên một khi vô được thị trấn, tôi sẽ tìm cách bơi qua sông để sang bên Trung Quốc.

Quyết định như vậy, tôi liền quay trở lại nhà lấy cuốn sách thơ và tấm hình Hồ Chí Minh, định lạng lẽ ra đi, sau khi viết mấy lời cảm ơn gia đình ông cụ vào một cuốn vở học trò để trên bàn. Không ngờ khi tôi đang cầm cúi viết, bỗng nghe có tiếng ho. Quay lại, tôi thấy cụ ông từ trong buồng đi ra. Cụ hỏi:

- Anh định đi phải không?

Tôi thưa:

- Dạ thưa bố, con phải đi sớm vì trưa nay con phải có mặt ở Móng Cái.

Cụ ngồi xuống chiếc ghế duy nhất cạnh bàn, với tay lấy chiếc điều bát, chậm rãi vờ thuốc cho vào nõ điều. Vừa vờ thuốc, cụ vừa nói:

- Đây đến Móng Cái đi bộ chỉ khoảng hơn hai tiếng. Nhưng giấy tờ khám xét dọc đường thì phiền phức lắm thôi, mất thì giờ lắm. Để tôi xem xem nào, từ đây đến đó, dễ phải hơn 20 trạm gác là ít nhất. Mỗi trạm nhanh cũng phải 10 phút, chậm thì phải nửa tiếng. Vị chi là anh phải 4, 5 tiếng khám xét giấy tờ, cộng với hai tiếng đi bộ là 6, 7 tiếng đồng hồ. Anh đi bây giờ thì phải chiều mới tới được Móng Cái.

Tôi bật lửa, châm vào đóm, đưa cho cụ. Hút thuốc, nhả khói, cụ nói tiếp:

- Anh có giấy tờ đi đường đầy đủ thì nên chọn lúc trạm gác vắng người. Còn giấy tờ của anh không đầy đủ, thì tốt nhất chờ lúc đông người, đến gần trưa hay đi. Đông người thì vô hồi vô phèo, tụi nó cũng làm phiền phiền cho xong. Thói đời xưa nay là vậy... Còn đi bây giờ thì sớm quá, mà trời lại lạnh buốt như thế này... Điều này năm nay sợ lạnh hơn năm ngoái...

Tôi thoáng nhìn cụ. Thấy nét mặt của cụ vẫn đứng đưng khi nói câu đó. Tôi thầm nghĩ, có lẽ cụ chỉ tình cờ nói, chứ không nghi ngờ gì tôi. Dù sao, tôi cũng thầm cảm ơn cụ. Có điều, tôi dù có giấy tờ tùy thân "hợp pháp" do một cơ quan cấp bộ của cộng sản ở Sài Gòn cấp, nhưng tôi đã có cách đi riêng của tôi khi qua các trạm gác, thay vì phải trình giấy tờ. Nghĩ vậy, tôi ngỏ lời cảm ơn cụ và xin tạm biệt.

Khi bắt bàn tay già nua nhăn nheo của cụ, tôi cũng đưa cho cụ 10 đồng. Đây là số tiền đầu tiên tôi tiêu trong số tiền 82 đồng hốt hụi của một người bạn đã trao cho tôi ở ga xe lửa Bình Triệu trước khi tôi lên tàu ra Bắc. Số tiền đó tuy ít ỏi, nhưng đó là tất cả vốn liếng của người bạn rất nghèo đó có thể có được. Vì vậy tôi vô cùng cảm động và biết ơn người bạn đó không biết để đâu cho hết. Thú thực, ngay khi viết những dòng chữ này, lòng tôi vẫn bồi hồi xúc động, nhớ lại những ngày tháng sóng gió, tôi bị săn đuổi như một con thú trên chính quê hương của tôi. Trong suốt những ngày tháng bị săn đuổi đó, đã có những người thân ruột thịt, những bạn hữu, những ông bà, cô bác, chú dì, anh chị em,... đã tận tình giúp đỡ tôi, bắt chắp khó khăn nguy hiểm... Trong số đó, có những người tôi quen biết, sau này tôi có được cơ hội đền đáp một trong muôn phần ơn nghĩa. Nhưng cũng có không biết bao nhiêu ân nhân, với tấm lòng vàng, đã giúp đỡ tôi, nhưng vì hoàn cảnh éo le lúc đó, tôi đã vĩnh viễn không bao giờ biết được họ là ai, ở đâu... Nhưng trong suốt thời gian ba mươi năm qua, mỗi khi bồi hồi xúc động nghĩ tới những kỷ niệm xưa, tôi luôn luôn tâm niệm, nếu không có được những tấm lòng vàng của những con người vô danh đó, chắc chắn tôi không thể nào còn sống đến hôm nay, hay ít nhất, tôi cũng không thể nào có được cuộc sống tự do như hôm nay....

Hôm đó, vào buổi sáng tinh mơ của một ngày cuối tháng 9 năm 1978, tôi chia tay ông cụ, lên đường trực chỉ thị trấn Móng Cái. Đoạn đường không đầy 10 cây số với khoảng 20 trạm gác đang chờ đợi tôi. Trước đây, ngược xuôi đi lại ở Miền Nam, tôi không lo ngại khi thấy trạm gác của bộ đội, công an. Như tôi đã nói, ở Miền Nam, tuy cũng bị cộng sản sẵn lòng, nhưng tấm lòng yêu thương đùm bọc của người dân Miền Nam dành cho những nạn nhân cộng sản, trong đó có tôi, đã khiến tôi yên tâm đi lại như cá bơi trong nước. Còn ở Miền Bắc, người dân đã sống trong sự kìm kẹp tuyên truyền của chế độ cộng sản cả mấy chục năm, nên khi trở lại đất Bắc trong thân phận của một người tù vượt ngục đang bị săn đuổi, ngay cả khi gặp người thân ruột thịt ở nơi chôn nhau cắt rốn, tôi cũng không dám thổ lộ hoàn cảnh thật của mình. Nói như vậy, quý độc giả thấy được nọc độc của cộng sản lợi hại đến là nhường nào. Và nhiều lúc tôi tự hỏi, nếu bây giờ tôi trở lại Miền Nam trong thân phận của một người bị chế độ CS săn đuổi, liệu tôi có còn được người dân Miền Nam, sau 30 năm bị CS tuyên truyền, đầu độc, sẽ tiếp tục đùm bọc, yêu thương, che chở để cho tôi được hạnh phúc sống trong cảm giác như cá bơi trong nước của ngày xưa hay không? Từ con đường mòn trên triền đồi, bước xuống đường quốc lộ, tôi cảm thấy ngay bầu không khí sôi sục chiến tranh. Trời lúc đó còn rất sớm, cây cỏ còn ẩm sương, và khí lạnh còn dàn dụa trong không gian, nhưng những đoàn quân xa, những đơn vị bộ đội dài dằng dặc, cùng dân quân, du kích, dân công chiến trường... đã lũ lượt đổ về Móng Cái.

Trạm gác đầu tiên tôi thấy trên đường quốc lộ là một túp lều tranh dựng tạm bên đường. Phía đằng trước lều, có mấy tên công an áo vàng, súng ngắn đeo ở hông, đang xét giấy tờ người qua lại. Quanh quần bên cạnh là mấy tên bộ đội biên phòng, đeo súng AK, dáng điệu uể oải, thờ ơ, với vẻ ngái ngủ còn đọng trên gương mặt.

Quan sát một lúc, tôi thấy ngay, trạm gác không xét giấy tờ các đơn vị bộ đội và những người dân ăn mặc lam lũ, có vẻ là người địa phương. Riêng xe cộ qua lại bị kiểm soát rất kỹ. Không những tài xế xe phải xuống xe xuất trình giấy tờ, mà công an, bộ đội biên phòng còn bắt mở cửa xe, khám xét, thậm chí còn nhảy lên cả phía sau xe tìm kiếm lục lọi... Nhìn cách thức kiểm soát xe cộ của trạm gác, tôi thở phào hú hồn, vì trước đó tôi đã có ý định nhảy xe quá giang vô thị trấn, giống như trước đây ở Quảng Trị, tôi đã từng làm và may mắn thoát.

Sau một hồi quan sát, tôi liền nghĩ ra một kế. Tôi vội cởi chiếc áo bộ đội đã bạc màu, thắt ngang hông, để hai tay áo lủng lẳng hai bên, còn trên người chỉ mặc chiếc áo may ô màu vàng khè, ống quần thì xắn móng lợn, bên cao bên thấp. Nách tôi cắp cuốn sách Ngục Trung Nhật Ký, tay cầm bức hình Hồ Chí Minh đã cuộn tròn. Tôi biết, với ngoại hình như vậy mà mang hai vật này thì quả là hơi kịch cỡm, nhưng tôi không có cách nào khác. Tôi phải mang theo nó, vì sau này lỡ gặp lúc hiểm nguy, rơi vào tay bộ đội, công an, sự hiện diện của nó sẽ có giá trị hơn bất cứ thứ giấy tờ nào. Nó sẽ gián tiếp chứng minh một cách trung thực và ngay tình tôi là người "ái mộ HCM". Điều đó sẽ xóa tan ngay những nghi ngờ trong đầu óc của bất cứ tên cán bộ, công an, bộ đội nào khi bắt giữ tôi...

Trạm gác nằm về phía bên phải đường, nhưng ngay phía bên trái, đối diện với trạm gác cũng có hai tên công an áo vàng đứng cạnh mấy tên bộ đội biên phòng xét giấy tờ người qua lại. Lúc đó trời còn sớm, số người qua lại phải xét giấy tờ chưa đông, nên bộ đội của mấy tên này rất thờ ơ, thiếu cảnh giác. Chúng đứng cụm lại một chỗ lo tán gẫu, không để ý gì những người dân lam lũ đi qua đi lại...

Thấy được chỗ sơ hở đó, tôi quyết định đi về phía bên trái. Vừa đi, tôi vừa huýt sáo một bài hát của cộng sản, mà lâu ngày tôi đã quên mất tên. Trong lòng tôi lúc đó rất lo lắng, sợ hãi, trống ngực đập thình thịch, nhưng bề ngoài tôi vẫn cố giữ vẻ mặt bình tĩnh, bước đi thật ung dung qua trạm gác...

Quả nhiên, không một tên công an, bộ đội nào để ý đến tôi. Chắc nhìn bộ đội của tôi, dép râu, nón cối, ống quần xắn móng lợn chân cao chân thấp, lại mặc chiếc áo may ô ố vàng, người không mang theo hành lý gì, nên chúng đinh ninh tôi là một người dân địa phương bình thường, chẳng cần phải xét hỏi giấy tờ.

Qua được trạm gác một quãng xa, tôi mới thở phào nhẹ nhõm. Giả vờ băng ngang đường, tôi ngoái đầu nhìn lại phía sau, thấy mấy tên công an bộ đội vẫn đang xét hỏi giấy tờ một hàng dài những người Việt gốc Hoa, gồng gánh đủ thứ đồ đạc trên vai, trên xe đạp, xe bò, xe ba gác... Theo lời của một người Hoa tôi tình cờ gặp trên đường, cộng sản đã bắt tất cả những người Hoa trên đường trở về nước phải đến trại tập trung ở cách Móng Cái 5 cây số về phía tây, để chờ đợi Trung Cộng mở cửa biên giới cho họ hồi cư... Như vậy là tôi đã may mắn qua được trạm gác thứ nhất. Trước mặt tôi còn khoảng 20 trạm gác nữa phải vượt qua. Tuy lo lắng, sợ hãi, nhưng tôi yên tâm, vì trong lòng tôi đã có kế hoạch, bằng mọi cách thật cẩn thận và an toàn, qua được trạm gác nào thì qua, đến chiều tối, tôi sẽ tìm vô rừng núi, chờ ngày mai đi tiếp....

## KỶ 90

Sau khi qua được trạm gác thứ nhất, đi được khoảng 500 thước, tôi đến trạm gác thứ hai. Vì đây là trạm gác của du kích địa phương, nên tôi qua dễ dàng. Cả trạm gác chỉ có 2 người du kích tuổi chưa đầy 20. Thì ra, số trạm gác từ đây đến Móng Cái tuy trên dưới 20 trạm, nhưng chỉ có những trạm gác có công an áo vàng và bộ đội biên phòng là canh gác nghiêm ngặt. Còn lại, đa số canh gác cho có lệ, nên việc qua lại cũng không đến nỗi khó khăn. Nhất là khi tôi không mang theo hành lý, quần ống thấp ống cao, áo may ô lại ó vàng, nên những tên lính gác đều không để ý đến tôi. Hơn nữa, số người qua lại trên đường quốc lộ 4B thời điểm đó rất đông, nên các trạm gác chỉ chú trọng đến việc xét hỏi giấy tờ của những người Hoa gồng gánh đồ đạc từ các nơi đổ về Móng Cái, chẳng có thì giờ xét hỏi một người có bề ngoài bần thủ tầm thường như tôi.

Ngày hôm đó, tôi qua được gần chục trạm gác, thì trời tối, số người qua lại ngày càng vắng vẻ, nên ngay khi mặt trời lặn, tôi phải lên vào rừng, chui lên một ngọn đồi ngủ qua đêm. Cũng may thời gian đó, trời chỉ lạnh khan chứ không có mưa, nên tôi chỉ việc kiểm gốc cây to, khuất gió, sau đó cởi quần áo, lộn trái, rồi mặc vô ngủ. Làm như vậy để sáng hôm sau, khi mặc tôi chỉ việc lộn phải, khỏi dỡ quần áo, để khi đi đường không bị ai nghi ngờ.

Lúc đó, khoảng cách từ chỗ tôi ngủ đến thị trấn Móng Cái chỉ vài cây số đường chim bay, nên tôi nghe rất rõ tiếng loa phóng thanh của bên Trung Cộng ra rả chữ Việt Cộng. Bên phía VC thì loa chõ về phía bên Đông Hưng, nói rất tiếng Quảng rồi tiếng Quan thoại nghe không rõ lắm. Còn loa của Trung Cộng thì chõ về phía Móng Cái và nói rất tiếng Việt. Cả hai hệ thống đánh võ mồm này làm việc liên tục suốt ngày đêm, và công suất của hệ thống loa phát thanh của cả hai bên đều rất lớn, vang vọng cả một vùng. Ngoài ra, mạng lưới đèn rọi của cả hai bên dọc theo sông Ka Long cũng bao phủ cả một vùng rộng lớn tận cùng tầm mắt của tôi. Thỉnh thoảng, trong đêm đen, đột nhiên vang lên tiếng nổ của vài loạt đạn, lúc xa lúc gần... Tôi hôm đó, trần trọc đến gần sáng tôi mới ngủ thiếp đi trong giấc ngủ đầy ác mộng.

Sáng hôm sau, dậy sớm, tôi kiếm một vũng nước nhỏ, rửa mặt mũi qua loa, rồi lộn phải quần áo và mặc vô đàng hoàng. Từ trên đồi cao tôi quan sát thấy đường quốc lộ 4B đã tấp nập xe cộ và người qua lại. Yên tâm, tôi cất đường đi xuống và nhanh chóng hoà vào đoàn người đi về Móng Cái.

Đến trưa hôm đó, tôi qua được thêm ba trạm gác nữa. Tuy dễ dàng và càng ngày càng gần thị trấn Móng Cái, tôi vẫn không quên thu thập tất cả những dữ kiện cần thiết về hành chánh, địa danh, tên tuổi của các tên chủ tịch, bí thư đảng các xã, huyện trong những vùng lân cận, mỗi khi có dịp trò chuyện với người dân địa phương, hoặc khi ghé vô bưu điện bên đường. Chính nhờ những dữ kiện này, tôi dễ dàng qua mắt bộ đội công an cộng sản, khi đóng vai một người dân ở địa phương.

Chiều hôm đó, tôi ghé vô một quán nước bên đường, tính mua chút gì ăn lót dạ. Giống như hầu hết những quán ăn bên đường ở Miền Bắc, quán rất nghèo nàn, chỉ có chiếc bàn gỗ nhỏ, bần thủ, run rẩy trên 4 chiếc chân xiêu vẹo bằng tre. Quanh bàn là ba "dây ghé" mỗi dây làm bằng hai, ba thân tre đặt lên trên hai ba cái bục bằng đất. Trên bàn chỉ có một chiếc lọ thủy tinh cấu bần, bên trong có vài chiếc kẹo vừng, kẹo lạc. Trên chiếc đĩa sành có một gói thuốc lá đã bóc, có một điếu thò ra ngoài như mời gọi người mua lẻ. Vài chiếc chén sứ mẻ úp xuống mặt bàn. Chủ quán là một người đàn bà không rõ tuổi tác, vì trời lạnh, khăn trùm kín mặt, và cả một đồng quần áo và chằng vá đụp choàng lên người bà.

Tôi mua một chiếc bánh mì luộc ăn với muối, vài chiếc kẹo vừng bỏ túi để dành sau này ăn dần lấy sức đi đường. Bánh mì luộc đã lâu, vừa cứng vừa hôi và thật nhạt nhẽo. Nhưng vì trong quán ngoài món mì luộc, chẳng còn món nào ngoài món cháo nấu cũng bằng bột mì và vài củ khoai mì, khoai lang luộc bày trên chiếc mẹt rách, đầy rườ.

Trong quán lúc tôi vô chỉ có một người khách. Ông đã lớn tuổi, ngồi xồm bó gối, vừa hút thuốc vừa ho sù sụ. Trông thấy tôi, ông dừng dung không một chút để ý, tiếp tục vừa hút thuốc vừa ho. Suốt thời gian tôi ngồi ăn mì luộc, ông cũng chẳng buồn ngó ngang gì đến tôi nên tôi cũng yên tâm ngồi ăn.

Khi tôi ăn gần xong, bỗng thấy có một cô bé dắt chiếc xe Phụng hoàng đen dựa vào chiếc cột bên cạnh quán. Đây là loại xe đạp sản xuất tại Trung Cộng nhưng rất phổ thông ở Miền Bắc. Xe này cao, chắc chắn,



có bộ khung rất cứng, thường để cho đàn ông đi hay thò hàng hóa. Vì vậy, khi thấy cô bé dắt chiếc xe Phụng hoàng, tôi cũng ngạc nhiên. Cô bé cẩn thận khoá xe bằng một sợi dây xích làm bằng xích xe đạp. Khóa xong cô bước vô quán, ngồi xuống ghế, chọn mua một củ khoai lang thật to và một chén nước chè tươi nóng. Vì trong quán nhỏ hẹp, nên ngay khi ngồi xuống ghế, cô đã nhìn thấy tôi. Tôi không biết cô bao nhiêu tuổi, vì cả gương mặt của cô được bọc kín bằng chiếc khăn vuông màu đen, chỉ để lộ có hai con mắt. Khi ăn uống, cô cũng chỉ kéo vạt khăn vuông ở miệng xuống một chút vừa đủ. Nhưng qua cặp mắt đen láy, hàm răng trắng muốt, và dáng người nhỏ nhắn, tôi đoán cô chỉ 16, 17 tuổi là cùng. Nghe giọng nói, tôi đoán cô người Hải Phòng. Đôi ba lần, thấy trong ánh mắt của cô nhìn tôi, có vẻ tò mò, nên tôi lúng túng né tránh, ngại trò chuyện không khéo, sẽ vô tình để lộ thân thế của mình. Vì thế, tôi ăn vội cho xong, rồi trả tiền, và nhanh chóng rời khỏi quán.

Ra khỏi quán, đi bộ được khoảng 15 phút, tôi thấy cô gái dắt chiếc xe Phụng hoàng chạy qua. Chạy được một quãng, không hiểu sao cô ngừng xe, nhảy xuống đứng chờ. Chờ ai không biết, nhưng thấy cô nhìn tôi, tôi đoán cô chờ tôi. Tôi lúng túng không hiểu cô gái có ý gì, nhưng vẫn phải cố giữ bình tĩnh bước tới. Khi tôi tới gần, cô gái kéo chiếc khăn bịt mặt xuống, hỏi giọng thân mật, gần gũi:

- Chú đi Móng Cái phải không chú?

Tôi ngạc nhiên:

- Sao cô biết?

Cô bé mỉm cười:

- Cháu còn biết chú là người Hoa nữa.

Tôi đang ngần ngừ không biết có nên nhận mình là người Hoa hay không thì cô gái đã nói tiếp:

- Nhìn chú cháu biết ngay chú là người Hoa, nên cháu đoán chú đi Móng Cái. Cháu tên Liên. Còn chú, tên gì?

Dứt lời, không chờ tôi trả lời, Liên đẩy chiếc xe đạp về phía tôi:

- Cháu cũng đi Móng Cái. Chú đạp xe đèo cháu đi cho nhanh...

Nhìn dáng điệu của Liên hồn nhiên, cặp mắt trong vắt, tôi thấy tin tưởng. Tôi nghĩ rất nhanh, từ đây đến Móng Cái chỉ còn vài cây số. Đi bộ cũng không lâu, nhưng nếu đi xe đạp thì nhanh hơn, thoải mái hơn. Vả lại, trong bầu không khí ngột ngạt tại Móng Cái hiện nay, hầu như không có ai đi một mình như tôi. Vì vậy, nếu tôi đi vô Móng Cái với một cô gái thì cũng ít bị để ý hơn là đi một mình. Nghĩ vậy, tôi cảm ơn Liên, đón ghidong xe rồi tôi và Liên cùng ngồi trên chiếc xe Phụng hoàng, bon bon chạy về thị trấn Móng Cái.

Vừa đạp xe vừa trò chuyện, tôi mới biết, bố mẹ của Liên là người Hoa, sinh sống ở Hải Phòng không biết bao nhiêu đời. Ông nội của Liên, thời Pháp thuộc, có tàu biển chở hàng đi Hồng Kông, Ma Cao, đã cùng với các chú các bác vô Nam năm ngay 1954. Riêng bố của Liên vì đi buôn ở bên Trung Quốc, không về kịp nên bị kẹt phải ở lại sống với cộng sản. Đến năm 1978, vì hai nước Việt, Hoa mâu thuẫn, nên cũng giống như tất cả những người Hoa ở Hải Phòng, nhà cửa của gia đình Liên bị đập phá, bố mẹ Liên cùng với các em buộc phải về Trung Quốc từ trước Tết. Riêng Liên là con gái lớn, đang học lớp 10, phải trọ học ở nhà dì ở Hà Nội. Khi xung đột xảy ra, gia đình Liên về Trung Quốc thì Liên phải ở lại cùng gia đình người dì đi về Trung Quốc theo ngã Lạng Sơn. Chẳng may vì lý do gì đó, gia đình dì bị công an biên phòng bắt giam mấy tháng trời. Rốt cuộc, cả nhà bà dì và Liên bị kẹt lại cho đến nay. Sau thời gian mấy tháng trời bị kẹt ở Hà Nội, Liên đành phải đạp xe từ Hà Nội đi Hải Phòng, rồi từ Hải Phòng đi Móng Cái, để đến nhà bà ngoại, tìm được sang bên Trung Quốc đoàn tụ với gia đình.

Nghe chuyện của Liên tôi thật xúc động. Thì ra, sống trong chế độ cộng sản, nỗi đau khổ của người dân hiện ra muôn hình vạn trạng. Và tôi cũng biết, những cuộc đời đau khổ mà tôi đã gặp chỉ là một phần rất nhỏ trong số muôn vạn phần khổ đau xảy ra cùng khắp trên đất nước tôi trong suốt nửa thế kỷ kể từ khi bóng ma CS xuất hiện ở VN.

Để tránh cho Liên bị liên lụy, khi đến gần các trạm gác, tôi xuống xe, trả xe cho Liên, còn tôi đi bộ trong hình hài và bộ điệu như cũ. Qua khỏi trạm gác một đoạn xa, Liên xuống xe đứng chờ tôi. Tuy tin tưởng và quý mến Liên, tôi không trò chuyện nhiều về tôi, vì thấy đó là những chuyện không cần thiết, nếu nói ra, có thể tạo nguy hiểm cho Liên.

Chúng tôi vô được thị trấn Móng Cái vào lúc 5 giờ chiều. Cả thị trấn tràn ngập công an, bộ đội, thanh niên xung phong. Bóng dáng người dân chỉ lác đác. Toàn bộ hệ thống hành chính và sinh hoạt dân sự trong thị trấn hoàn toàn bị tê liệt. Thay vào đó là cả thị trấn bị quân sự hóa. Hỏi thăm đường xá mãi, chúng tôi mới ghé vô được một tiệm ăn mang tên "Cửa hàng Ăn uống Tổng hợp" (!?). Tiệm ăn đông nghẹt toàn bộ đội là bộ đội. Tôi xếp hàng đợi mua đồ ăn, còn Liên xếp hàng chờ giữ bàn ăn. Khi tôi mua được hai chiếc bánh bao chay (không có nhân) và hai ly nước chanh đường (không có đá) đem ra thì Liên vẫn chưa kiếm được một chỗ ngồi. Tôi và Liên đành vừa đứng vừa ăn uống. Nhìn ra chung quanh thấy phần đông bộ đội, công an, súng ống đầy người, cũng đứng ăn giống như chúng tôi.

Lúc đó, trong tiệm ăn, chỉ có mình Liên là con gái, còn toàn đàn ông con trai. Vì vậy, khi nhìn thấy những ánh mắt tò mò của những người chung quanh, tôi bẽn lẽn nói nhỏ với Liên, ăn nhanh rồi đi ra ngoài.

Qua trò chuyện, tôi chỉ cho Liên biết, cũng giống như hoàn cảnh của Liên, tôi là người Hoa, gia đình đã về Trung Quốc, còn tôi bị kẹt lại, hiện đang có ý định trốn sang Trung Quốc. Cũng giống phần đông những người Hoa ở Miền Bắc, phải sống trong chế độ cộng sản, bị chúng áp dụng chính sách đồng hóa không cho nói, viết, đọc tiếng Hoa, nên Liên không hề biết tiếng Hoa. Nhờ vậy, khi tôi nói tôi là người Hoa, dù tôi không biết nói tiếng Hoa, Liên không hề mấy may nghi ngờ.

Lúc đó Liên có ý định muốn tôi về ở nhà bà ngoại của Liên rồi tìm cách vượt biên chung với tôi, nhưng tôi khéo léo từ chối. Hoàn cảnh của tôi lúc đó rất nguy hiểm, nếu bị bắt tôi có thể bị tử hình hoặc bị tù chung thân. Còn Liên chỉ là một cô bé người Hoa mới 15 tuổi, tìm đường vượt biên sang Trung Quốc đoàn tụ với gia đình, đúng theo sách lược xua đuổi người Hoa về nước của cộng sản Việt Nam, nếu chẳng may bị bắt, cộng sản Việt Nam cũng chỉ giam giữ Liên ít tháng rồi thả, trả về Trung Quốc. Vì vậy, tôi không thể để Liên bị liên lụy. Tôi cảm ơn Liên đã có lòng tốt cho tôi quá giang, nhưng tôi khéo léo từ chối. Chúng tôi bịn rịn chia tay nhau, sau khi trao cho nhau lời chúc bình an và niềm hy vọng tương lai sẽ gặp lại nhau ở Trung Quốc.

Dĩ nhiên, khi trao gửi niềm hy vọng đó, tôi đâu có thể ngờ được, không đầy mấy tháng sau, tôi gặp lại Liên ở Trung Quốc. Tôi càng không thể ngờ được, sau đó mấy chục năm, một ngày nọ, đang vô internet, bỗng nhiên tôi nhận được email của Liên, trong đó Liên cho biết, Liên đã có gia đình, hiện định cư ở Anh quốc và có một người chú có tiệm bán bánh mì ở Sydney...

Trở lại buổi chiều hôm đó, sau khi chia tay Liên, suốt mấy tiếng đồng hồ, tôi đi lại ngược xuôi trong thị trấn Móng Cái, để tìm đường đến bên sông Ka Long, nhưng không được. Tất cả các ngã đường trong thị trấn dẫn đến bờ sông Ka Long đều bị canh gác nghiêm mật, hoặc bị rào bằng kẽm gai kiên cố với những bảng hiệu "Nguy hiểm! Có Mìn!"

Khoảng 10 giờ tối hôm đó, không thành công với kế hoạch vượt biên qua sông Ka Long, tôi bắt buộc phải tìm đường trốn ra khỏi thị trấn vì lệnh giới nghiêm sẽ có hiệu lực trên toàn thị trấn từ 12 giờ đêm.

Đi bộ ra khỏi thị trấn được khoảng 2 cây số, tôi tạt vào rừng, tìm lên một ngọn đồi rậm rạp trước là ngủ, sau là tính kế vượt biên. Rõ ràng cho đến lúc đó, số phận của tôi đã vô cùng may mắn. Tôi đã vượt qua không biết bao nhiêu gian nan nguy hiểm, và bây giờ, chỉ còn cách biên giới Việt Hoa có không đầy 2 cây số đường chim bay. Tôi biết chắc, trong tình hình căng thẳng đầy xung đột giữa cộng sản Việt Nam và cộng sản Trung Quốc, nếu tôi vượt biên sang được bên Trung Quốc, tôi sẽ được an toàn định cư, và nếu may mắn, tôi sẽ được đoàn tụ với gia đình ở Úc. Tôi cũng biết, tôi không phải là người Hoa, không biết nói tiếng Hoa, một khi vượt biên sang Trung Quốc, tôi sẽ bị Trung Quốc nghi ngờ tôi là gián điệp của cộng sản Việt Nam, sẽ bị tra vấn, giam giữ... Nhưng chắc chắn, với tất cả sự thật của cuộc đời tôi, cùng với sự giúp đỡ của thân nhân ở Úc, tôi sẽ thuyết phục được giới chức Trung Cộng tin tưởng tôi là một nạn nhân của cộng sản Việt Nam. Trong niềm tin vững vàng đó, khuya hôm đó, tôi thiếp đi trong một giấc ngủ ngon lành....

## KỶ 91

Buổi tối hôm đó, nằm trên ngọn đồi cao, tôi trần trọc không ngủ được. Thao thức nghĩ hoài, tôi vẫn không tìm được cách nào có thể vượt biên an toàn sang Trung Quốc. Nếu vượt biên theo ngã đường rừng thì sợ mình bẫy. Còn vượt biên qua ngã thị trấn thì các dãy phố dọc theo sông Ka Long đều bị các đơn vị bộ đội, công an canh gác, phong tỏa. Ngoài ra, những chỗ này cũng có thể bị gài mìn rất nguy hiểm. Trong lúc bế tắc như vậy, đã có lúc tôi nghĩ đến chuyện đi ra phía Trà Cổ rồi bơi vòng ở ngoài biển để sang Trung Quốc. Tôi dám nghĩ đến con đường này vì tôi rất tự tin vào khả năng bơi lội của mình. Lớn lên bên dòng sông Châu, tôi mê bơi lội từ bé. Tôi đã từng được phong tặng là con ếch vàng khi bơi ếch và khi bơi dai sức, tôi có thể bơi 5, 7 cây số không biết mệt. Điều tôi lo ngại là cả chục năm qua tôi rất ít bơi, không biết sức bơi của mình bây giờ còn được bao nhiêu. Nhất là bây giờ thời tiết giá lạnh, bơi lâu dưới nước, tôi có thể bị cảm lạnh, chuột rút, chết đuối bất ngờ... Thêm vào đó, bơi ở biển ngang qua cửa sông là điều không dễ dàng, tôi có thể bị thủy lưu của dòng sông lôi đi xa cả chục cây số, và trong trường hợp nguy hiểm, tôi có thể bị chết đuối khi bị cuốn chìm vào những vùng nước xoáy...

Tôi cũng nghĩ đến giải pháp chờ đợi một thời gian nữa, khi Trung Quốc mở cửa cho phép người Hoa về nước, tôi sẽ trà trộn để vượt biên. Tôi biết, điều đó chưa dễ gì thành công, nhất là trong hoàn cảnh hiện tại, làm sao tôi có thể sống trong lúc chờ đợi với số tiền vốn vụn có 10 đồng bạc. Số tiền còn lại gần 100 đồng, tôi đã ghé bưu điện Móng Cái, gửi hết về cho Mẹ của tôi ở Hà Nội. Tôi làm vậy phần vì thương Mẹ già, phần để tăng quyết tâm vượt biên của tôi bằng mọi giá. Một khi trong túi hết tiền, không thể trở lại Hà Nội, tôi chỉ còn có một con đường là vượt biên sang Trung Quốc mà thôi. Tôi biết, nếu không vượt biên được ở Móng Cái, tôi sẽ không còn đủ can đảm trải qua những khó khăn đó một lần nữa để có thể vượt biên ở bất cứ đâu.

Gần sáng, tôi đang thiu thiu ngủ thì giật mình tỉnh giấc vì nghe những tiếng hô thật to, nhịp nhàng của hàng trăm người, “một, hai, ba bốn”... “một, hai, ba bốn”... Từ trên đồi cao nhìn xuống, tôi thấy dưới ánh sáng bình minh, những đoàn bộ đội, chỉ mặc có quần đùi và áo may ô, đang chạy ngược xuôi trên đường lộ 4B. Thì ra đó là các đơn vị bộ đội phải chạy thể dục vào mỗi buổi sáng sớm. Họ vừa chạy vừa hô vang dội cả khu vực. Có đơn vị chạy từ trong thị trấn Móng Cái ra ngoại ô, và cũng có những đơn vị chạy từ ngoại ô vào trong thị trấn. Ngoài ra, tôi cũng thấy có nhiều người chạy thể dục thành từng nhóm, bốn năm người có, hai ba người có, và một người cũng có....

Quan sát một hồi, tôi đoán, những người chạy lẻ tẻ này có thể là những người bị rơi rớt lại vì sức yếu, nhưng cũng có thể là những cá nhân, do hoàn cảnh khác nhau, chỉ có một vài người phải canh giữ một trạm gác, chiếm đóng một địa điểm, nên phải chạy thể dục riêng lẻ. Nhìn quần áo họ mặc, tôi thấy tuy có khác biệt về màu sắc, nhưng tất cả đều giống nhau ở chỗ quần đùi, áo may ô và dép râu... Nhìn thấy những người bộ đội trong bộ quần áo như vậy, tôi mừng rỡ phát hiện ra một chi tiết vô cùng quan trọng: Tất cả không một ai mang theo giấy tờ!

Rõ ràng, chạy thể dục buổi sáng, trên người chỉ có quần đùi, áo may ô, đâu có ai mang theo giấy tờ. Và như vậy, tôi tin chắc không có một trạm gác nào xét hỏi giấy tờ những người đang chạy thể dục buổi sáng. Nghĩ đến đó, tôi bỗng giật mình ngồi dậy vì nghĩ ngay ra một kế: Tại sao tôi không mặc quần đùi, áo may ô chạy thể dục như những người bộ đội? Rõ ràng, dép râu, quần đùi, áo may ô là những thứ tôi đang có. Tuy chúng không giống hẳn của bộ đội, nhưng cũng chẳng khác là bao, và xem ra chẳng có ai để ý đến sự khác biệt, vì tôi thấy có rất nhiều người đang chạy cũng mặc đủ loại quần đùi, áo may ô khác nhau. Và lại, nếu cẩn thận, tôi có thể chờ đến tối nay, chui vô một nhà dân nào đó có bộ đội đóng quân, lấy trộm một bộ quần đùi áo may ô của bộ đội là điều không có khó. Sau đó, chờ đến sáng, trong bộ đồ quần đùi, áo may ô và dép râu, tôi cũng sẽ vừa miệng hô to “một, hai, ba bốn”, vừa chạy thẳng từ ngoại ô vào thị trấn Móng Cái. Một khi vào đến thị trấn, tôi sẽ chạy thẳng tới hướng cầu Ka Long, rồi tùy theo tình thế và địa hình, tôi sẽ tiến đến sát bờ sông Ka Long. Tôi hiểu, dọc theo bờ sông Ka Long lúc đó đều có các đơn vị bộ đội đóng chốt. Và ở đâu có bộ đội thì ở đó đều có bộ đội mặc quần đùi, áo may ô, đi dép râu chạy thể dục buổi sáng. Như vậy, tôi, trong bộ đồ quần đùi, dép râu, áo may ô, cũng sẽ dễ dàng chạy thể dục tới sát chốt đóng quân của những đơn vị đó...

Nghĩ đến đó tôi mừng quá. Tôi không biết mình có thành công hay không, nhưng tôi tin chắc về đại thể, với kế đó, chắc chắn tôi sẽ dễ dàng đến sát bờ sông Ka Long. Vào buổi sáng tinh mơ, trong không khí chạy thể dục buổi sáng của hàng chục ngàn bộ đội trong ngoài thành phố, tất cả các trạm gác nếu có người gác, cũng sẽ uể oải, ngái ngủ, không một ai để ý hay nghi ngờ có sự hiện diện của tôi trong số hàng ngàn bộ đội chạy thể dục. Thiệt không ngờ, đối phó với cả một tình huống phức tạp nguy hiểm, đầy chạm bẫy với hàng trăm ngàn bộ đội đóng kín cả một thị trấn, tôi lại tìm ra một kế đơn giản và dễ dàng như vậy... Tôi chắc chắn sẽ thành công, sẽ vượt qua tất cả các trạm gác, các khu canh phòng cẩn mật, trên con đường thâm nhập vô thị trấn Móng Cái, để rồi tôi sẽ đến sát bờ sông Ka Long. Sau đó, trong khoảng cách còn lại vài chục thước tới bờ sông, trong một đêm, tôi sẽ có đủ thì giờ thận trọng mày mò từng tấc đất để phát hiện và gỡ mìn, trước khi tôi phóng mình xuống sông Ka Long, bơi sang phía Trung Quốc....

Để bảo đảm cho cuộc chạy thể dục của tôi thành công, sáng hôm đó, tôi leo lên một ngọn đồi rậm rạp, ngay bên ngoài thị trấn Móng Cái, tính chờ tới mười hai giờ tối hôm đó, tôi chui vào nhà dân lấy trộm một bộ quần đùi áo lót bộ đội. Ngọn đồi này gần hơn ngọn đồi tôi ngủ đêm hôm trước, nên tôi thấy rõ quang cảnh của thành phố Đông Hưng hơn. Bên đó, dân chúng vẫn sống đời sống bình thường. Người dân vẫn ra sông gánh nước, tắm rửa, giặt giũ quần áo. Trẻ em vẫn bơi lội vùng vẫy dưới sông. Trên bờ, dân chúng vẫn chợ búa bình thường... Thỉnh thoảng, tôi lại thấy từng đoàn người rất đông, cỡ vài ngàn người là ít, mang theo cờ xí, khẩu hiệu, đi ngược đi xuôi, dọc theo bờ sông. Lúc đó, tôi đoán họ là những đoàn biểu tình do Trung Cộng điều khiển để chống lại Việt Cộng. Nhưng sau này, khi sang được đến Trung Cộng tôi mới biết là mình đoán sai.

Trong khi đời sống bên Đông Hưng, Trung Cộng huyền ảo, tấp nập như vậy thì trái lại, bên thị trấn Móng Cái đúng là một thành phố chết, hoàn toàn bỏ hoang, không có một chút sinh khí nào của đời sống dân sự. Cả thành phố chỉ thấy bộ đội và súng ống....

Tối hôm đó, sau khi lấy được bộ đồ quần đùi áo lót của bộ đội, tôi đi ngủ sớm... Tôi làm một giấc ngon lành cho đến gần sáng thì thức giấc. Lúc đó, vì còn quá sớm nên chưa thấy ai chạy thể dục, nhưng tôi đã sẵn sàng. Chiếc quần đùi, áo may ô của bộ đội, tôi đã mặc sẵn từ tối hôm qua. Miếng giấy mỏng dính, cuộn tròn bằng đầu đũa, ngoài bọc nylon, đã được tôi giấu kín lườn sâu trong gấu quần đùi. Trong tờ giấy này tôi ghi tất cả những địa chỉ quan trọng của người thân và bạn bè ở Việt Nam cũng như hải ngoại. Để bảo đảm bí mật, tôi đã viết tất cả những địa chỉ này theo lối mã hóa của riêng tôi. Khác với lối mã hóa bình thường, nhìn vô là biết mã hóa, như vậy sẽ nguy hiểm, nếu chẳng may lọt vào tay bộ đội công an, chúng sẽ tra khảo, truy bức tôi; lối mã hóa của tôi rất đơn giản, dù có bị phát hiện cũng chỉ thấy đó là những dòng địa chỉ bình thường, mà không hề biết, chúng đã được đánh tráo một cách khéo léo. Sợ thất lạc, cũng như

đề phòng khi bị bắt, bị lục soát, tôi đã giấu những địa chỉ này ở ba nơi trên người tôi. Bây giờ, chuẩn bị cho chuyến đi cuối cùng, rời khỏi quê hương Việt Nam, tôi chỉ giữ lại có một miếng giấu trong quần đùi và một miếng giấu trong dép râu.

Thực chờ được khoảng mười lăm phút, tôi nghe thấy những tiếng hô "một, hai, ba bốn" vọng lại từ xa. Không đầy 5 phút sau, những tiếng hô như vậy nổi lên ở nhiều nơi... Nhìn xuống quốc lộ 4 B, tôi thấy xa xa có một đoàn bộ đội đang chạy vô thị trấn... Yên tâm, tôi trút bỏ bộ quần áo dài, chạy khởi động khoảng 5 phút cho máu huyết lưu thông, cơ thể nóng bừng, rồi từ trên đồi, tôi chạy xuống đường quốc lộ. Tới gần đường quốc lộ, tôi ẩn mình vào trong bụi rậm bên đường, chờ đoàn bộ đội chạy qua khoảng 30 giây, tôi mới chạy ra đường lộ....

Ra tới đường lộ, nhìn về phía tay phải, tôi yên tâm, chỉ có một toán bộ đội đang chạy tới, nhưng còn xa tới mấy trăm thước. Trời lúc đó sương mù lãnh đãng và khí lạnh tràn ngập nên không một ai nhìn thấy tôi... Hít một hơi thở thật sâu, tôi chạy theo toán bộ đội phía trước, nhưng giữ một khoảng cách vài chục thước... Chạy được một lúc, có thêm một toán bộ đội khác từ trong hẻm nhập cuộc... Toán này có vẻ sung sức, nên qua mặt tôi vù vù. Họ vừa chạy vừa hô "một, hai, ba bốn", "một, hai, ba bốn"... Tôi cũng hô to như họ. Hầu hết khi chạy qua đều có vẻ mặt thản nhiên, chẳng một ai để ý đến tôi... Chỉ có một người chạy cuối cùng, nhìn tôi một thoáng rồi mỉm cười... Tôi cũng mỉm cười "đáp lễ"...

Chạy được một đoạn, qua mấy trạm gác, tôi thấy có trạm gác trống trơn, có trạm chỉ có một người gác. Nhưng quả nhiên như tôi đoán, chẳng có người lính gác nào bận tâm chuyện xét hỏi giấy tờ... Tôi thản nhiên chạy qua trạm gác, miệng hô to, "một, hai, ba bốn" giống hệt như một tên bộ đội, mà trong lòng vừa mừng vừa buồn cười...

Chạy được khoảng mười lăm phút, tôi thấy trên đường có quá nhiều người chạy thể dục. Bên cạnh số đông là bộ đội, công an biên phòng, nam nữ thanh niên xung phong,... còn có cả những người dân mặc nguyên quần dài, áo bông, cùng chạy. Ngoài ra, cũng có nhiều người, chẳng hiểu có phải là bộ đội hay không, chạy lẻ tẻ một mình như tôi, nên tôi rất an tâm...

Nhờ đã nghiên cứu kỹ bản đồ và quan sát kỹ từ trên đồi cao, nên tôi đã biết được cầu sông Ka Long nằm về hướng nào. Vì vậy, chạy theo toán bộ đội đến khi vô thị trấn, tôi rẽ trái vô ngay một con lộ lớn. Dọc theo con lộ này cũng có hai toán bộ đội chạy ngược chiều nhau, mỗi toán khoảng 20 người. Tôi nhanh chóng chạy theo toán đang chạy về hướng tây bắc... Đây là hướng đi về phía cầu Ka Long.

Chạy được khoảng một cây số, qua cả chục trạm gác an toàn, không một ai chặn hỏi, tôi mừng quá. Tôi thầm ước lượng, bây giờ tôi chỉ còn cách sông Ka Long khoảng hai trăm thước là cùng. Tôi định hướng rất nhanh và đoán con đường này vì chạy dọc theo bờ sông Ka Long, nên tôi không thể chạy hoài theo toán bộ đội phía trước được. Khổ nỗi, vì nhà cửa dọc theo con lộ san sát, nên tôi không biết là mình đã chạy qua cầu sông Ka Long chưa. Đang lo nghĩ như vậy thì may quá, tôi thấy ở bên phải có một khu đất trống khá rộng, không có nhà cửa, cây cối gì. Nhờ vậy, tôi có thể phóng tầm mắt quan sát và tôi nhìn thấy ngay cầu sông Ka Long nằm phía trước, cách chỗ tôi đang chạy khoảng năm, bảy trăm thước. Ở phía đầu cầu bên này có một trạm gác rất lớn. Phía bên ngoài, tôi nhìn thấy có mấy ánh đèn pha chiếu rọi ngang dọc về phía bờ sông... mặc dù lúc đó trời đã sáng. Từ đây, tôi cũng nhìn thấy cả mấy ngọn đồi ở bờ bên này sông, và con đường nho nhỏ ở phía bên kia bờ sông Ka Long. Như vậy, tôi chỉ cách bờ sông có vài trăm mét... Thấy địa hình địa vật như vậy tôi quyết định tôi phải tìm đường rẽ về phía sông Ka Long ngay bây giờ, vì nếu để đến gần cầu sông Ka Long mới rẽ, tôi sẽ bị lọt vô tầm quan sát của đám bộ đội công an biên phòng ở đầu cầu. Khác với các trạm gác ở trong thị trấn Móng Cái dừng dưng với cảnh bộ đội chạy thể dục buổi sáng, trạm gác ở cầu Ka Long có trách nhiệm đối phó với Trung Cộng từng giây từng phút nên họ rất cảnh giác. Vì vậy, từ trên cao, nếu họ phát hiện thấy tôi, trong bộ đồ chạy thể dục, một mình chạy về phía chân cầu Ka Long, chắc chắn họ sẽ nghi ngờ, theo dõi...

Quyết định như vậy nên đang chạy phía bên trái, tôi vội băng qua đường, sang phía bên phải. Trong khi chạy băng qua đường, tôi liếc nhanh về phía sau quan sát.... và yên tâm khi chỉ thấy có một toán bộ đội chạy cách xa vài trăm thước.

Chạy được không đầy 100 thước, tôi thấy con hẻm nhỏ phía tay phải. Lập tức tôi rẽ phải. Lúc này chân của tôi thì vẫn chạy bình thường như một người chạy thể dục, nhưng miệng thì không còn hô, và mắt thì láo liếng, vì trong con hẻm này vắng lặng, nhà cửa bỏ hoang siêu vẹo, không có bóng người nào ngoài tôi...

## KỶ 92

Chạy được khoảng 100 thước, tôi vô cùng lo sợ và hoảng hốt. Nhìn xuôi chạng đường dài đến cuối tầm mắt, tôi không thấy một bóng người. Khung cảnh hai bên đường hoang vu, trống trải. Tình huống lúc đó cho tôi thấy, đây không phải là khu vực có bộ đội chạy thể dục vào mỗi buổi sáng. Nghĩ vậy, tuy không biết con đường sẽ đi về đâu, nhưng tôi biết nếu cứ tiếp tục chạy theo con đường này trong mười phút nữa, tôi

sẽ lọt vô khu vực kiểm soát của đồn biên phòng trên cầu Ka Long. Đúng ra, từ chỗ tôi đang chạy, tôi đã nhìn thấy cả đồn biên phòng lẫn cầu Ka Long cách khoảng bốn, năm trăm thước. Trong khoảng cách đó, nếu một tên bộ đội biên phòng trên đồn chiếu ống nhòm về phía tôi, hẳn sẽ dễ dàng phát hiện ra tôi. Và nếu quả thực đoạn đường này từ xưa đến nay không có một tên bộ đội nào chạy thể dục vào buổi sáng, cũng như dọc theo con đường này không có một đơn vị bộ đội nào đóng, chắc chắn chúng sẽ nghi ngờ tôi...

Trong tâm trạng hoảng hốt như vậy, nên ngay khi thấy con hẻm nhỏ phía tay phải, tôi chẳng kịp suy nghĩ, liền vội vàng rẽ ngay vô. Con hẻm này nhỏ hơn, chiều ngang chỉ khoảng 4 thước, cỏ hoang mọc đầy trên đường, cao tới gần đầu gối, chứng tỏ cả mấy tháng trời không có người qua lại. Chạy được vài chục bước đến chỗ quẹo phải. Tôi vừa quẹo vô thì đột nhiên giật mình khi thấy hiện ra trước mắt một tấm biển bằng ván đen, trên có vắn vắn bốn chữ viết nguệch ngoạc bằng vôi trắng: "Cấm vào! Có Mìn!"...

Tôi rụng rời tay chân, đứng khựng lại, trong lòng phân vân không biết nên đi tiếp hay quay trở lại. Đi tiếp, tôi phải chấp nhận nguy cơ đụng phải mìn, chết tan xác. Quay trở lại, tôi sẽ bị bắt. Và cho dù chưa bị bắt, thì tương lai tôi cũng không thể nào có được cơ hội tiến sát đến bờ sông Ka Long như lần này... Nhìn theo con hẻm, tôi thấy con hẻm ngoằn ngoèo khoảng hơn trăm thước, dẫn đến ngọn đồi nhỏ, trên là một căn nhà lợp ngói thiết lớn, nhưng đầy vẻ hoang phế, tiêu điều. Tôi đoán, đó là một nhà kho chứa hàng hay trại chế biến thức ăn cho gia súc... Sau một thoáng suy nghĩ, tôi đánh liều đi tiếp. Dấu hiệu "Cấm vào! Có Mìn!" tuy làm cho tôi lo sợ đụng phải mìn, nhưng nó cũng giúp tôi an tâm, trong khu vực này chắc chắn không có bộ đội, công an, du kích.... Tôi chỉ cần thật cẩn thận, tránh đụng phải mìn là được.

Bước qua mấy khúc tre, gỗ, dựng sào làm chỗ treo tấm biển "Cấm vào! Có Mìn!" tôi thận trọng bước từng bước. Được vài bước, tôi nhìn thấy ngay những cụm cỏ héo khô rải rác hai bên hẻm. Cúi xuống quan sát, tôi thấy ngay dấu hiệu mìn cá nhân được chôn bên dưới. Thì ra, những trái mìn đã được gài một cách vội vàng nên chỗ nào có mìn, chỗ đó cây cỏ bị héo úa, trông khác hẳn những vùng không có mìn, cây cỏ tươi tốt. Nhận ra được điều đó, tôi mừng rỡ, nên đi nhanh hơn, mặc dù tôi vẫn rất thận trọng chọn chỗ đặt từng bước chân của mình. Cũng may mắn cho tôi, ở khu vực này, ngọn đồi đã che khuất đồn biên phòng trên cầu Ka Long, nên tôi không phải lo ngại bị những ánh mắt cú vọ từ đó phát hiện.

Khoảng nửa tiếng đồng hồ sau, tôi chui được vô căn nhà trên đỉnh đồi. Thì ra đó là không phải là nhà kho hay trại chế biến gia súc như tôi đoán mà là nhà máy làm chén đã bỏ hoang. Nhà hình tròn, chu vi khoảng ba, bốn chục thước. Phía dưới là khu vực chất than đá đã cháy hết, phía trên là hàng chục ngàn chén, đĩa các loại được xếp thành từng dãy ngang dọc, trong khi ở trên sàn, chén đĩa, cái lảnh cái vỡ, nằm ngổn ngang. Tất cả đều bị cháy đen thành sành và cả nhà máy đều lạnh lẽo, hoang tàn, đổ nát, im lìm không một tiếng động. Tôi đoán, nhà máy đã được lệnh "sơ tán" gấp rút, chuẩn bị đối phó với cuộc xâm lăng của Trung Cộng, nên công nhân đã không kịp "thu hoạch" sản phẩm. Kết quả lửa than vẫn cháy cho đến khi tàn, khiến chén đĩa cháy đen thành than...

Vô được bên trong nhà máy chén an toàn tôi mừng quá. Đi quanh một vòng, quan sát qua các khe giữa các bức tường gạch, tôi vô cùng mừng rỡ khi thấy về hướng bắc, là dòng sông Ka Long chảy cách nhà máy chén không đầy 200 thước. Phía bên tay trái (tức là phía tây) của nhà máy chén, cách khoảng 200 thước là đồn biên phòng trên cầu sông Ka Long. Từ nhà máy chén, tôi cũng nhìn thấy rõ cầu sông Ka Long, ở giữa cầu có dựng một hàng rào. Hai bên cầu đều có lính bồng súng đi lại. Bên VN tôi thấy có ba, bốn người lính. Còn Trung Quốc, tôi chỉ thấy có một người lính. Riêng phía bên tay phải (tức là phía đông) của nhà máy chén, tôi thấy có mấy đơn vị bộ đội phòng không đóng liên liền như bát úp, cách nhà máy chén khoảng hơn 100 thước.

Sau khi tìm hiểu thật kỹ địa hình địa vật, tôi thấy rất khó có thể vượt qua sông Ka Long giữa ban ngày. Chỉ cần tôi xuất hiện tiến về bờ sông Ka Long, tôi sẽ bị lọt vô tầm kiểm soát của đồn biên phòng cầu Ka Long nếu tôi chọn hướng bên trái; hoặc tôi sẽ đụng phải các đơn vị bộ đội phòng không nếu tôi chọn hướng bên phải. Còn nếu chọn vượt qua sông Ka Long vào lúc tối, tôi sẽ gặp nguy hiểm bị bên Trung Cộng bắn chết trước khi tới được bờ bên kia. Tôi hiểu, khi hai quốc gia trong tình trạng thù nghịch, chiến tranh có thể xảy ra bất cứ lúc nào, việc tôi bơi qua sông vào ban ngày sẽ bớt nguy hiểm rất nhiều. Còn bơi qua sông lúc đêm tối sẽ rất nguy hiểm. Cho dù tôi có trốn thoát được phía cộng sản Việt Nam, tôi cũng sẽ dễ dàng bị bên Trung Cộng bắn chết vì họ nghi ngờ tôi là gián điệp, đặc công của VC xâm nhập lãnh thổ Trung Quốc. Suy nghĩ mãi cuối cùng tôi thấy chỉ có hai cách. Một, đợi đến lúc hoàng hôn, lợi dụng lúc tranh tối tranh sáng, tôi sẽ liều mạng bơi qua sông Ka Long. Khi đó, trời chưa tối hẳn, dân chúng Trung Cộng vẫn còn tắm rửa giặt giũ bên bờ sông Ka Long rất đông, nên khi tôi bơi qua sông tôi sẽ dễ dàng bị mọi người phát hiện. Nhờ vậy, hành động bơi qua sông của tôi không bị binh lính và công an Trung Cộng coi là hành động lén lút để có thể bị họ "xử lý" bắn chết tại chỗ.

Cách thứ hai, tôi chịu khó chờ thật khuya, bơi qua sông Ka Long, để cho nước trôi xuống hạ nguồn, rồi tìm chỗ ẩn nấp an toàn, đợi đến sáng hôm sau, giữa ban ngày, ra nộp mạng cho nhà cầm quyền Trung Cộng. Cách này có vẻ an toàn hơn, nhưng nghĩ kỹ, tôi thấy có mấy nguy cơ. Thứ nhất, sau khi bơi qua sông, tôi

không thể đủ sức chịu đựng suốt một đêm trong lạnh lẽo để chờ trời sáng. Nhất là từ sáng đến giờ, tôi không có một chút gì trong bụng. Khi chạy được vô nhà máy chén, tôi cũng sơ ý và cũng không thể mang theo được bất cứ thứ gì có thể ăn được. Kiểu này cho đến khi bơi qua sông Ka Long và chờ đợi đến sáng mai, tôi vẫn phải nhịn đói. Như vậy là điều rất nguy hiểm cho tôi. Nguy cơ thứ hai, dù cho tôi có bơi qua sông Ka Long an toàn, khi tôi ẩn nấp ở bên kia bờ sông trong đêm tối để chờ trời sáng, tôi vẫn có thể bị bộ đội biên phòng, công an của Trung Cộng phát giác, bắn chết bất cứ lúc nào.

Cần nhắc hồi lâu, tôi thấy cách hay nhất là chờ trời chập choạng tối, tôi sẽ bò từ nhà máy chén đến bờ sông Ka Long và bơi qua sông khi bờ sông bên Trung Cộng, dân chúng vẫn còn nhộn nhịp sinh hoạt. Tôi tin chắc, bơi qua sông khi đó, mọi người sẽ dễ dàng phát hiện ra tôi và như vậy tôi chỉ có thể bị bên Trung Cộng bắt sống. Đoạn đường nguy hiểm nhất là đoạn đường từ nhà máy chén đến bờ sông Ka Long, làm sao tôi có thể qua mắt được bộ đội biên phòng và công an VC. Nếu VC phát hiện ra tôi đang đào tẩu về phía Trung Cộng, trong khu vực đã gài mìn, chắc chắn VC sẽ bắn chết tôi ngay.

Lúc đó tôi cũng đã nghĩ đến cách liều mạng chạy thẳng từ nhà máy chén đến sông Ka Long. Với khoảng cách 200 thước, tôi chạy thật nhanh chỉ mất khoảng 3 phút. Trong thời gian 3 phút ngắn ngủi đó, dù cho bộ đội biên phòng hay công an VC có phát hiện, chắc gì chúng đã kịp đối phó? Nhưng điều tôi lo ngại là những trái mìn cá nhân được gài rải rác suốt cả một khu vực mênh mông từ đây tới bờ sông. Nếu tôi đi hoặc bò thật chậm rãi trong lúc ánh nắng chưa tắt hẳn, tôi có thể phát hiện ra được những bụi cỏ héo để tránh né. Còn nếu phải chạy thật nhanh, làm sao tôi có thể tránh thoát được những trái mìn cá nhân? Đáng lo hơn nữa là đoạn đường từ nhà máy chén đến bờ sông Ka Long không hề có đường mà chỉ là một bãi cát mênh mông, với những bụi cây dại mọc lác đác. Tôi không biết, dưới bãi cát đó, VC có gài mìn cá nhân hay không? Nếu có, tôi rất khó phát hiện ra chúng. Càng nghĩ, tôi càng điên cả người. Bây giờ tôi giống như một cá bị mắc cạn. Chạy đường nào tôi cũng 9 phần chết một phần sống. Mà nếu không đủ can đảm chạy thì tôi cũng đành chịu chết đói trong nhà máy chén!

Tôi không có đồng hồ, nhưng đoán chừng khi vô được nhà máy chén khoảng 8 giờ sáng. Từ đó cho đến chiều, tôi không có một thứ gì ăn, uống. Sau mấy tiếng đồng hồ chịu đói chịu khát, tôi phải đi tiểu vào một cái chén để uống chút chút cho đỡ khát. Nhìn ra phía ngoài, tôi thấy ngay cạnh sườn đồi về phía cầu sông Ka Long cách nhà máy chén khoảng 10 thước, có mấy dây khoai lang bò ngổn ngang trên mặt đất. Tôi không biết những dây khoai lang đó đã có củ hay chưa, nhưng dù cho không có củ, nếu tôi lấy được một nắm lá khoai lang ăn sống cũng đỡ một rất nhiều. Tôi muốn bò ra ngoài hái ít rau khoai lang, hay tìm kiếm thêm ít trái cây để ăn cầm lòng, nhưng dưới ánh sáng mặt trời, tôi thấy rất rõ những người lính đóng trên đồn biên phòng ở cầu sông Ka Long đang đi lại. Ngoài ra, tôi cũng thấy cả những đơn vị bộ đội đóng chung quanh nhà máy chén, tiếng hò hét, la ó, cười đùa vang lên rõ mồn một. Ngay cả con hẻm có tấm bảng đen "Cấm vào! Có Mìn!" bây giờ cũng có một đơn vị bộ đội đi tuần tiểu. Như vậy là tôi đã bị bộ đội, công an, và mình bấy bao vây tứ bề. May mắn, tôi đã chui vào ở trong một nhà máy chén nằm giữa khu vực có gài mìn, nên được tạm thời an toàn.

Đến xế trưa, mệt quá, tôi nằm ngủ thiếp đi một lúc. Không biết ngủ được bao lâu, khi giật mình tỉnh giấc, ngó ra ngoài, tôi thấy trời đã hoàng hôn. Tôi ngồi dậy tập thở khoảng 15 phút cho đầu óc tỉnh táo, khí lực hồi phục. Sau đó tôi cố gắng tập trung mọi suy nghĩ của mình sao cho thật lạc quan để có ý chí, có quyết tâm vượt biên bằng mọi giá...

Tôi hiểu, cho đến lúc này tôi đã trải qua không biết bao nhiêu gian truân khổ ải, nhưng cũng gặp không biết bao nhiêu may mắn. Trong suốt cuộc đời, tôi đã được hưởng bao nhiêu ơn nghĩa, ân huệ của những người đã rộng lòng đùm bọc, yêu thương tôi với cả tấm lòng. Từ những người thân ruột thịt đã có công sinh thành ra tôi, đến bè bạn, hàng xóm láng giềng ở những vùng đất nghèo khổ của Miền Bắc; từ những người thân ruột thịt ở Miền Nam đến những ông bà, chú bác, cô dì, bằng hữu đã chăm lo cho tôi từ khi tôi đặt chân đến Miền Nam... Rồi trên đường vượt ngục, đào tẩu, vượt biên, tôi đã được bao nhiêu người giúp đỡ, đùm bọc, bắt chấp hiểm nguy, liên lụy, có thể tan cửa nát nhà. Trong số những người đó, có những người tôi biết tên, biết địa chỉ, để sau này tôi có thể đền đáp phần nào ơn nghĩa, một trong muôn một. Nhưng cũng có không biết bao nhiêu người, trong hoàn cảnh éo le, bất ngờ, đã giúp đỡ tôi, đã có ơn cứu tử đối với tôi, nhưng tôi vĩnh viễn không biết họ là ai, ở đâu.... Tất cả những may mắn đó, tất cả những ân tình đó,... chỉ có ý nghĩa nếu tôi chấp nhận can đảm đi tiếp con đường tôi định đi: Tìm Tự Do! Gần mười năm trước, nhờ được gia đình giáo dục và nhờ những cuốn sách cấm, tôi đã vượt thoát khỏi thân phận của một người bộ đội phải cầm súng xâm lăng Miền Nam, để lên đường tìm tự do, và tôi đã may mắn được tự do. Dù chỉ được sống vốn vẫn có mấy năm trời ở Miền Nam, nhưng cuộc sống tự do và những tấm lòng nhân nghĩa, đôn hậu đầy tình người trên lãnh thổ Miền Nam đã giúp tôi hiểu được giá trị của tự do đối với tương lai thịnh vượng của một đất nước, một dân tộc, cũng như đối với tương lai của mỗi gia đình, mỗi con người. Sau 30-4-1975, cùng với tang thương của đất nước, của dân tộc khi Miền Nam tự do bị mất vào tay cộng sản, tôi lại có dịp hiểu rõ hơn bản chất dã man, phi nghĩa của chủ nghĩa cộng sản.

Tôi tin tưởng mãnh liệt, không sớm thì muộn, chủ nghĩa cộng sản cũng sẽ bị sụp đổ trên quê hương Việt Nam. Đó là quy luật của lịch sử và cũng là chân lý của tự nhiên.

Tôi cũng hiểu rằng, đời người chỉ sống có một lần. Tôi không thể sống lại lần thứ hai và cũng không thể nào đi lại quãng đời mà tôi đã đi qua. Điều quan trọng là nếu tôi đã chẳng thể thay đổi được hoàn cảnh khi tôi phải sinh ra và lớn lên trong một chế độ cộng sản, thì tôi đã may mắn thoát khỏi hoàn cảnh đó, chế độ đó. Trong cuộc chiến tranh Việt Nam, tôi đã bị chế độ CS bắt cầm súng xâm lăng Miền Nam, để tàn sát dân tộc tôi, trong đó có những người chị, người cháu ruột thịt của tôi, thì may mắn hơn hàng triệu thanh niên Miền Bắc, tôi đã can đảm trốn thoát. Và cho đến giờ phút này, tôi tự hào và thấy lòng mình thật thanh thản vì hai bàn tay của tôi chưa hề dính một giọt máu của người Việt Nam....

Trong suốt thời gian ngót 10 năm qua, tôi đã tìm tự do, đã được tự do, rồi lại mất tự do! Hôm nay, trước thảm họa cộng sản bao trùm trên quê hương, cùng với hàng triệu người Việt Nam trên khắp mọi miền của đất nước, tôi lại tiếp tục con đường vượt biên Tìm Tự Do! Ngày hôm nay có thể là ngày cuối cùng của tôi. Nhưng tôi chấp nhận, thà được chết trên đường tìm tự do, để thấy cuộc sống của tôi còn hạnh phúc và có ý nghĩa, hơn là tôi phải sống mất tự do trong ngục tù CS. Nghĩ đến đó, tôi thấy lòng mình thật thanh thản, tâm trí thật sáng suốt. Tôi đứng dậy vươn vai, hít thở vài lần thật sâu, nhin thở thật lâu, cho dưỡng khí thấm sâu vào từng đường gân thớ thịt, huyết mạch trên cơ thể.... Sau đó, tôi uống chút nước tiểu rồi cởi chiếc áo may ô, lấy nước tiểu xoa bóp thật kỹ các bắp thịt, trước khi tập chạy khởi động tại chỗ khoảng 20 phút cho cơ thể nóng bừng, máu huyết lưu thông. Làm như vậy để khi lao vào dòng sông Ka Long lạnh cóng của mùa đông, tôi không bị chuột rút, hay bị cảm lạnh...

Khoảng 6 giờ chiều hôm đó, ngó ra bên ngoài, thấy mặt trời đã khuất bóng, ánh nắng hoàng hôn đã gần tắt... Nhìn mấy sợi dây lang ngoằn ngoèo cách chân tường khoảng chục thước, tự dưng tôi thấy thèm thuồng quá... Bỗng chẳng hiểu sao, tôi vội lách người qua khe hở giữa hai bức tường gạch, bước vội mấy bước xuống triền đồi... Trong thâm tâm lúc đó, tôi chỉ có ý định giật vội lấy mấy ngọn khoai lang rồi chạy trở lại ngay nhà máy chén... Chẳng may, phần vì sườn đồi hơi giốc, đất cát lại lún, tôi thì vừa đói vừa hoảng hốt, không kịp giữ thăng bằng, nên bị trượt chân, té lộn hai ba vòng liền...

Kinh hoàng, tôi vội lồm cồm bò dậy, chưa kịp đứng vững thì bỗng nghe có tiếng hét từ xa vọng lại: Ai???  
Đứng lại!!!

Chớp nhoáng, tôi nhận ra ngay tiếng hét từ phía đồn biên phòng trên cầu Ka Long. Trong ánh hoàng hôn, tôi vẫn còn nhìn rõ lối nhỏ mấy tên bộ đội biên phòng đang cầm súng chỉ chỗ về phía tôi. Khoảng cách trên dưới 200 mét thật ngắn ngủi và lý tưởng cho những tràng đạn AK-47. Chạy trở lại nhà máy chén bây giờ là điều vô cùng nguy hiểm. Chúng sẽ bao vây, bắt sống hoặc bắn chết tôi dễ dàng. Còn chạy thẳng xuống sông Ka Long, tôi cũng bị chúng đốn ngã bằng những tràng AK ác nghiệt, hoặc chết ban xác vì mìn... Còn đứng lại theo lệnh của chúng, tôi sẽ bị chúng bắt!

Trong vài tích tắc phân vân, bỗng có tiếng loa phát thanh vang lên thật lớn:

- Đồng chí... đơn vị nào???

Nghe chúng hỏi vậy tôi hy vọng mình còn có thể đánh lừa được chúng. Tôi há miệng hét lớn tên một đơn vị mà tôi đã coi được trên bì thư của một tên bộ đội ở bưu điện Móng Cái. Khổ nỗi dù tôi hét lớn, nhưng tiếng nói của tôi khè khè như người hết hơi. Thì ra, từ sáng đến giờ tôi không ăn, không uống, nên cổ tôi bị khô và tôi không còn sức để hét... Và lại, cho dù tôi có hét to đi nữa, đã chắc gì những tên bộ đội trên đồn biên phòng nghe thấy, và dù có nghe đã chắc gì chúng tin...

Tiếng loa lại vang lên, và lần này thì thật khủng khiếp: Đồng chí... đứng im, dơ tay lên!

## KỶ 93

Nghe tiếng hét, tôi giật mình hoảng hốt vô cùng. Nếu tôi chấp nhận đứng im, dơ tay, tôi sẽ bị tụi VC bắt sống và cầm chắc cái chết. Còn nếu tôi liều mạng bỏ chạy, tôi sẽ bị chúng bắn, nhưng tôi vẫn còn hy vọng thoát chết. Điều tôi lo ngại là trong tình huống như thế này, nếu bỏ chạy tôi sẽ phải chạy bán sống bán chết, làm sao tôi có thể tránh được mìn bẫy? Nhưng bây giờ tôi không còn cách nào chọn lựa ngoài cách bỏ chạy. Thôi thì chỉ biết cầu nguyện Đấng Tối Cao cùng vong linh thầy tôi và vong linh chị Phúc, người chị ruột sinh trước tôi khoảng 2 năm, mất khi tôi mới lên 2 tuổi, mà suốt cuộc đời tôi luôn luôn tin tưởng chị rất linh thiêng phù hộ cho tôi.... Nghĩ vậy, tôi đột nhiên xoay người chạy thực mạng xuống triền đồi, thẳng về phía sông Ka Long...

Vừa chạy được vài bước thì tôi bị vấp, té lộn nhiều vòng dọc theo triền đồi. Nhưng tôi chẳng hề thấy đau đớn, vội đứng dậy chạy tiếp... Ngay khi đó từ loa phóng thanh vang lên tiếng hét gay gắt: "Đứng lại! Đứng lại!" Kèm theo là một tràng đạn súng AK nổ vang. Tôi biết đó là tràng đạn bắn chỉ thiên. Tôi vẫn chạy. Khoảng cách từ chỗ tôi đứng lúc đó đến bờ sông Ka Long không đầy 200 thước. Người chạy nhanh nhất thế giới chạy mất khoảng 22 giây. Tôi không biết chạy nhanh như thế nào, nhưng vì từ trên đồi chạy xuống, nên tôi chạy nhanh lắm... Ngay khi đó, tràng đạn thứ hai lại nổ vang, và lần này tôi nghe thấy tiếng

đạn xé gió ngay bên cạnh. Nhưng tôi bất chấp, tôi liều mạng, và tôi cũng chẳng còn thì giờ để ẩn nấp, né tránh hay chạy theo hình chữ chi để tránh đạn như sách vở đã dạy... Tiếp theo, mấy tràng đạn nữa nổ vang, nhưng thật may mắn và cũng thật kỳ lạ, không một viên đạn nào bắn trúng tôi... Chạy được khoảng vài chục thước, bỗng dừng tôi giật mình khi thấy trước mặt có mấy cụm chông thép ló lên khỏi mặt đất, mỗi cụm khoảng 2, 3 mũi chông, cụm nọ cách cụm kia khoảng nửa thước... Tôi sợ quá, vội đứng ngay lại nhìn xuống chung quanh chỗ mình đứng thì thấy thật may mắn, cả hai bàn chân của tôi đều cách những cụm chông thép có hơn một gang tay... Tôi vội ngoái nhìn lại phía sau... và những gì nhìn thấy khiến tôi rùng mình sợ hãi thật sự. Dưới ánh nắng chiều sắp tắt, cả một bãi chông thép mênh mông trải dài suốt cả bãi cát... Những mũi chông thép phản chiếu ánh mặt trời, lấp lánh ánh sáng, trông thật là ghê rợn. Thì ra, dưới làn đạn truy đuổi, tôi đã chạy thục mạng, chạy bán sống bán chết, chạy vào giữa một bãi chông thép mà không hề dẫm phải một mũi chông nào!!! Nhìn những mũi chông đó tôi biết, để của chúng làm bằng xi măng, có đường kính khoảng 20 phân, trên cắm ba mũi chông thép có cựa, dài ngắn khác nhau. Tôi chỉ cần dẫm phải một mũi là đủ bị ghim cứng tại chỗ, chờ cho cộng sản đến bắt sống... Nhìn bãi chông trải ra mênh mông đằng trước, đằng sau, bên trái, bên phải, tôi đứng chết lặng cả người vì sợ hãi, hú hồn vì thoát chết, và cũng vô cùng mừng rỡ vì may mắn... Ngay giây phút đó, vượt lên trên tất cả mọi chuyện, tôi chợt thức ngộ được một điều vô cùng thiêng liêng: Phép lạ của Đức Tin!!! Phép lạ của sự Nguyện Cầu!!!... Quý bạn đọc thử nghĩ coi, lúc đó làm sao tôi không tin có Phép lạ được khi tôi cầm đầu cắm cổ chạy vào giữa một bãi chông mà không hề dẫm phải một mũi chông nào???

Tôi cũng ngạc nhiên, khi thấy lúc này tiếng súng, tiếng loa phóng thanh không hiểu sao bỗng cùng im bật. Nhìn về phía đồn biên phòng trên cầu sông Ka Long, tôi chợt hiểu. Thì ra, tôi đã chạy khuất vào một chân đồi, nên lính canh gác trên đồn biên phòng không còn nhìn thấy tôi. Điều may mắn nữa, vì khu vực tôi chạy vô đã được gài đầy chông và mìn, nên bộ đội biên phòng và công an VC chẳng thể truy đuổi tôi. Trái lại, họ chỉ có thể bắn chết tôi hoặc chờ đợi tôi bị giết bằng chông mìn. Thì ra tôi đã chạy vô chỗ chết để được may mắn tìm ra đường sống. Tuy nhiên, tôi phải nhanh chóng chạy xuống dòng sông Ka Long, phải bơi nhanh sang bờ bên kia... Lúc đó tôi chỉ còn cách bờ sông có vài chục thước. Tôi vội cẩn thận quan sát và rón rén đặt chân xuống những chỗ không có chông. Tới sát bờ sông, sợ đụng phải mìn gài ở ven bờ, tôi vội bám vào một cây tre, đu người ra tới gần ngọn, rồi thả người xuống dòng sông và bơi vội sang bờ bên kia... Sông Ka Long không rộng. Bề ngang chỉ khoảng 200 thước, nước trong xanh và không chảy xiết. Tuy đầu mùa đông nhưng nước lại ấm. Trái với sự lo sợ của tôi, không hiểu vì sao bộ đội biên phòng trên cầu sông Ka Long không bắn đuổi theo tôi khi tôi bơi qua sông? Có thể VC sợ không muốn có những hành động để Trung Cộng hiểu lầm là gây hấn chăng? Tuy vậy, tôi vẫn cầm đầu cắm đầu cắm cổ bơi. Không đầy 5 phút sau, tôi sang được bờ sông Ka Long phía Trung Quốc.

Khi ấy mặt trời đã gần lặn, nắng đã gần tắt, nên vẫn còn nhìn rõ mặt người. Dọc theo bờ sông vẫn còn rất đông người tắm giặt, gánh nước, trẻ em nô đùa, và trên bờ người qua lại vẫn tấp nập. Bỗng dừng khi thấy tôi bơi từ bên bờ Việt Nam bơi sang, nhiều người ngạc nhiên, chỉ trỏ. Khi tôi từ dưới nước đi lên, họ la hét bằng tiếng Hoa nhưng tôi không hiểu họ nói gì. Trong chốc lát, một đám đông bu quanh tôi, tiếng la hét, cười đùa trêu chọc ầm ĩ...

Giữa lúc tôi đang run rẩy, không biết nói gì, làm gì, đi về đâu... thì bỗng có tiếng hét lanh lảnh, rồi đám đông bỗng rẽ ra hai bên. Bước vô là một nữ dân quân, mặc quần áo dân sự nhưng đeo súng AK, cánh tay có đeo băng đỏ, gương mặt tròn trĩnh, trẻ măng, hai má phúng phính nhưng nghiêm nghị. Cô chĩa khẩu súng AK vào người tôi rồi lanh lảnh nói một hồi. Tôi nghe nhưng lắc đầu không hiểu. Cô lại nói một hồi nữa, tôi cũng lắc đầu, rồi tôi nói thật chậm rãi bằng tiếng Việt: "Tôi ty nạn". Nghe tôi nói, cả đám đông cười ồ lên rồi la hét "Việt nam nhân" (người Việt Nam), nhưng người nữ dân quân mím môi nhất định không cười. Cô thúc mũi súng vào người tôi, rồi chỉ tay về phía dòng sông Ka Long ra hiệu, miệng kêu "pằng pằng". Tôi hiểu ý cô bảo tôi phải bơi trở về phía bên kia bờ, nếu không sẽ bị cô bắn. Tôi lắc đầu cương quyết không chịu. Cô tức giận lên đạn rồi hét lên "pằng pằng" giọng tức giận. Tôi hiểu ý cô muốn nói, nếu tôi không chịu bơi trở lại Việt Nam, cô sẽ bắn chết. Nhưng tôi hiểu đó chỉ là sự hăm dọa. Trước mặt bao nhiêu người Hoa, tôi chỉ có hai bàn tay trắng, lại chẳng gây nên tội lỗi gì trên đất nước Trung Hoa, tôi chẳng đe dọa một ai, làm sao cô dám tự dưng bắn tôi? Hiểu vậy, tôi vẫn cương quyết lắc đầu, không chịu nhúc nhích...

Ngay lúc đó có một người đàn ông cao to, rẽ đám đông bước vô. Ông khoảng 40 tuổi, râu quai nón xồm xoàm, tiếng nói sang sảng. Câu nói đầu tiên của ông là câu ông hỏi tôi, bằng tiếng Việt:

- Anh người Việt?

Tôi mừng rỡ:

- Vâng, tôi người Việt.

- Không phải người Việt gốc Hoa?

- Không, tôi người Việt thuần túy.

Người đàn ông quay sang người nữ dân quân nói líu lo một hồi rồi quay sang hỏi tôi:



- Anh không phải người Việt gốc Hoa thì bơi sang Trung Quốc này làm gì?

Tôi nói ngắn gọn:

- Tôi xin được tỵ nạn chính trị.

Người đàn ông ngạc nhiên không hiểu:

- Anh nói gì? Tỵ nạn chính trị là thế nào?

Tôi nghĩ ngay, có lẽ người đàn ông chỉ là một người thông ngôn bình thường, không hiểu gì về luật pháp.

Vì vậy tôi nói một cách dễ hiểu hơn:

- Tôi bị cộng sản Việt Nam truy sát, nên tôi phải chạy sang đây ẩn tránh.

Người đàn ông ồ lên một tiếng, gật gù ra vẻ hiểu, rồi quay sang người nữ dân quân lú lờ một hồi bằng tiếng Hoa. Cả đám đông nghe ông nói xong đều ồ lên tỏ vẻ reo vui, đồng cảm. Mũi súng AK chĩa vào người tôi bây giờ cũng được chúc xuống dưới. Thái độ của người nữ dân quân không còn gay gắt như trước. Nhưng người nữ dân quân vẫn lú lờ nói với người thông ngôn, tay chỉ về phía bên kia sông. Người đàn ông gật đầu, quay sang tôi nói tiếp:

- Đảng và nhà nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã đóng cửa biên giới từ ngày.... tháng... năm. Kể từ ngày đó không một người Việt gốc Hoa nào được phép đặt chân lên lãnh thổ Trung Hoa. Vì vậy, cô này ra lệnh cho anh anh phải bơi trở lại Việt Nam ngay, nếu không anh sẽ bị xử lý tại chỗ.

Tôi lắc đầu, cương quyết:

- Tôi không phải là người Việt gốc Hoa. Tôi là người Việt chạy trốn cộng sản Việt Nam.

Người thông ngôn lú lờ nói với cô dân quân một hồi. Trời lúc này đã tối, gió lạnh thổi, người tôi lạnh run cầm cập... May mắn ngay lúc đó, một người đàn bà từ trong đám đông quăng cho tôi một chiếc áo. Tôi cảm động cầm chiếc áo khoác vội lên người, định nói hai chữ "tố chề" (cảm ơn), thì người đàn bà đã biến mất trong bóng tối...

Thấy người nữ dân quân Trung Cộng tuổi còn trẻ măng, người thông ngôn có vẻ thiếu hiểu biết, mà tình thế có vẻ bế tắc, tôi liền đánh nước liều. Tôi lên tiếng, giọng đõng dạc, rõ ràng:

- Tôi có thù không đội trời chung với cộng sản Việt Nam. Vì vậy tôi phải vượt qua không biết bao nhiêu nguy hiểm, phải bơi qua sông Ka Long, để sang đây gặp lãnh tụ Hoa Quốc Phong, "chủ tịch quốc vụ viện, chủ tịch hội đồng quân uỷ và chủ tịch nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa"....

Nghe tôi nói một hơi dài, người thông ngôn nhìn tôi, ngạc nhiên không nói gì. Tôi dục ông:

- Ông nói với cô ấy, cho tôi gặp cán bộ, công an cao cấp ở đây để giải quyết nguyện vọng quan trọng của tôi. Còn cô ấy bảo tôi bơi về bên Việt Nam, tôi cương quyết không. Ông nói cho cô ấy biết, thà tôi bị cô ấy bắn chết trên đất nước Trung Hoa còn hơn tôi phải bơi về để bị cộng sản Việt Nam cầm tù.

Người thông ngôn quay sang người nữ dân quân nói một hồi. Cả đám đông nghe xong vỗ tay hoan hô ầm ĩ. Tôi đoán có lẽ họ đã hoan hô câu tôi nói, "Thà tôi bị cô ấy bắn chết trên đất nước Trung Hoa còn hơn tôi phải bơi về để bị cộng sản Việt Nam cầm tù".

Nghe người thông ngôn nói xong, và thấy đám đông hoan hô ủng hộ tôi, người nữ dân quân ngúng nguẩy không nói gì, quay đầu bước đi. Người thông ngôn bảo tôi đi theo cô về đồn công an, rồi ông ta đi sau tôi. Cả đám đông người Hoa cũng ồn ào và lũ lượt đi theo...

Tôi bước theo người nữ dân quân, lòng mừng khôn tả. Tôi không biết chính quyền Trung Cộng sẽ đối xử với tôi như thế nào, tin tưởng câu chuyện của tôi đến mức độ nào, nhưng tôi biết chắc một điều, nếu tôi một lòng cương quyết không chịu trở lại Việt Nam, cuộc sống của tôi trên đất Trung Quốc cũng sẽ không nguy hiểm. Dĩ nhiên, lúc đầu, công an, tình báo của Trung Cộng sẽ nghi ngờ những lời khai của tôi. Nhưng cùng với thời gian, sự thật sẽ được chứng minh, họ sẽ hiểu tấm lòng ngay thật của tôi. Hơn nữa, cùng với sự giúp đỡ của các thân nhân và bè bạn ở ngoại quốc, chính quyền Trung Cộng sẽ hiểu rõ tôi hơn. Và lại, tôi không hề có ý định ở lại Trung Quốc, mà chỉ muốn xin tỵ nạn tạm thời ở Trung Quốc một thời gian trước khi lên đường đoàn tụ với gia đình ở Úc, hoặc ở Mỹ. Như vậy, mọi giả thuyết họ cho rằng tôi là gián điệp của cộng sản Việt Nam muốn xâm nhập vào Trung Quốc sẽ không đứng vững.

Đi được khoảng 15 phút qua những con đường lát đá ngoằn ngoèo và nhỏ hẹp, thì đến một đồn công an sau này tôi biết đó là đồn công biên phòng Tống Hềnh (Đông Hưng). Ngay ở cổng đồn có một trạm gác, trong có một ngọn đèn điện tù mù tỏa sáng. Người nữ dân quân bước tới nói với người công an trong trạm gác một lúc. Sau đó, có hai người công an từ trong đồn bước ra, dẫn chúng tôi vô trong sân đồn. Riêng tôi, khi vào tới sân đồn, người thông ngôn dẫn tôi vô một phòng nhỏ, mỗi chiều khoảng 3 thước, trong có duy nhất chiếc bàn gỗ, mấy chiếc ghế và một ngọn đèn điện. Sau khi bảo tôi ngồi chờ, người thông ngôn đóng cửa, khóa trái.

Tôi rất ngạc nhiên trước thái độ lơ là, thiếu cảnh giác của công an, bộ đội biên phòng Trung Cộng. Tôi nhớ khi giải tôi từ bờ sông về đồn công an, người nữ dân quân đeo súng AK lại đi trước, để tôi đi sau, trong khi hay tay tôi không hề bị còng, bị trói gì. Cho đến khi tôi về đến đồn công an, cũng chẳng có ai còng tay trói chân tôi. Thái độ của mọi người công an khi thấy tôi cũng dừng dừng, chẳng thấy ai có thái độ thù nghịch, cảnh giác, trông chừng...

Đang suy nghĩ vẫn vơ, bỗng dưng cửa bật mở. Bước vô là một người đàn ông cao to, trắng trẻo, đẹp trai, mặc đồ công an 4 túi, nhưng không đeo quân hàm. Người đàn ông niềm nở bắt tay tôi và tự giới thiệu bằng tiếng Việt rất lưu loát:

- Tôi là Ngô, đặc trách công tác chăm lo đời sống cho Hoa kiều hồi hương. Còn "đồng chí" tên gì?

Tôi trả lời ngay:

- Thưa, tôi là Phạm Thái Lai...

Cán bộ Ngô gật gù, nói tiếp, giọng vui vẻ, bật thiệp:

- Tôi tin là "đồng chí" hiện đang rất đói... Vì vậy, trước khi chúng ta có thể làm việc với nhau, tôi nghĩ "đồng chí" nên làm một tô mì cho ấm bụng đã nghe.

Tôi vừa mừng vừa ngạc nhiên. Mừng vì quả thực lúc đó tôi đang đói đến bủn rủn chân tay, mà chưa tiện mở miệng xin ăn. Ngạc nhiên, vì không ngờ một cán bộ Trung Cộng lại nói tiếng Việt rất sôi, lại xưng hô "đồng chí" với tôi, một người Việt mới chân ướt chân ráo đặt chân lên đất Trung Hoa, trên người chỉ có một chiếc quần đùi và chiếc áo vá chằng vá đụp của một người Hoa tốt bụng vừa cho. Mặc dù chẳng ưa gì hai chữ "đồng chí" trên miệng những người cộng sản, nhưng trong hoàn cảnh đó, tôi nghĩ thái độ của cán bộ Ngô quả là điềm lành cho tôi.

Tôi chưa kịp lên tiếng, cán bộ Ngô lại tiếp:

- Bây giờ "đồng chí" ngồi đây chờ một chút. Tôi cho người mang vô một bộ đồ "đồng chí" mặc tạm. Sau đó, sẽ có người mang vô cho đồng chí một tô mì. Đồng chí ăn xong, chúng ta sẽ nói chuyện vui vẻ...

Dứt lời, cán bộ Ngô đứng dậy bắt tay tôi rất chặt rồi bước ra. Cánh cửa duy nhất vẫn để nguyên không khóa.

Vài phút sau, một người công an bước vô, đưa cho tôi một bộ đồ và một đôi dép. Mở bộ đồ ra coi, thì thấy đó là một bộ đồ công an hơi cũ. Thay đồ xong, thì cũng vừa lúc một người đàn bà luống tuổi bước vô, tay bưng tô mì nóng hổi, khói bốc nghi ngút... Tối hôm ấy tôi ngồi ăn ngấu nghiến tô mì mà không hề biết, hôm đó là ngày 1 tháng 10, ngày quốc khánh của nước "cộng hòa nhân dân Trung Hoa"...

## KỶ 94

Khoảng nửa tiếng sau, cửa mở. Trông ra, tôi thấy hai người công an nhưng không thấy cán bộ Ngô. Cả hai đều có gương mặt khó coi, ánh mắt lạnh lùng và đều nói tiếng Việt rất sôi. Một người đến giờ tôi vẫn còn nhớ, mắt hình tam giác, mặt dài như mặt ngựa và bị rỗ, hút thuốc liên tục. Còn người thứ hai thì thấp, có một chiếc sẹo rất to ở cổ.

Đặt trên bàn một xấp giấy trắng, một cây viết, tên công an mặt rỗ nói với tôi giọng sắc lạnh:

- Tôi là Trung. Còn đây là đồng chí X (tôi không nhớ tên). Chúng tôi được lệnh làm việc với anh trong 1 tiếng. Sau đó, anh có bốn phen viết lại thật đầy đủ cuộc đời của anh từ khi còn nhỏ cho đến khi đặt chân lên đất nước Trung Hoa. Trước khi làm việc, chúng tôi yêu cầu anh phải thành thật trả lời mọi câu hỏi, phải thành thật khai báo. Chúng tôi cũng báo để anh biết, chúng tôi có tai mắt ở khắp mọi nơi trên lãnh thổ Việt Nam các anh, nên nếu anh man khai, ngụy tạo, anh sẽ bị chúng tôi phát hiện dễ dàng và anh sẽ bị trừng trị đích đáng.

Nghe tên Trung nói tôi vô cùng ngao ngán. Đúng là cộng sản, ở đâu cũng cùng một giọng lưỡi như vậy. Điều này dấm tôi tránh vô đưa lại gặp vô đưa, chạy Việt Cộng lại gặp Trung Cộng! Nhưng dù sao, tôi cũng chẳng hề có ý định ở lại Trung Cộng. Tôi chỉ đến Trung Cộng tạm trú một thời gian để rồi sau đó, một khi liên lạc với thân nhân lo được giấy tờ bảo lãnh cho tôi định cư tại Úc hoặc Mỹ... là tôi chuẩn. Có điều tôi ngạc nhiên, tại sao nửa tiếng đồng hồ trước, Ngô "cán bộ" lại có vẻ niềm nở, thân mật, gọi tôi bằng "đồng chí" rồi lo đồ ăn thức uống cho tôi. Bây giờ thái độ của Trung và X lại lạnh lùng, coi tôi như một tên tội phạm.

Tôi hỏi Trung, giọng lễ phép:

- Thưa ông, cán bộ Ngô đâu ạ?

Trung sảng giọng:

- Anh không được quyền hỏi bất cứ điều gì khi chưa được phép của tôi. Hiện giờ anh là một tù nhân của chúng tôi. Anh nghe rõ chưa?

- Thưa ông, tôi bị tù về tội gì?

- Tôi xâm nhập lãnh thổ nước "cộng hòa nhân dân Trung Hoa" bất hợp pháp.

- Tôi là một người tỵ nạn bị cộng sản Việt Nam truy đuổi...

- Đó là anh nói. Sự thật có đúng như lời anh nói hay không phải chờ chúng tôi điều tra. Trong thời gian điều tra, anh phải hiểu cương vị của anh là một tù nhân. Khi nào mọi chuyện minh bạch, anh đúng là người bị cộng sản Việt Nam truy lùng, chúng tôi sẽ thả anh. Anh nghe rõ chưa?

Tuy không ưa gì giọng nói lạnh lùng vô cảm của tên Trung, nhưng tôi phải thừa nhận y nói vậy là hợp lý. Trong lúc hai nước đang căng thẳng sắp chiến tranh, bỗng dưng tôi từ Việt Nam trốn sang Trung Hoa rồi

tự nhận mình bị cộng sản Việt Nam truy lùng, làm sao bảo họ có thể tin tôi được. Tự đặt mình vào trong hoàn cảnh của họ, tôi hiểu sự nghi ngờ của họ là hợp lý. Điều quan trọng bây giờ, tôi phải làm sao chinh phục được niềm tin của công an Trung Cộng, bằng không, tôi có thể bị tra tấn, bị thủ tiêu, hoặc bị trục xuất về Việt Nam. Tôi tin tưởng, sự thật về cuộc đời của tôi đủ thuyết phục công an Trung Cộng tin tôi là nạn nhân của cộng sản Việt Nam. Nhưng làm sao để công an Trung Cộng tin những gì tôi nói là sự thật, không phải là ngụy tạo? Hơn nữa, Việt Cộng và Trung Cộng cũng đều là cộng sản. Làm sao tôi có thể hoàn toàn tin tưởng để khai tất cả mọi sự thật? Nhất là trong số mấy chục ngàn người Hoa đang sống tại vùng Đông Hưng, tôi biết chắc chắn có gián điệp Việt Cộng. Vì vậy, tôi nghĩ, cách tốt nhất tôi chỉ khai những sự thật nào cần thiết chung quanh cái tên giả Phạm Thái Lai, chứ không khai thật, khai hết những sự thật quanh cái tên thật Nguyễn Hữu Chí. Và để có thể đánh tan những nghi ngờ cho rằng tôi là một gián điệp được cộng sản Việt Nam cài vào Trung Cộng, tôi phải thẳng thắn và minh bạch cho họ biết, tôi chẳng hề có ý định cư ở Trung Quốc. Tôi chỉ đến Trung Quốc tạm trú thời gian ngắn, và sẵn sàng đi khỏi Trung Quốc ngay khi tôi được thân nhân ở Mỹ, Úc bảo lãnh.

Sau đó, trong thời gian một tiếng đồng hồ "làm việc", tôi khai báo đầy đủ lý lịch của tôi, một Phạm Thái Lai, làm nghề xướng ngôn viên, Bộ Dân Vận Chiêu Hồi, thuộc chính phủ Việt Nam Cộng Hòa; sau 1975 bị cộng sản VN bắt đi tù cải tạo, rồi vượt ngục, vượt biên,... cho đến khi tôi bơi qua sông Ka Long đặt chân lên lãnh thổ Trung Hoa. Tôi cũng khai báo đầy đủ tên tuổi, địa chỉ của thân nhân hiện đang sống ở Mỹ, Úc và nguyện vọng thiết tha của tôi là được đoàn tụ với gia đình ở ngoại quốc càng sớm càng tốt. Suốt thời gian "làm việc", chỉ có Trung hỏi tôi, còn X thì cầm cúi ghi chép. Trước khi chấm dứt buổi "lấy cung", Trung hỏi tôi:

- Anh bị cộng sản Việt Nam đầy đọa khổ sở như vậy, anh có căm thù chúng không?

Tôi trả lời ngay:

- Tôi căm thù chứ.

Trung hỏi tiếp:

- Vậy anh có đủ can đảm chiến đấu chống lại cộng sản Việt Nam?

Tôi gật đầu kiên quyết:

- Tôi đủ can đảm.

Trung tiếp lời, giọng chậm rãi, nhấn mạnh từng chữ:

- Vậy nếu chính phủ và nhân dân Trung Quốc thành lập một lực lượng chí nguyện quân, giải phóng Việt Nam khỏi ách thống trị của cộng sản Việt Nam và cộng sản Liên Xô, anh có chịu tham gia hay không?

Tôi giật mình. Trong thâm tâm, quả thực tôi rất muốn lật đổ chế độ cộng sản Việt Nam. Nhưng tôi không tin cộng sản Tàu có thực tâm muốn và dám lật đổ cộng sản Việt Nam. Và cho dù cộng sản Tàu có muốn và dám làm điều đó, tương lai dân tộc Việt Nam dưới chế độ cộng sản Tàu e cũng thế thảm chẳng khác gì dưới chế độ cộng sản Hà Nội. Không, tôi chẳng thể nào làm hành động cống rắn Tàu cắn rắn Việt... dù đó là rắn cộng sản.

Thấy tôi im lặng, Trung hỏi gặng:

- Sao, anh không đủ can đảm hay anh sợ hai chữ Việt gian? Anh yên tâm, nếu anh có tham gia lực lượng chí nguyện quân giải phóng Việt Nam do chúng tôi thành lập, thì cũng do người Việt của các anh lãnh đạo và anh cũng không phải cầm súng đầu mà lo. Anh chỉ cần làm công tác tuyên truyền, như xướng ngôn viên trên đài phát thanh chẳng hạn. Nghề đó đúng là nghề của anh mà?

Tôi ngần ngừ một chút rồi hỏi:

- Anh muốn tôi phải trả lời thành thực?

Trung nhìn tôi dò xét rồi gật đầu, nói giọng dễ dãi:

- Anh có quyền không trả lời, nhưng nếu trả lời anh phải trả lời thành thực. Anh cũng biết lực lượng mà anh tham gia có tên là "chí nguyện quân giải phóng Việt Nam" gồm toàn những người tình nguyện trong các đơn vị tinh nhuệ của quân đội nhân dân Trung Hoa, những người Hoa kiều từng sinh sống tại Việt Nam và những người Việt yêu nước như các anh...

Tôi thờ phào, trả lời ngay:

- Nếu vậy anh cho tôi suy nghĩ vài ngày nữa tôi sẽ trả lời.

Trung nhìn tôi nhíu mày, định nói, nhưng không hiểu nghĩ sao, y gật đầu:

- Tốt, anh thành thực như vậy là rất đáng hoan nghênh.

Sau đó, Trung đưa mấy tờ giấy do tên X ghi chép toàn bộ cuộc hỏi cung cho tôi ký. Quá mệt nhọc, tôi chẳng hề đọc lại, ký vội tên vào từng tờ giấy. Ký xong, Trung đưa cho tôi xấp giấy, bảo tôi viết lại thật chi tiết cuộc đời và hành trình trốn thoát khỏi ngục tù cộng sản. Y cho tôi 3 ngày làm việc.

Tối hôm đó, tôi nằm co ro, lạnh lẽo ngay trên sàn gạch của một căn phòng nhỏ, mỗi chiều khoảng 3 thước, đầu gối lên một hòn gạch. Tuy đã yên tâm thoát chết, nhưng tương lai của tôi xem ra cũng chưa có dấu hiệu gì sáng sủa.

\* \* \*

Sáng hôm sau, tôi đang say ngủ thì một người công an Trung Cộng vô đánh thức. Tên này không biết nói tiếng Việt. Y chỉ ra hiệu cho tôi ra phòng bên ngoài ngồi viết lời khai. Tôi ngạc nhiên khi thấy tôi không được cho ăn sáng, không được đánh răng rửa mặt. Nhưng tôi hỏi gì y cũng chỉ lắc đầu, và một mực ra hiệu cho tôi ngồi viết. Tôi thờ dài, đành phải ngồi vào bàn và bắt đầu viết với bộ mặt ngái ngủ, đói ăn.... Cặm cụi viết đến trưa, tôi cũng vẫn không được ăn uống gì. Chân tay bủn rủn, bụng đói vô cùng. Suốt cả buổi sáng cho đến trưa tôi chỉ được uống có nước lạnh trừ cơm. Mãi đến gần 2 giờ chiều, công an ăn trưa xong mới có một người công an mang công tới công hai tay tôi lại rồi dắt tôi ra phố Đông Hưng. Tôi rất ngạc nhiên, không hiểu tên công an dắt tôi đi đâu. Thú thực lúc đó, điều tôi sợ nhất là công an Trung Cộng trả tôi về Việt Nam.

Dắt quanh co một hồi, người công an đưa tôi vô một tiệm ăn Tàu. Một người Tàu từ trong quầy vừa chùi tay vào tạp dề vừa chạy vội ra, miệng líu lo nói với tên công an, bộ điệu khúm núm, sợ sệt. Tên công an nói gì đó một hồi. Người Tàu gạt đầu lia lịa, rồi dẫn tên công an và tôi đến một chiếc bàn kê ở góc quán phía trong cùng.

Tên công an tháo công tay cho tôi, rồi công một cỗ chân tôi vô chiếc bàn ăn. Xong, y thản nhiên bỏ ra ngoài, chẳng hề nói với tôi một tiếng. Ngồi trong quán, mùi đồ ăn thức uống thơm ngào ngạt làm tôi còn cào cả ruột gan. Được khoảng mười phút, một người đàn bà tuổi ngoài 40 có nét mặt u uất, rười rượi buồn, bưng ra một chiếc khay gỗ, trên có một tô cơm bự, một tô canh xu hào, một đĩa tôm rim, một đĩa thịt ninh như có mùi thuốc bắc và một chiếc chén, một đôi đũa.

Vừa mừng vừa ngạc nhiên trước bữa cơm hậu hĩ, tôi đang định nói hai chữ "tố chề" là hai tiếng Quảng duy nhất tôi biết, thì bỗng giật mình khi nghe người đàn bà hỏi tôi bằng tiếng Việt:

- Cậu là người Việt phải không?

Tôi ấp úng chưa kịp trả lời thì người đàn bà đã nói tiếp, rất nhanh:

- Tôi cũng là người Việt nè. Tôi bị mẹ mìn bắt bán sang đây lâu lắm rồi. Thôi cậu ăn đi cho nóng...

Nói xong, người đàn bà vội vã quầy quác bỏ đi trước sự bàng hoàng của tôi. Nhìn theo người đàn bà Việt Nam lam lũ, vất vả trên đất khách tôi thấy có sự bàng hoàng, vui buồn lẫn lộn và không biết bao nhiêu điều muốn hỏi...

Thực khách của mấy bàn chung quanh toàn là người Hoa. Họ kín đáo nhìn tôi, ánh mắt đầy vẻ tò mò mà không hề có sắc căm thù oán hận.

Tôi lặng lẽ ngồi ăn bữa cơm nóng sốt, ngon lành nhất sau mấy tháng trời bôn ba trong đói khát, lạnh lẽo và hoảng hốt. Trong khi ăn, người đàn bà Việt Nam đi ra đi vô, miệng mỉm cười rất phúc hậu. Tôi biết, nụ cười của bà dành cho tôi, nhưng tuyệt nhiên, bà không hề nhìn về phía tôi. Khi tôi ăn xong, bà lại bàn tôi dọn dẹp, lau chùi và nói nhỏ, nhanh:

- Tôi tên là Thìn. Tôi có đứa con, giờ còn sống thì nó cũng chạc tuổi cậu... Nhưng nó chết rồi. Nó chết vì bệnh lao... Tôi chỉ có một mình nó...

Nói đến đó, bà Thìn khóc... Tôi rất xúc động. Không thể ngờ nơi đất khách, tôi lại gặp một thiếu phụ Việt Nam bị mẹ mìn bắt cóc đem bán sang Tàu từ mấy chục năm về trước... Tôi nhớ đến những câu chuyện, những bài thơ của các nhà văn nhà thơ Việt Nam mô tả nỗi khổ chồng chất của những người con gái phải lên xe hoa về nhà chồng ở một phương trời xa xăm nào đó trên quê hương tôi. Nhưng bà Thìn, một người con gái thơ ngây bị bắt, bị bán rồi phải làm vợ một người đàn ông Tàu ở một vùng đất dị biệt về ngôn ngữ, phong tục tập quán... chắc chắn bà còn phải khốn khổ gấp bội phần... bà phải khóc không biết nhiều đêm, và không biết bao nhiêu là nước mắt...

Ăn xong, tôi ngồi trong quán thần thờ, lòng buồn rười rượi, đầu óc cứ quẩn quanh về hình ảnh bà Thìn, về nụ cười phúc hậu cùng những giọt nước mắt lã chã của bà khi bà nhắc đến đứa con bất hạnh đã qua đời... Nửa tiếng đồng hồ sau, tên công an quay trở lại, mở công chân, rồi công hai tay tôi ra phía sau. Y đẩy tôi đi ra cửa. Ra tới cửa, tự dưng linh cảm, khiến tôi khẽ ngoái cổ và thấy bà Thìn đang đứng dựa vào cửa bép nhìn theo tôi, nét mặt đầy ái ngại....

## KỶ 95

Trở về đến đồn công an, tôi được nằm nghỉ khoảng 1 tiếng, sau đó phải ra phòng làm việc viết bản tường thuật thật "tỉ mỉ" về cuộc đời của mình. Đến chiều, khoảng 6 giờ tối, một công an Trung Cộng khác lại áp giải tôi đi ăn tối cũng tại tiệm ăn buổi trưa. Lần này, không hiểu sao, tôi không thấy bóng dáng bà Thìn đâu cả. Tôi nghĩ có thể bà không làm buổi tối, nhưng cũng có thể chủ tiệm hay công an cấm không cho bà tiếp xúc, trò chuyện với tôi.

Ngày hôm sau, trước giờ đi ăn trưa, công an Trung đến mở cửa phòng hỏi tôi:

- Anh đã viết xong bản tường thuật về cuộc đời của anh chưa?

Tôi ngạc nhiên:

- Thưa ông, hôm trước ông cho phép tôi viết trong 3 ngày.

Trung gật đầu:

- Tôi nhớ chứ. Vì vậy tôi chỉ hỏi anh viết xong chưa?

- Thưa ông, chưa.

Trung gật đầu:

- Tốt, vậy anh viết đến đâu, đưa hết cho tôi coi.

Tôi lặng lẽ lấy ra một xấp giấy đã viết đưa cho Trung. Trung không hề xem qua, bảo tôi:

- Anh đưa hết chỗ giấy trắng còn lại cho tôi. Cả cây viết nữa.

Tôi băn khoăn:

- Thưa tôi còn phải viết tiếp...

Trung lắc đầu, nói sảng:

- Khỏi cần. Anh viết vậy là đủ rồi. Đưa hết chỗ giấy còn lại cho tôi.

Thấy thái độ của Trung như vậy, tôi đoán lành ít dữ nhiều. Nhưng dữ như thế nào thì tôi không đoán ra.

Tôi nghĩ, thông thường, nếu công an Trung Cộng nghi ngờ tôi là gián điệp, bao giờ họ cũng phải tìm cách khai thác, điều tra, phỏng vấn. Vì vậy, việc tôi đang viết tự thuật lại cuộc đời mình, bỗng dưng bị ngưng ngang là điềm nguy hiểm cho thấy, họ chẳng muốn khai thác, điều tra tôi nữa. Điều này, dám họ đem tôi ra xử bắn lắm!... Đoán vậy, nhưng tôi không biết làm thế nào. Nếu ở Việt Nam, tôi sẽ trốn bằng mọi giá.

Nhưng ở đây, ngôn ngữ bất đồng, tiền bạc không có, dù có trốn ra được khỏi đồn công an, tôi cũng chẳng thể đi đâu xa. Nhất là xã hội Trung Quốc, "muôn người như một" dưới sự tuyên truyền và kìm kẹp của Trung Cộng, làm sao tôi có thể trà trộn trốn tránh hoặc có được những người với tấm lòng vàng sẵn sàng giúp đỡ tôi như ở Việt Nam?

Ngày hôm đó, tôi vẫn được công an áp giải đi ăn trưa và ăn tối tại cùng tiệm ăn, nhưng tôi vẫn không thấy bà Thìn. Khi ngồi ăn, chân tôi vẫn bị xích vô bàn ăn, và những người Hoa trong tiệm ăn vẫn xa lánh tôi, và nhìn tôi đầy vẻ nghi kỵ. Tôi phớt tỉnh vì nghĩ đã đến hoàn cảnh này, tôi chẳng thể làm gì hơn thì đành chấp nhận chết là cùng.

Tối hôm đó, nằm trên sàn gạch, gối đầu lên hòn gạch, tôi co ro vì lạnh lẽo và sợ hãi nên trần trọc không ngủ được. Mãi đến khuya, tôi ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Đang ngủ chập chờn, tôi nghe có tiếng mở khóa, cửa mở, rồi có tiếng chân người đi vô. Lúc đó tôi nằm quay mặt vào tường nên làm như không hay biết, tôi vẫn giả vờ nhắm mắt ngủ say, nhưng trong lòng tôi hoảng hốt vô cùng.

Có người đá nhẹ vào người tôi hai cái, rồi nghe tiếng đánh thức của Trung công an:

- Dậy, A Phàm, dậy!...

Tôi quay trở ra, thấy trong phòng, ngoài Trung còn có một người công an đeo súng AK cầm chiếc còng số 8, và một người khác đeo súng ngắn. Tôi vừa ngồi dậy, người công an đeo súng AK đã nhanh nhẹn cúi xuống, còng hai tay tôi ra phía sau. Trong lòng tôi bấn loạn vô cùng. Tôi nghĩ chắc phen này họ đem tôi ra xử bắn mất thôi. Tôi định hỏi mà miệng khô ran, cổ họng bị nghẹn lại, chỉ lắp bắp được có hai tiếng:

- Sao... giết?...

Nhìn nét mặt hoảng hốt của tôi lúc đó, Trung trấn an:

- Anh yên tâm, nhà nước Trung Hoa vĩ đại chúng tôi không giết anh làm gì.

Nghe Trung nói, tôi không tin. Đang đêm hôm khuya khoắt thế này, dựng tôi dậy, còng tay tôi rồi đem đi thì chỉ có hành quyết tôi thôi... Cộng sản nói thì làm sao mà tin được. Cộng sản Việt Nam với cộng sản Trung Cộng thì cũng rứa mà thôi...

Ra đến chiếc xe comangca, tôi bị tổng vô băng sau. Trong ánh đèn xe mờ mờ tôi thấy, bên trái tôi là người lính cầm khẩu AK, bên phải tôi là công an Trung, phía trước có một công an ngồi ghé tài xế, còn tên công an đeo súng ngắn thì ngồi ghé bên tay phải của tài xế. Tôi chỉ kịp nhìn vội vàng được như vậy thì đã có một miếng vải bịt kín cả hai mắt tôi lại. Thoạt đầu bị bịt kín mắt như vậy, tôi càng thêm kinh hoàng lo sợ. Nhưng một thoáng sau, nghĩ lại, tôi bớt lo. Vì tôi nghĩ, nếu quả thực họ đem tôi đi xử bắn, thì họ đâu cần phải bịt mắt tôi làm gì. Một người đã bị bắn chết, thì đâu còn gì phải đề phòng mà bịt mắt. Còn nếu như họ đã đề phòng bằng cách bịt mắt tôi như vậy, chắc là họ giải giao tôi đến một địa điểm bí mật nào khác mà không muốn cho tôi biết đường chẳng? Nếu vậy thì tôi vẫn còn có cơ hội sống sót.

Yên tâm với ý nghĩ đó một hồi, tôi bỗng giật mình khi nghĩ tới những người bị xử bắn bao giờ cũng bị bịt mắt. Bịt mắt trong những trường hợp đó là nhằm để cho người bị xử bắn khỏi sợ hãi một phần, phần khác là những người bắn súng khỏi bị ám ảnh bởi ánh mắt vĩnh biệt thể gian của người bị bắn. Nếu vậy, tôi bị công an Trung Cộng bịt mắt không phải vì họ muốn bảo đảm bí mật mà chỉ vì không muốn cho tôi khỏi sợ hãi khi bị hành quyết... Nghĩ đến đó tôi thấy lạnh gáy. Chẳng lẽ trải qua bao nhiêu may mắn trên đường vượt biên, cuối cùng, tôi lại lãnh cái chết hay sao? Không khí trong xe lúc này cũng thật nặng nề. Không một ai nói với ai tiếng nào. Chỉ nghe tiếng máy xe nổ đều đều và tiếng gió ào ào thổi bên ngoài khi xe chạy lắc lư nghiêng ngả trên những con đường nhỏ, lát đá xanh lờm chờm...

Xe chạy quanh co một hồi rồi dừng lại. Tôi bị lôi ra khỏi xe một cách phũ phàng. Hành động phũ phàng kiểu này chỉ dành cho người bị xử bắn thôi. Tôi nghĩ. Tôi thấy gió thổi lồng lộng, rồi nghe thấy tiếng sóng

vỗ vào bờ. Tôi đoán chắc tôi đang đứng bên bờ sông Ka Long, và bên kia là tổ quốc của tôi, nơi có tất cả những người thân yêu ruột thịt, bạn bè bằng hữu của tôi và không biết bao nhiêu ân nhân đã giúp đỡ cứu mạng tôi. Trên những chặng đường của tổ quốc hình chữ S, tôi đã có không biết bao nhiêu kỷ niệm trong suốt cuộc đời 25 năm trời... dù đó là những kỷ niệm vui hay buồn, may mắn hay bất hạnh, bây giờ đối với tôi đều thật là lung linh vô giá, đáng nhớ đến ứa nước mắt.... Tôi nhớ đến dòng sông Châu nước lúc nào cũng trong xanh, những cánh đồng mía bạt ngàn nổi tiếng ngọt, mềm và ròn của Vĩnh Trụ quê tôi...

Thoang thoang trong không khí thanh tịnh của đêm khuya như có mùi thơm của hoa, nhưng tôi không rõ là mùi của hoa gì. Rồi có tiếng quạ kêu, vài hai tiếng lẻ loi cô đơn trên trời cao... Ngửa mặt lên trời, tôi hít một hơi thở thật sâu cho căng lồng ngực rồi nín thở khoảng mười mười lăm giây... Tự nhiên, tôi thấy lòng mình trở nên bình tĩnh lạ lùng....

Tôi bước những bước chập choạng vì bị người công an kéo đi, trong khi mắt bị bịt kín, và bờ sông thì lồi lõm, sỏi đá khắp nơi. Đi được một đoạn khoảng hai mươi phút, tôi thấy mình phải leo dốc. Mười phút sau, tôi bước lên những bậc thang cao dần, cao dần. Leo được khoảng hai chục bậc như vậy thì thấy bước chân của mình bước trên mặt phẳng, có lẽ là của sàn gỗ, vì tôi nghe rõ tiếng giầy nện cộp cộp của mấy tên công an. Đi được khoảng 10 bước thì tôi bị giữ lại. Lúc này gió thổi lồng lộng và tôi nghe rõ tiếng nước chảy ở dưới chân... Chẳng hiểu sao ngay lúc đó tôi đoán mình đang đứng trên cầu sông Ka Long...

Mấy tên công an nói xì xồ tiếng Quan thoại một hồi, rồi Trung nói với tôi bằng tiếng Việt:

- Chúng tôi biết anh là gián điệp của tụi Việt cộng, xâm nhập nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa để phá hoại. Tội của anh đáng lẽ phải bị xử bắn. Nhưng đảng và nhà nước Trung Hoa luôn luôn khoan hồng, nên cho anh cơ hội sống sót cuối cùng...

Nói đến đó, tên Trung im lặng, nghe tên công an xì xồ nói tiếp tiếng Quan thoại. Tôi mấp máy môi định nói, nhưng không biết nói gì, vì thấy có nói gì đi nữa cũng chẳng thể thuyết phục được họ, nên tôi lại lặng im.

Trung công an lại nói tiếp:

- Bây giờ anh đang đứng trên cầu biên giới sông Ka Long. Trước mặt anh là đồn biên phòng của cộng sản VN. Chúng tôi sẽ tháo còng cho anh, để anh tự do đi thẳng về bên kia, cho các "đồng chí" của anh đón tiếp. Còn nếu anh từ chối không chịu đi, chúng tôi sẽ xử bắn anh tại chỗ. Anh nghe rõ chưa?

Nghe công an Trung nói vậy tôi vô cùng buồn bã và ngao ngán. Như vậy là trải qua không biết bao nhiêu nguy hiểm để trốn khỏi cái chế độ bất nhân độc tài cộng sản Việt Nam, bây giờ tôi lại phải trở lại cái chế độ đó, để bước chân vào lao tù, kim kẹp và thậm chí có thể chết. Không, tôi không thể nào làm như vậy. Thà tôi bị bắn chết, chứ nhất định tôi không thể nào sống trong chế độ cộng sản Việt Nam.

Công an Trung gần giọng, nhắc lại câu hỏi:

- Anh nghe rõ chưa?

Tôi đứng im lặng bất động. Có bàn tay nào đó tháo mảnh vải bịt mắt cho tôi. Tôi chớp mắt liền mấy cái, nhìn vẫn chỉ thấy lờ mờ, nhưng tôi nhận ra, đúng là mình đang đứng trên cầu sông Ka Long. Có bàn tay sờ vào chiếc còng tay sau lưng tôi có lẽ định mở khóa. Tôi khẽ xoay người quay về phía tên công an đeo súng ngắn. Tưởng tôi có hành động gì, lập tức có tiếng hô rít lên bằng tiếng Hoa, rồi đầu súng AK thúc vào lưng tôi đau điếng. Lúc đó tuy không nhìn rõ mặt ai trong bóng tối, tôi vẫn nghiêng răng chịu đau, nhìn thẳng vào mặt tên công an đeo súng ngắn và nói, giọng rõ ràng, dứt khoát:

- Không, tôi không về. Dù các ông có bắn chết, tôi cũng không về. Tôi đã nói với các ông, tôi là nạn nhân của cộng sản Việt Nam, chứ không phải là gián điệp. Nếu tôi về bên đó, cộng sản Việt Nam cũng sẽ bắt và giết tôi. Thà tôi bị các ông bắn chết ngay bây giờ ở đây, còn hơn về bên Việt Nam tôi bị cộng sản Việt Nam bắt và giết chết. Tôi tìm đến với các ông vì tôi định ninh các ông là bạn. Vì vậy thà tôi bị chết trong tay các ông, những người tôi coi là bạn; còn hơn tôi bị chết trong tay cộng sản Việt Nam, những kẻ tôi coi là thù. Tôi nói liền một hơi, nói trong nỗi niềm xúc động khôn cùng, nên tôi vừa nói vừa thở hổn hển, vừa khóc nghẹn ngào... Nói xong, tôi vẫn còn sụt sịt khóc... Chẳng hiểu sao sau khi tôi nói xong, cả ba tên công an đều im lặng, kể cả tên Trung là người có trách nhiệm dịch lại tiếng Hoa cho tên chỉ huy nghe cũng đứng như phỗng...

Hai, ba phút sau, tên công an đeo súng ngắn quay sang Trung hỏi bằng tiếng Hoa. Trung vội vã nói lại bằng tiếng Hoa. Tôi không biết Trung dịch lại có trung thực và đầy đủ lời tôi nói hay không, nhưng giọng nói của Trung cũng có vẻ xúc động...

Trung nói xong, cả ba tên công an Trung Cộng đều đứng im lặng. Tôi cũng im lặng không nói, nhưng trong lòng tôi đã quyết, trừ khi chúng trói gô tôi lại như khúc giò rồi lăn về bên kia cầu, hay chúng bắn chết tôi rồi quẳng xác về bên kia, còn không, tôi cương quyết không về với cộng sản Việt Nam.

Mấy phút im lặng trôi qua, tên công an đeo súng ngắn xì xồ nói gì một hồi rồi quay lưng đi trước. Kế đến là tên đeo súng AK. Còn tên Trung đặt nhẹ bàn tay lên vai, đẩy tôi đi trở lại phía bờ Trung Cộng. Tôi run rẩy, thở phào sung sướng... Bước đi được mấy bước, tự nhiên tôi tối tăm mặt mũi, chân bước loạng choạng rồi té rụi xuống mặt cầu.

Khi tỉnh dậy, tôi thấy mình đã ngồi trong xe. Tay tôi không còn bị còng, và cả 3 người công an trong xe đều nói cười vui vẻ. Không khí trong xe lúc về khác hẳn lúc đi, không còn nặng nề, ngột thở như trước. Đây là một dấu hiệu vui mừng cho tôi.

Trở về đến đồn công an, tôi vẫn bị dắt vô trong phòng giam cũ, nhưng lần này, tôi được một người công an quảng vô cho chiếc mền cá nhân. Quá mệt mỏi và căng thẳng, cộng với cơn hú vía vừa thoát chết, tôi nằm xuống là ngủ liền một giấc cho đến 10 giờ sáng hôm sau....

## KỶ 96

Sáng hôm sau thức dậy, nghĩ lại những chuyện xảy ra tối hôm trước, tôi vẫn còn bàng hoàng, hoảng hốt. Tôi thực không ngờ mấy câu nói liều lĩnh của tôi vào giây phút cuối cùng lại có thể cứu sống cuộc đời tôi. Nếu tôi không nói những câu đó, không biết bây giờ, tính mạng tôi đã ra sao? Tôi cũng mong người công an Trung Cộng sẽ phiên dịch đầy đủ câu nói của tôi khi báo cáo lên thượng cấp. Như vậy, tôi hy vọng, số phận của tôi sẽ không đến nỗi bi đát. Nghĩ đến đó tôi lại băn khoăn tự hỏi, nếu người phiên dịch không tường thuật hết ý nghĩ câu nói của tôi thì sao? Và dù cho người công an làm nhiệm vụ thông ngôn có tường thuật hết ý nghĩa câu nói của tôi đi nữa, đã chắc gì thượng cấp Trung Cộng hiểu thấu quyết tâm "sẵn sàng chết, nhất định không chịu trở về VN" của tôi, khi họ không hề có mặt lúc câu chuyện xảy ra? Sau một lúc suy nghĩ, tôi thấy tôi cần phải chủ động làm một cái gì cho rõ ràng, quyết liệt, để cho thượng cấp của công an Trung Cộng hiểu rõ lòng quyết tâm của tôi chứ tôi không thể âm thầm thụ động, trông chờ ở sự đồng cảm của họ. Nghĩ vậy, tôi liền quyết định viết một lá đơn xin tỵ nạn chính trị, gửi cho chính phủ Trung Cộng. Tôi hiểu, trong hoàn cảnh ngôn ngữ bất đồng như vậy, lời nói của tôi chắc chắn không giá trị bằng những gì viết trên giấy trắng mực đen. Một khi tôi trình bày quyết tâm của tôi trong thư, dù là bằng tiếng Việt, chắc chắn sẽ được giới chức cao hơn quan tâm. Và nếu quả thiệt, lời nói của tôi tối qua có thể lay động trái tim của những người công an Trung Cộng, thì chắc chắn những gì tôi viết trên giấy cũng sẽ có những ảnh hưởng nhất định đối với giới chức hữu trách Trung Cộng.

Nghĩ vậy tôi liền gõ cửa, xin với người lính gác một tờ giấy và cây viết. Vì người lính gác không biết nói tiếng Việt nên tôi phải ra dấu một hồi. Khi hiểu, người lính gác chạy đi, nhưng không phải là đi lấy giấy mà là gọi Trung, người công an thông ngôn đến.

Trung mở cửa hỏi tôi, giọng thân mật:

- Phan cố (anh Phạm) cần bút giấy để làm gì?

Tôi lễ phép:

- Thưa cán bộ, tôi cần viết một cái đơn gửi cho Vòa Coóc Phóng sến sáng (Hoa Quốc Phong tiên sinh).

Trong mấy ngày bị giam giữ, tôi đã lẩm bẩm học được một ít tiếng Quảng, nên sử dụng ngay.

Trung ngạc nhiên không hiểu:

- Vòa Coóc Phóng là ai?

Tôi biết vì quá bất ngờ nên Trung không hiểu ý của tôi. Tôi nói rõ hơn:

- Hoa Quốc Phong Chủ tịch nước Trung Hoa đó, cán bộ.

Trung càng ngạc nhiên hơn:

- Phan cố cũng biết Chủ tịch nước Hoa Quốc Phong của chúng tôi nữa sao?

Tôi nói rõ hơn:

- Thưa anh, tôi còn biết Hoa Quốc Phong là Chủ tịch Quốc Vụ Viện (chức vụ tương đương thủ tướng), và Chủ tịch Hội Đồng Quân Ủy Trung Ương (chức đảng cao nhất trong quân đội Trung Cộng) nước Trung Hoa nữa đó.

Trung ngạc nhiên và thích thú:

- Ô, Phan cố giỏi quá nhỉ! Để tôi đi lấy giấy bút....

Khoảng mười phút sau, Trung bước vô nói giọng vui vẻ:

- Giấy bút đã có đầy đủ rồi. Mời Phan cố ra bàn ngoài này ngồi viết cho thoải mái.

Tôi bước ra ngoài thấy trên chiếc bàn hỏi cung, ngoài giấy bút, còn có một ly nước, một bình trà và một đĩa kẹo sữa, loại vẫn thường thấy bán ở Hà Nội, Hải Phòng...

Trung rót trà mời tôi và nói:

- Phan cố yên tâm, chúng tôi sẽ báo cáo nội vụ đêm qua lên thượng cấp, và bảo đảm Phan cố sẽ không bị trả về Việt Nam đâu.

Tôi cảm ơn Trung, giọng xúc động thật sự:

- Nói thực với cán bộ, tôi thực sự là một nạn nhân của cộng sản Việt Nam. Nếu còn sống ở Việt Nam, sớm muộn gì tôi cũng sẽ bị cộng sản Việt bắt và giết. Vì vậy bây giờ may mắn tôi đã đến được đất nước Trung Hoa, tôi nhất định không khi nào trở lại Việt Nam. Dù chết tôi cũng không về. Nhờ anh nói dùm với thượng cấp của anh để họ hiểu lòng quyết tâm của tôi là như thế.

Trung gặp đầu hứa sẽ tận tình giúp đỡ tôi. Sau đó Trung mời tôi hút thuốc, uống trà, ăn kẹo..., rồi để tôi một mình ngồi viết thư "gửi Chủ tịch Hoa Quốc Phong".

Chuyện này xảy ra cách đây ngót 30 năm, nhưng tôi vẫn nhớ như in trong óc, vì ngay chiều hôm đó, tôi được chuyển về ở khách sạn Hồng Kỳ (tiếng Tàu gọi là Chiêu Đãi Trạm), được cấp giấy bút, nên tôi có viết nhật ký, ghi lại những sự kiện quan trọng này. Những cuốn nhật ký đó hiện tôi vẫn còn giữ, trong đó có cả những bài học tiếng Hoa đầu tiên của tôi.

Hôm đó, trong lá thư viết đề ngày 5, hay 6 tháng 10 năm 1979, tôi có ghi rõ trên đầu lá thư: "Kính gửi Ngài Hoa Quốc Phong". Hàng chữ này tôi viết chữ in, thiết lớn, gần hết bề ngang trang giấy. Ba dòng kế tiếp, tôi viết chữ hoa, nhỏ hơn, mỗi dòng là một chức vụ của Hoa Quốc Phong: Chủ tịch nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, Chủ tịch Quốc Vụ Viện nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, Chủ tịch Hội Đồng Quân Ủy Quân Đội Nhân Dân Trung Hoa". Dưới ba dòng này là dòng chữ hoa, viết lớn: "Đơn Xin Tỵ Nạn Chính Trị của Phạm Thái Lai".

Phần kế tiếp, tôi ghi rõ tên họ (Phạm Thái Lai), ngày sinh, nơi sinh, nghề nghiệp, cùng hoàn cảnh tôi bị cộng sản Việt Nam bắt bỏ tù, phải vượt ngục, vượt biên sang Trung Quốc để xin tỵ nạn chính trị như thế nào. Ngoài ra, tôi cũng ghi rõ họ tên, địa chỉ của những người thân hiện ở ngoại quốc.

Sau đó, tôi viết: "Tôi tin tưởng, Trung Quốc là một quốc gia thành viên của Liên Hiệp Quốc, nên Trung Quốc có trách nhiệm thi hành Hiến Chương của LHQ về vấn đề tỵ nạn. Vì vậy, tôi long trọng yêu cầu ngài Chủ tịch chấp thuận đơn xin tỵ nạn chính trị của tôi, cho phép tôi được tạm thời định cư ở Trung Quốc trong thời gian tôi chờ đợi được tái định cư với thân nhân ở ngoại quốc. Tôi long trọng bảo đảm, tất cả những gì tôi trình bày trong thư này là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu quý quốc điều tra, phát hiện bất cứ điều gì giả trá, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm, và nếu cần tôi chấp nhận bị tử hình vì những giả trá đó." Cuối cùng, tôi viết lại câu tôi đã nói trên cầu sông Ka Long: "Tôi cũng xin khẳng định, trước sau như một, tôi cương quyết không trở lại Việt Nam. Tôi đến với quý quốc để xin tỵ nạn vì tôi đĩnh ninh quý quốc là bạn. Nếu quý quốc có ý định trả tôi lại VN, thì xin cứ việc đem tôi bắn bỏ. Vì tôi biết, nếu cộng sản Việt Nam bắt được tôi, chúng cũng sẽ bắn tôi chết. Do đó tôi nghĩ, thà tôi bị bắn chết trong tay những người tôi coi là bạn còn hơn bị bắn chết trong tay những kẻ tôi coi là thù."

Cuối thư tôi đề Đông Hưng, ngày... tháng... năm, Phạm Thái Lai rồi ký tên. Xong tôi trao lá thư cho người công an Trung Cộng đang ngồi trong phòng trực. Trở về phòng, ngồi chưa được 5 phút thì một người công an mở cửa dắt tôi đi ăn trưa. Khác hẳn những lần trước hai tay bị còng, lần này, tôi không bị còng, và người công an dắt tôi đi cũng không đeo súng AK mà chỉ mang súng ngắn...

Bước vào nhà hàng tôi cũng thấy không khí khác hẳn. Nhiều người Hoa thập thò nhìn tôi, nhưng thay vì những ánh mắt nghi kỵ, ác cảm của mấy hôm trước, bây giờ là những ánh mắt thân ái, những nụ cười thiện cảm. Một hạnh phúc bất ngờ đến với tôi là người bưng món ăn ra cho tôi hôm nay là bà Thìn. Bà nhìn tôi cười vui vẻ:

- Sao A Lồi hôm nay có khỏe không?

Tôi lúng túng chưa kịp đáp thì bà đã nói tiếp:

- Cậu gan cóc tíá lắml!

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Sao bà nói vậy?

- Đừng gọi tôi là bà, gọi tôi là thím đi cho thân mật...

Tôi cảm động hỏi bà:

- Sao thím bảo cháu gan cóc tíá?

- Thì nghe mấy ông công an nói, cậu nói câu gì hay lắml đó... Thà bị chết trong tay pằng dẩu (bạn hữu)

Trung Quốc còn hơn chết trong tay kẻ thù cộng sản Việt Nam. Có phải vậy không?

Tôi ngẩn người. Thiết không ngờ câu nói của tôi tối hôm trước đã lan nhanh và gây ấn tượng mạnh mẽ đến nhiều người như vậy. Sau này, có nhiều người gặp tôi cũng đã nhắc lại câu nói đó. Mọi người đều coi câu nói của tôi như là một bằng cứ, chứng minh, trong cuộc xung đột giữa cộng sản Việt Nam và cộng sản Trung Cộng lúc đó, cộng sản Việt Nam là kẻ phi nghĩa, bị ngay chính người Việt Nam như tôi ruồng bỏ, chống đối.

Bữa cơm hôm đó cũng thịnh soạn hơn trước vì có thêm món đậu hũ nhồi thịt và cá chiên nấu ám. Sau đó còn có trái cây tráng miệng. Thời gian ăn trưa cũng rộng rãi hơn, phải tới hơn một tiếng đồng hồ.

Thấy cung cách đối xử của mọi người, tôi rất mừng và đĩnh ninh cuộc đời của tôi sẽ càng ngày càng sáng sủa. Biết vậy, nhưng tôi không thể ngờ, ngay chiều hôm đó, tôi đã được hưởng ngay những đãi ngộ đặc biệt của chính phủ Trung Cộng....

Trưa hôm đó, ăn cơm xong, tôi lại trở về phòng giam nằm ngủ trưa. Đầu tôi vẫn gối trên hòn gạch, nằm vẫn trên sàn nhà lạnh lẽo. Chỉ có điều cách cửa của phòng giam chỉ đóng lại mà không khoá. Đó là dấu hiệu tốt lành cho tôi rồi. Tôi nghĩ vậy và đi vào giấc ngủ...



Đang thiu thiu ngủ, bỗng nhiên có người đánh thức, tôi ngồi dậy, trong nỗi bàng hoàng, nhưng cũng nhìn thấy trước mặt mình có 5, 6 người Trung Cộng cao to, mặc áo đại cán 4 túi, may bằng loại vải nỉ "cao cấp", đang đứng nói chuyện xì xồ với Trung thông ngôn. Nhìn bộ điệu khúm núm của Trung, tôi hiểu, mấy người Trung Cộng mới tới là cán bộ có cấp bậc cao hơn Trung nhiều.

Sau khi nghe một hồi, gạt đầu vàng dạ lia lia một hồi, Trung quay sang tôi nói:

- Sau khi nhận được đơn xin tỵ nạn của "đồng chí", các đồng chí "đặc uỷ" thấy vì nhu cầu an ninh nên có lệnh yêu cầu "đồng chí" phải chuyển chỗ ở ngay bây giờ.

Tôi giật mình vì hai tiếng "đồng chí" Trung gọi tôi. Tôi chẳng ưa gì hai tiếng này, cho dù nó chỉ có nghĩa chỉ những người cùng chung chí hướng. Trước 1930, từ "đồng chí" được dùng rộng rãi để chỉ những Việt yêu nước đấu tranh chống thực dân Pháp, nhưng từ 1930 trở về sau, vì người cộng sản Việt Nam đã sử dụng nó quá nhiều, khiến hai chữ "đồng chí" bị cộng sản hóa, làm cho nhiều người thấy dị ứng với nó. Nhưng trong hoàn cảnh của tôi lúc đó, khi nghe Trung gọi tôi là "đồng chí" tôi rất mừng, vì điều ấy chứng tỏ, giới chức hữu trách của Trung Cộng đã không còn coi tôi là gián điệp của cộng sản Việt Nam, ít nhất là bề ngoài. Tôi cũng biết rằng, bản thân Trung thông ngôn không phải là người có thẩm quyền được dùng hai chữ "đồng chí" khi gọi tôi, mà phải có sự chấp thuận của những cán bộ Trung Cộng cao cấp hiện diện. Khi nghe gọi "đồng chí", tôi nhớ ngay buổi tối đầu tiên bước vô đồn công an, cán bộ Ngô cũng đã gọi tôi là "đồng chí" khi gọi cho tôi tồ hủ tiếu...

Vì tôi chẳng có đồ đạc, quần áo gì, nên ngay sau khi nghe Trung nói vậy, tôi đứng dậy theo mấy người công an đi ra ngoài. Ra đến sân đồn công an, tôi thấy có hai chiếc comangca đậu sẵn. Một người công an chỉ cho tôi lên ngồi ở băng sau của chiếc xe đậu phía sau. Lần này, tôi không bị còng tay, cũng không bị bịt mắt. Mọi người trong xe nói chuyện âm ỉ, thái độ vui vẻ. Trong số 5 người cán bộ, chỉ có một người lên chung xe với tôi, ngồi ở ghế trước, bên tay phải của tài xế. Còn lại, lên chiếc xe phía trước.

Xe chạy vòng vèo trong thị trấn Đông Hưng mà ấn tượng duy nhất trong đầu óc tôi là đường rất xóc vì đường phố Đông Hưng không trải nhựa mà lát bằng những phiến đá tảng to, đủ hình dạng khác nhau. Nhà cửa trong thị trấn Đông Hưng phần lớn đều làm bằng gỗ, hai tầng, liền san sát. Người Trung Quốc, đúng là "muôn người như một", đàn bà, đàn ông đều ăn mặc giống nhau, áo quần cùng màu xanh nước biển đậm, cũ kỹ, bạc màu và ngắn cũn cỡn. Đàn ông, ai cũng cắt tóc cao; đàn bà con gái ai cũng kết tóc đuôi sam thành hai sợi vắt vẻo hai bên vai. Cả đàn ông, đàn bà đều mặc quần cộc trên mắt cá cả gang tay và đi vớ vĩa như chạy.

Xe chạy khoảng 10 phút thì dừng lại. Tôi bước xuống xe và nhìn thấy trước mắt là một tòa nhà bê tông nhiều tầng, bề thế, giống như một chung cư. Ngay phía ngoài có một tấm biển bằng gỗ thật lớn màu vàng, trên có mấy chữ Tàu màu đỏ, thiết to. Sau này tôi mới biết đó là chữ Hồng Kỳ Chiêu Đãi Trạm.

Bước qua hai chiếc cửa gỗ to lớn và nặng nề, tôi thấy ngay căn phòng đầu tiên ở bên tay trái có một chiếc bàn dài, trải khăn bàn màu trắng, chung quanh có hơn chục chiếc ghế, trong đó có nhiều chiếc đã có người ngồi. Tất cả đều có dáng vóc bệ vệ, mặt mũi đều hồng hào, quần áo đất tiền. Cuối bàn là một người cũng mặc áo công an đại cán (4 túi), nhưng gương mặt quen quen, nhìn tôi mỉm cười. Trong nhất thời, tôi chưa nhận ra ông. Một người công an kéo chiếc ghế ở đầu bàn bên này, ra dấu cho tôi ngồi xuống... Tôi ngồi xuống trong sự rụt rè, bỡ ngỡ, nhưng trong lòng rất vui vì tất cả có những dấu hiệu cho tôi thấy tôi đang gặp may mắn. Nhưng may mắn đến mức nào và may mắn như thế nào thì tôi chưa đoán ra được...

## KỶ 97

Tôi vừa ngồi xuống ghế, thì một người ngồi ở ghế giữa dãy ghế bên tay phải của tôi đứng dậy. Ông này cao lớn, da dẻ hồng hào, dù tóc đã bạc. Khác hẳn những người khác đều mặc áo công an, màu xanh lá cây, ông mặc bộ quần áo đại cán bằng nỉ màu cứt ngựa. Cầm trên tay lá thư của tôi, ông gạt đầu về phía người ngồi cuối bàn, đối diện với tôi. Khi người đó đứng dậy, tôi nhận ra ngay ông là cán bộ Ngô, người đã vui vẻ tiếp đón tôi và gọi tôi là "đồng chí" ngay khi tôi bước vào đồn công an Trung Cộng chiều tối hôm 1 tháng 10.

Ông tóc bạc nói tiếng Hoa vài câu rồi dừng lại để cán bộ Ngô dịch sang tiếng Việt cho tôi nghe. Đầu tiên, ông nói ngắn gọn về việc nhận đơn xin tỵ nạn chính trị của tôi, cùng hoàn cảnh tôi đã trải qua trên đường vượt biên. Riêng câu tôi viết, thà chết trong tay những người tôi coi là bạn còn hơn chết trong tay những người tôi coi là thù, ông đã đọc nguyên văn, và ngay khi ông đọc xong, mọi người vỗ tay vang dội làm tôi rất phấn khởi. Sau đó, ông tóc bạc nói:

- Thay mặt Hoa Chủ tịch và giới chức thẩm quyền địa phương hôm nay chúng tôi tạm thời chấp thuận đơn xin tỵ nạn chính trị của "đồng chí" Phạm. Chúng tôi nói tạm thời là vì chúng tôi còn phải tiếp tục điều tra xem "đồng chí" có phải là tỵ nạn chính trị thật không. Nếu không phải, "đồng chí" phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, và chúng tôi sẽ có biện pháp trừng trị thích đáng.

Nghe cán bộ Ngô dịch xong, tôi mừng quá, đứng dậy, định nói mấy lời, nhưng cán bộ tóc bạc, dơ tay ngăn tôi lại, và ra dấu bảo tôi ngồi xuống. Ông nói tiếp:

- Trong tư cách tỵ nạn chính trị, "đồng chí" được hưởng tiêu chuẩn "trung táo" tại chiêu đãi trạm Hồng Kỳ, có phòng ngủ riêng, có người nấu ăn riêng, quần áo có người giặt giũ. "Đồng chí" cũng được quyền tự do đi lại trong thành phố Đông Hưng. Nhưng vì đây là cửa khẩu tiếp giáp với Việt Nam, có nhiều gián điệp của cộng sản Việt Nam trà trộn, nên vì an ninh của "đồng chí", mỗi khi đi đâu, "đồng chí" phải có bản phận báo cáo với đồng chí Ngô.

Sau đó, cán bộ Ngô hỏi tôi có thắc mắc hay muốn đề nghị gì không. Tôi đứng dậy nói mấy lời cảm ơn trong sự xúc động thực sự của mình. Vẫn biết, Trung Cộng cũng là cộng sản, là nguyên nhân gián tiếp hoặc trực tiếp của không biết bao nhiêu đau khổ cho dân tộc Việt Nam, nhưng lúc đó, tôi thấy biết ơn họ vô cùng. Tôi cũng cam đoan với họ những gì tôi khai báo là đúng sự thực, và đề nghị chính phủ Trung Cộng giúp đỡ cho tôi được đoàn tụ với gia đình ở Úc càng sớm càng tốt. Tôi phải nhấn mạnh điểm này để đánh tan trong đầu óc của họ những nghi ngờ cho rằng tôi là gián điệp của Việt Cộng được cài vô Trung Quốc hoạt động.

Sau khi tôi nói xong, mọi người đều đứng dậy bắt tay tôi và nói xì xồ tiếng Hoa với tôi. Còn tôi, tôi chỉ nói được có hai tiếng "tổ chề" (cảm ơn). Tuy vậy, mọi người xem ra đều vui vẻ thực tình. Khi mọi người đi hết, cán bộ Ngô chỉ vào đồng quần áo, giày dép, bàn chải đánh răng.... trên bàn và cho tôi biết, tất cả là của chiêu đãi trạm phân phát cho tôi. Ôm đồm tất cả mọi thứ, tôi đi theo cán bộ Ngô và một nhân viên của chiêu đãi trạm leo lên lầu, vô một căn phòng có cửa sổ trông ngay xuống nhà bếp. Đồ đạc trong phòng rất đơn giản, chỉ có một chiếc giường đơn, một chiếc tủ đựng quần áo, một chiếc bàn nhỏ, trên có bình thủy, ấm trà và một chiếc tách. Trên giường trải chiếu và có một chiếc gối. Một bóng đèn điện lủng lẳng ngay giữa phòng, cách đầu tôi khoảng một thước. Tuy mang tiếng là phòng riêng, nhưng giữa các phòng chỉ có những tấm vách ngăn cao khoảng hai thước rưỡi, còn phía trên các phòng đều thông tuông, cùng trông thấy nóc nhà.

Cán bộ Ngô ân cần bảo tôi:

- "Đồng chí" được hưởng tiêu chuẩn "trung táo" là 1 đồng rưỡi (hay 2 đồng rưỡi, lâu ngày tôi không nhớ) một ngày. Tiêu chuẩn này dành riêng cho những Hoa kiều về nước có giấy chiếu khán nhập cảnh của tòa đại sứ Trung Quốc ở Hà Nội. Còn tất cả những Hoa kiều về nước khác chỉ được hưởng tiêu chuẩn "đại táo". Họ không được ở khách sạn, phải ăn cơm tập trung. Như vậy đủ thấy đảng và nhà nước đã quan tâm đến "đồng chí" như thế nào. Bây giờ đồng chí cần gì thì nói với đồng chí X (tôi không nhớ tên). Những gì trong phạm trù quy định, đồng chí X sẽ giải quyết. Còn không, đồng chí X sẽ đề đạt lên tôi giải quyết. Tôi vội vã hỏi:

- Thưa cán bộ, tôi cần ít giấy bút để viết thư cho gia đình ở ngoại quốc.

Cán bộ Ngô gật đầu:

- Đồng chí X sẽ mang giấy bút ngay cho "đồng chí". Cũng báo để đồng chí biết, với tiêu chuẩn "trung táo", "đồng chí" được lãnh mỗi tháng 15 đồng tiêu vật. Ngoài ra, đồng chí X cũng sẽ trao cho "đồng chí" một bản nội quy của chiêu đãi trạm... "Đồng chí" cố gắng thi hành thật tốt...

Sau khi cán bộ Ngô đi khỏi, cán bộ X mang giấy bút cho tôi. X cũng là người Việt gốc Hoa, nói tiếng Việt rất sõi nên vừa là thông ngôn, vừa là nhân viên an ninh có trách nhiệm bảo vệ (hay nói đúng hơn là theo dõi) tôi.

Chiều hôm đó, tôi cặm cụi viết hơn chục lá thư gửi cho những người thân ở Úc, Mỹ và Việt Nam. Riêng những thư gửi về Việt Nam, tôi phải gửi qua Úc, Mỹ, và nhờ người thân ở đó chuyển về. Khi đi gửi thư, tôi tế nhị trao cho cán bộ X, đĩnh ninh ông này sẽ giữ lại để kiểm duyệt trước khi gửi. Không ngờ, X đưa tiền cho tôi và chỉ đường ra bưu điện để tôi tự gửi. Tôi không biết như vậy, bưu điện sẽ có biện pháp kiểm duyệt thư của tôi, hay quả thực, Trung Cộng đã cho phép tôi được tự do thư tín?

Chiều hôm đó, tôi được ăn bữa cơm "trung táo" đầu tiên trong cuộc đời. Ngày xưa khi đi bộ đội, tôi vẫn nghe đến mấy chữ "tiểu táo, trung táo, đại táo", nhưng không bao giờ nghĩ là sẽ có ngày được ăn tiêu chuẩn "trung táo", nhất là được ăn trên đất Trung Cộng.

Vì tôi chỉ có một mình, nên nhà bếp dọn cho tôi một mâm riêng. Bữa cơm "trung táo" khá thịnh soạn, có 5 món, đủ cả thịt cá, rau canh, và trái cây tráng miệng. Các món ăn làm rất ngon, lạ miệng nhưng vì thiếu nước mắm nên giảm ngon phân nửa. Thì ra, người Hoa quen chấm xì dầu, ít dùng nước mắm. Mấy ngày sau, quen biết với các chị nấu bếp, thấy các chị rất dễ dãi và hiền lành, tôi hỏi xin "mắm sủi" (nước mắm), các chị liền mua riêng cho tôi một chai nước mắm. Từ đó, biết tôi thích ăn nước mắm, bữa cơm nào các chị cũng cho một chén trong đó có chút nước mắm để chấm.

Thời gian này tôi cũng bắt đầu bập bẹ học tiếng Hoa. Vì học hành không trường lớp, nên có nhiều chuyện tức cười. Một trong những chuyện đến nay tôi vẫn còn nhớ là chuyện "chí nhục ngạo ngỗ". Khi ở chiêu đãi trạm, những từ ngữ tiếng Hoa đầu tiên tôi được các chị nấu bếp dạy là các món ăn, trong đó có chữ "chí nhục" là thịt heo. Còn chữ "ngạo" là cắn, "ngỗ" là tôi, thì tôi đã biết lồm bồm từ trước. Một ngày nọ, đến

chơi một gia đình người Hoa ở ngay cạnh bến xe Đông Hưng. Vì người Hoa ở đây có thói quen nuôi heo thả rông trong nhà như nuôi chó, nên có một con heo chạy xông xộc lại cắn tôi. Tôi giật mình vội la lên, "chí nhục gạo ngô!" khiến mọi người trong nhà cười ò thích thú. Sau đó, mọi người mới giải thích cho tôi hiểu, nói "chí gạo ngô" là heo cắn tôi, còn nói "chí nhục gạo ngô" là sai vì làm sao "thịt heo" lại biết cắn người được.

Đông Hưng là một thị trấn nhỏ, nhưng vì nằm ngay bên bờ sông Ka Long là biên giới tự nhiên giữa hai nước Việt Hoa, nên buôn bán sầm uất, cửa hàng, cửa tiệm san sát. Mỗi tuần có hai phiên chợ, dân chúng từ khắp các vùng quê lân cận đổ về đông như kiến, chen chúc mua bán đủ các mặt hàng nông lâm thổ sản, trong đó có những thứ lạ lùng, chúng tôi chưa từng nghe thấy bao giờ.

Mức sống của người dân Trung Cộng tại Đông Hưng cũng nghèo túng, nhưng khá hơn người dân Miền Bắc Việt Nam rất nhiều. Nhìn chung, họ được ăn no, mặc ấm, nhưng rất hiếm các mặt hàng tiêu dùng, các sản phẩm kỹ nghệ. Cả thị trấn có một cửa hàng bách hóa tổng hợp tương đối lớn, nhưng hầu hết các mặt hàng chỉ để trưng làm mẫu chứ không bán. Ngoài ra, một tiệm sách và một rạp chiếu phim chỉ bán sách và chiếu phim tuyên truyền của Trung Cộng. Sau này, khi chuyển về Phòng Thành, tôi mới được xem một số phim của Ấn Độ và một phim của Mỹ có phụ đề tiếng Hoa.

Người Hoa ở vùng Đông Hưng, Phòng Thành rất thật thà, chất phác, tốt bụng và lạc hậu. Ngoại trừ những người dân sống ở ngay thị trấn Đông Hưng, Phòng Thành, còn dân chúng ở quê sống trong tăm tối, xa cách với mọi tiện nghi văn minh như điện nước, thậm chí có những người cả đời không hề biết chụp hình, ăn phở là gì.

Suốt thời gian ở chiêu đãi trạm Hồng Kỳ, cán bộ Ngô rất tận tình giúp đỡ tôi. Ông rất hiền lành và tốt bụng, thường xuyên chỉ bảo tôi mọi chuyện và bất cứ khi nào tôi cần cái gì, hỏi ông, ông đều cố gắng giải quyết. Vì vậy, tôi rất có cảm tình với ông, coi ông như một ân nhân. Mãi sau này, gặp ba của Liên, tôi mới biết, ông là đại tá tình báo của công an Trung Cộng, nói thông thạo 5 ngôn ngữ, kể cả tiếng Anh.

Hôm đó là ngày có chợ phiên. Tôi đang dạo phố ở Đông Hưng, tình cờ tôi gặp lại cô Liên cùng đi với ba má. Chắc quý độc giả còn nhớ Liên là cô bé đã cho tôi đi nhờ xe đạp vô thị xã Móng Cái trước đây. Hôm đó, chia tay ở tiệm ăn, cả hai đều chúc tụng và hẹn hò sẽ gặp lại nhau ở Trung Quốc. Lúc ấy hẹn hò vậy cho vui, chứ đâu có ngờ, bây giờ chúng tôi gặp lại nhau thật.

Gặp tôi, Liên rất hồn nhiên, vui vẻ, hai má ửng hồng, mắt sáng long lanh, trông rất dễ thương. Bố Liên tên là Phùng, khoảng ngoài 50, thân hình cao to, hai bàn tay như hai chiếc quạt, gương mặt xương, dài như mặt ngựa, lại rỗ huê, nhưng có bộ râu quai nón trông rất oai hùng và cặp lông mày chổi xể hung tợn, bất cứ ai chỉ nhìn một lần là nhớ suốt đời. Sau này, ở Cabramatta tôi có gặp một ông người Hoa cũng có lông mày y hệt như vậy, khiến tôi ngạc nhiên, cứ nhìn ông chăm chăm... nhưng cho tôi miễn nói tên của ông ở đây.

Mẹ của Liên, tên là Hoa, thì nhỏ nhắn, óng ả, dịu dàng, với mái tóc dài buông xõa, khác hẳn những người phụ nữ Trung Hoa kết tóc đuôi sam. Khí hậu lúc đó khá lạnh, nên bà mặc áo bông dày sụ, nhưng bà cao phải thước sáu hoặc hơn, nên trông vẫn thấy nét duyên dáng đài các. Tôi thấy người phụ nữ như bà thật hiếm có trong xã hội "phụ nữ ba đảm đang" phải làm việc như trâu ở Miền Bắc. Về sau tôi mới biết, bà là con gái út của ông Tổng Lâm, người giàu có nổi tiếng nhất nhì ở tỉnh Bắc Ninh thời Pháp.

Nghe Liên giới thiệu tôi là người Việt gốc Hoa nhưng không biết nói tiếng Hoa, tôi ngỡ ngàng quá vội nói:

- Thú thật với anh, tôi là người Việt trăm phần trăm... Nhưng vì lúc đó ở Móng Cái...

Tôi đang lúng túng tìm cách nói thực hoàn cảnh của mình thì ông Phùng cười ha hả, đưa bàn tay khổng lồ của ông vỗ vỗ vai tôi, nói một cách hào sảng:

- Nhảm nhảm gì ba chuyện lẻ tẻ đó... Chú mày khỏi thanh minh thanh nga. Thời buổi loạn ly, lang sói ở khắp mọi nơi, ai mà chả phải nói dối... Đi, đi... đi nhập thịt chó với anh mày một bữa...

Rồi chẳng cần biết tôi có đồng ý hay không, miệng ông nói, tay ông đẩy tôi đi về phía trước... Thấy thái độ thân thiện, cởi mở của ông, tôi không nỡ chối từ, vội đi theo ông.

Tại Đông Hưng, thịt chó là món ăn được bày bán rất phổ biến. Những quán bán thịt chó xuất hiện nhan nhản dọc theo các căn phố. Quán không hề có biển, có chữ gì, chỉ có một hai con chó da trắng hếu, treo lủng lẳng trước cửa là đủ thu hút khách. Nhất là vào những ngày có chợ phiên thì những quán bán thịt chó xuất hiện càng nhiều. Đi khoảng vài chục thước là có một quán bán ngay bên đường, mùi thịt nướng, mùi rựa mặn thơm lừng không gian. Những quán bán bên vệ đường này chỉ có ba, bốn chiếc ghế đầu nhỏ, cao hơn gang tay, nên phần đông thực khách đều đứng hoặc ngồi xôm chung quanh, ăn uống xỉ xụp, rất tự nhiên, bất kể người qua lại, bụi bặm, ruồi muỗi...

Đi qua nhiều quán thịt chó, ông Phùng đều lắc đầu tỏ ý chê, mà tôi không biết ông chê cái gì. Có điều, tôi ngạc nhiên khi thấy có rất nhiều ở chợ quen biết ông, chào hỏi ông vồn vã. Có người gặp ông thì ôm hôn thắm thiết, có người ông bắt tay, có người ông vỗ vai bôm bốp, có người ông chỉ hừ hừ trong cổ họng, tay phải nhẹ rồi đi.

Đi hết khu phố chợ, quẹo vô con đường nhỏ dẫn đến bờ sông Ka Long, chúng tôi bước vô một tiệm ăn nhỏ, từ ngoài vào trong đều trần thiết bằng gỗ đen như mun. Chủ quán là một người Hoa mình ve xác hạc, nhưng cao lênh khênh, đầu đội một cái mũ nhỏ xíu dính sát da đầu, trông rất dị tởm. Thấy ông Phùng, ông không chào hỏi gì, chỉ quay lưng dắt hai người chúng tôi vô một chiếc phòng nhỏ, có cửa sổ trông xuống ngay sông Ka Long. Vì lúc trước, vợ ông Phùng và Liên đã đi chợ, nên bây giờ chỉ có ông Phùng và tôi ngồi nhậu...

## KỶ 98

Trong phòng ăn nhỏ chỉ kê có một chiếc bàn, mấy chiếc ghế và một lò than hồng khá lớn đặt ngay giữa phòng. Nhờ có lò than, nên không khí trong phòng ấm cúng, mặc dù gió sông lộng thổi và trời đã vào đông. Ngồi trong quán, nhìn ra mặt sông, thấy sương mù lãng đãng, và những chiếc thuyền đánh cá hiện ra khi tỏ khi mờ giữa biển sương mù, trông thật thơ mộng, thoát tục. Bên kia sông, thị trấn Móng Cái hiện ra trong vẻ tịch mịch, xa xăm, lạ lùng và hiện lạnh làm sao. Vậy mà đằng sau vẻ hiện lạnh vô hại đó, không biết bao nhiêu bi kịch đã xảy ra, bao nhiêu người đã chết trong âm thầm, bao nhiêu gia đình đã phải ly tán... Ngay cả bản thân tôi cũng đã từng có những giờ phút kinh hoàng tưởng chết trong thị trấn đó. Bây giờ nghĩ lại, chuyện mới xảy ra ngày hôm qua hôm kia, mà sao tưởng chừng như trong mơ...

Có lẽ ông Phùng là khách quen thuộc của quán, nên chẳng thấy ông gọi đồ ăn gì, vậy mà một lát sau, đã thấy một cậu bé tuổi khoảng 15, 16, đầu húi cua, mày thanh mắt sáng, da trắng trẻo, bụng lên một mâm mấy món nhậu nóng hổi, khói bốc nghi ngút. Cậu bé lặng lẽ đặt các món ăn lên bàn, rồi cúi gập người chào ông Phùng, sau đó quay sang tôi, cậu cũng cúi gập người chào, rất lễ độ. Lão Phùng cười ha hả, rồi kéo cậu bé vào lòng thì thầm chuyện gì đó, tôi nghe lôm bôm nhưng không hiểu. Cậu bé bẽn lẽn lắc đầu, mặt đỏ ửng, liếc mắt nhìn tôi, trông thiệt đáng yêu...

Khi cậu bé đi khỏi, ông lão chủ quán xuất hiện tay ôm bình rượu quán lá chuối, mấy chiếc ly đá và một gói rau thơm đủ loại. Lão lặng lẽ đặt các thứ lên bàn rồi cúi đầu chào ông Phùng nhưng miệng không thốt một lời, trước khi lão quay gót. Chờ lão đi khỏi, ông Phùng nói:

- Lão A Thoòng này bị cầm tù khi mấy vợ con lão chết đuối?

Tôi ngạc nhiên:

- Chết đuối cả mấy vợ con?

Ông Phùng gật đầu:

- Cả vợ và 3 đứa con. Chết ngay trên dòng sông Ka Long này. Trước nhà của lão ở bên Móng Cái. Ngày xưa lão đi lính cho Pháp đóng đến quan hai, quan ba gì đó, nên từ sau năm 1954, lão bị nhà nước Việt Nam bắt đi tù trước sau tới mười lần. Lần nào lâu thì một hai năm, ngắn thì vài tháng. Vì thế lão hận cộng sản Việt Nam lắm...

Chỉ tay vào bình rượu ngâm rắn, ông Phùng nói:

- Cái loại tam xà tửu này của A Thoòng nổi tiếng từ Trà Cổ đến Hải Phòng, vì uống nhiều uống ít đều không sao. Tam xà tửu của thiên hạ thì chỉ uống một chén hạt mít là đủ. Uống nhiều sẽ ngộ độc. Còn của A Thoòng thì uống đến say cũng chẳng bị hành hạ gì cả. Thế mới lạ...

Về khoản rượu tôi không rành, nên ngồi im nghe ông Phùng nói. Nhậu nhết lai rai được vài ly, ông Phùng hỏi chuyện tôi vượt biên như thế nào. Tôi kể lại đầu đuôi cho ông nghe. Nghe xong, ông hỏi:

- Chú mày có biết cán bộ Ngô là người thế nào không?

Tôi thưa không biết rõ. Ông Phùng gật đầu tiếp:

- Tay đó là một sĩ quan tình báo cao cấp của Trung Cộng, cấp bậc đại tá. Y có trách nhiệm tiếp xúc, thẩm tra, theo dõi, báo cáo tất cả những Hoa kiều về nước có hành tung khả nghi. Hoa kiều về nước đi "nông xường" (nông trường) hay được ở lại thành phố làm ăn là do y quyết định hết.

Tôi ngạc nhiên:

- Nhưng tôi thấy ông ta đối xử rất tốt với tôi.

Ông Phùng gật đầu:

- Chuyện đó anh biết, anh biết. Nhưng chú mày phải hiểu cư xử tốt của một viên đại tá tình báo Trung Cộng không thể nào xuất phát từ tình người thuần túy. Hấn đối tốt với chú mày là để khai thác tin tức và sử dụng khi cần.

Tôi ngẫm nghĩ lời ông nói và thấy ông nói đúng. Tuy nhiên, tôi nghĩ mình thì có gì để cho họ khai thác hoặc sử dụng? Tôi chưa kịp nói ý nghĩ này của mình thì ông Phùng đã tiếp, như đi guốc trong bụng tôi:

- Chú mày tưởng chú mày chỉ là một người Việt vượt biên quèn nên không có gì để cho họ khai thác, sử dụng hay sao? Lầm, chú mày lầm. Trong tình thế căng thẳng giữa hai quốc gia hiện nay, nhà nước Trung Cộng rất cần những người Việt thuần túy như chú mày.

Tôi ngạc nhiên:

- Ủa, Trung Cộng cần những người như tôi để làm gì?

- Để làm gì hả? Để đưa chú mày lên đài phát thanh phát biểu, phản tuyên truyền; hay cho chú mày vô lính, phát động một cuộc chiến tranh trừng phạt cộng sản Việt Nam. Chú mày phải biết, những người Việt gốc Hoa như tụi tao hay những người lính Trung Cộng mà có lên tiếng chửi nhà nước Việt Nam thì nghe đâu có đả bằng chính những người Việt 100% như chú mày chửi.

Tôi đồng ý:

- Ông nói như vậy cũng đúng. Nhưng còn chuyện chiến tranh, ông nghĩ Trung Cộng liệu có đánh cộng sản Việt Nam không?

Ông Phùng nốc cạn ly rượu, không biết đó là ly thứ mấy, rồi xuống giọng thì thầm:

- Chuyện đó tao bảo đảm với chú mày sẽ xảy ra. Thằng bé con tính đánh thằng khổng lồ thì cùng bắt đắc dĩ mới phải đánh. Còn thằng khổng lồ như thằng Trung Cộng mà đánh thằng tí hon Việt Cộng, thì đánh lúc nào chả được. Nhất là cả hai thằng đều du côn du kê, ít học và man rợ như nhau. Chú mày cứ tin tao nói đi, sớm muộn gì Trung Cộng cũng đánh Việt Cộng. Và khi đó, những người như chú mày là nhà nước Trung Cộng rất cần trong đoàn quân chinh phạt Việt Cộng...

Tôi ngao ngán lắc đầu:

- Thưa ông, tôi vượt biên tỵ nạn để tìm tự do chứ không phải để cõng rắn cắn gà nhà.

Ông Phùng gật đầu:

- Tao đồng ý với chú mày điều đó. Nhưng chú mày đến Trung Quốc rồi thì chú mày phải ở lại đây, chứ chú mày tính đi đâu?

- Tôi chỉ ở Trung Quốc tạm thời vài tháng, rồi tôi sẽ đoàn tụ với gia đình ở Úc, Mỹ...

Ông Phùng cười hô hố:

- Ha... ha... Chuyện đoàn tụ gia đình của chú mày còn khuya. Ngay cả người Trung Quốc có thân nhân ở ngoại quốc bảo lãnh mà còn phải dài cổ chờ 5, 10 năm, thì chú mày đủ hiểu những người như chú mày sẽ phải chờ đợi bao lâu.

Tôi ngạc nhiên không tin:

- Chờ đợi 5, 10 năm?

Ông Phùng gật đầu quả quyết:

- Đúng như vậy. Chú mày không tin sao? Chính gia đình ông bác của anh mày (ông vừa nói vừa vỗ vào ngực bành bạch) có bố mẹ ruột ở bên Anh mà lo bảo lãnh suốt cả 7 năm trời nay vẫn chưa xong...

- Ủa tôi tưởng ông là người Hoa sống ở Móng Cái?

- Anh nói với chú em anh sống ở Móng Cái hồi nào? Anh chỉ đi lại buôn bán ở bên đó thôi. Gia đình anh ở Hải Phòng. Nhưng anh buôn bán ở Đông Hưng, Phòng Thành, Móng Cái. Mẹ của con Liên mà chú em gặp đó là vợ thứ tư của anh đó. Bà là người Việt hoàn toàn. Còn ba mẹ vợ khác của anh đều là người Hoa... Thì ra là vậy. Hèn chị, tôi thấy vợ chồng của ông có vẻ gì là lạ. Hai người đã có con 15, 16 tuổi mà trông vẫn đầu mày cuối mắt, tình tứ nồng đượm tựa như mới cưới...

Ông Phùng nói tiếp:

- Chú mày đã đến Trung Quốc thì cứ yên tâm ở lại đây cỡ 10 năm là ít, rồi mới tính đến chuyện đi ra nước ngoài, đoàn tụ gia đình. Vì tiêu chuẩn đầu tiên để chú mày có thể đoàn tụ gia đình là chú mày phải là công dân của nước Trung Quốc. Không là công dân Trung Quốc thì lấy tư cách gì để Trung Quốc cấp giấy xuất cảnh cho chú mày?

Tôi lắc đầu:

- Ông nói vậy nghe có lý, nhưng tôi đến Trung Quốc là xin tỵ nạn chính trị chứ không phải xin định cư ở Trung Quốc.

Ông Phùng gật đầu:

- Rồi, chú mày xin tỵ nạn ở Trung Quốc, có đúng không nào? Vậy nếu Trung Quốc chấp nhận, thì Trung Quốc phải có bốn phận cho chú mày định cư ở Trung Quốc, nhập tịch Trung Quốc. Sau khi có quốc tịch Trung Quốc, chú mày mới liên lạc với thân nhân ở ngoại quốc để họ bảo lãnh đoàn tụ. Đó, mọi việc phải tiến hành trình tự theo đúng luật pháp như vậy...

Tôi ngạc nhiên, nhưng phải thú nhận những gì ông Phùng nói là có lý. Tôi hỏi:

- Ông làm gì ở Trung Quốc mà biết rõ như vậy?

Ông Phùng cười:

- Thì anh đã nói là anh đi buôn bán làm ăn mà. Chắc chú em thấy anh ăn mặc lam lũ nên nghĩ anh là dân vô học? Nói thực, anh mày là dân vô học thực, nhưng ông anh con ông bác của anh hiện làm ở sở ngoại kiều Phòng Thành...

- Làm ở sở ngoại kiều mà ông ta không lo được cho mình đoàn tụ với gia đình ở bên Anh?

Ông Phùng vỗ hai bàn tay đánh đốp một cái, nghe to như tiếng pháo, làm tôi giật mình. Ông nói:

- Thì chính hần còn khó khăn như vậy, nói chi chú mày.

Tôi thối mồm:

- Còn nếu Trung Quốc không chấp nhận cho tôi tỵ nạn chính trị thì sao?

- Nếu vậy thì Trung Quốc có quyền trục xuất chú mày, và chú mày phải rời Trung Quốc trong một thời hạn nhất định. Khi đó, nếu có quốc gia nào nhận cho chú mày nhập cảnh thì chú mày tới quốc gia đó. Còn không, thì chú mày sẽ bị giải giao cho Việt Cộng.

Tôi bản thân cả người. Nếu đúng như lời ông Phùng nói, tôi phải ở lại Trung Cộng cả chục năm nữa hay sao? Tôi hỏi tiếp:

- Tại sao những người tỵ nạn đến các quốc gia như Hồng Kông, Mã Lai, Thái Lan, Nam Dương... thì họ được gia đình bảo lãnh, đoàn tụ nhanh chóng là thế nào?

Ông Phùng cười ha hả:

- Chú mày phải hiểu, những nơi đó khác, còn Trung Quốc khác. Những nơi đó được LHQ công nhận là những đệ nhị quốc gia, có trách nhiệm tiếp nhận người tỵ nạn đến tự đệ nhất quốc gia là Việt Nam, để rồi chuyển tiếp những người tỵ nạn đó đến định cư tại các quốc gia đệ tam. Còn Trung Quốc thì không được hưởng tiêu chuẩn là đệ nhị quốc gia, mà phải là đệ tam quốc gia, có nghĩa là Trung Quốc không có quyền chuyển tiếp người tỵ nạn mà phải định cư người tỵ nạn...

- Như vậy có nghĩa tôi không thể được định cư ở Úc, Mỹ như là những người tỵ nạn chính trị.

Ông Phùng lắc đầu:

- Không, không tài nào được, nếu chú em từ Trung Quốc đến Mỹ, Úc. Nếu chú em muốn định cư ở Mỹ, Úc như là những tỵ nạn chính trị, thì trước hết, chú mày phải đến những quốc gia đó hoặc đến các tòa đại sứ, lãnh sự của họ để xin tỵ nạn. Còn đây là lãnh thổ của Trung Quốc, và như chú mày đã nói đó, chú mày viết đơn cho ông Hoa Quốc Phong, xin được tỵ nạn chính trị tại Trung Quốc thì Trung Quốc lấy tư cách gì cho chú mày sang định cư ở Mỹ, Úc.

Tôi tuyệt vọng:

- Như vậy là không còn cách nào ngoài cách chờ 10 năm?

Ông Phùng trầm ngâm rồi gật đầu:

- 10 năm hoặc hơn.

Tôi thở dài không nói và chán nản chẳng buồn nhắc chén dĩa. Ông Phùng nhìn tôi một lúc, rồi tiếp:

- Dĩ nhiên là còn một cách khác...

Tôi nhìn ông chờ đợi. Ông nhìn tôi và nói chậm rãi:

- Chú em phải trốn sang Hồng Kông.

Tôi thảng thốt:

- Trốn sang Hồng Kông?

Ông Phùng gật đầu:

- Trốn sang Hồng Kông, khai mình là người tỵ nạn đi từ Việt Nam. Khi đó, chính quyền Hồng Kông sẽ chấp nhận cho chú em vô trại tỵ nạn chờ đi định cư ở Mỹ, Úc, đoàn tụ với gia đình.

Tôi thấy có tia hy vọng, dù là rất mong manh:

- Mà làm cách nào để có thể trốn đi Hồng Kông?

Ông Phùng nghiêng bình tam xà tửu. Tửu lượng của ông thật khủng khiếp. Cả bình rượu gần hai lít, tôi chỉ uống có ba, bốn ly là cùng, còn ông uống liên tục, nay đã gần cạn. Ngửa cổ uống hết ly rượu một hơi, ông nói:

- Từ Việt Nam sang đến đây khó khăn là thế mà chú mày còn đi được, thì từ đây đi Hồng Kông đâu có khó khăn gì. Hoa kiều ở đây họ đi rần rần, bộ chú mày không biết chuyện đó sao?...

- Từ Việt Nam sang đây tuy khó khăn, nguy hiểm, nhưng tôi vẫn thoát được đến đây là nhờ cùng ngôn ngữ. Còn ở đây đi Hồng Kông đối với tôi khó khăn vô cùng, vì tôi không biết nói tiếng Hoa...

Ông Phùng gật đầu:

- Chú em nói điều đó có lý chứ không phải không. Nhưng bất đồng ngôn ngữ không phải là điều quan trọng cản trở chú em đi từ Bắc Hải đến Hồng Kông. Vì nếu chú mày lên Bắc Hải, chú mày sẽ thấy ở đó, người Hoa nói rất tiếng Việt không à.

Nghe ông Phùng nói vậy, tôi mừng quá, vội năn nỉ:

- Ông biết vậy, xin chỉ dùm tôi, tôi sẽ đội ơn ông vô cùng.

Ông Phùng xua tay:

- Không có ơn nghĩa gì cả. Anh hùng thấy người hoạn nạn là giúp, chớ ơn nghĩa gì mà chú em kể lể làm cho nó giảm hào khí giang hồ đi... Cứ từ từ, anh sẽ nói đường đi nước bước cho chú mày. Còn nghe hay không là tùy chú mày...

## KỶ 99

Khi ông Phùng dốc bình rượu rớt vừa được một ly cuối cùng, thì ông chủ quán A Thoàng bước vô, lạng lẽ đặt trên bàn bình rượu thứ hai, giống hệt bình rượu trước. Tôi ngạc nhiên, vì không thấy ông gọi thêm

rượu gì mà sao chủ quán biết mang rượu vô thật đúng lúc. Hiểu được sự ngạc nhiên của tôi, ông Phùng xoa tay:

- Ngạc nhiên hả? Chuyện nhỏ mà. Chú em đừng có tròn mắt ra nhìn như vậy. Anh của chú vô đây nhậu thường xuyên nên lão biết thói quen của anh, vậy thôi.

Châm thêm chút rượu vào chiếc ly còn trên lưng của tôi, ông dục tôi cạn ly. Tôi uể oải nhấp một chút rồi lo lắng chờ đợi. Ông Phùng ngửa cổ cạn ly, khà một tiếng khoái trá, rồi tiếp:

- Chú em biết không, trước đây ta đi buôn từ Việt Nam, suốt một đèo Hải Phòng, Tiên Yên, Móng Cái, qua đến Trung Quốc, từ Đông Hưng đến Phòng Thành, Bắc Hải, Quảng Châu, Hồng Kông... ta đi nhả cả.

Nhưng trong gần đó nơi, chú mày muốn đến Hồng Kông thì phải đến Bắc Hải, vì chỉ có Bắc Hải là nơi chú mày có thể đến được.

- Tại sao không đi thẳng Quảng Châu? Tôi nghe nói Quảng Châu ngay cạnh Hồng Kông...

Ông Phùng xoa xoa tay:

- Chú lặng im nghe ta nói. Về cái khoản đường xá ở Trung Quốc, chú em không biết tí ti gì. Còn ta thì cả một miền duyên hải từ đây lên Hồng Kông ta rất rành. Vì vậy, chú mày không biết thì hỏi, ta sẽ giảng giải cho mà nghe.

Tôi ngồi lặng im. Ông Phùng nhìn tôi một lúc rồi thông thả:

- Chú mày không thể đi Quảng Châu vì mấy lẽ. Cái thứ nhất là từ đây đi Quảng Châu cả mấy ngàn cây số, tiền bạc, xe cộ, ăn ngủ rất khó khăn, mà chú mày thì bắt đong về ngôn ngữ. Còn Bắc Hải thì từ đây đi chỉ bằng phần mười đường. Cái thứ hai là ở Bắc Hải có rất nhiều người Việt tỵ nạn tụ tập, trong đó hầu hết là người Việt gốc Hoa, và có cả người Việt thuần túy nữa.

Tôi ngạc nhiên:

- Ông nói ở Bắc Hải có cả người Việt?

Ông Phùng gật đầu:

- Người Việt trăm phần trăm. Họ là những người vượt biên đi từ Việt Nam đến Hồng Kông. Trên đường đi họ phải ghé vô Bắc Hải tránh bão, hoặc mua thêm lương thực, xăng nhớt... trước khi đi chặng chót thẳng tới Hồng Kông.

Tôi hỏi tiếp:

- Ông nói họ đi từ Việt Nam là từ những tỉnh nào?

- Đủ hết, Đà Nẵng, Nha Trang, ra đến Hải Phòng, Móng Cái, rồi cả Hà Nội nữa. Chú em biết không, anh nghe nói hiện ở Hồng Kông có cả mấy chiếc tàu sắt chở cả mấy ngàn người ở Hà Nội, Sài Gòn,... đang neo ở Hồng Kông, chờ chính phủ Hồng Kông cho phép vô trại tỵ nạn.

Tôi băn khoăn:

- Vậy chính phủ Trung Quốc chấp nhận cho thuyền bè tỵ nạn Việt Nam ghé Bắc Hải hay sao?

Ông Phùng gật đầu và giải thích:

- Chú em phải hiểu Trung Quốc vì bất đắc dĩ mà nhận mấy trăm ngàn người Việt gốc Hoa chứ trong thâm tâm, Trung Quốc không muốn tiếp nhận họ. Trung Quốc coi họ là dân có đầu óc tư bản đế quốc, ăn trắng mặc trơn quen rồi, nên nếu để họ ở Trung Quốc, họ lười lao động, như vậy sẽ nuôi ong tay áo, rất bất lợi cho xã hội. Vì thế, chính phủ Trung Quốc ngấm ngầm khuyến khích Hoa kiều cũng như người Việt gốc Hoa sau khi về Trung Quốc, nên tìm đường vượt biên sang Hồng Kông. Và Bắc Hải chính là cửa ngõ để người Hoa ở Trung Quốc có thể trà trộn trở thành người Việt tỵ nạn vượt biên sang Hồng Kông... Đó là lý do khiến Trung Quốc nhắm mắt làm ngơ cho thuyền bè người tỵ nạn Việt Nam ghé vô Bắc Hải.

Nói đến đó, ông Phùng bỗng hạ giọng:

- Nói thiệt cho chú em biết, chính quyền Trung Cộng không những cho phép thuyền nhân Việt Nam ghé Bắc Hải mà họ còn bí mật tiếp tế lương thực, xăng nhớt, và cho tàu, kéo thuyền của người tỵ nạn tới thẳng hải phận Hồng Kông nữa đó.

Sau buổi ăn nhậu và nghe ông Phùng nói chuyện, tôi thấy buồn vô hạn. Nhưng dù sao, lúc đó, tôi cũng còn bán tín bán nghi những điều ông ta nói. Sau này, khi nhận được những văn thư từ chối không cho nhập cảnh của chính phủ Úc, Mỹ, tôi mới thấy lời ông nói là chí lý. Tôi cũng rất ngạc nhiên không hiểu tại sao ông Phùng lại biết nhiều hiểu nhiều đến như vậy. Cho đến năm 2005, Liên ở Anh Quốc có tìm tôi qua internet và được một người Việt ở Sydney cho cô biết địa chỉ email của tôi. Khi liên lạc được với tôi, Liên cho biết, Liên có gia đình bà dì mở tiệm ăn ở ngay tiểu bang NSW, nên nhờ vậy tôi mới hiểu rõ hơn về ông Phùng và người vợ Việt Nam của ông. Nhưng đó là chuyện mấy chục năm sau này. Hôm đó, sau khi hàn huyên câu chuyện về thị trấn Bắc Hải, ông Phùng có mời tôi ghé lại trung tâm tạm cư của người Hoa hồi hương ở ngay Đông Hưng để gặp ông và hai mẹ con Liên. Lâu ngày tôi không còn nhớ tên trung tâm tạm cư này, nhưng đại khái, thời gian đó ở Đông Hưng, để tiếp nhận hàng chục ngàn người Hoa từ Việt Nam về, cho họ ở tạm trước khi phân loại đưa về nông trường, hoặc đi thành phố,... chính quyền Trung Quốc đã lập nên mấy trung tâm tạm cư ở ngay ngoại ô thị trấn Đông Hưng.

Khi tôi đến trung tâm hồi cư của người Hoa nơi có gia đình ông Phùng ở tạm, tôi thấy cả một biển người đông như kiến tụ tập quanh một vùng hoang vu, có hai, ba ngọn đồi và rừng cây lá thấp. Dưới chân những ngọn đồi này là những dòng suối quanh co trông rất thơ mộng. Nhưng lúc ấy, dọc theo dòng suối, trên những triền đồi thoải thoải, không biết bao nhiêu là lều, lán, tầng, võng, đủ loại, đủ kiểu, to nhỏ khác nhau. Cảnh nấu nướng, giặt giũ quần áo, người đi ngược, kẻ đi xuôi, huyền não âm ỉ cả một vùng.

Tôi đang bơ vơ, bỡ ngỡ không biết làm sao tìm được lều của ông Phùng thì bỗng nghe có người hát nhỏ nhỏ bài Hạ Trắng... Vừa ngạc nhiên vừa mừng, tôi đi lại phía căn lều có tiếng hát. Trời lúc đó đã mùa đông lạnh lẽo, thêm gió ở triền đồi thổi lồng lộng, khiến cái lạnh càng thêm tê tái... Nhìn vào lều, tôi thấy có có mấy người đang quây quần quanh đồng lửa, than đỏ hồng. Chỉ nhìn thoáng qua cách ăn mặc tôi cũng nhận ra có hai người từ Miền Nam, một người tuổi khoảng 50, thấp và nhỏ con, nét mặt xương, mắt to và sáng, tóc muối tiêu; một người tuổi khoảng 15, vóc dáng thư sinh, nước da trắng trẻo gò má ửng hồng, môi đỏ tựa thoa son, trông như con gái. Còn lại mấy người đang nói chuyện um xùm, nhưng nghe giọng, tôi biết ngay họ người Hải Phòng. Lui vào phía trong, cách biệt hẳn đám đông ồn ào bên ngoài là một người đàn ông, tuổi trạc 50, vận có một chiếc áo phong phanh, thái độ bất cần đời, nhưng đầy vẻ hào hoa phong lưu, và có nét mặt hao hao giống cậu bé 15 tuổi... Nhìn ông, tôi cũng đoán ngay, ông là người Miền Nam và là người Việt. Thấy tôi, người đàn ông vẫn thản nhiên và say sưa hát nhỏ nhỏ bài Hạ Trắng... Mắt ông nhìn ra ngoài, nhưng có vẻ như nhìn vào một vùng xa xăm nào đó, không hề hiện hữu trước mắt...

Quần áo tôi mặc lúc đó do Chiêu Đãi Trạm Hồng Kỳ cung cấp mới mấy ngày hôm trước, tất cả đều mới tinh và cũng có 4 túi, giống hệt như đồng phục của cán bộ Trung Cộng hay mặc, nên khi đi vô trại hồi hương của người Hoa, ai nhìn tôi cũng nghĩ tôi là cán bộ Trung Cộng. Mấy người đang ngồi sưởi ở phía ngoài thấy tôi đều đơn đả chào hỏi bằng tiếng Hoa. Tôi lúng túng bập bẹ trả lời bằng mấy tiếng Quảng mới học... Sau đó, nhìn người đàn ông mà tôi nghĩ là người Miền Nam, tôi hỏi bằng tiếng Việt:

- Xin lỗi anh cho tôi hỏi, anh có phải là người Việt từ Miền Nam?

Anh đó gật đầu, nhìn tôi, ánh mắt không giấu vẻ tò mò và ngạc nhiên. Tôi vội tự giới thiệu:

- Thưa anh, tôi tên Lai, cũng người Việt ra đi từ Miền Nam...

Anh hỏi ngay:

- Anh là Phạm Thái Lai?

Tôi ngạc nhiên:

- Ủa, sao anh biết?

Anh đứng ngay dậy đưa tay bắt, miệng nói đơn đả: "Tụi tôi vẫn nghe mấy ông cán bộ Tàu cộng nói về anh. Nghe nói anh được ở khách sạn, ăn uống tiêu chuẩn "trung táo" sướng lắm phải không? Tôi là Thu..."

Đưa tay chỉ về phía người đàn ông đang ngồi phía trong, anh Thu tiếp:

- Còn kia là Tiến, trước là trưởng ty kiến thiết Hậu Nghĩa. Còn cậu này là Đức, con của Tiến... Rồi mời anh vô đây làm ly trà cho ấm bụng rồi tha hồ trò chuyện...

Gặp được các anh, tôi mừng quá. Thú thật, sau bao nhiêu ngày tháng xa rời Miền Nam, trên đường vượt biên đi qua bao nhiêu thành phố, thị xã, gặp không biết bao nhiêu người Việt trên đất Bắc, trong đó có cả những thân quen ruột thịt của tôi, nhưng ngoại trừ những người thân yêu nhất tôi tin tưởng, còn lại lúc nào tôi cũng thủ cẳng, vì hiểu rằng, guồng máy tuyên truyền của chế độ cộng sản, sau mấy chục năm đã biến mỗi người dân lương thiện ở Miền Bắc thành những người công an. Vì vậy, đây là lần đầu tiên, sau thời gian hơn một năm trời xa Miền Nam, tôi được trò chuyện một cách thoải mái, phơi bày tất cả những điều tâm huyết của mình.

Anh Tiến khi biết tôi là Lai, cũng tươi cười niềm nở trò chuyện. Qua câu chuyện tôi được biết anh là kiến trúc sư, trước ở đường Phạm Hồng Thái, Sài Gòn. Còn anh Thu làm kế toán cho nha kiến thiết, có người chị ruột còn kẹt ở Hải Phòng sau 1954, nên đã rủ hai bố con anh Tiến ra Bắc thăm người chị. Rồi hoàn cảnh run rủi, cả ba người liền trà trộn với người Hoa vượt biên sang Trung Cộng chót lọt từ mấy tháng trước, mà chẳng mất một lạng vàng nào. Hai anh cũng cho biết, có ý tìm đến chiêu đãi trạm Hồng Kỳ để thăm tôi, nhưng vì ngôn ngữ bất đồng nên chưa thể nhờ người đưa đi... Nhân dịp này, tôi cũng mách nước hai anh, viết đơn cho chính phủ Trung Cộng xin tỵ nạn chính trị để được đối xử thoải mái hơn. Tôi cũng trao đổi với các anh về những khó khăn trong việc đi định cư ở các quốc gia đệ tam như Mỹ, Úc... mà tôi đã nghe ông Phùng nói. Tuy nhiên, các anh tin tưởng, với vị thế của các anh trong quá khứ, cộng với tư cách tỵ nạn chính trị, và mối quen biết tại hải ngoại, các anh sẽ không gặp khó khăn trong việc xuất cảnh đến một cuộc gia đệ tam.

Trong những tuần lễ kế tiếp, của cuối năm 1978, mâu thuẫn giữa Trung Cộng và Việt Cộng ngày càng gia tăng, khiến tình hình biên giới Trung Việt tại Đông Hưng càng thêm căng thẳng. Xem ra, viễn ảnh một cuộc chiến tranh tại biên giới hai nước đang ngày càng cận kề...

Vào một buổi chiều gần Giáng Sinh, bỗng dưng cán bộ Ngô đến gặp tôi. Sau vài câu thăm hỏi xã giao, cán bộ Ngô cho biết:



- Hôm nay tôi đến để báo cho "đồng chí" biết, vì vấn đề an ninh tại Đông Hưng không bảo đảm, nên cấp trên quyết định cho đồng chí "sơ tán" về Phòng Thành, cách đây 50 cây số (lâu ngày tôi không nhớ chính xác, nên tạm coi là 50 cây số).

Vì trước đây ông Phùng đã nói cho tôi biết, Phòng Thành gần với Bắc Hải, nên khi nghe cán bộ Ngô nói chuyện về Phòng Thành, tôi rất mừng. Giả vờ ngây ngô, tôi thăm dò:

- Thưa cán bộ, tôi thấy tình hình an ninh ở đây bảo đảm lắm. Có cho ăn kẹo, Việt Cộng cũng không dám gây hấn với Trung Cộng...

Cán bộ Ngô gật đầu:

- Chuyện đó thì chắc chắn không xảy ra. Nhưng trung ương đang có kế hoạch "sơ tán" toàn bộ mạng lưới dân cư, kinh tế, hành chính, dọc theo biên giới trong phạm vi sâu 20 cây số...

Nghe cán bộ Ngô nói vậy, tôi ngạc nhiên nghĩ, chẳng lẽ Trung Cộng phải lo sợ, đề phòng một cuộc tấn công từ phía Việt Cộng? Lúc đó tôi đâu có biết, Trung Cộng đang ráo riết chuẩn bị cho cuộc tấn công Việt Nam để "dậy cho Việt Cộng một bài học".

Sực nhớ lời của ông Phùng nói về Bắc Hải, tôi ước thử:

- Thưa cán bộ, tại sao không cho chúng tôi sơ tán thẳng lên Bắc Hải?

Cán bộ Ngô ngạc nhiên:

- Sao "đồng chí" biết Bắc Hải?

- Tôi nghe mấy người Hoa về nước họ rủ nhau lên Bắc Hải để vượt biên sang Hồng Kông, nên hỏi cán bộ vậy thôi.

Cán bộ Ngô gật đầu, nói giọng nghiêm trang:

- Nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa luôn tôn trọng quyền tự do đi lại của mọi công dân. Ai muốn đi Bắc Hải là quyền của họ. Nhưng bất cứ ai vượt biên sang Hồng Kông là họ vi phạm luật pháp và họ sẽ bị trừng trị.

Tôi rụt rè:

- Như vậy chúng tôi có quyền đi Bắc Hải được không?

Cán bộ Ngô gật đầu:

- "Đồng chí" có toàn quyền đi bất cứ nơi đâu trên lãnh thổ Trung Hoa, không một ai ngăn cấm, miễn hồ đừng có những hành động phạm pháp.

Chủ Nhật tuần đó, anh Thu, hai bố con anh Tiến và tôi đi chơi phố lần cuối, và chúng tôi chứng kiến những đơn vị bộ đội đầu tiên của Trung Cộng đổ về thị trấn Đông Hưng, trong khi dân chúng, công nhân viên chức tại thị trấn, đang huyền não "sơ tán".

Ngày hôm sau, tôi cùng "sơ tán" với cả chiêu đãi trạm Hồng Kỳ. Trên đường "sơ tán" bằng xe tiến về Phòng Thành, chúng tôi chứng kiến không biết cơ man nào là binh lính, xe tăng, đại pháo... của Trung Cộng đang rầm rộ tiến về phía Đông Hưng....

## KỶ 100

Phòng Thành là một thị trấn có diện tích rộng hơn Đông Hưng, nhưng không khí buồn bán không sầm uất, thịnh vượng bằng. Cả thị trấn có một rạp hát, một cửa hàng bách hóa tổng hợp trong đó hầu hết các mặt hàng đều có tấm biển nhỏ ghi hàng chữ "hàng mẫu không bán, miễn hỏi", một bến xe, một tiệm sách, vài tiệm ăn. Thị trấn chỉ thực sự có sinh khí từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Ngoài ra, thị trấn rất hoang vu, lạnh lẽo, đường phố vắng ngắt, với vài bóng điện lu mờ tỏa ánh sáng vàng vọt. Riêng những buổi chợ phiên thì đông đúc, tấp nập và huyền não vô cùng.

Ngay khi về Phòng Thành, tôi được chuyển về sống với hai cha con anh Hoàng Văn Tiến và anh Nguyễn Văn Thu, tại một khu nhà riêng biệt, ngay cạnh dòng suối rất thơ mộng chảy qua thị trấn. Tại đây, chúng tôi được cung cấp gạo, thực phẩm và tiền để tự lo liệu mọi chuyện nấu nướng, ăn uống.

Mấy ngày sau, một nhóm người khác cũng đến ở với chúng tôi. Nhóm này có hơn chục người. Trưởng gia là bà Nguyễn Thị Trà, ngoài 50 tuổi, một thương gia thành công trước 1975. Đi với bà có cô con gái tên Dung, ngoài 20 tuổi và con trai tên Tuấn (?) 19 tuổi, em gái của bà Trà là chị Giang, 36 tuổi, và con gái của chị mới có 9 tuổi. Tất cả những người này đều sống ở Sài Gòn. Ngoài ra, còn có ông em của bà Trà ở Hải Phòng, lâu ngày tôi quên mất tên, cùng với hai con trai của ông là Bình 25 tuổi và Hải 23 tuổi....

Theo lời kể của bà Trà thì gia đình bà rời Sài Gòn từ đầu tháng 1 năm 1979, đến Hải Phòng trú ngụ ở nhà người em một thời gian, rồi cả gia đình bà và gia đình người em trẻ trộm với người Hoa, vượt biên qua Đông Hưng xin tỵ nạn chính trị ngày 15/2, sau tôi đúng 4 tháng rưỡi.

Bà Trà trước sống ở Lê Văn Duyệt, Sài Gòn, có một người con gái tên là Hạnh, lấy chồng Mỹ tên là Richard Calvarado thì phải. Không hiểu trước 1975, ông này làm gì, nhưng vào thời điểm 1979, bà Trà cho biết, con rể của bà đang là giám đốc kế hoạch cho cơ quan United Way tại San Antonio, Texas.

Khi cả gia đình bà lớn bé già trẻ 14 người đến sống chung với chúng tôi, ai ai cũng rất vui mừng, mọi chuyện vui buồn của quê hương đất nước, của mỗi cuộc đời sau năm 1975 đều được mọi người chia sẻ, tâm tình thoải mái. Đúng là tha phương ngộ đồng hương cũng hạnh phúc không kém gì cố tri. Phần bà Trà là người giàu có, thêm tiền bạc của con rể con gái từ Mỹ gửi sang, phần bà tiêu pha hào phóng, xứng đáng là bà chị cả của "đại gia đình ty nạn", nên chúng tôi thường xuyên thưởng thức những bữa ăn thịnh soạn do bà khoản đãi.

Bà thường đi chợ cùng với một người thông ngôn, để chính tay bà chọn những con gà, vịt, cá, tôm... to nhất và ngon lành nhất. Mua về, em gái bà là chị Giang và Dung con gái bà, cùng vô bếp nấu nướng với sự "tả phù hữu bật" của hai người cháu là Bình và Hải. Còn chúng tôi, anh Tiến và anh Hải đều ngoài 50 tuổi, được bà Trà coi như em, nên được ngồi trò chuyện với "Chị". Riêng tôi gọi bà là bác xưng cháu, nhưng được bà rất thương yêu, nhất định không cho tôi nhúng tay vào bất cứ công việc gì.

Khi được biết, bà Trà có người con rể Mỹ đang làm giám đốc một công ty Mỹ, ba anh em chúng tôi đều nghĩ bà sẽ có cơ hội đi Mỹ nhanh hơn. Vì vậy, hai bố con anh Tiến và anh Thu đã chấp thuận đứng tên chung trong đại gia đình của bà Trà khi nộp đơn xin đi Mỹ. Riêng tôi vẫn một mình một đơn xin đi Úc. Thời gian này tôi đã liên lạc được với gia đình ở Úc. Vì vậy, một mặt gia đình lo làm giấy tờ bảo lãnh cho tôi, mặt khác, gia đình cũng đã gửi tiền, quà, quần áo lạnh cho cả 4 anh em chúng tôi. Vì Phòng Thành là một thị trấn nhỏ, dân chúng sống rất lạc hậu, nên mỗi khi 4 người chúng tôi diện những bộ đồ lạnh của Úc đi dạo phố là cả một đám đông con nít vây quanh và đi theo, gây nên nhiều chuyện cười chảy nước mắt. Một kỷ niệm vui buồn lẫn lộn nhưng thật ý nghĩa và đáng nhớ nữa là chuyến viếng thăm người em gái của anh Thu. Anh Thu trước quê ở Hải Phòng. Năm 1954, anh di cư vào Nam, sau làm kế toán cho Nha Kiến Thiết. Cuối năm 1978, anh trở về Hải Phòng thăm thân nhân, họ hàng, mới được biết tin về người em gái bị bắt cóc rồi bị bán sang Trung Quốc từ năm 1945. Nay chị ta đã lấy chồng và sống ở một vùng thôn quê hẻo lánh, lâu ngày tôi quên mất tên, cách Phòng Thành khoảng bốn chục cây số. Vì vậy, anh Thu muốn tất cả chúng tôi cùng ghé thăm gia đình người em của anh vài ngày.

Sau thời gian bàn bạc, xin phép cán bộ Ngõ, chúng tôi lên đường đi thăm cô em của anh Thu. Sau chặng đường đi xe đò từ Phòng Thành đến thị trấn Sàng Pú (?), chúng tôi phải đi bộ khoảng trên dưới 10 cây số từ Sàng Pú đến làng, vì đường này không có bất cứ phương tiện chuyên chở công cộng nào. Điều ngộ nghĩnh nữa là theo lời dặn của cô em, anh Thu đã mua 4, 5 cặp ngỗng làm quà cho gia đình. Vậy là 4 anh em chúng tôi, trong 4 bộ đồ lạ lẫm không giống ai, lùa cả chục con ngỗng đi trên con đường quanh co của vùng sơn cước dẫn tới nhà em của anh Thu.

Thôn xóm của em gái anh Thu ở là một thôn xóm cách biệt hẳn văn minh của đô thị, dù là đô thị của Trung Hoa. Cả thôn không có đèn điện, không có bất cứ dụng cụ gì liên quan tới điện và cơ giới. Nhà nhà đều làm bằng đất trộn rơm, đắp thành từng tầng lớn chung quanh nhà, trên mái thì lợp rơm hoặc cỏ tranh. Trong nhà đồ đạc hầu như không có gì. Không bàn ghế, giường tủ. Mọi người ngủ ngay trên nền đất ẩm thấp, được lót sơ sài bằng ổ rơm, hoặc chiếu. Bếp đều đắp bằng đất, và tất cả mọi chuyện nấu nướng đều bằng chiếc chảo gang to đen sì. Nấu cơm xong, rở ra rá hoặc ra chiếc mâm bằng gỗ, rồi cũng chiếc chảo gang đó tiếp tục đun nước, nấu đồ ăn. Đồ ăn thường là canh muối nấu với đủ các loại rau hái ở ngoài vườn. Vật dụng duy nhất trong nhà mang dấu vết của "văn minh" là tờ lịch có hình Hoa Quốc Phong và bức tranh Mao Trạch Đông đang đứng dơ tay giữa Thiên An Môn.

Vì thôn xóm lạc hậu như vậy, nên chuyến viếng thăm của chúng tôi quả là một sự kiện gây chấn động cả thôn xóm. Cả xóm lũ lượt đổ tới coi hình dáng "ngoại nhân" và những bộ quần áo lạ lẫm, màu sắc sặc sỡ. Nhiều người, nhất là con nít, chỉ thích rụt rè đưa tay sờ mấy chiếc áo len rực rỡ hình ảnh và màu sắc của tụi tôi. Khi cô em của anh Thu giới thiệu người này sẽ đi Mỹ, người kia sẽ đi Úc,... mọi người đều trầm trồ ngưỡng mộ, xuýt xoa khao khát ước mơ. Lúc đó, trong con mắt của người dân Trung Hoa nói chung và dân làng ở đó nói riêng, các quốc gia tự do phương tây, nhất là nước Mỹ, Úc, giống như thiên đàng hạ giới, họ chỉ được nghe mà chưa được thấy.

Em của anh Thu tên là Đông, một cái tên nghe thật héo hắt u buồn, đầy lạnh lẽo sầu khổ, giống như một tiền định cho cuộc đời của chị. Theo lời kể của anh Thu, chúng tôi được biết, tuổi của chị lúc đó chưa tới 50, nhưng nhìn chị già hơn tuổi. Nét mặt của chị lúc nào cũng đầy vẻ đăm chiêu, chịu đựng, cam phận. Riêng cặp mắt của chị thì đẹp và buồn vô cùng. Cả cuộc đời của tôi, cho đến bây giờ khi viết những dòng chữ này, tôi đã từng thấy không biết bao nhiêu nỗi sầu đau ẩn hiện trên ánh mắt của không biết bao nhiêu người, nhưng tôi chưa hề thấy cặp mắt người phụ nữ nào sưng buồn như mắt của chị. Kể từ ngày gặp chị cho đến nay đã ngót 30 năm, vậy mà bất cứ lúc nào, kể cả lúc tôi đang vui mừng hạnh phúc cùng người thân, hay say sưa bù khú bên ly rượu cùng bạn hữu,... hề tôi bất chợt nhớ đến ánh mắt sưng buồn của chị, là tôi lại thấy lòng mình nao nao buồn và không nên được tiếng thở dài...

Ngay buổi tối hôm đó, bên ánh lửa bập bùng, trong nước mắt và bằng giọng nghẹn ngào sùi sụt, chị ngồi kể lại cho chúng tôi nghe cuộc đời của chị, từ khi chị bị bắt vào năm chị mới 15, 16 tuổi, rồi bị bán sang Trung Quốc làm vợ một người đàn ông Trung Hoa ở thôn quê vùng sơn cước này suốt hơn 30 năm. Hơn

30 năm đó, chị đã phải chịu đựng không biết bao nhiêu nỗi khổ đau, chị đã khóc không biết bao nhiêu nước mắt, trong nỗi cô đơn của một người con gái phải ly biệt quê hương, nhớ thương cha mẹ, anh chị em,... và phải sống giữa những người hoàn toàn xa lạ, bất đồng về ngôn ngữ, phong tục, tập quán... Suốt thời gian hơn 30 năm, chị được về thăm quê có một lần vào năm 1969. Nhưng lần đoàn tụ và hội ngộ đó cũng đầy đau khổ và nước mắt. Chị khóc khi thấy cha mẹ, anh chị em, quá túng thiếu, nghèo khổ. Chị ở Trung Quốc khổ vì đói cơm, vì nhớ nhung, nhưng cha mẹ anh chị em của chị ở Việt Nam thì ngay cả những thứ ăn độn như khoai, sắn, rau, củ chuối... cũng không có mà ăn. Thiệt xa thì đau lòng vì nhớ, đến khi gặp rồi thì thêm xót xa đau đớn vì thương. Vì vậy, khi chia tay về Trung Quốc, chị lại càng khóc thương, sầu khổ nhiều hơn mỗi khi nhớ đến người thân còn ở Việt Nam.

Cũng may, người chồng của chị rất thương yêu chị. Lớn hơn chị gần chục tuổi, nhưng ông có một thân hình cường tráng gân guốc, gương mặt quắc thước. Ông ngồi bên cạnh chị vững vàng như tảng đá tảng, im lìm hút thuốc bằng chiếc ống vớ dài gần nửa thước. Suốt từ đầu đến cuối chuyện, ông chỉ im dim cặp mắt mà nói rất ít, nhưng bàn tay ông xiết chặt bàn tay của vợ đã biểu lộ lòng yêu thương vợ tha thiết của ông. Điều kỳ diệu là tuy xa quê nhà từ năm 15, 16 tuổi, nhưng chị Đông nói và viết tiếng Việt rất giỏi. Không những vậy, chị còn dạy cho các con nói và viết tiếng Việt thông thạo. Vì vậy, chúng tôi rất ngạc nhiên khi thấy các cháu con của chị đem cho chúng tôi coi những tập vở trong đó chép toàn những bài ca dao và thơ của Nguyễn Bính. Chị Đông và các cháu không những thuộc lòng những câu ca dao và thơ của Nguyễn Bính mà con biết hát quan họ bài "Trống Cơm" và bài "Người ở đừng về". Thì ra, sống xa tổ quốc suốt mấy chục năm trời, tấm lòng thương quê nhớ nước của người thiếu phụ chỉ còn biết bầu vùi vào những câu hát dân ca, những câu ca dao và những vần thơ của Nguyễn Bính, để duy trì ngôn ngữ Việt giữa một vùng thâm sơn cùng cốc của một đất nước mệnh mông, dân cư đông đúc, có cả tỷ người nói tiếng Hoa. Nói ra thiệt xấu hổ, tất cả mấy anh em chúng tôi, sinh ra và lớn lên trên quê hương Việt Nam suốt cả đời người, vậy mà không một ai thuộc lời hay biết hát bất kỳ một bài hát quan họ nào cho trọn vẹn, ngoại trừ anh Thu nhớ bập bõm vài câu trong bài "Trống Cơm". Còn ca dao và thơ Nguyễn Bính thì anh Tiến và tôi cũng nhớ được một ít, nhưng không thuộc lòng từ đầu đến cuối như chị Đông.

Chúng tôi cảm động nhất khi nghe mấy mẹ con hát quan họ bài "Người ở đừng về". Nghe hát xúc động quá, chúng tôi lấy giấy bút ra chép rồi cũng nghe ngao hát theo, vừa hát vừa rưng rưng lệ: "Người ơi người ở đừng về. Người về em vẫn khóc thầm. Đồi bên vạt áo ướt đầm như mưa"....

Sau mấy ngày thăm viếng, cuối cùng chúng tôi phải từ giã mọi người, vì cán bộ Ngô chỉ cho phép chúng tôi đi có một tuần lễ. Chị Đông và mấy người con, cháu năn nỉ xin đi theo chúng tôi lên phố để chụp một tấm hình lưu niệm.

Đoạn đường chỉ ngắn ngủi có 10 cây số, nhưng là một kỷ niệm tuyệt vời... Sáng sớm hôm đó, chúng tôi đi trên những con đường quanh co của miền sơn cước, ẩn hiện giữa cả một biển sương mù, vừa đi vừa thấy thấp thoáng núi cao, rừng rậm, sông sâu, khiến tôi có cảm giác như được đi trên những con đường thỉnh kinh của thầy trò Tam Tạng, Tôn Ngộ Không trong Tây Du Ký. Trong cảnh sơn thủy hữu tình đó, chúng tôi cùng nhau hát vang bài quan họ "Người ở đừng về": "Người ơi người ở đừng về. Người về em vẫn trông theo. Trông nước nước nước chảy, trông bèo bèo trôi"....

Những câu hát đó mãi mãi ngân nga trong lòng chúng tôi. Quả thật, chân bước đi rồi nhưng lòng chúng tôi vẫn quay trở lại... với cảnh với người... Và bây giờ khi viết những dòng chữ này, lòng tôi vẫn bồi hồi khi nhớ lại những ngày tháng ám cúng tuyệt vời, đầy tình nghĩa giữa những người xa quê hương, để rồi thấy thật thấm thía câu thơ, "Khi ta đến, đất là nơi ta ở. Khi ta đi, đất bỗng hóa tâm hồn"....

Thị trấn Sàng Pú (?) là một thị trấn nhỏ, nghèo, dân cư thưa thớt. Cả thị trấn chỉ có một tiệm hình duy nhất, với chiếc máy hình cổ lỗ sĩ. Nhưng con và cháu của chị Đông đều rất hồi hộp vì đây là lần đầu tiên họ được chụp hình. Sau khi chụp hình xong, chúng tôi mời chị Đông và mấy người con, cháu đi ăn ở tiệm ăn "tổng hợp". Giống như hầu hết các tiệm ăn "tổng hợp" trong chế độ cộng sản, tiệm ăn ở Sàng Pú cũng nghèo nàn, bần thiêu và chỉ có hai món ăn là bánh bao và một loại phở. Nước uống chỉ có một loại nước chanh đường, không có đá. Chị Đông thì không có xa lạ gì những món ăn trong tiệm, nhưng với mấy người con, người cháu của chị, thì đây là lần đầu tiên họ được ăn phở.

Sau khi ăn uống xong, chúng tôi mua ít bánh bao, khăn mặt, xà bông thơm làm quà, rồi bịn rịn chia tay chị Đông vào buổi trưa hôm đó tại bến xe Sàng Pú. Ngồi trên xe, chúng tôi với tay qua cửa sổ bắt tay nhau lần cuối. Ai cũng sụt sùi rưng rưng lệ.... Khi xe vừa nổ máy, tôi thấy chị Đông và mấy người con, cháu đều ôm nhau khóc ngất. Chúng tôi cũng khóc... Xe chuyển bánh, ngoái nhìn lại phía sau, tôi thấy qua màn lệ, chị Đông và mấy người con, cháu, vừa ôm nhau khóc, vừa vẫy tay, vẫy tay... Rồi tất cả mờ dần, mờ dần, và khuất hẳn, để lại trong lòng mỗi người chúng tôi nỗi băng khuâng, buồn bã khôn tả... Trữ nặng niềm tâm sự của ly biệt, tất cả chúng tôi ngồi trên xe không ai nói với ai một lời, trên suốt chặng đường trở lại Phòng Thành.

Cuộc sống của chúng tôi ở Phòng Thành thật êm đềm. Phong cảnh Phòng Thành thơ mộng, sơn thủy hữu tình và người dân địa phương chất phác, tốt bụng, giàu lòng thương người. Tuy vốn liếng tiếng Hoa của tôi thật ít ỏi, nhưng nhờ học thuộc lòng một số câu, mồm miệng lại nhanh nhẩu, nên được nhiều gia đình người Hoa thương, giúp đỡ rất tận tình. Tôi còn nhớ một câu Quan thoại tôi thuộc lòng thời gian đó, "Tráng lại ủa lý hồi Trung Cửa, ủa xì xì hên chệt nỉ", có nghĩa, "Tương lai tôi rời xa Trung Quốc nhưng tôi luôn luôn nhớ ông /bà /cô /bác /anh /chị...". Mỗi khi tôi nói câu này, những người lớn tuổi hay đàn ông con trai thì vỗ tay tán thưởng cười nói vui vẻ; còn phụ nữ, nhất là các cô gái người Hoa thì đỏ mặt, ngượng ngùng, vì họ coi chữ "luôn luôn nhớ" hàm ý yêu đương trai gái.

Người dân Phòng Thành sinh sống bằng đủ thứ nghề, nhưng nghề tạo cho tôi nhiều thương tâm nhất là nghề "tả sọc" (đập đá). Vì chảy qua Phòng Thành có một dòng sông lớn, vào mùa nước cạn, hai bờ sông tràn ngập các loại sỏi đủ cỡ to nhỏ. Người dân ra sông gánh sỏi đem về chất đống trước nhà, rồi vợ chồng, con cái, bất cứ ai, hễ có thì giờ là ra ngồi đập những viên đá sỏi vụn ra thành từng miếng nhỏ gọi là đá rằm. Sau đó, những viên đá rằm được đồ gợn thành từng thớt khối, chờ người ở công xưởng lái xe đến đo mua, trả tiền, rồi chở đi.

Kỹ thuật đập đá ở Phòng Thành rất đơn giản và nguy hiểm. Nếu đá sỏi loại lớn, thì người đàn ông trong gia đình dùng những chiếc búa tạ đập ra thành những miếng nhỏ. Sau đó, ông bà già, phụ nữ, trẻ em trong gia đình, dùng những chiếc búa nhỏ đập cho những miếng đá đó thành đá rằm, để dùng trong các công trình xây cất.

Thù lao cho nghề đập đá rất rẻ mạt. Nhưng hầu hết những người đập đá đều là người già, phụ nữ và trẻ em. Họ là những người không có một tay nghề căn bản nào để có thể kiếm ra tiền, cả ngày không biết làm gì, trong khi cuộc sống của gia đình thì quá thiếu thốn, nên bất cứ khi nào rảnh rỗi, là họ phải đập đá để kiếm thêm tiền chi tiêu trong gia đình.

Những người dân đập đá đều không có găng tay, không có kiếng an toàn. Họ phải dùng những tấm vải rách đủ màu, đủ loại quấn kín chân tay, mặt mũi, chỉ để hở có hai con mắt. Vì vậy, có rất nhiều người bị tai nạn, đập búa vào các ngón tay, hay miếng đá văng vào mắt, vào mặt, vào tay chân... trong đó có những trường hợp trầm trọng bị mù.

Khi viết những dòng chữ này, tôi lại bùi ngùi nhớ đến Phòng Thành, hình ảnh của những con hẻm nhỏ chạy dài với những hàng cây, và trước mỗi căn nhà là những đống đá say ngủ, những người làm nghề "tả sọc" âm thầm, cô đơn, thui thủi một mình, bất kể sáng tối, trưa chiều, mưa nắng, trong những bộ quần áo, giẻ rách nhiều hơn vải, và bộ mặt bịt kín, chỉ hở có hai con mắt. Tôi đã từng đến thăm những gia đình làm nghề "tả sọc", cảm khái chứng kiến những bà cụ, ông cụ, những em học sinh... chân tay, mặt mũi bị sẹo hoặc bị tàn tật chỉ vì đập đá.

Tuy chỉ mới sống ở Phòng Thành có vài tháng ngắn ngủi, chúng tôi đã thấy rõ sự khủng hoảng trai thừa gái thiếu tại Trung Hoa, hậu quả của chính sách 1 con cho một gia đình được áp dụng rộng rãi tại Trung Hoa trong suốt nhiều thập niên. Thường cứ vào buổi chiều, đàn ông con trai độc thân tụ tập trước cửa nhà trò chuyện, hoặc lang thang đi dạo phố để được đấm đấm vuốt vuốt trong tuyệt vọng những cô gái Trung Hoa thất bím, đi nhanh như chạy. Bên ngoài những người đàn ông con trai vui vẻ cười đùa, nhưng trong thâm tâm, hầu hết đều lo nghĩ đến chuyện tìm kiếm một người phụ nữ làm vợ. Vì sự chênh lệch tỷ lệ giữa nam và nữ quá cao, cộng tình trạng con gái ở Phòng Thành đổ xô ra thành thị làm việc, nên lấy vợ tại Phòng Thành thời đó vừa tốn kém vừa rất vất vả cho người con trai. Ngoài những khó khăn trong việc kiếm được vợ, họ còn gặp khó khăn trong tài chánh. Tôi đã nghe nhiều chuyện, tình duyên của họ nửa đường đứt gánh vì tiền bạc không có, nhiều ông bố cả đời chỉ lo chất bóp dành dụm để có đủ tiền lo đám cưới cho con mà cũng không đủ, dẫn đến không biết bao nhiêu bi kịch trong gia đình, ngoài xã hội.

Thường, sau mỗi cuộc tình dang dở như vậy, người con trai đều bỏ Phòng Thành đi Nam Ninh, Quảng Châu hay Thượng Hải... nói là đi "kiếm tiền", "đổi đời", nhưng hầu hết là đi để tìm quên lãng, và rồi vĩnh viễn không thấy trở lại.

Trong thời gian này, gia đình bà Trà và anh Tiến, anh Thu thường xuyên gửi thư cho tòa đại sứ Mỹ ở Bắc Kinh, cũng như gia đình ở Mỹ để một mặt xin nhập cảnh Mỹ theo tiêu chuẩn tỵ nạn chính trị, mặt khác xúc tiến hồ sơ bảo lãnh vô Mỹ theo tiêu chuẩn đoàn tụ gia đình.

Ngày 28 tháng 3 năm 1979, bà Trà nhận được thư của tòa đại sứ Mỹ chính thức từ chối đơn xin vô Mỹ theo tiêu chuẩn tỵ nạn chính trị. Thư của tòa đại sứ Mỹ xác nhận, chương trình đặc biệt cho người Việt được nhập cảnh Mỹ theo diện tỵ nạn chỉ dành cho người Việt đang sống tại các trại tỵ nạn ở các quốc gia vùng Đông Nam Á và Hồng Kông. Thư cũng khẳng định trách nhiệm của Trung Quốc là định cư người tỵ nạn Việt Nam, trong đó có 200 ngàn người Việt gốc Hoa bị cộng sản Việt Nam cưỡng bức hồi hương, chứ Trung Quốc không có quyền chuyển tiếp người tỵ nạn đến các quốc gia đệ tam. Nói cách khác, Trung Quốc cũng như Hoa Kỳ là quốc gia đệ tam, phải có bổn phận chia xẻ gánh nặng tỵ nạn với Liên Hiệp

Quốc. Cuối cùng thư của tòa đại sứ Mỹ cho biết, biện pháp duy nhất để gia đình bà Trà có thể nhập cảnh vào Mỹ là đoàn tụ gia đình. Và điều này tùy thuộc vào khả năng tài chính, mối quan hệ của thân nhân bà Trà ở Hoa Kỳ, chiếu theo luật di trú của Mỹ.

Kèm theo thư là một xấp giấy tờ liên quan đến luật di trú, thủ tục xin chiếu khán nhập cảnh Mỹ... Như vậy là con đường có thể rời Trung Quốc chớp nhoáng để đi Mỹ theo diện tỵ nạn của gia đình bà Trà đã bị bế tắc. Còn con đường đến Mỹ theo tiêu chuẩn đoàn tụ gia đình thì rất nhiều khê, phải mất ít nhất là 2 năm, theo lời trình bày của cán bộ Ngô.

Trường hợp của tôi cũng tương tự như vậy. Ngay từ tháng 12 năm 1978, sau khi tôi đặt chân đến Trung Quốc được 2 tháng, gia đình tôi ở Úc đã nhờ Hội Tỵ Nạn Đông Dương gửi thư cho ông Michael MacKellar, tổng trưởng di trú, xin cứu xét cho nhập cảnh trên tiêu chuẩn tỵ nạn. Tuy nhiên đơn xin đã bị bác. Trong thư trả lời, bộ di trú Úc cũng khẳng định, thỏa thuận giữa Úc và Trung Hoa vào tháng 10 năm 1976 chỉ cho phép thường trú nhân hay công dân Trung Quốc được phép nhập cảnh Úc theo tiêu chuẩn đoàn tụ gia đình. Và thời gian để đi Úc theo tiêu chuẩn này cũng mất ít nhất 2 năm.

Đến lúc đó tôi mới thấy những lời giải thích của ông Phùng, ba của Liên thật chính xác. Thời gian phải chờ đợi 2 năm trời để được đến Mỹ, Úc, đối với chúng tôi quá khủng khiếp. Vì vậy, chúng tôi bàn đến giải pháp "vượt biên" tới Hồng Kông qua ngã Bắc Hải, theo như sự gợi ý của ông Phùng. Vấn đề được đặt ra lúc đó là làm sao chúng tôi có thể đến được Bắc Hải khi ngôn ngữ bất đồng, tiền bạc không có. Khó khăn nữa là lấy tiền đâu ra để chung cho chủ tàu? Số tiền cho một người đi từ Bắc Hải đến Hồng Kông lúc đó là 300 đến 500 đồng "nhân dân tệ" (tiền Trung Cộng). Đây là số tiền khá lớn, tương đương lương một năm của một công nhân viên chức Trung Cộng.

Ngoài ra, chúng tôi còn một khó khăn nữa là ai đi ai ở? Cá nhân tôi tuy mình đi một đường, nhưng lâu nay sống chung trong một mái gia đình nên cũng muốn cùng nhau chia sẻ hoạn nạn từ Phòng Thành đến Hồng Kông. Còn lại 14 người trong gia đình bà Trà, phần đông là đàn bà, con gái và con nít, không phải ai cũng chấp nhận phiêu lưu vượt biển sang Hồng Kông. Với những người này, thời gian chờ đợi 2 năm để được đi Mỹ an toàn bằng phi cơ vẫn là thượng sách. Riêng hai cha con anh Tiến và anh Thu vì đã vô chung một hộ với gia đình bà Trà nên cũng có tình gia đình, chẳng thể một sớm một chiều quyết định bỏ gia đình bà Trà lại để đi Hồng Kông.

Sau thời gian bàn bạc, chúng tôi tạm thời đi tới phương hướng, bà Trà, ông em của bà Trà cùng đàn bà và con nít khoảng chục người sẽ ở lại Trung Quốc chờ đợi giấy bảo lãnh chính thức vào Mỹ. Còn lại người con trai của bà Trà, hai người con trai của ông em bà Trà là Bình, Hải, và hai cha con anh Tiến, anh Thu, cùng với tôi sẽ tìm đường vượt biên sang Hồng Kông. Tiền bạc trả cho chủ tàu thì người nào đi, người đó lo. Tôi được mọi người cử đi Bắc Hải dò đường đi nước bước, tìm hiểu tình hình, và móc nối với chủ tàu. Trước khi đi, tôi viết vội lá thư gửi cho gia đình ở Úc, trình bày hoàn cảnh khó khăn cùng quyết định của mình, và yêu cầu gia đình gửi gấp tiền sang để tôi trả tiền tàu, vượt biên sang Hồng Kông.

Thời gian đó, có rất nhiều người Hoa ở Chợ Lớn về ở Đông Hưng, Phòng Thành một thời gian, rồi bị đẩy về nông trường. Tất cả những người đó nhờ được sống trong chế độ Miền Nam tự do nên không một ai muốn ở lại Trung Cộng. Vì vậy, vượt biên sang Hồng Kông là con đường duy nhất họ chọn lựa để có thể tìm đến miền đất hứa. Những người bạn tôi quen ở Đông Hưng, Phòng Thành, như anh Vũ Quang Phong, Diệp Đức Tuấn, hai chị em Quan Trọng Hà, Quan Trọng Du, Liên, Ngọc... đều khuyên tôi vượt biên sang Hồng Kông. Nhưng khi đó, tôi còn tin tưởng vào con đường đi chính thức nên thờ ơ trước những lời khuyên của họ. Bây giờ khi con đường đi chính thức bị bế tắc, tôi cần tìm đến họ thì không biết họ ở đâu. Riêng ông Phùng lúc đó tôi cũng đã mất liên lạc nên tôi đành lên đường đi Bắc Hải một mình.

Trước khi đi, tôi lo ngại không biết có nên xin phép cán bộ Ngô không. Tôi có hỏi anh Tiến và anh Thu. Cả hai anh nói, nên xin phép, nhưng chỉ nói với cán bộ Ngô là đi Bắc Hải thăm bạn, chứ không nên nói đi tìm đường vượt biên.

Chiều hôm đó, tôi ghé chiêu đãi trạm, xin gặp cán bộ Ngô. Người tùy phái dắt tôi vô phòng khách chờ.

Khoảng 5 phút sau cán bộ Ngô bước vô, đơn đã chào hỏi. Tôi đi thẳng vào vấn đề:

- Thưa hôm nay tôi đến xin phép cán bộ cho tôi đi Bắc Hải thăm người bạn.

Cán bộ Ngô gật đầu:

- Nước "cộng hòa nhân dân" Trung Hoa là nước tự do. "Đồng chí" có có quyền đi bất cứ nơi đâu "đồng chí" muốn...

Tôi rụt rè:

- Thưa cán bộ, như vậy tôi có cần giấy phép đi đường gì không?

Cán bộ Ngô cười lắc đầu:

- Tôi đã nói với "đồng chí" là "đồng chí" có quyền đi bất cứ nơi đâu "đồng chí" muốn thì tại sao lại cần phải có giấy phép?

Nghe vậy tôi thở dài như trút được gánh nặng. Sự thực, tôi cũng hiểu, trong chế độ cộng sản Trung Hoa, "mỗi người dân là một người công an", nên việc kiểm soát người lạ chặt chẽ và khôn ngoan hơn Việt Cộng

hiều. Giữa cả biển người đông hàng tỷ, nhưng quả thật "muôn người như một", từ quần áo, giày dép, cách ăn nói, nếp suy nghĩ, sở thích, cá tính... của cả tỷ người Trung Hoa đều giống nhau theo những khuôn phép nhất định, khiến bất cứ người lạ nào đến Trung Quốc đều cảm thấy lạc lõng và bị nhận diện một cách dễ dàng. Vì vậy, đi giữa xã hội đó, có giấy phép hay không có giấy phép đều không thành vấn đề, vì tôi vẫn bị cả một mạng lưới "công an nhân dân" theo dõi, giám sát khắp mọi nơi, mọi lúc.

Tôi cảm ơn cán bộ Ngô, rồi tính đứng dậy ra về thì cán bộ Ngô dơ tay ngăn lại và nói:

- "Đồng chí" lên Bắc Hải cần phải cẩn thận, vì ở nơi đó có rất nhiều cán bộ Việt cộng trà trộn với thuyền nhân đi từ Việt Nam sang. Chúng tôi tôn trọng quyền tự do đi lại của "đồng chí" nhưng chúng tôi cũng có bổn phận bảo vệ an ninh cho "đồng chí" khi nào "đồng chí" còn trên lãnh thổ của nước "cộng hòa nhân dân" Trung Hoa.

Tôi ngạc nhiên:

- Thưa cán bộ, chuyện đó có thật sao?

Cán bộ Ngô gật đầu:

- Nước Trung Hoa chúng tôi có 50 triệu Hoa kiều hiện sinh sống trên khắp bề mặt địa cầu, nên chúng tôi biết rất rõ tầm quan trọng của chính sách Hoa vận tại hải ngoại. Cộng sản Việt Nam cũng hiểu rõ điều này, nên việc họ cài cán bộ vào thuyền nhân Việt Nam là điều chắc chắn phải có. Vì vậy, khi "đồng chí" lên Bắc Hải, chúng tôi luôn luôn có người theo sát để bảo vệ, nhưng "đồng chí" cũng cần phải cẩn thận.

Nói xong, không cần tôi trả lời, cán bộ Ngô đứng dậy dơ tay bắt và nói tiếp:

- Tôi nghe nói, việc xuất ngoại sang Úc của các "đồng chí" đang gặp khó khăn, nếu chờ đoàn tụ gia đình thì phải mất vài năm. Vì vậy, khi nào các "đồng chí" muốn đi sang Hồng Kông để hợp thức hóa tư cách tự nạn, cứ cho tôi biết, tôi có thể giúp đỡ...

Nói đến đó, cán bộ Ngô dừng lại một chút rồi thân mật vỗ vai tôi nói tiếp, chậm rãi và nhấn mạnh:

- Dĩ nhiên là giúp đỡ... một cách không chính thức.

Tôi ngỡ ngàng, ngạc nhiên. Trong vài phút đồng hồ tôi không hiểu cán bộ Ngô nói vậy là có ý gì. Vì vậy, tôi im lặng, đi theo cán bộ Ngô ra cửa. Tại cửa, cán bộ Ngô bắt tay tôi một lần nữa rồi chúng tôi chia tay...

Trên đường từ chiêu đãi trạm về nhà, tôi băn khoăn không hiểu lời của cán bộ Ngô là một lời "cảnh cáo khéo" ý đồ vượt biên sang Hồng Kông của chúng tôi, hay thực sự ông muốn giúp đỡ chúng tôi... Tôi quyết định đem điều đó bàn bạc với anh Tiến và anh Thu xem thế nào.

## KỶ 102

Cuộc sống của chúng tôi ở Phòng Thành thật êm đềm. Phong cảnh Phòng Thành thơ mộng, sơn thủy hữu tình và người dân địa phương chất phác, tốt bụng, giàu lòng thương người. Tuy vốn liếng tiếng Hoa của tôi thật ít ỏi, nhưng nhờ học thuộc lòng một số câu, mồm miệng lại nhanh nhẩu, nên được nhiều gia đình người Hoa thương, giúp đỡ rất tận tình. Tôi còn nhớ một câu Quan thoại tôi thuộc lòng thời gian đó, "Tráng lại ủa lý hồi Trung Cửa, ủa xì xì hên chệt nỉ", có nghĩa, "Tương lai tôi rời xa Trung Quốc nhưng tôi luôn luôn nhớ ông /bà /cô /bác /anh /chị...". Mỗi khi tôi nói câu này, những người lớn tuổi hay đàn ông con trai thì vỗ tay tán thưởng cười nói vui vẻ; còn phụ nữ, nhất là các cô gái người Hoa thì đỏ mặt, ngượng ngùng, vì họ coi chữ "luôn luôn nhớ" hàm ý yêu đương trai gái.

Người dân Phòng Thành sinh sống bằng đủ thứ nghề, nhưng nghề tạo cho tôi nhiều thương tâm nhất là nghề "tả sọc" (đập đá). Vì chảy qua Phòng Thành có một dòng sông lớn, vào mùa nước cạn, hai bờ sông tràn ngập các loại sỏi đủ cỡ to nhỏ. Người dân ra sông gánh sỏi đem về chất đống trước nhà, rồi vợ chồng, con cái, bất cứ ai, hễ có thì giờ là ra ngồi đập những viên đá sỏi vụn ra thành từng miếng nhỏ gọi là đá rằm. Sau đó, những viên đá rằm được đổ gọn thành từng thớt khối, chờ người ở công xưởng lái xe đến đo mua, trả tiền, rồi chở đi.

Kỹ thuật đập đá ở Phòng Thành rất đơn giản và nguy hiểm. Nếu đá sỏi loại lớn, thì người đàn ông trong gia đình dùng những chiếc búa tạ đập ra thành những miếng nhỏ. Sau đó, ông bà già, phụ nữ, trẻ em trong gia đình, dùng những chiếc búa nhỏ đập cho những miếng đá đó thành đá rằm, để dùng trong các công trình xây cất.

Thù lao cho nghề đập đá rất rẻ mạt. Nhưng hầu hết những người đập đá đều là người già, phụ nữ và trẻ em. Họ là những người không có một tay nghề căn bản nào để kiếm ra tiền, cả ngày không biết làm gì, trong khi cuộc sống của gia đình thì quá thiếu thốn, nên bất cứ khi nào rảnh rỗi, là họ phải đập đá để kiếm thêm tiền chi tiêu trong gia đình.

Những người dân đập đá đều không có gắng tay, không có kiếng an toàn. Họ phải dùng những tấm vải rách đủ màu, đủ loại quấn kín chân tay, mặt mũi, chỉ để hở có hai con mắt. Vì vậy, có rất nhiều người bị tai nạn, đập búa vào các ngón tay, hay miếng đá văng vào mắt, vào mặt, vào tay chân... trong đó có những trường hợp trầm trọng bị mù.

Khi viết những dòng chữ này, tôi lại bùi ngùi nhớ đến Phòng Thành, hình ảnh của những con hẻm nhỏ chạy dài với những hàng cây, và trước mỗi căn nhà là những đồng đá say ngủ, những người làm nghề "tả sọc" âm thầm, cô đơn, thui thui một mình, bất kể sáng tối, trưa chiều, mưa nắng, trong những bộ quần áo, giẻ rách nhiều hơn vải, và bộ mặt bịt kín, chỉ hở có hai con mắt. Tôi đã từng đến thăm những gia đình làm nghề "tả sọc", cảm khái chứng kiến những bà cụ, ông cụ, những em học sinh... chân tay, mặt mũi bị sẹo hoặc bị tàn tật chỉ vì đập đá.

Tuy chỉ mới sống ở Phòng Thành có vài tháng ngắn ngủi, chúng tôi đã thấy rõ sự khủng hoảng trai thừa gái thiếu tại Trung Hoa, hậu quả của chính sách 1 con cho một gia đình được áp dụng rộng rãi tại Trung Hoa trong suốt nhiều thập niên. Thường cứ vào buổi chiều, đàn ông con trai độc thân tụ tập trước cửa nhà trò chuyện, hoặc lang thang đi dạo phố để được đắm đuối ngắm vuốt trong tuyệt vọng những cô gái Trung Hoa thất bím, đi nhanh như chạy. Bên ngoài những người đàn ông con trai vui vẻ cười đùa, nhưng trong thâm tâm, hầu hết đều lo nghĩ đến chuyện tìm kiếm một người phụ nữ làm vợ. Vì sự chênh lệch tỷ lệ giữa nam và nữ quá cao, cộng tình trạng con gái ở Phòng Thành đổ xô ra thành thị làm việc, nên lấy vợ tại Phòng Thành thời đó vừa tốn kém vừa rất vất vả cho người con trai. Ngoài những khó khăn trong việc kiếm được vợ, họ còn gặp khó khăn trong tài chánh. Tôi đã nghe nhiều chuyện, tình duyên của họ nửa đường đứt gánh vì tiền bạc không có, nhiều ông bỏ cả đời chỉ lo chất bóp dành dụm để có đủ tiền lo đám cưới cho con mà cũng không đủ, dẫn đến không biết bao nhiêu bi kịch trong gia đình, ngoài xã hội. Thường, sau mỗi cuộc tình dang dở như vậy, người con trai đều bỏ Phòng Thành đi Nam Ninh, Quảng Châu hay Thượng Hải... nói là đi "kiếm tiền", "đổi đời", nhưng hầu hết là đi để tìm quên lãng, và rồi vĩnh viễn không thấy trở lại.

Trong thời gian này, gia đình bà Trà và anh Tiến, anh Thu thường xuyên gửi thư cho tòa đại sứ Mỹ ở Bắc Kinh, cũng như gia đình ở Mỹ để một mặt xin nhập cảnh Mỹ theo tiêu chuẩn tỵ nạn chính trị, mặt khác xúc tiến hồ sơ bảo lãnh vô Mỹ theo tiêu chuẩn đoàn tụ gia đình.

Ngày 28 tháng 3 năm 1979, bà Trà nhận được thư của tòa đại sứ Mỹ chính thức từ chối đơn xin vô Mỹ theo tiêu chuẩn tỵ nạn chính trị. Thư của tòa đại sứ Mỹ xác nhận, chương trình đặc biệt cho người Việt được nhập cảnh Mỹ theo diện tỵ nạn chỉ dành cho người Việt đang sống tại các trại tỵ nạn ở các quốc gia vùng Đông Nam Á và Hồng Kông. Thư cũng khẳng định trách nhiệm của Trung Quốc là định cư người tỵ nạn Việt Nam, trong đó có 200 ngàn người Việt gốc Hoa bị cộng sản Việt Nam cưỡng bức hồi hương, chứ Trung Quốc không có quyền chuyển tiếp người tỵ nạn đến các quốc gia đệ tam. Nói cách khác, Trung Quốc cũng như Hoa Kỳ là quốc gia đệ tam, phải có bổn phận chia xẻ gánh nặng tỵ nạn với Liên Hiệp Quốc. Cuối cùng thư của tòa đại sứ Mỹ cho biết, biện pháp duy nhất để gia đình bà Trà có thể nhập cảnh vô Mỹ là đoàn tụ gia đình. Và điều này tùy thuộc vào khả năng tài chánh, mối quan hệ của thân nhân bà Trà ở Hoa Kỳ, chiếu theo luật di trú của Mỹ.

Kèm theo thư là một xấp giấy tờ liên quan đến luật di trú, thủ tục xin chiếu khán nhập cảnh Mỹ... Như vậy là con đường có thể rời Trung Quốc chớp nhoáng để đi Mỹ theo diện tỵ nạn của gia đình bà Trà đã bị bế tắc. Còn con đường đến Mỹ theo tiêu chuẩn đoàn tụ gia đình thì rất nhiều khê, phải mất ít nhất là 2 năm, theo lời trình bày của cán bộ Ngô.

Trường hợp của tôi cũng tương tự như vậy. Ngay từ tháng 12 năm 1978, sau khi tôi đặt chân đến Trung Quốc được 2 tháng, gia đình tôi ở Úc đã nhờ Hội Tỵ Nạn Đông Dương gửi thư cho ông Michael MacKellar, tổng trưởng di trú, xin cứu xét cho nhập cảnh trên tiêu chuẩn tỵ nạn. Tuy nhiên đơn xin đã bị bác. Trong thư trả lời, bộ di trú Úc cũng khẳng định, thỏa thuận giữa Úc và Trung Hoa vào tháng 10 năm 1976 chỉ cho phép thường trú nhân hay công dân Trung Quốc được phép nhập cảnh Úc theo tiêu chuẩn đoàn tụ gia đình. Và thời gian để đi Úc theo tiêu chuẩn này cũng mất ít nhất 2 năm.

Đến lúc đó tôi mới thấy những lời giải thích của ông Phùng, ba của Liên thật chính xác. Thời gian phải chờ đợi 2 năm trời để được đến Mỹ, Úc, đối với chúng tôi quá khủng khiếp. Vì vậy, chúng tôi bàn đến giải pháp "vượt biên" tới Hồng Kông qua ngã Bắc Hải, theo như sự gợi ý của ông Phùng. Vấn đề được đặt ra lúc đó là làm sao chúng tôi có thể đến được Bắc Hải khi ngôn ngữ bất đồng, tiền bạc không có. Khó khăn nữa là lấy tiền đâu ra để chung cho chủ tàu? Số tiền cho một người đi từ Bắc Hải đến Hồng Kông lúc đó là 300 đến 500 đồng "nhân dân tệ" (tiền Trung Cộng). Đây là số tiền khá lớn, tương đương lương một năm của một công nhân viên chức Trung Cộng.

Ngoài ra, chúng tôi còn một khó khăn nữa là ai đi ai ở? Cá nhân tôi tuy đi một đường, nhưng lâu nay sống chung trong một mái gia đình nên cũng muốn cùng nhau chia sẻ hoạn nạn từ Phòng Thành đến Hồng Kông. Còn lại 14 người trong gia đình bà Trà, phần đông là đàn bà, con gái và con nít, không phải ai cũng chấp nhận phiêu lưu vượt biên sang Hồng Kông. Với những người này, thời gian chờ đợi 2 năm để được đi Mỹ an toàn bằng phi cơ vẫn là thượng sách. Riêng hai cha con anh Tiến và anh Thu vì đã vô chung một hộ với gia đình bà Trà nên cũng có tình gia đình, chẳng thể một sớm một chiều quyết định bỏ gia đình bà Trà lại để đi Hồng Kông.

Sau thời gian bàn bạc, chúng tôi tạm thời đi tới phương hướng, bà Trà, ông em của bà Trà cùng đàn bà và con nít khoảng chục người sẽ ở lại Trung Quốc chờ đợi giấy bảo lãnh chính thức vô Mỹ. Còn lại người con trai của bà Trà, hai người con trai của ông em bà Trà là Bình, Hải, và hai cha con anh Tiến, anh Thu, cùng với tôi sẽ tìm đường vượt biên sang Hồng Kông. Tiền bạc trả cho chủ tàu thì người nào đi, người đó lo. Tôi được mọi người cử đi Bắc Hải dò đường đi nước bước, tìm hiểu tình hình, và móc nối với chủ tàu. Trước khi đi, tôi viết vội lá thư gửi cho gia đình ở Úc, trình bày hoàn cảnh khó khăn cùng quyết định của mình, và yêu cầu gia đình gửi gấp tiền sang để tôi trả tiền tàu, vượt biên sang Hồng Kông.

Thời gian đó, có rất nhiều người Hoa ở Chợ Lớn về ở Đông Hưng, Phòng Thành một thời gian, rồi bị đẩy về nông trường. Tất cả những người đó nhờ được sống trong chế độ Miền Nam tự do nên không một ai muốn ở lại Trung Cộng. Vì vậy, vượt biên sang Hồng Kông là con đường duy nhất họ chọn lựa để có thể tìm đến miền đất hứa. Những người bạn tôi quen ở Đông Hưng, Phòng Thành, như anh Vũ Quang Phong, Diệp Đức Tuấn, hai chị em Quan Trọng Hà, Quan Trọng Du, Liên, Ngọc... đều khuyên tôi vượt biên sang Hồng Kông. Nhưng khi đó, tôi còn tin tưởng vào con đường đi chính thức nên thờ ơ trước những lời khuyên của họ. Bây giờ khi con đường đi chính thức bị bế tắc, tôi cần tìm đến họ thì không biết họ ở đâu. Riêng ông Phùng lúc đó tôi cũng đã mất liên lạc nên tôi đành lên đường đi Bắc Hải một mình.

Trước khi đi, tôi lo ngại không biết có nên xin phép cán bộ Ngô không. Tôi có hỏi anh Tiến và anh Thu. Cả hai anh nói, nên xin phép, nhưng chỉ nói với cán bộ Ngô là đi Bắc Hải thăm bạn, chứ không nên nói đi tìm đường vượt biên.

Chiều hôm đó, tôi ghé chiều đãi trạm, xin gặp cán bộ Ngô. Người tùy phái dắt tôi vô phòng khách chờ.

Khoảng 5 phút sau cán bộ Ngô bước vô, đôn đả chào hỏi. Tôi đi thẳng vào vấn đề:

- Thưa hôm nay tôi đến xin phép cán bộ cho tôi đi Bắc Hải thăm người bạn.

Cán bộ Ngô gật đầu:

- Nước "cộng hòa nhân dân" Trung Hoa là nước tự do. "Đồng chí" có có quyền đi bất cứ nơi đâu "đồng chí" muốn...

Tôi rụt rè:

- Thưa cán bộ, như vậy tôi có cần giấy phép đi đường gì không?

Cán bộ Ngô cười lắc đầu:

- Tôi đã nói với "đồng chí" là "đồng chí" có quyền đi bất cứ nơi đâu "đồng chí" muốn thì tại sao lại cần phải có giấy phép?

Nghe vậy tôi thở dài như trút được gánh nặng. Sự thực, tôi cũng hiểu, trong chế độ cộng sản Trung Hoa, "mỗi người dân là một người công an", nên việc kiểm soát người lạ chặt chẽ và khôn ngoan hơn Việt Cộng nhiều. Giữa cả biển người đông hàng tỷ, nhưng quả thật "muôn người như một", từ quần áo, giày dép, cách ăn nói, nếp suy nghĩ, sở thích, cá tính... của cả tỷ người Trung Hoa đều giống nhau theo những khuôn phép nhất định, khiến bất cứ người lạ nào đến Trung Quốc đều cảm thấy lạc lõng và bị nhận diện một cách dễ dàng. Vì vậy, đi giữa xã hội đó, có giấy phép hay không có giấy phép đều không thành vấn đề, vì tôi vẫn bị cả một mạng lưới "công an nhân dân" theo dõi, giám sát khắp mọi nơi, mọi lúc.

Tôi cảm ơn cán bộ Ngô, rồi tính đứng dậy ra về thì cán bộ Ngô dơ tay ngăn lại và nói:

- "Đồng chí" lên Bắc Hải cần phải cẩn thận, vì ở nơi đó có rất nhiều cán bộ Việt cộng trà trộn với thuyền nhân đi từ Việt Nam sang. Chúng tôi tôn trọng quyền tự do đi lại của "đồng chí" nhưng chúng tôi cũng có bổn phận bảo vệ an ninh cho "đồng chí" khi nào "đồng chí" còn trên lãnh thổ của nước "cộng hòa nhân dân" Trung Hoa.

Tôi ngạc nhiên:

- Thưa cán bộ, chuyện đó có thật sao?

Cán bộ Ngô gật đầu:

- Nước Trung Hoa chúng tôi có 50 triệu Hoa kiều hiện sinh sống trên khắp bề mặt địa cầu, nên chúng tôi biết rất rõ tầm quan trọng của chính sách Hoa vận tại hải ngoại. Cộng sản Việt Nam cũng hiểu rõ điều này, nên việc họ cài cán bộ vào thuyền nhân Việt Nam là điều chắc chắn phải có. Vì vậy, khi "đồng chí" lên Bắc Hải, chúng tôi luôn luôn có người theo sát để bảo vệ, nhưng "đồng chí" cũng cần phải cẩn thận.

Nói xong, không cần tôi trả lời, cán bộ Ngô đứng dậy dơ tay bắt và nói tiếp:

- Tôi nghe nói, việc xuất ngoại sang Úc của các "đồng chí" đang gặp khó khăn, nếu chờ đoàn tụ gia đình thì phải mất vài năm. Vì vậy, khi nào các "đồng chí" muốn đi sang Hồng Kông để hợp thức hóa tư cách tự nạn, cứ cho tôi biết, tôi có thể giúp đỡ...

Nói đến đó, cán bộ Ngô dừng lại một chút rồi thân mật vỗ vai tôi nói tiếp, chậm rãi và nhấn mạnh:

- Dĩ nhiên là giúp đỡ... một cách không chính thức.

Tôi ngỡ ngàng, ngạc nhiên. Trong vài phút đồng hồ tôi không hiểu cán bộ Ngô nói vậy là có ý gì. Vì vậy, tôi im lặng, đi theo cán bộ Ngô ra cửa. Tại cửa, cán bộ Ngô bắt tay tôi một lần nữa rồi chúng tôi chia tay...



Trên đường từ chiều đãi trạm về nhà, tôi băn khoăn không hiểu lời của cán bộ Ngô là một lời "cảnh cáo khéo" ý đồ vượt biên sang Hồng Kông của chúng tôi, hay thực sự ông muốn giúp đỡ chúng tôi... Tôi quyết định đem điều đó bàn bạc với anh Tiến và anh Thu xem thế nào.

## KỶ 103

Ngay khi bước vô lán, tôi gặp anh Tiến và anh Thu. Anh Tiến bao giờ cũng nói năng chậm rãi, nhỏ nhẹ, từ ngữ cân nhắc. Anh Thu thì vui vẻ hoạt bát, tinh tinh nhanh nhẩu, hay pha trò, tuy tuổi của anh hơn tuổi anh Tiến. Sau khi nghe tôi kể lại những lời nhắn gửi muốn giúp đỡ của cán bộ Ngô, cả hai anh đều vui vẻ đón nhận và coi đó là cơ hội để có thể thoát khỏi những năm tháng dài chờ đợi trên đất Trung Quốc. Hai anh cũng đồng ý, tôi nên đi Bắc Hải xem tình thế ra sao rồi sẽ cùng nhau bàn bạc kỹ hơn về ý định của cán bộ Ngô.

Ngày hôm sau, tôi đến Bắc Hải bằng xe đò. Đúng như ông Phùng nói, Bắc Hải lúc đó có rất nhiều thuyền bè đến từ Việt Nam, chở đầy người Việt tỵ nạn, trong đó hầu hết đến từ Miền Bắc. Trời lúc đó mới vào hè, nhưng khí hậu rất oi bức, mặc dù Bắc Hải là một thị trấn cảng nằm sát cạnh biển. Ngay khi đến Bắc Hải, tôi đã thấy cả một vùng đất khoảng một cây số vuông, dưới bến thì kín mít thuyền bè các loại, còn trên bờ thì san sát lều trại to nhỏ của người tỵ nạn.

Đang đi phát phơ trên bến, bỗng có người vỗ vai tôi thật mạnh cùng với tiếng la thật to:

- A Phàn!

Tôi giật mình quay lại.... và vui mừng nhận ra đó là ông Phùng. Cùng đi với ông có bà Hoa, cô bé Liên và hai người đàn bà nữa, trông lớn tuổi hơn bà Hoa. Hôm nay trời nắng đẹp, nên hai mẹ con bà Hoa ăn vận rất giản dị. Bà Hoa mặc chiếc áo lụa màu hoa cà, tóc búi cao, dáng người thanh thoát, tươi trẻ. Liên cũng mặc áo lụa cùng màu, cổ quàng hờ chiếc khăn xoa màu kem trông rất nhã. Hai người đàn bà đi cùng tuy mặc đồ màu đen, nhưng vóc dáng cũng cao ráo. Trông bộ điệu e lệ và tuổi tác của hai người, tôi đoán, họ đều là vợ của ông Phùng.

Thấy tôi, ông Phùng quay lại nói tiếng Hoa với bà Hoa. Bà ngoan ngoãn cúi đầu lắng nghe, rồi quay qua tôi gật đầu chào nhẹ và cùng với Liên và hai bà đi thẳng vô bờ.

Ông Phùng quay qua vỗ vai tôi, nói giọng thân mật có chút kể cả:

- Đi, chú mày đi đánh chén với anh mày một bữa.

Tôi phì cười nghĩ bụng, hễ gặp ông này ở đâu là rủ ăn nhậu. Phàn không đói, phần có công việc phải làm nên tôi vội vàng từ chối:

- Nói thực với ông, tôi lên đây có chút chuyện, rồi phải trở về Phòng Thành ngay chiều nay...

Ông Phùng cười ha hả:

- Chuyện gì cũng không quan trọng bằng chuyện chú mày định đi Hồng Kông, có phải không nào? Mà muốn đi Hồng Kông thì phải đánh chén trước đã...

Tôi ngạc nhiên:

- Ai nói với ông tôi định đi Hồng Kông?

Ông Phùng vừa kéo tay tôi đi vừa nói:

- Cần gì phải nghe ai nói. Những người như chú mày mà xuất hiện ở Bắc Hải thì chỉ có tìm đường đi Hồng Kông thôi. Bây giờ kiếm cái gì đánh chén rồi anh sẽ bày cách cho chú mày đi Hồng Kông ngon lành, chẳng tốn kém tiền bạc gì.

Nghe ông Phùng nói vậy, tôi bán tín bán nghi. Nghĩ lại những gì ông nói với tôi trước đây trong quán nhậu, sau đều trúng hết, nên tôi tin tưởng ngoan ngoãn đi theo ông.

Đi được mấy chục thước, ông kéo tôi chui vô một cái lán che bằng mấy tấm vải dù, buộc chung với hai ba tấm ni lông. Trong lán mùi thịt nước, mùi nước mắm tỏi chanh thơm lừng, cùng với tiếng hò hét huyền não ầm ĩ của cả chục người đang nhậu nhoẹt. Vừa thò đầu chui vô, bỗng dung mọi tiếng ồn ào trong lán im bật. Rồi tôi chỉ nghe thấy có giọng hô thật lớn và đơn đả: "Phùng tài gia, Phùng tài gia, mời vô, mời vô".

Vì vừa ở ngoài trời nắng bước vô lán nên mắt tôi hoa lên, không nhìn thấy gì. Chút sau, quen dần ánh sáng trong lán, tôi mới nhận ra khoảng chục thanh niên ngồi dọc theo hai bên lán. Người nào người nấy tay chén tay đĩa. Thì ra họ đang ăn dở, nhưng thấy ông Phùng vô nên lui ra ngoài để nhường chỗ cho ông. Tất cả đều im lặng, tỏ vẻ cung kính đối với ông Phùng. Còn lại, ngồi cạnh chiếc mâm đồng thật lớn ở giữa lán là hai người đàn ông lớn tuổi đều cõi trần. Trong mâm có hai đĩa thịt nướng thật lớn, tôi đoán một đĩa thịt heo, một đĩa thịt bò. Ngoài ra là đủ loại rau sống, chuối xanh nguyên quả, khế chua nguyên trái... chất đồng trong một chiếc xoong nhôm thật to. Hơn chục chai bia của Trung Quốc để trong chiếc thau nhựa, đổ đầy nước. Một đồng hồ chai để ngổn ngang chung quanh.

Ông Phùng khoan thai ngồi xuống bên mâm, rồi ra dấu cho tôi ngồi theo. Ông chỉ hai người đàn ông giới thiệu một ông là bang trưởng của bang hội nào đó ở Hải Phòng thì phải; và một ông là quản tài của một

tiệm buôn lớn lắm ở phố Hàng Buồm, Hà Nội. Hai ông trông đặc sệt người Hoa, nhưng nói tiếng Việt rất trôi chảy.

Chỉ tay vào tôi, ông Phùng chỉ nói vắn tắt, "Chú em ở Hải Phòng", rồi thản nhiên cầm đĩa chén. Cả hai vị bang trưởng và quản tài đều tỏ vẻ kính trọng đặc biệt ông Phùng, nên khi nghe giới thiệu tôi, cả hai vị đều quay sang tôi chấp tay nói "hân hạnh, hân hạnh", làm tôi ngỡ ngàng chín cả người, lúng túng không biết trả lời sao.

Trong bữa tiệc, hai vị bang trưởng và quản tài đều tận tâm thù tiếp, còn ông Phùng thì ăn uống tự nhiên như là ông chủ trong gia đình. Riêng tôi thì rụt rè, bỡ ngỡ vì không khí trong lán quá xa lạ.

Ăn uống trò chuyện xã giao một hồi, ông Phùng hỏi giọng oang oang:

- Vụ tàu của lão Bình đến đâu rồi?

Ông bang trưởng quay nhìn lão quản tài rồi hỏi, giọng lễ phép:

- Thưa lão Bình nào?

Ông Phùng gõ đĩa vào chiếc xoong nhôm đựng rau kê keng keng:

- Lão Bình tàu Thiên Vận chớ còn Bình nào?

Ông bang trưởng vỡ lẽ:

- À, lão đó thì chắc bị tù một gông rồi. Cả lão và mấy thằng phụ tá đều bị tụi Hồng Kông truy tố ra tòa tội buôn lậu người.

Ông Phùng quay sang tôi hỏi:

- Chú mày biết tàu Thiên Vận không?

Tôi chưa kịp trả lời "không biết" thì ông đã tiếp luôn:

- Nó là chiếc tàu sắt khổng lồ do tụi cộng sản tổ chức cho 3000 người Việt gốc Hoa đi chính thức, có hoa tiêu, ca nô của cộng sản hộ tống ra tận hải phận quốc tế. Mỗi người phải trả cả 20, 30 lượng vàng thì chú mày đủ biết tụi cộng sản Việt Nam nó vơ vét nhiều đến thế nào. Tàu này cập bến Hồng Kông nhưng bị chính phủ Hồng Kông treo giò, không cho ai vô...

Ông quản tài đỡ lời:

- Mà không phải chỉ có tàu Thiên Vận đâu thưa Phùng đại gia. Nội trong mấy tháng qua, có cả chục tàu sắt khổng lồ chở người cập bến Hồng Kông như tàu Huê Phong, Hải Hồng...

Ông bang trưởng gật gù:

- Tụi cộng sản Việt Nam nó bắt nhân vậy đó. Còn chính phủ Trung Quốc cũng cho hoa tiêu, ca nô kéo tàu tỵ nạn đến Hồng Kông nhưng không lấy một xu nào. - Quay về phía tôi, ông tiếp - Như vậy "nì" thấy có đúng Trung Quốc nhân đạo hơn cộng sản Việt Nam không nào...

Tôi gật đầu đồng ý. Thời gian đó, những tên tàu như Thiên Vận, Huê Phong, Hải Hồng đối với tôi còn rất xa lạ. Sau này đặt chân đến Hồng Kông, nghe người tỵ nạn kể, tôi mới biết được cả một âm mưu buôn lậu người do cộng sản VN cấu kết với các băng đảng tội phạm quốc tế, trong đó có cả những người gốc Hoa ở Hồng Kông, Singapore, Nam Dương..., đã biến những chiếc thương thuyền bằng sắt thành những tàu chở người tỵ nạn khổng lồ, mang lại cho cộng sản hàng trăm ngàn lượng vàng.

Sợ tôi không hiểu rõ, ông Phùng quay qua giải thích:

- Chú em cũng biết đó, những thuyền nhân người Việt ở đây hầu hết là người Hoa ra đi từ Miền Bắc.

Ngoài ra ở đây cũng có cả những thuyền của người Việt đi từ Đà Nẵng, Nha Trang, Hà Nội, Hải Phòng, Móng Cái, và nhất là vùng Trà Cổ. Một khi những thuyền đó ghé Bắc Hải, chính phủ Trung Quốc sẵn sàng giúp đỡ, mà không hề phân biệt thuyền đó đi từ đâu, chở người Hoa hay người Việt.

Tôi hỏi:

- Thưa ông, chính phủ Trung Quốc giúp đỡ như thế nào?

Ông Phùng giơ tay bấm từng đốt, miệng nói:

- Giúp lương thực, thực phẩm, nước uống, nhiên liệu, thuốc men... là một. Sửa chữa tàu bè, bảo đảm an toàn trên biển là hai. Những ai ốm đau sẽ được đưa vô bệnh viện chữa trị là ba. Cho ca nô kéo thuyền đến tận hải phận Hồng Kông là bốn...

Quay sang phía bang trưởng và quản tài, ông Phùng chỉ tay về phía tôi và nói:

- Chú em tôi đây muốn đi Hồng Kông, liệu hai ông giúp đỡ được hay không?

Ông bang trưởng hỏi:

- Chú em không phải là người Hoa?

Tôi chưa kịp lên tiếng, ông Phùng đã trả lời:

- Không, chú ấy là người Việt hoàn toàn. Và không có tiền bạc gì cả.

Ông bang trưởng có một thoáng ngần ngại. Ông quản tài nhanh nhẩu:

- Thưa ông, chuyện đó đâu có khó. Mấy chiếc thuyền đi từ Trà Cổ cũng rặt người Việt không à. Minh xuống đó nói với họ một tiếng là họ nhận lời ngay thôi. Có một người đi thì dễ quá mà, tiền bạc khỏi lo.

Tôi rụt rè thưa:

- Thú thực với các ông, chúng tôi có tất cả 7 người...

Ông Phùng ngạc nhiên, trợn mắt nhìn tôi:

- 7 người? Anh nhớ là gặp chú mày ở Đồng Hưng, dĩ chỉ có một mình mà?

Tôi gật đầu:

- Dạ thưa ông khi đó thì chỉ có một mình. Nhưng về Phòng Thành thì tôi gặp một số người cùng cảnh ngộ, và nói thực với ông, hôm nay tôi đi Bắc Hải là tìm đường cho tất cả 7 anh em cùng vượt biên sang Hồng Kông.

Ông Phùng buông đũa thờ dài nhìn bang trưởng và quản tài. Cả hai người này cũng lắc đầu. Tôi coi bộ mấy người không giúp được cả 7 người chúng tôi nên chán nản, muốn cáo lui. Biết ý, ông Phùng vỗ vai tôi và nói:

- Nếu đi cả 7 người thì quả thật anh không thể giúp chú mày được. Nhưng anh có một cách...

Tôi hy vọng:

- Thưa ông cách gì? Xin ông cứ nói, chúng tôi sẽ làm theo lời ông, và nếu thành công đến được Hồng Kông thì chúng tôi đội ơn ông vô cùng.

Ông Phùng xua tay:

- Ôn huệ gì. Giang hồ tứ hải, gặp nhau lúc khó khăn, anh có thể giúp chú mày hôm nay thì mai sau, thiên hạ giúp anh cũng vậy thôi. Bây giờ theo anh nghĩ, chú mày cứ về nói với tất cả mọi người cùng đến gặp cán bộ Ngô nói rõ là muốn đi Hồng Kông. Chắc chắn khi đó, cán bộ Ngô sẽ có biện pháp giúp...

Nghe ông nói vậy tôi ngạc nhiên vì ý kiến của ông Phùng lúc đó sao mà giống hệt lời hứa hẹn của cán bộ Ngô ngày hôm trước. Tôi chưa kịp hỏi tới, ông Phùng đã giải thích:

- Chú em phải hiểu, đảng và nhà nước Trung Cộng không muốn những người như chú em ở lại đây. Với chính sách mỗi gia đình chỉ được một con, mà dân ở đây cũng đã đông đến độ khủng khiếp, thì chính phủ đâu có muốn nhận thêm bất cứ ai. Cái thứ hai là những người từng sống trong các quốc gia tự do của tây phương như chú mày, ít nhiều cũng bị tiêm nhiễm tư tưởng tự do dân chủ của đế quốc. Những người như vậy nếu sống ở Trung Quốc sẽ là mầm mống tạo nên sự bất ổn cho xã hội ở đây. Vì vậy, họ phải tìm cách tống khứ những người đó ra khỏi Trung Quốc. Công khai họ không thể xua đuổi những Hoa kiều và những người tỵ nạn như chú mày. Nhưng âm thầm, họ sẽ bí mật giúp đỡ tất cả những Hoa kiều và những người tỵ nạn rời khỏi Trung Quốc. Chú mày cứ tin anh đi, bảo đảm là cán bộ Ngô sẽ giúp rất ngon lành...

Ông bang trưởng nói thêm:

- Nói để "nì" hiểu, ở đây lâu lâu, công an Trung Quốc lại dắt người xuống gởi gắm các chủ thuyền. Nay năm ba người, mai mười người. Chuyện đó thường lắm. Tất cả các chủ thuyền đây đều sợ chính quyền Trung Cộng một phép, và đều mong công an đến gởi người vì thuyền nào được công an gởi người thì thuyền đó sẽ được ca nô, tàu kéo của nhà nước kéo đi Hồng Kông sớm.

Tôi hỏi:

- Nếu chúng tôi chấp thuận đi có trả tiền thì bao nhiêu tiền một đầu người?

Ông bang trưởng nói ngay:

- Tùy thuyền to nhỏ, tùy người lớn bé. Nhưng đại khái cao nhất là 500, thấp nhất là 300 nhân dân tệ (tiền của Trung Cộng, 1 nhân dân tệ xấp xỉ 1 đô la Úc lúc đó). Nếu "nì" có tiền, cứ đến đây gặp tôi, tôi sẽ giúp được dễ dàng.

Nghe những lời khuyên của ông Phùng tôi thấy hợp lý. Nhất là hôm trước, chính tai tôi đã nghe cán bộ Ngô hứa hẹn sẽ giúp đỡ không chính thức nếu chúng tôi có ý đi Hồng Kông. Như vậy tại sao tôi không về bàn bạc với anh Tiến và anh Thu để nói chuyện thẳng với cán bộ Ngô? Nghĩ vậy, tôi yên tâm, chào ông Phùng và hai người bạn của ông, lên đường trở về Phòng Thành với tất cả hy vọng và niềm vui...

Lúc đó tôi đâu có thể ngờ được, sau cuộc chiến tranh biên giới xua quân tiến chiếm 6 tỉnh phía bắc của Việt Nam vào tháng 2 năm 1979, cơ quan tình báo của Trung Cộng đã móc nối được Hoàng Văn Hoan và đang có âm mưu thành lập một "chính phủ Việt Nam lưu vong". Với âm mưu này, cán bộ Ngô vừa nhận được lệnh lôi kéo những người Việt gốc Hoa, và đặc biệt là những người Việt hiện đang tỵ nạn trên lãnh thổ Trung Quốc, tham gia vào "chính phủ VN lưu vong". Tôi cũng không thể ngờ được, trong số những người Việt ở Phòng Thành lúc đó, cán bộ Ngô vừa được lệnh cố gắng lôi kéo anh Hoàng Văn Tiến, kiến trúc sư, trưởng ty kiến thiết Hậu Nghĩa tham gia "chính phủ Việt Nam lưu vong" của Hoàng Văn Hoan....

## KỶ 104

Chiều hôm đó tôi về đến Phòng Thành. Vừa bước vô nhà, anh Thu và anh Tiến đã vội kéo tôi ra ngoài bờ suối. Anh Thu hỏi tôi:

- Sao tình hình Bắc Hải thế nào? Có thuận lợi không?

Tôi vẫn tất thuật lại cho hai anh nghe những điều mắt thấy tai nghe ở Bắc Hải và những gợi ý của ông Phùng, nhưng giấu không cho hai anh biết, ông Phùng có lòng tốt muốn giúp tôi đi Hồng Kông mà không mất tiền. Thuật xong, tôi kết luận:

- Em thấy trong hoàn cảnh của mình bây giờ, muốn đi Hồng Kông dễ dàng, chỉ có cách làm theo lời của ông Phùng, đến nói thật với cán bộ Ngô để họ giúp đỡ là tốt nhất.

Anh Thu đáp ngay:

- Thì từ lúc cậu đi đến giờ, tôi cũng đã bàn với Tiến như vậy. Nếu cán bộ Ngô đã nói với cậu hôm qua như vậy thì mình đâu có ngại ngần gì nữa mà không nhờ họ giúp.

Anh Tiến chậm rãi hỏi anh Thu:

- Nhưng ông nghĩ sao về cuộc hẹn vào sáng mai?

Tôi ngạc nhiên:

- Hẹn ai vào sáng ngày mai?

Anh Thu trả lời ngay:

- Với cán bộ Ngô.

Tôi hỏi tới:

- Có chuyện gì vậy?

Anh Thu lắc đầu:

- Cũng không biết chuyện gì. Chỉ thấy cán bộ Ngô trực tiếp xuống lán mời mình họp vào 10 giờ sáng mai tại chiêu đãi trạm.

Tôi thắc mắc:

- Mời mình là mời cả lán gần hai chục người hay chỉ có mấy anh em mình?

- Chỉ có Tiến, tôi và cậu. - Anh Thu trả lời - Tôi có hỏi rõ là có mời mấy đứa Hải Phòng không thì cán bộ Ngô nói không.

Tôi băn khoăn vì từ khi chuyển về Phòng Thành, tất cả mấy anh em chúng tôi và 14 người của gia đình bà Trà, cộng với anh Chữ (đi lính cho Pháp, kẹt lại Miền Bắc sau năm 1954), đều được chính quyền Trung Quốc đối xử bình đẳng, không hề có bất cứ sự phân biệt nào. Hơn nữa, trong thời gian mấy tháng qua, mọi sinh hoạt của chúng tôi đều phẳng lặng, chỉ ăn ngủ và dạo phố, rất ít khi làm việc với cán bộ Ngô, đây là lần đầu tiên có cuộc hẹn hò tại chiêu đãi trạm.

Tôi hỏi anh Tiến:

- Anh nghĩ sao, họ hẹn mình có chuyện gì vậy?

Anh Tiến chậm rãi, vừa nói vừa suy nghĩ:

- Tôi cũng nghĩ nát óc, mà chưa đoán được chuyện gì.

Anh Thu dè dặt:

- Hay là họ chủ động đuổi khéo mình đi Hồng Kông?

Tôi hưởng ứng:

- Em cũng nghĩ vậy. Để mình ở đây chờ vài năm, lo chỗ ăn chỗ ở mà chẳng được tích sự gì thì họ đâu có muốn nuôi báo cô.

Anh Tiến lắc đầu:

- Tôi nghĩ chuyện đi Hồng Kông là chuyện nhỏ đối với họ. Nếu hôm qua, cán bộ Ngô đã nói với cậu là sẽ không chính thức giúp chúng ta đi Hồng Kông thì cán bộ Ngô không thể nào mời chúng ta ngày mai chính thức đến chiêu đãi trạm họp để bàn về chuyện đó.

Tôi thấy anh nói vậy có lý, nên im lặng. Anh Thu có vẻ lo lắng:

- Không bàn về chuyện đó thì chuyện gì?

Anh Tiến im lặng không nói. Tôi cũng lo lắng hỏi:

- Hay họ định gửi mình về nông trường?

Anh Tiến cười nhẹ:

- Cậu không nghe ông Phùng nói à? Những người như chúng mình ở Trung Quốc thêm ngày nào chỉ có hại cho chính phủ Trung Cộng. Như vậy đại gì họ cho mình về nông trường. Hơn nữa mình là người tỵ nạn chính trị, lại có thân nhân ở ngoại quốc, họ đâu được quyền cho mình về nông trường khơi khơi như vậy được.

Anh Thu không đồng ý:

- Bộ ông không đọc thư của tòa đại sứ Mỹ, Úc gửi tụi mình hay sao? Họ đã nói là chính phủ và nhân dân Trung Quốc có bổn phận định cư người Việt tỵ nạn đó thôi. Như vậy họ đưa về mình về nông trường thì đâu có gì sai trái.

Anh Tiến gật đầu:

- Tôi đồng ý với anh điều đó. Nhưng nếu họ có ý gửi mình về nông trường thì tại sao họ chỉ muốn gặp có 3 anh em mình? Tại sao họ không gặp chị em bà Trà và mấy đứa con của họ.

Lời giải thích của anh Tiến cũng hợp lý. Anh Thu cũng nhận ra điều đó nên anh lặng im không nói. Anh Tiến thông thả kết luận:

- Chuyện gì thì chuyện, cứ chờ ngày mai sẽ biết. Nhưng tôi dám chắc không có chuyện họ đưa chúng ta về nông trường đâu.

Tối hôm đó, chúng tôi thao thức không ngủ được. Ai cũng bồn chồn nghĩ đến buổi hẹn ngày mai không biết lành dữ như thế nào.

\* \* \*

Sáng hôm sau, mới chín giờ kém, ba anh em chúng tôi đã lên đường đi bộ đến chiều đãi trạm. Đó là đoạn đường ngắn khoảng 3 cây số, nên chưa tới 10 giờ, chúng tôi đã có mặt ở chỗ hẹn. Một nhân viên tóc hoa râm, ăn vận chỉnh tề, dắt chúng tôi vô phòng khách, nói chúng tôi ngồi chờ.

Đúng 10 giờ, cán bộ Ngô mở cửa mời chúng tôi theo ông. Anh Thu, anh Tiến và tôi, lần lượt đi theo ông đi dọc một hành lang dài, rồi bước vô một căn phòng rộng, bài trí đơn giản nhưng nghiêm trang. Ngay trước mặt là một bức hình Mao Trạch Đông thật lớn kín cả bức tường, khoác áo đại cán, tay cầm cuốn trước tác màu đỏ hướng về phía mặt trời đang mọc, tỏa sáng rực cả chân trời. Tường phía bên phải là treo quốc kỳ, quốc huy Trung Hoa và hai bức ảnh thật lớn, chân dung của Mao Trạch Đông và Hoa Quốc Phong. Giữa phòng là một chiếc bàn bằng gỗ dày chạy dài, chung quanh có mấy chiếc ghế có nệm. Ngoài trừ 3 chiếc ghế ở giữa bàn và chiếc ghế đối diện là chưa có người ngồi, còn lại mỗi ghế đều có một cán bộ Trung Cộng mặc áo đại cán ngồi nghiêm chỉnh.

Cán bộ Ngô hướng dẫn chúng tôi ngồi vô ba chiếc ghế trống, sau đó ông đi về chiếc ghế trống đối diện chúng tôi rồi lặng lẽ và trịnh trọng ngồi xuống. Ở góc phòng phía bên tay phải có một người lính đứng nghiêm, thân hình cứng đờ như khúc gỗ. Không khí trong phòng nặng nề khiến tôi cũng bồn chồn lo lắng và bất an.

Gần một phút im lặng trôi qua, người ngồi ở ghế chủ tọa, ngay dưới hai bức chân dung Hoa Quốc Phong và Mao Trạch Đông, mới cất tiếng nói, giọng ề ề, chậm rãi. Ông tương đối lớn tuổi, tóc đã hoa râm, khi nói ông đeo kính và trông vào tờ giấy trước mặt. Ông nói khá dài, khoảng hai mươi phút và chốc chốc ông dừng lại cho cán bộ Ngô thông ngôn cho chúng tôi nghe. Cả hai khi nói đều ngồi.

Đại khái ông nói về tình hữu nghị giữa hai dân tộc Việt Trung, sự giúp đỡ của Trung Cộng đối với Việt Cộng suốt từ thời chống Pháp đến cuộc chiến tranh "chống Mỹ cứu nước, giải phóng Miền Nam". Rồi ông nói đến việc Việt Cộng đã cấu kết với Nga Xa phản bội Trung Cộng, thực hiện tham vọng bá quyền khu vực bằng cách tấn công Campuchia. Vì vậy, để dạy cho Việt Cộng một bài học, Trung Cộng đã mở màn tấn công Việt Cộng vào trung tuần tháng 2 và kết thúc vào trung tuần tháng 3 vừa qua. Ông cũng cho biết, trong thời gian một tháng, Trung Cộng đã mở mặt trận toàn diện các tỉnh vùng biên giới Việt Trung như Lai Châu, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh... tiêu diệt được hàng chục ngàn binh lính VC, "giải phóng" (?) được 4 thị xã và cầm tù hàng ngàn tù binh VC...

Sau một hồi cà kê nói về những chiến thắng vẻ vang của Trung Cộng, thái độ ngoan cố của Việt Cộng, ông đề cập đến trách nhiệm lật đổ chế độ cộng sản của người Việt yêu nước trong đó có chúng tôi. Ông nói:

- Thừa các "đồng chí" Việt Nam yêu nước. Trong tinh thần và trách nhiệm quốc tế của giai cấp vô sản, chính phủ và 800 triệu nhân dân Trung Quốc vĩ đại sẵn sàng hậu thuẫn người Việt Nam thực hiện mục tiêu cao cả, lật đổ chế độ cộng sản tại Việt Nam để mang lại hạnh phúc, cơm no áo ấm cho nhân dân Việt Nam. Trong cuộc chiến tranh "dạy cho Việt Cộng một bài học" vừa qua, nhân dân Trung Quốc đã hy sinh xương máu để thực hiện mục tiêu cao cả đó. Trong tương lai, nhân dân Trung Quốc sẵn sàng tiếp tục hy sinh để "giải phóng" nhân dân Việt Nam khỏi sự kìm kẹp của bá quyền Việt Cộng. Tuy nhiên, cuộc cách mạng tại Việt Nam phải do chính người Việt Nam thực hiện. Vì vậy, tôi kêu gọi lòng yêu nước của các "đồng chí" Việt Nam ngồi đây, hãy cùng chung vai sát cánh với chúng tôi thực hiện bằng được cuộc cách mạng lật đổ cộng sản Việt Nam trong tương lai...

Nói đến đó ông nhường lời cho một cán bộ khác ngồi bên tay phải của ông. Sau khi nghe cán bộ Ngô thông ngôn lời của ông, tuy chưa rõ ràng, nhưng qua lời kêu gọi "chung vai sát cánh lật đổ Việt Cộng" chúng tôi đã linh cảm, ông muốn chúng tôi tham gia vào đội quân của Trung Cộng xâm lăng Việt Nam...

Người cán bộ thứ hai trẻ hơn ông cả chục tuổi, có giọng nói hùng hồn, khi nói ông đứng thẳng, tay chém chém vào không khí với dáng điệu quả quyết. Qua lời phiên ngôn của cán bộ Ngô, chúng tôi biết ông họ Lưu, là ủy viên trưởng ủy ban liên lạc Việt Trung cho "chính phủ Việt Nam lưu vong" tại Trung Cộng. Ông nói, hiện một "chính phủ VN lưu vong" đang được thành lập với sự hậu thuẫn tối đa về tiền bạc, nhân sự, phương tiện, vũ khí... của chính phủ và nhân dân Trung Cộng. Để có thể thu hút được sự hậu thuẫn của nhân dân Việt Nam cũng như của quốc tế, "chính phủ VN lưu vong" phải có đầy đủ các thành phần đại diện cho người Việt, nhất là những người Việt yêu nước gốc "chế độ cũ"...

Nhìn thẳng về phía chúng tôi, cán bộ Lưu hùng hồn:

- Các "đồng chí" là con dân nước Việt, lại là những người Việt trí thức yêu nước, các "đồng chí" không thể quay lưng lại với tổ quốc và nhân dân khi lịch sử lên tiếng kêu gọi. Bây giờ chính là giờ phút trọng đại của lịch sử, nên tôi kêu gọi các "đồng chí" hãy xứng đáng là những "Lôi Phong" của Việt Nam bằng cách tham gia "chính phủ VN lưu vong". Tôi tin với sự hậu thuẫn vô cùng to lớn và vô điều kiện của chính phủ và 800

triệu nhân dân Trung Hoa, các "đồng chí" sẽ lập được những chiến công hiển hách lẫy lừng lịch sử. Chúng tôi đang chờ đợi ở sự hưởng ứng của các "đồng chí"...

Nghe cán bộ Ngô thông ngôn xong những lời nói hùng hồn của cán bộ Lưu, cả ba chúng tôi bàng hoàng ngây cả người. Nhất là lời kêu gọi chúng tôi thành những "Lôi Phong" của Việt Nam đã làm tôi kinh hoàng đến tê dại cả người. Sống trong chế độ cộng sản, tôi không lạ gì nhân vật Lôi Phong. Đó là một biểu tượng anh hùng cuồng tín trong chế độ cộng sản Trung Cộng, đã hy sinh cho đảng và Mao Chủ Tịch một cách ngu ngốc đến giọt máu cuối cùng. Anh Thu và anh Tiến tuy không biết Lôi Phong là ai, nhưng đại khái, hai anh cũng hiểu được cán bộ Lưu kêu gọi hai anh ở lại Trung Cộng tham gia "chính phủ VN lưu vong" để đánh Việt Cộng.

Cán bộ Ngô thông ngôn xong, mọi người im lặng nhìn về phía chúng tôi. Chúng tôi cũng ngồi im bất động vì không biết trả lời sao. Mọi chuyện xảy ra quá đột ngột, vượt xa sự tưởng tượng của chúng tôi. Một phút im lặng trôi qua, cán bộ Ngô cất tiếng, giọng hòa hoãn và niềm nở:

- Các "đồng chí" cứ vui vẻ thoải mái cần nhắc lời đề nghị của đồng chí Lưu. Đó chỉ là những gợi ý, những lời kêu gọi, chứ không hề có ý bắt buộc. Dĩ nhiên là tùy theo hoàn cảnh của mỗi người, các "đồng chí" có thể cống hiến cho cuộc cách mạng nhân dân lật đổ chế độ bá quyền Việt Cộng ở những cương vị khác nhau, mức độ và cách thức khác nhau...

Sau một lúc im lặng tiếp theo, anh Tiến dơ một ngón tay xin có ý kiến. Cán bộ Ngô sáng mắt nói ngay, giọng rất lịch sự:

- Xin mời "đồng chí" Tiến.

Anh Tiến đứng dậy, nói giọng chậm rãi:

- Chúng tôi rất cảm ơn chính phủ và nhân dân Trung Hoa đã chấp thuận cho chúng tôi hưởng quy chế ty nạn chính trị và đã tận tình giúp đỡ chúng tôi trong thời gian qua. Hôm nay qua lời của cán bộ Vương và cán bộ Lưu, chúng tôi cũng xin thưa là chúng tôi luôn luôn ước mơ một ngày không xa, chế độ cộng sản tại Việt Nam sẽ sụp đổ. Nhưng ngồi im nguyên rùa cho nó sụp đổ thì không bằng ra tay góp phần làm cho nó sụp đổ nhanh hơn. Người xưa đã nói, thà đốt một ngọn nến nhỏ còn hơn nguyên rùa bóng tối, có phải vậy không thưa quý vị? Vì vậy, chúng tôi rất hoan nghênh việc chính phủ và nhân dân Trung Hoa đã, đang và sẽ còn tiếp tục hậu thuẫn nhân dân Việt Nam thực hiện sứ mạng lật đổ chế độ "bá quyền" cộng sản Việt Nam...

Anh Tiến nói đến đâu, cán bộ Ngô mỉm cười, gật gù lia lịa đến đó. Mấy cán bộ người Hoa khác tuy không biết tiếng Việt, nhưng thấy thái độ của cán bộ Ngô như vậy, họ cũng gật gù tỏ dấu hoan nghênh. Khi anh Tiến nói đến hai chữ "bá quyền", cán bộ Ngô khoái quá, dơ tay nhịp nhịp, bảo anh Tiến tạm ngưng để ông ta thông ngôn.

Quay qua mấy cán bộ người Hoa, cán bộ Ngô hùng hồn thông ngôn sang tiếng Hoa. Nghe xong, mấy cán bộ người Hoa vỗ tay hoan hô, xì xồ nói cười ầm ĩ. Tôi và anh Thu nhìn nhau lo lắng, vì không biết anh Tiến sẽ nói tiếp những gì...

Chờ cho mọi người im lặng, anh Tiến nói tiếp:

- Là những người Việt Nam yêu nước, chúng tôi rất đau đớn khi cộng sản Bắc Việt vi phạm hiệp định Ba Lê xâm lăng Việt Nam Cộng Hòa chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi cũng mong có ngày giải phóng quê hương, đất nước chúng tôi thoát khỏi ách đô hộ của cộng sản Việt Nam. Nhưng qua lời của cán bộ Lưu, chúng tôi muốn hỏi cho rõ, nếu chúng tôi gia nhập "chính phủ VN lưu vong" là gia nhập như thế nào? Liệu chúng có phải cầm súng chiến đấu hay không? Cảm ơn quý vị.

Nói xong, anh Tiến thông thả ngồi xuống. Nghe anh Tiến hỏi, tôi liếc mắt nhìn anh Thu, thấy vẻ mặt của anh vẫn thản nhiên, nên tôi cũng im lặng giữ vẻ mặt thản nhiên. Cán bộ Ngô gật gù nhìn anh Thu và tôi như có ý hỏi chúng tôi có ý kiến gì không. Thấy cả hai im lặng, ông đứng lên quay về phía cán bộ Vương và cán bộ Lưu nói líu lô bằng tiếng Hoa. Hai bên nói qua nói lại bằng tiếng Hoa một lúc, rồi cán bộ Lưu đứng lên nói, cán bộ Ngô thông ngôn:

- Cảm ơn "đồng chí" Tiến đã hỏi một câu rất quan yếu. Như cán bộ Ngô đã nói lúc nãy, khi tham gia vào "chính phủ Việt Nam lưu vong", các đồng chí sẽ đóng góp theo đúng khả năng, kiến thức và cương vị của mình, và sẽ được đãi ngộ xứng đáng. Riêng "đồng chí" Tiến, với kiến thức của một công trình sư (kiến trúc sư), và chức vụ lãnh đạo trường ty kiến thiết của một tỉnh, tôi tin chắc là "đồng chí" sẽ đóng một vai trò trọng yếu bậc nhất trong "chính phủ VN lưu vong". Nhất là hiện nay, theo tôi biết "chính phủ VN lưu vong" chưa có một gương mặt quan trọng nào của "chế độ cũ", và chúng tôi hiện rất cần một nhân vật quan trọng như vậy trong "chính phủ VN lưu vong". Vì vậy nếu "đồng chí" tham gia thì sẽ là một khách lệ to lớn cho chúng tôi. Nói vậy có nghĩa là khi tham gia "chính phủ VN lưu vong", không bao giờ có chuyện các "đồng chí" phải cầm súng chiến đấu, mà chỉ đóng vai trò lãnh đạo, cố vấn, hoặc những công việc điều hành của trung ương. Câu trả lời của tôi như vậy không biết có thỏa mãn "đồng chí" Tiến không nhỉ?

Anh Tiến gật đầu nhẹ và nói nhỏ hai tiếng "Cảm ơn", không nói gì thêm. Cán bộ Ngô hỏi anh Thu và tôi có ý kiến gì không. Chúng tôi đều lắc đầu nói nhỏ, "xin được suy nghĩ thêm".

Sau đó, một số cán bộ hỏi chúng tôi về tình hình sinh hoạt, ăn uống, nguyện vọng, cùng vài câu thăm hỏi, chúc mừng xã giao... trước khi giải tán. Chúng tôi được cán bộ Vương, cán bộ Lưu và cán bộ Ngô tiễn ra tận cửa, và được xe riêng của chiều đái trạm chờ về tận cửa lán.

## KỶ 105

Buổi gặp gỡ sáng hôm đó chỉ kéo dài có khoảng hơn một tiếng đồng hồ, nhưng chúng tôi rất hoang mang. Khi ra về, ngồi trên xe của chiều đái trạm, chúng tôi giữ ý không bàn tán gì, vì sợ tài xế có thể nghe và hiểu tiếng Việt. Về tới lán, ba anh em chúng tôi liền kéo nhau ra bờ suối bàn bạc.

Anh Thu sôi nổi lên tiếng đầu tiên:

- Không biết hai cậu nghĩ thế nào, còn tôi thì không bao giờ tin được mấy anh cộng sản. Cộng sản nào cũng vậy thôi. Trung Cộng, Việt Cộng thì cũng một lũ điểm đảng giống nhau. Đừng có đại dột nghe theo mấy anh Tàu Cộng dụ dỗ... rồi công đâu chữa thấy, thấy mang tội.

Tôi nhìn anh Tiến. Thấy anh trầm ngâm không nói, tôi dục dề đồng ý với anh Thu:

- Em cũng nghĩ như vậy... Em thì em chẳng lạ gì tụi Trung Cộng. Chúng hiềm độc chẳng thua gì Việt Cộng. Tốt nhất là mình không nên tham gia chính phủ nào do Trung Cộng nặn lên.

Anh Tiến vẫn trầm ngâm, xoa cằm không nói gì. Anh Thu nhìn anh Tiến hỏi, giọng thúc dục: "Còn cậu nghĩ sao? Muốn tham gia "chính phủ Việt Nam lưu vong" phải không?"

Anh Tiến chậm rãi: "Tôi đồng ý với với ông và Lai, Trung Cộng và Việt Cộng đều là cộng sản, nên cả hai cùng điểm đảng như nhau. Nhưng trong đấu tranh mình phải sáng suốt nhìn nhận kẻ thù nào là chính, kẻ thù nào là phụ, kẻ thù cần phải tiêu diệt, kẻ thù nào mình có thể lợi dụng. Trong hoàn cảnh hiện nay, kẻ thù duy nhất mình cần phải tiêu diệt là Việt Cộng. Và nếu có thể lợi dụng được Trung Cộng để tiêu diệt Việt Cộng thì tại sao chúng ta không làm?"

Anh Thu chận ngay: "Làm sao cậu có thể lợi dụng được Trung Cộng?"

Anh Tiến gật đầu: "Lợi dụng được chớ sao không. Trung Cộng nó đang cần mình để lập "chính phủ Việt Nam lưu vong", tạo chính nghĩa cho cuộc chiến tranh xâm lăng Việt Nam của chúng mà. Tại sao mình không tương kế tựu kế."

Anh Thu lắc đầu:

- Tôi e rằng nó lợi dụng anh chứ anh không bao giờ có thể lợi dụng được nó.

- Tại sao ông lại nói như vậy?

- Cái trò chính trị xưa nay khi đã ngồi chung với nhau để mưu cầu một cái gì thì phải biết mình vì cái gì và thực lực mình có cái gì. Nhìn bề ngoài thì cái mục tiêu của Trung Cộng và của mình cùng giống nhau là lật đổ cộng sản Việt Nam. Nhưng động cơ thực sự bên trong thì mình khác với Trung Cộng. Trung Cộng nó muốn lật đổ Việt Cộng để lập một chính phủ chư hầu, gọi dạ bảo vâng. Còn mình lật đổ Việt Cộng là để lập nên một chính phủ độc lập mang lại tự do dân chủ cho dân. Mục tiêu khác biệt như vậy, thì tôi hỏi cậu chứ, liệu Trung Cộng nó có chịu hy sinh mục tiêu của nó để mình thực hiện mục tiêu của mình không?

Nói đến đó anh Thu im lặng chờ anh Tiến lên tiếng. Một phút im lặng trôi qua, anh Tiến nói:

- Ông nói hết ý của ông đi rồi tôi nói.

Anh Thu gật đầu tiếp:

- Bây giờ tôi nói về thực lực, cậu có cái gì? Chẳng có gì hết! Lại đang ăn nhờ ở đậu Trung Cộng, đúng vậy không nào? Như vậy thì cậu ăn nói với chúng như thế nào? Làm chính trị cũng giống như đi buôn. Người ta bỏ 100% vốn, còn cậu chẳng có gì, chỉ có một thân một mình. Vậy thì quyền ăn nói, quyết định thuộc về ai?

Anh Tiến gật gù:

- Những điều ông nói không phải là không đúng. Nhưng trong chính trị xưa nay có nghệ thuật mượn gió bẻ măng, tá lỵ đả lỵ. Nói rộng ra là mượn sức của người khác để dùng cho mục tiêu của mình. Trong lịch sử của Tàu cũng như Việt, thiếu gì những bậc đại trí, khi khởi nghĩa trong tay không một tấc sắt nhưng biết dùng mưu trí mà rồi trong tay có trăm vạn hùng binh, thân đoạt được cả thiên hạ.

Anh Thu phì cười:

- Vẫn biết trong lịch sử có không thiếu những nhân vật tài ba, nước lã mà quây nên hồ, tay không dựng nổi cơ đồ như vậy. Nhưng cậu có đủ tài ba như thế không mới là điều đáng nói.

Anh Tiến thần nhiên:

- Đủ hay không chờ thời gian trả lời. Vả lại, cậu không nghe các cụ vẫn nói đó thôi. "Thời lai đồ điều thành công dị Sự khứ anh hùng âm hận đa". Gặp thời tiểu nhân cũng thành công. Không gặp thời anh hùng cũng phải ôm hận. Cờ đến tay ai người ấy phát mà. Phát rồi không thành công cũng thành nhân.

Thấy cuộc tranh luận có mùi căng thẳng, tôi im lặng lo lắng nhìn hai anh. Anh Thu cười khẩy:

- Hiện tại ba thằng mình đứng đây, ai mà chẳng thành nhân. Chỉ sợ nghe tụi Trung Cộng dụ khi đi theo tụi nói, nhân không thành, thành tội nhân mới khổ.

Anh Tiến vẫn thản nhiên:

- Vẫn biết Trung Cộng và Việt Cộng hai thằng đều là cộng sản và điếm thổ như nhau. Nhưng như vậy không có nghĩa là mình không lợi dụng được thằng Trung Cộng. Bằng cứ là chúng ta đã lợi dụng mâu thuẫn giữa hai thằng cộng sản, đến được đây xin tỵ nạn. Bộ ông không thấy được điều đó sao?

Nghe anh Tiến nói có lý, tôi gật gù tán thành. Anh Thu vẫn lắc đầu, giọng có vẻ thương hại:

- Cái mà cậu lợi dụng mâu thuẫn giữa hai nước để xin tỵ nạn ở đây chỉ là chuyện nhỏ, Trung Cộng nó chẳng cần quan tâm nên nó cho. Còn cái cậu tính lợi dụng nó trong tương lai là chuyện trọng đại vô cùng. Cậu cứ nghĩ coi, nó tốn kém vũ khí đạn dược, xương máu cả triệu quân, mới lật đổ được cộng sản Việt Nam, khi đó sức mấy nó chịu để cho cậu lợi dụng.

- Ai lợi dụng được ai, tùy thuộc vào tài trí chứ không tùy thuộc vào sức mạnh.

- Tài trí mấy đi nữa cũng không qua khỏi lực và thế. Cậu thấy đó, thời Tam Quốc, tài trí ai bằng Khổng Minh, vậy mà cuối cùng 5 lần ra Kỳ Sơn hồng cả 5. Cuối cùng chết năm 54 tuổi mà vẫn không trung hưng được nhà Hán. Còn nói về lực và thế. Loài vật có con nào khỏe bằng con hổ. Vậy mà vớt con hổ xuống nước thì thua cả một con cá.

Anh Tiến mỉm cười:

- Mình là người chứ đâu có phải là hổ đâu mà ông ví von kì cục như vậy.

Anh Thu thở dài:

- Đâu có gì là kỳ cục. Tôi giả dụ như "chính phủ Việt Nam lưu vong" được sự hậu thuẫn của cả triệu quân Trung Cộng, tiến vào VN lật đổ được chế độ Việt Cộng, liệu các cậu có đủ can đảm và khả năng đuổi cả triệu quân Trung Cộng ra khỏi nước hay không?

Anh Tiến mỉm cười tự tin:

- Mình có hơn 70 triệu dân, đoàn kết trên dưới một lòng, tại sao không đuổi nổi 1 triệu quân Trung Cộng? Nói thực với anh, đánh Việt Cộng thì khó vì dù sao nó cũng là người Việt máu đỏ da vàng. Chớ đánh ngoại xâm như mấy thằng Tàu thì dân tộc mình có truyền thống cả ngàn năm nay rồi... Thêm nữa, điều ông vừa nói có khác gì tôi nói lúc nãy đâu. Cái quan trọng là thời thế. Gặp thời thế, tiểu nhân cũng thành công. Không gặp thời thế thì tài cán như Khổng Minh cũng gặp hạn. Như vậy vấn đề quan trọng là mình có gặp thời thế hay không thôi. Mà muốn biết có gặp hay không thì mình phải xông xáo, đón bắt, chứ đâu có thể ngồi há miệng chờ sung được...

Buổi thảo luận kéo dài gần hai tiếng đồng hồ, nhưng kết cục không ngã ngũ. Xem ra, anh Thu và tôi không chịu tham gia "chính phủ Việt Nam lưu vong". Còn anh Tiến thì không nói thẳng ra, nhưng có lẽ anh chịu ở lại Trung Quốc để tham gia. Riêng đứa con trai của anh Tiến, lúc đó khoảng 16 tuổi, thì anh muốn gửi nó sang Hồng Kông cùng với chúng tôi. Có điều, tôi và anh Thu không biết, nếu chúng tôi từ chối không chịu tham gia "chính phủ Việt Nam lưu vong", liệu chính phủ Trung Cộng có chịu giúp đỡ cho chúng tôi đi Hồng Kông hay không.

\* \* \*

Chiều hôm đó, chúng tôi vừa ăn cơm xong, thì cán bộ Ngô đến chơi. Lúc ấy khoảng 3 giờ chiều. Sau vài câu thăm hỏi xã giao, cán bộ Ngô mời ba anh em chúng tôi ra phòng khách ở lán giữa nói chuyện. Ngồi chưa nóng chỗ, cán bộ Ngô đã nói ngay:

- Tôi thay mặt cho cán bộ Vương đến báo để các "đồng chí" biết, dụng ý của buổi họp sáng nay là kêu gọi sự đóng góp tự nguyện của các "đồng chí" vào cuộc cách mạng xóa bỏ chế độ cộng sản Việt Nam bá quyền. Tôi xin nhấn mạnh hai chữ "tự nguyện" để các "đồng chí" hiểu, đảng và nhà nước Trung Hoa không bao giờ ép buộc một ai.

Anh Thu hỏi:

- Thưa cán bộ Ngô. Như lời của cán bộ Lưu nói sáng nay thì Trung Quốc đã dậy cho cộng sản Việt Nam một bài học đích đáng từ hai tháng trước. Như vậy thì quý vị còn lập "chính phủ Việt Nam lưu vong" để làm gì?

Cán bộ Ngô im lặng một lát rồi chậm rãi nói:

- Điều này đáng lẽ tôi không thể tiết lộ vì bảo mật một phần, một phần tôi cũng không biết tường tận.

Nhưng theo những gì tôi được biết thì trận đánh vừa qua chỉ là bài học mở đầu để thăm dò và rút kinh nghiệm xem Nga Xô có mở mặt trận ở phía bắc Trung Quốc để cứu đồng minh của họ là Việt Cộng ở phía nam hay không. Và như đồng chí Lưu đã báo cáo trong nội bộ, vì Nga Xô không dám can thiệp, nên Trung Quốc có thể sẽ dậy cho Việt Cộng bài học thứ hai. Khi đó, "chính phủ Việt Nam lưu vong" sẽ đóng một vai trò quan trọng cho tương lai của Việt Nam.

Anh Tiến thắc mắc:

- Tôi là một kiến trúc sư, từng là trưởng ty kiến thiết thời VNCH. Nếu tham gia "chính phủ Việt Nam lưu vong", tôi sẽ giữ phần hành gì?

Cán bộ Ngô trả lời ngay:



- Trong giai đoạn hiện nay, "chính phủ Việt Nam lưu vong" cần thể hiện tinh thần đoàn kết dân tộc để có uy tín tại VN cũng như trên chính trường quốc tế, nên "đồng chí" có thể giữ một chức vụ lãnh đạo quan trọng trong "chính phủ". Tương lai, khi chế độ cộng sản tại Việt Nam bị sụp đổ, "đồng chí" sẽ được giao cho một chức vụ phù hợp với chuyên môn của một kiến trúc sư....

Anh Thu hỏi:

- Tôi có một bản khoản xin được mạnh dạn hỏi thẳng cán bộ Ngô. Nếu câu hỏi có làm cán bộ phật ý, mong cán bộ bỏ qua cho tôi.

Cán bộ Ngô niềm nở:

- Yên tâm, yên tâm. Tứ hải giai huynh đệ. Chúng ta bốn bề đều là anh em. "Đồng chí" có suy nghĩ gì cứ mạnh dạn nói. Lời nói thẳng bao giờ cũng xuất phát từ trong tâm của những người chính trực.

- Cảm ơn cán bộ. Thưa, cán bộ là người Hoa chắc biết hán gian Ngô Tam Quế?

Anh Thu vừa nói đến đó, tôi thấy cán bộ Ngô nhíu cặp lông mày rậm và xéch, mắt của ông đột nhiên long lên, mặt ông bỗng đanh lại. Nhưng tất cả chỉ thoáng qua, sau đó, mặt ông trở lại hòa hoãn. Ông gật đầu, giọng nói có vẻ thích thú:

- Giỏi, giỏi, "đồng chí" cũng chịu khó học lịch sử Trung Hoa nên biết cả hán gian Ngô Tam Quế?

Anh Thu nhếch mép cười:

- Thưa tôi không học lịch sử Trung Hoa, nhưng tôi biết nhân vật Ngô Tam Quế qua truyện chường của Kim Dung.

Cán bộ Ngô vội dơ ngón tay cái:

- Cẩm Dừng sến sảng (Kim Dung Tiên Sinh)... số dách! Tôi rất thích đọc những truyện võ hiệp kỳ tình của ông. "Đồng chí" gọi những tác phẩm của Kim Dung là "truyện chường"?

Anh Thu gật đầu. Cán bộ Ngô vội rút trong túi cuốn sổ tay và cây viết, rồi hỏi tiếp: "Chường "ch" hay "tr" nhỉ?"

- "ch" - Anh Thu trả lời.

Cán bộ Ngô hí hoáy ghi vô trong sổ. Ghi xong, ông ngẩng đầu nói:

- "Đồng chí" nói tiếp đi.

- Thưa cán bộ, theo như truyện chường của Kim Dung thì Ngô Tam Quế là tướng nhà Minh được lệnh trấn giữ Sơn Hải Quan. Vậy mà chỉ vì một người đàn bà đẹp là Trần Viên Viên, Ngô Tam Quế mở cửa ải, cho quân Thanh tràn vô, tính mượn tay quân Thanh đánh bại Lý Tự Thành, giành lại người đẹp. Ngờ đâu quân Thanh tương kế tựu kế, chiếm luôn cả Trung Hoa, lập nên nhà Thanh gần 400 năm. Như vậy cán bộ có nghĩ lịch sử sẽ tái diễn, "chính phủ Việt Nam lưu vong" sẽ là một tập hợp của những Ngô Tam Quế Việt Nam hay không?

Cán bộ Ngô vỗ hai bàn tay và cười ngất. Nhưng nghe giọng cười của ông, tôi thấy có vẻ gượng gạo, có lẽ ông cười để che giấu phần nào sự lúng túng thì đúng hơn.

- Hay, hay. Câu hỏi của "đồng chí" rất hay. Nhưng tôi bảo đảm với "đồng chí" lịch sử hôm nay không thể tái diễn lịch sử hôm qua vì mấy điểm khác biệt quan trọng. Khác biệt thứ nhất, "chính phủ Việt Nam lưu vong" hôm nay không phải là tập hợp những phường tiểu nhân bá đạo, gian hùng, chỉ biết mê đàn bà đẹp mà coi rẻ giang sơn như Ngô Tam Quế ngày xưa. Trái lại, đó là những người Việt yêu nước chân chính như Hoàng Văn Hoa, hay như các "đồng chí" ngồi đây chẳng hạn. Khác biệt thứ hai, quân đội nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa hôm nay không thể nào là quân Thanh xâm lăng. Việt Nam và Trung Hoa núi liền núi, sông liền sông, hai dân tộc đều yêu hòa bình, nhưng có cả một lịch sử đau thương trải qua mấy ngàn năm vì những đau thương đó là do các triều đại phong kiến Trung Hoa gây ra, chứ không phải do nhân dân Trung Hoa gây ra. Các "đồng chí" phải biết phân biệt giai cấp phong kiến Trung Hoa độc ác với nhân dân Trung Hoa hiếu hoà. Giai cấp phong kiến Trung Hoa không những có tội xâm lăng Việt Nam làm cho nhân dân quý quốc đau khổ, mà còn có tội cả với nhân dân Trung Hoa và là tội đồ của lịch sử. Nhưng kể từ khi đảng cộng sản Trung Hoa làm cuộc cách mạng phản đế phản phong thắng lợi, chính phủ và nhân dân Trung Hoa luôn luôn duy trì tình hữu nghị tốt đẹp với các nước láng giềng. Chắc các "đồng chí" đã biết, trong cuộc chiến tranh ái quốc bảo vệ nước cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, một triệu chí nguyện quân Trung Quốc đã hy sinh khi thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả. Sau khi đẩy lui quân bù nhìn Lý Thừa Vãn và đế quốc Mỹ xuống bờ nam sông Áp Lục, toàn bộ chí nguyện quân Trung Quốc đều rút khỏi Triều Tiên, trả lại quyền độc lập cho chính phủ và nhân dân Triều Tiên... Với Việt Nam chắc chắn cũng như vậy. Sau khi lật đổ chế độ cộng sản ở Việt Nam, tôi bảo đảm quân đội Trung Quốc sẽ triệt thoái khỏi lãnh thổ Việt Nam. Tôi nói như vậy không hiểu "đồng chí" Thu đã thông suốt chưa nhỉ?

Anh Thu gật đầu không nói. Nhìn về mặt của anh, tôi biết anh chưa "thông suốt" nhưng không tiện hỏi thêm. Cán bộ Ngô quay sang hỏi tôi:

- "Đồng chí" Phạm Thái Lai có ý kiến gì không? Tôi tin là đồng chí với khả năng của một "xương ngôn viên", khi tham gia "chính phủ Việt Nam lưu vong", "đồng chí" sẽ đóng góp được rất nhiều việc phù hợp với chuyên môn của "đồng chí"...

Tôi nhìn hai anh, do dự trong một thoáng, rồi hít một hơi thở thật sâu:

- Thưa tôi nhớ là hôm kia, cán bộ có nói với tôi là nếu chúng tôi muốn đi sang Hồng Kông thì cán bộ sẽ giúp?...

Cán bộ Ngô hơi nhăn mặt. Chắc ông không thể ngờ và cũng không muốn tôi nhắc lại lời nói đó vào lúc này. Một thoáng yên lặng trôi qua khiến tôi cũng thấy lo lắng. Cán bộ Ngô trả lời giọng không có vẻ gì là hào hứng:

- Đúng tôi có nói như vậy. Chúng tôi sẽ giúp... giúp một cách không chính thức.

Anh Thu hỏi ngay: "Thưa câu nói đó của cán bộ đến giờ có thay đổi gì không?"

Cán bộ Ngô hơi ngần ngừ: "Nếu như... các "đồng chí" không có thiện chí tham gia "chính phủ Việt Nam lưu vong", thì... như tôi đã nói, chính phủ và nhân dân Trung Hoa không thể ép buộc. Trong trường hợp đó, các "đồng chí" muốn đi Hồng Kông, chúng tôi sẽ giúp. Nhưng được hay không còn tùy thuộc vào chủ thuyền..."

Anh Thu hỏi tới luôn:

- Nếu chúng tôi muốn đi Hồng Kông thì bao lâu cán bộ có thể giúp chúng tôi được?

Cán bộ Ngô ngẫm nghĩ một chút rồi trả lời: "Từ một đến hai tuần."

Nghe vậy, tôi mừng quá. "Từ một đến hai tuần". Nếu vậy, tại sao mình không bắt đầu xin cán bộ Ngô ngay từ bây giờ?

Trong lúc tôi đang bối rối không biết nói sao thì cán bộ Ngô đứng dậy, nét mặt hơi thất vọng: "Thôi bây giờ, tôi phải đi. Những "đồng chí" nào muốn đi Hồng Kông cứ ghi tên xuống rồi báo cho tôi biết. Tôi sẽ lo liệu, đưa thẳng lên Bắc Hải, ngày tuần tới hoặc chậm nhất là tuần sau..."

## KỶ 106

Sau khi cán bộ Ngô ra về, chúng tôi kéo nhau ra bờ suối bàn bạc chuyện đi ở. Tôi và anh Thu đều đồng ý, nhân cơ hội này phải đi Hồng Kông bằng mọi giá. Riêng anh Tiến thì vẫn khư khư giữ quyết định ở lại Trung Quốc để "đóng góp một cái gì đó" cho quê hương đất nước khi có được "cơ hội ngàn năm một thuở". Anh Tiến cũng ngờ ý gửi chúng tôi người con trai tên H., 16 tuổi cho chúng tôi chăm nom trên đường tới Hồng Kông, để anh rảnh tay lo chuyện đại sự. Chuyện trò một hồi, cuối cùng anh Thu bảo tôi đi về trước báo tin cho gia đình bà Trà biết để lập danh sách những người đi người ở, rồi chờ anh cùng đi gặp cán bộ Ngô. Còn hai anh ở lại trò chuyện... Tôi đoán, khi ấy anh Thu tìm cách thuyết phục anh Tiến bỏ ý định ở lại Trung Quốc.

Được tôi báo tin chính phủ Trung Quốc giúp cho mọi người đi Hồng Kông, gia đình bà Trà rất mừng. Mọi người vui vẻ bàn tán, và trong thời gian ngắn tất cả đều đồng ý, chỉ có phụ nữ và con nít ở lại Trung Quốc chờ xuất cảnh chính thức, còn tất cả đều ghi tên đi Hồng Kông. Tôi ghi đầy đủ tên tuổi từng người trên một tờ giấy, rồi nôn nóng chờ anh Thu.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, hai anh trở lại. Anh Thu mặt đỏ bừng, còn anh Tiến thì vẫn giữ được vẻ thân nhiên ung dung cố hữu. Tôi đoán ngay, anh Thu không thành công. Quả nhiên, khi cầm danh sách tôi đã viết trong đó không có tên anh Tiến, anh Thu gật đầu không nói gì. Gấp tờ giấy làm tư, bỏ túi, anh Thu kéo tôi đi theo anh.

Trên đường đi, anh Thu buồn lắm, nên không nói gì. Qua những gì hai anh tâm sự trong những ngày tháng trước đó, tôi được biết hai anh quen thân nhau suốt mấy chục năm qua. Hoàn cảnh gia đình của hai anh cùng có những nỗi éo le riêng tư, nên cả hai anh đều đùm bọc, thương yêu nhau. Chỉ nguyên việc cả hai anh cùng vượt biên từ Sài Gòn qua ngã Hải Phòng, Móng Cái, sang Trung Quốc, cũng đủ thấy tình thâm giao giữa hai anh sâu đậm như thế nào. Không ngờ, sau mấy chục năm ngọt bùi chia sẻ, khi đến Trung Quốc, chỉ vì khác biệt về quan niệm đấu tranh, hai anh đành phải chia tay, mỗi người một đường. Đến chiều đã trạm khoảng 3 giờ chiều cùng ngày, chúng tôi được đưa ngay vào phòng khách chờ cán bộ Ngô. Không đầy 5 phút sau, cán bộ Ngô tươi cười bước vô. Nét mặt của ông lúc này không còn vẻ thất vọng, buồn bực như trước. Trái lại, ông vui vẻ niềm nở bắt tay anh Thu và tôi, rồi lịch sự mời hai chúng tôi ngồi. Vừa ngồi xuống, cán bộ Ngô nói ngay:

- Sao, các anh đã có danh sách những người muốn đi Hồng Kông rồi phải không?

Anh Thu rút tờ giấy từ túi áo, mở ra, vuốt lại cho ngay ngắn rồi đưa cho cán bộ Ngô:

- Thưa cán bộ, trong danh sách này chúng tôi có tất cả 9 người muốn đi. Xin cán bộ cố gắng giúp đỡ, chúng tôi sẽ vĩnh viễn không quên ơn nghĩa của cán bộ.

Cán bộ Ngô không nói gì, chỉ im lặng nhìn thoáng qua tờ giấy, rồi ông gật gù nói nhỏ như nói với chính ông:

- Như vậy là "đồng chí" Tiến chấp nhận ở lại Trung Quốc? Tốt, đó là một quyết định sáng suốt của người chí sĩ yêu nước biết nắm lấy thời cơ...

Tôi để ý thấy cách xưng hô của cán bộ Ngô khác hẳn lúc trước. Trong khi ông vẫn gọi anh Tiến là "đồng chí" thì trái lại, với chúng tôi ông gọi là "các anh".

Cán bộ Ngô thông thả gấp tờ giấy làm tư, trao lại cho anh Thu và nói:

- Như tôi đã trình bày với các anh, việc giúp cho các anh đi Hồng Kông là việc không chính thức của chúng tôi. Vì vậy, chúng tôi không thể giữ bất cứ giấy tờ gì liên quan đến việc này. Các anh về tổ chức một cuộc họp vào 1 giờ trưa ngày mai tại lán có đầy đủ cả 9 người trong danh sách này, sẽ có người thay mặt chúng tôi xuống "đả thông" tư tưởng cho các anh lần chót rồi ngày mốt, các anh sẽ đi Bắc Hải với người đó. Các anh rõ chưa?

Chúng tôi ngạc nhiên, không thể ngờ mọi việc lại dễ dàng và trôi chảy nhanh chóng như vậy. Chúng tôi còn đang lúng túng, chưa kịp trả lời sao thì cán bộ Ngô đã đứng dậy nói:

- Tất cả chỉ có vậy. Bây giờ các anh có thể về.

\*

Trưa hôm sau, tại phòng khách của lán, chúng tôi tất cả 9 người ngồi chờ người đại diện cán bộ Ngô tới "đả thông" tư tưởng. Hai chị em bà Trà cùng mấy người con và cháu gái đồng ý ở lại Trung Quốc chờ giấy xuất cảnh chính thức thì ngồi trong phòng ngủ phía bên phải của lán. Riêng anh Tiến thì có xe riêng chờ lên chiêu đãi trạm họp với cán bộ cao cấp từ trung ương xuống. Tôi cũng chỉ biết phong phanh có như vậy, chứ không biết rõ cán bộ đó là ai, cao cấp như thế nào, và họ họp với anh Tiến về vấn đề gì.

Đúng 1 giờ trưa, một người Hoa ăn mặc lè phè bước vô phòng họp. Thấy ông, chúng tôi đều ngạc nhiên vì không ngờ đó là người đại diện cán bộ Ngô. Thay vì bộ đồ đồng phục của công an hoặc quân phục của quân đội Trung Quốc, như mọi cán bộ thường làm việc với chúng tôi, người đàn ông này mặc một bộ đồ dân sự nhàu nát, áo để ngoài quần, chân đi đôi dép nhựa, đầu đội chiếc mũ công nhân cũ, bạc màu. Ngoài trừ nước da trắng xanh, cặp mắt sáng và lông mày đen rậm chổi sể, còn ngoại hình và cách ăn mặc lè phè của ông trông giống hệt mấy người nông dân vùng thôn quê thường mang rau, trái, gia súc... lên chợ Phòng Thành bán mỗi khi có phiên chợ.

Ông gật đầu chào nhẹ tất cả chúng tôi, rồi ngồi xuống chiếc ghế duy nhất ở đầu bàn. Không tự giới thiệu, cũng không hỏi han ai một câu, ông "đả thông tư tưởng" chúng tôi ngay bằng tiếng Việt rất sôi và giọng Hà Nội đặc sệt:

- Tất cả các anh muốn được chúng tôi giúp đỡ gửi gắm cho các chủ tàu đi Hồng Kông thì các anh phải nhớ kỹ những điểm quan trọng tôi sắp nói đây. Thứ nhất, các anh phải nhớ các anh là những người Việt vì bị cộng sản Việt Nam đàn áp nên phải trốn khỏi Việt Nam để đến Hồng Kông xin tỵ nạn, chứ không phải đến từ Trung Quốc. Trên đường đi, chẳng may gặp bão nên các anh phải ghé vô Trung Hoa tạm trú. Thứ hai là trong thời gian tạm trú ở Trung Hoa, các anh đã được chính phủ và nhân dân Trung Hoa đối xử tử tế, nhân đạo, được cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men đầy đủ. Vì vậy, trong tương lai khi đến bất cứ quốc gia nào, gặp bất cứ cơ quan truyền thông nào phỏng vấn hay bất cứ ai hỏi, các anh cũng phải nói sự thật về lòng nhân đạo và tử tế của chính phủ và nhân dân Trung Hoa. Thứ ba, khi xuống tàu thuyền ở Bắc Hải chuẩn bị đi Hồng Kông, các anh không được mang theo bất cứ giấy tờ hay thư từ gì của Trung Quốc, cũng như bất cứ sản phẩm gì của Trung Quốc. Mọi tiền bạc, đồ ăn thức uống, thuốc lá, hình ảnh, có dấu vết của Trung Quốc đều phải để lại cho người thân của các anh hoặc phải bị thiêu huỷ. Các anh cũng chỉ được mặc quần áo và mang theo đồ đạc của các anh từ Việt Nam. Những quần áo, đồ đạc mua được tại Trung Quốc, phải để lại hoặc bị thiêu huỷ. Các anh nhớ rõ ba điểm này và phải thi hành thật nghiêm chỉnh. Nếu chính quyền Hồng Kông phát hiện bất cứ thứ gì có liên quan đến Trung Quốc, họ sẽ tước bỏ tư cách tỵ nạn của các anh và đuổi các anh về Trung Quốc. Các anh nghe rõ chưa. Bây giờ các anh có hỏi gì không? Anh Thu dơ tay nói:

- Thưa, những điều cán bộ nói chúng tôi đã nghe rõ và sẽ làm đầy đủ. Bây giờ cán bộ có thể cho chúng tôi biết, khi nào thì chúng tôi có thể lên đường đi Bắc Hải?

Người đàn ông trả lời ngay:

- Các anh chuẩn bị xong trong ngày hôm nay, sáng mai chúng ta sẽ lên đường. Điểm quan trọng nữa các anh phải nhớ là không được gọi tôi là cán bộ. Từ nay trở đi các anh chỉ gọi tôi là Bình và từ nay trở đi tôi sẽ đi cùng với các anh lên Bắc Hải, lo liệu mọi chuyện cho các anh.

Hải, cháu gọi bà Trà bằng bác, dơ tay hỏi:

- Thưa anh Bình, chúng tôi có phải mang tiền và đồ ăn theo không ạ?

Bình gật đầu:

- Các anh có quyền mang tiền, thức ăn của các anh theo. Tại Bắc Hải, các anh có thể tiêu pha mua sắm thoải mái. Nhưng một khi tàu rời Bắc Hải, trực chỉ Hồng Kông, tất cả tiền của Trung Quốc phải được trao lại. Thức ăn cũng vậy.

Hải hỏi tiếp:

- Vậy khi lên tàu, chúng tôi ăn uống bằng gì?

Bình xoa tay:

- Chuyện đó các anh khỏi lo. Một khi chúng tôi đã gửi gắm các anh cho chủ tàu thì chủ tàu ăn gì, các anh ăn cái đó. Các anh không phải đóng góp gì cho chủ tàu cả. Chúng tôi lo tất cả mọi chuyện.

Tôi rụt rè hỏi:

- Thưa anh Bình, chúng tôi có phải đóng tiền gì cho chủ tàu không?

Bình lắc đầu:

- Các anh không phải đóng tiền bạc gì cả. Mọi chuyện chúng tôi đã thu xếp với chủ tàu, các anh chỉ việc xuống tàu rồi đi, có vậy thôi.

Hài thắc mắc:

- Chúng tôi có được ở chung trong một chiếc tàu không?

Bình gật đầu:

- Chúng tôi sẽ cố gắng thu xếp cho các anh được đi chung tàu. Nhưng điều đó không bảo đảm. Cho dù không được thì cũng không sao. Đến Hồng Kông rồi các anh cũng gặp lại nhau thôi.

Khi cán bộ Bình nói không phải trả tiền cho chủ tàu, tôi rất mừng, vì như vậy, tôi nghĩ tôi sẽ không phải dùng đến số tiền \$500 "nhân dân tệ" của ông bà Trần cho, mặc dù trong lòng tôi mãi mãi nhớ đến ân tình sâu nặng mà ông bà Trần đã giúp đỡ trong những ngày tháng tôi ở Trung Quốc.

Tôi quen ông bà Trần ngay sau khi đặt chân đến Phòng Thành. Bà Trần lúc đó bán ở cửa hàng "bách hóa tổng hợp" duy nhất của thị trấn Phòng Thành và cũng là người duy nhất biết nói tiếng Việt, nhưng theo lời của bà, không một ai ở Phòng Thành biết điều đó, ngoại trừ chồng của bà.

Tôi còn nhớ khi đó, trong một chuyến đi dạo cho biết phố xá Phòng Thành, chúng tôi có ghé thăm cửa hàng "bách hóa tổng hợp" và tình cờ được trò chuyện với bà. Sau đó, bà mời chúng tôi ghé nhà chơi, trò chuyện thân mật và đối xử với chúng tôi rất tốt. Trong những lần ghé thăm gia đình, ông bà có ân cần hỏi chuyện nên tôi cũng kể cho ông bà nghe về những khốn khổ mà tôi đã trải qua trên đường vượt biên tới Trung Quốc. Vì vậy, ông bà Trần rất thương yêu tôi, coi tôi như con. Khi hay tin chúng tôi phải chờ đợi nhiều năm mới có thể đoàn tụ với gia đình ở ngoại quốc, ông bà Trần đã mách nước cho tôi "vượt biên" bằng cách lên Bắc Hải trả tiền cho chủ tàu để đến Hồng Kông. Ông bà Trần đã đưa cho tôi số tiền \$500 đồng Trung Quốc và còn cho tôi địa chỉ của một người em họ ở Bắc Hải để họ có thể hướng dẫn tôi đường đi nước bước khi tới Bắc Hải. Nhưng ngay khi mới chân ướt chân ráo đặt chân tới Bắc Hải, tôi đã được gặp ông Phùng và được ông Phùng chỉ dẫn tỉ mỉ nên không kịp gặp người em họ của bà Trần.

Tôi biết, \$500 đồng là số tiền lớn ở Trung Quốc thời bấy giờ. Số tiền đó tương đương gần 2 năm lương của một công nhân viên chức, và là tất cả vốn liếng dành dụm của ông bà Trần. Vì vậy, tôi rất cảm động khi thấy ông bà Trần đưa cho tôi số tiền đó, nhưng tôi một mực từ chối. Sau đó, ông bà Trần bảo, nếu tôi ngại ngần không muốn nhận sự giúp đỡ của ông bà, thì hãy coi ông bà như là nghĩa phụ nghĩa mẫu, để có thể thoải mái nhận sự giúp đỡ của ông bà. Còn nếu như tôi thấy ông bà không xứng đáng là nghĩa phụ, nghĩa mẫu thì hãy coi đó là số tiền ông bà cho tôi vay, sau này ra đến nước ngoài, có điều kiện thì gửi trả cho ông bà.

Cuối cùng, trước tình nghĩa sâu đậm và tấm lòng tốt của ông bà, tôi đã cầm số tiền đó khi đi Bắc Hải. Lúc ấy tôi đã thề hứa, cố gắng không tiêu dùng đến số tiền đó bằng mọi giá. Nay nghe tin chính miệng cán bộ Bình nói không phải trả tiền cho chủ tàu, tôi mừng quá. Như vậy là tôi có thể an tâm trao trả số tiền \$500 đồng cho ông bà Trần và ông bà Trần cũng không phải lo lắng gì khi nhận lại số tiền đó.

Sự thực, tôi không phải là người sợ nhận ân tình sâu nặng của những người đã thực lòng thương yêu tôi. Nhìn lại cuộc đời của tôi trong suốt mấy chục năm, tôi thấy kể từ khi tôi biết nghĩ, mỗi khi tôi gặp khốn khó, bi thương, luôn luôn có những người chân tình hết lòng giúp đỡ. Nếu vì sợ sệt dây ân nghĩa trói buộc, hay coi sự giúp đỡ là món nợ khó trả, để tôi từ chối mọi sự giúp đỡ thì làm sao tôi có thể sống sót đến ngày nay? Vì vậy, trong thâm tâm, tôi luôn luôn nghĩ, nếu tôi gặp khó khăn, mà có người thực lòng giúp, tôi sẵn sàng nhận và sẽ mãi mãi ghi tâm khắc cốt những tấm lòng đó, những con người đó, để sau này, khi có điều kiện, tôi sẽ đền đáp ơn nghĩa cho chính những người đó, hoặc cho những người khác gặp hoàn cảnh không may mắn mà tôi gặp trên đường đời.

Ngay tối hôm đó, tôi đến gặp ông bà Trần để gửi lại số tiền, và cho biết, ngày mai, chúng tôi sẽ đi Bắc Hải. Hay tin sắp chia tay, ông bà Trần rất buồn. Ông bà đã chuẩn bị sẵn cho tôi đầy đủ quần áo, đồ ăn thức uống, thuốc bổ, thuốc chống say sóng, thuốc chống muỗi... và cả hơn chục cây nhân sâm, loại dùng riêng cho quân đội. Nhưng vì không được phép mang bất cứ thứ gì có dấu ấn của Trung Quốc, nên tôi chỉ có thể nhận gói thuốc say sóng và gói nhân sâm của ông bà Trần. Từ đó đến nay đã ngót 30 năm trôi qua, và trong 30 năm đó cuộc đời tôi đã trải qua không biết bao nhiêu thay đổi, mấy lần dọn nhà,... nhưng tôi vẫn giữ những cây nhân sâm ngay trong ngăn kéo làm việc bên tay phải. Mỗi lần mở ngăn kéo, thấy mấy cây nhân sâm, hình ảnh của ông bà Trần lại hiện về, và lòng tôi lại bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm của ngày xưa...

Tôi còn nhớ, sau khi đến trại tỵ nạn Hồng Kông, được ra ngoài đi làm, tôi có ghé thăm gia đình người em gái của ông bà Trần ở ngay Cửu Long, và nhận được lá thư ông bà Trần gửi. Trong thư có đoạn: "Từ ngày con đến chơi, nói những chuyện tri tâm, nhà tràn đầy sức sống, ai cũng có hạnh phúc và nụ cười. Hôm nay, con đi rồi, về đến nhà, thấy trống vắng vô cùng, ba má buồn vô hạn, mọi việc không muốn làm, cơm không muốn ăn, đã đau lòng lại càng thêm đau lòng... Thú thực, từ trong đáy lòng, ba má chẳng muốn con đi khỏi Phòng Thành, nhưng vì nghĩ đến tương lai và tiền đồ của con, nên ba má tận tình một lòng giúp đỡ con... Con ơi! Qua sông vượt biển, nhớ uống thuốc để khỏi say sóng, đói phải ăn no, lạnh phải mặc ấm, nên chú ý đến thân thể... Đến nơi an toàn, chị em được gặp nhau, khi đó con mới có một hạnh phúc thực sự, và ba má mới thấy lòng thanh thản, được hạnh phúc cùng với con..."

Hôm nay ngồi kể lại những kỷ niệm xưa, được chép lại những dòng chữ này, tôi bồi hồi xúc động, nước mắt rưng rưng... để rồi thấy chính mình gục đầu thổn thức nhớ tới hình ảnh ông bà Trần, những nhân dáng cũ, những ân tình trùng điệp... tôi đã được ân thưởng trong cuộc đời của tôi...

## KỶ 107

Ngay sáng hôm sau, tất cả 9 anh em chúng tôi ra bến xe Phòng Thành. Tại đó, cán bộ Bình đã chờ sẵn với hình dáng bề ngoài của ông giống hệt hôm qua, vẫn bộ dân sự nhàu nát, áo để ngoài quần, chân đi đôi dép nhựa, đầu đội chiếc mũ công nhân bạc màu... Bình nhìn qua chúng tôi, đếm đủ 9 người, rồi quay lại nói nhỏ với tài xế... Từ xa, tôi không biết hai người nói gì, chỉ thấy tài xế khúm núm, gật đầu lia lịa. Quay lại nhìn chúng tôi, Bình vẫy tay ra hiệu cho chúng tôi đi theo, rồi Bình leo lên xe. Viên tài xế nói xì xồ tiếng Hoa với hành khách, mọi người liền dạt sang hai bên nhường lối cho chúng tôi. Chín anh em chúng tôi lần lượt leo lên xe, rồi im lặng ngồi vô các ghế được cán bộ Bình chỉ.

Ra bến xe tiễn chúng tôi có bà Trà, em gái và con gái út của bà; anh Tiến, gia đình ông bà Trần và một số bạn bè người Hoa mà chúng tôi quen biết trong thời gian ở Đông Hưng và Phòng Thành. Những bạn bè người Hoa là những người chất phác, thật thà và tốt bụng, đã tận tình giúp đỡ những người Việt tỵ nạn chúng tôi bằng tất cả tấm lòng. Tuy thời gian ở lại Đông Hưng, Phòng Thành không bao lâu, nhưng chính những con người với tấm lòng nhân ái đó đã khiến chúng tôi bịn rịn, kể ở người đi, nước mắt rưng rưng... Trong tình cảnh đó, tôi chợt nhớ tới câu thơ, "Khi ta đến đất là nơi ta ở. Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn"... Suốt chặng đường từ Phòng Thành đến Bắc Hải, chúng tôi đều im lặng vì mỗi người đều theo đuổi nỗi niềm riêng, tâm tư của ai cũng nặng trĩu về những kỷ niệm, những ân tình giăng mắc trong suốt mấy tháng qua tại Phòng Thành.

Trưa hôm đó, chúng tôi đến Bắc Hải. Cán bộ Bình dẫn chúng tôi vô một cửa hàng ăn cho chúng tôi ăn trưa. Cửa hàng rất đông khách. Các bàn ăn đều kín đặc người là người. Nhiều thực khách phải đứng ăn ở cả ngoài hàng hiên, thậm chí ngay cả sân trước, dưới mấy lùm cây cũng có thực khách túm năm tụm ba xì xụp ăn uống. Đông khách như vậy nhưng cả nhà hàng chỉ có mấy món ăn chính là cháo trắng, mì nước, bánh bao hấp, bánh ngô luộc trông giống như bánh đúc ở Việt Nam nhưng nhỏ hơn. Còn nước uống chỉ có nước trà, nước chanh đường và nước si-rô.

Tất cả 9 anh em chúng tôi chỉ ăn uống qua loa, vì trong lòng ai cũng bồn chồn, phần vì nhớ ân nhân bạn bè, người thân ở Phòng Thành, phần vì lo không biết chuyến đi Hồng Kông sẽ lành dữ ra sao. Riêng cán bộ Bình thì ăn rất khoẻ. Sau khi húp hết hai tô cháo với một chén củ cải muối, một ly nước chanh, ông còn ăn thêm 3 chiếc bánh bao, và mua thêm 5 chiếc mang theo.

"Ăn uống xong, chúng tôi theo ông đi bộ khoảng 3 cây số từ bến xe Bắc Hải đến "bến cảng", theo lối gọi của ông Bình. Sự thực, theo lời của người dân Bắc Hải kể, trước kia, khu vực này chỉ là một chợ cá nổi cho các thuyền bè đánh cá ghé lại vào mỗi buổi chiều để bán các hải sản họ đánh được trong ngày theo giá sỉ cho "hợp tác xã hải sản" thu mua. Nhưng kể từ khi có làn sóng người tỵ nạn Việt Nam vượt biển bằng thuyền thường xuyên ghé lại, khu vực này đã trở thành một khu thị tứ "trên bến dưới thuyền", lúc nào cũng có cả mấy trăm chiếc thuyền buồm neo, và trên bờ lều trại san sát đủ màu đủ kiểu, cùng người qua lại như mắc cửi.

Phần đông dân chúng ghé lại "cảng" Bắc Hải là người Việt gốc Hoa đi từ Sài Gòn. Họ đã bị buộc phải ra khỏi Việt Nam bằng đường bộ qua ngã biên giới ở Móng Cái, Lạng Sơn. Sau khi đến Trung Hoa, họ được chính quyền gián tiếp giúp đỡ, hướng dẫn cho họ vượt biên để cho chính quyền rảnh nợ, khỏi phải định cư thành phần có đầu óc "tư bản đế quốc". Số còn lại ở "cảng" Bắc Hải là người Hoa đi từ các tỉnh, thành phố ở Miền Bắc, trong đó Hà Nội, Hải Phòng là chính. Còn người Việt thuần túy như chúng tôi rất hiếm.

Ngay khi bước chân đến "cảng" Bắc Hải, Bình đã tỏ ra là dân thổ công. Không những tỏ ra thông thuộc đường đi nước bước, khi thì quẹo trái, lúc rẽ phải một cách dễ dàng, Bình còn quen biết rất nhiều người ở Bắc Hải. Qua đó, tôi đoán, ông Bình phải là người thường xuyên đi Bắc Hải "gửi gắm" những người thuộc thành phần Trung Quốc không muốn giữ.

Đi dọc theo bến Bắc Hải tới ba phần tư, ông Bình quay lại khoát tay ra hiệu cho chúng tôi đứng lại chờ ông trên bờ. Sau đó, ông rẽ tay phải bước lên một tấm ván có chiều ngang khoảng 50 phân, nổi liền từ bờ lên thành một chiếc thuyền khá lớn, xem ra có vẻ bề thế nhất nhì trong số những thuyền đang thả neo tại Bắc Hải. Trên khoang thuyền lúc đó, có khoảng hai chục người đang ngồi thành 3 nhóm ăn uống âm ỉ. Một nhóm chỉ có 4 người đàn ông, tuổi khoảng 40 đổ lên. Hai nhóm kia là đàn bà, con nít và thanh niên tuổi khoảng 30 đổi lại.

Ông Bình còn đang nhún nhảy đi trên tấm ván, đã thấy bốn người đàn ông cùng đứng dậy bước ra thành thuyền đón tiếp. Sau màn bắt tay, ôm vai vỗ vỗ rất thân mật, ông Bình nói gì đó với một người đàn ông cười trần, râu dài, thân hình quắc thước, rồi ông quay về phía chúng tôi đưa tay chỉ trở... Người đàn ông cười lớn, tiếng cười của ông vang xa, chúng tôi ở trên bờ cũng nghe thấy tiếng cười của ông rõ mồn một. Rồi ông bắt tay, vỗ vai ông Bình, và gật đầu. Ông Bình quay lại vẫy tay, ra hiệu cho chúng tôi lên thuyền.

Sang đến thuyền, ông Bình bảo chúng tôi ngồi một vòng quanh mâm cơm đang ăn dở của ông già. Mâm cơm cũ được dọn đi, rồi một bộ tách trà được dọn ra. Ba người đàn ông cùng ngồi ăn với ông già cũng đi sang mâm cơm khác. Còn lại ngồi uống trà chỉ có ông già, ông Bình, anh Thu và tôi. Mấy người còn lại trong nhóm chúng tôi đều tuổi chưa đầy 20 nên ngồi ở vòng ngoài, sát thành thuyền.

Chỉ tay về ông già, ông Bình giới thiệu:

- Đây là ông Huỳnh, chủ thuyền. Tôi đã thưa chuyện với ông và ông đã nhận lời cho các anh đi nhờ sang Hồng Kông. Tiền bạc các anh không phải trả. Mọi chuyện ăn uống, ngủ nghỉ, ông sẽ lo liệu chu đáo cho các anh. Lát nữa các anh sẽ tự giới thiệu tên tuổi của từng người với ông và làm quen với mọi người trên thuyền. Nhất nhất mọi chuyện các anh phải nghe lời ông. Các anh rõ chưa?

Chúng tôi rụt rè chưa kịp trả lời thì ông Huỳnh đã cười nói vui vẻ:

- Thoải mái, thoải mái. Năm châu bốn bể đều là anh em. - Rồi ông dục chúng tôi - Uống trà, uống trà. Trà hảo hạng, trà hảo hạng.

Thoạt nghe tôi đã có ấn tượng ông Huỳnh là người phóng khoáng, có khẩu khí của một nam nhi trượng phu. Chỉ lạ có điều, bất cứ nói câu gì, ông cũng nói hai lần.

Tuần trà đầu uống vừa cạn thì cán bộ Bình đứng dậy cáo lui. Chúng tôi vội đứng dậy ngỏ lời cảm ơn, nhưng ông ta phẩy tay tỏ ý không cần những ngôn ngữ cử chỉ khách sáo đó. Ông chỉ bắt tay ông Huỳnh, rồi hai người vỗ vai thân mật trước khi chia tay.

Bình đi khỏi, ông Huỳnh quay sang mời tất cả chúng tôi ngồi quây quần quanh ông rồi ông hỏi chuyện từng người, thái độ rất ân cần. Ông ngạc nhiên khi biết, ba anh em chúng tôi vượt biên bằng đường bộ từ Miền Nam ra Hải Phòng rồi đi Móng Cái, qua Đông Hưng.

Ông cười trần, chỉ mặc chiếc quần quần thành nút ở thắt lưng, bên ngoài là chiếc thắt lưng bằng da to bản, bóng nhẫy. Nước da của ông màu đồng, bắp thịt ở vai, tay, ngực đều cuộn cuộn và chiếc cổ của ông thiệt bự. Hàm râu của ông bạc như cước, dài đến ngực, nhưng phong dáng của ông nhanh nhẹn, mắt của ông tinh anh, nên chúng tôi đoán ông chỉ ngoài 50 là cùng. Sau này chúng tôi mới biết là mình đoán sai. Khi ông gọi các con của ông ra giới thiệu, người con trai trưởng của ông cũng đã 45 tuổi. Còn ông đã 66. Ông nói ông tổ của ông ngày xưa từng là tướng dưới thời nhà Lê và dòng họ nội nhà ông đã đóng góp rất nhiều công sức xây dựng chùa Nam Thọ tại Trà Cổ. Ông tỏ ra rất tự hào về quá khứ vàng son của dòng họ nhà ông.

Biết chúng tôi là "người bên kia vĩ tuyến 17", theo ngôn ngữ của ông, ông rất khoan khoái. Ông nói với anh Thu, giọng kính nể:

- Thầy là "người bên kia vĩ tuyến 17" bao giờ cũng ăn học đàng hoàng, văn minh tiến bộ có dư, nên thầy thấy rồi, hễ người cộng sản họ đi đến đâu là tang thương cho quê hương đất nước mình đến đó. Thầy thấy mấy thằng con của tôi không? Chỉ được thằng đầu tiên là còn khá, vì nó cũng được sống ngót hai chục năm dưới ánh sáng khai hóa của người Pháp nên còn có đức độ phần nào. Nó là con của người vợ cả đấy. Còn mấy thằng sau là con của bà vợ hai, vợ ba. Mấy thằng này thì bết bát quá. Chúng sinh ra và lớn lên dưới "mái trường xã hội chủ nghĩa" nên chỉ học làm thằng lấu tôm lấu cá, sống toàn bắt nạt bắt nết nghĩa thôi.

Trước đó, ông Huỳnh đã gọi mấy người con ra giới thiệu với chúng tôi, trông người nào cũng lễ phép với khách, mặc dù họ không kém tuổi anh Thu là bao. Vì vậy anh Thu vội đỡ lời:

- Thưa ông, tôi thấy các anh ấy cũng khá đấy chứ. Sống với cộng sản mà tư cách được như vậy là quý hoá lắm.

Ông Huỳnh cười nhếch mép:

- Tư cách gì chúng nó. Chỉ bề ngoài đó thôi thầy. Thầy ở gần nó rồi thì thầy sẽ thấy. Bảo đảm thầy có cái gì mất cái nấy.

Thái độ của ông Huỳnh như vậy cũng lạ. Chúng tôi dù sao cũng là người dung nước lã, lại mới gặp lần đầu mà ông đã đem chuyện trong nhà ra nói hết khiến chúng tôi cũng ngỡ ngàng, nên ai cũng giữ kẽ, chỉ âm ừ cho qua chuyện.

Thuyền của ông Huỳnh có tất cả gần 40 người. Ngoại trừ thân mẫu của ông Huỳnh đã hơn 80 tuổi, còn tất cả đều là gia đình, họ hàng con cháu của ông Huỳnh. Vì vậy, ông Huỳnh đi lại trên thuyền, hò hét giống hết như một vị chủ soái oai nghiêm, mọi người nghe theo ông răm rắp. Mỗi khi có món gì ngồi ăn nhậu, ông chỉ cho anh Thu và tôi ngồi cùng mâm với ông. Còn tất cả ngồi ở mâm đàn bà con gái...

Sống với ông Huỳnh được hai ngày, thì bỗng dưng cán bộ Bình xuống thuyền nói chuyện riêng với ông Huỳnh khoảng mười phút rồi bảo chúng tôi chào ông Huỳnh để đi sang một thuyền khác. Chúng tôi cũng không hiểu lý do tại sao lại có sự thay đổi vào phút chót như vậy. Nhưng thân phận của kẻ ăn nhờ ở đậu, đi thuyền ké, nên cán bộ Bình bảo sao, chúng tôi phải nghe vậy.

Ngay sau đó, chúng tôi chào ông Huỳnh, rồi lặng lẽ mang đồ đạc theo cán bộ Bình tới một chiếc thuyền to hơn thuyền của ông Huỳnh. Ông bà chủ của chiếc thuyền này người Móng Cái, tên của ông là Đường, bà vợ là Lan. Cả hai vợ chồng chỉ mới ngoài 40, lúc nào cũng vui vẻ, tươi tắn và tốt bụng. Trong xã hội Miền Bắc, kiếm được một cặp vợ chồng chủ thuyền tốt bụng như ông bà Đường thật là hiếm có. Cả chiếc thuyền của ông bà có gần 70 người, nhưng ai cũng quý trọng ông bà Đường. Qua chuyện trò với những người đi chung thuyền chúng tôi mới biết được, ông bà Đường vốn là người Hoa, làm nghề đánh cá. Khi bị cộng sản Việt Nam o ép, làm khó dễ để ông bà phải bỏ nhà bỏ cửa tiệm về Trung Hoa, ông bà đã chấp thuận cho những người Hoa khác đi chung thuyền, còn tiền bạc tùy hỉ, ai có bao nhiêu cho bấy nhiêu, ai không có thì ông bà cho đi không.

Phần đông người đi chung thuyền với ông bà Đường là người Hoa. Chỉ có vài gia đình là người Việt thuần tuý, trong đó có vợ chồng anh Thịnh và chị Loan. Hai vợ chồng anh có một đứa con gái còn nhỏ, nên dọc đường đi cũng như khi tới Hồng Kông, chúng tôi chứng kiến trong đau lòng và bất lực khi thấy cháu bé khóc suốt vì đói, khát và ốm đau.

Chúng sống dưới thuyền của ông bà Đường được hai ngày thì thuyền của chúng tôi chứng kiến đoàn thuyền thứ nhất được lệnh nhổ neo trực chỉ Hồng Kông. Tất cả khoảng hơn chục chiếc thuyền to nhỏ khác nhau được xếp hàng chữ nhất, cái nọ nối đuôi cái kia bằng một sợi dây cáp. Dẫn đầu đoàn thuyền là một chiếc ca nô của Trung Cộng. Sau đó là chiếc xà lan kéo theo cả đoàn thuyền hơn chục chiếc. Cả chiếc ca nô và chiếc xà lan đều không có cờ quạt hay phù hiệu gì chứng tỏ họ là của Trung Cộng. Lúc đó vào khoảng 4 giờ chiều và trời rất đẹp, trong xanh không một gợn mây, mặt biển phẳng lì tới tận chân trời xa... Theo lời của anh Thịnh, đoàn thuyền sẽ đi trong khoảng 12 tiếng sẽ đến gần hải phận Hồng Kông. Khi đó, chiếc ca nô và xà lan sẽ quay đầu trở lại, sợi dây cáp nối liền các thuyền sẽ bị chặt đứt, và hơn chục chiếc thuyền sẽ mạnh chiếc nào chiếc nấy chạy thẳng vô Hồng Kông. Khoảng mấy tiếng đồng hồ sau, tàu tuần duyên của Hồng Kông khi phát hiện những chiếc thuyền đó, sẽ chặn lại, khám xét, tịch thu vũ khí, đạn dược... rồi ra lệnh cho họ được tiếp tục chạy vô hải phận Hồng Kông, thả neo tại khu vực dành cho những thuyền nhân xâm nhập lãnh hải Hồng Kông bất hợp pháp, và chờ đợi LHQ cứu xét tư cách tỵ nạn.

## KỶ 108

Hai ngày sau, chúng tôi lại chứng kiến một đoàn thuyền thứ hai khoảng hơn chục chiếc ra khơi trực chỉ Hồng Kông, với đội hình giống như đoàn thuyền tôi thấy hôm trước. Liên tiếp như vậy cho đến ngày thứ 7, sau khi chứng kiến mấy đoàn thuyền lần lượt ra đi, chúng tôi rất sốt ruột, không biết tới khi nào mới đến lượt thuyền của mình được ra khơi. Tôi liền rủ anh Huy và anh Thịnh chồng của cô Loan, đi gặp chủ thuyền hỏi xem sao.

Thời tiết lúc đó nóng bức, nên ông bà chủ thuyền ngồi trong một chiếc lán ở trên bờ. Thấy chúng tôi bước vô, ông bà rất niềm nở mời ngồi. Sau mấy câu chào hỏi, anh Thịnh hỏi ngay:

- Ông Đường à, thuyền bè của thiên hạ rời bến rần rần mà sao thuyền của mình chưa thấy động tĩnh gì là thế nào?

Ông Đường cười:

- Chú là người thứ mười mấy hỏi tôi câu này rồi đó. Tôi cũng đang bồn chồn chẳng hiểu tại sao nữa.

Anh Thịnh tiếp lời:

- Thuyền của mình đến trước thuyền của mấy người kia tới nửa tháng, cả tháng. Rồi thuyền của mình lại được cán bộ Bình gửi gắm "hàng hóa" thì đáng lẽ mình phải được ra khơi rồi mới đúng chứ...

Ông Đường gật đầu:

- Thì tôi cũng nghĩ như chú vậy đó. Hôm trước thấy ông cán bộ Bình mang gửi gắm mấy bác Miền Nam này là tụi tôi mừng lắm. Vì cán bộ đã có hàng gửi riêng thuyền mình là bao giờ thuyền mình cũng được ưu tiên... Vậy mà chờ đến giờ đã hơn tuần lễ rồi, chả thấy động tĩnh gì.

Anh Thu hỏi:

- Ông có biết vì sao mấy thuyền kia đến Bắc Hải sau mình, nay lại được đi trước mình không?

Ông Đường lắc đầu:

- Thừa bác, chúng tôi là phận ăn nhờ ở đậu thì làm mà biết được.

Từ khi chúng tôi xuống thuyền, không hiểu sao ông bà Đường luôn luôn gọi chúng tôi là "bác", mặc dù tuổi của ông lớn hơn cả tuổi anh Thu.

Anh Thu thăm dò:

- Hay là thuyền của họ cũng được cán bộ gửi "hàng hóa" mà mình không biết?

Ông Đường cười:

- Bác yên tâm đi. Ở cái bến Bắc Hải này chẳng có cái chuyện gì xảy ra mà chúng tôi không biết...

Anh Thịnh quay sang chúng tôi giải thích:

- Các anh phải biết, ở đây mỗi khi cán bộ Bình xuống bến là chúng tôi biết ngay. Ông ta đến thuyền nào, gửi gắm những ai, mấy người... là chúng tôi có người theo dõi báo cáo lại cho biết liền. "Tai mắt nhân dân" mà anh.

Anh Thu gật gù ra vẻ hiểu biết:

- Vậy mà tôi không nghĩ ra... Thiệt đúng là "Mỗi người dân là một người công an"....

Nghe anh Thu nói vậy, mọi người cùng cất tiếng cười vui vẻ. Anh Thu hỏi tiếp:

- Nếu chờ đợi họ lâu như vậy, sao thuyền mình không xé lẻ đi thẳng Hồng Kông một mình?

Ông Đường trợn mắt ngạc nhiên:

- Bác nói sao? Xé lẻ để đi cả tháng trời mới tới, bác có dám xé lẻ không?

Anh Thịnh đỡ lời:

- Xé lẻ mà đi là không được rồi. Mình ở đây nhờ vả người ta, được người ta giúp là mình phải nhận. Có điều ông bà chủ cũng thử nhắc nhở cán bộ Bình coi. Tôi sợ nhiều khi thuyền bè đông đúc quá, rồi họ quên phéng mình thì bỏ mẹ cả nút với nhau...

Ông Đường lắc đầu:

- Quên thì chẳng thể nào quên được đâu. Trước sau gì thì mình cũng đi thôi...

Anh Thu thở dài:

- Thì vẫn biết, trước sau gì thì ai cũng đi. Nhưng những ai đi trước đến được Hồng Kông sớm thì còn dễ dàng được đi định cư ở các nước khác. Còn những ai đến sau thì... "trâu chậm uống nước đục"... Đòi là như vậy mà.

Ông Đường nhìn anh Thu nhũn nhặn:

- Dạ bác là người học nhiều hiểu rộng bác nói vậy rất đúng. Nhưng chúng tôi là những người lao động chân lấm tay bùn, học hành ít ỏi nên trên họ bảo sao thì biết vậy. Họ bảo mình chờ thì mình chỉ biết chờ thôi. Chả dám thắc mắc hỏi han gì. Nếu được thì trăm sự nhờ bác giúp đỡ... vì dù sao bác cũng là người Miền Nam...

Anh Thu ngạc nhiên không hiểu:

- Ủa, tôi thì giúp đỡ được cái gì?

Anh Thịnh biết ý, liền đỡ lời, nói với anh Thu:

- Ý ông Đường muốn nhờ anh hỏi cán bộ Bình tại sao thuyền của mình chưa được ra khơi. - Quay sang phía ông Đường, anh Thu tiếp - Tôi nói vậy có đúng không ông?

Ông Đường gật đầu:

- Vâng, cảm phiền bác Miền Nam giúp cho một tiếng. Một tiếng nói của bác Miền Nam bằng người Miền Bắc chúng tôi nói cả ngày...

Anh Thu ngần ngừ:

- Nhưng tôi đâu có biết cán bộ Bình ở đâu mà nói?

Ông Đường cười vui vẻ, nét mặt sáng rỡ:

- Như vậy là bác nhận lời rồi phải không? Bác cứ yên tâm, tôi sẽ cho người dắt bác tới chỗ cán bộ Bình ở...

Anh Thu nhìn tôi có ý hỏi. Tôi gật đầu:

- Em nghĩ hai anh em mình cùng đi. Họ đã gửi gắm mình xuống thuyền của ông chủ đây, bây giờ mình đến gặp cán bộ Bình trước là cảm ơn, sau là nhắc khéo họ...

Anh Thu quay về phía ông Đường:

- Ông đã có lòng tin tưởng mà nói vậy thì chúng tôi sẽ đi gặp cán bộ Bình hỏi xem sao.

Ngay chiều hôm đó, tôi và anh Thu đi theo một cậu bé tuổi khoảng 14, 15, đến gặp cán bộ Bình. Tường nhà của cán bộ Bình ở đâu xa, hoá ra ở ngay trong khu nhà tập thể công nhân cách lều trại dành cho thuyền nhân tại Bắc Hải có không đầy 2 cây số. Chúng tôi đi bộ đến nơi, được cậu bé chỉ cho thấy nhà cán bộ Bình rồi cậu biến mất. Thấy cửa đóng, tôi và anh Thu nhìn nhau ngần ngại. Anh Thu hất cằm ra vẻ thúc dục, tôi mới mạnh dạn gõ cửa...

Gõ xong, chờ một lúc không thấy động tĩnh gì, đang tính gõ cửa lần nữa thì nghe có tiếng chân người đi đến gần. Cửa mở, chúng tôi ngạc nhiên khi thấy một thiếu phụ xuất hiện, ăn vận như người Việt, tóc búi cao phía sau ót. Nhìn bộ điệu của chúng tôi, thiếu phụ đoán ra chúng tôi là ai nên hỏi ngay bằng tiếng Việt, giọng Nghệ An đặc:



- Các ông muốn kiếm anh Bình?

Chúng tôi chưa kịp trả lời thì người thiếu phụ đã mở rộng cánh cửa gỗ, đon đả:

- Mời các ông vô...

Chúng tôi lặng lẽ bước theo người thiếu phụ. Lúc này tôi mới để ý thấy trong nhà có một con chó mực rất to, nhưng không hiểu sao, nó không sủa, cũng không hề tỏ vẻ thân thiện như những con chó khác. Thấy người lạ bước vô, nó chỉ uể oải nhấc cái đầu lên khoảng một gang tay, rồi lại gục xuống hai chân nằm lim dim ngủ. Tôi đoán có lẽ nó bị ốm hay quá già nua...

Người thiếu phụ chỉ chiếc ghế gỗ chạy dài một bên bàn:

- Mời các ông ngồi, chồng tôi ra ngay bây giờ.

Miệng nói, tay vợ thu dọn mấy chiếc chén đĩa dơ trên bàn. Mặc dù bên ngoài trời nóng, ánh sáng còn gay gắt, nhưng trong nhà thiếu ánh sáng, không khí ẩm thấp và có mùi tanh tanh, có lẽ đồ ăn thức uống từ đồng chén đĩa dơ không rửa.

Người thiếu phụ rót nước từ chiếc bình thủy có hai chữ "Giải phóng" ra hai chiếc chén dơ bẩn, cấu ghét rồi mời chúng tôi uống nước. Chúng tôi cảm ơn nhưng ngần ngại không dám uống. Mời xong, người thiếu phụ đi vô trong nhà. Chúng tôi ngồi im không nói. Không khí nặng nề, ngọt ngọt... Khoảng dăm phút sau, có tiếng hắng giọng, tiếng khạc nhổ đằng sau nhà, rồi tiếng chân bước nặng nề tiến về phía chúng tôi đang ngồi...

Quay ra cửa sau, thấy cán bộ Bình đi vô, chúng tôi vội đứng dậy. Bình lạnh lùng gật đầu chào chúng tôi rồi ngồi xuống khúc gỗ phía bên kia bàn. Anh Thu cất tiếng định nói, nhưng Bình dơ tay ra hiệu im lặng. Y rút gói thuốc trong túi áo, lấy một điếu, bật lửa hút, rồi thản nhiên nhét gói thuốc vô túi áo. Sau khi kéo một hơi thuốc thật dài, ém khói thuốc thật lâu, y ngửa cổ thờ ra một làn khói mỏng rồi nói chậm rãi từng chữ:

- Các anh đi về chuẩn bị chiều mai thuyền các anh rời bến.

Anh Thu và tôi nhìn nhau không nói, nhưng cả hai cùng không giấu được sự ngạc nhiên. Thật ra, chúng tôi cũng biết, thấy chúng tôi đến gặp, Bình phải đoán ra ngay lý do vì điều đó chẳng có gì khó đoán. Nhưng khi nghe Bình nói, chúng tôi vẫn vừa ngạc nhiên vừa mừng. Anh Thu nói giọng có vẻ xúc động:

- Chúng tôi đến để cảm ơn cán bộ đã giúp đỡ....

Cán bộ Bình xua tay:

- Chẳng có ai ơn nghĩa gì với ai cả. Tôi chỉ làm nhiệm vụ cấp trên giao thôi...

Anh Thu nói ngay:

- Chúng tôi cũng muốn cảm ơn cấp trên...

Cán bộ Bình đứng dậy, ra về đuổi khéo chúng tôi:

- Các anh muốn cảm ơn thượng cấp chúng tôi thì tốt nhất là các anh nên rời Trung Quốc sớm chừng nào hay chừng đó...

Thấy chúng tôi có vẻ ngần ngại, bỗng nhiên cán bộ Bình cúi đầu, nói nhỏ:

- Hẹn gặp các anh ở Hồng Kông... Con vợ tôi nó cũng người Việt như các anh...

Nghe cán bộ Bình nói vậy, chúng tôi rất ngạc nhiên. Anh Thu định nói gì đó, nhưng cán bộ Bình đã ngắt đầu nói lớn, giọng có vẻ sẵn:

- Lệnh trên là vậy. Các anh đi đi...

Chia tay cán bộ Bình, chúng tôi vội vã trở lại "cảng" Bắc Hải báo tin mừng "chiều mai sẽ ra khơi" cho mọi người biết. Tuy vậy, mọi người vẫn bán tín bán nghi. Ngay chúng tôi chính tai nghe cán bộ Bình nói, nhưng cũng không dám quả quyết trăm phần trăm ngày hôm sau thuyền sẽ rời bến.

Mãi đến trưa hôm sau, ông Đường chủ thuyền mới nhận được lệnh gọi lên phòng "quản lý cảng Bắc Hải".

Ông đi rồi, cả thuyền chúng tôi ai cũng phập phồng chờ đợi. Mọi người đều hy vọng những gì chúng tôi thông báo sẽ là sự thật. Quả nhiên, khoảng một tiếng đồng hồ sau, ông Đường trở lại hơn hờ báo tin, tất cả mọi người chuẩn bị, đúng 5 giờ chiều, thuyền rời bến!

Sự thực, việc chuẩn bị cũng không có gì. Tất cả đồ đạc, lương thực, thực phẩm của chúng tôi đều có sẵn ở dưới thuyền. Điều duy nhất chúng tôi phải làm là tìm kiếm trong tất cả đồ dùng tư trang của mình những thứ gì có mang dấu vết của Trung Quốc. Từ giấy tờ, tiền bạc, tem thư, quần áo, kỷ vật, đến đồ ăn thức uống, hình ảnh... bất cứ thứ gì mua, hay được cho, tặng tại Trung Quốc đều phải gom lại nộp cho nhà chức trách, hoặc tự mình thiêu huỷ. Ngoài ra, ông Đường cũng đọc một tờ "huấn lệnh" có cả chục điều bắt chúng tôi phải thi hành.

Ông Đường cũng cho biết là đến 3 giờ chiều sẽ có cán bộ Trung Cộng xuống thuyền kiểm soát và thu hồi tất cả những thứ có mang dấu ấn của Trung Quốc. Ai vi phạm những điều ghi trong "huấn lệnh" sẽ bị chính quyền Trung Cộng lưu giữ vĩnh viễn.

Đồ đạc của tôi không có gì, tiền bạc cũng chẳng có. Chỉ có một số thư từ và cuốn nhật ký, trong đó có những trang lưu niệm bằng tiếng Hoa của ân nhân và bằng hữu ở Đông Hưng, Phòng Thành, tôi vô cùng trân trọng muốn bảo vệ bằng mọi giá. Vì vậy, ngay từ mấy ngày trước, tôi đã đóng gói tất cả những thứ đó và gửi bả đảm sang Úc qua đường bưu điện.

Khoảng 4 giờ chiều hôm đó, hai người Trung Quốc mặc đồ công nhân, lên thuyền đóng cọc và buộc dây cáp. Sau đó, thuyền được lệnh nhổ neo, chạy tới khu tập trung cùng với khoảng hơn một chục chiếc thuyền khác. Tại đây, công nhân Trung Cộng lại lên thuyền nối dây cáp của thuyền với dây cáp chính. Sau khoảng một tiếng đồng hồ, hơn chục chiếc thuyền đã được nối liền với sợi cáp chính phía sau chiếc xà lan, và đoàn thuyền bắt đầu chuyển hải hành thẳng hướng tới Hồng Kông, do một chiếc ca nô dẫn đầu. Nhìn đoàn thuyền ngon lành rẽ sóng giữa một vùng trời nước mênh mông, mặt biển phẳng lì như gương, phản chiếu ánh hoàng hôn vàng rực cả đất trời, tôi vô cùng cảm khái khi nghĩ tới những nguy hiểm, những may mắn đã trải qua; những hạnh phúc, hy vọng đang chờ đợi tôi ở phía trước; những khổ đau, đói khát, cùng cực phần ưất, mà mấy chục triệu người Việt, trong đó có thân nhân bằng hữu của tôi, đang phải gánh chịu tại quê nhà. Lúc đó, tôi đâu có biết được, những khổ đau của những người Việt vượt biển vượt biên đang diễn ra qua muôn ngàn bi kịch trên biển đông, trong rừng rậm, núi cao... và ngay dưới mỗi mái nhà ở ngay trên quê hương Việt Nam. Lúc đó, vào giữa năm 1979, tôi cũng không thể ngờ được, tất cả những thảm kịch tôi đã chứng kiến trên quê hương Việt Nam, chỉ là bắt đầu của cả một đại bi kịch, vì trong suốt gần 30 năm sau đó, dưới sự kìm kẹp đàn áp của những người cộng sản vô thần, những thảm kịch diễn ra đối với dân tộc tôi ngày càng kinh hoàng, ghê rợn hơn, khủng khiếp hơn...

## KỶ 109

Tối hôm đó, đoàn thuyền của chúng tôi được xà lan của Trung Cộng kéo thẳng một mạch từ Bắc Hải đến hải phận Hồng Kông khoảng hơn 10 tiếng đồng hồ. Suốt chuyến đi, chúng tôi không hề gặp một trở ngại nào, ngoại trừ một số người bị say sóng nhẹ.

Riêng tôi, chiều hôm đó, sau khi chiêm ngưỡng hoàng hôn trên biển cả trong tâm trạng của một người sắp thực sự được tự do, cho đến khi màn đêm buông phủ, tôi quay vô coi mấy người đánh cờ tướng so tài cao thấp, rồi mấy anh em ngồi uống trà, tán gẫu đến khoảng nửa đêm thì tôi quay ra ngủ.

Không nhớ ngủ được bao lâu thì tôi bị thức giấc vì tiếng loa the thé:

- Trật tự, trật tự. Yêu cầu bà con trật tự. Trật tự.

Tôi vội vã ngồi dậy thì thấy ở giữa thuyền có một người đàn ông đội chiếc mũ giống mũ công an Trung Cộng, nhưng không có sao, một tay cầm túi vải khá to, tay kia cầm chiếc loa bằng sắt tây đang hò hét:

- Yêu cầu mọi người ai ngồi đâu, ngồi yên đó. Không đi lại lộn xộn cho chúng tôi làm việc.

Y nói tiếng Việt xong, liền nói tiếng Hoa, cả tiếng Quảng lẫn tiếng Phổ thông. Xem ra lối ăn nói và cách làm việc của y rất thành thạo.

Anh Thịnh ngồi bên cạnh tôi thì thào:

- Y đi thu tiền của Trung Cộng đấy. Ai có tiền Trung Cộng thì lấy hết ra trao cho y... Bao giờ sắp đến hải phận Hồng Kông cũng có trò thu tiền này...

Tôi ngạc nhiên hỏi anh:

- Minh sắp đến hải phận Hồng Kông rồi sao?

Anh Thịnh gật đầu:

- Chừng khoảng hơn tiếng nữa.

Lúc đó, tôi mới giật mình nhận ra, cả đoàn thuyền đã chạy chậm hẳn lại. Chiếc ca nô dẫn đầu đoàn thuyền, bây giờ chạy song song với thuyền chúng tôi với tốc độ rất chậm. Đèn pha trên chiếc ca nô quét ngang quét dọc sang thuyền chúng tôi và các thuyền khác.

Tiếng người đàn ông đội mũ lại vang lên:

- Mọi người chú ý, chú ý! Tất cả những ai có tiền bạc, giấy tờ, hình ảnh gì của Trung Quốc, hãy tự nguyện trao cho chúng tôi ngay bây giờ. Tôi xin nhắc lại, đây là lần cuối cùng. Bất cứ ai giấu diếm tiền bạc hay giấy tờ gì của Trung Quốc, đều bị cảnh sát Hồng Kông phát hiện và khi đó cả thuyền sẽ bị đuổi về. Khi đó, chính phủ và nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa chúng tôi cũng sẽ không tiếp nhận quý vị mà trả quý vị về cho cộng sản Việt Nam...

Y vừa nói thao thao bất tuyệt bằng cả ba thứ tiếng vừa cầm chiếc túi vải chậm rãi đi đến từng bàn tay đang chìa ra để hứng những đồng tiền, giấy tờ, hình ảnh đủ loại...

Phần đứng trước viễn ảnh sớm muộn gì cũng được đặt chân lên Hồng Kông, phần đình ninh một người sơ sót sẽ làm cả thuyền liên lụy, nên mọi người trên thuyền đều tận tình đốc thúc nhau trút hầu bao, lấy tất cả tiền bạc giấy tờ hình ảnh của Trung Quốc bỏ vô chiếc túi vải.... Sau khoảng mười phút đồng hồ, việc thu nhặt tiền bạc Trung Quốc trên thuyền chấm dứt, cũng là lúc, đoàn thuyền gần như dừng hẳn. Người đàn ông liền hô lớn bằng tiếng Hoa rồi khoát tay ra hiệu cho một thanh niên lực lưỡng đang đứng ở mũi thuyền. Lập tức, người thanh niên cúi xuống tháo sợi dây cáp nối giữa các thuyền. Sau đó, người đàn ông dơ cao chiếc đèn pin hướng về phía chiếc ca nô bấm ám hiệu. Chiếc ca nô liền quay mũi tiến về phía chiếc thuyền của chúng tôi. Khi đến gần, chiếc ca nô liền chuyển hướng, nhẹ nhàng chạy sát thành chiếc thuyền

với tốc độ thật chậm, để người đàn ông và anh thanh niên từ trên thuyền nhảy sang ca nô... Sau đó chiếc ca nô tăng tốc chạy tiếp đến chiếc thuyền kế tiếp...

Ngay khi chiếc ca nô đi khỏi, ông Đường liền hô to một tiếng. Người thợ máy liền cho nổ máy, cả thân thuyền rung lên dữ dội và con thuyền bắt đầu lao về phía trước, tiếp tục cuộc hành trình trực chỉ Hồng Kông.

Không khí trên thuyền lúc này rất phấn khởi, mọi người đều cười nói vui vẻ, khiến tôi có cảm tưởng như đi trải hội đúng hơn là vượt biển đi tỵ nạn. Vì chỉ còn có hơn một tiếng đồng hồ nữa là tới hải phận Hồng Kông nên hầu hết mọi người đều không ngủ, chuyện trò nôm như pháo rạn. Mấy anh em chúng tôi đều tươi cười, chỉ có Hùng con của anh Tiến thì buồn rười rượi. Thấy Hùng buồn bã như vậy, chúng tôi cũng chạnh lòng nghĩ đến anh Tiến. Anh Thu vỗ vai Hùng an ủi:

- Cháu cứ yên trí đi. Ba cháu sớm muộn gì cũng sẽ gặp cháu ở Mỹ.

Hùng mỉm cười gượng gạo, mặt buồn như mếu, thẫn thờ không nói. Tôi ngạc nhiên hỏi anh Thu:

- Anh Tiến chịu ở lại Trung Quốc để "trường kỳ kháng chiến" chống cộng sản Việt Nam cho đến thắng lợi cuối cùng, làm sao mà anh bảo anh ta có thể đi Mỹ được?

Anh Thu cười:

- "Trường kỳ kháng chiến" cái gì. Cậu cứ tin tôi đi, cái "chính phủ Việt Nam lâm thời" đó chỉ sống sót ba bảy hai một ngày thôi. Hai thằng cộng sản cùng điếm thối với nhau thì chúng có thù nhau mấy chạng nữa cũng chỉ là tạm thời. Cậu phải hiểu, về mưu trí thủ đoạn, thì thằng Tàu không tài nào qua mặt được thằng cộng sản Việt Nam. Nhưng về sức mạnh thì muôn năm thằng Việt cộng không bằng phần mười thằng Trung cộng. Đã vậy, hai thằng lại chung biên giới với nhau cả ngàn cây số, thì sớm muộn gì thằng cộng sản Việt Nam cũng là vệ tinh của thằng cộng sản Trung Quốc. Rồi cậu coi, lão Tiến trước sau gì cũng lại khăn gói vượt biển sang Hồng Kông tỵ nạn cho coi.

Lời nói của anh Thu lúc đó thật có lý. Nhưng khi ấy tôi lại tin tưởng anh Tiến sẽ làm được một cái gì trong "chính phủ Việt Nam lâm thời", chứ không khi nào anh Tiến lại cuốn gói đi tỵ nạn tiếp ở Hồng Kông như lời anh Thu nói. Vì vậy, tôi không đồng ý:

- Em thì em nghĩ anh Tiến giỏi tiếng Anh, tiếng Pháp, có kiến thức, có tham vọng chính trị, suy nghĩ chuyện gì cũng chín chắn, có trước có sau. Em nhớ anh ấy vẫn thường nói, đời thường cũng như chính trường, giống hệt như chơi cờ tướng... người cơ trí phải biết nghĩ trước hàng chục nước, để khi thắng thì biết tận lực khai thác thế thắng mạnh như chẻ tre, ồ ạt như nước lũ chảy về chỗ trũng; mà khi thua thì cũng có thể lui về thế thủ vững như núi.

Anh Thu cười:

- Cậu hiểu Tiến làm sao bằng tôi được. Tiến là người nói giỏi, gặp chuyện vừa vừa hạng trung thì hoàn thành xuất sắc. Nhưng đụng chuyện lớn sẽ gãy liền à. Cậu có biết Mã Tốc bị Khổng Minh chém đầu vì thua ở Nhại Đình không? Tiến cũng giống Mã Tốc ở chỗ đó...

Chuyện Mã Tốc bị chém đầu, ai đọc truyện Tam Quốc cũng đều biết. Nhưng so sánh anh Tiến với Mã Tốc thì tôi thấy không đúng. Tuy vậy, tôi lặng im không nói gì. Lúc đó tôi đâu có ngờ, mấy năm sau, quả nhiên "chính phủ Việt Nam lâm thời" do Trung Cộng nặn lên tan như bọt xà phòng, và anh Tiến đã vượt biển sang Hồng Kông xin tỵ nạn, sau đó, đoàn tụ với con của anh tại Mỹ.

5 năm trước, khi đọc một bài viết có bút hiệu Phạm Thái Lai của Sài Gòn Times trên Việt Báo Online, anh Tiến đã gọi điện thoại cho tòa soạn Sài Gòn Times. Khi đó anh em vui mừng nhận ra nhau, hàn huyên đủ thứ chuyện, và khi ấy tôi mới biết, anh Thu đã qua đời trước đó không lâu...

Sau khi chuyện trò về anh Tiến được một lúc, tôi thấy người hơi mệt, liền ngả mình nghỉ ngơi một chút.

Giữa lúc đang thiu thiu ngủ, bỗng tôi nghe có tiếng la:

- Hồng Kông, Hồng Kông, bà con ơi. Hồng Kông kia rồi....

Tôi giật mình ngồi dậy, dụi mắt, giữa tiếng xôn xao la hét, huyết sáo âm ỉ của mọi người trong thuyền.

Nhưng chỉ vài tích tắc sau, tôi ngạc nhiên khi thấy tất cả mọi người trong thuyền đều im lặng cùng nhìn về một hướng. Tôi đứng dậy bước ra mạn thuyền nhìn theo và trong lòng vui mừng khôn tả khi thấy cả thành phố Hồng Kông vô cùng tráng lệ, với những tòa nhà chọc trời rực rỡ ánh đèn muôn hồng nghìn tía đã hiện ra ở chân trời. Trời lúc đó hãy còn tối đen, mặt biển lại yên tĩnh phẳng lặng như gương, nên thành phố Hồng Kông tráng lệ soi mình trên mặt biển trông thật diễm tuyệt, không bút giấy nào tả xiết.

Giống như tất cả mọi người, tôi im lặng say sưa ngắm thành phố Hồng Kông, biểu tượng của tự do và thịnh vượng đang ngày càng lớn dần. Sau những phút im lặng chiêm ngưỡng, mọi người lại ồn ào bàn tán sôi nổi. Tuy lúc đó, không một ai biết tương lai của mình sẽ ra sao, nhưng ai cũng vui mừng tin tưởng, cuộc đời của mình sẽ đổi thay, trở nên tốt đẹp hơn. Riêng tôi, một người tù vượt ngục, đang bị cộng sản truy lùng, phải sống ngoài vòng pháp luật, thì nay đứng trước hình ảnh tráng lệ của thành phố Hồng Kông, tôi đã xúc động đến rơi lệ...

Khoảng nửa giờ trôi qua, trời bắt đầu hửng sáng và thành phố Hồng Kông cũng hiện ra càng ngày càng rõ. Chiếc thuyền của chúng tôi cũng vẫn tiếp tục rẽ sóng băng băng tiến về phía Hồng Kông. Ngó ra chung

quanh, tôi cũng thấy hai chiếc thuyền xa xa. Còn những chiếc thuyền khác thì quá xa, chỉ thấy những hình thù nhỏ xíu trên biển...

Thuyền của chúng tôi chạy tiếp được khoảng 15 phút thì bỗng nhiên mọi người la hét, xông xáo mà tôi không hiểu vì lý do gì. Còn đang ngạc nhiên thì ông Đường ào ào từ phía phòng lái ở phía sau chạy ra phía trước hối hả báo tin:

- Tàu tuần cảnh Hồng Kông!

Tôi giật mình nhìn ra, thì thấy không xa, một chiếc tàu sắt đang phẳng phẳng rẽ sóng lao tới. Trên tàu có quốc kỳ của Anh, của Hồng Kông và mấy loại cờ nữa không biết là cờ gì, cùng bay phấp phới. Không đầy mấy phút sau, tàu tuần cảnh Anh đã tiến đến gần thuyền của chúng tôi. Tiếng loa vọng lên rõ mồn một bằng tiếng Anh và tiếng Hoa:

- Chú ý! Chú ý! Đây là lực lượng tuần duyên Hồng Kông. Thuyền của quý vị đang xâm phạm trái phép hải phận Hồng Kông. Chúng tôi ra lệnh thuyền của quý vị dừng lại. Nếu trái lệnh, chúng tôi bắt buộc phải có hành động đối phó ngay lập tức. Chúng tôi xin nhắc lại, chúng tôi ra lệnh thuyền của quý vị dừng lại... Ông Đường chủ thuyền vội vã bảo tài công tắt máy. Lập tức tiếng máy im bật, chiếc thuyền khựng lại, nhưng vẫn trôi từ từ về phía trước theo quán tính. Tất cả mọi người trên thuyền cũng đều im lặng, gương mặt ai cũng có vẻ căng thẳng chờ đợi...

Chiếc tàu tuần cảnh cũng giảm tốc độ khi đến gần thuyền chúng tôi. Trên boong tàu tôi thấy có 4 người lính mặc đồ rằn ri, súng ống nài nịt gọn gàng, trông rất oai nghiêm. Tuy nhiên, nhìn sắc diện của họ tôi ngạc nhiên khi thấy họ không phải là người Hoa. Sau này tôi mới biết, đó là lực lượng lính đánh thuê người Hồi Quốc được chính phủ Anh thuê mượn làm nhiệm vụ bảo vệ ăn ninh trật tự cho Hồng Kông.

Một người cầm chiếc loa điện loại xách tay, hướng loa về phía thuyền chúng tôi nói:

- Chú ý! Chú ý! Đây là lực lượng tuần duyên Hồng Kông. Xin quý vị cho biết, thuyền của quý vị có phải là thuyền tỵ nạn đi từ Việt Nam?

Nghe hỏi vậy, chúng tôi rất ngạc nhiên. Nhiều người trên thuyền chúng tôi lập tức reo hò, vỗ tay ầm ĩ, thay cho câu trả lời. Thì ra, trong thời gian mấy năm qua, thuyền tỵ nạn Việt Nam đã lũ lượt đổ vào Hồng Kông, nên tất cả các lực lượng tuần cảnh Hồng Kông đều quá quen thuộc mỗi khi gặp những chiếc thuyền như thuyền của chúng tôi.

Người cầm loa lại nói:

- Chú ý! Chú ý! Đây là lực lượng tuần duyên Hồng Kông. Chúng tôi yêu cầu mọi người trên thuyền im lặng, và cử ra một người trả lời các câu hỏi của chúng tôi.

Trong chớp mắt, ông Đường chủ thuyền đã chỉ định một thanh niên lực lưỡng thay mặt mọi người. Người cầm loa nói tiếp:

- Chú ý! Chú ý! Đây là lực lượng tuần duyên Hồng Kông. Chúng tôi hỏi, quý vị trả lời. Nếu đúng, quý vị dơ tay phải. Nếu không đúng, quý vị dơ tay trái. Quý vị đã rõ chưa? Nếu rõ, dơ tay phải...

Người thanh niên nhanh chóng dơ tay phải.

- Thuyền của quý vị chở người tỵ nạn ra đi từ Việt Nam, có đúng vậy không?

Người thanh niên dơ tay phải.

- Trên thuyền của quý vị có bất cứ loại vũ khí nào không? Nếu có, dơ tay phải, nếu không dơ tay trái.

Người thanh niên dơ tay trái.

- Trên thuyền của quý vị có ai ốm đau, cần cấp cứu không? Nếu có dơ tay phải, nếu không dơ tay trái?

Người thanh niên vội dơ tay trái...

Cuộc đối đáp cứ như vậy diễn ra trong 10 phút đồng hồ. Sau đó, người cầm loa ra lệnh cho thuyền chúng tôi phải thu hồi tất cả mọi loại dao, kéo, bất kể dài ngắn, to nhỏ. Kế đến, người cầm loa đồng dục tuyên bố:

- Chú ý! Chú ý! Đây là lực lượng tuần duyên Hồng Kông. Thuyền của quý vị là thuyền chở người tỵ nạn nhận mình là tỵ nạn đi từ Việt Nam. Nhưng hiện tại, trong thời gian chờ đợi cứu xét tư cách tỵ nạn của quý vị, quý vị sẽ bị đối xử như là những người xâm nhập hải phận Hồng Kông bất hợp pháp. Bây giờ, quý vị cho thuyền đi theo tàu của chúng tôi đến nơi tập trung những thuyền xâm nhập trái phép hải phận Hồng Kông....

Sau đó, tàu tuần cảnh Hồng Kông chạy trước, thuyền của chúng tôi chạy theo sau, cùng tiến vô hải cảng Hồng Kông....

## KỶ 110

Thành phố Hồng Kông hiện ra ngày càng lớn và rõ, với tất cả vẻ sầm uất nhộn nhịp, khiến tất cả mọi người trên thuyền đều háo hức, nôn nao, xông xáo ầm ĩ, không bút nào tả xiết. Chúng tôi vui mừng và ngạc nhiên khi thấy tàu bè ra vô hải cảng Hồng Kông liên tục. Trên bầu trời thì phi cơ đủ loại của các hãng hàng không cất cánh và hạ cánh liên tục.

Khi chúng tôi thấy xe cộ chạy qua lại như mắc cửi trên đường phố Hồng Kông thì cũng là lúc thuyền của chúng tôi được hướng dẫn chạy vô một khu có đông đúc thuyền bè đủ loại của người tỵ nạn Việt Nam. Tôi ước lượng ở đó phải có khoảng 200 tới 300 chiếc thuyền. Xa xa trên mặt biển, về phía bên tay phải là một chiếc tàu sắt khổng lồ nằm nghiêng hẳn về một bên. Sau này tôi mới biết đó là tàu Thiên Vận (Skyluck), chuyên chở mấy ngàn người Việt tỵ nạn. Khi tàu cập bến Hồng Kông vào đầu tháng 2 năm 1979 thì bị từ chối, nên những người trên tàu đã đục tàu cho nước vô. Kết quả, chính quyền Hồng Kông bắt buộc phải để cho mọi người lên bờ, và cứu xét tư cách tỵ nạn. Nghe đâu tàu này đã rời Việt Nam vào ngày 24 tháng 1 năm 1979, trên đường đi tàu đã chuyển vàng sang tàu United Faith ngoài hải phận quốc tế trước khi nhập cảng Hồng Kông. Ngoài tàu Thiên Vận, chúng tôi còn thấy nhiều tàu sắt khác chở người tỵ nạn cũng nằm lác đác trên mặt biển, hoặc trên bãi cát. Riêng một chiếc tàu sắt loại trung bình thì vẫn buông neo ở biển, trên thuyền vẫn có đông đảo khoảng vài trăm người Việt. Phần đông những người này trông có vẻ trí thức, ăn mặc sang trọng, sống cách biệt với những người tỵ nạn ra đi từ các làng chài lưới ở Miền Bắc. Sau này tôi mới biết đó là chiếc tàu sắt chở người vượt biên đi từ Hà Nội, Hải Phòng.

Sau khi thuyền của chúng tôi thả neo xong, một chiếc ca nô chở một toán khoảng 10 cảnh sát Hồng Kông sắc phục chỉnh tề, súng ống gọn gàng, lên thuyền chúng tôi khám xét. Nhìn cảnh sát Hồng Kông chúng tôi phải công nhận họ ăn mặc rất đẹp, làm việc rất chuyên cần, cẩn thận và lịch sự nhưng rất kiên quyết. Sau một hồi lục lọi, kiểm tra tỷ mỉ, cuối cùng, cảnh sát Hồng Kông chỉ thu được có vài con dao nhỏ mũi nhọn, một chiếc giáo bằng tre đầu vót nhọn, và gần chục quả đấm sắt. Những quả đấm sắt này là loại vũ khí tự vệ được thanh niên Miền Bắc, nhất là ở Hải Phòng, Hà Nội hay sử dụng.

Khám xét xong, toán cảnh sát Hồng Kông yêu cầu thuyền chúng tôi cử ra ba người lên trên bờ làm việc. Lập tức ông Đường chủ thuyền cùng với anh Thu, người biết tiếng Anh, Pháp, có trình độ nhất trên thuyền, và anh Thịnh, một người rất tháo vát và biết chút ít tiếng Anh, đi theo toán cảnh sát xuống ca nô.

Khoảng 1 tiếng đồng hồ sau, ba người trở lại thuyền, và một cuộc họp quy tụ tất cả mọi người trên thuyền được tổ chức để nghe anh Thu trình bày bằng tiếng Việt và ông Đường dịch lại bằng tiếng Hoa. Mọi người ai cũng hí hửng và nôn nóng chờ đợi...

Mở đầu, anh Thu nói:

- Thưa quý ông bà, anh chị em. Ba anh em chúng tôi đại diện mọi người trên thuyền lên gặp chính quyền Hồng Kông thì họ cho biết, giống như tất cả những thuyền chở người tỵ nạn Việt Nam nhập cảnh Hồng Kông, thuyền của chúng ta cũng bị họ coi là nhập cảnh trái phép. Vì vậy, chúng ta có thể bị trục xuất khỏi lãnh thổ Hồng Kông, nếu chúng ta không được Liên Hiệp Quốc công nhận tư cách tỵ nạn...

Nghe đến đó, mọi người xôn xao hò hét, bàn tán. Không ai nghe ai cả. Mấy lần anh Thu dơ tay cho mọi người im lặng nhưng không được. Thấy vậy, anh Thịnh nhảy lên chiếc thùng gỗ nhỏ, vỗ tay thiết lớn, rồi quát lên bằng tiếng Hoa, mọi người mới im lặng dần.

Chờ thật yên lặng, anh Thu nói tiếp:

- Tôi yêu cầu mọi người trật tự lắng nghe tôi nói xong. Sau đó ai có ý kiến gì thì dơ tay...

Một hai người dơ tay muốn nói, anh Thu xua tay:

- Chờ tôi nói xong đã, quý vị hãy dơ tay. Như tôi đã nói, Liên Hiệp Quốc sẽ cứu xét tư cách tỵ nạn của chúng ta. Nếu được, chúng ta sẽ được lên bờ vô trại tỵ nạn ở, chờ các quốc gia khác phỏng vấn rồi đón nhận. Còn những ai không được Liên Hiệp Quốc công nhận là người tỵ nạn thì họ phải bị tống vô trại giam chờ trục xuất. Tuy nhiên, xin mọi người đừng lo, vì đó chỉ là thủ tục hành chánh... Cho đến nay, hầu hết những ai đi tỵ nạn bằng thuyền khi cập bến Hồng Kông đều được Liên Hiệp Quốc công nhận ngay tư cách tỵ nạn.

Mọi người ồ lên vỗ tay hoan hô rầm trời. Tiếng la ó, hò hét ầm ĩ... Chờ một lúc lâu, mọi người yên lặng trở lại, anh Thu mới nói về những đòi hỏi của chính quyền Hồng Kông và Liên Hiệp Quốc về trật tự, an ninh, kỷ luật... Sau đó, anh cho biết, việc đầu tiên chúng tôi phải làm là kê khai họ tên, ngày tháng năm sanh, nơi sinh, quê quán, họ tên thân nhân và địa chỉ của thân nhân hiện đang ở ngoại quốc, cùng lý do vượt biên tỵ nạn... Chúng tôi cũng phải bầu ra một nhóm "hòa thực" chuyên lo đi lấy cơm nước, thực phẩm (đường, sữa, mì gói, cá hộp...) và hoa quả của nhà thầu rồi đem về thuyền chia đều cho mọi người.

Ngay trưa hôm đó, chúng tôi được ăn bữa cơm đầu tiên do "đầu bếp Hồng Kông" nấu. Cơm trắng, ăn thoải mái. Thức ăn thì ba món đàng hoàng, toàn với thịt gà. Món mặn là thịt gà kho, rồi giá xào với lòng gà, và canh bí nấu với xương gà. Ăn xong có tráng miệng bằng trái cây, nho cam táo. Đang sống thiếu thốn ở Việt Nam và Trung Quốc, nay được ăn như vậy, chúng tôi đều vui mừng nghĩ mình thật là đế vương. Lúc đó, chúng tôi đâu có ngờ, trong suốt thời gian sau đó, chúng tôi cứ phải ăn hoài ba món đó. Chúng tôi ăn nhiều đến độ phát khiếp mỗi khi nghĩ thấy mùi thịt gà là rùng mình, nghẹn họng, nuốt cái gì cũng không vô. Nhiều người phải xin muối để ăn với cơm chứ ăn thịt gà thì nuốt cơm không vô. Lý do khiến chúng tôi phải ăn thịt gà, nhất là lòng gà, vì những thứ này là đồ phế thải không phải trả tiền, nhà thầu lấy từ các xưởng làm thịt gà khổng lồ trên đất Hồng Kông.

Chiều hôm đó, ăn cơm xong, chúng tôi ghi tên tuổi của mình trên những tờ giấy đã in sẵn, kẻ thành từng cột. Như tôi đã kể cùng các bạn, trong thời gian vượt ngục và vượt biên, tôi phải dùng nhiều giấy tờ giả với tên giả khác nhau. Khi sang đến Trung Quốc, một nước theo chế độ cộng sản, cộng với những lo ngại có gián điệp của cộng sản Việt Nam trà trộn, nên tôi đã chọn tên Phạm Thái Lai. Nay được đặt chân lên Hồng Kông, tôi thấy cần phải khai tên thật của mình, vì mấy lẽ. Lẽ đầu tiên là ở Hồng Kông, vùng đất của tự do, tôi không còn lo sợ như ở Trung Quốc. Điều thứ hai là một khi khai tên thật, hồ sơ bảo lãnh của tôi cùng giấy tờ căn cước trước 1975 ở Miền Nam cũng như Miền Bắc sẽ hoàn toàn ăn khớp. Thêm vào đó, tôi nghĩ, đây là cơ hội cuối cùng cho tôi được lấy lại tên thật một cách dễ dàng, thoải mái. Tương lai, sau khi đến được quốc gia đệ tam, nếu tôi muốn lấy lại tên thật sẽ khó khăn, phức tạp hơn. Nhưng tôi không ngờ, việc tôi khai tên thật lại tạo khó khăn cho tôi ngay giờ phút đầu tiên ở Hồng Kông.

Khi tôi bước đến cạnh chiếc bàn nhỏ nơi anh Thu đang ghi chép tên của mọi người để khai tên Nguyễn Hữu Chí, mọi người đều ngạc nhiên trở mắt nhìn tôi, nhất là ông Đường, anh Thu và anh Thịnh. Anh Thu đang ghi tên, vội bỏ kính xuống nhìn tôi, hỏi giọng ngạc nhiên:

- Cậu tên là Phạm Thái Lai sao bây giờ khai Nguyễn Hữu Chí?

Tôi bình tĩnh phân bua ngắn gọn:

- Em tên thật là Nguyễn Hữu Chí. Đi vượt biên dùng giấy tờ giả nên phải ghi tên giả là Phạm Thái Lai.

Anh Thu lắc đầu:

- Sao suốt thời gian gặp tôi ở Trung Cộng, cậu không nói? Bộ cậu không tin tụi tôi sao?

Tôi chậm rãi nói:

- Không phải em không tin các anh. Nhưng ở đó em đâu có tin Trung Cộng. Hơn nữa, khi đó người Việt đầy rẫy, lỡ có tụi gián điệp Việt cộng trà trộn thì sao.

- Cậu nói vậy thì tôi tin. Nhưng cậu từ Trung Quốc đi với tên Phạm Thái Lai, bây giờ lại khai là Nguyễn Hữu Chí thì đâu có được. - Quay qua ông Đường, anh Thu hỏi - Tôi nói vậy có phải không ông chủ thuyền?

Ông Đường không nhìn tôi, nhưng gật đầu:

- Dạ bác Miền Nam nói như vậy rất đúng...

Anh Thịnh cũng ngọt ngào đỡ lời:

- A Lòi nên ghi tên Phạm Thái Lai đi cho xuôi chèo mát mái cho cả thuyền. Khai tên khác là cả thuyền bị lòi thối. Lỡ ra là họ trục xuất tất cả về Việt Nam thì khổ...

Tôi cương quyết nói:

- Tôi thì tôi nghĩ khi mình rời khỏi Trung Quốc, chẳng có một giấy tờ nào ghi tên tôi là Phạm Thái Lai. Trong người tôi bây giờ cũng chẳng có giấy tờ gì chứng tỏ tôi là Phạm Thái Lai. Như vậy bây giờ tôi muốn khai tên gì chả được...

Ông Đường lắc đầu:

- Nỉ nói vậy là không đúng đâu ló. Tuy mình không có giấy tờ gì nhưng trong thuyền này ai cũng biết nỉ là Phạm Thái Lai. Bây giờ nỉ khai là Nguyễn Hữu Chí, lỡ có người trong thuyền họ móc với chính quyền thì có phải rắc rối cho nỉ không nào.

Thấy mọi người đều phản đối như vậy, tôi càng cương quyết hơn:

- Tên thật của tôi là Nguyễn Hữu Chí. Tôi dùng tên giả để vượt biên. Bây giờ tôi muốn khai lại tên thật, tại sao quý vị lại phản đối? Tôi khai tên gì, tôi sẽ chịu trách nhiệm với tên đó. Ai không đồng ý với tôi, cứ việc báo cho chính quyền họ biết.

Anh Thu nhẹ nhàng:

- Vẫn biết là cậu khai tên gì thì cậu phải chịu trách nhiệm. Nhưng nếu cậu không cân nhắc kỹ lưỡng, việc cậu làm sẽ ảnh hưởng đến cả thuyền.

Anh Thịnh cũng nói thêm vô:

- Thôi thì bây giờ a Lòi cứ khai tên Phạm Thái Lai đi, để cả thuyền được chấp nhận tư cách tỵ nạn đã. Sau đó, a Lòi muốn khai lại tên cũng đâu có khó.

Tôi lắc đầu:

- Tôi không thể nào khai tên giả được. Tên giả chỉ dùng trong chế độ cộng sản. Còn ở đây, tự do dân chủ, tại sao tôi phải tiếp tục dùng tên giả. Vả lại, quý vị đã nghe anh Thu nói rồi đó, ngay dưới bản kê khai tên tuổi này cũng đã ghi rõ dòng chữ Hoa, Anh, là ai man khai sẽ bị tước bỏ tư cách tỵ nạn. Như vậy tại sao quý vị lại cứ buộc tôi phải khai gian là thế nào.

Ông Đường và anh Thu nhìn nhau hỏi ý. Cuối cùng anh Thu đeo kính nói, giọng lạnh lùng:

- Rồi, nếu cậu đã muốn vậy thì tôi ghi xuống đây là Nguyễn Hữu Chí...

Tôi nói gọn:

- Cảm ơn anh.

Ông Đường xen vô:

- Nếu a Lỗi đã nhất quyết như vậy thì bác Miền Nam cứ ghi tên gì mà anh ấy muốn. Nhưng chúng tôi bắt buộc phải có bản phàn trình với nhà chức trách đầu đuôi nội vụ.

Tôi suy nghĩ một thoáng rồi nói:

- Tôi không phản đối điều đó. Ông cứ việc báo cáo, làm tròn bổn phận của ông, rồi tôi sẽ lên gặp họ trình bày đầu đuôi. Tôi có đủ bằng chứng và giấy tờ để chứng minh với họ tên thật của tôi.

Anh Thịnh ngạc nhiên:

- Giấy tờ của anh đâu?

- Giấy tờ của tôi hiện ở Úc. Tôi đã gửi cho thân nhân của tôi từ khi tôi còn ở Việt Nam, trước khi tôi vượt biên...

Ngay chiều hôm đó, phái đoàn đại diện thuyền chúng tôi gồm anh Thu, ông Đường và anh Thịnh lại lên bờ nộp danh sách các thuyền nhân. Tôi đoán là phái đoàn ba vị đã báo cáo tình trạng tên thật tên giả của tôi. Quả nhiên, khoảng hai tiếng đồng hồ sau, một chiếc ca nô ghé thuyền tôi và tôi được lệnh theo họ lên bờ. Tới bờ, một người cảnh sát sắc phục nói tiếng Việt rất sõi, dắt tôi vô một căn phòng trong dãy nhà tiền chế chạy dài. Trong phòng chỉ có hai người. Một ông người Hồng Kông mặc đồ cảnh sát, tướng tá bệ vệ, tuổi ngoài 50, ngồi sau chiếc bàn rộng bằng gỗ đen như mun. Đằng sau là hình Nữ Hoàng phóng to, choán cả bức tường. Ngồi bên tay phải của ông là một phụ nữ xinh đẹp, gương mặt tươi sáng, phúc hậu, tuổi khoảng trên dưới 25, mặc y phục người Hoa, nói tiếng Việt rất sõi làm thông ngôn.

Người đàn ông lịch sự mời tôi ngồi, rồi mời tôi uống nước. Sau đó, người phụ nữ lên tiếng, giọng Miền Nam ngọt ngào, lịch sự:

- Trước hết tôi xin giới thiệu với anh Chí, đây là Trần tiên sinh, trưởng phòng giám cảnh, đặc trách việc kiểm soát các thuyền nhân khi nhập cảnh Hồng Kông. Còn tôi tên là Hoa, đảm trách việc thông ngôn ở đây. Hôm nay Trần tiên sinh mời anh lên đây để được nghe anh giải thích lý do vì sao anh lại đổi tên từ Phạm Thái Lai thành Nguyễn Hữu Chí.

Chỉ tay vào chiếc máy ghi âm, cô Hoa tiếp lời:

- Để bảo đảm những lời giải thích của anh và việc dịch thuật của tôi được chính xác, chúng tôi phải ghi âm toàn bộ buổi nói chuyện hôm nay.

Một cách ngắn gọn, tôi trình bày tên thật của tôi là gì, vì sao tôi mang tên Phạm Thái Lai, và những nguyên nhân nào khiến tôi quyết định lấy tên thật trở lại. Trong khi tôi nói, cô Hoa vừa ghi âm, vừa ghi chép. Sau khi tôi giải thích xong, cô quay sang phía Trần tiên sinh, rồi vừa nhìn vào trang giấy, vừa nói lại bằng tiếng Hoa. Trần tiên sinh nghe xong, liền nói lại bằng tiếng Hoa khoảng 5 phút đồng hồ. Cô Hoa cặm cụi ghi chép, xong quay sang hỏi tôi:

- Tên Nguyễn Hữu Chí là tên cha mẹ anh đặt từ khi nào?

Tôi đáp:

- Từ khi mới đẻ. Đó cũng là tên trong giấy khai sanh của tôi.

Cô Hoa hỏi tiếp:

- Anh có giấy khai sanh đó không?

Tôi gật đầu:

- Giấy khai sanh thì tôi không có. Nhưng tôi có bản tuyên thệ xin giấy thể vì khai sanh và giấy thể vì khai sanh do phường Phú Nhuận, tỉnh Gia Định cấp vào năm 1972. Giấy đó hiện không có ở đây, nhưng tôi có thể yêu cầu người nhà gửi tới đây trong vòng hai tuần lễ.

Câu chuyện đến đây trở nên phức tạp, và tôi phải dài dòng kể lại lý do vì sao tôi phải làm giấy tuyên thệ để xin giấy thể vì khai sanh ở trong Nam thay vì ở ngoài Bắc. Rồi tôi phải giải thích tôi mang tên Phạm Thái Lai từ khi nào. Ngoài tên Phạm Thái Lai, tôi còn dùng những tên giả nào khác. Thân nhân của tôi ở ngoại quốc là những ai, ở đâu, làm gì, họ có biết tên thật của tôi hay không...

## KỶ 111

Sau buổi làm việc về tên thật tên giả, tôi cũng vô cùng lo lắng không biết mình có gặp trở ngại gì không. Về thuyền, ngồi nghe anh Thu, anh Thịnh và một số người phàn nàn, bàn ra tán vào, tôi càng thêm hối hận, nghĩ bụng, biết vậy, tôi cứ khai tên Phạm Thái Lai thì lại đỡ rắc rối. Nhưng rồi mọi lo ngại của tôi cũng trôi qua, sau khi tôi nhận được giấy tờ của gia đình gửi qua. Và đó là lần duy nhất ban an ninh trại tỵ nạn Hồng Kông thăm vấn tôi về tên thật tên giả.

Trong những ngày sống trên thuyền chờ đợi được lên bờ, chúng tôi nhìn quang cảnh thành phố Hồng Kông, ai cũng ham. Nhất là nhìn cảnh Hồng Kông về đêm, rực rỡ muôn hồng nghìn tía trong muôn vạn ánh đèn màu, chúng tôi ai cũng khao khát được đặt chân lên đường phố Hồng Kông, được hút một điếu thuốc thơm, được ăn một tô phở,... trong một tiệm ăn nào đó. Sau mấy đêm khao khát, bàn hươu tán vượn, một đêm nọ, Hải, Cường và Tuấn là những người bơi giỏi, rủ tôi cùng bơi vào Hồng Kông. Cả ba đều là người

Việt gốc Hoa, nói tiếng Quảng rất giỏi, Hải lại có mấy ngàn đồng tiền Hồng Kông, nên chuyến "đột kích" của chúng tôi trót lọt.

Khoảng cách từ thuyền đến bờ chỉ độ nửa cây số, nên chúng tôi bị bơm bơi độ khoảng nửa tiếng là tới bờ. Lên bờ, cả ba đều ướt như chuột, quần áo lồi thối lếch thếch, trông chẳng giống ai. Vậy mà khi chúng tôi ghé vô một quán nhỏ bên đường, trong quán có mấy thực khách, những chẳng một ai thèm để ý. Đúng là xã hội tự do, chẳng ai phải theo dõi ai hay dè chừng ai. Sau khi ăn uống no say, Hải mua mấy cây thuốc lá, bọc kín trong chiếc túi plastic để mang về thuyền, bán lại bằng tiền đô hoặc đổi bằng vàng. Sau này, khi lên trại ty nạn, tôi càng khâm phục khả năng buôn bán tháo vát của Hải. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, ở bất cứ môi trường nào, kể cả tù tội, Hải đều có tiền, có hàng cho bất cứ ai cần, để rồi qua đó, Hải luôn luôn kiếm được những món tiền lời kékch xù.

Chúng tôi ở trên thuyền được khoảng 3 tuần lễ thì được lên bờ, lần lượt lên xe về trại ty nạn Kai Tak North. Trại ty nạn này nằm ngay cạnh phi trường Kai Tak nên chúng tôi thường xuyên nhìn thấy phi cơ lên xuống tấp nập, xe cộ ra vào phi trường như mắc cửi. Chỉ nhìn số lượng phi cơ lên xuống, ai cũng thấy nền kinh tế vô cùng trù phú của Hồng Kông. Anh Thịnh, người Hải Phòng có cái thú, mỗi buổi sáng, ngồi hút thuốc lào rồi đếm phi cơ lên xuống. Lâu lâu, anh lại vỗ đùi reo lên, "Mẹ tụi tư bản giỏi thiệt. Phi cơ ở Hồng Kông còn nhiều hơn xe hơi ở Hà Nội!"

Trại ty nạn Kai Tak North có hàng chục dãy nhà tiền chế, trong mỗi nhà có hai dãy giường 3 tầng bằng sắt chạy dài có thể chứa được cả một, hai trăm người. Mặt giường bằng gỗ ép, mỏng nhưng rất cứng và rộng rãi, có thể nằm 2 người thoải mái. Cơm nước có nhà thầu lo. Chúng tôi cứ mười người một nhóm, phân công nhau đi lấy cơm, thức ăn về chia nhau ăn. Cơm thì thoải mái, nhưng thức ăn thì ăn đi ăn lại toàn lòng gà xào rá, nên ai cũng ngán. Đối với những người có tiền thì mua thức ăn, nấu nướng thoải mái vì, mỗi nhà tiền chế đều có khu nấu nướng ở ngay bên hông. Ngoài ra, hàng quán mọc lên như nấm dọc theo các dãy nhà, bán đủ các loại quà bánh, món ăn, với đủ hương vị, Việt Hoa, Bắc Trung Nam...

Thời gian đầu, chúng tôi sống như những người tù bị giam lỏng. Toàn trại Kai Tak North được rào kín bằng dây kẽm gai. Tuy nhiên, cảnh sát Hồng Kông canh phòng lơ là, nên chúng tôi vẫn ra ngoài đi chơi, ăn uống, xem phim, hoặc mua bán đồ ăn, thức uống đem vô.

Khoảng hơn tháng sau, chúng tôi được quyền đi làm kiếm thêm tiền, trong khi Liên Hiệp Quốc vẫn nuôi ăn ở với số tiền tài trợ y như cũ. Tôi đoán, thời gian đó, nhu cầu cần thợ của các hãng xưởng ở Hồng Kông lên rất cao, nên Cao Ủy Ty Nạn LHQ và chính quyền Hồng Kông đã chấp thuận cho chúng tôi đi làm.

Tôi nhớ, mỗi buổi sáng, ai muốn đi làm, cứ ra cổng trại đứng, xe của các hãng xưởng đổ đến, đón người đi làm, chở tới tận hãng, đến chiều lại chở về tận cổng trại. Có những hãng xưởng trả tiền công ngay trong ngày, làm ngày nào lãnh tiền ngày đó. Hôm nay làm hãng này, không thích, mai chọn hãng khác, tha hồ. Có những hãng xưởng trả lương tuần, làm tuần nào trả lương tuần đó, không giữ lại một ngày nào. Tuần này làm hãng này, tuần sau nghe bạn bè rủ rê lại đi hãng khác làm. Ở Hồng Kông còn có một cái thú nữa là gọi điện thoại local thoải mái, không phải trả tiền, mà điện thoại thì có khắp mọi nơi.

Khi được phép đi làm, tôi rất mừng. Vì hoàn cảnh của tôi đã vượt ngục vượt biên, lại không có tiền bạc gì, nên trên suốt chặng đường đào tẩu luôn luôn được sự giúp đỡ của thân nhân, bạn bè và cả những người không hề quen biết. Tất cả những người đó đều nghèo túng, cực khổ, nên khi được những người đó bắt cháp nguy hiểm, giúp đỡ, tôi vô cùng cảm động, lúc nào cũng tâm tâm niệm niệm, một khi ra nước ngoài, có điều kiện đi làm là sẽ làm ngày làm đêm để kiếm tiền gửi về, đền đáp phần nào những ân sâu nghĩa nặng mà tôi đã may mắn được hưởng.

Công việc đầu tiên của tôi là vác những bao xi măng 50 kí lô từ dưới đất lên những cao ốc. Chủ nhân cứ tính bao trả tiền. Vác được bao nào lên, chủ trả tiền ngay bao đó. Vác 50 kí lô leo lên một tầng lầu tôi đã thấy bờ hơi tai, chân tay lầy lầy, chỉ muốn té. Vậy mà ngày đầu tiên tôi phải vác lên đến tận tầng 12! Vác lên đến tầng 4, tôi đứng thở dốc, chỉ muốn xỉu, nhưng nghĩ đến những người thân yêu, những ân nhân đang khốn khổ ở quê nhà, tôi cắn răng leo tiếp. Ngày đầu tiên, cả 8 tiếng đồng hồ, tôi vác được có 3 bao. Ngày thứ hai, thể thảm hơn, chân tay, xương cốt đau nhức, tôi vác được có 2 bao. Sang ngày thứ ba cũng vậy. Đến ngày thứ năm, khá hơn, tôi vác được 3 bao như ngày đầu. Ngày tiếp theo tôi vác được 4 bao. Từ đó, tôi tự đặt kỷ lục, mỗi ngày phải vác tăng hơn ngày trước một bao. Đến ngày thứ 15, tôi vác ngon lành, 12 bao! Nhanh hơn cả công nhân Hồng Kông tới 4 bao.

Giữa lúc đang tính cố gắng đến cuối tháng sẽ vác nhiều gấp đôi người khác, thì Cường rủ tôi đi làm cho một hãng chuyên lắp ráp Radio Cassette Players cho xe hơi. Cho đến bây giờ tôi vẫn còn biết ơn sự giúp đỡ của Cường, vì nếu khi đó không có Cường, chắc tôi vẫn tiếp tục làm nghề vác xi măng suốt mấy tháng ở Hồng Kông và xương sống tôi sẽ gầy giống như Huấn "lé" và Hải "mập".

Cường người Đà Lạt, cao ráo, có bề ngoài nho nhã, thư sinh, nhưng cởi áo ra thì bắp thịt chỗ nào cũng cuộn cuộn, trông hết như kiến càn. Cường chơi thể thao thường xuyên, nhất là nhảy dây, chơi xà, hít đất bằng một tay ngon lành,... nên Cường rất nhanh nhẹn và can đảm. Chính mắt tôi đã thấy có lần Cường đang ngồi đánh cờ với tôi ở trên trên chiếc giường trên cùng, bỗng nhiên cả người Cường như một thỏi



cao su, bật lên cao, tay bám vào xà ngang bằng thép, rồi bay sang chiếc giường cách đó hơn chục thước, can một vụ ầu đã giữa mấy tay du đấng.

Cường nói tiếng Hoa, Anh, Pháp giỏi, nên quen với Trần "sến sảng" và được làm ở ban trật tự, chuyên tuyển người khỏe mạnh đi làm ở các hãng xưởng ở Hồng Kông. Nhờ có Cường giới thiệu, tôi được vô làm hãng lắp ráp Radio Cassette Players. Làm ở đây lương cao, lãnh lương tuần và công việc làm dây chuyền thoải mái, nhưng đòi hỏi phải nhanh tay, lẹ mắt.

Phòng làm việc của tôi có khoảng 20 người, phần đông là phụ nữ. Chúng tôi ngồi quây quần quanh một chiếc bàn dài 15 thước, người nào làm phần việc của người đó. Đầu tiên, lấy sản phẩm được người bên trái làm xong đã đặt sẵn ở trên bàn, rồi lắp những bộ phận mà chủ đòi hỏi. Làm xong, đặt sản phẩm của mình sang bên phải để người bên phải lắp tiếp những bộ phận khác, rồi mình lấy tiếp sản phẩm khác ở bên tay trái... Cứ như vậy cho đến hết ngày.

Phần mới được làm quen với đời sống kỹ nghệ, phần sung sướng khỏi phải mang vác nặng leo cầu thang, phần nghĩ đến người thân hạnh phúc khi nhận được sự giúp đỡ, nên tôi làm việc rất tích cực và rất chịu khó. Lúc đầu, mỗi khi lắp các con ốc vào chiếc Radio Cassette Players, nếu không khéo, ốc xiết quá đà, tay tôi sẽ bị chảy máu. Còn nếu ốc xiết không chặt, phải tháo ra xiết lại cho đủ vòng. Làm chậm, số máy bên tay trái của mình sẽ ùn lên thành đống trong khi người bên phải không có máy làm phải ngồi chờ. Khi đó, đã lúng túng lại càng thêm lúng túng. Nhưng sau mấy ngày chịu khó ở lại tình nguyện làm thêm giờ cho quen việc mà không lấy tiền công, tôi quen việc nên làm nhanh dần. Cho đến khi phải nghỉ hãng để lên đường đi Úc, tôi đã làm nhanh đến độ kiêm luôn việc của cả người bên trái lẫn người bên phải, nên chủ hãng rất thích. Nhờ chịu khó làm việc như vậy, nên khi chia tay, ban giám đốc hãng đã trao cho tôi một giấy giới thiệu rất tốt, giúp tôi khi tới Úc kiếm được việc làm rất nhanh chóng.

\* \* \*

Sau thời gian khoảng 6 tháng ở Hồng Kông, làm việc kiếm tiền và mua được gần chục thùng đồ gửi về Việt Nam, tôi được gia đình bà chị ở Úc bảo lãnh và được lên đường sang Úc vào đúng mùa Giáng Sinh năm 1979.... Như vậy là sau 8 năm trôi, kể từ khi rời động Ông Đô, phía tây thị xã Quảng Trị, bắt đầu chuyến đi "Tìm Tự Do", cuối cùng tôi đã thực sự đặt chân đến nước Úc tự do. Trên chặng đường đi tìm tự do đó, tôi cũng đã thực sự được tự do gần 4 năm ở trên đất Miền Nam, trước khi bị mất tự do sau ngày 30-4-75. Bốn năm đó tuy ngắn ngủi, nhưng đã giúp tôi thấy được xã hội Miền Nam tự do, dân chủ như thế nào, cuộc sống của người dân Miền Nam hạnh phúc ra sao. Vẫn biết, người dân Miền Nam được sinh ra và lớn lên trong xã hội Miền Nam vẫn ngày đêm than vãn, không hề thỏa mãn với tự do dân chủ của Miền Nam, để rồi trong đó có những người vì ngây thơ, đứng núi này trông núi nọ, chạy theo bánh vẽ tự do dân chủ do cộng sản nặn ra, đã vô bưng theo cộng sản, hoặc nằm vùng cho cộng sản; nhưng bản thân tôi nhờ sinh ra và lớn lên trong chế độ cộng sản, nên tôi hiểu, tự do dân chủ của Miền Nam quả thật là thiên đường cho những người như tôi.

Trải qua những năm tháng sống ở Miền Nam, điều tôi thấy thiêng liêng và cao quý chính là tấm lòng đôn hậu, chất phác, nhân ái chan hoà của người dân Miền Nam, dù là người Miền Trung, Miền Nam hay Miền Bắc. Thể chế chính trị và văn hóa xã hội của Miền Nam thời trước 1975 đã để lại cho người dân Miền Nam những giá trị nhân bản vô cùng cao quý, khiến người Miền Nam biết yêu thương đùm bọc nhau, nhường cơm xẻ áo cho nhau, sẵn sàng cứu giúp những người khổ khó, cô quả, những kẻ hoạn nạn.

Cũng trong những tháng năm sống ở Miền Nam, và sau này sống ở Úc, càng sống tôi càng thấy xót xa thương cảm cho những người thân yêu của tôi, những bằng hữu của tôi, những ân nhân của tôi... phải sống lay lắt, tàn lụi trong đói khổ, đau đớn thiếu thốn trăm bề trên đất Miền Bắc. Nhưng thâm hơn cả những đau đớn đói khổ thiếu thốn về vật chất, người dân Miền Bắc sống trong chế độ cộng sản, còn phải chịu đựng những cực hình về tinh thần, những dằn vặt về tinh cảm, những chà đạp về nhân phẩm, khiến tình bằng hữu, nghĩa gia đình bị thui chột, và tất cả những gì được coi là đạo đức, luân lý, lễ giáo, đức tin... trong xã hội Miền Bắc, đều chỉ có thể tồn tại một cách thoi thóp, leo lét, trong sự che giấu và sợ hãi, hoặc chỉ có thể tồn tại trong lương tâm của những tù nhân chìm ngập trong vòng lao lý của cộng sản. (Đón coi tiếp "Phần 2: Vì Tự Do Tôi Tranh Đấu!" sẽ đăng trong tương lai gần)



*Tôi và bà xã, duyên số được gặp nhau ở trại tỵ nạn Hồng Kông và cùng chung chuyến bay sang Úc. Suốt mấy chục năm chung sống, Dung đã chịu đựng không biết bao nhiêu khó khăn, vất vả để giúp tôi làm báo. Ảnh chụp năm 2010.*



*Em gái anh Dzoãn Bình - một người phụ nữ phước hậu, có tấm lòng bao dung, tốt bụng, luôn giúp đỡ những người gặp khó khăn - và tôi chụp tại Bankstown, Sydney, Australia năm 2010.*



*Mộ Thầy, mất ngày 10 tháng 4 năm 1974.*



*Gia đình bà Nghĩa, “Ngũ Long Công Chúa”, gốc Huế, sau về Nha Trang, đã bất chấp nguy hiểm, cưu mang tôi trên đường tôi vượt ngục và vượt biên.*



*Con trai và con dâu trong ngày cưới. Hiện đã có 2 cháu trai và gái.*